CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CÔNG BÁO
SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP
TẬP B

INDUSTRIAL PROPERTY
OFFICIAL GAZZETE
VOLUME A

8-2011
281

HÀ NỘI

MÃ SỐ HAI CHỮ CÁI THỂ HIỆN TÊN NƯỚC VÀ CÁC THỰC THỂ KHÁC TRONG CÁC TƯ LIỆU SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP THEO TIÊU CHUẨN ST3 CỦA WIPO

AE	United Arab Emirates	CN	China	HK	Hong Kong
AF	Afganistan	CO	Colombia	HN	Honduras
AG	Antihua and Barbuda	CR	Costa Rica	HR	Croatia
AI	Anguilla	CU	Cuba	HT	Haiti
AL	Albania	CV	Cape Verde	HU	Hungary
AN	Netherlands Antilles	CY	Cyprus	ID	Indonesia
AO	Angola	CZ	Czech Republic	IE	Ireland
AR	Argentina	DE	Germany	IL	Israel
AT	Austria	DJ	Djibouti	IN	India
AU	Australia	DK	Denmark	IQ	Iraq
AW	Aruba	DM	Dominica	IR	Iran (Islamic Republic of)
BB	Barbados	DO	Dominican Republic	IS	Iceland
BD	Bangladesh	DZ	Algeria	IT	Italy
BE	Belgium	EC	Ecuador	JM	Jamaica
BF	Burkina Faso	EE	Estonia	JO	Jordan
BG	Bulgaria	EG	Egypt	JP	Japan
BH	Bahrain	ES	Spain	KE	Kenya
BI	Burundi	ET	Ethiopia	KH	Cambodia
BJ	Benin	FI	Finland	KI	Kiribati
BM	Bermuda	FJ	Fiji	KM	Comoros
BN	Brunei Darussalam	FK	Falkand Islands (Malvinas)	KN	Saint Kitts and Nevis
BO	Bolivia	FR	France	KP	Democratic People's Republic of Korea
BR	Brazil	GA	Gabon	KR	Republic of Korea
BS	Bahamas	GB	United Kingdom	KW	Kuwait
BT	Bhutan	GD	Grenada	KY	Cayman Islands
BW	Botswana	GE	Georgia	KZ	Kazakhstan
BY	Belarus	GH	Ghana	LA	Laos
BZ	Belize	GI	Gibraltar	LB	Lebanon
CA	Canada	GM	Gambia	LC	Saint Lucia
CF	Central African Republic	GN	Guinea	LI	Liechtenstein
CG	Congo	GQ	Equatorial Guinea	LK	SriLanka
CH	Switzerland	GR	Greece	LR	Liberia
CI	Cụte d'Ivoire	GT	Guatemala	LS	Lesotho
CL	Chile	GW	Guinea-Bissau	LT	Lithuania
CM	Cameroon	GY	Guyana	TC	Turk and Caicos Islands
LU	Luxembourg	PA	Panama	TD	Chad
LV	Latvia	PE	Peru	TG	Togo
LY	Lybya	PG	Papua New Guinea	TH	Thailand
MA	Morocco	PH	Philippines	TN	Tunisia

MC	Monaco	PK	Pakistan	TO	Tonga
MD	Republic of Moldova	PL	Poland	TR	Turkey
MG	Madagascar	PT	Portugal	TT	Trinidad and Tobago
ML	Mali	PY	Paraguay	TV	Tuvalu
MM	Myanmar	QA	Qatar	TW	Taiwan, Province of China
MN	Mongolia	RO	Rumania	TZ	United Republic of Tanzania
MO	Macau	RU	Russian Federation	UA	Ukraine
MR	Mauritania	RW	Rwanda	UG	Uganda
MS	Montserrat	SA	Saudi Arabia	US	United States of America
MT	Malta	SB	Solomon Islands	UY	Uruguay
MU	Mauritius	SC	Seychelles	UZ	Uzbekistan
MV	Maldives	SD	Sudan	VA	Holy see
MW	Malawi	SE	Sweden	VC	Saint Vincent and the Grenadines
MX	Mexico	SG	Singapore	VE	Venezuela
MY	Malaysia	SH	Saint Helena	VG	Virgin Islands (British)
MZ	Mozambique	SL	Slovenia	VN	Vietnam
NA	Namibia	SK	Slovakia	VU	Vanuatu
NE	Niger	SL	Sierra Leone	WS	Samoa
NG	Nigeria	SM	San Marino	YE	Yemen
NJ	Nicaragua	SN	Senegal	YU	Yugoslavia
NL	Netherlands	SO	Somalia	ZA	South Africa
NO	Norway	SR	Suriname	ZM	Zambia
NP	Nepal	ST	Sao Tome and Principe	ZR	Zaire
NR	Nauru	SV	El Sanvador	ZW	Zimbabwe
NZ	New Zealand	SY	Syria		
OM	Oman	SZ	Swaziland		

CÁC TỔ CHỨC QUỐC TẾ

AO	African Intellectual Property Organization (OAPI)
AP	African Regional Industrial Property Organization (ARIPO)
BX	Benelux Trademark Office and Benelux Designs Office
EP	European Patent Office (EPO)
IB, WO	International Bureau of the World Intellectual Property Organization (WIPO)

NHỮNG MÃ SỐ INID TRÍCH TỪ TIÊU CHUẨN ST9 CỦA TỔ CHỨC SỞ HỮU TRÍ TUỆ THẾ GIỚI (WIPO) ĐỂ NHẬN BIẾT CÁC DỮ LIỆU THƯ MỤC DÙNG CÔNG BỐ ĐƠN VÀ VĂN BẰNG BẢO HỘ SÁNG CHẾ, GIẢI PHÁP HỮU ÍCH

(11) Số bằng / Số công bố đơn
(15) Ngày cấp
(21) Số đơn
(30) Số đơn ưu tiên, ngày nộp đơn ưu tiên, nước xuất xứ
(43) Ngày công bố đơn
(45) Ngày công bố Bằng độc quyền sáng chế / Bằng độc quyền giải pháp hữu ích
(51) Phân loại sáng chế quốc tế
(54) Tên sáng chế
(57) Tóm tắt sáng chế
(62) Số và ngày nộp đơn sớm hơn mà từ đó tài liệu SC/GPHI này được tách
(67) Số đơn và ngày nộp đơn sáng chế mà đơn đó được chuyển thành đơn GPHI
(71) Tên và địa chỉ của người nộp đơn
(72) Tên của tác giả
(73) Tên, địa chỉ của chủ bằng độc quyền Sáng chế / Bằng độc quyền GPHI
(74) Tên của người đại diện SHCN
(75) Tên của tác giả đồng thời là người nộp đơn
(76) Tên của tác giả đồng thời là người nộp đơn và người được cấp văn bằng bảo hộ
(86) Ngày nộp đơn PCT, số đơn
(87) Ngày công bố đơn PCT, số công bố

NHỮNG MÃ SỐ INID TRÍCH TỪ TIÊU CHUẨN ST80 CỦA TỔ CHỨC SỞ HỮU TRÍ TUỆ THẾ GIỚI (WIPO) ĐỂ NHẬN BIẾT CÁC DỮ LIỆU THƯ MỤC DÙNG CÔNG BỐ ĐƠN VÀ BẰNG ĐỘC QUYỀN KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP

(11) Số bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp / Số công bố đơn
(15) Ngày cấp
(17) Ngày hết hạn hiệu lực của bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp
(21) Số đơn
(22) Ngày nộp đơn
(23) Tên triển lãm, ngày và nơi triển lãm
(28) Số phương án yêu cầu bảo hộ
(30) Số đơn ưu tiên, ngày nộp đơn ưu tiên
(43) Ngày công bố đơn
(45) Ngày công bố bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp
(51) Phân loại quốc tế kiểu dáng công nghiệp
(54) Tên sản phẩm mang kiểu dáng công nghiệp
(55) Ảnh chụp / hình vẽ kiểu dáng công nghiệp
(57) Đặc điểm khác biệt yêu cầu bảo hộ của kiểu dáng công nghiệp
(62) Số và ngày nộp đơn, số bằng độc quyền KDCN hoặc số công bố đơn liên quan đến tách đơn
(71) Tên và địa chỉ của người nộp đơn
(72) Tên của tác giả KDCN

(73) Tên, địa chỉ của chủ bằng độc quyền KDCN
(74) Tên của người đại diện SHCN

NHỮNG MÃ SỐ INID TRÍCH TỪ TIÊU CHUẨN ST60 CỦA TỔ CHỨC SỞ HỮU TRÍ TUỆ THẾ GIỚI (WIPO) ĐỂ NHẬN BIẾT CÁC DỮ LIỆU THƯ MỤC DÙNG CÔNG BỐ ĐƠN, GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU HÀNG HOÁ VÀ CÁC NHÃN HIỆU HÀNG HOÁ ĐƯỢC BẢO HỘ TẠI VIỆT NAM THEO THOẢ ƯỚC MADRID

(111) Số giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá (trường hợp được bảo hộ trên cơ sở Thoả ước Madrid thì là số đăng bạ quốc tế)
(116) Số đăng bạ quốc tế theo thoả ước Madrid
(141) Ngày hết hạn hiệu lực
(151) Ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký NHHH hoặc ngày đăng bạ theo thoả ước Madrid
(156) Ngày gia hạn đăng bạ quốc tế theo thoả ước Madrid
(176) Thời hạn hiệu lực của đăng bạ quốc tế theo thoả ước Madrid được gia hạn
(171) Thời hạn hiệu lực
(210) Số đơn
(220) Ngày nộp đơn
(230) Tên triển lãm, ngày và nơi triển lãm
(300) Số đơn ưu tiên, ngày nộp đơn ưu tiên, nước xuất xứ
(441) Ngày công bố đơn
(510) Danh mục sản phẩm hoặc dịch vụ
(511) Phân loại quốc tế sản phẩm và dịch vụ
(531) Phân loại quốc tế các yếu tố hình của nhãn hiệu hàng hoá
(540) Mẫu nhãn hiệu hàng hoá
(551) Chỉ dẫn về hiệu lực của nhãn: nhãn tập thể
(591) Mầu sắc bảo hộ
(731) Tên, địa chỉ của người nộp đơn
(732) Tên, địa chỉ của chủ nhãn hiệu hàng hoá
(740) Tên, địa chỉ của người đại diện SHCN
(822) Nước xuất xứ, ngày nộp đơn, số đơn
(831) Ngày mở rộng lãnh thổ, nước được chỉ định mở rộng lãnh thổ theo thoả ước Madrid

MỤC LỤC

Trang

PHẦN I : Sáng chế được cấp Bằng độc quyền 9

PHẦN II : Giải pháp hữu ích được cấp Bằng độc quyền 96

PHẦN III : Kiểu dáng công nghiệp được cấp Bằng độc quyền 99

PHẦN IV : Nhãn hiệu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký 201

PHẦN V : Nhãn hiệu đăng ký quốc tế được bảo hộ tại Việt Nam 937

PHẦN VI : Sửa đổi, gia hạn, đình chỉ, huỷ bỏ Văn bằng bảo hộ 1063

PHẦN VII : Chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp 1126

ĐÍNH CHÍNH 1152

CONTENTS

PART I : Invention Patents 9

PART II : Utility Solution Patents 96

PART III : Industrial Design Patents 99

PART IV : Trademark Registrations 201

PART V : Trademarks of International Registration protected in VietNam 937

PART VI : Amendments, Renewals, Suspensions, cancellation of Protection Titles 1063

PART VII : Transfer of Industrial Property Right 1126

CORRECTION 1152

PHẦN I

SÁNG CHẾ ĐƯỢC CẤP BẰNG ĐỘC QUYỀN

(11) **1-0009382**
(15) 27.06.2011 (51)[7] **A43C 15/00**
(21) 1-2007-01810 (22) 06.02.2006
(86) PCT/US06/004051 06.02.2006 (87) WO06/086280 17.08.2006
(30) 11/053,590 07.02.2005 US
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.02.2008 239
(73) SELECT SOLE, LLC (US)
15031 SW Telluride Ct. Beaverton, Oregon 97007, United States of America
(72) FOGARTY, Stacy (US), O'BRIEN, Patrick (US), O'BRIEN, John (US)
(74) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)
(54) ĐỒ ĐI CHÂN CÓ ĐỘ MA SÁT LINH HOẠT
(57) Sáng chế đề cập đến đồ đi chân có độ ma sát linh hoạt có thân đồ đi chân và đế đồ đi chân. Rãnh dẫn khí được tạo ra trong đế đồ đi chân bao gồm đường dẫn khí được điều áp vào và đường dẫn khí được điều áp ra. Lỗ trống được kéo dài hoặc nhiều lỗ đơn ở phần đáy của đế đồ đi chân và dọc theo rãnh dẫn khí nêu trên. Tấm chắn linh hoạt giữa rãnh dẫn khí và lỗ nêu trên mà mở rộng vào (các) lỗ bằng cách điều áp rãnh dẫn khí nêu trên. Đinh đồ đi chân được gắn thêm vào tấm chắn linh hoạt nêu trên và kéo dài ra khỏi lỗ trống nêu trên và gắn với bề mặt đỡ khi rãnh dẫn khí được điều áp.

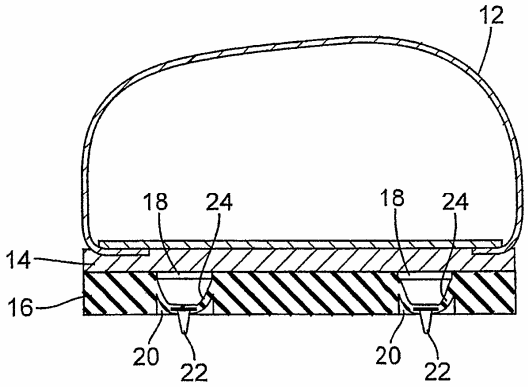

(11) **1-0009383**
(15) 27.06.2011 (51)[7] **B65D 81/20**, B65B 31/00, B65D 33/01
(21) 1-2007-00636 (22) 25.07.2005
(86) PCT/US05/026232 25.07.2005 (87) WO06/023205 02.03.2006
(30) 10/924,314 23.08.2004 US
(45) 25.08.2011 281 (43) 27.08.2007 233
(73) UNITED STATES GYPSUM COMPANY (US)
125 South Franklin Street Chicago IL 60606 United States of America
(72) Stanley B DOYLE (US), George W BOGGIA, (US), Salvatore C IMMORDINO Jr (US)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(54) PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT BAO GÓI BẰNG CHẤT DẺO ĐỂ CHỨA BỘT MỊN VÀ BAO GÓI ĐƯỢC TẠO RA BẰNG PHƯƠNG PHÁP NÀY

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp sản xuất và nạp bao gói bằng chất dẻo bao gồm các bước: tạo ra túi có các lỗ siêu nhỏ; nạp vật liệu dạng bột vào túi; gắn chặt bao gói; loại bỏ ít nhất một phần không khí bị giữ trong bao gói ra khỏi lỗ siêu nhỏ; và gắn kín các lỗ siêu nhỏ này lại. Bao gói bao gồm túi được cấu hình từ màng chất dẻo mà các lỗ siêu nhỏ được tạo ra từ đó. Các chất chứa trong bao gói có ít không khí hơn lượng không khí có trong bao gói khi miệng túi và đáy túi được gắn chặt, ít nhất một phần không khí chứa bên trong bao gói bị đẩy ra khỏi bao gói qua các lỗ siêu nhỏ. Vật liệu gắn kín được sử dụng để gắn kín các lỗ siêu nhỏ này.

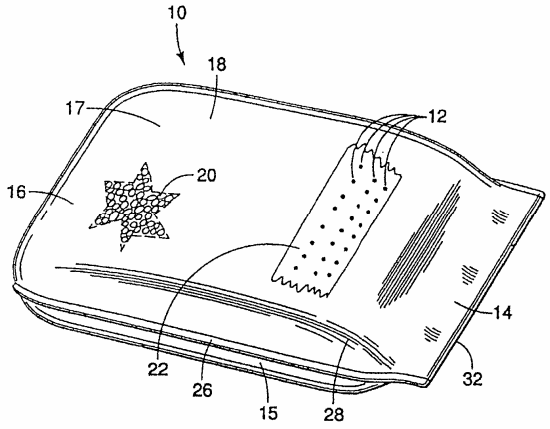

(11) **1-0009384**

(15) 27.06.2011 (51)[7] **F03D 9/00**
(21) 1-2009-00507 (22) 16.08.2007
(86) PCT/CN07/002468 16.08.2007 (87) WO08/022556 28.02.2008
(30) 200610062135.6 16.08.2006CN
(45) 25.08.2011 281 (43) 27.07.2009 256

(76) CONG, YANG (CN)
Flat 30C, Block B, Qing Tian Hua Ting, Shang Bao Lu, Fu Tian District, Shenzhen, Guangdong 518034, China
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(54) CỤM LẮP RÁP ĐỘNG CƠ GIÓ-KHÔNG KHÍ VÀ XE ÔTÔ CÓ CỤM LẮP RÁP NÀY

(57) Sáng chế đề cập tới cụm lắp ráp động cơ gió-không khí và xe ôtô có cụm lắp ráp này. Cụm lắp ráp động cơ gió-không khí theo sáng chế bao gồm động cơ khí áp suất cao (20) và động cơ dùng sức cản của gió (22) không phụ thuộc vào nhau. Động cơ khí áp suất cao tạo ra nguồn động lực chính bằng cách phun khí áp suất cao. Động cơ dùng sức cản của gió bao gồm buồng cánh quạt (221) và cánh quạt (222). Buồng cánh quạt có cửa nạp không khí (51) để tiếp nhận luồng không khí tạo sức cản bên ngoài, nhờ đó cánh quạt được dẫn động để quay nhằm tạo ra nguồn động lực phụ trợ. Sáng chế không chỉ sử dụng sức cản của gió, mà còn tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.

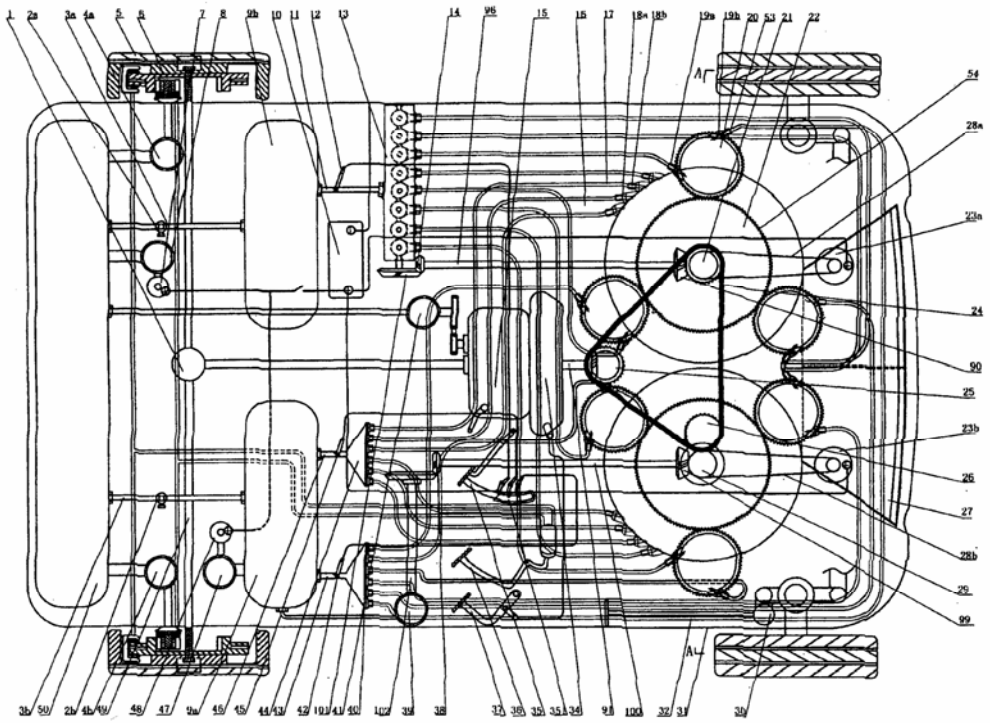

(11) **1-0009385**
(15) 27.06.2011 (51)[7] **A61K 8/06**, 8/26, 8/92, A61Q 15/00
(21) 1-2008-01899 (22) 27.12.2006
(86) PCT/DK06/050085 27.12.2006 (87) WO07/073740 05.07.2007
(30) PA 2005 01849 29.12.2005 DK
60/754,313 29.12.2005 US
(45) 25.08.2011 281 (43) 27.04.2009 253
(73) RIEMANN TRADING APS (DK)
Krakasvej 8, DK-3400 Hillerod, Denmark
(72) FAIYAZIANNASAB, Flora (DK)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(54) NHŨ TƯƠNG RƯỢU TRONG DẦU CHỨA MUỐI KIM LOẠI ĐA HOÁ TRỊ VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHẾ
(57) Sáng chế đề cập đến nhũ tương, cụ thể là nhũ tương rượu trong dầu, trong đó lượng ion có trong nhũ tương rượu trong dầu này tương đối cao. Cụ thể, sáng chế đề cập đến nhũ tương rượu trong dầu ổn định chứa muối kim loại đa hoá trị để dùng làm thuốc trị mồ hôi.

(11) **1-0009386**
(15) 27.06.2011 (51)[7] **A61K 39/00**, 39/04
(21) 1-2006-01706 (22) 18.03.2005
(86) PCT/CU05/000002 18.03.2005 (87) WO05/087259 22.09.2005
(30) 2004-0051 18.03.2004 CU
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.04.2007 229
(73) 1. INSTITUTO FINLAY - CENTRO DE INVESTIGACION PRODUCCION DE VACUNAS Y SUEROS (CU)
Ave 27 No 19805 e/ 198 y 202 La Coronela - La Lisa, 11000 Ciudad de La Habana, Cuba
2. CENTRO DE QUIMICA FARMACEUTICA (CU)
Ave 200 y 2 - Atabey, Cubanacán- Playa, 11200 Ciudad de La Habana, Cuba
(72) SARMIENTO GARCIA SAN MIGUEL María Elena (CU), ACOSTA DOMINGUEZ Armando (CU), VALLIN PLOUS Carlos Román (CU), OLIVARES ARZUAGA Nesty (CU), LOPEZ HERNANDEZ Yamilé (CU), RODRIGUEZ VALDES Caridad (CU), MARTINEZ BENITEZ Máximo (CU), GONZALEZ MESA Leonora (CU), INFANTE BOURZAC Juan Francisco (CU), RAMOS MORI Astrid (CU)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) VACXIN THU ĐƯỢC TỪ STREPTOMYCES
(57) Sáng chế thuộc lĩnh vực miễn dịch, và cụ thể hơn là đề cập đến việc phòng trừ các bệnh nhiễm khuẩn do vi sinh vật gây ra, dựa trên việc sử dụng vacxin để phòng trừ các bệnh này. Các vacxin theo sáng chế được phát triển dựa trên việc sử dụng các chủng Streptomyces sống, biểu hiện hoặc không thể biểu hiện kháng nguyên M.tuberculosis, và có khả năng bảo vệ chống lại mối đe dọa của BCG và M. tuberculosis sau khi được dùng qua nhiều đường khác nhau.

(11) **1-0009387**
(15) 27.06.2011 (51)[7] **A43B 13/14**, 13/18, 21/26
(21) 1-2008-00122 (22) 23.10.2006
(86) PCT/EP06/010189 23.10.2006 (87) WO07/051539 10.05.2007
(30) 202005017306.1 05.11.2005 DE
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.08.2008 245
(73) PUMA AKTIENGESELLSCHAFT RUDOLF DASSLER SPORT (DE)
Wurzburger Strasse 13, 91074 Herzogenaurach, Germany
(72) ROHWER-KAHLMANN Jorg (DE)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) GIÀY, CỤ THỂ LÀ GIÀY THỂ THAO

(57) Sáng chế đề cập tới giày, cụ thể là giày thể thao bao gồm phần mũ giày (1) và đế (2), trong đó đế (2) có phần đỡ hoặc phần trong (3), được thiết kế để tiếp nhận vùng gót của chân người đi và được nối cố định với phần mũ giày (1), và phần đế (4) được nối với phần đỡ hoặc phần trong (3). Để nâng cao khả năng về độ cứng đàn hồi hay đặc tính giảm chấn của giày, sáng chế đề xuất phần đỡ hoặc phần trong (3) và phần đế (4) được đặt cách ra khỏi nhau, ít nhất khi nhìn qua một phần của kích thước của chúng theo chiều dọc (L) của giày, trong đó phần nối giữa phần đỡ hoặc phần trong (3) và phần đế (4) được tạo ra ở hai điểm cách nhau (5, 6) theo cách sao cho tạo thành khe hở (7) bên dưới vùng gót của chân người đi, đặc biệt là khe hở không khí, giữa phần đỡ hoặc phần trong (3) và phần đế (4), trong đó khe hở (7) kéo dài ít nhất ở các phần qua toàn bộ chiều rộng của đế (2) và trong đó phần đế (4) ở vùng đầu sau của giày được nối với phần đỡ hoặc phần trong (3).

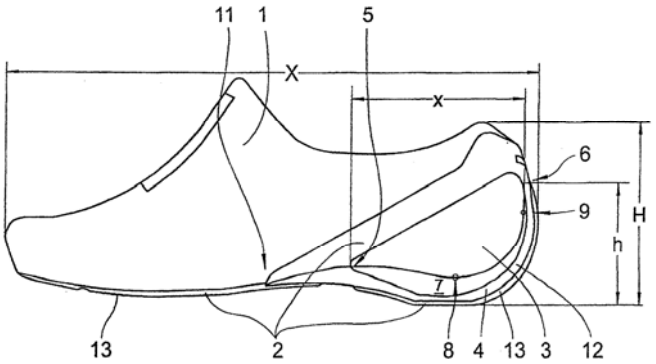

(11) **1-0009388**
(15) 27.06.2011 (51)[7] **C07K 16/18**, A61K 39/395, A61P 25/28
(21) 1-2008-02668 (22) 27.03.2007
(86) PCT/EP07/052928 27.03.2007 (87) WO07/113172 11.10.2007
(30) 60/787,588 30.03.2006 US
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.02.2009 251
(73) GLAXO GROUP LIMITED (GB)
Glaxo Wellcome House, Berkeley Avenue, Greenford, Middlesex UB6 0NN, United Kingdom
(72) BURBIDGE, Stephen, Anthony (GB), ELLIS, Jonathan, Henry (GB), FORD, Susannah, K. (GB), GERMASCHEWSKI, Volker (DE), KUMAR, Umesh (GB), PHILPOTT, Karen, Louise (GB), SODEN, Peter, Ernest (GB)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(54) KHÁNG THỂ KHÁNG BETA-AMYLOIT PEPTIT
(57) Sáng chế đề cập đến kháng thể liên kết với peptit β-amyloit của người, các phương pháp điều trị bệnh hoặc rối loạn đặc trưng bởi nồng độ β- amyloit tăng hoặc sự lắng đọng β-amyloit với kháng thể theo sáng chế, dược phẩm chứa kháng thể và phương pháp sản xuất loại kháng thể này.

(11) **1-0009389**
(15) 27.06.2011 (51)[7] **C07D 213/75**, 213/80, 231/40, 239/42, 241/20, 277/46, 285/08, 417/12, 401/12, 261/14, 271/07, 513/04, 249/14, 277/60, 285/10, 285/12, 285/14, 401/14, 405/14, 413/12
(21) 1-2005-01283 (22) 26.02.2004
(86) PCT/JP04/002284 26.02.2004 (87) WO04/076420 10.09.2004
(30) 2003-049466 26.02.2003 JP
2003-400882 28.11.2003 JP
2004-031298 06.02.2004 JP
(45) 25.08.2011 281 (43) 26.02.2006 215
(73) BANYU PHARMACEUTICAL CO., LTD. (JP)
2-3, Nihombashi Honcho 2-Chome, Chuo-ku, Tokyo 103-8416, Japan
(72) Jun-ichi EIKI (JP), Teruyuki NISHIMURA (JP), Tomoharu IINO (JP), Noriaki HASHIMOTO (JP), Hiroshi NAKASHIMA (JP), Keiji TAKAHASHI (JP)
(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
(54) HỢP CHẤT HETEROARYLCARBAMOYLBENZEN VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT NÀY

(57) Sáng chế đề cập đến các hợp chất có các tác dụng hoạt hoá glucokinaza và là hữu ích trong việc điều trị bệnh đái tháo đường, các hợp chất này có công thức (I) sau:

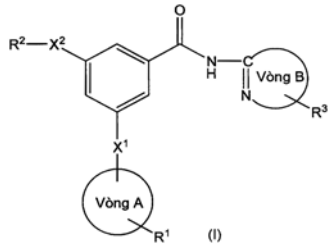

(I)

[trong đó X^1 là oxy, v.v.., X^2 là oxy, v.v.., R^1 là nhóm trên Vòng A như alkylsulfonyl, v.v.., R^2 là alkyl vòng có từ 3 đến 7 nguyên tử cacbon tuỳ ý được thế bằng halogen, v.v.., R^3 là phần tử thế trên Vòng B như nhóm alkyl thấp, v.v.., công thức (II):

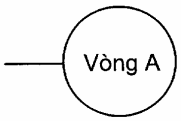

(II)

là aryl có từ 6 đến 10 cạnh, v.v.., và công thức (III):

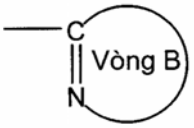

(III)

là heteroaryl vòng đơn hoặc vòng hai tuỳ ý có trên Vòng B một phần tử thế được biểu thị bởi R^3 nêu trên, trong đó nguyên tử cacbon của Vòng B được gắn vào nguyên tử nitơ của nhóm amit trong công thức (I) thu được liên kết C=N với nguyên tử nitơ của vòng], và các muối dược dụng của chúng.

(11) **1-0009390**
(15) 27.06.2011 (51)[7] **C12N 1/06**, 15/10, C12Q 1/68
(21) 1-2006-01890 (22) 19.04.2005
(86) PCT/EP05/005213 19.04.2005 (87) WO05/100542 27.10.2005
(30) 60/563,008 19.04.2004 US
PCT/EP2004/011437 17.09.2004 EP
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.01.2007 226
(73) CENTELION (FR)
72-82 rue Leon Geffroy, F-94400 Vitry-sur-Seine, France
(72) BLANCHE, Francis (FR), COUDER, Michel (FR), MAESTRALI, Nicolas (FR), GUILLEMIN, Thierry (FR), GAILLAC, David (FR)
(74) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)
(54) PHƯƠNG PHÁP BÀO CHẾ CHẾ PHẨM ADN PLASMIT
(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp bào chế chế phẩm ADN plasmit loại dược phẩm bằng cách sử dụng dung dịch kiềm để làm tan tế bào. Sáng chế còn đề cập đến việc tinh chế bổ sung chế phẩm này theo cách tùy ý, bao gồm lọc dịch tan, sắc ký trao đổi anion, sắc ký ái lực xoắn ba, và sắc ký tương tác kỵ nước. Các bước tinh chế tùy ý này có thể được kết hợp với việc làm tan liên tục để tạo ra sản phẩm chứa ADN plasmit có độ tinh khiết cao, hầu như không chứa ADN hệ gen, ARN, protein, nội độc tố, và các chất gây nhiễm khác.

(11) **1-0009391**
(15) 27.06.2011 (51)[7] **C12P 13/04**, 13/14, C12N 9/10
(21) 1-2008-02096 (22) 29.01.2007
(86) PCT/JP07/051837 29.01.2007 (87) WO07/086608 02.08.2007
(30) 2006-019562 27.01.2006 JP
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.12.2008 249
(73) AJINOMOTO CO., INC. (JP)
15-1, Kyobashi 1-chome, Chuo-ku, Tokyo 104-8315 Japan
(72) Akito CHINEN (JP), Hisashi YASUEDA (JP), Jun NAKAMURA (JP)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(54) PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT AXIT L-AMIN
(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp sản xuất axit L-amin như axit L-glutamic, L-glutamin, L-prolin và L-arginin bằng cách nuôi cấy vi khuẩn có khả năng sản sinh axit L-amin trong môi trường và trong đó vi khuẩn này được cải biến để tăng cường được hoạt tính phosphotransaxetylaza.

(11) **1-0009392**
(15) 27.06.2011 (51)[7] **F24F 5/00**, F28D 5/02
(21) 1-2008-01276 (22) 28.11.2006
(86) PCT/NL06/000595 28.11.2006 (87) WO07/061298 31.05.2007
(30) 1030538 28.11.2005 NL
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.11.2008 248
(73) OPTIMAIR HOLDING B.V.I.O (NL)
Tukseweg 146, NL-8334 RW Tuk, Netherlands
(72) MEIJER, Willem (NL)
(74) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)
(54) THIẾT BỊ LÀM MÁT ĐIỂM SƯƠNG

(57) Sáng chế đề cập tới thiết bị làm mát dòng không khí, bao gồm ít nhất một ống làm mát có cửa vào cho dòng không khí cần làm mát và cửa ra cho dòng không khí đã được làm mát, ít nhất một ống bốc hơi được bố trí tách biệt với ống làm mát bởi vách truyền nhiệt và có cửa vào được nối thông với cửa ra của ống làm mát, và một cửa dẫn dòng không khí ra, và các phương tiện làm ướt mặt vách truyền nhiệt tới ống bốc hơi, và phương tiện làm khô dòng không khí trong ống làm mát. Các phương tiện làm khô có thể bao gồm một polyme có nhiệt độ hoà tan tới hạn thấp (polyme LCST), trong đó các mặt bên vách truyền nhiệt của ống làm mát được phủ hoặc được làm bằng polyme LCST. Thiết bị làm mát còn bao gồm thêm các phương tiện để tái tạo lại các phương tiện làm khô.

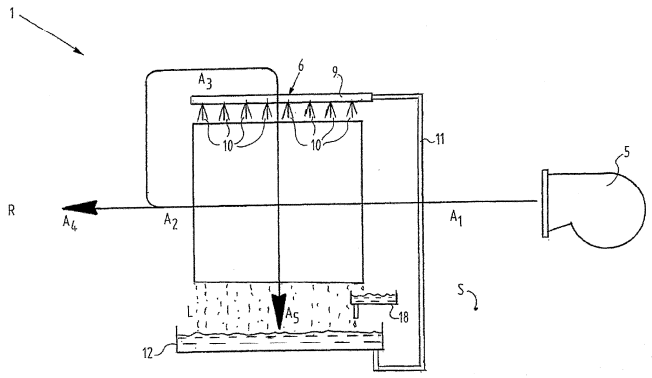

(11) **1-0009393**
(15) 27.06.2011 (51)[7] **G11B 7/005**, 7/125
(21) 1-2008-03015 (22) 31.05.2007
(86) PCT/JP07/061505 31.05.2007 (87) WO07/145124 21.12.2007
(30) 2006-162295 12.06.2006 JP
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.03.2009 252
(73) PANASONIC CORPORATION (JP)
1006, Oaza Kadoma, Kadoma-shi, Osaka 571-8501 Japan
(72) Atsushi NAKAMURA (JP), Naoyasu MIYAGAWA (JP)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(54) THIẾT BỊ ĐỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐỌC DÙNG CHO PHƯƠNG TIỆN GHI DỮ LIỆU QUANG

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị đọc, thiết bị này triệt tiêu sự suy giảm các dấu ghi gây ra do tăng công suất laze đầu ra để bù rớt tỷ số S/N khi đọc thông tin tốc độ cao được ghi vào phương tiện mật độ cao. Để đọc thông tin được ghi vào phương tiện ghi dữ liệu quang, phương tiện này được ghi và đọc bằng cách sử dụng chùm tia laze được phát ra từ laze bán dẫn, phương pháp đọc điều biến dòng tần số cao trên dòng dẫn động của laze bán dẫn để xuất ra chùm tia laze, và thay đổi tốc độ điều biến ánh sáng theo tốc độ tuyến tính lựa chọn được sử dụng để đọc Tốc độ điều biến ánh sáng là tỷ số Pp/Pave giữa công suất đỉnh (Pp) và công suất đọc trung bình (Pave) của cường độ ánh sáng của chùm tia laze điều biến tần số cao.

(11) **1-0009394**
(15) 27.06.2011 (51)[7] **C07D 487/04**, A61K 31/522
(21) 1-2009-00219 (22) 03.07.2007
(86) PCT/KR07/003213 03.07.2007 (87) WO08/004796 10.01.2008
(30) 10-2006-0062040 03.07.2006KR
10-2006-0062042 03.07.2006KR
10-2006-0062043 03.07.2006KR
10-2006-0062046 03.07.2006KR
10-2006-0062048 03.07.2006KR
(45) 25.08.2011 281 (43) 27.04.2009 253
(73) SK CHEMICALS CO., LTD. (KR)
600 Jeongja 1(il)-dong, Jangan-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do 440-300, Republic of Korea
(72) KIM, Jae-Sun (KR), KIM, Nam Ho (KR), LEE, Jin Young (KR), LEE, Nam Kyu (KR), LEE, Yoon-Jung (KR), JANG, Woo Jae (KR), YOUN, Won-No (KR), OH, Joon Gyo (KR), SUNG, Jin-Heung (KR), UM, Key An (KR)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(54) MUỐI CỦA DẪN XUẤT PYROLOPYRIMIDINON, QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA CHÚNG

(57) Sáng chế đề cập đến muối của dẫn xuất pyrolopyrimidinon có hoạt tính ức chế PDE-5 cao và quy trình điều chế chúng. Cụ thể hơn, sáng chế đề cập đến muối cộng axit dạng tinh thể điều chế được bằng cách cho dẫn xuất pyrolopyrimidinon phản ứng với axit được chọn từ axit gentisic, axit maleic, axit xitric, axit fumaric và axit tartric. Các muối này không hút ẩm và có độ ổn định cao khi bảo quản, độ bền màu và độ bền nhiệt trong thời gian dài, là thích hợp để bào chế dược phẩm và, với hoạt tính cao ức chế PDE-5, chúng là hữu hiệu để điều trị và ngăn ngừa chứng loạn chức năng cương, chứng tăng huyết áp động mạch phổi, bệnh nghẽn phổi mạn tính, chứng phì tuyến tiền liệt lành tính và các bệnh về đường tiết niệu dưới.

(11) **1-0009395**
(15) 27.06.2011 (51)[7] **B21B 1/00**
(21) 1-2005-01426 (22) 29.09.2005
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.04.2007 229
(76) LEI-JUI WU (TW)
No. 13, Fang Yuan Hsiang, Hou Liao Tsun, Kung Chu 4 Road, Chang Hua Hsien Taiwan
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(54) PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ CHẾ TẠO ĐẾ TRƯỢT
(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp và thiết bị chế tạo đế trượt. Thanh kim loại được đẩy qua các cặp trục cán nối tiếp và được cán dần dần bằng khuôn cán đế trượt được lắp trên phần giữa của trục cán, đồng thời thanh kim loại đã cán được kéo để vật liệu được đẩy về phía sau và được kéo giãn tự nhiên, tiếp theo, gân lồi có hình dạng yêu cầu ở hai bên phần nhô ra của khuôn trong của khuôn kéo tạo rãnh lõm về phía trong ở mặt phía trong của đế trượt khi đế trượt đi qua khuôn kéo, các bề mặt trượt của khuôn trong làm nhẵn tất cả các cạnh của đế trượt nên không cần xử lý thêm bằng dao phay và dao phay xoi rãnh. Do đó, quy trình chế tạo được thực hiện với tốc độ nhanh, giảm bớt các công đoạn xử lý và tiết kiệm vật liệu.

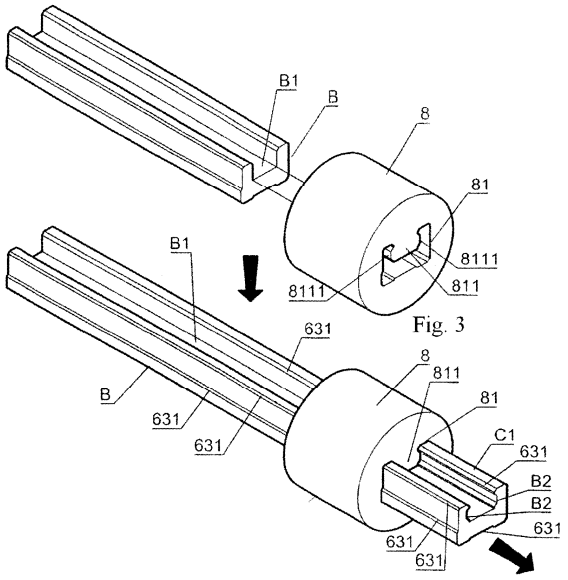

Fig. 3

(11) **1-0009396**
(15) 27.06.2011 (51)[7] **A61K 7/48**, 35/20, 35/74, A61P 17/16, A23C 21/02, A23L 1/30, A61K 8/98
(21) 1-2006-01009 (22) 24.12.2004
(86) PCT/JP04/019330 24.12.2004 (87) WO05/063196 14.07.2005
(30) 2003-429243 25.12.2003 JP
2004-322587 05.11.2004 JP
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.01.2007 226
(73) CALPIS CO., LTD (JP)
4-1, Ebisu-Minami 2-chome, Shibuya-ku, Tokyo 150-0022, Japan
(72) Chiaki YOSHIMURA (JP), Akihiro MASUYAMA (JP)
(74) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)
(54) PHƯƠNG PHÁP LÀM ẨM DA
(57) Sáng chế đề cập đến đồ uống và thực phẩm chức năng tạo ra tác dụng làm ẩm da dùng qua đường miệng, có độ an toàn tuyệt đối và có thể dùng thường xuyên. Sáng chế cũng đề xuất chế phẩm làm ẩm da dùng qua đường miệng được sử dụng trong đồ uống và thực phẩm chức năng và phương pháp làm ẩm da sử dụng chúng. Chế phẩm làm ẩm da dùng qua đường miệng theo sáng chế chứa nước sữa lên men thu được bằng cách lên men sữa với vi khuẩn Lactobacillus helveticus làm thành phần hoạt tính, và đồ uống và thực phẩm chức năng theo sáng chế chứa chế phẩm làm ẩm da nêu trên và có tác dụng làm ẩm da.

(11) **1-0009397**
(15) 27.06.2011 (51)[7] **F02F 1/24**, 1/34, F01P 1/10
(21) 1-2007-00268 (22) 13.01.2006
(86) PCT/JP06/300403 13.01.2006 (87) WO07/080654 19.07.2007
(45) 25.08.2011 281 (43) 26.10.2009 259
(73) HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)
1-1, Minami-Aoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo, 107-8556 Japan
(72) Hiroyuki KAWAKUBO (JP), Ryo KUBOTA (JP), Masahide MIMURA (JP), Hiroshi KURIBARA (JP), Tsuyoshi TAKIZAWA (JP)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) ĐỘNG CƠ ĐỐT TRONG
(57) Sáng chế đề cập tới động cơ đốt trong có đầu xi lanh mà các cửa nạp và cửa xả được lắp vào đó và hai buji gắn vào đầu xi lanh, và một trong số các buji và cảm biến khí xả được lắp vào các phía đối diện nhau so với cửa xả.

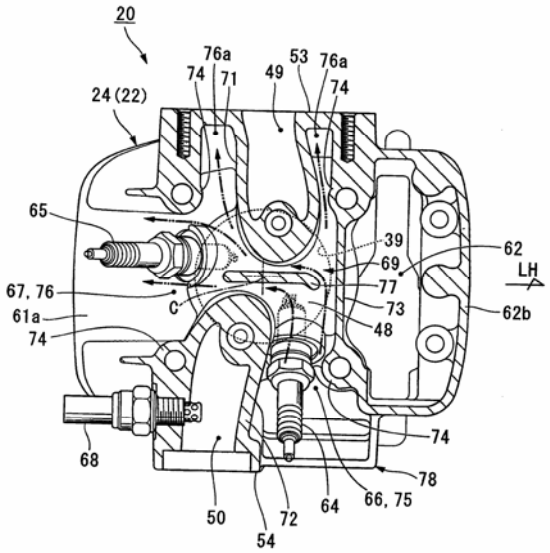

(11) **1-0009398**

(15) 27.06.2011 (51)[7] **A24B 3/18**
(21) 1-2005-00124 (22) 30.06.2003
(86) PCT/EP03/006940 30.06.2003 (87) WO04/002245 08.01.2004
(30) 10229451.8 01.07.2002 DE
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.07.2005 208

(73) REEMTSMA CIGARETTENFABRIKEN GMBH (DE)
Max-Born-Strasse 4, 22761 Hamburg, Germany
(72) FLEISCHHAUER, Holger (DE), KLISCHAT, Jurgen (DE), PIENEMANN, Thomas (DE), SKUPIN, Peter (DE), ZIEHN, Claus-Dieter (DE)
(74) Công ty Hỗ trợ phát triển công nghệ (DETECH)

(54) PHƯƠNG PHÁP LÀM TĂNG KHẢ NĂNG NẠP ĐẦY CỦA THUỐC LÁ

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp làm tăng khả năng nạp đầy của thuốc lá, như các lá thuốc hay gân lá thuốc đã được cắt nhỏ chẳng hạn, hoặc của các chất phụ gia, bằng cách xử lý nguyên liệu thuốc lá có độ ẩm ban đầu từ 10 đến 30% bằng khí xử lý chứa nitơ và/hoặc agon ở áp suất từ 400 đến 1000Bar sau đó giảm áp liên tục và tiếp theo là xử lý nhiệt nguyên liệu thuốc lá đó. Mật độ nạp đầy của thuốc lá trong nồi hấp lớn hơn 0,2kg/dm^3.

(11) **1-0009399**
(15) 27.06.2011 (51)[7] **C07D 471/02**, A61K 31/4439
(21) 1-2006-01999 (22) 06.05.2005
(86) PCT/US05/015666 06.05.2005 (87) WO05/107762 17.11.2005
(30) 60/569,510 06.05.2004 US
11/121,709 03.05.2005 US
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.07.2007 232
(73) 1. CYTOKINETICS, INC. (US)
280 East Grand Avenue, South San Francisco, CA 94080, United States of America
2. SMITHKLINE BEECHAM CORPORATION (US)
One Franklin Plaza, Philadelphia, PA 19103, United States of America
(72) QIAN Xiangping (CA), MCDONALD Andrew I. (US), ZHOU Han-Jie (CN), ASHCRAFT Luke W. (US), YAO Bing (CN), JIANG Hong (US), HUANG Jennifer Kuo Chen (TW), WANG Jianchao (CA), MORGANS David J. Jr. (US), MORGAN Bradley P. (US), BERGNES Gustave (US), DHANAK Dashyant (GB), KNIGHT Steven D. (US), ADAMS Nicholas, D. (US), PARRISH Cynthia A. (US), DUFFY Kevin (GB), FITCH Duke (US), TEDESCO Rosanna (IT)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) HỢP CHẤT BENZAMIT VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA NÓ DÙNG ĐỂ ĐIỀU TRỊ BỆNH TĂNG SINH TẾ BÀO
(57) Sáng chế đề xuất các hợp chất và các dược phẩm hữu ích để điều trị các bệnh tăng sinh tế bào và các rối loạn bằng cách điều biến hoạt tính của một hoặc nhiều kinesin gián phân.

(11) **1-0009400**
(15) 27.06.2011 (51)[7] **A61K 36/8984**, 39/00, 39/39, A61P 27/02, 37/02
(21) 1-2007-02579 (22) 30.04.2006
(86) PCT/CN06/000895 30.04.2006 (87) WO06/116950 09.11.2006
(30) 11/121,721 04.05.2005 US
(45) 25.08.2011 281 (43) 27.04.2009 253
(73) NATIONAL YANG-MING UNIVERSITY (CN)
No.155, Sec 2, Linung ST., Beitou Chiu, Taipei, Taiwan, China
(72) WU Rong-Tsun (CN)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) CHẾ PHẨM DÙNG ĐỂ ĐIỀU TRỊ BỆNH VIÊM MÀNG MẠCH NHO
(57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm chứa polysacarit từ giống thực vật Dendrobium. Chế phẩm này được sử dụng để điều trị các bệnh tự miễn dịch và các bệnh niêm mạc, ví dụ, bệnh viêm màng mạch nho bằng cách kích thích sự dung nạp miễn dịch qua đường miệng và tăng cường tính miễn dịch tự nhiên.

(11) **1-0009401**

(15) 27.06.2011 (51)[7] **B61C 017/00**
(21) 1-2009-02198 (22) 16.10.2009
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.10.2010 271

(76) NGUYỄN ĐỨC THANH (VN)
195 Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(54) HỆ THỐNG TÀU TRƯỢT

(57) Sáng chế đề cập đến hệ thống tàu trượt bao gồm tàu vận tải và hệ thống đường; trong đó tàu vận tải gồm: thân tàu; các động cơ cánh quạt/phản lực để dẫn động tàu chạy; hệ thống phanh bằng cách đổi chiều cánh quạt/phản lực của động cơ; thanh trượt được lắp dưới thân tàu, có một số lỗ chứa chất bôi trơn, phần đầu thanh trượt ở phía đầu tàu cơ động để bẻ lái trái phải, được uốn cong lên phía trên; và hệ thống đường bao gồm: các trụ đỡ, có dạng phù hợp được bố trí cơ bản cách đều nhau, trong đó khoảng cách giữa hai trụ nhỏ hơn so với 1/2 chiều dài của phần thẳng của thanh trượt; mỗi tay đỡ của phần trên trụ được bố trí con lăn, đầu mỗi tay đỡ được lắp bánh xe giảm chấn khi va chạm với thân tàu.

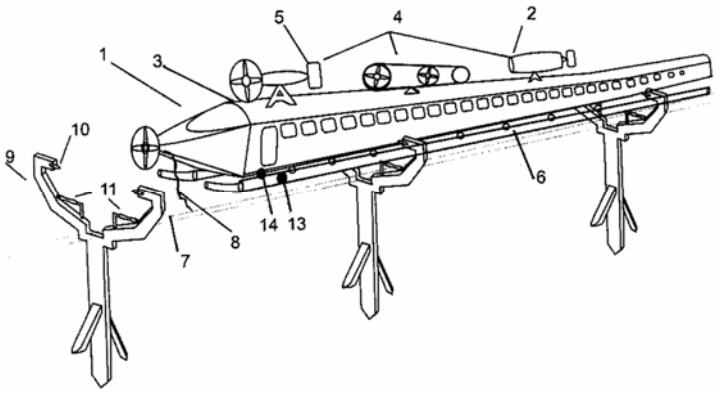

(11) **1-0009402**
(15) 05.07.2011 (51)[7] **C11D 7/32**, 7/50, 7/26, C23G 1/02, G03F 7/42
(21) 1-2004-00060 (22) 19.01.2004
(30) 60/493,089 06.08.2003 US
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.05.2004 194
(73) AVANTOR PERFORMANCE MATERIALS, INC. (US)
222 Red School Lane, Phillipsburg, New Jersey 08865, United State of America
(72) Sean Michael KANE (US), Sang In KIM (KR)
(74) Công ty TNHH Quốc tế D &N (D & N INTERNATIONAL CO.,LTD.)
(54) CHẾ PHẨM LÀM SẠCH NỀN VI ĐIỆN TỬ VÀ QUY TRÌNH LÀM SẠCH NỀN VI ĐIỆN TỬ SỬ DỤNG CHẾ PHẨM NÀY

(57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm làm sạch chứa kiềm và quy trình sử dụng chế phẩm này để làm sạch nền vi điện tử, cụ thể là nền vi điện tử màn hình phẳng (Flat Panel Display). Chế phẩm theo sáng chế có khả năng làm sạch gần như hoàn toàn các nền như vậy và gần như không gây ăn mòn kim loại của các phần tử kim loại của nền. Chế phẩm làm sạch chứa kiềm theo sáng chế chứa (a) amin ái nhân, (b) axit từ trung bình đến yếu có cường độ được biểu thị bằng trị số "pKa" có hằng số phân ly trong dung dịch nước nằm trong khoảng từ 1,2 đến 8, (c) thành phần được chọn từ nhóm bao gồm rượu béo, diol, rượu polyhydric hoặc ete glycol, và (d) đồng dung môi hữu cơ có hệ số hoà tan nằm trong khoảng từ 8 đến 15. Chế phẩm làm sạch theo sáng chế chứa một lượng axit yếu sao cho tỷ lệ mol đương lượng giữa nhóm axit và nhóm amin lớn hơn 0,75 và có thể nằm trong khoảng trên dưới 1, ví dụ là 1,02 hoặc cao hơn. Độ pH của chế phẩm làm sạch chứa kiềm theo sáng chế nằm trong khoảng từ 4,5 đến 9,5.

(11) **1-0009403**
(15) 05.07.2011 (51)[7] **B62K 21/14**
(21) 1-2008-00456 (22) 26.02.2008
(30) 60/892202 28.02.2007 US
11/971146 08.01.2008 US
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.09.2008 246
(73) YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)
2500 Shingai, Iwata-shi, Shizuoka-ken 438-8501, Japan
(72) Yoshikazu Suita (JP)
(74) Công ty TNHH Tư vấn - Đầu tư N.T.K. (N.T.K. CO., LTD.)
(54) XE MÁY
(57) Sáng chế đề xuất xe máy có thể giảm thiểu được sự mệt mỏi do các rung động khi di chuyển gây ra. Xe máy này bao gồm: khung thân; càng trước được đỡ theo kiểu cổ trục bởi ống cổ của khung thân và càng trước này đỡ cổ trục bánh trước tại đầu dưới của nó; và tay lái được gắn vào đầu trên của càng trước; trong đó càng trước gồm trục lái và các thân càng bên trái và bên phải được nối vào đầu dưới của trục lái thông qua giá càng; giá tay lái được nối vào đầu trên của trục lái thông qua bộ phận giảm chấn; tay lái gồm các thân tay lái riêng biệt bên trái và bên phải được cố định vào các đầu bên trái và bên phải của giá tay lái; giá tay lái gồm giá dưới được cố định vào trục lái và giá trên được cố định vào giá dưới thông qua bộ phận giảm chấn thứ nhất bởi bulông cố định đồng trục với trục lái; giá dưới gồm thân giá và phần hình trụ kéo dài xuống phía dưới từ mặt dưới của thân giá; và đầu trên của trục lái kéo dài lên trên từ ống cổ vào trong phần hình trụ của giá dưới và được cố định vào phần hình trụ của giá dưới bên dưới mặt dưới của thân giá.

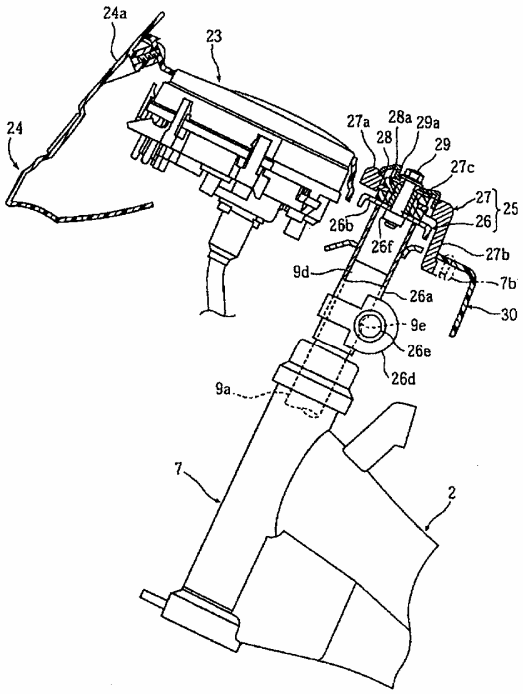

(11) **1-0009404**
(15) 05.07.2011 (51)[7] **F04D 25/08**, 27/00
(21) 1-2009-01226 (22) 26.09.2007
(86) PCT/JP07/068604 26.09.2007 (87) WO08/059665 22.05.2008
(30) 2006-306357 13.11.2006 JP
2006-311188 17.11.2006 JP
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.08.2009 257
(73) PANASONIC CORPORATION (JP)
1006, Oaza Kadoma, Kadoma-shi, Osaka 571-8501 Japan
(72) Kiminobu YAMAMOTO (JP), Tetsuji KAWAZU (JP), Hiroshi YOSHIKAWA (JP), Kiyohiko IWAMOTO (JP), Yoshiki TANIMURA (JP)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(54) THIẾT BỊ AN TOÀN CỦA QUẠT TRẦN

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị an toàn của quạt trần có khả năng phát hiện trạng thái không an toàn và dừng một cách tự động nếu chạm tới trạng thái tới hạn do có sự mài mòn trong các phần nối được nối với ống được treo trên trần nhà và trục được bố trí ở phía trên mô tơ.

Thiết bị an toàn của quạt trần bao gồm ống (6) được liên kết và được treo vào đầu trên của trục (3) nhô lên phía trên của mô tơ (22), bulông nối (8) được nối với ống (6) và trục (3) qua các lỗ thông (7) được bố trí ở cả ống (6) và trục (3) và cần thao tác (12) được bố trí trong ống (6) để đóng tiếp điểm của công tắc an toàn (11) được bố trí ở phía trục (3), trong đó có thể tránh được trạng thái không an toàn một cách tự động bằng cách mở tiếp điểm của công tắc an toàn (11) bằng cần thao tác (12) tương ứng với sự gia tăng góc quay tương ứng của ống (6) và trục (3) khi các lỗ thông (7) bị mài mòn và rộng ra.

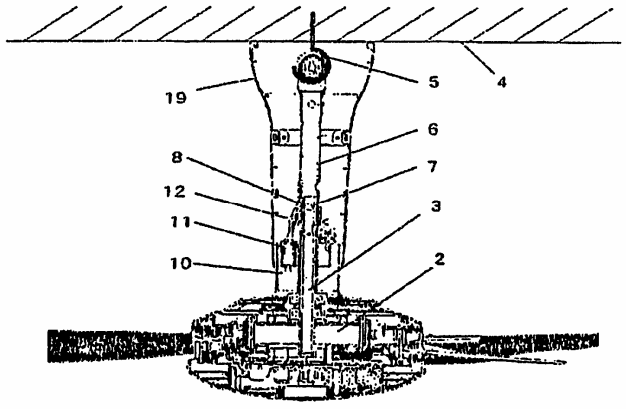

(11) **1-0009405**
(15) 05.07.2011 (51)[7] **C07C 217/34**, A61K 31/196, 31/216, A61P 1/02, 3/02
(21) 1-2005-00869 (22) 25.11.2003
(86) PCT/US03/037461 25.11.2003 (87) WO04/047751 10.06.2004
(30) 60/429,105 26.11.2002US
(45) 25.08.2011 281 (43) 26.09.2005 210
(73) SMITHKLINE BEECHAM CORPORATION (US)
One Franklin Plaza, Philadelphia, Pennsylvania 19103, United States of America
(72) MARQUIS, Robert, W. (US), CASILLAS, Linda, N. (US), RAMANJULU, Joshi, M. (IN), CALLAHAN, James, Francis (US)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(54) HỢP CHẤT PHÂN GIẢI CANXI, DƯỢC PHẨM CHỨA CHÚNG VÀ SỬ DỤNG CHÚNG
(57) Sáng chế đề cập đến hợp chất phân giải canxi và dược phẩm chứa các hợp chất này.

(11) **1-0009406**
(15) 05.07.2011 (51)[7] **C07D 403/04**, 403/14, 401/14, A61K 31/404, C07D 31/4709, 31/4725, A61P 29/00, 37/00
(21) 1-2004-01149 (22) 02.04.2003
(86) PCT/EP03/03470 02.04.2003 (87) WO03/082859 09.10.2003
(30) 0207729.5 03.04.2002 GB
0303323.0 13.02.2003 GB
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.01.2005 202
(73) NOVARTIS AG (CH)
Lichtstrasse 35, CH-4056 Basel, Switzerland
(72) EVENOU, Jean-Pierre (FR), VON MATT, Peter (CH), WAGNER, Jurgen (DE), ZENKE, Gerhard (DE)
(74) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)
(54) HỢP CHẤT INDOLYLMALEIMIT, DƯỢC PHẨM CHỨA NÓ VÀ QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ NÓ
(57) Sáng chế đề xuất hợp chất có công thức I

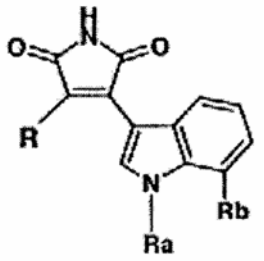

hợp chất này có các đặc tính dược lý đáng quan tâm.

(11) **1-0009407**
(15) 05.07.2011 (51)[7] **C07D 401/04**, A01N 43/56
(21) 1-2007-02458 (22) 18.04.2006
(86) PCT/EP06/003504 18.04.2006 (87) WO06/111341 26.10.2006
(30) 0507989.2 20.04.2005 GB
0525060.0 08.12.2005 GB
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.01.2008 238
(73) SYNGENTA PARTICIPATIONS AG (CH)
Schwarzwaldallee 215, CH-4058 Basel, Switzerland
(72) JEANGUENAT, Andre (CH), O'SULLIVAN, Anthony (GB), MUEHLEBACH, Michel (CH), TRAH, Stephan (DE), HALL, Roger, Graham (GB)
(74) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)
(54) HỢP CHẤT XYANO ANTHRANILAMIT DIỆT CÔN TRÙNG
(57) Hợp chất có công thức (I) trong đó các nhóm thế có nghĩa như được định nghĩa trong điểm 1 yêu cầu bảo hộ, và các muối có thể chấp nhận về mặt nông hoá và tất cả các dạng đồng phân lập thể và dạng hỗ biến của hợp chất có công thức I có thể được sử dụng làm thành phần hoạt tính nông hoá và có thể được điều chế theo cách đã biết chi tiết.

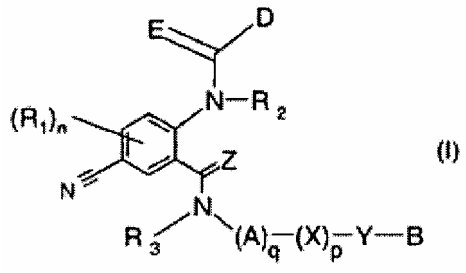

(I)

(11) **1-0009408**
(15) 05.07.2011 (51)[7] **A47D 15/00**
(21) 1-2008-02350 (22) 23.02.2007
(86) PCT/NO07/000072 23.02.2007 (87) WO07/097638 30.08.2007
(30) 20060919 24.02.2006 NO
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.12.2008 249
(73) PETER OPSVIK AS (NO)
Pilestredet 27h, N-0164 Oslo, Norway
(72) PETER OPSVIK (NO)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(54) ĐAI AN TOÀN DÙNG CHO GHẾ TRẺ EM
(57) Sáng chế đề cập đến đai an toàn (40) để sử dụng ở ghế trẻ em (1) bao gồm mặt ghế (2), lưng ghế (3, 4) và có thể có hai thanh bên (5), trong đó lưng ghế hoặc các thanh bên mỗi loại có ít nhất một khe hở, đai an toàn là một chi tiết kết cấu ba nhánh liền khối bao gồm: hai đầu thứ nhất (43) với các chi tiết nối thứ nhất và thứ hai (44) để móc vào các khe hở ở lưng ghế (3, 4) hoặc các thanh bên (5); và đầu thứ ba bao gồm chi tiết nối thứ ba (46) để cố định tháo ra được vào mặt ghế (2). Sáng chế cũng đề cập đến ghế trẻ em có đai an toàn nêu trên.

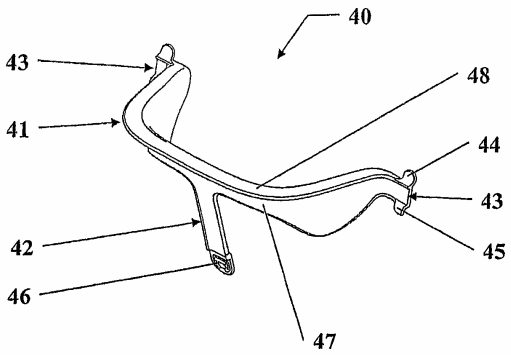

(11) **1-0009409**
(15) 05.07.2011 (51)[7] **C07D 209/00**, A61K 31/404, 31/405, 31/4184, 31/422
(21) 1-2004-00048 (22) 18.07.2002
(86) PCT/CA02/01128 18.07.2002 (87) WO03/010141 06.02.2003
(30) 60/307,674 25.07.2001 US
60/338,061 07.12.2001 US
(45) 25.08.2011 281 (43) 27.09.2004 198
(73) BOEHRINGER INGELHEIM (CANADA) LTD. (CA)
2100 Cunard Street, Laval, Québec H7S 2G5, Canada
(72) Pierre Louis BEAULIEU (CA), Gulrez FAZAL (CA), James GILLARD (CA), Sylvie GOULET (CA), Eric JOLICOEUR (CA), George KUKOLJ (CA), Martin POIRIER (CA), Marc-Andre POUPART (CA), Jean RANCOURT (CA), Youla S. TSANTRIZOS (CA)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(54) CHẤT ỨC CHẾ POLYMERAZA CỦA VIRUT, HỢP CHẤT TRUNG GIAN, QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA CHÚNG

(57) Sáng chế đề cập đến chất đồng phân, chất đồng phân đối ảnh, chất đồng phân không đối quang hoặc tautome của hợp chất có công thức I:

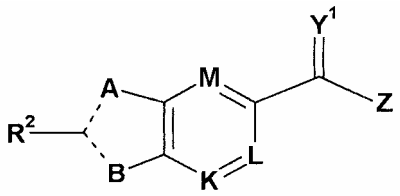

trong đó:
----- là liên kết đơn hoặc liên kết đôi;
A, R^2, B, K, L, M, Y^1 là như được xác định trong bản mô tả; và R^6 là H, alkyl, xycloalkyl, alkenyl, Het, alkyl-aryl, alkyl-Het;
Z là $N(R^{6a})R^6$ hoặc OR^6, trong đó R^{6a} là H hoặc alkyl hoặc $NR^{61}R^{62}$ trong đó R^{61} và R^{62} là như được xác định trong bản mô tả; và R^6 là H, alkyl, xycloalkyl, alkenyl, Het, alkyl-aryl, alkyl-Het;
hoặc R^6 là

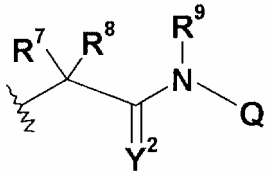

trong đó R^7 và R^8 và Q là như được xác định trong bản mô tả; Y^2 là O hoặc S;
R^9 là H, (C_{1-6} alkyl), (C_{3-7})xycloalkyl hoặc (C_{1-6})alkyl-(C_{3-7})xycloalkyl, aryl, Het, (C_{1-6}) alkyl-aryl hoặc (C_{1-6})alkyl-Het, tất cả các nhóm này tuỳ ý được thế bằng R^{90}; hoặc R^9 được liên kết cộng hoá trị với R^7 hoặc R^8 để tạo thành dị vòng có 5 hoặc 6 cạnh; muối hoặc dẫn xuất của nó, để làm chất ức chế polymeraza NS5B của HCV.

(11) **1-0009410**
(15) 05.07.2011 (51)[7] **F02F 1/36**, F01N 3/00, F02F 1/24
(21) 1-2005-01674 (22) 14.11.2005
(30) 2004-375394 27.12.2004 JP
(45) 25.08.2011 281 (43) 26.01.2006 214
(73) HONDA MOTOR CO., LTD (JP)
1-1, Minamiaoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo, JAPAN
(72) Shuji HIRAYAMA (JP), Kenichiro KAKEMIZU (JP), Yoshitaka NUKADA (JP)
(74) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)
(54) ĐỘNG CƠ
(57) Sáng chế đề xuất động cơ trong đó các đường trục của lỗ xả nước làm mát, được tạo thành trong đầu xi lanh để xả nước làm mát và các lỗ lắp bộ cảm biến, được tạo thành trong đầu xi lanh để lắp bộ cảm biến nhiệt độ nước và bộ cảm biến khí xả được bố trí gần như song song với nhau.

Trong động cơ (50) bao gồm đầu xi lanh (52) trong đó cửa xả (61) dùng để xả khí xả ra bên ngoài, áo nước (122) mà nước làm mát được cấp vào đó, đường ống xả nước làm mát (121a) dùng để xả nước làm mát ra khỏi áo nước (122), lỗ lắp bộ cảm biến khí ôxy (116a) được lắp vào cửa xả (61) và trong đó bộ cảm biến khí ôxy (116) dùng để xác định nồng độ ôxy của khí xả ở bên trong cửa xả (61) được lắp, và lỗ lắp bộ cảm biến nhiệt độ nước (119a) nối thông với áo nước (122) và trong đó bộ cảm biến nhiệt độ nước (119) dùng để xác định nhiệt độ của nước làm mát được lắp, được tạo ra, trong đó các đường trục của đường ống xả nước làm mát (121a), lỗ lắp bộ cảm biến oxy (116a) và lỗ lắp bộ cảm biến nhiệt độ nước (119a) được bố trí gần như song song với nhau.

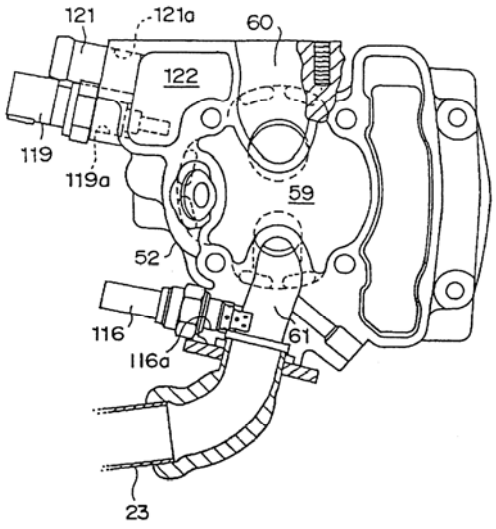

(11) **1-0009411**
(15) 05.07.2011 (51)[7] **C07C 217/74**, A61K 31/135, A61P 25/00
(21) 1-2008-01508 (22) 30.11.2006
(86) PCT/US06/045673 30.11.2006 (87) WO07/064697 07.06.2007
(30) 60/741,315 01.12.2005 US
60/841,366 30.08.2006 US
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.11.2008 248
(73) AUSPEX PHARMACEUTICALS, INC. (US)
1261 Liberty Way, Suite C, Vista, California 92081-8356, United States of America
(72) GANT, Thomas G. (US), SARSHAR, Sepehr (US)
(74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(54) HỢP CHẤT PHENETYLAMIN ĐƯỢC THẾ CÓ HOẠT TÍNH SEROTONINERGIC VÀ/HOẶC NOREPINEPHRINERGIC VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA NÓ

(57) Sáng chế đề cập đến hợp chất có công thức (1) dưới đây, dược phẩm chứa hợp chất có công thức (1) này để điều trị và/hoặc chữa trị các rối loạn hướng tâm thần, rối loạn lo âu, rối loạn lo âu toàn thể, trầm cảm, rối loạn stress sau chấn thương, rối loạn rám ảnh - cưỡng chế, rối loạn hoảng sợ, chứng bốc hỏa (đỏ bừng nóng), bệnh sa sút trí tuệ tuổi già, chứng đau nửa đầu, hội chứng gan-phổi, đau mãn tính, chứng đau do nhận cảm đau, đau do bệnh lý thần kinh, bệnh võng mạc do đái tháo đường gây đau, trầm cảm lưỡng cực, ngừng thở khi ngủ do tắc nghẽn, các rối loạn tâm thần, rối loạn bồn chồn trước kỳ kinh nguyệt, chứng ám ảnh sợ xã hội, rối loạn sợ giao tiếp xã hội, mất kiểm soát tiểu tiện, chứng chán ăn, chứng ăn vô độ tâm thần, bệnh béo phì, chứng thiếu máu cục bộ, tổn thương sọ não, tăng mức canxi trong tế bào não, lệ thuộc thuốc, và/hoặc xuất tinh sớm.

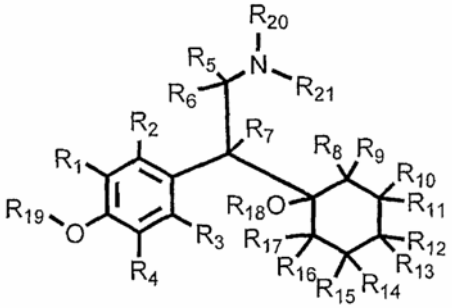

(11) **1-0009412**
(15) 05.07.2011 (51)[7] **H04L 12/58**
(21) 1-2009-02462 (22) 16.04.2008
(86) PCT/CN08/070724 16.04.2008 (87) WO08/131671 06.11.2008
(30) 200710074158.3 25.04.2007 CN
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.01.2010 262
(73) TENCENT TECHNOLOGY (SHENZHEN) COMPANY LIMITED (CN)
Room 403, East Block 2, SEG Park, Zhenxing Road, Futian District, Shenzhen city 518044, Guangdong Province, P. R. China
(72) LI, Linfei (CN)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Sao Việt (VIPATCO CO., LTD.)
(54) HỆ THỐNG VÀ PHƯƠNG PHÁP HIỂN THỊ NGƯỜI DÙNG LIÊN KẾT
(57) Sáng chế đề cập đến hệ thống và phương pháp hiển thị người dùng liên kết. Hệ thống hiển thị người dùng liên kết theo sáng chế bao gồm: bộ phận tạo biểu tượng, được làm thích ứng để tạo, khi người dùng liên kết trong công cụ tin nhắn nhanh (IM) được kéo ra khỏi giao diện danh sách người dùng liên kết trong công cụ IM, biểu tượng hiển thị theo người dùng liên kết, và hiển thị biểu tượng hiển thị trên giao diện của hệ điều hành đang chạy tại máy khách IM, và bộ phận nhắc tin nhắn, được làm thích ứng để thay đổi chế độ hiển thị của biểu tượng hiển thị khi nhận được IM từ người dùng liên kết. Trong các phương án của sáng chế, người dùng liên kết được hiển thị thông qua biểu tượng hiển thị và biểu tượng hiển thị có thể được đặt tại bất kỳ vị trí nào trên giao diện chính của hệ điều hành. Như vậy, khi nhận được IM từ người dùng liên kết, chế độ hiển thị dùng cho biểu tượng hiển thị tương ứng với người dùng liên kết có thể được thay đổi, do đó tạo ra các thao tác thuận tiện tại máy khách IM.

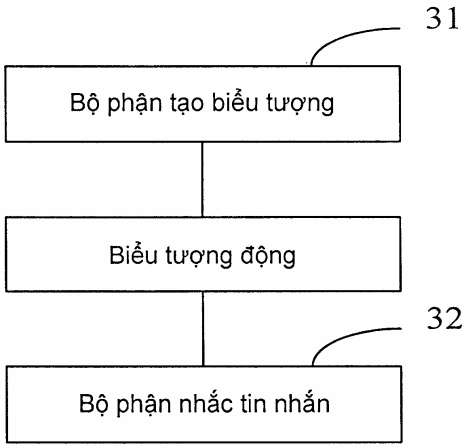

(11) **1-0009413**
(15) 05.07.2011 (51)[7] **C07D 231/20**
(21) 1-2008-01874 (22) 08.02.2007
(86) PCT/JP07/052184 08.02.2007 (87) WO07/094225 23.08.2007
(30) 2006-037245 14.02.2006 JP
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.12.2008 249
(73) IHARA CHEMICAL INDUSTRY CO., LTD. (JP)
4-26, Ikenohata 1-chome, Taito-ku, Tokyo, 1100008, Japan
(72) UCHIDA, Yukio (JP), ATSUMI, Naoya (JP)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) HỢP CHẤT 5-ALKOXY-4-HYĐROXYMETYLPYRAZOL VÀ QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ NÓ

(57) Sáng chế đề cập đến quy trình điều chế hợp chất 5-alkoxy-4- hyđroxymetylpyrazol theo cách đơn giản và có hiệu quả cao.
Quy trình điều chế hợp chất 5-alkoxy-4-hyđroxymetylpyrazol có công thức chung (3)

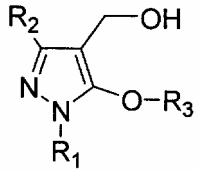
(3)

bao gồm bước cho hợp chất pyrazol có công thức chung (1)

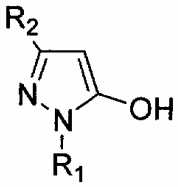
(1)

trong đó R_1 là phần tử thế như nhóm alkyl, nhóm được thế hoặc không được thế hoặc các phần tử tương tự, và R_2 là nhóm hút điện tử, phản ứng với hợp chất có công thức chung (2)

$$L\text{-}R_3 \qquad (2)$$

trong đó L là nhóm rời chuyển và R_3 là phần tử thế như nhóm alkyl được thế hoặc không được thế hoặc các nhóm tương tự, với sự có mặt của bazơ và fomlalđehyt.

(11) **1-0009414**
(15) 05.07.2011 (51)[7] **F16D 3/32**, 3/30
(21) 1-2003-00902 (22) 26.03.2002
(86) PCT/IB02/00927 26.03.2002 (87) WO02/077479 03.10.2002
(30) PR 3946 26.03.2001 AU
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.03.2004 192
(73) THOMPSON COUPLINGS LIMITED (AU)
68 Summer Street, Orange NSW 2800, Australia
(72) GLENN ALEXANDER THOMPSON (AU)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(54) KHỚP NỐI VẬN TỐC BẤT BIẾN VÀ HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN

(57) Sáng chế đề cập đến khớp nối đồng tốc (10, 305) nối quay được trục tiếp động (11) với trục phát động (12) nhờ cơ cấu điều khiển hoặc hệ thống điều khiển (21, 309), dưới dạng cụ thể, bao gồm kết cấu khớp các đăng có chạc trong (22) được nối quay được với chạc ngoài (16). Cơ cấu điều khiển có chạc điều khiển (21) khống chế ít nhất các phần của khớp nối nằm trên hoặc kết hợp với mặt phẳng đồng nhất về động học (300) của khớp nối. Cơ cấu điều khiển hoạt động đối xứng qua đường phân giác của góc bù (308). Theo một kết cấu khác, khớp nối này có khớp đồng tốc kép trong đó cơ cấu điều khiển được định vị trên ống điều khiển nối hai khớp nối. Theo một kết cấu khác, góc giữa trục tiếp động (11) và trục phát động (12) được điều chỉnh để thay đổi dung tích của cơ cấu dịch chuyển thuỷ lực dạng tấm lắc.

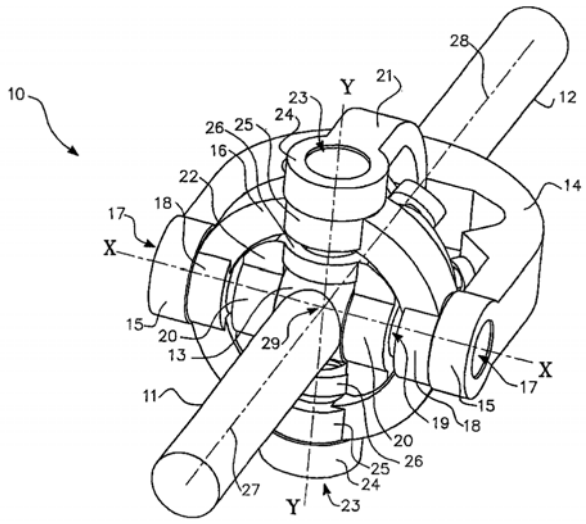

(11) **1-0009415**
(15) 05.07.2011 (51)[7] **A61K 38/17**, A61P 9/10
(21) 1-2005-00596 (22) 03.10.2003
(86) PCT/NZ03/000222 03.10.2003 (87) WO04/030690 15.04.2004
(30) 521955 04.10.2002NZ
(45) 25.08.2011 281 (43) 26.12.2005 213
(73) A2 CORPORATION LIMITED (NZ)
Level 5, 235 Broadway, Newmarket, Auckland, New Zealand
(72) CAMPBELL, Julie, Hazel (AU), TAILFORD, Kristy, Ann (AU), McLACHLAN, Corran, Norman, Stuart (NZ)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)
(54) SỬ DỤNG BETA-CASEIN A2 TRONG ĐIỀU TRỊ CHỨNG TĂNG CHOLESTEROL-HUYẾT, CHỨNG TĂNG LIPIT-HUYẾT VÀ BỆNH VỮA XƠ ĐỘNG MẠCH

(57) Sáng chế đề cập đến việc sử dụng chế phẩm chứa β-casein để làm giảm mức của một hoặc nhiều thành phần bất kỳ trong số các thành phần sau trong huyết thanh ở động vật có vú: mức cholesterol, tỷ lệ cholesterol lipoprotein tỷ trọng thấp (LDL) với cholesterol lipoprotein tỷ trọng cao (HDL), cholesterol lipoprotein tỷ trọng thấp (LDL), cholesterol lipoprotein tỷ trọng rất thấp (VLDL), apolipoprotein B, và triglyxerit. Thức ăn bổ sung được tạo ra bằng cách bổ sung β-casein vào thức ăn hoặc đồ uống để sử dụng cho người, trong đó β-casein này bao gồm ít nhất 95% β-Casein A^2, tốt hơn nếu chỉ bao gồm β-casein A^2.

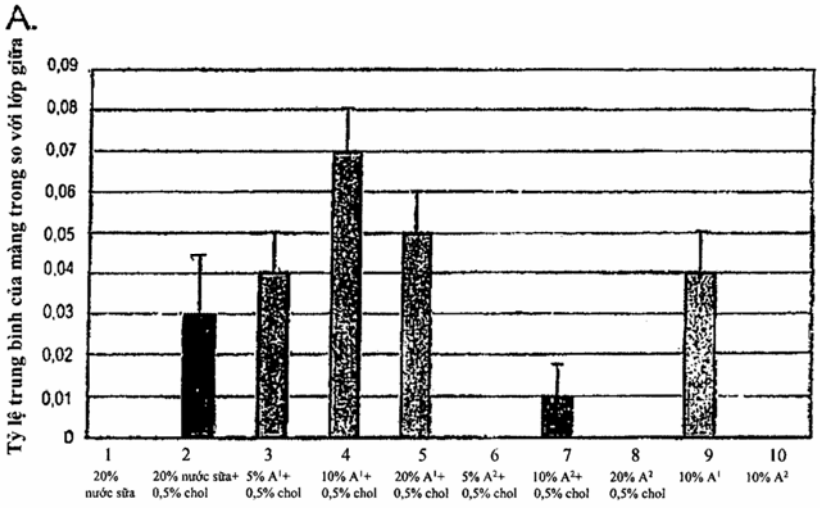

(11) **1-0009416**
(15) 05.07.2011 (51)[7] **A23L 1/226**, 1/22, A23D 9/00
(21) 1-2006-00921 (22) 09.11.2004
(86) PCT/JP04/016557 09.11.2004 (87) WO05/046354 26.05.2005
(30) 2003-382729 12.11.2003 JP
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.12.2006 225
(73) J-OIL MILLS, INC. (JP)
8-1, Akashi-cho, Chuo-ku, Tokyo 104-0044 Japan
(72) YAMAGUCHI Susumu (JP), BABA Keiko (JP), MORI Osamu (JP), TASHIMA Ikukazu (JP), MATSUZAKI Narihide (JP)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO., LTD)
(54) CHẾ PHẨM GIA TĂNG VỊ BÉO NGẬY, ĐẬM ĐÀ CHỨA AXIT BÉO KHÔNG BÃO HOÀ CAO MẠCH DÀI VÀ/HOẶC ESTE CỦA NÓ VÀ PHƯƠNG PHÁP TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ CỦA CHẾ PHẨM GIA TĂNG VỊ BÉO NGẬY, ĐẬM ĐÀ

(57) Mục đích của sáng chế là đề xuất phương pháp gia tăng vị béo ngậy, đậm đà, vị và mùi của thực phẩm.

Do đó, sáng chế đề cập tới chế phẩm gia tăng vị béo ngậy, đậm đà chứa axit béo không bão hoà cao mạch dài và/hoặc este của nó để làm thành phần chính và thành phần làm gia tăng vị béo ngậy, đậm đà; chế phẩm gia tăng vị béo ngậy, đậm đà chứa axit béo không bão hoà cao mạch dài và/hoặc este của nó có nguồn gốc từ dầu thực vật cụ thể chứa một lượng lớn axit γ-linolenic; phương pháp tăng cường hiệu quả của chế phẩm gia tăng vị béo ngậy, đậm đà chứa axit béo không bão hoà cao mạch dài và/hoặc este của nó, gồm bước bổ sung thành phần làm gia tăng vị béo ngậy, đậm đà vào chế phẩm gia tăng vị béo ngậy, đậm đà; hỗn hợp chất béo và dầu thực vật có hàm lượng axit α-linolenic là 5% hoặc nhỏ hơn, chứa axit béo không bão hoà cao mạch dài và/hoặc este của nó; thực phẩm có vị béo ngậy, đậm đà được gia tăng chứa chế phẩm gia tăng vị béo ngậy, đậm đà hoặc hỗn hợp chất béo và dầu thực vật; phương pháp làm gia tăng vị béo ngậy, đậm đà của thực phẩm bao gồm bước bổ sung chế phẩm gia tăng vị béo ngậy, đậm đà hoặc hỗn hợp chất béo và dầu thực vật vào thực phẩm; và phương pháp làm gia tăng vị béo ngậy, đậm đà của thực phẩm bao gồm bước bổ sung riêng lẻ axit béo không bão hoà cao mạch dài và/hoặc este của nó và thành phần làm gia tăng vị béo ngậy, đậm đà vào thực phẩm này.

(11) **1-0009417**
(15) 05.07.2011 (51)[7] **C12N 15/01**, 9/02, 1/21, C12P 7/18, 7/28
(21) 1-2006-01326 (22) 12.01.2005
(86) PCT/FR05/000070 12.01.2005 (87) WO05/073364 11.08.2005
(30) 0400214 12.01.2004 FR
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.10.2006 223
(73) METABOLIC EXPLORER (FR)
Biopole Clermont-Limagne, F-63360 Saint Beauzire, France
(72) MEYNIAL-SALLES Isabelle (FR), GONZALEZ Benjamin (FR), SOUCAILLE Philippe (FR)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) PHƯƠNG PHÁP TẠO RA CHỦNG VI SINH CẢI BIẾN, CHỦNG THU ĐƯỢC VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT 1,2-PROPANĐIOL
(57) Sáng chế đề cập tới phương pháp tạo ra chủng vi sinh cải biến để sản xuất 1,2-propanediol thông qua quá trình chuyển hoá nguồn cacbon đơn giản, phương pháp này bao gồm bước nuôi cấy dưới áp lực chọn lọc trong môi trường sinh trưởng thích hợp chứa nguồn cacbon đơn giản của chủng vi khuẩn ban đầu đã được làm khuyết gen tpiA và làm khuyết ít nhất một gen liên quan tới quá trình chuyển hoá metylglyoxal (propanal) thành lactat, để cải biến một hoặc nhiều gen liên quan tới quá trình sinh tổng hợp DHAP thành metylglyoxal và tiếp đó thành 1,2-propanđiol trong chủng ban đầu này thành các gen cải biến có hoạt tính "1,2-propanđiol syntaza" được cải thiện, sau đó lựa chọn và phân lập các chủng vi sinh vật đã được cải biến này.

Sáng chế còn đề cập tới vi sinh vật ban đầu và chủng sinh cải biến thu được bằng phương pháp nêu trên, và phương pháp sản xuất 1,2-propanđiol và axeton bằng cách nuôi cấy các chủng vi sinh cải biến này trong môi trường chứa nguồn cacbon đơn giản.

(11) **1-0009418**
(15) 05.07.2011 (51)[7] **A61K 9/16**, 9/20, 33/06
(21) 1-2006-01923 (22) 24.05.2005
(86) PCT/DK05/000338 24.05.2005 (87) WO05/115342 08.12.2005
(30) PA 2004 00813 24.05.2004 DK
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.05.2007 230
(73) NYCOMED PHARMA AS (NO)
Drammensveien 852, NO-1385 Asker, Norway
(72) MATHIESEN, Jacob (DK), NIELSEN, Carsten Martini (DK), OLSEN, Peder Mohr (DK), BERTELSEN, Poul Egon (DK)
(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
(54) NGUYÊN LIỆU DẠNG HẠT CHỨA HỢP CHẤT CHỨA CANXI VÀ RƯỢU ĐƯỜNG, QUY TRÌNH BÀO CHẾ VÀ DẠNG LIỀU RẮN CHỨA NGUYÊN LIỆU NÀY
(57) Sáng chế đề cập đến nguyên liệu dạng hạt và dạng liều rắn chủ yếu ở dạng viên nén bao gồm hợp chất chứa canxi có hình dạng đều như muối canxi làm hoạt chất phòng bệnh và/hoặc chữa bệnh và rượu đường dược dụng, ví dụ, sorbitol và/hoặc isomalt có vi cấu trúc được khẳng định bởi SEM. Sáng chế cũng đề cập đến quy trình sản xuất nguyên liệu dạng hạt và bào chế dạng liều rắn. Quy trình này bao gồm việc tạo kết tụ hợp chất chứa canxi và rượu đường dược dụng bằng cách nén bằng trục cán. Nguyên liệu dạng hạt thu được bằng cách nén bằng trục cán là thích hợp để sử dụng trong việc bào chế tiếp nguyên liệu dạng hạt thành, ví dụ, viên nén như viên nén để nhai.

(11) **1-0009419**
(15) 05.07.2011 (51)[7] **A23L 1/226**, 1/22, A23D 9/00
(21) 1-2008-00961 (22) 09.11.2004
(62) 1-2006-00921
(86) PCT/JP04/016557 09.11.2004 (87) WO05/046354 26.05.2005
(30) 2003-382729 12.11.2003JP
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.07.2008 244
(73) J-OIL MILLS, INC. (JP)
8-1, Akashi-cho, Chuo-ku, Tokyo 104-0044 Japan
(72) YAMAGUCHI Susumu (JP), BABA Keiko (JP), MORI Osamu (JP), TASHIMA Ikukazu (JP), MATSUZAKI Narihide (JP)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(54) HỖN HỢP CHẤT BÉO VÀ DẦU THỰC VẬT VÀ PHƯƠNG PHÁP LÀM GIA TĂNG VỊ BÉO NGẬY, ĐẬM ĐÀ CỦA THỰC PHẨM

(57) Mục đích của sáng chế là đề xuất phương pháp làm gia tăng vị béo ngậy, đậm đà, vị và mùi của thực phẩm.

Do đó, sáng chế đề cập tới hỗn hợp chất béo và dầu thực vật có hàm lượng axit α-linolenic là 5% hoặc nhỏ hơn, chứa axit béo không bão hoà cao mạch dài và/hoặc este của nó; thực phẩm có vị béo ngậy, đậm đà gia tăng chứa hỗn hợp chất béo và dầu thực vật; phương pháp làm gia tăng vị béo ngậy, đậm đà của thực phẩm bao gồm bước bổ sung hỗn hợp chất béo và dầu thực vật vào thực phẩm; và phương pháp làm gia tăng vị béo ngậy, đậm đà của thực phẩm bao gồm bước bổ sung riêng lẻ axit béo không bão hoà cao mạch dài và/hoặc este của nó và thành phần làm gia tăng vị béo ngậy, đậm đà vào thực phẩm này.

(11) **1-0009420**
(15) 05.07.2011 (51)[7] **B65B 3/17**, 39/08, B65D 30/16
(21) 1-2009-00774 (22) 25.10.2007
(86) PCT/SE07/000940 25.10.2007 (87) WO08/051151 02.05.2008
(30) 0602259-4 26.10.2006 SE
(45) 25.08.2011 281 (43) 26.10.2009 259
(73) ECOLEAN RESEARCH & DEVELOPMENT A/S (DK)
Holbergsgade 14, 2 sal tv, DK-1057 Kopenhamn, Denmark
(72) Per GUSTAFSSON (SE)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(54) THIẾT BỊ NẠP ĐỒ CHỨA LOẠI GẤP LẠI ĐƯỢC
(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị nạp (1) sản phẩm có dạng lỏng hay bột vào đồ chứa loại gập lại được (21), đồ chứa (21) này có một khoang được xác định bởi các thành bên mềm dẻo và dung tích của nó tùy thuộc vào vị trí tương đối của các thành bên và thông với xung quanh một đường ống nạp (22) của đồ chứa (21), bao gồm hộp van (2) có một ống nạp (5), ống nạp (5) này có thể đút vào đường ống nạp (22) đã nêu của đồ chứa (21) để cấp sản phẩm vào khoang chứa của đồ chứa (2) qua đường dẫn sản phẩm (9) được xác định bởi hộp van (2) và ống nạp (5) của nó, một pit tông (4) được bố trí ở đường dẫn sản phẩm (9) và bao gồm thân van (11) và một đầu pit tông (12) được bố trí ở phía sau thân van, pit tông (4) có thể dịch chuyển giữa vị trí thứ nhất, tại đó thân van (11) tỳ vào đế van (7) của hộp van (2) để chặn đường dẫn sản phẩm (9), đầu pit tông (12) được bố trí ở và liền kề phần cửa xả (6) của ống nạp (5) để chống lại sự rò rỉ, và vị trí thứ hai, trong đó thân van (11) được dịch chuyển khỏi đế van (7) để mở đường dẫn sản phẩm (9) và đầu pit tông (12) tại vị trí, tại đó cùng với phần cửa xả (6) xác định một đường nạp, và phương tiện kẹp (3), được bố trí để kẹp chặt ống nạp (5) và đường ống nạp (22) đã nêu khi ống nạp (5) được đút vào đường ống nạp (22) để tạo ra sự bịt kín giữa ống nạp (5) và đường ống nạp (22), ống nạp (5) này được làm bằng vật liệu cứng.

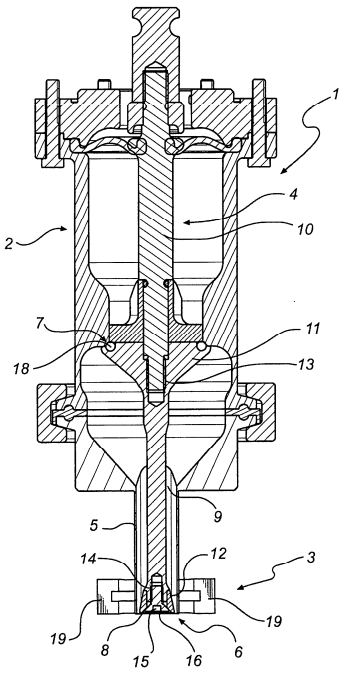

(11) **1-0009421**
(15) 05.07.2011 (51)[7] **F03B 13/18**
(21) 1-2009-01782 (22) 13.11.2007
(86) PCT/GB07/004366 13.11.2007 (87) WO08/090302 31.07.2008
(30) 0701384.0 25.01.2007GB
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.01.2010 262
(73) DARTMOUTH WAVE ENERGY LIMITED (GB)
Derwent Lodge, South Town, Dartmouth, Devon TQ6 9BU, United Kingdom
(72) SMITH, Alvin (GB)
(74) Văn phòng Luật sư Ân Nam (ANNAM IP & LAW)
(54) THIẾT BỊ CHUYỂN ĐỔI NĂNG LƯỢNG SÓNG
(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị chuyển đổi năng lượng sóng nước và trọng lực, tác dụng kép, tự điều chỉnh theo phương thẳng đứng kết hợp với đế dạng cột chìm đế dạng cột bị chìm (22) có thể được buộc bằng dây (28) hoặc được bắt chặt bằng chốt vào một khối nặng (29) hoặc được cố định vào đáy nước (31). Cột (22) có thể được cho vào ngăn cột chứa nước chìm bổ sung (23), vận hành như đế dạng cột điều chỉnh được đối với thủy triều. Bơm (9) là bộ phận chuyển đổi năng lượng sóng bằng cách sử dụng năng lượng sóng ở dạng di chuyển sóng để làm dịch chuyển phao (2), nâng pittông chuyển động tịnh tiến (12) của bơm và sử dụng lực trọng trường làm cho khối trọng lượng (3) đẩy pittông đi xuống khi sóng đi qua. Bơm có thể ép nước nằm trong ống đi lên tạo cột nước lên đến 100 m hoặc cao hơn nữa và bơm có tạo lực ép vượt quá 150 pao trên một insơ vuông (1054600 Pa) khi được điều chỉnh tương ứng.

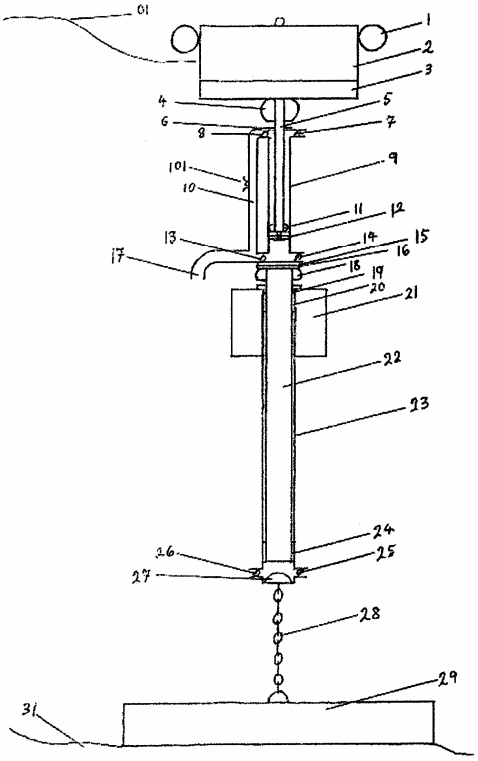

(11) **1-0009422**
(15) 06.07.2011 (51)[7] **G08G 1/00**
(21) 1-2010-01747 (22) 07.07.2010
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.08.2010 269
(73) TRUNG TÂM QUẢNG CÁO VÀ DỊCH VỤ PHÁT THANH (VOVAS) (VN)
Tầng 10, 58 Quán Sứ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(72) Vũ Minh Tuấn (VN), Đỗ Văn Thắng (VN)
(54) HỆ THỐNG GIÁM SÁT GIAO THÔNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ TRUYỀN DẪN 3G
(57) Sáng chế đề xuất hệ thống ứng dụng công nghệ 3G để truyền dẫn các nguồn tín hiệu viđeo từ các camera, điện thoại di động, v.v., sử dụng công nghệ 3G, về trung tâm từ các khoảng cách xa, bảo mật cao nằm rải rác trên toàn lãnh thổ. Hệ thống này mã hoá các nguồn viđeo theo các định dạng phù hợp, tạo luồng các nguồn viđeo đã mã hoá để cung cấp các nguồn viđeo đảm bảo cho nhiều người có thể xem đồng thời. Hệ thống cũng thực hiện các chức năng quản lý nội dung để điều khiển các hoạt động của dịch vụ, đảm bảo cho hệ thống chạy đúng theo mô hình đã định.

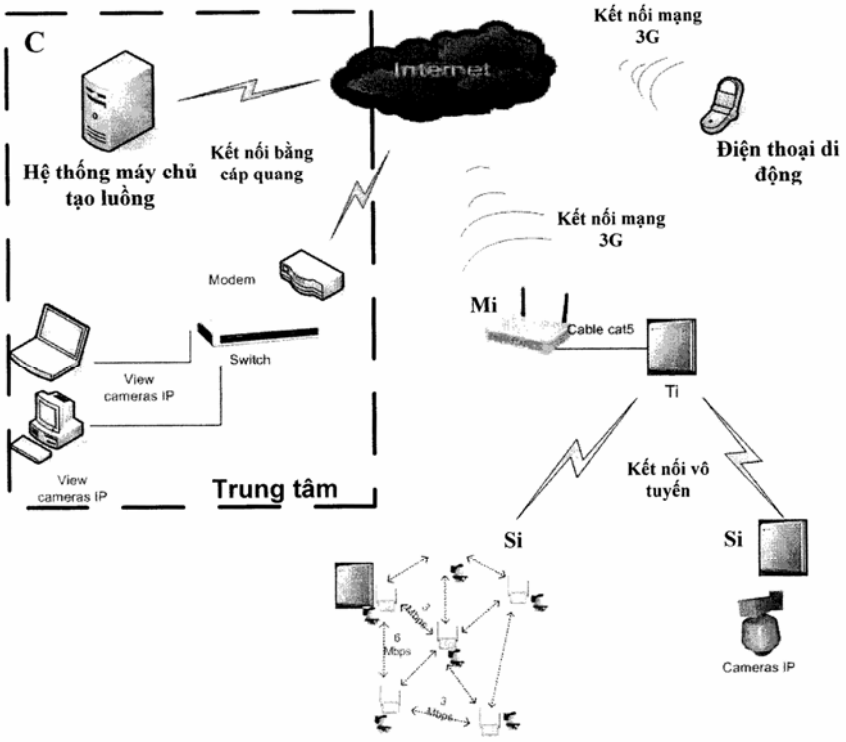

(11) **1-0009423**
(15) 11.07.2011 (51)[7] **G02B 5/08**
(21) 1-2009-01056 (22) 23.11.2007
(86) PCT/KR07/005957 23.11.2007 (87) WO08/063030 29.05.2008
(30) 10-2006-0116649 24.11.2006 KR
(45) 25.08.2011 281 (43) 26.10.2009 259
(73) 1. ALPHAVISION CO., LTD. (KR)
26-1, Gisan-dong, Hwaseong-si, Gyeonggi-do 445-300, Republic of Korea
2. YOON, JAE-DONG (KR)
101-1403 Samsung Raemian Apt., Geumgwang2-dong, Jungwon-gu, Seongnam-City, Gyeonggi-do 462-242
(72) Yoon, Jae-Dong (KR)
(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
(54) GƯƠNG PHẢN XẠ VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT CHÚNG
(57) Sáng chế đề xuất gương phản xạ để phản xạ ánh sáng tới, gương này gồm có nhựa tinh thể mà miền tinh thể và miền vô định hình được trộn vào nhau, trong đó miền vô định hình gồm nhiều lớp định hướng gồm có các hạt vô định hình được định hướng theo hướng định trước. Sáng chế cũng đề xuất phương pháp sản xuất loại gương này. Gương phản xạ có hệ số phản xạ cao được tạo ra bằng cách kéo dài vật liệu nhựa tinh thể có tính kéo dài tốt để kéo dài các phần vô định hình trong miền vô định hình theo hướng định trước để tạo thành nhiều lớp kéo dài trong miền vô định hình. Theo sáng chế, vì có thể sản xuất được gương phản xạ có hiệu quả cao có hệ số phản xạ được tăng cường do hệ số phản xạ khuếch tán cao nhờ các lớp kéo dài trong miền vô định hình mà không cần quá trình xử lý tạo bọt hoặc bổ sung các chất phụ gia để tăng hệ số phản xạ, nên quá trình sản xuất gương phản xạ trở nên đơn giản và nhờ đó mà giá thành sản xuất được giảm và năng suất sản xuất được cải thiện rõ rệt.

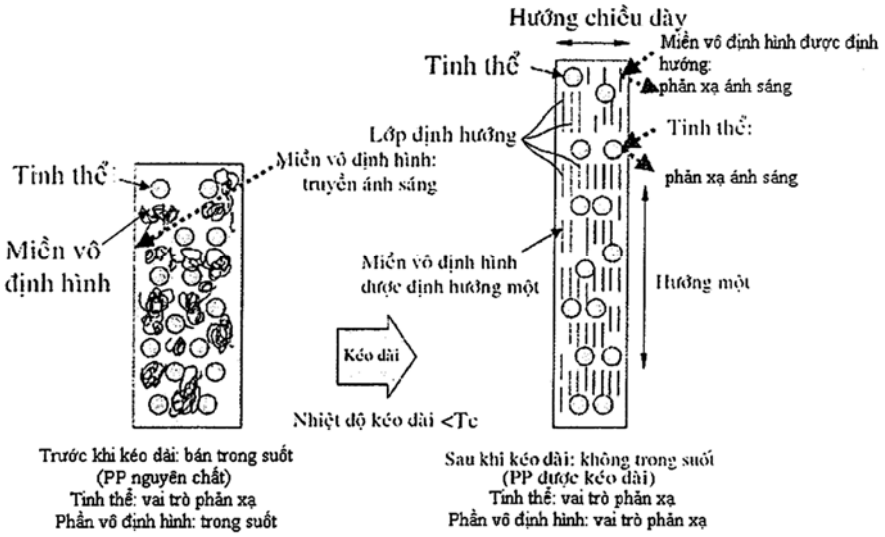

(11) **1-0009424**
(15) 11.07.2011 (51)[7] **F01N 3/34**, 3/22, F02B 61/02
(21) 1-2005-01895 (22) 22.12.2005
(30) 2004-376197 27.12.2004 JP
(45) 25.08.2011 281 (43) 26.03.2006 216
(73) HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)
1-1, Minamiaoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo, Japan
(72) Takuhei KUSANO (JP), Nobuhiro SHIMADA (JP), Takayasu SUGITANI (JP), Shigeyuki FURUHA (JP)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) BỘ PHẬN DẪN KHÔNG KHÍ PHỤ CỦA XE MÁY

(57) Sáng chế đề xuất bộ phận dẫn không khí phụ của xe máy để tăng lượng không khí phụ được dẫn và để đảm bảo lượng không khí cần thiết của nó mà không bị ảnh hưởng bởi việc giảm công suất, v.v.. Trong xe máy được làm thích ứng để cấp không khí phụ tới đường xả của động cơ (16), đường dẫn không khí thứ nhất (75) và các đường dẫn không khí thứ hai (76) là các đường dẫn không khí phụ được tạo ra trên ống xả (33) là đường xả, không khí phụ được dẫn vào trong ống xả (33) từ đường dẫn không khí thứ nhất (75) và đường dẫn không khí thứ hai (76), và lượng không khí phụ được dẫn vào trong ống xả (33) được tăng lên, nhờ đó nâng cao khả năng oxy hoá khí chưa cháy trong ống xả (33).

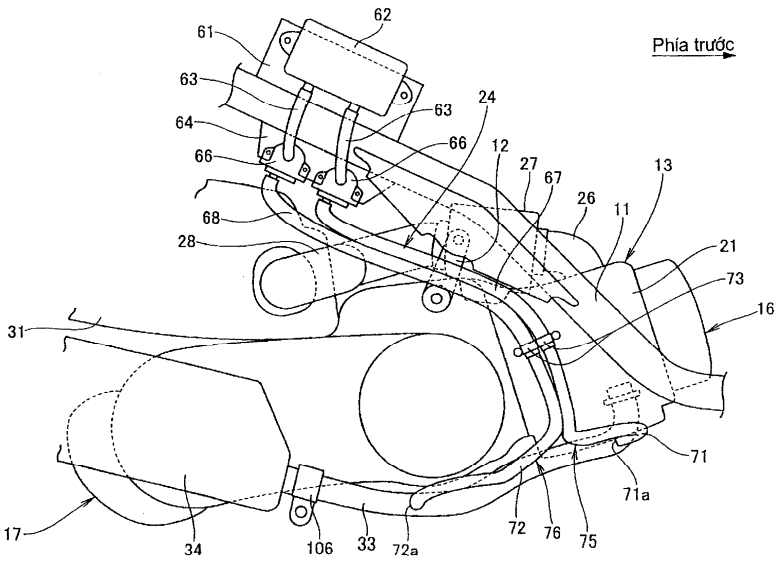

(11) **1-0009425**
(15) 11.07.2011 (51)[7] **F16H 57/04**
(21) 1-2008-01649 (22) 04.07.2008
(30) 2007-214105 20.08.2007 JP
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.02.2009 251
(73) YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)
2500 Shingai, Iwata-shi, Shizuoka-ken 438-8501, Japan
(72) Takayuki Nobuhira (JP)
(74) Công ty TNHH Tư vấn - Đầu tư N.T.K. (N.T.K. CO., LTD.)
(54) PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG KIỂU NGỒI CHÂN ĐỂ HAI BÊN
(57) Sáng chế đề xuất phương tiện giao thông kiểu ngồi chân để hai bên có khả năng nâng cao hiệu quả thoát nhiệt trong hộp để chứa bộ truyền động biến thiên liên tục. Xe máy (1) bao gồm: bộ truyền động biến thiên liên tục dạng đai (30) được bố trí phía trước của bánh sau (4) dọc theo động cơ (20); hộp truyền động (50) để chứa bộ truyền động biến thiên liên tục (30); ống nạp khí (75) để đưa không khí phía ngoài vào trong hộp truyền động (50); và ống thoát khí (70) để xả không khí trong hộp truyền động (50) ra. Ống thoát khí (70) được nối vào phần đỉnh của hộp truyền động (50) và được kéo dài lên phía trên từ phần đỉnh đó. Ống thoát khí (70) có cửa thoát khí của nó được bố trí bên trên hộp truyền động (50).

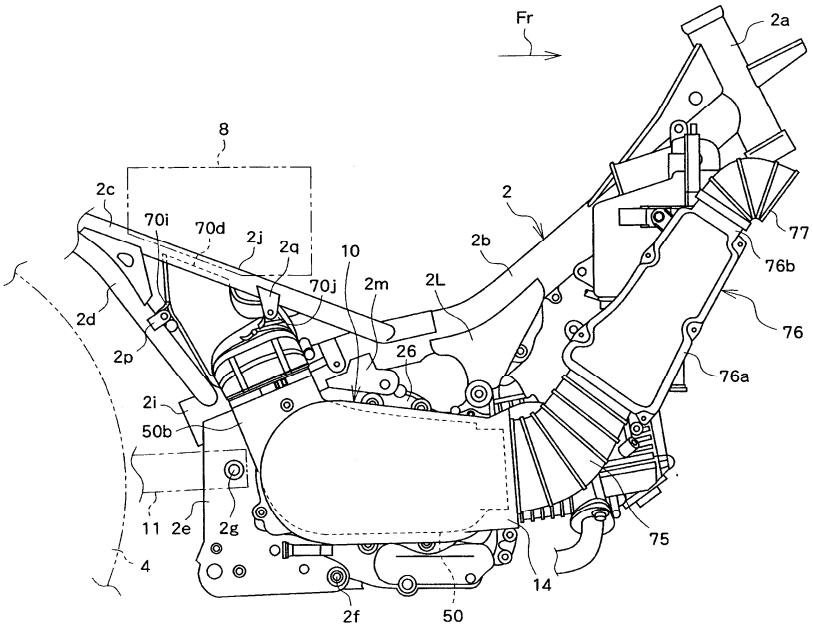

(11) **1-0009426**
(15) 11.07.2011 (51)[7] **H04Q 7/36**, H04B 7/26, H04J 11/00, 13/06, H04Q 7/38
(21) 1-2008-02045 (22) 11.01.2007
(86) PCT/JP07/050262 11.01.2007 (87) WO07/083569 26.07.2007
(30) 2006-010496 18.01.2006 JP
2006-127987 01.05.2006 JP
2006-272347 03.10.2006 JP
2006-298312 01.11.2006 JP
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.01.2009 250
(73) NTT DOCOMO, INC. (JP)
11-1, Nagatacho 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-6150, Japan
(72) Kenichi HIGUCHI (JP), Mamoru SAWAHASHI (JP), Nobuhiko MIKI (JP), Yoshihisa KISHIYAMA (JP)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(54) THIẾT BỊ VÀ PHƯƠNG PHÁP TRUYỀN THÔNG VÔ TUYẾN
(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị và phương pháp truyền thông vô tuyến. Thiết bị truyền thông vô tuyến bao gồm: bộ lập lịch tần số được cấu hình để phân định ít nhất một khối tài nguyên cho từng thiết bị đầu cuối truyền thông; phương tiện tạo kênh thứ nhất được cấu hình để tạo kênh dữ liệu cho thiết bị đầu cuối truyền thông; phương tiện tạo kênh thứ hai được cấu hình để tạo kênh điều khiển chuyên dụng cho thiết bị đầu cuối truyền thông; phương tiện tạo kênh thứ ba được cấu hình để tạo kênh điều khiển không chuyên dụng chung cho các thiết bị đầu cuối truyền thông; phương tiện tạo kênh thứ tư được cấu hình để tạo kênh quảng bá; phương tiện dồn kênh được cấu hình để sắp xếp kênh quảng bá trên khối tần số; và phương tiện truyền tín hiệu được cấu hình để truyền tín hiệu đầu ra của phương tiện dồn kênh.

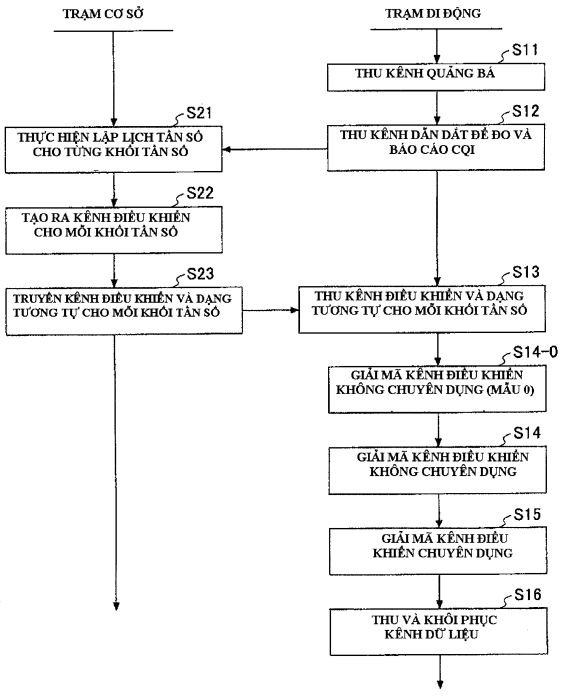

(11) **1-0009427**
(15) 11.07.2011 (51)[7] **B32B 37/12**, 37/30, 38/04, 38/00, 37/18
(21) 1-2007-01718 (22) 25.05.2005
(86) PCT/US05/018484 25.05.2005 (87) WO06/091211 31.08.2006
(30) 11/063,764 23.02.2005 US
(45) 25.08.2011 281 (43) 26.11.2007 236
(73) TEH YOR CO., LTD. (TW)
129, 2nd Floor, Chung Shan N. Road, Sec.1, 10418, Taipei, TAIWAN
(72) YU, Fu-Lai (TW)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)
(54) THIẾT BỊ VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT RÈM CỬA DẠNG TỔ ONG
(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị và phương pháp sản xuất kết cấu dạng tổ ong có thể mở rộng phù hợp để dùng làm rèm cửa sổ. Vật liệu được cấp đến máy gập và đi qua máy cắt. Keo được phun lên vật liệu ở phía sau máy cắt và vật liệu này được cắt với độ dài mong muốn. Dải vật liệu đã được cắt được xếp chồng với các dải được tạo ra theo cách tương tự để tạo ra kết cấu dạng tổ ong.

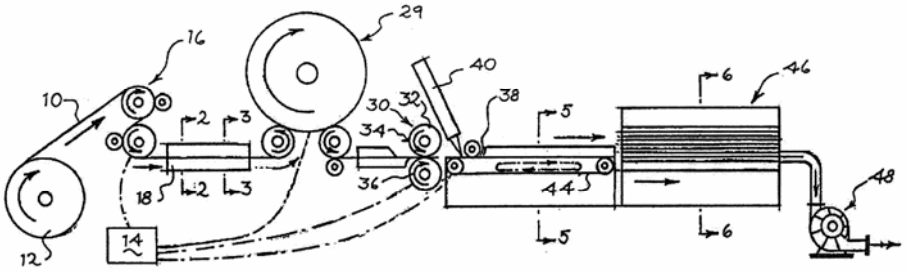

(11) **1-0009428**
(15) 11.07.2011 (51)[7] **F16L 23/00**
(21) 1-2009-01569 (22) 01.06.2007
(86) PCT/KR07/002677 01.06.2007 (87) WO08/082040 10.07.2008
(30) 10-2007-0001046 04.01.2007 KR
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.11.2009 260
(73) DONG WON STEEL CO., LTD. (KR)
960-1, Dogae-ri, Miryeok-myeon, Boseong-gun Jeollanam-do 542-822, Republic of Korea
(72) LEE, Jang-sub (KR)
(74) Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội (AMBYS HANOI)
(54) ỐNG THÉP CÓ VỎ GỢN SÓNG CÓ CẤU TRÚC KÉP
(57) Sáng chế đề cập đến ống thép có vỏ gợn sóng có cấu trúc kép, và cụ thể là đề cập đến ống thép có vỏ gợn sóng có cấu trúc kép mà có thể bố trí thuận tiện ống nhựa thành trơn ở bên trong, và bích dạng vòng được bố trí tại các mặt đầu của ống, nhờ đó việc lắp ghép các ống thép có vỏ gợn sóng trở nên đơn giản và thuận tiện, trong khi đồng thời cải thiện tác dụng lắp ghép và tác dụng bịt kín.

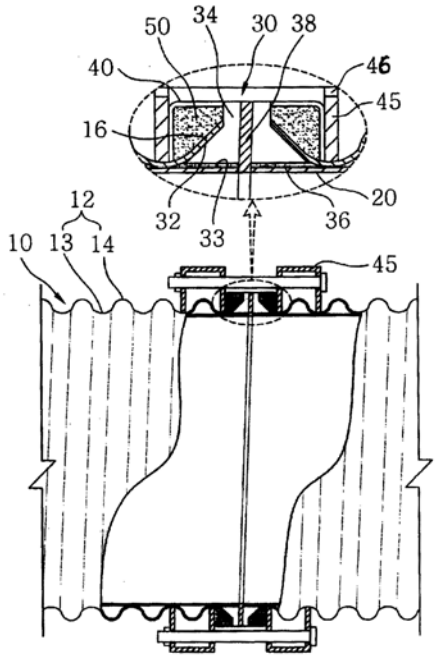

(11) **1-0009429**

(15) 11.07.2011 (51)[7] **C12N 1/00**, C07K 16/26, A61K 39/395
(21) 1-2004-00466 (22) 25.10.2002
(86) PCT/US02/34420 25.10.2002 (87) WO03/038043 08.05.2003
(30) 60/346,402 01.11.2001 US
60/391,478 24.06.2002 US
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.04.2005 205

(73) UAB RESEARCH FOUNDATION (US)
Suite 1120G, 701 South 20th Street, Birmingham, AL 35294, United States of America
(72) ZHOU, Tong (CN), ICHIKAWA, Kimihisa (JP), KIMBERLY, Robert, P. (US), KOOPMAN, William J. (US), OSHUMI, Jun (JP), LOBUGLIO, Albert, F. (US), BUCHSBAUM, Donald, J. (US)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(54) PHƯƠNG PHÁP GÂY CHẾT TẾ BÀO THEO CHƯƠNG TRÌNH IN VITRO BẰNG CÁCH SỬ DỤNG CÁC KHÁNG THỂ LIÊN KẾT ĐẶC HIỆU VỚI THỤ THỂ PHỐI TỬ GÂY CHẾT TẾ BÀO THEO CHƯƠNG TRÌNH LIÊN QUAN ĐẾN YẾU TỐ HOẠI TỬ KHỐI U VÀ CHẾ PHẨM CHỨA CÁC KHÁNG THỂ NÀY

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp gây chết tế bào theo chương trình in vitro cho các tế bào đích biểu hiện DR4 và DR5 bằng cách sử dụng các kháng thể liên kết đặc hiệu với thụ thể phối tử gây chết tế bào theo chương trình liên quan đến yếu tố hoại tử khối u. Sáng chế còn đề cập đến chế phẩm chứa các kháng thể này để gây chết tế bào theo chương trình chọn lọc ở các tế bào đích biểu hiện DR5 và DR4.

(11) **1-0009430**
(15) 11.07.2011 (51)[7] **C07C 271/10**, 269/06, 269/00, A61K 31/27, 31/33, C07D 263/44
(21) 1-2005-01039 (22) 22.01.2004
(86) PCT/FR04/000139 22.01.2004 (87) WO04/067498 12.08.2004
(30) 03/00704 23.01.2003 FR
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.11.2005 212
(73) SANOFI - AVENTIS (FR)
174 Avenue de France FR-75013 Paris, France
(72) ABOUABDELLAH, AHMED (FR), ALMARIO GARCIA ANTONIO (ES), HOORNAERT, CHRISTIAN (BE), RAVET, ANTOINE (FR)
(74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)
(54) HỢP CHẤT ARYLALKYLCARBAMAT, QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ CHÚNG VÀ SỬ DỤNG CHÚNG ĐỂ BÀO CHẾ THUỐC ĐIỀU TRỊ BỆNH

(57) Sáng chế đề cập đến các hợp chất có công thức chung (I), trong đó n là số nguyên nằm trong khoảng từ 1 đến 7, A được chọn từ một hoặc một số nhóm X, Y và/hoặc Z, X $C=_{1-2}$ alkylen, tùy ý được thế bằng một hoặc nhiêu nhóm C_{1-12} alkyl, C_{3-7} xycloalkyl hoặc C_{3-7} xycloalkyl-C_{1-6} alkylen, Y = C_2 alkenylen, tùy ý được thế bằng một hoặc một số C_{1-12} alkyl, C_{3-7} xycloalkyl hoặc C_{3-7}xycloalkyl-C_{1-6} alkylen, Z = nhóm C_{3-7} xycloalkyl có công thức, (II), (III), m - một số nguyên nằm trong khoảng từ 1 đến 5, p và q là các số nguyên được xác định sao cho p+q là một số nằm trong khoảng từ 1 đến 5, R_1 = H, halogen, hydroxyl, xyano, nitro, C_{1-4} alkyl, C_{1-4} alkoxy, C_{1-4} thioalkyl, C_{1-4}floalkyl, C_{1-4} floalkoxy, C_{1-4} flothioalkyl, R_2 =H, halogen, xyano, nitro, hydroxyl, C_{1-4} alkyl, C_{1-4} alkoxy, C_{1-4} thioalkyl, C_{1-4} floalkyl, C_{1-4} floalkoxy, C_{1-4}-flothioalkyl, hoặc nhóm aryl hoặc heteroaryl, tùy ý được thế bằng một hoặc một số phân tử thế, R_3 là nhóm có công thức chung CHR_4CONHR_5, trong đó R_4 = H, hoặc C_{1-3} alkyl và R_5 = H, hoặc C_{1-3} alkyl, C_{3-5} xycloalkyl, C_{3-7}-xycloalkyl-C_{1-6} alkylen, bazơ, muối cộng axit, hydrat hoặc solvat của nó để sử dụng trong điều trị.

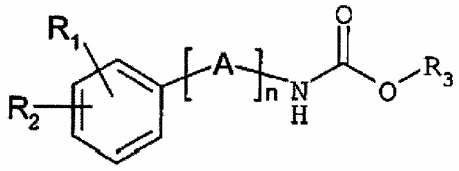

(I)

(11) **1-0009431**
(15) 11.07.2011 (51)[7] **F04D 29/32**, 29/26
(21) 1-2005-01796 (22) 16.03.2004
(86) PCT/KR04/000551 16.03.2004 (87) WO04/109119 16.12.2004
(30) 10-2003-0035980 04.06.2003 KR
(45) 25.08.2011 281 (43) 26.02.2006 215
(73) LG ELECTRONICS INC. (KR)
20, Yoido-dong, Youngdungpo-gu, Seoul, Republic of Korea
(72) SON, Young Bok (KR), LIM, Kyoung Suk (KR), LEE, Kwang Won (KR), KIM, Jeong Hun (KR), HWANG, Sung Man (KR)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(54) QUẠT
(57) Sáng chế đề cập đến quạt thổi (110) có kích thước nhỏ gọn, trong đó cả lượng gió lớn và áp suất gió cao có thể được tạo ra đồng thời theo chiều thổi hướng trục. Quạt theo sáng chế bao gồm trục quay (11) được nối với động cơ dẫn động để quay ống trục hình trụ (12) được cố định với trục quay (11), ít nhất một cánh (13) được tạo nên hình xoắn ốc trên chu vi ngoài của ống trục (12) để có độ rộng bằng hoặc nhỏ hơn bán kính của ống trục (12), và vỏ quạt (15) có bán kính cong định trước để bao kín ít nhất một cánh (13). Và, sáng chế bao gồm trục quay (11) được nối với động cơ dẫn động để quay, ống trục hình trụ (12) được cố định vào trục quay (11), và ít nhất một cánh (13) được tạo dạng xoắn ốc trên chu vi ngoài của ống trục để có được độ rộng bằng hoặc nhỏ hơn bán kính của ống trục (12).

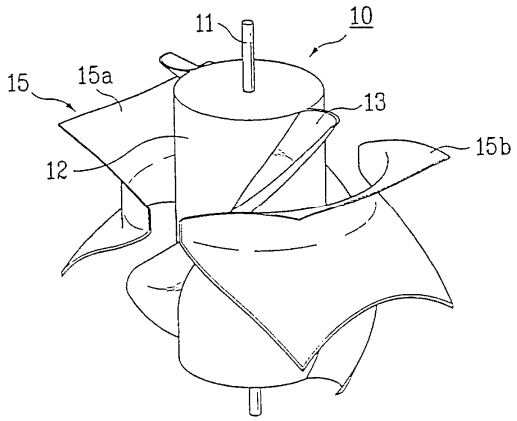

(11) **1-0009432**
(15) 11.07.2011 (51)[7] **B01D 24/00**, 35/06, B23Q 11/00
(21) 1-2007-01361 (22) 17.10.2006
(86) PCT/JP06/320664 17.10.2006 (87) WO07/046383A1 26.04.2007
(30) 2005-302067 17.10.2005 JP
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.07.2008 244
(73) BUNRI INCORPORATION (JP)
708, Takajochohomambo, Miyakonojo-shi, Miyazaki 885-1202 Japan
(72) Minoru Tashiro (JP)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(54) THIẾT BỊ LỌC

(57) Sáng chế đề cập tới thiết bị lọc (10) có thùng lọc mà chất lỏng bị nhiễm bẩn được đưa vào đó, phương tiện lọc dạng bi từ tính (33) sử dụng một số lượng lớn các viên bi kim loại (35), các nam châm (45) và các cần nâng (50). Phương tiện lọc dạng bi từ tính (33) được tạo thành từ khối kết tập của một số lượng lớn các viên bi kim loại (35) bằng vật liệu từ tính và nằm trong phần chứa phương tiện lọc (32) theo cách mà các viên bi kim loại (35) có thể di chuyển tương đối với viên bi khác. Nam châm (45) có thể di chuyển tương đối với phương tiện lọc dạng bi từ tính (33) giữa vị trí thứ nhất và vị trí thứ hai. Khi ở vị trí thứ nhất, nam châm (45) đặt một từ trường lên các viên bi kim loại (35), do đó làm cho các viên bi kim loại bị hút nhờ từ tính với các viên bi khác, do đó các viên bi kim loại (35) được gắn với nhau. Khi ở vị trí thứ hai, lực hút từ tính giữa các viên bi kim loại (35) bị mất đi, do đó các viên bi kim loại (35) có thể di chuyển được. Nam châm (45) được di chuyển tương đối giữa vị trí thứ nhất và vị trí thứ hai bởi cần nâng (50).

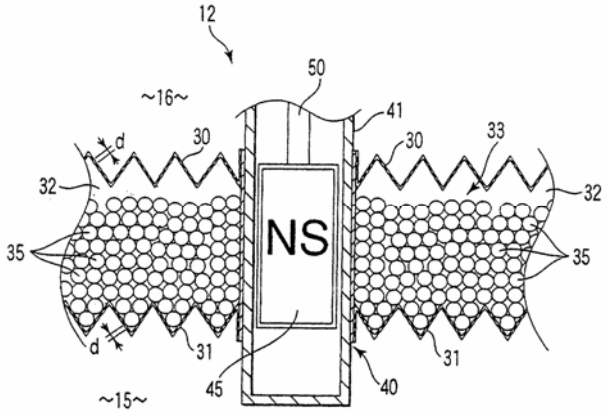

(11) **1-0009433**
(15) 11.07.2011 (51)[7] **F02M 21/02**
(21) 1-2008-01245 (22) 26.05.2008
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.12.2009 261
(76) BÙI VĂN GA (VN)
Đại học Đà Nẵng - 41 Lê Duẩn, Đà Nẵng

(54) BỘ ĐIỀU TỐC CHO ĐỘNG CƠ TĨNH TẠI CHẠY BẰNG BIOGAS ĐƯỢC CẢI TẠO TỪ ĐỘNG CƠ ĐIÊZEN

(57) Sáng chế đề cập đến bộ điều tốc của động cơ tĩnh tại chạy bằng biogas được cải tạo từ động cơ điêzen gồm một van điều tốc biogas kiểu bướm được mắc nối tiếp trên đường ống cung cấp biogas hàn cứng vào đường nạp không khí của động cơ. Bướm ga của van điều tốc biogas thay đổi độ đóng mở nhờ cơ cấu điều khiển liên hệ với bộ phận cảm nhận tốc độ của bộ điều tốc động cơ nguyên thủy. Mối liên hệ giữa bộ điều tốc với bơm cao áp được cắt bỏ. Cơ cấu điều khiển bơm cao áp mới cho phép xoay pít-tông bơm đến một trong hai vị trí: vị trí lượng phun đủ lớn để dễ khởi động và vị trí lượng phun tối thiểu để đảm bảo đánh lửa hỗn hợp biogas-không khí. Cơ cấu này cũng cho phép chỉnh tinh vị trí chốt điều khiển bơm cao áp để đảm bảo lượng điêzen phun vào động cơ là nhỏ nhất nhưng động cơ vẫn làm việc ổn định khi chạy bằng biogas.

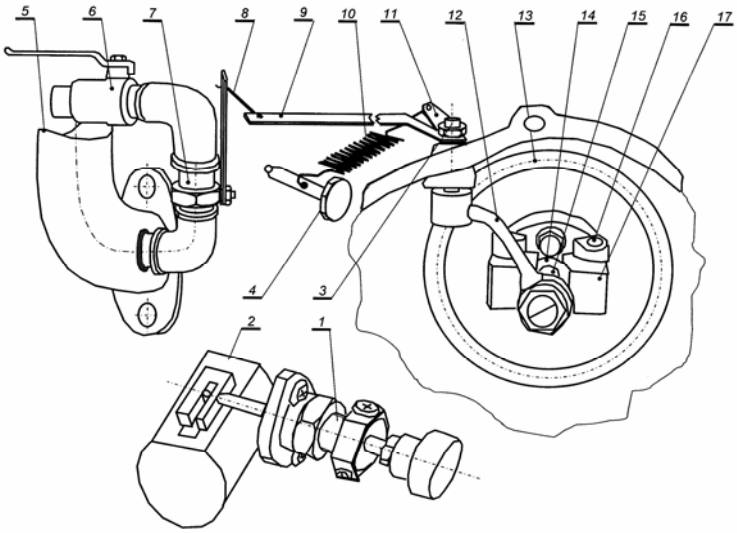

(11) **1-0009434**
(15) 11.07.2011 (51)[7] **C10G 49/08**, 45/12, B01J 29/14, C10G 45/64
(21) 1-2008-01457 (22) 07.12.2006
(86) PCT/JP06/324450 07.12.2006 (87) WO07/066721 14.06.2007
(30) 2005-356552 09.12.2005 JP
(45) 25.08.2011 281 (43) 27.10.2008 247
(73) NIPPON OIL CORPORATION (JP)
3-12, Nishi-shimbashi 1-chome, Minato-ku, Tokyo 105-8412 Japan
(72) Hiroyuki SEKI (JP), Masahiro HIGASHI (JP)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(54) PHƯƠNG PHÁP TINH CHẾ BẰNG HYDRO
(57) Phương pháp tinh chế bằng hydro theo sáng chế bao gồm bước cho nhiên liệu chứa các parafin mạch thẳng và các hợp chất chứa oxy, trong môi trường hydro, tiếp xúc với chất xúc tác dùng cho quy trình tinh chế bằng hydro bao gồm nền chứa zeolit USY và ít nhất một axit rắn được chọn từ nhóm bao gồm silic oxit-nhôm oxit, nhôm oxit-bo oxit, silic oxit-ziricon oxit, silic oxit-magie oxit và silic oxit-titan oxit, và ít nhất một kim loại được chọn từ một trong số các kim loại thuộc nhóm VIb và nhóm VIII trong bảng Hệ thống tuần hoàn các nguyên tố hoá học được mang trên nền.

(11) **1-0009435**
(15) 11.07.2011 (51)[7] **C07D 489/00**, 489/08
(21) 1-2006-01783 (22) 30.03.2005
(86) PCT/US05/010666 30.03.2005 (87) WO05/097801 20.10.2005
(30) 60/557,492 30.03.2004 US
60/601,534 13.08.2004 US
60/620,072 18.10.2004 US
60/648,625 31.01.2005 US
60/651,778 10.02.2005 US
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.04.2007 229
(73) EURO-CELTIQUE S.A. (LU)
2, Avenue Charles de Gaulle, 1653 Luxembourg, Luxembourg
(72) CHAPMAN Robert (US), RIDER Lonn S. (US), HONG Qi (US), KYLE Donald (US), KUPPER Robert (US)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ OXYCOĐON HYĐROCLORUA CÓ NỒNG ĐỘ 14-HYĐROXYCOĐEINON NHỎ HƠN 25PPM

(57) Sáng chế đề xuất quy trình điều chế chế phẩm oxycođon hyđroclorua có nồng độ 14-hyđroxycođeinon nhỏ hơn 25ppm.

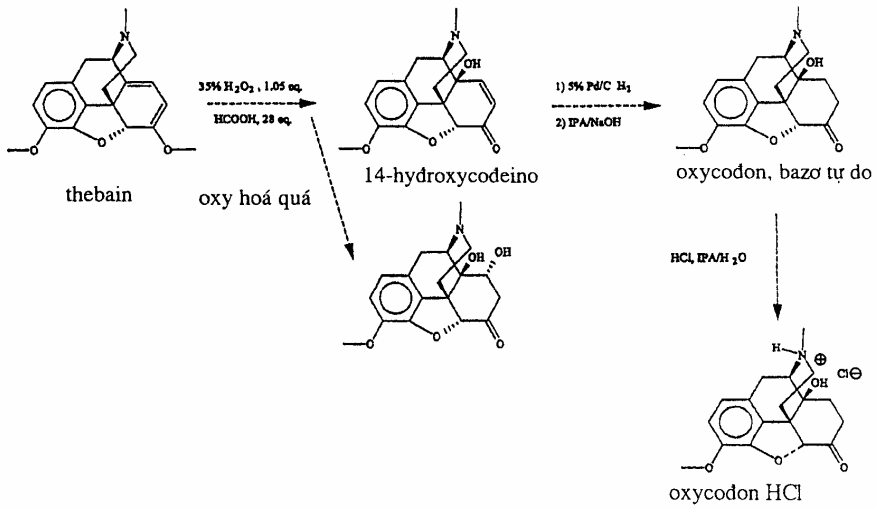

Sơ đồ phản ứng của quy trình được sử dụng để tạo ra oxycođon HCl từ thebain

(11) **1-0009436**
(15) 11.07.2011 (51)[7] **H04Q 7/20**
(21) 1-2007-00747 (22) 03.06.2005
(86) PCT/KR05/001673 03.06.2005 (87) WO06/043742 27.04.2006
(30) 10-2004-0070784 06.09.2004 KR
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.02.2008 239
(73) SK TELECOM CO., LTD. (KR)
11, Euljiro, 2-ga, Jung-gu, Seoul 100-844, Republic of Korea
(72) KWON, Hyun-Hoon (KR), RYU, Young-Ahn (KR), PARK, Tae-Wook (KR), CHO, Il-Weon (KR), KIM, Ki-Mun (KR), HAHM, Hee-Hyeok (KR)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(54) PHƯƠNG PHÁP VÀ HỆ THỐNG TRUYỀN THÔNG BÁO THOẠI TRẢ LỜI
(57) Sáng chế đề cập đến hệ thống truyền thông báo thoại trả lời và phương pháp truyền thông báo thoại trả lời, trong đó thông báo thoại từ người gửi có thu được ở người nhận hay không được xác nhận bằng cách nhấn một phím định trước trên máy điện thoại di động trong khi hoặc sau khi nghe thông báo thoại từ người gửi, trong trường hợp thông báo thoại từ người gửi được truyền đến người nhận. Phương pháp này còn bao gồm các bước: a) đăng ký thông báo thoại từ người gửi; b) xác định thông báo thoại đã đăng ký có được xác nhận bởi người nhận hay không, và sau đó lưu trữ thông báo này trong cơ sở dữ liệu một cách tuần tự, trong trường hợp thông báo thoại không được xác nhận bởi người nhận; c) ghi thông báo thoại trả lời từ người nhận trong khi hoặc sau khi nghe thông báo thoại từ người gửi, trong trường hợp thông báo thoại được xác nhận bởi người nhận ở bước (b); và d) truyền thông báo thoại trả lời đã được ghi đến máy điện thoại di động của người gửi.

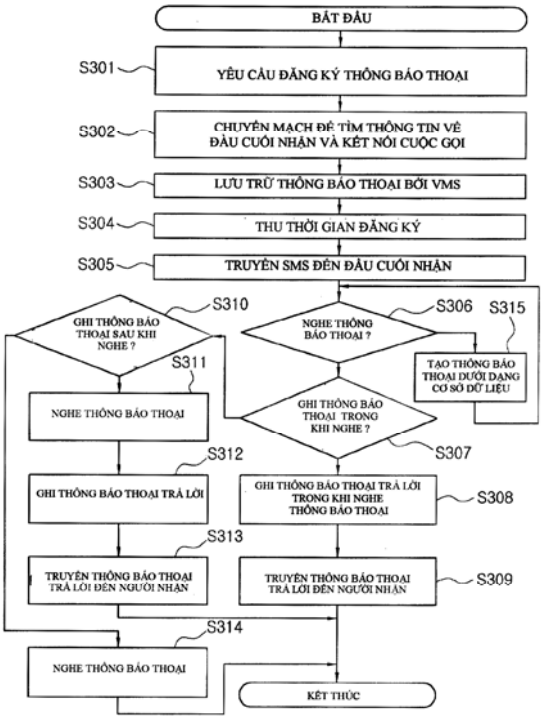

(11) **1-0009437**
(15) 11.07.2011 (51)[7] **C07D 519/00**, 487/04, A61K 31/437, A61P 35/00
(21) 1-2007-01618 (22) 28.12.2005
(86) PCT/IB05/003975 28.12.2005 (87) WO06/072831 13.07.2006
(30) 60/642,900 10.01.2005 US
60/733,770 04.11.2005 US
(45) 25.08.2011 281 (43) 27.10.2008 247
(73) PFIZER INC. (US)
235 East 42nd Street, New York, NY 10017, United States of America
(72) Djamai BOUZIDA (US), Liming DONG (CN), Chuangxing GUO (US), Yufeng HONG (CN), Haitao LI (CN), Joseph Timothy MARAKOVITS (US), Anle YANG (CN), Junhu ZANG (CA)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(54) HỢP CHẤT PYROLOPYRAZOL ĐƯỢC SỬ DỤNG LÀM CHẤT ỨC CHẾ KINAZA VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT NÀY

(57) Sáng chế đề cập đến các hợp chất pyrol pyrazol có công thức I: dược phẩm chứa các hợp chất này. Các hợp chất có công thức I được ưu tiên có hoạt tính như các chất ức chế protein kinaza bao gồm các chất ức chế PAK4.

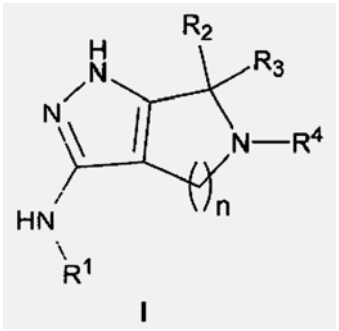

I

(11) **1-0009438**
(15) 11.07.2011 (51)[7] **B43K 9/00**
(21) 1-2007-01661 (22) 20.08.2007
(30) 10-2007-0013052 08.02.2007 KR
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.08.2008 245
(73) MORRIS CORPORATION (KR)
952 Dohwa-dong, Nam-gu, Inchon-shi, 402-060, Korea
(72) Hyun-son Yoon (KR)
(74) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
(54) BÚT TRƯỢT CÓ BỘ PHẬN CHỐNG KHÔ
(57) Sáng chế đề cập đến bút trượt có bộ phận chống khô. Bút này bao gồm thân rỗng có lỗ ngòi bút ở đầu thứ nhất của nó. Phần bấm được lắp vào lỗ lắp được tạo ra ở đầu thứ hai của thân. Ống mực được lắp vào thân và được tạo liền khối với phần bấm. Môđun điều khiển được chế tạo bằng vật liệu đàn hồi, như cao su, và gồm phần vòng chữ O tiếp xúc sát với lỗ ngoài bút, cửa hình cầu có bề mặt cầu, bộ phận giữ dạng ống được gắn vào ống mực, khớp nối thứ nhất nối phần vòng chữ O với cửa hình cầu, và khớp nối thứ hai nối cửa hình cầu với phần giữ. Lò xo thứ nhất và thứ hai được bố trí trong thân để tạo ra lực đàn hồi giữa môđun điều khiển và ống mực.

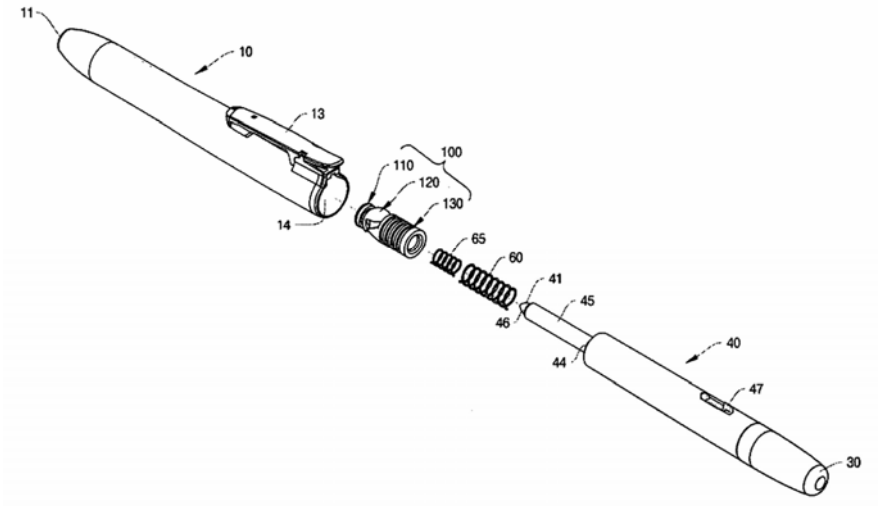

(11) **1-0009439**
(15) 11.07.2011 (51)[7] **A61M 37/00**
(21) 1-2007-01699 (22) 20.01.2006
(86) PCT/EP06/050346 20.01.2006 (87) WO06/077250 27.07.2006
(30) 05100418.2 24.01.2005 EP
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.01.2008 238
(73) N.V. ORGANON (NL)
Kloosterstraat 6, NL-5349 AB Oss, The Netherlands
(72) JANSEN, Willem (NL), TAK, Maurice Petrus Wilhelmus (NL), VERTEGAAL, Hendricus Johannes (NL), VAN DER GRAAF, Iris Epkjen Hobo (NL)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(54) THIẾT BỊ DÙNG ĐỂ CẤY MẢNH CẤY
(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị (1) dùng để cấy mảnh cấy, cụ thể là mảnh cấy dạng thanh (2) chứa hoạt chất, dưới da người hoặc động vật, bao gồm vỏ (3), canun (6), bộ phận giữ canun (9), mảnh cấy (2) chứa bên trong canun (6) và/hoặc bộ phận giữ canun (9), nắp bảo vệ (7) dùng cho canun (6), và bộ phận (22, 23, 7) mà, ít nhất sau khi tháo nắp (7) ra khỏi canun (6), giữ chắc mảnh cấy (2) bên trong canun (6) và/hoặc bộ phận giữ canun (9). Bộ phận (22, 23, 7) nhả mảnh cấy (2) trong quá trình cấy canun (6) hoặc sau khi cấy canun (6) và trước khi đẩy mảnh cấy (2) ra khỏi canun (6). Hầu như không có lực tác động ở phía bên trong quá trình đẩy mảnh cấy ra khỏi canun.

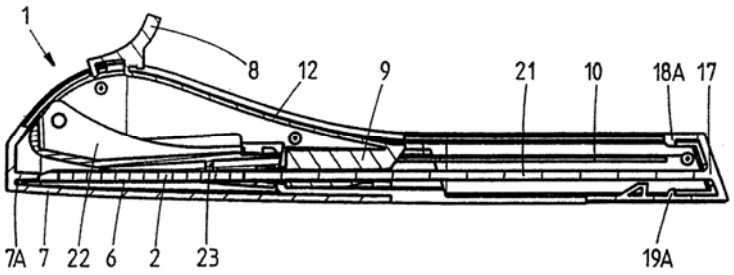

(11) **1-0009440**
(15) 11.07.2011 (51)[7] **B01J 20/34**, C02F 1/28, 1/58
(21) 1-2007-01933 (22) 21.03.2006
(86) PCT/GB06/001034 21.03.2006 (87) WO06/100471 28.09.2006
(30) 0506041,3 24.03.2005GB
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.02.2008 239
(73) GE HEALTHCARE LIMITED (GB)
Amersham Place, Little Chalfont, Buckinghamshire HP9 7NA, Great Britain
(72) OSBORN, Nigel, John (GB), GRIGG, Julian (GB)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(54) PHƯƠNG PHÁP LOẠI BỎ [18F]FLORUA RA KHỎI NHÔM ÔXIT
(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp loại bỏ [^{18}F]florua ra khỏi nhôm ôxit bao gồm bước rửa nhôm ôxit này bằng dung dịch axit hay kiềm ở nhiệt độ cao. Phương pháp này có thể được sử dụng để loại bỏ florua phóng xạ không phản ứng như [^{18}F]flo ra khỏi nhôm ôxit mà theo đó là phản ứng florua hoá phóng xạ. Ngoài ra, sáng chế còn đề cập đến thiết bị phản ứng tổng hợp tự động, trong đó cát-xét được làm thích hợp để thực hiện phương pháp này.

(11) **1-0009441**
(15) 11.07.2011 (51)[7] **H04Q 0007/22**
(21) 1-2007-01954 (22) 25.09.2007
(30) 0618818.9 25.12.2006 GB
0706619.4 04.04.2007 GB
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.07.2008 244
(73) HUTCHISON WHAMPOA THREE G IP (BAHAMAS) LIMITED (BS)
Offshore Group Chambers, P.O. Box CB-12751, Nassau, New Providence, Bahamas
(72) HEPSAYDIR, Erol (TR), NICOLA BINUCCI (IT)
(74) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)
(54) PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN ỨNG DỤNG XÁC ĐỊNH VÙNG NỘI HẠT TRONG MẠNG TRUYỀN THÔNG DI ĐỘNG
(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp và hệ thống thực hiện ứng dụng xác định vùng nội hạt trong mạng truyền thông di động. Thiết bị xác định vùng nội hạt được lắp đặt gần nhà của người dùng ở vùng nội hạt và được cấu hình để thiết lập kết nối giữa thiết bị xác định vùng nội hạt và máy chủ quyết định trong mạng truyền thông di động. Cuộc gọi do người dùng thực hiện được nhận biết và báo cáo đi. Dựa trên kết quả so sánh thông tin từ thiết bị xác định vùng nội hạt với chi tiết cuộc gọi của người dùng do nhà điều hành mạng cung cấp, nó đưa ra quyết định liệu cuộc gọi đã được khởi tạo tại nhà của người dùng hay không. Nếu đúng vậy thì cuộc gọi này được tính cước vùng nội hạt.

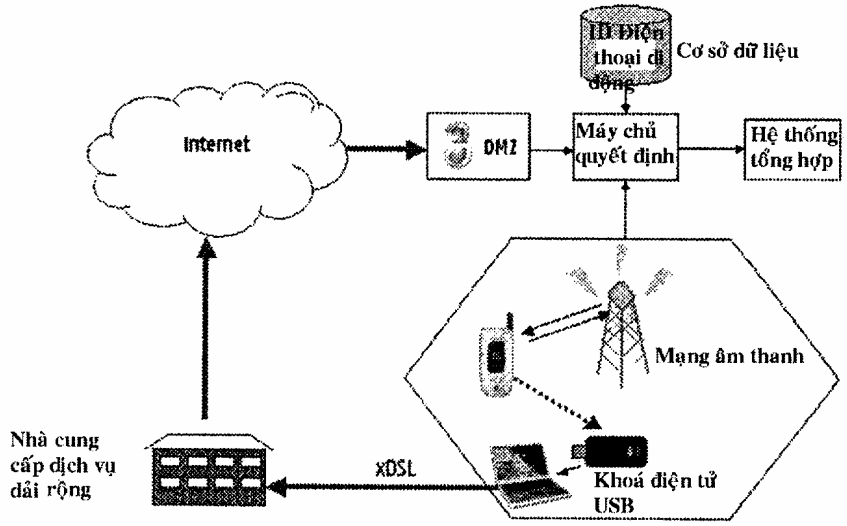

(11) **1-0009442**
(15) 11.07.2011 (51)[7] **C07K 14/16**, 16/10, A61K 39/21, 39/295, G01N 33/569
(21) 1-2008-01115 (22) 02.03.2000
(62) 1-2005-00832
(86) PCT/NO00/00075 02.03.2000 (87) WO00/52040 08.09.2000
(30) 19991078 04.03.1999 NO
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.12.2008 249
(73) BIONOR IMMUNO AS (NO)
P.O.Box 1893 Gulset, N-3703 Skien, Norway
(72) SORENSEN, Birger (NO)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(54) PEPTIT TỔNG HỢP, KHÁNG NGUYÊN, CHẾ PHẨM TẠO MIỄN DỊCH VÀ KIT THỬ NGHIỆM MIỄN DỊCH CHỨA PEPTIT TỔNG HỢP NÀY

(57) Sáng chế đề cập đến peptit mới và được cải biến có khả năng gây ra đáp ứng miễn dịch đặc hiệu HIV-1 mà không đối kháng hoạt tính của tế bào T gây độc để có được vacxin trị liệu và dự phòng hữu hiệu chống lại HIV. Các peptit này trên cơ sở các vùng bảo toàn của các protein gag p24 của HIV. Các kháng nguyên ở dạng tự do hoặc gắn vào chất mang bao gồm ít nhất một trong số các peptit nêu trên, các chế phẩm tạo miễn dịch chứa ít nhất một trong các kháng nguyên này, các kit thử nghiệm miễn dịch và phương pháp phát hiện các kháng thể do HIV hoặc các peptit đặc hiệu HIV tạo ra, bằng cách sử dụng các kháng nguyên đã được mô tả.

(11) **1-0009443**
(15) 11.07.2011 (51)[7] **F01P 3/18**, B62K 11/10, F02B 61/02
(21) 1-2008-01702 (22) 09.07.2008
(30) 2007-183271 12.07.2007 JP
2007-183273 12.07.2007 JP
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.01.2009 250
(73) HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)
1-1, Minami-Aoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo 107-8556, Japan
(72) Shuji HIRAYAMA (JP), Teruhide YAMANISHI (JP)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) XE MÁY CÓ HỆ THỐNG LÀM MÁT CỦA ĐỘNG CƠ

(57) Sáng chế đề cập đến hệ thống xe máy có hệ thống làm mát của động cơ. Để giảm số lượng các chi tiết, để cho phép việc xả không khí ra từ áo nước và để đơn giản hóa việc bố trí ống dẫn quanh bộ tản nhiệt trong hệ thống làm mát của động cơ dùng cho xe loại nhỏ trong đó cụm chính của động cơ được đỡ lắc được bởi khung thân qua trục đỡ và bộ tản nhiệt mà ít nhất một phần của nó được bố trí ở phía dưới trục đỡ khi nhìn theo hình chiếu cạnh được đỡ bởi hộp trục khuỷu ở phía bên của hộp trục khuỷu. Bộ tản nhiệt (96) được bố trí ở phía bên của hộp trục khuỷu với đầu trước bố trí ở phía trước trục đỡ (43), và ống dẫn ra (140) tạo ra ở cụm chính (33) của động cơ để dẫn nước làm mát từ phần trên cùng của áo nước của cụm chính (33) của động cơ và ống vào (139) tạo ra ở két trên (100) của bộ tản nhiệt (96) ở phía trên trục đỡ (43) được nối với nhau qua ống dẫn (141) đi qua phía trên trục đỡ (43) khi nhìn theo hình chiếu cạnh cao hơn từ ống dẫn ra (140) về phía ống vào (139).

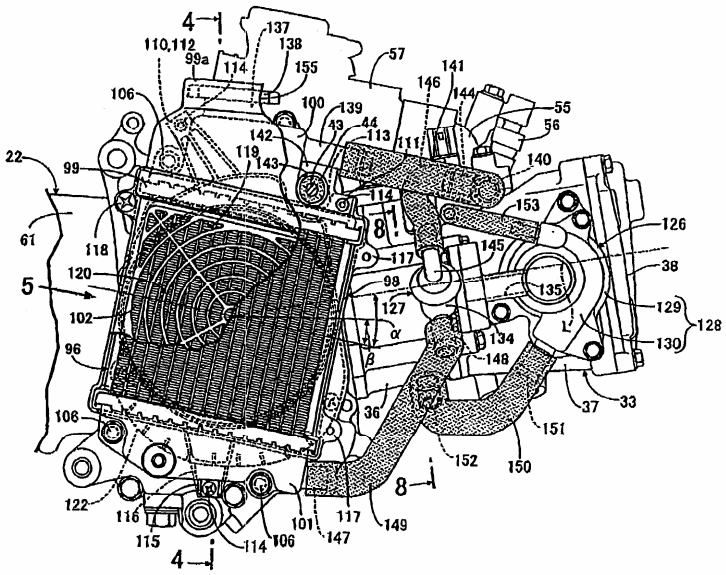

(11) **1-0009444**
(15) 11.07.2011 (51)[7] **H04L 29/06**
(21) 1-2008-02692 (22) 13.04.2007
(86) PCT/EP07/053654 13.04.2007 (87) WO07/125024 08.11.2007
(30) 10 2006 019 719.4 27.04.2006 DE
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.02.2009 251
(73) NOKIA SIEMENS NETWORKS GMBH & CO. KG (DE)
St. Martin Str. 76, 81541 Munchen, Germany
(72) LIEBHART, Rainer (DE)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(54) PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ THIẾT LẬP CUỘC GỌI KHẨN
(57) Sáng chế đề xuất phương pháp và thiết bị thiết lập kết nối cuộc gọi khẩn từ thiết bị đầu cuối đến hệ thống con đa phương tiện theo giao thức internet (IMS - Internet Protocol Multimedia Subsystem) qua mạng mà thiết bị đầu cuối chuyển đến, trong đó, nếu thiết bị đầu cuối đã được đăng ký trong IMS, thì thủ tục thiết lập kết nối cuộc gọi khẩn bỏ qua thủ tục đăng ký IMS của thiết bị đầu cuối trong IMS để kết nối cuộc gọi khẩn, nếu việc so sánh giữa ký hiệu nhận dạng mạng của mạng chuyển đến mà thiết bị đầu cuối đã được thông báo khi nó đăng ký trong mạng chuyển đến, và ký hiệu nhận dạng mạng của mạng gốc của thiết bị đầu cuối cho biết có sự trùng khớp giữa các ký hiệu nhận dạng mạng này.

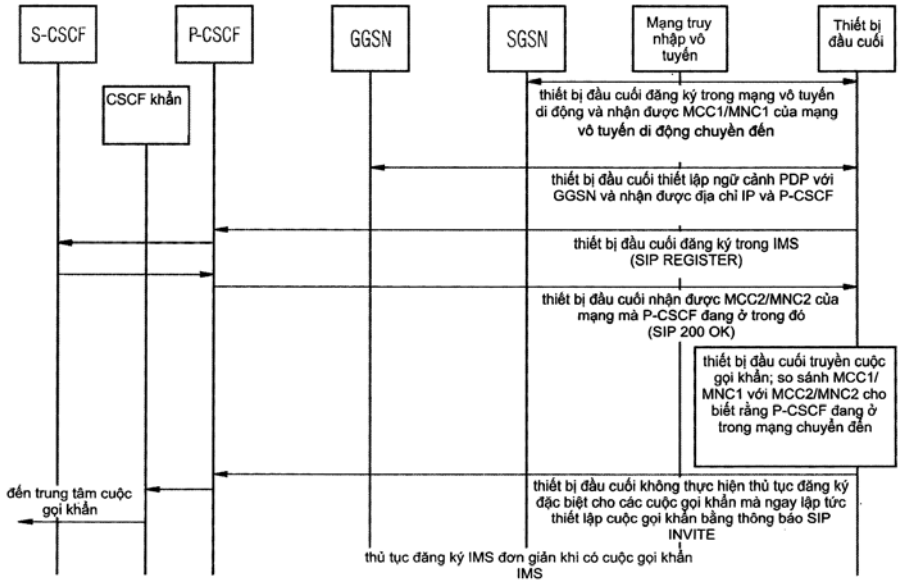

(11) **1-0009445**
(15) 11.07.2011 (51)[7] **C07D 231/54**, 401/04, 405/04, 493/04, A61K 31/416, 31/4162, A61P 9/12
(21) 1-2009-00928 (22) 17.10.2007
(86) PCT/IB07/003207 17.10.2007 (87) WO08/053300 08.05.2008
(30) 60/863,606 31.10.2006 US
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.09.2009 258
(73) PFIZER PRODUCTS INC. (US)
Eastern Point Road, Groton, Connecticut 06340, United States of America
(72) Marvin Jay MEYERS (US), Graciela Barbieri ARHANCET (US), Xiangyang CHEN (US), Susan Landis HOCKERMAN (US), Scott Allen LONG (US), Matthew William MAHONEY (US), David Bruce REITZ (US), Joseph Gerace RICO (US)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(54) HỢP CHẤT PYRAZOLIN ĐỂ SỬ DỤNG LÀM CHẤT ĐỐI KHÁNG THỤ THỂ KHOÁNG-CORTICOIT VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA CHÚNG

(57) Sáng chế đề cập đến hợp chất có công thức I và muối dược dụng của hợp chất này, trong đó R^1, R^2, R^{3A}, R^{3B}, R^4, R^5, R^6, R^7, R^8, và X là như được xác định trong bản mô tả. Sáng chế cũng đề cập đến dược phẩm chứa chúng và hợp chất trung gian dùng để điều chế chúng.

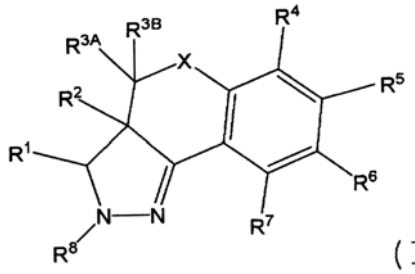

(I)

(11) **1-0009446**
(15) 11.07.2011 (51)[7] **H04L 1/16**
(21) 1-2009-01639 (22) 28.01.2008
(86) PCT/US08/052218 28.01.2008 (87) WO08/092160 31.07.2008
(30) 60/886,889 26.01.2007 US
60/888,233 05.02.2007 US
12/019,909 25.01.2008 US
(45) 25.08.2011 281 (43) 26.10.2009 259
(73) QUALCOMM INCORPORATED (US)
5775 Morehouse Drive, San Diego, California 92121, United States of America
(72) MALLADI, Durga Prasad (US)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(54) PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ ÁNH XẠ VỊ TRÍ BÁO NHẬN LIÊN KẾT NGƯỢC CỦA THIẾT BỊ NGƯỜI DÙNG DỰA VÀO PHẦN CẤP PHÁT TÀI NGUYÊN ĐƯỜNG LIÊN KẾT XUÔI

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp và thiết bị tự ánh xạ báo nhận (ACK - acknowledgment) mà giảm bớt chi phí cho các hệ thống truyền thông không dây như UTRAN-LTE, hệ thống truyền thông di động toàn cầu (GSM - Global System for Mobile), truy cập gói đường liên kết xuôi tốc độ cao (HSDPA- High-Speed Downlink Packet Aecess), hoặc mọi hế thống chuyển gói, tạo ra ánh xạ vị trí đường liên kết ngược (UL - uplink) (chẳng hạn, vị trí điều chế theo thời gian, tần số và mã) dựa vào các phần cấp phát đường liên kết xuôi (DL - downlink). Việc lập lịch động hoặc không đổi địa chỉ thiết bị người dùng (UE - user equipment) có sự kết hợp ánh xạ ẩn và tường minh được lựa chọn.

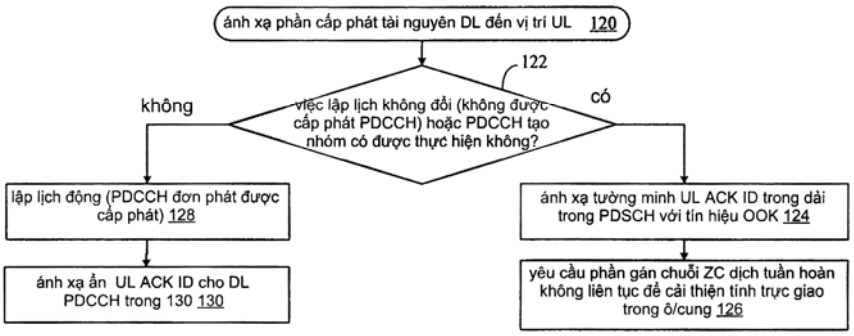

(11) **1-0009447**
(15) 18.07.2011 (51)[7] **F16L 15/08**
(21) 1-2005-00099 (22) 11.06.2003
(86) PCT/FR03/001744 11.06.2003 (87) WO04/003416 08.01.2004
(30) 02/08080 28.06.2002 FR
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.04.2005 205
(73) VALLOUREC MANNESMANN OIL & GAS FRANCE (FR)
54, rue Anatole France, F - 59620 Aulnoye Aymeries, France
(72) Eric VERGER (FR), Albert BRUNEAU (FR), Antoine DURAND (FR)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(54) KHỚP NỐI REN ỐNG ĐƯỢC GIA CƯỜNG ĐỂ CẢI THIỆN SỰ GHÉP KÍN SAU KHI BIẾN DẠNG ĐÀN HỒI

(57) Sáng chế đề cập đến khớp nối ren ống cao cấp bao gồm: phần tử thứ nhất là phần tử ống ren ngoài (11) và phần tử thứ hai là phần tử ống ren trong (12) có thể ghép với nhau bằng cách xiết ren tương ứng. Một trong hai phần tử ống (11, 12) có phần gờ nổi không ren (38, 5) kéo dài từ phần ren của nó đến đầu tự do và có mặt gắn kín (40, 7) có khả năng tiếp xúc kín khít với mặt đối diện (41; 8) của phần tử kia sau khi xiết chặt, quá trình dãn nở theo phương đường kính, theo sau là việc tạo ra các lực phục hồi của các phần tử ống thứ nhất và thứ hai. Khớp nối bao gồm đai ống (34; 36) có thể được ghép bằng ren lên phần tử ống thứ hai trước khi xiết chặt, và có thể được bố trí nằm dọc trục gần như đối diện với gờ nổi (3; 5) và, sau khi dãn nở theo phương đường kính, có khả năng tạo ra lực phục hồi bổ sung thêm vào lực của phần tử thứ hai để chống lại lực phục hồi của phần tử thứ nhất, như vậy ít nhất cũng có ảnh hưởng đến mối ghép co dãn của đai ống trên phần tử thứ hai.

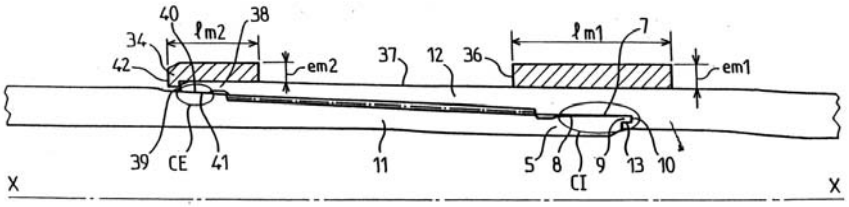

(11) **1-0009448**
(15) 18.07.2011 (51)[7] **C07D 417/04**, A61P 11/00, A61K 31/4439
(21) 1-2008-01653 (22) 15.03.2007
(86) PCT/JP07/055931 15.03.2007 (87) WO07/119496 25.10.2007
(30) 2006-075307 17.03.2006 JP
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.12.2008 249
(73) OTSUKA PHARMACEUTICAL CO., LTD. (JP)
9, Kanda-Tsukasamachi 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan
(72) Satoshi AOKI (JP), Kenji NAKAYA (JP), Masahiro SOTA (JP), Masashi ISHIGAMI (JP)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(54) HỢP CHẤT TETOMILAST DẠNG TINH THỂ, DƯỢC PHẨM CHỨA NÓ VÀ QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ HỢP CHẤT NÀY

(57) Sáng chế đề xuất tinh thể tetomilast dễ dàng được sản xuất ở qui mô công nghiệp với khối lượng lớn. (1) tinh thể tetomilast hydrat có phổ nhiễu xạ bột tia X hầu như tương tự phổ nhiễu xạ bột tia X được thể hiện trên Fig.2; (2) tinh thể tetomilast khan loại A có phổ nhiễu xạ bột tia X hầu như tương tự phổ nhiễu xạ bột tia X được thể hiện trên Fig.4; (3) tinh thể tetomilast khan loại C có phổ nhiễu xạ bột tia X hầu như tương tự phổ nhiễu xạ bột tia X được thể hiện trên Fig.8; (4) tinh thể tetomilast axetonitril solvat có phổ nhiễu xạ bột tia X hầu như tương tự phổ nhiễu xạ bột tia X được thể hiện trên Fig.10; và (5) hỗn hợp gồm tinh thể tetomilast khan loại A và tinh thể tetomilast khan loại B nêu trên. Các tinh thể này ổn định với nhiệt và độ ẩm, và cũng tuyệt vời về đặc tính phân rã và đặc tính hòa tan của viên nén. Do đó, các tinh thể này được ưu tiên sử dụng làm dược phẩm.

(11) **1-0009449**

(15) 18.07.2011 (51)[7] **A01N 43/08**, 41/10, 57/30, 57/14, 47/38, 47/28, 47/16, 43/90, 43/88, 43/70, 43/56, 39/02, 35/06

(21) 1-2005-01744 (22) 15.05.2004

(86) PCT/EP04/005254 15.05.2004 (87) WO04/105482 09.12.2004

(30) 2003-152242 29.05.2003 JP

(45) 25.08.2011 281 (43) 26.04.2006 217

(73) BAYER CROPSCIENCE AG (DE)
Alfred-Nobel-Str.50, 40789 Monheim, Germany

(72) ENDO, Keiji (JP), ITO, Seishi (JP), MUKAIDA, Hideshi (JP)

(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(54) CHẾ PHẨM DIỆT CỎ DÙNG CHO RUỘNG LÚA NƯỚC, QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ CHẾ PHẨM DIỆT CỎ VÀ SỬ DỤNG CHẾ PHẨM DIỆT CỎ

(57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm diệt cỏ chứa
(a) benzoylxyclohexadion có tác dụng diệt cỏ và (b) ít nhất một hợp chất được chọn từ nhóm bao gồm dimepiperat và/hoặc bensulit.

Các chế phẩm này có tác dụng ưu việt hơn so với khi các chế phẩm diệt cỏ được sử dụng riêng rẽ. Sáng chế còn đề cập đến quy trình điều chế chế phẩm diệt cỏ và sử dụng chế phẩm diệt cỏ để phòng trừ cỏ và thực vật không mong muốn.

(11) **1-0009450**
(15) 18.07.2011 (51)[7] **F01L 1/00**, F01M 9/10
(21) 1-2002-00940 (22) 16.10.2002
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.08.2003 185
(73) CÔNG TY HỮU HẠN CHẾ TẠO CN VÀ GIA CÔNG CHẾ BIẾN HÀNG XK VN (VMEP) (VN)
Khóm 5, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt nam.
(72) LU TIEN FU (TW)
(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
(54) CƠ CẤU LÀM TRƠN VÀ LÀM MÁT CHO ĐỘNG CƠ ĐỐT TRONG
(57) Sáng chế đề cập đến cơ cấu làm trơn và làm mát cho động cơ đốt trong. Cơ cấu này bao gồm: xi lanh, đũa đẩy cò hút, đũa đẩy cò xả, cò hút, cò xả, xupap hút, xupap xả, đầu xi lanh cùng với nắp đầu xi lanh. Cò hút liên kết với đũa đẩy cò hút, cò xả liên kết với đũa đẩy cò xả. Đầu xi lanh bố trí phía trên xi lanh. Nắp đầu xi lanh được lắp đặt trên đầu xi lanh, đồng thời có một ống dẫn dầu bôi trơn cùng với buồng chứa dầu bôi trơn. Buồng chứa dầu bôi trơn nối với ống dẫn dầu bôi trơn, ống dẫn dầu bôi trơn có ít nhất một lỗ phun dầu bôi trơn và buồng chứa dầu bôi trơn có ít nhất một lỗ phun dầu bôi trơn.

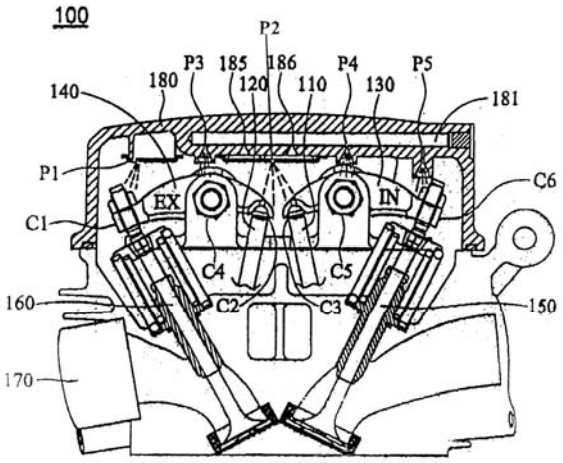

(11) **1-0009451**
(15) 18.07.2011 (51)[7] **A61K 31/341**, 31/33, 31/41, 31/335, G01N 33/566
(21) 1-2006-01541 (22) 10.02.2005
(86) PCT/US05/004108 10.02.2005 (87) WO05/082350 09.09.2005
(30) 60/546,011 20.02.2004US
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.05.2007 230
(73) 1. AVENTIS PHARMACEUTICALS INC. (US)
300 Somerset Corporate Boulevard, Bridgewater, New Jersey 08807-2854, United States of America
2. SANOFI-AVENTIS DEUTSCHLAND GMBH (DE)
Bruningstrasse 50, D-65926 Frankfurt, Germany
(72) MINNICH, Anne (US), KUNTZWEILER, Theresa (US), EISHINGDRELO, Haifeng (US), ANGELASTRO, Michael (US), LANG, Han-Jochen (DE)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(54) HỢP CHẤT FUROSEMIT LÀM CHẤT ĐIỀU BIẾN HM74 VÀ PHƯƠNG PHÁP IN VITRO HOẶC EX VIVO ĐỂ XÁC ĐỊNH CHẤT CHỦ VẬN HM74

(57) Sáng chế đề cập đến hợp chất tương tự furosemit có hoạt tính chủ vận trên thụ thể HM74 có công thức cấu tạo (I):

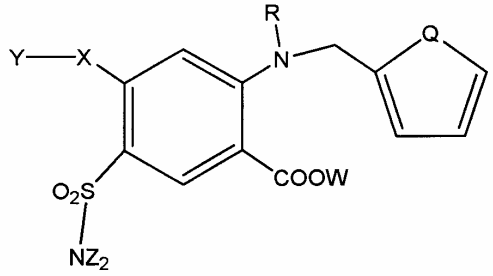

và các ứng dụng nó để sản xuất thuốc để điều trị các rối loạn viêm.

(11) **1-0009452**
(15) 18.07.2011 (51)[7] **B21B 37/58**, 37/68
(21) 1-2007-02318 (22) 26.10.2006
(86) PCT/EP06/010342 26.10.2006 (87) WO07/057098 24.05.2007
(30) 10 2005 055 106.8 18.11.2005 DE
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.09.2008 246
(73) SMS SIEMAG AKTIENGESELLSCHAFT (DE)
Eduard-Schloemann-Strasse 4, 40237 Dusseldorf, Germany
(72) SUDAU, Peter (DE), JEPSEN, Olaf, Norman (US)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(54) PHƯƠNG PHÁP KIỂM SOÁT HÀNH TRÌNH ĐI RA CỦA DẢI THÉP VÀ THIẾT BỊ CÁN ĐỂ CÁN NÓNG DẢI KIM LOẠI

(57) Sáng chế đề cập tới phương pháp kiểm soát hành trình đi ra của dải thép và thiết bị cán cho phép kiểm soát hành trình đi ra của dải thép (1) có đầu sau (1a) của dải thép đi ra khỏi giá cán cuối cùng (2) của thiết bị cán có nhiều giá cán (3) ở tốc độ cán, trong đó trong quá trình cán giữa hai giá cán liền kề (F1, F2, F3 ... Fn), sức căng của dải thép ($\sigma_{F1, F2, F3}$) được điều chỉnh để làm ổn định vị trí của dải, khác biệt ở chỗ, ngay trước khi đầu sau (1a) của dải thép đi ra, các mức chênh lệch lực cán đang phát triển được đo riêng biệt đối với từng giá cán (F1, F2, F3 . . . Fn) và dựa trên trị số này, biên độ xoay (16) và chiều xoay được xác định để thiết lập trị số điều chỉnh đối với cơ cấu điều chỉnh của các trục cán (10, 11) và nhờ đó cơ cấu điều chỉnh này được hiệu chỉnh một cách tương ứng.

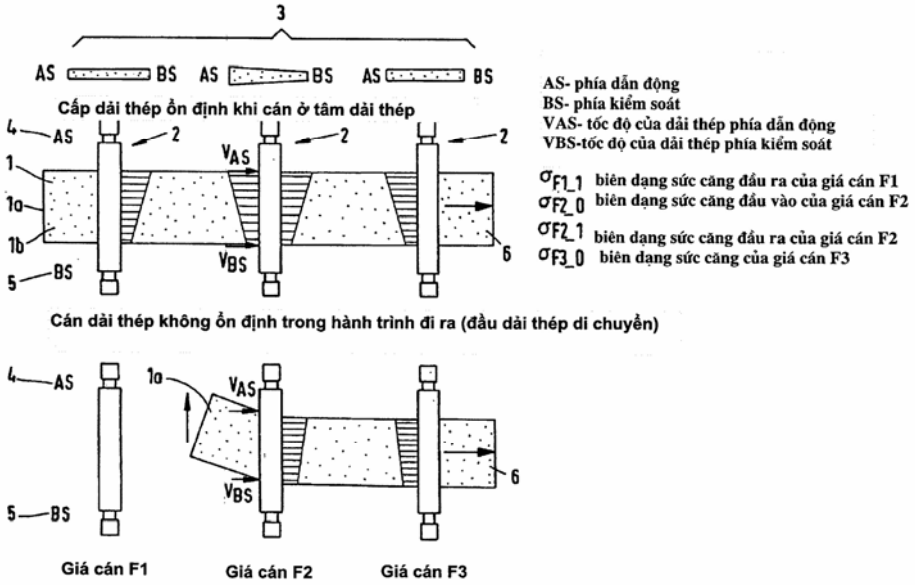

(11) **1-0009453**
(15) 18.07.2011 (51)[7] **C07D 487/04**, A61K 31/5052, A61P 9/04
(21) 1-2008-00752 (22) 24.08.2006
(86) PCT/US06/033254 24.08.2006 (87) WO07/027525 08.03.2007
(30) 60/712,153 29.08.2005 US
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.11.2008 248
(73) SANOFI-AVENTIS U.S. LLC (US)
55 Corporate Drive, Bridgewater, New Jersey 08807, United States of America
(72) HIGGINS, John, D. (US), ROCCO, William, L (US)
(74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)
(54) HỢP CHẤT PYRIDAZINO [4,5-B] INDOL DẠNG TINH THỂ II, DƯỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT DẠNG TINH THỂ NÀY VÀ QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ NÓ
(57) Sáng chế đề cập đến hợp chất 7-clo-N,N,5-trimetyl-4-oxo-3-phenyl-3,5-dihydro- 4H-pyridazino[4,5-b]indol-l-axetamit dạng tinh thể II, quy trình điều chế hợp chất 7- clo-N,N,5-trimetyl-4-oxo-3-phenyl-3,5-dihydro-4H-pyridazino[4,5-b]indol-1-axetamit dạng tinh thể II, và dược phẩm chứa hợp chất dạng tinh thể này kết hợp với một hoặc nhiều tá dược dược dụng.

(11) **1-0009454**
(15) 18.07.2011 (51)[7] **A61K 31/395**
(21) 1-2009-02702 (22) 15.12.2005
(62) 1-2007-01447
(86) PCT/US05/045551 15.12.2005 (87) WO06/068932 29.06.2006
(30) 60/637,666 20.12.2004 US
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.02.2010 263
(73) WYETH (US)
Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940, United States of America
(72) GRAZIANI, Edmund, Idris (CA), PONG, Kevin (US), SKOTNICKI, Jerauld (US)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(54) DƯỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT TƯƠNG TỰ RAPAMYXIN
(57) Sáng chế đề cập đến dược phẩm chứa hợp chất có cấu trúc sau, trong đó R_1, R_2, R_4, $R_{4'}$, R_6, R_7 và R_{15} là như được xác định trong bản mô tả:

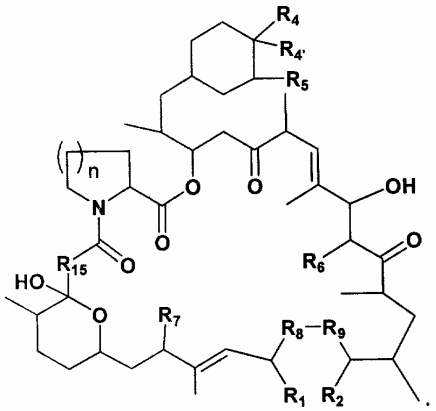

Các dược phẩm này hữu dụng trong điều trị các chứng rối loạn thần kinh hoặc biến chứng do đột quy hoặc chấn thương ở đầu; bệnh u lành tính và ác tính, caxinom và ung thư tuyến; rối loạn tăng sinh; và bệnh viêm. Do đó, các dược phẩm này hữu dụng làm thuốc bảo vệ thần kinh và tái tạo thần kinh, chống tăng sinh, và kháng bệnh viêm.

(11) **1-0009455**
(15) 18.07.2011 (51)[7] **C07D 498/18**, A61K 31/395
(21) 1-2009-02703 (22) 15.12.2005
(62) 1-2007-01447
(86) PCT/US05/045551 15.12.2005 (87) WO06/068932 29.06.2006
(30) 60/637,666 20.12.2004 US
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.03.2010 264
(73) WYETH (US)
Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940, United States of America
(72) GRAZIANI, Edmund, Idris (CA), PONG, Kevin (US), SKOTNICKI, Jerauld (US)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(54) HỢP CHẤT TƯƠNG TỰ RAPAMYXIN VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHẾ HỢP CHẤT NÀY

(57) Sáng chế đề cập đến hợp chất có cấu trúc sau, trong đó R_1, R_2, R_4, $R_{4'}$, R_6, R_7 và R_{15} như được xác định trong bản mô tả:

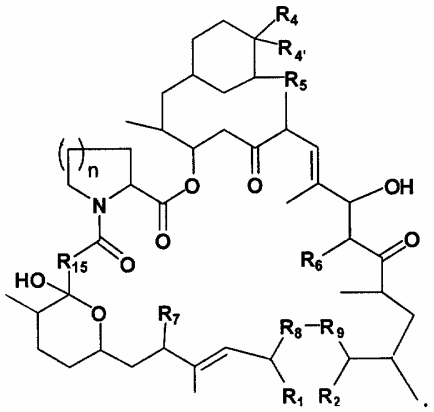

Các hợp chất này hữu dụng trong điều trị các rối loạn thần kinh hoặc biến chứng do đột quỵ hoặc chấn thương ở đầu; bệnh u lành tính và ác tính, caxinom và ung thư tuyến; rối loạn tăng sinh; và bệnh viêm. Do đó, các hợp chất này hữu dụng làm thuốc bảo vệ thần kinh và tái tạo thần kinh, chống tăng sinh, và kháng viêm. Sáng chế cũng đề cập đến phương pháp điều chế hợp chất này.

(11) **1-0009456**
(15) 18.07.2011 (51)[7] **F01N 3/34**
(21) 1-2006-01548 (22) 20.09.2006
(30) 2005-282378 28.09.2005 JP
2005-359459 13.12.2005 JP
(45) 25.08.2011 281 (43) 27.11.2006 224
(73) HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)
1-1, Minami-Aoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo 107-8556 Japan
(72) Takehito MORIIWA (JP), Hisashi UMEZAWA (JP)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) XE MÁY CÓ HỆ THỐNG CẤP KHÔNG KHÍ PHỤ
(57) Sáng chế đề xuất hệ thống cấp không khí phụ có thể giảm được khoảng trống dùng để bố trí hệ thống này bên trong xe máy. Hệ thống cấp không khí phụ (50) bao gồm hộp cộng hưởng (60) được tạo ra ở bên phải của khung thân (11), bộ lọc không khí phụ (61) nằm ở phía đầu ra của hộp cộng hưởng (60) và nằm ở phần giữa của khung thân (11), van điều khiển không khí phụ (62) nằm ở phía đầu ra của bộ lọc không khí phụ (61) và ở bên trái của khung thân (11), và đường dẫn không khí phụ (51) mà nhờ đó các bộ phận từ (60) tới (62) này được nối với nhau. Đường dẫn không khí phụ (51) được tạo kết cấu bao gồm: ống nạp (65) nối lỗ nạp không khí phụ (64) với bộ lọc không khí phụ (61), lỗ nạp không khí phụ (64) được tạo ra gần hộp cộng hưởng (60); ống thứ nhất (66) nối bộ lọc không khí phụ (61) với van điều khiển không khí phụ (62); và ống thứ hai (67) nối van điều khiển không khí phụ (62) với ống xả (45) của động cơ (31).

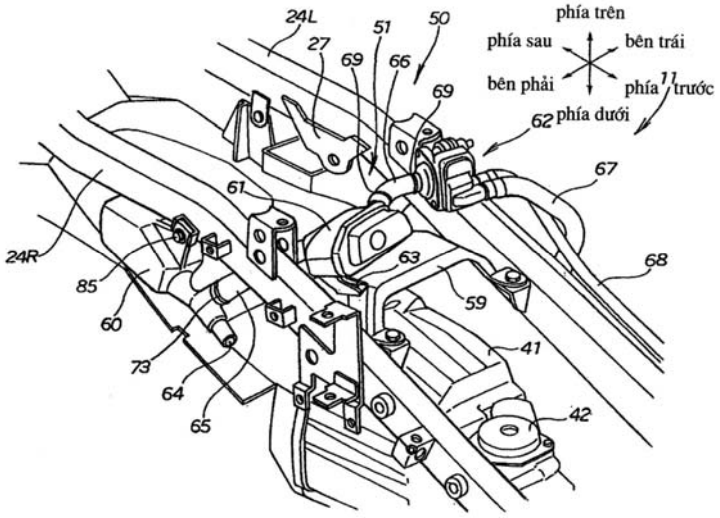

(11) **1-0009457**
(15) 18.07.2011 (51)[7] **B01J 19/00**, C04B 2/10
(21) 1-2008-00953 (22) 21.11.2006
(86) PCT/FI06/000383 21.11.2006 (87) WO07/057512 24.05.2007
(30) 11/282,690 21.11.2005 US
(45) 25.08.2011 281 (43) 27.04.2009 253
(73) ANDRITZ OY (FI)
Tammasaarenkatu 1, FI-00180 Helsinki, Finland
(72) LEICHLITER, John, Mahlon, III (US)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)
(54) THIẾT BỊ XỬ LÝ BÙN VÔI
(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị xử lý bùn vôi, thiết bị này bao gồm lò nung quay, thiết bị tách thứ nhất, ống đứng, ống cấp liệu để cấp bùn vôi vào ống đứng ở điểm nằm trong vỏ lò nung hoặc gần vỏ lò, và băng chuyền.

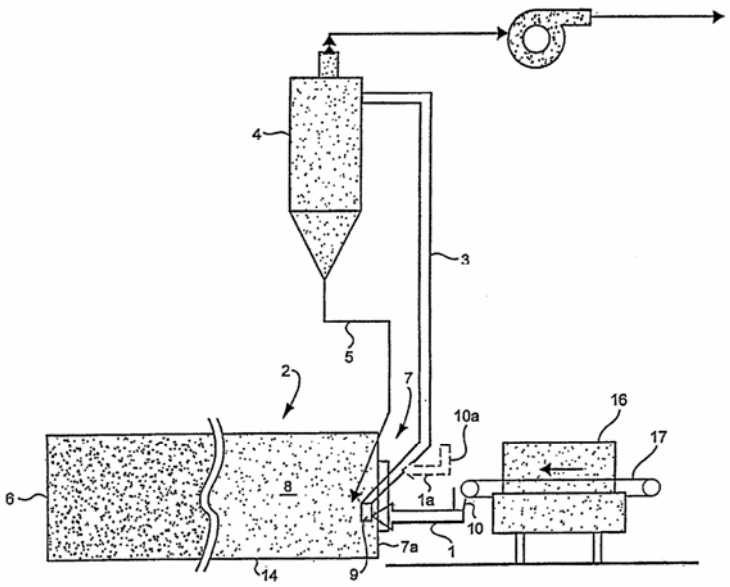

(11) **1-0009458**
(15) 18.07.2011 (51)[7] **A23L 2/39**
(21) 1-2005-00163 (22) 08.07.2003
(86) PCT/PH03/000007 08.07.2003 (87) WO04/004494 15.01.2004
(30) 10/190,968 08.07.2002US
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.04.2005 205
(76) 1. VALENCIA, DONNA L. (PH)
371-E Dr. Sixto Antonio Avenue, Maybunga, Pasig City, Philippines
2. CALAPINI, SARAH A. (PH)
10 Pinagtipunan Street corner Acacia Lane, Mandaluyong City, Philippines, 1550
3. DEE, KENNIE U. (PH)
59D 12th Street corner Gilmore Avenue, New Manila, Quezon City, Philippines
(74) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)
(54) ĐỒ UỐNG DẠNG BỘT CHỨA CANXI HÒA TAN NHANH
(57) Sáng chế đề cập đến đồ uống dạng bột chứa (i) hương liệu, (ii) canxi hydroxyt, (iii) axit xitric và/hoặc axit malic và (iv) đường được chọn từ sucroza, fructoza, glucoza, và hỗn hợp của chúng, trong đó các tỷ lệ axit/đường và đường/canxi được chọn sao cho canxi trong hỗn hợp dạng bột hoà tan nhanh khi được khuấy bằng tay với mức lắng cặn canxi rất nhỏ trong thời gian ngắn hơn khoảng 60 giây.

(11) **1-0009459**
(15) 18.07.2011 (51)[7] **H01S 3/11**
(21) 1-2009-01287 (22) 18.06.2009
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.09.2009 258
(73) VIỆN VẬT LÝ (VN)
Số 10 Đào Tấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(72) Phạm Long (VN), Nguyễn Đại Hưng (VN)
(54) MÁY PHÁT TIA LAZE XUNG CỰC NGẮN ĐIỀU CHỈNH ĐƯỢC BƯỚC SÓNG
(57) Sáng chế đề cập đến máy phát tia laze xung cực ngắn vùng picô giây có khả năng điều chỉnh bước sóng, được thiết kế dựa trên nguyên tắc hoạt động của hệ thống lọc lựa thời gian - phổ kết hợp với một buồng cộng hưởng dập tắt. Máy phát tia laze theo sáng chế bao gồm: một quy-vet quang học dày 1cm (3), chứa dung dịch màu hữu cơ ở vùng phổ tùy chọn, đóng vai trò buồng cộng hưởng có chiều dài ngắn, độ phẩm chất thấp, nhằm tạo ra được một tiến trình quét phổ rất nhanh trong bức xạ laze màu kết hợp với một buồng cộng hưởng dập tắt tạo bởi gương phản xạ toàn phần (4) và các thành của quy-vet quang học (3); một cách tử 1800-2400 vạch/mm (7) đóng vai trò làm nhiễu xạ phổ và một khe hẹp dưới 0,5 mm (12) để lọc lựa vùng phổ cần chọn tương ứng có xung ngắn cỡ picô giây. Sau khe hẹp (12) là một bộ khuếch đại ánh sáng với sáu lần truyền qua, bao gồm một quy-vet thạch anh dày 1 mm (26) chứa dung dịch màu hữu cơ khuếch đại và mười hai gương phản xạ phủ nhôm (13) - (24) có kích thước 1 cm x 1 cm. Gương phản xạ cuối cùng (24) đóng vai trò là gương dẫn tia sau khi chùm tia laze đã được khuếch đại đến lối ra của máy phát tia laze. Toàn bộ hệ thống thiết bị cơ quang được lắp đặt trên một mặt đế kim loại chống rung có kích thước 20 cm x 40 cm.

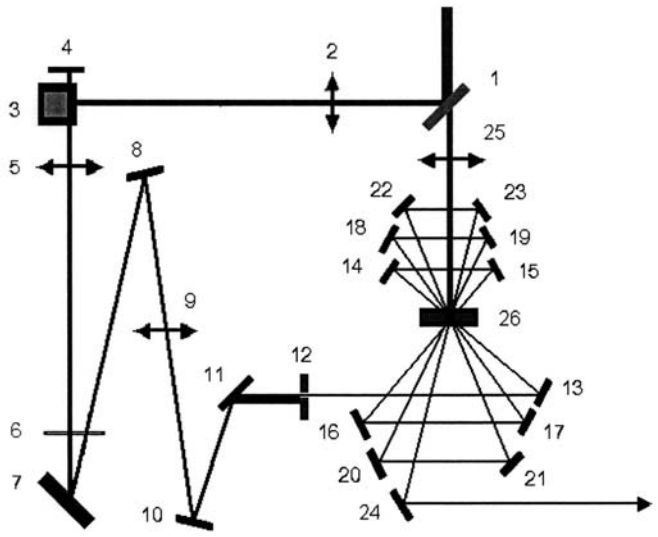

(11) **1-0009460**
(15) 18.07.2011 (51)[7] **B62D 61/08**, B62K 7/00, A61G 5/10
(21) 1-2006-01528 (22) 18.09.2006
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.04.2007 229
(76) LÊ XUÂN SINH (VN)
Số 58 đường Trần Hưng Đạo, phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hoá
(74) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(54) XE MÁY BA BÁNH CÓ LẮP CƠ CẤU NÂNG HẠ XE LĂN DÙNG CHO NGƯỜI TÀN TẬT HAI CHÂN

(57) Sáng chế đề cập đến xe máy ba bánh có lắp cơ cấu nâng hạ xe lăn dùng cho người tàn tật hai chân, xe máy này bao gồm khung xe máy ba bánh (1a), bánh trước (1b), các bánh sau (1c), tay lái (1d), động cơ đốt trong (12), và các bộ phận khác như phanh, bảng điện, đèn, v.v.; cơ cấu nâng hạ (c) gồm các ray dẫn hướng (3), (4) có tiết diện ngang hình chữ U, các ray (3) được lắp cố định trên sàn xe và song song với nhau sao cho khoảng cách giữa chúng là bằng khoảng cách giữa các bánh xe trước và giữa các bánh xe sau của xe lăn, các ray (4) được nối nối tiếp với các ray (3) từng đôi một bằng các bản lề (5) và được nối với nhau bởi các thanh giằng (7) để tạo thành khung hình chữ nhật, các đầu sau của các ray (4) được nối với các đầu mút của thanh cong với dạng nửa hình ovan (6) để tạo thành cầu dốc nhằm dẫn hướng xe lăn (2) lên và xuống xe máy ba bánh, ống nối (14) để kéo dài trục công suất đầu ra (13) của động cơ đốt trong (12) và cố định xe lăn (2) tại vị trí cố định định trước; cơ cấu nâng hạ cầu dốc gồm tay cầm (8), các thanh truyền (9) được nối với nhau, và với một đầu của tay cầm (8) và ray (4) bằng các khớp xoay sao cho khi đẩy tay cầm (8) về phía trước, các thanh truyền (9) di chuyển theo và kéo cầu dốc lên, thanh hãm (10) và chốt hãm (11) để cố định tay cầm (8) khi xe lăn (2) đã ở trên vị trí cố định định trước; bộ ly hợp then hoa (c) gồm các trục (13), (17) được tạo then hoa ngoài (22), ống nối được tạo then hoa trong (21) để trượt được vào nhau; xích (20) và các bánh xích (18), (19) để dẫn tiến xe máy ba bánh; và xe lăn (2) là xe lăn thông thường được sử dụng cho người tàn tật hai chân.

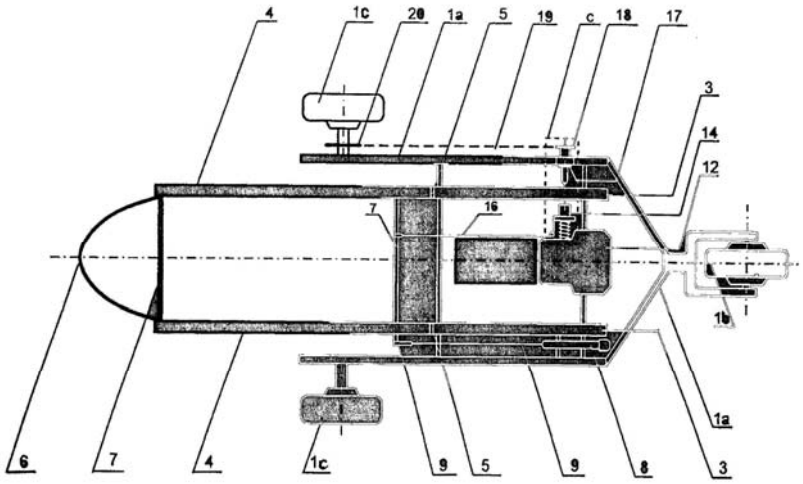

(11) **1-0009461**
(15) 18.07.2011 (51)[7] **G01R 1/073**, 1/06, 31/26, H01L 21/66
(21) 1-2008-00777 (22) 30.08.2006
(86) PCT/JP06/317126 30.08.2006 (87) WO07/026774 08.03.2007
(30) 2005-252804 31.08.2005 JP
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.08.2008 245
(73) NHK SPRING CO., LTD. (JP)
3-10, Fukuura, Kanazawa-ku, Yokohama, Kanagawa 236-0004 Japan
(72) Shunsuke SASAKI (JP), Hiroshi NAKAYAMA (JP)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(54) THẺ THĂM DÒ
(57) Sáng chế đề cập đến thẻ thăm dò bao gồm các bộ dò (2) để tiếp xúc các điện cực được bố trí trong tấm bán dẫn và để đưa tín hiệu vào hoặc ra khỏi các điện cực, đầu bộ dò (3) để giữ bộ dò, tấm nền (4) có hệ thống dây được bố trí gần bề mặt của tấm nền đối diện đầu bộ dò để có thể tiếp xúc được với đầu bộ dò và được nối với các bộ dò, lớp lõi (6) được tạo bởi vật liệu mà được lấp trong tấm nền và có hệ số giãn nở do nhiệt nhỏ hơn hệ số giãn nở do nhiệt của tấm nền, và chi tiết nối (42) để nối điện ít nhất một số bộ dò với thiết bị ngoài thông qua hệ thống dây.

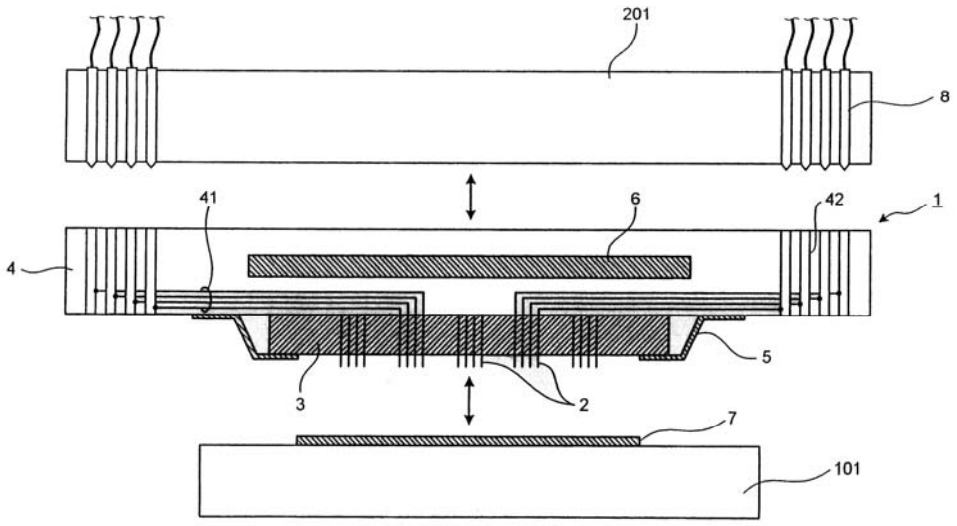

(11) **1-0009462**
(15) 18.07.2011 (51)[7] **D01F 6/70**, 1/10
(21) 1-2008-02981 (22) 01.02.2007
(86) PCT/KR07/000551 01.02.2007 (87) WO07/129807 15.11.2007
(30) 10-2006-0041407 09.05.2006 KR
(45) 25.08.2011 281 (43) 27.04.2009 253
(73) HYOSUNG CORPORATION (KR)
#450, Kongduk-dong, Mapo-gu, Seoul 121-020, Korea
(72) SONG, Byung Su (KR), SEO, Seung Won (KR), YOO, Byung Ha (KR)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) XƠ SPANDEX CHỨA HYĐROTALXIT ĐÃ LOẠI MỘT PHẦN HYĐROXYL
(57) Sáng chế đề cập đến xơ spandex chứa hyđrotalxit đã loại một phần hyđroxyl với lượng nằm trong khoảng từ 0,1% đến 10% khối lượng, có tính bền màu và chịu clo tuyệt vời cũng như các đặc tính nội tại của xơ spandex, và do vậy có thể được sử dụng một cách có lợi trong sản xuất quần áo lót, tất và quần áo thể thao.

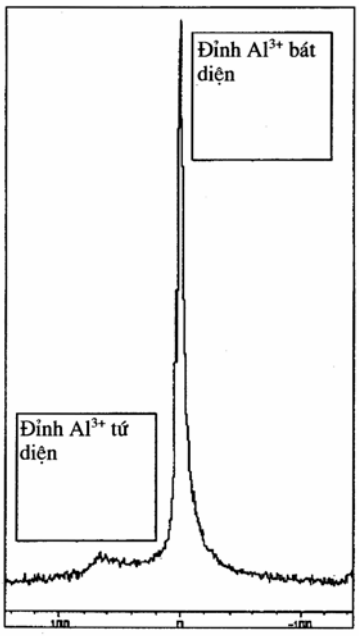

(11) **1-0009463**
(15) 18.07.2011 (51)[7] **C11D 3/37**
(21) 1-2005-00871 (22) 25.11.2003
(86) PCT/EP03/013825 25.11.2003 (87) WO04/056952 08.07.2004
(30) 10/328,059 23.12.2002 US
(45) 25.08.2011 281 (43) 26.09.2005 210
(73) UNILEVER N.V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(72) WILFRIED BLOKZIJL (NL), ROBERT JOHN CARSWELL (GB), DOMINIQUE CHARMOT (FR), ROBERT ALAN HUNTER (GB), MINGJUN LIU (CN), PAUL MANSKY (US), VICTOR NAVA-SALGADO (MX), GIOVANNI FRANCESCO UNALI (IT)
(74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)
(54) CHẾ PHẨM TẨY GIẶT VÀ PHƯƠNG PHÁP LẮNG PHỦ POLYME LÊN NỀN
(57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm tẩy giặt chứa ít nhất một hợp chất polyme có nhóm polyme cation và nhóm polydialkylsiloxan và ít nhất một thành phần khác. Sáng chế cũng đề cập đến phương pháp làm lắng phủ hợp chất polyme lên nền và việc sử dụng polyme này để mang lại lợi ích dưỡng vải.

(11) **1-0009464**
(15) 18.07.2011 (51)[7] **C11D 17/00**, 3/20, 3/02, 1/94, 1/37
(21) 1-2008-00431 (22) 17.07.2006
(86) PCT/EP06/007038 17.07.2006 (87) WO07/028446 15.03.2007
(30) 0503023-4 22.07.2005 BR
EP05077560 11.11.2005 EP
(45) 25.08.2011 281 (43) 26.05.2008 242
(73) UNILEVER N.V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(72) Maria Luisa Ferreyra (AR), Eleonora Maldacena (AR)
(74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)
(54) CHẾ PHẨM LÀM SẠCH VÀ PHƯƠNG PHÁP LÀM SẠCH
(57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm làm sạch chứa hỗn hợp các chất hoạt động bề mặt và tác nhân thay đổi độ nhớt bao gồm chất điện phân, mà đông đặc ngay sau khi pha loãng để tạo ra gel. Các chế phẩm này là hữu ích cho các công việc làm sạch quy mô gia đình như rửa bát chén. Chúng tạo ra sự lưu giữ chất hoạt động bề mặt trên vật mang được cải thiện và tăng dần, do vậy tránh được việc sử dụng lãng phí chế phẩm và đem lại hiệu suất cao hơn.

(11) **1-0009465**
(15) 18.07.2011 (51)[7] **A01N 43/88**, 37/18
(21) 1-2009-01760 (22) 05.02.2008
(86) PCT/EP08/000870 05.02.2008 (87) WO08/101595 28.08.2008
(30) 2007-37531 19.02.2007 JP
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.02.2010 263
(73) BAYER CROPSCIENCE AG (DE)
Alfred-Nobel-Strasse 50, 40789 Monheim Germany
(72) ENDO, Keiji (JP), SHIRAKURA, Shinichi (JP), NAKAMURA, Shin (JP)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(54) CHẾ PHẨM DIỆT CỎ HỖN HỢP VÀ PHƯƠNG PHÁP PHÒNG TRỪ CỎ DẠI BẰNG CÁCH SỬ DỤNG CHẾ PHẨM NÀY
(57) Sáng chế đề cập đến các chế phẩm diệt cỏ hỗn hợp để phòng trừ cỏ dại, tốt hơn là dùng cho cánh đồng trồng lúa. Các chế phẩm này khác biệt ở chỗ, chúng chứa, làm thành phần hoạt tính, (a) sulfonanilit diflometan diệt cỏ, (b) ít nhất một hợp chất diệt cỏ được chọn từ nhóm bao gồm các thuốc diệt cỏ đã biết và, tùy ý (c) một hoặc nhiều hợp chất được chọn từ nhóm bao gồm các chất an toàn. Sáng chế cũng đề xuất phương pháp phòng trừ cỏ dại bằng cách sử dụng các chế phẩm này.

(11) **1-0009466**
(15) 18.07.2011 (51)[7] **B01D 53/14**
(21) 1-2005-00459 (22) 17.09.2002
(86) PCT/US02/029810 17.09.2002 (87) WO04/026441 01.04.2004
(45) 25.08.2011 281 (43) 27.06.2005 207
(73) FLUOR CORPORATION (US)
One Enterprise Drive, Aliso Viejo, CA 92656, United States of America
(72) MAK John (US)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) THIẾT BỊ LOẠI BỎ KHÍ AXIT

(57) Sáng chế đề xuất thiết bị loại bỏ khí axit bao gồm bộ hấp thụ (105) tiếp nhận khí cấp (10) ở áp suất ít nhất 2758kPa (400psi) và chứa ít nhất 5%mol cacbon đioxit, trong đó bộ hấp thụ (105) được vận hành với gradien nhiệt giảm từ đỉnh xuống đáy hoặc đẳng nhiệt, và trong đó bộ hấp thụ (105) sử dụng dung môi vật lý để loại bỏ ít nhất một phần khí axit ra khỏi khí cấp (10). Có lợi, nếu hệ thống như vậy tạo ra sự làm lạnh (108) bằng cách làm giãn nở dung môi giàu (21) đã được tạo ra trong bộ hấp thụ (105), trong đó cả dung môi khá giàu (13) đã được tạo ra và tái tuần hoàn vào bộ hấp thụ (105) lẫn khí cấp (10) đều được làm lạnh bằng cách làm giãn nở dung môi giàu (21).

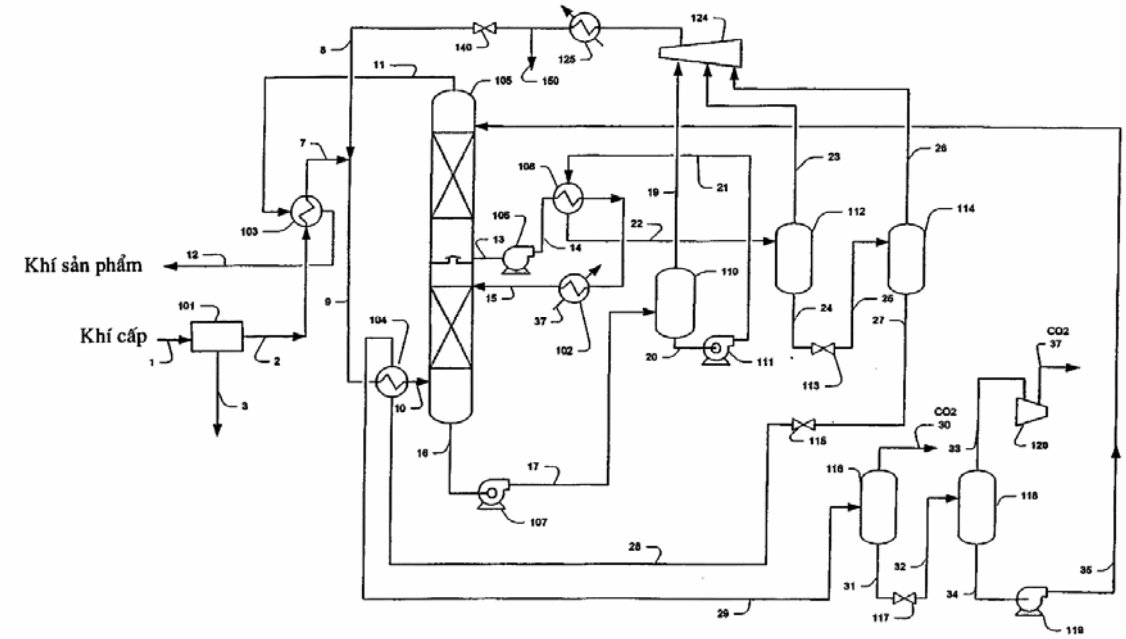

(11) **1-0009467**
(15) 18.07.2011 (51)[7] **A61K 9/00**, 9/28
(21) 1-2009-00890 (22) 26.09.2007
(86) PCT/EP07/060186 26.09.2007 (87) WO08/040665 10.04.2008
(30) 60/850,174 06.10.2006 US
60/951,557 24.07.2007 US
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.12.2009 261
(73) F. HOFFMANN-LA ROCHE AG (CH)
Grenzacherstrasse 124, CH-4070 Basel, Switzerland
(72) BACHYNSKY, Maria Oksana (US), INFELD, Martin Howard (US), RASHED, Mohammad (US), SHAH, Navnit Hargovindas (US)
(74) Công ty Hỗ trợ phát triển công nghệ (DETECH)
(54) VIÊN NÉN CHỨA CAPECITABINE DÙNG TRONG NHI KHOA
(57) Sáng chế đề xuất dược phẩm bao màng chứa hợp chất 5'-deoxy-5-flo- N-[(pentyloxy)-carbonyl]-xytidin (capecitabine) và ít nhất một chất gây rã được chọn từ nhóm bao gồm crospovidon (cỡ hạt <15-400μ), natri croscarmeloza, natri tinh bột glycolat, hydroxypropylxenluloza được thế, Pharmaburst C hoặc hỗn hợp bất kỳ của chúng, cùng với các tá dược dược dụng khác để tạo thành viên nén phân rã nhanh. Viên nén này phân rã trong nước ở 37^{o}c trong thời gian ngắn hơn 2 phút trong thiết bị USP Disintegration Apparatus, tốt hơn là 1 phút và có độ cứng nằm trong khoảng từ 56 đến 91N (8-13 strong Cobb -Units).

(11) **1-0009468**
(15) 18.07.2011 (51)[7] **G09F 3/03**
(21) 1-2009-00156 (22) 02.07.2007
(86) PCT/DK07/000325 02.07.2007 (87) WO08/000270 03.01.2008
(30) 06388047 30.06.2006 EP
60/806,586 05.07.2006 US
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.06.2009 255
(73) ONESEAL A/S (DK)
Vible Alle 2, DK-2980 Kokkedal, Denmark
(72) REMARK, Preben Michael (DK), VELSCHOU, Jens Christian (DK)
(74) Công ty Cổ phần Đỉnh Cao và cộng sự Quốc tế (TOP & PARTNERS CO.,LTD)

(54) KHOÁ GÀI CHO BIẾT SỰ CAN THIỆP VÀO KHOÁ DÙNG CHO CÔNGTENƠ

(57) Sáng chế đề cập đến khóa gài cho biết sự can thiệp vào khóa dùng cho côngtenơ, khóa gài này bao gồm bộ phận thứ nhất có đầu thứ nhất, đầu thứ hai và phần thân theo chiều dọc của trục của bộ phận thứ nhất, trong đó đầu thứ nhất là đầu gài, có bề mặt ngoài và kích thước tiết diện theo phương nằm ngang thứ nhất, và đầu thứ hai là đầu có kích thước tiết diện theo phương nằm ngang thứ hai lớn hơn kích thước tiết diện theo phương nằm ngang thứ nhất của đầu gài; bộ phận thứ hai có hốc khóa cho phép đầu gài khóa khớp với bộ phận thứ hai khi đầu gài của bộ phận thứ nhất được lắp vào trong hốc khoá đã nêu, đầu gài có các chốt khóa nằm nhô ra và kéo dài trên bề mặt theo chu vi ngoài của trục; hốc khóa của bộ phận thứ hai có các rãnh lõm để khóa và chốt chặt đầu gài vào hốc khóa, nhờ đó bộ phận thứ nhất được khóa và chốt chặt với bộ phận thứ hai.

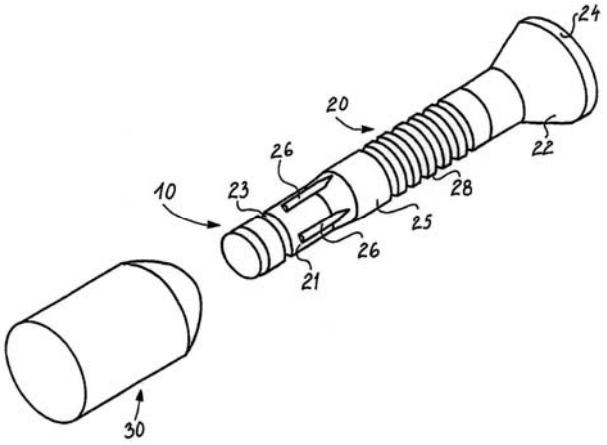

PHẦN II

GIẢI PHÁP HỮU ÍCH ĐƯỢC CẤP BẰNG ĐỘC QUYỀN

(11) **2-0000901**
(15) 27.06.2011 (51)[7] **B41K 1/36**, 1/00
(21) 2-2004-00146 (22) 25.11.2004
(30) 092220859 26.11.2003 TW
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.02.2005 203
(73) SUN SAME ENTERPRISES CO., LTD (TW)
31, Lane 349, Chung Cheng S .Road, Yuan Kang City, Tainan Hsien, Taiwan
(72) SHINY SHIH (TW)
(74) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)
(54) CON DẤU CÓ THỂ ĐIỀU CHỈNH
(57) Giải pháp hữu ích đề cập đến con dấu có thể điều chỉnh có lò xo dọc với lực căng có thể điều chỉnh. Con dấu này bao gồm thân con dấu, đế, nắp chụp, tay cầm, núm điều chỉnh và vòng định vị tùy chọn. Thân con dấu có cụm mang ký hiệu được lắp bên trong và đế được lắp trong thân con dấu. Nắp chụp được lắp chụp lên thân con dấu và đế, và tay cầm được nối với nắp chụp. Lò xo dọc được lắp bên trong tay cầm và kéo cụm mang ký hiệu vào trong nắp chụp. Núm điều chỉnh được lắp xoay được trong tay cầm, và vòng định vị giữ núm điều chỉnh đúng vị trí. Khi núm điều chỉnh được làm quay, lực kéo của lò xo có thể được thay đổi để cụm mang ký hiệu đóng dấu rõ ràng.

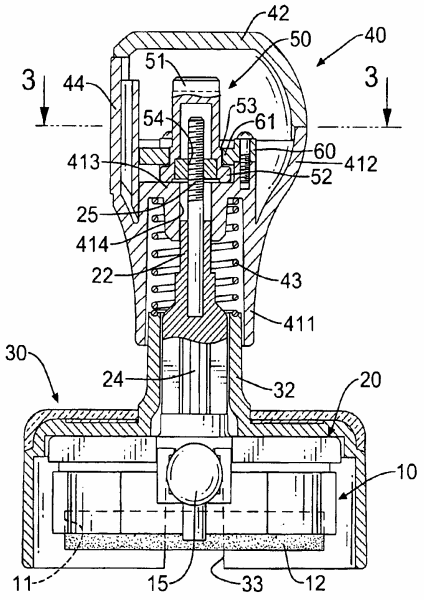

(11) **2-0000902**
(15) 11.07.2011 (51)[7] **B41K 1/36**
(21) 2-2004-00160 (22) 22.12.2004
(30) 093207513 14.05.2004 TW
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.02.2005 203
(73) SUN SAME ENTERPRISES CO., LTD (TW)
31, Lane 349, Chung Cheng S .Road, Yuan Kang City, Tainan Hsien, Taiwan
(72) SHINY SHIH (TW)
(74) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)
(54) VỎ CON DẤU LIỀN MỰC
(57) Giải pháp hữu ích đề cập đến vỏ con dấu của con dấu liền mực bao gồm phần vỏ di động, hai bộ phận giữ ép và tấm bảo vệ. Phần vỏ di động có đầu trên và hai lỗ lắp bộ phận giữ ép lần lượt được tạo xuyên qua các mặt bên của phần vỏ di động và thẳng hàng với nhau. Hai bộ phận giữ ép được lắp tháo ra được trong các lỗ lắp bộ phận giữ ép tương ứng. Tấm bảo vệ được gắn vào phần vỏ di động và có hai vùng che thẳng hàng với và che các bộ phận giữ ép tương ứng. Kết quả là, các bộ phận giữ ép được bao kín hoàn toàn và được che bởi tấm bảo vệ, sẽ ngăn chặn chất bẩn như bụi, mồ hôi, hoặc mực bám vào các bộ phận giữ ép. Hơn nữa, tấm bảo vệ còn tạo ra cảm giác tiếp xúc chắc chắn cho người sử dụng con dấu liền mực.

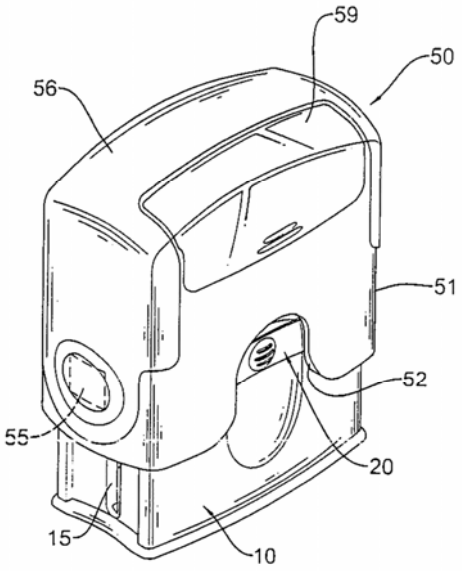

(11) **2-0000903**
(15) 18.07.2011 (51)[7] **C02F 1/00**
(21) 2-2010-00148 (22) 13.02.2009
(67) 1-2009-00092
(45) 25.08.2011 281 (43) 27.04.2009 253
(73) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG TÂN TRƯỜNG SƠN (VN)
3/357 Bạch Đằng, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(72) Nguyễn Sỹ Ngọc (VN)
(54) BÁT ĐỠ KÉP DÙNG CHO CỬA CUỐN
(57) Giải pháp hữu ích đề cập đến bát đỡ kép dùng cho cửa cuốn có kết cấu bao gồm: vành trong (1), vách nối (2) trên đó có các rãnh lõm (6) và vành đệm (4) có tiết diện hình chữ U sao cho ôm lấy rìa ngoài của vách nối (2) và có các mấu lồi (6') có hình dạng sao cho vừa khít với các rãnh lõm (6) trên vách nối (2) nêu trên.

Nhờ có kết cấu này mà vành đệm (4) luôn được cố định chặt ở rìa ngoài của vách nối (2), nên khi cửa hoạt động, vành đệm này không bị xê dịch, không bị tuột khỏi vị trí đã định.

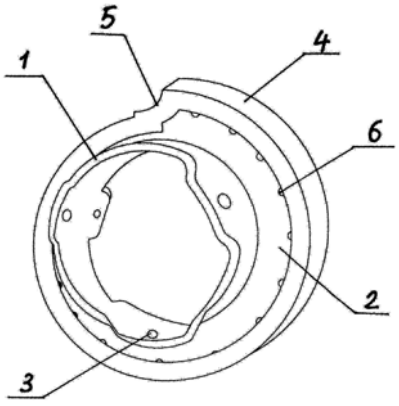

PHẦN III

KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP ĐƯỢC CẤP BẰNG ĐỘC QUYỀN

(11) **3-0015692**
(15) 27.06.2011 (51) **19-06**
(21) 3-2010-00177 (22) 08.02.2010
(18) 08.02.2015
(54) BÚT VIẾT (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.08.2010 269
(73) CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ (VN)
672 Ngô Gia Tự, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(72) Bùi Kỳ Phát (VN)
(55)

1.1

1.2

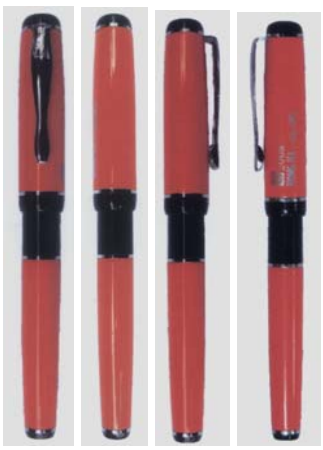

1.3 1.4 1.5

1.6

1.7 1.8

(11) **3-0015693**
(15) 27.06.2011 (51) **06-02**
(21) 3-2010-01179 (22) 11.09.2010
(18) 11.09.2015
(54) KHUNG VÕNG XẾP (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 27.02.2011 275
(73) CÔNG TY TNHH CÔN PHANH MINH NGỌC (VN)
12 Ngô Thị Nhậm, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
(72) Nguyễn Ngọc (VN)
(55)

1.1

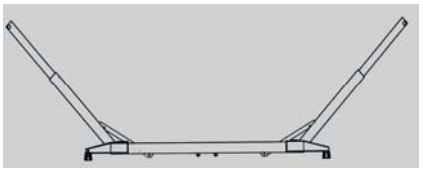

1.2

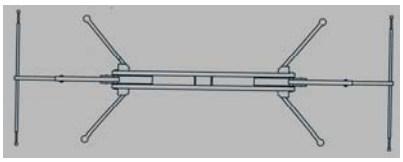

1.3

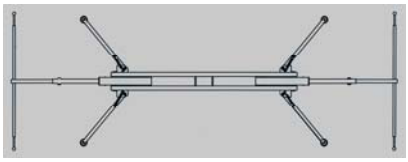

1.4

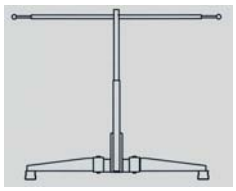

1.5

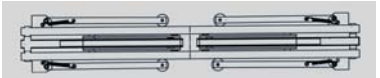

1.6

1.7

(11) **3-0015694**
(15) 27.06.2011 (51) **25-04**
(21) 3-2010-01190 (22) 13.09.2010
(18) 13.09.2015
(54) THANG XẾP (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 27.02.2011 275
(73) CÔNG TY TNHH CÔN PHANH MINH NGỌC (VN)
12 Ngô Thị Nhậm, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
(72) Nguyễn Ngọc (VN)
(55)

1.1

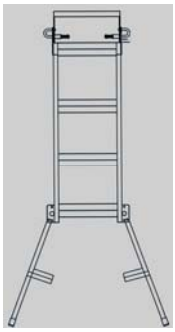

1.2

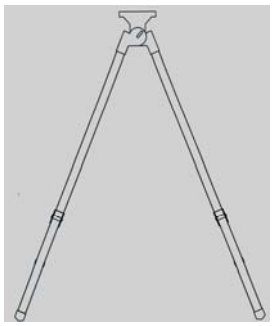

1.3

1.4

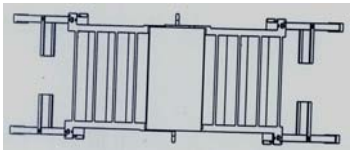

1.5

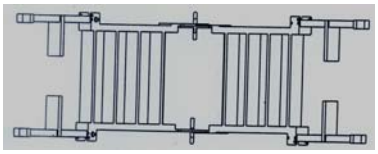

1.6

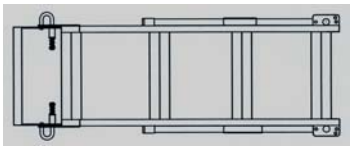

1.7

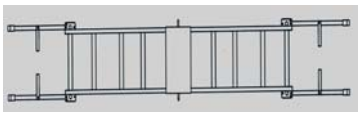

1.8

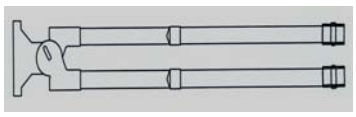

1.9

(11) **3-0015695**
(15) 27.06.2011 (51) **13-01**
(21) 3-2010-00130 (22) 29.01.2010
(18) 29.01.2015
(54) CÁNH QUẠT GIÓ (28) 02
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.10.2010 271
(73) HOÀNG VĂN CƯỜNG (DE)
St. - Annaberg-Str. 9, 72213 Altensteig, Germany
(72) Hoàng Văn Cường (DE)
(74) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)
(55)

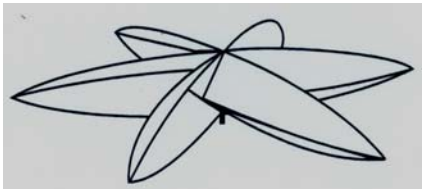

1.1

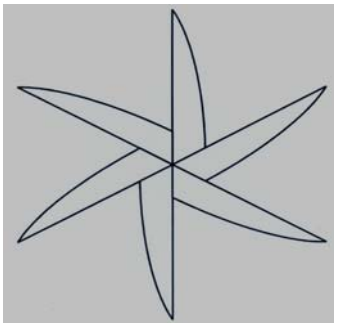

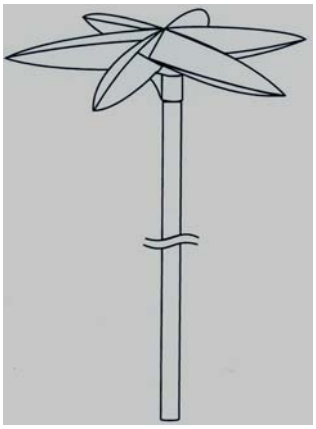

1.2 1.3

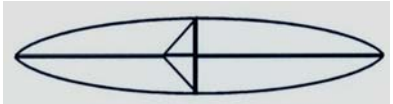

1.4 1.5

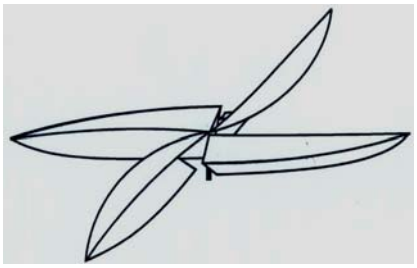

2.1

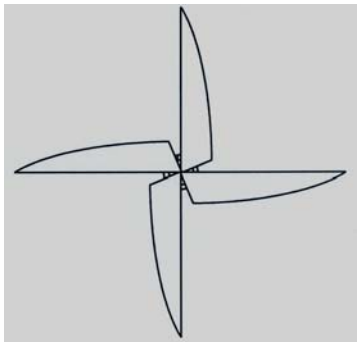

2.2

2.3

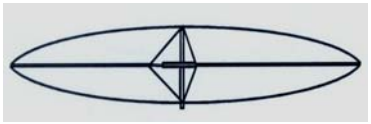

2.4

(11) **3-0015696**
(15) 27.06.2011 (51) **25-01**
(21) 3-2010-00741 (22) 08.06.2010
(18) 08.06.2015
(54) CHI TIẾT GHÉP TẤM PANEN (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.11.2010 272
(73) BRIAN CHARLES COSTELLO (AU)
4 Venosa Place, Sunnybank Hills QLD 4109, Australia
(72) Brian Charles Costello (AU)
(74) Công ty TNHH Tư vấn ALIATLEGAL (ALIATLEGAL CO., LTD.)
(55)

1.1

1.2

1.3

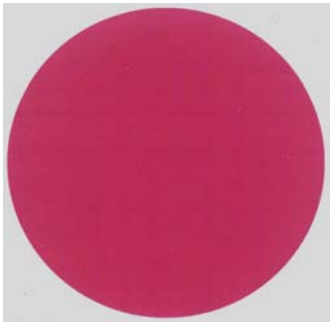

1.4

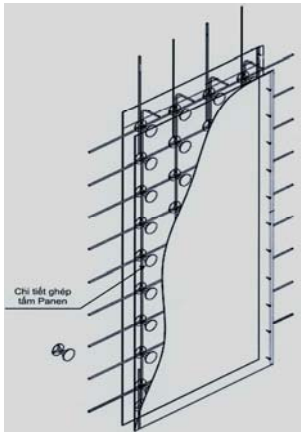

1.5

(11) **3-0015697**
(15) 27.06.2011 (51) **19-08**
(21) 3-2009-01399 (22) 12.10.2009
(18) 12.10.2014
(54) NHÃN SẢN PHẨM (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.12.2009 261
(73) CÔNG TY CỔ PHẦN MISA (VN)
Nhà I, khách sạn La Thành, số 218 Đội Cấn, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(72) Lữ Thành Long (VN), Nguyễn Xuân Hoàng (VN)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)
(55)

(11) **3-0015698**
(15) 27.06.2011 (51) **25-01**
(21) 3-2010-00377 (22) 02.04.2010
(18) 02.04.2015
(54) VIÊN GẠCH TƯỜNG LẮP GHÉP (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.08.2010 269
(73) NGUYỄN PHÚ HOÀ (VN)
Số 4, đường Phan Anh, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng
(72) Nguyễn Phú Hoà (VN)
(55)

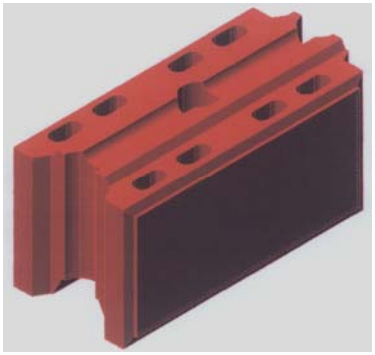

1.1

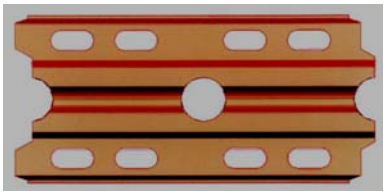

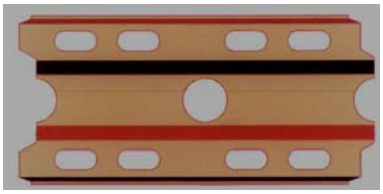

1.2 1.3

1.4 1.5 1.6 1.7

(11) **3-0015699**
(15) 27.06.2011 (51) **25-01**
(21) 3-2010-00378 (22) 02.04.2010
(18) 02.04.2015
(54) VIÊN GẠCH TRỤ LẮP GHÉP (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.08.2010 269
(73) NGUYỄN PHÚ HOÀ (VN)
Số 4, đường Phan Anh, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng
(72) Nguyễn Phú Hoà (VN)
(55)

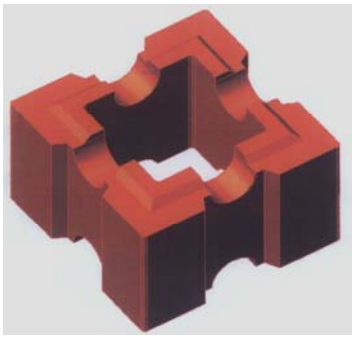

1.1

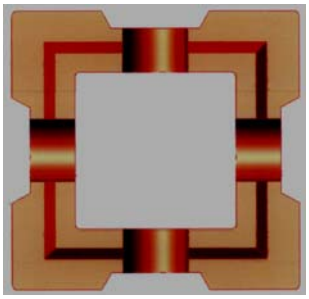

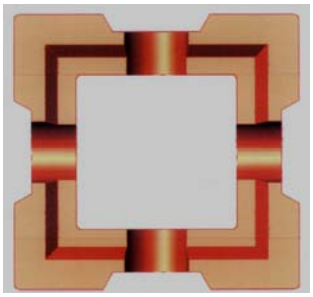

1.2 1.3

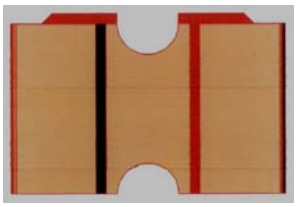

1.4

(11) **3-0015700**
(15) 27.06.2011 (51) **22-06**
(21) 3-2010-00619 (22) 18.05.2010
(18) 18.05.2015
(54) BÌNH PHUN THUỐC TRỪ SÂU (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 26.07.2010 268
(73) CÔNG TY TNHH BMC (VN)
Khu kinh tế xã hội Đại Đồng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc
(72) Vũ Văn Nhân (VN)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)
(55)

1.1 1.2 1.3 1.4

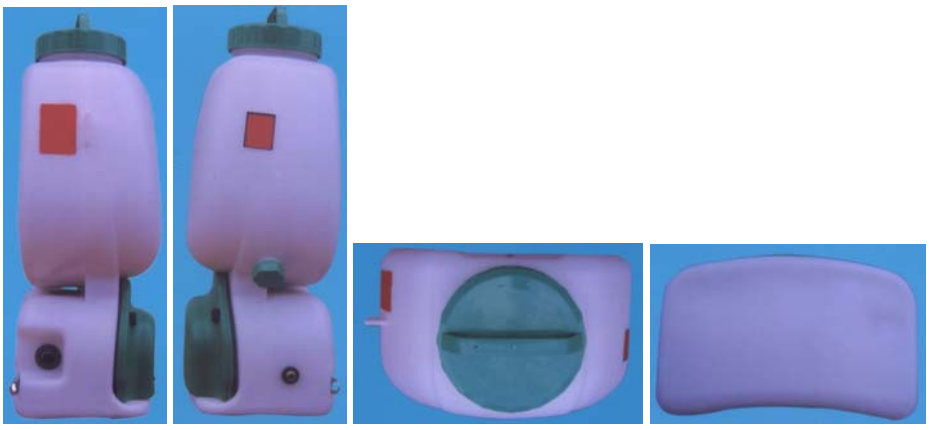

1.5 1.6 1.7 1.8

(11) **3-0015701**
(15) 27.06.2011 (51) **03-01**
(21) 3-2010-01160 (22) 08.09.2010
(18) 08.09.2015
(54) BAO ĐỰNG DIỆN THOẠI DI ĐỘNG (28) 01
(30) 2010-005519 08.03.2010 JP
(45) 25.08.2011 281 (43) 27.12.2010 273
(73) PANASONIC CORPORATION (JP)
1006, Oaza Kadoma, Kadoma-shi, OSAKA 571-8501, JAPAN
(72) Haruto Uchida (JP)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(55)

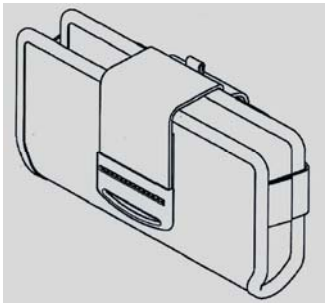
1.1

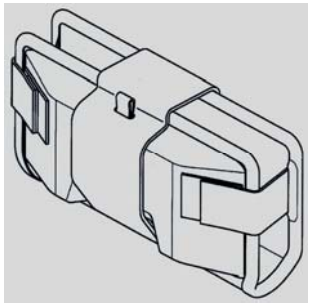
1.2

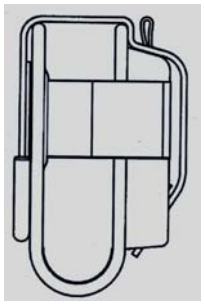
1.3

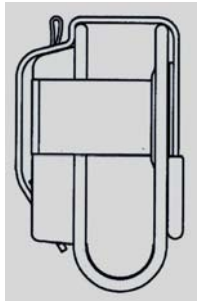
1.4

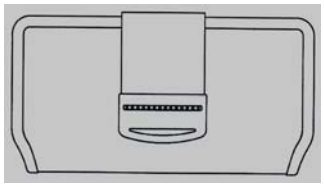
1.5

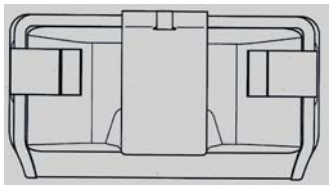
1.6

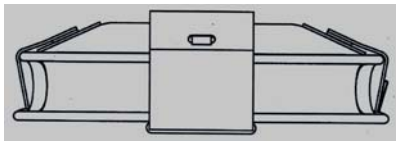
1.7

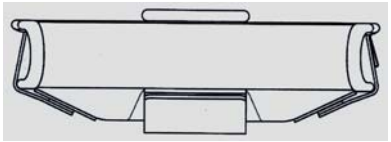
1.8

(11) **3-0015702**
(15) 27.06.2011 (51) **23-01**
(21) 3-2010-00020 (22) 08.01.2010
(18) 08.01.2015
(54) VÒI NƯỚC (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.06.2010 267
(73) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LONG ANH (VN)
18 Hàng Đậu, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(72) Hoàng Anh Hưng (VN)
(55)

1.1

1.2

1.3

1.4

1.5

1.6

1.7

(11) **3-0015703**
(15) 27.06.2011 (51) **02-04**
(21) 3-2010-00859 (22) 30.06.2010
(18) 30.06.2015
(54) DÉP (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.11.2010 272
(73) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LONG ANH (VN)
18 Hàng Đậu, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(72) Hoàng Anh Hưng (VN)
(55)

1.1

1.2

1.3

1.4

1.5

1.6

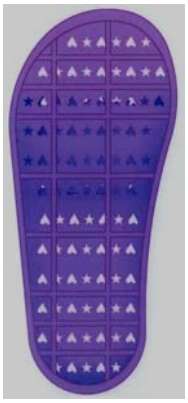

1.7

(11) **3-0015704**
(15) 27.06.2011 (51) **02-04**
(21) 3-2010-00936 (22) 16.07.2010
(18) 16.07.2015
(54) DÉP (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 27.09.2010 270
(73) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LONG ANH (VN)
18 Hàng Đậu, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(72) Hoàng Anh Hưng (VN)
(55)

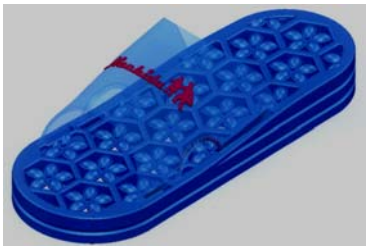

1.1

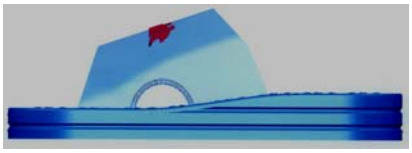

1.2

1.3

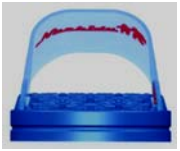

1.4

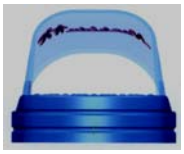

1.5

1.6

1.7

(11) **3-0015705**
(15) 27.06.2011 (51) **09-03**
(21) 3-2010-01251 (22) 20.09.2010
(18) 20.09.2015
(54) HỘP ĐỰNG SẢN PHẨM (28) 18
(45) 25.08.2011 281 (43) 27.01.2011 274
(73) CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH STADA-VIỆT NAM (VN)
Số K63/1, đường Nguyễn Thị Sóc, ấp Mỹ Hòa 2, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh
(72) Ông Văn Dũng (VN)
(74) Công ty TNHH Tư vấn Nhiệt tâm và Cộng sự (NT & PARTNERS CO.,LTD.)
(55)

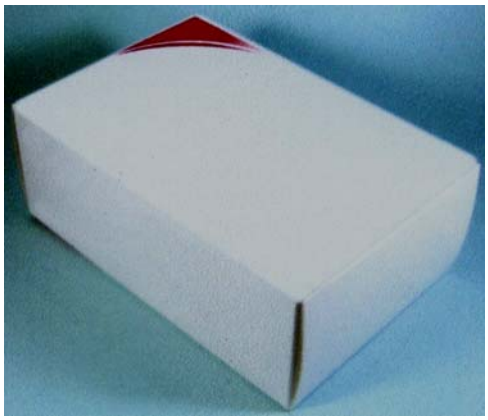

1.1

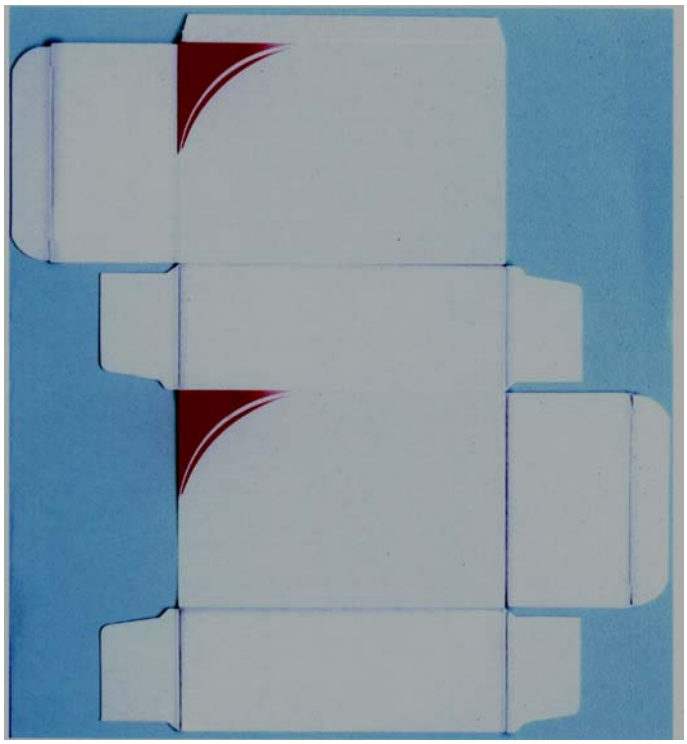

1.2

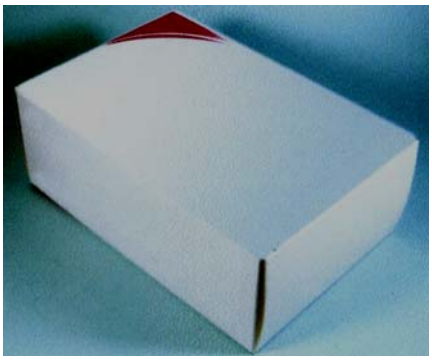

2.1

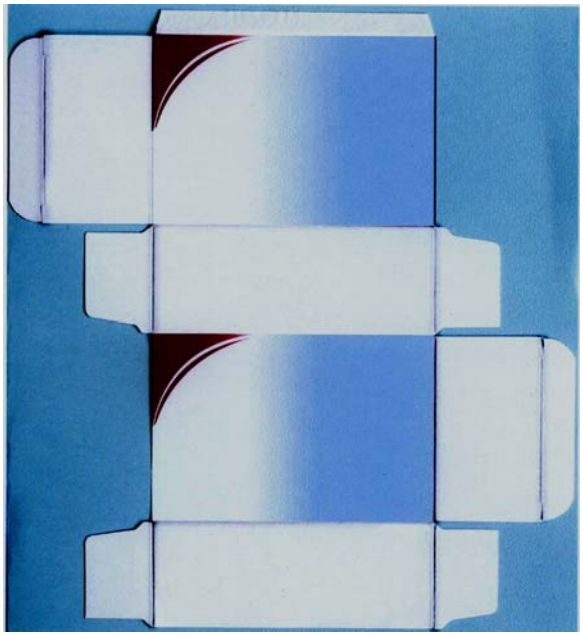

2.2

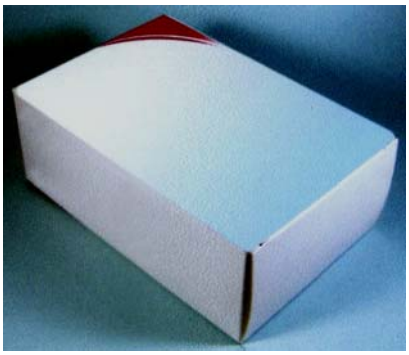

3.1

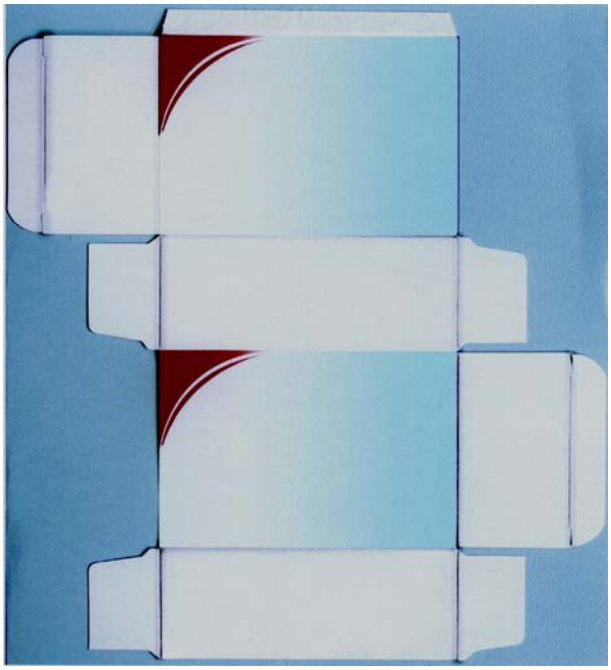

3.2

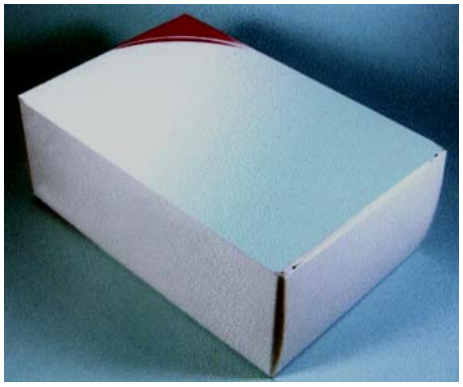

4.1

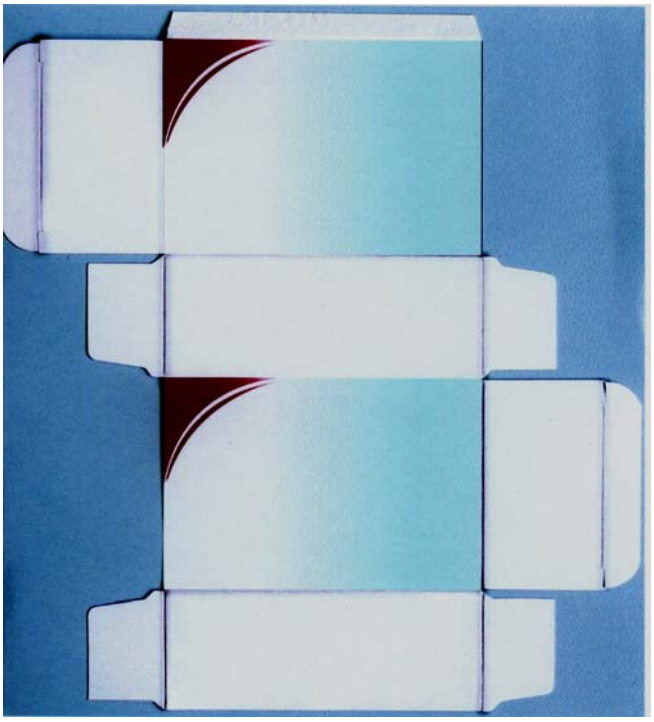

4.2

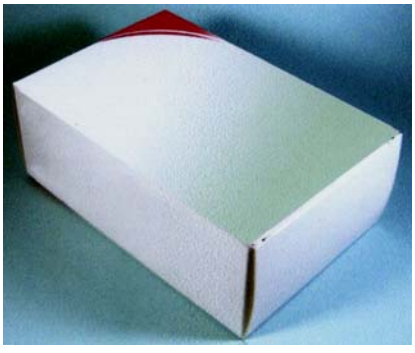

5.1

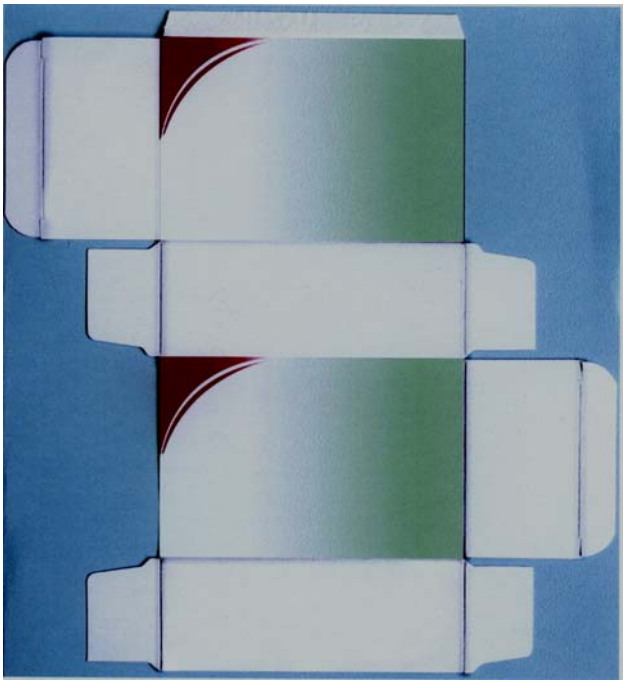

5.2

6.1

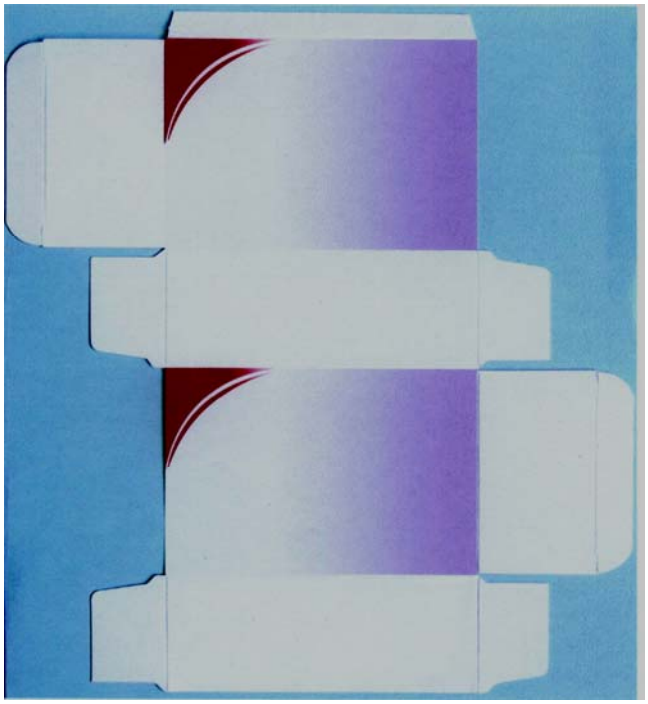

6.2

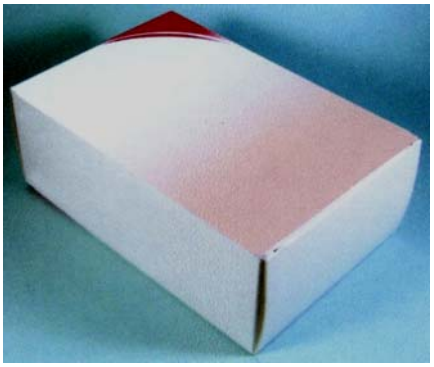

7.1

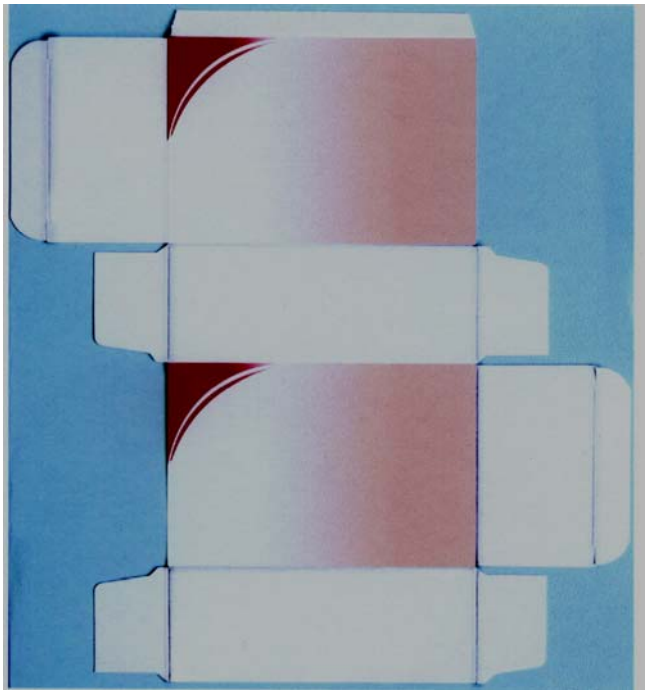

7.2

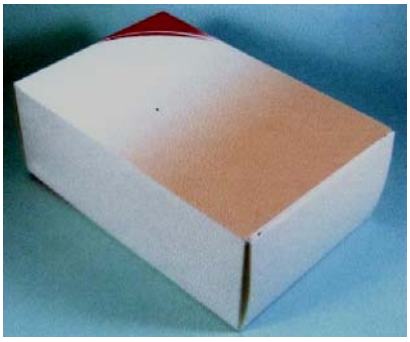

8.1

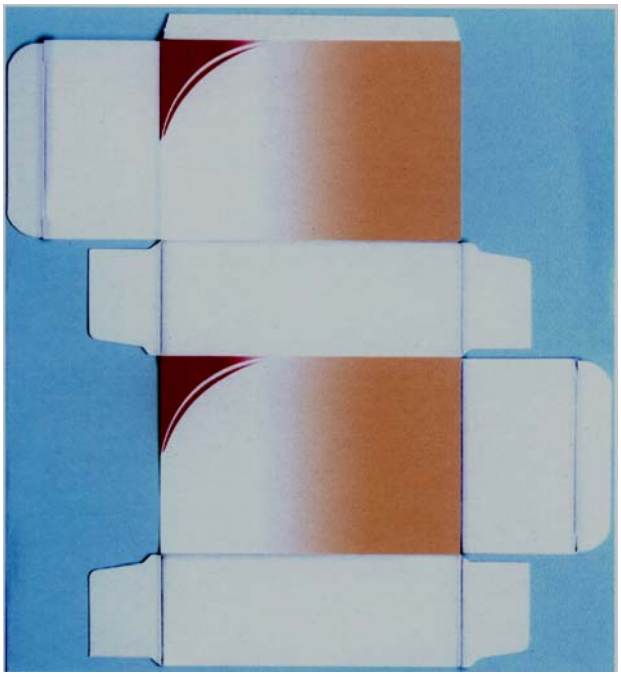

8.2

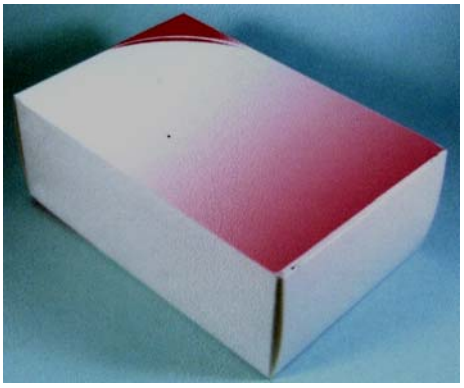

9.1

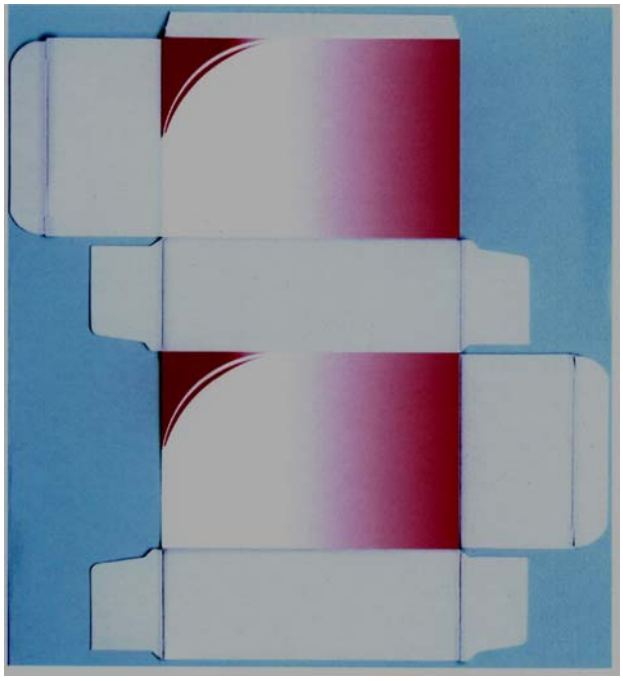

9.2

10.1

10.2

11.1

11.2

12.1

12.2

13.1

13.2

14.1

14.2

15.1

15.2

16.1

16.2

17.1

17.2

18.1

18.2

(11) **3-0015706**
(15) 27.06.2011 (51) **06-04**
(21) 3-2010-00537 (22) 29.04.2010
(18) 29.04.2015
(54) KỆ ĐỰNG ĐĨA COMPACT (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 26.07.2010 268
(73) CHOKCHAI CHAROENAPORNWATANA (TH)
99/9 Soi Suksawad 72, Suksawad Rd., Bangkru, Phrapradaeng, Samutprakarn 10130 Thailand
(72) Chokchai Charoenapornwatana (TH)
(74) Công ty TNHH một thành viên Trường Luật (CÔNG TY TRUONG LUAT)
(55)

1.1

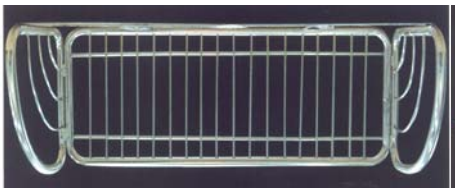

1.2

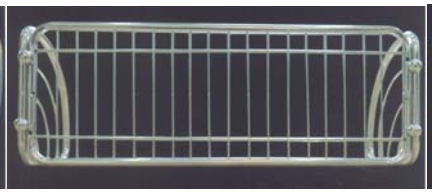

1.3

1.4

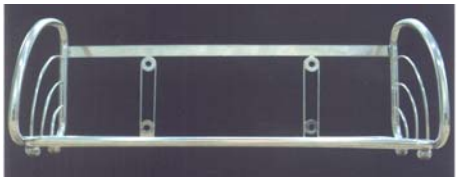

1.5

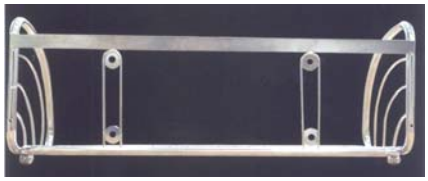

1.6

(11) **3-0015707**
(15) 27.06.2011 (51) **09-03**
(21) 3-2009-01716 (22) 08.12.2009
(18) 08.12.2014
(54) THÙNG MÌ (28) 04
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.02.2010 263
(73) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM CHÂU Á (VN)
Lô G2, khu công nghiệp Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh
(72) Lê Thị Hoàng Oanh (VN)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(55)

1.1

1.2

Tứ Tuyệt
MÌ BÒ VIÊN SẢ ỚT
4 Tuyệt

2.1

Tứ Tuyệt
MÌ BÒ VIÊN SẢ ỚT
4 Tuyệt
MICOEM
ISO 9001: 2000
HSD

2.2

Tứ Tuyệt
MÌ TÔM CUA CHUA CAY
4 Tuyệt

3.1

Tứ Tuyệt
MÌ TÔM CUA CHUA CAY
4 Tuyệt
MICOEM
ISO 9001: 2000
HSD

3.2

MICOEM
Tứ Tuyệt
MÌ SƯỜN XỐT CHUA NGỌT
4 Tuyệt
HSD

4.1

MICOEM
Tứ Tuyệt
MÌ SƯỜN XỐT CHUA NGỌT
4 Tuyệt
HSD

4.2

(11) **3-0015708**
(15) 27.06.2011 (51) **25-01**
(21) 3-2010-00787 (22) 18.06.2010
(18) 18.06.2015
(54) THANH NHÔM ĐỊNH HÌNH (28) 07
(45) 25.08.2011 281 (43) 27.02.2011 275
(73) CÔNG TY TNHH THÉP BÌNH MINH (VN)
1063 quốc lộ 1A, khu phố 6, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
(72) Bùi Văn Tư (VN)
(55)

1.1 1.2 1.3 1.4 1.5 1.6

2.1 2.2 2.3 2.4 2.5 2.6

3.1 3.2 3.3 3.4 3.5 3.6

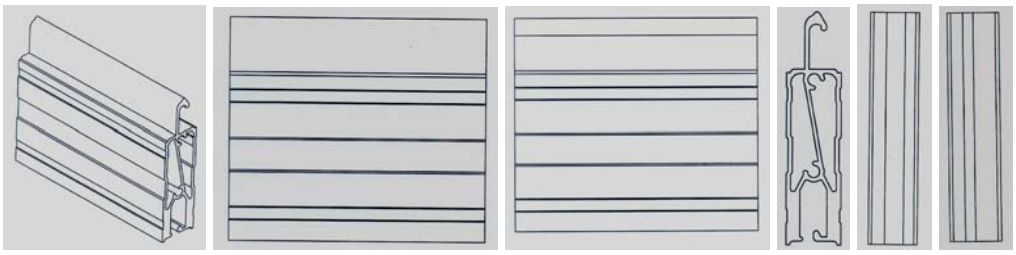

4.1 4.2 4.3 4.4 4.5 4.6

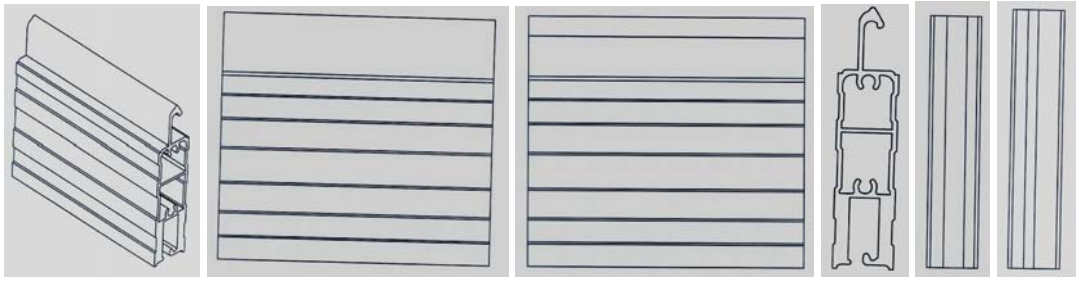

5.1 5.2 5.3 5.4 5.5 5.6

6.1 6.2 6.3 6.4 6.5 6.6

7.1 7.2 7.3 7.4 7. 5 7.6

(11) **3-0015709**
(15) 04.07.2011 (51) **08-08**
(21) 3-2009-01858 (22) 28.12.2009
(18) 28.12.2014
(54) CON KÊ ĐỊNH VỊ THẲNG (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 26.07.2010 268
(73) CÔNG TY TNHH NHỰA VIỆT SON (VN)
F50/68A, ấp 6, xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh
(72) SON OUK KYU (KR)
(55)

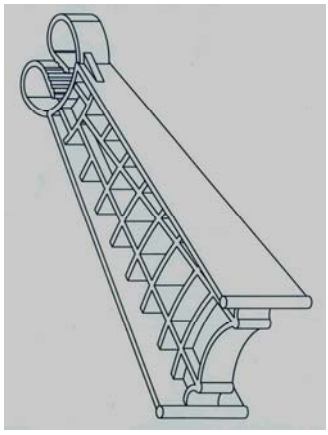

1.1

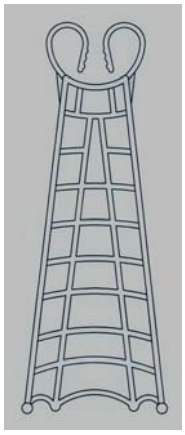

1.2

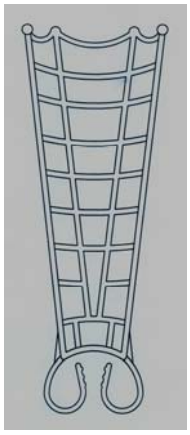

1.3

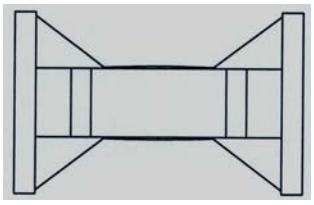

1.4

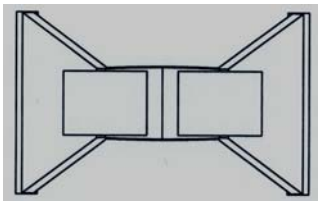

1.5

1.6

(11) **3-0015710**
(15) 04.07.2011 (51) **26-03**
(21) 3-2010-00440 (22) 12.04.2010
(18) 12.04.2015
(54) ĐÈN (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 26.07.2010 268
(73) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI TRÍ PHÁT (VN)
26/7 Tổ 1, khu phố 1, ấp Chợ, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh
(72) Huỳnh Tấn Phát (VN)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Ngôi Sao chuyên nghiệp và liên danh (NOVAPRO & ASSOCIATES CO.,LTD.)
(55)

1.1

1.2

1.3

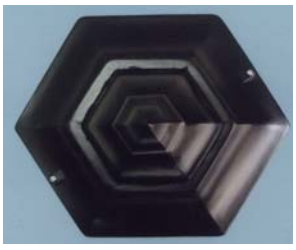

1.4

1.5

(11) **3-0015711**
(15) 04.07.2011 (51) **26-03**
(21) 3-2010-00441 (22) 12.04.2010
(18) 12.04.2015
(54) ĐÈN (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 26.07.2010 268
(73) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI TRÍ PHÁT (VN)
26/7 tổ 1, khu phố 1, ấp Chợ, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh
(72) Huỳnh Tấn Phát (VN)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Ngôi Sao chuyên nghiệp và liên danh (NOVAPRO & ASSOCIATES CO.,LTD.)
(55)

1.1

1.2

1.3

1.4

(11) **3-0015712**
(15) 04.07.2011 (51) **13-03**
(21) 3-2010-00718 (22) 04.06.2010
(18) 04.06.2015
(54) Ổ CẮM VÀ CÔNG TẮC (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.08.2010 269
(73) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT THIẾT BỊ ĐIỆN MINH THÀNH (VN)
187 Đỗ Ngọc Thạch, phường 4, quận 11, TP. Hồ Chí Minh
(72) Mạc Bỉnh Sang (VN)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Ngôi Sao chuyên nghiệp và liên danh (NOVAPRO & ASSOCIATES CO.,LTD.)
(55)

1.1

1.2

1.3

1.4

1.5

1.6

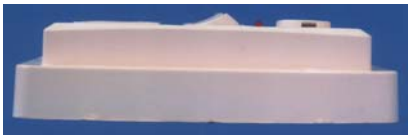

1.7

(11) **3-0015713**
(15) 04.07.2011 (51) **15-03**
(21) 3-2010-00297 (22) 16.03.2010
(18) 16.03.2015
(54) MÁY GẶP ĐẬP LIÊN HỢP (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.05.2010 266
(73) VIỆN CƠ ĐIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ CÔNG NGHỆ SAU THU HOẠCH (VN)
Số 54, ngõ 102, đường Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(72) Phạm Đức Việt (VN)
(74) Công ty TNHH IPIC GROUP (IPIC GROUP CO.,LTD.)
(55)

1.1

1.2

1.3

1.4

1.5

1.6

(11) **3-0015714**
(15) 04.07.2011 (51) **06-04**
(21) 3-2010-00543 (22) 04.05.2010
(18) 04.05.2015
(54) TỦ (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 26.07.2010 268
(73) CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SÀI GÒN - KYMDAN (VN)
28 Bình Thới, phường 14, quận 11, TP. Hồ Chí Minh
(72) Nguyễn Hữu Trí (VN)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(55)

1.1

1.2

1.3

1.4

1.5

1.6

(11) **3-0015715**
(15) 04.07.2011 (51) **06-04**
(21) 3-2010-00557 (22) 06.05.2010
(18) 06.05.2015
(54) TỦ (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 26.07.2010 268
(73) CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SÀI GÒN - KYMDAN (VN)
28 Bình Thới, phường 14, quận 11, TP. Hồ Chí Minh
(72) Nguyễn Hữu Trí (VN)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(55)

1.1

1.2

1.3

1.4

1.5

1.6

(11) **3-0015716**
(15) 04.07.2011 (51) **06-02**
(21) 3-2010-00558 (22) 06.05.2010
(18) 06.05.2015
(54) GIƯỜNG NGỦ (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 26.07.2010 268
(73) CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SÀI GÒN - KYMDAN (VN)
28 Bình Thới, phường 14, quận 11, TP. Hồ Chí Minh
(72) Nguyễn Hữu Trí (VN)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(55)

1.1

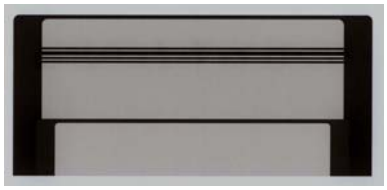

1.2

1.3

1.4

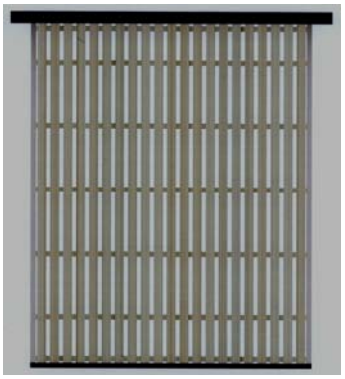

1.5

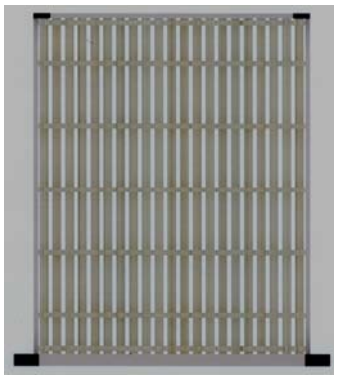

1.6

(11) **3-0015717**
(15) 04.07.2011 (51) **09-05**
(21) 3-2009-01480 (22) 02.11.2009
(18) 02.11.2014
(54) BAO GÓI SẢN PHẨM (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.01.2010 262
(73) CÔNG TY TNHH AN NÔNG (VN)
Lô B06-1, khu công nghiệp Đức Hoà I - Hạnh Phúc, xã Đức Hoà Đông, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An
(72) Trương Thị Thủy Trường (VN)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)
(55)

1.1

1.2

(11) **3-0015718**
(15) 04.07.2011 (51) **09-05**
(21) 3-2009-01839 (22) 25.12.2009
(18) 25.12.2014
(54) BAO GÓI (28) 02
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.03.2010 264
(73) CƠ SỞ HỒNG THIÊN (VN)
306 Hòa Bình, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
(72) Lâm Văn Hồng (VN)
(74) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
(55)

1.1

1.2

BÚN GẠO KHÔ
Lotus
DRY RICE VERMICELLI

2.1

DRY RICE VERMICELLI
BÚN GẠO KHÔ
Lotus
Chất lượng đảm bảo • Chay mặn đều dùng được
DRY RICE VERMICELLI
KLT/Net Wt.: 400g(14.1oz)
BÚN GẠO KHÔ
Nutrition Facts
HỒNG THIỆN

2.2

(11) **3-0015719**
(15) 04.07.2011 (51) **09-03**
(21) 3-2010-01249 (22) 20.09.2010
(18) 20.09.2015
(54) HỘP ĐỰNG SẢN PHẨM BÁNH KẸO (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 27.12.2010 273
(73) HÀ THỊ THU HIỀN (VN)
Khu 8, phường Việt Hoà, thành phố Hải Dương
(72) Hà Thị Thu Hiền (VN)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)
(55)

1.1

1.2

1.3

1.4

1.5

(11) **3-0015720**
(15) 04.07.2011 (51) **09-03**
(21) 3-2009-01546 (22) 11.11.2009
(18) 11.11.2014
(54) HỘP ĐỰNG (28) 04
(45) 25.08.2011 281 (43) 26.04.2010 265
(73) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HANH THÔNG (VN)
Số 57/17 đường số 1, phường 7, quận Gò Vấp, TP . Hồ Chí Minh
(72) Huỳnh Liên Lộc Thọ (VN)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)
(55)

1.1

1.2

THỰC PHẨM CHỨC NĂNG
Trà
Chùm Ngây
NGUYÊN CHẤT

2.1

MORIN GARDEN
DINH DƯỠNG TỪ THIÊN NHIÊN
HẠNH THÔNG
THỰC PHẨM CHỨC NĂNG
Trà
Chùm Ngây
NGUYÊN CHẤT
FUNCTIONAL FOOD
Moringa Tea
ORIGINAL

2.2

HẠNH THÔNG
THỰC PHẨM CHỨC NĂNG
Trà
Chùm Ngây
NHÂN SÂM
TRÀ TÚI LỌC
1.5g x 20 gói

3.1

MORIN GARDEN
DINH DƯỠNG TỪ THIÊN NHIÊN
HẠNH THÔNG
THỰC PHẨM CHỨC NĂNG
Trà
Chùm Ngây
NHÂN SÂM
FUNCTIONAL FOOD
Moringa Tea
GINSENG

3.2

THỰC PHẨM CHỨC NĂNG
Trà
Chùm Ngây
TRÀ XANH

4.1

DINH DƯỠNG TỪ THIÊN NHIÊN
HẠNH THÔNG
Trà
Chùm Ngây
TRÀ XANH
FUNCTIONAL FOOD
Moringa Tea
GREEN TEA

4.2

(11) **3-0015721**
(15) 04.07.2011 (51) **07-02**
(21) 3-2010-00522 (22) 27.04.2010
(18) 27.04.2015
(54) PHIN CÀ PHÊ HAI NGĂN (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.08.2010 269
(73) VÕ QUANG BA (VN)
26 Phú Hoà, phường 7, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
(72) Võ Quang Ba (VN)
(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
(55)

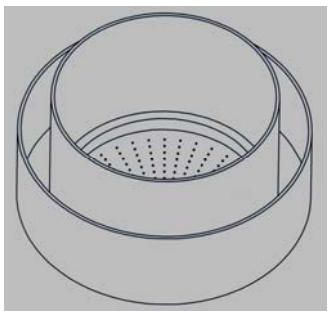

1.1

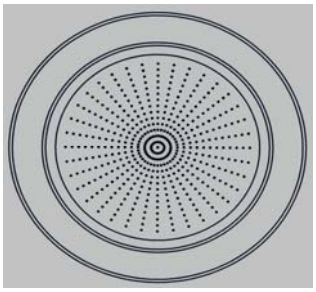

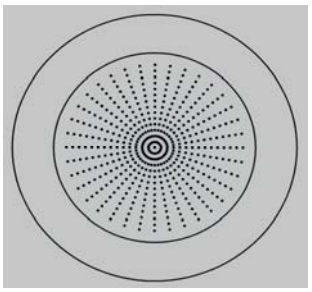

1.2 1.3

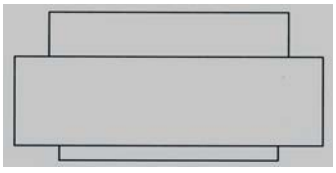

1.4

(11) **3-0015722**
(15) 04.07.2011 (51) **06-03**
(21) 3-2010-00489 (22) 20.04.2010
(18) 20.04.2015
(54) BÀN (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.08.2010 269
(73) CÔNG TY CỔ PHẦN NỘI THẤT HÒA PHÁT (VN)
Đường B4, khu B, khu công nghiệp Phố Nối A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
(72) Doãn Gia Cường (VN)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(55)

1.1

1.2

1.3

1.4

1.5

1.6

1.7

(11) **3-0015723**
(15) 04.07.2011 (51) **06-03**
(21) 3-2010-00491 (22) 20.04.2010
(18) 20.04.2015
(54) BÀN (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.08.2010 269
(73) CÔNG TY CỔ PHẦN NỘI THẤT HÒA PHÁT (VN)
Đường B4, khu B, khu công nghiệp Phố Nối A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
(72) Doãn Gia Cường (VN)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(55)

1.1

1.2

1.3

1.4

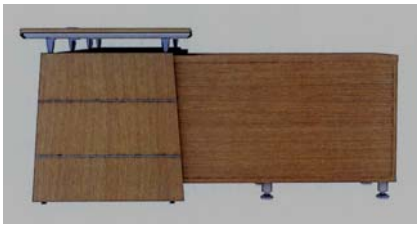

1.5

1.6

1.7

(11) **3-0015724**
(15) 04.07.2011 (51) **21-02**
(21) 3-2010-00883 (22) 06.07.2010
(18) 06.07.2015
(54) ĐẦU GẬY CHƠI GÔN (28) 01
(30) 29/358707 31.03.2010 US
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.10.2010 271
(73) KARSTEN MANUFACTURING CORPORATION (US)
2201 West Desert Cove, Phoenix, Arizona 85029, United States of America
(72) Anthony D. Serrano (US), Xiaojian Chen (CN)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)
(55)

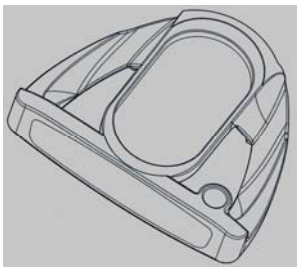
1.1

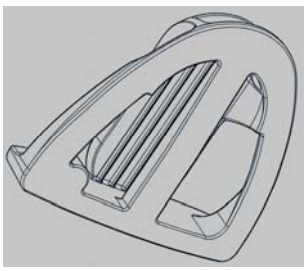
1.2

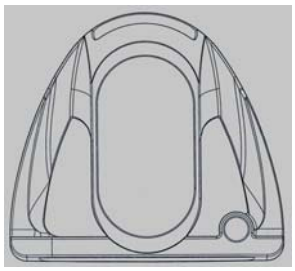
1.3

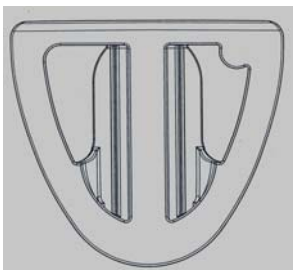
1.4

1.5

1.6

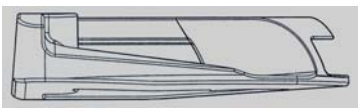
1.7

1.8

1.9

(11) **3-0015725**
(15) 04.07.2011 (51) **21-02**
(21) 3-2010-00884 (22) 06.07.2010
(18) 06.07.2015
(54) ĐẦU GẬY CHƠI GÔN (28) 01
(30) 29/358709 31.03.2010 US
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.10.2010 271
(73) KARSTEN MANUFACTURING CORPORATION (US)
2201 West Desert Cove, Phoenix, Arizona 85029, United States of America
(72) Anthony D. Serrano (US), Xiaojian Chen (CN)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)
(55)

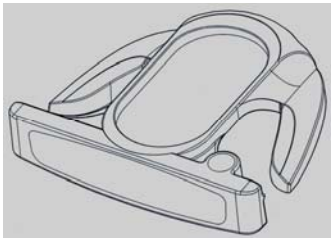

1.1

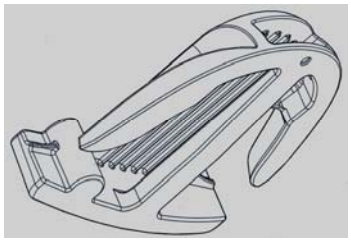

1.2

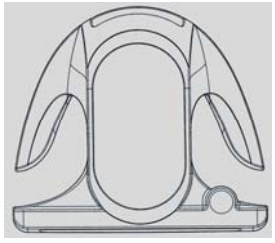

1.3

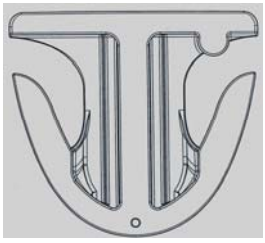

1.4

1.5

1.6

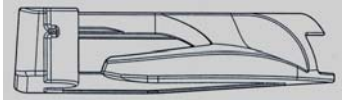

1.7

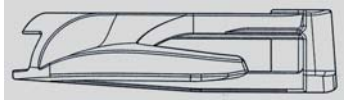

1.8

1.9

(11) **3-0015726**
(15) 04.07.2011 (51) **21-02**
(21) 3-2010-00948 (22) 19.07.2010
(18) 19.07.2015
(54) ĐẦU GẬY CHƠI GÔN (28) 01
(30) 29/357788 17.03.2010 US
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.10.2010 271
(73) KARSTEN MANUFACTURING CORPORATION (US)
2201 West Desert Cove, Phoenix, Arizona 85029, United States of America
(72) Bradley D. Schweigert (US)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)
(55)

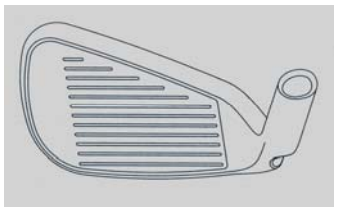

1.1

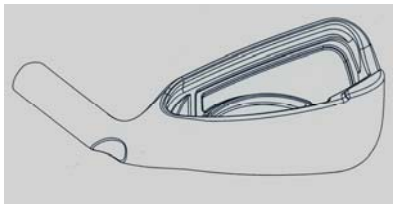

1.2

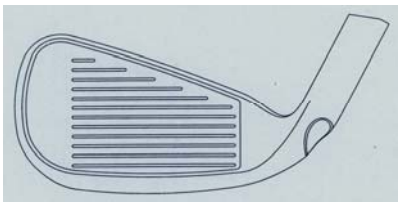

1.3

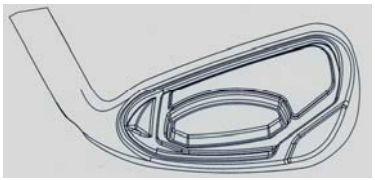

1.4

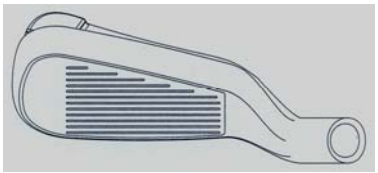

1.5

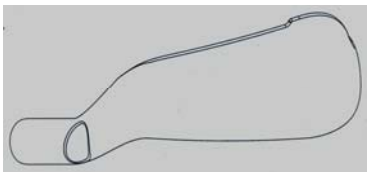

1.6

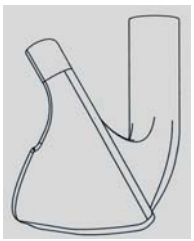

1.7

1.8

1.9

(11) **3-0015727**
(15) 05.07.2011 (51) **19-08**
(21) 3-2010-01579 (22) 06.12.2010
(18) 06.12.2015
(54) NHÃN SẢN PHẨM (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 27.02.2011 275
(73) CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ DẦU MEKONG (VN)
166/3B Phạm Hùng, phường 9, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
(72) Văn Hồng Châu (VN)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(55)

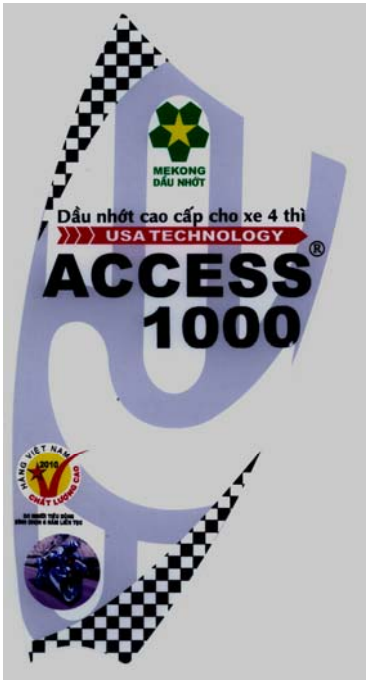

1.1

1.2

(11) **3-0015728**
(15) 08.07.2011 (51) **15-05**
(21) 3-2010-00609 (22) 17.05.2010
(18) 17.05.2015
(54) MÁY GIẶT (28) 01
(30) 2009-27093 19.11.2009 JP
(45) 25.08.2011 281 (43) 26.07.2010 268
(73) 1. SANYO ELECTRIC CO., LTD. (JP)
5-5, Keihanhondori 2-chome, Moriguchi-shi, Osaka 570-8677, Japan
2. SANYO AQUA CORPORATION (JP)
5-5, Keihanhondori 2-chome, Moriguchi-shi, Osaka 570-8677, Japan
(72) Yasuhiro Matsusaki (JP), Kazuhiro Kosukegawa (JP), Shingo Kusase (JP)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(55)

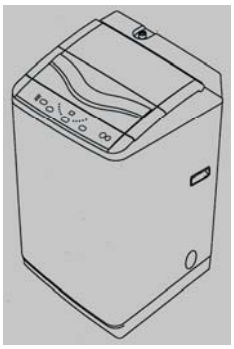
1.1

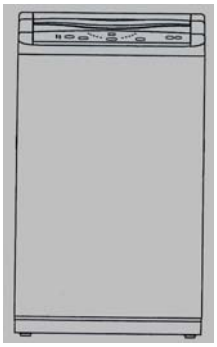
1.2

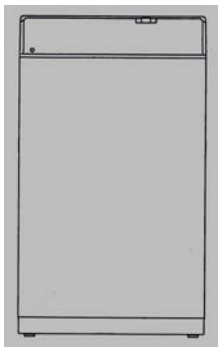
1.3

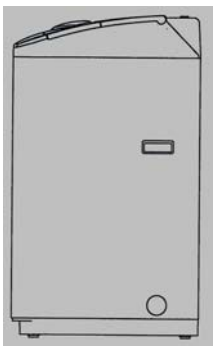
1.4

1.5

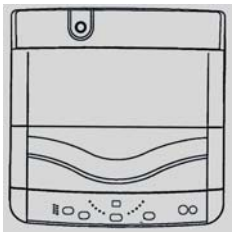
1.6

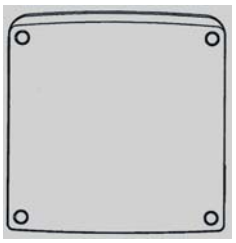
1.7

1.8

(11) **3-0015729**
(15) 08.07.2011 (51) **13-03**
(21) 3-2010-00013 (22) 08.01.2010
(18) 08.01.2015
(54) Ổ CẮM (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.10.2010 271
(73) CÔNG TY CỔ PHẦN TAM KIM (VN)
Khu công nghiệp Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
(72) Trần Thanh Hải (VN)
(55)

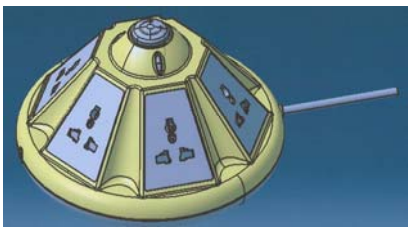

1.1

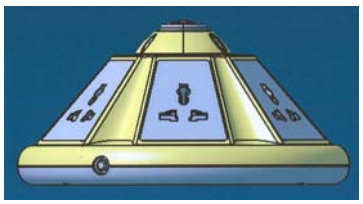

1.2

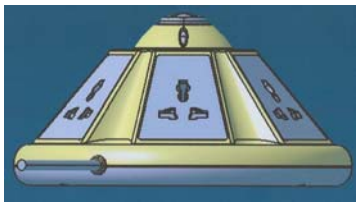

1.3

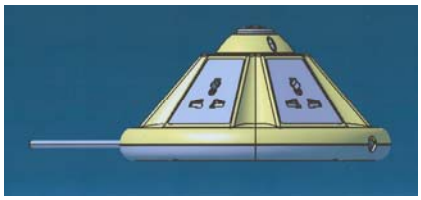

1.4

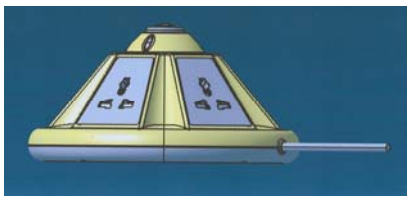

1.5

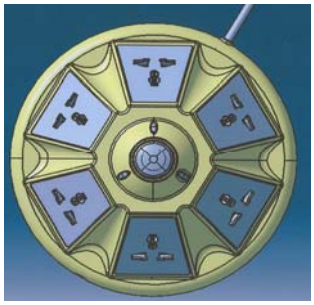

1.6

1.7

(11) **3-0015730**
(15) 08.07.2011 (51) **13-03**
(21) 3-2010-00014 (22) 08.01.2010
(18) 08.01.2015
(54) Ổ CẮM (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.10.2010 271
(73) CÔNG TY CỔ PHẦN TAM KIM (VN)
Khu công nghiệp Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
(72) Trần Thanh Hải (VN)
(55)

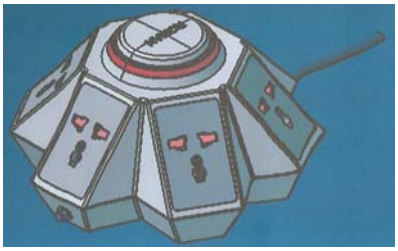

1.1

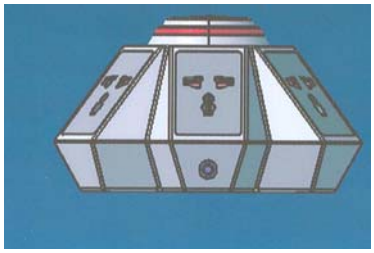

1.2

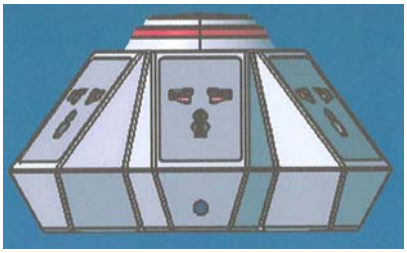

1.3

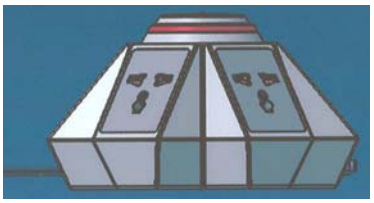

1.4

1.5

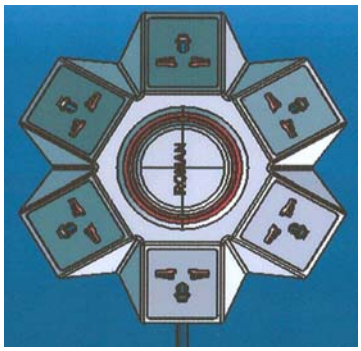

1.6

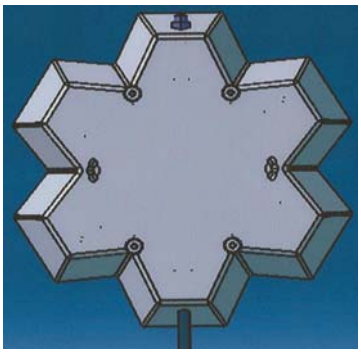

1.7

(11) **3-0015731**
(15) 08.07.2011 (51) **02-07**
(21) 3-2009-01189 (22) 26.08.2009
(18) 26.08.2014
(54) KHOÁ CÀI (28) 01
(30) 2009-004978 06.03.2009 JP
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.12.2009 261
(73) YKK CORPORATION (JP)
1, Kandaizumi-cho, Chiyoda-ku, Tokyo 101-8642, Japan
(72) Ryoichiro Uehara (JP)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(55)

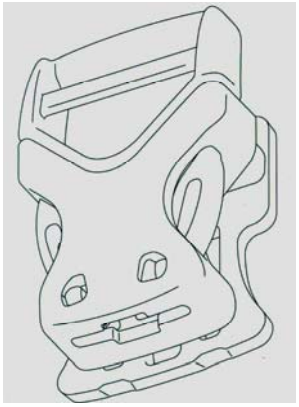

1.1

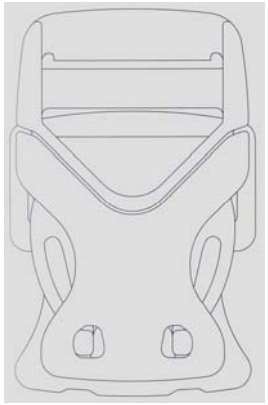

1.2

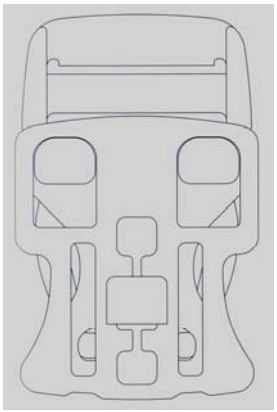

1.3

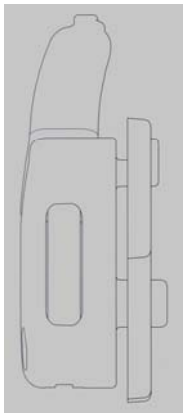

1.4

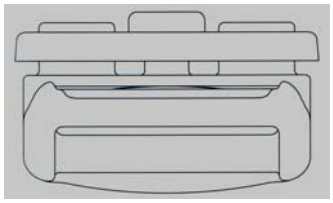

1.5

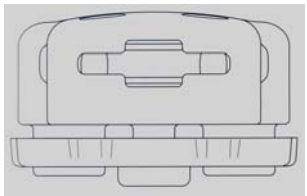

1.6

(11) **3-0015732**
(15) 08.07.2011 (51) **02-07**
(21) 3-2009-01190 (22) 26.08.2009
(18) 26.08.2014
(54) KHOÁ CÀI (28) 01
(30) 2009-004979 06.03.2009 JP
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.12.2009 261
(73) YKK CORPORATION (JP)
1, Kandaizumi-cho, Chiyoda-ku, Tokyo 101-8642, Japan
(72) Ryoichiro Uehara (JP)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(55)

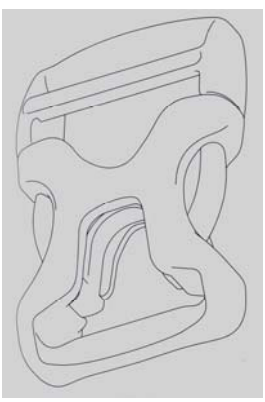
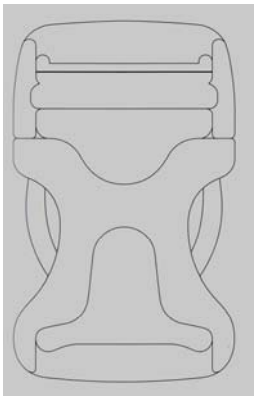
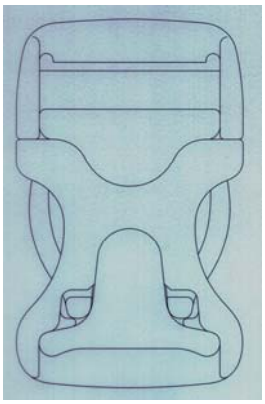
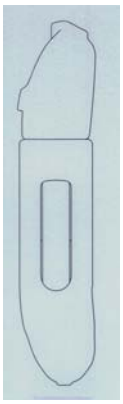

1.1 1.2 1.3 1.4

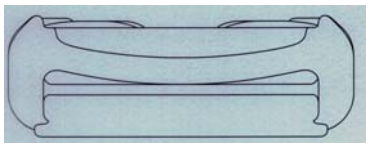
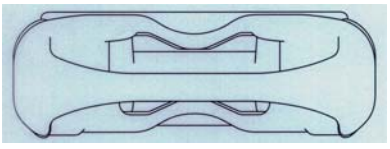

1.5 1.6

(11) **3-0015733**
(15) 08.07.2011 (51) **06-08**
(21) 3-2009-01477 (22) 02.11.2009
(18) 02.11.2014
(54) MẮC ÁO (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.01.2010 262
(73) HỘ KINH DOANH ĐỨC PHÁT (VN)
549/10E Lò Gốm, phường 9, quận 6, TP. Hồ Chí Minh
(72) Ngô Anh Dũng (VN)
(74) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)
(55)

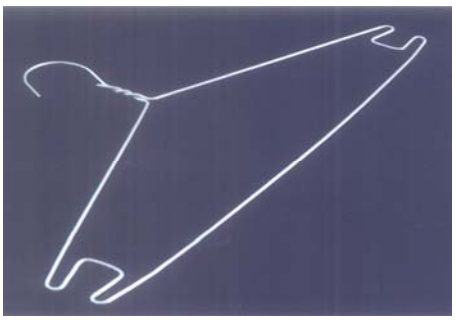

1.1

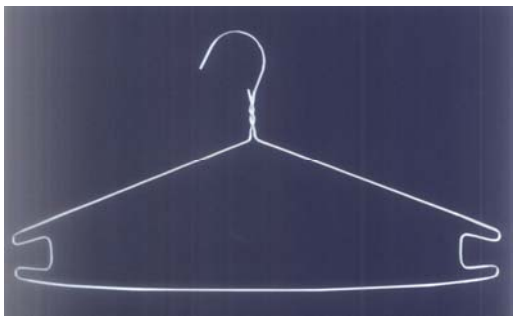

1.2

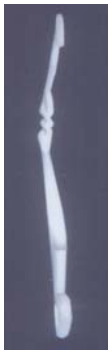

1.3

1.4

1.5

1.6

(11) **3-0015734**
(15) 08.07.2011 (51) **27-06**
(21) 3-2010-00066 (22) 18.01.2010
(18) 18.01.2015
(54) HỘP ĐỰNG THUỐC LÁ (28) 01
(30) 4011881 17.07.2009 GB
(45) 25.08.2011 281 (43) 26.07.2010 268
(73) JT INTERNATIONAL S.A. (CH)
1 Rue de La Gabelle, 1211 Geneva 26, Switzerland
(72) COLLINS, Tim (GB)
(74) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
(55)

1.1 1.2 1.3 1.4 1.5

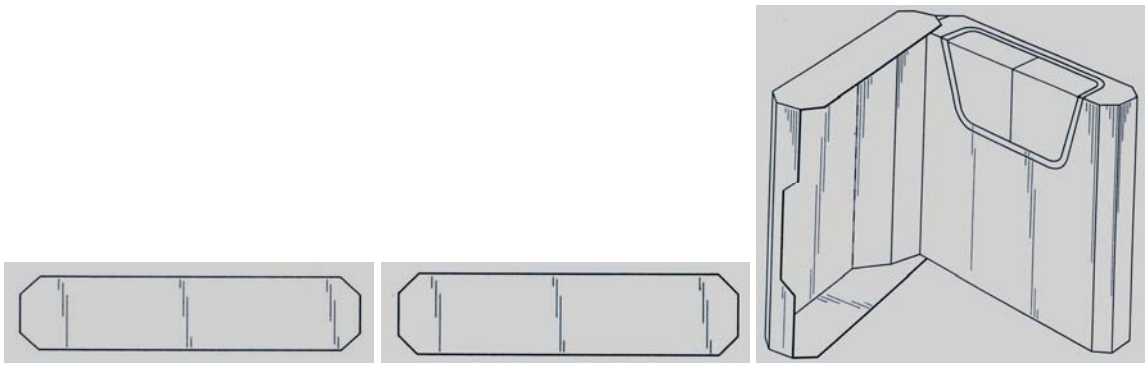

1.6 1.7 1.8

(11) **3-0015735**
(15) 08.07.2011 (51) **27-06**
(21) 3-2010-00067 (22) 18.01.2010
(18) 18.01.2015
(54) HỘP ĐỰNG THUỐC LÁ (28) 01
(30) 4011882 17.07.2009 GB
(45) 25.08.2011 281 (43) 26.07.2010 268
(73) JT INTERNATIONAL S.A. (CH)
1 Rue de La Gabelle, 1211 Geneva 26, Switzerland
(72) COLLINS, Tim (GB)
(74) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
(55)

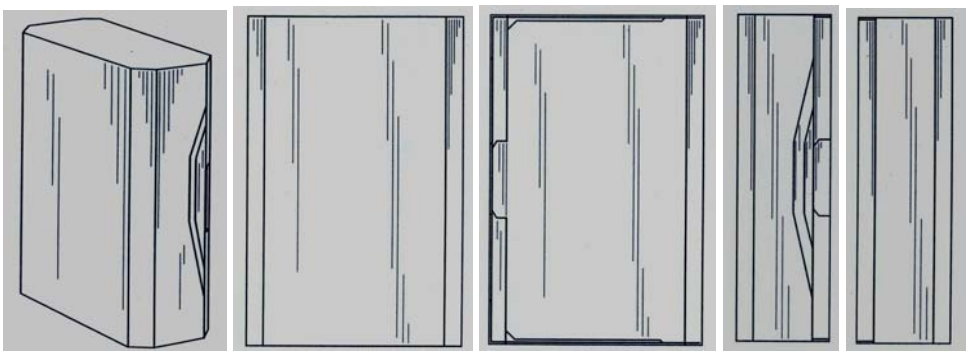

1.1 1.2 1.3 1.4 1.5

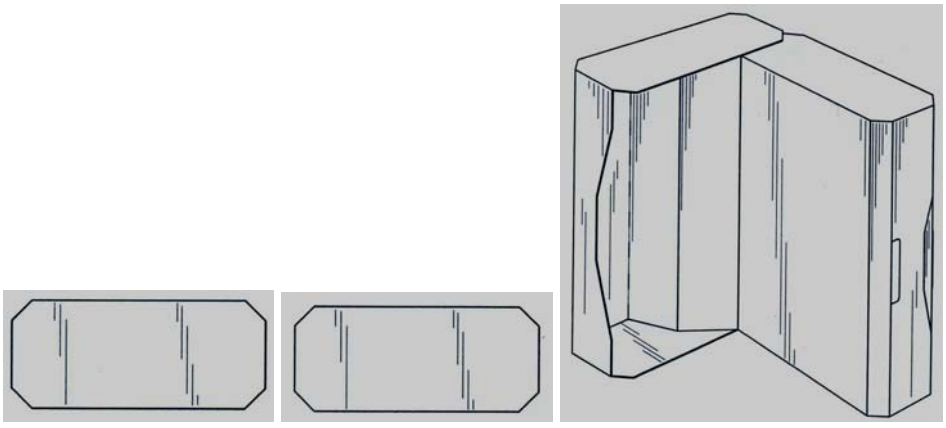

1.6 1.7 1.8

(11) **3-0015736**
(15) 08.07.2011 (51) **07-07**
(21) 3-2010-00412 (22) 06.04.2010
(18) 06.04.2015
(54) CA (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 26.07.2010 268
(73) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI ĐỒNG TIẾN (VN)
216 Tân Thành, phường 15, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
(72) Trần Thị Huê (VN)
(74) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)
(55)

1.1

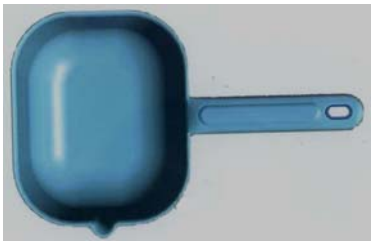

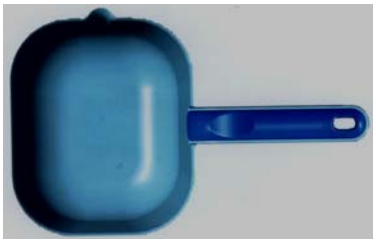

1.2 1.3

1.4 1.5 1.6 1.7

(11) **3-0015737**
(15) 08.07.2011 (51) **07-07**
(21) 3-2010-00415 (22) 06.04.2010
(18) 06.04.2015
(54) CHẬU (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 26.07.2010 268
(73) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI ĐỒNG TIẾN (VN)
216 Tân Thành, phường 15, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
(72) Trần Thị Huê (VN)
(74) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)
(55)

1.1

1.2 1.3

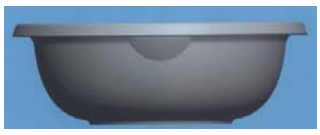

1.4 1.5 1.6

(11) **3-0015738**
(15) 08.07.2011 (51) **02-04**
(21) 3-2010-00958 (22) 22.07.2010
(18) 22.07.2015
(54) DÉP (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.10.2010 271
(73) DOANH NGHIỆP TƯNHÂN GIÀY Á CHÂU (VN)
451/29/8 Tô Hiến Thành, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
(72) Nguyễn Đình Kim (VN)
(74) Văn phòng Luật sư A Hoà (AHOA LAW OFFICE)
(55)

1.1

1.2

1.3

1.4

1.5

1.6

1.7

1.8

(11) **3-0015739**
(15) 08.07.2011 (51) **02-04**
(21) 3-2010-00959 (22) 22.07.2010
(18) 22.07.2015
(54) DÉP (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.10.2010 271
(73) DOANH NGHIỆP TƯNHÂN GIÀY Á CHÂU (VN)
451/29/8 Tô Hiến Thành, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
(72) Nguyễn Đình Kim (VN)
(74) Văn phòng Luật sư A Hoà (AHOA LAW OFFICE)
(55)

1.1

1.2

1.3

1.4

1.5

1.6

1.7

1.8

(11) **3-0015740**
(15) 08.07.2011 (51) **19-06**
(21) 3-2009-01001 (22) 22.07.2009
(18) 22.07.2014
(54) BẢNG VIẾT CHỐNG CẬN THỊ (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.01.2010 262
(73) CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC VĨNH KHANG (VN)
Số 3, ngõ 11, đường 800A, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(72) Ngô Quốc Khang (VN)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)
(55)

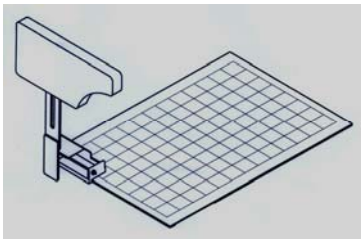

1.1

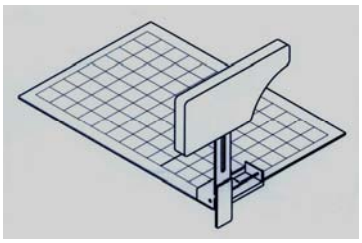

1.2

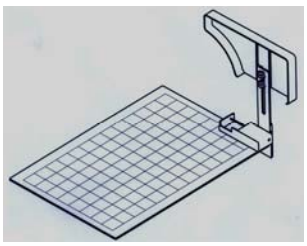

1.3

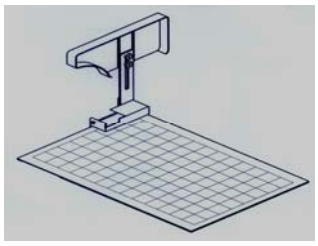

1.4

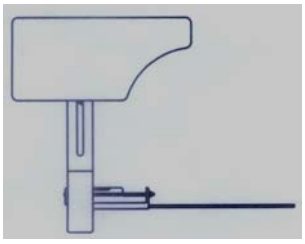

1.5

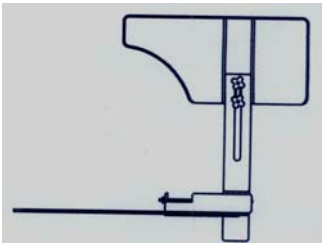

1.6

1.7

1.8

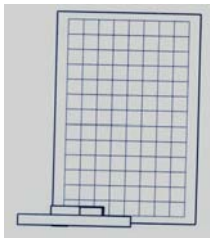

1.9

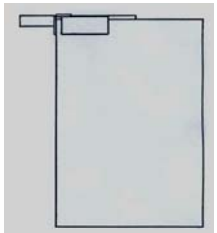

1.10

(11) **3-0015741**
(15) 08.07.2011 (51) **28-03**
(21) 3-2010-00068 (22) 18.01.2010
(18) 18.01.2015
(54) MÁY MÁT XA (28) 01
(30) 1584525-0001 16.07.2009 EM
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.10.2010 271
(73) LPG FINANCE INDUSTRIE (FR)
26 Rue Docteur Henri Abel, 2600 Valence, France
(72) Mr. Arnaud Fuster (FR)
(74) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)
(55)

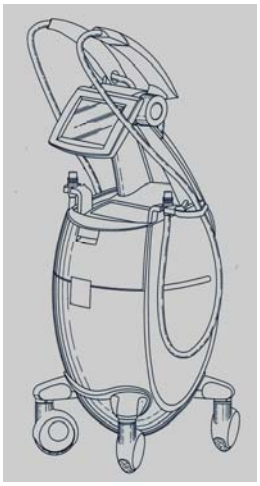

1.1

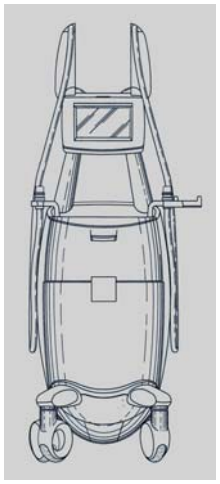

1.2

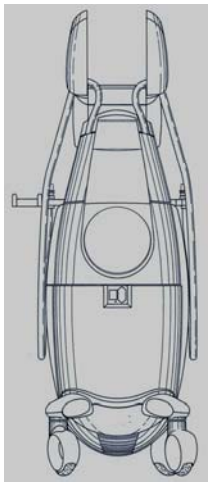

1.3

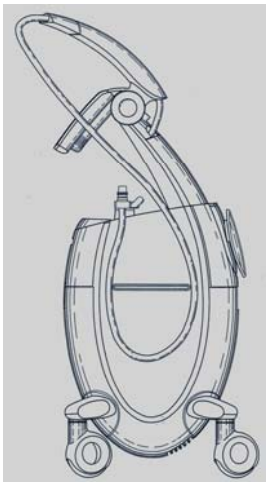

1.4

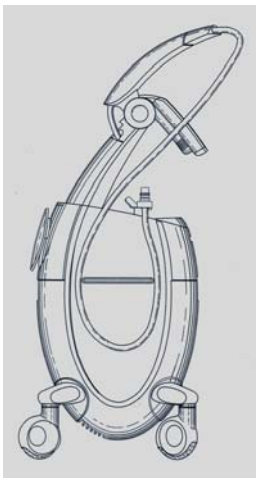

1.5

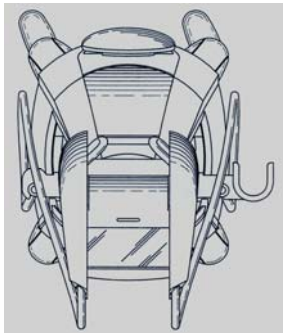

1.6

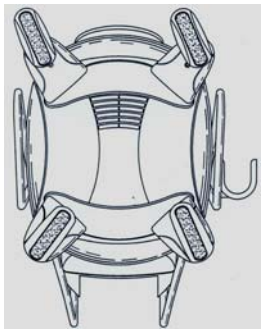

1.7

(11) **3-0015742**
(15) 08.07.2011 (51) **28-03**
(21) 3-2010-00069 (22) 18.01.2010
(18) 18.01.2015
(54) ĐẦU CỦA MÁY MÁT XA (28) 01
(30) 1584525-0006 16.07.2009 EM
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.10.2010 271
(73) LPG FINANCE INDUSTRIE (FR)
26 Rue Docteur Henri Abel, 2600 Valence, France
(72) Mr. Arnaud Fuster (FR)
(74) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)
(55)

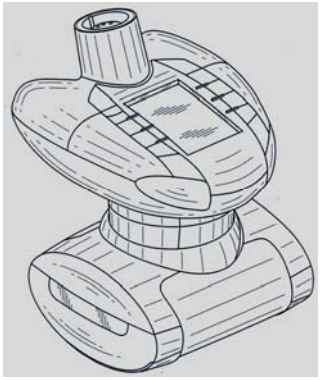

1.1

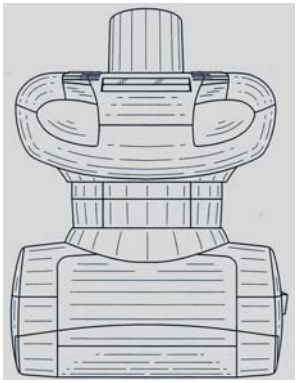

1.2

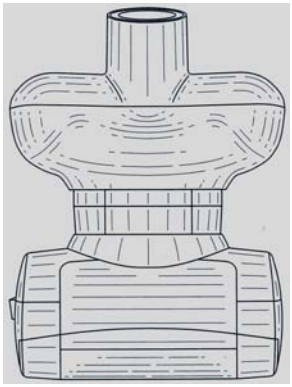

1.3

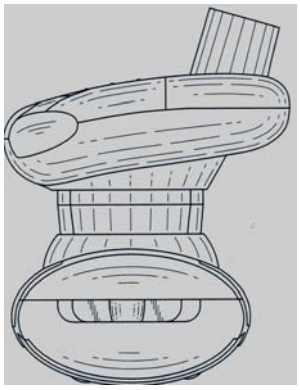

1.4

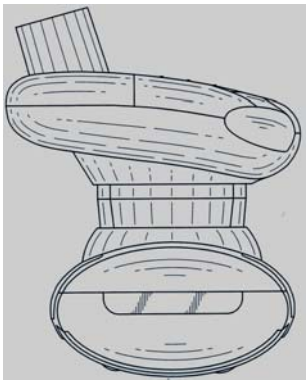

1.5

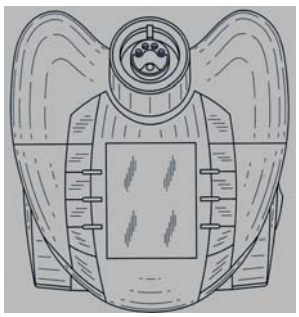

1.6

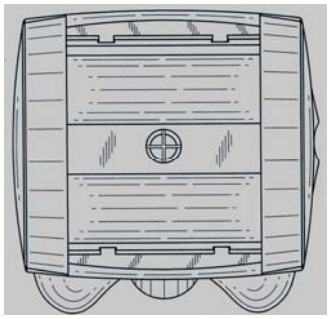

1.7

(11) **3-0015743**
(15) 08.07.2011 (51) **28-03**
(21) 3-2010-00070 (22) 18.01.2010
(18) 18.01.2015
(54) ĐẦU CỦA MÁY MÁT XA (28) 01
(30) 1584525-0007 16.07.2009 EM
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.10.2010 271
(73) LPG FINANCE INDUSTRIE (FR)
26 Rue Docteur Henri Abel, 2600 Valence, France
(72) Mr. Arnaud Fuster (FR)
(74) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)
(55)

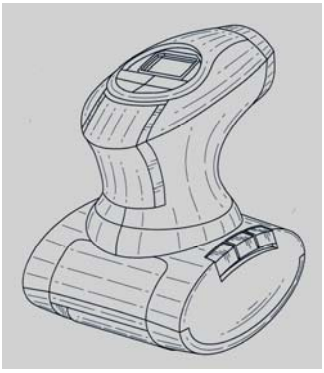

1.1

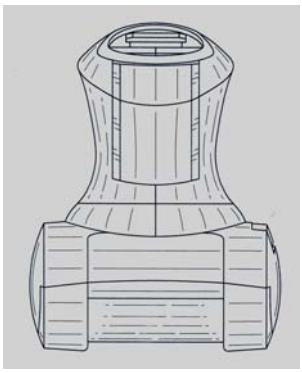

1.2

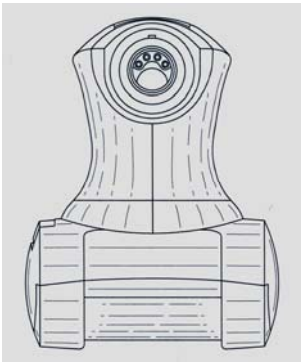

1.3

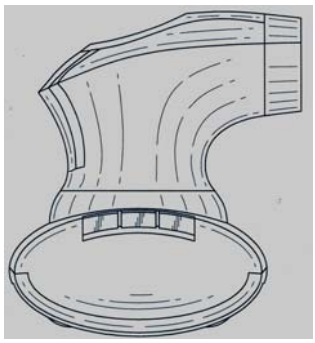

1.4

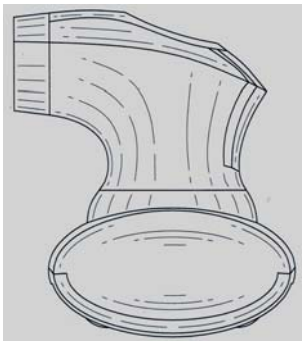

1.5

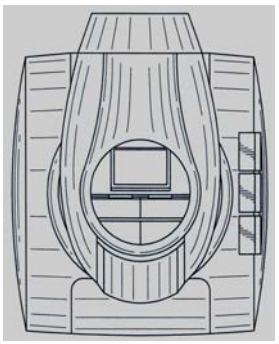

1.6

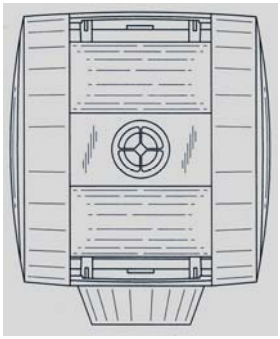

1.7

(11) **3-0015744**
(15) 08.07.2011 (51) **28-03**
(21) 3-2010-00089 (22) 20.01.2010
(18) 20.01.2015
(54) BÀN ĐỂ MÁT XA (28) 01
(30) 1597261-0001 03.08.2009 EM
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.10.2010 271
(73) LPG FINANCE INDUSTRIE (FR)
26 Rue Docteur Henri Abel, 2600 Valence, France
(72) Mr. Arnaud Fuster (FR)
(74) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)
(55)

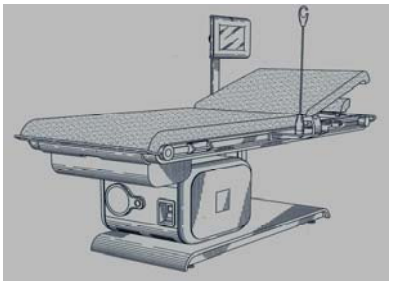

1.1

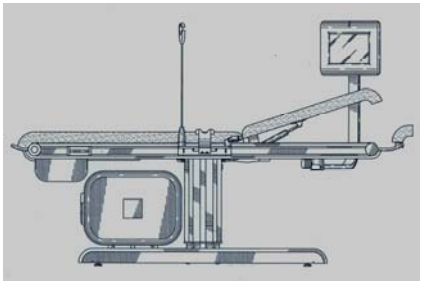

1.2

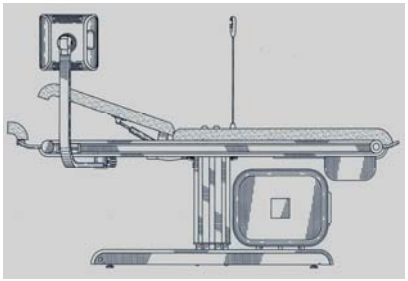

1.3

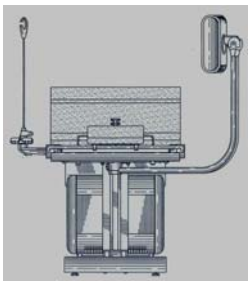

1.4

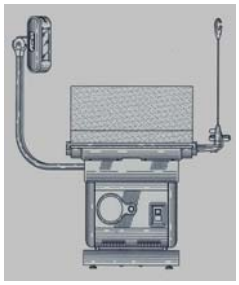

1.5

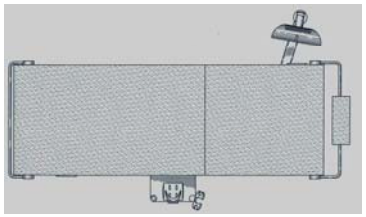

1.6

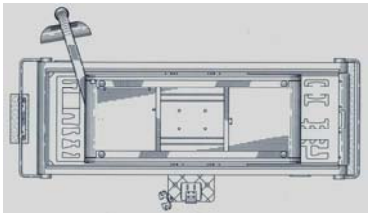

1.7

(11) **3-0015745**
(15) 08.07.2011 (51) **09-03**
(21) 3-2010-01253 (22) 20.09.2010
(18) 20.09.2015
(54) HỘP (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 27.12.2010 273
(73) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI TBM - MINH PHÁT (VN)
141-143 Xóm Đất, phường 8, quận 11, TP. Hồ Chí Minh
(72) Dịp Văn Minh (VN)
(74) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)
(55)

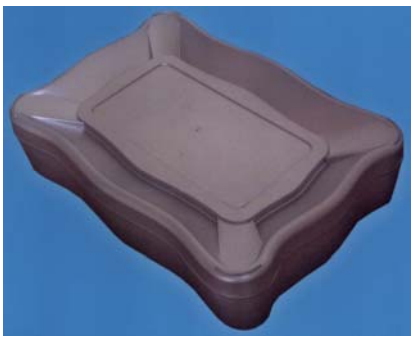

1.1

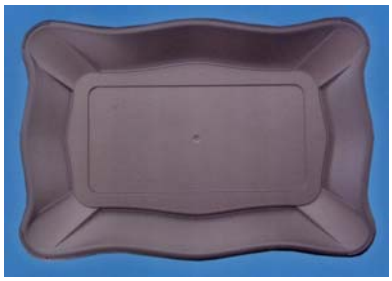

1.2

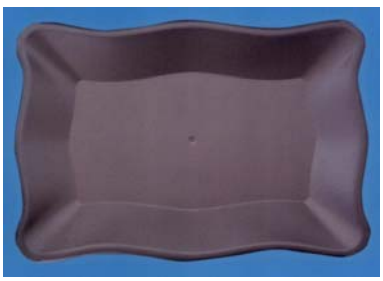

1.3

1.4

1.5

(11) **3-0015746**
(15) 08.07.2011 (51) **09-03**
(21) 3-2010-01311 (22) 05.10.2010
(18) 05.10.2015
(54) HỘP ĐỰNG SÁP THƠM (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 27.01.2011 274
(73) CÔNG TY TNHH MỸ PHẨM SAM MY (VN)
C21-Trần Văn ơn, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
(72) Nguyễn Quang Thành (VN)
(74) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)
(55)

1.1

1.2

1.3

1.4

1.5

1.6

(11) **3-0015747**
(15) 08.07.2011 (51) **26-06**
(21) 3-2009-00930 (22) 10.07.2009
(18) 10.07.2014
(54) ĐÈN TRƯỚC XE Ô TÔ (28) 01
(30) 30-2009-0024441 03.06.2009 KR
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.09.2009 258
(73) GM GLOBAL TECHNOLOGY OPERATIONS, INC. (US)
300 Renaissance Center, Detroit, Michigan 48265-3000, U.S.A.
(72) MOON, Byung-Kook (KR)
(74) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)
(55)

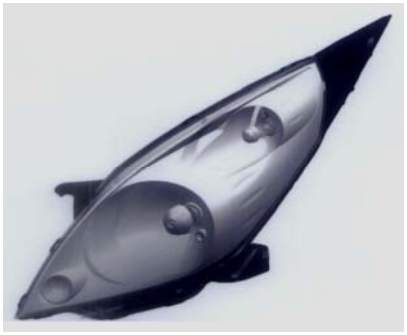

1.1

1.2

1.3

1.4

1.5

1.6

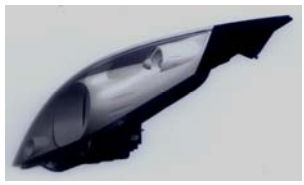

1.7

1.8

(11) **3-0015748**
(15) 08.07.2011 (51) **26-06**
(21) 3-2009-00931 (22) 10.07.2009
(18) 10.07.2014
(54) ĐÈN SAU XE Ô TÔ (28) 01
(30) 30-2009-0013665 01.04.2009 KR
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.09.2009 258
(73) GM Global Technology Operations, INC. (US)
300 Renaissance Center, Detroit, Michigan 48265-3000, U.S.A.
(72) MOON, Byung-Kook (KR)
(74) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)
(55)

1.1

1.2

1.3

1.4

1.5

1.6

1.7

1.8

(11) **3-0015749**
(15) 08.07.2011 (51) **12-16**
(21) 3-2009-00932 (22) 10.07.2009
(18) 10.07.2014
(54) TẤM CHẮN CHỐNG VA ĐẬP PHÍA TRƯỚC CỦA XE Ô TÔ (28) 01
(30) 30-2009-0024949 05.06.2009 KR
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.09.2009 258
(73) GM GLOBAL TECHNOLOGY OPERATIONS, INC. (US)
300 Renaissance Center, Detroit, Michigan 48265-3000, U.S.A.
(72) Lee, Sun-koo (KR)
(74) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)
(55)

1.1

1.2

1.3

1.4

1.5

1.6

1.7

1.8

(11) **3-0015750**
(15) 08.07.2011 (51) **12-16**
(21) 3-2009-00933 (22) 10.07.2009
(18) 10.07.2014
(54) TẤM CHẮN CHỐNG VA ĐẬP PHÍA SAU CỦA XE Ô TÔ (28) 01
(30) 30-2009-0024950 05.06.2009 KR
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.09.2009 258
(73) GM GLOBAL TECHNOLOGY OPERATIONS, INC. (US)
300 Renaissance Center, Detroit, Michigan 48265-3000, U.S.A.
(72) Lee, Sun-koo (KR)
(74) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)
(55)

1.1

1.2

1.3

1.4 1.5

1.6

1.7

1.8

(11) **3-0015751**
(15) 15.07.2011 (51) **07-07**
(21) 3-2010-00504 (22) 22.04.2010
(18) 22.04.2015
(54) BÌNH ĐỰNG ĐÁ (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 26.07.2010 268
(73) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NHỰA CƠ KHÍ VÀ THƯƠNG MẠI CHẤN THUẬN THÀNH (VN)
93A Lý Chiêu Hoàng, phường 10, quận 6, TP. Hồ Chí Minh
(72) Trần Em (VN)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(55)

1.1

1.2

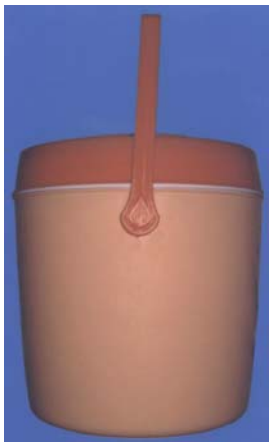

1.3

1.4

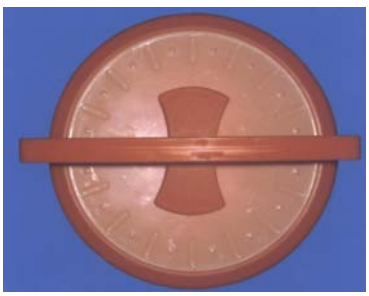

1.5

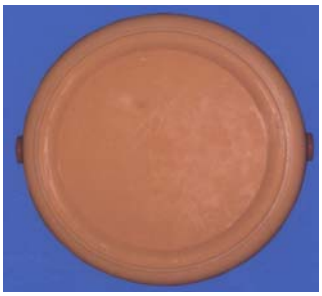

1.6

(11) **3-0015752**
(15) 15.07.2011 (51) **21-02**
(21) 3-2010-00947 (22) 19.07.2010
(18) 19.07.2015
(54) ĐẦU GẬY CHƠI GÔN (28) 01
(30) 29/357783 17.03.2010 US
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.10.2010 271
(73) KARSTEN MANUFACTURING CORPORATION (US)
2201 West Desert Cove, Phoenix, Arizona 85029, United States of America
(72) Michael R. Nicolette (US), Bradley D. Schweigert (US), Marty R. Jertson (US), Xiaojian Chen (CN)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)
(55)

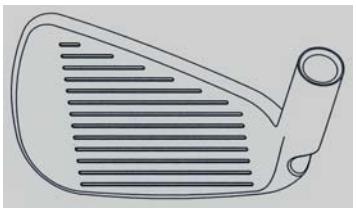

1.1

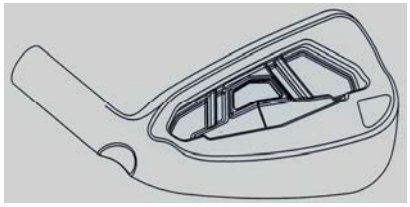

1.2

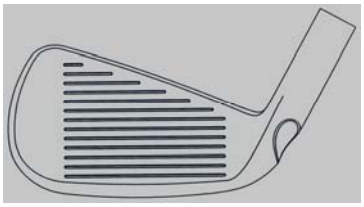

1.3

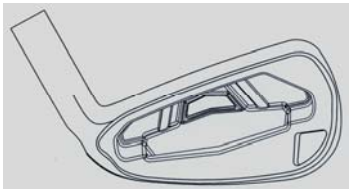

1.4

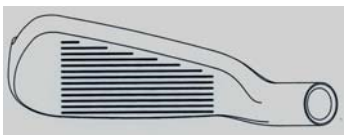

1.5

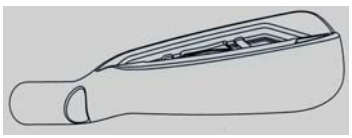

1.6

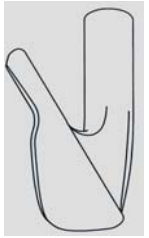

1.7

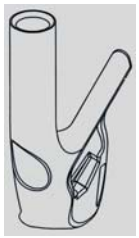

1.8

1.9

(11) **3-0015753**
(15) 15.07.2011 (51) **09-05**
(21) 3-2010-00842 (22) 25.06.2010
(18) 25.06.2015
(54) BAO BÌ (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.11.2010 272
(73) CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM (VN)
231 Nguyễn Văn Cừ, phường 4, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
(72) Phạm Văn Hồng (VN)
(55)

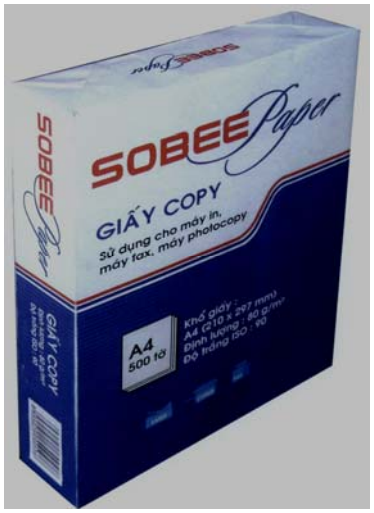

1.1

1.2

(11) **3-0015754**
(15) 15.07.2011 (51) **09-05**
(21) 3-2010-00976 (22) 26.07.2010
(18) 26.07.2015
(54) BAO GÓI ĐỰNG MÌ TRỨNG (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.10.2010 271
(73) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ HIỆP THÀNH (VN)
37/2B tổ 29, khu phố 3, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh
(72) Huỳnh Kim Chi (VN)
(74) Công ty TNHH Tư vấn Sở hữu trí tuệ Á Đông (A ĐÔNG IP CONSULTANCY CO.,LTD.)
(55)

1.1

1.2

(11) **3-0015755**
(15) 15.07.2011 (51) **09-05**
(21) 3-2010-00977 (22) 26.07.2010
(18) 26.07.2015
(54) BAO GÓI ĐỰNG MÌ TRỨNG (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.10.2010 271
(73) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ HIỆP THÀNH (VN)
37/2B tổ 29, khu phố 3, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh
(72) Huỳnh Kim Chi (VN)
(74) Công ty TNHH Tư vấn Sở hữu trí tuệ Á Đông (A ĐÔNG IP CONSULTANCY CO.,LTD.)
(55)

1.1

1.2

(11) **3-0015756**
(15) 15.07.2011 (51) **24-01**
(21) 3-2009-01640 (22) 24.11.2009
(18) 24.11.2014
(54) MÁY VẬT LÝ TRỊ LIỆU (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 26.04.2010 265
(73) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ĐÔNG Á (VN)
Số 13 lô 13A, phố Trung Hòa - khu đô thị mới Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(72) Lê Minh Nguyệt (VN)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)
(55)

1.1

1.2

1.3

1.4

1.5

1.6

1.7

(11) **3-0015757**
(15) 15.07.2011 (51) **12-08**
(21) 3-2009-01815 (22) 21.12.2009
(18) 21.12.2014
(54) XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.03.2010 264
(73) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐỨC PHƯƠNG (VN)
Số 291 Hoàng Văn Thụ, phường Bà Triệu, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
(72) Vũ Đình Ngọc (VN)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)
(55)

1.1

1.2

1.3

1.4

1.5

1.6

1.7

1.8

1.9

(11) **3-0015758**
(15) 15.07.2011 (51) **13-03**
(21) 3-2010-00906 (22) 08.07.2010
(18) 08.07.2015
(54) HỘP CẦU DAO ĐIỆN (28) 01
(30) 30-2010-0000754 08.01.2010 KR
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.10.2010 271
(73) LS INDUSTRIAL SYSTEMS CO., LTD. (KR)
1026-6, Hogye-dong, Dongahn-gu, Ahnyang-shi, Gyeonggi-do, Korea
(72) Eui Hyun CHO (KR)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(55)

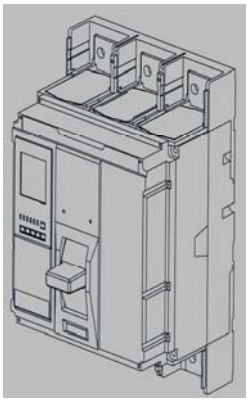

1.1

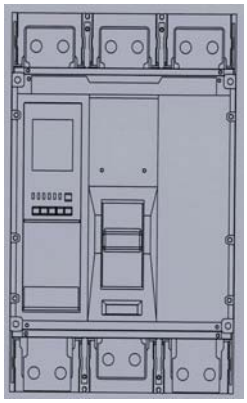

1.2

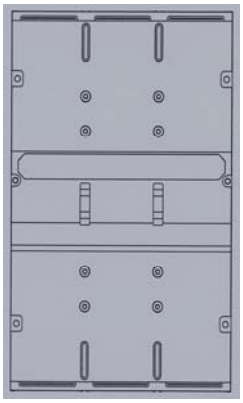

1.3

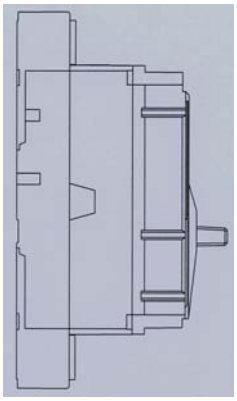

1.4

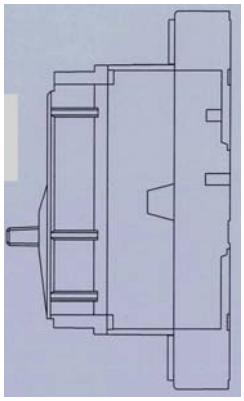

1.5

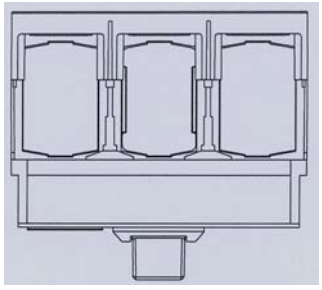

1.6

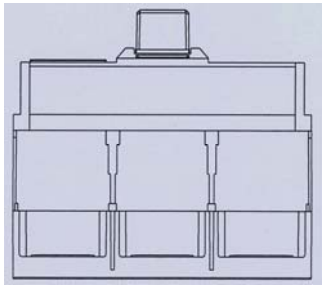

1.7

(11) **3-0015759**
(15) 15.07.2011 (51) **06-08**
(21) 3-2010-01185 (22) 13.09.2010
(18) 13.09.2015
(54) MẮC TREO QUẦN ÁO (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 27.01.2011 274
(73) ĐÀO VĂN DUY (VN)
Số nhà 53A, tổ 2, khu phố 10, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
(72) Đào Văn Duy (VN)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(55)

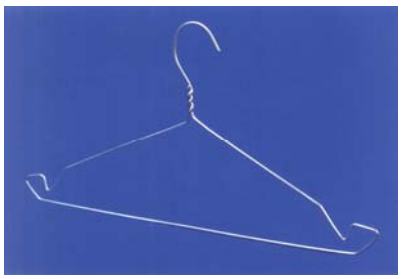

1.1

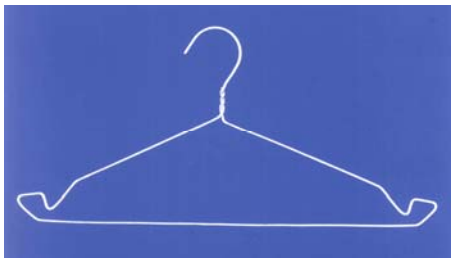

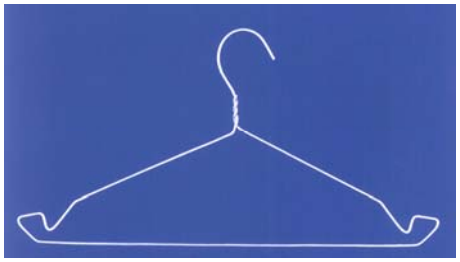

1.2 1.3 1.4 1.5

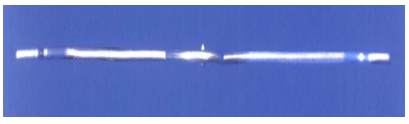

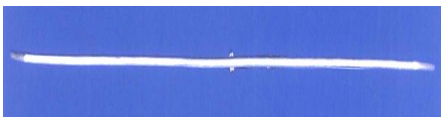

1.6 1.7

(11) **3-0015760**
(15) 15.07.2011 (51) **23-01**
(21) 3-2010-01369 (22) 19.10.2010
(18) 19.10.2015
(54) KHỚP NỐI ỐNG (28) 01
(30) 001732868-0001 19.07.2010 EM
(45) 25.08.2011 281 (43) 27.12.2010 273
(73) AVK HOLDING A/S (DK)
Sondergade 33, DK-8464 Galten, Denmark
(72) Erling Arnum Freudendahl (DK)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(55)

1.1

1.2

1.3

1.4

1.5

1.6

1.7

(11) **3-0015761**
(15) 15.07.2011 (51) **09-05**
(21) 3-2010-00773 (22) 17.06.2010
(18) 17.06.2015
(54) TẤM ĐỠ CỦA VỈ ĐỰNG (28) 01
(30) 2009-029308 17.12.2009 JP
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.11.2010 272
(73) ROHTO PHARMACEUTICAL CO., LTD. (JP)
1-8-1, Tatsumi-nishi, Ikuno-ku, Osaka-shi, Osaka, Japan
(72) Kuniko MUKOYAMA (JP)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(55)

1.1

1.2

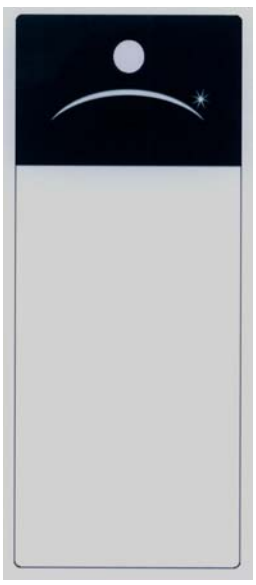

1.3

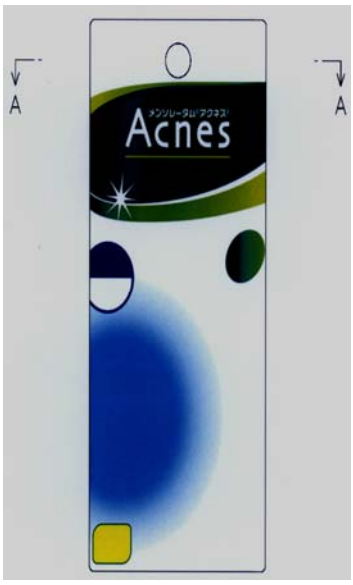

1.4

1.5

1.6

1.7

(11) **3-0015762**
(15) 15.07.2011 (51) **19-08**
(21) 3-2010-00835 (22) 23.06.2010
(18) 23.06.2015
(54) NHÃN SẢN PHẨM (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 27.09.2010 270
(73) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HẰNG HẢI (VN)
Cụm công nghiệp xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
(72) Bùi Quang Tiệp (VN)
(55)

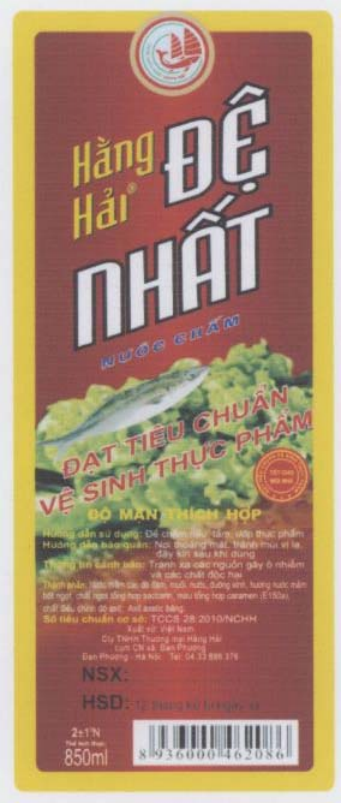

(11) **3-0015763**
(15) 15.07.2011 (51) **12-16**
(21) 3-2010-00018 (22) 08.01.2010
(18) 08.01.2015
(54) KHUNG XE TẢI (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 26.04.2010 265
(73) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP THÀNH (VN)
Km 40+500, quốc lộ 5A, thôn Tràng Kỹ, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương
(72) Đỗ Mạnh Tuấn (VN)
(74) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)
(55)

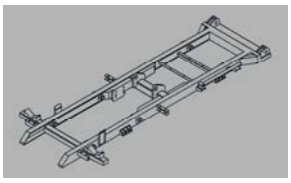

1.1

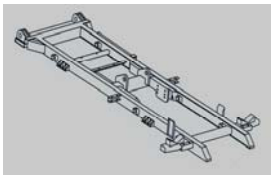

1.2

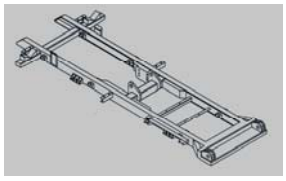

1.3

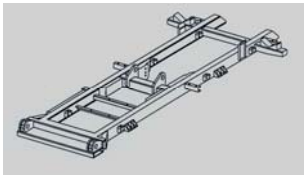

1.4

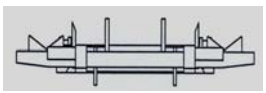

1.5

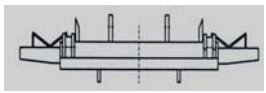

1.6

1.7

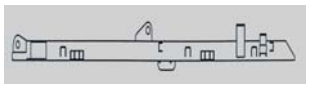

1.8

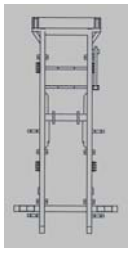

1.9

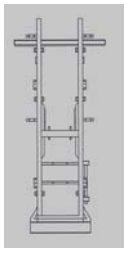

1.10

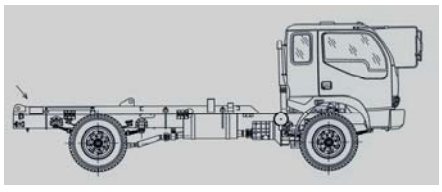

1.11

(11) **3-0015764**
(15) 15.07.2011 (51) **13-03**
(21) 3-2010-00040 (22) 12.01.2010
(18) 12.01.2015
(54) CHÂN ĐỒNG Ổ CẮM (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.08.2010 269
(73) CÔNG TY CỔ PHẦN TAM KIM (VN)
Khu công nghiệp Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
(72) Trần Thanh Hải (VN)
(55)

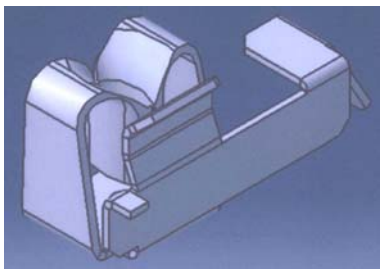

1.1

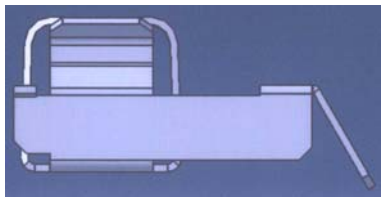

1.2

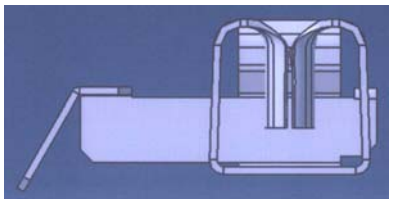

1.3

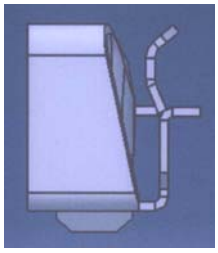

1.4

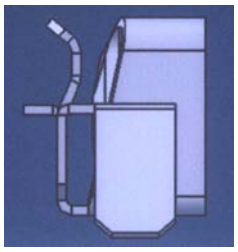

1.5

1.6

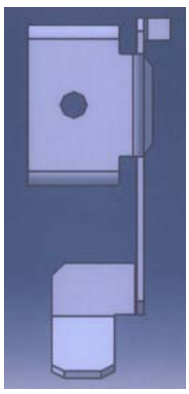

1.7

(11) **3-0015765**
(15) 20.07.2011 (51) **15-99**
(21) 3-2010-00486 (22) 19.04.2010
(18) 19.04.2015
(54) BÁT TÁCH DÙNG CHO THIẾT BỊ TÁCH LY TÂM (28) 02
(45) 25.08.2011 281 (43) 26.07.2010 268
(73) SADAO SHINOHARA (JP)
2-27-15, Sumida, Sumida-ku, Tokyo, Japan
(72) Sadao Shinohara (JP)
(74) Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội (AMBYS HANOI)
(55)

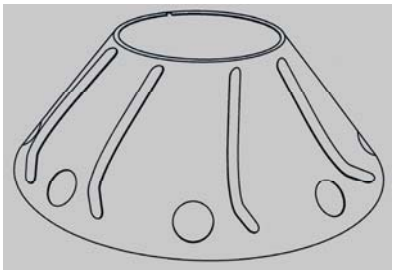

1.1

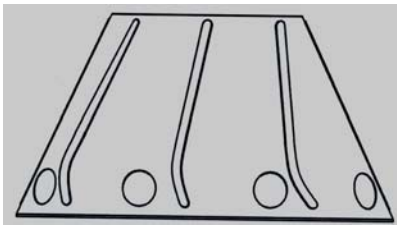

1.2

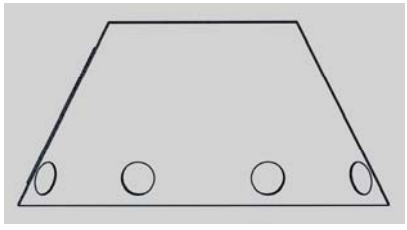

1.3

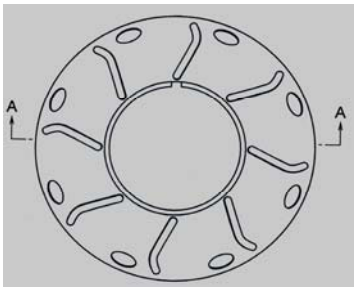

1.4

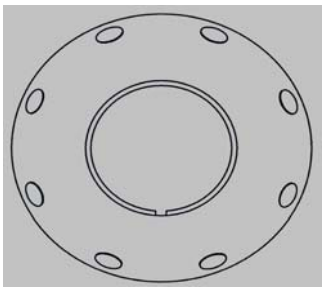

1.5

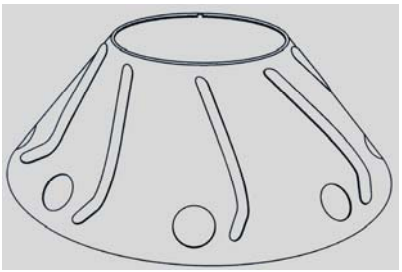

2.1

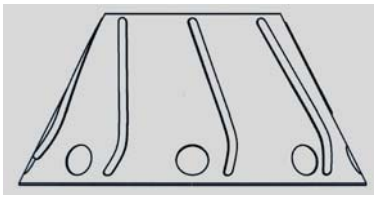

2.2

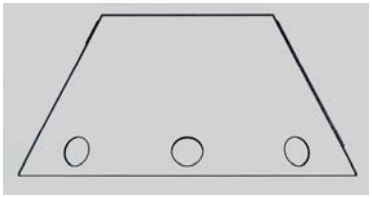

2.3

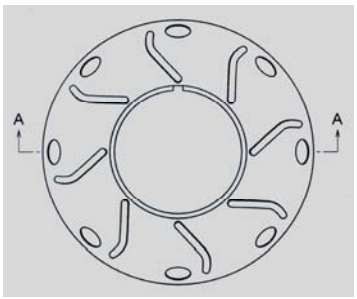

2.4

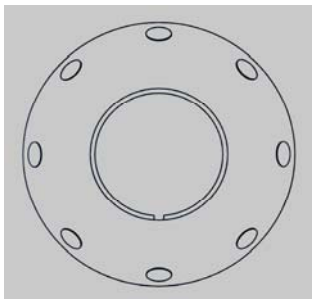

2.5

(11) **3-0015766**
(15) 20.07.2011 (51) **26-01**
(21) 3-2010-00747 (22) 09.06.2010
(18) 09.06.2015
(54) LY ĐỰNG NẾN (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.08.2010 269
(73) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT QUANG NGHỆ (VN)
205B/28 Âu Cơ, phường 5, quận 11, TP. Hồ Chí Minh
(72) Thi Lương (CA)
(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
(55)

1.1

1.2

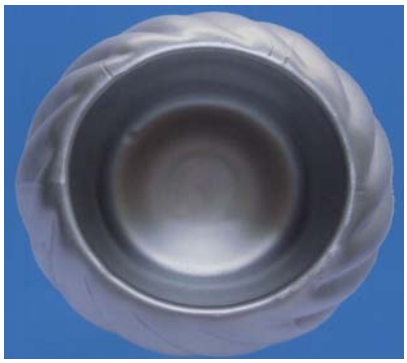

1.3

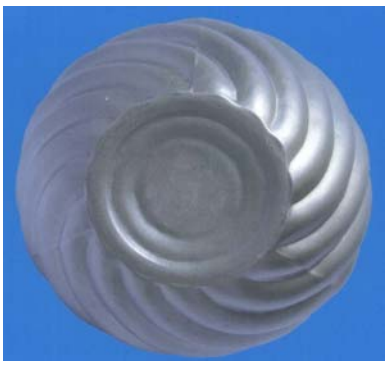

1.4

(11) **3-0015767**
(15) 20.07.2011 (51) **23-04**
(21) 3-2010-00756 (22) 11.06.2010
(18) 11.06.2015
(54) QUẠT ĐIỆN (28) 02
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.08.2010 269
(73) CÔNG TY CỔ PHẦN QUẠT VIỆT NAM (VN)
Lô B13/1 đường số 1, KCN Vĩnh Lộc, Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
(72) Vũ Đình Chương (VN)
(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
(55)

1.1

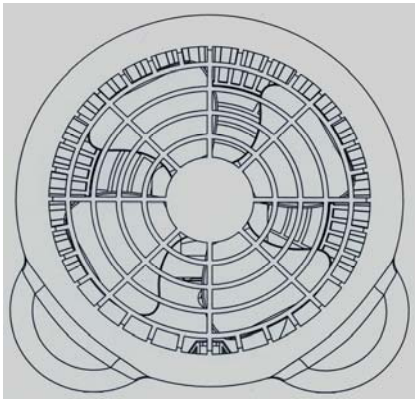

1.2

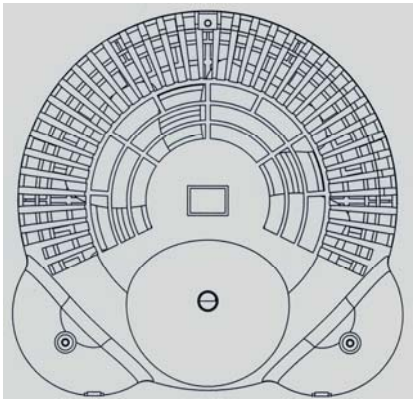

1.3

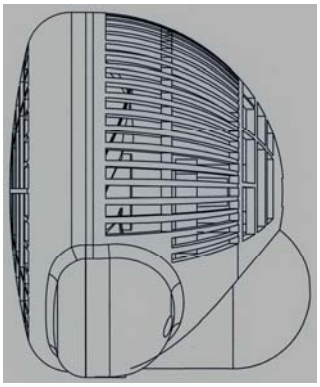

1.4

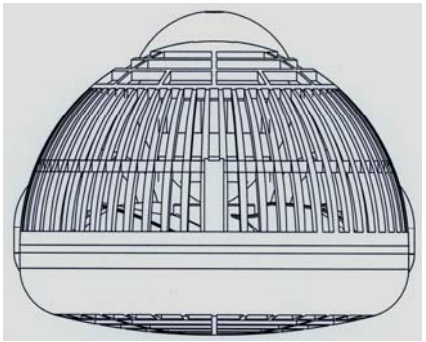

1.5

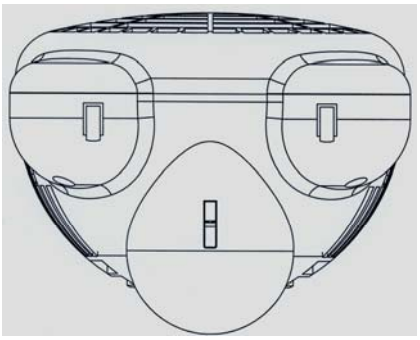

1.6

2.1

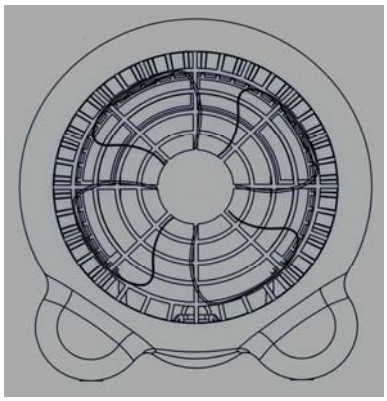

2.2

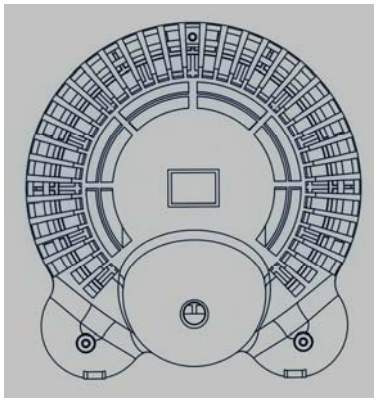

2.3

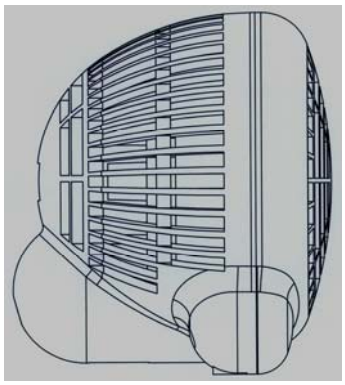

2.4

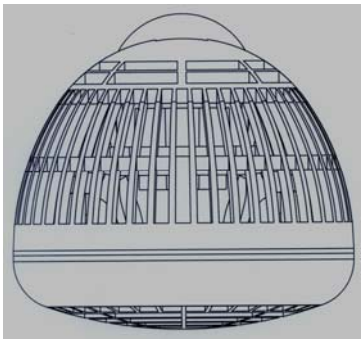

2.5

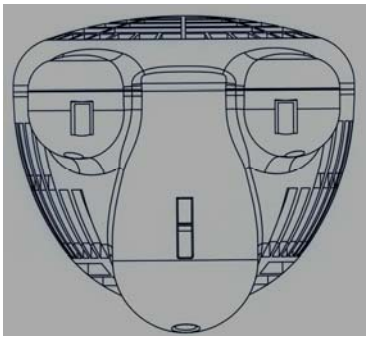

2.6

(11) **3-0015768**
(15) 20.07.2011 (51) **09-05**
(21) 3-2010-01089 (22) 18.08.2010
(18) 18.08.2015
(54) BAO ĐỰNG GẠO (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.11.2010 272
(73) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN CỎ MAY (VN)
186 quốc lộ 80, ấp Thạnh Phú, xã Tân Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp
(72) Phạm Văn Bên (VN)
(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
(55)

1.1

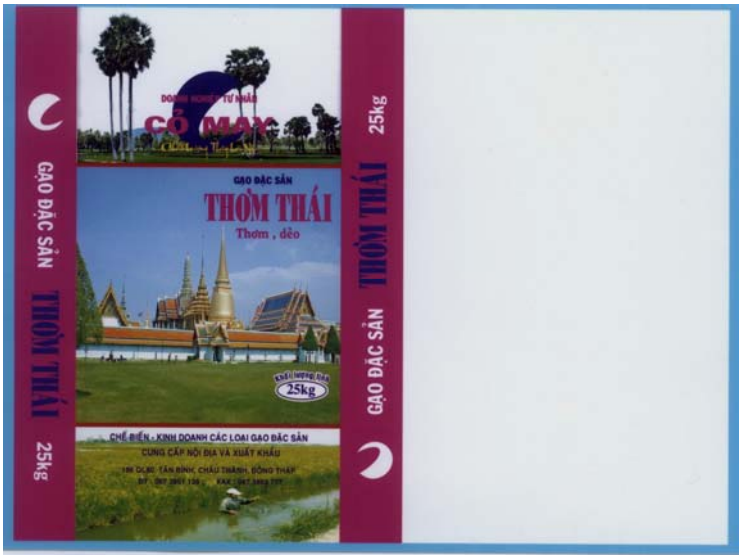

1.2

(11) **3-0015769**
(15) 20.07.2011 (51) **09-05**
(21) 3-2010-01090 (22) 18.08.2010
(18) 18.08.2015
(54) BAO ĐỰNG GẠO (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.11.2010 272
(73) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN CỎ MAY (VN)
186 quốc lộ 80, ấp Thạnh Phú, xã Tân Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp
(72) Phạm Văn Bên (VN)
(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
(55)

1.1

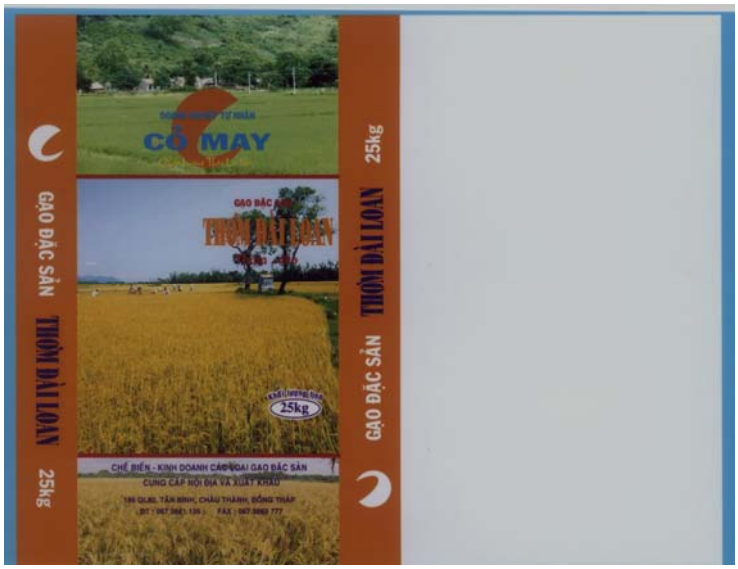

1.2

(11) **3-0015770**
(15) 20.07.2011 (51) **09-05**
(21) 3-2010-01105 (22) 23.08.2010
(18) 23.08.2015
(54) BAO BÌ (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 25.11.2010 272
(73) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT ĐỒNG XANH (VN)
39 đường số 11, phường Tân Kiểng, quận 7, TP . Hồ Chí Minh
(72) Trần Văn Quan (VN)
(55)

1.1

1.2

(11) **3-0015771**
(15) 20.07.2011 (51) **09-05**
(21) 3-2010-01232 (22) 16.09.2010
(18) 16.09.2015
(54) BAO GÓI BĂNG VỆ SINH (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 27.12.2010 273
(73) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HIẾU HUYỀN (VN)
Thôn Nhuệ, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
(72) Nguyễn Văn Chính (VN)
(74) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)
(55)

1.1

1.2

(11) **3-0015772**
(15) 20.07.2011 (51) **09-05**
(21) 3-2010-01233 (22) 16.09.2010
(18) 16.09.2015
(54) BAO GÓI BĂNG VỆ SINH (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 27.12.2010 273
(73) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HIẾU HUYỀN (VN)
Thôn Nhuệ, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
(72) Nguyễn Văn Chính (VN)
(74) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)
(55)

1.1

1.2

(11) **3-0015773**
(15) 20.07.2011 (51) **09-05**
(21) 3-2010-01234 (22) 16.09.2010
(18) 16.09.2015
(54) BAO GÓI BĂNG VỆ SINH (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 27.12.2010 273
(73) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HIẾU HUYỀN (VN)
Thôn Nhuệ, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
(72) Nguyễn Văn Chính (VN)
(74) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)
(55)

1.1

1.2

(11) **3-0015774**
(15) 20.07.2011 (51) **19-08**
(21) 3-2009-01496 (22) 04.11.2009
(18) 04.11.2014
(54) NHÃN SẢN PHẨM (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 26.04.2010 265
(73) CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3 và II-5, đường số 11, nhóm CN II, khu công nghiệp Tân Bình, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
(72) Hoàng Cao Trí (VN)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(55)

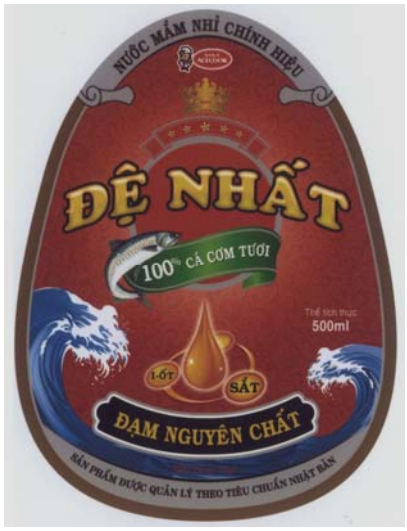

1.1

1.2

(11) **3-0015775**
(15) 20.07.2011 (51) **09-03**
(21) 3-2010-00426 (22) 09.04.2010
(18) 09.04.2015
(54) HỘP (28) 01
(45) 25.08.2011 281 (43) 27.02.2011 275
(73) TETRA LAVAL HOLDINGS & FINANCE S.A. (CH)
1009 Pully (Switzerland) Avenue General-Guisan, 70, Switzerland
(72) Emanuel Lidberg (SE), Marcello Barbieri (IT), Siegrid Putzer (IT), Kristina DeVerdier (SE), Anna Marie Wallace (GB), Joakim Bjurenheim (SE)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(55)

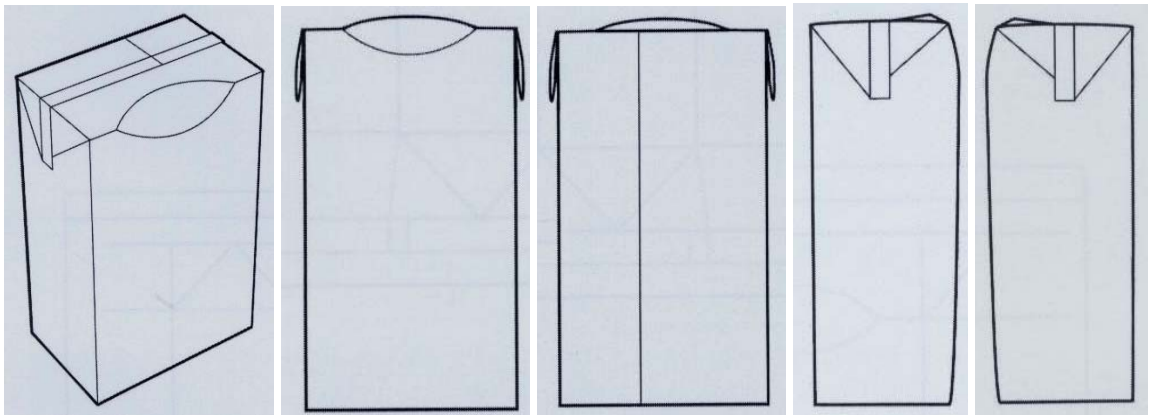

1.1 1.2 1.3 1.4 1.5

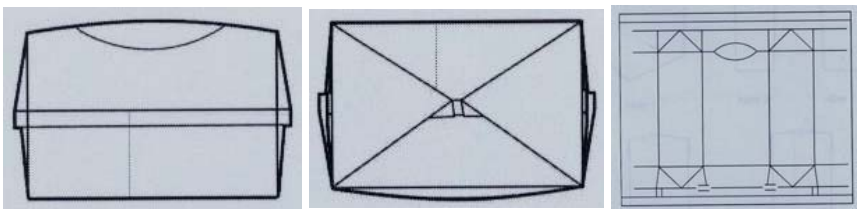

1.6 1.7 1.8

PHẦN IV

NHÃN HIỆU ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ

(111) **4-0166441**
(210) 4-2009-22028
(181) 15.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 27.06.2011
(220) 15.10.2009

(531) 26.4.1; 26.1.1
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẢI PHÁT (VN)
Điểm công nghiệp sạch Phú Lãm, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Luật TNHH BIZLINK (BIZLINK LAWYERS & CONSULTANTS)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ mua bán hàng hóa, bao gồm: hàng tiêu dùng, vật liệu xây dựng; đại lý xuất nhập khẩu.

Nhóm 36: Quản lý bất động sản; môi giới bất động sản; cho thuê bất động sản; mua bán và đầu tư bất động sản; quản lý và thuê mua tài chính.

Nhóm 37: Dịch vụ xây dựng dân dụng; xây dựng trong công nghiệp.

---

(111) **4-0166442**
(210) 4-2009-22865
(181) 23.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 27.06.2011
(220) 23.10.2009

(531) 26.1.2; A26.11.12; 15.1.13; 21.1.17; A5.3.13; 26.3.23; A11.3.2; A11.3.6; 26.13.25
(591) Vàng, da cam, đen nhạt
(731) TSAI, TSUNG-HSI (TW)
No. 15, Pin Ho 11 Street, Changhwa City, Changhwa, Taiwan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ phục vụ rượu tại quầy rượu và phòng phục vụ cốc tai (được thực hiện bởi khách sạn hoặc nhà hàng); dịch vụ quán rượu (quán bar) và dịch vụ nhà hàng ăn uống; dịch vụ quán cà phê; dịch vụ cung cấp thực phẩm và đồ uống (do nhà hàng thực hiện); dịch vụ tiệm bán đồ uống cà phê và trà; dịch vụ nhà hàng cung cấp thức ăn nhanh và quán rượu cung cấp đồ ăn nhanh; nhà hàng phục vụ thực phẩm và đồ uống; dịch vụ nhà hàng ăn uống tự phục vụ và quán rượu nhỏ.

(111) **4-0166443**
(210) 4-2009-22506
(181) 20.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

POGLIZ

(151) 27.06.2011
(220) 20.10.2009

(731) SEO KYUNG COMPANY (KR)
E-Rea Officetel Room 801, 1574-5 Seocho-dong, Seocho-Ku, Seoul, Korea (137-070)
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166444**
(210) 4-2009-21561
(181) 08.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 27.06.2011
(220) 08.10.2009

(531) 26.1.2; A26.11.12; 26.3.1; 26.4.4; 26.5.1
(591) Đỏ, trắng, xanh dương
(731) CÔNG TY TNHH TƯ VẤN GIẢI PHÁP QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP (SPM) (VN)
Tầng 8, toà nhà 10 Hải Phòng, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 42: Tư vấn xây dựng hệ thống quản lý quốc tế theo tiêu chuẩn ISO.

---

(111) **4-0166445**
(210) 4-2009-23001
(181) 26.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

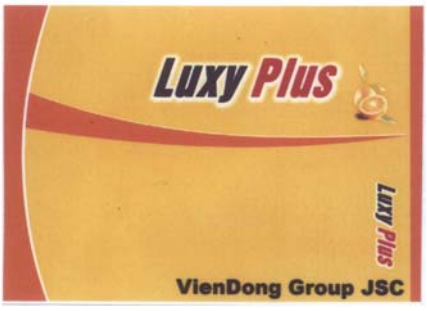

(151) 27.06.2011
(220) 26.10.2009

(531) 26.4.2; A26.11.12; 5.7.11; A5.7.22
(591) Đỏ, vàng, xanh lá cây, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG (VN)
411 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166446**
(210) 4-2009-23005
(181) 26.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 27.06.2011
(220) 26.10.2009

(531) 26.4.2; A26.11.12; 26.1.2; 26.13.25
(591) Đỏ, vàng, vàng sẫm, xanh dương, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG (VN)
411 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166447**
(210) 4-2009-23007
(181) 26.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 27.06.2011
(220) 26.10.2009

(531) 26.4.2; A26.11.12; 26.11.3; 25.7.20; 26.1.1; 26.1.6; 25.7.25
(591) Xanh sẫm, xanh, xanh dương, vàng, xanh lá cây, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC ĐỨC (VN)
Số nhà 368B, đường Trần Cung, xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166448**
(210) 4-2009-23008
(181) 26.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 27.06.2011
(220) 26.10.2009

(531) 26.4.2; 24.17.15; A5.1.5; 5.3.20; 5.5.19; A5.5.21
(591) Da cam, đỏ, vàng, xanh lá cây, vàng nhũ, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM BẠCH LONG (VN)
761 đường Giải Phóng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166449**
(210) 4-2010-11315
(181) 26.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

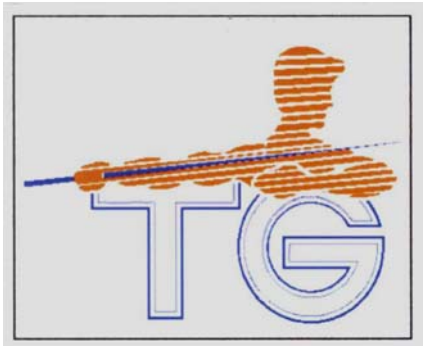

(151) 27.06.2011
(220) 26.05.2010

(531) 2.1.1; 2.1.2
(591) Trắng, xanh, xanh đậm, xanh nhạt, cam
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC THUẬN GIA (VN)
516 Lê Văn Sỹ, phường 14, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y); thực phẩm dinh dưỡng (dùng trong ngành y); thực phẩm kiêng dùng cho ngành y.

Nhóm 35: Mua bán dược phẩm; mua bán thực phẩm chức năng; mua bán trang thiết bị y tế; mua bán mỹ phẩm; mua bán chế phẩm vệ sinh (cụ thể là: nước rửa chén bát, nước lau sàn nhà, nước tẩy rửa nhà vệ sinh); mua bán đường, sữa và các sản phẩm làm từ sữa; mua bán các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; mua bán đồ uống có cồn, đồ uống không có cồn như nước giải khát, nước ép trái cây.

---

(111) **4-0166450**
(210) 4-2009-22424
(181) 19.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 27.06.2011
(220) 19.10.2009

(531) 26.3.1; 26.3.23; 26.13.25
(591) Xanh nước biển, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SAO PHƯƠNG ĐÔNG (VN)
Phòng 505 khách sạn Tuổi Trẻ, số 2 Trần Thánh Tông, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Phát và Liên danh (VIFA & ASSOCIATES CO.,LTD.)

(511) Nhóm 06: Sản phẩm kim loại như đồng, nhôm, inox, thiếc, kẽm và hợp kim của chúng.

Nhóm 35: Dịch vụ xuất nhập khẩu kim loại màu; buôn bán tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng; buôn bán thiết bị bưu chính viễn thông; buôn bán máy móc và trang thiết bị phục vụ cho ngành công nghiệp; đại lý mua bán và ký gửi hàng hóa.

Nhóm 40: Dịch vụ gia công kim loại như đồng, nhôm, inox, thiếc, kẽm và hợp kim của chúng.

---

(111) **4-0166451**
(210) 4-2009-22489
(181) 20.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 27.06.2011
(220) 20.10.2009

(531) 26.1.1; 26.1.2; 2.9.14; A2.9.15
(591) Trắng, xanh nước biển, đỏ
(731) GYNOCARE LIMITED (GB)
Second Floor, De Burgh House, Market Road, Wickford Essex, SS 12 0BB, United Kingdom
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên (ANPHAMCO CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Dược phẩm, thực phẩm chức năng, trang thiết bị y tế, xà phòng, nước hoa, tinh dầu, mỹ phẩm; quảng cáo; xúc tiến bán hàng; phổ biến các tài liệu quảng cáo; phân phát hàng mẫu; trình diễn, trưng bày hàng hóa; tổ chức các cuộc triển lãm và hội chợ nhằm mục đích thông tin, quảng cáo và thương mại.

(111) **4-0166452**
(210) 4-2009-00493
(181) 09.01.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 27.06.2011
(220) 09.01.2009

(531) A5.5.21; A5.5.20
(731) HỘ KINH DOANH CUỘC SỐNG DỄ DÀNG (VN)
323 Nguyễn Tri Phương, phường 5, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn Sở hữu trí tuệ và Thời trang ngày nay Lê Gia (LEFANO IP CONSULTANT)

(511) Nhóm 30: Trà (chè); đồ uống trên cơ sở trà (như trà sữa, hồng trà, lục trà và các loại trà khác); đồ uống trên cơ sở sô cô la; đồ uống trên cơ sở cà phê.

---

(111) **4-0166453**
(210) 4-2009-09445
(181) 14.05.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 27.06.2011
(220) 14.05.2009

(531) 26.1.2; 2.9.1; 26.1.4; 26.4.2
(591) Đỏ, trắng, xám
(731) CÔNG TY TNHH DASO (VN)
Quốc lộ 13, xã Thuận Giao, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Tư vấn Sở hữu trí tuệ và Thời trang ngày nay Lê Gia (LEFANO IP CONSULTANT)

(511) Nhóm 03: Bột giặt; xà phòng; chất tẩy trắng; chế phẩm để giặt; chất tẩy vết bẩn; chế phẩm dùng cho mục đích vệ sinh (cho mục đích trang điểm).

---

(111) **4-0166454**
(210) 4-2009-11081
(181) 03.06.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 27.06.2011
(220) 03.06.2009

(531) 26.11.3; A26.11.12; 25.7.20
(591) Đỏ, vàng, xanh lá cây, xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY TNHH DASO (VN)
Quốc lộ 13, xã Thuận Giao, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Tư vấn Sở hữu trí tuệ và Thời trang ngày nay Lê Gia (LEFANO IP CONSULTANT)

(511) Nhóm 03: Bột giặt; xà phòng; chất tẩy trắng; chế phẩm để giặt; chất tẩy vết bẩn; sữa tắm

(111) **4-0166455**
(210) 4-2009-24754
(181) 16.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 27.06.2011
(220) 16.11.2009

(531) 26.3.1; 26.3.4; A26.3.5; 26.5.1; 26.11.3; 17.2.1; A17.2.2
(731) CÔNG TY TNHH TƯ VẤN SỞ HỮU TRÍ TUỆ VÀ THỜI TRANG NGÀY NAY LÊ GIA (VN)
328 Trần Hưng Đạo, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 08: Dao; dao cạo mủ cao su; dao cắt (dụng cụ cầm tay); dao gọt; miếng thép để mài dao.
Nhóm 35: Dịch vụ mua bán, cụ thể là: dao, dao cạo mũ cao su, dao cắt (dụng cụ cầm tay), miếng thép để mài dao; đại lý mua bán ký gửi hàng hoá; dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá.

---

(111) **4-0166456**
(210) 4-2010-00577
(181) 11.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

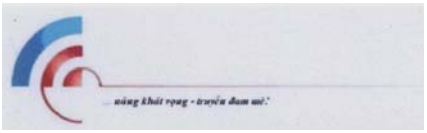

(151) 27.06.2011
(220) 11.01.2010

(531) A26.11.12; 26.13.25
(591) Xanh, đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN TIN (VN)
Số 5/856 đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 38: Cho thuê trang, thiết bị viễn thông, thông tin về lĩnh vực viễn thông; dịch vụ kết nối và chuyển hướng viễn thông.

---

(111) **4-0166457**
(210) 4-2007-24099
(181) 26.11.2017
(450) 25.08.2011 281
(540)

QUEEN WATCH
&
JEWELRY

(151) 27.06.2011
(220) 26.11.2007

(731) CÔNG TY TNHH ĐỒNG HỒ Q.U.E.E.N (VN)
72-74 Trần Hưng Đạo, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 14: Đồng hồ; đồ nữ trang bằng vàng, bạc, đá quý và kim loại quý.

(111) **4-0166458**
(210) 4-2008-18321
(181) 27.08.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 27.06.2011
(220) 27.08.2008

(731) CÔNG TY TNHH SAIGON VE WONG (VN)
1707 quốc lộ 1A, phường An Phú Đông, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn Sở hữu trí tuệ và Thời trang ngày nay Lê Gia (LEFANO IP CONSULTANT)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền; cháo ăn liền; bún ăn liền; hủ tiếu (mì) ăn liền; phở ăn liền; miến ăn liền.

Nhóm 35: Mua bán: mì ăn liền, cháo ăn liền, bún ăn liền, hủ tiếu (mì) ăn liền, phở ăn liền, miến ăn liền.

---

(111) **4-0166459**
(210) 4-2009-08888
(181) 08.05.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 27.06.2011
(220) 08.05.2009

(531) 2.3.1; A2.3.2
(591) Hồng, trắng
(731) CÔNG TY TNHH PHẪU THUẬT THẨM MỸ BÁC SĨ LONG (VN)
518 Lê Hồng Phong, phường 1, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn Sở hữu trí tuệ và Thời trang ngày nay Lê Gia (LEFANO IP CONSULTANT)

(511) Nhóm 44: Dịch vụ: chăm sóc sắc đẹp; thẩm mỹ viện; tư vấn về thẩm mỹ; phẫu thuật thẩm mỹ; chăm sóc da.

---

(111) **4-0166460**
(210) 4-2009-22676
(181) 22.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 27.06.2011
(220) 22.10.2009

(531) 26.1.1; 2.9.1; A26.11.12; 24.13.1; 26.3.23; A1.1.2
(591) Xanh, đỏ, trắng
(731) BỆNH VIỆN ĐA KHOA TP. BUÔN MA THUỘT (VN)
235 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Thành Công, thành phố Buôn Ma Thuột
(740) Công ty cổ phần Tư vấn S&B (S&B CONSULTANT., CORP.)

(511) Nhóm 44: Dịch vụ khám chữa bệnh, dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

---

(111) **4-0166461**
(210) 4-2009-14037
(181) 09.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

RICHLIFE

(151) 27.06.2011
(220) 09.07.2009

(731) GLOBAL ACTIVE LIMITED (SG)
65 Ubi Avenue 1, OSIM Headquarters, Singapore 408939
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 30: Sản phẩm bổ sung dùng khi ăn kiêng, không dùng cho mục đích y tế chủ yếu chứa chế phẩm ngũ cốc; sản phẩm bổ sung dùng khi ăn kiêng chủ yếu chứa sữa ong chúa (không dùng cho mục đích y tế); sản phẩm thực phẩm bổ sung khi ăn kiêng dùng cho người chứa bột làm từ chất chiết ra từ cây lúa mạch (không dùng cho mục đích y tế); chất phụ gia dinh dưỡng và chất dinh dưỡng không dùng cho mục đích y tế (thực phẩm có nguồn gốc thực vật (chế phẩm ngũ cốc) được chế biến để tiêu dùng hay bảo quản cũng như bổ trợ cho việc cải thiện hương vị của thực phẩm); thực phẩm bổ sung dùng cho người (không chứa thuốc, cũng không chủ yếu chứa vitamin, khoáng chất và các nguyên tố vi lượng), chủ yếu gồm thực phẩm có nguồn gốc thực vật (chế phẩm ngũ cốc hay thực phẩm ở dạng bột); thực phẩm bổ sung và sản phẩm bổ sung có lợi cho sức khoẻ (không dùng cho mục đích y tế) (thực phẩm có nguồn gốc thực vật (chế phẩm ngũ cốc) được chế biến để tiêu dùng hay bảo quản cũng như bổ trợ cho việc cải thiện hương vị của thực phẩm); tinh chất và chất chiết xuất từ thực vật (hương liệu, trừ tinh chất ête và tinh dầu dùng trong thực phẩm, thực phẩm bổ sung và thực phẩm có lợi cho sức khoẻ (không dùng cho mục đích y tế); sữa ong chúa dùng cho người (không dùng cho mục đích y tế); tất cả đều là sản phẩm trong nhóm này.

---

(111) **4-0166462**
(210) 4-2009-16801
(181) 11.08.2019
(300) 2009-013033 24.02.2009 JP
(450) 25.08.2011 281
(540)

THE LEGENDARY STARFY

(151) 27.06.2011
(220) 11.08.2009

(731) NINTENDO CO., LTD. (JP)
11-1, Hokotate-cho, Kamitoba, Minami-ku, Kyoto-shi, Kyoto, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 09: Thiết bị chơi trò chơi viđêô dùng cho người tiêu dùng (chỉ dùng với máy thu hình); chương trình máy tính dùng cho thiết bị chơi trò chơi viđêô dùng cho người tiêu dùng; mạch điện tử, đĩa từ, đĩa quang, đĩa quang từ, băng từ, thẻ ROM, hộp chứa (cartridge) bộ nhớ ROM, đĩa CD-ROM, đĩa DVD- ROM và các chương trình máy tính dùng để lưu trữ phương tiện truyền thông lưu trữ khác dùng cho thiết bị chơi trò chơi

viđêô dùng cho người tiêu dùng; bộ điều chỉnh, cần điều khiển và thẻ nhớ dùng cho thiết bị chơi trò chơi viđêô dùng cho người tiêu dùng; các bộ phận và linh kiện khác dùng cho thiết bị chơi trò chơi viđêô dùng cho người tiêu dùng; chương trình máy tính dùng cho thiết bị chơi trò chơi cầm tay có màn hình tinh thể lỏng; mạch điện tử, đĩa từ, đĩa quang, đĩa quang từ, băng từ, thẻ ROM, hộp chứa (cartridge) bộ nhớ ROM, đĩa CD-ROM, đĩa DVD-ROM và các chương trình máy tính dùng để lưu trữ phương tiện truyền thông lưu trữ khác dùng cho thiết bị chơi trò chơi cầm tay có màn hình tinh thể lỏng; máy chơi trò chơi viđêô tại các khu nhà có mái vòm (chỉ dùng với máy thu hình); chương trình máy tính dùng cho máy chơi trò chơi viđêô tại các khu nhà có mái vòm; mạch điện tử, đĩa từ, đĩa quang, đĩa quang từ, băng từ, thẻ ROM, hộp chứa (cartridge) bộ nhớ ROM, đĩa CD-ROM, đĩa DVD-ROM và các chương trình máy tính dùng để lưu trữ phương tiện truyền thông lưu trữ khác dùng cho máy chơi trò chơi viđêô tại các khu nhà có mái vòm; các bộ phận và linh kiện khác dùng cho máy chơi trò chơi viđeo tại các khu nhà có mái vòm; máy vi tính; mạch điện tử đĩa từ, đĩa quang, đĩa quang từ, băng từ, thẻ ROM, hộp chứa (cartndge) bộ nhớ ROM, đĩa CD-ROM, đĩa DVD-ROM và các chương trình máy tính dùng để lưu trữ phương tiện truyền thông lưu trữ khác dùng cho máy vi tính; chương trình máy tính có thể tải xuống được; các chương trình máy tính khác; chương trình trò chơi dùng cho điện thoại di động; máy móc và thiết bị điện tử khác và các bộ phận của chúng, cụ thể là bộ điều hợp dòng điện xoay chiều dùng cho trò chơi cầm tay chỉ dùng với màn hình tinh thể lỏng; máy fax; con chuột máy tính (thiết bị xử lý từ ngữ); miếng di chuột con chuột máy tính; bàn phím máy tính; máy in dùng với máy tính; thiết bị ngoại vi của máy vi tính; màn hình máy vi tính (phần cứng máy vi tính); máy quét hình ảnh và dữ liệu (thiết bị xử lý từ ngữ); bút điện tử (bộ hiển thị hình ảnh); nhật ký điện tử; điện thoại di động; dây đeo điện thoại di động; các bộ phận và linh kiện khác dùng cho điện thoại di động; máy móc và thiết bị viễn thông khác; đĩa compact đã được ghi; đĩa ghi các bài hát khác; máy đánh nhịp; mạch điện tử và các chương trình biểu diễn tự động đã được ghi vào đĩa CD-ROM dùng cho nhạc cụ điện tử; tệp âm nhạc có thể tải xuống được; phim phơi sáng dùng cho máy quay phim; phim dương bản phơi sáng; giá lắp phim dương bản; tệp hình ảnh có thể tải xuống được; băng viđêô và đĩa viđêô đã được ghi sẵn; xuất bản phẩm điện tử.

Nhóm 16: Sổ ghi chép; bút chì kim; hộp đựng bút; văn phòng phẩm và tài liệu học tập; danh thiếp; tạp chí (ấn phẩm); ca-ta-lô; cuốn sách nhỏ; ấn phẩm (sản phẩm in); vé xổ số in sẵn (không phải là đồ chơi); biểu ngữ bằng giấy; cờ bằng giấy; hồ dán và chất dính dùng cho văn phòng hoặc gia đình; cái gọt bút chì chạy điện; khăn tay vệ sinh bằng giấy; khăn giấy; khăn ăn bằng giấy; khăn tay bằng giấy; khăn mùi soa bằng giấy.

Nhóm 28: Đồ chơi dùng cho trò chơi bài lá và các đồ kèm theo; trò chơi điện tử cầm tay với màn hình tinh thể lỏng; bộ phận và linh kiện của trò chơi điện tử cầm tay có màn hình tinh thể lỏng; đồ chơi khác; búp bê; trò chơi chuyển động; bài lá của Nhật Bản (Utngaruta); môn cờ Nhật Bản (trò chơi Shogi); trò chơi bài và các đồ dùng kèm theo; trò chơi xúc xắc; trò chơi xúc xắc kiểu Nhật (Sugoroku); cốc gieo xúc xắc; trò chơi dạng hình thoi; trò chơi cờ; quân cờ đam (bộ cờ đam); thiết bị trò chơi dùng để chơi trò ảo thuật; cờ đôminô; bài lá dùng để chơi bài; quân bài lá kiểu Nhật (Hanafuda); trò chơi bài mạt chược; máy và thiết bị chơi trò chơi (không dùng với máy thu hình); dụng cụ chơi trò bi-a; máy và thiết bị giải trí dùng trong các khu công viên giải trí (không phải là máy chơi trò chơi viđêô trong các khữ nhà mái vòm); dụng cụ thể thao; đồ câu cá.

Nhóm 38: Dịch vụ bảng thông báo điện tử (dịch vụ viễn thông) và cung cấp thông tin về dịch vụ này; dịch vụ thông tin liên lạc bằng thiết bị chơi trò chơi viđeo cho người tiêu dùng; cung cấp thông tin về liên lạc bằng thiết bị chơi trò chơi viđeo cho người tiêu dùng; thông tin liên lạc bằng máy chơi trò chơi viđeo trong các khu nhà có mái vòm; cung cấp thông tin về liên lạc bằng máy chơi trò chơi viđeo trong các khu nhà có mái vòm; thông tin liên lạc bằng thiết bị chơi trò chơi cầm tay có màn hình tinh thể lỏng; cung cấp thông tin về liên lạc bằng thiết bị chơi trò chơi cầm tay có màn hình tinh thể lỏng; thông tin liên lạc bằng tin nhắn và hình ảnh qua máy tính; dịch vụ viễn thông (không phải là phát thanh truyền hình); cung cấp thông tin về danh mục chương trình phát thanh truyền hình; dịch vụ phát thanh truyền hình; hãng thông tấn; cho thuê thiết bị viễn thông bao gồm cả điện thoại và thiết bị fax.

Nhóm 41: Dịch vụ vui chơi giải trí, cụ thể là: cung cấp hình ảnh thông qua phương tiện liên lạc bằng thiết bị chơi trò chơi cầm tay có màn hình tinh thể lỏng; cung cấp hình ảnh thông qua phương tiện liên lạc bằng máy chơi trò chơi viđêô trong nhà có mái vòm; cung cấp hình ảnh thông qua phương tiện liên lạc bằng thiết bị chơi trò chơi viđêô đành cho người tiêu dùng; cung cấp hình ảnh thông qua các phương tiện liên lạc khác; cung cấp tranh ảnh thông qua phương tiện liên lạc bằng thiết bị chơi trò chơi cầm tay có màn hình tinh thể lỏng; cung cấp tranh ảnh thông qua phương tiện liên lạc bằng máy chơi trò chơi viđêô trong nhà có mái vòm; cung cấp tranh ảnh thông qua phương tiện liên lạc bằng thiết bị chơi trò chơi viđêô dành cho người tiêu dùng; cung cấp tranh ảnh thông qua các phương tiện liên lạc khác; cung cấp phim thông qua phương tiện liên lạc bằng thiết bị chơi trò chơi cầm tay có màn hình tinh thể lỏng; cung cấp phim thông qua phương tiện liên lạc bằng máy chơi trò chơi viđêô trong nhà có mái vòm; cung cấp phim thông qua phương tiện liên lạc bằng thiết bị chơi trò chơi viđêô dành cho người tiêu dùng; cung cấp phim thông qua các phương tiện liên lạc khác; cung cấp nhạc và âm thanh thông qua phương tiện liên lạc bằng thiết bị chơi trò chơi cầm tay có màn hình tinh thể lỏng; cung cấp nhạc và âm thanh thông qua phương tiện liên lạc bằng máy chơi trò chơi viđêô trong nhà có mái vòm; cung cấp nhạc và âm thanh thông qua phương tiện liên lạc bằng thiết bị chơi trò chơi viđêô dành cho người tiêu dùng; cung cấp nhạc và âm thanh thông qua các phương tiện liên lạc khác; tổ chức, quản lý hoặc sắp xếp chơi các trò chơi viđêô; cung cấp trò chơi thông qua phương tiện liên lạc bằng thiết bị chơi trò chơi cầm tay có màn hình tinh thể lỏng; cung cấp trò chơi thông qua phương tiện liên lạc bằng máy chơi trò chơi trong nhà có mái vòm; cung cấp trò chơi thông qua phương tiện liên lạc bằng thiết bị chơi trò chơi dành cho người tiêu dùng; cung cấp trò chơi thông qua các phương tiện liên lạc khác; cung cấp trò chơi cho thiết bị chơi trò chơi viđêô dành cho người tiêu dùng; cung cấp trò chơi cho thiết bị chơi trò chơi cầm tay có màn hình tinh thể lỏng; cung cấp trò chơi cho máy chơi trò chơi viđêô trong nhà có mái vòm; cho thuê thiết bị lưu trữ chương trình trò chơi viđêô dùng cho người tiêu dùng; cho thuê thiết bị lưu trữ chương trình trò chơi cầm tay có màn hình tinh thể lỏng; cho thuê máy chơi trò chơi viđêô tại các khu nhà có mái vòm có ghi sẵn các trò chơi trong máy; cho thuê thiết bị chơi trò chơi viđêô dùng cho người tiêu dùng và máy chơi trò chơi viđêô tại các khu nhà có mái vòm; cho thuê thiết bị chơi trò chơi cầm tay có màn hình tinh thể lỏng; cung cấp trò chơi thông qua mạng viễn thông; cung cấp trò chơi thông qua mạng thông tin liên lạc; dịch vụ giáo dục và giảng dạy liên quan đến nghệ thuật, thủ công, thể thao hoặc kiến thức chung; chiếu phim, sản xuất phim điện ảnh hoặc phát các phim điện ảnh; cho thuê thiết bị giải trí.

Nhóm 42: Thiết kế hệ thống máy tính; thiết kế đồ hoạ; thiết kế phần cứng chơi trò chơi trên máy tính; thiết kế, lập chương trình hoặc duy trì chương trình dùng cho thiết bị chơi trò chơi viđêô dùng cho người tiêu dùng; tư vấn và cung cấp thông tin về việc thiết kế, lập chương trình hoặc duy trì chương trình dùng cho thiết bị chơi trò chơi viđêô dùng cho người tiêu dùng; thiết kế, lập chương trình hoặc duy trì chương trình dùng cho thiết bị chơi trò chơi cầm tay có màn hình tinh thể lỏng; tư vấn và cung cấp thông tin về việc thiết kế, lập chương trình hoặc duy trì chương trình dùng cho thiết bị chơi trò chơi cầm tay có màn hình tinh thể lỏng; thiết kế, lập chương trình hoặc duy trì chương trình dùng cho máy chơi trò chơi viđêô tại các khu nhà có mái vòm; tư vấn và cung cấp thông tin về việc thiết kế, lập chương trình hoặc duy trì chương trình dùng cho máy chơi trò chơi viđêô tại các khu nhà có mái vòm; sáng tạo hoặc duy trì các trang web; thiết kế, lập chương trình hoặc duy trì phần mềm máy tính khác; tư vấn kỹ thuật liên quan đến vận hành, thao tác máy tính, ô tô và các máy móc khác đòi hỏi kiến thức, kỹ năng hoặc kinh nghiệm cá nhân của người điều khiển cao để đáp ứng độ chính xác trong quá trình vận hành chúng; cho thuê máy tính; cho thuê các chương trình máy tính để xử lý hình ảnh và cung cấp thông tin về dịch vụ này; cho thuê các chương trình máy tính để tạo ra, chỉnh sửa hoặc xử lý hình ảnh, tranh minh hoạ, văn bản và bản phác thảo; cho thuê các chương trình máy tính để truy cập bảng thông báo điện tử trên internet; cho thuê các chương trình máy tính; cho thuê vùng lưu trữ trên máy tính chủ và cung cấp thông tin về dịch vụ này.

---

(111) **4-0166463**
(210) 4-2009-25009
(181) 18.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 27.06.2011
(220) 18.11.2009

(531) 26.4.1; 26.1.1; A26.11.12; 1.5.1
(731) HAYWARD INDUSTRIES, INC (US)
620 Division Street, Elizabeth, NJ 07207, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 07: Máy bơm và các bộ phận và linh kiện của máy bơm dùng cho bể bơi, bể nước mát xa bằng thủy lực, bồn xông hơi, bồn nước xoáy và các loại bồn nước làm thư giãn cơ thể khác; máy làm sạch bể bơi tự động; máy làm sạch bề mặt dưới nước của bể bơi.

Nhóm 09: Thiết bị điều khiển bằng điện tử dùng cho bể bơi, bể nước mát xa bằng thủy lực, bồn xông hơi, bồn nước xoáy và các loại bồn nước làm thư giãn cơ thể khác; bộ điều chỉnh tự động hóa chất trong nước; thiết bị điều khiển từ xa cụ thể là thiết bị điều khiển không dây có thể truy cập được qua mạng máy tính toàn cầu và nội bộ, dùng để điều chỉnh hệ thống phân phối và xử lý nước bao gồm thiết bị đo thời gian, thiết bị khử trùng nước bằng clo, thiết bị làm nóng nước, máy bơm và bộ dẫn động của bể bơi, bể nước mát xa bằng thủy lực, bồn xông hơi, bồn nước xoáy, hệ thống vòi phun nước và các loại bồn nước làm thư giãn cơ thể khác; thiết bị điều khiển đa năng dùng cho bể bơi, bể nước mát xa bằng thủy lực, bồn xông hơi, bồn nước xoáy, hệ thống vòi phun nước và các loại bồn nước làm thư giãn cơ thể khác dùng để điều chỉnh tự động thiết bị khử trùng nước bằng clo, thiết bị điều chỉnh thời gian của bơm lọc, thiết bị điều chỉnh nhiệt độ, bộ dẫn động và hệ thống phân phối và xử lý nước; bảng điều khiển điện tử có màn hình hiển thị bằng

kỹ thuật số dùng để điều khiển toàn bộ và điều khiển thiết bị lọc nước, làm sạch nước tự động và hệ thống làm nóng nước bằng năng lượng mặt trời của bể bơi, bể nước mát xa bằng thủy lực, bồn xông hơi, bồn nước xoáy và các loại bồn nước làm thư giãn cơ thể khác; thiết bị điều khiển bằng điện tử của hệ thống làm nóng nước bằng năng lượng mặt trời dùng cho bể bơi và bể nước mát xa bằng thủy lực cụ thể là thiết bị điều khiển bằng điện từ sử dụng năng lượng mặt trời dùng để điều chỉnh nhiệt độ của bể bơi và bể nước mát xa bằng thủy lực; thiết bị điều chỉnh thời gian tự động dùng để điều chỉnh quá trình lọc nước cho bể bơi và bể nước mát xa bằng thủy lực; các thiết bị điều khiển từ xa, cụ thể là thiết bị điều khiển không dây và có dây dùng để điều khiển các thiết bị của bể bơi, bể nước mát xa bằng thủy lực, bồn xông hơi, bồn nước xoáy, hệ thống vòi phun nước và các loại bồn nước làm thư giãn cơ thể khác; thiết bị khởi động van chạy bằng điện; hệ thống điều khiển bằng điện tử gồm một máy điện phân clo và thiết bị điều khiển đa năng dùng để điều khiển việc vận hành, làm sạch và bảo dưỡng bể bơi, bể nước mát xa bằng thủy lực, và các loại bồn nước làm thư giãn cơ thể khác.

Nhóm 11: Thiết bị lọc nước và các bộ phận và linh kiện đi kèm của sản phẩm này; thiết bị làm nóng nước và các bộ phận và linh kiện đi kèm của sản phẩm này; máy bổ sung muối và clo cho bể bơi, bể nước mát xa bằng thuỷ lực, bồn xông hơi, bồn nước xoáy và các loại bồn làm thư giãn cơ thể khác và các bộ phận và linh kiện đi kèm của sản phẩm này; thiết bị chiếu sáng và van xả nước và các bộ phận và linh kiện đi kèm của sản phẩm này dùng trong bể bơi, bể nước mát xa bằng thủy lực, bồn xông hơi, bồn nước xoáy và các loại bồn nước làm thư giãn cơ thể khác; thiết bị lọc nước và phụ tùng an toàn dùng cho thiết bị và đường ống dẫn nước, cụ thể là thiết bị dùng để xả nước ra khỏi bể bơi, bể nước mát xa bằng thủy lực, bồn xông hơi, bồn nước xoáy và các loại bồn nước làm thư giãn cơ thể khác.

---

(111) **4-0166464**
(210) 4-2008-21970
(181) 13.10.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 27.06.2011
(220) 13.10.2008

(531) A26.11.12
(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM, NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG (VN)
P.802, CT4, khu Mỹ Đình II, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua bán hoá chất; dịch vụ xuất nhập khẩu các thiết bị sử dụng trong các lĩnh vực cơ, nhiệt, điện lạnh, tự động hoá, thiết bị đo lường, thí nghiệm và chế biến thực phẩm, các thiết bị điện, thiết bị và máy móc phục vụ ngành công nghiệp, thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị chiếu sáng, thiết bị quan sát, thiết bị cảnh báo, thiết bị bảo hộ lao động, thiết bị thông gió công nghiệp, các thiết bị giảng dạy, đồ dùng trường học, thiết bị thí nghiệm, máy móc và thiết bị nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực vật lý, y tế, hoá học, điện tử.

Nhóm 37: Lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành và bảo trì các thiết bị sử dụng trong các lĩnh vực cơ, nhiệt, điện lạnh, tự động hoá, thiết bị đo lường, thí nghiệm và chế biến

thực phẩm, các thiết bị giảng dạy, đồ dùng trường học, thiết bị thí nghiệm và máy móc, thiết bị nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực vật lý, y tế, hoá học, điện tử.

Nhóm 40: Chế tạo thiết bị sử dụng trong các lĩnh vực cơ, nhiệt, điện lạnh, tự động hoá, thiết bị đo lường, thí nghiệm và chế biến thực phẩm; sản xuất các thiết bị điện, thiết bị, máy móc phục vụ nghành công nghiệp, thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị chiếu sáng, thiết bị quan sát, thiết bị cảnh báo, thiết bị bảo hộ lao động, thiết bị thông gió công nghiệp, các thiết bị giảng dạy, đồ dùng trường học, thiết bị thí nghiệm và máy móc, thiết bị nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực vật lý, y tế, hoá học, điện tử.

Nhóm 42: Tư vấn về kỹ thuật trong chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực cơ, nhiệt, điện lạnh, tự động hoá, thiết bi đo lường, thí nghiệm và chế biến thực phẩm, thiết kế và tư vấn thiết kế thiết bị sử dụng trong các lĩnh vực cơ, nhiệt, điện lạnh, tự động hoá, thiết bị đo lường, thí nghiệm và chế biến thực phẩm; nghiên cứu và phát triển các thiết bị điện, thiết bị, máy móc phục vụ nghành công nghiệp, thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị chiếu sáng, thiết bị quan sát, thiết bị cảnh báo, thiết bị bảo hộ lao động, thiết bị thông gió công nghiệp, các thiết bị giảng dạy, đồ dùng trường học, thiết bị thí nghiệm và máy móc, thiết bị nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực vật lý, y tế, hoá học, điện tử; thiết kế các thiết bị giảng dạy, đồ dùng trường học, thiết bị thí nghiệm và máy móc, thiết bị nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực vật lý, y tế, hoá học, điện tử.

---

(111) **4-0166465**
(210) 4-2009-23447
(181) 30.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

MACTEC

(151) 27.06.2011
(220) 30.10.2009

(731) MACGREGOR GOLF JAPAN LTD. (JP)
13-3, Toranomon 1 -chome, Minato-ku, Tokyo 105-8484, Japan
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 18: Túi xách kiểu Boston; túi xách tay; túi du lịch; túi đeo lưng (ba lô); ô dùng khi chơi gôn; ô.

Nhóm 24: Khăn lau bằng vải dệt; khăn lau đồ chơi gôn.

Nhóm 25: Quần, áo sơ mi và váy mặc khi chơi gôn; áo khoác chắn gió; bộ quần áo mưa; mũ đội đầu, mũ lưỡi trai; lưỡi trai (để làm mũ nón); bít tất; giầy chơi gôn; hộp đựng giầy chơi gôn.

Nhóm 28: Bóng dùng trong môn đánh gôn, túi đựng gậy đánh gôn; găng tay chơi gôn; các phụ kiện dùng khi chơi gôn, cụ thể là túi phủ gậy đánh gôn, túi đựng phụ kiện chơi gôn, túi bọc túi đựng gậy đánh gôn, dụng cụ cho người chơi gôn để sửa chữa tảng đất cỏ bị bật lên khi đánh bóng, điểm phát bóng dùng trong đánh gôn (cọc nhỏ, nhọn để đặt bóng trước khi đánh nó vào từng lỗ), dụng cụ ghi điểm chơi gôn.

---

(111) **4-0166466**
(210) 4-2009-23626
(181) 02.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Betares

(151) 27.06.2011
(220) 02.11.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Quốc Toản, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thực phẩm bổ sung dinh dưỡng dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0166467**
(210) 4-2009-24381
(181) 11.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Dovamed

(151) 27.06.2011
(220) 11.11.2009

(731) YEVA THERAPEUTICS PVT. LTD. (IN)
108, Shiv Chambers, Plot No. 21. C.B.D Sector 11, Belapur, New Bombay-400703, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0166468**
(210) 4-2009-24382
(181) 11.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Cinobrane

(151) 27.06.2011
(220) 11.11.2009

(731) YEVA THERAPEUTICS PVT. LTD. (IN)
108, Shiv Chambers, Plot No. 21. C.B.D Sector 11, Belapur, New Bombay-400703, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0166469**
(210) 4-2009-23465
(181) 30.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

COLORLAB

(151) 27.06.2011
(220) 30.10.2009

(731) TARGIAN TAN (ID)
Ketapang Indah Blok A1 No. 3-4 Jakarta 11140 Indonesia
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 01: Hóa chất dùng trong in lụa, hóa chất công nghiệp, nhũ tương chụp ảnh, keo dùng trong công nghiệp

---

(111) **4-0166470**
(210) 4-2009-23855
(181) 04.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

LIBERTYCENTRAL

(151) 27.06.2011
(220) 04.11.2009

(531) A26.11.12; 5.3.11; A5.3.13; 5.3.16
(591) Xám, xanh lá cây, xanh lá cây nhạt, xanh lá mạ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY (VN)
63-65 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 43: Khách sạn.

Nhóm 44: Dịch vụ mát xa (massage); dịch vụ xông hơi.

---

(111) **4-0166471**
(210) 4-2009-23979
(181) 05.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

TSC SUPEMATE

(151) 27.06.2011
(220) 05.11.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ (VN)
Số 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 01: Phân bón, phân bón lá, phân bón NPK, phân bón tổng hợp, phân bón vi lượng đất hiếm, phân bón hữu cơ vi sinh.

---

(111) **4-0166472**
(210) 4-2009-24161
(181) 09.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

HOMICIS

(151) 27.06.2011
(220) 09.11.2009

(531) 2.9.1; A26.11.12
(591) Xanh dương, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TUỆ LINH (VN)
Số 4, lô 4, khu 1765m2, tổ 28, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166473**
(210) 4-2009-23348
(181) 29.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

VIETCHAT

(151) 27.06.2011
(220) 29.10.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HƯNG PHÁT (VN)
Lầu 3, toà nhà Thái Huy, số 307/4 Nguyễn Văn Trỗi, phường 1, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 38: Dịch vụ viễn thông bao gồm: dịch vụ điện thoại, dịch vụ điện thoại qua Internet, dịch vụ thông tin liên lạc qua vệ tinh, dịch vụ truyền thông số liệu, dịch vụ thông tin liên lạc bằng máy tính, dịch vụ cung cấp đường truyền để truy cập (kết nối) vào Internet.

---

(111) **4-0166474**
(210) 4-2009-24141
(181) 09.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 27.06.2011
(220) 09.11.2009

(531) 26.4.2; 25.7.20; 26.1.2; A26.11.12; 26.4.3; A1.1.5
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VĨNH HUÊ (VN)
66/5 quốc lộ 1, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 16: Giấy photocopy, giấy in, giấy vệ sinh; khăn giấy.

---

(111) **4-0166475**
(210) 4-2009-23386
(181) 29.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

JENIFER

(151) 27.06.2011
(220) 29.10.2009

(731) CÔNG TY TNHH SỨ TÂY SƠN (VN)
Xã Tây Sơn, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 19: Gạch men.

---

(111) **4-0166476**
(210) 4-2009-23794
(181) 04.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 27.06.2011
(220) 04.11.2009

(531) 2.3.1
(591) Đen, trắng, hồng
(731) NGUYỄN TIẾN NAM (VN)
Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 01: Keo dán đa năng tổng hợp dùng trong công nghiệp.

---

(111) **4-0166477**
(210) 4-2009-23521
(181) 30.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 27.06.2011
(220) 30.10.2009

(531) 1.15.11; 3.4.11; 5.3.11; 5.5.19; 2.3.1; 6.19.1
(591) Hồng, xanh lam, xanh da trời, nâu nhạt, xanh lá cây, trắng.
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI MỸ PHẨM GIA ĐÌNH (VN)
4379 Nguyễn Cửu Phú, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm, nước hoa, kem dưỡng da, dầu gội đầu, sữa tắm, bọt xà phòng cạo râu.

---

(111) **4-0166478**
(210) 4-2009-23526
(181) 30.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 27.06.2011
(220) 30.10.2009

(531) 26.4.2; 26.4.9; 26.11.3; A26.11.12; A26.3.5; 5.3.11; A5.3.13; 26.1.2
(591) Đỏ, vàng, xanh lá cây, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÓA NÔNG Á CHÂU (VN)
230A Lê Văn Sỹ, phường 1, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc diệt cỏ, thuốc diệt trừ sâu bọ, thuốc diệt trừ rầy nâu, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng.

---

(111) **4-0166479**
(210) 4-2009-23527
(181) 30.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 27.06.2011
(220) 30.10.2009

(531) 26.4.1; 26.4.2; 26.4.3; 26.4.4; 26.4.9; 26.5.1; A25.7.8; 25.7.25; 26.1.1; 26.1.2; 3.13.2; A3.13.24; 6.19.1; A26.11.12
(591) Đỏ, da cam, vàng, xanh lá cây, xanh dương, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÓA NÔNG Á CHÂU (VN)
230A Lê Văn Sỹ, phường 1, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc diệt cỏ, thuốc diệt trừ sâu bọ, thuốc diệt trừ rầy nâu, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng.

---

(111) **4-0166480**
(210) 4-2009-23406
(181) 30.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

ocean reflection

(151) 27.06.2011
(220) 30.10.2009

(731) CÔNG TY TNHH MINH (VN)
5A Nguyễn Siêu, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 43: Nhà nghỉ du lịch; nhà nghỉ an dưỡng.

---

(111) **4-0166481**
(210) 4-2009-14032
(181) 09.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

RichLife

(151) 27.06.2011
(220) 09.07.2009

(531) 26.4.2; A26.11.12; A5.3.13
(591) Trắng, vàng, xanh lá cây
(731) GLOBAL ACTIVE LIMITED (SG)
65 Ubi Avenue 1, OSIM Headquarters, Singapore 408939
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 29: Sản phẩm bổ sung khi ăn kiêng, không dùng cho mục đích y tế, chủ yếu chứa prôtêin hay chiết xuất từ thực vật hay động vật; thực phẩm bổ sung chứa chất cô đặc từ rau củ; prôtêin động vật dùng cho người; sản phẩm thực phẩm chứa prôtêin có nguồn gốc động vật dùng cho người; prôtêin dùng cho người; chế phẩm prôtêin dùng làm chất phụ gia cho thực phẩm dùng cho người (không dùng cho mục đích y tế); chất chiết xuất từ cá dùng cho thực phẩm; thực phẩm được chế biến từ chất chiết xuất từ cá; thực phẩm được chế biến từ cá; sản phẩm bổ sung cho thực phẩm được chế trên cơ sở collagen (một dạng prôtêin), không dùng cho mục đích y tế chủ yếu gồm prôtêin; collagen (một dạng prôtêin) ăn được đã được chế biến (sản phẩm bổ sung có lợi cho sức khoẻ, không dùng cho mục đích y tế); thực phẩm bổ sung dưỡng chất và chế phẩm thực phẩm bổ dưỡng dùng khi ăn kiêng không dùng cho mục đích y tế chủ yếu bao gồm prôtêin hay chất chiết xuất từ thực vật hay động vật; sản phẩm bổ sung dưỡng chất bao gồm chất glucozamin tạo sụn (không dùng cho mục đích y tế) được chế biến từ động vật; thực phẩm bổ sung và thực phẩm có lợi cho sức khoẻ (không dùng cho mục đích y tế), chủ yếu gồm chất chiết xuất từ thực vật hay động vật; thực phẩm bổ sung và thực phẩm có lợi cho sức khoẻ (không dùng cho mục đích y tế), chủ yếu gồm chất chiết xuất từ thực vật hay động vật dưới dạng lỏng; hợp chất từ thực vật dùng làm thực phẩm bổ sung dưỡng chất hay thực phẩm có lợi cho sức khoẻ; thực phẩm bổ sung dùng cho người (không chứa thuốc, và cũng không chủ yếu chứa vitamin, khoáng chất hay các nguyên tố vi lượng) chủ yếu chứa prôtêin; thực phẩm chủ yếu có thành phần là trái cây; đồ ăn nhanh được chế chủ yếu trên cơ sở trái cây; thực phẩm được làm hoàn toàn hay chủ yếu từ rau củ, trái cây hay quả hạch có nguồn gốc hữu cơ; thanh thực phẩm bổ dưỡng, cụ thể là, đồ ăn dạng thanh làm từ trái cây có nguồn gốc hữu cơ, đồ ăn nhanh dạng thanh được chế trên cơ sở hạt và quả hạch có nguồn gốc hữu cơ; sản phẩm thực phẩm từ trái cây được bảo quản; thảo mộc được bảo quản (không phải là cây gia vị); chế phẩm chứa chủ yếu trái cây và có thảo mộc; tất cả đều là sản phẩm trong nhóm này.

---

(111) **4-0166482**
(210) 4-2009-14033
(181) 09.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

RICHLIFE

(151) 27.06.2011
(220) 09.07.2009

(731) GLOBAL ACTIVE LIMITED (SG)
65 Ubi Avenue 1, OSIM Headquarters, Singapore 408939
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 32: Đồ uống không cồn; nước có ga (đồ uống); đồ uống chứa hỗn hợp trộn lẫn gồm nước trái cây và rau củ ép; đồ uống có bổ sung các nguyên tố vi lượng (không chứa cồn); đồ uống được làm giàu bởi các khoáng chất bổ sung (không cồn); đồ uống không cồn được làm giàu bởi vitamin (vitamin không phải là thành phần chủ yếu); đồ uống có nguồn gốc thực vật dạng hỗn hợp (không chứa cồn); đồ uống có hương vị thảo mộc (không chứa cồn); xi-rô và các chế phẩm khác để pha đồ uống; nước xô đa (đồ uống); chất chiết ra từ trái cây làm đồ uống và pha đồ uống (không cồn); đồ uống không cồn isotonic bù nước và muối cho cơ thể.

---

(111) **4-0166483**
(210) 4-2009-14034
(181) 09.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

RICHLIFE

(151) 27.06.2011
(220) 09.07.2009

(731) GLOBAL ACTIVE LIMITED (SG)
65 Ubi Avenue 1, OSIM Headquarters, Singapore 408939
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 29: Sản phẩm bổ sung khi ăn kiêng, không dùng cho mục đích y tế, chủ yếu chứa prôtêin hay chiết xuất từ thực vật hay động vật; thực phẩm bổ sung chứa chất cô đặc từ rau củ; prôtêin động vật dùng cho người; sản phẩm thực phẩm chứa prôtêin có nguồn gốc động vật dùng cho người; prôtêin dùng cho người; chế phẩm prôtêin dùng làm chất phụ gia cho thực phẩm dùng cho người (không dùng cho mục đích y tế); chất chiết xuất từ cá dùng cho thực phẩm; thực phẩm được chế biến từ chất chiết xuất từ cá; thực phẩm được chế biến từ cá; sản phẩm bổ sung cho thực phẩm được chế trên cơ sở collagen (một dạng prôtêin); không dùng cho mục đích y tế chủ yếu gồm prôtêin; collagen (một dạng prôtêin) ăn được đã được chế biến (sản phẩm bổ sung có lợi cho sức khoẻ, không dùng cho mục đích y tế); thực phẩm bổ sung dưỡng chất và chế phẩm thực phẩm bổ dưỡng dùng khi ăn kiêng không dùng cho mục đích y tế chủ yếu bao gồm prôtêin hay chất chiết xuất từ thực vật hay động vật; sản phẩm bổ sung dưỡng chất bao gồm chất glucozamin tạo sụn (không dùng cho mục đích y tế) được chế biến từ động vật; thực phẩm bổ sung và thực phẩm có lợi cho sức khoẻ (không dùng cho mục đích y tế), chủ yếu gồm chất chiết xuất từ thực vật hay động vật; thực phẩm bổ sung và thực phẩm có lợi cho sức khoẻ (không dùng cho mục đích y tế), chủ yếu gồm chất chiết xuất từ thực vật hay động vật dưới dạng lỏng; hợp chất từ thực vật dùng làm thực phẩm bổ sung dưỡng chất hay thực phẩm có lợi cho sức khoẻ; thực phẩm bổ sung dùng cho người (không chứa thuốc, và cũng không chủ yếu chứa vitamin, khoáng chất hay các nguyên tố vi lượng) chủ yếu chứa prôtêin; thực phẩm chủ yếu có thành phần là trái cây; đồ ăn nhanh được chế chủ yếu trên cơ sở trái cây; thực phẩm được làm hoàn toàn hay chủ yếu từ rau củ, trái cây hay quả hạch có nguồn gốc hữu cơ; thành thực phẩm bổ dưỡng, cụ thể là, đồ ăn dạng thanh làm từ trái cây có nguồn gốc hữu cơ, đồ ăn nhanh dạng thanh được chế trên cơ sở hạt và quả hạch có nguồn gốc hữu cơ; sản phẩm thực phẩm từ trái cây được bảo quản; thảo mộc được bảo quản (không phải là cây gia vị); chế phẩm chứa chủ yếu trái cây và có thảo mộc; tất cả đều là sản phẩm trong nhóm này.

---

(111) **4-0166484**
(210) 4-2009-14050
(181) 09.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

RichLife

(151) 27.06.2011
(220) 09.07.2009

(531) 26.4.2; A26.11.12; A5.3.13
(591) Trắng, vàng, xanh lá cây
(731) GLOBAL ACTIVE LIMITED (SG)
65 Ubi Avenue 1, OSIM Headquarters, Singapore 408939
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược, sản phẩm chăm sóc sức khoẻ có (thuốc chữa bệnh) và chế phẩm ăn kiêng (dùng để chữa bệnh); chế phẩm thực phẩm, chất và sản phẩm bổ sung dùng khi ăn kiêng sử dụng cho mục đích y tế; sản phẩm bổ sung dưỡng chất (có tác dụng chữa bệnh); thực phẩm bổ sung dùng cho mục đích dinh dưỡng sử dụng cho mục đích y tế; thực phẩm bổ sung khoáng chất, sản phẩm bổ sung khoáng chất khi ăn kiêng dùng cho người sử dụng cho mục đích y tế, vitamin, các chế phẩm vitamin, sản phẩm vitamin bổ sung, vitamin dạng viên, thực phẩm bổ sung có lợi cho sức khoẻ sử dụng cho mục đích y tế, thực phẩm bổ sung và sản phẩm bổ sung khi ăn kiêng dùng cho mục đích y tế; sản phẩm bổ sung có chứa thuốc được chế trên cơ sở collagen (một dạng prôtêin) dùng cho thực phẩm; sản phẩm bổ sung dùng khi ăn kiêng không cần kê đơn dùng cho người chủ yếu bao gồm vitamin, khoáng chất và các nguyên tố vi lượng; chế phẩm chứa sản phẩm bổ sung khi ăn kiêng từ collagen (một dạng prôtêin) chủ yếu gồm thành phần là sữa ong chúa (dùng cho mục đích y tế); thực phẩm chứa sữa ong chúa (là thành phần chủ yếu) dùng cho mục đích y tế; sữa ong chúa dùng cho người (dùng cho mục đích chữa bệnh); thực phẩm bổ sung có lợi cho sức khoẻ chủ yếu chứa khoáng chất; thực phẩm bổ sung có lợi cho sức khoẻ chủ yếu chứa vitamin; sản phẩm bổ sung có lợi cho sức khoẻ dùng cho mục đích y tế; chế phẩm chăm sóc sức khoẻ có nguồn gốc tự nhiên (thuốc chữa bệnh); viên nhộng chứa thảo dược dùng cho mục đích y tế; tất cả đều là các sản phẩm trong nhóm này.

---

(111) **4-0166485**
(210) 4-2009-14051
(181) 09.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

RICHLIFE

(151) 27.06.2011
(220) 09.07.2009

(731) GLOBAL ACTIVE LIMITED (SG)
65 Ubi Avenue 1, OSIM Headquarters, Singapore 408939
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Tổ chức, vận hành và giám sát các chương trình khuyến khích, chương trình khách hàng thân thiết và chương trình thưởng, bao gồm cung cấp các dịch vụ trên qua mạng thông tin liên lạc toàn cầu dùng để xúc tiến bán hàng cho người khác; xúc tiến bán hàng thông qua chương trình khách hàng thân thiết; cố vấn kinh doanh, tư vấn kinh doanh và dịch vụ thông tin kinh doanh liên quan đến việc tổ chức, vận hành và giám sát các chương trình khuyến khích, chương trình khách hàng thân thiết và chương trình thưởng; tất cả đều là các dịch vụ trong nhóm này; quản lý kinh doanh và tư vấn tổ chức kinh doanh, tra cứu kinh doanh, nghiên cứu kinh doanh, hỗ trợ quản lý kinh doanh, đánh giá kinh doanh; tư vấn kinh doanh liên quan đến bên nhượng quyền thương mại và bên nhận nhượng quyền thương mại; quản trị công việc kinh doanh của các cửa hàng bán lẻ; quản lý doanh nghiệp bán lẻ cho người khác; quảng cáo, marketing, xúc tiến thương mại và dịch vụ phổ biến ra công chúng nhằm mục đích quảng cáo; chuẩn bị và phát hành các văn bản quảng cáo; thu xếp quảng cáo; tập hợp quảng cáo để dùng như các trang web trên mạng internet; tập hợp, sản xuất, phân phát và cập nhật tài liệu quảng cáo; thông tin kinh doanh; dịch vụ kinh doanh marketing trong lĩnh vực chăm sóc sức khoẻ, sắc đẹp và dinh dưỡng; cung cấp hỗ trợ kinh doanh liên quan đến việc thành lập và/hoặc vận hành kinh doanh bán buôn và bán lẻ trực tiếp (person-to-person) các sản phẩm khác nhau, cụ thể là, sản phẩm dinh dưỡng, ăn kiêng và/hoặc thực phẩm bổ sung, sản phẩm bổ sung có

lợi cho sức khoẻ, thực phẩm có lợi cho sức khoẻ, thảo dược, vitamin, sản phẩm bổ dưỡng dùng trong thể thao, sản phẩm rèn luyện cơ thể và trang phục, mỹ phẩm và đồ trang điểm hay vệ sinh cơ thể, sản phẩm chăm sóc tóc và da, sản phẩm chăm sóc răng miệng và cơ thể, thuốc, thiết bị chuẩn đoán và luyện tập, sản phẩm luyện tập có tác dụng chuẩn đoán và sản phẩm chữa bệnh bằng cách xoa bóp bằng dầu thơm, sản phẩm kiểm soát calo và các sản phẩm giúp cơ thể thoải mái và thư giãn; tập hợp vì lợi ích của người khác nhiều loại mặt hàng, giúp người mua dễ dàng xem và mua các hàng hoá đó trong một cửa hàng bán lẻ, hiệu bán buôn, từ catalô đặt hàng qua thư, từ catalô hàng hoá tổng hợp, qua mạng viễn thông hay trang web mạng máy tính toàn cầu (tất cả trong lĩnh vực hàng hoá tổng hợp, cụ thể là, sản phẩm dinh dưỡng, ăn kiêng và/hoặc thực phẩm bổ sung, sản phẩm bổ sung có lợi cho sức khoẻ, thực phẩm có lợi cho sức khoẻ, thảo dược, vitamin, sản phẩm bổ dưỡng dùng trong thể thao, sản phẩm rèn luyện cơ thể và trang phục, mỹ phẩm và đồ trang điểm hay vệ sinh cơ thể, sản phẩm chăm sóc tóc và da, sản phẩm chăm sóc răng miệng và cơ thể, thuốc, thiết bị chuẩn đoán và luyện tập, sản phẩm luyện tập có tác dụng chuẩn đoán và sản phẩm chữa bệnh bằng cách xoa bóp bằng dầu thơm, sản phẩm kiểm soát calo và các sản phẩm giúp cơ thể thoải mái và thư giãn); dịch vụ thu thập dữ liệu tại các điểm bán hàng bằng máy tính cho các nhà bán lẻ; tất cả các dịch vụ trên được cung cấp trực tuyến từ cơ sở dữ liệu máy tính toàn cầu hay qua mạng thông tin liên lạc toàn cầu hay bằng các phương tiện viễn thông; cố vấn, thông tin và tư vấn liên quan đến các dịch vụ trên; tất cả đều là các dịch vụ trong nhóm này.

---

(111) **4-0166486**
(210) 4-2009-14052
(181) 09.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 27.06.2011
(220) 09.07.2009

(531) 26.4.2; A26.11.12; A5.3.13
(591) Trắng, vàng, xanh lá cây
(731) GLOBAL ACTIVE LIMITED (SG)
65 Ubi Avenue 1, OSIM Headquarters, Singapore 408939
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Tổ chức, vận hành và giám sát các chương trình khuyến khích, chương trình khách hàng thân thiết và chương trình thưởng, bao gồm cung cấp các dịch vụ trên qua mạng thông tin liên lạc toàn cầu dùng để xúc tiến bán hàng cho người khác; xúc tiến bán hàng thông qua chương trình khách hàng thân thiết; cố vấn kinh doanh, tư vấn kinh doanh và dịch vụ thông tin kinh doanh liên quan đến việc tổ chức, vận hành và giám sát các chương trình khuyến khích, chương trình khách hàng thân thiết và chương trình thưởng; tất cả đều là các dịch vụ trong nhóm này; quản lý kinh doanh và tư vấn tổ chức kinh doanh, tra cứu kinh doanh, nghiên cứu kinh doanh, hỗ trợ quản lý kinh doanh, đánh giá kinh doanh; tư vấn kinh doanh liên quan đến bên nhượng quyền thương mại và bên nhận nhượng quyền thương mại; quản trị công việc kinh doanh của các cửa hàng bán lẻ; quản lý doanh nghiệp bán lẻ cho người khác; quảng cáo, marketing, xúc tiến thương mại và dịch vụ phổ biến ra công chúng nhằm mục đích quảng cáo; chuẩn bị và phát hành các văn bản quảng cáo; thu xếp quảng cáo; tập hợp quảng cáo để dùng như các trang web trên mạng internet; tập hợp, sản xuất, phân phát và cập nhật tài liệu quảng cáo; thông tin kinh doanh; dịch vụ kinh doanh marketing trong lĩnh vực chăm sóc sức khoẻ, sắc đẹp và

dinh dưỡng; cung cấp hỗ trợ kinh doanh liên quan đến việc thành lập và/hoặc vận hành kinh doanh bán buôn và bán lẻ trực tiếp (person-to-person) các sản phẩm khác nhau, cụ thể là, sản phẩm dinh dưỡng, ăn kiêng và/hoặc thực phẩm bổ sung, sản phẩm bổ sung có lợi cho sức khoẻ, thực phẩm có lợi cho sức khoẻ, thảo dược, vitamin, sản phẩm bổ dưỡng dùng trong thể thao, sản phẩm rèn luyện cơ thể và trang phục, mỹ phẩm và đồ trang điểm hay vệ sinh cơ thể, sản phẩm chăm sóc tóc và da, sản phẩm chăm sóc răng miệng và cơ thể, thuốc, thiết bị chuẩn đoán và luyện tập, sản phẩm luyện tập có tác dụng chuẩn đoán và sản phẩm chữa bệnh bằng cách xoa bóp bằng dầu thơm, sản phẩm kiểm soát calo và các sản phẩm giúp cơ thể thoải mái và thư giãn; tập hợp vì lợi ích của người khác nhiều loại mặt hàng, giúp người mua dễ dàng xem và mua các hàng hoá đó trong một cửa hàng bán lẻ, hiệu bán buôn, từ catalô đặt hàng qua thư, từ catalô hàng hoá tổng hợp, qua mạng viễn thông hay trang web mạng máy tính toàn cầu (tất cả trong lĩnh vực hàng hoá tổng hợp, cụ thể là, sản phẩm dinh dưỡng, ăn kiêng và/hoặc thực phẩm bổ sung, sản phẩm bổ sung có lợi cho sức khoẻ, thực phẩm có lợi cho sức khoẻ, thảo dược, vitamin, sản phẩm bổ dưỡng dùng trong thể thao, sản phẩm rèn luyện cơ thể và trang phục, mỹ phẩm và đồ trang điểm hay vệ sinh cơ thể, sản phẩm chăm sóc tóc và da, sản phẩm chăm sóc răng miệng và cơ thể, thuốc, thiết bị chuẩn đoán và luyện tập, sản phẩm luyện tập có tác dụng chuẩn đoán và sản phẩm chữa bệnh bằng cách xoa bóp bằng dầu thơm, sản phẩm kiểm soát calo và các sản phẩm giúp cơ thể thoải mái và thư giãn); dịch vụ thu thập dữ liệu tại các điểm bán hàng bằng máy tính cho các nhà bán lẻ; tất cả các dịch vụ trên được cung cấp trực tuyến từ cơ sở dữ liệu máy tính toàn cầu hay qua mạng thông tin liên lạc toàn cầu hay bằng các phương tiện viễn thông; cố vấn, thông tin và tư vấn liên quan đến các dịch vụ trên; tất cả đều là các dịch vụ trong nhóm này.

---

(111) **4-0166487**
(210) 4-2010-03337
(181) 23.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

JUNIPER

(151) 27.06.2011
(220) 23.02.2010

(731) JUNIPER NETWORKS, INC. (US)
1194 North Mathilda Avenue, Sunnyvale, California 94089, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 09: Các thiết bị và dụng cụ khoa học, hàng hải, trắc địa, nhiếp ảnh, điện ảnh quang học, cân, đo, báo hiệu, kiểm tra (giám sát); các thiết bị và dụng cụ dẫn điện, đóng ngắt điện, biến đổi điện, tích điện, điều chỉnh hoặc điều khiển điện; thiết bị ghi, truyền hoặc tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh; vật mang dữ kiện từ tính, đĩa ghi; thiết bị và máy vi tính xử lý dữ liệu; phần cứng và phần mềm máy vi tính được sử dụng độc lập hoặc kết hợp với nhau để kết nối, thiết lập, quản lý, bảo mật, giám sát, xử lý sự cố, điều khiển, vận hành và truy cập mạng cục bộ, mạng diện rộng và mạng toàn cầu và cấu trúc mạng; phần cứng và phần mềm máy vi tính được sử dụng độc lập hoặc kết hợp với nhau để định tuyến, chuyển đổi, truyền, xử lý, lọc, phân tích, bảo mật và lưu trữ dữ liệu, lưu hình ảnh hoặc thư thoại, gói tin, hoặc các hình thức thông tin liên lạc khác; phần cứng và phần mềm máy vi tính được sử dụng độc lập hoặc kết hợp nhau nhằm cung cấp chức năng bảo

mật cho các mạng lưới hoặc thiết bị điện tử hoặc các thiết bị định tuyến trong mạng máy tính, như cung cấp các bức tường lửa lọc gói, điều khiển truy cập, mạng riêng ảo, tính tương hợp với các giao thức định tuyến bảo mật và bảo vệ chống sự xâm nhập vào mạng máy tính và nhiễm các loại virut; phần cứng và phần mềm máy vi tính được sử dụng độc lập hoặc kết hợp với nhau để sử dụng trong hoặc cùng với mạng điện tử; các công cụ hướng dẫn có thể tải xuống sử dụng trong mạng điện tử, thông tin viễn thông, an ninh mạng, thiết lập, quản lý, và vận hành mạng cục bộ và mạng diện rộng; phần mềm máy tính cụ thể là phần mềm hệ điều hành, phần mềm hệ điều hành mà phần mềm máy chủ có thể ứng dụng, hỗ trợ và tương tác với các máy tính khác và các thiết bị ngoại vi thông qua hệ thống mạng doanh nghiệp; phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu; phần mềm dùng để truy cập, trình duyệt và tìm kiếm cơ sở dữ liệu; các chương trình máy tính dùng để truy cập, tìm kiếm, trình duyệt, chuyển và truyền thông tin, phân phối và theo dõi các chương trình máy tính; chương trình máy tính dùng để truy cập và theo dõi các hệ thống và cấu trúc mạng; phần mềm lập trình và phần mềm tùy biến ứng dụng cho các thiết bị di động, vô tuyến và các thiết bị video khác; phần cứng và phần mềm máy vi tính được sử dụng độc lập hoặc kết hợp dùng để quản lý mạng.

Nhóm 37: Dịch vụ sửa chữa; dịch vụ lắp đặt; dịch vụ lắp đặt, bảo trì và sửa chữa trong các lĩnh vực máy tính, liên lạc viễn thông, mạng điện tử, giao thông liên lạc, và an ninh mạng.

Nhóm 41: Giáo dục; đào tạo; cung cấp các dịch vụ giáo dục và đào tạo thông qua kết nối, thiết lập, quản lý, bảo mật, giám sát, xử lý sự cố, vận hành và truy cập vào phần cứng và phần mềm máy vi tính, các thiết bị ngoại vi, hệ điều hành, cơ sở dữ liệu, mạng cục bộ, mạng diện rộng và mạng toàn cầu, cấu trúc mạng, trình duyệt web và các thiết bị điện tử; cung cấp các khóa đào tạo và hướng dẫn trực tuyến về lĩnh vực phần cứng và phần mềm máy vi tính, các thiết bị ngoại vi, hệ điều hành, cơ sở dữ liệu, mạng cục bộ, mạng diện rộng và mạng toàn cầu, cấu trúc mạng, trình duyệt web và thiết bị điện tử; xuất bản các loại sách hướng dẫn liên quan đến các lĩnh vực phần cứng và phần mềm máy vi tính, các thiết bị ngoại vi, hệ điều hành, cơ sở dữ liệu, mạng cục bộ, mạng diện rộng và mạng toàn cầu, cấu trúc mạng, trình duyệt web và các thiết bị điện tử.

Nhóm 42: Các dịch vụ khoa học và công nghệ và nghiên cứu, thiết kế có liên quan đến chúng; các dịch vụ nghiên cứu và phân tích công nghiệp; thiết kế và phát triển phần cứng và phần mềm máy vi tính; lập trình máy tính; cung cấp dịch vụ tư vấn về phát triển hệ thống máy tính, mạng máy tính, an ninh mạng, cơ sở dữ liệu và các ứng dụng, phần mềm máy tính và phần mềm nhúng cụ thể là các chương trình phần mềm phát triển ứng dụng; vận hành, thiết kế và phát triển các phần mềm ứng dụng cụ thể là phần mềm cải thiện hiệu quả mạng máy tính; dịch vụ hỗ trợ máy tính liên quan tới phần mềm và phần cứng dùng để kết nối, quản lý, bảo mật, điều khiển, vận hành và truy cập mạng cục bộ và mạng diện rộng, máy tính và hệ thống điện thoại; dịch vụ thiết kế, thử nghiệm, ứng dụng, nghiên cứu và tư vấn liên quan đến máy tính, thông tin viễn thông, hệ thống điện thoại, mạng máy tính, phần mềm máy tính, phần cứng máy tính, chương trình máy tính và an ninh mạng.

(111) **4-0166488**
(210) 4-2009-06529
(181) 08.04.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 27.06.2011
(220) 08.04.2009

(531) 26.4.2; A26.11.12; 26.2.7
(731) SD-3C, LLC (US)
1209 Orange Street, Wilmington, New Castle County, Delaware 19801, USA
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 09: Phương tiện lưu trữ dữ liệu, cụ thể là: thẻ nhớ mạch tích hợp; mạch tích hợp; chất bán dẫn; đầu đọc và đầu ghi thẻ nhớ mạch tích hợp điện tử; máy tính cá nhân; máy ghi âm, cụ thể là: máy ghi âm kỹ thuật số, máy ghi nhạc MP3, máy ghi âm có đầu ghi chứa chất silic; máy nghe nhạc cụ thể là máy nghe nhạc kỹ thuật số, máy nghe nhạc MP3, máy nghe và ghi nhạc có đầu ghi chứa chất silic, máy ghi hình cụ thể là: máy ghi hình kỹ thuật số, máy quay phim vi-đê- ô kỹ thuật số, máy quay video xách tay kỹ thuật số có kèm theo bộ phận ghi hình, máy ảnh kỹ thuật số có tính năng chống rung, máy xem ảnh kỹ thuật số, máy ảnh kỹ thuật số, máy quay phim video, máy ghi âm DVD, máy quay đĩa DVD máy ghi âm cụ thể là: máy ghi giọng nói kỹ thuật số, máy ghi âm kỹ thuật số có sử dụng thẻ nhớ tích hợp, máy chơi trò chơi trên máy vi tính và có thể nghe nhạc, cụ thể là: thiết bị chơi trò chơi trên máy tính có thẻ nhớ mạch tích hợp; máy in nối liền với máy tính, máy in dạng bánh xe cánh hoa nối liền với máy vi tính, máy in kim nối liền với máy tính, máy in la-de nối liền với máy tính, máy in màu nối liền với máy tính, máy in hình ảnh nối liền với máy tính, máy in kim phun mực nối liền với máy tính, máy in phun dùng cho máy vi tính; điện thoại di động; ti vi, hệ thống định vị toàn cầu qua vệ tinh nhân tạo (GPS); thẻ nhớ mạch tích hợp; thiết bị giao diện dùng cho máy tính, cụ thể là: đầu ghi và đầu đọc bộ nhớ dữ liệu di động (USB), đầu ghi và đầu đọc dùng thẻ nhớ của máy tính cá nhân, đầu ghi và đầu đọc dùng thẻ nhớ, đầu ghi và đầu đọc dùng thẻ nhớ của bộ điều giải máy tính, đầu ghi và đầu đọc dùng thẻ kết nối, đầu ghi và đầu đọc dùng thẻ của hệ thống mạng máy tính và dùng thẻ sử dụng cho các kênh truyền hình; máy chiếu phim và máy chiếu dữ liệu chạy điện cụ thể là: máy chiếu có màn hình tinh thể lỏng, máy chiếu phim ảnh, máy chiếu ảnh kỹ thuật số, máy chiếu hình đa phương tiện, máy nghe nhạc xách tay, máy tính trợ giúp cá nhân kỹ thuật số; thẻ nhớ của bộ điều hợp thẻ nhớ mạch tích hợp được ghi sẵn các chương trình âm nhạc, tin tức trên tạp chí, quảng cáo, vật liệu quảng cáo, sách học, sách, từ điển, sách giáo khoa và ảnh, chương trình máy tính được ghi sẵn các chương trình ca nhạc và quảng cáo dưới dạng tiếng; chương trình máy tính được ghi sẵn các chương trình âm nhạc, quảng cáo, vật liệu quảng cáo, sách học, sách, từ điển và sách giáo khoa dưới dạng hình; chương trình máy tính được ghi sẵn các chương trình âm nhạc và phim hoạt hình dưới dạng cả tiếng và hình.

(111) **4-0166489**
(210) 4-2010-00219
(181) 06.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 27.06.2011
(220) 06.01.2010

(731) AXUS STATIONERY (SHANGHAI) CO., LTD. (CN)
No. 111, Xue Zi Road (S), Qing Pu, Shanghai 201712, P.R. China
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 16: Bút chì; dụng cụ để viết; vật dụng để viết; hộp bút; bút máy; chổi sơn; vật liệu dùng để vẽ; cái gọt bút chì chạy điện hoặc không chạy điện; dụng cụ để vẽ; cái tẩy bằng cao su.

---

(111) **4-0166490**
(210) 4-2010-00331
(181) 07.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

THUÝ LAN

(151) 27.06.2011
(220) 07.01.2010

(731) LÊ THỊ MỸ DUNG (VN)
Số 346, ấp Hòa Phú, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

(511) Nhóm 30: Bánh phồng sữa.

---

(111) **4-0166491**
(210) 4-2010-03370
(181) 24.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

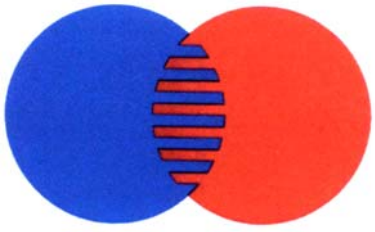

(151) 27.06.2011
(220) 24.02.2010

(531) 26.1.4; 26.11.3; 26.1.1
(591) Xanh nước biển, đỏ
(731) MASTERCARD INTERNATIONAL INCORPORATED (US)
2000 Purchase Street, Purchase, New York 10577-2405, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Vật mang dữ liệu từ tính, đĩa ghi; máy bán hàng tự động và cơ cấu dùng cho thiết bị vận hành khi bỏ xu vào đó; máy đếm tiền; thiết bị xử lý dữ liệu; máy vi tính; máy kế toán; thiết bị dùng để đăng ký, truyền, tái tạo dữ liệu bao gồm cả âm thanh và hình ảnh; ổ trụ ghi từ tính; thiết bị dùng để theo dõi, quản lý và phân tích tài khoản tài chính qua mạng máy tính toàn cầu; phần cứng máy tính, phần mềm máy tính và chương trình máy tính có thể tải xuống được, cụ thể dùng để phát triển, duy trì và sử dụng mạng máy tính cục bộ và diện rộng, dùng để thực hiện dễ dàng các giao dịch thanh toán bằng các

phương tiện điện tử và để lưu trữ và truy xuất dữ liệu an toàn và truyền các thông tin bí mật của khách hàng được sử dụng bởi các cá nhân, tổ chức ngân hàng và tài chính; hệ thống dùng để đọc thẻ nhớ và hệ thống đọc dữ liệu trong bộ nhớ bao gồm bộ nhớ mạch tích hợp và bộ nhớ thẻ ngân hàng; ấn phẩm điện tử có thể tải xuống được; thiết bị in bao gồm thiết bị in dùng cho các hệ thống xử lý dữ liệu và các hệ thống giao dịch tài chính; máy chi tiền mặt dùng cho các cơ sở ngân hàng; bộ mã hoá và giải mã; môđem; phần cứng máy tính và phần mềm mã hoá có thể tải xuống được, khoá mã hoá, chứng chỉ số, chữ ký số; thẻ mã hoá từ tính và thẻ có con chíp mạch tích hợp (thẻ thông minh); thẻ tín dụng chi tiêu (charge card), thẻ ngân hàng, thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ, thẻ chíp (thẻ nhớ), thẻ lưu trữ giá trị (điện tử), thẻ mang dữ liệu điện tử, thẻ thanh toán và thẻ thanh toán tất cả đều được mã hoá; thẻ ngân hàng bao gồm thẻ ngân hàng sử dụng bộ nhớ từ tính và bộ nhớ mạch tích hợp; bộ đọc thẻ; bộ đọc thẻ có mã hoá từ tính, thẻ mang dữ liệu điện tử, bộ đọc thẻ có mã hoá từ tính, bộ đọc thẻ mang dữ liệu điện tử, bộ giải mã điện tử, thiết bị máy tính đầu cuối; phần mềm máy tính có thể tải xuống được dùng cho các dịch vụ tài chính, ngành ngân hàng và viễn thông và được thiết kế để cho phép thẻ thông minh tương tác với các thiết bị đầu cuối và bộ đọc; con chíp máy tính được gắn sẵn trong điện thoại và các thiết bị thông tin liên lạc khác cũng như để truyền, hiển thị và lưu trữ thông tin giao dịch, thông tin nhận dạng và thông tin tài chính để sử dụng trong các dịch vụ tài chính, ngành ngân hàng và viễn thông, thiết bị nhận dạng tần số sóng (hệ thống nhận và phát tín hiệu); thiết bị viễn thông; thiết bị đầu cuối giao dịch tại điểm bán hàng thanh toán điện tử; và thiết bị thẩm định điện tử dùng để thẩm định tính xác thực cho thẻ tín dụng chi tiêu (charge card), thẻ ngân hàng, thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ và thẻ thanh toán; thiết bị dùng để đọc thẻ; máy phát tiền mặt; máy bán hàng tự động; thiết bị ngoại vi cho máy vi tính và thiết bị điện tử, cụ thể là máy tính, máy lập kế hoạch bỏ túi, máy hỗ trợ cá nhân kỹ thuật số (pdas), thiết bị báo động.

Nhóm 16: Giấy, và bìa; ấn phẩm; vật liệu đóng gáy sách; ảnh chụp; văn phòng phẩm; chất dính dùng cho mục đích văn phòng phẩm hay gia đình; chổi sơn (bút lông vẽ); máy đánh chữ và đồ dùng văn phòng (không phải là đồ gỗ); vật liệu hướng dẫn và giảng dạy (không phải là máy móc); vật liệu làm bằng chất dẻo dùng để bao gói (không được xếp vào các nhóm khác); chữ in; khuôn chữ để in; ấn phẩm đã in sẵn, sách mỏng, sách nhỏ giới thiệu, báo, nhật báo và tạp chí, sách hướng dẫn, ấn phẩm có liên quan đến ngân hàng; thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ (không được mã hoá).

Nhóm 35: Quảng cáo; quản lý kinh doanh; quản trị kinh doanh; hỗ trợ thương mại, công nghiệp và kinh doanh; đánh giá kinh doanh; dịch vụ cố vấn cho quản lý kinh doanh; nghiên cứu thị trường; tìm hiểu về marketing; thông tin thống kê (kinh doanh); chuẩn bị báo cáo tài chính; kế toán; nghiên cứu kinh doanh; quan hệ công chúng; xuất bản những bài quảng cáo; phát hành tờ rơi quảng cáo; dịch vụ bán lẻ được cung cấp thông qua các phương tiện viễn thông di động; dịch vụ bán lẻ được cung cấp trực tuyến, qua mạng hay các phương tiện điện tử khác sử dụng thông tin được số hoá điện tử; quản lý cơ sở dữ liệu máy tính; xúc tiến bán sản phẩm và dịch vụ của người khác bằng việc đưa ra chiết khấu và khuyến khích dưới hình thức là các giá trị gia tăng cho những người dùng thẻ thanh toán để thanh toán cho việc mua sản phẩm và dịch vụ đó; dịch vụ cố vấn và tư vấn liên quan đến các dịch vụ trên.

Nhóm 36: Dịch vụ bảo hiểm du lịch; nghiệp vụ tài chính; nghiệp vụ tiền tệ; dịch vụ tài chính, cụ thể là, dịch vụ ngân hàng và tín dụng; cung cấp dịch vụ thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng chi tiêu (charge card) và dịch vụ thẻ trả trước lưu trữ giá trị (điện tử);

dịch vụ thanh toán, tín dụng, ghi nợ, tín dụng chi tiêu, chi tiền mặt và truy cập tài khoản tiền gửi qua thẻ lưu trữ giá trị (điện tử); dịch vụ thanh toán hoá đơn; dịch vụ thanh toán tiền mặt cho séc; dịch vụ máy chi tiền mặt; xử lý giao dịch tài chính trực tuyến thông qua cả cơ sở dữ liệu máy tính và viễn thông và tại điểm bán hàng thanh toán điện tử; dịch vụ xử lý các giao dịch tài chính thực hiện bởi người sử dụng thẻ qua máy chi tiền mặt; cung cấp bản kê chi tiết tài khoản, tài khoản tiền gửi và rút tiền cho người sử dụng thẻ qua máy rút tiền tự động; dịch vụ thanh toán và cấp quyền; dịch vụ xác thực người trả tiền và cấp quyền (cho phép) cho người trả tiền; thẩm định thông tin tài chính; mã hoá dữ liệu và giải mã thông tin tài chính; bảo trì hồ sơ tài chính; dịch vụ trao đổi tiền tệ; phổ biến thông tin tài chính qua mạng internet và các mạng máy tính khác; dịch vụ thanh toán từ xa; dịch vụ ví tiền điện tử dùng thẻ lưu trữ giá trị; cung cấp dịch vụ quỹ điện tử và chuyển tiền, dịch vụ thanh toán điện tử, dịch vụ thẻ gọi điện thoại trả trước, dịch vụ chi tiền mặt, và dịch vụ cấp phép giao dịch; cung cấp dịch vụ ghi nợ và tín dụng bằng các phương tiện là các thiết bị nhận dạng tần số sóng (thiết bị thu và phát tín hiệu); cung cấp dịch vụ ghi nợ và tín dụng bằng các phương tiện là các thiết bị thông tin liên lạc và viễn thông; dịch vụ thẩm định séc; dịch vụ phát hành và mua lại liên quan đến séc du lịch và phiếu đã trả tiền của người du lịch; cung cấp dịch vụ tài chính để hỗ trợ các dịch vụ bán lẻ được cung cấp qua các phương tiện viễn thông di động, bao gồm các dịch vụ thanh toán qua thiết bị không dây; cung cấp dịch vụ tài chính để hỗ trợ dịch vụ bán lẻ được cung cấp trực tuyến, qua mạng hay các phương tiện điện tử khác sử dụng thông tin được số hoá điện tử; dịch vụ trao đổi giá trị, cụ thể là, trao đổi giá trị an toàn, bao gồm tiền mặt điện tử, qua mạng máy tính có thể truy cập bằng phương tiện là thẻ thông minh; dịch vụ thanh toán hoá đơn được cung cấp qua trang web; dịch vụ ngân hàng trực tuyến; dịch vụ tài chính được cung cấp qua điện thoại và bằng phương tiện là mạng máy tính toàn cầu hay mạng internet; cung cấp dịch vụ tài chính bằng phương tiện là mạng máy tính toàn cầu hay mạng internet; dịch vụ bảo hiểm bất động sản; bảo hiểm cho chủ sở hữu bất động sản; dịch vụ bảo hiểm liên quan đến tài sản; đầu tư tài chính bất động sản; môi giới bất động sản; định giá bất động sản; dịch vụ đại lý bất động sản; đánh giá bất động sản; quản trị bất động sản; quản trị nghiệp vụ tài chính liên quan đến bất động sản; cung cấp các khoản vay bất động sản; dịch vụ đầu tư tài chính liên quan đến phát triển bất động sản; dịch vụ môi giới tài chính cho bất động sản; dịch vụ tài chính liên quan đến tài sản bất động sản và các toà nhà; dịch vụ tài chính để mua bất động sản; thu xếp các thoả ước cho vay có đảm bảo bằng bất động sản; thu xếp cho sở hữu chung bất động sản; thu xếp cung cấp tài chính cho việc mua bất động sản; hỗ trợ mua (giành được) và hỗ trợ lãi suất cho bất động sản; đầu tư vốn vào bất động sản; dịch vụ đầu tư tài sản thương mại; dịch vụ tài chính liên quan đến việc mua (giành được) tài sản; dịch vụ tài chính liên quan đến việc bán tài sản; đánh giá tài chính cho tài sản mà chủ sở hữu có toàn quyền sử dụng; đánh giá tài chính cho tài sản cho thuê theo hợp đồng; thu xếp cho thuê bất động sản; thu xếp hợp đồng cho thuê bất động sản; cho thuê bất động sản; cho thuê tài sản bất động sản; cho thuê tài sản mà chủ sở hữu có toàn quyền sử dụng; dịch vụ quản lý bất động sản liên quan đến những giao dịch về tài sản thực tế; đánh giá giá trị tài sản; quản lý danh sách tài sản; quản lý tài sản; dịch vụ cố vấn liên quan đến sở hữu bất động sản; dịch vụ cố vấn liên quan đến việc đánh giá giá trị bất động sản; dịch vụ cố vấn bất động sản tập thể, dịch vụ thông tin được máy tính hoá liên quan đến bất động sản; dịch vụ tư vấn liên quan đến bất động sản; cung cấp thông tin liên quan đến tài sản bất động sản; cung cấp thông tin liên quan đến thị trường tài sản; dịch vụ nghiên cứu liên quan đến việc mua (giành được) bất động sản; dịch vụ nghiên cứu liên quan đến các cuộc đấu giá bất động sản.

Nhóm 38: Dịch vụ thông tin liên lạc dữ liệu bằng mạng máy tính; truyền dữ liệu điện qua mạng xử lý dữ liệu từ xa toàn cầu, bao gồm cả mạng internet; dịch vụ truyền, cung cấp hay hiển thị thông tin từ một ngân hàng dữ liệu lưu trữ trên máy vi tính hay qua mạng internet; truyền dữ liệu thông qua việc sử dụng cách xử lý hình ảnh điện tử bằng đường kết nối điện thoại; dịch vụ viễn thông, cụ thể là, xử lý giao dịch tín dụng và ghi nợ bằng kết nối điện thoại và viễn thông; dịch vụ thư điện tử, gửi và nhận tin nhắn điện tử; dịch vụ phát thanh (truyền hình); cung cấp truy cập cho nhiều người sử dụng tới một mạng thông tin máy tính hoá an toàn để chuyển và phổ biến một loạt thông tin trong lĩnh vực dịch vụ ngân hàng; cho thuê thời gian truy cập tới một cơ sở dữ liệu máy tính.

Nhóm 39: Vận tải; chuẩn bị chuyến du ngoạn trên biển; cho thuê xe ô tô; cho thuê chỗ đỗ xe; giao hàng; lưu trữ hàng hoá; vận chuyển hàng hoá; bọc và đóng gói hàng hoá; chuyển bưu kiện; phân phối bưu kiện; đóng gói và lưu trữ hàng hoá; dịch vụ di dời; dịch vụ văn phòng du lịch; tổ chức các chuyến đi; dịch vụ đại lý để đặt trước chỗ ở; dịch vụ thư du lịch; dịch vụ hướng dẫn du lịch; đặt trước du lịch; dẫn đường (đi kèm hộ tống) cho khách du lịch; vận chuyển khách du lịch; tổ chức du lịch.

Nhóm 42: Dịch vụ khoa học và công nghệ và nghiên cứu và thiết kế liên quan đến khoa học và công nghệ, cụ thể là, thiết kế và phát triển phần cứng và phần mềm máy tính; dịch vụ tư vấn kỹ thuật về phần cứng và phần mềm máy tính; lập trình máy vi tính; dịch vụ hỗ trợ và tư vấn kỹ thuật cho việc quản lý các hệ thống, cơ sở dữ liệu và ứng dụng máy tính; thiết kế đồ hoạ dùng để biên soạn trang web trên mạng internet; thông tin liên quan đến phần cứng và phần mềm máy tính được cung cấp trực tuyến từ một mạng máy tính toàn cầu hay mạng internet; tạo và duy trì các trang web; cho thuê chỗ đặt máy chủ cho trang web của người khác (hosting); tạo các trang web; thiết kế, tạo và cho thuê chỗ đặt máy chủ cho các trang web thương mại; thiết kế, tạo và cho thuê chỗ đặt máy chủ cho các trang web thanh toán hoá đơn; dịch vụ liên quan đến máy tính và mạng internet bao gồm cả việc cung cấp cơ sở dữ liệu điện tử trực tuyến qua một mạng máy tính toàn cầu trong lĩnh vực xác thực và thẩm định nhận dạng; dịch vụ tư vấn kỹ thuật trong lĩnh vực lập trình máy vi tính, mạng máy tính tài chính, xử lý dữ liệu, thông tin liên lạc an toàn, mã hoá và giải mã dữ liệu và bảo mật mạng cục bộ; phổ biến thông tin trên mạng máy tính toàn cầu trong lĩnh vực phần mềm máy tính, phần cứng máy tính, mạng máy tính tài chính và mạng cục bộ.

---

(111) **4-0166492**
(210) 4-2010-03371
(181) 24.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

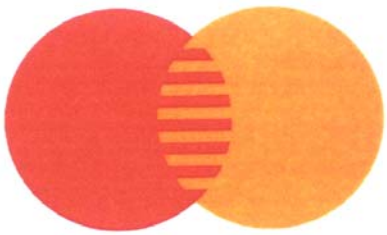

(151) 27.06.2011
(220) 24.02.2010

(531) 26.1.4; 26.1.1; 26.11.3
(591) Đỏ, vàng
(731) MASTERCARD INTERNATIONAL INCORPORATED (US)
2000 Purchase Street, Purchase, New York 10577-2405, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Vật mang dữ liệu từ tính, đĩa ghi; máy bán hàng tự động và cơ cấu dùng cho thiết bị vận hành khi bỏ xu vào đó; máy đếm tiền; thiết bị xử lý dữ liệu; máy vi tính; máy kế toán; thiết bị dùng để đăng ký, truyền, tái tạo dữ liệu bao gồm cả âm thanh và hình ảnh; ổ trụ ghi từ tính; thiết bị dùng để theo dõi, quản lý và phân tích tài khoản tài chính qua mạng máy tính toàn cầu; phần cứng máy tính, phần mềm máy tính và chương trình máy tính có thể tải xuống được, cụ thể dùng để phát triển, duy trì và sử dụng mạng máy tính cục bộ và diện rộng, dùng để thực hiện dễ dàng các giao dịch thanh toán bằng các phương tiện điện tử và để lưu trữ và truy xuất dữ liệu an toàn và truyền các thông tin bí mật của khách hàng được sử dụng bởi các cá nhân, tổ chức ngân hàng và tài chính; hệ thống dùng để đọc thẻ nhớ và hệ thống đọc dữ liệu trong bộ nhớ bao gồm bộ nhớ mạch tích hợp và bộ nhớ thẻ ngân hàng; ấn phẩm điện tử có thể tải xuống được; thiết bị in bao gồm thiết bị in dùng cho các hệ thống xử lý dữ liệu và các hệ thống giao dịch tài chính; máy chi tiền mặt dùng cho các cơ sở ngân hàng; bộ mã hoá và giải mã; môđem; phần cứng máy tính và phần mềm mã hoá có thể tải xuống được, khoá mã hoá, chứng chỉ số, chữ ký số; thẻ mã hoá từ tính và thẻ có con chíp mạch tích hợp (thẻ thông minh); thẻ tín dụng chi tiêu (charge card), thẻ ngân hàng, thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ, thẻ chíp (thẻ nhớ), thẻ lưu trữ giá trị (điện tử), thẻ mang dữ liệu điện tử, thẻ thanh toán và thẻ thanh toán tất cả đều được mã hoá; thẻ ngân hàng bao gồm thẻ ngân hàng sử dụng bộ nhớ từ tính và bộ nhớ mạch tích hợp; bộ đọc thẻ; bộ đọc thẻ có mã hoá từ tính, thẻ mang dữ liệu điện tử, bộ đọc thẻ có mã hoá từ tính, bộ đọc thẻ mang dữ liệu điện tử, bộ giải mã điện tử, thiết bị máy tính đầu cuối; phần mềm máy tính có thể tải xuống được dùng cho các dịch vụ tài chính, ngành ngân hàng và viễn thông và được thiết kế để cho phép thẻ thông minh tương tác với các thiết bị đầu cuối và bộ đọc; con chíp máy tính được gắn sẵn trong điện thoại và các thiết bị thông tin liên lạc khác cũng như để truyền, hiển thị và lưu trữ thông tin giao dịch, thông tin nhận dạng và thông tin tài chính để sử dụng trong các dịch vụ tài chính, ngành ngân hàng và viễn thông, thiết bị nhận dạng tần số sóng (hệ thống nhận và phát tín hiệu); thiết bị viễn thông; thiết bị đầu cuối giao dịch tại điểm bán hàng thanh toán điện tử; và thiết bị thẩm định điện tử dùng để thẩm định tính xác thực cho thẻ tín dụng chi tiêu (charge card), thẻ ngân hàng, thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ và thẻ thanh toán; thiết bị dùng để đọc thẻ; máy phát tiền mặt; máy bán hàng tự động; thiết bị ngoại vi cho máy vi tính và thiết bị điện tử, cụ thể là máy tính, máy lập kế hoạch bỏ túi, máy hỗ trợ cá nhân kỹ thuật số (pdas), thiết bị báo động.

Nhóm 16: Giấy, và bìa; ấn phẩm; vật liệu đóng gáy sách; ảnh chụp; văn phòng phẩm; chất dính dùng cho mục đích văn phòng phẩm hay gia đình; chổi sơn (bút lông vẽ); máy đánh chữ và đồ dùng văn phòng (không phải là đồ gỗ); vật liệu hướng dẫn và giảng dạy (không phải là máy móc); vật liệu làm bằng chất dẻo dùng để bao gói (không được xếp vào các nhóm khác); chữ in; khuôn chữ để in; ấn phẩm đã in sẵn, sách mỏng, sách nhỏ giới thiệu, báo, nhật báo và tạp chí, sách hướng dẫn, ấn phẩm có liên quan đến ngân hàng; thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ (không được mã hoá).

Nhóm 35: Quảng cáo; quản lý kinh doanh; quản trị kinh doanh; hỗ trợ thương mại, công nghiệp và kinh doanh; đánh giá kinh doanh; dịch vụ cố vấn cho quản lý kinh doanh; nghiên cứu thị trường; tìm hiểu về marketing; thông tin thống kê (kinh doanh); chuẩn bị báo cáo tài chính; kế toán; nghiên cứu kinh doanh; quan hệ công chúng; xuất bản những bài quảng cáo; phát hành tờ rơi quảng cáo; dịch vụ bán lẻ được cung cấp thông qua các phương tiện viễn thông di động; dịch vụ bán lẻ được cung cấp trực tuyến, qua mạng hay các phương tiện điện tử khác sử dụng thông tin được số hoá điện tử; quản lý cơ sở dữ liệu máy tính; xúc tiến bán sản phẩm và dịch vụ của người khác bằng việc đưa ra chiết khấu

và khuyến khích dưới hình thức là các giá trị gia tăng cho những người dùng thẻ thanh toán để thanh toán cho việc mua sản phẩm và dịch vụ đó; dịch vụ cố vấn và tư vấn liên quan đến các dịch vụ trên.

Nhóm 36: Dịch vụ bảo hiểm du lịch; nghiệp vụ tài chính; nghiệp vụ tiền tệ; dịch vụ tài chính, cụ thể là, dịch vụ ngân hàng và tín dụng; cung cấp dịch vụ thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng chi tiêu (charge card) và dịch vụ thẻ trả trước lưu trữ giá trị (điện tử); dịch vụ thanh toán, tín dụng, ghi nợ, tín dụng chi tiêu, chi tiền mặt và truy cập tài khoản tiền gửi qua thẻ lưu trữ giá trị (điện tử); dịch vụ thanh toán hoá đơn; dịch vụ thanh toán tiền mặt cho séc; dịch vụ máy chi tiền mặt; xử lý giao dịch tài chính trực tuyến thông qua cả cơ sở dữ liệu máy tính và viễn thông và tại điểm bán hàng thanh toán điện tử; dịch vụ xử lý các giao dịch tài chính thực hiện bởi người sử dụng thẻ qua máy chi tiền mặt; cung cấp bản kê chi tiết tài khoản, tài khoản tiền gửi và rút tiền cho người sử dụng thẻ qua máy rút tiền tự động; dịch vụ thanh toán và cấp quyền; dịch vụ xác thực người trả tiền và cấp quyền (cho phép) cho người trả tiền; thẩm định thông tin tài chính; mã hoá dữ liệu và giải mã thông tin tài chính; bảo trì hồ sơ tài chính; dịch vụ trao đổi tiền tệ; phổ biến thông tin tài chính qua mạng internet và các mạng máy tính khác; dịch vụ thanh toán từ xa; dịch vụ ví tiền điện tử dùng thẻ lưu trữ giá trị; cung cấp dịch vụ quỹ điện tử và chuyển tiền, dịch vụ thanh toán điện tử, dịch vụ thẻ gọi điện thoại trả trước, dịch vụ chi tiền mặt, và dịch vụ cấp phép giao dịch; cung cấp dịch vụ ghi nợ và tín dụng bằng các phương tiện là các thiết bị nhận dạng tần số sóng (thiết bị thu và phát tín hiệu); cung cấp dịch vụ ghi nợ và tín dụng bằng các phương tiện là các thiết bị thông tin liên lạc và viễn thông; dịch vụ thẩm định séc; dịch vụ phát hành và mua lại liên quan đến séc du lịch và phiếu đã trả tiền của người du lịch; cung cấp dịch vụ tài chính để hỗ trợ các dịch vụ bán lẻ được cung cấp qua các phương tiện viễn thông di động, bao gồm các dịch vụ thanh toán qua thiết bị không dây; cung cấp dịch vụ tài chính để hỗ trợ dịch vụ bán lẻ được cung cấp trực tuyến, qua mạng hay các phương tiện điện tử khác sử dụng thông tin được số hoá điện tử; dịch vụ trao đổi giá trị, cụ thể là, trao đổi giá trị an toàn, bao gồm tiền mặt điện tử, qua mạng máy tính có thể truy cập bằng phương tiện là thẻ thông minh; dịch vụ thanh toán hoá đơn được cung cấp qua trang web; dịch vụ ngân hàng trực tuyến; dịch vụ tài chính được cung cấp qua điện thoại và bằng phương tiện là mạng máy tính toàn cầu hay mạng internet; cung cấp dịch vụ tài chính bằng phương tiện là mạng máy tính toàn cầu hay mạng internet; dịch vụ bảo hiểm bất động sản; bảo hiểm cho chủ sở hữu bất động sản; dịch vụ bảo hiểm liên quan đến tài sản; đầu tư tài chính bất động sản; môi giới bất động sản; định giá bất động sản; dịch vụ đại lý bất động sản; đánh giá bất động sản; quản trị bất động sản; quản trị nghiệp vụ tài chính liên quan đến bất động sản; cung cấp các khoản vay bất động sản; dịch vụ đầu tư tài chính liên quan đến phát triển bất động sản; dịch vụ môi giới tài chính cho bất động sản; dịch vụ tài chính liên quan đến tài sản bất động sản và các toà nhà; dịch vụ tài chính để mua bất động sản; thu xếp các thoả ước cho vay có đảm bảo bằng bất động sản; thu xếp cho sở hữu chung bất động sản; thu xếp cung cấp tài chính cho việc mua bất động sản; hỗ trợ mua (giành được) và hỗ trợ lãi suất cho bất động sản; đầu tư vốn vào bất động sản; dịch vụ đầu tư tài sản thương mại; dịch vụ tài chính liên quan đến việc mua (giành được) tài sản; dịch vụ tài chính liên quan đến việc bán tài sản; đánh giá tài chính cho tài sản mà chủ sở hữu có toàn quyền sử dụng; đánh giá tài chính cho tài sản cho thuê theo hợp đồng; thu xếp cho thuê bất động sản; thu xếp hợp đồng cho thuê bất động sản; cho thuê bất động sản; cho thuê tài sản bất động sản; cho thuê tài sản mà chủ sở hữu có toàn quyền sử dụng; dịch vụ quản lý bất động sản liên quan đến những giao dịch về tài sản thực tế; đánh giá giá trị tài sản; quản lý danh sách tài sản; quản lý tài sản; dịch vụ cố vấn liên quan đến sở hữu bất

động sản; dịch vụ cố vấn liên quan đến việc đánh giá giá trị bất động sản; dịch vụ cố vấn bất động sản tập thể, dịch vụ thông tin được máy tính hoá liên quan đến bất động sản; dịch vụ tư vấn liên quan đến bất động sản; cung cấp thông tin liên quan đến tài sản bất động sản; cung cấp thông tin liên quan đến thị trường tài sản; dịch vụ nghiên cứu liên quan đến việc mua (giành được) bất động sản; dịch vụ nghiên cứu liên quan đến các cuộc đấu giá bất động sản.

Nhóm 38: Dịch vụ thông tin liên lạc dữ liệu bằng mạng máy tính; truyền dữ liệu điện qua mạng xử lý dữ liệu từ xa toàn cầu, bao gồm cả mạng internet; dịch vụ truyền, cung cấp hay hiển thị thông tin từ một ngân hàng dữ liệu lưu trữ trên máy vi tính hay qua mạng internet; truyền dữ liệu thông qua việc sử dụng cách xử lý hình ảnh điện tử bằng đường kết nối điện thoại; dịch vụ viễn thông, cụ thể là, xử lý giao dịch tín dụng và ghi nợ bằng kết nối điện thoại và viễn thông; dịch vụ thư điện tử, gửi và nhận tin nhắn điện tử; dịch vụ phát thanh (truyền hình); cung cấp truy cập cho nhiều người sử dụng tới một mạng thông tin máy tính hoá an toàn để chuyển và phổ biến một loạt thông tin trong lĩnh vực dịch vụ ngân hàng; cho thuê thời gian truy cập tới một cơ sở dữ liệu máy tính.

Nhóm 39: Vận tải; chuẩn bị chuyến du ngoạn trên biển; cho thuê xe ô tô; cho thuê chỗ đỗ xe; giao hàng; lưu trữ hàng hoá; vận chuyển hàng hoá; bọc và đóng gói hàng hoá; chuyển bưu kiện; phân phối bưu kiện; đóng gói và lưu trữ hàng hoá; dịch vụ di dời; dịch vụ văn phòng du lịch; tổ chức các chuyến đi; dịch vụ đại lý để đặt trước chỗ ở; dịch vụ thư du lịch; dịch vụ hướng dẫn du lịch; đặt trước du lịch; dẫn đường (đi kèm hộ tống) cho khách du lịch; vận chuyển khách du lịch; tổ chức du lịch.

Nhóm 42: Dịch vụ khoa học và công nghệ và nghiên cứu và thiết kế liên quan đến khoa học và công nghệ, cụ thể là, thiết kế và phát triển phần cứng và phần mềm máy tính; dịch vụ tư vấn kỹ thuật về phần cứng và phần mềm máy tính; lập trình máy vi tính; dịch vụ hỗ trợ và tư vấn kỹ thuật cho việc quản lý các hệ thống, cơ sở dữ liệu và ứng dụng máy tính; thiết kế đồ hoạ dùng để biên soạn trang web trên mạng internet; thông tin liên quan đến phần cứng và phần mềm máy tính được cung cấp trực tuyến từ một mạng máy tính toàn cầu hay mạng internet; tạo và duy trì các trang web; cho thuê chỗ đặt máy chủ cho trang web của người khác (hosting); tạo các trang web; thiết kế, tạo và cho thuê chỗ đặt máy chủ cho các trang web thương mại; thiết kế, tạo và cho thuê chỗ đặt máy chủ cho các trang web thanh toán hoá đơn; dịch vụ liên quan đến máy tính và mạng internet bao gồm cả việc cung cấp cơ sở dữ liệu điện tử trực tuyến qua một mạng máy tính toàn cầu trong lĩnh vực xác thực và thẩm định nhận dạng; dịch vụ tư vấn kỹ thuật trong lĩnh vực lập trình máy vi tính, mạng máy tính tài chính, xử lý dữ liệu, thông tin liên lạc an toàn, mã hoá và giải mã dữ liệu và bảo mật mạng cục bộ; phổ biến thông tin trên mạng máy tính toàn cầu trong lĩnh vực phần mềm máy tính, phần cứng máy tính, mạng máy tính tài chính và mạng cục bộ.

(111) **4-0166493**
(210) 4-2010-03372
(181) 24.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

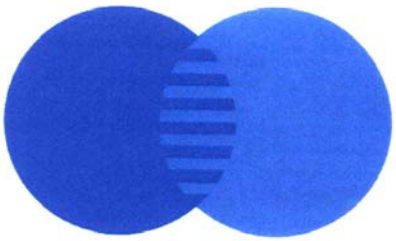

(151) 27.06.2011
(220) 24.02.2010

(531) 26.1.1; 26.1.4; 26.11.3
(591) Xanh nước biển
(731) MASTERCARD INTERNATIONAL INCORPORATED (US)
2000 Purchase Street, Purchase, New York 10577-2405, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Vật mang dữ liệu từ tính, đĩa ghi; máy bán hàng tự động và cơ cấu dùng cho thiết bị vận hành khi bỏ xu vào đó; máy đếm tiền; thiết bị xử lý dữ liệu; máy vi tính; máy kế toán; thiết bị dùng để đăng ký, truyền, tái tạo dữ liệu bao gồm cả âm thanh và hình ảnh; ổ trụ ghi từ tính; thiết bị dùng để theo dõi, quản lý và phân tích tài khoản tài chính qua mạng máy tính toàn cầu; phần cứng máy tính, phần mềm máy tính và chương trình máy tính có thể tải xuống được, cụ thể dùng để phát triển, duy trì và sử dụng mạng máy tính cục bộ và diện rộng, dùng để thực hiện dễ dàng các giao dịch thanh toán bằng các phương tiện điện tử và để lưu trữ và truy xuất dữ liệu an toàn và truyền các thông tin bí mật của khách hàng được sử dụng bởi các cá nhân, tổ chức ngân hàng và tài chính; hệ thống dùng để đọc thẻ nhớ và hệ thống đọc dữ liệu trong bộ nhớ bao gồm bộ nhớ mạch tích hợp và bộ nhớ thẻ ngân hàng; ấn phẩm điện tử có thể tải xuống được; thiết bị in bao gồm thiết bị in dùng cho các hệ thống xử lý dữ liệu và các hệ thống giao dịch tài chính; máy chi tiền mặt dùng cho các cơ sở ngân hàng; bộ mã hoá và giải mã; môđem; phần cứng máy tính và phần mềm mã hoá có thể tải xuống được, khoá mã hoá, chứng chỉ số, chữ ký số; thẻ mã hoá từ tính và thẻ có con chíp mạch tích hợp (thẻ thông minh); thẻ tín dụng chi tiêu (charge card), thẻ ngân hàng, thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ, thẻ chíp (thẻ nhớ), thẻ lưu trữ giá trị (điện tử), thẻ mang dữ liệu điện tử, thẻ thanh toán và thẻ thanh toán tất cả đều được mã hoá; thẻ ngân hàng bao gồm thẻ ngân hàng sử dụng bộ nhớ từ tính và bộ nhớ mạch tích hợp; bộ đọc thẻ; bộ đọc thẻ có mã hoá từ tính, thẻ mang dữ liệu điện tử, bộ đọc thẻ có mã hoá từ tính, bộ đọc thẻ mang dữ liệu điện tử, bộ giải mã điện tử, thiết bị máy tính đầu cuối; phần mềm máy tính có thể tải xuống được dùng cho các dịch vụ tài chính, ngành ngân hàng và viễn thông và được thiết kế để cho phép thẻ thông minh tương tác với các thiết bị đầu cuối và bộ đọc; con chíp máy tính được gắn sẵn trong điện thoại và các thiết bị thông tin liên lạc khác cũng như để truyền, hiển thị và lưu trữ thông tin giao dịch, thông tin nhận dạng và thông tin tài chính để sử dụng trong các dịch vụ tài chính, ngành ngân hàng và viễn thông, thiết bị nhận dạng tần số sóng (hệ thống nhận và phát tín hiệu); thiết bị viễn thông; thiết bị đầu cuối giao dịch tại điểm bán hàng thanh toán điện tử; và thiết bị thẩm định điện tử dùng để thẩm định tính xác thực cho thẻ tín dụng chi tiêu (charge card), thẻ ngân hàng, thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ và thẻ thanh toán; thiết bị dùng để đọc thẻ; máy phát tiền mặt; máy bán hàng tự động; thiết bị ngoại vi cho máy vi tính và thiết bị điện tử, cụ thể là máy tính, máy lập kế hoạch bỏ túi, máy hỗ trợ cá nhân kỹ thuật số (pdas), thiết bị báo động.

Nhóm 16: Giấy, và bìa; ấn phẩm; vật liệu đóng gáy sách; ảnh chụp; văn phòng phẩm; chất dính dùng cho mục đích văn phòng phẩm hay gia đình; chổi sơn (bút lông vẽ); máy đánh chữ và đồ dùng văn phòng (không phải là đồ gỗ); vật liệu hướng dẫn và giảng dạy

(không phải là máy móc); vật liệu làm bằng chất dẻo dùng để bao gói (không được xếp vào các nhóm khác); chữ in; khuôn chữ để in; ấn phẩm đã in sẵn, sách mỏng, sách nhỏ giới thiệu, báo, nhật báo và tạp chí, sách hướng dẫn, ấn phẩm có liên quan đến ngân hàng; thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ (không được mã hoá).

Nhóm 35: Quảng cáo; quản lý kinh doanh; quản trị kinh doanh; hỗ trợ thương mại, công nghiệp và kinh doanh; đánh giá kinh doanh; dịch vụ cố vấn cho quản lý kinh doanh; nghiên cứu thị trường; tìm hiểu về marketing; thông tin thống kê (kinh doanh); chuẩn bị báo cáo tài chính; kế toán; nghiên cứu kinh doanh; quan hệ công chúng; xuất bản những bài quảng cáo; phát hành tờ rơi quảng cáo; dịch vụ bán lẻ được cung cấp thông qua các phương tiện viễn thông di động; dịch vụ bán lẻ được cung cấp trực tuyến, qua mạng hay các phương tiện điện tử khác sử dụng thông tin được số hoá điện tử; quản lý cơ sở dữ liệu máy tính; xúc tiến bán sản phẩm và dịch vụ của người khác bằng việc đưa ra chiết khấu và khuyến khích dưới hình thức là các giá trị gia tăng cho những người dùng thẻ thanh toán để thanh toán cho việc mua sản phẩm và dịch vụ đó; dịch vụ cố vấn và tư vấn liên quan đến các dịch vụ trên.

Nhóm 36: Dịch vụ bảo hiểm du lịch; nghiệp vụ tài chính; nghiệp vụ tiền tệ; dịch vụ tài chính, cụ thể là, dịch vụ ngân hàng và tín dụng; cung cấp dịch vụ thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng chi tiêu (charge card) và dịch vụ thẻ trả trước lưu trữ giá trị (điện tử); dịch vụ thanh toán, tín dụng, ghi nợ, tín dụng chi tiêu, chi tiền mặt và truy cập tài khoản tiền gửi qua thẻ lưu trữ giá trị (điện tử); dịch vụ thanh toán hoá đơn; dịch vụ thanh toán tiền mặt cho séc; dịch vụ máy chi tiền mặt; xử lý giao dịch tài chính trực tuyến thông qua cả cơ sở dữ liệu máy tính và viễn thông và tại điểm bán hàng thanh toán điện tử; dịch vụ xử lý các giao dịch tài chính thực hiện bởi người sử dụng thẻ qua máy chi tiền mặt; cung cấp bản kê chi tiết tài khoản, tài khoản tiền gửi và rút tiền cho người sử dụng thẻ qua máy rút tiền tự động; dịch vụ thanh toán và cấp quyền; dịch vụ xác thực người trả tiền và cấp quyền (cho phép) cho người trả tiền; thẩm định thông tin tài chính; mã hoá dữ liệu và giải mã thông tin tài chính; bảo trì hồ sơ tài chính; dịch vụ trao đổi tiền tệ; phổ biến thông tin tài chính qua mạng internet và các mạng máy tính khác; dịch vụ thanh toán từ xa; dịch vụ ví tiền điện tử dùng thẻ lưu trữ giá trị; cung cấp dịch vụ quỹ điện tử và chuyển tiền, dịch vụ thanh toán điện tử, dịch vụ thẻ gọi điện thoại trả trước, dịch vụ chi tiền mặt, và dịch vụ cấp phép giao dịch; cung cấp dịch vụ ghi nợ và tín dụng bằng các phương tiện là các thiết bị nhận dạng tần số sóng (thiết bị thu và phát tín hiệu); cung cấp dịch vụ ghi nợ và tín dụng bằng các phương tiện là các thiết bị thông tin liên lạc và viễn thông; dịch vụ thẩm định séc; dịch vụ phát hành và mua lại liên quan đến séc du lịch và phiếu đã trả tiền của người du lịch; cung cấp dịch vụ tài chính để hỗ trợ các dịch vụ bán lẻ được cung cấp qua các phương tiện viễn thông di động, bao gồm các dịch vụ thanh toán qua thiết bị không dây; cung cấp dịch vụ tài chính để hỗ trợ dịch vụ bán lẻ được cung cấp trực tuyến, qua mạng hay các phương tiện điện tử khác sử dụng thông tin được số hoá điện tử; dịch vụ trao đổi giá trị, cụ thể là, trao đổi giá trị an toàn, bao gồm tiền mặt điện tử, qua mạng máy tính có thể truy cập bằng phương tiện là thẻ thông minh; dịch vụ thanh toán hoá đơn được cung cấp qua trang web; dịch vụ ngân hàng trực tuyến; dịch vụ tài chính được cung cấp qua điện thoại và bằng phương tiện là mạng máy tính toàn cầu hay mạng internet; cung cấp dịch vụ tài chính bằng phương tiện là mạng máy tính toàn cầu hay mạng internet; dịch vụ bảo hiểm bất động sản; bảo hiểm cho chủ sở hữu bất động sản; dịch vụ bảo hiểm liên quan đến tài sản; đầu tư tài chính bất động sản; môi giới bất động sản; định giá bất động sản; dịch vụ đại lý bất động sản; đánh giá bất động sản; quản trị bất động sản; quản trị nghiệp vụ tài chính liên quan đến bất động sản;

cung cấp các khoản vay bất động sản; dịch vụ đầu tư tài chính liên quan đến phát triển bất động sản; dịch vụ môi giới tài chính cho bất động sản; dịch vụ tài chính liên quan đến tài sản bất động sản và các toà nhà; dịch vụ tài chính để mua bất động sản; thu xếp các thoả ước cho vay có đảm bảo bằng bất động sản; thu xếp cho sở hữu chung bất động sản; thu xếp cung cấp tài chính cho việc mua bất động sản; hỗ trợ mua (giành được) và hỗ trợ lãi suất cho bất động sản; đầu tư vốn vào bất động sản; dịch vụ đầu tư tài sản thương mại; dịch vụ tài chính liên quan đến việc mua (giành được) tài sản; dịch vụ tài chính liên quan đến việc bán tài sản; đánh giá tài chính cho tài sản mà chủ sở hữu có toàn quyền sử dụng; đánh giá tài chính cho tài sản cho thuê theo hợp đồng; thu xếp cho thuê bất động sản; thu xếp hợp đồng cho thuê bất động sản; cho thuê bất động sản; cho thuê tài sản bất động sản; cho thuê tài sản mà chủ sở hữu có toàn quyền sử dụng; dịch vụ quản lý bất động sản liên quan đến những giao dịch về tài sản thực tế; đánh giá giá trị tài sản; quản lý danh sách tài sản; quản lý tài sản; dịch vụ cố vấn liên quan đến sở hữu bất động sản; dịch vụ cố vấn liên quan đến việc đánh giá giá trị bất động sản; dịch vụ cố vấn bất động sản tập thể, dịch vụ thông tin được máy tính hoá liên quan đến bất động sản; dịch vụ tư vấn liên quan đến bất động sản; cung cấp thông tin liên quan đến tài sản bất động sản; cung cấp thông tin liên quan đến thị trường tài sản; dịch vụ nghiên cứu liên quan đến việc mua (giành được) bất động sản; dịch vụ nghiên cứu liên quan đến các cuộc đấu giá bất động sản.

Nhóm 38: Dịch vụ thông tin liên lạc dữ liệu bằng mạng máy tính; truyền dữ liệu điện qua mạng xử lý dữ liệu từ xa toàn cầu, bao gồm cả mạng internet; dịch vụ truyền, cung cấp hay hiển thị thông tin từ một ngân hàng dữ liệu lưu trữ trên máy vi tính hay qua mạng internet; truyền dữ liệu thông qua việc sử dụng cách xử lý hình ảnh điện tử bằng đường kết nối điện thoại; dịch vụ viễn thông, cụ thể là, xử lý giao dịch tín dụng và ghi nợ bằng kết nối điện thoại và viễn thông; dịch vụ thư điện tử, gửi và nhận tin nhắn điện tử; dịch vụ phát thanh (truyền hình); cung cấp truy cập cho nhiều người sử dụng tới một mạng thông tin máy tính hoá an toàn để chuyển và phổ biến một loạt thông tin trong lĩnh vực dịch vụ ngân hàng; cho thuê thời gian truy cập tới một cơ sở dữ liệu máy tính.

Nhóm 39: Vận tải; chuẩn bị chuyến du ngoạn trên biển; cho thuê xe ô tô; cho thuê chỗ đỗ xe; giao hàng; lưu trữ hàng hoá; vận chuyển hàng hoá; bọc và đóng gói hàng hoá; chuyển bưu kiện; phân phối bưu kiện; đóng gói và lưu trữ hàng hoá; dịch vụ di dời; dịch vụ văn phòng du lịch; tổ chức các chuyến đi; dịch vụ đại lý để đặt trước chỗ ở; dịch vụ thư du lịch; dịch vụ hướng dẫn du lịch; đặt trước du lịch; dẫn đường (đi kèm hộ tống) cho khách du lịch; vận chuyển khách du lịch; tổ chức du lịch.

Nhóm 42: Dịch vụ khoa học và công nghệ và nghiên cứu và thiết kế liên quan đến khoa học và công nghệ, cụ thể là, thiết kế và phát triển phần cứng và phần mềm máy tính; dịch vụ tư vấn kỹ thuật về phần cứng và phần mềm máy tính; lập trình máy vi tính; dịch vụ hỗ trợ và tư vấn kỹ thuật cho việc quản lý các hệ thống, cơ sở dữ liệu và ứng dụng máy tính; thiết kế đồ hoạ dùng để biên soạn trang web trên mạng internet; thông tin liên quan đến phần cứng và phần mềm máy tính được cung cấp trực tuyến từ một mạng máy tính toàn cầu hay mạng internet; tạo và duy trì các trang web; cho thuê chỗ đặt máy chủ cho trang web của người khác (hosting); tạo các trang web; thiết kế, tạo và cho thuê chỗ đặt máy chủ cho các trang web thương mại; thiết kế, tạo và cho thuê chỗ đặt máy chủ cho các trang web thanh toán hoá đơn; dịch vụ liên quan đến máy tính và mạng internet bao gồm cả việc cung cấp cơ sở dữ liệu điện tử trực tuyến qua một mạng máy tính toàn cầu trong lĩnh vực xác thực và thẩm định nhận dạng; dịch vụ tư vấn kỹ thuật trong lĩnh vực lập

trình máy vi tính, mạng máy tính tài chính, xử lý dữ liệu, thông tin liên lạc an toàn, mã hoá và giải mã dữ liệu và bảo mật mạng cục bộ; phổ biến thông tin trên mạng máy tính toàn cầu trong lĩnh vực phần mềm máy tính, phần cứng máy tính, mạng máy tính tài chính và mạng cục bộ.

---

(111) **4-0166494**
(210) 4-2010-04714
(181) 12.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

TÂN MỸ

(151) 27.06.2011
(220) 12.03.2010

(731) CÔNG TY TNHH TÂN MỸ (VN)
77 Lê Văn Hưu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 06: Nhôm định hình.

---

(111) **4-0166495**
(210) 4-2010-07481
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

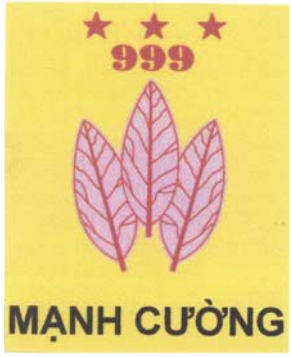

(151) 27.06.2011
(220) 12.04.2010

(531) A5.3.15; A1.1.10
(591) Đen, vàng, đỏ, hồng
(731) NGUYỄN HỮU CƯỜNG (VN)
Khối 2, Văn Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 34: Thuốc lào.

---

(111) **4-0166496**
(210) 4-2010-04735
(181) 12.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

REZOCLAV

(151) 27.06.2011
(220) 12.03.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HIỀN VĨ (VN)
Số nhà 25B, ngõ 123, phố Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược (trừ thuốc gây nghiện).

---

(111) **4-0166497**
(210) 4-2008-15528
(181) 21.07.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

MARIO

(151) 27.06.2011
(220) 21.07.2008

(731) NINTENDO CO., LTD. (JP)
11-1 Hokotate-cho, Kamitoba, Minami-ku, Kyoto-shi, Kyoto, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 09: Trò chơi viđêô dùng cho người tiêu dùng (chỉ dùng với máy thu hình); chương trình máy tính dùng cho trò chơi viđêô dùng cho người tiêu dùng; mạch điện tử, đĩa từ, đĩa quang, đĩa quang từ, băng từ, thẻ ROM, hộp chứa (cartridge) bộ nhớ ROM, đĩa CD-ROM, đĩa DVD-ROM và các chương trình máy tính dùng để lưu trữ phương tiện truyền thông lưu trữ khác dùng cho trò chơi viđêô dùng cho người tiêu dùng; bộ điều chỉnh, cần điều khiển và thẻ nhớ dùng cho trò chơi viđêô dùng cho người tiêu dùng; các bộ phận và linh kiện khác dùng cho trò chơi viđêô dùng cho người tiêu dùng; chương trình máy tính dùng cho các trò chơi bằng tay có màn hình tinh thể lỏng; mạch điện tử, đĩa từ, đĩa quang, đĩa quang từ, băng từ, thẻ ROM, hộp chứa (cartridge) bộ nhớ ROM, đĩa CD-ROM, đĩa DVD-ROM và các chương trình máy tính dùng để lưu trữ phương tiện truyền thông lưu trữ khác dùng cho trò chơi cầm tay có màn hình tinh thể lỏng; máy chơi trò chơi viđêô tại các khu nhà có mái vòm (chỉ dùng với máy thu hình); chương trình máy tính dùng cho máy chơi trò chơi viđêô tại các khu nhà có mái vòm; mạch điện tử, đĩa từ, đĩa quang, đĩa quang từ, băng từ, thẻ ROM, hộp chứa (cartridge) bộ nhớ ROM, đĩa CD-ROM, đĩa DVD-ROM và các chương trình máy tính dùng để lưu trữ phương tiện truyền thông lưu trữ khác dùng cho máy chơi trò chơi viđêô tại các khu nhà có mái vòm; máy vi tính; mạch điện tử, đĩa từ, đĩa quang, đĩa quang từ, băng từ, thẻ ROM, hộp chứa (cartridge) bộ nhớ ROM, đĩa CD-ROM, đĩa DVD-ROM và các chương trình máy tính dùng để lưu trữ phương tiện truyền thông lưu trữ khác; chương trình máy tính có thể tải về được; chương trình máy tính; chương trình máy tính dùng cho điện thoại di động; đĩa compact đã được ghi sẵn; xuất bản phẩm điện tử.

Nhóm 28: Đồ chơi dùng cho trò chơi bài lá và các đồ kèm theo; trò chơi điện tử cầm tay với màn hình tinh thể lỏng; bộ phận và linh kiện của trò chơi điện tử cầm tay có màn hình tinh thể lỏng; đồ chơi khác; búp bê; trò chơi chuyển động; bài lá của Nhật Bản (Utagaruta); môn cờ Nhật Bản (trò chơi Shogi); trò chơi bài và các đồ dùng kèm theo; trò chơi xúc xắc; trò chơi xúc xắc kiểu Nhật (Sugoroku); cốc gieo xúc xắc; trò chơi dạng hình thoi; trò chơi cờ; quân cờ đam (bộ cờ đam); thiết bị dùng trong môn ảo thuật; cờ đôminô; bài lá dùng để chơi bài; quân bài lá kiểu Nhật (Hanafuda); trò chơi bài mạt chược; máy giật xèng (chơi bài); máy và thiết bị chơi trò chơi (không dùng với máy thu hình); dụng cụ chơi trò bi-a; máy và thiết bị giải trí dùng trong các khu công viên giải trí (không phải là máy chơi trò chơi viđêô trong các khu nhà mái vòm); dụng cụ thể thao; đồ câu cá.

Nhóm 41: Cung cấp hình ảnh thông qua phương tiện liên lạc bằng trò chơi cầm tay có màn hình tinh thể lỏng; cung cấp hình ảnh thông qua phương tiện liên lạc bằng máy chơi trò chơi viđêô trong nhà có mái vòm; cung cấp hình ảnh thông qua phương tiện liên lạc bằng trò chơi viđêô dành cho người tiêu dùng; cung cấp hình ảnh thông qua các phương

tiện liên lạc khác; cung cấp trò chơi thông qua phương tiện liên lạc bằng máy chơi trò chơi cầm tay có màn hình tinh thể lỏng; cung cấp trò chơi thông qua phương tiện liên lạc bằng máy chơi trò chơi trong nhà có mái vòm; cung cấp trò chơi thông qua phương tiện liên lạc bằng máy chơi trò chơi dành cho người tiêu dùng; cung cấp trò chơi thông qua các phương tiện liên lạc khác; cung cấp chương trình trò chơi viđêô dành cho người tiêu dùng; cung cấp chương trình trò chơi cầm tay có màn hình tinh thể lỏng; cung cấp trò chơi cho máy chơi trò chơi viđêô trong nhà có mái vòm (tất cả các dịch vụ trên là dịch vụ vui chơi giải trí); cho thuê trò chơi viđêô dành cho người tiêu dùng; cho thuê đĩa quang, thẻ ROM và hộp chứa ROM có lưu trữ các chương trình dùng cho trò chơi viđêô dùng cho người tiêu dùng; cho thuê trò chơi cầm tay có màn hình tinh thể lỏng; cho thuê đĩa quang, thẻ ROM và hộp chứa ROM có lưu trữ các chương trình dùng cho trò chơi cầm tay có màn hình tinh thể lỏng; cung cấp trò chơi thông qua mạng viễn thông; cung cấp trò chơi thông qua mạng thông tin liên lạc; xuất bản các ấn phẩm điện tử.

---

(111) **4-0166498**
(210) 4-2008-25451
(181) 28.11.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 27.06.2011
(220) 28.11.2008

(531) 2.3.1; 1.15.11; 5.3.20; 5.3.16; 3.4.11; 8.3.1
(591) Đen, trắng, xanh nước biển, xanh lá cây, ghi
(731) FANTASTIC CARE SDN. BHD (MY)
41, Jalan Wangsa Permai 1/1, Taman Wangsa Permai, 52200 Kepong, Kuala Lumpur, Malaysia
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Sản phẩm chăm sóc cá nhân và sản phẩm để tắm rửa bao gồm dầu gội chăm sóc tóc; dầu xả; kem thoa, keo (mỹ phẩm dạng lỏng, đặc quánh), bình xịt (mỹ phẩm), keo bọt, huyết thanh (nước sữa), chất làm sáng màu, tất cả dùng cho tóc; keo tạo kiểu tóc; sản phẩm dùng tránh hay hạn chế rụng tóc; sản phẩm dùng giúp mọc tóc; sản phẩm tạo sóng và quăn tóc lâu dài; sản phẩm làm tóc khoẻ; sản phẩm tạo độ ẩm cho tóc; nước thơm dưỡng tóc; sản phẩm làm đầu; nước thơm tạo hình tóc; sản phẩm tạo màu tóc bao gồm sản phẩm nhuộm tóc; sản phẩm chăm sóc da (mỹ phẩm) và mỹ phẩm, cụ thể là kem dưỡng da; sữa làm sạch cho da và mặt, nước khoáng dùng cho da; nước thơm và dầu thơm chứa huyết thanh; kem dưỡng mắt; sản phẩm chăm sóc da khi đi nắng dùng cho mục đích trang điểm; mặt nạ đắp mặt; xà phòng và gel chống mụn; kem chống nhăn da; kem và phấn thoa để nhấn mạnh từng vùng nhất định trên mặt; son môi; xà phòng dưỡng da; phấn mắt; sản phẩm chăm sóc cơ thể và tay bao gồm kem tắm; dầu tắm; sữa tắm toàn thân; xà phòng và muối tắm (không dùng cho mục đích y tế); chất khử mùi toàn thân; nước thơm toàn thân; nước xịt toàn thân; sản phẩm tạo độ ẩm toàn thân; phấn bột mịn dùng trang điểm và toàn thân; nước hoa; chất xịt toàn thân; nước hoa cologne; tinh dầu; tinh dầu và dầu oliu; nước thơm thoa sau khi cạo râu; sữa hạnh nhân dùng cho mục đích mỹ phẩm; chế phẩm mỹ phẩm dùng khi tắm; mặt nạ làm đẹp; bộ mỹ phẩm; chế phẩm mỹ phẩm làm thon thả cơ thể; mỹ phẩm; kem mỹ phẩm; kem làm trắng da; xà phòng khử mùi; sản phẩm khử mùi dùng cho cá nhân; thuốc nhuộm mỹ phẩm; mỹ phẩm trang

điểm lông mày; bút chì kẻ lông mày; chế phẩm mỹ phẩm dùng cho lông mi; chất tạo màu cho tóc; chất xịt lên tóc; chế phẩm tạo sóng cho tóc; nước thơm dùng cho mục đích mỹ phẩm; sản phẩm trang điểm; phấn trang điểm; chế phẩm chăm sóc móng; sơn đánh móng tay, chân; thuốc màu bôi móng tay, chân; móng tay (chân) giả; dầu dùng cho mục đích làm sạch; dầu dùng cho mục đích mỹ phẩm; nước hoa; hỗn hợp thơm (chất có hương thơm); dầu gội đầu; chế phẩm làm mượt (hồ phẳng); xà phòng; sản phẩm dùng để tắm rửa; tất cả thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0166499**
(210) 4-2009-13144
(181) 29.06.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 27.06.2011
(220) 29.06.2009

(531) A1.5.3; A26.11.12; A26.4.6
(591) Da cam, xanh dương, trắng, vàng, xanh dương sẫm
(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG TUẤN TÂM (VN)
Nhà ông Trương Thanh Tuấn, thôn Dư Khánh, xã Hoằng Đạo, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hóa
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Bình Minh (SUNRISE IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán máy lọc nước RO, máy điện năng mặt trời, máy hút bụi.

---

(111) **4-0166500**
(210) 4-2009-14840
(181) 20.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

BEEMAX

(151) 27.06.2011
(220) 20.07.2009

(731) HỘ KINH DOANH LƯU THỊ NGỌC CHIẾM (VN)
D11/297C Trịnh Quang Nghị, ấp 4, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 09: Đầu máy đọc đĩa kỹ thuật số; loa; máy tăng âm (ampli); máy thu hình (tivi); ống nói (micro); bộ trộn âm (mixer).

---

(111) **4-0166501**
(210) 4-2009-21786
(181) 12.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 28.06.2011
(220) 12.10.2009

(531) 26.1.1; 26.11.3; 25.7.20; 2.9.4; A26.11.12
(591) Đỏ, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ETECH VIỆT NAM (VN)
Số 5, ngách 95/139, phố Thuý Lĩnh, phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá; dịch vụ xuất nhập thiết bị, máy móc phục vụ ngành môi trường, xây dựng, công nghệ thông tin và dịch vụ thương mại; dịch vụ mua bán gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, máy móc thiết bị, dụng cụ y tế, thiết bị, máy móc phục vụ ngành môi trường, xây dựng, công nghệ thông tin; mua bán các sản phẩm ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực cung cấp nước sạch, xử lý nước thải, rác thải, khí thải và bảo vệ môi trường; tư vấn đấu thầu; xúc tiến đầu tư.

Nhóm 36: Môi giới bất động sản; kinh doanh bất động sản; môi giới dự án đầu tư.

Nhóm 42: Tư vấn, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực môi trường; nghiên cứu chế tạo các sản phẩm ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực cung cấp nước sạch, xử lý nước thải, rác thải, khí thải và bảo vệ môi trường; dịch vụ đánh giá tác động môi trường; tư vấn lập dự án khai thác khoáng sản; tư vấn, lập, thẩm tra dự án đầu tư.

---

(111) **4-0166502**
(210) 4-2010-11451
(181) 27.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

THẢO ĐẠT

(151) 28.06.2011
(220) 27.05.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI THẢO ĐẠT (VN)
135/28 Lê Văn Quới, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 22: Bao tải.

---

(111) **4-0166503**
(210) 4-2010-11452
(181) 27.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 28.06.2011
(220) 27.05.2010

(531) 26.3.1; A26.3.7; A26.11.12
(591) Xanh dương, xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRƯƠNG ĐOÀN (VN)
206 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 4, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Quảng cáo giới thiệu sản phẩm; phân phát hàng mẫu nhằm mục đích quảng cáo và bán hàng; tổ chức triển lãm với mục đích thương mại hoặc quảng cáo; tổ chức hội chợ với mục đích thương mại và quảng cáo; dịch vụ maket cho mục đích quảng cáo; thực hiện mẫu vật với mục đích quảng cáo hoặc đẩy mạnh việc bán hàng; cung cấp các biện pháp đẩy mạnh việc bán hàng (thông qua các chiến dịch quảng cáo sản phẩm, đưa sản phẩm tới các đối tượng sử dụng).

---

(111) **4-0166504**
(210) 4-2010-11454
(181) 27.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 28.06.2011
(220) 27.05.2010

(591) Xanh dương, xanh dương nhạt, xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRƯƠNG ĐOÀN (VN)
206 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 4, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Đánh giá trong kinh doanh (thương mại); đánh giá công việc thương mại; điều tra kinh doanh thương mại; nghiên cứu thị trường; thăm dò dư luận về thương mại.

---

(111) **4-0166505**
(210) 4-2010-11456
(181) 27.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 28.06.2011
(220) 27.05.2010

(531) 26.1.2
(731) CƠ SỞ GIANG NAM (VN)
45 Tản Đà, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 43: Quán ăn; nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0166506**
(210) 4-2010-11457
(181) 27.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BN AMLODISEP

(151) 28.06.2011
(220) 27.05.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BÁCH NIÊN (VN)
575/U10 Nguyễn Tri Phương, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166507**
(210) 4-2010-11458
(181) 27.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BN DOROSEP

(151) 28.06.2011
(220) 27.05.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BÁCH NIÊN (VN)
575/U10 Nguyễn Tri Phương, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0166508**
(210) 4-2010-11459
(181) 27.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 28.06.2011
(220) 27.05.2010

(531) 5.7.3; 4.5.2; 4.5.3; A1.1.10
(591) Đỏ, vàng, xanh dương, trắng
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN DỊCH VỤ SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU NHẬT QUANG (VN)
222/4 ấp Bình Lương 1, xã Bình Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Gạo; đường; nước mật đường.

Nhóm 31: Lúa; lúa giống; thức ăn gia súc; gỗ thô.

---

(111) **4-0166509**
(210) 4-2010-11412
(181) 27.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ZARI

(151) 28.06.2011
(220) 27.05.2010

(731) CÔNG TY TNHH NHỰA ZA - RI (VN)
Cụm CN Thương Tín, xã Điện Nam Đông, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Bình Minh (SUNRISE IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 01: Phân bón trong nông nghiệp.

Nhóm 31: Thức ăn chăn nuôi; thức ăn nuôi trồng thuỷ, hải sản; thức ăn gia súc, gia cầm.
Nhóm 35: Mua bán: phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, hoá chất, giống cây trồng, thuỷ sản; đại lý ký gửi hàng hoá.

Nhóm 37: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.

Nhóm 39: Vận tải hàng hoá; vận chuyển hành khách; dịch vụ lữ hành nội địa.

Nhóm 42: Chuyển giao công nghệ sinh học phục vụ nông nghiệp.

Nhóm 44: Tạo giống cây trồng.

---

(111) **4-0166510**
(210) 4-2010-11298
(181) 26.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 28.06.2011
(220) 26.05.2010

(531) A26.11.12; 9.1.10
(591) Vàng, xám
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO BEEGIFT (VN)
Số 12, phố Cửa Đông, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 16: Sổ sách; kẹp tài liệu; thẻ hành lý (bằng giấy).

Nhóm 18: Cặp, túi xách; ví nam; ví nữ; ví đựng hộ chiếu; ví móc khóa; ví đựng danh thiếp; thẻ hành lý (bằng da).

Nhóm 25: Áo phông; áo sơ mi; quần; váy; mũ; áo mưa; áo gió.

Nhóm 35: Quảng cáo.

Nhóm 40: In ấn.

---

(111) **4-0166511**
(210) 4-2010-11430
(181) 27.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 28.06.2011
(220) 27.05.2010

(531) 26.4.2
(591) Đỏ, trắng
(731) D&O BIOTECH CO., LTD (TW)
4F No. 248-29 SinSheng Rd., CianJhen Dist., Kaohsiung city, Taiwan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Chất chiết xuất từ thảo dược dùng cho mục đích y tế.

(111) **4-0166512**
(210) 4-2008-25126
(181) 25.11.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 28.06.2011
(220) 25.11.2008

(531) 18.1.21
(591) Đỏ, đen, trắng, xám.
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN LỐP XE VIỆT (VN)
18 xa lộ Hà Nội, xã Bình Thắng, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Tư vấn Sở hữu trí tuệ á Đông (A ĐÔNG IP CONSULTANCY CO.,LTD.)

(511) Nhóm 12: Lốp xe (vỏ xe); săm xe (ruột xe), yếm xe; mâm xe (vành xe).

Nhóm 35: Mua bán phụ tùng xe ô tô; cửa hàng trưng bày để bán đồ dùng cho xe ô tô.

Nhóm 37: Sửa chữa xe ô tô; bảo trì xe ô tô, thay lốp xe và các phụ tùng của xe ô tô.

---

(111) **4-0166513**
(210) 4-2008-25399
(181) 28.11.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

SHINDAIWA

(151) 28.06.2011
(220) 28.11.2008

(731) CÔNG TY TNHH CAO HÙNG (VN)
908 Nguyễn Chí Thanh, phường 4, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 07: Bơm khí nén, máy phát điện, máy nổ, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy phun xịt.

---

(111) **4-0166514**
(210) 4-2008-11871
(181) 05.06.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 28.06.2011
(220) 05.06.2008

(531) 26.1.1; A26.1.18
(591) Trắng, xanh dương
(731) CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU QUANG VINH (VN)
2900 Phạm Thế Hiển, phường 7, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Áo mưa.

---

(111) **4-0166515**
(210) 4-2008-13655
(181) 26.06.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

MACOH

(151) 28.06.2011
(220) 26.06.2008

(731) NGUYỄN HỮU TÚC (VN)
153/4 Trần Văn Kiểu, phường 13, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 06: Bản lề; khoá; tay nắm cửa; chốt cửa; cờ rê môn; ốc vít (tất cả làm bằng kim loại).

Nhóm 07: Máy khoan; máy cắt; máy cưa; máy mài; máy phay; máy bào.

Nhóm 08: Dụng cụ cầm tay (vận hành bằng tay); dụng cụ để mài (dụng cụ cầm tay); đá cắt (dụng cụ cầm tay); bình phun sơn (dụng cụ cầm tay); cờ lê; tuốc nơ vít.

Nhóm 09: Điện cực dùng để hàn; thiết bị hàn điện; mỏ hàn dùng điện; dụng cụ đo; khóa điện.

Nhóm 11: Quạt điện; thiết bị điều hòa không khí; đèn; đèn hàn ga; mỏ đốt.

Nhóm 35: Mua bán, xuất nhập khẩu, quảng cáo, thiếp thị: dụng cụ cầm tay, dụng cụ cơ khí, dụng cụ cắt gọt kim loại, dụng cụ điện cầm tay, dụng cụ dùng hơi nén, bình phun sơn, bản lề, khóa, tay nắm cửa, thiết bị hàn, dụng cụ đo, ốc vít, đinh, mỏ lết; cửa hàng bán và giới thiệu sản phẩm.

Nhóm 37: Sửa chữa, bảo hành, bảo trì, bảo dưỡng: dụng cụ cầm tay, dụng cụ cơ khí, dụng cụ cắt gọt kim loại, dụng cụ điện cầm tay, dụng cụ dùng hơi nén, bình phun sơn, bản lề, khóa, tay nắm cửa, thiết bị hàn, dụng cụ đo, mỏ lết.

---

(111) **4-0166516**
(210) 4-2008-23796
(181) 06.11.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 28.06.2011
(220) 06.11.2008

(531) A5.1.12; A5.1.6
(731) LETARTE, INC. (US)
2317 Black Rock Turnpike, Fairfield, Connecticut, 06825, United States of America
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo, đồ đi chân (trang phục), đồ đội đầu (trang phục), quần áo tắm, áo phông, áo sơ-mi, quần soóc, váy, áo cáp-tan, áo choàng bên ngoài, quần áo lót, thắt lưng (trang phục), dép, mũ lưỡi trai.

---

(111) **4-0166517**
(210) 4-2008-24607
(181) 18.11.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

Kanebo
BLANCHIR
SUPERIOR

(151) 28.06.2011
(220) 18.11.2008

(731) KAO KABUSHIKI KAISHA (ALSO TRADING AS KAO CORPORATION) (JP)
14-10, Nihonbashi Kayabacho 1-chome, Chuo-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 21: Dụng cụ và đồ chứa dùng cho gia đình hoặc bếp núc (không làm bằng kim loại quý hoặc được mạ bằng những kim loại ấy); lược và bọt biển; bàn chải (không kể bút lông); vật liệu dùng làm bàn chải; đồ lau dọn; sợi thép rối; thuỷ tinh thô hoặc bán thành phẩm (trừ kính dùng trong xây dựng).

---

(111) **4-0166518**
(210) 4-2009-01899
(181) 10.02.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

KUMHO
ABS

(151) 28.06.2011
(220) 10.02.2009

(531) 26.11.1; A26.11.10
(731) CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT NƯỚC VI NA (VN)
63/18/24 Chu Thiên, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn Sở hữu trí tuệ và Thời trang ngày nay Lê Gia (LEFANO IP CONSULTANT)

(511) Nhóm 17: Hạt nhựa tổng hợp (bán thành phẩm); hạt nhựa tái chế; nhựa nhân tạo (bán thành phẩm); chất dẻo bán thành phẩm; nhựa tổng hợp (bán thành phẩm).

---

(111) **4-0166519**
(210) 4-2009-20283
(181) 23.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

PACASON

(151) 28.06.2011
(220) 23.09.2009

(731) HỘ KINH DOANH PHAN CAO SƠN (VN)
Ấp Trang Định, xã Bông Trang, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 09: Đầu máy đọc đĩa kỹ thuật số; máy thu hình (ti vi); máy tăng âm (ampli); loa; ống nói (micrô), bộ trộn âm (micxơ).

---

(111) **4-0166520**
(210) 4-2009-12959
(181) 25.06.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 28.06.2011
(220) 25.06.2009

(531) 26.13.1; 1.15.15; 1.15.14
(591) Vàng, đỏ, trắng
(731) ACAVA LIMITED (MT)
167 Merchants Street, Valletta, VLT 1174, Malta
(740) Công ty TNHH Tư vấn BIZCONSULT (BIZCONSULT CO., LTD.)

(511) Nhóm 32: Nước ngọt, không có ga, không có cồn làm từ hoa quả; nước ép trái cây (đồ uống), đồ uống có ga, đồ uống không có cồn; đồ uống hoa quả, nước ép (hoa quả) đồ uống.

---

(111) **4-0166521**
(210) 4-2010-09232
(181) 29.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 28.06.2011
(220) 29.04.2010

(531) A5.5.20; A26.11.12; 5.5.16
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HỢP NHẤT NÔNG (UNI-FARM CO., LTD) (VN)
97/23A Hưng Phú, phường 8, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 01: Phân bón; hóa chất dùng trong nông nghiệp (loại trừ chất diệt nấm, chất diệt cỏ dại, thuốc trừ sâu, chất diệt ký sinh trùng); chất kích thích tăng trưởng cho cây trồng.

---

(111) **4-0166522**
(210) 4-2010-09790
(181) 10.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ETHOPHEN

(151) 28.06.2011
(220) 10.05.2010

(531) 26.4.3; 24.15.21; 25.5.2
(731) ĐẶNG QUỐC DUY (VN)
220/18 Hồ Văn Huê, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần áo.

---

(111) **4-0166523**
(210) 4-2010-09791
(181) 10.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

MANHHOA

(151) 28.06.2011
(220) 10.05.2010

(531) 26.4.1
(591) Đen, xám nhạt, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG MẠNH HÒA (VN)
Lầu 6, B12 lô C4-1, Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 37: Thi công xây dựng khoan cọc nhồi; thi công xây dựng cọc barret; thi công xây dựng tường vây; thi công xây dựng tầng hầm.

---

(111) **4-0166524**
(210) 4-2010-09694
(181) 07.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

CEFARANGER

(151) 28.06.2011
(220) 07.05.2010

(731) NGUYỄN THỊ THU THANH (VN)
Số 3, đường Đặng Tất, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166525**
(210) 4-2010-09695
(181) 07.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

CEFOMILES

(151) 28.06.2011
(220) 07.05.2010

(731) NGUYỄN THỊ THU THANH (VN)
Số 3, đường Đặng Tất, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166526**
(210) 4-2010-09696
(181) 07.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

CEFOWISH

(151) 28.06.2011
(220) 07.05.2010

(731) NGUYỄN THỊ THU THANH (VN)
Số 3, đường Đặng Tất, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166527**
(210) 4-2010-09697
(181) 07.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

CEFATOUCH

(151) 28.06.2011
(220) 07.05.2010

(731) NGUYỄN THỊ THU THANH (VN)
Số 3, đường Đặng Tất, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166528**
(210) 4-2010-09698
(181) 07.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

CEFATROY

(151) 28.06.2011
(220) 07.05.2010

(731) NGUYỄN THỊ THU THANH (VN)
Số 3, đường Đặng Tất, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166529**
(210) 4-2010-09699
(181) 07.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

CEFAMYTH

(151) 28.06.2011
(220) 07.05.2010

(731) NGUYỄN THỊ THU THANH (VN)
Số 3, đường Đặng Tất, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166530**
(210) 4-2010-09755
(181) 10.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BAPL

(151) 28.06.2011
(220) 10.05.2010

(731) BALL CORPORATION (US)
10 Longs Peak Drive, Broomfield, Colorado 80021-2510, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 06: Côngtenơ bằng kim loại.

Nhóm 20: Nắp chai bằng chất dẻo và nút chai (không bằng kim loại).

---

(111) **4-0166531**
(210) 4-2010-09756
(181) 10.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Ball Asia Pacific

(151) 28.06.2011
(220) 10.05.2010

(731) BALL CORPORATION (US)
10 Longs Peak Drive, Broomfield, Colorado 80021-2510, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 06: Côngtenơ bằng kim loại.

Nhóm 20: Nắp chai bằng chất dẻo và nút chai (không bằng kim loại).

---

(111) **4-0166532**
(210) 4-2010-08778
(181) 26.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

PHỔI VIỆT®
Trau chuốt từng hơi thở

(151) 28.06.2011
(220) 26.04.2010

(531) 2.9.24; 2.9.25
(591) Đen, xanh
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN Y KHOA PHỔI VIỆT (VN)
Số 20-22 Ngô Quyền, phường 5, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 44: Dịch vụ khám chữa bệnh.

---

(111) **4-0166533**
(210) 4-2010-09735
(181) 10.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ROMAN
Mạnh mẽ trong từng đường nét

(151) 28.06.2011
(220) 10.05.2010

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ HOÀNG THẾ (VN)
43 Bàn Cờ, phường 3, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 25: Quần áo ngủ, quần áo lót, quần áo thể thao, quần áo bơi.

---

(111) **4-0166534**
(210) 4-2010-08698
(181) 26.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 28.06.2011
(220) 26.04.2010

(531) 3.5.19; A5.5.21; A5.5.20; 25.1.6; A26.11.12
(591) Xanh sẫm, vàng, vàng nhạt, đỏ, nâu nhạt, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA AN PHA (VN)
65 Lê Trung Nghĩa, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Sữa và các sản phẩm từ sữa: sữa bột; sữa tươi; sữa chua; sữa đặc.

---

(111) **4-0166535**
(210) 4-2010-08718
(181) 26.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

OBEEPHEROL DHA

(151) 28.06.2011
(220) 26.04.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM CUỘC SỐNG XANH (VN)
67 Khuất Duy Tiến, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166536**
(210) 4-2010-08719
(181) 26.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

YTECO WATER

(151) 28.06.2011
(220) 26.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ TP.HỒ CHÍ MINH (YTECO) (VN)
181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết, nước khoáng (đồ uống), nước ép trái cây (đồ uống).

---

(111) **4-0166537**
(210) 4-2010-08738
(181) 26.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

AKUGABA

(151) 28.06.2011
(220) 26.04.2010

(731) AKUMS DRUGS & PHARMACEUTICALS LTD (IN)
304, Mohan Place, L.S.C Block - C, Saraswati Vihar, New Delhi - 110034, India
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166538**
(210) 4-2010-08739
(181) 26.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

AKUCOLINE

(151) 28.06.2011
(220) 26.04.2010

(731) AKUMS DRUGS & PHARMACEUTICALS LTD (IN)
304, Mohan Place, L.S.C Block - C, Saraswati Vihar, New Delhi - 110034, India
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166539**
(210) 4-2010-09230
(181) 29.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 28.06.2011
(220) 29.04.2010

(531) 26.1.2; 1.15.15; 24.17.4
(591) Trắng, xanh dương, đen
(731) CƠ SỞ HÀ VŨ BẢO GIANG (VN)
Siêu thị Co.op Mart, 121 Phạm Văn Thuận, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ cung cấp thức uống (cà phê, nước giải khát), do nhà hàng thực hiện.

(111) **4-0166540**
(210) 4-2010-09231
(181) 29.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

THI THẢO WEDDING PLACE

(151) 28.06.2011
(220) 29.04.2010

(731) CÔNG TY TNHH THI THẢO (VN)
Số 29B, Phan Bội Châu, phường 1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 43: Nhà hàng tổ chức tiệc cưới.

---

(111) **4-0166541**
(210) 4-2010-07416
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 28.06.2011
(220) 12.04.2010

(531) 26.1.2
(591) Đỏ, trắng
(731) UNCLE BILL'S LIMITED (HK)
Room 1701, Shui On Centre, 6-8 Harbour Road, Wanchai, Hong Kong
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Trí Việt và Cộng sự (TRI VIET & ASSOCIATES CO.,LTD.)

(511) Nhóm 08: Bộ dụng cụ sửa móng tay; cái bàn ren (dụng cụ cầm tay); kéo; dao; bộ đồ bàn ăn (dao, thìa và đĩa); dụng cụ cầm tay hoạt động bằng tay.

Nhóm 21: Đồ chứa đựng dùng cho gia đình hoặc nhà bếp; bộ bát đĩa; bộ đồ ăn không kể dao, đĩa và thìa; bàn chải; hộp đựng dùng cho mỹ phẩm (rỗng); dụng cụ lau chùi bằng tay.

Nhóm 26: Băng buộc tóc; kẹp tóc; cái cặp, kẹp tóc (trừ đồ trang sức); tóc giả; đồ khâu (trừ chỉ); hoa nhân tạo.

---

(111) **4-0166542**
(210) 4-2010-07453
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

MATOKO

(151) 28.06.2011
(220) 12.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HÒA BÌNH (VN)
Số 5, ngõ 20, phố Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu; thuốc diệt cỏ dại; thuốc diệt nấm mốc; thuốc diệt trừ rầy nâu; thuốc trừ vi khuẩn gây hại cho cây trồng; thuốc trừ dịch cho thực vật.

---

(111) **4-0166543**
(210) 4-2010-07454
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

YOSHITO

(151) 28.06.2011
(220) 12.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HÒA BÌNH (VN)
Số 5, ngõ 20, phố Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu; thuốc diệt cỏ dại; thuốc diệt nấm mốc; thuốc diệt trừ rầy nâu; thuốc trừ vi khuẩn gây hại cho cây trồng; thuốc trừ dịch cho thực vật.

---

(111) **4-0166544**
(210) 4-2010-07455
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

DAISUKE

(151) 28.06.2011
(220) 12.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HÒA BÌNH (VN)
Số 5, ngõ 20, phố Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu; thuốc diệt cỏ dại; thuốc diệt nấm mốc; thuốc diệt trừ rầy nâu; thuốc trừ vi khuẩn gây hại cho cây trồng; thuốc trừ dịch cho thực vật.

---

(111) **4-0166545**
(210) 4-2010-07456
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

KOROMIN

(151) 28.06.2011
(220) 12.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HÒA BÌNH (VN)
Số 5, ngõ 20, phố Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu; thuốc diệt cỏ dại; thuốc diệt nấm mốc; thuốc diệt trừ rầy nâu; thuốc trừ vi khuẩn gây hại cho cây trồng; thuốc trừ dịch cho thực vật.

---

(111) **4-0166546**
(210) 4-2009-28275
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

HaDoWa

(151) 28.06.2011
(220) 28.12.2009

(591) Đỏ.
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG (VN)
Số 1 Bà Triệu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0166547**
(210) 4-2010-07314
(181) 09.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Oxamark

(151) 28.06.2011
(220) 09.04.2010

(731) MARKSANS PHARMA LTD. (IN)
21st Floor, Lotus Business Park, Off New Link Road, Andheri (W), Mumbai - 400053, India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166548**
(210) 4-2010-07431
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

NEFOBUTIN

(151) 28.06.2011
(220) 12.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG (VN)
411 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166549**
(210) 4-2010-07432
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

NEFONOBEN

(151) 28.06.2011
(220) 12.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG (VN)
411 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166550**
(210) 4-2010-07433
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

NEFOMILAN

(151) 28.06.2011
(220) 12.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG (VN)
411 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

(111) **4-0166551**
(210) 4-2010-07415
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 28.06.2011
(220) 12.04.2010

(591) Vàng, xanh lá cây
(731) HỘ KINH DOANH XÔI LÁ CHUỐI (VN)
366 Nguyễn Tri Phương, phường 4, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn Sở hữu trí tuệ á Đông (A ĐÔNG IP CONSULTANCY CO.,LTD.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ cung cấp thức ăn chế biến sẵn do nhà hàng thực hiện: bánh mì, xôi, thức ăn nhanh.

---

(111) **4-0166552**
(210) 4-2010-07435
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

KINZOCEF

(151) 28.06.2011
(220) 12.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OSAKA (VN)
Phòng 210, nhà A1, khu tập thể 5 tầng, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166553**
(210) 4-2010-07438
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

XOFISASIA

(151) 28.06.2011
(220) 12.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP HOÀNG NÔNG (VN)
Số 3, ngõ 165 Dương Quảng Hàm, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu; thuốc diệt cỏ; thuốc diệt trừ rầy nâu; thuốc diệt nấm mốc; thuốc trừ dịch cho thực vật; thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng.

---

(111) **4-0166554**
(210) 4-2010-07439
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

QUINCET

(151) 28.06.2011
(220) 12.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP HOÀNG NÔNG (VN)
Số 3, ngõ 165 Dương Quảng Hàm, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu; thuốc diệt cỏ; thuốc diệt trừ rầy nâu; thuốc diệt nấm mốc; thuốc trừ dịch cho thực vật; thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng.

---

(111) **4-0166555**
(210) 4-2010-07450
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

KUJOMIL

(151) 28.06.2011
(220) 12.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HÒA BÌNH (VN)
Số 5, ngõ 20, phố Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu; thuốc diệt cỏ dại; thuốc diệt nấm mốc; thuốc diệt trừ rầy nâu; thuốc trừ vi khuẩn gây hại cho cây trồng; thuốc trừ dịch cho thực vật.

---

(111) **4-0166556**
(210) 4-2010-07436
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

OSAGOUTE

(151) 28.06.2011
(220) 12.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OSAKA (VN)
Phòng 210, nhà A1, khu tập thể 5 tầng, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166557**
(210) 4-2010-07437
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

PYCY-QUEEN

(151) 28.06.2011
(220) 12.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN (VN)
Nguyễn Văn Quỳ khu phố 1, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu; thuốc diệt cỏ dại; thuốc diệt nấm mốc; thuốc trừ dịch cho thực vật; thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng; thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0166558**
(210) 4-2010-07451
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

CAREFOS

(151) 28.06.2011
(220) 12.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HÒA BÌNH (VN)
Số 5, ngõ 20, phố Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu; thuốc diệt cỏ dại; thuốc diệt nấm mốc; thuốc diệt trừ rầy nâu; thuốc trừ vi khuẩn gây hại cho cây trồng; thuốc trừ dịch cho thực vật.

---

(111) **4-0166559**
(210) 4-2010-07452
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

NAKAMURA

(151) 28.06.2011
(220) 12.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HÒA BÌNH (VN)
Số 5, ngõ 20, phố Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu; thuốc diệt cỏ dại; thuốc diệt nấm mốc; thuốc diệt trừ rầy nâu; thuốc trừ vi khuẩn gây hại cho cây trồng; thuốc trừ dịch cho thực vật.

---

(111) **4-0166560**
(210) 4-2010-07333
(181) 09.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 28.06.2011
(220) 09.04.2010

(531) 2.3.22; A2.3.24; 25.1.6
(591) Vàng đậm, đỏ, trắng, xanh lá cây, hồng cam, tím nhạt, xanh dương, xanh dương nhạt, hồng, hồng nhạt, xanh nõn chuối nhạt, xanh dương đậm, đỏ cam, vàng đồng, xanh lá cây đậm, nâu, vàng nâu, vàng nhạt, vàng nâu nhạt, tím, xanh nõn chuối, xanh da trời, xanh da trời nhạt
(731) HỘ KINH DOANH MINH THÀNH (VN)
85 Bình Trị Đông, khu phố 1, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Hương thắp (nhang).

---

(111) **4-0166561**
(210) 4-2010-07097
(181) 07.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 28.06.2011
(220) 07.04.2010

(531) 5.7.21; A25.3.15; 1.15.11
(591) Xanh da trời đậm, xanh da trời, xanh da trời nhạt, vàng đồng, vàng, xanh lá cây, xanh lá cây nhạt, xanh lá mạ, xanh rêu, da cam, tím hồng, đen, trắng, nâu
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NAM DƯƠNG (VN)
R4-93 Hưng Gia 2, Phú Mỹ Hưng, phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 16: Tã giấy trẻ em; bỉm bằng giấy dùng cho trẻ em.

---

(111) **4-0166562**
(210) 4-2010-07018
(181) 06.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

AKUCEFTIL

(151) 28.06.2011
(220) 06.04.2010

(731) AKUMS DRUGS & PHARMACEUTICALS LTD (IN)
304, Mohan Place, L.S.C, Block - C, Saraswati Vihar, New Delhi-110034
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166563**
(210) 4-2010-07494
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 28.06.2011
(220) 12.04.2010

(531) A5.3.13; A5.3.15; 26.3.1; 3.7.17
(591) Trắng, xanh đỏ.
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ SƠN (VN)
311 E đường C4, chung cư Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 30: Trà xanh; đồ uống trên cơ sở trà; trà các loại (trừ các loại trà sử dụng với mục đích y tế, thực phẩm chức năng).

---

(111) **4-0166564**
(210) 4-2010-07458
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

SCHESYN

(151) 28.06.2011
(220) 12.04.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÓA CHẤT VÀ THƯƠNG MẠI TRẦN VŨ (VN)
Số 15, ngõ 22, phố Nguyễn Ngọc Nại, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu; thuốc diệt cỏ dại; thuốc diệt nấm mốc; thuốc trừ dịch cho thực vật; thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng; thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0166565**
(210) 4-2010-07459
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

DRAGOFOS

(151) 28.06.2011
(220) 12.04.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÓA CHẤT VÀ THƯƠNG MẠI TRẦN VŨ (VN)
Số 15, ngõ 22, phố Nguyễn Ngọc Nại, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu; thuốc diệt cỏ dại; thuốc diệt nấm mốc; thuốc trừ dịch cho thực vật; thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng; thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0166566**
(210) 4-2010-07613
(181) 13.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 28.06.2011
(220) 13.04.2010

(531) A1.5.3; A1.5.23
(591) Đỏ, trắng, đen
(731) NGUYỄN MINH TÂM (VN)
1G Hưng Phú, phường 9, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán móc quần áo, đồ gia dụng các loại.

---

(111) **4-0166567**
(210) 4-2009-07616
(181) 21.04.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 28.06.2011
(220) 21.04.2009

(531) 26.1.2; 26.5.1; A1.13.15; 5.9.17
(591) Xanh lá cây, đỏ, trắng, đen, vàng
(731) CÔNG TY CHẾ BIẾN THỰC PHẨM VIỆT ẤN (VN)
844 quốc lộ 1A, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Gia vị (dạng khô và dạng lỏng); tương ớt; tương cà; tương dầu; dấm; mì ăn liền.

---

(111) **4-0166568**
(210) 4-2010-07053
(181) 07.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 28.06.2011
(220) 07.04.2010

(531) 1.15.23; 1.3.2; 1.3.1
(591) Trắng, đỏ, tím than.
(731) HỘ KINH DOANH VĨNH TIẾN (VN)
206/5A Lê Văn Quới, khu phố 15, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 11: Quạt điện.

---

(111) **4-0166569**
(210) 4-2010-07570
(181) 13.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BIOCEDOXIM

(151) 28.06.2011
(220) 13.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ (VN)
Nhà số 18 (G14), ngách 23, ngõ 34, đường Nguyên Hồng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166570**
(210) 4-2010-07577
(181) 13.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

NIVAGAC

(151) 28.06.2011
(220) 13.04.2010

(531) A1.5.3; A1.5.23
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG (VN)
411 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166571**
(210) 4-2010-07572
(181) 13.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BIOCEPIRIN

(151) 28.06.2011
(220) 13.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ (VN)
Nhà Số 18 (G14), ngách 23, ngõ 34, đường Nguyên Hồng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

(111) **4-0166572**
(210) 4-2010-07573
(181) 13.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BIOCEPEZON

(151) 28.06.2011
(220) 13.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ (VN)
Nhà Số 18 (G14), ngách 23, ngõ 34, đường Nguyên Hồng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166573**
(210) 4-2010-07574
(181) 13.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BIOCEBUTEN

(151) 28.06.2011
(220) 13.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ (VN)
Nhà số 18 (G14), ngách 23, ngõ 34, đường Nguyên Hồng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166574**
(210) 4-2010-07575
(181) 13.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BIOCEMET

(151) 28.06.2011
(220) 13.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ (VN)
Nhà số 18 (G14), ngách 23, ngõ 34, đường Nguyên Hồng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

(111) **4-0166575**
(210) 4-2010-07111
(181) 07.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

VIOFASE

(151) 28.06.2011
(220) 07.04.2010

(731) INTERNATIONAL PHARMACEUTICAL DISTRIBUTION CO., LTD. (DBA AMPHARCO USA) (US)
17751 Mitchell, Irvine, CA 92614, USA.
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166576**
(210) 4-2010-07490
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 28.06.2011
(220) 12.04.2010

(531) 26.1.2; 5.7.3; 8.7.5; 25.1.5
(591) Đỏ đậm, đỏ, hồng đậm, nâu nhạt, vàng, vàng đậm, da cam tím, tím nhạt, xanh lá cây đậm, xanh lá cây, xanh lá cây nhạt, xanh lá úa, xanh da trời, xanh da trời nhạt, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM COLUSA-MILIKET (VN)
1230 Kha Vạn Cân, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền; bún ăn liền; phở ăn liền; miến ăn liền; cháo ăn liền; mì gạo ăn liền.

---

(111) **4-0166577**
(210) 4-2010-07491
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 28.06.2011
(220) 12.04.2010

(531) 26.4.2; A26.11.12; A25.7.21
(591) Đỏ, vàng, vàng đồng, xanh dương đậm, xanh ghi
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN RƯỢU VIỆT (VN)
Khu phố An Thuận 2, phường 7, thành phố Tân An, tỉnh Long An
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 33: Rượu.

---

(111) **4-0166578**
(210) 4-2010-07492
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 28.06.2011
(220) 12.04.2010

(531) A26.11.12; 26.4.1
(591) Đỏ, vàng, vàng đồng, trắng
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN RƯỢU VIỆT (VN)
Khu phố An Thuận 2, phường 7, thành phố Tân An, tỉnh Long An
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 33: Rượu.

---

(111) **4-0166579**
(210) 4-2010-07493
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 28.06.2011
(220) 12.04.2010

(531) A26.11.12; 26.4.2; 5.7.18
(591) Đỏ, vàng, vàng đồng, trắng, xanh lá cây, xanh ghi, nâu, trắng
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN RƯỢU VIỆT (VN)
Khu phố An Thuận 2, phường 7, thành phố Tân An, tỉnh Long An
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 33: Rượu.

---

(111) **4-0166580**
(210) 4-2010-07558
(181) 13.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

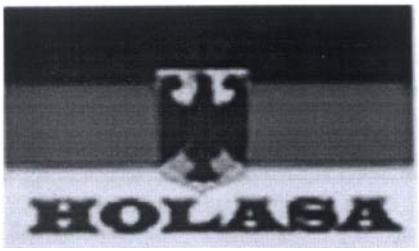

(151) 28.06.2011
(220) 13.04.2010

(531) 24.1.1; 25.1.25
(591) Đen, trắng, ghi.
(731) YETI TRADING COMPANY (CN)
5F-2, No. 181, Fu Hsing N. Rd., Taipei, Taiwan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 06: Khóa làm bằng kim loại; khóa cửa làm bằng kim loại; then làm cửa bằng kim loại; móc cửa làm bằng kim loại; bản lề cửa làm bằng kim loại.

---

(111) **4-0166581**
(210) 4-2010-08393
(181) 21.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 28.06.2011
(220) 21.04.2010

(531) 26.13.25
(591) Xanh, trắng.
(731) CÔNG TY TNHH NỘI THẤT SINH ĐỘNG (VN)
Số 05, khu phố 2, đường TL 54, phường Thạnh Lộc, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán máy móc thiết bị, cửa chống cháy, cửa nhựa, cửa nhôm thép, cửa tự động, đồ nội ngoại thất.

---

(111) **4-0166582**
(210) 4-2010-08395
(181) 21.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 28.06.2011
(220) 21.04.2010

(531) 26.13.25
(591) Xanh, trắng.
(731) CÔNG TY TNHH NỘI THẤT SINH ĐỘNG (VN)
Số 05, khu phố 2, đường TL 54, phường Thạnh Lộc, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán máy móc thiết bị, cửa chống cháy, cửa nhựa, cửa nhôm thép, cửa tự động, đồ nội ngoại thất.

---

(111) **4-0166583**
(210) 4-2010-08319
(181) 20.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Femme diamond

(151) 28.06.2011
(220) 20.04.2010

(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CỰC NAM (VN)
281/23/13 Lê Văn Sỹ, phường 1, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm, nước hoa, dầu thơm (mỹ phẩm).

Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng trong ngành y; thực phẩm bổ dưỡng dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0166584**
(210) 4-2010-08413
(181) 21.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

INPHOKIN

(151) 28.06.2011
(220) 21.04.2010

(731) SAMCHUNDANG PHARM.CO., LTD (KR)
1606-1, Seocho-Dong, Seocho- Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0166585**
(210) 4-2010-08414
(181) 21.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

CENKIZAC

(151) 28.06.2011
(220) 21.04.2010

(731) SAMCHUNDANG PHARM.CO., LTD (KR)
1606-1, Seocho-Dong, Seocho-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0166586**
(210) 4-2010-08415
(181) 21.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

FAPOZONE

(151) 28.06.2011
(220) 21.04.2010

(731) SAMCHUNDANG PHARM.CO., LTD (KR)
1606-1, Seocho-Dong, Seocho-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0166587**
(210) 4-2010-08416
(181) 21.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

NERIMAN

(151) 28.06.2011
(220) 21.04.2010

(731) SAMCHUNDANG PHARM.CO., LTD (KR)
1606-1, Seocho-Dong, Seocho-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0166588**
(210) 4-2010-08417
(181) 21.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

SEURAF

(151) 28.06.2011
(220) 21.04.2010

(731) SAMCHUNDANG PHARM.CO., LTD (KR)
1606-1, Seocho-Dong, Seocho-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0166589**
(210) 4-2010-08618
(181) 22.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 28.06.2011
(220) 22.04.2010

(531) A26.11.12; 26.13.1
(591) Cam, xanh lá cây, xanh tím than.
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN 3S (VN)
Số 8, đường Đỗ Nguyên Thụy, thị trấn Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ AL Nguyên (ALNGUYEN IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Kinh doanh mua bán dược phẩm, thực phẩm chức năng dùng trong ngành y.

Nhóm 44: Dịch vụ khám chữa bệnh bằng phương pháp y học cổ truyền.

---

(111) **4-0166590**
(210) 4-2010-08550
(181) 22.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

MAXIKEM

(151) 28.06.2011
(220) 22.04.2010

(731) UMEDICA LABORATORIES PVT LTD (IN)
Plot. No. 221, G.I.D.C, Vapi - 396 195, Gujarat, India
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên (ANPHAMCO CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0166591**
(210) 4-2010-08332
(181) 20.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

GLICLAWEL-MR

(151) 28.06.2011
(220) 20.04.2010

(731) AKUMS DRUGS & PHARMACEUTICALS LTD (IN)
304, Mohan Place, L.S.C Block - C, Saraswati Vihar, New Delhi - 110034, India
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166592**
(210) 4-2010-08333
(181) 20.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

CHOLYPLEN

(151) 28.06.2011
(220) 20.04.2010

(731) AKUMS DRUGS & PHARMACEUTICALS LTD (IN)
304, Mohan Place, L.S.C Block - C, Saraswati Vihar, New Delhi - 110034, India
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166593**
(210) 4-2010-08678
(181) 26.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BIACEFPO

(151) 28.06.2011
(220) 26.04.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HIỀN VĨ (VN)
Số nhà 25B, ngõ 123, phố Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược (trừ thuốc gây nghiện).

---

(111) **4-0166594**
(210) 4-2010-08451
(181) 21.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

KASUAKID

(151) 28.06.2011
(220) 21.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG ĐẠT (VN)
Số 369 Đội Cấn, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166595**
(210) 4-2010-08453
(181) 21.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ILLIXIME

(151) 28.06.2011
(220) 21.04.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI THĂNG LONG (VN)
Số 27 đường Quốc Bảo, Tam Hiệp, Thanh Trì, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0166596**
(210) 4-2008-22034
(181) 13.10.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

The Ocean Villas
at Danang Beach Resort

(151) 28.06.2011
(220) 13.10.2008

(731) CÔNG TY TNHH SÂN GÔN VINACAPITAL ĐÀ NẴNG (VN)
Phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 36: Quản lý bất động sản.

---

(111) **4-0166597**
(210) 4-2008-08957
(181) 25.04.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

CELEMIN HEPA 8%

(151) 28.06.2011
(220) 25.04.2008

(731) CLARIS LIFESCIENCES LIMITED (IN)
Corporate Tower, Nr. Parrimal Crossing, Ellisbiridge, Ahmedabad - 280 006, India
(740) Công ty TNHH Tư vấn ALIATLEGAL (ALIATLEGAL CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc chữa bệnh dùng cho người.

---

(111) **4-0166598**
(210) 4-2008-18519
(181) 28.08.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 28.06.2011
(220) 28.08.2008

(531) A7.1.11
(731) SRINANAPORN MARKETING CO., LTD. (TH)
No. 325/6-9 Lanluang Road, Mahanak Square, Dusit, Bangkok 10300 Thailand
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh quy, thực phẩm ăn nhanh (làm từ ngũ cốc), bánh xốp.

---

(111) **4-0166599**
(210) 4-2008-20103
(181) 18.09.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

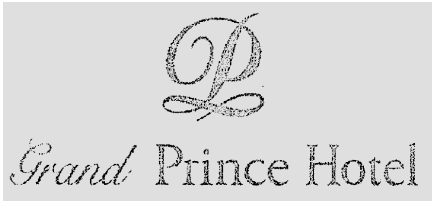

(151) 28.06.2011
(220) 18.09.2008

(731) SEIBU SINGAPORE PTE LTD (SG)
51 Anson Road #07-57 Anson Centre, Singapore 079904
(740) Công ty cổ phần Tư vấn S&B (S&B CONSULTANT., CORP.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn.

---

(111) **4-0166600**
(210) 4-2008-11670
(181) 03.06.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

Unihero

(151) 28.06.2011
(220) 03.06.2008

(591) Trắng, hồng
(731) UNIHERO CENTURY CO., LIMITED (CN)
Room 1307-1309, 13/F, Hung Cheong Plaza, East Shennan Road, Luohu District, Shenzhen, 518002, China
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 09: Ti vi; điện thoại di động.

Nhóm 11: Đèn đi-ốt phát quang (đèn LED).

---

(111) **4-0166601**
(210) 4-2010-06134
(181) 26.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Paxcical

(151) 29.06.2011
(220) 26.03.2010

(731) CƠ SỞ VIỆT HƯƠNG (VN)
29 đường 3/2, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; kem dưỡng da; sữa rửa mặt; nước tẩy trắng nhà vệ sinh; dầu gội đầu.

---

(111) **4-0166602**
(210) 4-2010-06150
(181) 26.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BULEXAL

(151) 29.06.2011
(220) 26.03.2010

(731) WITHUS PHARMACEUTICAL CO., LTD (KR)
273-13, Gyereuk-ri, Miyang-myeon, Anseong-si, Gyeonggi-do, Korea
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166603**
(210) 4-2010-06151
(181) 26.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

MELASRI

(151) 29.06.2011
(220) 26.03.2010

(731) WITHUS PHARMACEUTICAL CO., LTD (KR)
273-13, Gyereuk-ri, Miyang-myeon, Anseong-si, Gyeonggi-do, Korea.
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166604**
(210) 4-2010-06152
(181) 26.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

CHEMMECO XR

(151) 29.06.2011
(220) 26.03.2010

(731) WITHUS PHARMACEUTICAL CO., LTD (KR)
273-13, Gyereuk-ri, Miyang-myeon, Anseong-si, Gyeonggi-do, Korea.
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166605**
(210) 4-2010-06153
(181) 26.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

FATANI

(151) 29.06.2011
(220) 26.03.2010

(731) WITHUS PHARMACEUTICAL CO., LTD (KR)
273-13, Gyereuk-ri, Miyang-myeon, Anseong-si, Gyeonggi-do, Korea.
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166606**
(210) 4-2010-06154
(181) 26.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

DILOFO

(151) 29.06.2011
(220) 26.03.2010

(731) WITHUS PHARMACEUTICAL CO., LTD (KR)
273-13, Gyereuk-ri, Miyang-myeon, Anseong-si, Gyeonggi-do, Korea.
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166607**
(210) 4-2010-06139
(181) 26.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

LOVER'S CARE

(151) 29.06.2011
(220) 26.03.2010

(731) FIRST ONE AUSTRALIA PTY LIMITED (AU)
Unit 14, 38-62 Hume Highway, Lansvale, NSW, 2166, Australia
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Xà phòng, nước hoa, tinh dầu (mỹ phẩm), mỹ phẩm, chế phẩm dưỡng tóc dạng lỏng và dầu gội đầu, kem và mỹ phẩm dạng lỏng dùng cho cơ thể, kem và mỹ phẩm dạng lỏng dùng để tắm buồng tắm vòi hoa sen, kem và mỹ phẩm dạng lỏng dùng để tắm.

---

(111) **4-0166608**
(210) 4-2010-07495
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Livethine

(151) 29.06.2011
(220) 12.04.2010

(731) CÔNG TY DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR) (VN)
498 Nguyễn Thái Học, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166609**
(210) 4-2010-07496
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Glutaone

(151) 29.06.2011
(220) 12.04.2010

(731) CÔNG TY DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR) (VN)
498 Nguyễn Thái Học, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166610**
(210) 4-2010-06190
(181) 26.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

VƯƠNG QUỐC BÁNH MÌ HĂM-BƠ-GƠ WHOPPER

(151) 29.06.2011
(220) 26.03.2010

(731) BURGER KING CORPORATION (US)
5505 Blue Lagoon Drive Miami, Florida 33126, United States of America
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ cung cấp thực phẩm và đồ uống (do nhà hàng thực hiện); dịch vụ cung cấp chỗ ở tạm thời; dịch vụ quán cà phê và quán bar (quán rượu); dịch vụ chuẩn bị thực phẩm và đồ uống (do nhà hàng thực hiện); dịch vụ cung cấp thực phẩm và đồ uống mang về (do nhà hàng thực hiện); dịch vụ nhà hàng ăn uống; dịch vụ nhà hàng cung cấp đồ ăn nhanh, dịch vụ nhà hàng phục vụ ăn nhanh; dịch vụ nhà hàng ăn uống tự phục vụ,

dịch vụ quán rượu nhỏ; dịch vụ nhà hàng ăn uống và quán bar bao gồm quầy phục vụ tại chỗ và mang về; dịch vụ cung cấp thức ăn đã chế biến sẵn (do nhà hàng thực hiện); dịch vụ chuẩn bị thực phẩm và thức ăn dùng tại chỗ hoặc mang đi (do nhà hàng thực hiện).

---

(111) **4-0166611**
(210) 4-2010-06196
(181) 26.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 29.06.2011
(220) 26.03.2010

(731) SHENZHEN COSHIP ELECTRONICS CO., LTD. (CN)
A6/F, Rainbow Technology Building, 5th Industrial District, Hi-Tech Industrial Park Northern Section, Nanshan District, Shenzhen City, Guangdong Province, People's Republic Of China
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Bộ thu tín hiệu truyền hình (bộ giải mã) dùng cho ti vi; chương trình máy vi tính, được ghi sẵn; máy vi tính sổ tay; điện thoại di động; thiết bị giải trí được lắp để sử dụng với màn hình hoặc màn chiếu ngoài; ăng ten.

Nhóm 38: Dịch vụ bảng thông báo điện tử (dịch vụ viễn thông); dịch vụ phát sóng các chương trình truyền hình cáp; dịch vụ phát sóng các chương trình phát thanh radiô; dịch vụ phát sóng các chương trình phát thanh truyền hình; dịch vụ truyền thông tin và hình ảnh được hỗ trợ bởi máy vi tính; dịch vụ thông tin liên lạc sử dụng thiết bị đầu cuối máy vi tính.

Nhóm 42: Dịch vụ nghiên cứu và phát triển (theo yêu cầu của người khác); dịch vụ thiết kế phần mềm máy vi tính; dịch vụ cập nhật phần mềm máy vi tính; dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực phần cứng máy vi tính; dịch vụ bảo trì phần mềm máy vi tính; dịch vụ thiết kế hệ thống máy vi tính.

---

(111) **4-0166612**
(210) 4-2010-07430
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

VOMETIDIN

(151) 29.06.2011
(220) 12.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG (VN)
411 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166613**
(210) 4-2010-07511
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

AVENO

(151) 29.06.2011
(220) 12.04.2010

(731) HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. (CN)
Administration Building Huawei Technologies Co., Ltd. Bantian, Longgang District, Shenzhen, P. R. China
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Thiết bị thu phát cầm tay; bộ điều biến-giải điều biến dùng cho đường truyền dẫn nối tiếp đa năng (modem USB); thẻ (cạc) dữ liệu; cổng kết nối mạng; điện thoại truyền hình; bộ điều biến-giải điều biến (modem); máy vi tính; bộ thu tín hiệu truyền hình (bộ giải mã); thiết bị đầu cuối nối mạng dùng trong gia đình dùng để truy cập mạng toàn cầu (internet), gọi điện thoại, xem viđeô và chơi trò chơi; đầu đọc kỹ thuật số; thiết bị đầu cuối dùng để truy cập đường dây thuê bao số không đối xứng (ADSL) băng thông rộng; bộ định tuyến; thiết bị sách điện tử; modun truyền dữ liệu; thiết bị hỗ trợ kỹ thuật số dùng cho cá nhân (PDA); điện thoại dùng để đàm thoại từ xa với các điện thoại khác; thiết bị lưu trữ và xem ảnh kỹ thuật số; thiết bị đàm thoại truyền hình từ xa; thiết bị đàm thoại truyền hình qua mạng; thiết bị điều khiển thông minh dùng trong đàm thoại truyền hình; pin điện; bộ sạc điện dùng cho pin; chuột dùng cho máy vi tính; tai nghe; phần mềm được ghi sẵn dùng trong lĩnh vực truyền thông; ống phóng thanh (micrô).

---

(111) **4-0166614**
(210) 4-2010-07512
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

IDEOS

(151) 29.06.2011
(220) 12.04.2010

(731) HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. (CN)
Administration Building Huawei Technologies Co., Ltd. Bantian, Longgang District, Shenzhen, P. R. China
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Thiết bị thu phát cầm tay; bộ điều biến-giải điều biến dùng cho đường truyền dẫn nối tiếp đa năng (modem USB); thẻ (cạc) dữ liệu; cổng kết nối mạng; điện thoại truyền hình; bộ điều biến-giải điều biến (modem); máy vi tính; bộ thu tín hiệu truyền hình (bộ giải mã); thiết bị đầu cuối nối mạng dùng trong gia đình dùng để truy cập mạng

toàn cầu (internet), gọi điện thoại, xem viđeô và chơi trò chơi; đầu đọc kỹ thuật số; thiết bị đầu cuối dùng để truy cập đường dây thuê bao số không đối xứng (ADSL) băng thông rộng; bộ định tuyến; thiết bị sách điện tử; mođun truyền dữ liệu; thiết bị hỗ trợ kỹ thuật số dùng cho cá nhân (PDA); điện thoại dùng để đàm thoại từ xa với các điện thoại khác; thiết bị lưu trữ và xem ảnh kỹ thuật số; thiết bị đàm thoại truyền hình từ xa; thiết bị đàm thoại truyền hình qua mạng; thiết bị điều khiển thông minh dùng trong đàm thoại truyền hình; pin điện; bộ sạc điện dùng cho pin; chuột dùng cho máy vi tính; tai nghe; phần mềm được ghi sẵn dùng trong lĩnh vực truyền thông; ống phóng thanh (micrô).

---

(111) **4-0166615**
(210) 4-2010-06218
(181) 29.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 29.06.2011
(220) 29.03.2010

(531) A6.19.9; A3.13.6; 5.7.3
(591) Trắng, đen, xanh lá cây, xanh lá cây đậm, vàng nhạt, vàng, vàng đậm, vàng nâu, đỏ, xanh da trời, xa da trời đậm, xanh da trời nhạt
(731) HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH TỔNG HỢP HÒA TIẾN 1 (VN)
Thôn Yên Nê 2, xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 31: Lúa giống.

---

(111) **4-0166616**
(210) 4-2010-07616
(181) 13.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ODF
ONDOGnFRIENDS

(151) 29.06.2011
(220) 13.04.2010

(531) 14.3.1; 26.13.25
(731) PMTD LIMITED (HK)
1st Floor, Long To Building, 654-656 Castle Peak Road, Lai Chi Kok, Kowloon, Hong Kong
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo thuộc nhóm này; đồ đi chân thuộc nhóm này; mũ đội đầu; thắt lưng thuộc trang phục; găng tay thuộc trang phục; cà vạt.

---

(111) **4-0166617**
(210) 4-2010-06234
(181) 29.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

TABAOS

(151) 29.06.2011
(220) 29.03.2010

(731) GIP TSƯỚNG VÀ (VN)
9G, đường Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo, giày, dép.

---

(111) **4-0166618**
(210) 4-2010-07179
(181) 08.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

SEASONIX

(151) 29.06.2011
(220) 08.04.2010

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM KIM BẢN (VN)
43 đường số 2, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166619**
(210) 4-2010-07191
(181) 08.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

JOINTCERIN

(151) 29.06.2011
(220) 08.04.2010

(731) GRACURE PHARMACEUTICALS LTD. (IN)
E-1105, Industrial Area, Phase-III, Bhiwadi, (Raj.), India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ AL Nguyên (ALNGUYEN IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166620**
(210) 4-2010-09210
(181) 29.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 29.06.2011
(220) 29.04.2010

(531) 5.5.16; A5.1.16; A5.3.15; A5.5.20
(591) Đỏ, xanh.
(731) NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG (VPBANK) (VN)
Số 8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Thẻ ATM (đã được mã hoá); thẻ ghi nợ (đã được mã hoá); thẻ tín dụng (đã được mã hoá); phần mềm ngân hàng.

Nhóm 35: Quản lý dự án đầu tư xây dựng; tư vấn lập hồ sơ mời thầu.

Nhóm 36: Dịch vụ ngân hàng; dịch vụ tài chính; dịch vụ giao dịch chứng khoán; dịch vụ thẻ tín dụng; dịch vụ bảo hiểm; kinh doanh bất động sản; dịch vụ tư vấn tài chính; dịch vụ ủy thác tài chính.

Nhóm 37: Xây dựng, xây lắp công trình; giám sát thi công công trình xây dựng;

Nhóm 42: Thiết kế kiến trúc; tư vấn kiến trúc; lập dự án đầu tư xây dựng.

---

(111) **4-0166621**
(210) 4-2010-07637
(181) 13.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BEBEKID

(151) 29.06.2011
(220) 13.04.2010

(731) N.V. NUTRICIA (NL)
Eerste Stationsstraat 186, 2712 HM Zoetermeer, The Netherlands
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các chất ăn kiêng dùng cho mục đích y tế, cụ thể là chất bổ sung dinh dưỡng, thực phẩm và đồ uống cho phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú và nuôi con bằng sữa mẹ, thực phẩm cho trẻ sơ sinh, thực phẩm và đồ uống cho trẻ sơ sinh có nhu cầu dinh dưỡng đặc biệt, sữa cho phụ nữ có thai và phụ nữ cho con bú; bột ngũ cốc cho trẻ còn ẵm ngửa.

Nhóm 29: Sữa và sản phẩm sữa, sữa bột.

---

(111) **4-0166622**
(210) 4-2010-07635
(181) 13.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 29.06.2011
(220) 13.04.2010

(531) 26.1.1; A26.11.12; 26.13.25
(731) CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐÔNG (VN)
Số 103 C1, KDC An Bình, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, hàng ngũ kim, (nồi, niêu, xoong, chảo).

---

(111) **4-0166623**
(210) 4-2010-07893
(181) 15.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

GOMEX JUNIOR

(151) 29.06.2011
(220) 15.04.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM VIỆT HƯNG (VN)
Đường Phan Văn Đối, ấp Tiền Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền; cháo ăn liền; gia vị; bột ngũ cốc; sô cô la; ca cao; thạch hoa quả (bánh kẹo).

---

(111) **4-0166624**
(210) 4-2010-07894
(181) 15.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

GOMEX RICHI

(151) 29.06.2011
(220) 15.04.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM VIỆT HƯNG (VN)
Đường Phan Văn Đối, ấp Tiền Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền; cháo ăn liền; gia vị; bột ngũ cốc; sô cô la; ca cao; thạch hoa quả (bánh kẹo).

---

(111) **4-0166625**
(210) 4-2010-07895
(181) 15.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

GOMEX POWER MAX

(151) 29.06.2011
(220) 15.04.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM VIỆT HƯNG (VN)
Đường Phan Văn Đối, ấp Tiền Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền; cháo ăn liền; gia vị; bột ngũ cốc; sô cô la; ca cao; thạch hoa quả (bánh kẹo).

---

(111) **4-0166626**
(210) 4-2010-07991
(181) 16.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

DYCID SR

(151) 29.06.2011
(220) 16.04.2010

(731) PHARMIX CORPORATION (KR)
1304, Garak ID Tower, 99-7, Garak-dong, Songpa-gu, Seoul, Korea.
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166627**
(210) 4-2010-11410
(181) 27.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

YKC
YKCHI

(151) 29.06.2011
(220) 27.05.2010

(531) 26.4.3
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TÙNG CHÂU (VN)
Số 70 đường 30, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán vòng bi, các cụm vi mạch điện dùng cho xe gắn máy, các loại phụ tùng xe gắn máy.

---

(111) **4-0166628**
(210) 4-2010-09836
(181) 11.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 29.06.2011
(220) 11.05.2010

(531) 26.15.1; 26.1.1
(731) BEAUTY RIVER INTERNATIONAL CO., LTD. (TW)
11F, -10, No. 50, Sec. 1, Zhongxiao W. Rd., Zhongzheng Dist., Taipei City 100, Taiwan
(740) Công ty TNHH Tư vấn Nhiệt tâm và Cộng sự (NT & PARTNERS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0166629**
(210) 4-2009-01155
(181) 20.01.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Littlesapa

(151) 29.06.2011
(220) 20.01.2009

(531) 26.4.2
(731) NGUYỄN XUÂN DŨNG (VN)
18 phố Cầu Mây, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai.

(511) Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn; dịch vụ nhà trọ; dịch vụ nhà hàng ăn uống; dịch vụ quán rượu (quầy ba); dịch vụ quán cà phê.

---

(111) **4-0166630**
(210) 4-2010-07870
(181) 15.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

CLINDANEU

(151) 29.06.2011
(220) 15.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN (VN)
16 Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng trong ngành y; thực phẩm bổ sung dinh dưỡng dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0166631**
(210) 4-2010-10213
(181) 13.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 29.06.2011
(220) 13.05.2010

(531) 26.1.2; 24.15.21; 26.3.23
(591) Đỏ, xanh, trắng.
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TUẤN LINH (VN)
57 Hàm Nghi, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 09: Máy vi tính để bàn, máy vi tính xách tay, máy fax, máy in, máy scan.

---

(111) **4-0166632**
(210) 4-2010-11317
(181) 26.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

PRESOLON

(151) 29.06.2011
(220) 26.05.2010

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0166633**
(210) 4-2010-11318
(181) 26.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

LUCITROY

(151) 29.06.2011
(220) 26.05.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ATM (VN)
89F Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166634**
(210) 4-2010-11319
(181) 26.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

CWTECHFLEX

(151) 29.06.2011
(220) 26.05.2010

(731) CHOONGWAE PHARMA CORPORATION (KR)
698, Sindaebang-dong, Dongjak-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166635**
(210) 4-2010-09797
(181) 10.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

safama

(151) 29.06.2011
(220) 10.05.2010

(591) Da cam
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI THUẬN QUANG (VN)
148/4 Hà Huy Giáp, phường Thạnh Lộc, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 17: Sản phẩm cao su-dệt găng tay; bán thành phẩm bằng chất dẻo sử dụng trong sản xuất, vật liệu để bao gói, bịt kín, cách ly.

---

(111) **4-0166636**
(210) 4-2010-11297
(181) 26.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

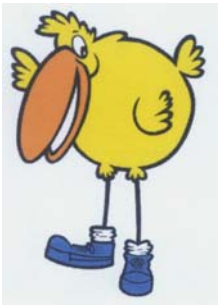

(151) 29.06.2011
(220) 26.05.2010

(531) 3.7.3; A3.7.24
(591) Vàng, da cam, trắng, xanh nước biển, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN LIWAYWAY VIỆT NAM (VN)
Số 14, đường số 5, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 29: Thịt, cá (không còn sống), gia cầm (không còn sống) và thịt thú săn; chất chiết ra từ thịt; trái cây và rau củ được bảo quản, đông lạnh, sấy khô và nấu sẵn; nước

quả nấu đông làm thực phẩm, mứt ướt, mứt quả dạng ướt; trứng, sữa và các sản phẩm làm từ sữa; dầu ăn và mỡ ăn.

Nhóm 30: Cà phê, chè, ca cao, đường, gạo, bột cọ, bột sắn, cà phê nhân tạo; bột ngũ cốc và các chế phẩm làm từ bột ngũ cốc, bánh mỳ, bánh làm từ bột nhão và bánh kẹo, kem lạnh; mật ong, mật đường; men (không dùng cho động vật hay mục đích y tế), bột nở; muối để nấu ăn, muối để bảo quản thực phẩm; mù tạt; dấm, nước xốt (gia vị); gia vị; đá ăn; đồ uống được chế trên cơ sở sôcôla; đồ uống được chế trên cơ sở ca cao, đồ uống được chế trên cơ sở cà phê, hương liệu cho đồ uống (không phải là tinh dầu), đồ uống được chế trên cơ sở trà.

Nhóm 32: Bia; nước khoáng (đồ uống) và nước uống có ga và các đồ uống không cồn khác; đồ uống trái cây (không cồn) và nước trái cây ép; xi rô và các chế phẩm khác dùng để pha đồ uống.

---

(111) **4-0166637**
(210) 4-2010-10159
(181) 13.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 29.06.2011
(220) 13.05.2010

(531) 3.7.3; A3.7.24; A3.7.25
(591) Trắng, vàng, đỏ, xanh lá cây sẫm, kem
(731) CARROLS CORPORATION (US)
968 James Street, Syracuse, New York 13217, United States
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0166638**
(210) 4-2010-10173
(181) 13.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ALFUDUT

(151) 29.06.2011
(220) 13.05.2010

(731) CADILA HEALTHCARE LTD. (IN)
"Zydus Tower". Satellite cross road, Ahmedabad 380015, India.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166639**
(210) 4-2010-10174
(181) 13.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ZYMLOTIN

(151) 29.06.2011
(220) 13.05.2010

(731) CADILA HEALTHCARE LTD. (IN)
"Zydus Tower". Satellite cross road, Ahmedabad 380015, India.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166640**
(210) 4-2008-26100
(181) 09.12.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

4D Brands

(151) 29.06.2011
(220) 09.12.2008

(591) Đỏ, xám tro.
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN LƯỢNG TỬ (VN)
135/37/50 Nguyễn Hữu Cảnh, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 30: Cà phê; cà phê nhân tạo (chất thay thế cà phê); cà phê sữa; hương liệu cà phê; cà phê chưa rang (cà phê xanh); chè (trà).

Nhóm 39: Dịch vụ vận chuyển và giao nhận hàng hóa; cho thuê kho hàng làm lạnh thực phẩm; đóng (bao) gói hàng; phân phát các bưu kiện (gói hàng); cất giữ hàng hóa.

---

(111) **4-0166641**
(210) 4-2010-06130
(181) 26.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Project sustainability
URBAN MIX - RECYCLE - ORGANIC - PORTABLE

(151) 29.06.2011
(220) 26.03.2010

(731) YAMATO INTERNATIONAL INC. (JP)
No. 3-9, Bakuro-machi 2-chome, Chuo-ku, Osaka, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 18: Gậy leo núi; ba lô đeo vai; túi dùng cho người leo núi; dải buộc bằng da; ba toong; hộp đựng danh thiếp; quần áo cho vật nuôi kiểng; bộ lông thú; túi đựng quần áo

dùng để đi du lịch; khung dùng cho túi xách tay; túi xách tay; giả da; cái lọng; ví đựng tiền bỏ túi dùng cho nữ giới; ví đựng tiền dùng cho nam giới; yên cương; cặp sách; túi dùng để đi mua hàng; va li; túi du lịch; cái ô; hộp đựng đồ trang điểm (hộp rỗng không có đồ trang điểm đi kèm); gậy chống.

Nhóm 25: Quần áo; đồ đi chân; đồ đội đầu dùng cho trang phục; thắt lưng (trang phục); găng tay (trang phục).

---

(111) **4-0166642**
(210) 4-2010-06072
(181) 25.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

EZEECOF

(151) 29.06.2011
(220) 25.03.2010

(731) SRS PHARMACEUTICALS PVT. LTD. (IN)
6, National House 27, Raghunath Dadaji Street, Fort, Mumbai-400 001, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0166643**
(210) 4-2010-06073
(181) 25.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

hepatovir

(151) 29.06.2011
(220) 25.03.2010

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
No.27, Race Course Road, Bangalore-560 001, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0166644**
(210) 4-2010-06076
(181) 25.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

OLYMPUS Radio Server

(151) 29.06.2011
(220) 25.03.2010

(731) OLYMPUS CORPORATION (JP)
43-2, Hatagaya 2-chome, Shibuya-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 09: Thiết bị tái tạo âm thanh và âm nhạc; máy thu và ghi chương trình phát sóng của ra-đi- ô cùng các bộ phận và linh kiện của chúng, cụ thể là: thẻ nhớ, ắc quy điện và pin điện, bộ nạp điện cho ắc quy, dây cáp điện, cái nắn điện dòng điện xoay chiều, cái điều khiển từ xa, ăng ten, hộp đựng máy thu và ghi chương trình phát sóng của ra-đi- ô; phần mềm máy tính để biên tập âm nhạc và âm thanh kỹ thuật số.

---

(111) **4-0166645**
(210) 4-2010-06177
(181) 26.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

PLENMOXI

(151) 29.06.2011
(220) 26.03.2010

(731) AKUMS DRUGS & PHARMACEUTICALS LTD (IN)
304, Mohan Place, L.S.C Block - C, Saraswati Vihar, New Delhi - 110034, India
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166646**
(210) 4-2010-06179
(181) 26.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ERTAWEL

(151) 29.06.2011
(220) 26.03.2010

(731) AKUMS DRUGS & PHARMACEUTICALS LTD (IN)
304, Mohan Place, L.S.C Block - C, Saraswati Vihar, New Delhi - 110034, India
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166647**
(210) 4-2010-06192
(181) 26.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

LAMBA

(151) 29.06.2011
(220) 26.03.2010

(531) 1.15.5; A26.11.12
(591) Xanh lá cây, đỏ, da cam, trắng.
(731) HỘ KINH DOANH LÂM BÁ (VN)
198/7A/9 Bình Thới, phường 14, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán quần áo; mua bán quần áo thể thao; mua bán dụng cụ thể dục thể thao.

---

(111) **4-0166648**
(210) 4-2010-06813
(181) 02.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

GIFUM®
姬芙美

(151) 29.06.2011
(220) 02.04.2010

(591) Xanh nhạt, trắng
(731) NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH (VN)
Số 48 ngõ 2 Trung Phụng, Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0166649**
(210) 4-2010-06211
(181) 29.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

RICHLY

(151) 29.06.2011
(220) 29.03.2010

(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MỸ PHẨM NHƯ Ý (VN)
142E/19 Cô Giang, phường 2, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0166650**
(210) 4-2010-06138
(181) 26.03.2020
(300) 201000583 19.01.2010 NO
(450) 25.08.2011 281
(540)

CERAFORTE

(151) 29.06.2011
(220) 26.03.2010

(731) ELKEM AS (NO)
Hoffsveien 65B, 0377 Oslo, Norway
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 01: Hợp chất hóa học được chế tạo chủ yếu từ si-líc đi-ô-xýt dùng trong việc đổ khuôn và đúc các bộ phận của máy móc, bộ phận của máy công cụ, áo giáp sắt và quần áo chịu nhiệt dùng trong luyện kim.

Nhóm 19: Xi măng có chứa si-líc đi-ô-xýt.

---

(111) **4-0166651**
(210) 4-2010-06174
(181) 26.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

FLEXPRO

(151) 29.06.2011
(220) 26.03.2010

(531) 26.1.2
(731) FLEX PRO CO., LTD. (TW)
No. 241, Shi Chou Rd., Sheng Kang Hsiang, Taichung Hsien, Taiwan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo; áo nịt len thể thao; áo dệt kim cộc tay; bộ quần áo tắm; giầy; giầy thể thao; miếng lót giầy; đồ đội đầu; dải băng buộc đầu (trang phục); quần áo dệt kim.

---

(111) **4-0166652**
(210) 4-2010-06811
(181) 02.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

VAXUCO

(151) 29.06.2011
(220) 02.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN XUÂN 27-7 (VN)
Cụm công nghiệp, tiểu khu 1, thị trấn Neo, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

Nhóm 35: Buôn bán nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0166653**
(210) 4-2010-06472
(181) 31.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

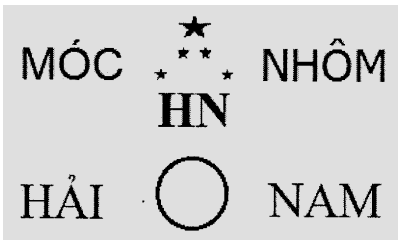

(151) 29.06.2011
(220) 31.03.2010

(531) A1.1.10; A1.1.5; 26.1.1
(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ HẢI NAM (VN)
224/11/34A, Phạm Văn Chí, phường 4, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 20: Móc áo bằng sắt bọc nhựa.

---

(111) **4-0166654**
(210) 4-2010-06175
(181) 26.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

AKUBUTEN

(151) 29.06.2011
(220) 26.03.2010

(731) AKUMS DRUGS & PHARMACEUTICALS LTD (IN)
304, Mohan Place, L.S.C Block - C, Saraswati Vihar, New Delhi - 110034, India
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166655**
(210) 4-2010-06176
(181) 26.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

AKUPROZIL

(151) 29.06.2011
(220) 26.03.2010

(731) AKUMS DRUGS & PHARMACEUTICALS LTD (IN)
304, Mohan Place, L.S.C Block - C, Saraswati Vihar, New Delhi - 110034, India
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166656**
(210) 4-2010-06178
(181) 26.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

AKUFARO

(151) 29.06.2011
(220) 26.03.2010

(731) AKUMS DRUGS & PHARMACEUTICALS LTD (IN)
304, Mohan Place, L.S.C Block - C, Saraswati Vihar, New Delhi - 110034, India
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166657**
(210) 4-2010-06994
(181) 06.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 29.06.2011
(220) 06.04.2010

(531) 3.7.16; 1.15.23; 1.15.24; 26.1.1
(591) Đỏ, trắng.
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐỒ HỘP KHÁNH HÒA (VN)
Quốc lộ 1A, thôn Cư Thạnh, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 29: Cá ngừ sọc dưa ngâm dầu, cá ngừ xé nhỏ ngâm dầu, cá sốt cà, thịt hộp, xúc xích.

---

(111) **4-0166658**
(210) 4-2010-06995
(181) 06.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 29.06.2011
(220) 06.04.2010

(531) 26.1.1; 3.7.16; 1.15.23; 1.15.24
(591) Xám, trắng.
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐỒ HỘP KHÁNH HÒA (VN)
Quốc lộ 1A, thôn Cư Thạnh, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 29: Cá ngừ sọc dưa ngâm dầu, cá ngừ xé nhỏ ngâm dầu, cá sốt cà, thịt hộp, xúc xích.

---

(111) **4-0166659**
(210) 4-2010-07034
(181) 07.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 29.06.2011
(220) 07.04.2010

(531) 26.1.2; 26.4.2; A26.4.6
(591) Xanh, đỏ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN IN VĂN HỌC (VN)
Số 103 Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 40: Dịch vụ in ấn.

---

(111) **4-0166660**
(210) 4-2010-06111
(181) 26.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 29.06.2011
(220) 26.03.2010

(531) A25.7.21; A26.4.6
(591) Đỏ.
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VINH CƠ (VN)
Số 5, đại lộ Hoà Bình, phường Trần Phú, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Sao Việt (VIPATCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ vận tải hành khách, vận tải hàng hoá bằng đường bộ.

---

(111) **4-0166661**
(210) 4-2009-21173
(181) 02.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

PANAHEAT

(151) 29.06.2011
(220) 02.10.2009

(731) GLAXOSMITHKLINE DUNGARVAN LIMITED (IE)
Knockbrack, Dungarvan, Dungarvan Co Waterford, Ireland
(740) Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu (SAO BẮC ĐẨU IP COM.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Miếng dán làm nóng có tẩm thuốc dùng để giảm đau, dược phẩm và chế phẩm thú y; chất ăn kiêng dùng cho mục đích y tế, thực phẩm dành cho trẻ sơ sinh; cao dán dùng cho mục đích y tế, vật liệu để băng bó (dùng cho mục đích y tế); chất dùng để hàn răng và in dấu răng (dùng cho mục đích y học); chất tẩy uế, chế phẩm diệt động vật có hại; chất diệt nấm, thuốc diệt cỏ.

Nhóm 10: Miếng dán làm nóng không tẩm thuốc dùng để giảm đau; thiết bị và dụng cụ phẫu thuật; thiết bị và dụng cụ y tế; thiết bị và dụng cụ nha khoa; thiết bị và dụng cụ thú y; chân tay giả, mắt giả và răng giả; dụng cụ chỉnh hình; vật liệu để khâu vết thương.

---

(111) **4-0166662**
(210) 4-2010-07632
(181) 13.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 29.06.2011
(220) 13.04.2010

(531) 26.13.25; 26.4.7; A26.3.5
(591) Trắng, đỏ, xanh dương.
(731) CÔNG TY TNHH ĐÔNG VIỆT (VN)
Khu II, ấp Bình Thạch, xã Bình Hòa, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 07: Mũi khoan (bộ phận của máy).

---

(111) **4-0166663**
(210) 4-2010-07633
(181) 13.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 29.06.2011
(220) 13.04.2010

(531) A11.3.7; A11.1.6; A25.3.3
(591) Đỏ, cam, xanh lá cây, tím, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ PHỞ HAI MƯƠI BỐN (VN)
23-25 Trần Nhật Duật, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 30: Phở ăn liền, bún ăn liền, mì ăn liền, miến ăn liền, phở khô, gia vị.

---

(111) **4-0166664**
(210) 4-2010-07634
(181) 13.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 29.06.2011
(220) 13.04.2010

(531) 6.1.2; 25.12.1; 1.15.11; 26.1.2; 7.1.24
(591) Đỏ, xanh dương nhạt, xanh dương đậm, trắng, xanh lá cây, xanh lá cây đậm, vàng
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THIỆN TÂN II (VN)
ấp Vàm, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 19: Bột trát tường.

---

(111) **4-0166665**
(210) 4-2010-07514
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 29.06.2011
(220) 12.04.2010

(531) A7.1.11; A6.7.6; 7.1.24; A6.7.8
(731) CÔNG TY TNHH PHÚC HƯNG THỊNH (VN)
Tầng 19, tòa nhà Pacific Place, số 83 Lý Thường Kiệt, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự (BROSS & PARTNERS., JSC)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng phục vụ ăn uống; dịch vụ cung cấp thực phẩm và đồ ăn (do nhà hàng thực hiện).

---

(111) **4-0166666**
(210) 4-2010-07619
(181) 13.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

美人語
Beauty Talk

(151) 29.06.2011
(220) 13.04.2010

(731) IMI CORPORATION (TW)
7F.-1, No. 306, Sec. 1, Neihu Rd., Neihu Dist., Taipei City 11444, Taiwan
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh dùng cho mục đích trang điểm; chế phẩm mỹ phẩm chăm sóc da; kem dùng cho mục đích trang điểm; nước thơm dưỡng da dùng làm mỹ phẩm; mặt nạ làm đẹp (mỹ phẩm); sữa làm sạch dùng cho mục đích vệ sinh.

---

(111) **4-0166667**
(210) 4-2010-07470
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

PERIBRAIN

(151) 29.06.2011
(220) 12.04.2010

(731) ST. ANDREWS PHARMACEUTICALS CORPORATION (HK)
38th Floor, Tower One, Lippo Centre, 89 Queensway, Hong Kong
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166668**
(210) 4-2010-07471
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

FLUCENZA

(151) 29.06.2011
(220) 12.04.2010

(731) CÔNG TY TNHH HOÁ DƯỢC HỢP TÁC (C-PHARMA CHEM CO., LTD) (VN)
C-404, RC Kimdo Office Building, 129A Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166669**
(210) 4-2010-07472
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

NALANSON KIT

(151) 29.06.2011
(220) 12.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN (VN)
16 Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Vinh, Nghệ An
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng trong ngành y; thực phẩm bổ sung dinh dưỡng dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0166670**
(210) 4-2010-07473
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

NafluEXTRA

(151) 29.06.2011
(220) 12.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN (VN)
16 Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Vinh, Nghệ An
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng trong ngành y; thực phẩm bổ sung dinh dưỡng dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0166671**
(210) 4-2010-07474
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

DNASTOMAT

(151) 29.06.2011
(220) 12.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN (VN)
16 Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Vinh, Nghệ An
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng trong ngành y; thực phẩm bổ sung dinh dưỡng dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0166672**
(210) 4-2010-07475
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

DNA - COLD

(151) 29.06.2011
(220) 12.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN (VN)
16 Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Vinh, Nghệ An
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng trong ngành y; thực phẩm bổ sung dinh dưỡng dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0166673**
(210) 4-2010-07590
(181) 13.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

FUNGUSCURE

(151) 29.06.2011
(220) 13.04.2010

(731) ALBERT DAVID LIMITED (IN)
15, Chitaranjan Avenue, Calcutta 700072, India
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166674**
(210) 4-2010-07591
(181) 13.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

SIOFLEX

(151) 29.06.2011
(220) 13.04.2010

(731) ALBERT DAVID LIMITED (IN)
15, Chitaranjan Avenue, Calcutta 700072, India
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166675**
(210) 4-2010-07592
(181) 13.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ATTUNE

(151) 29.06.2011
(220) 13.04.2010

(731) ALBERT DAVID LIMITED (IN)
15, Chitaranjan Avenue, Calcutta 700072, India
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y)

---

(111) **4-0166676**
(210) 4-2010-07593
(181) 13.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

HEPATOPRIM

(151) 29.06.2011
(220) 13.04.2010

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT - PHÁP (VN)
Số 36B, ngõ 111, phố Nguyễn Phong Sắc, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166677**
(210) 4-2009-03474
(181) 04.03.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 29.06.2011
(220) 04.03.2009

(591) Trắng, xanh dương, tím, đỏ
(731) CÔNG TY THÔNG TIN DI ĐỘNG (VN)
Toà nhà Mobifone, lô VP1, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 38: Dịch vụ thông tin liên lạc bằng điện thoại di động; dịch vụ tin nhắn bằng điện thoại di động; dịch vụ truyền tin và ảnh có sự hỗ trợ của máy tính; dịch vụ thư điện tử; dịch vụ hộp thư thoại.

---

(111) **4-0166678**
(210) 4-2010-01932
(181) 28.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 29.06.2011
(220) 28.01.2010

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN OSEVEN (VN)
Đường số 2, KCN Tân Đông Hiệp B, Dĩ An, Bình Dương

(511) Nhóm 02: Sơn (ngoại trừ sơn cách nhiệt, cách điện).

---

(111) **4-0166679**
(210) 4-2010-11876
(181) 02.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 29.06.2011
(220) 02.06.2010

(531) 26.1.1; 2.3.8; 2.3.5; 2.3.25
(591) Đỏ, vàng đồng, đen.
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN OSEVEN (VN)
Đường số 2, KCN Tân Đông Hiệp B, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

(511) Nhóm 02: Sơn (ngoại trừ sơn cách nhiệt, cách điện).

---

(111) **4-0166680**
(210) 4-2010-11877
(181) 02.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 29.06.2011
(220) 02.06.2010

(531) 26.1.1; 2.3.8; 2.3.25; 2.3.5
(591) Đỏ, trắng, xám
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN OSEVEN (VN)
Đường số 2, KCN Tân Đông Hiệp B, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

(511) Nhóm 02: Sơn (ngoại trừ sơn cách nhiệt, cách điện).

---

(111) **4-0166681**
(210) 4-2010-06071
(181) 25.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Ezee-loss

(151) 30.06.2011
(220) 25.03.2010

(731) SRS PHARMACEUTICALS PVT. LTD. (IN)
6, National House 27, Raghunath Dadaji Street, Fort, Mumbai-400 001, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0166682**
(210) 4-2010-05559
(181) 22.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

CLAMORAX

(151) 30.06.2011
(220) 22.03.2010

(731) PHARMIX CORPORATION (KR)
1304, Garak ID Tower, 99-7, Garak-dong, Songpa-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166683**
(210) 4-2010-05741
(181) 23.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

HITHA

(151) 30.06.2011
(220) 23.03.2010

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI DÂY VÀ CÁP ĐIỆN HIỆP THÀNH (VN)
99/27 Tô Hiệu, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 09: Dây cáp điện; dây điện; công tắc điện; cầu dao điện; ổn áp điện; hộp nối đầu dây điện.

---

(111) **4-0166684**
(210) 4-2010-05871
(181) 24.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Body Curve

(151) 30.06.2011
(220) 24.03.2010

(731) UNI-CHARM CORPORATION (JP)
182, Shimobun, Kinsei-cho, Shikokuchuo-shi, Ehime-ken, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Băng vệ sinh; miếng lót (dùng cho mục đích vệ sinh).

---

(111) **4-0166685**
(210) 4-2010-05932
(181) 24.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 30.06.2011
(220) 24.03.2010

(531) A5.1.5; A5.1.16; 26.5.3; 26.5.4
(731) GUANG XI MINGYANG BIOCHEMISTRY SCIENCE & TECHNOLOGY CO., LTD (CN)
MingYang, Nanning, Guangxi, China
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 01: Bột dùng trong công nghiệp; cồn (chất hóa học không thuộc nhóm khác); cồn êtylíc; prôtêin (nguyên liệu thô); diastaba (một loại chất hóa học) dùng trong công nghiệp; bột sắn hột dùng trong công nghiệp.

---

(111) **4-0166686**
(210) 4-2010-05933
(181) 24.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

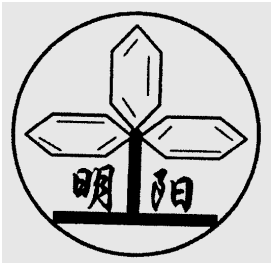

(151) 30.06.2011
(220) 24.03.2010

(531) 26.5.3; 26.5.4; A5.1.5; A5.1.16
(731) GUANG XI MINGYANG BIOCHEMISTRY SCIENCE & TECHNOLOGY CO., LTD (CN)
MingYang, Nanning, Guangxi, China
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 01: Bột dùng trong công nghiệp; cồn (chất hóa học không thuộc nhóm khác); cồn êtylíc; prôtêin (nguyên liệu thô); diastaba (một loại chất hóa học) dùng trong công nghiệp; bột sắn hột dùng trong công nghiệp.

---

(111) **4-0166687**
(210) 4-2010-05934
(181) 24.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

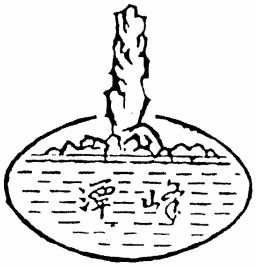

(151) 30.06.2011
(220) 24.03.2010

(531) 6.1.2; 26.1.2; A26.11.11
(731) GUANG XI MINGYANG BIOCHEMISTRY SCIENCE & TECHNOLOGY CO., LTD (CN)
MingYang, Nanning, Guangxi, China
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 01: Bột dùng trong công nghiệp; cồn (chất hóa học không thuộc nhóm khác); cồn êtylíc; prôtêin (nguyên liệu thô); diastaba (một loại chất hóa học) dùng trong công nghiệp; bột sắn hột dùng trong công nghiệp.

---

(111) **4-0166688**
(210) 4-2010-06079
(181) 26.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 30.06.2011
(220) 26.03.2010

(531) A26.11.12; 26.4.2
(591) Da cam, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AUSTDOOR (VN)
Số 8 lô 13A, khu đô thị Trung Yên, Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 06: Cửa cuốn bằng kim loại; cửa số bằng kim loại; các loại cổng bằng kim loại; mái hiên di động bằng kim loại; khung cửa bằng kim loại; phụ kiện bằng kim loại dùng cho cửa cuốn.

---

(111) **4-0166689**
(210) 4-2010-05756
(181) 23.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

SẮC GIỚI

(151) 30.06.2011
(220) 23.03.2010

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRỊNH TRẦN (VN)
28/21 cư xá Lữ Gia, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166690**
(210) 4-2010-05757
(181) 23.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

NGUYỆT KHANG

(151) 30.06.2011
(220) 23.03.2010

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRỊNH TRẦN (VN)
28/21 cư xá Lữ Gia, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166691**
(210) 4-2010-05759
(181) 23.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

CAN MẠNH KHANG

(151) 30.06.2011
(220) 23.03.2010

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRỊNH TRẦN (VN)
28/21 cư xá Lữ Gia, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166692**
(210) 4-2010-05895
(181) 24.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

GLAB G CREAM

(151) 30.06.2011
(220) 24.03.2010

(731) GREEN APPLE LIFESCIENCES LTD (IN)
A-23 Circle-B, Opp Corporate House, Above Pakwan-II, Bodakdev, S.G.Highway, Ahmedabad-380 054 GUJARAT
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166693**
(210) 4-2010-05896
(181) 24.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

GLAB S LOTION

(151) 30.06.2011
(220) 24.03.2010

(731) GREEN APPLE LIFESCIENCES LTD (IN)
A-23 Circle-B, Opp Corporate House, Above Pakwan-II, Bodakdev, S.G.Highway, Ahmedabad-380 054 Gujarat
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166694**
(210) 4-2010-05897
(181) 24.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

SHEEN PLUS GEL

(151) 30.06.2011
(220) 24.03.2010

(731) GREEN APPLE LIFESCIENCES LTD (IN)
A-23 Circle-B, Opp Corporate House, Above Pakwan-II, Bodakdev, S.G.Highway, Ahmedabad-380 054 Gujarat
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166695**
(210) 4-2010-05898
(181) 24.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

TRICH SHAMPOO

(151) 30.06.2011
(220) 24.03.2010

(731) GREEN APPLE LIFESCIENCES LTD (IN)
A-23 Circle-B, Opp Corporate House, Above Pakwan-II, Bodakdev, S.G.Highway, Ahmedabad-380 054 Gujarat
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166696**
(210) 4-2010-06093
(181) 26.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 30.06.2011
(220) 26.03.2010

(531) 26.1.1; 1.15.23; 25.1.25
(731) BP INTERNATIONAL RIGHTS HOLDINGS INC. (CA)
1200 - 200 Burrard Street, Vancouver, British Columbia V7X 1T2 Canada
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Xúp; sa lát rau; món ăn được chế biến từ sườn, món ăn được chế biến từ gà, món ăn được chế biến từ cá hồi, món ăn được chế biến từ thịt bò, cánh gà, khoai tây chiên, đùi gà; sườn sấy khô, món ăn đã được chế biến từ miếng khoai tây để cả vỏ cỏ kèm thịt xông khói và pho mát; rau đã được nấu chín.

Nhóm 30: Món mì ở dạng miếng đã được chế biến có kèm nước xốt, thịt và bơ, món mì sợi đã chế biến, bánh mì, gạo và món ăn làm từ gạo, món pitsa và món mì ống, bánh xăng đuých; bánh táo giòn; bánh ngọt; kem lạnh.

Nhóm 32: Đồ uống không chứa cồn.

Nhóm 35: Nhượng quyền kinh doanh nhà hàng ăn uống, cụ thể là trợ giúp kỹ thuật trong việc thành lập và điều hành hoạt động nhà hàng ăn uống, quầy bán rượu và quầy rượu côctai.

Nhóm 39: Dịch vụ vận chuyển thực phẩm và đồ uống đã chế biến để tiêu dùng.

Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống; dịch vụ mang đồ ăn uống đi do nhà hàng thực hiện; dịch vụ quầy rượu côctai; dịch vụ quầy bán rượu.

(111) **4-0166697**
(210) 4-2010-05876
(181) 24.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

FLOROZIL

(151) 30.06.2011
(220) 24.03.2010

(731) SANTE (PTV) LTD. (PK)
245/2-Z, Block 6, PECHS, Karachi 75400, Pakistan
(740) Công ty TNHH Vĩnh Phát và Liên danh (VIFA & ASSOCIATES CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166698**
(210) 4-2010-05903
(181) 24.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

WELQUINE

(151) 30.06.2011
(220) 24.03.2010

(731) AKUMS DRUGS & PHARMACEUTICALS LTD. (IN)
304, Mohan Place, L.S.C Block - C. Saraswati Vihar, New Delhi - 110034, India
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166699**
(210) 4-2010-05404
(181) 19.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

英全
ANH TOÀN

(151) 30.06.2011
(220) 19.03.2010

(731) ENCHUAN CHEMICAL INDUSTRIES CO., LTD. (TW)
No. 676, Taiping Rd, Taiping City, Taichung Hsien, Taiwan
(740) Công ty Hỗ trợ phát triển công nghệ (DETECH)

(511) Nhóm 17: Cao su tự nhiên; chất dẻo bán thành phẩm; chất dẻo dạng thanh, dạng khối, dạng viên, dạng que, dạng tấm và hình ống; cao su tổng hợp; chất dẻo chịu nhiệt dạng viên; nhựa nhân tạo đàn hồi chịu nhiệt dạng viên; chất dẻo cô đặc dạng viên; cao su (thô hoặc bán thành phẩm).

---

(111) **4-0166700**
(210) 4-2010-05406
(181) 19.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

英全
ANH TOÀN

(151) 30.06.2011
(220) 19.03.2010

(731) ENCHUAN CHEMICAL INDUSTRIES CO., LTD. (TW)
No.676, Taiping Rd, Taiping City, Taichung Hsien, Taiwan
(740) Công ty Hỗ trợ phát triển công nghệ (DETECH)

(511) Nhóm 01: Polyester tổng hợp chưa bão hòa; nhựa polystyrene; hợp chất nhựa chịu nhiệt; nhựa chịu nhiệt dẻo dạng lỏng có độ đậm đặc cao; nhựa dẻo chịu nhiệt đàn hồi; nhựa dạng polymer pha chất xốp (styrene) và chất đàn hồi (butadiene); nhựa dẻo nhân tạo dạng thô; nhựa dẻo tổng hợp dạng thô.

---

(111) **4-0166701**
(210) 4-2010-06471
(181) 31.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

VALLIZZO

(151) 30.06.2011
(220) 31.03.2010

(531) A25.7.6; A25.7.7
(591) Xanh
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VẠN LÝ (VN)
143/64 Nguyễn Văn Nghi, phường 7, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Buôn bán gạch, ngói, vật liệu xây dựng các loại.

---

(111) **4-0166702**
(210) 4-2010-07539
(181) 13.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

misem

(151) 30.06.2011
(220) 13.04.2010

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MỸ PHẨM YE WON (VN)
307H Bạch Mai, phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0166703**
(210) 4-2010-07534
(181) 13.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 30.06.2011
(220) 13.04.2010

(531) 26.15.25; A14.3.13; A1.1.8; 26.3.1; 26.13.25
(591) Đen, trắng, đỏ, vàng cam, xanh đậm
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ SINH PHÚ (VN)
Số 06 ngách 18, ngõ 165 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 11: Thiết bị lọc (làm sạch) không khí; thiết bị khử mùi không khí; thiết bị khử trùng; thiết bị lọc nước; máy tạo khí ô-zôn (máy này được dùng với mục đích sát trùng, khử mùi, diệt khuẩn, làm sạch không khí và nước).

---

(111) **4-0166704**
(210) 4-2010-07118
(181) 07.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

GLOZYME

(151) 30.06.2011
(220) 07.04.2010

(731) GLOBAL PHARMA HEALTHCARE PVT.LTD., (IN)
10, Varadharajapet Road, Kodambakham, Chenai 600094, India
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166705**
(210) 4-2010-00685
(181) 12.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

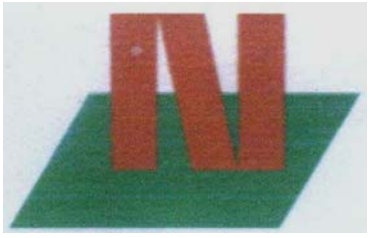

(151) 30.06.2011
(220) 12.01.2010

(531) 26.4.2; 26.4.4
(591) Cam, xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY TNHH NHẤT GIA (VN)
ấp Bình Lâm, xã Lộc An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 36: Môi giới bất động sản.

---

(111) **4-0166706**
(210) 4-2010-06496
(181) 31.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Dâu Đen

(151) 30.06.2011
(220) 31.03.2010

(731) CÔNG TY TNHH VIỆT HỢP (VN)
52/4A Huỳnh Văn Bánh, phường 15, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán: thiết bị viễn thông, điện thoại, thẻ điện thoại, thẻ internet, máy vi tính và linh kiện.

---

(111) **4-0166707**
(210) 4-2010-06012
(181) 25.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

WRIGLEY'S COOL AIR
REFRESH YOUR MIND

(151) 30.06.2011
(220) 25.03.2010

(731) WM. WRIGLEY JR. COMPANY (US)
410 North Michigan Avenue, Chicago, Illinois 60611, USA.
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 30: Bánh kẹo cụ thể như kẹo cao su (không dùng trong ngành y), kẹo cao su có thể thổi thành bong bóng (không dùng trong ngành y), kẹo, kẹo bạc hà, kẹo hình giọt nước, kẹo dạng hình thoi.

---

(111) **4-0166708**
(210) 4-2010-01299
(181) 20.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

pet products

(151) 30.06.2011
(220) 20.01.2010

(531) 26.1.6; 26.4.4; 26.4.2
(731) PET-LINK COMPANY LIMITED (HK)
10A, Block II, Tai Ping Industrial Centre, 55 Ting Kok Road, Tai Po, N.T., Hong Kong
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 21: Cái chậu; bình cầu thủy tinh (đồ chứa); đồ sứ gia dụng, cụ thể là cái tô, bát, đĩa ăn, ấm đun nước, bộ đồ ăn (bát đĩa), vại, hũ và lọ đựng; sản phẩm nghệ thuật bằng gốm sứ, đất nung hoặc thủy tinh; thùng chứa đồ uống; mắc treo quần áo; lược chải dùng cho động vật; cái phích (bình thủy); khăn và giẻ lau vệ sinh; chuồng cho súc vật quí nuôi trong nhà.

---

(111) **4-0166709**
(210) 4-2010-06030
(181) 25.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

COVENBU

(151) 30.06.2011
(220) 25.03.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ATM (VN)
89F Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166710**
(210) 4-2010-06031
(181) 25.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ACUVITA

(151) 30.06.2011
(220) 25.03.2010

(731) OLIVE HEALTHCARE (IN)
Godrej Colisuem, Somaiya Hospital Road, B-3, 2 nd Floor, Sion (East), Mumbai-400 022 India
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166711**
(210) 4-2010-06032
(181) 25.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

GYNUZYN

(151) 30.06.2011
(220) 25.03.2010

(731) OLIVE HEALTHCARE (IN)
Godrej Colisuem, Somaiya Hospital Road, B-3, 2 nd Floor, Sion (East), Mumbai-400 022 India
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166712**
(210) 4-2010-06034
(181) 25.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

RIVTENO

(151) 30.06.2011
(220) 25.03.2010

(731) TICOS LIFESCIENCES LIMITED (IN)
222/B, Shreeji Complex, Near Ellisbridge Post Office, Ellisbridge, Ahmedabad-380 006. (Gujarat-India)
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166713**
(210) 4-2010-06035
(181) 25.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

LAMWOOD

(151) 30.06.2011
(220) 25.03.2010

(731) TICOS LIFESCIENCES LIMITED (IN)
222/B, Shreeji Complex, Near Ellisbridge Post Office, Ellisbridge, Ahmedabad-380 006. (Gujarat-India)
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166714**
(210) 4-2010-07090
(181) 07.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BACKSIDE

(151) 30.06.2011
(220) 07.04.2010

(731) CÔNG TY TNHH TIẾN NHI (VN)
Số 651, quốc lộ 1A, phường Tân Khánh, thành phố Tân An, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần, áo may sẵn.

---

(111) **4-0166715**
(210) 4-2010-07091
(181) 07.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

SPINEFE

(151) 30.06.2011
(220) 07.04.2010

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT - PHÁP (VN)
Số 36B, ngõ 111, phố Nguyễn Phong Sắc, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166716**
(210) 4-2010-07094
(181) 07.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ESKAFRATE

(151) 30.06.2011
(220) 07.04.2010

(731) CÔNG TY TNHH CONSUS (VN)
Số 3 ngõ 151 phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166717**
(210) 4-2010-01311
(181) 20.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

USASPILURA

(151) 30.06.2011
(220) 20.01.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC ĐỨC (VN)
Số nhà 368B, đường Trần Cung, xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166718**
(210) 4-2010-07554
(181) 13.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

KINCO

(151) 30.06.2011
(220) 13.04.2010

(731) NGUYỄN CÔNG TRÍ (VN)
194 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 40: Dịch vụ in ấn

Nhóm 41: Tổ chức trình diễn, dịch vụ nhiếp ảnh

Nhóm 42: Thiết kế tạo mẫu.

---

(111) **4-0166719**
(210) 4-2010-01310
(181) 20.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

TETPEN

(151) 30.06.2011
(220) 20.01.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM DO HA (VN)
Số 30, tập thể Trần Phú, ngõ 105, đường Nguyễn Phong Sắc, tổ 16, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166720**
(210) 4-2010-01312
(181) 20.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

USAPOLY

(151) 30.06.2011
(220) 20.01.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC ĐỨC (VN)
Số nhà 368B, đường Trần Cung, xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166721**
(210) 4-2009-24270
(181) 10.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 30.06.2011
(220) 10.11.2009

(531) 2.3.25; A2.3.16; A26.11.12; 5.3.11; A5.3.15; 5.3.20
(591) Xanh dương, trắng
(731) ĐOÀN THỊ XUÂN HỒNG (VN)
32/2 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 44: Thẩm mỹ viện.

---

(111) **4-0166722**
(210) 4-2009-27555
(181) 18.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 30.06.2011
(220) 18.12.2009

(531) 26.1.1; A26.11.12; 26.13.25
(591) Đỏ, trắng, đen.
(731) LÊ THỊ THẮM (VN)
Xóm 6, xã Thọ Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

(511) Nhóm 35: Mua bán: vòi sen, vòi nước.

---

(111) **4-0166723**
(210) 4-2008-12422
(181) 12.06.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 30.06.2011
(220) 12.06.2008

(531) A3.13.4; A3.13.24; A25.1.10; 26.4.2
(591) Đỏ, trắng, nâu, vàng.
(731) CÔNG TY TNHH KHIẾT MINH (VN)
Số 171A đường Lý Thường Kiệt B, khu phố 9, phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

(511) Nhóm 30: Bánh mỳ; bánh ngọt; bánh kem; kem lạnh; cà phê; mứt; tất cả thuộc nhóm này.

Nhóm 43: Dịch vụ quán cà phê; dịch vụ khách sạn; nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0166724**
(210) 4-2009-23196
(181) 28.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

DAVICO

(151) 30.06.2011
(220) 28.10.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠI VIỆT (VN)
Phố Mới, dốc Kiên Thành, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 33: Rượu; rượu mạnh; rượu vang; đồ uống có cồn (trừ bia); đồ uống có cồn chứa hoa quả.

---

(111) **4-0166725**
(210) 4-2010-01944
(181) 28.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 30.06.2011
(220) 28.01.2010

(531) 1.5.1; 5.7.3; 5.13.4; 3.4.7
(591) Xanh dương, xanh lá cây, đen, nâu, cam, xám, trắng
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐỒNG NHI (VN)
ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh phở khô, bún gạo khô.

---

(111) **4-0166726**
(210) 4-2010-02272
(181) 02.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

AMIOROSE

(151) 30.06.2011
(220) 02.02.2010

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HIỆP THUẬN THÀNH (VN)
Phòng 104, nhà A3, tập thể công ty cơ khí Hà Nội, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166727**
(210) 4-2010-02274
(181) 02.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

TỪ PHƯƠNG

(151) 30.06.2011
(220) 02.02.2010

(731) PHÙNG GIA HỌC (VN)
Số 15, đường Phú Thuận, phường Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166728**
(210) 4-2010-07355
(181) 09.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BTOOTRA

(151) 30.06.2011
(220) 09.04.2010

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166729**
(210) 4-2010-07356
(181) 09.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BTOCLEAR

(151) 30.06.2011
(220) 09.04.2010

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166730**
(210) 4-2010-07357
(181) 09.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BTOFULLONE

(151) 30.06.2011
(220) 09.04.2010

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166731**
(210) 4-2010-07358
(181) 09.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BTOYUNA

(151) 30.06.2011
(220) 09.04.2010

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166732**
(210) 4-2010-01318
(181) 20.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ZENTODOL

(151) 30.06.2011
(220) 20.01.2010

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 1 (CPC1) (VN)
356A đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Phát và Liên danh (VIFA & ASSOCIATES CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166733**
(210) 4-2010-01319
(181) 20.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ZENTOSA

(151) 30.06.2011
(220) 20.01.2010

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 1 (CPC1) (VN)
356A đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Phát và Liên danh (VIFA & ASSOCIATES CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166734**
(210) 4-2010-02150
(181) 01.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

KMAX

(151) 30.06.2011
(220) 01.02.2010

(731) CÔNG TY TNHH KHẢI HUY (VN)
656/82 Cách Mạng Tháng Tám, phường 11, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 02: Mực in máy vi tính.

---

(111) **4-0166735**
(210) 4-2010-07891
(181) 15.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 30.06.2011
(220) 15.04.2010

(531) 26.4.4; A26.4.5; 26.4.3
(591) Cam, trắng.
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VI NA (VN)
268 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 09: Phim hoạt hình; hệ điều hành dùng cho máy tính; chương trình máy vi tính; phần mềm máy tính; phần mềm trò chơi điện tử; chương trình hoạt động của hệ thống máy vi tính.

Nhóm 16: Văn phòng phẩm và tài liệu học tập, tạp chí (ấn phẩm, sản phẩm in); ca-ta-lô; cuốn sách nhỏ; vé xổ số in sẵn (không phải là đồ chơi); sổ ghi chép.

Nhóm 28: Đồ chơi, máy trò chơi (tự động và chơi bằng tiền xu); gấu bông; búp bê; nhà của búp bê, phòng ở cho búp bê, giường cho búp bê, quần áo cho búp bê, bình sữa cho búp bê; trò chơi cờ.

Nhóm 38: Dịch vụ truyền thông, truyền tin và hình ảnh có hỗ trợ của máy vi tính; dịch vụ truyền thông liên lạc bằng thiết bị đầu cuối (cụ thể là máy vi tính, máy trạm) (liên lạc bằng máy vi tính, máy trạm); thông tin liên lạc bằng điện thoại di động; thông tin liên lạc bằng điện thoại; thông tin liên lạc bằng thiết bị truyền thông không dây va internet; thông tin về viễn thông liên lạc; dịch vụ nhắn tin (vô tuyến điện thoại hoặc các phương tiện liên lạc điện tử khác); thư điện tử; truyền thư tín và hình ảnh bằng máy vi tính, hãng thông tấn, dịch vụ chia sẻ tài nguyên trên internet; cung cấp dịch vụ khai thác nội dung số trên internet.

Nhóm 41: Cung cấp dịch vụ vui chơi giải trí, trò chơi trực tuyến; dịch vụ máy tính trực tuyến để mọi người có thể tìm các người chơi game khác và các trò chơi game khác trên mạng truyền thông; cung cấp thông tin liên quan đến trò chơi game máy tính và trò chơi game điện tử; cung cấp nội dung giải trí đa truyền thông trên mạng máy tính; sản xuất các chương trình video âm nhạc phát thanh trên mạng máy tính; cung cấp các tạp chí trực tuyến và bản tin trực tuyến trong lĩnh vực tin tức, thời tiết, thể thao, du lịch, các sự kiện hiện tại, thông tin tra cứu, thông tin việc làm, máy tính, công nghệ, mua sắm, đấu giá, phim ảnh, nhạc kịch, âm nhạc, sức khoẻ, giáo dục, khoa học và tài chính; dịch vụ giải trí, cụ thể là cung cấp các thông tin trong lĩnh vực giáo dục, giải trí, tin tức và thể thao cho trẻ em và người lớn trên mạng máy tính; cung cấp danh sách truyền hình và giải trí; cung cấp thông tin về kết quả xổ số; thiết lập và quản lý các giải đấu và cuộc thi đấu thể thao ảo; cung cấp thông tin thời sự thể thao ảo trực tuyến; cung cấp thông tin trong lĩnh vực thể thao, tỷ số thể thao, số liệu thống kê thể thao, số liệu thống kê người chơi, bình luận thể thao từng môn một và bình luận thể thao được biên tập trên internet; tổ chức các nhóm đào tạo hội viên mới và đào tạo những người quản lý nhân sự nhằm tiến hành việc thuê nhân công một cách khả quan; cung cấp thông tin và tin tức trực tuyến trong lĩnh vực đào tạo nhân công; cung cấp các đường kết nối trực tuyến trên trang web đến các chương trình biểu diễn âm nhạc, video âm nhạc, phim ngắn, các buổi phỏng vấn nổi tiếng; các chương trình nói chuyện, các chương trình truyền hình được duyệt trước, ảnh và các chương trình giải trí khác liên quan đến tài liệu đa truyền thông; dịch vụ ảnh trực tuyến; cung cấp âm nhạc được ghi lại không tải được; thông tin trong lĩnh vực âm nhạc, các bài bình luận và bài báo về âm nhạc, tất cả được truyền trên mạng máy tính; sản xuất phim; sản xuất chương trình biểu diễn; giải trí truyền hình; xuất bản sách.

Nhóm 42: Các dịch vụ máy tính, cụ thể là cung cấp việc sử dụng tạm thời các giao diện máy tính không tải xuống được nhằm tạo ra các dịch vụ thông tin cá nhân trực tuyến; dịch vụ cung cấp, tra cứu thông tin qua internet; thiết kế các bảng chú dẫn thông tin, chú dẫn địa điểm và các nguồn có sẵn trên mạng máy tính cho người khác; dịch vụ cung cấp phương tiện tra cứu trên mạng internet cho người khác; cung cấp các trang web trực tuyến theo yêu cầu của khách hàng về các thông tin được người sử dụng xác định, bao gồm các công cụ tra cứu và các liên kết web trực tuyến với các website khác; dịch vụ bản đồ, cụ thể là cung cấp một website và liên kết website về thông tin địa lý, hình ảnh bản đồ và lộ trình chuyến đi.

(111) **4-0166736**
(210) 4-2010-07892
(181) 15.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 30.06.2011
(220) 15.04.2010

(531) 26.4.4; A26.4.5; 26.4.3
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VI NA (VN)
268 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 09: Phim hoạt hình; hệ điều hành dùng cho máy tính; chương trình máy vi tính; phần mềm máy tính; phần mềm trò chơi điện tử; chương trình hoạt động của hệ thống máy vi tính.

Nhóm 16: Văn phòng phẩm và tài liệu học tập, tạp chí (ấn phẩm, sản phẩm in); ca-ta-lô; cuốn sách nhỏ; vé số số in sẵn (không phải là đồ chơi); sổ ghi chép.

Nhóm 28: Đồ chơi; máy trò chơi (tự động và chơi bằng tiền xu); gấu bông; búp bê; nhà của búp bê, phòng ở cho búp bê, giường cho búp bê, quần áo cho búp bê, bình sữa cho búp bê; trò chơi cờ.

Nhóm 38: Dịch vụ truyền thông, truyền tin và hình ảnh có hỗ trợ của máy vi tính; dịch vụ truyền thông liên lạc bằng thiết bị đầu cuối (cụ thể là máy vi tính, máy trạm) (liên lạc bằng máy vi tính, máy trạm); thông tin liên lạc bằng điện thoại di động; thông tin liên lạc bằng điện thoại; thông tin liên lạc bằng thiết bị truyền thông không dây va internet; thông tin về viễn thông liên lạc; dịch vụ nhắn tin (vô tuyến điện thoại hoặc các phương tiện liên lạc điện tử khác); thư điện tử; truyền thư tín và hình ảnh bằng máy vi tính, hãng thông tấn, dịch vụ chia sẻ tài nguyên trên internet; cung cấp dịch vụ khai thác nội dung số trên internet.

Nhóm 41: Cung cấp dịch vụ vui chơi giải trí, trò chơi trực tuyến; dịch vụ máy tính trực tuyến để mọi người có thể tìm các người chơi game khác và các trò chơi game khác trên mạng truyền thông; cung cấp thông tin liên quan đến trò chơi game máy tính và trò chơi game điện tử; cung cấp nội dung giải trí đa truyền thông trên mạng máy tính; sản xuất các chương trình video âm nhạc phát thanh trên mạng máy tính; cung cấp các tạp chí trực tuyến và bản tin trực tuyến trong lĩnh vực tin tức, thời tiết, thể thao, du lịch, các sự kiện hiện tại, thông tin tra cứu, thông tin việc làm, máy tính, công nghệ, mua sắm, đấu giá, phim ảnh, nhạc kịch, âm nhạc, sức khoẻ, giáo dục, khoa học và tài chính; dịch vụ giải trí, cụ thể là cung cấp các thông tin trong lĩnh vực giáo dục, giải trí, tin tức và thể thao cho trẻ em và người lớn trên mạng máy tính; cung cấp danh sách truyền hình và giải trí; cung cấp thông tin về kết quả xổ số; thiết lập và quản lý các giải đấu và cuộc thi đấu thể thao ảo; cung cấp thông tin thời sự thể thao ảo trực tuyến; cung cấp thông tin trong lĩnh vực thể thao, tỷ số thể thao, số liệu thống kê thể thao, số liệu thống kê người chơi, bình luận thể thao từng môn một và bình luận thể thao được biên tập trên internet; tổ chức các nhóm đào tạo hội viên mới và đào tạo những người quản lý nhân sự nhằm tiến hành việc thuê nhân công một cách khả quan; cung cấp thông tin và tin tức trực tuyến trong lĩnh vực đào tạo nhân công; cung cấp các đường kết nối trực tuyến trên trang web

đến các chương trình biểu diễn âm nhạc, video âm nhạc, phim ngắn, các buổi phỏng vấn nổi tiếng; các chương trình nói chuyện, các chương trình truyền hình được duyệt trước, ảnh và các chương trình giải trí khác liên quan đến tài liệu đa truyền thông; dịch vụ ảnh trực tuyến; cung cấp âm nhạc được ghi lại không tải được; thông tin trong lĩnh vực âm nhạc, các bài bình luận và bài báo về âm nhạc, tất cả được truyền trên mạng máy tính; sản xuất phim; sản xuất chương trình biểu diễn; giải trí truyền hình; xuất bản sách.

Nhóm 42: Các dịch vụ máy tính, cụ thể là cung cấp việc sử dụng tạm thời các giao diện máy tính không tải xuống được nhằm tạo ra các dịch vụ thông tin cá nhân trực tuyến; dịch vụ cung cấp, tra cứu thông tin qua internet; thiết kế các bảng chú dẫn thông tin, chú dẫn địa điểm và các nguồn có sẵn trên mạng máy tính cho người khác; dịch vụ cung cấp phương tiện tra cứu trên mạng internet cho người khác; cung cấp các trang web trực tuyến theo yêu cầu của khách hàng về các thông tin được người sử dụng xác định, bao gồm các công cụ tra cứu và các liên kết web trực tuyến với các website khác; dịch vụ bản đồ, cụ thể là cung cấp một website và liên kết website về thông tin địa lý, hình ảnh bản đồ và lộ trình chuyến đi.

---

(111) **4-0166737**
(210) 4-2010-01313
(181) 20.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

PEGNANO

(151) 30.06.2011
(220) 20.01.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHỆ SINH HỌC DƯỢC NA NO GEN (VN)
Lô I - 5C khu công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166738**
(210) 4-2010-01314
(181) 20.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

NANOKINE

(151) 30.06.2011
(220) 20.01.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHỆ SINH HỌC DƯỢC NA NO GEN (VN)
Lô I - 5C khu công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166739**
(210) 4-2010-01315
(181) 20.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

PEGCYTE

(151) 30.06.2011
(220) 20.01.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHỆ SINH HỌC DƯỢC NA NO GEN (VN)
Lô I - 5C khu công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166740**
(210) 4-2010-01316
(181) 20.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

MAROPIN

(151) 30.06.2011
(220) 20.01.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHỆ SINH HỌC DƯỢC NA NO GEN (VN)
Lô I - 5C khu công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

(111) **4-0166741**
(210) 4-2010-05832
(181) 23.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

EULOSIG

(151) 30.06.2011
(220) 23.03.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐẠI NAM (VN)
T.1 Hồng Lĩnh, cư xá Bắc Hải, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166742**
(210) 4-2010-05833
(181) 23.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

USANPRAX

(151) 30.06.2011
(220) 23.03.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐẠI NAM (VN)
T.1 Hồng Lĩnh, cư xá Bắc Hải, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166743**
(210) 4-2010-05834
(181) 23.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

AUGTACE

(151) 30.06.2011
(220) 23.03.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐẠI NAM (VN)
T.1 Hồng Lĩnh, cư xá Bắc Hải, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166744**
(210) 4-2010-05835
(181) 23.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ADMACINO

(151) 30.06.2011
(220) 23.03.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐẠI NAM (VN)
T.1 Hồng Lĩnh, cư xá Bắc Hải, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166745**
(210) 4-2010-05836
(181) 23.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

VICENTIN

(151) 30.06.2011
(220) 23.03.2010

(531) 26.3.1; A26.3.5; A26.11.12; 26.13.25
(591) Xanh tím than.
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TÂN HƯNG PHÁT (VN)
Số nhà 2 lô 1B Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 11: Thiết bị sứ vệ sinh như: xí bệt, chậu rửa, bồn tiểu, bồn tắm; vòi sen tắm; vòi nước cho chậu rửa.

---

(111) **4-0166746**
(210) 4-2010-05971
(181) 25.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

DELUS

(151) 30.06.2011
(220) 25.03.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ (VN)
672 Ngô Gia Tự, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 06: Các sản phẩm làm từ kim loại: kệ chặn sách; giá siêu thị; giá sách dùng trong thư viện (không phải đồ nội thất).

Nhóm 16: Giấy và các sản phẩm làm từ giấy: giấy in; giấy photo; bút máy; bút bi; sổ lịch; cái kẹp tài liệu.

Nhóm 18: Các sản phẩm làm bằng da, giả da: balô; túi xách; cặp học sinh; valy; túi du lịch; cặp đựng tài liệu.

---

(111) **4-0166747**
(210) 4-2010-04731
(181) 12.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Kao
Style Lock

(151) 30.06.2011
(220) 12.03.2010

(731) KAO KABUSHIKI KAISHA (ALSO TRADING AS KAO CORPORATION) (JP)
14-10, Nihonbashi Kayabacho 1-chome, Chuo-ku, Tokyo 103-8210, Japan
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 03: Dầu gội đầu; dầu xả tóc; chế phẩm chăm sóc tóc (chế phẩm mỹ phẩm); chế phẩm tạo kiểu tóc; chế phẩm tạo màu tóc; thuốc nhuộm tóc; chế phẩm xịt tóc; mỹ phẩm.

---

(111) **4-0166748**
(210) 4-2010-04732
(181) 12.03.2020
(300) 2009-079263 20.10.2009 JP
(450) 25.08.2011 281
(540)

LIESE
FREE ARRANGE
フリーアレンジ

(151) 30.06.2011
(220) 12.03.2010

(731) KAO KABUSHIKI KAISHA (ALSO TRADING AS KAO CORPORATION). (JP)
14-10, Nihonbashi Kayabacho 1-chome, Chuo-ku, Tokyo 103-8210, Japan
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 03: Dầu gội đầu; dầu xả tóc; chế phẩm chăm sóc tóc (chế phẩm mỹ phẩm); chế phẩm tạo kiểu tóc; chế phẩm tạo màu tóc; thuốc nhuộm tóc; chế phẩm xịt tóc; mỹ phẩm.

---

(111) **4-0166749**
(210) 4-2010-05856
(181) 24.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

VOLETTI

(151) 30.06.2011
(220) 24.03.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MINH DŨNG (VN)
76E An Dương Vương, phường 16, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0166750**
(210) 4-2010-05857
(181) 24.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

VIZURI

(151) 30.06.2011
(220) 24.03.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MINH DŨNG (VN)
76E An Dương Vương, phường 16, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0166751**
(210) 4-2010-05854
(181) 24.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

d'casso
glass space solution

(151) 30.06.2011
(220) 24.03.2010

(591) Cam, xám
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH QUỐC (VN)
Số 451 Lý Thường Kiệt, phường 8, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 11: Buồng tắm bằng kính; chậu rửa (vệ sinh cá nhân); thiết bị bồn tắm.

Nhóm 14: Đồng hồ.

Nhóm 16: Các đồ dùng văn phòng như: cái chặn giấy; hộp đựng danh thiếp; lịch để bàn.

Nhóm 19: Bể kính trong xây dựng; cầu thang bằng kính; cửa kính; cửa sổ bằng kính; gạch lát nền bằng kính; kính an toàn dùng trong xây dựng; kính xây dựng; tấm lợp mái bằng kính; vách ngăn bằng kính dùng trong xây dựng.

Nhóm 20: Bàn bằng kính; bàn làm việc bằng kính; giá để mẫu hàng; gương soi; tủ bằng kính; giá kệ để xếp hàng hóa.

Nhóm 21: Đồ pha lê (thủy tinh) thuộc nhóm này; hộp bằng thuỷ tinh.

Nhóm 28: Đồ chơi được làm dưới dạng cúp lưu niệm và kỷ niệm chương.

Nhóm 35: Mua bán vật tư ngành kính, vật liệu kính, vật liệu xây dựng, thiết bị phòng tắm, đồ gốm sứ, thủy tinh, đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, giường tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất, gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh.

Nhóm 37: Xây dựng công trình gia dụng và công nghiệp; thông tin về xây dựng; trang trí nội thất.

Nhóm 42: Thiết lập các bản vẽ mặt bằng xây dựng; thiết kế bản vẽ trang trí nội thất; tư vấn kiến trúc.

---

(111) **4-0166752**
(210) 4-2010-04712
(181) 12.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 30.06.2011
(220) 12.03.2010

(531) 24.9.1; 6.1.2; A2.1.16; 25.1.25
(591) Đỏ, hồng, xanh da trời, xanh lục
(731) CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI SẢN PHẨM SẠCH THẾ GIỚI XANH (VN)
Số 5, ngõ 8 phố Liễu Giai, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư phát triển JUDIMAX (JUDIMAX., JSC)

(511) Nhóm 29: Thịt; cá(không còn sống); gia cầm(không còn sống); rau (đươc bảo quản); sữa; nước mắm.

Nhóm 30: Chè; đường; gạo; bột ngũ cốc; các chế phẩm làm từ bột ngũ cốc; gia vị.

Nhóm 31: Động vật sống; hoa quả tươi; rau tươi; gia cầm sống; hạt giống; ngũ cốc dạng nguyên liệu.

---

(111) **4-0166753**
(210) 4-2010-02438
(181) 03.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 30.06.2011
(220) 03.02.2010

(531) 5.7.3; 3.9.16; 26.1.1
(591) Đỏ, vàng, vàng đậm, cam, hồng đậm, xanh lá cây, trắng.
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN SÔNG MỸ (VN)
ấp Trà Đức, xã Viên An, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bánh đa nem (bánh tráng); hủ tiếu khô.

---

(111) **4-0166754**
(210) 4-2010-02550
(181) 05.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

TUẤN HÙNG CƯỜNG

(151) 30.06.2011
(220) 05.02.2010

(731) CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU RAU HOA TUẤN HÙNG CƯỜNG (VN)
Khu phố 1, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng

(511) Nhóm 31: Rau tươi; hoa tươi; củ tươi; quả tươi.

Nhóm 35: Bán sỉ và lẻ rau, hoa, củ, quả tươi.

---

(111) **4-0166755**
(210) 4-2010-04166
(181) 05.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 30.06.2011
(220) 05.03.2010

(531) 26.1.2
(591) Trắng, xanh dương
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU VIỄN ĐÔNG (VN)
Số 8, ngách 91, ngõ 45 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 21: Thủy tinh, pha lê; đồ sành sứ.

Nhóm 35: Mua bán thủy tinh; pha lê; đồ sành sứ.

---

(111) **4-0166756**
(210) 4-2009-25678
(181) 26.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 30.06.2011
(220) 26.11.2009

(531) 26.4.3; 26.11.3
(591) Đỏ, trắng, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHƯỚC THÀNH (VN)
21 đường 24 (khu dân cư Him Lam), xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 36: Kinh doanh bất động sản; đầu tư, môi giới, dịch vụ bất động sản; dịch vụ cho thuê nhà và văn phòng; dịch vụ tư vấn về bất động sản; đầu tư vốn xây dựng cơ sở hạ tầng.

Nhóm 42: Tư vấn kiến trúc; thiết lập các bản vẽ mặt bằng xây dựng; thiết kế trang trí nội thất; lập kế hoạch đô thị hoá; dịch vụ lập dự án đầu tư xây dựng; dịch vụ thẩm định dự án đầu tư xây dựng; dịch vụ thăm dò địa chất.

---

(111) **4-0166757**
(210) 4-2010-04579
(181) 11.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 30.06.2011
(220) 11.03.2010

(531) 26.4.4; 26.4.7; 26.13.25
(731) TRẦN ĐĂNG TÂM (VN)
208 Mỹ Hoàng, phường Phú Mỹ Hưng, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 25: Giày dép.

---

(111) **4-0166758**
(210) 4-2010-05072
(181) 17.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

LUXUR

(151) 30.06.2011
(220) 17.03.2010

(731) TRẦN LÊ TỪ THIỆN (VN)
Số 18 lô A khu dân cư Lý Chiêu Hoàng, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0166759**
(210) 4-2009-25574
(181) 25.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 30.06.2011
(220) 25.11.2009

(531) 26.4.2; 26.5.1; 26.1.1; 25.1.25; 26.2.7
(591) Nâu, da cam, ghi
(731) CHINA BEIJING TONG REN TANG GROUP CO., LTD (CN)
No. 52, Dongxinglong Street, Chongwen District, BEIJING 100062.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166760**
(210) 4-2010-05635
(181) 22.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 30.06.2011
(220) 22.03.2010

(531) A1.1.10; A1.1.5; 26.1.2; 25.7.25; 26.2.1
(731) NGUYỄN THỊ HƯƠNG (VN)
Số 206 đường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 11: Thiết bị vệ sinh cụ thể chậu rửa, bồn tắm, vòi nước, vòi hoa sen van nước, bệ xí: két nước của bệ xí, bộ phận ngồi của xí bệt, thiết bị sấy khô tay (chạy điện) trong phòng rửa, bồn tắm xông hơi mát xa, bình tắm nóng lạnh, phòng tắm đa năng, bồn tắm nước xoáy, phụ kiện bồn tắm, nồi cơm điện, lò vi sóng, quạt sưởi, quạt tích điện, quạt tản gió, nồi áp suất dùng điện, máy sấy tóc, máy hút mùi thức ăn, bếp gas, lò nướng gas, bình đun nước nóng thuộc nhóm này, lò nướng được lắp cố định vào bệ bếp, bình ủ cà phê dùng điện, máy pha trà dùng điện, tủ lạnh, tủ đá.

Nhóm 20: Các sản phẩm đồ gỗ gia dụng, đồ gỗ nội thất, đồ gỗ văn phòng, đồ mỹ nghệ bằng gỗ, gường, tủ, bàn, ghế bằng kim loại: kệ kính, kính tráng bạc (gương) dùng để trang trí đồ nội thất, gương soi các loại.

Nhóm 35: Mua bán, xuất nhập khẩu, quảng cáo thiết bị vệ sinh cụ thể: chậu rửa, bồn tắm, vòi nước, vòi hoa sen, van nước, bệ xí, két nước của bệ xí, bộ phận ngồi của xí bệt, thiết bị sấy khô tay (chạy điện) trong phòng rửa bồn tắm xông hơi mát xa, bình tắm nóng lạnh, phòng tắm đa năng, bồn tắm nước xoáy, phụ kiện bồn tắm, bồn chứa bằng inox, đế bơm nước (không phải bộ phận của máy bơm), cửa cuốn bằng kim loại, phụ kiện kèm theo cửa cuốn, trục cửa cuốn, trụ lan can bằng kim loại dùng cho cầu thang, ban công, cửa sổ bằng kim loại, cổng ra vào bằng kim loại, nồi cơm điện, máy hút bụi, lò vi sóng, quạt sưởi, quạt tích điện, quạt tản gió, nồi áp suất các loại, bàn là, máy sấy tóc máy hút

mùi thức ăn, bếp gas, lò nướng gas, bình đun nước nóng, lò nướng được lắp cố định vào bệ bếp, ấm đun nước, bình ủ cà phê, máy pha trà, máy luộc trứng, tủ lạnh, tủ đá, gỗ, thuỷ tinh xây dựng, ngói, gạch, đá, tấm lợp phi kim loại, tấm lát phi kim loại, tấm ốp phi kim loại, tấm ván sàn, gỗ ván thùng, ván lợp, gỗ dán, gỗ xẻ, xi măng, gạch chịu lửa, bê tông đá, kính xây dựng, thạch cao, vữa cho xây dựng, đồ gỗ nội thất, đồ gỗ văn phòng, đồ mỹ nghệ bằng gỗ, giường tủ, bàn, ghế bằng kim loại.

---

(111) **4-0166761**
(210) 4-2009-25526
(181) 25.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 30.06.2011
(220) 25.11.2009

(591) Vàng đồng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG GIA THẢO ĐIỀN (VN)
66C Phó Đức Chính, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 36: Mua bán bất động sản, môi giới bất động sản, cho thuê bất động sản.

---

(111) **4-0166762**
(210) 4-2010-03122
(181) 11.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 30.06.2011
(220) 11.02.2010

(531) 7.1.24; 26.1.2; A7.1.12
(591) Vàng, vàng đậm, da cam
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SÓC TRĂNG (VN)
Đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 19: Gạch, ngói.

---

(111) **4-0166763**
(210) 4-2010-03930
(181) 03.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 30.06.2011
(220) 03.03.2010

(531) 3.13.1; A3.13.24
(591) Trắng, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TNHH HY VỌNG (VN)
Số 01 quốc lộ 56, xã Hòa Long, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo.

---

(111) **4-0166764**
(210) 4-2010-03931
(181) 03.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 30.06.2011
(220) 03.03.2010

(531) 3.13.1
(591) Trắng, tím nhạt, tím đậm, hồng
(731) CÔNG TY TNHH HY VỌNG (VN)
Số 01 quốc lộ 56, xã Hòa Long, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo.

---

(111) **4-0166765**
(210) 4-2010-03109
(181) 11.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

NULOJIX

(151) 30.06.2011
(220) 11.02.2010

(731) BRISTOL-MYERS SQUIBB COMPANY, a Delaware corporation (US)
345 Park Avenue, New York, New York 10154, USA
(740) Công ty luật hợp danh YKVN (YKVN)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược dùng cho người.

---

(111) **4-0166766**
(210) 4-2010-03164
(181) 11.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 30.06.2011
(220) 11.02.2010

(531) A5.5.20; A5.5.21
(591) Đỏ, cam, vàng, xanh lá cây nhạt, xanh lá cây, xanh biển, chàm, tím, đen
(731) MING PAO FINANCE LIMITED (VG)
P.O. Box 71, Craigmuir Chambers, Road Town, Tortola, British Virgin Islands
(740) Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu (SAO BẮC ĐẨU IP COM.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Xuất bản phẩm điện tử (có thể tải về được); chương trình trò chơi trên máy vi tính; phần mềm máy vi tính (ghi sẵn); thiết bị ngoại vi của máy vi tính; thiết bị thông tin viễn thông; sách nói điện tử; vật ghi âm thanh.

Nhóm 35: Quảng cáo; cho thuê không gian quảng cáo; phân phát tài liệu quảng cáo; phổ biến các thông báo quảng cáo; tổ chức các hoạt động khuyến mãi; tổ chức các hoạt động quan hệ công chúng; chuẩn bị cho quảng cáo và tài liệu cho hoạt động quảng cáo; phân phối tài liệu quảng cáo và tài liệu khuyến mãi; in kế hoạch quảng cáo từ dữ liệu máy vi tính; cung cấp trực tuyến các kế hoạch quảng cáo qua internet; quảng cáo trực tuyến qua internet; tiếp thị.

Nhóm 41: Xuất bản văn bản (không bao gồm những bài quảng cáo); xuất bản các bản ghi hình và âm thanh (ngoại trừ phim ảnh); xuất bản báo; xuất bản sách; xuất bản tạp chí và phụ lục tạp chí; xuất bản thư báo; xuất bản tạp chí định kỳ; xuất bản tờ bướm (không bao gồm quảng cáo và tài liệu cho hoạt động quảng cáo); xuất bản ảnh; cung cấp thông tin giải trí; cung cấp ấn bản điện tử trực tuyến (không thể tải về được); cung cấp ấn bản hình ảnh điện tử trực tuyến qua internet; sản xuất chương trình rađio và chương trình tivi; tổ chức hoạt động văn hóa và hoạt động giải trí; cung cấp thông tin giải trí trực tuyến; hoạt động văn hóa và giải trí; tư vấn giải trí.

---

(111) **4-0166767**
(210) 4-2010-03165
(181) 11.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 30.06.2011
(220) 11.02.2010

(531) A5.5.21; A5.5.20
(731) MING PAO FINANCE LIMITED (VG)
P.O. Box 71, Craigmuir Chambers, Road Town, Tortola, British Virgin Islands
(740) Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu (SAO BẮC ĐẨU IP COM.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Xuất bản phẩm điện tử (có thể tải về được); chương trình trò chơi trên máy vi tính; phần mềm máy vi tính (ghi sẵn); thiết bị ngoại vi của máy vi tính; thiết bị thông tin viễn thông; sách nói điện tử; vật ghi âm thanh.

Nhóm 35: Quảng cáo; cho thuê không gian quảng cáo; phân phát tài liệu quảng cáo; phổ biến các thông báo quảng cáo; tổ chức các hoạt động khuyến mãi; tổ chức các hoạt động quan hệ công chúng; chuẩn bị cho quảng cáo và tài liệu cho hoạt động quảng cáo; phân phối tài liệu quảng cáo và tài liệu khuyến mãi; in kế hoạch quảng cáo từ dữ liệu máy vi tính; cung cấp trực tuyến các kế hoạch quảng cáo qua internet; quảng cáo trực tuyến qua internet; tiếp thị.

Nhóm 41: Xuất bản văn bản (không bao gồm những bài quảng cáo); xuất bản các bản ghi hình và âm thanh (ngoại trừ phim ảnh); xuất bản báo; xuất bản sách; xuất bản tạp chí và phụ lục tạp chí; xuất bản thư báo; xuất bản tạp chí định kỳ; xuất bản tờ bướm (không bao gồm quảng cáo và tài liệu cho hoạt động quảng cáo); xuất bản ảnh; cung cấp thông

tin giải trí; cung cấp ấn bản điện tử trực tuyến (không thể tải về được); cung cấp ấn bản hình ảnh điện tử trực tuyến qua internet; sản xuất chương trình radio và chương trình tivi; tổ chức hoạt động văn hóa và hoạt động giải trí; cung cấp thông tin giải trí trực tuyến; hoạt động văn hóa và giải trí; tư vấn giải trí.

---

(111) **4-0166768**
(210) 4-2010-03181
(181) 12.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

PRECEPT

(151) 30.06.2011
(220) 12.02.2010

(731) KODO, INC. (US)
1500 Whitehall Ln., St. Helena, CA 94574, USA
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 31: Thức ăn cho súc vật cảnh.

---

(111) **4-0166769**
(210) 4-2010-03814
(181) 02.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

M o t y ' s

(151) 30.06.2011
(220) 02.03.2010

(731) TRIBO JAPAN Co., LTD. (JP)
No. 25-4, Higashi-Nippori 2-chome, Arakawa-ku, Tokyo, Japan.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 01: Chế phẩm hóa học dùng cho mục đích khoa học (không dùng cho y tế và thú y).

Nhóm 04: Mỡ dùng cho giày và ủng; dầu và mỡ để bảo quản da; nhiên liệu; mỡ và dầu khoáng dùng cho mục đích công nghiệp; mỡ và dầu không chứa khoáng dùng cho mục đích công nghiệp; sáp; bấc đèn; nến.

---

(111) **4-0166770**
(210) 4-2010-03658
(181) 26.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

MEIMEI

(151) 30.06.2011
(220) 26.02.2010

(731) NGUYỄN LÂM MỸ THUẬN (VN)
601 đường Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo cụ thể là: quần áo trẻ em; quần áo may sẵn; quần áo ngủ; quần áo giả da; quần áo đồng phục; áo sơ mi.

---

(111) **4-0166771**
(210) 4-2010-03659
(181) 26.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

PRACHICK

(151) 30.06.2011
(220) 26.02.2010

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HIỆP THUẬN THÀNH (VN)
Phòng 104, nhà A3, tập thể công ty cơ khí Hà Nội, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166772**
(210) 4-2010-04132
(181) 05.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 30.06.2011
(220) 05.03.2010

(531) A5.5.20; A5.5.21; 2.9.1
(591) Vàng cam, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG MARKETING VNUNIQUE (VN)
Phòng 202- C17 tập thể Thanh Xuân Bắc, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Tổ chức, sản xuất các chương trình truyền thông nhằm mục đích quảng cáo.

Nhóm 41: Dịch vụ phát triển ý tưởng, sản xuất, tổ chức các chương trình truyền thông nhằm mục đích phát triển cộng đồng như giáo dục về an toàn lao động, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường trên các phương tiện truyền thông như truyền hình, báo chí, mạng internet, viết, tạp chí, đài tiếng nói.

---

(111) **4-0166773**
(210) 4-2009-25398
(181) 23.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

CO-CREATIONS

(151) 30.06.2011
(220) 23.11.2009

(731) UNILEVER N.V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm chăm sóc tóc; thuốc nhuộm tóc; thuốc màu để nhuộm tóc; nước xức tóc; chế phẩm để tạo nếp tóc lượn sóng; dầu gội đầu; dầu xả tóc; keo xịt tóc; phấn xoa tóc (mỹ phẩm); mỹ phẩm tạo kiểu dáng cho tóc; keo xịt màu cho tóc (thuộc nhóm này); bọt dùng cho tóc (mỹ phẩm); nước bóng tóc (mỹ phẩm); dầu tóc (mỹ phẩm); mỹ phẩm dưỡng ẩm cho tóc; chất lỏng dùng để trang điểm tóc; chất bảo vệ tóc (không chứa dược chất); chất dưỡng tóc khô (không chứa dược chất); dầu xức tóc (mỹ phẩm); chất làm khỏe tóc (không chứa dược chất); kem bôi tóc (mỹ phẩm).

---

(111) **4-0166774**
(210) 4-2010-03999
(181) 04.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Scoutou

(151) 30.06.2011
(220) 04.03.2010

(591) Vàng, xanh dương, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH NỮ HOÀNG PHƯƠNG NAM (VN)
9 Huỳnh Khương Ninh, phường Đakao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 25: Quần áo, tất vớ, giày dép, nón mũ.

---

(111) **4-0166775**
(210) 4-2010-02610
(181) 05.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 30.06.2011
(220) 05.02.2010

(531) 26.13.1; A16.1.5
(591) Đỏ, vàng, tím, hồng, trắng, xanh lá cây, bạc, xanh da trời, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VI NA (VN)
268 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 09: Phim hoạt hình; hệ điều hành dùng cho máy tính; chương trình máy vi tính; phần mềm máy tính; phần mềm trò chơi điện tử; chương trình hoạt động của hệ thống máy vi tính.

Nhóm 35: Hãng thông tin thương mại; biên tập thông tin vào cơ sở dữ liệu; phát hành tài liệu quảng cáo; tổ chức triển lãm với mục đích thương mại hoặc quảng cáo; quản lý tư liệu, tập tin bằng máy tính; phân phát mẫu vật (hàng mẫu) với mục đích quảng cáo hoặc đẩy mạnh việc bán hàng; quảng cáo; quảng cáo ngoài trời; xuất bản quảng cáo; đại lý quảng cáo; phổ biến các thông báo quảng cáo; quảng cáo trên truyền hình; quảng cáo trên mạng internet; quan hệ công chúng.

Nhóm 38: Dịch vụ truyền thông, truyền tin và hình ảnh có hỗ trợ của máy vi tính; dịch vụ truyền thông liên lạc bằng thiết bị đầu cuối (cụ thể là máy vi tính, máy trạm) (liên lạc bằng máy vi tính, máy trạm); thông tin về viễn thông liên lạc; dịch vụ nhắn tin (vô tuyến điện thoại hoặc các phương tiện liên lạc điện tử khác); thư điện tử; truyền thư tín và hình ảnh bằng máy vi tính.

Nhóm 41: Cung cấp dịch vụ vui chơi giải trí, trò chơi trực tuyến; thông tin về giải trí; sản xuất phim; sản xuất chương trình biểu diễn; giải trí truyền hình; xuất bản sách.

---

(111) **4-0166776**
(210) 4-2010-03811
(181) 02.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Nhất Cốt Đan

(151) 30.06.2011
(220) 02.03.2010

(731) VŨ HỒNG HÀ (VN)
Phòng 1020-CT4B/X2 khu đô thị Bắc Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166777**
(210) 4-2010-03918
(181) 03.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

CEPURE

(151) 30.06.2011
(220) 03.03.2010

(731) CÔNG TY TNHH Y TẾ CÁNH CỬA VIỆT (VIETGATE CO., LTD.) (VN)
788/2B Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc tân dược dành cho người.

---

(111) **4-0166778**
(210) 4-2010-04217
(181) 05.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BLS Series

(151) 30.06.2011
(220) 05.03.2010

(591) Đỏ
(731) CÔNG TY TNHH XUÂN LỘC THỌ (VN)
Xóm 4, thôn Giáp Tứ, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 11: Thiết bị và trang bị đi kèm dùng cho mục đích chiếu sáng; thiết bị và trang bị đi kèm dùng cho mục đích nấu nướng; thiết bị và trang bị đi kèm dùng để làm lạnh; thiết bị và trang bị đi kèm dùng để thông gió (điều hoà không khí); trang bị để phân phối nước; thiết bị và trang bị vệ sinh.

---

(111) **4-0166779**
(210) 4-2010-04218
(181) 05.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ARM Series

(151) 30.06.2011
(220) 05.03.2010

(731) CÔNG TY TNHH XUÂN LỘC THỌ (VN)
Xóm 4, thôn Giáp Tứ, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 11: Thiết bị và trang bị đi kèm dùng cho mục đích chiếu sáng; thiết bị và trang bị đi kèm dùng cho mục đích nấu nướng; thiết bị và trang bị đi kèm dùng để làm lạnh, thiết bị và trang bị đi kèm dùng để thông gió (điều hòa không khí), trang bị để phân phối nước, thiết bị và trang bị vệ sinh.

---

(111) **4-0166780**
(210) 4-2010-04219
(181) 05.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BLR Series

(151) 30.06.2011
(220) 05.03.2010

(591) Đỏ
(731) CÔNG TY TNHH XUÂN LỘC THỌ (VN)
Xóm 4, thôn Giáp Tứ, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 11: Thiết bị và trang bị đi kèm dùng cho mục đích chiếu sáng; thiết bị và trang bị đi kèm dùng cho mục đích nấu nướng; thiết bị và trang bị đi kèm dùng để làm lạnh; thiết bị và trang bị đi kèm dùng để thông gió (điều hoà không khí); trang bị để phân phối nước; thiết bị và trang bị vệ sinh.

---

(111) **4-0166781**
(210) 4-2010-04990
(181) 16.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

YES POWER SPRAYER

(151) 30.06.2011
(220) 16.03.2010

(531) 26.4.4
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI BÍCH THIỆN (VN)
27 đường số 18, khu dân cư Bình Hưng, Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 07: Máy phun áp lực và phụ kiện máy phun áp lực.

---

(111) **4-0166782**
(210) 4-2010-05158
(181) 17.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 30.06.2011
(220) 17.03.2010

(531) 2.9.1
(731) GUANGZHOU NANDADI TEXTILE GARMENT CO., LTD. (CN)
Shapu Industrial Development Zone, Zengcheng, Guangzhou, China 511338
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo; đồ đi chân; mũ (tất cả đều là trang phục).

---

(111) **4-0166783**
(210) 4-2010-04997
(181) 16.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 30.06.2011
(220) 16.03.2010

(531) 26.15.7; 26.1.2; 26.15.15
(591) Đỏ, đen, trắng, xanh lam, xanh dương.
(731) CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI ANH TRUNG (VN)
Số 6, Đình Thôn, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 06: Cửa bằng sổ bằng kim loại; cửa ra vào bằng kim loại.

Nhóm 19: Cửa không bằng kim loại; khung cửa không bằng kim loại; tấm cửa không bằng kim loại.

---

(111) **4-0166784**
(210) 4-2010-05297
(181) 18.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 30.06.2011
(220) 18.03.2010

(531) 26.4.1; A2.1.23; A2.3.23; A2.5.23; 26.13.25
(591) Xanh, đỏ, vàng nâu, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHÁNH TÂN (VN)
504 k15, khu đô thị Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0166785**
(210) 4-2010-05298
(181) 18.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

HOTVITI

(151) 30.06.2011
(220) 18.03.2010

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT LÂM (VN)
Tổ 16, Lâm Du, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

(111) **4-0166786**
(210) 4-2010-05299
(181) 18.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ZYPAPTIL

(151) 30.06.2011
(220) 18.03.2010

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT LÂM (VN)
Tổ 16, Lâm Du, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166787**
(210) 4-2010-05310
(181) 18.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ENERBIG

(151) 30.06.2011
(220) 18.03.2010

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT LÂM (VN)
Tổ 16, Lâm Du, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166788**
(210) 4-2010-05311
(181) 18.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

PLATITHOM

(151) 30.06.2011
(220) 18.03.2010

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT LÂM (VN)
Tổ 16, Lâm Du, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166789**
(210) 4-2010-05312
(181) 18.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

DOXOZICH

(151) 30.06.2011
(220) 18.03.2010

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT LÂM (VN)
Tổ 16, Lâm Du, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166790**
(210) 4-2010-05313
(181) 18.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

WAVESOFT

(151) 30.06.2011
(220) 18.03.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ SỨC SỐNG VIỆT (VN)
Số 2, ngõ 198, phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm cụ thể là: dầu gội đen tóc; kem đánh răng; nước hoa; sữa tắm; thuốc ép tóc.

---

(111) **4-0166791**
(210) 4-2010-05314
(181) 18.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

STABYCEF 100

(151) 30.06.2011
(220) 18.03.2010

(731) ST. ANDREWS PHARMACEUTICALS CORPORATION (HK)
38th Floor, Tower One, Lippo Centre, 89 Queensway, Hong Kong
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166792**
(210) 4-2010-05315
(181) 18.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

STABYCEF 200

(151) 30.06.2011
(220) 18.03.2010

(731) ST. ANDREWS PHARMACEUTICALS CORPORATION (HK)
38th Floor, Tower One, Lippo Centre, 89 Queensway, Hong Kong
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166793**
(210) 4-2010-05316
(181) 18.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

CIPOZEM 200

(151) 30.06.2011
(220) 18.03.2010

(731) ST. ANDREWS PHARMACEUTICALS CORPORATION (HK)
38th Floor, Tower One, Lippo Centre, 89 Queensway, Hong Kong
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166794**
(210) 4-2010-05317
(181) 18.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

CIPOZEM 100

(151) 30.06.2011
(220) 18.03.2010

(731) ST. ANDREWS PHARMACEUTICALS CORPORATION (HK)
38th Floor, Tower One, Lippo Centre, 89 Queensway, Hong Kong
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166795**
(210) 4-2010-05318
(181) 18.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

AZFORIN

(151) 30.06.2011
(220) 18.03.2010

(731) ST. ANDREWS PHARMACEUTICALS CORPORATION (HK)
38th Floor, Tower One, Lippo Centre, 89 Queensway, Hong Kong
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166796**
(210) 4-2010-05319
(181) 18.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

PRAZOFEM

(151) 30.06.2011
(220) 18.03.2010

(731) ST. ANDREWS PHARMACEUTICALS CORPORATION (HK)
38th Floor, Tower One, Lippo Centre, 89 Queensway, Hong Kong
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166797**
(210) 4-2010-07359
(181) 09.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

NADEPER

(151) 30.06.2011
(220) 09.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN (VN)
16 Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng trong ngành y; thực phẩm bổ sung dinh dưỡng dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0166798**
(210) 4-2010-07391
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 30.06.2011
(220) 12.04.2010

(531) 26.4.2; 26.4.7; 7.3.2
(591) Đỏ, đen, vàng.
(731) NGUYỄN PHƯỚC HƯNG (VN)
Số 02 Lê Lợi, Hội An, tỉnh Quảng Nam

(511) Nhóm 35: Mua bán vải các loại.

Nhóm 40: Dịch vụ may đo quần áo.

---

(111) **4-0166799**
(210) 4-2010-04276
(181) 08.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

STATVIMIN

(151) 30.06.2011
(220) 08.03.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG (VN)
Số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166800**
(210) 4-2010-05403
(181) 19.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

V A S A

(151) 30.06.2011
(220) 19.03.2010

(731) SUN SPARK ENTERPRISE CO., LTD (TW)
No., 214, Zhongfeng Rd., Pingzhen City, Taoyuan County 324, Taiwan
(740) Công ty Hỗ trợ phát triển công nghệ (DETECH)

(511) Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống; quán trà; quán bán thức ăn nhanh (do nhà hàng thực hiện); quán cà phê tự phục vụ; quán ăn tự phục vụ; quán cà phê; dịch vụ quầy rượu (quầy bar); quán bánh pizza (do nhà hàng thực hiện); quán rượu nhỏ.

---

(111) **4-0166801**
(210) 4-2004-09147
(181) 06.09.2014
(450) 25.08.2011 281
(540)

Made For Each Other

(151) 01.07.2011
(220) 06.09.2004

(531) A25.3.3
(731) FUJI XEROX KABUSHIKI KAISHA (FUJI XEROX CO., LTD.) (JP)
9-7-3 Akasaka. Minato-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 02: Thuốc hiện màu, mực, ống mực (đã được đổ).

---

(111) **4-0166802**
(210) 4-2009-26333
(181) 04.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 01.07.2011
(220) 04.12.2009

(531) 2.9.14; A2.9.15; A2.9.16
(731) NOKIA CORPORATION (FI)
Keilalahdentie 4, 02150 Espoo, Finland
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Điện thoại di động, điện thoại có nhiều tính năng vượt trội và máy vi tính; phụ kiện và phụ tùng thay thế cho điện thoại di động, điện thoại thông minh và máy tính, cụ thể là ăng ten, loa, pin, bộ sạc pin, nguồn điện, cáp điện, vỏ máy, khung, nắp, cái kẹp giữ, bao đựng, hộp đựng, chân đế đỡ để bàn, micrô, tai nghe và thiết bị rảnh tay; tài liệu hướng dẫn sử dụng và tiếp thị ở dạng bản điện tử.

---

(111) **4-0166803**
(210) 4-2009-25181
(181) 20.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

HỒNG ÂN

(151) 01.07.2011
(220) 20.11.2009

(731) CAO LÊ BÁ PHƯỚC (VN)
5B Hồ Tùng Mậu, phường 10, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

(511) Nhóm 30: Bánh mì, bánh ngọt các loại.

Nhóm 35: Bán buôn (sỉ) và lẻ bánh mì, bánh ngọt các loại, rượu, bia.

---

(111) **4-0166804**
(210) 4-2009-24477
(181) 11.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

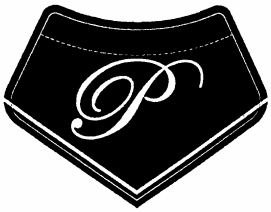

(151) 01.07.2011
(220) 11.11.2009

(531) 26.5.1; A26.5.6; 26.5.8; A26.11.12
(731) MR. PAISAL CHEVASIRI (TH)
777 Bangweak Road, Sub-district of Bangweak, District of Phasicharoen, Bangkok, Thailand
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 33: Đồ uống có chứa cồn (trừ bia); đồ uống có cồn chứa hoa quả; rượu brandi (rượu mạnh); rượu táo; cốc-tai; rượu gin (rượu bách xù); rượu mùi; rượu uýt ki; rượu vang.

---

(111) **4-0166805**
(210) 4-2009-23936
(181) 05.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 01.07.2011
(220) 05.11.2009

(531) 26.5.1; 26.5.4; 26.13.25; A3.7.24
(591) Đen, trắng, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂN PHÚ XUÂN (VN)
Thôn Thiểm Khê, xã Liên Khê, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 19: Vật liệu xây dựng gồm: xi măng; cát; đá; gỗ; phụ gia (dùng trong sản xuất xi măng, không phải hoá chất); gạch xi măng.

Nhóm 35: Mua bán vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị ngành xi măng, hàng trang trí nội, ngoại thất; xuất nhập khẩu hàng hoá; giới thiệu sản phẩm (nhằm mục đích quảng cáo).

---

(111) **4-0166806**
(210) 4-2010-00073
(181) 04.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BDTATIN

(151) 01.07.2011
(220) 04.01.2010

(731) BDR PHARMACEUTICALS INTERNATIONAL PVT. LTD (IN)
407/408 Sharda Chamber, New Marine Lines, Mumbai 400 020, India
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166807**
(210) 4-2010-00074
(181) 04.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BDCOLINE

(151) 01.07.2011
(220) 04.01.2010

(731) BDR PHARMACEUTICALS INTERNATIONAL PVT. LTD (IN)
407/408 Sharda Chamber, New Marine Lines, Mumbai 400 020, India
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166808**
(210) 4-2010-00176
(181) 05.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

PADA ZONE

(151) 01.07.2011
(220) 05.01.2010

(731) CÔNG TY TNHH TƯ VẤN NHÓM QUẢN LÝ NHÂN VIỆT (VN)
P.2-4, lầu 5, 309B-311, Nguyễn Văn Trỗi, phường 1, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Ngôi Sao chuyên nghiệp và liên danh (NOVAPRO & ASSOCIATES CO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy vi tính (ghi sẵn hoặc tải về được).

Nhóm 35: Dịch vụ lập bảng tiền lương, dịch vụ quản lý hỗ trợ kinh doanh.

---

(111) **4-0166809**
(210) 4-2010-00213
(181) 06.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

HT SUNG

(151) 01.07.2011
(220) 06.01.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN THƯỢNG ĐÌNH (VN)
Ngõ 320 đường Khương Đình, cụm 3, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Dây điện các loại; cáp điện các loại.

---

(111) **4-0166810**
(210) 4-2010-00576
(181) 11.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

MEBIKAN

(151) 01.07.2011
(220) 11.01.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ (MEBIPHAR) (VN)
31 Ngô Thời Nhiệm, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thuốc dùng cho người.

---

(111) **4-0166811**
(210) 4-2009-23896
(181) 05.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 01.07.2011
(220) 05.11.2009

(531) 3.5.1
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NHẬT QUANG (VN)
3/1A Lý Thường Kiệt, phường 4, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 20: Van dùng cho ống dẫn nước bằng nhựa.

---

(111) **4-0166812**
(210) 4-2009-23897
(181) 05.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 01.07.2011
(220) 05.11.2009

(531) 4.3.20
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NHẬT QUANG (VN)
3/1A Lý Thường Kiệt, phường 4, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 20: Van dùng cho ống dẫn nước bằng nhựa.

---

(111) **4-0166813**
(210) 4-2010-01378
(181) 21.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

HEBERPENTAL

(151) 01.07.2011
(220) 21.01.2010

(731) HERBER BIOTEC, S.A (CU)
186 street and 31 avenue, Havana City, Republic of Cuba
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166814**
(210) 4-2009-24686
(181) 13.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

CODUCYSTIN

(151) 01.07.2011
(220) 13.11.2009

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2 (VN)
334 Tô Hiến Thành, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166815**
(210) 4-2010-00195
(181) 05.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ANBIO PLUS

(151) 01.07.2011
(220) 05.01.2010

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HIỆP THUẬN THÀNH (VN)
Phòng 104, nhà A3, tập thể công ty cơ khí Hà Nội, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166816**
(210) 4-2010-00552
(181) 11.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 01.07.2011
(220) 11.01.2010

(531) 26.4.1; 15.1.13
(591) Xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI HÀNH MỸ (VN)
Số 15 tổ 6 ấp 5A, xã Lương Bình, huyện Bến Lức, tỉnh Long An
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán các sản phẩm bằng nhựa, hạt nhựa, các sản phẩm trang trí nội thất và ngoại thất, tấm phức hợp nhôm nhựa.

---

(111) **4-0166817**
(210) 4-2010-04333
(181) 09.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

FUROPINE

(151) 01.07.2011
(220) 09.03.2010

(731) CÔNG TY TNHH AN PƠ (VN)
Số 10 B6, phố Tây Kết, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166818**
(210) 4-2009-24008
(181) 06.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 01.07.2011
(220) 06.11.2009

(531) 6.1.2; A6.1.4; 5.5.19; A5.5.22
(591) Xanh dương, đỏ, vàng
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN XUÂN HỒNG (VN)
5/7 ấp Thạnh Hiệp, xã Thạnh Tân, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

(511) Nhóm 30: Tinh bột khoai mì.

---

(111) **4-0166819**
(210) 4-2009-24019
(181) 06.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 01.07.2011
(220) 06.11.2009

(531) 26.1.2; A26.11.12
(591) Xanh, cam, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP ĐIỆN TỬ THÔNG TIN (VN)
Số 163A, đường Giải Phóng, phường ĐồngTâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Bảng điện tử Led hiển thị số; bản điện tử Led ma trận một màu; bảng điện tử Led ma trận ba màu; bảng điện tử hiển thị viđeo; hệ thống xếp hàng điện tử; hệ thống gọi phục vụ điện tử.

---

(111) **4-0166820**
(210) 4-2010-04275
(181) 08.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

OLOVITEX

(151) 01.07.2011
(220) 08.03.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG (VN)
Số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166821**
(210) 4-2009-23036
(181) 26.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 01.07.2011
(220) 26.10.2009

(531) 26.1.1; A1.1.3; 3.9.1; A26.11.12; 26.13.25
(591) Xanh dương, đỏ, vàng, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM BLH (VN)
64 ích Thạnh, phường Trường Thạnh, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 29: Thịt; tôm (không còn sống); cá (không còn sống); mực (không còn sống); cua (không còn sống); trứng.

---

(111) **4-0166822**
(210) 4-2009-23053
(181) 27.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 01.07.2011
(220) 27.10.2009

(531) 26.15.9; 26.15.1
(591) Xanh đen, vàng, trắng.
(731) CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THẾ GIỚI TIỆN NGHI TIẾN HÂN (VN)
196/11 Cộng Hòa, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 02: Mực in.

Nhóm 09: Máy vi tính; thiết bị ngoại vi của máy tính; phần mềm máy tính đã được ghi; máy chiếu; máy photocopy; điện thoại cố định; điện thoại di động; máy fax; máy tổng đài.

Nhóm 16: Văn phòng phẩm.

Nhóm 20: Trang thiết bị nội ngoại thất văn phòng, gia đình, trường học: bàn; ghế; tủ; giường.

---

(111) **4-0166823**
(210) 4-2009-23055
(181) 27.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 01.07.2011
(220) 27.10.2009

(531) 24.13.1
(591) Xanh đen, xanh lá cây.
(731) CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THẾ GIỚI TIỆN NGHI TIẾN HÂN (VN)
196/11 Cộng Hoà, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 20: Đồ gỗ nội thất; gương; khung ảnh; đồ nội thất bằng lau, sậy, cói.

Nhóm 21: Dụng cụ và đồ chứa dùng cho gia đình hoặc bếp núc; đồ sành, sứ.

Nhóm 24: Khăn trải bàn; đồ dùng gia đình bằng vải.

---

(111) **4-0166824**
(210) 4-2009-23019
(181) 26.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

REALSLIM

(151) 01.07.2011
(220) 26.10.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BV PHARMA (VN)
Xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166825**
(210) 4-2010-03026
(181) 10.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

MANDELAY

(151) 01.07.2011
(220) 10.02.2010

(731) MAJESTIC DRUG, CO., INC. (US)
P.O. Box 490, 4996 Main St. (Route 42), South Fallsburg, NY 12779, United Sates of America
(740) Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội (AMBYS HANOI)

(511) Nhóm 05: Dầu bôi trơn khống chế thời điểm đạt cực điểm khoái cảm trong quan hệ tình dục.

---

(111) **4-0166826**
(210) 4-2010-02796
(181) 08.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

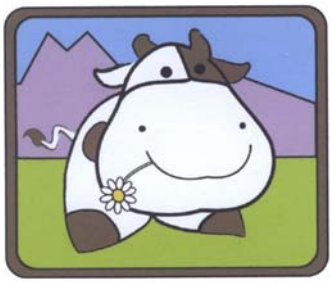

(151) 01.07.2011
(220) 08.02.2010

(531) A3.4.2
(591) Tím, xanh dương, xanh lá cây, trắng, nâu, vàng
(731) CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ DU LỊCH ĐẠI VỸ (VN)
Số 8A Hoàng Diệu, phường 5, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng (phục vụ thức ăn và đồ uống tại chỗ).

---

(111) **4-0166827**
(210) 4-2009-22543
(181) 21.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 01.07.2011
(220) 21.10.2009

(531) 26.1.1; A25.3.5; 26.13.25
(591) Đen, trắng, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI TẤN ĐẠI PHÁT (VN)
05 đường số 57C, khu phố 9, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 11: Quạt gió (điều hoà không khí).

---

(111) **4-0166828**
(210) 4-2010-02491
(181) 04.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

D.A P&T

(151) 01.07.2011
(220) 04.02.2010

(731) DONG-A PENCIL CO., LTD. (KR)
4th floor, Parkland Building, 237-11, Nonhyen-dong, Gangnam-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 16: Tẩy bằng cao su; sổ tay; bút bi; hộp thuốc màu (đồ dùng trong trường học); bút màu dùng để đánh dấu; bút để vạch dấu; bút dạ; bút chì nhọn; bút chì; bút sáp màu; keo (hồ) dính dùng trong văn phòng; cái gọt bút chì; ngòi bút chì; mực viết; chất lỏng để xoá (đồ dùng văn phòng); hộp bút; hộp và hộp có ngăn để đựng bút và bút chì; bút máy; bút dùng mực tàu; vật liệu để nặn mô hình; bút chì than; đồ dùng văn phòng (không kể đồ gỗ); đầu bút bi; bút chì đá; vở nháp; bút vẽ; bút mực màu; bút chì màu; phấn vẽ màu; dụng cụ để viết; bút đánh dấu.

---

(111) **4-0166829**
(210) 4-2009-23002
(181) 26.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(40)

(151) 01.07.2011
(220) 26.10.2009

(531) 26.4.2; A26.11.12; 26.11.1
(591) Xanh dương, đen, trắng.
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG (VN)
411 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166830**
(210) 4-2009-23004
(181) 26.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 01.07.2011
(220) 26.10.2009

(531) 26.4.2; 2.9.22; 2.9.14; A2.9.15; 26.3.1; 26.11.1
(591) Da cam, xanh sẫm, đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG (VN)
411 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166831**
(210) 4-2009-23006
(181) 26.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 01.07.2011
(220) 26.10.2009

(531) 26.4.2; 26.4.4; 26.5.1; 3.1.14
(591) Đỏ, đỏ nhạt, vàng, vàng nhạt, đen, trắng.
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY (VN)
80 Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166832**
(210) 4-2009-23009
(181) 26.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 01.07.2011
(220) 26.10.2009

(531) 26.4.2; 26.4.4; 26.5.1; A26.11.12; 26.1.2; 2.1.15; A2.3.16; 1.11.12; 1.5.1; 26.13.25
(591) Xanh sẫm, xanh, xanh dương, ghi sẫm, ghi nhạt, đen, trắng.
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ HÀ MINH (VN)
B5 lô 5 khu đô thị Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166833**
(210) 4-2010-00072
(181) 04.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BDGEMCIN

(151) 01.07.2011
(220) 04.01.2010

(731) BDR PHARMACEUTICALS INTERNATIONAL PVT. LTD (IN)
407/408 Sharda Chamber, New Marine Lines, Mumbai 400 020, lndia
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166834**
(210) 4-2010-02898
(181) 10.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 01.07.2011
(220) 10.02.2010

(531) A2.3.2; 2.3.1
(591) Hồng cánh sen, đen, trắng, nhũ hồng nhạt
(731) ĐỖ VĂN MINH (VN)
Tập thể Cảnh sát nhân dân I, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 41: Dịch vụ quay phim và chụp ảnh; dịch vụ đào tạo nghề về chụp ảnh, quay phim, trang điểm và thiết kế thời trang; cho thuê máy ảnh, máy quay phim và đồ trang trí sân khấu; tổ chức các cuộc thi sắc đẹp; thông tin về lĩnh vực giáo dục và giải trí.

Nhóm 44: Dịch vụ trang điểm cô dâu; dịch vụ cắt tóc; dịch vụ thẩm mỹ viện; dịch vụ cắt sửa móng tay; dịch vụ mát xa; dịch vụ chăm sóc da mặt.

---

(111) **4-0166835**
(210) 4-2010-02919
(181) 10.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

NOVTOP

(151) 01.07.2011
(220) 10.02.2010

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THANH DANH (VN)
749/14/4 Huỳnh Tấn Phát, phường Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166836**
(210) 4-2010-02931
(181) 10.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

RABPELL

(151) 01.07.2011
(220) 10.02.2010

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THANH DANH (VN)
749/14/4 Huỳnh Tấn Phát, phường Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166837**
(210) 4-2010-02932
(181) 10.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

RABPELL-D

(151) 01.07.2011
(220) 10.02.2010

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THANH DANH (VN)
749/14/4 Huỳnh Tấn Phát, phường Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166838**
(210) 4-2010-02937
(181) 10.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

TIROME

(151) 01.07.2011
(220) 10.02.2010

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THANH DANH (VN)
749/14/4 Huỳnh Tấn Phát, phường Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166839**
(210) 4-2010-02973
(181) 10.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

HEBERPENTA

(151) 01.07.2011
(220) 10.02.2010

(731) HERBER BIOTEC, S.A (CU)
186 street and 31 avenue, Havana City, Republic of Cuba
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166840**
(210) 4-2010-08418
(181) 21.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

FONEXTI

(151) 01.07.2011
(220) 21.04.2010

(731) SAMCHUNDANG PHARM.CO., LTD (KR)
1606-1, Seocho-Dong, Seocho-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng trong ngành y.

(111) **4-0166841**
(210) 4-2009-26058
(181) 01.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

G-Tip

(151) 01.07.2011
(220) 01.12.2009

(591) Đỏ
(731) CÔNG TY TNHH NATURNUTRI (VN)
Km 15, thôn Tân An, xã Hiệp An, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng

(511) Nhóm 30: Kẹo; trà; cà phê; đường; đồ uống trên cơ sở trà; đồ uống trên cơ sở cà phê.

---

(111) **4-0166842**
(210) 4-2009-26796
(181) 10.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

DRAGONCIN

(151) 01.07.2011
(220) 10.12.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÓA CHẤT VÀ THƯƠNG MẠI TRẦN VŨ (VN)
Số 15, ngõ 22, phố Nguyễn Ngọc Nại, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0166843**
(210) 4-2009-26076
(181) 01.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

DNA PHARMA

(151) 01.07.2011
(220) 01.12.2009

(531) 26.5.1; 26.4.2; A26.4.6; A19.13.21; 5.5.16; 5.5.19; A5.5.20; A5.5.21
(591) Trắng, xanh, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN (VN)
16 Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng trong ngành y; thực phẩm bổ sung dinh dưỡng dùng trong ngành y.

Nhóm 35: Mua bán dược phẩm, mỹ phẩm, thiết bị y tế.

Nhóm 36: Cho thuê văn phòng.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn, nhà hàng ăn uống; dịch vụ nhà nghỉ du lịch, dịch vụ quán cà phê, quán rươu (quán bar).

---

(111) **4-0166844**
(210) 4-2009-16892
(181) 12.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 01.07.2011
(220) 12.08.2009

(531) 1.7.6; 26.1.1
(591) Đỏ, xanh tím than
(731) CÔNG TY TNHH DỆT MAY MỸ ĐỨC (VN)
Đội 3, thôn Thượng, xã Phùng Xá, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 24: Các loại khăn bằng vải: khăn tắm, khăn rửa mặt, khăn lau tay, khăn ăn; vải và hàng dệt không xếp vào các nhóm khác.

---

(111) **4-0166845**
(210) 4-2009-25949
(181) 30.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Modipic

(151) 01.07.2011
(220) 30.11.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Quốc Toản, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thực phẩm thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0166846**
(210) 4-2009-25962
(181) 30.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

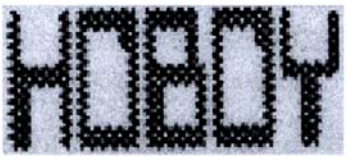

(151) 01.07.2011
(220) 30.11.2009

(531) 26.4.2; 25.7.25
(731) ISEO IMPORT-EXPORT COMPANY LIMITED (TH)
5680 Soi Ladprao 101 (Watbuengthonglarng), Ladprao Road, Klong Jan Sub-District, Bangkapi District, Bangkok, 10240 Thailand
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 21: Tay nắm bằng sứ; đồ sứ (dùng cho mục đích gia dụng).

---

(111) **4-0166847**
(210) 4-2009-25963
(181) 30.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

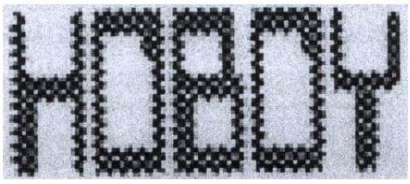

(151) 01.07.2011
(220) 30.11.2009

(531) 26.4.2; 25.7.25
(731) ISEO IMPORT-EXPORT COMPANY LIMITED (TH)
5680 Soi Ladprao 101 (Watbuengthonglarng), Ladprao Road, Klong Jan Sub-District, Bangkapi District, Bangkok, 10240 Thailand
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 06: Then cài cửa sổ bằng kim loại; khóa có lò xo bằng kim loại; khóa móc bằng kim loại; chốt cài cửa bằng kim loại; khóa cửa bằng kim loại không dùng điện; móc cửa sổ bằng kim loại; bản lề bằng kim loại; tay nắm cửa bằng kim loại; chìa khóa; nắm đấm cửa bằng kim loại; vòng đeo chìa khóa bằng kim loại; móc treo chìa khóa và móc cửa sổ bằng kim loại.

---

(111) **4-0166848**
(210) 4-2009-26120
(181) 02.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 01.07.2011
(220) 02.12.2009

(531) 24.1.5; 1.17.11; A1.1.2; 5.7.3; 5.13.4; 23.1.1
(591) Xanh dương, đỏ, trắng, vàng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẢO VỆ THUẬN DŨNG (VN)
Số 7, ngách 55/38 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 45: Dịch vụ bảo vệ an ninh con người, tài sản.

---

(111) **4-0166849**
(210) 4-2009-25929
(181) 30.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

MEMET

(151) 01.07.2011
(220) 30.11.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM DO HA (VN)
Số 30, tập thể Trần Phú, ngõ 105, đường Nguyễn Phong Sắc, tổ 16, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166850**
(210) 4-2009-25940
(181) 30.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

ZORALENT

(151) 01.07.2011
(220) 30.11.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI THÀNH AN KHANG (VN)
221/47 - 49 Hà Tôn Quyền, phường 6, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166851**
(210) 4-2009-25942
(181) 30.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

LIVERTANA

(151) 01.07.2011
(220) 30.11.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM THÀNH NAM (VN)
3A Đặng Tất, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166852**
(210) 4-2009-25948
(181) 30.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

KIASO

(151) 01.07.2011
(220) 30.11.2009

(731) PHARMIX CORPORATION (KR)
1304, Garak ID Tower, 99-7, Garak-dong, Songpa-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166853**
(210) 4-2009-26100
(181) 01.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

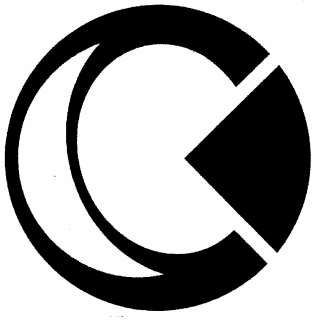

(151) 01.07.2011
(220) 01.12.2009

(531) 26.1.1; A26.11.12; 26.2.3; 26.3.1; A26.3.6
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BÁCH ĐẠT (VN)
Số 17 Quán Nam, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 28: Đồ chơi dành cho trẻ em.

Nhóm 35: Đại lý mua bán hàng hóa; mua bán máy camera, hệ thống máy báo trộm, báo cháy, thiết bị viễn thông, đồ chơi, máy vi tính, phần mềm máy vi tính, thiết bị ngoại vi máy tính; quảng cáo.

Nhóm 38: Dịch vụ điện thoại; dịch vụ điện thoại qua internet; dịch vụ thông tin liên lạc bằng máy tính.

Nhóm 41: Tổ chức sự kiện về văn hóa giáo dục, thể thao, giải trí và các hoạt động xã hội.

---

(111) **4-0166854**
(210) 4-2009-26216
(181) 03.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 01.07.2011
(220) 03.12.2009

(531) 26.1.1; A1.1.2; 26.11.2
(591) Đỏ, trắng.
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NAM PHÁT (VN)
107 lô K, chung cư Bàu Cát II, đường Hồng Lạc, phường 10, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Quản lý kinh doanh.

---

(111) **4-0166855**
(210) 4-2009-25947
(181) 30.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

villa secrets

(151) 01.07.2011
(220) 30.11.2009

(531) A26.11.12; 3.13.1; A3.13.24
(591) Nâu, hồng tím, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KIM YẾN (VN)
143 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần áo lót; quần áo tắm.

---

(111) **4-0166856**
(210) 4-2009-27116
(181) 14.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 01.07.2011
(220) 14.12.2009

(531) 26.4.2; 26.3.23; 26.13.25
(591) Xanh da trời, vàng, nâu, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH MINH HOÀNG VIỆT (VN)
Xóm Lò, xã Tây Mỗ, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư phát triển JUDIMAX (JUDIMAX., JSC)

(511) Nhóm 02: Sơn, vecni, chất bảo quản gỗ, chất tạo màu.

Nhóm 35: Mua bán các sản phẩm: sơn các loại, vecni, chất bảo quản gỗ, chất tạo màu.

---

(111) **4-0166857**
(210) 4-2009-26101
(181) 01.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 01.07.2011
(220) 01.12.2009

(531) 26.1.1; 1.3.1; A26.11.12; A1.3.15; 26.11.3; 25.7.20; 26.4.4; 26.4.9
(591) Xanh nước biển, trắng, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐÔNG SÁNG (VN)
Thôn Nãi Sơn, xã Tú Sơn, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 06: Sắt thép.

Nhóm 35: Mua bán sắt thép, sắt phế liệu.

---

(111) **4-0166858**
(210) 4-2009-23737
(181) 03.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 01.07.2011
(220) 03.11.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM CÚC HOA (VN)
25/25 Vũ Ngọc Phan, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược, thú y; chế phẩm vệ sinh dùng cho mục đích y tế; chất ăn kiêng dùng trong ngành y; thực phẩm cho trẻ sơ sinh.

---

(111) **4-0166859**
(210) 4-2009-25960
(181) 30.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 01.07.2011
(220) 30.11.2009

(531) 26.4.2; 1.15.15; 25.1.6; 26.13.25
(731) HERSHEY CHOCOLATE AND CONFECTIONERY CORPORATION (US)
4860 Robb Street, Suite 204, Wheat Ridge, Colorado 80033, USA
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 30: Kẹo, sô cô la.

---

(111) **4-0166860**
(210) 4-2009-27280
(181) 16.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 01.07.2011
(220) 16.12.2009

(531) 26.1.2; A26.11.12; 26.4.2; 26.3.1; A26.3.6; 26.13.25
(731) SUISUN COMPANY LIMITED (HK)
Block A, 12/F, Unit 1207, Focal Industrial Centre, 21 Man Lok Street, Hung Hom, Hong Kong
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 08: Dụng cụ dùng để mài (dụng cụ thao tác thủ công, được điều khiển bằng tay); dụng cụ nông nghiệp (dụng cụ thao tác thủ công, được điều khiển bằng tay); dụng cụ làm vườn (dụng cụ thao tác thủ công, được điều khiển bằng tay); dụng cụ thao tác thủ công, được điều khiển bằng tay; cơ cấu kích (dụng cụ thao tác thủ công, được điều khiển bằng tay); dụng cụ dùng để cắt kính (dụng cụ thao tác thủ công, được điều khiển bằng tay).

---

(111) **4-0166861**
(210) 4-2009-22890
(181) 23.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 01.07.2011
(220) 23.10.2009

(531) 26.1.1; A26.11.12; A1.1.2; 25.7.20
(591) Đỏ, ghi xám
(731) NGUYỄN THỊ THANH NGỌC (VN)
170 Kim Mã, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Luật TNHH Tư vấn Quốc tế (IC)

(511) Nhóm 25: Quần áo thời trang may sẵn; áo vét tông; bộ com lê; áo sơ mi; giầy dép; mũ nón.

Nhóm 40: May mặc, cắt quần áo; cắt may quần áo bằng da lông thú theo yêu cầu; may chần (mền, chăn); nhuộm vải; xử lý vải.

---

(111) **4-0166862**
(210) 4-2009-25252
(181) 20.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Novamet

(151) 01.07.2011
(220) 20.11.2009

(731) CLARIS LIFESCIENCES LTD. (IN)
Claris Corporate head quarters, Parimal Crossing, Ahmedabad, Gujarat, India
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166863**
(210) 4-2007-13945
(181) 23.07.2017
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 01.07.2011
(220) 23.07.2007

(531) 5.5.16; A5.5.21; 24.9.2; 24.9.4
(591) Cam, xanh lá cây, đỏ, xanh dương, đen, xanh ngọc
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO VÀ HỘI CHỢ THƯƠNG MẠI (VN)
57 khu phố 2, Nguyễn Đăng Giai, phường Thảo Điền, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 41: Tổ chức biểu diễn.

---

(111) **4-0166864**
(210) 4-2009-28182
(181) 25.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

QUÊ LỤA

(151) 01.07.2011
(220) 25.12.2009

(731) NGUYỄN NHƯ LÂM (VN)
Thôn Quyết Tiến, xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 33: Rượu.

---

(111) **4-0166865**
(210) 4-2009-27851
(181) 22.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 01.07.2011
(220) 22.12.2009

(531) 25.1.15; 26.4.2; A25.1.13; 5.5.23
(591) Đỏ, vàng nhũ, vàng nhạt, vàng, vàng đậm, hồng đậm, hồng, xám, xanh rêu, da cam, da cam nhạt, xanh lá cây đậm, xanh lá cây, xanh lá cây nhạt, xanh dương đậm, xanh dương, xanh dương nhạt, trắng, nâu, xanh ngọc nhạt
(731) HỘ KINH DOANH THÀNH ĐẠT (VN)
59/37/1 Mã Lò, khu phố 1, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Hương thơm để thắp (nhang thơm).

---

(111) **4-0166866**
(210) 4-2009-28038
(181) 24.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

PHÚ LẠC
07C

(151) 01.07.2011
(220) 24.12.2009

(731) NGUYỄN VĂN CÚC (VN)
112 đường Xóm Mới, thị trấn Dran, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng

(511) Nhóm 31: Trái cây tươi.

---

(111) **4-0166867**
(210) 4-2009-28133
(181) 25.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Pantio

(151) 01.07.2011
(220) 25.12.2009

(531) 26.4.2; 3.7.19
(731) CÔNG TY TNHH THỜI TRANG PHƯỢNG ANH (VN)
67 Thái Thịnh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần áo, trang phục bằng vải.

Nhóm 40: Cắt may quần áo, gia công quần áo thời trang, hàng may mặc.

---

(111) **4-0166868**
(210) 4-2007-06052
(181) 10.04.2017
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 01.07.2011
(220) 10.04.2007

(531) 26.1.2
(591) Xanh dương, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY LƯƠNG THỰC ĐỒNG THÁP (VN)
Số 531, quốc lộ 30, xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

(511) Nhóm 40: Sản xuất thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản.

---

(111) **4-0166869**
(210) 4-2009-22933
(181) 26.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 01.07.2011
(220) 26.10.2009

(531) 26.4.1; 25.7.25; 25.1.25; 26.13.25
(591) Nâu, vàng
(731) CÔNG TY TNHH KHÔNG GIAN MỚI (VN)
Phòng 202 B3, ngõ 27 phố Cát Linh, tập thể Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 20: Đồ đạc nội thất bằng gỗ, gương, khung ảnh; đồ đạc nội thất bằng kim loại; kính và gương gắn vào đồ đạc trong nhà hoặc để trang điểm.

Nhóm 24: Chăn.

Nhóm 27: Chiếu.

Nhóm 35: Buôn bán đồ nội thất; buôn bán đồ thủ công mỹ nghệ; buôn bán cây cảnh và vật liệu trang trí ngoài trời (sỏi, đá tự nhiên và nhân tạo); buôn bán kính trang trí nội, ngoại thất (kính trắng, kính màu); buôn bán đèn trang trí nội, ngoại thất (đèn trần, đèn tường, đèn bàn); buôn bán vật liệu trang trí nội ngoại thất (vật liệu ốp ngoài nhà, vật liệu ốp trong nhà, trần, sàn, tường); buôn bán các loại da; buôn bán trang thiết bị vệ sinh; xuất nhập khẩu hàng hóa.

Nhóm 37: Trang trí nội ngoại thất; thi công xây dựng; thi công nội ngoại thất.

Nhóm 42: Thiết kế công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc và thiết kế nội ngoại thất.

---

(111) **4-0166870**
(210) 4-2006-14483
(181) 31.08.2016
(450) 25.08.2011 281
(540)

SHACHONGSHUANG ®

(151) 01.07.2011
(220) 31.08.2006

(731) GUIZHOU CVC INC. (CN)
16-A Zhongchuang Lianhe Mansion, No.2 Huaxi Dadao Beiduan, Guiyang, Guizhou, P.R. China

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật: thuốc trừ sâu.

---

(111) **4-0166871**
(210) 4-2007-25741
(181) 17.12.2017
(450) 25.08.2011 281
(540)

HALICO ®
SINCE 1898

(151) 01.07.2011
(220) 17.12.2007

(531) 26.1.1; 25.1.6; 9.1.10; A19.7.16
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CỒN RƯỢU HÀ NỘI (VN)
94 Lò Đúc, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 16: Bao bì giấy, các tông, chất dẻo.

Nhóm 32: Các loại đồ uống không có cồn.

Nhóm 33: Rượu, đồ uống có chứa cồn (trừ bia).

Nhóm 35: Mua bán thiết bị vật tư, nguyên liệu phục vụ cho sản xuất rượu, cồn và các mặt hàng tiêu dùng công nghệ lương thực, thực phẩm; cung cấp thiết bị dây chuyền sản xuất rượu, cồn.

Nhóm 36: Kinh doanh nhà ở và dịch vụ cho thuê nhà ở, văn phòng, cửa hàng.

Nhóm 39: Kinh doanh vận tải, hàng hoá.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn.

---

(111) **4-0166872**
(210) 4-2008-01651
(181) 23.01.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 01.07.2011
(220) 23.01.2008

(531) 26.1.1; 26.11.3; 2.5.1; A26.11.8; A2.5.22
(591) Xanh cốm, xanh dương, xanh da trời, da cam, trắng, đỏ.
(731) ĐÀO THỊ CHI HÀ (VN)
Tổ 9, Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 41: Trường mẫu giáo; giáo dục và đào tạo; tư vấn cung cấp các thông tin về giáo dục và đào tạo; dịch vụ chăm sóc trẻ em với mục đích giáo dục.

---

(111) **4-0166873**
(210) 4-2008-26291
(181) 10.12.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

LORATECH
water pump

(151) 01.07.2011
(220) 10.12.2008

(531) 1.15.23; 26.1.1; A26.11.13; A26.11.12
(591) Xanh, trắng
(731) PHẠM CÔNG CỪU (VN)
N1 chợ Tân Hưng, phường 9, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán: máy bơm nước, động cơ điện, động cơ nổ, máy phát điện chạy động cơ xăng, dầu, máy cắt cỏ chạy động cơ xăng, máy phun thuốc trừ sâu chạy động cơ xăng, máy cưa xích.

---

(111) **4-0166874**
(210) 4-2009-27720
(181) 21.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 01.07.2011
(220) 21.12.2009

(531) 26.4.2; 4.3.3; 26.1.2; A26.11.12; 26.11.3; 25.7.20; 5.7.3
(591) Trắng, đỏ, đen, vàng đồng
(731) TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN (SAIGON BEER - ALCOHOL - BEVERAGE CORPORATION) (VN)
6 Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 32: Bia các loại.

---

(111) **4-0166875**
(210) 4-2009-27721
(181) 21.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 01.07.2011
(220) 21.12.2009

(531) 24.1.5; 26.1.1; 26.1.6; 4.3.3
(591) Trắng, xanh lá cây, xám, đỏ, đen, vàng đồng
(731) TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN (SAIGON BEER - ALCOHOL - BEVERAGE CORPORATION) (VN)
6 Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 32: Bia các loại.

---

(111) **4-0166876**
(210) 4-2009-28333
(181) 28.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 01.07.2011
(220) 28.12.2009

(531) 26.13.25
(731) CHUNG - JUNG CHEN (TW)
No. 12-12, Laiganliao, Jiali Township, Tainan County 722, Taiwan
(740) Công ty cổ phần Tư vấn S&B (S&B CONSULTANT., CORP.)

(511) Nhóm 12: Ống xả khói ôtô, xe máy; bộ giảm xóc; gương chiếu hậu; nắp chụp vành bánh xe; đĩa phanh.

---

(111) **4-0166877**
(210) 4-2009-28117
(181) 25.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Bluelink®

(151) 01.07.2011
(220) 25.12.2009

(591) Trắng, đen, xanh
(731) CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG XANH (VN)
Nhà 26A TT Bưu điện phường Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Tổ chức sự kiện nhằm mục đích thương mại và quảng cáo; tổ chức triển lãm với mục đích thương mại hoặc quảng cáo; dịch vụ quan hệ công chúng; dịch vụ quảng cáo; dịch vụ kinh doanh mua bán biển quảng cáo, dịch vụ cung cấp nhân sự tạm thời.

Nhóm 41: Dịch vụ tổ chức và sắp xếp hội thảo, hội nghị; dịch vụ tổ chức các chương trình ca nhạc; dịch vụ giải trí; dịch vụ giáo dục; dàn dựng chương trình phát thanh và truyền hình; trình diễn sân khấu.

---

(111) **4-0166878**
(210) 4-2009-27747
(181) 22.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

COLITYLO

(151) 01.07.2011
(220) 22.12.2009

(731) ALINA COMBINE PHARMACEUTICALS (PVT) LTD (PK)
208 Amber Estate, Block 7 - 8, Shahrah - e - Faisal, Karachi, Pakistan
(740) Công ty TNHH Vĩnh Phát và Liên danh (VIFA & ASSOCIATES CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166879**
(210) 4-2006-17723
(181) 20.10.2016
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 01.07.2011
(220) 20.10.2006

(531) 1.5.1; A1.5.3
(591) Xanh dương, xám
(731) U.S. FLUE-CURED TOBACCO GROWERS, INC (US)
1304 Annopolis Drive Raleigh, North Carolina 27608, USA
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá.

---

(111) **4-0166880**
(210) 4-2009-04045
(181) 11.03.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 01.07.2011
(220) 11.03.2009

(531) A5.5.21
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MẶT TRỜI (VN)
Tầng 7, toà nhà Đà Nẵng ACB Tower - 218 Bạch Đằng, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

(511) Nhóm 36: Phát triển các bất động sản để bán và cho thuê, cụ thể là đầu tư bất động sản, mua bán các bất động sản, cho thuê các bất động sản, quản lý các bất động sản, quản lý danh mục vốn đầu tư bất động sản.

Nhóm 39: Du lịch lữ hành nội địa; vận tải hành khách bằng các phương tiện đường bộ, đường thủy và cáp treo.

Nhóm 41: Dịch vụ giải trí; dịch vụ câu lạc bộ giải trí; dịch vụ trò chơi; dịch vụ thể thao giải trí; tổ chức các chương trình biểu diễn; tổ chức các đại hội và hội nghị.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn; nhà hàng ăn uống.

Nhóm 44: Chăm sóc da; thẩm mỹ viện làm đẹp; uốn chải tóc; cắt tóc; dịch vụ chăm sóc sức khoẻ; dịch vụ chăm sóc sắc đẹp (không làm chảy máu).

---

(111) **4-0166881**
(210) 4-2010-04787
(181) 12.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

SNAILS TODAY

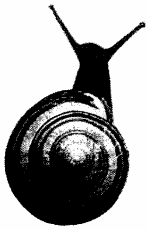

(151) 04.07.2011
(220) 12.03.2010

(531) 3.11.7; 3.9.18
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HOÁ MỸ PHẨM HỒNG TUYÊN (VN)
176 Quách Đình Bảo, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH một thành viên Trường Luật (CÔNG TY TRUONG LUAT)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0166882**
(210) 4-2009-22521
(181) 20.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

MAKEGREEN

(151) 04.07.2011
(220) 20.10.2009

(731) CÔNG TY TNHH NAM NÔNG PHÁT (VN)
C18, lô 9, khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như: thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0166883**
(210) 4-2009-22525
(181) 20.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Thần Địch Trùng

(151) 04.07.2011
(220) 20.10.2009

(731) CÔNG TY TNHH NAM NÔNG PHÁT (VN)
C18, lô 9, khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như: thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0166884**
(210) 4-2009-28412
(181) 29.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

SOKDISOL

(151) 04.07.2011
(220) 29.12.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VÀ THIẾT BỊ Y TẾ ĐỒNG TÂM (VN)
37 Lục Niên, phường Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166885**
(210) 4-2009-28413
(181) 29.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

DANAFOSULE

(151) 04.07.2011
(220) 29.12.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐẠI NAM (VN)
T.1 Hồng Lĩnh, cư xá Bắc Hải, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166886**
(210) 4-2009-28414
(181) 29.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

DANAROXIM

(151) 04.07.2011
(220) 29.12.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐẠI NAM (VN)
T.1 Hồng Lĩnh, cư xá Bắc Hải, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166887**
(210) 4-2009-27692
(181) 21.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

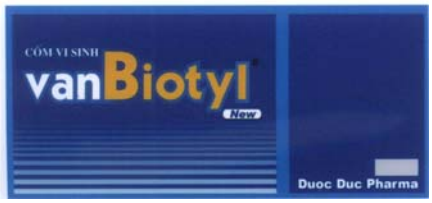

(151) 04.07.2011
(220) 21.12.2009

(531) 26.4.2; 26.11.3; 25.7.20
(591) Xanh sẫm, xanh dương, vàng, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC ĐỨC (VN)
Số nhà 368B, đường Trần Cung, xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166888**
(210) 4-2009-22541
(181) 21.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 04.07.2011
(220) 21.10.2009

(531) 26.1.1; A26.11.12
(591) Xanh dương, trắng, đỏ.
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI TẤN ĐẠI PHÁT (VN)
05 đường số 57C, khu phố 9, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 11: Quạt gió (điều hoà không khí).

---

(111) **4-0166889**
(210) 4-2009-27632
(181) 21.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 04.07.2011
(220) 21.12.2009

(531) 26.1.1; 26.3.1; A26.11.12; 26.2.7
(591) Xanh, đỏ, trắng.
(731) CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRƯỜNG XUÂN (VN)
Km 15+500, quốc lộ 1A, thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Nấm (được bảo quản, phơi khô hoặc nấu chín).

Nhóm 31: Nấm tươi.

Nhóm 35: Mua bán, xuất nhập khẩu: nấm, máy bơm, vật tư phục vụ ngành công nghiệp luyện thép và các máy móc thiết bị, phụ tùng thay thế, cá và thủy sản, đồ dùng cá nhân.

---

(111) **4-0166890**
(210) 4-2009-25849
(181) 27.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 04.07.2011
(220) 27.11.2009

(531) A1.5.3
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THẢO TRANG (VN)
91/12 Nơ Trang Long, phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 07: Cái lọc dùng trong động cơ.

---

(111) **4-0166891**
(210) 4-2010-04635
(181) 11.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

AEROFOR

(151) 04.07.2011
(220) 11.03.2010

(731) RELIV HEALTHCARE INC. (VG)
3rd Floor, Omar Hodge Building, Wickham Cay I, PO Box-362 Road Town, Tortola, British Virgin Island
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166892**
(210) 4-2009-25917
(181) 30.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

KIM BAO
BÓP NỊT
KIM BẢO

(151) 04.07.2011
(220) 30.11.2009

(531) 26.3.1; A26.11.12; A9.5.6; A9.5.7; 26.13.25
(591) Xanh lá cây, vàng cam, xanh lá cây đậm
(731) LÂM SANH BẢO (VN)
149/B9 Lý Thánh Tông, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 18: Sản phẩm bằng vật liệu da động vật và giả da: ví da.

Nhóm 25: Dây thắt lưng da (dùng với trang phục).

---

(111) **4-0166893**
(210) 4-2009-28051
(181) 24.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

HƯƠNG LIỆU & HÓA MÀU
Phuha Chemical

(151) 04.07.2011
(220) 24.12.2009

(531) 26.4.2; 26.5.1; 26.13.25
(591) Đỏ, đen.
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HÓA CHẤT PHÚ HÀ (VN)
Số 389 An Dương Vương, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán hương liệu hoá màu thực phẩm và công nghiệp.

Nhóm 39: Dịch vụ đóng gói bao bì.

---

(111) **4-0166894**
(210) 4-2009-22526
(181) 20.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

UDEXCALE

(151) 04.07.2011
(220) 20.10.2009

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÍCH CHÂU (VN)
792 Sư Vạn Hạnh (nối dài), phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166895**
(210) 4-2009-22235
(181) 16.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

SANGVIET

(151) 04.07.2011
(220) 16.10.2009

(591) Trắng, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SÁNG VIỆT (VN)
230B/16 Hậu Giang, phường 9, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 16: Giấy cát tông, ấn phẩm, văn phòng phẩm.

---

(111) **4-0166896**
(210) 4-2009-25884
(181) 27.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Hlākin

(151) 04.07.2011
(220) 27.11.2009

(531) A26.11.12
(731) NGÔ THỊ QUỲNH MAI (VN)
51 lầu 1 Ngô Quyền, phường 11, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Phát và Liên danh (VIFA & ASSOCIATES CO.,LTD.)

(511) Nhóm 41: Nhiếp ảnh; sản xuất phim; lồng tiếng, lồng nhạc; dàn dựng biên tập băng video; dịch vụ hình ảnh kỹ thuật số; dịch vụ phòng thu (ghi băng); dàn dựng băng video; sản xuất phim trên video; dịch vụ viết kịch bản phim, kịch; tổ chức sự kiện (không nhằm mục đích thương mại hoặc quảng cáo).

Nhóm 45: Cho thuê áo cưới, phục trang dạ hội.

---

(111) **4-0166897**
(210) 4-2008-07111
(181) 04.04.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

PENHEATCO

(151) 04.07.2011
(220) 04.04.2008

(531) 26.1.2; A26.11.12
(591) Trắng, đỏ, xanh
(731) CÔNG TY TNHH CƠ - NHIỆT - NĂNG LƯỢNG BÁCH KHOA (VN)
Số 34-C1, khu đô thị mới Đại Kim-Định Công, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 37: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi; san lấp mặt bằng, sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị trong lĩnh vực cơ, nhiệt, năng lượng, điện, điện tử, điện lạnh, tự động hoá, thiết bị đo lường.

Nhóm 40: Chế tạo thiết bị trong lĩnh vực cơ, nhiệt, năng lượng, điện, điện tử, điện lạnh, tự động hoá, thiết bị đo lường.

Nhóm 42: Khảo sát; thiết kế.

---

(111) **4-0166898**
(210) 4-2009-07176
(181) 16.04.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

COFLUN

(151) 04.07.2011
(220) 16.04.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ ĐỨC MINH (DUC MINH MEDICAL JOINT STOCK COMPANY) (VN)
Số 1 Đông Quan, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166899**
(210) 4-2009-02271
(181) 16.02.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 04.07.2011
(220) 16.02.2009

(591) Xanh dương, cam, xanh lá cây, xám
(731) CÔNG TY TNHH BẢO GIA VIỆT (VN)
25/9N Cây Trâm, phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Giới thiệu sản phẩm, phân phối sản phẩm công nghiệp và dân dụng; dịch vụ hỗ trợ kinh doanh; hãng thông tin về thương mại.

---

(111) **4-0166900**
(210) 4-2008-04231
(181) 05.03.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

K.KAT

(151) 04.07.2011
(220) 05.03.2008

(531) 26.11.2; A26.11.8
(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ K PHA (VN)
Số 40B, tổ 1, cụm 13, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 03: Vải; nhám, giấy nhám; các chế phẩm dùng để mài mòn, đánh bóng, làm sạch và tẩy rửa; các chất khử mùi dùng cho cá nhân; các loại nước rửa tay.

Nhóm 05: Các chất tẩy uế; các chất khử mùi không dùng cho cá nhân; các chất làm thơm phòng.

---

(111) **4-0166901**
(210) 4-2009-19880
(181) 17.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

MORIMIXKA

(151) 04.07.2011
(220) 17.09.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HỒ BẮC (VN)
Lô số 30, tổ 33, cụm 5, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166902**
(210) 4-2009-19544
(181) 15.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

HIỆU HX CON CÁ CƠM
HƯƠNG XUÂN

(151) 04.07.2011
(220) 15.09.2009

(531) 26.4.2; 26.1.1
(731) VÕ HỒNG THIỆN (VN)
Khu phố 4, Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 29: Nước mắm các loại.

---

(111) **4-0166903**
(210) 4-2009-20442
(181) 24.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

SHARAZOLE

(151) 04.07.2011
(220) 24.09.2009

(731) MEYER PHARMACEUTICALS LTD (HK)
Unit J, K & M, 3/F Valiant Ind. Center, 2-12 Au Pui Wan St, Fotan, Shatin, Hong Kong
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166904**
(210) 4-2009-18142
(181) 26.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 04.07.2011
(220) 26.08.2009

(531) 1.15.15; 19.1.1
(591) Xanh dương, xanh tím, đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VỊNH TƯỜNG (VN)
588/34A Lê Quang Định, phường 1, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 11: Máy lọc nước.

---

(111) **4-0166905**
(210) 4-2009-21147
(181) 02.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Allisionwinquest

(151) 04.07.2011
(220) 02.10.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM DETAPHAM (VN)
40B đường 3/2, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166906**
(210) 4-2009-21426
(181) 06.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 04.07.2011
(220) 06.10.2009

(531) 26.1.6; 26.1.2; A26.11.12; 3.9.1
(591) Xanh lá cây, xanh dương, xanh dương đậm, đỏ, vàng, trắng, tím, đen
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MINH ĐỨC (VN)
Số 138, đường Nguyễn Tất Thành, khóm 1, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
(740) Văn phòng Luật sư A Hoà (AHOA LAW OFFICE)

(511) Nhóm 31: Tôm giống; cua giống; cá giống.

---

(111) **4-0166907**
(210) 4-2009-20172
(181) 22.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

VERTU Door®

(151) 04.07.2011
(220) 22.09.2009

(531) 26.4.4; 26.13.25
(591) Xanh cô pan, đỏ tươi
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ GIA PHÁT (VN)
Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 06: Cửa cuốn bằng kim loại, tấm hợp kim nhôm.

---

(111) **4-0166908**
(210) 4-2009-20173
(181) 22.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

VERTU®
ALUMINIUM COMPOSITE

(151) 04.07.2011
(220) 22.09.2009

(531) 26.4.4; 26.13.25; 25.7.20
(591) Xanh cô pan, đỏ tươi, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ GIA PHÁT (VN)
Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 06: Cửa cuốn bằng kim loại, tấm hợp kim nhôm.

---

(111) **4-0166909**
(210) 4-2009-20609
(181) 28.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

CƠ SỞ SẢN XUẤT RƯỢU CẦN TỰ DỊNH HÒA BÌNH
TD
ĐẶC SẢN RƯỢU CẦN
CỦ TRUYỀN DÂN TỘC MƯỜNG VANG
LẠC SƠN - HÒA BÌNH

(151) 04.07.2011
(220) 28.09.2009

(531) 26.1.2; 25.1.6; A7.1.11; 19.9.1; 19.7.25; A11.3.6; A26.11.12
(591) Đỏ, vàng, trắng, xanh lam
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ DỊNH (VN)
Số nhà 38, tổ 4, phố Hữu Nghi, thị trấn Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình

(511) Nhóm 33: Rượu cần.

---

(111) **4-0166910**
(210) 4-2009-21810
(181) 12.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 04.07.2011
(220) 12.10.2009

(531) 26.4.2; A26.11.12; A11.3.4; A11.1.2; 26.13.25
(591) Đỏ, vàng, trắng, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ BỘT MÌ (VN)
Lô 32C/I đường 2G, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán lương thực thực phẩm, mì, phở, bún, miến, mì ống (nui), cháo, cà phê, ca cao đường, sữa, bột, bánh kẹo, mứt.

---

(111) **4-0166911**
(210) 4-2009-21102
(181) 01.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

ECAZOLA

(151) 04.07.2011
(220) 01.10.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BV PHARMA (VN)
Xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166912**
(210) 4-2009-21103
(181) 01.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 04.07.2011
(220) 01.10.2009

(531) 26.1.1; A26.3.5; A26.3.6; 24.15.21
(591) Trắng, xanh dương, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TNHH HOÁ DƯỢC HỢP TÁC (C PHARMA CHEM CO., LTD) (VN)
C-404, RC Kimdo Office Building, 129A Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

Nhóm 35: Buôn bán dược phẩm; buôn bán thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166913**
(210) 4-2009-22162
(181) 16.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

INOX THÀNH NAM

(151) 04.07.2011
(220) 16.10.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THÀNH NAM (VN)
Số 6 BT 1A, dãy B, Mỹ Đình II, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 06: Tấm kim loại dùng cho xây dựng; vật liệu xây dựng bằng kim loại, ống bằng kim loại lá và tấm kim loại, ống thép, đai thép, tấm thép.

---

(111) **4-0166914**
(210) 4-2009-22163
(181) 16.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

THÀNH NAM INOX

(151) 04.07.2011
(220) 16.10.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THÀNH NAM (VN)
Số 6 BT 1A, dãy B, Mỹ Đình II, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 06: Tấm kim loại dùng cho xây dựng; vật liệu xây dựng bằng kim loại, ống bằng kim loại lá và tấm kim loại, ống thép, đai thép, tấm thép.

---

(111) **4-0166915**
(210) 4-2009-22164
(181) 16.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

THÀNH NAM

(151) 04.07.2011
(220) 16.10.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THÀNH NAM (VN)
Số 6 BT 1A, dãy B, Mỹ Đình II, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 06: Tấm kim loại dùng cho xây dựng; vật liệu xây dựng bằng kim loại, ống bằng kim loại lá và tấm kim loại, ống thép, đai thép, tấm thép.

---

(111) **4-0166916**
(210) 4-2009-21820
(181) 13.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

PAVONI

(151) 04.07.2011
(220) 13.10.2009

(531) 25.7.20; 26.1.1; A26.11.12; 26.11.3
(591) Xanh dương, xanh cẩm thạch, vàng cam, đỏ tím
(731) NGUYỄN THỊ MỸ DUNG (VN)
Số 3 - 5 Nguyễn Thái Bình, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 19: Hàng khảm bằng pha lê, kính, thuỷ tinh dùng cho mục đích xây dựng.

Nhóm 20: Gương soi, khung ảnh (thủy tinh).

Nhóm 21: Hàng khảm bằng pha lê, thủy tinh không dùng cho mục đích xây dựng.

Nhóm 35: Mua bán kính nghệ thuật, quà lưu niệm, đèn, hàng trang trí nội thất, hàng thủ công mỹ nghệ; mua bán hàng làm bằng thuỷ tinh, pha lê, gốm sứ, gỗ, sắt, đá.

---

(111) **4-0166917**
(210) 4-2009-19547
(181) 15.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

KOPAT

(151) 04.07.2011
(220) 15.09.2009

(531) 26.1.1; A26.11.12
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ TƯ VẤN - XÂY DỰNG BÌNH THIÊN (VN)
Số 21, ngõ 87 đường Nguyễn Khang, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 06: Khoá, bản lề, chốt cửa, tay co thuỷ lực tất cả bằng kim loại (dùng trong xây dựng).

---

(111) **4-0166918**
(210) 4-2009-20434
(181) 24.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

EMISTIN

(151) 04.07.2011
(220) 24.09.2009

(731) MEYER PHARMACEUTICALS LTD (HK)
Unit J,K &M, 3/F Valiant Ind. Center, 2-12 Au Pui Wan St, Fotan, Shatin, Hong Kong
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166919**
(210) 4-2009-20814
(181) 29.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

NUBBICEVIT

(151) 04.07.2011
(220) 29.09.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM MINH THÀNH (VN)
234 đường Chiến Thắng, Văn Quán, Văn Mỗ, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166920**
(210) 4-2009-20986
(181) 01.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

SMILO

(151) 04.07.2011
(220) 01.10.2009

(731) CÔNG TY TNHH TRANVOSE (VN)
Số 7B2, tập thể 51 phố Cảm Hội, phường Đống Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 24: Khẩu trang.

---

(111) **4-0166921**
(210) 4-2009-16789
(181) 11.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 04.07.2011
(220) 11.08.2009

(531) 3.7.17; A3.7.24; 3.7.7; 26.7.25
(591) Xanh, vàng, đỏ.
(731) CÔNG TY TNHH QUỐC ANH (VN)
Ô 36, lô B2, khu dân cư Chánh Nghĩa, phường Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

(511) Nhóm 37: Xây dựng dân dụng, công nghiệp và trang trí nội thất.

---

(111) **4-0166922**
(210) 4-2009-15110
(181) 22.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

UPIDAZOL

(151) 04.07.2011
(220) 22.07.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM UPI (VN)
B16 - 181 Nguyễn Lương Bằng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trà và cộng sự (TRA & ASSOCIATES CO.,LTD)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166923**
(210) 4-2009-15563
(181) 27.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

DATAVI.VIQUA

(151) 04.07.2011
(220) 27.07.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐÔNG DƯỢC VĨNH QUANG (VN)
209 Trần Hưng Đạo, thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc y học dân tộc; thực phẩm chức năng (sử dụng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0166924**
(210) 4-2009-16209
(181) 04.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

ADAPTOZEN

(151) 04.07.2011
(220) 04.08.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VITAPURE HOA KỲ (VN)
Thôn Như Phượng Hạ, xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166925**
(210) 4-2009-16850
(181) 11.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

MEO

(151) 04.07.2011
(220) 11.08.2009

(731) CÔNG TY TNHH CHẾ TẠO CƠ ĐIỆN VÀ VẬT LIỆU CÁCH ĐIỆN OMEGA (VN)
38 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 09: Công tắc điện, ổ cắm điện, phích cắm điện; cầu dao điện; cầu chì.

---

(111) **4-0166926**
(210) 4-2009-17170
(181) 14.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

MANUFACTURED BY Ngọc Hải PLASTIC

(151) 04.07.2011
(220) 14.08.2009

(531) 26.1.2
(591) Xanh dương, trắng.
(731) CÔNG TY TNHH NHỰA NGỌC HẢI (VN)
Đường 208, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 21: Các sản phẩm nhựa dùng trong gia đình như: xô nhựa, chậu nhựa, bát nhựa, rổ rá nhựa, đĩa nhựa, cốc nhựa.

---

(111) **4-0166927**
(210) 4-2009-15882
(181) 30.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

MANAGER®

(151) 04.07.2011
(220) 30.07.2009

(531) A26.11.12
(591) Đen, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NỘI THẤT PHÂN PHỐI (VN)
28-30 đường 9A, KDC Trung Sơn, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 20: Bàn; ghế; tủ; ghế sofa; kệ đựng hồ sơ; quầy tiếp tân.

---

(111) **4-0166928**
(210) 4-2009-16248
(181) 04.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 04.07.2011
(220) 04.08.2009

(591) Đỏ, vàng, trắng
(731) CƠ SỞ HUỲNH NGỌC THƠ (VN)
192 Nguyễn ái Quốc, KP3, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ ăn uống cung cấp bởi nhà hàng.

---

(111) **4-0166929**
(210) 4-2009-16249
(181) 04.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 04.07.2011
(220) 04.08.2009

(531) A1.17.16; 1.5.1; A1.1.10; A1.1.5; 26.1.1
(591) Vàng, nâu, xanh dương.
(731) TRƯỜNG TIỂU HỌC QUỐC TẾ GIS (VN)
Số 18, đường Lý Thường Kiệt, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ giáo dục, đào tạo.

---

(111) **4-0166930**
(210) 4-2009-16289
(181) 05.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

BANDFIT 715

(151) 04.07.2011
(220) 05.08.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NCL (Á CHÂU) (VN)
Đường 835, ấp 3A, xã Phước Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

(511) Nhóm 04: Chế phẩm bôi trơn băng tải không chứa xà phòng cụ thể là: chất bôi trơn (dầu nhờn), graphit để bôi trơn; mỡ để bôi trơn; dầu để bôi trơn.

---

(111) **4-0166931**
(210) 4-2009-15862
(181) 30.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

VETUJAPANE

(151) 04.07.2011
(220) 30.07.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI THÔN TRANG (VN)
236/17/6 Thái Phiên, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0166932**
(210) 4-2009-14821
(181) 20.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

USMINON

(151) 04.07.2011
(220) 20.07.2009

(731) UNISON LABORATORIES CO., LTD (TH)
30 Ladkrabung Road, Ladkrabung, Bangkok 10520, Thailand
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0166933**
(210) 4-2009-14823
(181) 20.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

BATOMET

(151) 04.07.2011
(220) 20.07.2009

(731) UNISON LABORATORIES CO., LTD (TH)
30 Ladkrabung Road, Ladkrabung, Bangkok 10520, Thailand
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0166934**
(210) 4-2009-15589
(181) 27.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Starcuf

(151) 04.07.2011
(220) 27.07.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG (VN)
Cụm CN xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ AL Nguyên (ALNGUYEN IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 12: Xe máy, động cơ cho xe máy.

---

(111) **4-0166935**
(210) 4-2009-17343
(181) 18.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

YUTIN

(151) 04.07.2011
(220) 18.08.2009

(731) NGÔ THỊ DIỆU HIỀN (VN)
297/28 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; kem dưỡng làm sáng da.

---

(111) **4-0166936**
(210) 4-2009-16179
(181) 04.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

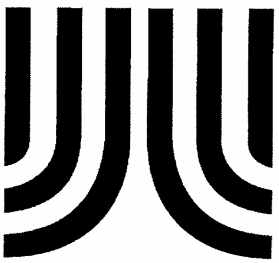

(151) 04.07.2011
(220) 04.08.2009

(531) 25.7.20
(731) WELLSTREAM INTERNATIONAL LIMITED (GB)
Wellstream House, Wincomblee Road, Walker Riverside, Newcastle-upon-Tyne, NE6 3 PF, United Kingdom.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 06: ống dẫn, hệ thống ống dẫn và ống dễ uốn, dây cáp, các sản phẩm đường ống dễ uốn, vật liệu gia cố đường ống dẫn, các sản phẩm đường ống và ống dễ uốn dùng trong ngành công nghiệp dầu khí (tất cả các hàng hóa này đều làm bằng kim loại hay bằng vật liệu composit của kim loại và nhựa); không có sản phẩm nào trên đây được sử dụng liên quan đến các thiết bị vệ sinh gia đình hay hệ thống dẫn nước thải gia đình.

Nhóm 17: ống dẫn; hệ thống ống dẫn và ống dễ uốn; ống nhựa nhiệt dẻo được gia cường; dây cáp; các sản phẩm đường ống dễ uốn; vật liệu gia cố đường ống dẫn; các sản phẩm

đường ống và ống dễ uốn dùng trong ngành công nghiệp dầu khí (tất cả các hàng hóa này đều không làm bằng kim loại hay vật liệu composit của kim loại và nhựa mà được làm từ nhựa mềm); không có sản phẩm nào trên đây được sử dụng liên quan đến các thiết bị vệ sinh gia đình hay hệ thống dẫn nước thải gia đình.

Nhóm 37: Lắp đặt ống dẫn, đường ống và các sản phẩm khác dùng trong ngành công nghiệp dầu khí; dịch vụ tư vấn, hỗ trợ và cung cấp thông tin liên quan đến các dịch vụ nói trên.

---

(111) **4-0166937**
(210) 4-2009-18047
(181) 25.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

VẠN ĐỨC

(151) 04.07.2011
(220) 25.08.2009

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẠN ĐỨC (VN)
Tổ 36, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; nước hoa; dầu gội đầu; chất để tẩy trắng; xà phòng; thuốc đánh răng.

Nhóm 29: Hạt điều đã chế biến; hạt dẻ đã chế biến; hạt hạnh nhân đã chế biến; lạc (đậu phộng) đã chế biến; hạt đậu Hà Lan đã chế biến; rau củ quả được phơi sấy khô hoặc nấu chín; dầu thực vật và mỡ ăn; sản phẩm sữa; mứt ướt làm từ hoa quả; tôm đã chế biến; cá đã chế biến; thịt lợn đã chế biến; thịt bò đã chế biến.

Nhóm 30: Bánh kẹo; cà phê; chè (trà); bột làm từ ngũ cốc; hương liệu cho thực phẩm; gia vị.

Nhóm 32: Bia; nước ngọt; đồ uống không có cồn; đồ uống hoa quả; nước ép hoa quả.

Nhóm 33: Rượu; đồ uống có chứa cồn (trừ bia); cồn được làm từ gạo.

Nhóm 35: Phân phối bán buôn hàng hoá; bán lẻ hàng hoá; dịch vụ quảng cáo; nhượng quyền kinh doanh; dịch vụ đăng ký và đặt mua hàng trực tuyến bằng máy vi tính; nghiên cứu thị trường.

Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống, quán ăn; dịch vụ khách sạn; quán cà phê; dịch vụ cung cấp đồ ăn (do nhà hàng thực hiện); dịch vụ cung cấp đồ uống (do nhà hàng thực hiện).

---

(111) **4-0166938**
(210) 4-2009-18089
(181) 26.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 04.07.2011
(220) 26.08.2009

(531) A1.5.3; A1.1.5; 26.4.2
(731) CHINA GUANGXI HOA VIET INTERNATIONAL TRAVEL SERVICE CO., LTD (CN)
No. 1 Jinxiang hotel pingxiang Guangxi China
(740) Công ty Luật TNHH Việt An (VIET AN LAW FIRM)

(511) Nhóm 39: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế; đại lý du lịch; vận tải hàng hoá; vận chuyển hành khách; dịch vụ du lịch sinh thái.

---

(111) **4-0166939**
(210) 4-2009-15733
(181) 29.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

MAJESTIC

(151) 04.07.2011
(220) 29.07.2009

(731) CƠ SỞ VẠN PHÁT (VN)
1/30 khu phố Thống Nhất, thị trấn Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 11: Bếp ga, bếp điện từ, nồi cơm điện, lò vi sóng, ấm đun nước dùng điện.

---

(111) **4-0166940**
(210) 4-2009-15774
(181) 30.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 04.07.2011
(220) 30.07.2009

(531) 26.4.3; 26.13.25; 1.15.5
(591) Đỏ cờ, xanh ngọc, xám kim loại.
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI ĐẠI DŨNG (VN)
B23/474C, Trần Đại Nghĩa, ấp 2, xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 06: Vật liệu xây dựng bằng kim loại, khung nhà tiền chế bằng thép.

(111) **4-0166941**
(210) 4-2009-13700
(181) 06.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

DP Home

(151) 04.07.2011
(220) 06.07.2009

(591) Xanh lá cây đậm
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN MINH DOANH (VN)
267/5A Hoàng Hữu Nam, phường Long Bình, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 39: Phân phối (phân phát) sản phẩm; đóng gói hàng hóa; vận tải; dịch vụ dọn nhà; kho hàng hóa; chở hàng bằng xe tải.

---

(111) **4-0166942**
(210) 4-2009-12601
(181) 22.06.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 04.07.2011
(220) 22.06.2009

(531) 26.1.2; A1.1.10; A26.11.9; 7.15.6
(591) Xanh dương sẫm, vàng sẫm, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI MỸ VIỆT (VN)
169 Hàng Bông, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 06: Các loại ống tròn bằng kim loại, thanh hình hộp bằng inox chưa được gia công dùng trong xây dựng, thép định khung để làm khung và cấu kiện nhà thép tiền chế, tấm lợp kim loại mạ kẽm, tấm lợp kim loại sơn màu, tấm lợp màu kim loại.

---

(111) **4-0166943**
(210) 4-2009-14229
(181) 13.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Khang Thọ Đan

(151) 04.07.2011
(220) 13.07.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIÊN NAM (VN)
Số 9 Nguyễn Công Trứ, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0166944**
(210) 4-2009-14788
(181) 20.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

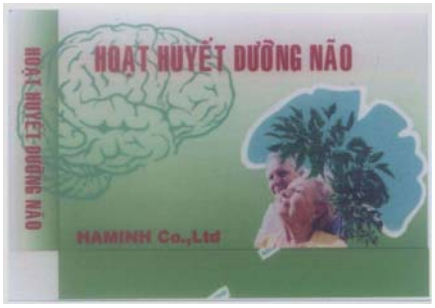

(151) 04.07.2011
(220) 20.07.2009

(531) 5.3.20; 2.7.1; 2.7.2; 2.9.23
(591) Đỏ, xanh lá cây, xanh dương, vàng, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ HÀ MINH (VN)
B5 lô 5, khu đô thị Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166945**
(210) 4-2009-14789
(181) 20.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

COLDTOPXIL

(151) 04.07.2011
(220) 20.07.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI (VN)
221B, quốc lộ 15, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166946**
(210) 4-2009-14802
(181) 20.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

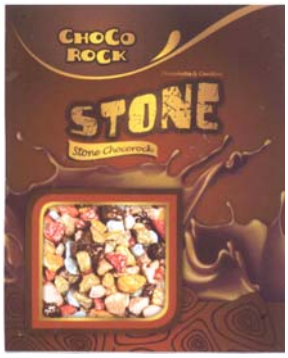

(151) 04.07.2011
(220) 20.07.2009

(531) 8.1.19; A8.1.23; A26.11.12; 26.4.4
(591) Nâu đậm, nâu, nâu nhạt, đỏ, da cam, xanh da trời, vàng, vàng đậm, vàng nhạt, hồng nhạt
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TRUNG MINH THÀNH (VN)
47 Phan Xích Long, phường 3, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Kẹo sô cô la.

---

(111) **4-0166947**
(210) 4-2009-14803
(181) 20.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 04.07.2011
(220) 20.07.2009

(531) 8.1.19; A8.1.22; A8.1.23; 26.1.2; 25.1.25; A26.11.12
(591) Da cam, da cam nhạt, vàng đậm, vàng, vàng nhạt, nâu đậm, nâu, nâu nhạt, đỏ, xanh lá cây, xanh lá cây nhạt
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TRUNG MINH THÀNH (VN)
47 Phan Xích Long, phường 3, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Kẹo sô cô la.

---

(111) **4-0166948**
(210) 4-2009-12002
(181) 15.06.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 04.07.2011
(220) 15.06.2009

(531) A8.5.15; A26.11.13; 25.5.2; 26.1.1; 25.1.6
(591) Xanh dương, xanh lá cây, xanh ngọc, đỏ, hồng nhạt, đen, trắng
(731) CƠ SỞ BẢY ĐÔNG (VN)
Số 30, đường 30/4, khu phố 1, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 29: Mắm ruốc, mắm cá cơm.

Nhóm 33: Rượu sim (được làm từ quả sim).

(111) **4-0166949**
(210) 4-2009-13618
(181) 06.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 04.07.2011
(220) 06.07.2009

(591) Xanh lá cây
(731) CÔNG TY CAO SU CHƯ PẢH (VN)
Km16, quốc lộ 14, thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Pảh, tỉnh Gia Lai
(740) Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh (DAITIN AND ASSOCIATES CO.,LTD)

(511) Nhóm 17: Cao su thô hoặc bán thành phẩm; cao su lỏng; cao su hòa tan; cao su tổng hợp.

---

(111) **4-0166950**
(210) 4-2009-12496
(181) 19.06.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

SURE GOLD

(151) 04.07.2011
(220) 19.06.2009

(731) HỢP TÁC XÃ CHẾ BIẾN THỨC ĂN CHĂN NUÔI BÌNH MINH (VN)
ấp Phong Thuận, xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 31: Thức ăn chăn nuôi cho heo; thức ăn chăn nuôi cho vịt.

---

(111) **4-0166951**
(210) 4-2009-14807
(181) 20.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 04.07.2011
(220) 20.07.2009

(531) 26.13.25; 18.3.21; 18.1.21
(731) AKITA, Inc. (US)
2711 Centerville Road, Suite 400, Wilmington, Delaware 19808, USA
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ bảo hiểm; các dịch vụ tài chính như quản lý, phân tích, tư vấn, đánh giá tài chính, thông tin tài chính.

---

(111) **4-0166952**
(210) 4-2009-14808
(181) 20.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

CHARTIS

(151) 04.07.2011
(220) 20.07.2009

(531) 26.13.25; 18.1.21; 18.3.21
(731) AKITA, Inc. (US)
2711 Centerville Road, Suite 400, Wilmington, Delaware 19808, USA
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ bảo hiểm; các dịch vụ tài chính như tư vấn, đánh giá, quản lý tài chính và thông tin tài chính.

---

(111) **4-0166953**
(210) 4-2009-13898
(181) 08.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

K- DO bakery & cafe

(151) 04.07.2011
(220) 08.07.2009

(531) 24.9.1; 25.5.2
(591) Đỏ, trắng, vàng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM KINH ĐÔ SÀI GÒN (VN)
Lô số 7, đường Nước Lên, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 43: Cửa hàng phục vụ ăn uống.

---

(111) **4-0166954**
(210) 4-2009-14154
(181) 10.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

NAM THANH – HIỆU RỒNG ĐẤT

(151) 04.07.2011
(220) 10.07.2009

(731) NGUYỄN VĂN THANH (VN)
Thôn Phú Diễn, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 07: Máy sản xuất gạch; máy cán.

---

(111) **4-0166955**
(210) 4-2009-14452
(181) 15.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

GINKOHOMMAX

(151) 04.07.2011
(220) 15.07.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM HỒNG ĐỨC (VN)
73 Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166956**
(210) 4-2009-14453
(181) 15.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

BABYHOMMAX

(151) 04.07.2011
(220) 15.07.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM HỒNG ĐỨC (VN)
73 Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166957**
(210) 4-2009-14454
(181) 15.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

CEFIHOMMAX

(151) 04.07.2011
(220) 15.07.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM HỒNG ĐỨC (VN)
73 Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166958**
(210) 4-2009-14795
(181) 20.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 04.07.2011
(220) 20.07.2009

(531) 3.3.1; 26.1.2; 7.1.1; 25.1.6
(591) Đỏ, vàng, xanh lá cây, vàng nhũ, nâu, hồng, tím, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NHƯ HƯƠNG-HUỆ HƯƠNG (VN)
41 An Thành, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Cà phê, chè, cacao, bánh, kẹo, gạo.

---

(111) **4-0166959**
(210) 4-2009-14796
(181) 20.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 04.07.2011
(220) 20.07.2009

(531) 26.1.2; 3.3.1; A25.1.10; 7.1.1
(591) Đỏ, vàng, xanh lá cây, vàng nhũ, nâu, hồng, tím, xanh nước biển, xanh nhạt, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NHƯ HƯƠNG-HUỆ HƯƠNG (VN)
41 An Thành, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Cà phê, chè, cacao, bánh, kẹo, gạo.

---

(111) **4-0166960**
(210) 4-2009-14797
(181) 20.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 04.07.2011
(220) 20.07.2009

(531) 26.1.2; 3.3.1; 5.7.21; 25.1.6
(591) Đỏ, vàng, xanh lá cây, vàng nhũ, vàng, vàng nhạt, hồng, xanh nước biển, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NHƯ HƯƠNG-HUỆ HƯƠNG (VN)
41 An Thành, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Cà phê, chè, ca cao, bánh, kẹo, gạo.

---

(111) **4-0166961**
(210) 4-2009-27326
(181) 16.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

SECRET BLISS

(151) 05.07.2011
(220) 16.12.2009

(731) UNILEVER N.V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Xà phòng; chất để làm sạch (không dùng cho mục đích sản xuất và y tế), chế phẩm dùng để tẩy trắng (dùng để giặt), chế phẩm làm sạch; nước hoa, nước thơm (dùng để bôi lên da), sản phẩm làm mềm và thơm da dùng sau khi cạo râu (không chứa dược chất), nước hoa cô-lô-nhơ (cologne), tinh dầu; kem đánh răng; nước súc miệng không dùng cho mục đích y tế; chế phẩm chăm sóc răng miệng (không chứa dược chất); chế phẩm dùng để trang điểm không chứa dược chất; chế phẩm dùng để tắm thường và tắm vòi hoa sen (không chứa dược chất); mỹ phẩm chăm sóc da; dầu dùng cho da (mỹ phẩm), kem bôi và nước xức dùng cho da; chế phẩm dùng để cạo râu; chế phẩm dùng trước và sau khi cạo râu; chế phẩm làm rụng lông (không chứa dược chất); chế phẩm làm nâu da dưới ánh sáng mặt trời và chế phẩm chống nắng; mỹ phẩm; chế phẩm dùng để trang điểm và tẩy trang; kem mỡ dùng để bôi trơn da (dùng cho mục đích mỹ phẩm); chế phẩm dưỡng môi (không chứa dược chất); phấn bôi da (dùng cho mục đích mỹ phẩm); len bông (dùng cho mỹ phẩm), tăm bông (dùng cho mỹ phẩm); miếng bông mỹ phẩm, khăn giấy mỹ phẩm hoặc khăn lau mỹ phẩm dùng khi trang điểm; miếng bông mỹ phẩm, khăn giấy mỹ phẩm hoặc khăn lau mỹ phẩm được làm ẩm hoặc tẩm chất dùng để làm sạch (dùng cho mục đích mỹ phẩm); mặt nạ làm đẹp, miếng đắp mặt (dùng khi trang điểm).

(111) **4-0166962**
(210) 4-2009-28410
(181) 29.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

GROWCAP

(151) 05.07.2011
(220) 29.12.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM DO HA (VN)
Số 30, tập thể Trần Phú, ngõ 105, đường Nguyễn Phong Sắc, tổ 16, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166963**
(210) 4-2009-28411
(181) 29.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

B-COMENE PLUS

(151) 05.07.2011
(220) 29.12.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX (VN)
358 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166964**
(210) 4-2009-26884
(181) 11.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 11.12.2009

(531) 26.1.1; 2.9.14; A2.9.15; A26.11.12; 2.5.6
(591) Đỏ, xanh lá cây, vàng, xanh tím
(731) BỆNH VIỆN PHỤ SẢN HÀ NỘI (VN)
Số 929, đường Đê La Thành, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 44: Dịch vụ y tế: bệnh viện; dịch vụ trợ giúp y tế; nhà thương; dịch vụ đỡ đẻ; dịch vụ hộ lý; dịch vụ thụ tinh ống nghiệm.

---

(111) **4-0166965**
(210) 4-2009-27075
(181) 14.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

KOJAR

(151) 05.07.2011
(220) 14.12.2009

(731) CƠ SỞ VẠN PHÁT (VN)
1/30 khu phố Thống Nhất, thị trấn Dĩ An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 11: Bếp ga.

---

(111) **4-0166966**
(210) 4-2009-27742
(181) 21.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

VEET

(151) 05.07.2011
(220) 21.12.2009

(731) RECKITT & COLMAN (OVERSEAS) LIMITED (GB)
Dansom Lane, Hull, HU8 7DS, England
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 03: Chế phẩm vệ sinh không tẩm thuốc dùng cho vệ sinh cá nhân, mỹ phẩm và mỹ phẩm chăm sóc sắc đẹp; kem mỹ phẩm, mỹ phẩm dạng sữa, keo bọt và gel có tác dụng làm ẩm da; mỹ phẩm tẩy da chết; chế phẩm mỹ phẩm làm sạch da; chất tẩy rửa dùng cho mục đích cá nhân; chế phẩm mỹ phẫm làm rụng lông, chất sáp có tác dụng làm rụng lông; mỹ phẩm kích thích mọc tóc; các chế phẩm gồm kem, gel và keo bọt, để sử dụng trước, trong khi và sau khi cạo râu hoặc làm rụng lông; khăn có tẩm mỹ phẩm có tác dụng làm rụng lông; khăn và giấy vệ sinh có tẩm mỹ phẩm để chăm sóc da.

Nhóm 08: Dao cạo râu; lưỡi dao cạo râu; dụng cụ cạo lông cầm tay; thiết bị nhổ lông, cụ thể là dụng cụ nhổ lông cầm tay; dụng cụ cầm tay dùng cho cạo râu hoặc làm rụng lông, cụ thể là, thiết bị cạo lông, máy cạo râu không chạy bằng điện; bàn xẻng để bôi chất sáp nóng và chế phẩm làm rụng lông; các bộ phận và phụ kiện của chúng.

---

(111) **4-0166967**
(210) 4-2009-26985
(181) 11.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 11.12.2009

(531) 26.1.1; 26.3.1
(591) Xanh lá cây
(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM FITOPHARMA (VN)
Số 26 Bis/1 ấp Trung, xã Vĩnh Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Văn phòng Luật sư A Hoà (AHOA LAW OFFICE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166968**
(210) 4-2009-26986
(181) 11.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 11.12.2009

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM FITOPHARMA (VN)
Số 26 Bis/1 ấp Trung, xã Vĩnh Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Văn phòng Luật sư A Hoà (AHOA LAW OFFICE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0166969**
(210) 4-2009-27724
(181) 21.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

TAMEXIM

(151) 05.07.2011
(220) 21.12.2009

(731) CÔNG TY TNHH VẬT TƯ-MAY XUẤT NHẬP KHẨU TÂN BÌNH (VN)
Số 151B đường Đinh Bộ Lĩnh, khu phố 6, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần; áo.

---

(111) **4-0166970**
(210) 4-2009-27522
(181) 18.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 18.12.2009

(531) 26.13.25
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ GIA NGUYỄN (VN)
1041/82/15/8 Trần Xuân Soạn, khu phố 3, phường Tân Hưng, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán phụ tùng xe các loại.

---

(111) **4-0166971**
(210) 4-2009-27862
(181) 23.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

RABBIT

(151) 05.07.2011
(220) 23.12.2009

(531) 26.1.1; 26.3.1; A26.3.5; A26.3.6
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI (VN)
72 đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
(740) Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự (BROSS & PARTNERS., JSC)

(511) Nhóm 09: Pin các loại.

---

(111) **4-0166972**
(210) 4-2009-27283
(181) 16.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

IRBEZYD

(151) 05.07.2011
(220) 16.12.2009

(731) CADILA HEALTHCARE LTD. (IN)
"Zydus Tower". Satellite cross road, Ahmedabad 380015, India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166973**
(210) 4-2009-27284
(181) 16.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

MONTEKAZYD

(151) 05.07.2011
(220) 16.12.2009

(731) CADILA HEALTHCARE LTD. (IN)
"Zydus Tower". Satellite cross road, Ahmedabad 380015, India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166974**
(210) 4-2009-27285
(181) 16.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

ZYNEBI

(151) 05.07.2011
(220) 16.12.2009

(731) CADILA HEALTHCARE LTD. (IN)
"Zydus Tower". Satellite cross road, Ahmedabad 380015, India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166975**
(210) 4-2009-27286
(181) 16.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

OLMEZYD

(151) 05.07.2011
(220) 16.12.2009

(731) CADILA HEALTHCARE LTD. (IN)
"Zydus Tower". Satellite cross road, Ahmedabad 380015, India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0166976**
(210) 4-2009-27341
(181) 16.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

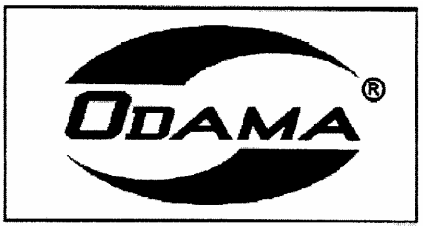

(151) 05.07.2011
(220) 16.12.2009

(531) 26.4.2; A26.11.12; 26.13.25
(731) CÔNG TY TNHH GIẦY HỒNG PHÚC (VN)
Xã Biên Giang, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 25: Giầy dép; đồ đi chân; tất đi chân; lót giầy; mũ đội đầu.

---

(111) **4-0166977**
(210) 4-2009-27342
(181) 16.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 16.12.2009

(531) 26.4.2
(731) CÔNG TY TNHH GIẦY HỒNG PHÚC (VN)
Xã Biên Giang, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 25: Giầy dép; đồ đi chân; tất đi chân; lót giầy; mũ đội đầu.

---

(111) **4-0166978**
(210) 4-2009-28292
(181) 28.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 28.12.2009

(531) 26.1.1; 26.3.1; A26.3.5; A26.3.6; A26.11.12
(591) Xanh dương, vàng, xanh lá cây, đỏ.
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MAY MẶC MINH HIẾU (VN)
196/27 đường Vườn Lài, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn Sở hữu trí tuệ á Đông (A ĐÔNG IP CONSULTANCY CO.,LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần; áo; nón (mũ); vớ (tất); giày; dép.

(111) **4-0166979**
(210) 4-2009-27765
(181) 22.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

VNDIRECT
caring your wealth

(151) 05.07.2011
(220) 22.12.2009

(531) A26.11.12
(591) Da cam, ghi xám, trắng.
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT (VN)
Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ tài chính; ngân hàng; tư vấn đầu tư; môi giới chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; lưu ký chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

---

(111) **4-0166980**
(210) 4-2009-27227
(181) 16.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

THAICOFC

(151) 05.07.2011
(220) 16.12.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THÁI DƯƠNG (VN)
Cụm công nghiệp La Phù, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh mì; bánh làm từ bột ngũ cốc; mứt dạng kẹo; bánh ngọt; kẹo; mỳ sợi.

Nhóm 35: Mua bán bánh, kẹo, mứt, bánh mì, mỳ sợi, các loại.

---

(111) **4-0166981**
(210) 4-2009-04723
(181) 18.03.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 18.03.2009

(531) A26.11.12; 26.4.2; 26.1.1; A25.3.3
(591) Xanh lá cây, hồng sẫm, kem, trắng.
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KỀM NGHĨA (VN)
10/20 Lạc Long Quân, phường 9, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 08: Kềm cắt móng tay, kềm cắt móng chân, dũa móng tay, nhíp nhổ chân mày, kéo cắt tóc.

---

(111) **4-0166982**
(210) 4-2009-07648
(181) 21.04.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 21.04.2009

(531) 26.1.2; A26.1.18
(591) Xanh dương, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI CHÍ MINH (VN)
107 Phạm Hữu Chí, phường 15, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 09: Mô bin sườn; mô bin lửa; mô bin đèn; bộ sạc điện; cái đánh lửa điện (IC); bình ắc quy.

Nhóm 12: Lốp xe (vỏ xe); săm xe (ruột xe); vành xe (niền); ống xả khói (bô xe); bộ nhông xích đĩa (bộ nhông sên đĩa); nan hoa (căm xe) (tất cả đều là phụ tùng xe máy).

---

(111) **4-0166983**
(210) 4-2009-00795
(181) 14.01.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 14.01.2009

(531) 4.3.3; 4.3.20; 25.1.5; 25.1.6; 25.1.9; 26.1.1
(591) Trắng, đỏ, vàng, vàng nhũ, nâu
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BẢO TƯỜNG (VN)
03 Phó Đức Chính, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Trà (chè).

---

(111) **4-0166984**
(210) 4-2009-04947
(181) 19.03.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

TRẠNG QUỲNH

(151) 05.07.2011
(220) 19.03.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM (ACECOOK VIETNAM JSC) (VN)
Lô II-3 và II-5 đường số 11, nhóm CN II, khu công nghiệp Tân Bình, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 29: Dầu ăn; bơ thực vật; mỡ động vật; soup thịt hầm (xúp thịt hầm); nước mắm; nước chấm có nguồn gốc từ động vật thuộc nhóm này.

Nhóm 30: Mì ăn liền; phở ăn liền; bún ăn liền; miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; cháo ăn liền; hạt nêm; bột canh; tương ớt; nước tương.

---

(111) **4-0166985**
(210) 4-2009-09421
(181) 14.05.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 14.05.2009

(531) 26.13.25; A26.3.6
(591) Cam, đỏ, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SƠN HOÀNG GIA (VN)
1001 Nguyễn Văn Quá, phường Đông Hưng Thuận, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Ngôi Sao chuyên nghiệp và liên danh (NOVAPRO & ASSOCIATES CO.,LTD.)

(511) Nhóm 02: Sơn, dầu bóng (vecni) phục vụ cho xây dựng và trang trí nội thất.

Nhóm 35: Quảng cáo, mua bán, xuất nhập khẩu sơn, dầu bóng, chất dung môi phục vụ cho xây dựng và trang trí nội thất.

---

(111) **4-0166986**
(210) 4-2009-09514
(181) 15.05.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

DUYTAN

(151) 05.07.2011
(220) 15.05.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT NHỰA DUY TÂN (VN)
298 Hồ Học Lãm, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 36: Cho thuê xưởng.

Nhóm 39: Vận tải hành khách; vận tải hàng hoá; cho thuê kho bãi; cho thuê xe cộ; bốc xếp hàng hoá.

Nhóm 43: Dịch vụ cung cấp chỗ nghỉ tạm thời; khách sạn; nhà nghỉ; khu nghỉ dưỡng (resort).

---

(111) **4-0166987**
(210) 4-2009-11934
(181) 15.06.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

SUNNCK
NCKSUN

(151) 05.07.2011
(220) 15.06.2009

(731) TRẦN PHÚC HÒA (VN)
253/25 Hà Tôn Quyền, phường 6, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán phụ tùng xe các loại.

---

(111) **4-0166988**
(210) 4-2009-04724
(181) 18.03.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 18.03.2009

(531) 26.1.1; 25.5.2
(591) Xanh lá cây, hồng sẫm, kem, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KỀM NGHĨA (VN)
10/20 Lạc Long Quân, phường 9, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 08: Kềm cắt móng tay, kềm cắt móng chân, dũa móng tay, nhíp nhổ chân mày, kéo cắt tóc.

---

(111) **4-0166989**
(210) 4-2009-05993
(181) 01.04.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 01.04.2009

(531) 26.1.2
(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ HƯNG PHÁT (VN)
106/19 Hòa Bình, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 06: Bù lon, ốc vít, đồ ngũ kim.

---

(111) **4-0166990**
(210) 4-2009-05025
(181) 20.03.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 20.03.2009

(531) 26.3.1; 26.3.2
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP AMICA (VN)
Số 3, ngõ 38, phố Ngô Sĩ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ AL Nguyên (ALNGUYEN IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp; dịch vụ tư vấn doanh nghiệp liên quan đến nhượng quyền thương mại; quảng cáo trực tuyến qua mạng internet; dịch vụ thương mại điện tử; dịch vụ nghiên cứu thị trường và xây dựng chiến lược kinh doanh.

Nhóm 41: Dịch vụ đào tạo giáo dục; dịch vụ tư vấn đào tạo giáo dục; dịch vụ tổ chức các hội nghị; hội thảo để quảng cáo cho doanh nghiệp; tổ chức triển lãm văn hóa giao dục; tổ chức hội thảo về đào tạo.

(111) **4-0166991**
(210) 4-2009-08366
(181) 29.04.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

LORIQUICK

(151) 05.07.2011
(220) 29.04.2009

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VÂN HỒ (VN)
16/38 ngõ Lệnh Cư, Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0166992**
(210) 4-2009-08291
(181) 29.04.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

BOC

(151) 05.07.2011
(220) 29.04.2009

(531) 26.4.2
(591) Đen, trắng, vàng
(731) BANK OF CHINA (CN)
410 Fuchengmennei Dajie, Beijing 100818, China.

(511) Nhóm 36: Dịch vụ ngân hàng.

---

(111) **4-0166993**
(210) 4-2009-08294
(181) 29.04.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

BANK OF CHINA

(151) 05.07.2011
(220) 29.04.2009

(731) BANK OF CHINA (CN)
410 Fuchengmennei Dajie, Beijing 100818, China.

(511) Nhóm 36: Dịch vụ ngân hàng.

---

(111) **4-0166994**
(210) 4-2009-08295
(181) 29.04.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 29.04.2009

(531) 26.1.1; 26.1.11; 26.4.4; 24.5.1
(591) Đỏ, đen, trắng
(731) BANK OF CHINA (CN)
410 Fuchengmennei Dajie, Beijing 100818, China.

(511) Nhóm 36: Dịch vụ ngân hàng.

---

(111) **4-0166995**
(210) 4-2009-08296
(181) 29.04.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

长城卡
GREATWALL CARD

(151) 05.07.2011
(220) 29.04.2009

(731) BANK OF CHINA (CN)
410 Fuchengmennei Dajie, Beijing 100818, China.

(511) Nhóm 36: Dịch vụ thẻ tín dụng.

---

(111) **4-0166996**
(210) 4-2009-08297
(181) 29.04.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

中银信用卡
BOC CREDIT CARD

(151) 05.07.2011
(220) 29.04.2009

(731) BANK OF CHINA (CN)
410 Fuchengmennei Dajie, Beijing 100818, China.

(511) Nhóm 36: Dịch vụ thẻ tín dụng.

---

(111) **4-0166997**
(210) 4-2009-08298
(181) 29.04.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 29.04.2009

(531) 26.1.2; A25.7.21; A26.11.9
(591) Đỏ, xám, trắng
(731) BANK OF CHINA (CN)
410 Fuchengmennei Dajie, Beijing 100818, China.

(511) Nhóm 36: Dịch vụ ngân hàng.

---

(111) **4-0166998**
(210) 4-2009-06116
(181) 02.04.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

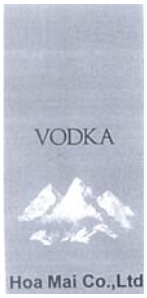

(151) 05.07.2011
(220) 02.04.2009

(531) 6.1.2; A24.17.9; 1.15.21; A6.19.9
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOA MAI (VN)
84 Dũng Sĩ Thanh Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 33: Rượu vốtca, rượu vang, rượu hoa quả, rượu gạo, rượu uýtky, rượu branđi.

---

(111) **4-0166999**
(210) 4-2009-11831
(181) 12.06.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 12.06.2009

(531) 3.7.10; 3.7.16; A5.5.22; 26.1.1
(591) Đen, trắng, xám
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NGỌC TRANG 1 (VN)
582 Trần Phú, phường Lộc Tiến, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 30: Trà ướp hương.

---

(111) **4-0167000**
(210) 4-2009-09632
(181) 18.05.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 18.05.2009

(731) CÔNG TY TNHH 1 THÀNH VIÊN BIA RƯỢU ERESSON (VN)
Lô 46, khu công nghiệp Quang Minh, Mê Linh, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 32: Nước (đồ uống); xi rô dùng làm đồ uống; nước có ga (đồ uống); nước ép trái cây (đồ uống); nước sô đa (đồ uống); bia.

Nhóm 33: Rượu; đồ uống có cồn (trừ bia);đồ uống có cồn chứa hoa quả cốc-tai, rượu vang; rượu khai vị.

Nhóm 35: Mua bán rượu, bia và các loại đồ uống có cồn, không cồn; xuất nhập khẩu; tổ chức triển lãm nhằm mục đích thương mại hoặc quảng cáo; giới thiệu sản phẩm; bán đấu giá; mua bán hàng hoá trong siêu thị.

---

(111) **4-0167001**
(210) 4-2010-12052
(181) 04.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 04.06.2010

(531) 26.3.1; 26.7.25; 26.13.25
(591) Tím than, trắng, đỏ, vàng
(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ VŨ BÍCH HƯỜNG (VN)
Tổ 73, phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

(511) Nhóm 25: Bộ comlê, áo sơ mi; quần dài; quần áo thể thao; áo vét tông; áo choàng ngoài.

---

(111) **4-0167002**
(210) 4-2009-25893
(181) 30.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

HÒA SƠN

(151) 05.07.2011
(220) 30.11.2009

(731) CÔNG TY TNHH HÒA SƠN (VN)
Số 10, ngõ 242, phố Phú Viên, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 21: Phích nước (không dùng điện); bình pha cà phê (không dùng điện); thùng đựng rác; bình đựng nước (không làm bằng kim loại quý); bình (không làm bằng kim loại quý).

---

(111) **4-0167003**
(210) 4-2009-24542
(181) 12.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

C-Nano

(151) 05.07.2011
(220) 12.11.2009

(591) Trắng, xanh nước biển đậm
(731) CÔNG TY TNHH ĐIỆN - ĐIỆN TỬ 3C (VN)
18 Nguyễn Phong Sắc kéo dài, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Máy tính; vỏ (có thể tháo rời các mảnh) của máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy chủ hệ thống máy tính.

Nhóm 35: Mua bán, xuất nhập khẩu, quảng cáo máy tính, vỏ (có thể tháo rời các mảnh) của máy tính để bàn, máy tính xách tay và máy chủ hệ thống máy tính.

---

(111) **4-0167004**
(210) 4-2009-24543
(181) 12.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

C-Rack

(151) 05.07.2011
(220) 12.11.2009

(731) CÔNG TY TNHH ĐIỆN - ĐIỆN TỬ 3C (VN)
18 Nguyễn Phong Sắc kéo dài, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Mua bán, xuất nhập khẩu, quảng cáo máy tính, vỏ (có thể tháo rời các mảnh) của máy tính để bàn, máy tính xách tay và máy chủ hệ thống máy tính.

---

(111) **4-0167005**
(210) 4-2009-26024
(181) 01.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

OZUMIK

(151) 05.07.2011
(220) 01.12.2009

(731) CÔNG TY TNHH BÌNH VIỆT ĐỨC (VN)
62/36 Trương Công Định, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167006**
(210) 4-2009-26025
(181) 01.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

ANTISPORA

(151) 05.07.2011
(220) 01.12.2009

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HÀ ĐÔNG (VN)
310 khu tập thể Liên hiệp Thuỷ Lợi 1, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0167007**
(210) 4-2009-26026
(181) 01.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

ACZOLA

(151) 05.07.2011
(220) 01.12.2009

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HÀ ĐÔNG (VN)
310 khu tập thể Liên hiệp Thuỷ Lợi 1, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0167008**
(210) 4-2009-25965
(181) 30.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Prudazol

(151) 05.07.2011
(220) 30.11.2009

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
No.27, Race Course Road, Bangalore-560 001, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0167009**
(210) 4-2009-24713
(181) 13.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 13.11.2009

(531) 26.4.2; 26.4.4; A1.1.4; A26.11.12
(591) Đỏ, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO THIẾT BỊ VÀ MÁY BIẾN ÁP HÀ NỘI (VN)
Tổ 10 phường Yên Sở, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Máy biến thế; bảng phân phối điện; tủ phân phối điện; bảng điều khiển phân phối điện.

---

(111) **4-0167010**
(210) 4-2009-25863
(181) 27.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

CHINO-E

(151) 05.07.2011
(220) 27.11.2009

(531) 26.3.1
(731) SHENZHEN CHINO-E ELECTRONIC INDUSTRY CO., LTD. (CN)
Chino-E Industrial Building, Niulanqian, Long-Hua Town, Bao'An District Shenzhen, China
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 09: Thiết bị ngoại vi của máy tính; máy tính bỏ túi, máy fax, máy điện đài xách tay; điện thoại cầm tay; thiết bị điện thoại; vỏ của loa phóng thanh, thiết bị tái tạo âm thanh; thiết bị vô tuyến truyền hình; bộ nạp điện cho pin.

---

(111) **4-0167011**
(210) 4-2009-25864
(181) 27.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

TOA Colour Studio

(151) 05.07.2011
(220) 27.11.2009

(731) TOA PAINT (THAILAND) CO., LTD. (TH)
104 Soi Pookmitr, Poochaosamingprai Rd., Samrong Tai, Phrapradaeng, Samutprakarn, Thailand
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 02: Thuốc màu; sơn; vécni; chất chống gỉ và chất bảo quản gỗ; thuốc nhuộm; thuốc cắn màu.

---

(111) **4-0167012**
(210) 4-2009-25946
(181) 30.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

villaspa

(151) 05.07.2011
(220) 30.11.2009

(531) A26.11.12; 5.3.11; A5.3.15
(591) Nâu, xanh nõn chuối, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KIM YẾN (VN)
143 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 44: Dịch vụ trang điểm; dịch vụ làm tóc; dịch vụ chăm sóc da mặt; dịch vụ xông mặt bằng hơi nước; dịch vụ xoa bóp mặt; dịch vụ làm móng tay chân.

---

(111) **4-0167013**
(210) 4-2009-26041
(181) 01.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Thẩm mỹ Hương trà mi

(151) 05.07.2011
(220) 01.12.2009

(531) 26.1.2; 5.5.1; 5.5.19; A5.5.20
(591) Hồng đậm, hồng nhạt, đỏ, xanh dương, trắng
(731) BÙI THỊ THANH HƯƠNG (VN)
F201, khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 44: Trang điểm, chăm sóc da.

---

(111) **4-0167014**
(210) 4-2009-26042
(181) 01.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

CTY TNHH QUỲNH HIỀN
QUYNH HIEN CO.,LTD

(151) 05.07.2011
(220) 01.12.2009

(531) 26.1.1; 26.1.2; A26.11.12; 6.1.2
(591) Đỏ, xanh dương, xanh lá cây, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH QUỲNH HIỀN (VN)
39 ấp 1, xã Phú Lộc, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 32: Nước uống đóng chai.

---

(111) **4-0167015**
(210) 4-2009-26045
(181) 01.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

DIPOVO

(151) 05.07.2011
(220) 01.12.2009

(731) CÔNG TY TNHH Y TẾ CÁNH CỬA VIỆT (VIETGATE CO., LTD.) (VN)
788/2B Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167016**
(210) 4-2009-26046
(181) 01.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

NEXVIR

(151) 05.07.2011
(220) 01.12.2009

(731) CÔNG TY TNHH Y TẾ CÁNH CỬA VIỆT (VIETGATE CO., LTD.) (VN)
788/2B Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167017**
(210) 4-2009-26047
(181) 01.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

ESOKOOL

(151) 05.07.2011
(220) 01.12.2009

(731) PULSE PHARMACEUTICALS PVT LTD (IN)
4F9, Ballard Estate, Tarnaka, Secunderabad - 17, Andhra Pradesh, India
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167018**
(210) 4-2009-25321
(181) 23.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 23.11.2009

(531) 26.3.1; A26.3.6; A26.11.12; 26.13.25
(591) Trắng, đỏ, xanh dương
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU DẦU NHỚT VINA (VN)
Tầng 15, tòa cao ốc Thái An, số 2290, quốc lộ 1A, phường Trung Mỹ Tây, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 04: Dầu nhớt.

---

(111) **4-0167019**
(210) 4-2009-25367
(181) 23.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 23.11.2009

(531) 26.3.1; 26.3.4; A1.1.2; 26.3.23
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XUẤT NHẬP KHẨU THUẬN PHÁT (VN)
Tổ 7 Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Luật TNHH Việt An (VIET AN LAW FIRM)

(511) Nhóm 06: Kim loại, vật liệu xây dựng bằng kim loại.

Nhóm 19: Ống nhựa cứng dùng trong xây dựng.

---

(111) **4-0167020**
(210) 4-2009-26043
(181) 01.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 01.12.2009

(531) 26.4.3; 24.15.1; 26.3.1; 26.3.23; 26.13.25
(591) Đỏ, xanh dương, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HUỲNH ĐỨC (VN)
Số 90/23B, đường Nguyễn ái Quốc, khu phố 3, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 07: Máy công nghiệp, máy nông nghiệp, máy ngư nghiệp.

Nhóm 37: Bảo dưỡng máy công nghiệp, máy nông nghiệp, máy ngư nghiệp; lắp đặt máy công nghiệp, máy nông nghiệp, máy ngư nghiệp.

Nhóm 40: Gia công máy công nghiệp, máy nông nghiệp, máy ngư nghiệp; sản xuất máy công nghiệp, máy nông nghiệp, máy ngư nghiệp (theo yêu cầu từ người khác).

---

(111) **4-0167021**
(210) 4-2009-26236
(641) 4-2008-04874
(181) 03.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 03.12.2009

(531) 26.4.3; 26.3.23
(591) Đen, trắng, nâu đỏ, ghi xám
(731) CÔNG TY TNHH GỐM SỨ VIỆT (VN)
742/5 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn ALIATLEGAL (ALIATLEGAL CO., LTD.)

(511) Nhóm 11: Thiết bị chiếu sáng, thiết bị đun nấu, làm lạnh, sấy khô, phân phối nước, thiết bị vệ sinh.

Nhóm 35: Mua bán hàng trang trí nội thất, thiết bị vệ sinh, thiết bị nhà tắm, thiết bị hồ bơi, thiết bị nhà bếp, đồ gỗ, đồ dùng gia đình, hàng thủ công mỹ nghệ, mua bán đồ gốm sành, sứ, thủy tinh và mây tre lá.

---

(111) **4-0167022**
(210) 4-2009-26510
(181) 07.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

AMERISEED

(151) 05.07.2011
(220) 07.12.2009

(531) 26.4.2; 3.13.1; 25.7.25; A26.11.12
(731) FLORASIA LIMITED (HK)
42/F., Central Plaza, 18 Harbour Road, Wanchai, Hong Kong
(740) Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu (SAO BẮC ĐẨU IP COM.,LTD.)

(511) Nhóm 31: Hạt giống, thực vật tự nhiên, hoa tự nhiên, hạt giống của hoa, hạt giống của rau, hạt giống sử dụng trong việc trồng vườn, cây giống.

---

(111) **4-0167023**
(210) 4-2009-26060
(181) 01.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Besitabine

(151) 05.07.2011
(220) 01.12.2009

(731) SUCHIANG CHEMICAL & PHARMACEUTICAL CO., LTD (TW)
10F1, 72, Sung Chiang Road, Taipei, Taiwan
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167024**
(210) 4-2009-26600
(181) 08.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 08.12.2009

(531) 26.4.2; 3.13.1; 25.7.25
(591) Hồng, trắng
(731) CÔNG TY TNHH TÂN PHƯƠNG (VN)
27A Nguyễn Văn Nguyễn, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần lót, áo lót, áo ngực, áo ngủ, váy đầm, váy.

---

(111) **4-0167025**
(210) 4-2009-26667
(181) 09.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

TÂN THUẬN PHONG

(151) 05.07.2011
(220) 09.12.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TÂN THUẬN PHONG (VN)
Km8 đường 5 mới, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 40: Xử lý chất thải nguy hại.

---

(111) **4-0167026**
(210) 4-2009-26048
(181) 01.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

GIDAHAN

(151) 05.07.2011
(220) 01.12.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3 (FORIPHARM) (VN)
16 Lê Đại Hành, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167027**
(210) 4-2009-26049
(181) 01.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

GUSAMI-F

(151) 05.07.2011
(220) 01.12.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3 (FORIPHARM) (VN)
16 Lê Đại Hành, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167028**
(210) 4-2009-26081
(181) 01.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

CELTONAL

(151) 05.07.2011
(220) 01.12.2009

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

(111) **4-0167029**
(210) 4-2009-26082
(181) 01.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

NEWFUXIN

(151) 05.07.2011
(220) 01.12.2009

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0167030**
(210) 4-2009-26083
(181) 01.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

CELFILO

(151) 05.07.2011
(220) 01.12.2009

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0167031**
(210) 4-2009-26084
(181) 01.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

NEWCELFITA

(151) 05.07.2011
(220) 01.12.2009

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0167032**
(210) 4-2009-26085
(181) 01.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

NEWLOTIN

(151) 05.07.2011
(220) 01.12.2009

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0167033**
(210) 4-2009-26460
(181) 07.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

NEXBACYM

(151) 05.07.2011
(220) 07.12.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI THÀNH AN KHANG (VN)
221/47 - 49 Hà Tôn Quyền, phường 6, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167034**
(210) 4-2009-26462
(181) 07.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

ACNEQUIDT

(151) 05.07.2011
(220) 07.12.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐỨC TÂM (VN)
Nhà số 1, dãy D, ngõ 68 khu Hòa Mục, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167035**
(210) 4-2009-26463
(181) 07.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

DUCTAMPHARM

(151) 05.07.2011
(220) 07.12.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐỨC TÂM (VN)
Nhà số 1, dãy D, ngõ 68 khu Hòa Mục, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Buôn bán dược phẩm, dược chất, thuốc đông y, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế, thực phẩm chức năng, trang thiết bị y tế, mỹ phẩm, dầu gội đầu, kem dưỡng da, sữa rửa mặt, xà phòng, nước rửa chén, lương thực, thực phẩm, bánh, kẹo, gạo, bột ngũ cốc, chè, cà phê, cacao, sữa và các sản phẩm từ sữa, thịt, cá, gia cầm, trứng, nước giải khát, nước uống tinh khiết, bia, rượu.

---

(111) **4-0167036**
(210) 4-2009-26464
(181) 07.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

CAL-MED

(151) 05.07.2011
(220) 07.12.2009

(731) THE MEDICPHARMA CO., LTD. (TH)
450 Soi Rama 2, Soi 50, Samae Dam, Bangkhunthian, Bangkok 10150, Thailand
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167037**
(210) 4-2009-26465
(181) 07.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

NEWFLUF

(151) 05.07.2011
(220) 07.12.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MINH HẢI (VN)
322 Lý Văn Lâm, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167038**
(210) 4-2009-26466
(181) 07.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

RED-SAMIN

(151) 05.07.2011
(220) 07.12.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẠI BẮC (VN)
65 phố Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167039**
(210) 4-2009-26467
(181) 07.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

RED-HEPA

(151) 05.07.2011
(220) 07.12.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẠI BẮC (VN)
65 phố Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167040**
(210) 4-2009-26468
(181) 07.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

ACURAONE

(151) 05.07.2011
(220) 07.12.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI HẢI THANH V.N (VN)
71 đường số 10, phường 15, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Nước hoa, mỹ phẩm, kem dưỡng da, dầu gội đầu, sữa rửa mặt, sữa tắm.

---

(111) **4-0167041**
(210) 4-2009-21506
(181) 07.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 07.10.2009

(531) 26.1.1; 3.5.15; A3.5.24
(591) Đen, trắng, da cam
(731) CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ ÚC VIỆT (VN)
77/1 đường TA 21, khu phố 2, phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 01: Phân bón.

---

(111) **4-0167042**
(210) 4-2009-16100
(181) 03.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 03.08.2009

(531) A17.2.2
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGÂN CƠ (VN)
429 Tô Hiến Thành, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 11: Thiết bị vệ sinh; bồn tắm; vòi tắm; vòi khóa - mở nước dùng trong nhà tắm và bếp; bồn rửa bát (gắn cố định); chậu rửa mặt (gắn cố định).

---

(111) **4-0167043**
(210) 4-2009-16102
(181) 03.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 03.08.2009

(531) 2.1.8; A2.1.23; A2.1.16
(591) Xanh lá cây, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI CO LO (VN)
26 đường 40, phường 14, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 03: Nước rửa chén; nước xả làm mềm vải; chế phẩm (nước) tẩy rửa để làm sạch.

---

(111) **4-0167044**
(210) 4-2009-27076
(181) 17.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

MAXLIFE

(151) 05.07.2011
(220) 17.12.2009

(731) CƠ SỞ VẠN PHÁT (VN)
1/30 khu phố Thống Nhất, thị trấn Dĩ An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 11: Bếp ga.

---

(111) **4-0167045**
(210) 4-2009-15979
(181) 31.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 31.07.2009

(531) 1.17.11; 26.1.2; 1.15.23
(591) Vàng, đỏ, xanh dương, trắng
(731) HỘ KINH DOANH BÙI THỊ HẢI YẾN (VN)
103 Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Tư vấn Sở hữu trí tuệ á Đông (A ĐÔNG IP CONSULTANCY CO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Ổn áp điện; dây điện; dây cáp điện; bộ đổi điện; dây điện từ.

---

(111) **4-0167046**
(210) 4-2009-15869
(181) 30.07.2019
(300) 77/666,627 09.02.2009 US
(450) 25.08.2011 281
(540)

PLAYDOM

(151) 05.07.2011
(220) 30.07.2009

(731) PLAYDOM, INC. (US)
100 West Evelyn Avenue, Suite 110, Mountain View, CA94041, U.S.A
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính, cụ thể là phần mềm trò chơi máy tính, công cụ phát triển ứng dụng máy tính cho các trò chơi máy tính, trò chơi video, trò chơi trực tuyến, và các ứng dụng liên quan đến trò chơi; các chương trình trò chơi video tương tác; các trò chơi điện tử và ứng dụng liên quan đến trò chơi và các công cụ phát triển có thể tải xuống từ internet, máy tính, máy tính di động và thiết bị không dây.

Nhóm 41: Các dịch vụ giải trí, cụ thể là dịch vụ cung cấp trò chơi máy tính, nâng cấp cho các trò chơi máy tính, các ứng dụng trò chơi và công cụ phát triển (các ứng dụng này); dịch vụ đánh giá các trò chơi máy tínnh, thông tin liên quan đến các trò chơi máy tính, thông tin liên quan đến phụ kiện nâng cấp trò chơi và các công cụ phát triển qua internet, máy tính và máy tính di động và thiết bị không dây; cung cấp cổng các trang web trên internet về lĩnh vực trò chơi máy tính; cung cấp cổng các trang web trên internet chuyên về tin tức và thông tin liên quan đến trò chơi máy tính, các trang web thông tin về các phụ kiện nâng cấp trò chơi và các công cụ phát triển; cung cấp phương tiện và cơ hội kết nối mạng xã hội; cung cấp đường dẫn tới các trang web khác chuyên về trò chơi máy tính và thông tin về trò chơi máy tính, phương tiện và cơ hội kết nối mạng xã hội.

Nhóm 42: Dịch vụ máy tính, cụ thể là dịch vụ phát triển phần mềm, lập chương trình máy tính, thiết kế, phát triển và triển khai các trò chơi máy tính, trò chơi video, trò chơi trực tuyến, và các ứng dụng liên quan đến trò chơi và công cụ phát triển cho người khác; phát triển trò chơi máy tính và các dịch vụ tích hợp; cung cấp các trang (web) trên internet để quản trị các trò chơi máy tính; cung cấp các trang web chuyên về các công cụ phần mềm không tải xuống được dùng khi truy cập, chơi và theo dõi hoạt động của các trò chơi máy tính được cung cấp trên mạng và qua máy tính, máy tính di động và thiết bị không dây cũng như liên lạc với người chơi khác cùng chơi trò chơi đó, để tạo ra và quản trị các website cấp nhỏ cho người khác.

---

(111) **4-0167047**
(210) 4-2009-15127
(181) 22.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 22.07.2009

(531) 1.5.1; 25.1.6; A1.1.2; A1.1.10
(591) Đỏ, trắng, xanh lá cây, nâu
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THÁI HIỆP THÀNH (VN)
152 Phan Anh, phường Tân Thới Hoà, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 21: Đồ dùng trong phòng tắm làm bằng inox cụ thể: giá đựng xà phòng tắm; giá đựng bàn chải và cốc đánh răng; thanh vắt khăn tắm; móc treo khăn tắm; giá đỡ gương trong nhà tắm; hộp đựng giấy vệ sinh.

---

(111) **4-0167048**
(210) 4-2009-15509
(181) 27.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 27.07.2009

(531) 5.1.1; A5.1.5; 26.1.1
(591) Đỏ, trắng, đen, xanh lá cây, hồng
(731) CÔNG TY TNHH SỨC TRẺ (VN)
Lô G1, đường số 3, KCN Liên Chiểu, phường Hoà Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 16: Giấy cuộn các loại.

---

(111) **4-0167049**
(210) 4-2009-15644
(181) 28.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

KYCONS

(151) 05.07.2011
(220) 28.07.2009

(531) A1.1.2; A1.1.10; 26.1.2; A26.11.12
(591) Xanh tím than, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI KYCONS (VN)
Số 714 nhà CT5, đơn nguyên 3, Mỹ Đình II, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 20: Đồ đạc nội thất bằng gỗ.

Nhóm 35: Mua bán, quảng cáo, giới thiệu, xuất nhập khẩu: đồ gỗ nội thất, máy móc thiết bị phục vụ ngành công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, giao thông, sản phẩm từ gỗ; môi giới, tư vấn, tuyển dụng, cung cấp nhân sự cho các cá nhân và tổ chức; dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu.

Nhóm 39: Dịch vụ vận chuyển hành khách, vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy; dịch vụ giao nhận hàng hóa.

(111) **4-0167050**
(210) 4-2009-20846
(181) 29.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 29.09.2009

(531) 26.4.3; A6.3.13; A6.19.5
(591) Xanh lá cây, xanh lá cây nhạt, xanh lá cây đậm, xanh da trời, xanh da trời nhạt, xanh da trời đậm, vàng, tím, đỏ, đen, trắng
(731) HỘ KINH DOANH LÊ TRUNG TẤN (VN)
ấp Phước Thành Lập, thị trấn Gò Quao, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 32: Nước uống đóng chai.

---

(111) **4-0167051**
(210) 4-2009-16138
(181) 04.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 04.08.2009

(531) 24.15.21; 26.4.4; 26.4.7
(591) Đỏ, trắng, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SÀI GÒN (VN)
Lô 9 đường C, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 06: Cấu kiện sắt thép; khung nhà thép tiền chế; xà gồ bằng kim loại; cửa sắt; cổng bằng kim loại.

Nhóm 09: Đĩa CD (CD-ROM); đĩa ghi hình (CD-VIDEO); đĩa ghi tiếng (CD-AUDIO); sách điện tử.

Nhóm 19: Gạch; bê tông; kết cấu bê tông.

Nhóm 35: Mua bán: hàng kim khí điện máy, hàng trang trí nội thất, vật liệu xây dựng, lương thực, thực phẩm, hương liệu, công nghệ phẩm, đĩa CD (CD-ROM), đĩa ghi hình (CD-VIDEO), đĩa ghi tiếng (CD-AUDIO), sách điện tử, thiết bị điện, điện tử; đại lý ký gửi hàng hoá; quảng cáo; tư vấn thương mại.

Nhóm 36: Đầu tư vốn để phát triển nhà ở; cho thuê nhà xưởng; cho thuê văn phòng; mua bán bất động sản; môi giới bất động sản; định giá bất động sản; sàn giao dịch bất động sản.

Nhóm 37: Xây dựng công nghiệp và dân dụng; xây dựng cầu đường; xây dựng công trình thủy lợi; san lấp mặt bằng; tư vấn xây dựng; thi công đóng cọc bằng ép thủy lực; trang trí nội thất.

Nhóm 39: Cho thuê kho bãi; dịch vụ kiểm đếm; giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu.

Nhóm 42: Thí nghiệm nén tĩnh cọc; thí nghiệm tải trọng động của cọc; thiết kế và phát triển phần cứng; phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0167052**
(210) 4-2009-16203
(181) 04.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 04.08.2009

(531) 26.1.1; 26.4.2; A19.13.21; 25.7.17; 25.7.1
(591) Xanh dương đậm, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH (VN)
Đường Hữu Nghị, phường Bắc Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167053**
(210) 4-2009-21505
(181) 07.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

MISA SME.NET 2010
PHẦN MỀM KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

(151) 05.07.2011
(220) 07.10.2009

(531) 26.4.1; 26.1.1; 25.5.25; 26.4.3; 24.5.1
(591) Đen, trắng, nâu nhạt, vàng, xanh lá cây, xanh nhạt
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN MISA (VN)
Nhà I, khách sạn La Thành, số 218 Đội Cấn, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0167054**
(210) 4-2009-16081
(181) 03.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 03.08.2009

(531) A1.1.10; A1.1.2; A26.11.12; 26.2.7
(731) YUAN SHUYIN (CN)
Room 304, No. 1325 Jiefang Northern Road, Guangzhou City, Guangdong Province, China
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 18: Hộp đựng chìa khóa bằng da; túi xách nhỏ (ví đầm) dành cho phụ nữ; túi đeo lưng; túi xách tay; vali; cặp tài liệu.

---

(111) **4-0167055**
(210) 4-2009-00171
(181) 05.01.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 05.01.2009

(531) A5.11.2; 25.1.6; A26.11.9; 26.2.7
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG VIỆT (VN)
Số 501 đường Trương Định, phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Luật TNHH Việt An (VIET AN LAW FIRM)

(511) Nhóm 33: Rượu sâm; rượu vodka, rượu vang, rượu mầu, rượu mạnh.

---

(111) **4-0167056**
(210) 4-2009-16200
(181) 04.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 04.08.2009

(591) Xám, đen
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ ĐẶC TRƯNG (VN)
437 đường Hoàng Văn Thụ, phường 04, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 43: Dịch vụ quán cà phê (cà phê sân vườn có phục vụ món ăn nhẹ).

---

(111) **4-0167057**
(210) 4-2009-20880
(181) 30.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 30.09.2009

(531) 26.1.2; A26.11.12
(731) CÔNG TY TNHH THÊU VIỆT (VN)
Số 71, ngõ 41, đường Khương Đình, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 20: Ruột gối bông; ruột gối lông vũ.

Nhóm 24: Khăn trải bàn bằng vải và khăn trải giường; các loại vỏ chăn ga gối làm bằng các chất liệu; ruột chăn bông; ruột chăn lông vũ.

---

(111) **4-0167058**
(210) 4-2009-20862
(181) 29.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 29.09.2009

(531) 26.4.2; 26.5.1; 26.3.1; 26.3.23
(591) Xanh dương đậm, da cam, xanh dương nhạt
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN GAMA VIỆT NAM (VN)
Tầng 9, khách sạn thể thao, làng sinh viên Hacinco, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua bán thang máy.

---

(111) **4-0167059**
(210) 4-2009-20886
(181) 30.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 05.07.2011
(220) 30.09.2009

(531) A26.11.12; 26.13.25
(591) Xanh lá cây sẫm, đen
(731) TRẦN THỊ THU HƯƠNG (VN)
Phòng 101A, nhà C5, tập thể Giảng Võ, phố Trần Huy Liệu, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Kính đeo mắt, gọng kính đeo mắt.

Nhóm 35: Mua bán: kính thời trang, quần áo, giầy dép, mũ nón, thắt lưng, túi xách thời trang.

---

(111) **4-0167060**
(210) 4-2009-20982
(181) 01.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

DEUTSCHE MORGAN GRENFELL

(151) 05.07.2011
(220) 01.10.2009

(731) DEUTSCHE BANK AG (DE)
Taunusanlage 12, 60325 Frankfurt, Germany
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Tư vấn và trợ giúp quản lý kinh doanh; dịch vụ tư vấn và cố vấn, soạn thảo các bản báo cáo, nghiên cứu thị trường, nghiên cứu và cung cấp thông tin, tất cả liên quan đến thương mại và kinh doanh; dự báo và phân tích kinh tế cho mục đích kinh doanh, dịch vụ tư vấn liên quan đến việc mua lại, hợp nhất, chuyển nhượng, tư nhân hoá và sắp xếp lại cơ cấu công ty và doanh nghiệp; tất cả thuộc nhóm này.

Nhóm 36: Hoạt động ngân hàng; ngân hàng đầu tư; dịch vụ tài chính và tiền tệ; tài chính công ty; dịch vụ tài chính trong việc mua lại, hợp nhất, chuyển nhượng, tư nhân hoá và sắp xếp lại cơ cấu công ty; phát hành vốn cổ phần, bảo lãnh và tổ chức phát hành vốn cổ phần; phân phối và mua bán cổ phiếu quốc gia và cổ phiếu quốc tế và những vốn phái sinh từ cổ phiếu; chứng khoán hoá tài sản và chứng khoán hoá dựa vào khoản thế chấp, sắp xếp lại các khoản nợ, tài chính tín dụng xuất khẩu, cho thuê tài chính và tài chính có tài sản đảm bảo; tài chính có vốn vay, tài trợ tài chính cho các dự án, tài chính công thương nghiệp quốc doanh, cho vay của hiệp hội và tài trợ tài chính dựa trên thuế và tài chính ngoài bảng cân đối tài sản; quản lý tài sản tài chính (hoặc quản lý tài sản đầu tư), quản lý cổ phiếu, tiền mặt và bất động sản; tăng vốn góp, sắp xếp và cung cấp cổ phiếu cho việc quản lý mua lại quyền kiểm soát; dịch vụ nghiên cứu và tư vấn liên quan đến các dịch vụ nêu trên; tư vấn tài chính và kinh cho các công ty, chính phủ và các tổ chức.

---

(111) **4-0167061**
(210) 4-2009-16954
(181) 12.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 12.08.2009

(531) A1.5.3; A1.5.23; 26.13.25
(591) Đỏ, trắng, xanh lam
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TRẦN THÀNH ĐẠT (VN)
Số 14 ngõ 143 Hàng Kênh, phường Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 06: Thanh nhôm định hình; thang nhôm; cửa nhôm.

---

(111) **4-0167062**
(210) 4-2009-08704
(181) 06.05.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 06.05.2009

(531) 26.4.2; 1.15.23
(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH CAO SU KỸ THUẬT VIỆT NHẬT (VN)
B5-R7-R8, đường 6A, khu tiểu thủ công nghiệp, khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 17: Cao su và các sản phẩm được chế biến từ cao su như: trục cao su, thanh cao su.

---

(111) **4-0167063**
(210) 4-2009-09181
(181) 12.05.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 12.05.2009

(531) A2.1.23; A2.3.23; 2.1.8; 4.5.3
(591) Đỏ, nâu, trắng
(731) TRẦN QUỐC TUẤN (VN)
61 Tân Xuân, phường 8, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo; giày dép; mũ nón.

---

(111) **4-0167064**
(210) 4-2009-09183
(181) 12.05.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 12.05.2009

(531) 26.3.23; 26.3.1; A26.3.6; 26.1.2
(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH RẠNG ĐÔNG S.G. (VN)
62/7/17 Trần Bình Trọng, phường 5, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Trà, cà phê, ca cao.

---

(111) **4-0167065**
(210) 4-2009-09205
(181) 12.05.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 12.05.2009

(531) 26.4.2
(591) Vàng, đỏ
(731) TRUNG TÂM GIỐNG NÔNG - LÂM NGHIỆP (VN)
Tổ 34, đường Nhạc Sơn, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 31: Lúa giống.

---

(111) **4-0167066**
(210) 4-2009-09206
(181) 12.05.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 12.05.2009

(531) 26.4.2
(591) Vàng, đỏ
(731) TRUNG TÂM GIỐNG NÔNG - LÂM NGHIỆP (VN)
Tổ 34, đường Nhạc Sơn, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 31: Lúa giống.

---

(111) **4-0167067**
(210) 4-2009-19063
(181) 08.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 08.09.2009

(531) A5.1.12; A5.1.5
(591) Xanh lá cây, vàng, đỏ, trắng, đen.
(731) LU HONG (CN)
85 Building, 201 room, 144 Ji Heng Road, Ji Bi Garden, Hai Zhu District, Guang Zhou City, Guang Dong, China
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 30: Kẹo; bánh ngọt; bánh quy.

---

(111) **4-0167068**
(210) 4-2009-17024
(181) 13.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 13.08.2009

(531) 26.3.1; 26.3.23
(591) Xanh lá cây đậm, trắng.
(731) CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ LAN THANH (VN)
377B khu phố 1 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 20: Van xả thoát nước bằng nhựa; phễu xả thoát nước bằng nhựa; van bằng nhựa dùng cho ống dẫn nước.

Nhóm 35: Mua bán ống nhựa, van các loại, van nhựa dùng cho ống nước, van xả thoát nước bằng nhựa, ống nối dùng cho ống nước dạng chữ T, dạng góc vuông (co), dạng nối lớn hơn 90 độ (lơi), ống nhựa dùng trong xây dựng, ống dẫn nước các loại, thiết bị vệ sinh, phễu xả thoát nước và chặn rác, phụ tùng linh kiện ngành nước; mua bán vật liệu xây dựng, sơn, hàng kim khí điện máy, thiết bị điện, điện tử, vật liệu ngành điện, phế liệu; mua bán kim loại màu, hàng gia dụng, thiết bị vệ sinh, ống nước và phụ kiện cấp thoát nước; mua bán máy vi tính, hóa chất, hàng thủ công mỹ nghệ; đại lý mua bán ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại.

---

(111) **4-0167069**
(210) 4-2009-17585
(181) 20.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

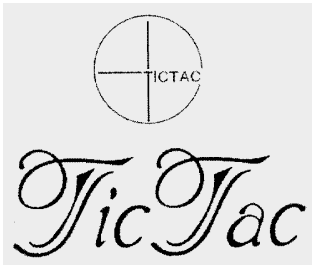

(151) 06.07.2011
(220) 20.08.2009

(531) 26.1.1; 25.5.25; 21.3.21
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TIC TAC (VN)
72 (lầu 1) Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán nước hoa, mỹ phẩm, cặp, túi, ví, hàng da và giả da; mua bán vàng bạc nữ trang, đồ trang sức.

---

(111) **4-0167070**
(210) 4-2009-18140
(181) 26.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 26.08.2009

(531) 26.1.1; A26.11.12; 26.1.4; 26.1.5
(591) Vàng cam, nâu
(731) TRẦN QUỐC NAM (VN)
78/37/28 đường Thống Nhất, phường 11, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 29: Hạt điều rang muối.

---

(111) **4-0167071**
(210) 4-2009-19561
(181) 15.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

We
Make
U
SWEAT

(151) 06.07.2011
(220) 15.09.2009

(591) Đỏ
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐA NIỀM TIN (VN)
45 Lê Anh Xuân, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 43: Dịch vụ quán cafe; dịch vụ quầy rượu; quán ăn tự phục vụ; nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0167072**
(210) 4-2009-19545
(181) 15.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

RICHMERPER

(151) 06.07.2011
(220) 15.09.2009

(731) MSR GREEN COPORATION (S) PTE LTD (SG)
59 Ubi Ave 1, #03-09 Singapore

(511) Nhóm 05: Thuốc diệt côn trùng; thuốc bảo vệ thực vật.

---

(111) **4-0167073**
(210) 4-2009-19442
(181) 14.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 14.09.2009

(531) 26.4.1; 26.4.2; A25.7.3
(591) Trắng, xanh nước biển, vàng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TƯƠNG LAI (VN)
Số 256 Nghi Tàm, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 36: Quản lý toà nhà (bất động sản); hãng bất động sản; cho thuê căn hộ; cho thuê bất động sản.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn; dịch vụ nhà hàng ăn uống; dịch vụ chỗ ở tạm thời; dịch vụ cung cấp đồ ăn, đồ uống do nhà hàng thực hiện; dịch vụ quầy rượu.

---

(111) **4-0167074**
(210) 4-2009-17121
(181) 14.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

VIMAX

(151) 06.07.2011
(220) 14.08.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM MA SAN (VN)
Phòng 9.6 & 9.7, tầng 9, tòa nhà Etown 2, 364 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 29: Dầu ăn.

---

(111) **4-0167075**
(210) 4-2007-03274
(181) 23.02.2017
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 23.02.2007

(531) 26.4.1; A25.7.21
(731) Japan Unix Co., Ltd. (JP)
2-12-12, Akasaka, Minato-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 06: Dây hàn bằng kim loại.

Nhóm 07: Máy hàn dùng điện, máy trộn nhào, máy trộn, người máy hàn.

Nhóm 09: Mỏ hàn điện, thiết bị hàn điện.

---

(111) **4-0167076**
(210) 4-2007-21679
(181) 25.10.2017
(450) 25.08.2011 281
(540)

VALBOND

(151) 06.07.2011
(220) 25.10.2007

(731) NUPLEX INDUSTRIES (AUST) PTY LTD (AU)
49-61 Stephen Road, BOTANY, NSW, AUSTRALIA 2019
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 01: Sản phẩm hoá học bao gồm nhựa nhân tạo, nhũ tương và polyme trong nhóm này.

---

(111) **4-0167077**
(210) 4-2008-05946
(181) 24.03.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 24.03.2008

(531) 26.1.1; A5.5.21; A5.5.20; 5.3.11; A1.1.10; A5.3.13; A1.1.4
(591) Xám, đen, trắng
(731) NGUYỄN HOÀNG MỸ (VN)
32A đường Bàu Cát 3, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ thương mại; đại lý ký gửi hàng hóa; quản lý kinh doanh trong siêu thị; quản lý giao dịch; dịch vụ bán lẻ; dịch vụ môi giới khách hàng.

---

(111) **4-0167078**
(210) 4-2007-05851
(181) 06.04.2017
(300) 77019785 12.10.2006 US
(450) 25.08.2011 281
(540)

FOUNTAINHEAD

(151) 06.07.2011
(220) 06.04.2007

(731) KOHLER CO. (US)
444 Highland Drive, Kohler, Wisconsin, United States of America
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 11: Chậu tắm (thiết bị vệ sinh); bồn tắm; bồn tắm xoáy nước và thiết bị tắm; vòi hoa sen và thiết bị tắm vòi hoa sen; buồng tắm nhỏ có vòi hoa sen và buồng tắm nhỏ có bồn tắm; bồn tắm vòi sen; đầu vòi hoa sen; cửa ra vào buồng tắm (bộ phận của buồng tắm vòi hoa sen); thiết bị dẫn chia nước; đầu phun vòi hoa sen; bồn rửa; chậu rửa; bồn rửa mặt; bồn vệ sinh; chậu vệ sinh; bệ xí nhà vệ sinh; bồn vệ sinh tự động (cảm biến); thiết bị dội nước nhà vệ sinh tự động (cảm biến); nhà vệ sinh di động (có thể mang đi được); đèn, đèn chụp; đèn chụp dùng cho đồ nội thất; đèn điện; thiết bị chiếu sáng được gắn cố định; bồn rửa bát; bệ rửa bát; vòi nước; vòi cảm biến (thiết bị vệ sinh); thiết bị lọc nước dùng với bồn rửa bát, với bồn tắm và với bát sen (bộ phận của đầu vòi hoa sen); nút bịt nước dùng cho bồn rửa bát, cho bồn tắm và cho bát sen; vòi tắm; van điều chỉnh nước dùng cho bể chứa nước; van điều chỉnh nước (thiết bị vệ sinh); van điều chỉnh nước dùng cho vòi nước; bệ đi tiểu (đồ vệ sinh cố định); bể chứa nước (thiết bị vệ sinh); dụng cụ điều chỉnh nước dùng cho bồn tắm; đài phun nước (dùng làm vật trang trí); phòng tắm hơi; cần xả nước phi kim dùng cho các bình nước; thiết bị vệ sinh; thiết bị cung cấp nước.

---

(111) **4-0167079**
(210) 4-2009-20514
(181) 25.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Trần Sơn và Cộng sự
Tran Son & Associates

(151) 06.07.2011
(220) 25.09.2009

(731) VĂN PHÒNG LUẬT SƯ TRẦN SƠN VÀ CỘNG SỰ (TRAN SON AND ASSOCIATES) (VN)
Phòng 202, nhà C1C, ngõ 36 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 45: Dịch vụ tư vấn và đại diện pháp lý trong các lĩnh vực bản quyền tác giả, sở hữu công nghiệp; dịch vụ pháp lý trong lĩnh vực tố tụng, tư vấn pháp luật và các dịch vụ pháp lý khác.

---

(111) **4-0167080**
(210) 4-2009-26019
(181) 01.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 01.12.2009

(531) 26.1.1; 3.13.2; A3.13.23; A3.13.24
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ĐỒ DA THÁI AN (VN)
Số 20, Điện Biên Phủ, phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 18: Túi du lịch; túi xách tay; cặp đựng tài liệu; ví; ví tiền bỏ túi; ba lô.

Nhóm 25: Quần áo; giày dép; mũ nón.

Nhóm 35: Mua bán túi du lịch; túi xách tay; cặp đựng tài liệu; ví; ví tiền bỏ túi; ba lô; quần áo; giày đép; mũ nón.

---

(111) **4-0167081**
(210) 4-2009-24488
(181) 11.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

AceKaka

(151) 06.07.2011
(220) 11.11.2009

(731) GALIEN PHARMA (FR)
Z.A. Les Hauts de La Fourcade 32201 Gimont Cedex, France
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0167082**
(210) 4-2009-24502
(181) 11.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

★T-N
SAO TRUNG NAM

(151) 06.07.2011
(220) 11.11.2009

(531) A1.1.2
(731) CÔNG TY TNHH SAO TRUNG NAM (VN)
161 - 163 Bình Long, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 07: Ổ bi (vòng bi) (bộ phận của máy móc), ổ bi đũa (ổ bi dài) (bộ phận của máy móc), vòng bi dùng cho động cơ (bạc đạn), xu páp, pít - tông (piston), vòng găng pít - tông (bạc).

Nhóm 09: Dây công tơ mét; cuộn đánh lửa (mô bin sườn); cuộn phát điện (mô bin lửa); bộ khởi động xe gắn máy; rơ le khởi động; bộ vi mạch (IC).

Nhóm 12: Phụ tùng xe máy gồm: ổ bi (vòng bi), ổ bi đũa (ổ bi dài), bộ ly hợp (bố nồi), má phanh (bố thắng); bộ nhông xích đĩa (bộ nhông sên đĩa); phanh xe.

(111) **4-0167083**
(210) 4-2009-24503
(181) 11.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 11.11.2009

(531) 26.4.1; 26.4.2; 26.4.3
(591) Xanh nước biển, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SAO TRUNG NAM (VN)
161 - 163 Bình Long, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 07: Ổ bi (vòng bi) (bộ phận của máy móc), ổ bi đũa (ổ bi dài) (bộ phận của máy móc), vòng bi dùng cho động cơ (bạc đạn), xu páp, pít - tông (piston), vòng găng pít - tông (bạc).

Nhóm 09: Dây công tơ mét; cuộn đánh lửa (mô bin sườn); cuộn phát điện (mô bin lửa); bộ khởi động xe gắn máy; rơ le khởi động; bộ vi mạch (IC).

Nhóm 12: Phụ tùng xe máy gồm: ổ bi (vòng bi), ổ bi đũa (ổ bi dài), bộ ly hợp (bố nồi), má phanh (bố thắng); bộ nhông xích đĩa (bộ nhông sên đĩa); phanh xe.

---

(111) **4-0167084**
(210) 4-2009-24541
(181) 12.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

FORECARE

(151) 06.07.2011
(220) 12.11.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA MỸ PHẨM PHƯỢNG HOÀNG (VN)
1A đường 17, khu phố 3, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167085**
(210) 4-2009-24486
(181) 11.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 11.11.2009

(531) A26.11.12; 3.7.17; 26.13.25
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM (VN)
P.1404, tầng 13, toà nhà Hà Thành, 102 Thái Thịnh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 03: Nước hoa; tinh dầu; mỹ phẩm; nước xức tóc.

Nhóm 09: Máy tính; các thiết bị xử lý cá dữ kiện.

Nhóm 25: Quần áo; giày dép; mũ; nón.

---

(111) **4-0167086**
(210) 4-2009-24520
(181) 12.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 12.11.2009

(531) 26.4.2
(591) Đỏ, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC TÙNG LỘC (VN)
168 Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 30: Đồ uống trên cơ sở trà.

Nhóm 33: Đồ uống có cồn (trừ bia); rượu mạnh (đồ uống).

---

(111) **4-0167087**
(210) 4-2009-24506
(181) 11.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 11.11.2009

(531) 3.3.2; 3.3.15; A3.3.24; A26.11.12; 26.13.25
(591) Đỏ, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH BÁNH NGỌT CON LỪA (DONKEY DONUTS CO.,LTD) (VN)
26 Nguyễn Hoàng Tôn, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Ngôi Sao chuyên nghiệp và liên danh (NOVAPRO & ASSOCIATES CO.,LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh ngọt.

Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0167088**
(210) 4-2009-24508
(181) 11.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 11.11.2009

(531) A1.5.3; 26.13.25
(591) Xám, đỏ
(731) ĐỖ TẤT CẢNH (VN)
87 Trần Thanh Mai, khu phố 3, Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Ngôi Sao chuyên nghiệp và liên danh (NOVAPRO & ASSOCIATES CO.,LTD.)

(511) Nhóm 07: Bộ tiết kiệm xăng dùng cho xe gắn máy.

Nhóm 37: Dịch vụ sửa chữa và bảo trì xe gắn máy.

---

(111) **4-0167089**
(210) 4-2009-24498
(181) 11.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 11.11.2009

(531) 26.1.1; A26.11.12; 14.1.5; A14.1.6
(591) Xám, đỏ, trắng, xanh lá cây.
(731) CÔNG TY TNHH THÀNH LỢI (VN)
78 Ngô Quyền, phường 5, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán: vật liệu xây dựng: sắt, thép, hàng kim khí điện máy, xe ô tô và phụ tùng xe ô tô, đại lý ký gửi hàng hóa.

---

(111) **4-0167090**
(210) 4-2009-24384
(181) 11.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Aqua Maris

(151) 06.07.2011
(220) 11.11.2009

(531) A26.11.12; 3.7.17; 26.13.25
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ ÂU VIỆT (VN)
P504, CT 4B Linh Đàm, Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 10: Thiết bị và dụng cụ y tế.

---

(111) **4-0167091**
(210) 4-2009-25964
(181) 30.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Dimpotab

(151) 06.07.2011
(220) 30.11.2009

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
No.27, Race Course Road, Bangalore-560 001, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0167092**
(210) 4-2010-07277
(181) 09.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

STARR CASUALTY

(151) 06.07.2011
(220) 09.04.2010

(731) C. V. STARR & CO., INC. (US)
399 Park Avenue, 17th Floor, New York, N. Y. 10022, United States of America
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ bảo hiểm, dịch vụ đại lý bảo hiểm, bảo hiểm tài sản, bảo hiểm thương vong.

---

(111) **4-0167093**
(210) 4-2010-07278
(181) 09.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

WELZPIME

(151) 06.07.2011
(220) 09.04.2010

(731) AKUMS DRUGS & PHARMACEUTICALS LTD (IN)
304, Mohan Place, L.S.C Block - C, Saraswati Vihar, New Delhi - 110034, India
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167094**
(210) 4-2010-07279
(181) 09.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

PLENMINE

(151) 06.07.2011
(220) 09.04.2010

(731) AKUMS DRUGS & PHARMACEUTICALS LTD (IN)
304, Mohan Place, L.S.C Block - C, Saraswati Vihar, New Delhi - 110034, India
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167095**
(210) 4-2010-07335
(181) 09.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

MẦM NON

(151) 06.07.2011
(220) 09.04.2010

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẠI THÀNH ĐẠT (VN)
17/12, khu phố 8, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 16: Tập vở học sinh.

---

(111) **4-0167096**
(210) 4-2009-24526
(181) 12.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

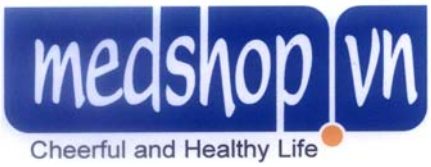

(151) 06.07.2011
(220) 12.11.2009

(531) 26.1.1; 26.4.2; 26.4.4
(591) Xanh cửu long, vàng, đen, trắng
(731) NGUYỄN THỊ THANH LỊCH (VN)
170 ngõ 17 phố Sơn Tây, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

Nhóm 10: Máy móc thiết bị y tế.

Nhóm 35: Buôn bán thực phẩm, máy móc, trang thiết bị y tế.

Nhóm 44: Dịch vụ chăm sóc sức khoẻ, dịch vụ trợ giúp y tế, phòng chữa bệnh, dịch vụ y tế qua điện thoại và internet, dịch vụ hộ lý, dịch vụ dược sỹ kê đơn thuốc, cố vấn về lĩnh vực dược học.

---

(111) **4-0167097**
(210) 4-2009-24521
(181) 12.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 12.11.2009

(531) A1.1.2; A26.11.12; A26.11.13; 5.5.23
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI, VẬN TẢI HÙNG PHONG (VN)
Tổ 5, khối 6, phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

(511) Nhóm 11: Quạt điện các loại.

---

(111) **4-0167098**
(210) 4-2009-24522
(181) 12.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 12.11.2009

(531) A1.1.2; A26.11.12; A26.11.13; 5.5.23
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI, VẬN TẢI HÙNG PHONG (VN)
Tổ 5, khối 6, phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

(511) Nhóm 11: Quạt điện các loại.

---

(111) **4-0167099**
(210) 4-2009-24524
(181) 12.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

SƠN THẢO

(151) 06.07.2011
(220) 12.11.2009

(731) NGUYỄN CÔNG KHU (VN)
235 Nguyễn Trường Tộ, tổ 9, khối 5, phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

(511) Nhóm 25: Giày; dép các loại.

---

(111) **4-0167100**
(210) 4-2010-07170
(181) 08.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

SAVPODOME

(151) 06.07.2011
(220) 08.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĂN LAM (VN)
Số 34 ngách 155/206, đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167101**
(210) 4-2008-24013
(181) 10.11.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 10.11.2008

(531) 1.5.1; 1.17.11
(591) Xanh lá cây, xanh nước biển, xanh da trời, cam, xám, trắng
(731) TỪ TRIỂN SÁNG (VN)
400 Trần Hưng Đạo, phường 2, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán: văn phòng phẩm, cặp, túi xách, quà lưu niệm.

Nhóm 40: Sản xuất trang thiết bị văn phòng phẩm theo yêu cầu từ người khác.

---

(111) **4-0167102**
(210) 4-2009-13335
(181) 01.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 01.07.2009

(531) A26.11.12; 26.13.25
(731) ROTO PUMPS LTD. (IN)
14, Noida Special Economic Zone, Noida - 201305, Gautam Buddha Nagar district, Uttar Pradesh, India
(740) Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự (BROSS & PARTNERS., JSC)

(511) Nhóm 07: Máy bơm thể tích; máy bơm kiểu pittông; máy bơm ly tâm; máy bơm bê tông, tất cả thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0167103**
(210) 4-2009-09688
(181) 18.05.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 18.05.2009

(531) A5.5.21; A5.5.20
(591) Vàng, đỏ, da cam, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA NGỌC NGHĨA (VN)
IV - 22 Tây Thạnh, khu công nghiệp Tân Bình, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 07: Khuôn mẫu ngành nhựa, khuôn (bộ phận của máy), máy làm khuôn, máy đúc, máy công cụ.

Nhóm 21: Sản phẩm từ nhựa, bi đông, bình, lọ, cốc bằng giấy hoặc bằng nhựa, nắp bình, lọ, đồ chứa đựng dùng cho gia dụng và nhà bếp.

Nhóm 35: Dịch vụ thương mại, mua bán, trao đổi, ký gửi nguyên liệu ngành nhựa và sản phẩm từ nhựa.

---

(111) **4-0167104**
(210) 4-2009-09689
(181) 18.05.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 18.05.2009

(531) A5.5.21; A5.5.20
(591) Vàng, đỏ, da cam, trắng.
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA NGỌC NGHĨA (VN)
IV-22, Tây Thạnh, khu công nghiệp Tân Bình, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 07: Khuôn mẫu ngành nhựa; khuôn (bộ phận của máy); máy làm khuôn; máy đúc; máy công cụ.

Nhóm 21: Sản phẩm từ nhựa; bi đông; bình lọ; cốc bằng giấy hoặc bằng nhựa; nắp bình, lọ; đồ chứa đựng dùng cho gia dụng và nhà bếp.

Nhóm 35: Dịch vụ thương mại, mua bán, trao đổi, ký gửi nguyên liệu ngành nhựa và sản phẩm từ nhựa.

---

(111) **4-0167105**
(210) 4-2009-14644
(181) 17.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 17.07.2009

(531) 1.15.23; 26.1.1; A26.11.12; 24.17.21
(591) Đỏ, xanh dương, xanh lá cây, đen, trắng.
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NGÔ QUÝ THÍCH (VN)
96 Đinh Tiên Hoàng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Thực phẩm chức năng dạng viên hoàn dùng cho mục đích y tế.

Nhóm 35: Mua bán thực phẩm chức năng dạng viên hoàn.

---

(111) **4-0167106**
(210) 4-2009-14928
(181) 21.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

KY NGUYEN COMPUTER

(151) 06.07.2011
(220) 21.07.2009

(731) CÔNG TY TNHH MÁY TÍNH KỶ NGUYÊN (VN)
Số 446A, Tô Hiệu, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ mua bán các sản phẩm cụ thể: máy tính, phụ kiện máy tính.

---

(111) **4-0167107**
(210) 4-2009-14211
(181) 13.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

ATTACK NEO

(151) 06.07.2011
(220) 13.07.2009

(731) KAO KABUSHIKI KAISHA (also trading as Kao Corporation) (JP)
14-10, Nihonbashi Kayabacho 1- chome, Chuo - Ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH Võ Trần (VO TRAN CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Chất để giặt; chế phẩm tẩy trắng dùng trong gia đình và để giặt; chất làm mềm sợi vải dùng để giặt; bột hồ dùng để giặt; chất làm sạch dùng trong gia đình; sáp

đánh bóng sàn; chế phẩm để làm sạch ống xả chất thải; chế phẩm rửa bát đĩa; chế phẩm mài mòn; chế phẩm đánh bóng; và xà bông.

---

(111) **4-0167108**
(210) 4-2009-09207
(181) 12.05.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 12.05.2009

(531) 26.4.2
(591) Vàng, đỏ
(731) TRUNG TÂM GIỐNG NÔNG - LÂM NGHIỆP (VN)
Tổ 34, đường Nhạc Sơn, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 31: Lúa giống.

---

(111) **4-0167109**
(210) 4-2009-11992
(181) 15.06.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 15.06.2009

(531) 26.4.2
(731) CÔNG TY TNHH VIỆT NAM GẠCH MEN THẠCH ANH (VN)
ấp An Hòa, xã Hòa Lợi, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Tư vấn Sở hữu trí tuệ á Đông (A ĐÔNG IP CONSULTANCY CO.,LTD.)

(511) Nhóm 19: Gạch, gạch lát sàn, gạch ốp tường, gạch viền (gạch ốp tường tạo thành đường viền trang trí), gạch thạch anh.

---

(111) **4-0167110**
(210) 4-2009-12440
(181) 19.06.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 19.06.2009

(531) A26.11.12; A26.11.9
(591) Đỏ, xanh lá cây, trắng.
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THANH TRÂM (VN)
Số 47/9B đường Trần Phú, phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0167111**
(210) 4-2009-12724
(181) 23.06.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

DAVIMED

(151) 06.07.2011
(220) 23.06.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẤT VIỆT (VN)
Số 24, ngõ 52, phố Quan Nhân, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0167112**
(210) 4-2010-04812
(181) 19.05.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

SEODEBU

(151) 06.07.2011
(220) 12.03.2010

(731) SEO KYUNG COMPANY (KR)
E-Rea Officetel Room 801, 1574-5 Seocho-Dong, Seocho-Ku, Seoul, Korea (137-070)
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167113**
(210) 4-2009-10229
(181) 25.05.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 25.05.2009

(531) A5.3.13; A5.3.15; 26.1.1; A1.1.10
(591) Xanh lá cây nhạt, xanh lá cây đậm, vàng, trắng.
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ (VN)
6/134 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bánh ngọt, mặn; kẹo; mứt kẹo; chè (trà); cà phê; bột ngũ cốc.

(111) **4-0167114**
(210) 4-2009-12261
(181) 17.06.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 17.06.2009

(531) 5.7.3; 26.1.1; 26.1.4; A1.1.10
(591) Đỏ, vàng, vàng đậm, da cam, xanh lá cây đậm, xanh lá cây, xanh lá mạ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ (VN)
6/134 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bánh ngọt, mặn; kẹo; mứt kẹo; chè (trà); cà phê; bột ngũ cốc.

(111) **4-0167115**
(210) 4-2009-14160
(181) 10.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 10.07.2009

(531) 26.1.1; 26.1.6; 2.9.10
(591) Xanh dương đậm, xanh dương nhạt, trắng
(731) CƠ SỞ NGỌC MAI (VN)
227A Nguyễn Thái Sơn, phường 5, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Bột dùng để đánh răng (bột chà trắng răng).

(111) **4-0167116**
(210) 4-2009-14120
(181) 10.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 10.07.2009

(531) 6.1.2; A17.2.2
(591) Đỏ, trắng, xanh lá cây, hồng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SƠN NGỌC (VN)
Số 1482, đại lộ Hùng Vương, phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết (đồ uống), xi rô dùng làm đồ uống; nước có ga (đồ uống).

Nhóm 35: Đại lý mua bán ô tô, hàng điện máy, hàng thực phẩm, hàng công nghệ phẩm, hàng nông lâm sản: lá mai, lá bương, lá diễn; xuất nhập khẩu.

Nhóm 39: Vận tải, cho thuê phương tiện vân tải, môi giới vận tải, thông tin vận tải.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn; nhà nghỉ.

---

(111) **4-0167117**
(210) 4-2009-14121
(181) 10.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 10.07.2009

(531) 26.3.1; 26.3.4
(591) Vàng, xanh dương, hồng, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH IN TRƯỜNG SINH (VN)
Đại lộ Hùng Vương, phố Việt Hưng, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 16: Đồ dùng văn phòng (không kể đồ gỗ); túi (phong bì, bao nhỏ) bằng giấy hoặc chất dẻo dùng để gói; ấn phẩm; sách; báo; tạp chí; vở; bìa sách, vở; bao sách; vở bằng giấy hoặc chất dẻo.

---

(111) **4-0167118**
(210) 4-2009-11069
(181) 03.06.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

CPG

(151) 06.07.2011
(220) 03.06.2009

(731) KALBE INTERNATIONAL PTE. LTD. (SG)
221 Henderson Road #08-09110, Singapore 159557
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc kháng tiểu cầu để phòng ngừa thứ phát chứng huyết khối như nhồi máu cơ tim, đột quỵ và bệnh động mạch ngoại vi.

---

(111) **4-0167119**
(210) 4-2009-12483
(181) 19.06.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 19.06.2009

(531) 26.4.9; 26.4.3
(591) Đen, vàng, xanh dương, xanh tím
(731) NGUYỄN THỊ MINH PHƯỢNG (VN)
Số 170 tổ 115, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng Luật sư ADVACAS (VPLS ADVACAS)

(511) Nhóm 35: Buôn bán sách báo, tạp chí; cửa hàng báo chí; đặt mua báo chí.

---

(111) **4-0167120**
(210) 4-2009-25270
(181) 20.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

EMI STOP

(151) 06.07.2011
(220) 20.11.2009

(731) CLARIS LIFESCIENCES LIMITED (IN)
Corporate Tower, Nr. Parrimal Crossing, Ellisbiridge, Ahmedabad - 280 006, India
(740) Công ty TNHH Tư vấn ALIATLEGAL (ALIATLEGAL CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc chữa bệnh dùng cho người.

---

(111) **4-0167121**
(210) 4-2010-00071
(181) 04.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BDCUT

(151) 06.07.2011
(220) 04.01.2010

(731) BDR PHARMACEUTICALS INTERNATIONAL PVT. LTD. (IN)
407/408 Sharda Chamber, New Marine Lines, Mumbai 400 020, India
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167122**
(210) 4-2010-07139
(181) 08.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 08.04.2010

(531) 26.1.2
(591) Xanh lam, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ASITA (VN)
Thôn Vực, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Dịch vụ đại lý mua, bán, ký gửi các loại hàng hoá sau: các thiết bị bảo vệ, báo động, chiếu sáng và hệ thống camera giám sát, thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, ăng ten truyền hình, phần mềm tin học, điện thoại, máy fax, đồng hồ tính cước, đếm thời gian và các linh, phụ kiện kèm theo.

Nhóm 37: Dịch vụ lắp đặt hệ thống các thiết bị bảo vệ, báo động, chiếu sáng và hệ thống camera giám sát, thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, ăng ten truyền hình, điện thoại, máy fax, đồng hồ tính cước, đếm thời gian, máy móc thiết bị phòng cháy, chữa cháy.

---

(111) **4-0167123**
(210) 4-2010-07132
(181) 08.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

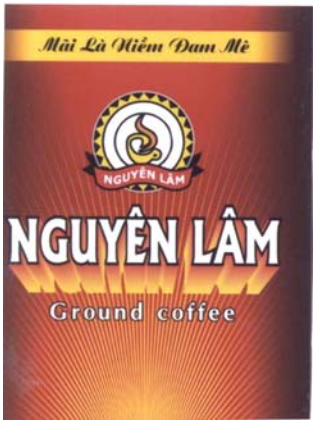

(151) 06.07.2011
(220) 08.04.2010

(531) A11.3.4; 26.1.1; A5.1.6; A25.7.21
(591) Đen, vàng, đỏ trắng
(731) NGUYỄN VĂN VŨ (VN)
Thôn Tân Tiến, xã Hoà An, huyện Krông Pak, tỉnh Đắk Lắk

(511) Nhóm 30: Cà phê.

---

(111) **4-0167124**
(210) 4-2010-10199
(181) 13.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 13.05.2010

(531) A26.11.12; 1.15.23
(591) Vàng, đỏ, xanh
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG SIÊU RẺ (VN)
Điện thoại di động siêu rẻ, siêu thị Vinatex, Mỹ Phước 1, đường N5, ấp 6, xã Thới Hòa, Bến Cát, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Điện thoại.

---

(111) **4-0167125**
(210) 4-2010-13557
(181) 24.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 24.06.2010

(531) 26.3.2; A26.11.9; 26.11.3; 26.13.25
(591) Đỏ
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỰC PHẨM TINH NGUYÊN (VN)
67/1A khu phố 3, phường 4, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
(740) Văn phòng Luật sư A Hoà (AHOA LAW OFFICE)

(511) Nhóm 30: Muối tôm; muối sả; muối nêm; muối tiêu; muối gừng; muối làm gia vị.

---

(111) **4-0167126**
(210) 4-2010-13558
(181) 24.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 24.06.2010

(531) A26.11.12; 26.13.25
(591) Đỏ, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CẨM TÚ (VN)
312/20 Kinh Dương Vương, khu phố 4, phường An Lạc A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng Luật sư A Hoà (AHOA LAW OFFICE)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; keo xịt tóc; kem thoa mặt; sữa rửa mặt; sơn móng tay; thuốc nhuộm tóc; dầu gội đầu; nước hoa.

---

(111) **4-0167127**
(210) 4-2010-13591
(181) 24.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

HÒA PHÁT

(151) 06.07.2011
(220) 24.06.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HOÀ PHÁT (VN)
Số 35, ngõ 90 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Bình Minh (SUNRISE IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

Nhóm 35: Mua bán dược phẩm, thực phẩm chức năng, máy móc thiết bị y tế.

---

(111) **4-0167128**
(210) 4-2010-07073
(181) 07.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

REOSORBIN

(151) 06.07.2011
(220) 07.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐẠI NAM (VN)
T.1 Hồng Lĩnh, cư xá Bắc Hải, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167129**
(210) 4-2010-07172
(181) 08.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

TENKOZYM

(151) 06.07.2011
(220) 08.04.2010

(731) PHIL-INTERNATIONAL CO.,LTD. (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167130**
(210) 4-2010-07173
(181) 08.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

HAPHILUS

(151) 06.07.2011
(220) 08.04.2010

(731) PHIL-INTERNATIONAL CO.,LTD. (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167131**
(210) 4-2010-13632
(181) 24.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

HULOHA
Hùng - Long - Hạnh

(151) 06.07.2011
(220) 24.06.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SSC VIỆT NAM (VN)
49 tổ 47 phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 02: Mực in.

Nhóm 35: Mua bán, quảng cáo, xuất nhập khẩu: mực in.

---

(111) **4-0167132**
(210) 4-2010-13633
(181) 24.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

HUYOUNG®

(151) 06.07.2011
(220) 24.06.2010

(731) CƠ SỞ PHÚC HƯNG (VN)
480/18 Bình Quới, phường 28, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 09: Đầu đọc đĩa kỹ thuật số; máy tăng âm; đầu máy hát karaoke; loa; máy thu hình (ti vi); bộ đổi điện từ một chiều sang xoay chiều và sạc điện (inverter).

---

(111) **4-0167133**
(210) 4-2010-10336
(181) 14.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

IPRAVENT

(151) 06.07.2011
(220) 14.05.2010

(731) CIPLA LTD (IN)
Mumbai Central, Mumbai 400 008, India
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167134**
(210) 4-2010-10337
(181) 14.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

INCEPDAZOL

(151) 06.07.2011
(220) 14.05.2010

(531) 26.4.3; A26.11.9; 26.11.3; 26.13.25
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM KIM BẢN (VN)
43 đường số 2, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167135**
(210) 4-2010-12037
(181) 03.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

DRAGONSEA PUMP

(151) 06.07.2011
(220) 03.06.2010

(531) 26.4.3
(591) Đen, vàng, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HIỆP HƯNG (VN)
37 Vũ Chí Hiếu, phường 13, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng Luật sư A Hoà (AHOA LAW OFFICE)

(511) Nhóm 07: Máy bơm nước.

---

(111) **4-0167136**
(210) 4-2010-13619
(181) 24.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 24.06.2010

(531) 5.7.13
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI LÊ GIA PHÁT (VN)
33/4C ấp Mỹ Hoà 3, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 11: Vòi nước; bồn tắm; bồn rửa mặt; bình đun nước nóng dùng cho nhà tắm; bàn cầu (bệ xí); bếp ga.

---

(111) **4-0167137**
(210) 4-2008-21187
(181) 02.10.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

HOANG Y

(151) 06.07.2011
(220) 02.10.2008

(531) 1.3.1; 2.3.8; 2.1.8
(591) Xanh dương, trắng
(731) TRẦN THỊ THỤC (VN)
Tổ 18, khu IV, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống, khách sạn.

---

(111) **4-0167138**
(210) 4-2010-13817
(181) 28.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 28.06.2010

(531) 2.1.8; 2.3.8; A2.1.17; A2.3.17
(731) TAISHO PHARMACEUTICAL CO., LTD. (JP)
24-1, Takada 3-chome, Toshima-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm giảm đau dùng cho người.

---

(111) **4-0167139**
(210) 4-2010-13595
(181) 24.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

PLUZSACTIVE

(151) 06.07.2011
(220) 24.06.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINACARE (VN)
Số nhà 18, ngách 19/15 Kim Đồng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167140**
(210) 4-2010-13597
(181) 24.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

KID-BIOGROW

(151) 06.07.2011
(220) 24.06.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM O.P.M (VN)
139 Nguyễn Du, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167141**
(210) 4-2009-08024
(181) 27.04.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 27.04.2009

(531) 3.7.10; 3.7.16; A3.7.24; 26.5.1
(591) Trắng, vàng, đỏ
(731) CƠ SỞ SẢN XUẤT KẸO YẾN NHUNG (VN)
2/17-2/21-2/21C, tổ 42, khu phố 1, phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Bánh ngọt và mặn; kẹo; kẹo làm từ hạt điều; kẹo làm từ đậu phộng; kẹo làm từ mè (vừng), kẹo làm từ hạt dưa.

---

(111) **4-0167142**
(210) 4-2009-03301
(181) 02.03.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 02.03.2009

(531) 26.4.1; A26.4.24; 2.9.10
(591) Xanh lá cây, vàng, trắng, đỏ
(731) NHA KHOA VẠN THÀNH (VN)
13 Nguyễn ái Quốc, KP 8, phường Tân Phong, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn Sở hữu trí tuệ á Đông (A ĐÔNG IP CONSULTANCY CO.,LTD.)

(511) Nhóm 44: Khám và chữa chuyên khoa răng hàm mặt.

---

(111) **4-0167143**
(210) 4-2009-00843
(181) 15.01.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

AQUAFLOX

(151) 06.07.2011
(220) 15.01.2009

(731) AQUARIUS ENTERPRISES (IN)
619/19, Chattarpur Main Road, New Delhi - 110074, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0167144**
(210) 4-2009-00667
(181) 13.01.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 13.01.2009

(531) 26.5.1; A17.2.2
(591) Trắng, nâu đỏ, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI THY (VN)
Số 134, ngõ 173 Hoàng Hoa Thám, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 23: Các loại sợi dùng để dệt vải.

Nhóm 24: Các loại vải.

Nhóm 25: Quần áo may sẵn; hàng dệt kim (quần, áo).

---

(111) **4-0167145**
(210) 4-2009-08700
(181) 06.05.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 06.05.2009

(531) 26.1.1; A26.11.12
(591) Kem, nâu nhạt, xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ SÀI GÒN BAN MÊ (VN)
Số 42 Lê Trung Nghĩa, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Cà phê; chè (trà); ca cao; sô cô la; chất thay thế cà phê; hương liệu cà phê.

---

(111) **4-0167146**
(210) 4-2009-00086
(181) 02.01.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

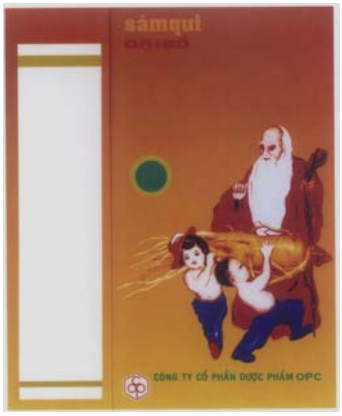

(151) 06.07.2011
(220) 02.01.2009

(531) 26.1.1; 26.5.1; 26.1.6; A5.5.20
(591) Vàng, vàng nhạt, da cam, xanh lá mạ, xanh dương, xanh lá cây, đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC (VN)
1017 Hồng Bàng, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167147**
(210) 4-2009-00088
(181) 02.01.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

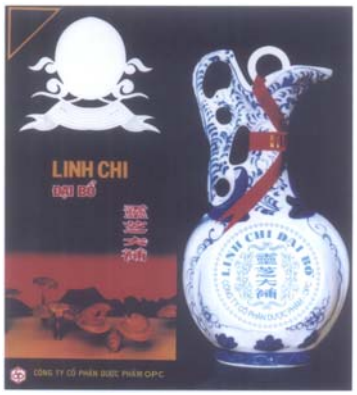

(151) 06.07.2011
(220) 02.01.2009

(531) 19.7.1; 19.7.7; 25.1.25; 25.1.6; 25.1.9; 26.5.1; 26.1.6; A5.5.20; A5.11.5
(591) Vàng, vàng nhạt, da cam, đỏ, nâu, xanh dương đậm, xanh dương, xanh dương nhạt, xám, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC (VN)
1017 Hồng Bàng, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167148**
(210) 4-2009-04945
(181) 19.03.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

GIỌT VÀNG

(151) 06.07.2011
(220) 19.03.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM (ACECOOK VIETNAM JSC) (VN)
Lô II-3 và II-5 đường số 11, nhóm CN II, khu công nghiệp Tân Bình, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 29: Dầu ăn; bơ thực vật; mỡ động vật; soup thịt hầm (xúp thịt hầm); nước mắm; nước chấm có nguồn gốc từ động vật thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0167149**
(210) 4-2009-07649
(181) 21.04.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

MEKO

(151) 06.07.2011
(220) 21.04.2009

(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN GIA SÚC MEKO (VN)
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 31: Thức ăn gia súc; thức ăn gia cầm; thức ăn thủy sản.

---

(111) **4-0167150**
(210) 4-2009-08420
(181) 29.04.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

TEVAGEM

(151) 06.07.2011
(220) 29.04.2009

(731) LEMERY S.A. DE C.V. (MX)
Unit Martires de Rio Blanco # 54, Col. Huichapan, C.P.16030, Mexico D.F.., Mexico
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm điều trị ung thư phổi không tế bào nhỏ di căn hoặc giai đoạn cuối; dược phẩm điều trị ung thư tuyến tụy di căn hoặc giai đoạn cuối; dược phẩm điều trị ung thư bàng quang giai đoạn cuối; và dược phẩm điều trị cho bệnh nhân ung thư vú di căn hoặc tái phát sau khi đã được điều trị bằng liệu pháp hóa chất và chất hỗ trợ.

---

(111) **4-0167151**
(210) 4-2009-19762
(181) 16.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 16.09.2009

(531) 26.3.1; 26.1.1; 26.1.6; 25.1.6
(591) Xanh dương, xanh lá cây, đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG DƯƠNG LUÂN (VN)
440/43 Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 37: Tư vấn thi công xây dựng; tư vấn quản lý thi công công trình; tư vấn giám sát công trình.

Nhóm 42: Tư vấn thiết kế; tư vấn thẩm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật công trình; tư vấn kiểm định chất lượng công trình; tư vấn thẩm định dự án đầu tư; tư vấn đo đạc.

---

(111) **4-0167152**
(210) 4-2009-06147
(181) 02.04.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

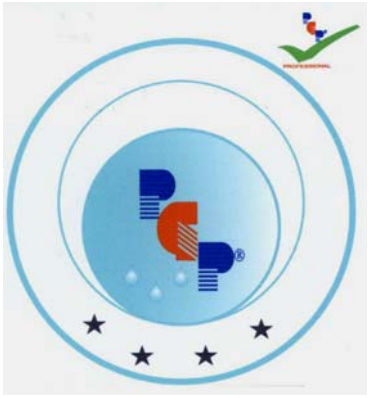

(151) 06.07.2011
(220) 02.04.2009

(531) 1.15.15; 3.7.17; A1.1.10; A1.1.5
(591) Xanh da trời, xanh dương đậm, xanh lá cây, da cam, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHAN GIA PHÁT (VN)
1/6C ấp 6, Nguyễn Văn Bứa, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Kem duỗi tóc; kem hấp tóc; dầu dưỡng tóc; kem trợ nhuộm (chất pha với thuốc nhuộm tóc tạo màu tóc dạng kem); sữa dinh dưỡng tóc (chất dưỡng làm đẹp tóc dạng sữa); thuốc uốn tóc.

---

(111) **4-0167153**
(210) 4-2010-08753
(181) 26.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

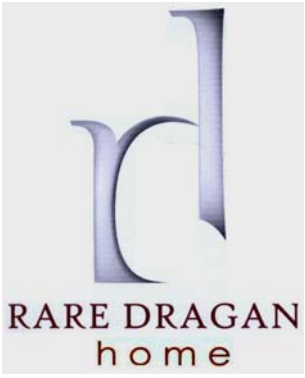

(151) 06.07.2011
(220) 26.04.2010

(531) 26.13.25
(591) Xám, xám nhạt, nâu, da cam, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN RARE DRAGAN (VN)
Lô 77, đường số 4, khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung 3, xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 06: Tượng bằng đồng.

Nhóm 11: Đèn chiếu sáng.

Nhóm 20: Bàn; ghế; tủ; giường; khung gương; bình phong (đồ gỗ nội thất); tranh sơn dầu.

---

(111) **4-0167154**
(210) 4-2009-03983
(181) 11.03.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

WESTWOOD

(151) 06.07.2011
(220) 11.03.2009

(731) YTL CORPORATION BERHAD (MY)
11th Floor, Yeoh Tiong Lay Plaza, 55 Jalan Bukit Bintang, 55100 Kuala Lumpur, Malaysia
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Quản lý kinh doanh và quản lý kinh doanh khách sạn (cho người khác), dịch vụ marketing và xúc tiến kinh doanh; dịch vụ thư ký kinh doanh; đánh giá kinh doanh; tập hợp, vì lợi ích của người khác, các sản phẩm vệ sinh cá nhân, xà phòng, nước hoa, mỹ phẩm, nước thơm xức tóc và cơ thể, tinh dầu, nến, tạp chí, sách và ấn phẩm, cho phép người tiêu dùng dễ xem và mua các hàng hoá đó trong cửa hàng bán buôn, cửa hàng bán lẻ, từ catalô hàng hoá trực tuyến hay bằng cách đặt hàng qua thư; quản lý và quản trị kinh doanh (cho người khác) bất động sản, bất động sản để ở, bất động sản công nghiệp và thương mại, văn phòng, trung tâm thương mại, cửa hàng bách hoá, trung tâm mua sắm, cửa hàng bán lẻ và bán buôn, nơi ở tạm thời, khách sạn, khách sạn nhỏ bên đường, khu nghỉ mát, căn hộ cho thuê có dịch vụ, toà nhà, nhà, khu chung cư, căn hộ khép kín, phòng ở, nhà kho, nhà máy và khu nhà ở đã phát triển; dịch vụ quảng cáo; tổ chức triển lãm vì mục đích thương mại hay quảng cáo; cung cấp phương tiện văn phòng cho các cuộc họp kinh doanh; tư vấn và cố vấn kinh doanh liên quan đến nhượng quyền thương mại; quan hệ công chúng; cho thuê không gian quảng cáo; quảng cáo; dịch vụ cố vấn, cung cấp thông tin và tư vấn liên quan đến các dịch vụ trên; tất cả đều là các dịch vụ trong nhóm này.

---

(111) **4-0167155**
(210) 4-2010-10012
(181) 12.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Salsa

(151) 06.07.2011
(220) 12.05.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HỮU NGHỊ (VN)
122 Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 30: Bánh mỳ; bánh gừng (bánh mỳ có gia vị); bánh xốp; bánh ngọt; đồ trang trí ăn được dùng cho bánh ngọt; hương liệu ngoại trừ tinh dầu dùng cho bánh ngọt; bánh (gạo); bánh gatô nhỏ (bánh ngọt); bánh mỳ cuộn.

---

(111) **4-0167156**
(210) 4-2010-08735
(181) 26.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

KORANDO

(151) 06.07.2011
(220) 26.04.2010

(731) CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI THIÊN PHÚC (VN)
Số 193 Lê Hoàn, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 11: Bếp gas; nồi cơm điện; thiết bị và trang bị đi kèm dùng cho mục đích nấu nướng; tủ lạnh; máy điều hòa nhiệt độ.

Nhóm 21: Đồ dùng nấu nướng không sử dụng điện; đồ dùng nhà bếp (không sử dụng điện); bộ nồi niêu xoong chảo dùng cho nhà bếp (không sử dụng điện); đồ chứa đựng dùng trong gia đình hoặc nhà bếp (không làm bằng kim loại quý); xoong hầm thịt (không sử dụng điện); chảo rán (không sử dụng điện).

---

(111) **4-0167157**
(210) 4-2009-00378
(181) 08.01.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

YONG MA

(151) 06.07.2011
(220) 08.01.2009

(731) YONG MA CO., LTD (KR)
903 Dae-young Golden Valley 290-2 Gocheon-dong Uiwang City GyeongGi-do, Republic of Korea.
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 11: Bếp nấu ăn dùng điện, quạt điện dùng cho cá nhân, quạt điện, bếp có lò nướng và mặt bếp để đun dùng điện, lò vi sóng, nồi áp suất (sử dụng điện), chảo rán dùng điện, bếp có lò nướng và mặt bếp để đun dùng ga, đèn đốt dùng ga, ấm đun nước dùng điện (dùng trong gia đình).

---

(111) **4-0167158**
(210) 4-2009-00379
(181) 08.01.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

MAGIC COM

(151) 06.07.2011
(220) 08.01.2009

(731) YONG MA CO., LTD (KR)
903 Dae-young Golden Valley 290-2 Gocheon-dong Uiwang City GyeongGi-do, Republic of Korea.
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 11: Bếp nấu ăn dùng điện, quạt điện dùng cho cá nhân, quạt điện, bếp có lò nướng và mặt bếp để đun dùng điện, lò vi sóng, nồi áp suất (sử dụng điện), chảo rán dùng điện, bếp có lò nướng và mặt bếp để đun dùng ga, đèn đốt dùng ga, ấm đun nước dùng điện (dùng trong gia đình).

---

(111) **4-0167159**
(210) 4-2010-10010
(181) 12.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 12.05.2010

(531) 26.4.3; 26.3.2; 25.5.25
(591) Trắng, đỏ, đen
(731) CÔNG TY TNHH THỂ THAO ĐỨC TRUNG (VN)
Số 120 Nguyễn Thái Học, phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua bán thiết bị chăm sóc sức khỏe; quảng cáo; đại lý quảng cáo; quảng cáo trên đài phát thanh; quảng cáo bằng truyền hình; tổ chức các hội trợ thương mại nhằm thương mại hoặc quảng cáo; đại lý xuất nhập khẩu.

Nhóm 39: Vận tải; vận tải bằng ô tô; dịch vụ vận tải (thư tín hoặc hàng hóa); vận chuyển sản phẩm, hàng hóa; vận chuyển hành khách; tổ chức cuộc du lịch.

Nhóm 41: Dịch vụ giải trí; tổ chức triển lãm văn hóa hoặc giáo dục; sắp xếp và tổ chức hội thảo; dịch vụ câu lạc bộ giải trí hoặc giáo dục; tổ chức các cuộc thi thể thao; huấn luyện tập thể dục; cho thuê trang thiết bị dùng cho thể thao; cho thuê dụng cụ thể thao (trừ xe cộ).

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn; nhà hàng ăn uống; dịch vụ cung cấp đồ ăn, thức uống.

---

(111) **4-0167160**
(210) 4-2004-11519
(181) 25.10.2014
(450) 25.08.2011 281
(540)

O2 XPHONE

(151) 06.07.2011
(220) 25.10.2004

(731) O2 HOLDINGS LIMITED (GB)
Wellington Street, Slough, Berkshire, SL1 1YP, United Kingdom
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Thiết bị truyền âm thanh và hình ảnh; thiết bị viễn thông; thiết bị viễn thông di động; thiết bị cầm tay viễn thông di động; phần cứng máy vi tính; phần mềm máy vi tính; phần mềm máy vi tính có thể tải xuống từ Internet; máy tính cá nhân dùng kỹ thuật số; máy vi tính cá nhân bỏ túi, điện thoại di động, máy vi tính xách tay; thiết bị mạng viễn thông; phần mềm điều khiển mạng viễn thông và cho thiết bị viễn thông; phần mềm máy tính được ghi trên đĩa CD, thẻ nhớ bảo mật kỹ thuật số, linh kiện và phụ kiện cho tất

cả các thiết bị nói trên; các xuất bản phẩm điện tử có thể tải xuống được; bảng báo giá điện tử có thể tải xuống được; bảng báo giá điện tử có thể tải xuống được liên quan đến viễn thông.

Nhóm 38: Các dịch vụ viễn thông; các dịch vụ viễn thông di động; các dịch vụ về cổng viễn thông; các dịch vụ về cổng internet; dịch vụ mạng viễn thông di động; dịch vụ truy cập internet; cung cấp dịch vụ ứng dụng; dịch vụ thư điện tử và nhắn tin, dịch vụ hỗ trợ liên quan đến mạng viễn thông và thiết bị viễn thông; dịch vụ giám sát liên quan đến mạng viễn thông và thiết bị viễn thông; dịch vụ cung cấp thông tin và tư vấn liên quan đến các dịch vụ nói trên.

Nhóm 41: Giáo dục; cung cấp các loại hình đào tạo; giải trí; các dịch vụ giải trí tương tác; các dịch vụ trò chơi điện tử cung cấp qua các mạng truyền thông; các dịch vụ cung cấp thông tin và giải trí cung cấp qua các mạng viễn thông; các hoạt động thể thao và văn hóa; cung cấp tin tức liên quan đến giáo dục và giải trí; dịch vụ cung cấp thông tin và tư vấn liên quan đến các dịch vụ nói trên.

---

(111) **4-0167161**
(210) 4-2010-25023
(181) 29.11.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Masstel

(151) 06.07.2011
(220) 29.11.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN MASSCOM VIỆT NAM (VN)
Số 19, ngõ 109 Cầu Giấy, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Điện thoại.

---

(111) **4-0167162**
(210) 4-2010-16482
(181) 04.08.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Kyo-Kyo

(151) 06.07.2011
(220) 04.08.2010

(731) CÔNG TY TNHH POLYCOM VIỆT NAM (VN)
Phòng 202, khu văn phòng NCC, 87 Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 30: Bánh mì, bánh, kẹo.

---

(111) **4-0167163**
(210) 4-2010-26948
(181) 21.12.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 21.12.2010

(531) 24.9.1; 26.1.2; A8.1.10; 5.7.3
(591) Đỏ, nâu, nâu nhạt, vàng nâu, vàng nhạt, vàng, vàng đậm, da cam, xanh dương, xanh dương nhạt, xanh dương đậm, trắng, trắng ngà
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ (VN)
141 Nguyễn Du, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bánh ngọt, mặn; kẹo; mứt kẹo; chè (trà); cà phê; bột ngũ cốc.

---

(111) **4-0167164**
(210) 4-2010-11314
(181) 26.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 26.05.2010

(531) 5.5.1; A5.5.21; A3.13.6
(731) ĐÀO NGUYÊN HUYỀN TRANG (VN)
8.09 chung cư Miếu Nổi, phường 3, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Quản lý kinh doanh việc biểu diễn của nghệ sỹ.

Nhóm 41: Dịch vụ giải trí; sản xuất chương trình biểu diễn; biểu diễn âm nhạc; tổ chức sự kiện văn hóa.

---

(111) **4-0167165**
(210) 4-2008-09140
(181) 29.04.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

METRON

(151) 06.07.2011
(220) 29.04.2008

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT-NHẬP KHẨU KHẢI PHÀM (VN)
745 Lũy Bán Bích, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Mua bán: máy chấm công, thẻ chấm công, máy đếm tiền, máy hủy giấy, máy quan sát camera, hệ thống truy cập cửa.

---

(111) **4-0167166**
(210) 4-2010-11353
(181) 27.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 27.05.2010

(531) 26.3.4; A25.7.22; 18.3.23
(731) CÔNG TY TNHH YẾN HẢI THANH (VN)
18/5 Ông Ích Khiêm, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 29: Bò tẩm gia vị; mực tẩm gia vị; cá tẩm gia vị.

---

(111) **4-0167167**
(210) 4-2010-11397
(181) 27.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 27.05.2010

(531) A24.17.12; 26.4.1; 26.13.25
(591) Xanh lá cây, trắng.
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH SA GO (VN)
233/27 đường Trục, phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn Sở hữu trí tuệ á Đông (A ĐÔNG IP CONSULTANCY CO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Tivi; đầu đĩa; loa; ampli.

---

(111) **4-0167168**
(210) 4-2010-11419
(181) 27.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

CONTOFEL

(151) 06.07.2011
(220) 27.05.2010

(531) 4.5.2; 4.5.3; 7.1.1; 6.1.1
(731) LLOYD LABORATORIES INC. (PH)
10 Lloyd Avenue, F.B.I.C, Tikay, Malolos, Bulacan, Philippines
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167169**
(210) 4-2010-11474
(181) 28.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

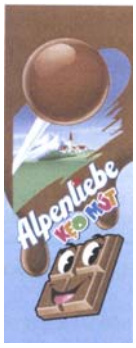

(151) 06.07.2011
(220) 28.05.2010

(531) 4.5.2; 4.5.3; 7.1.1; 6.1.1; 26.1.1; A8.1.20; A8.1.22; 8.1.19
(591) Trắng, đen, xanh lá cây, xanh nước biển, xanh dương, đỏ, vàng đậm, nâu, hồng
(731) PERFETTI VAN MELLE S.P.A. (IT)
Via XXV Aprile, 7-20020 Lainate (MI) - Italy
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Bánh kẹo; kẹo cao su có thể thổi bóng; kẹo cao su; kẹo sô cô la; kẹo cà phê; kẹo ca cao; kẹo cao su tẩm đường; kẹo cứng; kẹo ca-ra-men; kẹo bạc hà; kẹo hình giọt nước; kẹo gôm hình giọt nước; thạch (bánh kẹo); kẹo que; bánh ngọt; đường; kẹo; kẹo bơ cứng; kẹo cam thảo; kẹo có mùi thơm.

---

(111) **4-0167170**
(210) 4-2010-09778
(181) 10.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

LIPOMED

(151) 06.07.2011
(220) 10.05.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI THANH DANH (VN)
749/14/4 Huỳnh Tấn Phát, phường Phú Nhuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167171**
(210) 4-2010-09779
(181) 10.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ACIPHEXA

(151) 06.07.2011
(220) 10.05.2010

(531) 26.4.3; 26.4.7; 26.1.2; 26.7.25
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI THANH DANH (VN)
749/14/4 Huỳnh Tấn Phát, phường Phú Nhuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167172**
(210) 4-2010-09798
(181) 10.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

LOLITA

(151) 06.07.2011
(220) 10.05.2010

(731) LOLITA S.A. (UY)
Río Negro 1338 - 1er. Piso Montevideo - Uruguay.
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Hỗ trợ điều hành doanh nghiệp thương mại hoặc công nghiệp nhằm mục tiêu bán lẻ; giới thiệu sản phẩm; phân phát hàng mẫu; tổ chức triển lãm nhằm mục đích thương mại hoặc quảng cáo; đại lý nhập khẩu, xuất khẩu; quản lý thương mại về li-xăng sản phẩm và dịch vụ của người khác.

---

(111) **4-0167173**
(210) 4-2010-09838
(181) 11.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 06.07.2011
(220) 11.05.2010

(531) 26.4.3; 26.4.7; 26.1.2; 26.7.25
(591) Đen, trắng, xám
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN HOÀNG GIA (VN)
Số A14-BT2, khu đô thị Mỹ Đình II, Từ Liêm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 36: Kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng; tư vấn bất động sản; môi giới bất động sản; đấu giá bất động sản.

---

(111) **4-0167174**
(210) 4-2010-10170
(181) 13.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ZYLIMUS

(151) 06.07.2011
(220) 13.05.2010

(731) CADILA HEALTHCARE LTD. (IN)
"Zydus Tower". Satellite cross road, Ahmedabad 380015, India.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167175**
(210) 4-2010-10171
(181) 13.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ARTEZYD

(151) 06.07.2011
(220) 13.05.2010

(731) CADILA HEALTHCARE LTD. (IN)
"Zydus Tower". Satellite cross road, Ahmedabad 380015, India.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167176**
(210) 4-2010-10172
(181) 13.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ZYNOPAEN

(151) 06.07.2011
(220) 13.05.2010

(731) CADILA HEALTHCARE LTD. (IN)
"Zydus Tower". Satellite cross road, Ahmedabad 380015, India.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167177**
(210) 4-2010-10175
(181) 13.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

PRIDORA

(151) 06.07.2011
(220) 13.05.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐẠI NAM (VN)
T.1 Hồng Lĩnh, cư xá Bắc Hải, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167178**
(210) 4-2010-10176
(181) 13.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

FENTIME

(151) 06.07.2011
(220) 13.05.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐẠI NAM (VN)
T.1 Hồng Lĩnh, cư xá Bắc Hải, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167179**
(210) 4-2010-10177
(181) 13.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

FENTANIA

(151) 06.07.2011
(220) 13.05.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐẠI NAM (VN)
T.1 Hồng Lĩnh, cư xá Bắc Hải, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167180**
(210) 4-2010-10178
(181) 13.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

APOLOVIS

(151) 06.07.2011
(220) 13.05.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐẠI NAM (VN)
T.1 Hồng Lĩnh, cư xá Bắc Hải, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167181**
(210) 4-2010-07190
(181) 08.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

3ALAW

(151) 07.07.2011
(220) 08.04.2010

(731) CÔNG TY LUẬT TNHH 3A (VN)
79 Đào Duy Anh, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 45: Dịch vụ pháp lý; dịch vụ tố tụng; dịch vụ đại diện pháp lý cho cá nhân và tổ chức.

---

(111) **4-0167182**
(210) 4-2010-05574
(181) 22.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Phòng khám phụ sản và nam học BTZ

(151) 07.07.2011
(220) 22.03.2010

(531) 24.17.15; 3.7.17
(731) LÊ THẾ VŨ (VN)
Số 16, ngõ 313 Quan Nhân, Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 44: Dịch vụ khám chữa bệnh chuyên khoa phụ sản; dịch vụ khám chữa bệnh chuyên khoa nam học; dịch vụ phân tích y tế liên quan đến điều trị ở người (xét nghiệm nước tiểu, siêu âm, tìm tế bào ung thư).

---

(111) **4-0167183**
(210) 4-2010-05755
(181) 23.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

AnVui
Đầu tư cùng phát triển

(151) 07.07.2011
(220) 23.03.2010

(531) 26.4.1; 26.3.2; 24.15.21
(591) Xanh dương sẫm, xanh lá cây, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ AN VUI (VN)
Lầu 8, tòa nhà SongDa Tower, 14B Kỳ Đồng, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Quảng cáo.

Nhóm 36: Dịch vụ bất động sản, cụ thể là: kinh doanh bất động sản; dịch vụ môi giới, định giá, quản lý bất động sản.

Nhóm 37: Xây dựng; thi công xây dựng công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, công trình giao thông.

Nhóm 39: Dịch vụ du lịch; dịch vụ tổ chức các tour du lịch sinh thái.

Nhóm 43: Dịch vụ kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ.

---

(111) **4-0167184**
(210) 4-2010-06355
(181) 30.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

HOANG LONG LAND

(151) 07.07.2011
(220) 30.03.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG (VN)
Tòa nhà Hoàng Long, số 68, đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

(511) Nhóm 36: Sàn giao dịch bất động sản (mua, bán, ký gửi: nhà và đất); thuê và cho thuê nhà ở; đầu tư vốn vào công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp; dịch vụ tài chính; môi giới bất động sản (nhà và đất).

Nhóm 40: Xử lý nước thải; xử lý khí thải; xử lý chất thải rắn.

---

(111) **4-0167185**
(210) 4-2010-06356
(181) 30.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

HOANG LONG REAL

(151) 07.07.2011
(220) 30.03.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG (VN)
Tòa nhà Hoàng Long, số 68, đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

(511) Nhóm 36: Sàn giao dịch bất động sản (mua, bán, ký gửi: nhà và đất); thuê và cho thuê nhà ở; đầu tư vốn vào công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp; dịch vụ tài chính; môi giới bất động sản (nhà và đất).

Nhóm 40: Xử lý nước thải; xử lý khí thải; xử lý chất thải rắn.

---

(111) **4-0167186**
(210) 4-2010-05237
(181) 18.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

DURANI

(151) 07.07.2011
(220) 18.03.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CÚC PHƯƠNG (VN)
353 Trường Chinh, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 06: Bồn chứa nước inox.

Nhóm 11: Máy nước nóng năng lượng mặt trời; máy lọc nước R.O; vòi sen; thiết bị vệ sinh.

---

(111) **4-0167187**
(210) 4-2010-05296
(181) 18.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ALLERBA

(151) 07.07.2011
(220) 18.03.2010

(731) RELIV HEALTHCARE INC (VG)
3rd Floor, Omar Hodge Building, Wickham Cay I, PO Box-362 Road Town, Tortola, British Virgin Islands
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167188**
(210) 4-2010-05877
(181) 24.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

len palace

(151) 07.07.2011
(220) 24.03.2010

(531) A25.7.5; 26.15.15; 26.5.1
(591) Đỏ, nâu, vàng, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÈN LỒNG ĐỎ (VN)
Số 135A-137-137A đường Hoàng Văn Thụ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

(511) Nhóm 41: Dịch vụ vui chơi giải trí, karaoke, tổ chức hội nghị.

Nhóm 43: Dịch vụ kinh doanh nhà hàng ăn uống, quán cà phê, khách sạn.

(111) **4-0167189**
(210) 4-2010-07110
(181) 07.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 07.07.2011
(220) 07.04.2010

(531) A11.3.4; 26.1.2; 5.5.8; A5.13.8
(591) Nâu, vàng đồng, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN NHÀ HÀNG THỰC PHẨM KI TA (VN)
41 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống; quán cà phê; quán ăn; cửa hàng ăn uống tự phục vụ.

---

(111) **4-0167190**
(210) 4-2010-05272
(181) 18.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BLUE BEACH

(151) 07.07.2011
(220) 18.03.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CHIÊU KỲ (VN)
Lô 19-20, B1.2, khu công trình Công Cộng, phường Bắc Mỹ An, Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 43: Nhà nghỉ, khách sạn, nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0167191**
(210) 4-2010-05450
(181) 19.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

LETROTAS

(151) 07.07.2011
(220) 19.03.2010

(731) INTAS PHARMACEUTICALS LTD (IN)
2nd Floor, Chinubhai Centre, Ashram Road, Ahmedabad 380 009, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167192**
(210) 4-2010-05451
(181) 19.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

O-PLAT

(151) 07.07.2011
(220) 19.03.2010

(731) INTAS PHARMACEUTICALS LTD (IN)
2nd Floor, Chinubhai Centre, Ashram Road, Ahmedabad 380 009, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167193**
(210) 4-2010-05452
(181) 19.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

PRATAS

(151) 07.07.2011
(220) 19.03.2010

(731) INTAS PHARMACEUTICALS LTD (IN)
2nd Floor, Chinubhai Centre, Ashram Road, Ahmedabad 380 009, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167194**
(210) 4-2010-07015
(181) 06.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 07.07.2011
(220) 06.04.2010

(731) BOHAE BREWERY CO., LTD. (KR)
15-bun ji, Dae an-dong, Mok po-si, Jeollanam-do, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 33: Rượu soju (rượu chưng cất của Hàn Quốc); rượu sa-kê; rượu tag-ju (rượu gạo); rượu mùi; rượu mơ Nhật Bản; rượu vang hoa quả; đồ uống chứa hoa quả (có cồn); rượu whisky; rượu Yakyongiu (rượu Hàn Quốc); rượu Trung Quốc.

---

(111) **4-0167195**
(210) 4-2010-07213
(181) 09.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 07.07.2011
(220) 09.04.2010

(531) 26.13.25; A26.11.12
(591) Đỏ, đen
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ ĐỈNH NÉT (VN)
104 Nguyễn Văn Cừ, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 09: Thiết bị xử lý dữ liệu (đầu đọc ổ cứng full HD).

---

(111) **4-0167196**
(210) 4-2010-07297
(181) 09.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 07.07.2011
(220) 09.04.2010

(531) 5.1.1; A5.1.16
(731) TAKASHIMA KABUSHIKI KAISHA (TAKASHIMA & CO., LTD.) (JP)
15-11, 1-chome, Ginza, Chuo-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 18: Túi đeo lưng; túi đựng quần áo dùng để đi du lịch; bao/túi nhỏ bằng da dùng để bao gói; túi dùng cho người cắm trại; túi dùng cho người leo núi; túi xách tay; túi xách dành cho phụ nữ; ba lô; hòm du lịch và túi du lịch; túi/hộp đựng chìa khóa bằng da; cặp tài liệu; cặp dùng cho học sinh; ví dùng cho nam; ô/dù/lọng.

Nhóm 25: Quần áo, tã lót cho trẻ (trang phục); bộ quần áo tắm; áo mưa; lễ phục dùng cho các buổi lễ hóa trang; giầy đá bóng; đồ đi chân (trang phục); mũ; hàng dệt kim; găng tay (trang phục); khăn choàng cổ của phụ nữ; thắt lưng (trang phục); áo choàng lễ; khăn/dải quàng vai/thắt lưng; khăn trùm đầu; dải áo thầy dòng (vắt ở tay khi làm lễ); mũ tắm; áo cưới; đồ đội đầu (trang phục); mũ che tai (trang phục); quần áo cho người đi xe đạp; khăn rằn/khăn tay lớn in hoa sặc sỡ; quần đùi; quần tắm của nam; quần áo dùng đi biển; giầy dùng ở bãi biển; mũ bê rê; ủng/giầy; ủng/giầy dùng trong thể thao; dây đeo quần; quần ống túm (trang phục); mũ lưỡi trai (đồ đội đầu); quần áo da; áo choàng ngoài; áo bành tô/áo khoác ngoài; mũ trùm đầu (trang phục); áo vét (trang phục); áo nịt len (trang phục); áo sơ mi cộc tay chui đầu; hàng đan (trang phục); áo khoác mặc ngoài quần áo khác/áo làm việc; áo ba đờ xuy; quần áo ngủ; quần lót/quần đùi/quần chẽn; áo pacca; áo sợi đan chui đầu (áo pulove); dép; áo sơ mi; giầy (trang phục); bít tất ngắn cổ; áo nịt len thể thao; giầy thể thao; dải đeo của quần/tất; áo len dài tay; quần dài; quần áo lót; quần áo lót mặc bên trong; áo gi lê.

---

(111) **4-0167197**
(210) 4-2010-07299
(181) 09.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 07.07.2011
(220) 09.04.2010

(531) A5.3.15
(591) Vàng, xanh lá cây.
(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NGÂN HÀ (VN)
Nhà N1-2, số 89, phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng có mục đích y tế.

---

(111) **4-0167198**
(210) 4-2010-07497
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

WOODSLAND

(151) 07.07.2011
(220) 12.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN WOODSLAND (VN)
Lô 11, khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 19: Cửa gỗ; cửa nhựa; ván sàn; vật liệu xây dựng phi kim loại.

Nhóm 20: Tủ bếp; đồ gỗ trang trí nội thất; đồ gỗ trang trí ngoại thất bao gồm: giường, tủ, bàn, ghế thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0167199**
(210) 4-2010-07498
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

EUREKA

(151) 07.07.2011
(220) 12.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN WOODSLAND (VN)
Lô 11, khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 19: Cửa gỗ; cửa nhựa; ván sàn; vật liệu xây dựng phi kim loại.

Nhóm 20: Tủ bếp; đồ gỗ trang trí nội thất; đồ gỗ trang trí ngoại thất bao gồm: giường, tủ, bàn, ghế thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0167200**
(210) 4-2010-07499
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

RUSLAN

(151) 07.07.2011
(220) 12.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN WOODSLAND (VN)
Lô 11, khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 19: Cửa gỗ; cửa nhựa; ván sàn; vật liệu xây dựng phi kim loại.

Nhóm 20: Tủ bếp; đồ gỗ trang trí nội thất; đồ gỗ trang trí ngoại thất bao gồm: giường, tủ, bàn, ghế thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0167201**
(210) 4-2010-03633
(181) 26.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

GOLEMA

(151) 07.07.2011
(220) 26.02.2010

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT MỸ PHẨM PHƯỚC SƠN (VN)
311/23 Dương Bá Trạc, phường 1, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH một thành viên Trường Luật (CÔNG TY TRUONG LUAT)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0167202**
(210) 4-2010-03775
(181) 02.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 07.07.2011
(220) 02.03.2010

(531) A26.11.12
(591) Đen, trắng, xanh lá, đỏ, xanh dương nhạt, xanh dương đậm
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN JINWOO ELECTRONICS VINA (VN)
Lô 94, đường 5, khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, xã An Tịnh, huyện Tràng Bản, tỉnh Tây Ninh

(511) Nhóm 11: Tủ lạnh.

Nhóm 35: Mua bán tủ lạnh.

Nhóm 37: Lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng tủ lạnh.

---

(111) **4-0167203**
(210) 4-2010-03630
(181) 26.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Becomtalex

(151) 07.07.2011
(220) 26.02.2010

(731) CÔNG TY TNHH HIỆP PHONG (VN)
Số 42 lô F, tổ 9, tập thể Tạp Chí Văn Hoá Nghệ Thuật, Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế; thực phẩm dùng cho trẻ sơ sinh; sữa dùng cho trẻ sơ sinh; thực phẩm dùng cho bà mẹ đang cho con bú (tác dụng lợi sữa và dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0167204**
(210) 4-2010-03635
(181) 26.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 07.07.2011
(220) 26.02.2010

(731) TAHITIAN NONI INTERNATIONAL, INC (US)
333 West River Park Drive, Provo, Utah 84604, U.S.A
(740) Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu (SAO BẮC ĐẨU IP COM.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Vitamin, khoáng chất, chất bổ sung cho chế độ ăn kiêng và chất bổ sung dinh dưỡng, chất bổ sung protein, chất bổ sung chất xơ và sữa dưỡng da có chứa thuốc.

Nhóm 32: Đồ uống dinh dưỡng và cho chế độ ăn kiêng có thành phần chính là hoa quả, nước có ga, nước ép trái cây, nước khoáng (đồ uống), nước ép trái cây có ga, nước giải khát cola, nước ép trái cây dạng cô đặc, nước ép rau quả, nước ép trái cây tổng hợp, nước ép trái cây dạng bột, đồ uống khi chơi thể thao, xi-rô để làm đồ uống trái cây.

---

(111) **4-0167205**
(210) 4-2010-03677
(181) 27.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Hurom

(151) 07.07.2011
(220) 27.02.2010

(731) YOUNG KI KIM (KR)
265-2, Cheongcheon-ri, Jillye-myeon, Gimhae-si, Gyeongsangnam-do, 621-884 Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 07: Máy xử lý rác; máy nén rác; máy móc, cụ thể là: máy ép rau quả; máy xay thức ăn chạy điện dùng cho gia đình; máy nghiền dùng cho gia đình; máy quay khô quần áo; máy trộn thức ăn dùng cho gia đình; máy chế biến thức ăn điện tử; máy ép dầu; máy ép chạy điện dùng cho gia đình; cối xay cà phê, không thao tác bằng tay.

(111) **4-0167206**
(210) 4-2010-03981
(181) 03.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

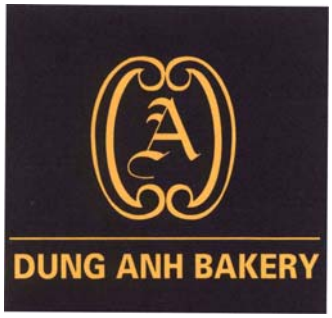

(151) 07.07.2011
(220) 03.03.2010

(531) 8.1.8; 25.1.25; 26.1.2
(591) Vàng nhạt, đen
(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ BÁNH MỲ - BÁNH NGỌT (VN)
Số 150, tổ 27, khu 2, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

(511) Nhóm 30: Bánh mỳ; bánh ngọt; bánh mứt; kem lạnh; tương hạt cải; dấm.

---

(111) **4-0167207**
(210) 4-2010-02467
(181) 03.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 07.07.2011
(220) 03.02.2010

(531) 26.2.7
(731) ĐỒNG VĂN TÝ (VN)
172 Nguyễn Khị Minh Khai, phường An Bình, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk

(511) Nhóm 30: Cà phê bột.

---

(111) **4-0167208**
(210) 4-2010-02590
(181) 05.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ENZYVI

(151) 07.07.2011
(220) 05.02.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHỆ VÀ DƯỢC PHẨM ZORRO (VN)
Nhà số 19, ngách 93/5, ngõ 93 (tổ 12), phố Giáp Nhị (phường Thịnh Liệt), quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167209**
(210) 4-2010-02591
(181) 05.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

GLUSUNFAT

(151) 07.07.2011
(220) 05.02.2010

(731) XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM 150 (VN)
112 Trần Hưng Đạo, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167210**
(210) 4-2010-02593
(181) 05.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

THYMOROSIN

(151) 07.07.2011
(220) 05.02.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VÀ THIẾT BỊ Y TẾ AN VIỆT (VN)
Số 5, ngách 45/1295, ngõ 1295, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167211**
(210) 4-2010-02594
(181) 05.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

HELMIRANDIL

(151) 07.07.2011
(220) 05.02.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM ĐÔNG ĐÔ (VN)
Số 186 Nguyễn Tuân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167212**
(210) 4-2010-02595
(181) 05.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ARGINCAT

(151) 07.07.2011
(220) 05.02.2010

(731) PHIL-INTERNATIONAL CO.,LTD. (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167213**
(210) 4-2010-02596
(181) 05.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

LYMKIN

(151) 07.07.2011
(220) 05.02.2010

(731) PHIL-INTERNATIONAL CO.,LTD. (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167214**
(210) 4-2010-02597
(181) 05.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

TICONET

(151) 07.07.2011
(220) 05.02.2010

(731) PHIL-INTERNATIONAL CO.,LTD. (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167215**
(210) 4-2010-04070
(181) 04.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

RELISPRAY

(151) 07.07.2011
(220) 04.03.2010

(531) A1.5.3; 25.1.6
(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỔI MỚI CUỘC SỐNG (VN)
148A Lý Chính Thắng, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167216**
(210) 4-2010-04071
(181) 04.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

MISTDRESS

(151) 07.07.2011
(220) 04.03.2010

(531) A1.5.3; 25.1.6
(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỔI MỚI CUỘC SỐNG (VN)
148A Lý Chính Thắng, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167217**
(210) 4-2010-04136
(181) 05.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 07.07.2011
(220) 05.03.2010

(531) A1.5.3; 25.1.6
(591) Nâu, đỏ, trắng, vàng
(731) HUỲNH HỒNG (VN)
Xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(511) Nhóm 30: Cà phê.

---

(111) **4-0167218**
(210) 4-2010-04271
(181) 08.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

TARFEMAX

(151) 07.07.2011
(220) 08.03.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM DO HA (VN)
Số 30, tập thể Trần Phú, ngõ 105, đường Nguyễn Phong Sắc, tổ 16, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167219**
(210) 4-2010-04272
(181) 08.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

TARIFE

(151) 07.07.2011
(220) 08.03.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM DO HA (VN)
Số 30, tập thể Trần Phú, ngõ 105, đường Nguyễn Phong Sắc, tổ 16, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167220**
(210) 4-2010-03413
(181) 24.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

PebLok

(151) 07.07.2011
(220) 24.02.2010

(731) P.E.B INDOCHINA LTD. (CY)
Maximos Court, Block B', 5th Floor, Leontiou N Street, Limassol Cyprus
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 06: Kết cấu thép dùng trong xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp, xây dựng trong lĩnh vực dầu khí, xây dựng trong lĩnh vực viễn thông, xây dựng trong lĩnh vực giao thông và đóng tàu; nhà thép tiền chế.

---

(111) **4-0167221**
(210) 4-2010-00070
(181) 04.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BDRANOL

(151) 07.07.2011
(220) 04.01.2010

(731) BDR PHARMACEUTICALS INTERNATIONAL PVT. LTD (IN)
407/408 Sharda Chamber, New Marine Lines, Mumbai 400 020, India
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167222**
(210) 4-2010-08750
(181) 26.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 07.07.2011
(220) 26.04.2010

(531) A5.5.21; 25.3.1
(591) Đỏ, xanh lá cây, xanh lá cây đậm, đen, trắng.
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI MỸ PHẨM VIỆT (VN)
188/1 khu phố 2, quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Mặt nạ dưỡng da; sữa rửa mặt; sữa tắm, kem dưỡng da; gel massage (mỹ phẩm dạng gel dùng để xoa bóp); gel dưỡng da (mỹ phẩm dạng gel dùng để dưỡng da).

---

(111) **4-0167223**
(210) 4-2010-08751
(181) 26.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 07.07.2011
(220) 26.04.2010

(531) 3.7.10; 26.11.2; 26.1.1
(591) Xanh dương, vàng, trắng.
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÂN MỸ HƯNG (VN)
50 Trương Định, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán thực phẩm; mua bán hàng thủy sản; mua bán các sản phẩm từ thủy sản.

Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0167224**
(210) 4-2010-08754
(181) 26.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

SANTA EMA

(151) 07.07.2011
(220) 26.04.2010

(731) VINOS SANTA EMA S.A (CL)
Izaga 1096, Isla de Maipo, Chile
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 33: Rượu.

---

(111) **4-0167225**
(210) 4-2010-08677
(181) 26.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

EREC FAST

(151) 07.07.2011
(220) 26.04.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HIỀN VĨ (VN)
Số nhà 25B, ngõ 123, phố Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược (trừ thuốc gây nghiện).

---

(111) **4-0167226**
(210) 4-2010-08390
(181) 21.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 07.07.2011
(220) 21.04.2010

(531) A5.11.13
(591) Xanh lá cây đậm, xanh lá mạ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM THẾ GIỚI VIỆT (VN)
Lô E, đường số 6 khu công nghiệp Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
(740) Công ty Luật TNHH Tư vấn Quốc tế (IC)

(511) Nhóm 29: Rau, củ, trái cây muối chua ngọt (không sử dụng dưới dạng gia vị); mứt trái cây (ướt); trái cây sấy khô; trái cây đông lạnh.

---

(111) **4-0167227**
(210) 4-2010-01360
(181) 21.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

MINUTE MAID NUTRI NGON-KHỎE

(151) 07.07.2011
(220) 21.01.2010

(731) THE COCA-COLA COMPANY (US)
One Coca-Cola Plaza, Atlanta, Georgia 30313, USA
(740) Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu (SAO BẮC ĐẨU IP COM.,LTD.)

(511) Nhóm 32: Bia, bia ale, bia đen; nước khoáng (giải khát), nước uống có ga và các đồ uống không chứa cồn khác, xi rô và chế phẩm để làm đồ uống.

---

(111) **4-0167228**
(210) 4-2010-08882
(181) 27.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 07.07.2011
(220) 27.04.2010

(531) 26.13.25
(731) CÔNG TY TNHH MÂN NGHI (VN)
3A - 3B Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 43: Dịch vụ quầy rượu, quán cà phê, nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0167229**
(210) 4-2010-01317
(181) 20.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

NECROVI

(151) 07.07.2011
(220) 20.01.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHỆ SINH HỌC DƯỢC NA NO GEN (VN)
Lô I - 5C khu công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167230**
(210) 4-2010-01512
(181) 22.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 07.07.2011
(220) 22.01.2010

(531) 2.9.8; A24.17.12; A24.17.11; A20.1.3
(591) Vàng, cam, xanh đậm, đỏ.
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HOÁ NHÂN VĂN (VN)
Số 01 Trường Chinh, phường 11, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 16: Ấn phẩm (sản phẩm in).

---

(111) **4-0167231**
(210) 4-2010-01513
(181) 22.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 07.07.2011
(220) 22.01.2010

(531) 1.5.1
(591) Xanh đậm, đỏ sen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HOÁ NHÂN VĂN (VN)
Số 01 Trường Chinh, phường 11, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 09: Thiết bị dịch thuật điện tử bỏ túi.

Nhóm 16: ấn phẩm, đồ dùng giảng dạy và học tập.

---

(111) **4-0167232**
(210) 4-2010-01514
(181) 22.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 07.07.2011
(220) 22.01.2010

(531) 26.2.7
(591) Cam, đỏ sen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HOÁ NHÂN VĂN (VN)
Số 01 Trường Chinh, phường 11, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 09: Thiết bị điện tử dịch thuật; thiết bị điện tử dùng kèm theo sách để phát ra âm thanh.

---

(111) **4-0167233**
(210) 4-2010-08696
(181) 26.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 07.07.2011
(220) 26.04.2010

(531) 26.1.1
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHONG PHÚ (VN)
Đường Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 25: Quần áo may sẵn.

---

(111) **4-0167234**
(210) 4-2010-09674
(181) 07.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

TROYCURIUM

(151) 07.07.2011
(220) 07.05.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ THIÊN ĐAN (VN)
90A/D19 Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167235**
(210) 4-2010-10039
(181) 12.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ĐÔNG THÀNH

(151) 07.07.2011
(220) 12.05.2010

(731) CAO VĂN BÌNH (VN)
ấp Hưng Thạnh, xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai

(511) Nhóm 29: Nước mắm các loại.

---

(111) **4-0167236**
(210) 4-2010-08450
(181) 21.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

LYSOBIO

(151) 07.07.2011
(220) 21.04.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN FLAVON VIỆT NAM (VN)
Xóm 8, thôn Thị Cấm, xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167237**
(210) 4-2010-08455
(181) 21.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ILLCEXIM

(151) 07.07.2011
(220) 21.04.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI THĂNG LONG (VN)
Số 27 đường Quốc Bảo, Tam Hiệp, Thanh Trì, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0167238**
(210) 4-2010-08458
(181) 21.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

SARLOTINIB

(151) 07.07.2011
(220) 21.04.2010

(531) 26.1.1
(731) SAREEN PHARMA PVT LTD (IN)
B/2103, Tharwani Heights, Palm Beach Road, Sector 18, Sanpada, Navi Mumbai 400705, India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167239**
(210) 4-2010-09710
(181) 07.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

HLN NEWS AND VIEWS

(151) 07.07.2011
(220) 07.05.2010

(731) CABLE NEWS NETWORK, INC. (US)
One CNN Center, Atlanta, Georgia 30303, United States of America
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 41: Các dịch vụ giải trí, cụ thể là cung cấp các chương trình đa truyền thông đang xảy ra trong lĩnh vực tin tức và các sự kiện đang xảy ra được phân phối thông qua các công nghệ khác nhau trên đa phương tiện truyền thông.

---

(111) **4-0167240**
(210) 4-2010-09774
(181) 10.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

HYDRICAM

(151) 07.07.2011
(220) 10.05.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN FLAVON VIỆT NAM (VN)
Xóm 8, thôn Thị Cấm, xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167241**
(210) 4-2010-06056
(181) 25.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 07.07.2011
(220) 25.03.2010

(531) 26.3.1; 3.7.17; 26.13.25
(591) Vàng, đỏ, xanh dương, xanh da trời đậm, đen, trắng, ghi nhạt
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU DẦU NHỚT TRƯỜNG THÀNH (VN)
B817 lầu 8 trung tâm thương mại An Bình, ấp Bình Đường, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 04: Dầu nhờn (dầu nhớt).

---

(111) **4-0167242**
(210) 4-2010-06193
(181) 26.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 07.07.2011
(220) 26.03.2010

(531) 24.17.5
(591) Xanh dương, đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI PHÚ THỦY (VN)
A3/9A Nguyễn Cửu Phú, ấp 1, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 12: Phụ tùng xe máy cụ thể là: săm (ruột); lốp (vỏ); nan hoa (căm); cần số; cần phanh (cần thắng, đạp thắng); giò đạp (cần để nối bàn đạp).

---

(111) **4-0167243**
(210) 4-2010-06231
(181) 29.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 07.07.2011
(220) 29.03.2010

(531) 3.7.6; A26.11.13
(591) Đỏ, ghi xám, vàng, trắng.
(731) HỘ KINH DOANH CƠ SỞ THIÊN QUYÊN NGA (VN)
51R cư xá Phú Lâm D, phường 10, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán: bột, bột dùng để làm bánh, bột mì, bột năng, bột gạo, bún khô, mì khô, bột ngũ cốc, gia vị.

---

(111) **4-0167244**
(210) 4-2010-06232
(181) 29.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 07.07.2011
(220) 29.03.2010

(531) 15.7.1; A18.4.2; 19.3.1; 26.15.11
(591) Đỏ, vàng, xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG ĐẠO CONTAINER (VN)
105/9B Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 39: Bốc xếp, vận tải hàng hóa bằng container; đại lý giao nhận, vận tải hàng hóa trong và ngoài nước; cho thuê kho bãi, cho thuê container.

---

(111) **4-0167245**
(210) 4-2010-06235
(181) 29.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 07.07.2011
(220) 29.03.2010

(531) 26.11.3
(731) ĐOÀN MINH TRÍ (VN)
48/5B, KP2, đường Tô Ký, phường Trung Mỹ Tây, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 25: Quần áo may sẵn.

---

(111) **4-0167246**
(210) 4-2010-06936
(181) 06.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

PM NATALPRO+

(151) 07.07.2011
(220) 06.04.2010

(531) 24.13.1; 24.17.5
(731) MAX BIOCARE PTY LTD. (AU)
McMillans Melbourne, Suite 1, 657 Chapel Street, South Yarra, VIC 3141, Australia
(740) Công ty cổ phần tư vấn Trung Thực (TRUNG THUC.,JSC)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thực phẩm chức năng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0167247**
(210) 4-2010-06857
(181) 05.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

HD Shusendal

(151) 07.07.2011
(220) 05.04.2010

(731) TRẦN HƯNG (VN)
103/19 Văn Thân, phường 8, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo, giày, dép.

---

(111) **4-0167248**
(210) 4-2010-06037
(181) 25.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ABAFMEN

(151) 07.07.2011
(220) 25.03.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM THIÊN KHÁNH (VN)
Lô D5A Tân Kiên-Bình Lợi, khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167249**
(210) 4-2010-06038
(181) 25.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ABAOMEN

(151) 07.07.2011
(220) 25.03.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM THIÊN KHÁNH (VN)
Lô D5A Tân Kiên-Bình Lợi, khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167250**
(210) 4-2010-06050
(181) 25.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

STIMUS

(151) 07.07.2011
(220) 25.03.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHỆ SINH HỌC DƯỢC NA NO GEN (VN)
Lô I- 5C khu công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167251**
(210) 4-2010-06676
(181) 01.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

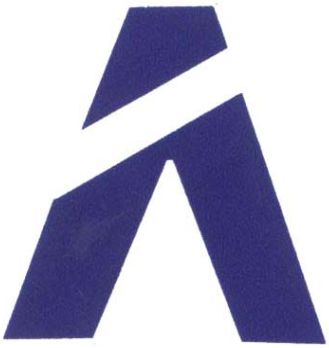

(151) 07.07.2011
(220) 01.04.2010

(531) 26.3.23; A26.11.9
(591) Xanh, trắng
(731) CÔNG TY TNHH TÍN NHÂN (VN)
15A Hoàng Hoa Thám, phường 6, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán xe ôtô, xe tải, xe khách, xe ủi, xe xúc, xe cẩu, xe đầu kéo, xe nâng hàng, xe gắn máy, hàng điện lạnh, đồ điện gia dụng, máy móc, nguyên vật liệu ngành in, ngành may mặc, giấy, hóa chất dùng cho ngành giấy, phụ tùng xe ôtô, xe máy các loại, phụ tùng tàu biển, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, nông thủy hải sản, lương thực, thực phẩm công nghệ; đại lý ký gửi hàng hóa.

Nhóm 39: Dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ; dịch vụ giao nhận hàng hóa; dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải; dịch vụ cho thuê kho bãi.

(111) **4-0167252**
(210) 4-2010-06677
(181) 01.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

TIN NHÂN

(151) 07.07.2011
(220) 01.04.2010

(531) A26.11.9; 26.3.23
(591) Xanh, trắng
(731) CÔNG TY TNHH TÍN NHÂN (VN)
15A Hoàng Hoa Thám, phường 6, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán xe ôtô, xe tải, xe khách, xe ủi, xe xúc, xe cẩu, xe đầu kéo, xe nâng hàng, xe gắn máy, hàng điện lạnh, đồ điện gia dụng, máy móc, nguyên vật liệu ngành in, ngành may mặc, giấy, hóa chất dùng cho ngành giấy, phụ tùng xe ôtô, xe máy các loại, phụ tùng tàu biển, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, nông thủy hải sản, lương thực, thực phẩm công nghệ; đại lý ký gửi hàng hóa.

Nhóm 39: Dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ; dịch vụ giao nhận hàng hóa; dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải; dịch vụ cho thuê kho bãi.

---

(111) **4-0167253**
(210) 4-2010-06250
(181) 29.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

GEMAN WINDOW

(151) 07.07.2011
(220) 29.03.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CỬA CUỐN ÚC VINH QUANG (VN)
Số 180 Tô Hiệu, phường Trại Cau, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 06: Cửa sổ bằng nhôm.

Nhóm 19: Cửa sổ bằng nhựa.

---

(111) **4-0167254**
(210) 4-2010-06893
(181) 05.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 07.07.2011
(220) 05.04.2010

(531) 26.1.2; 26.13.25
(591) Xanh da trời, trắng
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN LIÊN HẢO (VN)
Khu phố 5, thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Bột mủ trôm (được chế biến từ mủ cây trôm) dùng để làm nước giải khát.

Nhóm 35: Mua bán sản phẩm mủ trôm, hoạt động xúc tiến thương mại, hội chợ triển lãm thương mại.

---

(111) **4-0167255**
(210) 4-2010-06955
(181) 06.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

COPHACEFPO

(151) 07.07.2011
(220) 06.04.2010

(731) XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM 150 (VN)
112 Trần Hưng Đạo, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167256**
(210) 4-2010-06877
(181) 05.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

PASSILFORT

(151) 07.07.2011
(220) 05.04.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ANDA VIỆT NAM (VN)
62C Trần Quốc Toản, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167257**
(210) 4-2010-06953
(181) 06.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BEEZENCO

(151) 07.07.2011
(220) 06.04.2010

(731) BEEKEI CORPORATION (KR)
No.1941 Rose dale building, Suseo, Kangnam, Seoul, Korea.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167258**
(210) 4-2010-06954
(181) 06.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

OSALAMIDS

(151) 07.07.2011
(220) 06.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OSAKA (VN)
Phòng 210, nhà A1, khu tập thể 5 tầng, phường Quang Trung, quận Hà Đông, Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167259**
(210) 4-2010-06956
(181) 06.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ORAZIME

(151) 07.07.2011
(220) 06.04.2010

(731) XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM 150 (VN)
112 Trần Hưng Đạo, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167260**
(210) 4-2010-06959
(181) 06.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Cao Ban Long Đông Á

(151) 07.07.2011
(220) 06.04.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ĐÔNG Á (VN)
Số 13 lô 13A, phố Trung Hòa - khu đô thị mới Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167261**
(210) 4-2010-02439
(181) 03.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 07.07.2011
(220) 03.02.2010

(531) A5.5.21; 26.1.1
(591) Vàng, đỏ
(731) CƠ SỞ SẢN XUẤT BÁNH TRUNG THU NGŨ NHƠN (VN)
36 Tôn Đức Thắng, khóm 1, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bánh Trung Thu.

---

(111) **4-0167262**
(210) 4-2010-04316
(181) 08.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 07.07.2011
(220) 08.03.2010

(531) 26.3.23; 24.17.5
(591) Đỏ, đen, vàng, trắng
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI ĐỨC VIỆT (VN)
110 Trần Hữu Trang, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 01: Phân bón.

(111) **4-0167263**
(210) 4-2010-04234
(181) 08.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 07.07.2011
(220) 08.03.2010

(531) 3.9.16
(591) Vàng, trắng
(731) PHẠM THỊ TÂM ANH (VN)
061 - Block 7, cao ốc Mỹ Phước, Bùi Hữu Nghĩa, phường 2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán lương thực thực phẩm.

Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống; khách sạn; quán rượu (bar); quán giải khát.

---

(111) **4-0167264**
(210) 4-2010-04238
(181) 08.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Ninoclean

(151) 07.07.2011
(220) 08.03.2010

(731) CÔNG TY TNHH SƠN SO LI TE (VN)
29 Phan Đình Phùng, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 02: Sơn.

---

(111) **4-0167265**
(210) 4-2010-03378
(181) 24.02.2020
(300) 77891022 10.12.2009 US
(450) 25.08.2011 281
(540)

NEXUS ONE

(151) 07.07.2011
(220) 24.02.2010

(731) GOOGLE INC. (US)
1600 Amphitheatre Parkway, Mountain View, CA 94043, USA
(740) Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu (SAO BẮC ĐẨU IP COM.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Điện thoại di động.

---

(111) **4-0167266**
(210) 4-2010-03379
(181) 24.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

NEXUS ONE

(151) 07.07.2011
(220) 24.02.2010

(731) GOOGLE INC. (US)
1600 Amphitheatre Parkway, Mountain View, CA 94043, USA
(740) Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu (SAO BẮC ĐẨU IP COM.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Thiết bị ngoại vi điện thoại di động.

---

(111) **4-0167267**
(210) 4-2010-03699
(181) 01.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

SIDOBAC

(151) 07.07.2011
(220) 01.03.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ PHƯƠNG LÊ (VN)
A37 lô 12 đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167268**
(210) 4-2010-04035
(181) 04.03.2020
(300) 77/820276 04.09.2009 US
(450) 25.08.2011 281
(540)

NEUROCOMPLEX

(151) 07.07.2011
(220) 04.03.2010

(731) PETER THOMAS ROTH LABS, LLC (US)
460 Park Avenue, 16th Floor New York, NY 10022, USA
(740) Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu (SAO BẮC ĐẨU IP COM.,LTD.)

(511) Nhóm 03: Thành phần chăm sóc da không chứa thuốc dùng trong chế phẩm chăm sóc da.

---

(111) **4-0167269**
(210) 4-2010-04235
(181) 08.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

IONIFLASH MACH®

(151) 07.07.2011
(220) 08.03.2010

(531) 26.4.2
(591) Vàng, đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT MỸ PHÚC (VN)
92 Tôn Thất Hiệp, phường 13, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 09: Cột thu lôi chống sét.

---

(111) **4-0167270**
(210) 4-2010-04273
(181) 08.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

RABFESS

(151) 07.07.2011
(220) 08.03.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM DO HA (VN)
Số 30, tập thể Trần Phú, ngõ 105, đường Nguyễn Phong Sắc, tổ 16, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167271**
(210) 4-2010-00199
(181) 06.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

night lady

(151) 07.07.2011
(220) 06.01.2010

(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI THUẬN NAM ĐẠT (VN)
29 đường 4C, phường An Lạc A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 03: Sữa tắm; sữa rửa mặt; nước hoa; kem thoa mặt; kem dưỡng da.

---

(111) **4-0167272**
(210) 4-2010-02136
(181) 29.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

PROTON

(151) 07.07.2011
(220) 29.01.2010

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VĨNH AN (VN)
81 Chợ Lớn, phường 11, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán hàng trang trí nội ngoại thất, vật liệu xây dựng, máy cắt giấy trang trí (giấy decal), giá kệ, hộp đèn, giấy màu, mực in, máy móc thiết bị phù tùng ngành in.

---

(111) **4-0167273**
(210) 4-2010-03610
(181) 26.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

NOTAMI

(151) 07.07.2011
(220) 26.02.2010

(731) PHIL-INTERNATIONAL CO.,LTD. (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167274**
(210) 4-2010-03856
(181) 03.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Vietnam Industrial Parks
Investment World 2010

(151) 07.07.2011
(220) 03.03.2010

(531) 15.7.1; 1.5.1; 1.17.11
(591) Xanh nước biển đậm, xanh nước biển nhạt, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SAO KHUÊ (VN)
Phòng 606, Block B, Indochina Park Tower, số 4 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đakao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn ALIATLEGAL (ALIATLEGAL CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ quảng cáo; dịch vụ tư vấn tiếp thị; dịch vụ tư vấn quảng cáo trong lĩnh vực du lịch; dịch vụ xúc tiến thương mại; dịch vụ triển lãm vì mục đích thương mại.

---

(111) **4-0167275**
(210) 4-2010-03185
(181) 12.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ROGUE STATUS

(151) 07.07.2011
(220) 12.02.2010

(731) EASY COMPANY, LLC (US)
4050 East Greystone Drive, Ontario, California 91761, United States of America
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Quần áo; giầy dép; mũ nón.

---

(111) **4-0167276**
(210) 4-2010-01098
(181) 18.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

HOP THANH MOTOR

(151) 07.07.2011
(220) 18.01.2010

(531) 26.1.2; 18.1.21
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP THÀNH (VN)
Km 40+500, quốc lộ 5A, thôn Tràng Kỹ, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 12: Thùng xe ô tô; mui xe ô tô; la răng ô tô (vành ô tô); khung gầm xe ô tô; động cơ cho xe ô tô; xe ô tô.

Nhóm 35: Mua bán: xe ô tô và các bộ phận của xe ô tô, xe tải và các bộ phận của xe tải; đại lý xuất nhập khẩu xe ô tô và các bộ phận của xe ô tô, xe tải và các bộ phận của xe tải; dịch vụ giới thiệu sản phẩm.

---

(111) **4-0167277**
(210) 4-2010-02002
(181) 29.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 07.07.2011
(220) 29.01.2010

(531) 5.7.3; A3.7.24; 3.7.7; 25.5.25
(591) Xanh dương, xanh lá cây, vàng, trắng
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BỐN MÙA (VN)
37/247 R Quang Trung, phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán: phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.

---

(111) **4-0167278**
(210) 4-2010-00119
(181) 05.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BIONET

(151) 07.07.2011
(220) 05.01.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SINH HỌC BIONET VIỆT NAM (VN)
Số 12N1 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 01: Phân vi sinh; chế phẩm sinh học dùng trong các ngành nông nghiệp và nuôi trồng tảo, thủy sản; chế phẩm sinh học và hoá học dùng để giữ độ ẩm và các chất dinh dưỡng cho đất dùng trong nông nghiệp.

Nhóm 03: Mỹ phẩm.

Nhóm 29: Tảo đã qua chế biến để làm món ăn.

Nhóm 31: Thức ăn gia súc làm từ tảo.

Nhóm 44: Dịch vụ xét nghiệm ADN phục vụ cho việc xác định huyết thống và giám định hài cốt; dịch vụ tư vấn về chế độ dinh dưỡng.

---

(111) **4-0167279**
(210) 4-2010-00846
(181) 14.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

THYLDOXAL

(151) 07.07.2011
(220) 14.01.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN 3-BIGS (VN)
214 Khương Trung, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0167280**
(210) 4-2010-03734
(181) 01.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BELLEVUE

(151) 07.07.2011
(220) 01.03.2010

(731) CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH HƯƠNG (VN)
Số 15E Sơn Tây, phường Điện Biên Phủ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ câu lạc bộ sức khỏe (phòng tập thể dục); dịch vụ câu lạc bộ thể dục thể thao; dịch vụ giải trí.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn; dịch vụ nhà hàng ăn uống; dịch vụ quầy rượu (quầy bar); dịch vụ quán cà phê (do nhà hàng thực hiện); dịch vụ quán ăn nhanh (do nhà hàng thực hiện).

Nhóm 44: Dịch vụ chăm sóc sức khỏe; dịch vụ chăm sóc sắc đẹp; dịch vụ mỹ viện (beauty salon).

---

(111) **4-0167281**
(210) 4-2010-09191
(181) 29.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

TRUE RELIGION BRAND JEANS

(151) 07.07.2011
(220) 29.04.2010

(731) GURU DENIM INC. (DBA TRUE RELIGION BRAND JEANS) (US)
2263E. Vernon Avenue, Vernon, California 90058, United States of America
(740) Văn phòng Luật sư Ân Nam (ANNAM IP & LAW)

(511) Nhóm 25: Các phụ kiện, cụ thể là dây thắt lưng (phụ kiện quần áo), găng tay, ca vát, khăn quàng, dải buộc cổ tay; quần áo, cụ thể là áo thụng, quần áo lót, áo liền quần, váy dài nữ, quần áo bằng vải trúc bâu thô, đồ jean, áo thể thao cộc tay, áo liền quần trẻ em, áo liền quần, quần yếm, quần dài, áo sơ mi, quần yếm ngắn, quần soóc, váy, quần soóc kết hợp với váy, quần, áo vệ sinh, quần vệ sinh, áo chui đầu, áo lót dệt kim ngắn tay, áo không tay, áo chẽn, quần âu, áo gilê; đồ đội đầu cụ thể là mũ lưỡi trai, mũ vành, băng đô, nón; đồ đi chân cụ thể là bốt, dép quai hậu, giày dép đi trong nhà, giầy chơi quần vợt; trang phục riêng tư, cụ thể là áo choàng tắm, quần áo bơi và tập thể dục của phụ nữ, áo lót, quần áo lót bó, bộ quần áo lót, áo chùng, pijama, quần áo ngủ, bít tất, quần lót; đồ bơi, cụ thể là quần áo tắm, quần bơi, đồ tắm biển, bikini, áo choàng mặc đi bơi, đồ mặc lướt sóng; quần áo khoác ngoài, cụ thể là áo vét, áo khoác len, áo choàng, áo khoác ngoài, áo khoác ngoài dài, áo mưa, khăn choàng, áo khoác đờ mi.

Nhóm 35: Quảng cáo và khuyến mại hàng hóa và dịch vụ bằng thư điện tử và mạng internet; quảng cáo, tiếp thị và khuyến mại bán hàng trên truyền hình và thư tay; cung cấp dịch vụ mua bán tại nhà chào bán các loại hàng hóa đa dạng qua truyền hình; dịch vụ đặt hàng qua thư và catalô chào bán các loại hàng hóa phong phú và đa dạng; dịch vụ bán lẻ, dịch vụ bán lẻ trực tuyến; quảng cáo; quản lý kinh doanh; quản trị kinh doanh.

---

(111) **4-0167282**
(210) 4-2010-05171
(181) 17.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Fumlive

(151) 07.07.2011
(220) 17.03.2010

(731) YEVA THERAPEUTICS PVT. LTD. (IN)
108, Shiv Chambers, Plot No.21, C.B.D Sector 11, Belapur, New Bombay-400703, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0167283**
(210) 4-2010-05172
(181) 17.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Gluselem

(151) 07.07.2011
(220) 17.03.2010

(731) YEVA THERAPEUTICS PVT. LTD. (IN)
108, Shiv Chambers, Plot No. 21. C.B.D Sector 11, Belapur, New Bombay-400703, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0167284**
(210) 4-2010-05173
(181) 17.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Cimrinat

(151) 07.07.2011
(220) 17.03.2010

(731) YEVA THERAPEUTICS PVT. LTD. (IN)
108, Shiv Chambers, Plot No. 21. C.B.D Sector 11, Belapur, New Bombay-400703, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0167285**
(210) 4-2010-05174
(181) 17.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Mehydime

(151) 07.07.2011
(220) 17.03.2010

(731) YEVA THERAPEUTICS PVT. LTD. (IN)
108, Shiv Chambers, Plot No. 21. C.B.D Sector 11, Belapur, New Bombay-400703, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0167286**
(210) 4-2008-23405
(181) 30.10.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

MINH HƯNG
minh hung

(151) 07.07.2011
(220) 30.10.2008

(531) 26.13.25; 7.1.24
(591) Vàng, xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT MINH HƯNG (VN)
266/28 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán thiết bị - vật tư, phụ tùng ngành điện trung và hạ thế từ 35 KV trở xuống; mua bán hàng điện tử, máy lạnh, thiết bị dụng cụ y tế; mua bán thiết bị tin học, máy tính, thiết bị tổng đài điện thoại, thiết bị phát thanh và truyền hình, máy quay chụp (camera), thiết bị viễn thông; mua bán thiết bị phòng chống sét, thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị chống trộm; mua bán hàng trang trí ngoại thất.

---

(111) **4-0167287**
(210) 4-2008-11523
(181) 02.06.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 07.07.2011
(220) 02.06.2008

(531) 26.1.1; 26.3.1; 26.1.10; 26.3.23
(731) CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ PHỤ TÙNG AN PHÁT (VN)
Số 3, lô 13B, phố Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 07: Thiết bị bôi trơn, thiết bị làm lốp xe; thiết bị sửa chữa thân, vỏ xe; thiết bị lắp ráp ôtô, thiết bị làm sạch kim loại, thiết bị phun phủ bề mặt kim loại, thiết bị nâng hạ.

Nhóm 08: Lưỡi cưa, palăng các loại, kẹp nâng, kích nâng, dụng cụ tháo lắp cầm tay, dụng cụ sửa chữa ôtô xe máy.

Nhóm 09: Thiết bị đo độ dầy lớp phủ, thiết bị đo độ ẩm, thiết bị đo nhiệt độ; thiết bị kiểm tra lực, thiết bị đo lường, thiết bị kiểm tra ôtô.

---

(111) **4-0167288**
(210) 4-2008-24498
(181) 17.11.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 07.07.2011
(220) 17.11.2008

(531) 26.3.2; 26.15.15; 7.1.24
(591) Xanh đậm, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC MẠNH HÙNG (VN)
528 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 36: Bất động sản.

Nhóm 37: Xây dựng dân dụng và xây dựng công nghiệp; lắp đặt hệ thống điện - nước, điều hoà không khí, hệ thống bơm, đồ gỗ.

---

(111) **4-0167289**
(210) 4-2008-27550
(181) 30.12.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

CAESAR

(151) 07.07.2011
(220) 30.12.2008

(731) SANYANG INDUSTRY COMPANY LIMITED (TW)
3 Chung Hua Road, Hukou, Hsinchu, Taiwan
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 12: Xe mô tô, xe máy, xe ô tô, động cơ mô tô, động cơ xe máy, động cơ ô tô.

Nhóm 35: Mua bán, quảng cáo liên quan tới các sản phẩm ô tô, mô tô, xe máy và phụ tùng của chúng.

---

(111) **4-0167290**
(210) 4-2008-04864
(181) 12.03.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

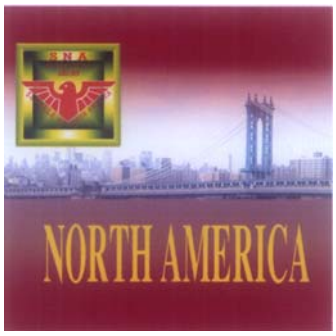

(151) 07.07.2011
(220) 12.03.2008

(531) 26.4.1; 26.15.15; 3.7.16; 3.7.1
(591) Đỏ, vàng, trắng, xanh rêu, xám
(731) 1. TRƯỜNG TIỂU HỌC DÂN LẬP BẮC MỸ (VN)
665-667-669 Điện Biên Phủ, phường 1, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
2. TRƯỜNG TRUNG HỌC DÂN LẬP BẮC MỸ (VN)
85 Ngô Thời Nhiệm, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 41: Dịch vụ giáo dục và đào tạo.

(111) **4-0167291**
(210) 4-2008-04866
(181) 12.03.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 07.07.2011
(220) 12.03.2008

(531) 26.4.1; 26.15.15; 3.7.16; 3.7.1
(591) Đỏ, vàng, trắng, xanh rêu, xám
(731) 1. TRƯỜNG TIỂU HỌC DÂN LẬP BẮC MỸ (VN)
665-667-669 Điện Biên Phủ, phường 1, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
2. TRƯỜNG TRUNG HỌC BẮC MỸ (VN)
85 Ngô Thời Nhiệm, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 41: Dịch vụ giáo dục và đào tạo.

---

(111) **4-0167292**
(210) 4-2008-25424
(181) 28.11.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 07.07.2011
(220) 28.11.2008

(531) 26.3.2; 26.3.1; A26.3.5; 26.3.4
(591) Vàng, xanh
(731) HIỆP HỘI DỆT MAY VIỆT NAM (VN)
Số 25, Bà Triệu, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế; tổ chức hội chợ thương mại, triển lãm các sản phẩm dệt may với mục đích thương mại hoặc quảng cáo, mở rộng giao lưu, quan hệ kinh doanh, tư vấn quản lý kinh doanh; nghiên cứu thị trường, hỗ trợ điều hành doanh nghiệp thương mại hoặc công nghiệp; dự báo kinh tế.

Nhóm 41: Dịch vụ tổ chức hội nghị, hội thảo chuyên đề về ngành dệt may; dịch vụ tổ chức hội nghị, hội thảo tập huấn, hoạt động đào tạo dạy nghề.

Nhóm 42: Dịch vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ, môi trường liên quan đến ngành dệt may, tư vấn chuyển giao công nghệ, nghiên cứu kỹ thuật về ngành dệt may.

(111) **4-0167293**
(210) 4-2008-17641
(181) 18.08.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

Hèn chi...

(151) 07.07.2011
(220) 18.08.2008

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHANG DUY (VN)
312 Trường Chinh, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh (DAITIN AND ASSOCIATES CO.,LTD)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế; chất ăn kiêng dùng trong ngành y; chế phẩm sinh học dùng cho mục đích y tế; thực phẩm dùng cho trẻ sơ sinh.

---

(111) **4-0167294**
(210) 4-2008-25129
(181) 25.11.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

HD Group
XÂY DỰNG ĐỂ TRƯỜNG TỒN

(151) 07.07.2011
(220) 25.11.2008

(531) 26.4.2; 26.4.9; 25.5.1; 25.5.25
(591) Vàng, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIẾN TRÚC HOÀNG DƯƠNG (VN)
Phòng 105, tổ 6 tập thể Địa Chất, phố Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trà và cộng sự (TRA & ASSOCIATES CO.,LTD)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ quảng cáo; dịch vụ mua bán và ký gửi hàng hóa; dịch vụ mua bán vật liệu, máy móc thiết bị xây dựng, thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị điện và điện tử; dịch vụ giới thiệu sản phẩm trên các phương tiện truyền thông; tổ chức triển lãm với mục đích thương mại hoặc quảng cáo;

---

(111) **4-0167295**
(210) 4-2008-25090
(181) 24.11.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

SM Alupack

(151) 07.07.2011
(220) 24.11.2008

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SM ALUPACK (VN)
Lô D12-2 khu công nghiệp Long Bình (Loteco), thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 16: Giấy lụa tráng nhôm.

---

(111) **4-0167296**
(210) 4-2008-25438
(181) 28.11.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 07.07.2011
(220) 28.11.2008

(531) 26.15.15; 26.13.25; 26.15.25
(591) Xanh lá cây, xanh nước biển, ghi
(731) PT ADARO ENERGY TBK (ID)
Menara Karya, 23rd Floor, Jl.H.R.Rasuna Said, Blok X-5 Kav. 1-2, Jakarta 12950, Indonesia
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ bán lẻ, dịch vụ bán buôn và dịch vụ xuất khẩu than đá và sản phẩm từ than đá, đại lý nhập khẩu và xuất khẩu, dịch vụ quản lý kinh doanh và tư vấn kinh doanh cho nhà thầu mỏ, báo giá, đấu thầu và phân phối (bán) các sản phẩm cho người khác, quảng cáo, quản lý kinh doanh, quản trị kinh doanh, cung cấp thông tin kinh doanh, dịch vụ kế toán, quản lý nhân sự văn phòng, quản lý hồ sơ đã được máy tính hóa.

---

(111) **4-0167297**
(210) 4-2008-25079
(181) 24.11.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 07.07.2011
(220) 24.11.2008

(591) Trắng, xanh dương
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN JAAN-E (VN)
Khu công nghiệp Hố Nai, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 12: Má phanh (bố thắng) sử dụng cho các loại xe ô tô, xe gắn máy, xe đạp.

---

(111) **4-0167298**
(210) 4-2008-25619
(181) 03.12.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 07.07.2011
(220) 03.12.2008

(531) 26.1.10; 26.1.1; 26.3.1; A1.1.10; A1.1.2; A25.7.21
(591) Trắng, xanh dương, xanh lá cây, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG (VN)
430-432-434 đường 3/2, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 19: Vật liệu xây dựng: xi măng, gạch, ngói.

Nhóm 35: Tư vấn lập hồ sơ dự án điều hành kinh doanh, mua bán vật liệu xây dựng, quảng cáo thương mại.

---

(111) **4-0167299**
(210) 4-2008-26267
(181) 10.12.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 07.07.2011
(220) 10.12.2008

(531) 26.11.3; A26.11.8
(591) Đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ XI MĂNG BÚT SƠN (VN)
Km2, đường Văn Cao, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
(740) Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh (DAITIN AND ASSOCIATES CO.,LTD)

(511) Nhóm 07: Máy dùng để đóng gói; băng chuyền dùng trong đóng gói bao (túi) xi măng (thuộc về bộ phận của máy móc); máy công cụ.

Nhóm 40: Dịch vụ sản xuất vỏ bao xi măng theo yêu cầu của người khác; dịch vụ cung cấp thông tin về lĩnh vực gia công vật liệu; dịch vụ in ốp sét; dịch vụ in đá (thạch bản); dịch vụ in lụa; dịch vụ in bao bì xi măng theo yêu cầu của người khác.

---

(111) **4-0167300**
(210) 4-2008-25691
(181) 03.12.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

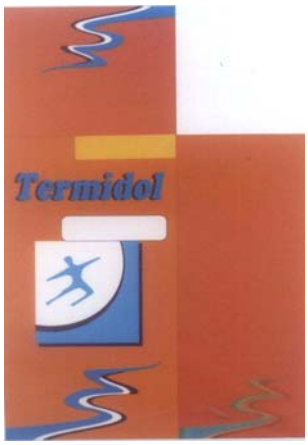

(151) 07.07.2011
(220) 03.12.2008

(531) A2.1.16; A2.3.16; 26.4.1; A26.11.12; 26.4.9
(591) Xanh sẫm, xanh dương, vàng, da cam, da cam sẫm, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM BÁCH THẢO (VN)
Nhà số 5, ngách 161, ngõ 438, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167301**
(210) 4-2009-24203
(181) 09.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 08.07.2011
(220) 09.11.2009

(531) 26.1.1; 26.11.3; 25.7.20; 1.3.1; 26.4.9; 5.3.11; A5.3.15; A6.3.14; 26.13.25
(591) Vàng cam, xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN PHẨM THIÊN NHIÊN TINH HOA (VN)
Nhà số 09 tập thể Vật tư Thủy lợi, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm bổ sung dinh dưỡng dùng trong ngành y.

Nhóm 35: Mua bán các sản phẩm dược phẩm; thực phẩm bổ sung dinh dưỡng; xuất nhập khẩu.

---

(111) **4-0167302**
(210) 4-2009-24060
(181) 06.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

BEEVINA

(151) 08.07.2011
(220) 06.11.2009

(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BEE VINA (VN)
27A/19 đường Thái Phiên, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0167303**
(210) 4-2009-24204
(181) 09.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Ecogreen

(151) 08.07.2011
(220) 09.11.2009

(531) 26.4.4; A26.4.6; 5.3.11; A5.3.15
(591) Xanh cửu long, xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ECO (VN)
Số 16, ngách 12 - 21, phố Đào Tấn, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0167304**
(210) 4-2009-24066
(181) 06.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

ABYDIUM

(151) 08.07.2011
(220) 06.11.2009

(731) XL LABORATORIES PVT. LTD. (IN)
I-14, Shivlok House-1, Karam Pura Commercial Complex Shivaji Marg, New Delhi-110015, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167305**
(210) 4-2009-24068
(181) 06.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

SORBILAC

(151) 08.07.2011
(220) 06.11.2009

(731) XL LABORATORIES PVT. LTD. (IN)
I-14, Shivlok House-1, Karam Pura Commercial Complex Shivaji Marg, New Delhi-110015, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167306**
(210) 4-2009-24069
(181) 06.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

CARBINOM

(151) 08.07.2011
(220) 06.11.2009

(731) XL LABORATORIES PVT. LTD. (IN)
I-14, Shivlok House-1, Karam Pura Commercial Complex Shivaji Marg, New Delhi-110015, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167307**
(210) 4-2009-24966
(181) 18.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

YOUTRIP

(151) 08.07.2011
(220) 18.11.2009

(731) CÔNG TY TNHH YOUTRIP (VN)
P 304 số 12, Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 39: Tư vấn, tổ chức các chuyến du lịch trong nước và quốc tế.

Nhóm 43: Khách sạn.

(111) **4-0167308**
(210) 4-2009-24967
(181) 18.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Entrepreneur

(151) 08.07.2011
(220) 18.11.2009

(731) CÔNG TY TNHH THUỶ SẢN TÀI NGUYÊN (VN)
I.27 Hoàng Hoa Thám, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 24: Vải và hàng dệt kim không xếp vào các nhóm khác: khăn.

Nhóm 25: Quần áo, giày dép, cà vạt.

---

(111) **4-0167309**
(210) 4-2009-24988
(181) 18.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

TOÀN TÂM
Chứng Tỏ Sự Khác Biệt !

(151) 08.07.2011
(220) 18.11.2009

(531) 26.4.2; 26.4.3; 26.1.1; A26.11.12; 26.11.3; 25.7.20
(591) Xanh lá cây, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THÉP XÂY DỰNG VÀ LƯỚI HÀN TOÀN TÂM (VN)
491/3 đường Trường Chinh, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 06: Cửa làm bằng nhôm, sắt.

Nhóm 20: Tủ, bàn, ghế, khung kệ các loại, tất cả được làm bằng nhôm, sắt.

---

(111) **4-0167310**
(210) 4-2009-22645
(181) 21.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

sm AN ITW COMPANY
Schnee-Morehead

(151) 08.07.2011
(220) 21.10.2009

(531) 26.4.2; A26.11.12; 26.11.3
(591) Trắng, đen, tím, vàng
(731) ILLINOIS TOOL WORKS, INC. (US)
3600 West Lake Avenue, Glenview, Illinois 60026, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu (SAO BẮC ĐẨU IP COM.,LTD.)

(511) Nhóm 17: Chất bịt kín có chất dính và hợp chất dùng trám chỗ hở; chất bịt kín; chất bịt kín có chất dính dùng cho máy bay, tàu không gian, máy móc tự động, công trình xây dựng và ngành kiến trúc, các thiết bị chính, chất dẻo và cho các mục đích có liên quan;

chất bịt kín dùng cho các công trình xây dựng; vật liệu bịt kín và cách điện, băng keo cách điện; phim làm từ nhựa tổng hợp và bọt dùng trong bịt kín và cách điện; chất bịt kín bằng vữa lỏng; hóa chất tổng hợp dùng để phục hồi các lỗ rò rỉ; vật liệu để trám, bít, tất cả thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0167311**
(210) 4-2009-24885
(181) 17.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

達人館
Papahuman

(151) 08.07.2011
(220) 17.11.2009

(731) PAN KE (CN)
Main RooM. 288, NO. 322, Renmin Zhong Road, Yuexiu District, Guangzhou, Guangdong, China
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Kính mắt; gọng kính mắt; bao đựng kính mắt; dây dùng cho kính mắt; kính râm; thiết bị và dụng cụ quang học.

---

(111) **4-0167312**
(210) 4-2009-24980
(181) 18.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

SANBDSVIET.VN
AN CƯ LẠC NGHIỆP

(151) 08.07.2011
(220) 18.11.2009

(531) 7.3.11; 7.3.12; 26.4.2; 26.3.23; 26.4.9; A7.1.12; 7.1.24; 26.11.3; 25.7.20
(591) Trắng, đỏ, xanh dương.
(731) CÔNG TY TNHH HOÀNG NHẬT MINH (VN)
Số 8/252 phố Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 36: Dịch vụ mua bán bất động sản; dịch vụ môi giới và cung cấp thông tin về bất động sản.

---

(111) **4-0167313**
(210) 4-2009-22361
(181) 19.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

BioProLac

(151) 08.07.2011
(220) 19.10.2009

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ĐÔNG PHƯƠNG (VN)
150/47A-B Nguyễn Trãi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn Sở hữu trí tuệ á Đông (A ĐÔNG IP CONSULTANCY CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm ăn kiêng dùng trong ngành y; viên kẹo ngậm có chứa thuốc; chè giảm cân dùng trong ngành y; thảo mộc y tế; thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0167314**
(210) 4-2009-21866
(181) 13.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 08.07.2011
(220) 13.10.2009

(531) 26.4.2
(591) Nâu, trắng
(731) JOMA INTERNATIONAL PTE LTD (SG)
1 Phillip Street, #03-01 Singapore 048692
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Cà phê; bánh mì; bánh ngọt; các chế phẩm/sản phẩm thực phẩm làm từ bột mì, từ ngũ cốc, từ bột; bánh kẹo.

Nhóm 43: Dịch vụ quán cà phê, nhà hàng ăn uống và dịch vụ quầy rượu.

---

(111) **4-0167315**
(210) 4-2009-25001
(181) 18.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 08.07.2011
(220) 18.11.2009

(531) 26.4.2; A26.11.12; A14.7.20; 26.13.25
(591) Xanh đen, vàng
(731) TRẦN THU HẰNG (VN)
45/8 Phan Xích Long, phường 3, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH một thành viên Trường Luật (CÔNG TY TRUONG LUAT)

(511) Nhóm 41: Đào tạo nghề như: trang điểm, chăm sóc da và sắc đẹp, tạo mẫu tóc, cắt uốn tóc, chăm sóc tóc, làm móng tay và móng chân.

Nhóm 44: Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp: cắt uốn tóc, tạo mẫu tóc, nhuộm tóc, gội đầu, sơn sửa móng tay và móng chân, chăm sóc da.

---

(111) **4-0167316**
(210) 4-2009-21840
(181) 13.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 08.07.2011
(220) 13.10.2009

(591) Trắng, cam
(731) HOÀNG VI (VN)
145/9 Phan Đình Phùng, phường 2, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

(511) Nhóm 35: Mua bán quần áo, mũ nón, giày dép, ba lô, túi xách.

---

(111) **4-0167317**
(210) 4-2009-24044
(181) 06.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 08.07.2011
(220) 06.11.2009

(531) A1.1.5; A26.11.12; 26.13.25; 26.11.3
(591) Tím, vàng, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH NGỌC LAN (VN)
42 Nguyễn Chí Thanh, phường 1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

(511) Nhóm 43: Dịch vụ quầy rượu; quán ăn tự phục vụ; nhà hàng ăn uống; dịch vụ khách sạn; cho thuê phòng họp.

---

(111) **4-0167318**
(210) 4-2009-24888
(181) 17.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 08.07.2011
(220) 17.11.2009

(531) 26.1.1; A26.11.12; 24.9.1; 3.7.21; A3.7.24; 4.3.20
(591) Đỏ, trắng, xanh lam, vàng, đen
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HOÀNG LÂM (VN)
Thôn Phương Nhị, xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; chế phẩm trang điểm; chế phẩm hóa trang.

Nhóm 40: Gia công gỗ.

Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0167319**
(210) 4-2007-14630
(181) 31.07.2017
(450) 25.08.2011 281
(540)

MỸ CHÂU

(151) 08.07.2011
(220) 31.07.2007

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI LAN KHUÊ (VN)
520-522-524-526 Cách Mạng Thánh Tám, phường 11, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán hàng hóa, đặc biệt là dược phẩm và thực phẩm chức năng dùng cho người, trang thiết bị dùng trong ngành y tế.

---

(111) **4-0167320**
(210) 4-2010-18501
(181) 01.09.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 08.07.2011
(220) 01.09.2010

(531) 26.1.1; A26.11.12; 26.13.25
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PICO (VN)
Số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 35: Kinh doanh siêu thị điện máy, kinh doanh (mua bán) ô tô.

Nhóm 36: Cho thuê mặt bằng trung tâm thương mại để kinh doanh.

Nhóm 39: Dịch vụ du lịch.

Nhóm 41: Dịch vụ giải trí.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn, nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0167321**
(210) 4-2009-27586
(181) 18.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 08.07.2011
(220) 18.12.2009

(531) 4.3.7; 4.3.9
(731) HỘ KINH DOANH DU TÀI (VN)
465/10 Lê Quang Sung, phường 9, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 06: Đinh bằng kim loại; đinh tán bằng kim loại; đinh vít bằng kim loại.

---

(111) **4-0167322**
(210) 4-2009-26643
(181) 09.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 08.07.2011
(220) 09.12.2009

(591) Đỏ, xanh dương, xanh lá cây đậm, vàng
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢNG CÁO HOÀI VIỆT (VN)
118/90/65E Phan Huy ích, phường 15, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 25: Quần áo may mặc các loại.

Nhóm 40: In ấn biểu mẫu, tờ rơi các loại.

---

(111) **4-0167323**
(210) 4-2009-11952
(181) 15.06.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

SUPERCROSS-ANGLED

(151) 08.07.2011
(220) 15.06.2009

(731) UNILEVER N.V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 21: Bàn chải đánh răng, dụng cụ và đồ dùng để làm sạch và bảo vệ răng, lưỡi (không phải là dụng cụ dùng để cạo lưỡi thuộc nhóm 10) và lợi, không dùng cho mục đích y tế; tăm (thuộc nhóm này), hộp đựng bàn chải đánh răng và hộp đựng tăm không làm bằng kim loại quý, tơ chỉ làm sạch răng (không dùng cho mục đích y tế), dụng cụ dùng cho nhà vệ sinh.

---

(111) **4-0167324**
(210) 4-2010-07313
(181) 09.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Risperamark

(151) 08.07.2011
(220) 09.04.2010

(731) MARKSANS PHARMA LTD. (IN)
21st Floor, Lotus Business Park, Off New Link Road, Andheri (W), Mumbai - 400053, India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167325**
(210) 4-2010-07192
(181) 08.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ALTAPRO®
JUPITEC

(151) 08.07.2011
(220) 08.04.2010

(531) 26.1.2
(591) Vàng, nâu, nâu nhạt, ghi nhạt, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ KỸ THUẬT MỘC TINH (VN)
79C (phòng 201) Điện Biên Phủ, phường Đakao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán thực phẩm; mua bán mỹ phẩm.

---

(111) **4-0167326**
(210) 4-2009-25340
(181) 23.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

VĨNH TRUNG
ELECTRONICS

(151) 08.07.2011
(220) 23.11.2009

(531) 26.11.2
(591) Trắng, xanh tím than
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN MÁY ĐỨC MẠNH (VN)
Phòng 1001B lầu 10 toà nhà Petro Việt Nam, số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán hàng kim khí điện máy.

---

(111) **4-0167327**
(210) 4-2010-06979
(181) 06.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

JUVIGROWS

(151) 08.07.2011
(220) 06.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SINH HỌC VÀ Y HỌC TÁI TẠO (VN)
Toà nhà FPT Cầu Giấy, lô B2, cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ, đường Phạm Hùng, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0167328**
(210) 4-2010-07310
(181) 09.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Chlormark

(151) 08.07.2011
(220) 09.04.2010

(731) MARKSANS PHARMA LTD. (IN)
21st Floor, Lotus Business Park, Off New Link Road, Andheri (W), Mumbai - 400053, India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167329**
(210) 4-2010-06975
(181) 06.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

CHERSIEU

(151) 08.07.2011
(220) 06.04.2010

(731) CÔNG TY TNHH VIỆT THẮNG (VN)
398 đường Xương Giang, phường Ngô Quyền, thị xã Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ, thuốc diệt ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0167330**
(210) 4-2010-07250
(181) 09.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

FORTVON

(151) 08.07.2011
(220) 09.04.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM DO HA (VN)
Số 30, tập thể Trần Phú, ngõ 105, đường Nguyễn Phong Sắc, tổ 16, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167331**
(210) 4-2010-07251
(181) 09.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

KEOVON

(151) 08.07.2011
(220) 09.04.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM DO HA (VN)
Số 30, tập thể Trần Phú, ngõ 105, đường Nguyễn Phong Sắc, tổ 16, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167332**
(210) 4-2010-07252
(181) 09.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

GUAIHO

(151) 08.07.2011
(220) 09.04.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM DO HA (VN)
Số 30, tập thể Trần Phú, ngõ 105, đường Nguyễn Phong Sắc, tổ 16, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167333**
(210) 4-2010-07254
(181) 09.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ULIHO

(151) 08.07.2011
(220) 09.04.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM DO HA (VN)
Số 30, tập thể Trần Phú, ngõ 105, đường Nguyễn Phong Sắc, tổ 16, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167334**
(210) 4-2010-07330
(181) 09.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

GINSEOL K

(151) 08.07.2011
(220) 09.04.2010

(731) CJ CHEILJEDANG CORPORATION (KR)
500, Namdaemunro 5-ga, Jung-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Nhân sâm dạng viên nang dùng trong ngành y; nhân sâm dùng trong ngành y; chất bổ sung dinh dưỡng dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0167335**
(210) 4-2010-04674
(181) 11.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

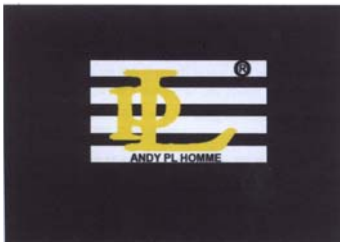

(151) 08.07.2011
(220) 11.03.2010

(531) 26.11.3; A25.7.21
(591) Vàng, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LƯU PHƯỚC LỘC (VN)
9 - 11 đường số 3, khu phố 3, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 25: Quần, áo.

Nhóm 32: Nước khoáng (đồ uống) và các loại đồ uống không có cồn.

Nhóm 35: Mua bán vải, mua bán quần áo.

---

(111) **4-0167336**
(210) 4-2010-07230
(181) 09.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

TIÊN SỨ

(151) 08.07.2011
(220) 09.04.2010

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT MỸ PHẨM ANH ĐÀO (VN)
Số 1/18D, đường Chi Lăng, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
(740) Công ty TNHH Tư vấn Sở hữu trí tuệ á Đông (A ĐÔNG IP CONSULTANCY CO.,LTD.)

(511) Nhóm 03: Kem làm trắng da; xà phòng tắm trắng da; kem dưỡng trắng da toàn thân; kem tẩy trắng da; sữa rửa mặt; sữa tắm trắng da.

---

(111) **4-0167337**
(210) 4-2009-26646
(181) 09.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 08.07.2011
(220) 09.12.2009

(531) 26.1.1; A26.11.12
(591) Xanh dương, đỏ, đen.
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHẠM GIA TRANG (VN)
237/8B, ấp Đông Chiêu, xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

(511) Nhóm 21: Dụng cụ nhà bếp bằng inox.

---

(111) **4-0167338**
(210) 4-2010-05937
(181) 24.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 08.07.2011
(220) 24.03.2010

(531) 2.1.13
(731) MEI HEONG YUEN FOOD INDUSTRIES (PTE) LTD. (SG)
261 Pandan Loop, Singapore 128436
(740) Công ty cổ phần Tư vấn S&B (S&B CONSULTANT., CORP.)

(511) Nhóm 31: Nông sản: lạc tươi; hạt điều tươi.

---

(111) **4-0167339**
(210) 4-2010-07239
(181) 09.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ensa®

(151) 08.07.2011
(220) 09.04.2010

(531) 26.3.3; 26.3.4; A26.3.6; 26.2.3
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ THỜI TRANG QUỐC TẾ IDF (VN)
Số 61 Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty cổ phần Tư vấn S&B (S&B CONSULTANT., CORP.)

(511) Nhóm 25: Quần áo (trang phục); quần áo may sẵn; quần áo dệt kim; đồng phục (quần áo); đồ đi chân; đồ đội đầu (trang phục).

Nhóm 35: Mua bán, quảng cáo quần áo, đồ đi chân, đồ đội đầu.

---

(111) **4-0167340**
(210) 4-2006-19835
(181) 16.11.2016
(450) 25.08.2011 281
(540)

PROTECH

(151) 08.07.2011
(220) 16.11.2006

(531) 26.11.2
(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THUẬN HOÁ (VN)
28 đường số 8, cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán: keo, giấy lọc, hoá chất (trừ hoá chất độc hại mạnh), phụ gia cao su, thiết bị viễn thông.

---

(111) **4-0167341**
(210) 4-2009-20621
(181) 28.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

CITYSAC

(151) 08.07.2011
(220) 28.09.2009

(731) LE SPORTSAC, INC. (US)
9490 Gateway Drive, Suite 200, Reno, Nevada 89521, United States of America
(740) Văn phòng Luật sư MINERVAS (MINERVAS)

(511) Nhóm 18: Túi xách tay; hành lý; túi thể thao đa năng; túi du lịch; túi đựng mỹ phẩm (trống không); túi đựng mỹ phẩm cầm tay (trống không); túi đựng khăn giấy (trống không); túi có dây đeo; vi; túi nhỏ đựng tiền lẻ và chìa khóa; ví đựng tiền xu cùng với chìa khóa; túi đựng quần áo và đồ đạc đi du lịch; túi đi mua hàng bằng ni lông dùng để đựng đồ; túi xách tay đựng vật dụng cá nhân; va li mang theo người khi đi tầu, xe, máy bay; túi đựng tã lót trẻ em dùng khi ra khỏi nhà; túi đeo vai; ba lô; túi hình trống; cặp đựng tài liệu; túi đựng quần áo đi du lịch; cặp sách học sinh; ô và túi đeo vai đựng đồ dùng cá nhân; tất cả trong nhóm này.

---

(111) **4-0167342**
(210) 4-2009-20468
(181) 24.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 08.07.2011
(220) 24.09.2009

(531) 26.1.2
(591) Đen, trắng, đỏ, vàng, xanh da trời
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐĂNG TUẤN (VN)
84 Đinh Tiên Hoàng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 25: Giày dép; đồ đi chân.

---

(111) **4-0167343**
(210) 4-2010-07936
(181) 16.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 08.07.2011
(220) 16.04.2010

(531) A1.5.3; A1.1.10; 1.15.3
(591) Đen, trắng, đỏ, vàng
(731) CÔNG TY TNHH DANH HẢI (VN)
Xóm 6, xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên
(740) Công ty Hỗ trợ phát triển công nghệ (DETECH)

(511) Nhóm 11: Bóng đèn điện; đèn điện; quạt điện dùng cho cá nhân; thiết bị và trang bị chiếu sáng; đèn trần dùng trong nhà; thiết bị ghi sắc dùng trong công nghiệp.

---

(111) **4-0167344**
(210) 4-2009-20563
(181) 25.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

NANOSYNUSA

(151) 08.07.2011
(220) 25.09.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT NAM NÔNG (VN)
206 đường số 55, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc diệt cỏ, thuốc diệt trừ sâu bọ, thuốc diệt trừ rầy nâu, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng.

---

(111) **4-0167345**
(210) 4-2009-20565
(181) 25.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

NANOSALUSA

(151) 08.07.2011
(220) 25.09.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT NAM NÔNG (VN)
206 đường số 55, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc diệt cỏ, thuốc diệt trừ sâu bọ, thuốc diệt trừ rầy nâu, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng.

---

(111) **4-0167346**
(210) 4-2009-20566
(181) 25.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

ACFETIZ

(151) 08.07.2011
(220) 25.09.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ (VN)
43D/14 Hồ Văn Huê, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167347**
(210) 4-2010-08392
(181) 21.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 08.07.2011
(220) 21.04.2010

(531) 26.1.2
(591) Xanh, trắng.
(731) CƠ SỞ BÌNH AN (VN)
1441 Phạm Thế Hiển, phường 6, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 22: Võng lưới.

---

(111) **4-0167348**
(210) 4-2010-08674
(181) 26.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

METOVANCE

(151) 08.07.2011
(220) 26.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRƯỜNG THỌ (VN)
Số 93, Linh Lang, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Bình Minh (SUNRISE IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0167349**
(210) 4-2010-08334
(181) 20.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

UBIPLEN

(151) 08.07.2011
(220) 20.04.2010

(731) AKUMS DRUGS & PHARMACEUTICALS LTD (IN)
304, Mohan Place, L.S.C Block - C, Saraswati Vihar, New Delhi - 110034, India
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167350**
(210) 4-2010-07331
(181) 09.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

GINSEOL K

(151) 08.07.2011
(220) 09.04.2010

(731) CJ CHEILJEDANG CORPORATION (KR)
500, Namdaemunro 5-ga, Jung-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 32: Bột nhân sâm dùng để pha chế đồ uống không chứa cồn; chiết suất nhân sâm dùng để pha chế đồ uống không chứa cồn; nước ép nhân sâm (đồ uống không chứa cồn).

---

(111) **4-0167351**
(210) 4-2010-07332
(181) 09.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

GINSEOL K

(151) 08.07.2011
(220) 09.04.2010

(731) CJ CHEILJEDANG CORPORATION (KR)
500, Namdaemunro 5-ga, Jung-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 29: Nhân sâm đã qua chế biến được dùng làm rau; nhân sâm đã bảo quản được dùng làm rau.

---

(111) **4-0167352**
(210) 4-2010-07911
(181) 15.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

LIVPORIN

(151) 08.07.2011
(220) 15.04.2010

(731) LIVZON PHARMACEUTICAL GROUP INC (CN)
132 North of Giuhua Road, Gongbei, Zhuhai, Guangdong, China
(740) Công ty TNHH IPIC GROUP (IPIC GROUP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

(111) **4-0167353**
(210) 4-2010-07912
(181) 15.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Ferti-M

(151) 08.07.2011
(220) 15.04.2010

(731) LIVZON PHARMACEUTICAL GROUP INC (CN)
132 North of Giuhua Road, Gongbei, Zhuhai, Guangdong, China
(740) Công ty TNHH IPIC GROUP (IPIC GROUP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0167354**
(210) 4-2010-08610
(181) 22.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

DimodiEff

(151) 08.07.2011
(220) 22.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Qnốc Toản, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0167355**
(210) 4-2010-08611
(181) 22.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

MeloEff

(151) 08.07.2011
(220) 22.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Quốc Toản, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0167356**
(210) 4-2010-08335
(181) 20.04.2020
(300) 2009-085399 11.11.2009 JP
(450) 25.08.2011 281
(540)

shaping tomorrow with you

(151) 08.07.2011
(220) 20.04.2010

(731) FUJITSU LIMITED (JP)
1-1, Kamikodanaka 4-chome, Nakahara-ku, Kawasaki-shi, Kanagawa 211-8588 Japan
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 09: Máy đếm tiền; máy và thiết bị viễn thông; máy tính; chương trình máy tính và máy điện tử khác và các thiết bị và bộ phận của chúng; trò chơi vi-đê-ô dân dụng; chương trình cho trò chơi vi-đê-ô dân dụng; chương trình trò chơi cho trò chơi vi-đê-ô dân dụng; mạch điện tử và chương trình dùng cho trò chơi điện tử cầm tay dùng với màn hình tinh thể lỏng được lưu trữ trong đĩa CD; đĩa hát; mạch điện tử và đĩa CD lưu trữ chương trình có tính năng tự động dùng cho các dụng cụ âm nhạc điện tử; tập tin âm nhạc và đoạn âm thanh nhận và lưu lại từ mạng internet; đĩa và băng vi-đê-ô đã được thu trước và các phương tiện ghi âm đã được thu trước khác; tập tin ảnh, vi-đê-ô và phim đã nhận và lưu lại từ mạng internet; xuất bản phẩm điện từ (bao gồm xuất bản phẩm điện tử có thể tải xuống được).

Nhóm 11: Máy sấy khô; thiết bị thu hồi nhiệt; nồi hơi; máy làm bay hơi; máy chưng cất; bộ trao đổi nhiệt; lò hơi công nghiệp; thiết bị điều hòa không khí; máy và thiết bị làm lạnh; thiết bị sử dụng nhiệt điện dùng cho gia đình; thiết bị làm nóng nước bằng gas; thiết bị làm nóng nước không dùng điện dùng cho gia đình.

Nhóm 42: Thiết kế máy móc, thiết bị, nhạc cụ (bao gồm cả các bộ phận của chúng) hoặc các hệ thống tạo nên những máy móc, thiết bị và nhạc cụ này; cung cấp thông tin liên quan đến máy vi tính đã được thiết kế; thiết kế máy tính, thiết bị điện tử và các thiết bị viễn thông; tư vấn thiết kế máy vi tính, thiết bị điện tử và thiết bị viễn thông; thiết kế chương trình máy vi tính, lập trình máy vi tính hoặc bảo trì phần mềm máy tính; cung cấp thông tin liên quan đến thiết kế chương trình máy vi tính, lập trình máy vi tính hoặc bảo trì phần mềm máy vi tính; xử lý thông tin với máy vi tính; tư vấn hệ thống máy vi tính; giám sát từ xa đối với hệ thống máy vi tính; tạo lập môi trường, cài đặt, nâng cao đặc tính, đặt tải, tạo những phần phụ thêm và tạo ra những điều kiện tối ưu khác cho máy vi tính và cung cấp các thông tin liên quan đến các hoạt động này; thiết kế, lập trình máy vi tính, tạo lập môi trường, cài đặt, nâng cao đặc tính đặt tải, tạo ra những phần phụ thêm, bảo trì và tạo những điều kiện tối ưu khác cho chương trình máy vi tính và cung cấp thông tin liên quan đến các hoạt động này; thiết kế và lập kế hoạch cho hệ thống mạng máy tính; tư vấn trong lĩnh vực hệ thống mạng thông tin liên lạc; tư vấn thiết kế chương trình máy vi tính, lập trình máy vi tính, hoặc bảo trì máy vi tính; xác nhận người sử dụng trong lĩnh vực mua bán điện từ; dữ liệu máy vi tính được mã hóa; chuyển đổi dữ liệu điện tử để ghi vào và xóa bỏ hình mờ điện tử với máy vi tính; chuẩn đoán hư hỏng và kiểm tra vi-rút cho các chương trình máy vi tính; tư vấn kỹ thuật liên quan đến hoạt động, vận hành, của máy vi tính, ô tô và máy móc khác với yêu cầu về sự hiểu biết, kỹ năng hoặc kinh nghiệm của người người điều khiển ở trình độ cao để phù hợp với yêu

cầu vận hành các máy móc trên một cách chính xác; kiểm tra hoặc nghiên cứu máy vi tính và chương trình máy vi tính; kiểm tra hoặc nghiên cứu thiết bị và máy móc viễn thông và thiết bị ngoại biên; kiểm tra và nghiên cứu chất bán dẫn; kiểm tra và nghiên cứu máy móc và hệ thống sản xuất chất bán dẫn, và dụng cụ đo lường chất bán dẫn; cho thuê máy vi tính; cung cấp chương trình máy vi tính; cài đặt thủ công cho máy vi tính và chương trình máy vi tính; chuyển đổi cơ sở dữ liệu và chương trình máy vi tính; tái tạo lại các chương trình máy vi tính; tạo lập và bảo trì các trang web cho người khác; cho thuê khu vực lưu trữ dữ liệu của máy vi tính.

---

(111) **4-0167357**
(210) 4-2010-08616
(181) 22.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

STIMUFER

(151) 08.07.2011
(220) 22.04.2010

(731) MEGA LIFESCIENCES LIMITED. (TH)
384 Soi 6, Pattana 3 Road, Bangpoo Industrial Estate, Samutprakarn 10280 Thailand.
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0167358**
(210) 4-2010-08617
(181) 22.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

MEOTROPH

(151) 08.07.2011
(220) 22.04.2010

(731) MEGA LIFESCIENCES LIMITED. (TH)
384 Soi 6, Pattana 3 Road, Bangpoo Industrial Estate, Samutprakarn 10280 Thailand
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0167359**
(210) 4-2009-21227
(181) 05.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 08.07.2011
(220) 05.10.2009

(531) 26.3.1; A26.11.12; 26.3.23; 26.13.25
(591) Đỏ gạch, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG AD GROUP (VN)
Số 158, phố Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 42: Thiết kế tổng mặt bằng công trình; thiết kế kiến trúc công trình xây dựng dân dụng công nghiệp; thiết kế nội ngoại thất công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; tư vấn thẩm tra, thẩm định các công trình xây dựng; kiểm tra, đánh giá các đặc trưng kỹ thuật đất xây dựng, vật liệu, kết cấu, cấu kiện trong xây dựng; kiểm định công trình xây dựng.

---

(111) **4-0167360**
(210) 4-2010-08619
(181) 22.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BLUE LADY

(151) 08.07.2011
(220) 22.04.2010

(731) CÔNG TY TNHH DELPHI (VN)
Số 86, tập thể trường công nhân xây dựng, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc tránh thai.

---

(111) **4-0167361**
(210) 4-2009-20441
(181) 24.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

SHAVOBER

(151) 08.07.2011
(220) 24.09.2009

(731) MEYER PHARMACEUTICALS LTD (HK)
Unit J, K & M, 3/F Valiant Ind. Center, 2-12 Au Pui Wan St, Fotan, Shatin, Hong Kong
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0167362**
(210) 4-2009-19764
(181) 16.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 08.07.2011
(220) 16.09.2009

(531) 26.1.1; A3.7.24; 3.7.7
(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THẾ KỶ NGÀY NAY (VN)
18 đường 9, cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán hàng trang trí nội thất xe ô tô; mua bán thiết bị âm thanh xe ô tô; mua bán phụ tùng, linh kiện xe ô tô; mua bán nước thơm.

---

(111) **4-0167363**
(210) 4-2009-19766
(181) 16.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 08.07.2011
(220) 16.09.2009

(531) A26.11.12; 26.4.2
(591) Xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THẾ KỶ NGÀY NAY (VN)
18 đường 9, cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán hàng trang trí nội thất xe ô tô; mua bán thiết bị âm thanh xe ô tô; mua bán phụ tùng, linh kiện xe ô tô; mua bán thùng lạnh.

---

(111) **4-0167364**
(210) 4-2009-20445
(181) 24.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

BA TRU – TRẦN CÔNG QÚY

(151) 08.07.2011
(220) 24.09.2009

(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ BA TRU - TRẦN CÔNG QUÝ (VN)
23 Nguyễn Thái Sơn, phường 4, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 10: Chân, tay giả.

Nhóm 35: Mua bán chân, tay giả, linh kiện để lắp ráp chân, tay giả, phụ kiện để lắp ráp chân, tay giả; đại lý ký gửi những linh kiện liên quan đến chân, tay giả.

---

(111) **4-0167365**
(210) 4-2009-20446
(181) 24.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 08.07.2011
(220) 24.09.2009

(531) 26.4.1;
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HOÀNG PHÚC KHANH (VN)
108/770 Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 25: Quần áo; mũ vải; quần áo lót; áo khoác; quần áo thể thao; quần áo bơi.

---

(111) **4-0167366**
(210) 4-2009-19883
(181) 17.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

EXLAM

(151) 08.07.2011
(220) 17.09.2009

(731) PT. DEXA MEDICA (ID)
Jl. Letjen Bambang Utoyo No. 138, Palembang 30114, Indonesia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167367**
(210) 4-2009-19884
(181) 17.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

NANORA SUPER

(151) 08.07.2011
(220) 17.09.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT NAM NÔNG (VN)
206 đường số 55, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc diệt cỏ, thuốc diệt trừ sâu bọ, thuốc diệt trừ rầy nâu, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng.

---

(111) **4-0167368**
(210) 4-2009-19885
(181) 17.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

NANOXOFIT SUPER

(151) 08.07.2011
(220) 17.09.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT NAM NÔNG (VN)
206 đường số 55, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc diệt cỏ, thuốc diệt trừ sâu bọ, thuốc diệt trừ rầy nâu, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng.

---

(111) **4-0167369**
(210) 4-2009-19886
(181) 17.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

RAYNANUSA

(151) 08.07.2011
(220) 17.09.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT NAM NÔNG (VN)
206 đường số 55, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc diệt cỏ, thuốc diệt trừ sâu bọ, thuốc diệt trừ rầy nâu, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng.

---

(111) **4-0167370**
(210) 4-2009-19887
(181) 17.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

NANOSAUSA

(151) 08.07.2011
(220) 17.09.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT NAM NÔNG (VN)
206 đường số 55, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc diệt cỏ, thuốc diệt trừ sâu bọ, thuốc diệt trừ rầy nâu, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng.

---

(111) **4-0167371**
(210) 4-2009-19888
(181) 17.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

NNOCBUVA SUPER

(151) 08.07.2011
(220) 17.09.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT NAM NÔNG (VN)
206 đường số 55, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc diệt cỏ, thuốc diệt trừ sâu bọ, thuốc diệt trừ rầy nâu, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng.

---

(111) **4-0167372**
(210) 4-2009-19800
(181) 16.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 08.07.2011
(220) 16.09.2009

(531) A26.11.12; 3.7.17
(591) Đỏ, xanh lá cây, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VIÊN MỸ (VN)
7 Lê Quang Định, phường 14, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán thiết bị xông hơi, thiết bị mát xa, thiết bị chăm sóc da, lò xông hơi tinh dầu, mua bán trang thiết bị và phụ kiện dùng trong ngành thẩm mỹ viện, mua bán tinh dầu, thảo dược đông y, muối khoáng, nến thơm, lõi nhang thơm, quà tặng.

---

(111) **4-0167373**
(210) 4-2009-19881
(181) 17.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

ZINMOST

(151) 08.07.2011
(220) 17.09.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM DO HA (VN)
Số 30, tập thể Trần Phú, ngõ 105, đường Nguyễn Phong Sắc, tổ 16, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167374**
(210) 4-2009-20343
(181) 23.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 08.07.2011
(220) 23.09.2009

(531) 26.1.1; 3.7.17; A26.11.12; 2.9.14; A2.9.15; 20.7.1; A20.1.3
(591) Đỏ, xanh dương, trắng
(731) TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ HÒA BÌNH (VN)
ấp Lộ Đức, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 41: Dạy nghề.

---

(111) **4-0167375**
(210) 4-2009-20345
(181) 23.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 08.07.2011
(220) 23.09.2009

(531) 26.3.1; 26.15.15; 26.15.25; 7.1.24
(591) Xanh dương, đỏ, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NGỌC TRÂM (VN)
E150C, tổ 10, khu phố 5, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 37: Xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp; san lấp mặt bằng; lắp đặt hệ thống điện, thoát nước.

---

(111) **4-0167376**
(210) 4-2009-20347
(181) 23.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 08.07.2011
(220) 23.09.2009

(531) 26.4.3; 6.1.2; A6.1.4; 26.11.3; 25.7.20; A26.3.5; 26.3.4; 26.15.15
(591) Đỏ, hồng, vàng nhạt, vàng đậm, trắng
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI NGỌC KHÁNH (VN)
152A Ngô Gia Tự, thành phố Phan Rang, Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán vật liệu xây dựng và thiết bị ngành nước.

---

(111) **4-0167377**
(210) 4-2010-08693
(181) 26.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 08.07.2011
(220) 26.04.2010

(531) 26.4.4; 26.4.7
(591) Xanh dương
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SAO PHƯƠNG NAM (VN)
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 06, quận 03, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 36: Đầu tư vốn; quản lý, cho thuê và bán bất động sản.

---

(111) **4-0167378**
(210) 4-2010-08695
(181) 26.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 08.07.2011
(220) 26.04.2010

(531) 25.1.25
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHONG PHÚ (VN)
Đường Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 25: Quần áo may sẵn.

---

(111) **4-0167379**
(210) 4-2010-22202
(181) 21.10.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 08.07.2011
(220) 21.10.2010

(531) 3.9.16
(591) Trắng, đỏ, xanh lá cây.
(731) HỘI NÔNG DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN (VN)
ấp Kiến Vàng, thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 29: Tôm khô.

Nhóm 35: Mua bán tôm khô các loại.

---

(111) **4-0167380**
(210) 4-2010-25774
(181) 07.12.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 08.07.2011
(220) 07.12.2010

(531) 2.9.14; A2.9.15; A3.7.24; 26.7.25
(591) Trắng, đen, đỏ, đỏ đậm, vàng
(731) HIỆP HỘI SƠN MÀI- ĐIÊU KHẮC BÌNH DƯƠNG (VN)
K2/C51 tổ 17, phường Hiệp Thành, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 20: Đồ sơn mài nghệ thuật làm bằng gỗ, sáp, thạch cao, nhựa; đồ điêu khắc nghệ thuật làm bằng gỗ, sáp, thạch cao, nhựa.

Nhóm 35: Mua bán đồ sơn mài, điêu khắc nghệ thuật làm bằng gỗ, sáp, thạch cao, nhựa; xuất nhập khẩu đồ sơn mài, điêu khắc nghệ thuật làm bằng gỗ, sáp, thạch cao, nhựa.

---

(111) **4-0167381**
(210) 4-2009-20317
(181) 23.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 08.07.2011
(220) 23.09.2009

(531) 26.4.1; 26.4.2; 26.4.4; 26.1.1; A18.1.9
(591) Trắng, cam, đen
(731) CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT (VN)
528/59 Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, hàng kim khí điện máy, xe cơ giới, xây dựng các thiết bị máy móc.

Nhóm 39: Dịch vụ bốc xếp, giao nhận hàng hoá trong nước, vận chuyển, dịch vụ kho vận.

Nhóm 42: Dịch vụ tư vấn kỹ thuật; dịch vụ tư vấn trực tuyến về kiến trúc và thiết kế; dịch vụ tư vấn ứng dụng và triển khai công nghệ thông tin; dịch vụ tư vấn thiết kế hệ thống mạng; tư vấn bảo trì và nghiệm thu các công trình công nghiệp, giao thông và dân dụng.

---

(111) **4-0167382**
(210) 4-2009-21806
(181) 12.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

IMC – PTC
Bentonite Powder

(151) 08.07.2011
(220) 12.10.2009

(591) Xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ XUẤT NHẬP KHẨU PHÚ THỊNH (VN)
Phòng 201, toà nhà A1, 229 phố Vọng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 01: Bao gồm: ben-to-nit được chế biến từ khoáng sản dùng trong công nghiệp xây dựng; đất sét (ben-to-nit) dùng trong công nghệ khoan.

Nhóm 40: Bao gồm: chế biến các loại khoáng sản phục vụ cho dung dịch khoan như ba-rit, sét ben-to-nit, canxi cácbonát.

---

(111) **4-0167383**
(210) 4-2009-17142
(181) 14.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 08.07.2011
(220) 14.08.2009

(531) 26.3.1; 7.1.24; 26.1.1; 26.7.25
(591) Nâu nhạt, nâu đậm, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ QUẢNG CÁO TOMI (VN)
P306 E4 Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 30: Bánh kẹo, mứt.

---

(111) **4-0167384**
(210) 4-2009-20360
(181) 23.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

PHÚ ĐA

(151) 08.07.2011
(220) 23.09.2009

(731) NGUYỄN VĂN TÁ (VN)
Xã Hồng Tiến, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

(511) Nhóm 35: Mua bán thiết bị và phụ tùng xe cộ, thiết bị và phụ tùng xe máy.

---

(111) **4-0167385**
(210) 4-2009-20361
(181) 23.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

GUSTO

(151) 08.07.2011
(220) 23.09.2009

(731) NGUYỄN VĂN TÁ (VN)
Xã Hồng Tiến, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

(511) Nhóm 35: Mua bán thiết bị và phụ tùng xe cộ, thiết bị và phụ tùng xe máy.

---

(111) **4-0167386**
(210) 4-2009-20526
(181) 25.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 08.07.2011
(220) 25.09.2009

(531) 26.4.2; 26.1.1; 18.3.21; 26.13.25
(591) Trắng, xanh đen, xanh dương
(731) NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM (VN)
Số 7 Lê Thị Hồng Gấm, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 36: Dịch vụ tài chính, cụ thể là: cung cấp dịch vụ thẻ tín dụng quốc tế.

---

(111) **4-0167387**
(210) 4-2009-16757
(181) 11.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

HÀ

(151) 08.07.2011
(220) 11.08.2009

(731) NGUYỄN THU HÀ (VN)
328/13C Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 03: Mặt nạ đắp mặt bằng cao sâm; mặt nạ đắp mặt bằng cao bí đao; mặt nạ đắp mặt bằng hoa đào; mặt nạ đắp mặt bằng ngọc trai và nhân sâm; mặt nạ trị mụn (không dùng cho mục đích y tế); mặt nạ thảo dược chống lão hóa da; mặt nạ phục hồi da chống dị ứng;.dưỡng thể bằng cám gạo nương và phục linh (tất cả đều là mỹ phẩm dùng cho mục đích làm đẹp).

Nhóm 44: Thẩm mỹ viện.

---

(111) **4-0167388**
(210) 4-2009-16385
(181) 05.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

WE KNOW WOMEN.
WE WANT WOMEN TO KNOW TOO. KOTEX

(151) 08.07.2011
(220) 05.08.2009

(731) KIMBERLY-CLARK WORLDWIDE, INC. (US)
Neenah, Wisconsin 54956, USA
(740) Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu (SAO BẮC ĐẨU IP COM.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Quảng cáo; điều hành kinh doanh; quản lý kinh doanh.

---

(111) **4-0167389**
(210) 4-2009-17109
(181) 14.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 08.07.2011
(220) 14.08.2009

(531) 26.4.3; 26.4.9
(591) Đỏ, đen, ghi
(731) CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG LIÊN KẾT KINH DOANH (VN)
214/22 Tôn Thất Tùng, phường Khương Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư phát triển JUDIMAX (JUDIMAX., JSC)

(511) Nhóm 41: Dàn dựng chương trình phát thanh và truyền hình; sản xuất chương trình biểu diễn.

---

(111) **4-0167390**
(210) 4-2009-20464
(181) 24.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 08.07.2011
(220) 24.09.2009

(531) 26.1.2
(591) Đỏ, trắng
(731) OKF CORPORATION (KR)
714 Bokjeong-dong, Sujeong-gu, Seongnam-si, Gyeongi-do KOREA
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 32: Nước ngọt (đồ uống); đồ uống hoa quả (không chứa cồn); nước ép trái cây; nước có ga.

---

(111) **4-0167391**
(210) 4-2009-20267
(181) 23.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 08.07.2011
(220) 23.09.2009

(531) 26.1.1; 26.1.2; A26.11.12
(731) CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH VITOUR (VN)
Phòng 2, tập thể 187, đường Tây Sơn, phường Quang Trung, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 39: Vận chuyển khách; vận chuyển hàng hoá; dịch vụ du lịch, lữ hành (lữ hành nội địa); giao nhận hàng hoá.

---

(111) **4-0167392**
(210) 4-2009-16124
(181) 04.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

AGARO

(151) 08.07.2011
(220) 04.08.2009

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI HOA SEN TRẮNG (VN)
Tổ 8, đường Vườn Thuốc, ấp Cây Da, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 03: Sữa tắm; dầu gội; mỹ phẩm; nước rửa chén; dung dịch tẩy rửa nhà vệ sinh; nước rửa thực phẩm.

---

(111) **4-0167393**
(210) 4-2009-16133
(181) 04.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

SANTAS

(151) 08.07.2011
(220) 04.08.2009

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI HOA SEN TRẮNG (VN)
Tổ 8, đường Vườn Thuốc, ấp Cây Đa, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 03: Sữa tắm; dầu gội; mỹ phẩm; nước rửa chén; dung dịch vệ sinh toilet; nước rửa thực phẩm.

---

(111) **4-0167394**
(210) 4-2009-17987
(181) 25.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

UNIQUENATURALSTONES
Số 6-4A, phố Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 04-37868872 - Fax: 04-37868876
Website: www.uns.com.vn

(151) 08.07.2011
(220) 25.08.2009

(531) 26.5.3; 26.5.4
(591) Trắng, xanh dương, ghi
(731) CÔNG TY TNHH ĐÁ TỰ NHIÊN ĐỘC ĐÁO VIỆT NAM (VN)
Số 103, I3, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 19: Đá tự nhiên (vật liệu xây dựng).

---

(111) **4-0167395**
(210) 4-2008-27203
(181) 23.12.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 08.07.2011
(220) 23.12.2008

(531) 5.5.1; A5.5.22; A1.1.10; A1.1.8
(591) Vàng, đỏ, xanh lá cây, xanh dương, trắng, đen
(731) PHẠM VĂN LỘC (VN)
Số 2/10 Ngô Văn Sở, phường 13, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 03: Nhang (thờ cúng).

---

(111) **4-0167396**
(210) 4-2008-27618
(181) 30.12.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 08.07.2011
(220) 30.12.2008

(531) 24.5.1
(591) Vàng, đen
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ QUANG (VN)
ấp Cây Điệp, xã Cây Gáo, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

(511) Nhóm 30: Bột sắn.

---

(111) **4-0167397**
(210) 4-2008-23338
(181) 29.10.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 08.07.2011
(220) 29.10.2008

(531) 26.1.4; 26.1.1; 26.11.3
(591) Xanh nước biển, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT (VN)
Km 9, quốc lộ 5, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 06: Phôi thép; thép xây dựng; thép hình; vật liệu xây dựng bằng kim loại; hợp kim của kim loại thường.

Nhóm 19: Vật liệu xây dựng không bằng kim loại; xi măng.

Nhóm 35: Mua bán phôi thép, thép xây dựng và thép hình, vật liệu xây dựng; xuất nhập khẩu phôi thép, thép xây dựng và thép hình, vật liệu xây dựng; đại lý mua bán xi măng, sắt thép, vật liệu xây dựng; mua bán các thiết bị dây chuyền công nghệ và thiết bị tự động hóa, thiết bị điện tự động hóa, xuất nhập khẩu công nghệ tự động, thiết bị điện tự động hóa.

Nhóm 37: Dịch vụ đóng tàu và thuyền; lắp đặt, sửa chữa các thiết bị dây chuyền công nghệ và thiết bị tự động hóa, thiết bị điện tự động hóa; lắp đặt hệ thống bảo vệ giám sát, hệ thống cảnh báo tự động; xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

Nhóm 39: Môi giới vận tải; vận tải; dịch vụ vận tải hàng hóa đường biển; dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ; dịch vụ vận tải hành khách bằng đường biển; dịch vụ vận tải hành khách bằng đường thủy nội địa; dịch vụ vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; dịch vụ chuyên chở hàng hoá; vận chuyển hành khách; dịch vụ du lịch.

Nhóm 42: Dịch vụ tư vấn thiết kế về thiết bị tự động hóa, dịch vụ tư vấn thiết kế hệ thống bảo vệ giám sát, hệ thống cảnh báo tự động; tư vấn và cung cấp các giải pháp phần mềm tự động hóa; chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực thiết bị điện, thiết bị tự động hóa; thiết kế thi công xây lắp các công trình sản xuất thép, các công trình công nghiệp và dân dụng; tư vấn lập các dự án thuộc lĩnh vực điện và tự động hóa.

---

(111) **4-0167398**
(210) 4-2008-17648
(181) 18.08.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

ZINGER

(151) 08.07.2011
(220) 18.08.2008

(731) MITSUBISHI JIDOSHA KOGYO KABUSHIKI KAISHA (JP)
33-8, Shiba 5-chome, Minato-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 12: Xe ô tô; thân xe ô tô; khung gầm xe ô tô; trục của xe ô tô; phanh của xe ô tô; khớp ly hợp dùng cho xe ô tô; hộp số dùng cho xe ô tô; bánh răng truyền động dùng cho xe ô tô; hệ thống giảm xóc dùng cho xe ô tô; bánh lái dùng cho xe ô tô; bộ biến đổi mô men quay dùng cho xe ô tô; kính chắn gió xe ô tô; bộ giảm tốc dùng cho xe ô tô; bộ truyền động dùng cho xe ô tô; trục bánh xe của xe ô tô; cửa của xe ô tô; đầu máy của xe ô tô; động cơ cho xe ô tô; tấm ngăn gió dùng cho xe ô tô (là bộ phận của xe); bộ phận mặt lưới bằng kim loại ở đầu mũi xe ô tô để bảo vệ xe (bộ phận của xe ô tô); tấm bảo vệ chống va đập dùng cho xe ô tô (là bộ phận của xe); thanh chắn va đập của xe ô tô; bánh xe ô tô; tấm chụp mặt lưới bảo vệ ở đầu mũi xe của xe ô tô (là bộ phận của xe ô tô); mui xe dùng cho xe ô tô; tấm bảo vệ mui xe (là bộ phận của xe ô tô); tấm lái ngang của xe ô tô; cửa mái của xe ô tô (cửa trên nóc xe); mui xe ô tô; giá để chở xe đạp trên xe ô tô (là bộ phận của xe ô tô); giá để hành lý trên xe ô tô (là bộ phận của xe ô tô); giá để hành lý trên nóc xe ô tô (là bộ phận của xe ô tô); giá để đồ trượt tuyết trên xe ô tô (là bộ phận của xe ô tô); giá để ván trượt tuyết trên xe ô tô (là bộ phận của xe ô tô); bộ phận nắp đậy

bình chứa dầu của xe ô tô (là bộ phận của xe ô tô); cái chắn bùn của xe ô tô; tấm chắn mưa của xe ô tô (là bộ phận của xe ô tô); xích của xe ô tô; bộ phận đỉnh của trục bánh xe ô tô; tấm cản gió ở cửa mái của xe ô tô (là bộ phận của xe cộ); khung đỡ biển đăng ký của xe cộ (là bộ phận của xe cộ); thang của xe ô tô (là bộ phận của xe ô tô); xe rơ-moóc; móc nối toa xe rơ-moóc (là bộ phận của xe rơ-moóc); lốp xe dùng cho xe ô tô; vỏ bọc ngoài của lốp xe ô tô; bánh xe dùng cho xe ô tô; vành bánh xe ô tô; vỏ bọc ngoài của bánh xe ô tô; bộ phận lưỡi của cần gạt nước cho kính chắn gió của xe ô tô; cần gạt nước cho kính chắn gió của xe ô tô; thiết bị chống trộm dùng cho xe ô tô (là bộ phận của xe ô tô); còi báo hiệu đổi chiều dùng cho xe ô tô; gương chiếu hậu của xe ô tô; còi của xe ô tô; bảng chỉ dẫn (tín hiệu) hướng đi cho xe ô tô (là bộ phận của xe ô tô); bàn đạp (cho xe ô tô); vỏ bọc ngoài của bàn đạp cho xe ô tô; ghế ngồi an toàn cho trẻ em dùng cho xe ô tô; thắt lưng an toàn ở ghế ngồi dùng cho xe ô tô (là bộ phận của xe ô tô); vỏ bọc ghế ngồi của xe ô tô (là bộ phận của xe ô tô); đai bảo vệ an toàn dùng cho ghế ngồi xe ô tô (là bộ phận của xe ô tô); bậc lên xuống ở cửa xe ô tô (là bộ phận của xe ô tô); lưới giữ hành lý dùng cho xe ô tô (là bộ phận gắn liền của xe ô tô); hộp (ngăn) để chứa bộ điều khiển điện tử trên xe ô tô (là bộ phận của xe ô tô); tấm bọc phủ ngoài (có hình dáng theo xe) dùng cho xe ô tô; nút bấm cần số của xe ô tô; bộ phận để tựa đầu và để chân (lúc nghỉ ngơi) trên xe ô tô (bộ phận của xe ô tô); khoang (ngăn) để chứa bảng điều khiển của xe ô tô (là bộ phận của xe ô tô); cái giỏ để hành lý trên xe ô tô (là bộ phận của xe ô tô); giá để hành lý dùng cho xe ô tô (là bộ phận của xe ô tô); tay lái của xe ô tô; vỏ bọc tay lái dùng cho xe ô tô (là bộ phận của xe ô tô); tấm chắn ánh nắng dùng cho xe ô tô.

---

(111) **4-0167399**
(210) 4-2008-20447
(181) 23.09.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 08.07.2011
(220) 23.09.2008

(531) 26.15.15; 26.15.9
(591) Trắng, đỏ, vàng, nâu
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC HỒNG PHÁT (VN)
642 quốc lộ 1, phường 4, thị xã Tân An, tỉnh Long An
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 19: Đá xây dựng; đất xây dựng; cát; ximăng; vôi tinh lọc (dùng trong xây dựng); hắc ín than đá.

Nhóm 35: Mua bán xăng dầu; mua bán vật tư ngành nông lâm ngư nghiệp; mua bán vật liệu xây dựng; mua bán thiết bị cơ giới chuyên dùng.

Nhóm 36: Mua bán nhà; mua bán bất động sản; môi giới bất động sản; cho thuê bất động sản; định giá bất động sản; đấu giá bất động sản; đầu tư chứng khoán; môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; đầu tư tài chính cho xây dựng khu biệt thự và sân golf.

Nhóm 37: Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; trang trí nội thất (thi công); san lắp mặt bằng; xây dựng cơ sở hạ tầng; xây dựng công trình biệt thự và sân golf; xây dựng công trình khu vui chơi giải trí.

Nhóm 41: Dịch vụ tổ chức đua ngựa, dịch vụ tổ chức trò chơi có thưởng.

---

(111) **4-0167400**
(210) 4-2009-20902
(181) 30.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 08.07.2011
(220) 30.09.2009

(731) NGUYỄN CAO MINH TRÍ (VN)
35 Chi Lăng, phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

(511) Nhóm 35: Mua bán điện thoại, thiết bị viễn thông, thiết bị điện gia dụng, máy vi tính.

Nhóm 37: Sửa chữa điện thoại, sửa chữa thiết bị viễn thông.

---

(111) **4-0167401**
(210) 4-2009-14839
(181) 20.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

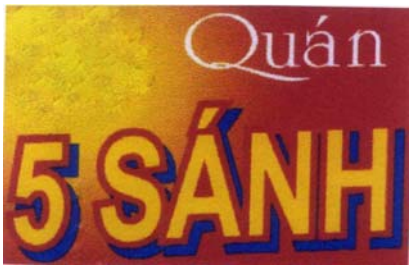

(151) 11.07.2011
(220) 20.07.2009

(591) Vàng, xanh dương, nâu, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ HOÀNG NGÂN (VN)
Phòng 202 (lầu 2) 288 Cách Mạng Tháng Tám, phường 10, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 43: Quán ăn uống.

---

(111) **4-0167402**
(210) 4-2009-11482
(181) 09.06.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 11.07.2011
(220) 09.06.2009

(531) 26.4.3; 26.7.25; 26.3.23
(591) Xanh dương đậm, trắng, xanh da trời
(731) THẾ GIỚI SÁCH (VN)
Tổ 8, phường Trần Phú, thị xã Hà Giang, tỉnh Hà Giang

(511) Nhóm 35: Mua bán sách; mua bán văn phòng phẩm; mua bán văn hoá phẩm.

---

(111) **4-0167403**
(210) 4-2009-14420
(181) 15.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 11.07.2011
(220) 15.07.2009

(531) 26.4.3; 26.1.1; 26.4.2; 26.4.10
(591) Đỏ, trắng, vàng
(731) CÔNG TY TNHH HƯNG GIA (VN)
Đường Chu Mạnh Trình, phường Hiến Nam, thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên

(511) Nhóm 35: Mua bán: ô tô, xe máy; dịch vụ môi giới thương mại.

---

(111) **4-0167404**
(210) 4-2009-10968
(181) 02.06.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 11.07.2011
(220) 02.06.2009

(531) 24.15.1; 1.15.23; 26.3.23; 23.1.5; 23.1.7
(591) Đỏ, vàng, cam, xanh nước biển
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG LOA THÀNH (VN)
Số 33/37 ngõ 67 Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 37: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông; lắp đặt điện nước công trình dân dụng, công nghiệp.

---

(111) **4-0167405**
(210) 4-2009-26318
(181) 03.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 11.07.2011
(220) 03.12.2009

(531) 26.4.2; 26.4.4; A26.11.12; 3.5.7; A3.5.24
(731) HUỲNH TRƯỜNG NHƠN (VN)
98 Trần Văn Kiểu, phường 13, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 01: Silicon; keo silicon; keo dùng trong công nghiệp; chất dính dùng trong công nghiệp; chất dính dùng cho giấy dán tường; keo trám bít silicon dùng trong công nghiệp.

---

(111) **4-0167406**
(210) 4-2010-07930
(181) 16.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

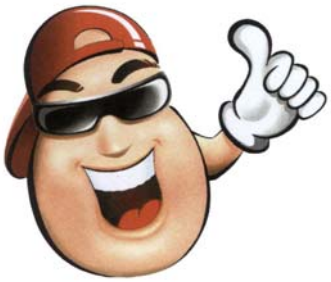

(151) 11.07.2011
(220) 16.04.2010

(531) 2.1.1; A2.1.23
(591) Đen, trắng, ghi, nâu nhạt, nâu đậm pha vàng
(731) FUTURE ENTERPRISES PTE LTD (SG)
101 Geylang Lorong 23, #05-03/04 Prosper House, Singapore 388399
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Khoai tây rán, khoai tây giòn, quả hạch đã sơ chế, quả hạch đã chế biến.

Nhóm 30: Bánh quy, bánh quy giòn, thực phẩm ăn nhanh làm từ ngũ cốc, lát mỏng ngũ cốc, thực phẩm ăn nhanh làm từ bột mì, thực phẩm ăn nhanh làm từ ngô, thực phẩm ăn nhanh làm từ gạo.

---

(111) **4-0167407**
(210) 4-2009-27916
(181) 23.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 11.07.2011
(220) 23.12.2009

(531) 26.1.1; A26.11.12; 26.13.25
(591) Xanh dương, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH LIÊN KẾT GIÁO DỤC PHÚ HOÀN CẦU (VN)
350 chung cư 2, Bàu Cát 7, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 41: Giáo dục đào tạo, dạy nghề; tư vấn du học; cung cấp thông tin về giáo dục, đào tạo.

---

(111) **4-0167408**
(210) 4-2010-02010
(181) 29.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 11.07.2011
(220) 29.01.2010

(531) 26.1.1; A26.11.12
(591) Trắng, xanh, vàng, tím
(731) ZHOU YUE QIN (CN)
Room 503, Tower No.54, Happiness Garden, Tiantai district, Zhejiang province, Republic of China
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc dùng cho con người; thuốc uống dùng trong ngành y; dược phẩm; dược thảo; thực phẩm chức năng dùng trong ngành y; chất ăn kiêng dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0167409**
(210) 4-2009-10681
(181) 29.05.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 11.07.2011
(220) 29.05.2009

(531) 26.11.1; A26.11.8
(591) Đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚC THIÊN LONG (VN)
ấp Đất Mới, tỉnh lộ 25B, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 36: Môi giới bất động sản; mua bán bất động sản; quản lý bất động sản.

---

(111) **4-0167410**
(210) 4-2009-10720
(181) 29.05.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 11.07.2011
(220) 29.05.2009

(531) 26.1.2; 26.1.1; 26.3.23; 24.15.21
(591) Xanh dương, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH CƠ NHIỆT ĐIỆN HIỆP ĐẠI PHÁT (VN)
14/4C ấp Chánh 2, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 11: Nồi hơi (không phải là bộ phận của máy móc).

---

(111) **4-0167411**
(210) 4-2007-23046
(181) 12.11.2017
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 11.07.2011
(220) 12.11.2007

(531) 26.1.1; 25.12.1; 2.1.1; 2.1.11
(591) Đỏ, trắng
(731) CƠ SỞ HỶ LÂM MÔN (VN)
548-550 Nguyễn Trãi, phường 8, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 30: Bánh kem; bánh; kẹo.

---

(111) **4-0167412**
(210) 4-2007-03161
(181) 14.02.2017
(450) 25.08.2011 281
(540)

SHIPS

(151) 11.07.2011
(220) 14.02.2007

(731) SHIPS LTD. (JP)
1-20-15, Ginza, Chuo-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(511) Nhóm 25: Quần áo, áo sơ mi, áo sợi dệt kim chui đầu dài tay không có cổ (thường rộng và phùng ở sau lưng), áo cộc tay (thường có đính biểu trưng của một tổ chức nào đó), bộ complê, quần áo đan, ăo nịt, khăn choàng cổ (có thể che được cả mặt và mũi) (trang phục quần áo), áo choàng ngoài, áo sơ mi cộc tay chui đầu, áo pacca (áo dài trùm đầu của người Eskimo), cà vạt, khăn quàng cổ, quần lót, quần soóc (quần áo), thắt lưng (trang phục quần áo), áo cánh, coocxê ngoài (quần áo), áo len đan (có hoặc không có tay), áo gilê (áo đặt biệt thường không có tay, phủ lên phần trên của cơ thể), váy, áo váy, quần áo ngủ (bộ quần áo pajamas), quần áo lót, quần áo tắm, mũ lưỡi trai (đồ đội đầu), mũ nón, găng tay (trang phục quần áo), bít tất ngắn cổ, đồ đi chân.

---

(111) **4-0167413**
(210) 4-2007-07993
(181) 08.05.2017
(450) 25.08.2011 281
(540)

Tommy Boy

(151) 11.07.2011
(220) 08.05.2007

(731) FAN PINGYING (CN)
78-7 Renmeijiu Lane, No.21, Renmeili Village, Beidun District, Taizhong City, Taiwan Province P.R.China
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 08: Đá mài; cái vá (hình giống cái xẻng) (dụng cụ cầm tay); dao cắt; dao cắt bánh (không bằng điện); bộ đồ ăn (dao, dĩa và thìa); dĩa để ăn; dao kéo; cái thìa; cái muôi (dụng cụ cầm tay); bộ đồ ăn bằng bạc (dao, dĩa và thìa).

Nhóm 21: Bộ đồ trà, không bằng kim loại quí; đồ gốm dùng trong gia đình; ấm pha chè, không bằng kim loại quí; cối xay cà phê thao tác bằng tay; bộ đồ cà phê, không bằng kim loại quí; cái lọc cà phê không dùng điện, đồ bằng thủy tinh (được vẽ); bình cà phê không dùng điện, không bằng kim loại quí; máy ép trái cây gia dụng, không dùng điện; máy trộn thủ công gia dụng.

Nhóm 43: Dịch vụ chỗ ở tạm thời (khách sạn, nhà trọ); tiệm cà phê; quán cà phê tự phục vụ; căng tin; nhà hàng ăn uống; quán rượu nhỏ; quầy ăn uống; quầy phục vụ đồ ăn, đặc biệt là đồ uống có cồn (quầy bar); quán trà.

---

(111) **4-0167414**
(210) 4-2008-10121
(181) 14.05.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 11.07.2011
(220) 14.05.2008

(531) 5.3.20; A5.1.5; 26.11.3; 26.4.3; 26.4.9; 26.4.2; 26.4.1; 2.9.25
(591) Đỏ, đỏ nhạt, xanh lá cây, vàng, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG (VN)
Số 96 - 98 Nguyễn Viết Xuân, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167415**
(210) 4-2007-26633
(181) 26.12.2017
(450) 25.08.2011 281
(540)

Yuanta
We Create Fortune

(151) 11.07.2011
(220) 26.12.2007

(731) YUANTA FINANCIAL HOLDING COMPANY LIMITED (TW)
9F., No. 4, Sec. 1, Zhongxiao W. Rd., Zhongzheng District, Taipei, Taiwan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 36: Đại lý môi giới kinh doanh chứng khoán ở các thị trường chứng khoán nước ngoài và môi giới các giao dịch đặt mua chứng khoán trong tương lai ở thị trường nước ngoài; đại lý kinh doanh kỳ hạn thẻ tín dụng và giấy tờ có giá trị; đại lý trong lĩnh vực

trái phiếu và chứng khoán khác; đại lý hoặc môi giới kinh doanh chứng khoán, giao dịch chỉ số chứng khoán trong tương lai, quyền chọn mua chứng khoán và giao dịch chứng khoán trong tương lai tại thị trường nước ngoài; dịch vụ ngân hàng; tư vấn về ngân hàng; môi giới cổ phiếu và chứng khoán khác; môi giới cổ phiếu hoặc cổ phần và chứng khoán khác; tư vấn đầu tư vốn; giao dịch hối đoái và tiền mặt; dịch vụ cung cấp thông tin về hối đoái; tư vấn về quỹ đầu tư; quỹ đầu tư; môi giới quỹ tương hỗ; phân phối quỹ tương hỗ; đầu tư quỹ tương hỗ; dịch vụ quỹ đầu tư cổ phần tư nhân; dịch vụ tài khoản tiết kiệm; dịch vụ tiết kiệm và cho vay; dịch vụ tiết kiệm ngân hàng; môi giới chứng khoán; môi giới cổ phiếu.

---

(111) **4-0167416**
(210) 4-2008-03536
(181) 26.02.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

IQShield

(151) 11.07.2011
(220) 26.02.2008

(731) MAX BIOCARE PTY LTD. (AU)
McMillans Melbourne, Suite 1, 657 Chapel Street, South Yarra, VIC 3141, Australia
(740) Công ty cổ phần tư vấn Trung Thực (TRUNG THUC.,JSC)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0167417**
(210) 4-2008-09391
(181) 06.05.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

COWBOY

CAO BỒI

(151) 11.07.2011
(220) 06.05.2008

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CỔNG VÀNG (VN)
60 Giang Văn Minh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0167418**
(210) 4-2007-12403
(181) 03.07.2017
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 11.07.2011
(220) 03.07.2007

(591) Ghi đậm, ghi nhạt, trắng
(731) OSOTSPA CO., LTD. (TH)
348 Ramkhamhaeng Road Huamak, Bangkapi, Bangkok 10240, Thailand
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 32: Đồ uống điện giải (không dùng cho mục đích y tế); nước uống bổ dưỡng (không dùng cho mục đích y tế); đồ uống không chứa cồn; nước hoa quả; nước ép trái cây; xi rô và các chế phẩm dùng làm đồ uống.

---

(111) **4-0167419**
(210) 4-2007-23604
(181) 19.11.2017
(450) 25.08.2011 281
(540)

CHOLACID

(151) 11.07.2011
(220) 19.11.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRƯỜNG THỌ (VN)
Số 93 Linh Lang, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Bình Minh (SUNRISE IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0167420**
(210) 4-2008-17268
(181) 12.08.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

Dưỡng Mẫu Khang

(151) 11.07.2011
(220) 12.08.2008

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TUỆ LINH (VN)
Số 4, lô 4, khu 1765m2, tổ 28, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167421**
(210) 4-2009-27610
(181) 18.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

DRYMAX

(151) 11.07.2011
(220) 18.12.2009

(731) CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG (VN)
70G Nguyên Hồng, phường 1, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Mua bán: máy hút ẩm, máy điều hòa, máy làm lạnh, máy thông gió.

---

(111) **4-0167422**
(210) 4-2009-25233
(181) 20.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 11.07.2011
(220) 20.11.2009

(531) A1.1.2; 24.7.1; 26.11.2
(591) Xanh lá cây, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ VIỆT NAM (VN)
172A Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 07: Cần cẩu và các thiết bị nâng.

Nhóm 35: Dịch vụ xuất nhập khẩu các vật tư, thiết bị chuyên dùng ngành vận tải biển; mua bán nguyên vật liệu xây dựng; cung ứng (mua bán) nhiên liệu cho tàu biển.

Nhóm 36: Cho thuê văn phòng, nhà ở; đầu tư tài chính cho xây dựng.

Nhóm 37: Sửa chữa và bảo dưỡng các phương tiện vận tải biển, vận tải đường sông và thiết bị phục vụ vận tải và khai thác dầu khí; dịch vụ vệ sinh tàu dầu và dịch vụ nạo vét bùn, cặn dầu; dịch vụ xây dựng công trình dân dụng và cầu đường.

Nhóm 39: Dịch vụ vận tải đường biển và xếp dỡ hàng hóa siêu trường, siêu trọng; đại lý tàu biển, cho thuê tàu và môi giới hàng hải; lai dắt các phương tiện thủy và hỗ trợ tàu ra vào cảng phục vụ khai thác dầu khí; đại lý bán vé máy bay; cho thuê kho bãi.

Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống, khách sạn.

---

(111) **4-0167423**
(210) 4-2009-26777
(181) 10.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

LAROOT

(151) 11.07.2011
(220) 10.12.2009

(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT LONG AN (VN)
MB 1-5, khu công nghiệp Đức Hòa 1, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật cụ thể là: chất diệt nấm; thuốc đuổi sâu bọ; thuốc trừ sâu; chế phẩm để diệt cây có hại (chất diệt cỏ); chế phẩm để diệt trừ sâu hại.

---

(111) **4-0167424**
(210) 4-2009-23239
(181) 28.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

FUCOGASTRO

(151) 11.07.2011
(220) 28.10.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN FUCOIDAN VIỆT NAM (VN)
02 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167425**
(210) 4-2009-25439
(181) 24.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

ROLOC

(151) 11.07.2011
(220) 24.11.2009

(731) 3M COMPANY (US)
3M Center, 2501 Hudson Road, St. Paul, Minnesota 55144, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 03: Vật liệu mài, bao gồm vải để mài, giấy để mài và các chế phẩm để mài; chế phẩm tẩy trắng và các chế phẩm khác dùng cho mục đích giặt là; chế phẩm làm sạch, đánh bóng, tẩy sạch và mài mòn; xà phòng; nước hoa, tinh dầu, mỹ phẩm, nước thơm xức tóc; thuốc đánh răng.

Nhóm 07: Máy mài và các bộ phận của máy mài; đĩa mài (bộ phận của máy); máy công cụ; mô tơ và động cơ (không dùng cho phương tiện giao thông trên bộ); bộ phận kết nối và truyền động cho máy (không dùng cho phương tiện giao thông trên bộ); nông cụ không phải là loại thao tác bằng tay; máy ấp trứng.

---

(111) **4-0167426**
(210) 4-2009-27290
(181) 16.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

ZYCKS

(151) 11.07.2011
(220) 16.12.2009

(731) CADILA HEALTHCARE LTD. (IN)
"Zydus Tower". Satellite cross road, Ahmedabad 380015, India.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167427**
(210) 4-2009-25218
(181) 20.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

NGỌC THƠ

(151) 11.07.2011
(220) 20.11.2009

(731) CÔNG TY TNHH NGỌC THƠ (VN)
Số 8 Nguyễn Trãi, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ mua bán: hàng bách hoá tổng hợp, hoá mỹ phẩm, đồ bảo hộ lao động, mua bán máy móc, trang thiết bị văn phòng, nhà xưởng, văn phòng phẩm, điện thoại, hoá chất, vải sợi, sản phẩm may mặc, thêu ren, giấy và các sản phẩm giấy, sữa, bánh kẹo, nước giải khát, thực phẩm chế biến, cao su, nhựa, các sản phẩm bằng gỗ.

---

(111) **4-0167428**
(210) 4-2009-25455
(181) 24.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 11.07.2011
(220) 24.11.2009

(531) 26.1.2; A26.11.12; 26.13.25
(591) Đỏ
(731) CÔNG TY TNHH MAY THÊU HOÀNG GIA CÁT (VN)
18/28A2 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đakao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Đại lý quảng cáo; dịch vụ giới thiệu sản phẩm trên các phương tiện truyền thông.

Nhóm 41: Dịch vụ giải trí; tổ chức buổi trình diễn; dịch vụ làm mẫu cho các nghệ sĩ; tổ chức các cuộc thi sắc đẹp.

Nhóm 42: Vẽ mốt quần áo.

---

(111) **4-0167429**
(210) 4-2009-25432
(181) 24.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

NORSHIELD-ĐỒNG ĐỎ

(151) 11.07.2011
(220) 24.11.2009

(731) CÔNG TY TNHH HOÁ NÔNG HỢP TRÍ (VN)
Lô B14, khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 01: Phân bón, hóa chất để bảo quản thực phẩm, chất điều hòa sinh trưởng cây trồng.

Nhóm 05: Thuốc diệt động vật có hại, chất diệt cỏ, chất diệt nấm, thuốc trừ sâu.

Nhóm 35: Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư nông nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón các loại; nước rửa rau quả và hóa chất bảo quản nông sản, hóa chất-chế phẩm diệt côn trùng.

---

(111) **4-0167430**
(210) 4-2009-25979
(181) 01.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

DongNam® APPRAISAL
THẨM ĐỊNH GIÁ ĐÔNG NAM

(151) 11.07.2011
(220) 01.12.2009

(531) A26.11.12; 26.3.23
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ ĐÔNG NAM (SACC) (VN)
87 Trần Thiện Chánh, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 36: Dịch vụ thẩm định giá.

---

(111) **4-0167431**
(210) 4-2009-25992
(181) 01.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

HÒA DUNG

(151) 11.07.2011
(220) 01.12.2009

(531) A26.11.12; 26.2.7; 26.4.1; 26.4.4
(591) Xanh dương, trắng
(731) NGUYỄN VĂN HOÀ (VN)
Số 11 Cao Xanh, Hạ Long, Quảng Ninh

(511) Nhóm 06: Cửa cuốn bằng hợp kim nhôm: cửa sổ và phụ kiện cửa sổ bằng kim loại; cửa ra vào và phụ kiện cửa ra vào bằng kim loại; cổng và phụ kiện của cổng bằng kim loại (dùng trong xây dựng); vật liệu xây dựng bằng kim loại.

---

(111) **4-0167432**
(210) 4-2009-26666
(181) 09.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 11.07.2011
(220) 09.12.2009

(531) 26.3.1; A26.3.6; 26.13.25; 18.3.21
(591) Trắng, đỏ, xanh dương, xanh lá cây, đen
(731) ĐOÀN TRUNG HẢI (VN)
Tổ 21B Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống, khách sạn.

---

(111) **4-0167433**
(210) 4-2009-26672
(181) 09.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 11.07.2011
(220) 09.12.2009

(531) 26.1.1; 15.7.1; 5.7.3; 17.5.1
(591) Xanh dương, trắng, xanh lá cây, tím
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TƯ KHÉN (VN)
Số 09, quốc lộ 1A, ấp Trà Ban 2, xã Châu Hưng A, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu

(511) Nhóm 07: Máy gặt đập liên hợp, máy tuốt lúa.

---

(111) **4-0167434**
(210) 4-2009-23130
(181) 27.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

LODIEL

(151) 11.07.2011
(220) 27.10.2009

(731) DAEWOONG PHARMACEUTICAL CO., LTD (KR)
163-3, Samsung-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0167435**
(210) 4-2009-26179
(181) 02.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

MISOPLUS

(151) 11.07.2011
(220) 02.12.2009

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0167436**
(210) 4-2009-26291
(181) 03.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

H.p H.P., Ltd BIGRED

(151) 11.07.2011
(220) 03.12.2009

(531) 5.7.3; 26.11.1
(591) Đỏ, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI H.P (VN)
Khu 7, phố Yên, xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 31: Thức ăn gia súc, gia cầm, thuỷ sản.

---

(111) **4-0167437**
(210) 4-2009-24558
(181) 12.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

INF INTERNATIONAL FOOD

(151) 11.07.2011
(220) 12.11.2009

(531) 26.1.2; 25.1.6; 25.1.25; 26.4.2
(591) Trắng, đỏ, vàng, nâu, đen
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XUẤT NHẬP KHẨU THỰC PHẨM QUỐC TẾ (VN)
Số 11/77 Hồ Đắc Di, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 30: Cà phê bột và cà phê hoà tan; trà hoà tan.

Nhóm 35: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá, mua bán cà phê, trà.

---

(111) **4-0167438**
(210) 4-2009-21510
(181) 07.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 11.07.2011
(220) 07.10.2009

(531) 26.4.2; A26.11.12; 26.4.4
(591) Đen, đỏ, xám
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN IN ĐĂNG KHOA (VN)
166 Thành Công, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 25: Quần áo.

---

(111) **4-0167439**
(210) 4-2009-20490
(181) 24.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

QUEEN ART

(151) 11.07.2011
(220) 24.09.2009

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HNC (VN)
Số 80 phố Nguyễn An Ninh, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Tư vấn Sao Việt (SAOVIET.,JSC)

(511) Nhóm 11: Bếp gas; bếp từ; máy hút mùi; thiết bị hút ẩm; thiết bị tạo ẩm.

---

(111) **4-0167440**
(210) 4-2009-25514
(181) 25.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 11.07.2011
(220) 25.11.2009

(591) Xanh đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ATA (VN)
114 Trường Chinh, Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 02: Sơn trang trí các loại; sơn alkyd dùng cho gỗ và sắt.

Nhóm 19: Bột trét tường; xi măng trắng.

(111) **4-0167441**
(210) 4-2009-12656
(181) 23.06.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 11.07.2011
(220) 23.06.2009

(531) 1.15.21; 7.3.2; 21.1.16; 26.1.2; 25.7.25; A5.3.15
(591) Vàng, đỏ, xanh dương, xanh lá cây, xanh lam, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI C&C (VN)
Số nhà 37, tổ 4, phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

(511) Nhóm 03: Chất tẩy rửa (nước rửa chén bát).

---

(111) **4-0167442**
(210) 4-2009-15340
(181) 24.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 11.07.2011
(220) 24.07.2009

(531) 15.7.1; 26.1.2
(591) Xanh đen, đỏ, đen, trắng, xanh dương
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN PHÚC QUANG (VN)
B12B, khu phố 4, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

(511) Nhóm 35: Mua bán vật tư ngành điện, ngành điện lạnh, ngành tự động, ngành nước và thiết bị tin học.

Nhóm 37: Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị hệ thống điện, thiết bị hệ thống điện lạnh và thiết bị hệ thống nước.

---

(111) **4-0167443**
(210) 4-2009-07809
(181) 23.04.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

AGONBIOL

(151) 11.07.2011
(220) 23.04.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM BÁCH THẢO (VN)
Nhà số 5, ngách 161, ngõ 438, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

(111) **4-0167444**
(210) 4-2009-13521
(181) 03.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 11.07.2011
(220) 03.07.2009

(531) 26.1.1; 26.4.3; 26.4.4; 1.15.14
(591) Xanh dương, vàng, xanh lá cây, đen, trắng, da cam
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOÀNG ANH (VN)
ấp Long Bình, xã Long An, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết; nước uống đóng chai.

(111) **4-0167445**
(210) 4-2009-16093
(181) 03.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 11.07.2011
(220) 03.08.2009

(531) A5.5.21; 26.1.2
(591) Xanh lá cây, đỏ, đen
(731) HỘ KINH DOANH CUỘC SỐNG DỄ DÀNG (VN)
323 Nguyễn Tri Phương, phường 5, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn Sở hữu trí tuệ và Thời trang ngày nay Lê Gia (LEFANO IP CONSULTANT)

(511) Nhóm 30: Trà (chè); đồ uống trên cơ sở trà (như trà sữa, hồng trà, lục trà).

(111) **4-0167446**
(210) 4-2009-27699
(181) 21.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 11.07.2011
(220) 21.12.2009

(531) 5.5.19; A5.5.20; A5.5.21
(591) Xanh lá cây, vàng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ XANH (VN)
80 Huỳnh Văn Lũy, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Tư vấn Sở hữu trí tuệ á Đông (A ĐÔNG IP CONSULTANCY CO.,LTD.)

(511) Nhóm 20: Bao bì bằng gỗ.

Nhóm 35: Mua bán: hoa và cây, bao bì bằng gỗ, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, cao su thành phẩm, các sản phẩm từ cao su trong ngành xây dựng; cung ứng lao động tạm thời.

Nhóm 37: Xây dựng nhà các loại; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; dịch vụ vệ sinh công nghiệp.

Nhóm 39: Dịch vụ thu gom rác thải không độc hại.

---

(111) **4-0167447**
(210) 4-2009-18750
(181) 04.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 11.07.2011
(220) 04.09.2009

(531) A1.1.10; A1.1.2; A25.7.21; 25.7.25
(591) Đen, xanh
(731) CÔNG TY TNHH SƠN SONG HOA (VN)
39 đường số 2, khu phố 3, phường Thảo Điền, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 02: Sơn, mát tít phủ bề mặt kim loại.

---

(111) **4-0167448**
(210) 4-2009-10771
(181) 29.05.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Vạn Hoa

(151) 11.07.2011
(220) 29.05.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM BÁCH THẢO (VN)
Nhà số 5, ngách 161, ngõ 438, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Buôn bán dược phẩm, dược chất, thuốc đông y, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế, thực phẩm chức năng, trang thiết bị và dụng cụ y tế, mỹ phẩm, dầu gội đầu, kem dưỡng da, sữa rửa mặt, xà phòng, nước rửa chén, lương thực, thực phẩm, chè, cà phê, cacao, sữa và các sản phẩm từ sữa, thịt, cá, gia cầm, trứng, bia, rượu.

---

(111) **4-0167449**
(210) 4-2009-27615
(181) 18.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

VANO

(151) 11.07.2011
(220) 18.12.2009

(731) CÔNG TY TNHH AN THỊNH (VN)
CCN Hà Bình Phương, Văn Bình, Thường Tín, thành phố Hà Nội
(740) Công ty cổ phần Tư vấn S&B (S&B CONSULTANT., CORP.)

(511) Nhóm 09: Âm-pli; đầu đọc đĩa VDC, DVD, MP3; đầu karaoke; đầu kỹ thuật số; máy quét (scan); máy quay video; máy ảnh; máy chiếu; tivi; máy biến thế điện; máy tính; máy in dùng với máy tính.

Nhóm 11: Máy điều hòa không khí; máy sưởi nóng; lò nướng; máy lọc nước; thiết bị làm lạnh: tủ lạnh, máy ướp lạnh; nồi áp suất; quạt máy; thiết bị chiếu sáng: đèn chiếu sáng; lò vi sóng; nồi cơm điện; ấm điện; bếp từ; bếp gas.

---

(111) **4-0167450**
(210) 4-2009-28116
(181) 25.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

NHỰA VI LỮ
VI LU PLASTIC

(151) 11.07.2011
(220) 25.12.2009

(531) A3.7.24; 26.13.25
(591) Trắng, xanh lá cây, xanh đậm
(731) CÔNG TY TNHH VI LỮ (VN)
Đường tỉnh 824, ấp mới 2, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An

(511) Nhóm 16: Bao bì nhựa.

---

(111) **4-0167451**
(210) 4-2009-28418
(181) 29.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Ngân Lộc

(151) 11.07.2011
(220) 29.12.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM NGÂN LỘC (VN)
26 đường 320 Bông Sao, phường 5, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Buôn bán dược phẩm, dược chất, thuốc đông y, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế, thực phẩm chức năng, trang thiết bị y tế, mua bán mỹ phẩm, dầu gội đầu, kem dưỡng da, sữa rửa mặt, sữa tắm, xà phòng, nước rửa chén; mua bán lương thực, thực phẩm, bánh, kẹo, gạo, bột ngũ cốc, chè, cà phê, cacao, sữa và các sản phẩm từ sữa, thịt, cá, gia cầm, trứng, nước giải khát, nước tinh khiết, bia, rượu.

---

(111) **4-0167452**
(210) 4-2009-28419
(181) 29.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

ESOLONA

(151) 11.07.2011
(220) 29.12.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM NGÂN LỘC (VN)
26 đường 320 Bông Sao, phường 5, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167453**
(210) 4-2009-12104
(181) 16.06.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

VIREC

(151) 11.07.2011
(220) 16.06.2009

(531) A26.11.12; A26.11.13; 26.13.1; A5.5.20
(591) Đen, trắng, xanh dương, hồng cách sen, xanh lá chuối
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN G4B (VN)
101/SB 25 Nguyễn Văn Đậu, phường 5, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Luật TNHH V.N.I.P (V.N.I.P LAW FIRM)

(511) Nhóm 41: Tổ chức hội nghị, hội thảo, lễ hội liên quan đến lĩnh vực bất động sản và các lĩnh vực khác.

---

(111) **4-0167454**
(210) 4-2009-18751
(181) 04.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 11.07.2011
(220) 04.09.2009

(531) 26.3.23
(591) Đỏ, đen, xám
(731) CÔNG TY TNHH SƠN SONG HOA (VN)
39 đường số 2, khu phố 3, phường Thảo Điền, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 02: Sơn bề mặt kim loại.

---

(111) **4-0167455**
(210) 4-2009-27296
(181) 16.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

EUROGO

(151) 11.07.2011
(220) 16.12.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TÂN ĐỨC (VN)
Số 1, ngách 2, ngõ Kiến Thiết, phố Khâm Thiên, phường Thổ Quan, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, băng y tế, bông y tế.

---

(111) **4-0167456**
(210) 4-2009-28359
(181) 29.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 11.07.2011
(220) 29.12.2009

(531) 26.4.1; 26.4.4; A26.11.12; 5.3.20; A5.3.13; 26.13.25
(591) Xanh da trời, trắng, đất
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ANH TRANG (VN)
72/30 Nhất Chi Mai, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 39: Kinh doanh vận chuyển hàng hóa.

---

(111) **4-0167457**
(210) 4-2009-28416
(181) 29.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

NGAN LOC PHARMA

(151) 11.07.2011
(220) 29.12.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM NGÂN LỘC (VN)
26 đường 320 Bông Sao, phường 5, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc thú y, thuốc đông y, chất ăn kiêng trong ngành y, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế, dung dịch vệ sinh cá nhân chứa thuốc.

---

(111) **4-0167458**
(210) 4-2009-28417
(181) 29.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

LONAPHARMA

(151) 11.07.2011
(220) 29.12.2009

(531) 26.3.1; A26.3.7; A26.11.12
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM NGÂN LỘC (VN)
26 đường 320 Bông Sao, phường 5, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc thú y, thuốc đông y, chất ăn kiêng trong ngành y, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế, dung dịch vệ sinh cá nhân chứa thuốc.

---

(111) **4-0167459**
(210) 4-2009-26275
(181) 03.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

SHISEIDO PROFESSIONAL PROSYNERGY

(151) 11.07.2011
(220) 03.12.2009

(731) SHISEIDO COMPANY, LIMITED (JP)
7-5-5 Ginza, Chuo-ku, Tokyo 104-8010, Japan
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 03: Xà phòng, nước hoa, và mỹ phẩm; bao gồm cả các sản phẩm mỹ phẩm chăm sóc da, chăm sóc tóc, chăm sóc cơ thể, và mỹ phẩm trang điểm.

---

(111) **4-0167460**
(210) 4-2009-26278
(181) 03.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

SHISEIDO PROFESSIONAL PROSYNERGY

(151) 11.07.2011
(220) 03.12.2009

(731) SHISEIDO COMPANY, LIMITED (JP)
7-5-5 Ginza, Chuo-ku, Tokyo 104-8010, Japan
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 21: Lược và miếng bọt biển để cọ rửa, bàn chải để cọ rửa, bàn chải tóc, cọ thoa son lên môi, cọ thoa mỹ phẩm lên lông mày, đồ đựng mỹ phẩm, đồ chứa bằng thuỷ tinh, gốm sứ và đất nung dùng cho mục đích gia đình, đồ chứa bằng chất dẻo dùng cho mục đích gia đình.

---

(111) **4-0167461**
(210) 4-2009-16223
(181) 04.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

金巧麗爾
Chen Chilir

(151) 11.07.2011
(220) 04.08.2009

(731) LI-FANG KUO (TW)
No. 69 Ching Tung St., Tainan, Taiwan
(740) Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội (AMBYS HANOI)

(511) Nhóm 25: Áo lót phụ nữ; thắt lưng; áo ngực; áo nịt ngực; quần áo lót; quần lót; áo gi-lê.

---

(111) **4-0167462**
(210) 4-2009-13160
(181) 29.06.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

NAVIEN

(151) 11.07.2011
(220) 29.06.2009

(531) 1.17.11; 1.15.15; 26.1.2; 1.7.6
(591) Trắng, đỏ, xanh dương, xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NƯỚC NAM VIỆT (VN)
339/11, Nguyễn Thái Bình, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Trung tâm tư vấn phát triển Thương hiệu và Chất lượng (NATUSI)

(511) Nhóm 11: Thiết bị lọc nước; thiết bị và máy để làm sạch nước.

---

(111) **4-0167463**
(210) 4-2009-13642
(181) 06.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 11.07.2011
(220) 06.07.2009

(531) 2.9.14; A2.9.15; A1.1.10; 26.1.1; 25.1.6
(591) Đỏ, trắng, xanh dương
(731) CƠ SỞ MINH ĐẠT (VN)
Số 12 đường số 2, khu phố 6, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 29: Bò viên, cá viên, chả lụa, chả cá.

---

(111) **4-0167464**
(210) 4-2009-01703
(181) 06.02.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 11.07.2011
(220) 06.02.2009

(531) A5.3.14
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VIỆT MY (VN)
101/35 Gò Dầu, phường Tân Quý, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 03: Các loại mỹ phẩm; dầu gội đầu; thuốc nhuộm tóc; thuốc duỗi tóc; thuốc đánh răng; chất tẩy không phải loại dùng trong công nghiệp; chế phẩm để làm sạch; các loại xà phòng; các loại xà phòng lỏng; chế phẩm dùng cho tắm hoa sen, bao gồm bọt tắm hoa sen; các chế phẩm dùng cho trước cạo râu và sau cạo râu; nước hoa; các loại tinh dầu; các túi thấm tẩm nước hoa để làm thơm đồ trong nhà; các chế phẩm dùng cho tóc; các chế phẩm dưỡng da, làm trắng da; các chất chống mồ hôi sử dụng cho cá nhân; các chất khử mùi dùng cho cá nhân; các loại nước rửa tay; các loại bột giặt; các chế phẩm và các chất khác dùng để tẩy không phải loại dùng trong công nghiệp, tất cả sử dụng cho giặt quần áo.

Nhóm 21: Bàn chải đánh răng, bàn chải dùng để tắm giặt cá nhân.

Nhóm 24: Màn ngủ chống muỗi.

Nhóm 25: Quần áo, dây thắt lưng quần áo, mũ, giầy dép.

Nhóm 30: Cà phê, chè (trà xanh); bánh kẹo; bột ngũ cốc; nước giải khát có nguồn gốc từ cà phê, chè (trà xanh); chè (trà) thảo mộc.

Nhóm 32: Bia; nước khoáng; nước tinh khiết; các loại nước ép từ trái cây; nước giải khát các loại từ trái cây; các loại nước giải khát có bổ sung vitamin.

Nhóm 33: Rượu.

Nhóm 35: Mua bán mỹ phẩm, dầu gội đầu, xà phòng, thuốc đánh răng, dịch vụ quảng cáo; dịch vụ cửa hàng bán lẻ trực tuyến.

Nhóm 41: Dịch vụ tập thể dục thẩm mỹ, thể dục thể hình, karaoke.

Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống, khách sạn, quán ăn.

Nhóm 44: Dịch vụ xông hơi xoa bóp (massage), tập vật lý trị liệu; dịch vụ chăm sóc da, chăm sóc tóc.

---

(111) **4-0167465**
(210) 4-2009-03386
(181) 03.03.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Bioré
Sparkling Apple

(151) 11.07.2011
(220) 03.03.2009

(731) KAO KABUSHIKI KAISHA (ALSO TRADING AS KAO CORPORATION) (JP)
14-10, Nihonbashi, Kayabacho 1-chome, Chuo-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Xà phòng dùng cho cá nhân, nước rửa mặt (xà phòng/nước thơm), nước rửa (làm sạch) cơ thể, mỹ phẩm.

---

(111) **4-0167466**
(210) 4-2009-03930
(181) 10.03.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

VĨ LONG
professional hair products

(151) 11.07.2011
(220) 10.03.2009

(531) A26.11.12
(591) Vàng, xanh lá mạ, xanh lá cây đậm, xám, trắng
(731) CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ VĨ LONG (VN)
28/18 Tô Hiệu, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn Sở hữu trí tuệ á Đông (A ĐÔNG IP CONSULTANCY CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán mỹ phẩm; mua bán dụng cụ làm tóc.

---

(111) **4-0167467**
(210) 4-2009-16227
(181) 04.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

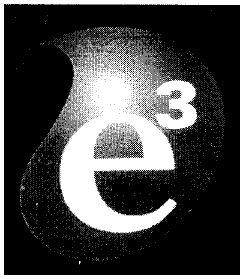

(151) 11.07.2011
(220) 04.08.2009

(531) 1.15.15
(731) NIPPON PAINT (THAILAND) CO., LTD. (TH)
101 Moo 3, Soi Suksawad 76, Suksawad Road Bangchak Prapradaeng, Samutprakarn 10130 Thailand
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 02: Sơn nước phủ nền Acrylic.

---

(111) **4-0167468**
(210) 4-2009-16228
(181) 04.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

O-DE BASE

(151) 11.07.2011
(220) 04.08.2009

(731) NIPPON PAINT (THAILAND) CO., LTD. (TH)
101 Moo 3, Soi Suksawad 76, Suksawad Road Bangchak Prapradaeng, Samutprakarn 10130 Thailand
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 02: Sơn nước phủ nền Acrylic.

---

(111) **4-0167469**
(210) 4-2009-08125
(181) 28.04.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 11.07.2011
(220) 28.04.2009

(531) A5.5.21; 5.5.19
(591) Đỏ, vàng, tím, xanh lá cây, đen, xám
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRIVIN SA (VN)
Số 11 ngõ Thịnh Hào I, phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 33: Rượu; rượu vang.

---

(111) **4-0167470**
(210) 4-2009-16264
(181) 04.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 11.07.2011
(220) 04.08.2009

(531) A1.1.10; A1.1.9; A10.3.4; 26.1.2; 26.1.4; A1.1.5
(591) Vàng, đỏ, xanh dương, xanh lam đậm, xanh lam nhạt, vàng cam, đen, trắng, xanh lá mạ
(731) CÔNG TY TNHH 1TV HÒA THÁI (VN)
Thôn Khòn Pát, xã Mai Pha, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

(511) Nhóm 18: Ô (dù).

---

(111) **4-0167471**
(210) 4-2009-01398
(181) 23.01.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

USPA

(151) 11.07.2011
(220) 23.01.2009

(731) UNITED STATES POLO ASSOCIATION (C/O USPA PROPERTIES, INC.) (US)
771 Corporate Drive, Suite 430, Lexington, Kentucky 40503 U.S.A.
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 18: Cặp tài liệu, hòm; túi đựng quần áo; túi xách tay; túi dùng cho thể thao; túi sách học sinh; valy; túi du lịch; hòm du lịch; ví đựng đồ trang điểm (chưa có đồ bên trong); túi có bánh xe, tất cả đều được làm bằng da hoặc giả da, ô; va ly đựng hành lý; va ly đựng hành lý có bánh xe; va ly đựng hành lý có kết cấu dạng khung; ví đựng tiền, các sản phẩm nhỏ bằng da, túi xách dành cho phụ nữ; túi nhỏ, hộp đựng chìa khóa; dây đeo chìa khóa, kẹp tiền (bằng da); cái bọc bằng da để bọc sổ nhật ký; và ví cầm tay, tất cả đều thuộc nhóm này.

Nhóm 25: Đồ đan và dệt kim dành cho nam giới bao gồm áo sơ mi, quần soóc và quần lót, quần áo thấm mồ hôi, quần áo mặc khi vận động, quần áo mặc ngoài trời, bộ quần áo và áo khoác thể thao, ca vát, bít tất, quần áo mặc trong nhà và quần áo ngủ; đồ đan và dệt kim dành cho phụ nữ bao gồm áo sơ mi, quần soóc và quần lót, quần áo thấm mồ hôi, quần áo mặc khi vận động, quần áo mặc ngoài trời, bộ quần áo, khăn quàng cổ, và bít tất; đồ đan và dệt kim dành cho trẻ em gồm áo sơ mi, quần soóc và quần lót, quần áo thấm mồ hôi, quần áo mặc ngoài trời, quần áo mặc khi vận động, bít tất, quần áo mặc trong nhà và quần áo ngủ; dây lưng (trang phục).

---

(111) **4-0167472**
(210) 4-2009-02105
(181) 13.02.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 11.07.2011
(220) 13.02.2009

(531) 26.4.2; 26.4.4; A7.1.12; A26.4.24
(591) Đỏ, đỏ đậm, xanh dương, vàng, trắng, tím, nâu, xám
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT HÀ BÌNH (VN)
17/9 đường liên khu 2-10 khu phố 10, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 19: Bột trét tường (mastic).

---

(111) **4-0167473**
(210) 4-2009-13435
(181) 02.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

World of Baby

(151) 11.07.2011
(220) 02.07.2009

(531) 26.1.2
(591) Hồng, xanh lam, vàng, xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂM SÓC MẸ VÀ EM BÉ (VN)
230 Võ Thị Sáu, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán đồ dùng trong gia đình và nội thất; mua bán đồ mỹ phẩm và vệ sinh cá nhân; mua bán thiết bị và linh kiện điện tử; mua bán đồ văn phòng phẩm; mua bán đồ điện gia dụng; mua bán lương thực - thực phẩm và các loại nước uống.

---

(111) **4-0167474**
(210) 4-2009-04658
(181) 18.03.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 11.07.2011
(220) 18.03.2009

(531) 1.3.1
(731) CÔNG TY TNHH SIKAR (VN)
Km 780 quốc lộ 1A, thị trấn Hải Lăng, Quảng Trị

(511) Nhóm 32: Nước uống giải khát.

---

(111) **4-0167475**
(210) 4-2009-09155
(181) 12.05.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 11.07.2011
(220) 12.05.2009

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ TRẦN THỊ (VN)
30 Phó Đức Chính, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 01: Dầu phanh cho ô tô, chất chống đông dùng cho ô tô; chất phụ gia hoá chất dùng cho nhiên liệu động cơ; chất đốt (phụ gia hoá học dùng cho chất đốt động cơ nổ).

---

(111) **4-0167476**
(210) 4-2009-04925
(181) 19.03.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 11.07.2011
(220) 19.03.2009

(531) 4.5.2; 4.5.3
(591) Đỏ, xanh lá cây, vàng, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT THỰC PHẨM TÂN VIỆT Á (VN)
368/32 đường TTH 21, phường Tân Thới Hiệp, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Trung tâm tư vấn phát triển Thương hiệu và Chất lượng (NATUSI)

(511) Nhóm 29: Nước quả nấu đông (thạch hoa quả); cá đóng hộp; mứt ướt; trái cây đóng hộp; thực phẩm ăn nhanh trên cơ sở trái cây; trái cây đông lạnh và đóng hộp.

Nhóm 30: Bột ngũ cốc; bột ca cao; cà phê bột; trà chanh hòa tan; bột đậu xanh; nước trà xanh (đồ uống).

---

(111) **4-0167477**
(210) 4-2009-09116
(181) 12.05.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 11.07.2011
(220) 12.05.2009

(531) A26.11.12
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHỆ ỨNG DỤNG AN VINH (VN)
Tầng 4 số 27 ngõ Thái Thịnh 1, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Khẩu trang lọc bụi (đồ bảo hộ phòng độc hại); khẩu trang lọc không khí ô nhiễm (đồ bảo hộ phòng độc hại).

---

(111) **4-0167478**
(210) 4-2009-13352
(181) 01.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 11.07.2011
(220) 01.07.2009

(531) 5.7.24; 5.7.8; 5.7.18; A1.1.10; 26.1.1
(591) Trắng, đen, ghi xám, da cam, vàng, xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA CHUA MỸ (VN)
2A-4A Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn ALIATLEGAL (ALIATLEGAL CO., LTD.)

(511) Nhóm 29: Sữa và các sản phẩm làm từ sữa; sữa chua; rau quả được chế biến và bảo quản; thịt, hải sản được chế biến và bảo quản.

Nhóm 35: Mua bán sữa và các sản phẩm từ sữa, sữa chua, rau quả, thịt, cá, hải sản; dịch vụ tư vấn quản lý liên quan đến nhượng quyền thương mại; cung cấp dịch vụ hỗ trợ thương mại trong việc thiết lập mạng lưới nhượng quyền kinh doanh; cung cấp dịch vụ hỗ trợ trong việc vận hành mạng lưới nhượng quyền kinh doanh; quản lý hoạt động kinh doanh của nhượng quyền kinh doanh; dịch vụ tư vấn liên quan đến quảng bá hoạt động nhượng quyền kinh doanh.

Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống; quán cà phê giải khát; quán bar; quán ăn tự phục vụ.

---

(111) **4-0167479**
(210) 4-2007-00678
(181) 09.01.2017
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 11.07.2011
(220) 09.01.2007

(531) 4.3.3; 26.4.2
(591) Trắng, đỏ, xanh lá cây
(731) NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NÔNG THÔN KIÊN LONG (VN)
44 Phạm Hồng Thái, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 36: Hoạt động ngân hàng; dịch vụ về thẻ tín dụng; đánh giá tài chính trong lĩnh vực ngân hàng; phát hành trái phiếu; dịch vụ đổi tiền; ngân hàng cho vay thế chấp; dịch vụ gửi két an toàn; quỹ tiết kiệm; môi giới chứng khoán và kỳ phiếu.

---

(111) **4-0167480**
(210) 4-2007-00679
(181) 09.01.2017
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 11.07.2011
(220) 09.01.2007

(531) 26.1.1
(591) Trắng, đỏ, xanh lá cây
(731) NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NÔNG THÔN KIÊN LONG (VN)
44 Phạm Hồng Thái, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 36: Hoạt động ngân hàng; dịch vụ về thẻ tín dụng; đánh giá tài chính trong lĩnh vực ngân hàng; phát hành trái phiếu; dịch vụ đổi tiền; ngân hàng cho vay thế chấp; dịch vụ gửi két an toàn; quỹ tiết kiệm; môi giới chứng khoán và kỳ phiếu.

---

(111) **4-0167481**
(210) 4-2009-17303
(181) 17.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

GẤU ĐỎ

(151) 12.07.2011
(220) 17.08.2009

(731) CÔNG TY TNHH CHẾ TẠO CƠ ĐIỆN VÀ VẬT LIỆU CÁCH ĐIỆN OMEGA (VN)
38 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 09: Công tắc điện, ổ cắm điện; phích cắm điện: cầu dao điện, cầu chì.

Nhóm 11: Đui bóng đèn

---

(111) **4-0167482**
(210) 4-2009-17803
(181) 21.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

ĐẸP ĐẦU GIÀU Ý TƯỞNG

(151) 12.07.2011
(220) 21.08.2009

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VIỆT MY (VN)
101/35 Gò Dầu, phường Tân Quý, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 03: Dầu gội đầu; dầu xả; sữa tắm; mỹ phẩm, sữa rửa mặt; chất để tẩy rửa (dạng hoá mỹ phẩm).

---

(111) **4-0167483**
(210) 4-2009-17804
(181) 21.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

ĐẸP ĐẦU GIÀU TÌNH CẢM

(151) 12.07.2011
(220) 21.08.2009

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VIỆT MY (VN)
101/35 Gò Dầu, phường Tân Quý, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 03: Dầu gội đầu; dầu xả; sữa tắm; mỹ phẩm, sữa rửa mặt; chất để tẩy rửa (dạng hoá mỹ phẩm).

---

(111) **4-0167484**
(210) 4-2009-17988
(181) 25.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Công năng mới thấp thoáng hồn Việt cổ

(151) 12.07.2011
(220) 25.08.2009

(591) Đỏ, trắng, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC KHÔNG GIAN VIỆT (VN)
Số 50A, hẻm 72/73/40, phố Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 37: Thi công trang trí nội, ngoại thất công trình; thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp.

Nhóm 42: Tư vấn kiến trúc; thiết kế nội, ngoại thất công trình; thiết kế kiến trúc công trình công nghiệp và dân dụng.

---

(111) **4-0167485**
(210) 4-2009-14303
(181) 14.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 14.07.2009

(531) 26.1.2; 26.1.1; 26.7.25; 26.1.12; 26.4.2
(591) Đen, trắng, vàng, xanh dương
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHƯƠNG ĐÔNG (VN)
Số 24/236, đường Thành Thái, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá

(511) Nhóm 19: Cửa gỗ; cửa nhựa; cửa kính (dùng cho nhà ở và các công trình xây dựng); ván lát sàn bằng gỗ; vật liệu xây dựng phi kim loại.

Nhóm 35: Mua bán cửa gỗ, cửa nhựa, cửa kính, vật liệu xây dựng, cát sỏi, thiết bị nội, ngoại thất, văn phông phẩm, nông, lâm, thủy, hải sản, xăng dầu, máy móc, thiết bị công trình; quảng cáo thương mại; tổ chức triển lãm, hội chợ (nhằm mục đích thương mại hoặc quảng cáo); dịch vụ quản lý kinh doanh nhà hàng, khách sạn.

---

(111) **4-0167486**
(210) 4-2009-14761
(181) 20.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 20.07.2009

(591) Xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HDN (VN)
Xóm mới, thôn Đồng Tâm, xã Yên Đồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc

(511) Nhóm 20: Đệm, mành làm từ gỗ và tre; gối làm từ vải.

Nhóm 24: Màn làm từ nguyên liệu dệt, chăn làm từ nguyên liệu dệt, ga trải giường làm từ vải.

---

(111) **4-0167487**
(210) 4-2009-15152
(181) 22.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 22.07.2009

(531) A26.11.12; 26.1.2; 1.15.23
(591) Đỏ, tím than, ghi.
(731) CÔNG TY TNHH Y KHOA QUỐC TẾ CHUNG MINH (VN)
95 Hồ Bá Kiện, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Phát và Liên danh (VIFA & ASSOCIATES CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán thuốc, dược phẩm, mỹ phẩm, trang thiết bị y tế, xăng dầu.

Nhóm 37: Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi.

Nhóm 39: Dịch vụ du lịch, dịch vụ đại lý du lịch, lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế; dịch vụ vận chuyển hành khách, hàng hóa; đại lý cung cấp vé máy bay trong và ngoài nước.

---

(111) **4-0167488**
(210) 4-2009-15802
(181) 30.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

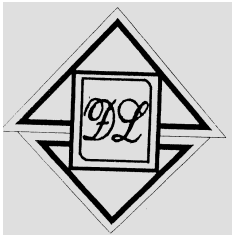

(151) 12.07.2011
(220) 30.07.2009

(531) 26.7.25; 26.4.3; 26.4.8; 26.3.2
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM ĐỨC LONG (VN)
Xóm Chùa Tổng, xã La Phù, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 30: Kẹo cao su; kẹo mềm, kẹo cứng (kẹo ca ra men); kẹo sô cô la; bánh xốp; bánh quy.

---

(111) **4-0167489**
(210) 4-2009-16086
(181) 03.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 03.08.2009

(531) A26.11.8; 24.15.2; 26.13.25
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TRƯỜNG PHÁT (VN)
Km 3+ 500 đường Nguyễn Lương Bằng, thành phố Hải Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ PADEMARK (PADEMARK CO.,LTD.)

(511) Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại: mái hiên cửa.

---

(111) **4-0167490**
(210) 4-2009-18204
(181) 27.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 27.08.2009

(531) A1.5.3; 1.17.11; 3.9.16
(591) Xanh dương, đỏ, trắng, xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ HẢI SẢN VIỆT NHẬT (VN)
C34/1 đường 2G, khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

(511) Nhóm 29: Cá muối; cá đóng hộp; thức ăn từ cá; cá hồi; cá mòi.

---

(111) **4-0167491**
(210) 4-2009-17340
(181) 18.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 18.08.2009

(531) A5.1.16; A5.1.7
(591) Xanh lá cây đậm, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU CẢNH QUAN SƠN THỦY VIÊN (VN)
20/21 Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 42: Kiến trúc; tư vấn kiến trúc; thiết kế trang trí nội thất.

Nhóm 44: Thiết kế vườn hoa và công viên; dịch vụ làm vườn hoa cây cảnh; nghề làm vườn; bảo dưỡng bãi cỏ.

---

(111) **4-0167492**
(210) 4-2009-17341
(181) 18.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

SƠN THỦY VIÊN

(151) 12.07.2011
(220) 18.08.2009

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU CẢNH QUAN SƠN THỦY VIÊN (VN)
20/21 Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 42: Kiến trúc; tư vấn kiến trúc; thiết kế trang trí nội thất.

Nhóm 44: Thiết kế vườn hoa và công viên; dịch vụ làm vườn hoa cây cảnh; nghề làm vườn; bảo dưỡng bãi cỏ.

---

(111) **4-0167493**
(210) 4-2009-19020
(181) 08.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 08.09.2009

(531) 26.3.2
(591) Vàng rêu, xanh dương
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP KIM KHANG (VN)
Số 02 Thi Sách, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán: sắt, thép, các sản phẩm từ kim loại, đồ gia dụng bằng kim loại, dụng cụ cầm tay bằng kim loại, vật liệu xây dựng.

---

(111) **4-0167494**
(210) 4-2009-19926
(181) 18.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 18.09.2009

(531) 26.4.2
(591) Trắng, xanh da trời
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN H-PEC VIỆT NAM (VN)
Số 53 đường Nguyễn Văn Linh, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Máy chiếu đa phương tiện; máy thu chiếu vật thể; máy chiếu hắt; máy vi tính; máy chấm công; màn chiếu hình.

Nhóm 16: Kẹp hồ sơ dùng trong văn phòng; thiết bị đóng sách (đồ dùng văn phòng); máy huỷ tài liệu dùng trong văn phòng; máy ép plastic dùng trong văn phòng; tập giấy viết; mica dùng cho văn phòng phẩm.

---

(111) **4-0167495**
(210) 4-2009-15059
(181) 22.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

GEEFEROVIT

(151) 12.07.2011
(220) 22.07.2009

(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI ĐẠI NIÊN CÁT (VN)
74/6 Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược, thú y.

---

(111) **4-0167496**
(210) 4-2009-17690
(181) 21.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

SAIGON GOLF COURSE

(151) 12.07.2011
(220) 21.08.2009

(531) A26.11.12; 26.13.25
(591) Đỏ thẫm, vàng đồng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN (VN)
Lầu 6, toà nhà TMS, 172 Hai Bà Trưng, phường Đakao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 36: Mua bán nhà; mua bán biệt thự; mua bán căn hộ chung cư; cho thuê nhà; cho thuê biệt thự; cho thuê căn hộ chung cư.

Nhóm 41: Các dịch vụ giải trí thể dục thể thao bao gồm: chơi gôn (golf); chơi ten-nít (tennis); bơi lội; chèo thuyền; đánh cầu lông; vui chơi của trẻ em.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn; nhà nghỉ; nhà hàng ăn uống.

Nhóm 44: Dịch chăm sóc sắc đẹp (spa).

---

(111) **4-0167497**
(210) 4-2009-17691
(181) 21.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

SAIGON COUNTRY CLUB

(151) 12.07.2011
(220) 21.08.2009

(531) A26.11.12; 26.13.25
(591) Đỏ thẫm, vàng đồng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN (VN)
Lầu 6, toà nhà TMS, 172 Hai Bà Trưng, phường Đakao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 36: Mua bán nhà; mua bán biệt thự; mua bán căn hộ chung cư; cho thuê nhà; cho thuê biệt thự; cho thuê căn hộ chung cư.

Nhóm 41: Các dịch vụ giải trí thể dục thể thao bao gồm: chơi gôn (golf); chơi ten-nít (tennis); bơi lội; chèo thuyền; đánh cầu lông; vui chơi của trẻ em.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn; nhà nghỉ; nhà hàng ăn uống.

Nhóm 44: Dịch chăm sóc sắc đẹp (spa).

---

(111) **4-0167498**
(210) 4-2009-17692
(181) 21.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

SAIGON GOLF COUNTRY CLUB RESIDENCES

(151) 12.07.2011
(220) 21.08.2009

(531) A26.11.12; 26.13.25
(591) Đỏ thẫm, vàng đồng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN (VN)
Lầu 6, toà nhà TMS, 172 Hai Bà Trưng, phường Đakao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 36: Mua bán nhà; mua bán biệt thự; mua bán căn hộ chung cư; cho thuê nhà; cho thuê biệt thự; cho thuê căn hộ chung cư.

Nhóm 41: Các dịch vụ giải trí thể dục thể thao bao gồm: chơi gôn (golf); chơi ten-nít (tennis); bơi lội; chèo thuyền; đánh cầu lông; vui chơi của trẻ em.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn; nhà nghỉ; nhà hàng ăn uống.

Nhóm 44: Dịch chăm sóc sắc đẹp (spa).

---

(111) **4-0167499**
(210) 4-2009-19529
(181) 14.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

NAM TOWN

(151) 12.07.2011
(220) 14.09.2009

(731) CÔNG TY TNHH NAM BÌNH (VN)
20C ấp Nội Hoá, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Tư vấn BIZCONSULT (BIZCONSULT CO., LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo may sẵn, quần áo thể thao; giày dép; mũ nón, vớ (tất).

---

(111) **4-0167500**
(210) 4-2009-15536
(181) 27.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 27.07.2009

(531) 1.7.6; 26.4.1; A26.11.12
(591) Nâu, đen, vàng
(731) MÃ HỒNG PHÚC (VN)
ấp Trường Thành A, xã Trường Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0167501**
(210) 4-2009-16220
(181) 04.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

MARKER MAGIC

(151) 12.07.2011
(220) 04.08.2009

(731) TORAY ADVANCED COMPUTER SOLUTION, INC. (JP)
3-2-2 Hongoku-cho, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo 103-0021, Japan
(740) Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội (AMBYS HANOI)

(511) Nhóm 09: Chương trình máy tính; chương trình máy tính (những phần mềm có thể tải được); chương trình máy tính để thiết kế quần áo; chương trình máy tính sử dụng để làm mẫu cho quần áo, phân loại và làm nhãn mác quần áo.

---

(111) **4-0167502**
(210) 4-2009-12512
(181) 19.06.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

NUTRI change

(151) 12.07.2011
(220) 19.06.2009

(731) USV LIMITED (IN)
B.S.D. Marg, Govandi, Mumbai-400 088, India
(740) Công ty TNHH Tư vấn ALIATLEGAL (ALIATLEGAL CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc; dược phẩm dùng cho người; các chất ăn kiêng và chất dinh dưỡng dùng trong sản xuất thực phẩm và đồ uống (cho mục đích y tế); chất bổ sung dinh dưỡng dùng cho ngành y; chất bổ sung khoáng chất cụ thể là các loại thuốc bổ đa khoáng chất, đa sinh tố dùng để bổ sung thêm chất khoáng cho người sử dụng.

---

(111) **4-0167503**
(210) 4-2009-12513
(181) 19.06.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

I-WATER

(151) 12.07.2011
(220) 19.06.2009

(731) GLOWTEC ENVIRONMENTAL CORPORATION PTE LTD (SG)
Block 4010, Ang Mo Kio 10, #06-06, Techplace 1, Singapore 569626
(740) Công ty TNHH Tư vấn ALIATLEGAL (ALIATLEGAL CO., LTD.)

(511) Nhóm 11: Thiết bị lọc nước sử dụng công năng được gắn trên xe đạp; thiết bị xử lý chất thải; máy làm sạch (lọc) không khí và nước.

---

(111) **4-0167504**
(210) 4-2004-10403
(181) 30.09.2014
(450) 25.08.2011 281
(540)

ROSES

(151) 12.07.2011
(220) 30.09.2004

(731) CADBURY LIMITED (GB)
Bournville Birmingham, England
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la, kẹo sô cô la, bánh kẹo không dùng cho mục đích y tế, bánh kẹo đông lạnh; kẹo, kem; bánh quy; kẹo cao su và bánh xốp.

---

(111) **4-0167505**
(210) 4-2005-00668
(181) 18.01.2015
(450) 25.08.2011 281
(540)

Chup Chup

(151) 12.07.2011
(220) 18.01.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TANI (VN)
Khu công nghiệp Trảng Bàng km 32, QL 22, xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Các loại thực phẩm đã chế biến: cháo ăn liền làm từ gạo.

---

(111) **4-0167506**
(210) 4-2009-12540
(181) 22.06.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 22.06.2009

(531) 4.3.3; 26.1.1; 11.3.1; A19.3.24
(731) NGUYỄN ĐỨC HỒI (VN)
88 Phan Đình Phùng, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

(511) Nhóm 30: Bột và các sản phẩm làm từ ngũ cốc; bánh; mứt; kẹo.

---

(111) **4-0167507**
(210) 4-2010-03429
(181) 24.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

TANGLED

(151) 12.07.2011
(220) 24.02.2010

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 28: Trò chơi và đồ chơi; trò chơi kỹ năng hành động; đồ chơi hình các nhân vật hành động và đồ đi kèm; các trò chơi trên tấm bảng; trò chơi bằng bài lá; đồ chơi đa năng dành cho trẻ em; bộ cầu lông; bóng bay; vợt bóng chày; bóng rổ; đồ chơi khi tắm; quả bóng chày; bóng chơi trên biển; túi đựng đỗ khô (đồ chơi); búp bê nhồi vỏ đỗ khô; các khối làm sẵn dùng để chơi trò chơi xây dựng; bóng dùng để chơi bô ling; bộ đồ chơi thổi bong bóng; găng tay hở ngón dành cho người bắt bóng; bộ đồ chơi cờ; mỹ phẩm đồ chơi của trẻ em; tất đựng quà dùng cho Nô-en; đồ trang hoàng cây thông Nô-en (trừ bánh kẹo và đồ chiếu sáng); bộ sưu tập các bức tượng nhỏ đồ chơi; đồ chơi di động được dùng cho xe nôi; đồ chơi trên xe nôi; đồ chơi tung hứng dạng đĩa; búp bê; quần áo của búp bê dưới dạng đồ chơi; đồ đi kèm với búp bê; bộ đồ chơi búp bê; đồ chơi hành động chạy bằng điện; thiết bị được bán dưới dạng bộ dùng cho chơi bài; bộ đồ chơi câu cá; bóng dùng cho chơi gôn; găng tay dùng cho chơi gôn; vật dẫn đường cho bóng gôn; trò chơi điện tử cầm tay; bóng để chơi khúc côn cầu; trò chơi có thể bơm phồng; trò chơi lắp hình; dây để chơi trò chơi nhảy dây; cái diều; trò chơi ảo thuật; hòn bi đồ chơi; trò chơi có thao tác bằng tay; đồ chơi ngành cơ khí; đồ chơi hộp âm nhạc; đồ chơi âm nhạc; trò chơi trong phòng không dùng với máy thu hình; vật kỷ niệm buổi tiệc gồm những đồ chơi nhỏ; trò chơi trong bữa tiệc; bài lá; đồ chơi làm bằng vải lông; bóng để tập đấm; con rối; patanh; quả bóng cao su; ván trượt; quả cầu tuyết; bóng đá; con quay; đồ chơi bóp vào phát ra tiếng kêu; đồ chơi nhồi bông; bàn chơi bóng bàn; trò chơi có mục tiêu; gấu nhồi bông; bóng tennis; hình các nhân vật hành động (đồ chơi); bộ xẻng và xô đồ chơi; đồ chơi di động được; xe đồ chơi; đồ chơi xe đẩy của trẻ con; ô tô đồ chơi; bộ đồ chơi thủ công theo mô hình; hình các nhân vật đồ chơi; ngân hàng đồ chơi (đồ chơi); xe

tải đồ chơi; đồng hồ đồ chơi; súng phun nước (đồ chơi trẻ em); đồ chơi lên dây cót; cái yô yô (đồ chơi trẻ em).

---

(111) **4-0167508**
(210) 4-2007-26727
(181) 27.12.2017
(450) 25.08.2011 281
(540)

KIM TÍN THÀNH

(151) 12.07.2011
(220) 27.12.2007

(731) CAO KIM TRỌNG (VN)
106 phố Hàng Trống, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán, xuất nhập khẩu đồ trang sức, vàng, bạc, đá quý, nữ trang.

---

(111) **4-0167509**
(210) 4-2008-11981
(181) 06.06.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

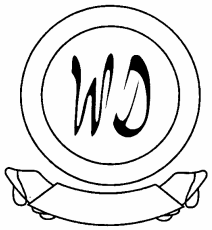

(151) 12.07.2011
(220) 06.06.2008

(531) 26.1.1; 25.1.6
(731) HỘ KINH DOANH HIỆP PHÁT (VN)
32/3L ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán hàng gia dụng, mỹ phẩm, quần áo may sẵn và đồ dùng trẻ em; mua bán bông vệ sinh tai, nước tẩy rửa, thiết bị dụng cụ vệ sinh dân dụng, đồ gia dụng nhựa, ống hút, bàn chải, cọ chổi vệ sinh; mua bán dao cạo râu, thiết bị và đồ điện dân dụng.

---

(111) **4-0167510**
(210) 4-2008-16855
(181) 07.08.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 07.08.2008

(531) 4.3.5
(731) PEGASUS SEWING MACHINE MFG. CO., LTD. (JP)
7-2, Sagisu 5-chome, Fukushima-ku, Osaka 553-0002, Japan
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 26: Kim của máy may.

(111) **4-0167511**
(210) 4-2008-16856
(181) 07.08.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

PEGASUS

(151) 12.07.2011
(220) 07.08.2008

(731) PEGASUS SEWING MACHINE MFG. CO., LTD. (JP)
7-2, Sagisu 5-chome, Fukushima-ku, Osaka 553-0002, Japan
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 26: Kim của máy may.

---

(111) **4-0167512**
(210) 4-2008-17511
(181) 14.08.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

RAKERU

(151) 12.07.2011
(220) 14.08.2008

(531) 2.3.1; 2.3.25; A2.3.23
(731) RAKERU CO., LTD (JP)
1-12-9, Shibuya, Shibuya-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 29: Thịt cho người tiêu dùng (tươi, đã tan giá hoặc đông lạnh); thủy hải sản có thể ăn được (không còn sống, tươi, tan giá hoặc đông lạnh); chế phẩm thịt đã qua chế biến; chế phẩm cá đã qua chế biến; hạt đậu Hà Lan, rau và hoa quả đã chế biến; trứng; trứng đã chế biến; chế phẩm trên cơ sở sữa; dầu và mỡ có thể ăn được; món súp hầm cà ri; bữa trưa đựng trong hộp được chế biến chủ yếu dựa trên cơ sở thịt; cá và rau.

Nhóm 30: Cà phê và ca cao, cà phê chưa rang (chưa chế biến); chè (trà); nước xốt worcester (một loại nước xốt lỏng bắt nguồn từ Anh Quốc), dùng nên nếm các món ăn, có thành phần chính bao gồm me, rấm, rượu đường) nước xốt cà chua nấm; nước tương (xì dầu); dấm, hỗn hợp dấm, súp nhúng dùng cho món mì sợi soba, nước sốt dùng cho sa lát, nước sốt trắng, nước sốt ma-don-ne, nước sốt dùng với món thịt nướng; đường viên, đường fruc-to-za (dùng cho thực phẩm), đường kính trắng (không phải bánh kẹo), đường, đường mạch nha (dùng cho thực phẩm), mật ong (dùng cho thực phẩm), đường glu-co-za (dùng cho thực phẩm), bột si-rô tinh bột (dùng cho thực phẩm), si-rô tinh bột; hỗn hợp gia vị chấm được làm từ hạt vừng, muối ăn, hạt vừng đã được rang và xay và muối cần tây; gia vị có chất hóa học; gia vị; chế phẩm tạo mùi thơm dùng cho thực phẩm (không phải chiết xuất từ tinh dầu); gạo xay, lúa mạch xay, bột mỳ dùng làm thực phẩm; bột Glu-ten dùng trong thực phẩm (là prô tê in chiết xuất từ bột mỳ để làm bột ngọt (gia vị)); chế phẩm của ngũ cốc; bánh xăng-đuých (bánh mỳ kẹp nhân), món su shi (Nhật Bản), bánh pizza (ăn liền), bữa ăn trưa đựng trong hộp được chế biến chủ yếu trên cơ sở gạo, bột mỳ và chế phẩm ngũ cốc; bánh pa tê thịt (ăn liền), bánh bao của ý (ăn liền); bánh kẹo, bánh mỳ và bánh bao nhân nho; kẹo hỗn hợp ăn liền; kem lạnh hỗn hợp, kem trái cây hỗn hợp; bột làm từ nhân hạnh đào nghiền nhỏ; bột lên men, gạo mạch nha lên men,

nấm men, bột nở; chất liên kết dùng cho kem, chế phẩm để làm mềm thịt dùng cho gia đình, chế phẩm để làm ổn định kem đã đánh dậy bọt.

Nhóm 32: Đồ uống có chứa cácbonat (đồ uống làm sảng khoái), đồ uống từ nước hoa quả không chứa cồn; nước ép rau quả (đồ uống); đồ uống làm từ chất lỏng giống nước còn lại sau khi sữa chua đã đông lại.

Nhóm 43: Dịch vụ cung cấp thực phẩm và đồ uống (được cung cấp bởi các nhà hàng ăn uống).

---

(111) **4-0167513**
(210) 4-2008-18744
(181) 03.09.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

DRY-18

(151) 12.07.2011
(220) 03.09.2008

(731) GOLFSMITH INTERNATIONAL, INC. (US)
11000 North IH-35, Austin, Texas 78753, USA
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Quần áo và trang phục.

---

(111) **4-0167514**
(210) 4-2008-25836
(181) 04.12.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

KOBELCO

(151) 12.07.2011
(220) 04.12.2008

(731) KABUSHIKI KAISHA KOBE SEIKO SHO TRADING ALSO AS KOBE STEEL, LTD. (JP)
10-26, Wakinohama-cho, 2-chome, Chuo-ku, Kobe-shi, Hyogo, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 01: Chất trợ dung hàn, hóa chất hàn, các hoá chất sử dụng trong ngành hàn, trong khoa học và trong ngành nhiếp ảnh, cũng như trong nông nghiệp, nghề làm vườn và lâm nghiệp; nhựa nhân tạo ở dạng thô, chất dẻo ở dạng thô; phân bón, hợp chất dập lửa; chế phẩm ram và hàn; hóa chất dùng để bảo quản thực phẩm; chất để thuộc da; chất kết dính dùng trong công nghiệp.

Nhóm 04: Dầu mỡ công nghiệp; chất bôi trơn; chế phẩm hấp thụ, làm ướt và kết dính bụi; nhiên liệu (bao gồm cả xăng) và chất phát sáng, nến và bấc đèn.

Nhóm 14: Kim loại quý và các hợp kim của chúng và các sản phẩm làm bằng kim loại quý hoặc được mạ kim loại quý, không thuộc nhóm khác cụ thể là: móc khoá, biểu trưng (cúp trao giải), hộp đựng nữ trang, khuy măng sét (tay áo) và phụ kiện cho giày bằng kim loại quý; đồ trang sức, đá quý; dụng cụ đo thời gian và bấm giờ.

Nhóm 16: Giấy cụ thể là giấy viết, giấy thông báo, bằng giấy, tờ giấy (văn phòng phẩm), bưu thiếp, giấy ăn, bỉm/tã lót giấy, cờ bằng giấy, khăn lau bằng giấy, nhãn mác bằng giấy, khăn trải bàn bằng giấy, tranh, ảnh; các tông và hàng hóa làm bằng các vật liệu này, cụ thể Ià vật dụng bằng các tông, sách anbom bằng các tông, mẫu để cắt quần áo, sách mỏng bằng các tông, hộp bằng các tông; ản phấm in, vật liệu đóng sách; ảnh chụp; văn phòng phẩm; chất kết dính dùng cho văn phòng hoặc gia đình; vật liệu dùng để vẽ và viết chữ đẹp, vật liệu của hoạ sỹ, tấm vải để vẽ tranh sơn dầu, phẩm màu và bút chì màu; đồ dùng hướng dẫn và giảng dạy (không kể máy móc dùng cho mục đích này), cụ thể là keo dùng cho văn phòng, đồ dùng văn phòng (trừ đồ gỗ), xi để niêm phong, gọt bút chì (chạy điện hoặc không chạy điện), bút lông vẽ, bảng trắng, sách, bút chì; vật liệu bằng chất dẻo để bao gói (không được xếp ở nhóm khác), cụ thể là phim bằng nhựa để bao gói, chất dẻo làm khuôn; chữ máy in, bản in đúc (clisê) của ngành in.

Nhóm 25: Quần áo, cụ thể là váy, quần soóc, áo vét, quần, bộ quần áo vét, sơ mi cộc tay, khăn, thắt lưng (cho quần áo); giầy dép, cụ thể là giày đế mềm, giầy vải bạt, dép đi trong nhà, giày cao gót, giày dùng ở bãi biển, ủng trượt tuyết, nẹp sắt dùng cho giày; mũ nón, cụ thể là mũ đội để đi tuyết, mũ cứng, mũ đội khi tắm.

Nhóm 28: Trò chơi games, cụ thể là bộ đồ chơi cờ, đồ chơi tennis, đồ chơi búp bê, đồ chơi gôn, đồ chơi bi a, đồ chơi cờ bạc, đồ chơi đấu kiếm, đồ chơi bóng đá, đồ chơi quyền Anh, đồ chơi bài mạt chược; dụng cụ để chơi, cụ thể là ván trượt tuyết, sáp mỡ dùng cho ván trượt tuyết, bộ lướt sóng, ván lướt sóng, thuyền lướt sóng, cái đu, đồ chơi, mẫu thu nhỏ của xe cộ, đồ chơi cho súc vật nuôi, vũ khí để đấu kiếm, dụng cụ chơi bóng bàn, dụng cụ để chơi bia, vợt (két), gậy chơi gôn, vợt bắt bướm, diều, kính vạn hoa, thiết bị thể dục thể thao, vật trang trí cây Noel, không bao gồm đồ chiếu sáng và bánh kẹo, dụng cụ câu cá.

Nhóm 35: Quảng cáo, điều hành kinh doanh, quản trị kinh doanh, dịch vụ văn phòng, dịch vụ của cửa hàng bán lẻ, cửa hàng bán sỉ, thông qua tài liệu giới thiệu sản phẩm phục vụ mục đích đặt hàng qua bưu điện hoặc qua các phương tiện điện tử, ví dụ, thông qua trang web hoặc chương trình bán hàng trên truyền hình, dịch vụ bao gồm việ đăng ký, chuyển biên, soạn thảo, sưu tập hoặc hệ thống hóa các giao dịch và đăng ký bằng văn bản, và dịch vụ sưu tập dữ liệu toán học hoặc thống kê.

Nhóm 36: Dịch vụ bảo hiểm, dịch vụ tài chính, dịch vụ liên quan đến công việc tiền tệ như dịch vụ đổi tiền, dịch vụ bất động sản, cụ thể là đại lý bất động sản, môi giới bất động sản, cho thuê bất động sản, quản lý bất động sản

Nhóm 37: Xây dựng công trình, sửa chữa; dịch vụ lắp đặt; dịch vụ liên quan đến xây dựng nhà cửa đường xá, cầu cống, đê đập hoặc đường truyền tải và dịch vụ đảm nhận các công việc chuyên môn trong lĩnh vực xây dựng như các dịch vụ của thợ sơn, thợ nước, thợ lắp đặt thiết bị sưởi ấm hoặc thợ lợp mái; các dịch vụ bổ trợ cho công việc xây dựng như kiểm tra, giám sát bản vẽ xây dựng; dịch vụ đóng tàu thuyền; các dịch vụ bao gồm

dịch vụ thuê dụng cụ hoặc vật tư xây dựng; các dịch vụ sửa chữa như trong các lĩnh vực điện, nội thất, trang thiết bị, công cụ.

Nhóm 39: Vận tải, đóng gói và cất giữ hàng hóa; tổ chức chuyến đi du lịch; các dịch vụ liên quan đến tàu lai dắt đường biển, dỡ hàng, hoạt động bến cảng và cứu hộ tàu đắm và hàng hóa trên tàu đắm; các dịch vụ liên quan đến hoạt động cảng hàng không; các dịch vụ liên quan đến việc đóng gói và đóng kiện hàng hóa trước khi gửi hàng; các dịch vụ cung cấp thông tin về các chuyến đi, hoặc về việc vận tải hàng hóa của các đơn vị môi giới vận tải và các đơn vị dịch vụ du lịch, thông tin liên quan đến bảng giá, lịch trình và phương thức vận chuyển, môi giới vận chuyển, đặt chỗ vận chuyển, thông tin vận chuyển.

Nhóm 40: Dịch vụ xử lý vật liệu, cụ thể là dịch vụ xử lý vật liệu liên quan đến cắt, tạo hình, đánh bóng bằng cách mài mòn hoặc mạ kim loại; dịch vụ tinh chế kim loại; dịch vụ xử lý không khí, cụ thể là dịch vụ làm sạch không khí, dịch vụ xử lý điều hòa không khí; thông tin về xử lý vật liệu; xử lý nước; xử lý vải, cụ thể là dịch vụ xử lý chống cháy cho vải; dịch vụ xử lý rác và phế thải, cụ thể là chến biến rác và phế thải, hủy phế thải và rác, tái chế phế thải và rác; chế biến dầu mỏ; dịch vụ khử độc vật liệu nguy hiểm; dịch vụ xử lý thực phẩm, cụ thể là dịch vụ làm đông lạnh thực phẩm; dịch vụ bảo quản thực phẩm và đồ uống.

---

(111) **4-0167515**
(210) 4-2006-01345
(181) 25.01.2016
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 25.01.2006

(531) A1.1.10; A1.5.3; 26.4.3
(591) Xanh da trời, đỏ tươi, trắng, da cam
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỆT NAM (VN)
Số 2, ngách 53, ngõ 514, đường Thụy Khuê, phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng Luật sư Trí Việt (VPLS TRIVIET)

(511) Nhóm 37: Tư vấn giám sát chất lượng xây dựng; xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, cấp thoát nước, bưu chính viễn thông, dầu khí (trạm, kho), công trình kỹ thuật, hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, văn hoá, thể thao, đường dây tải điện; san nền, nạo vét luồng lạch, sông ngòi, kênh rạch, xử lý nền móng công trình, hoàn thiện các công trình xây dựng; trang trí nội, ngoại thất.

Nhóm 40: Gia công chế biến hàng nông, lâm, thuỷ, thổ sản, lương thực, thực phẩm, hàng công nghệ phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng trang trí nội ngoại thất, đồ gỗ.

---

(111) **4-0167516**
(210) 4-2008-07404
(181) 09.04.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

AGABANG

(151) 12.07.2011
(220) 09.04.2008

(731) AGABANG & COMPANY (KR)
678-36, Youksam-Dong, Kangnam-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 10: Bình sữa (cho trẻ em bú); van của bình sữa (cho trẻ em bú); núm vú của bình sữa (cho trẻ em bú); núm vú giả cho trẻ em; núm vú cao su dùng cho trẻ ngậm dùng một lần; bơm dùng để hút sữa mẹ (dụng cụ y tế); thìa dùng để chia thuốc (dụng cụ y tế); thiết bị khử trùng (dụng cụ y tế); nhiệt kế dùng trong ngành y; ống xịt thuốc dùng trong ngành y.

Nhóm 20: Khung tập đi cho trẻ em; giường; cái đệm; cái nệm; cái gối; ghế ngồi; cái nôi; bàn học sinh; bàn; khung ảnh.

Nhóm 24: Mền đắp (chăn); mền bông để lồng vào chăn đắp; khăn phủ gối; khăn phủ chăn; khăn trải giường; vỏ bọc đệm (bằng vải); khăn trải giường dùng cho trẻ em; màn chống muỗi; nhãn hiệu (bằng vải); khăn tay bỏ túi bằng vải; khăn tắm bằng vải.

Nhóm 25: Quần áo cho trẻ sơ sinh, quần áo cho trẻ em; bộ quần áo của đàn ông; quần áo da; quần áo tắm; quần áo đồng phục thể thao; váy phụ nữ; áo vét tông; áo choàng ngoài; bộ áo liền quần; bộ quần áo; áo phông (áo thun ngắn tay); áo sơ mi mặc chung với váo xmôking; áo len dài tay; váy liền áo của phụ nữ; áo choàng không tay; quần soóc; áo may liền quần của trẻ em; áo pacca (áo có mũ trùm đầu của người Eskimô; quần lót chẽn (của phụ nữ, trẻ em); quần áo lót; quần áo ngủ; áo gilê; áo len đan; quần bằng vải bông dày; mũ da (đồ đội đầu); mũ len (đồ đội đầu); mũ trùm đầu (của áo); mũ lưỡi trai; mũ bê rê (mũ nồi); mặt nạ bịt mặt dùng cho mùa đông (đi kèm quần áo); dây đeo quần (bộ phận của quần); thắt lưng (đi kèm quần áo); bao tay của phụ nữ (đi kèm quần áo); khăn choàng cổ; bít tất ngắn cổ; quần áo bó sát người; bao chân (đi kèm quần áo); yếm dãi (không bằng giấy); tã lót của trẻ em bằng vải dệt; giày tập chạy; giày da; ủng cao cổ; ủng; dép đi trong nhà.

---

(111) **4-0167517**
(210) 4-2008-16561
(181) 04.08.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

BÌNH TIẾN BT
CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH TIẾN

(151) 12.07.2011
(220) 04.08.2008

(531) A26.11.9; A26.11.12; 26.3.23
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH TIẾN (VN)
Số 43 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ AL Nguyên (ALNGUYEN IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán phương tiện vận tải và thiết bị thi công cơ giới như máy xúc, máy ủi; mua bán container; kinh doanh (mua bán) các phương tiện vận tải, máy xúc, máy ủi.

Nhóm 39: Dịch vụ vận tải hàng hoá; dịch vụ bốc xếp, xếp dỡ hàng hoá; dịch vụ nâng cẩu hàng hoá; cho thuê phương tiện vận tải và thiết bị thi công cơ giới; cho thuê container.

---

(111) **4-0167518**
(210) 4-2008-22240
(181) 16.10.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 16.10.2008

(531) A22.3.7
(731) WONG QUỐC MINH (VN)
119B/60A/15 đường Tân Hòa Đông, phường 14, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 03: Nhang cây (hương thơm dùng để thắp).

---

(111) **4-0167519**
(210) 4-2008-27312
(181) 25.12.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 25.12.2008

(531) A26.11.9; 26.13.25; 26.1.1
(591) Xanh dương, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP ALPHA (VN)
P 1005, nhà CT4-5 khu nhà ở và CTCC Yên Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Trí Việt và Cộng sự (TRI VIET & ASSOCIATES CO.,LTD.)

(511) Nhóm 37: Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; hoàn thiện công trình xây dựng; tư vấn, giám sát thi công công trình xây dựng; cho thuê thiết bị xây dựng.

Nhóm 42: Thiết kế quy hoạch mặt bằng xây dựng; thiết kế nội ngoại thất công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; kiểm tra công trình xây dựng.

---

(111) **4-0167520**
(210) 4-2008-13098
(181) 20.06.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

NYSE LIFFE

(151) 12.07.2011
(220) 20.06.2008

(731) NYSE GROUP, INC. (US)
11 Wall Street, New York, New York 10005, United States of America
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Máy tính; phần mềm máy tính dùng để niêm yết giá trên bảng thị giá sở giao dịch chứng khoán, cung cấp thông tin về thương mại, tài chính và kinh doanh, cung cấp dịch vụ trao đổi liên quan tới cổ phiếu, chứng khoán, hàng hoá, hợp đồng hàng hoá bán giao sau và các quyền chọn, tổ chức và vận hành các giao dịch thương mại cho dịch vụ tài chính và công cụ tài chính.

Nhóm 16: Tạp chí xuất bản định kỳ, cụ thể là báo hàng ngày và tạp chí về niêm yết giá trên bảng thị giá sở giao dịch chứng khoán, cung cấp thông tin thương mại, tài chính và kinh doanh, cung cấp dịch vụ trao đổi liên quan đến cổ phiếu, chứng khoán, hàng hoá, hợp đồng hàng hoá bán giao sau và các quyền chọn, tổ chức và vận hành các giao dịch thương mại cho dịch vụ tài chính và công cụ tài chính; sách về sự kiện có thật (non-fiction books), sách mỏng và ca-ta-lô liên quan tới việc niêm yết giá trên bảng thị giá sở giao dịch chứng khoán, cung cấp thông tin về thương mại, tài chính và kinh doanh, cung cấp dịch vụ trao đổi liên quan tới cổ phiếu, chứng khoán, hàng hoá, hợp đồng hàng hoá bán giao sau và các quyền chọn, việc tổ chức và vận hành các giao dịch thương mại cho các dịch vụ tài chính và các công cụ tài chính.

Nhóm 35: Dịch vụ quản lý và tư vấn kinh doanh; dịch vụ chuẩn bị và đặt chỗ quảng cáo cho người khác dưới dạng văn bản quảng cáo; hãng quảng cáo; dịch vụ đại lý quảng cáo; dịch vụ cung cấp thông tin về thương mại và kinh doanh, điều tra kinh doanh, số liệu thống kê, thông cáo báo chí, thông tin về buôn bán; và nghiên cứu và phân tích thị trường trong lĩnh vực thông tin sơ lược về tiểu sử công ty và phân tích công ty, dự báo kinh tế, chứng khoán, trái phiếu, và công cụ tài chính khác; cung cấp việc phân tích, đánh giá, và giới thiệu khả năng sinh lời, và giới thiệu và tiến cử người phân tích chứng khoán, trái phiếu và các công cụ tài chính khác; dịch vụ quảng cáo, cụ thể là đặt chỗ quảng cáo cho người khác.

Nhóm 36: Dịch vụ cung cấp thông tin về tài chính liên quan đến việc niêm yết giá trên bảng thị giá sở giao dịch chứng khoán; cung cấp dịch vụ trao đổi liên quan đến cổ phiếu, chứng khoán, hàng hoá tài chính, hợp đồng hàng hoá bán giao sau và các quyền chọn; việc tổ chức và vận hành giao dịch thương mại cho dịch vụ tài chính và công cụ tài chính và đầu tư; dịch vụ ngân hàng; cung cấp thông tin trực tuyến liên quan đến cổ phần tài chính, hàng hoá tài chính, hợp đồng hàng hoá bán giao sau và các quyền chọn, giá niêm yết trên bảng thị giá sở giao dịch chứng khoán; dịch vụ môi giới trong lĩnh vực chứng khoán, trái phiếu, quỹ tương tế và chứng từ nợ; bảng thị giá niêm yết giá chứng khoán, trái phiếu, quỹ tương tế, hàng hoá, và các công cụ tài chính khác; dịch vụ phân tích và tư vấn tài chính; dịch vụ điều hành thị trường chứng khoán.

Nhóm 41: Dịch vụ xuất bản sách, tạp chí, tạp chí định kỳ, bản tin, danh sách hàng ngày liên quan tới thống kê tài chính, thông tin thương mại, nghiên cứu và đánh giá thị trường.

Nhóm 42: Dịch vụ lập chương trình máy tính cho người khác, cho thuê máy tính; bảo trì phần mềm máy tính, thiết kế phần mềm máy tính cho người khác, phân tích hệ thống máy tính và cho thuê phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0167521**
(210) 4-2010-06036
(181) 25.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

SANKARA

(151) 12.07.2011
(220) 25.03.2010

(731) CÔNG TY TNHH HOA HỒNG VÀ HOA HỒNG (VN)
Phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ; nhà hàng ăn uống, quán rượu, quán cà phê

---

(111) **4-0167522**
(210) 4-2010-04199
(181) 05.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

HOLIMI

(151) 12.07.2011
(220) 05.03.2010

(731) COREX TRADE LINKS INC. (BN)
Rm 51, 5th Floor, Britannia House, Jalan Cator Bandar Seri Begawan BS 8811 Negara Brunei Darussalam
(740) Công ty TNHH một thành viên Trường Luật (CÔNG TY TRUONG LUAT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167523**
(210) 4-2010-04331
(181) 08.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 08.03.2010

(531) 26.4.4; 26.4.7
(591) Trắng, xanh da trời, vàng nhạt, đỏ, đỏ nâu
(731) PHẠM VĂN LANG (VN)
Thôn An Thái, xã Mê Linh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

(511) Nhóm 07: Máy phát điện.

---

(111) **4-0167524**
(210) 4-2010-04072
(181) 04.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 04.03.2010

(531) 26.4.9; 26.4.1
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN LỢI THÀNH ĐẠT (VN)
369/43 Lý Thái Tổ, phường 9, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0167525**
(210) 4-2010-04112
(181) 05.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 05.03.2010

(531) 25.5.2; A1.1.12; 1.3.2; 25.12.1; 1.15.9
(591) Trắng, xanh tím than, xanh cỏ úa nhạt, đỏ, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT THƯƠNG MẠI THIÊN HỎA LONG (VN)
Số 10, ngách 2, ngõ 121, phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 06: Sản phẩm kim loại như sắt, thiếc, chì, kẽm và hợp kim của chúng.

Nhóm 11: Lò đốt rác thải.

Nhóm 37: Khai thác khoáng sản.

Nhóm 39: Thu gom rác thải, vận chuyển rác thải.

Nhóm 40: Dịch vụ gia công kim loại như sắt, thiếc, chì, kẽm và hợp kim của chúng; dịch vụ xử lý và tiêu huỷ rác thải, khí thải, nước thải.

(111) **4-0167526**
(210) 4-2010-04193
(181) 05.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

COMSTOR

(151) 12.07.2011
(220) 05.03.2010

(531) 26.4.4; 26.4.7; 26.1.1
(731) WESTCON GROUP, INC. (US)
520 White Plains Road, Suite 100, Tarrytown, New York 10591-5167 U.S.A.
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ đại lý phân phối, đặt hàng bán buôn, và dịch vụ cửa hàng bán lẻ trong lĩnh vực các hệ thống và nối mạng máy tính, viễn thông, và thiết bị an ninh; dịch vụ đại lý phân phối, dịch vụ bán buôn và cửa hàng bán lẻ trong lĩnh vực phần cứng, phần mềm, thiết bị ngoại vi, hệ thống, và mạng máy tính; dịch vụ đại lý phân phối, dịch vụ đặt hàng bán buôn, và dịch vụ cửa hàng bán lẻ trong lĩnh vực thiết bị, hệ thống và mạng viễn thông; dịch vụ đại lý phân phối, dịch vụ đặt hàng bán buôn, và dịch vụ cửa hàng bán lẻ trong lĩnh vực thiết bị, hệ thống, và mạng an ninh; dịch vụ đại lý phân phối, đặt hàng bán buôn, và dịch vụ cửa hàng bán lẻ trực tuyến trong lĩnh vực các hệ thống và nối mạng máy tính, viễn thông, và thiết bị an ninh, trong lĩnh vực phần cứng, phần mềm, và thiết bị ngoại vi máy tính, và trong lĩnh vực thiết bị viễn thông và an ninh; kiểm soát hàng tồn kho và dịch vụ quản lý hàng tồn kho trong lĩnh vực máy tính, viễn thông, và thiết bị an ninh, bao gồm việc sử dụng các thẻ (tag) nhận dạng tần số sóng và các thiết bị nhận dạng khác; theo dõi và theo vết hàng hoá và các kiện hàng đang trên đường quá cảnh dựa trên thông tin máy tính cho người khác; dịch vụ theo dõi địa điểm và tìm các hàng hoá đã mã hoá, và để xác thực và nhận dạng hàng hoá; cung cấp cơ sở dữ liệu tương tác cho người bán lại sản phẩm phần cứng, phần mềm, thiết bị ngoại vi, hệ thống, và mạng máy tính, bao gồm thông tin kỹ thuật cụ thể, kinh doanh, marketing, và thông tin cạnh tranh cho phép người bán lại bán các sản phẩm và giải pháp nối mạng, hội tụ, an ninh thông tin và di động.

Nhóm 37: Dịch vụ lắp đặt, bảo dưỡng, và sửa chữa phần cứng, thiết bị ngoại vi, hệ thống, và mạng máy tính; dịch vụ lắp đặt, bảo dưỡng, và sửa chữa thiết bị, hệ thống, và mạng viễn thông; dịch vụ lắp đặt, bảo dưỡng, và sửa chữa thiết bị, hệ thống, và mạng an ninh.

Nhóm 42: Dịch vụ tư vấn về máy tính, cụ thể là, hỗ trợ kỹ thuật cho người bán lại về phần cứng, phần mềm, và thiết bị ngoại vi máy tính, trong lĩnh vực hệ thống máy tính, nối mạng máy tính, và phần cứng, phần mềm, và thiết bị ngoại vi máy tính, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật cho khách hàng (help desk) cung cấp trực tuyến và qua điện thoại và thư điện tử để giải quyết các vấn đề liên quan đến phần cứng, phần mềm, thiết bị ngoại vi, hệ thống, và mạng máy tính; dịch vụ cài đặt, bảo trì, và sửa chữa phần mềm máy tính; dịch vụ tư vấn về viễn thông, cụ thể là hỗ trợ kỹ thuật cho người bán lại các thiết bị, hệ thống, và mạng viễn thông, cụ thể là, cung cấp hướng dẫn và dịch vụ mà bản chất là thiết kế, theo dõi, và khắc phục sự cố cho các sự cố trong quá trình vận hành trong các thiết bị, hệ thống, và mạng đó; dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật cho khách hàng được cung cấp trực tuyến và qua điện thoại và thư điện tử cho các sự cố liên quan đến thiết bị, hệ thống, và mạng viễn thông; cung cấp cơ sở dữ liệu tương tác cho người bán lại thiết bị, hệ thống và mạng viễn thông có nội dung là thông tin kỹ thuật trên và các thông số kỹ thuật cho thiết bị viễn

thông, dịch vụ tư vấn an ninh, cụ thể là hỗ trợ kỹ thuật cho người bán lại thiết bị, hệ thống, và mạng an ninh, cụ thể là, cung cấp hỗ trợ và dịch vụ mà bản chất là thiết kế, theo dõi, và khắc phục sự cố cho các sự cố trong quá trình vận hành trong các thiết bị, hệ thống, và mạng đó; dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật cho khách hàng cung cấp trực tuyến và qua điện thoại và thư điện tử cho các sự cố liên quan đến thiết bị, hệ thống, và mạng an ninh; cung cấp cơ sở dữ liệu tương tác cho người bán lại thiết bị, hệ thống, và mạng an ninh có nội dung là các thông tin kỹ thuật trên và thông số kỹ thuật cho thiết bị nối mạng và an ninh.

---

(111) **4-0167527**
(210) 4-2010-06251
(181) 29.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ROLTECH

(151) 12.07.2011
(220) 29.03.2010

(531) 26.5.1; 25.5.2
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CỬA CUỐN ÚC VINH QUANG (VN)
Số 180 Tô Hiệu, phường Trại Cau, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 07: Mô tơ (không bao gồm loại dùng cho xe cộ).

---

(111) **4-0167528**
(210) 4-2010-05742
(181) 23.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

HOUSELINK

(151) 12.07.2011
(220) 23.03.2010

(731) NGUYỄN THÀNH LONG (VN)
Thôn Vũ Tiến, xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

(511) Nhóm 20: Đồ gỗ mỹ thuật; đồ trang trí không bằng kim loại cho đồ đạc; đồ gỗ văn phòng; đồ đạc trong nhà bằng gỗ: bàn, ghế; đồ gỗ trường học.

Nhóm 35: Dịch vụ mua bán gồm: mua bán đồ nội thất, mua bán vật liệu xây dựng, dịch vụ quảng cáo trực tuyến trên mạng lưới máy vi tính.

Nhóm 37: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, văn hóa, giao thông thủy lợi bao gồm: xây dựng công trình dân dụng: xây dựng nhà ở, khu trung cư, tập thể; xây dựng nhà xưởng; xây dựng các công trình đường xá, cầu cống; giám sát điều hành công việc xây dựng công trình; cho thuê thiết bị xây dựng; khai thác mỏ.

Nhóm 42: Tư vấn kiến trúc; bản vẽ (kiểu dáng) công nghiệp; trắc địa địa chất; dịch vụ vẽ đồ họa; lập kế hoạch đô thị hóa; nghiên cứu dự án kỹ thuật.

---

(111) **4-0167529**
(210) 4-2010-05762
(181) 23.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

LANCUI

(151) 12.07.2011
(220) 23.03.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MỸ PHẨM VẠN PHÚ (VN)
72/14 Huỳnh Văn Nghệ, phường 15, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH một thành viên Trường Luật (CÔNG TY TRUONG LUAT)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0167530**
(210) 4-2010-06052
(181) 25.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

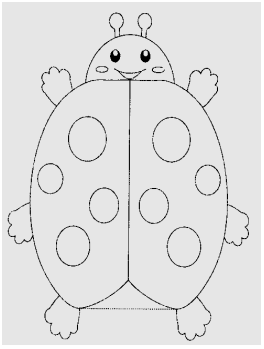

(151) 12.07.2011
(220) 25.03.2010

(531) A3.13.24; A3.13.10; 4.5.15; 4.5.14
(731) CÔNG TY TNHH ESCORD VIỆT NAM (VN)
37/1-37/3 phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Trung tâm tư vấn phát triển Thương hiệu và Chất lượng (NATUSI)

(511) Nhóm 18: Túi đựng hành lý, túi xách tay, ô (dù), ba lô, cặp sách học sinh, vali, túi quần áo dùng để đi du lịch, túi đựng tã lót của em bé, túi đeo em bé (trước ngực bà mẹ).

Nhóm 24: Chăn vải mền, bộ đồ vải cho giường (gồm ga phủ và chăn), vỏ dùng cho nệm, khăn trải bàn (không bằng giấy), vải nệm cho trẻ sơ sinh, khăn lau bằng vải, áo gối, khăn ăn bằng vải, rèm cửa.

Nhóm 25: Quần áo, mũ (nón), giày, dép, bít tất ngắn cổ, khăn quàng cổ, tạp dề (quần áo), quần áo cho trẻ sơ sinh, thắt lưng(trang phục).

(111) **4-0167531**
(210) 4-2010-06495
(181) 31.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 31.03.2010

(531) 26.5.1; 25.5.2
(591) Trắng, đen, cam
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DU LỊCH XÂY DỰNG NAM ÁNH DƯƠNG (VN)
79/23 quốc lộ 13, phường 26, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 44: Dịch vụ làm vườn; chăm sóc và duy trì cảnh quan.

---

(111) **4-0167532**
(210) 4-2010-05239
(181) 18.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 18.03.2010

(531) 26.4.2; 26.4.4; 26.4.3; A26.11.12
(591) Vàng, xanh
(731) CÔNG TY TNHH THANH HƯNG (VN)
Số nhà 63, đường Hồng Hà, Phúc Xá, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 39: Chở hàng bằng xe tải, vận chuyển hành khách, vận tải bằng tắc xi, vận tải, thông tin về lĩnh vực vận tải, cho thuê xe tải.

Nhóm 41: Học viện; trường đào tạo (giáo dục), giải trí; tiêu khiển, dịch vụ câu lạc bộ (giải trí hoặc giáo dục), dịch vụ về giáo dục giảng dạy.

Nhóm 43: Khách sạn cạnh đường cho khách có ôtô, nhà hàng ăn uống, quán cà phê tự phục vụ, quán ăn tự phục vụ, nhà trọ, cho thuê phòng họp.

---

(111) **4-0167533**
(210) 4-2010-05336
(181) 18.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

WAVEYES

(151) 12.07.2011
(220) 18.03.2010

(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH VY (VN)
461 Nhơn Hòa 1, xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 32: Nước uống đóng chai.

---

(111) **4-0167534**
(210) 4-2010-06055
(181) 25.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 25.03.2010

(531) A1.1.10; A1.1.5; 24.15.21
(591) Xanh lá cây đậm, đỏ, vàng đồng, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DU LỊCH THIÊN THANH ĐÀ LẠT (VN)
19 Trương Công Định, phường 1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ vũ trường, dịch vụ hát karaoke, dịch vụ vui chơi giải trí trong khu du lịch.

Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống, khách sạn.

Nhóm 44: Dịch vụ xông hơi, dịch vụ xoa bóp, dịch vụ vật lý trị liệu.

---

(111) **4-0167535**
(210) 4-2010-05722
(181) 23.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

KIM TẤN

(151) 12.07.2011
(220) 23.03.2010

(591) Đỏ
(731) HỘ KINH DOANH KIM TẤN (VN)
71/1 Bùi Văn Danh, phường Mỹ Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 14: Vàng; bạc; đồ trang sức bằng vàng, bạc, đá quý.

---

(111) **4-0167536**
(210) 4-2010-06078
(181) 25.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 25.03.2010

(531) A25.7.21; 26.1.1; A26.11.12
(731) TRỊNH VÂN CÔNG (VN)
Đội 7, thôn Mải Hạ, xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

(511) Nhóm 11: Thiết bị lọc nước; máy đun nước nóng lạnh; bình nước nóng năng lượng mặt trời; máy khử độc thực phẩm bằng ozone; bếp ga; thiết bị xông hơi (không dùng cho ngành y tế).

---

(111) **4-0167537**
(210) 4-2010-04717
(181) 12.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

N.A.TOPJOBS

(151) 12.07.2011
(220) 12.03.2010

(531) A26.11.12; A2.9.16; 26.1.1
(591) Cam, trắng
(731) CÔNG TY TNHH VIỆC LÀM ĐỈNH CAO NHÂN ANH (VN)
48 Hoa Sứ - C504, phường 7, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Dịch vụ giới thiệu việc làm; tổ chức hội chợ triển lãm nhằm mục đích thương mại hoặc quảng cáo; dịch vụ quảng cáo; đánh máy.

Nhóm 36: Dịch vụ cho thuê nhà; kinh doanh nhà.

---

(111) **4-0167538**
(210) 4-2010-05091
(181) 17.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

CALIHD

(151) 12.07.2011
(220) 17.03.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT SEN VIỆT (VN)
Khu phố Hạ, phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

(511) Nhóm 09: Ti vi; đầu đĩa; ăng ten; đầu thu kỹ thuật số; loa; âm ly.

---

(111) **4-0167539**
(210) 4-2010-05276
(181) 18.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

CEBITEX B COMPLEX

(151) 12.07.2011
(220) 18.03.2010

(531) 26.4.2; 26.1.1; 26.1.2; A1.1.5
(731) S.I.A (TENAMYD CANADA) INC (CA)
242, Varry Street, St.Laurent, Quebec, H4N1A3, Canada

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0167540**
(210) 4-2010-05698
(181) 23.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 23.03.2010

(531) 26.4.2; 26.1.1; 26.1.2; A1.1.5; 26.1.4; 26.1.6; A1.1.9
(591) Vàng, xanh dương, trắng, đỏ, đen
(731) CÔNG TY TNHH DÒNG SÔNG MỚI (NEW RIVER CO., LTD) (VN)
Số 84, phố Phú Viên, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 01: Phân bón.

Nhóm 39: Dịch vụ du lịch trong và ngoài nước, dịch vụ lữ hành, dịch vụ đại lý bán vé máy bay.

---

(111) **4-0167541**
(210) 4-2009-22253
(181) 16.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 16.10.2009

(531) 26.1.2; 25.1.6; A26.11.12
(731) TWG TEA COMPANY PTE LTD (SG)
61 Kim Yam Road, Singapore 239362
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 21: Ấm pha chè, chén uống chè và bát đựng nước chấm, đĩa, hộp đựng thực phẩm, bát, ruột ấm pha chè; hộp đựng chè, đồ pha chè; bộ đồ pha chè; dụng cụ để lọc chè (trà).

Nhóm 30: Đồ uống làm từ chè (trà); chè đen (trà) (chè Anh); hương liệu dùng cho chè (trà); chè (trà) hoa quả; chè (trà) có thêm vị sữa; chè (trà) thảo mộc, chè (trà) hương hoa quả; chè (trà) ngọt Rui-bos; tinh chất chè (trà); chè xanh (trà); chè (trà) thảo mộc (dùng làm đồ uống); chè xanh (trà) Nhật Bản; chè (trà) ô-long (chè Trung Quốc); chè (trà); chè (trà) gói; chiết xuất từ chè (trà); chè (trà) dùng để hãm; đồ uống trên cơ sở chè (trà); bánh; mỳ; bánh ngọt; bánh hạnh nhân (bánh); chế phẩm thảo dược dùng để làm bánh.

Nhóm 43: Dịch vụ cung cấp đồ ăn thức uống (do nhà hàng thực hiện); quán cà phê; nhà hàng ăn uống; dịch vụ phòng trà; dịch vụ nhà uống trà; dịch vụ phòng uống trà; cung cấp thông tin về các dịch vụ liên quan đến cung cấp đồ ăn thức uống.

---

(111) **4-0167542**
(210) 4-2009-22981
(181) 26.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 26.10.2009

(531) 26.3.1; 26.3.4; A26.11.12; 26.3.23
(731) BENJAMIN MOORE & CO. (US)
101 Paragon Drive Montvale, New Jersey 07645, United States of America
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 02: Thuốc màu; vecni; sơn; chất ngăn ngừa gỉ sắt và chống lại sự xuống màu của gỗ; phẩm màu, chất cắn màu, nhựa cây tự nhiên ở trạng thái thô; lá kim loại và kim loại dạng bột dùng cho họa sỹ, người làm nghề trang trí, nghề in và nghệ sỹ; sơn lót, chất nhuộm màu, chất bịt kín và chất phủ ngoài có tính chất của sơn, chất làm đặc thuốc màu; chất pha loãng dùng cho thuốc màu và sơn.

---

(111) **4-0167543**
(210) 4-2009-22982
(181) 26.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

AURA

(151) 12.07.2011
(220) 26.10.2009

(731) BENJAMIN MOORE & CO. (US)
101 Paragon Drive Montvale, New Jersey 07645, United States of America
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 02: Thuốc màu; vecni; sơn; chất ngăn ngừa gỉ sắt và chống lại sự xuống màu của gỗ; phẩm màu; chất cắn màu; nhựa cây tự nhiên ở trạng thái thô; lá kim loại và kim loại dạng bột dùng cho hoạ sỹ, người làm nghề trang trí, nghề in và nghệ sĩ; sơn lót, chất nhuộm màu, chất bịt kín và chất phủ ngoài có tinh chất của sơn; chất làm đặc thuốc màu; chất pha loãng dùng cho thuốc màu và sơn.

---

(111) **4-0167544**
(210) 4-2009-22985
(181) 26.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

GENNEX

(151) 12.07.2011
(220) 26.10.2009

(731) BENJAMIN MOORE & CO. (US)
101 Paragon Drive Montvale, New Jersey 07645, United States of America
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 02: Thuốc màu; vecni; sơn; chất ngăn ngừa gỉ sắt và chống lại sự xuống màu của gỗ; phẩm màu, chất cắn màu; nhựa cây tự nhiên ở trạng thái thô; lá kim loại và kim loại dạng bột dùng cho họa sỹ, người làm nghề trang trí, nghề in và nghệ sỹ; sơn lót, chất

nhuộm màu, chất bịt kín và chất phủ ngoài có tính chất của sơn; chất làm đặc thuốc màu; chất pha loãng dùng cho thuốc màu và sơn.

---

(111) **4-0167545**
(210) 4-2009-22987
(181) 26.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

GREEN PROMISE

(151) 12.07.2011
(220) 26.10.2009

(731) BENJAMIN MOORE & CO. (US)
101 Paragon Drive Montvale, New Jersey 07645, United States of America
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 02: Thuốc màu; vecni; sơn; chất ngăn ngừa gỉ sắt và chống lại sự xuống màu của gỗ; phẩm màu, chất cắn màu; nhựa cây tự nhiên ở trạng thái thô; lá kim loại và kim loại dạng bột dùng cho họa sỹ, người làm nghề trang trí, nghề in và nghệ sỹ; sơn lót, chất nhuộm màu, chất bịt kín và chất phủ ngoài có tính chất của sơn; chất làm đặc thuốc màu; chất pha loãng dùng cho thuốc màu và sơn.

---

(111) **4-0167546**
(210) 4-2009-20519
(181) 25.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 25.09.2009

(531) 26.1.2; A25.7.6
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NAM THUẬN PHONG (VN)
535 Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 41: Đào tạo ngoại ngữ.

---

(111) **4-0167547**
(210) 4-2009-21444
(181) 06.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 06.10.2009

(531) 26.4.2; 7.1.24; 7.3.11; A26.11.12
(591) Đỏ, đen
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOÀN MỸ (VN)
133 Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua bán thiết bị, vật tư, dụng cụ làm sạch.

Nhóm 37: Dịch vụ vệ sinh làm sạch công nghiệp, dân dụng và môi trường.

---

(111) **4-0167548**
(210) 4-2009-21807
(181) 12.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 12.10.2009

(531) 15.7.1; 26.1.1; A26.11.12; 14.3.1; A26.4.6
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT PHÚC LÂM (VN)
Đường B3, khu công nghiệp Phố Nối A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

(511) Nhóm 06: Các sản phẩm bu lông, đai ốc vít và vít cấy bằng kim loại.

---

(111) **4-0167549**
(210) 4-2009-22880
(181) 23.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 23.10.2009

(531) 26.3.23; 26.13.25
(731) SUPER JUMBO HOLDINGS LIMITED (VG)
P.O. Box 957, Offshore Incorporations Centre, Road Town, Tortola, British Virgin Islands
(740) Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu (SAO BẮC ĐẨU IP COM.,LTD.)

(511) Nhóm 18: Túi xách, túi xách dành cho phụ nữ, túi xách tay, ví, ba lô, túi đeo lưng, túi thể thao, túi bằng vải len, ô và ô che nắng.

Nhóm 25: Quần áo, đồ đi chân, đồ đội đầu (trang phục).

---

(111) **4-0167550**
(210) 4-2009-23136
(181) 27.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 27.10.2009

(531) 26.4.1
(591) Vàng, xanh
(731) DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ HƯƠNG NGUYÊN (VN)
Ngã tư Bến Hàn, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương

(511) Nhóm 39: Vận tải hành khách bằng tắc xi, xe buýt.

---

(111) **4-0167551**
(210) 4-2009-08725
(181) 06.05.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 06.05.2009

(531) 3.1.1; A3.1.20; 26.1.1; 26.1.2
(731) FRASER AND NEAVE, LIMITED (SG)
438 Alexandra Road, #21-00 Alexandra Point, Singapore 119958
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 29: Sữa; sản phẩm sữa; sản phẩm bơ sữa; đồ uống được làm từ các sản phẩm bơ sữa; đồ uống được chế trên cơ sở sữa (sữa là chủ yếu); sữa có hương vị; sữa đậu nành; sữa đặc; sữa đặc không đường; các chế phẩm bơ sữa có chứa lactoza; pho mát; món ăn nguội làm bằng sữa có vị mặn; món tráng miệng lạnh được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này; nước quả nấu đông; mứt dẻo; chất phết lên bánh có vị ngọt (dạng mứt); mứt quả ướt; sữa chua, đồ uống sữa chua; thịt; chất chiết ra từ thịt; trái cây và rau củ được bảo quản, phơi khô và nấu chín.

Nhóm 30: Đá thực phẩm có thể ăn, sản phẩm kem lạnh; bánh kẹo lạnh; sữa chua đông lạnh; nước xốt (gia vị); mật ong; bánh sữa trứng; chất làm ngọt tự nhiên; đường; bánh ăn nhẹ được chế biến sẵn từ những nguyên liệu thuộc nhóm này; bánh putđing; bánh nướng (hay hấp) có dạng tròn; cà phê; chè; đồ uống từ cà phê; chất tạo hương cà phê; đồ uống cà phê có sữa; đồ uống được chế biến trên cơ sở sô cô la hay ca cao; bánh bích quy; chế phẩm làm từ ngũ cốc; bánh ngọt; bánh mỳ; sô cô la; bánh tráng miệng đông lạnh; bánh tráng miệng làm từ hoa quả lạnh; bánh tráng miệng từ kem ăn; bánh tráng miệng làm từ kem lạnh; món ăn điểm tâm sáng được chế biến từ ngũ cốc; bánh tráng miệng lạnh không có bơ sữa; chế phẩm làm món tráng miệng từ các sản phẩm thuộc nhóm này; bánh tráng miệng được chế biến sẵn (được làm chủ yếu từ sô cô la, mứt kẹo hoặc bột nhão); bánh putđing (món tráng miệng); món tráng miệng từ sữa chua đông lạnh; kem ăn sô cô la; bánh kem; sản phẩm bánh mỳ; bánh bột nhão; bánh bao.

---

(111) **4-0167552**
(210) 4-2009-16283
(181) 05.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

PIZARO

(151) 12.07.2011
(220) 05.08.2009

(731) CÔNG TY TNHH SKYLINE VIỆT NAM (VN)
Số 54, phố Nguyễn Hữu Huân, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Luật Hợp danh Phương Đông (ORIENT LAW FIRM PARTNERSHIP)

(511) Nhóm 02: Sơn xây dựng; sơn công nghiệp (không bao gồm sơn cách nhiệt, cách điện).

Nhóm 19: Bột bả tường; bột trét gạch; chất chống thấm làm từ xi măng và nhựa đường dùng trong xây dựng.

---

(111) **4-0167553**
(210) 4-2009-16284
(181) 05.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

SKYLINE

(151) 12.07.2011
(220) 05.08.2009

(731) CÔNG TY TNHH SKYLINE VIỆT NAM (VN)
Số 54, phố Nguyễn Hữu Huân, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Luật Hợp danh Phương Đông (ORIENT LAW FIRM PARTNERSHIP)

(511) Nhóm 02: Sơn xây dựng; sơn công nghiệp (không bao gồm sơn cách nhiệt, cách điện).

---

(111) **4-0167554**
(210) 4-2009-20502
(181) 24.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

IDIDT

(151) 12.07.2011
(220) 24.09.2009

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VIỆT HỒNG (VN)
Số 3C, phố Vọng Đức, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 02: Mực in.

---

(111) **4-0167555**
(210) 4-2009-21154
(181) 02.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 02.10.2009

(531) 26.4.2; 26.1.2; A26.11.12; 26.11.3
(591) Vàng, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIA PHƯỚC (VN)
Số 1ATL10A, tổ 3, khu phố 3, phường Thạnh Lộc, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 37: Xây dựng cụ thể là xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; thông tin về xây dựng; cho thuê thiết bị xây dựng; dịch vụ giám sát công trình xây dựng.

---

(111) **4-0167556**
(210) 4-2009-22912
(181) 23.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

OCEAN

(151) 12.07.2011
(220) 23.10.2009

(731) CÔNG TY TNHH GIA PHÁT (VN)
20/165 Cầu Giấy, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 18: Ô dù.

Nhóm 35: Mua bán, phân phối ô dù.

---

(111) **4-0167557**
(210) 4-2009-22404
(181) 19.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Ecoclav

(151) 12.07.2011
(220) 19.10.2009

(731) CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM CHÁNH ĐỨC (VN)
41 Lê Trung Nghĩa, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167558**
(210) 4-2006-01082
(181) 20.01.2016
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 20.01.2006

(531) 26.1.1; 20.7.1; A20.7.2
(591) Xanh dương, xanh ngọc, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC LONG AN (VN)
Số 39 Hai Bà Trưng, phường 1, thành phố Tân An, tỉnh Long An

(511) Nhóm 20: Đồ gỗ gia dụng như: bàn, ghế học sinh; bàn, ghế dùng cho văn phòng; giường, tủ, kệ.

---

(111) **4-0167559**
(210) 4-2009-20342
(181) 23.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 23.09.2009

(531) 26.4.2; 26.1.1; A26.11.12; A16.1.5
(591) Đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢNG CÁO TRỰC TUYẾN PRI (VN)
P801 Tháp A, tòa nhà Hà Thành, số 102 Thái Thịnh, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Quảng cáo thương mại (trên các phương tiện thông tin đại chúng như tivi, đài, báo, tạp chí, Internet, truyền thông mạng, maketting trực tuyến, dịch vụ đa phương tiện Multi-media); dịch vụ cung cấp thông tin trên Internet (nhằm mục đích quảng cáo, thương mại, mua bán hàng hóa); quan hệ công chúng; dịch vụ maket cho mục đích quảng cáo; tư vấn trong tổ chức và quản lý doanh nghiệp.

---

(111) **4-0167560**
(210) 4-2010-10750
(181) 19.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 19.05.2010

(591) Đỏ
(731) CÔNG TY BỘT MÌ BÌNH ĐÔNG (VN)
277A bến Bình Đông, phường 14, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn Sở hữu trí tuệ á Đông (A ĐÔNG IP CONSULTANCY CO.,LTD.)

(511) Nhóm 30: Mì sợi, bột mì.

---

(111) **4-0167561**
(210) 4-2010-07535
(181) 13.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

SIDETECH®
"Chuyên sâu tạo nên sự khác biệt"

(151) 12.07.2011
(220) 13.04.2010

(531) 26.15.25; 26.13.25; 26.3.1; A1.1.8
(591) Đen, trắng, đỏ, vàng cam, xanh đậm
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ SINH PHÚ (VN)
Số 06, ngách 18, ngõ 165 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 11: Thiết bị lọc (làm sạch) không khí; thiết bị khử mùi không khí; thiết bị khử trùng; thiết bị lọc nước; máy tạo khí ô-zôn (máy này được dùng với mục đích sát trùng, khử mùi, diệt khuẩn, làm sạch không khí và nước).

---

(111) **4-0167562**
(210) 4-2010-09098
(181) 29.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

LIMAX-I CABLE

(151) 12.07.2011
(220) 29.04.2010

(531) 25.5.1
(591) Vàng, xanh, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT VIỆT HÀN (VN)
Lô 4 KCN Điện Nam, Điện Ngọc, tỉnh Quảng Nam

(511) Nhóm 09: Cáp điện; cuộn dây điện; dây dẫn điện; cáp dẫn điện; dây đồng dẫn điện.

---

(111) **4-0167563**
(210) 4-2010-03632
(181) 26.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

MỸ TRINH

(151) 12.07.2011
(220) 26.02.2010

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT MỸ PHẨM PHƯỚC SƠN (VN)
311/23 Dương Bá Trạc, phường 1, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH một thành viên Trường Luật (CÔNG TY TRUONG LUAT)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0167564**
(210) 4-2010-03631
(181) 26.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

VITAL-IONS

(151) 12.07.2011
(220) 26.02.2010

(731) NEUTROGENA CORPORATION (US)
5760 West 96th Street, Los Angeles, California 90045 United States of America
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 03: Chế phẩm chăm sóc da mặt và chăm sóc da toàn thân không tẩm thuốc.

Nhóm 05: Chế phẩm chăm sóc da mặt và chăm sóc da toàn thân có tẩm thuốc.

---

(111) **4-0167565**
(210) 4-2010-03990
(181) 04.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

VhHotel

(151) 12.07.2011
(220) 04.03.2010

(531) 26.1.2
(591) Xanh, đỏ, đen.
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH NAM ĐỊNH (VN)
Số 151 đường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

(511) Nhóm 43: Khách sạn, cho thuê phòng họp, quán ăn, dịch vụ cung cấp thức ăn đồ uống, dịch vụ cà phê.

---

(111) **4-0167566**
(210) 4-2010-01573
(181) 22.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 22.01.2010

(531) 26.13.25; 26.1.1; 2.7.23; A26.11.12
(731) GENTING INTELLECTUAL PROPERTY PTE LTD (SG)
3 Anson Road #27-01, Springleaf Tower, Singapore 079909
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ giải trí; dịch vụ câu lạc bộ khiêu vũ; sản xuất chương trình biểu diễn và trình diễn trên sân khấu; chương trình giải trí phát thanh và truyền hình; rạp chiếu phim; dịch vụ trình diễn trò vui trong các tiệm ăn, quán rượu; nhà hát; hộp đêm; dịch vụ giữ chỗ cho các chương trình biểu diễn và trình diễn; dịch vụ cung cấp các phương tiện

sử dụng cho sòng bạc; dịch vụ câu lạc bộ giải trí; dịch vụ trò chơi cung cấp trực tuyến từ mạng máy tính; trò chơi đánh bạc.

Nhóm 43: Dịch vụ cung cấp thực phẩm và đồ uống (do nhà hàng ăn uống thực hiện); cho thuê chỗ ở tạm thời; dịch vụ khách sạn; nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0167567**
(210) 4-2010-03146
(181) 11.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 11.02.2010

(731) LUXGEN MOTOR CO., LTD. (TW)
No. 39-1, Bogongkeng, Sanyi Township, Miaoli County 367, Taiwan
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 12: Xe ô tô và các bộ phận của xe ô tô, cụ thể là, vỏ bọc bánh lái dùng cho xe cộ, bánh xe cộ, trục bánh xe cộ, thanh chắn bảo hiểm dùng cho xe cộ, bánh lái dùng cho xe cộ, mui xe ô tô, vỏ bọc ghế dùng cho xe cộ, giá chở hành lý dùng cho xe cộ và thiết bị chống trộm dùng xe cộ.

---

(111) **4-0167568**
(210) 4-2010-03148
(181) 11.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 11.02.2010

(731) LUXGEN MOTOR CO.. LTD. (TW)
No. 39-1, Bogongkeng, Sanyi Township, Miaoli County 367, Taiwan
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ bán lẻ xe ô tô; dịch vụ bán lẻ các bộ phận và phụ tùng dùng cho xe ô tô.

---

(111) **4-0167569**
(210) 4-2010-03915
(181) 03.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 03.03.2010

(531) 26.1.2
(591) Đen, đỏ, ghi
(731) SHISEIDO COMPANY, LIMITED (JP)
7-5-5 Ginza, Chuo-ku, Tokyo 104-8010, Japan
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 03: Xà phòng, nước hoa, và mỹ phẩm; bao gồm cả các sản phẩm mỹ phẩm chăm sóc da, chăm sóc tóc, chăm sóc cơ thể, và mỹ phẩm trang điểm.

---

(111) **4-0167570**
(210) 4-2010-03916
(181) 03.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

CREATOR QURL

(151) 12.07.2011
(220) 03.03.2010

(731) SHISEIDO COMPANY, LIMITED (JP)
7-5-5 Ginza, Chuo-ku, Tokyo 104-8010, Japan
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 03: Xà phòng, nước hoa, và mỹ phẩm; bao gồm cả các sản phẩm mỹ phẩm chăm sóc da, chăm sóc tóc, chăm sóc cơ thể, và mỹ phẩm trang điểm.

---

(111) **4-0167571**
(210) 4-2010-02475
(181) 04.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

CHALUSS

(151) 12.07.2011
(220) 04.02.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MỸ PHẨM VẠN PHÚ (VN)
72/14 Huỳnh Văn Nghệ, phường 15, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH một thành viên Trường Luật (CÔNG TY TRUONG LUAT)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0167572**
(210) 4-2010-03894
(181) 03.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

PELECEFU

(151) 12.07.2011
(220) 03.03.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG (VN)
411 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167573**
(210) 4-2010-03895
(181) 03.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

NANOCEFO

(151) 12.07.2011
(220) 03.03.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG (VN)
411 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167574**
(210) 4-2010-03896
(181) 03.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

NANOZOLIN

(151) 12.07.2011
(220) 03.03.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG (VN)
411 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167575**
(210) 4-2010-03897
(181) 03.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

NANODIM

(151) 12.07.2011
(220) 03.03.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG (VN)
411 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167576**
(210) 4-2010-03160
(181) 11.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 12.07.2011
(220) 11.02.2010

(531) A20.1.3
(591) Trắng, đen, đỏ
(731) SCHWAN-STABILO SCHWANHAEUSSER GMBH & CO. KG (DE)
Schwanweg 1, 90562 Heroldsberg, Germany
(740) Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu (SAO BẮC ĐẨU IP COM.,LTD.)

(511) Nhóm 16: Văn phòng phẩm; dụng cụ viết cụ thể là bút cơ học, bút đánh dấu và bút dạ quang (bút đanh dấu); bút chì, ngòi bút chì, bút chì màu, bút chì cơ học, bút bi, lõi bút dự trữ cho bút bi, bút có đầu bịt bằng nỉ hoặc sợi, lõi bút dự trữ dùng cho bút có đầu bịt bằng sợi, bút máy, cục tẩy, đồ chuốt bút chì (bằng điện và không bằng điện), thước kẻ, compa để vẽ; đồ dùng văn phòng (trừ đồ gỗ); hòm đựng các vật dụng để viết, hộp đựng các vật dụng để viết, bút xóa nước (văn phòng phẩm), văn phòng phẩm (giấy), bao gồm trong nhóm này, tập giấy viết, sách bài tập, cặp giấy làm bằng giấy các tông hoặc chất dẻo, áp phích quảng cáo.

---

(111) **4-0167577**
(210) 4-2010-03162
(181) 11.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

POINT 88

(151) 12.07.2011
(220) 11.02.2010

(731) SCHWAN-STABILO SCHWANHAEUSSER GMBH & CO. KG (DE)
Schwanweg 1, 90562 Heroldsberg, Germany
(740) Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu (SAO BẮC ĐẨU IP COM.,LTD.)

(511) Nhóm 16: Văn phòng phẩm, dụng cụ viết cụ thể là bút cơ học bút đánh dấu và bút dạ quang (bút đánh dấu); bút chì, ngòi bút chì, bút chì màu, bút chì cơ học, bút bi, lõi bút dự trữ cho bút bi, bút có đầu bịt bằng nỉ hoặc sợi, lõi bút dự trữ dùng cho bút có đầu bịt bằng sợi, bút máy, cục tẩy, đồ chuốt bút chì (bằng điện và không bằng điện), thước kẻ, compa để vẽ; đồ dùng văn phòng (trừ đồ gỗ); hòm đựng các vật dụng để viết, hộp đựng các vật dụng để viết, bút xóa nước (văn phòng phẩm), văn phòng phẩm (giấy), bao gồm

trong nhóm này, tập giấy viết, sách bài tập, cặp giấy làm bằng giấy các tông hoặc chất dẻo, áp phích quảng cáo.

---

(111) **4-0167578**
(210) 4-2010-03973
(181) 03.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

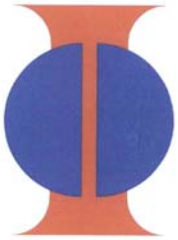

(151) 12.07.2011
(220) 03.03.2010

(531) 26.1.1; 26.2.7; 25.5.1
(591) Đỏ, xanh dương
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CƠ KHÍ ĐEN TA (VN)
443 Bà Hạt, phường 8, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 06: Khuôn bằng kim loại để lấy mẫu bê tông.

Nhóm 07: Máy chế biến mủ cao su; máy ngành xây dựng; hộp số (thuộc linh kiện máy).

---

(111) **4-0167579**
(210) 4-2010-03143
(181) 11.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

honsen

HONSEN

(151) 12.07.2011
(220) 11.02.2010

(731) HONSEN PRINTING INDUSTRIES PTE LTD (SG)
71 Ubi Crescent, #03-13 Excalibur Centre, Singapore 408571
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 09: Nhãn mã vạch; nhãn từ tính hoặc nhãn mã hóa có keo dính sẵn; nhãn nhận dạng (mã hóa); nhãn từ tính; nhãn điện tử hoạt tính có chứa thông tin mã hóa; nhãn mang thông tin được ghi hoặc mã hóa từ tính, quang học hoặc điện tử; miếng da nhận dạng mã hóa điện tử.

Nhóm 16: Nhãn in; nhãn để trống (để điền thông tin vào); nhãn in có keo dính sẵn; nhãn ghi giá; nhãn bằng giấy hoặc chất dẻo; nhãn nhận dạng hành lý; nhãn gắn vào hàng hóa; vé (sản phẩm in); giấy dùng để bao gói; chất dẻo dùng để bao gói; vật liệu làm bao bì bảo hộ dùng để bao gói; màng mỏng chất dẻo có chất dính bao bên ngoài dùng để đóng gói hoặc bao gói; màng mỏng có chất dính ở phía sau dùng làm tấm nhãn gắn vào sản phẩm.

Nhóm 24: Nhãn làm bằng nguyên liệu dệt; nhãn dính làm bằng nguyên liệu dệt.

Nhóm 40: Dịch vụ in ấn; in li tô; gia công hàng hóa theo đơn đặt hàng; gia công hàng hóa hoặc vật liệu (cho người khác).

---

(111) **4-0167580**
(210) 4-2010-03144
(181) 11.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

honsen

honsen

(151) 12.07.2011
(220) 11.02.2010

(531) A25.7.6; A25.7.7
(591) Đen, trắng, đỏ, nâu
(731) HONSEN PRINTING INDUSTRIES PTE LTD (SG)
71 Ubi Crescent, #03-13 Excalibur Centre, Singapore 408571
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 09: Nhãn mã vạch; nhãn từ tính hoặc nhãn mã hóa có keo dính sẵn; nhãn nhận dạng (mã hóa); nhãn từ tính; nhãn điện tử hoạt tính có chứa thông tin mã hóa; nhãn mang thông tin được ghi hoặc mã hóa từ tính, quang học hoặc điện tử; miếng da nhận dạng mã hóa điện tử.

Nhóm 16: Nhãn in; nhãn để trống (để điền thông tin vào); nhãn in có keo dính sẵn; nhãn ghi giá; nhãn bằng giấy hoặc chất dẻo; nhãn nhận dạng hành lý; nhãn gắn vào hàng hóa; vé (sản phẩm in); giấy dùng để bao gói; chất dẻo dùng để bao gói; vật liệu làm bao bì bảo hộ dùng để bao gói; màng mỏng chất dẻo có chất dính bao bên ngoài dùng để đóng gói hoặc bao gói; màng mỏng có chất dính ở phía sau dùng làm tấm nhãn gắn vào sản phẩm.

Nhóm 24: Nhãn làm bằng nguyên liệu dệt; nhãn dính làm bằng nguyên liệu dệt.

Nhóm 40: Dịch vụ in ấn; in li tô; gia công hàng hóa theo đơn đặt hàng; gia công hàng hóa hoặc vật liệu (cho người khác).

---

(111) **4-0167581**
(210) 4-2009-24987
(181) 18.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Beauty Salon Ngân Giang
Đẹp đẳng cấp - giá ngàn đô (USD)

(151) 13.07.2011
(220) 18.11.2009

(531) 26.4.1; 26.1.1; A26.11.12; 2.9.14
(591) Cam, trắng
(731) HỘ KINH DOANH NGÂN GIANG (VN)
144 Cống Quỳnh, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 44: Chăm sóc tóc như: cắt tóc, uốn tóc, nhuộm tóc, tạo kiểu tóc; trang điểm cô dâu; dịch vụ xoa bóp chăm sóc da mặt.

---

(111) **4-0167582**
(210) 4-2009-24525
(181) 12.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

TÍN TRUNG

(151) 13.07.2011
(220) 12.11.2009

(731) TRẦN THỊ HỒNG THẮM (VN)
Đường Trường Chinh, khu phố 8, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng

(511) Nhóm 30: Cà phê.

---

(111) **4-0167583**
(210) 4-2009-24548
(181) 12.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 13.07.2011
(220) 12.11.2009

(531) 5.5.19; A5.5.20; A5.5.21; A26.11.12
(731) PHẠM THU HOA (VN)
Nhà 40 ngõ 34 phố Hoàng Cầu, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 44: Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp.

---

(111) **4-0167584**
(210) 4-2009-25080
(181) 19.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 13.07.2011
(220) 19.11.2009

(531) A1.5.3; 5.3.22; 5.3.11; 26.13.25
(591) Xanh tím, đỏ, đen, ghi.
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐỔI MỚI (VN)
Xóm 12, xã Đồng Hướng, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình

(511) Nhóm 20: Cói mỹ nghệ gồm: giỏ cói, làn cói, khay cói, hộp cói, đệm cói.

---

(111) **4-0167585**
(210) 4-2010-04658
(181) 11.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

HOP TRI PHOS-K

(151) 13.07.2011
(220) 11.03.2010

(731) CÔNG TY TNHH HOÁ NÔNG HỢP TRÍ (VN)
Lô B14, khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 01: Phân bón; chế phẩm làm màu mỡ đất.

---

(111) **4-0167586**
(210) 4-2010-04756
(181) 12.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

QRIF

(151) 13.07.2011
(220) 12.03.2010

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT MỸ PHẨM NGỌC QUANG (VN)
87 ấp 4, xã Núi Tượng, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0167587**
(210) 4-2010-04757
(181) 12.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

CARYIZO

(151) 13.07.2011
(220) 12.03.2010

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT MỸ PHẨM NGỌC QUANG (VN)
87 ấp 4, xã Núi Tượng, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0167588**
(210) 4-2010-04992
(181) 16.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 13.07.2011
(220) 16.03.2010

(531) A1.5.3; 24.15.21; 26.3.23
(591) Xanh, trắng, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ (VN)
Số 18, đường Hùng Vương, khóm 3, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

(511) Nhóm 44: Tư vấn về sử dụng thuốc; dịch vụ trợ giúp y tế; phòng chữa bệnh; vật lý trị liệu; dịch vụ hộ lý.

---

(111) **4-0167589**
(210) 4-2010-05038
(181) 16.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 13.07.2011
(220) 16.03.2010

(531) 26.1.2; A19.11.11; A19.11.25; A26.11.12
(591) Trắng, đỏ, xanh dương, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ HÓA HỌC SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CHÁNH ĐỊNH (VN)
52 ĐHT03, phường Tân Hưng Thuận, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 03: Hóa mỹ phẩm: xà phòng, dầu gội đầu, chất tẩy rửa, mỹ phẩm.

---

(111) **4-0167590**
(210) 4-2009-26089
(181) 01.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 13.07.2011
(220) 01.12.2009

(531) 26.1.1; 2.1.1; 2.3.1; 2.1.15; 2.3.15; 26.13.25
(591) Đỏ, xanh lục, trắng
(731) AHN, YONG KYUN (KR)
106 Gaenari Apt 2nd. Hyuchundong, Youngju-si, Kyungsangbukdo, Korea
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng: cung cấp đồ ăn, thức uống (do nhà hàng thực hiện).

---

(111) **4-0167591**
(210) 4-2009-19988
(181) 18.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 13.07.2011
(220) 18.09.2009

(531) 26.3.1; 26.4.2; 1.3.1; A1.3.18; A26.11.12
(591) Đỏ, xanh dương
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN RÔBỐT (VN)
304B Điện Biên Phủ, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 09: Bình ắc qui; bộ tích điện; dây ăng-ten; thiết bị báo động; cáp điện; thiết bị để nạp ắc qui điện; bộ nạp pin; dây điện từ; máy vi tính; công tắc điện; máy đổi điện; dây đồng (được cách điện); máy nắn dòng điện; vật liệu để làm ống dẫn điện (dây, dây cáp); bộ giảm áp (điện); thiết bị điều chỉnh (dùng điện); dây điện thoại; máy biến thế; dây điện; ổ cắm điện; rơ le thời gian tự động; dây tín hiệu (thông tin, điều khiển); bộ biến đổi (bộ điều chỉnh) ánh sáng (dùng điện).

Nhóm 11: Quạt gió; quạt dùng cho cá nhân (dùng điện); thiết bị khử mùi cho không khí; thiết bị và trang bị chiếu sáng; đèn an toàn.

---

(111) **4-0167592**
(210) 4-2009-19989
(181) 18.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 13.07.2011
(220) 18.09.2009

(531) 26.3.1; 26.4.2; 1.3.1; A1.3.18; A26.11.12
(591) Đỏ, xanh dương
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN RÔBỐT (VN)
304B Điện Biên Phủ, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 09: Bình ắc qui; bộ tích điện; dây ăng-ten; thiết bị báo động; cáp điện; thiết bị để nạp ắc qui điện; bộ nạp pin; dây điện từ; máy vi tính; công tắc điện; máy đổi điện; dây đồng (được cách điện); máy nắn dòng điện; vật liệu để làm ống dẫn điện (dây, dây cáp); bộ giảm áp (điện); thiết bị điều chỉnh (dùng điện); dây điện thoại; máy biến thế; dây điện; ổ cắm điện; rơ le thời gian tự động; dây tín hiệu (thông tin, điều khiển); bộ biến đổi (bộ điều chỉnh) ánh sáng (dùng điện).

Nhóm 11: Quạt gió; quạt dùng cho cá nhân (dùng điện); thiết bị khử mùi cho không khí; thiết bị và trang bị chiếu sáng; đèn an toàn.

(111) **4-0167593**
(210) 4-2009-23516
(181) 30.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 13.07.2011
(220) 30.10.2009

(531) 26.4.2; 26.4.4; 26.1.2; 3.11.1
(591) Đỏ, vàng, vàng nhạt, kem nhạt, xanh lá cây, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KIM LONG (VN)
Lô số 2, khu A tập thể liên cơ quan Từ Liêm, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167594**
(210) 4-2010-05538
(181) 22.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

CAFECLICK

(151) 13.07.2011
(220) 22.03.2010

(731) CÔNG TY TNHH PHẦN MỀM E VIỆT (VN)
29A Lý Tuệ, phường Tân Quý, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 09: Phần cứng máy tính, phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0167595**
(210) 4-2009-25555
(181) 25.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

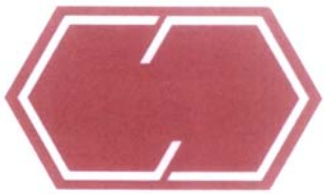

(151) 13.07.2011
(220) 25.11.2009

(531) 26.5.1; 26.3.23
(591) Trắng, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH HOÁ HỌC ỨNG DỤNG BÌNH YÊN (VN)
Số 16/447 Lạc Long Quân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 33: Rượu (gạo); đồ uống có cồn (trừ bia); rượu mùi; đồ uống có cồn chứa hoa quả; đồ uống được cất (chưng cất); rượu mạnh.

---

(111) **4-0167596**
(210) 4-2009-25901
(181) 30.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 13.07.2011
(220) 30.11.2009

(531) 26.4.2; 7.1.24; 26.13.25
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG PHÁT (VN)
345 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Đại lý ký gửi hàng hóa; môi giới thương mại; mua bán giấy dán tường, ngói trang trí, si-mi-li, máy cắt giấy, máy dán keo, ván lót sàn, đề can trang trí cũng như các vật dụng khác dùng cho mục đích trang trí nội thất.

---

(111) **4-0167597**
(210) 4-2009-25908
(181) 30.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 13.07.2011
(220) 30.11.2009

(531) 26.1.2; 26.4.2; 26.4.4; 26.11.3; 25.7.20; 26.2.1; 7.3.1; 7.3.2; 2.1.15; 2.1.8; 2.1.25
(591) Xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG SONG HƯƠNG (VN)
Xóm 5, xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 06: Khung cửa bằng kim loại, cửa bằng kim loại.

Nhóm 19: Khung cửa bằng nhựa, cửa nhựa, cửa kính.

Nhóm 35: Mua bán, xuất nhập khẩu, đại lý phân phối cửa bằng kim loại và cửa không bằng kim loại.

Nhóm 37: Dịch vụ bảo trì, sửa chữa, lắp đặt các loại cửa.

---

(111) **4-0167598**
(210) 4-2010-05217
(181) 18.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

NGÔ HƯNG

(151) 13.07.2011
(220) 18.03.2010

(731) NGÔ VĂN HƯNG (VN)
Số 63 M Đinh Tiên Hoàng, phường 8, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

(511) Nhóm 30: Cà phê.

---

(111) **4-0167599**
(210) 4-2009-26129
(181) 02.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 13.07.2011
(220) 02.12.2009

(531) 26.4.1; 26.4.2
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢNG CÁO TRỰC TUYẾN PRI (VN)
P801 tháp A, tòa nhà Hà Thành, số 102 Thái Thịnh, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Quảng cáo thương mại (trên các phương tiện thông tin đại chúng như tivi, đài, báo, tạp chí, internet, truyền thông mạng, ma - két - tinh trực tuyến, dịch vụ đa phương tiện); dịch vụ cung cấp thông tin trên internet (nhằm mục đích quảng cáo, thương mại, mua bán hàng hóa); quan hệ công chúng; tư vấn trong tổ chức và quản lý doanh nghiệp.

Nhóm 36: Tư vấn đầu tư (trong lĩnh vực viễn thông, internet, công nghệ thông tin); môi giới bất động sản; môi giới đầu tư các dự án (trong lĩnh vực viễn thông, internet, công nghệ thông tin); đánh giá tài chính các dự án (trong lĩnh vực viễn thông, internet, công nghệ thông tin); quản lý tài chính các dự án (trong lĩnh vực viễn thông, internet, công nghệ thông tin); bảo trợ tài chính cho các dự án (trong lĩnh vực viễn thông, internet, công nghệ thông tin).

Nhóm 38: Dịch vụ cung cấp kết nối viễn thông đến mạng máy tính toàn cầu; dịch vụ gia tăng trên mạng internet và điện thoại di động; dịch vụ nhắn tin; dịch vụ truyền dữ liệu; dịch vụ truyền thông qua mạng internet và điện thoại di động; dịch vụ truyền hình trên mạng internet và điện thoại di động.

---

(111) **4-0167600**
(210) 4-2009-26132
(181) 02.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 13.07.2011
(220) 02.12.2009

(531) 26.4.1; A26.11.12; 6.1.2; A6.1.4; 5.3.11; A5.3.13; A5.3.15
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢNG CÁO TRỰC TUYẾN PRI (VN)
P801 tháp A, tòa nhà Hà Thành, số 102 Thái Thịnh, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Quảng cáo thương mại (trên các phương tiện thông tin đại chúng như tivi, đài, báo, tạp chí, internet, truyền thông mạng, maketting trực tuyến, dịch vụ đa phương tiện

multi-media); dịch vụ cung cấp thông tin trên internet (nhằm mục đích quảng cáo, thương mại, mua bán hàng hóa); quan hệ công chúng; tư vấn trong tổ chức và quản lý doanh nghiệp.

Nhóm 36: Tư vấn đầu tư (trong lĩnh vực viễn thông, internet, công nghệ thông tin); môi giới bất động sản; môi giới đầu tư các dự án (trong lĩnh vực viễn thông, internet, công nghệ thông tin); đánh giá tài chính các dự án (trong lĩnh vực viễn thông, internet, công nghệ thông tin); quản lý tài chính các dự án (trong lĩnh vực viễn thông, internet, công nghệ thông tin); bảo trợ tài chính cho các dự án (trong lĩnh vực viễn thông, internet, công nghệ thông tin).

Nhóm 42: Tư vấn trong lĩnh vực phần mềm máy tính; nghiên cứu và phát triển sản phẩm phần mềm máy tính; khai thác mạng lưới và dịch vụ internet; khảo sát, thiết kế, quản lý, vận hành phần mềm mạng internet; thiết kế mỹ thuật.

---

(111) **4-0167601**
(210) 4-2010-06573
(181) 31.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 13.07.2011
(220) 31.03.2010

(531) A5.5.20; 26.1.1; 3.7.17; A25.7.21; A5.3.15
(591) Đỏ tươi, xanh đọt chuối.
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI CẨM VÂN (VN)
Tổ 2, ấp 6, xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

(511) Nhóm 30: Tinh bột khoai mì.

Nhóm 35: Kinh doanh (mua bán) hàng nông sản.

---

(111) **4-0167602**
(210) 4-2010-07130
(181) 08.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Rau an toàn

HÀ TRANG

(151) 13.07.2011
(220) 08.04.2010

(731) NGUYỄN THỊ HÀ (VN)
5/8 Lê Hồng Phong, thôn Nghĩa Hiệp, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng

(511) Nhóm 31: Rau tươi, củ quả tươi, hoa tươi.

---

(111) **4-0167603**
(210) 4-2010-07131
(181) 08.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Rau an toàn

THIÊN HẰNG

(151) 13.07.2011
(220) 08.04.2010

(731) NGUYỄN THỊ HẰNG (VN)
5/3 Lê Hồng Phong, thôn Nghĩa Hiệp, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng

(511) Nhóm 31: Rau tươi, củ quả tươi, hoa tươi.

---

(111) **4-0167604**
(210) 4-2010-13653
(181) 25.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Taurfu

(151) 13.07.2011
(220) 25.06.2010

(731) CENTAUR PHARMACEUTICALS Pvt. Ltd. (IN)
Centaur House, Near Grandhyatt, Shanti Nagar, Vakola Santacruz (E) Mumbai - 400055, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0167605**
(210) 4-2010-13692
(181) 25.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

PRO NUTRIUM 10

(151) 13.07.2011
(220) 25.06.2010

(731) UNILEVER N.V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Xà phòng; nước hoa; tinh dầu; chất khử mùi trên cơ thể (dùng cho cá nhân) và chất chống chảy mồ hôi (dùng cho cá nhân); mỹ phẩm chăm sóc tóc; thuốc nhuộm tóc; thuốc màu để nhuộm tóc; nước xức tóc; chế phẩm để tạo nếp tóc lượn sóng; dầu gội đầu; dầu xả tóc; keo xịt tóc; phấn xoa tóc (mỹ phẩm); mỹ phẩm tạo kiểu dáng cho tóc; keo xịt màu cho tóc (thuộc nhóm này); bọt dùng cho tóc (mỹ phẩm); nước bóng tóc (mỹ phẩm); dầu tóc (mỹ phẩm); mỹ phẩm dưỡng ẩm cho tóc; chất lỏng dùng để trang điểm tóc; chất bảo vệ tóc (không chứa dược chất); chất dưỡng tóc khô (không chứa dược chất); dầu xức tóc (mỹ phẩm); chất làm khỏe tóc (không chứa dược chất); kem bôi tóc; chế phẩm dùng

để tắm thường và/hoặc tắm vòi hoa sen (không chứa dược chất); chế phẩm dùng để trang điểm không chứa dược chất; mỹ phẩm chăm sóc da; mỹ phẩm.

---

(111) **4-0167606**
(210) 4-2010-13870
(181) 29.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 13.07.2011
(220) 29.06.2010

(531) A5.5.20; A5.5.21; 3.13.1
(731) LÝ THANH TÙNG (VN)
TTTM Nam Châu Đốc, đường số 03, số nhà 24, ấp Mỹ Chánh, xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; dầu gội đầu; sữa tắm; xà phòng; thuốc đánh răng; nước xúc miệng không dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0167607**
(210) 4-2010-13931
(181) 29.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ENLIGHTENED

(151) 13.07.2011
(220) 29.06.2010

(731) HOME BOX OFFICE, INC (US)
1100 Avenue of the Americas, New York, New York 10036, U.S.A
(740) Văn phòng Luật sư MINERVAS (MINERVAS)

(511) Nhóm 09: Đĩa DVD đã được ghi các chương trình truyền hình nhiều tập có cùng chủ đề hoặc cùng nhân vật; phần mềm chương trình bảo vệ màn hình máy tính (thay đổi nền màn hình khi người sử dụng rời khỏi máy tính trong thời gian lâu), nhạc chuông, nhạc chờ khi gọi điện thoại có thể tải xuống được thông qua mạng máy tính toàn cầu và thiết bị không dây phỏng theo hoặc liên quan đến nội dung của các chương trình truyền hình nhiều tập có cùng chủ đề hoặc cùng chung nhân vật đang được phát sóng; đĩa CD, băng viđêô và đĩa DVD đã ghi các đoạn viđêô, phim viđêô ngắn và các quảng cáo xuất hiện tại vị trí nhất định trên màn hình phỏng theo hoặc liên quan đến nội dung của các chương trình truyền hình nhiều tập có cùng chủ đề hoặc cùng chung nhân vật; các tài liệu dưới dạng số, cụ thể là các tệp viđêô và các tệp đồ họa đã được ghi từ trước có thể tải xuống được tất cả phỏng theo hoặc liên quan đến nội dung của các chương trình truyền hình nhiều tập có cùng chủ đề hoặc cùng chung nhân vật đang được phát sóng; đĩa trò chơi vi tính và trò chơi viđêô điện tử tương tác; tai nghe vòng qua đầu, tai nghe kẹp vào vành tai, tai nghe cắm được vào lỗ tai; tấm đệm để đi chuột máy vi tính; chương trình trò chơi viđêô hoặc trò chơi điện tử tương tác có thể tải xuống được từ mạng internet phỏng theo hoặc liên quan đến nội dung của các chương trình truyền hình nhiều tập có cùng chủ đề hoặc cùng chung nhân vật; kính râm; thiết bị cho trò chơi để dùng với màn chiếu ngoài hoặc màn hình; thiết bị tiêu khiển để dùng với màn chiếu ngoài hoặc màn hình.

Nhóm 16: Ấn phẩm của ngành in và giấy; hộp bằng giấy, cái lót cốc bằng giấy, khăn tay bằng giấy, tất cả phỏng theo hoặc liên quan đến nội dung của các chương trình truyền hình nhiều tập có cùng tên; bút viết, bút chì.

Nhóm 18: Túi xách tay đa dụng dùng để mang theo vật dụng hàng ngày của cá nhân, túi đựng đồ mang theo người, túi vải hình trụ có dây buộc thít ở đầu, túi xách tay, túi có khóa chốt ly hợp và ví cho phụ nữ, túi đeo vai, túi thể thao, ba lô, túi vải có dây đeo qua vai và trễ đến hông giống như túi của người đưa thư, ví đàn ông, túi nhỏ đeo ở cổ tay, túi đựng mỹ phẩm được bán không có đồ bên trong; ô; tất cả các hàng hóa trên đây phỏng theo hoặc liên quan đến nội dung của các chương trình truyền hình nhiều tập có cùng tên.

Nhóm 21: Đồ sử dụng để uống cụ thể là cốc chén và ly, đĩa đựng thức ăn đáy sâu, đĩa đựng thức ăn đáy nông, bát, đĩa nhỏ và nông để đựng cốc chén và khay bằng thủy tinh, sứ, gốm và đất; xô đựng và làm lạnh chai rượu vang bằng đá ăn trước khi uống, cái mở nắp chai rượu vang; dụng cụ dùng cho gia đình và nhà bếp; đồ đựng dùng cho gia đình và nhà bếp; bức tượng nhỏ làm bằng sứ; tất cả các hàng hóa nêu trên liên quan đến nội dung của các chương trình truyền hình nhiều tập có cùng tên.

Nhóm 25: Quần áo, cụ thể là quần áo lót, quần áo ngủ, quần tất dệt kim, áo choàng khoác ngoài dùng cho các dịp long trọng, quần áo mặc để thư giãn khi ở nhà, quần áo thể thao, quần áo mặc ở bãi biển, áo vét tông, quần áo mặc bình thường không long trọng, quần áo tập thể dục, áo khoác ngoài trước và sau khi tắm, quần áo mặc trong dịp lễ hội halloween; đồ đội đầu cụ thể là mũ, tấm lưỡi trai đeo trên trán để che nắng cho mắt, mũ lưỡi trai; đồ di chân thuộc nhóm này; tất cả các hàng hóa trên đây liên quan đến nội dung của các chương trình truyền hình nhiều tập có cùng tên.

Nhóm 28: Trò chơi; máy tiêu khiển động hoạt động bằng cách bỏ xu hay xèng; thiết bị là trò chơi cụ thể là máy chơi trò chơi, máy trò chơi kiểu giật xèng (slot machines), máy trò chơi bingo có hoặc không có đầu ra viđêô, máy trò chơi may rủi.

Nhóm 41: Dịch vụ giải trí có bản chất là các chương trình truyền hình nhiều tập có cùng chủ đề hoặc cùng nhân vật đang được phát sóng; dịch vụ giải trí tương tác trực tuyến có bản chất là website chứa đựng các bài trình bày đồ họa, viđêô và văn xuôi, các đoạn phim viđêô liên quan và các tài liệu đa phương tiện khác phỏng theo hoặc liên quan đến nội dung của các chương trình truyền hình nhiều tập có cùng chủ đề hoặc cùng chung nhân vật; dịch vụ giải trí tương tác trực tuyến có bản chất là các trò chơi điện tử tương tác hoặc các trò chơi viđêô có thể truy cập được trên internet phỏng theo hoặc liên quan đến nội dung của các chương trình truyền hình nhiều tập có cùng chủ đề hoặc cùng chung nhân vật.

(111) **4-0167608**
(210) 4-2010-12157
(181) 04.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

AMIMATE

(151) 13.07.2011
(220) 04.06.2010

(731) AJINOMOTO CO., INC. (JP)
15-1, Kyobashi 1 -Chome, Chuo-Ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 01: Hoá chất dùng trong công nghiệp; hoá chất dùng trong khoa học (trừ hoá chất dùng trong ngành y và thú y); hoá chất dùng trong nhiếp ảnh; hoá chất dùng trong nông nghiệp (trừ thuốc diệt nấm, chất diệt cỏ dại, thuốc diệt cỏ, thuốc trừ sâu và chất diệt ký sinh trùng); hoá chất dùng trong nghề làm vườn (trừ thuốc diệt nấm, chất diệt cỏ dại, thuốc diệt cỏ, thuốc trừ sâu và chất diệt ký sinh trùng) và hoá chất dùng trong lâm nghiệp (trừ thuốc diệt nấm, chất diệt cỏ dại, thuốc diệt cỏ, thuốc trừ sâu và chất diệt ký sinh trùng); nhựa nhân tạo dạng thô; chất dẻo dạng thô; phân bón dùng trong nông nghiệp; hợp chất chữa cháy (hoá chất); chế phẩm dùng để tôi và hàn kim loại; chế phẩm để bảo quản thực phẩm; chất để thuộc da; chất dính dùng trong công nghiệp; phân bón (phân ủ); phân bón lá cây; chế phẩm axít amin được sử dụng như phân bón; chế phẩm để cải tạo đất trồng (hóa chất dùng trong nông nghiệp); hoá chất làm biến đổi cải thiện cho đất trồng; hoá chất cải tạo đất trồng.

---

(111) **4-0167609**
(210) 4-2010-13919
(181) 29.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Gawas MASTERPIECE

(151) 13.07.2011
(220) 29.06.2010

(531) 26.3.1
(731) THE SEASON TACKLE SDN. BHD (MY)
No.19, 19a & 21 & 21a, Jalan Bakawali 54, Taman Johor Jaya, 81100 Johor Bahru, Johor, Malaysia
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 28: Dây để câu cá; ống cuộn dây câu dùng để câu cá; cần câu cá; lưỡi câu cá; mồi (nhân tạo) dùng để câu cá; dụng cụ câu cá.

(111) **4-0167610**
(210) 4-2010-14694
(181) 09.07.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 13.07.2011
(220) 09.07.2010

(531) 3.9.16; 26.1.2
(591) Trắng, xanh lá cây, đỏ, đỏ đậm, vàng, vàng nhạt, vàng nâu
(731) HIỆP HỘI TÔM CHUA HUẾ (VN)
39 Hai Bà Trưng, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Tôm chua.

---

(111) **4-0167611**
(210) 4-2010-13936
(181) 29.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ZINCAMA

(151) 13.07.2011
(220) 29.06.2010

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI BA CON RỒNG (VN)
32 khu 4 Tân Sơn Nhì, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 01: Phân bón.

---

(111) **4-0167612**
(210) 4-2010-13938
(181) 29.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

RỒNG ĐẤT

(151) 13.07.2011
(220) 29.06.2010

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI BA CON RỒNG (VN)
32 khu 4 Tân Sơn Nhì, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 01: Phân bón.

---

(111) **4-0167613**
(210) 4-2010-06551
(181) 31.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

HI-TAX CAFE

(151) 13.07.2011
(220) 31.03.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THUẾ VIỆT (VN)
4H Trần Hưng Đạo, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 43: Quán ăn tự phục vụ; nhà hàng ăn uống; quán rượu; quán cà phê.

---

(111) **4-0167614**
(210) 4-2010-13634
(181) 24.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

CAPE MENTELLE

(151) 13.07.2011
(220) 24.06.2010

(731) CAPE MENTELLE VINEYARDS LIMITED (AU)
Wallcliffe Road, Margaret River, Australia
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 33: Đồ uống có chứa cồn (trừ bia).

---

(111) **4-0167615**
(210) 4-2010-13635
(181) 24.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

CLOUDY BAY

(151) 13.07.2011
(220) 24.06.2010

(731) CLOUDY BAY VINEYARDS LIMITED (NZ)
Jakson Road, Blenheim, New Zealand
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 33: Đồ uống có chứa cồn (trừ bia).

---

(111) **4-0167616**
(210) 4-2010-13636
(181) 24.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

TERRAZAS

(151) 13.07.2011
(220) 24.06.2010

(531) 26.1.1; 26.13.25; 3.13.1
(731) BODEGAS CHANDON SA (AR)
Avenida Paseo Colon 746, Piso 2, C1063ACU, Ciudad de Buenos Aires, Argentina
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 33: Đồ uống có chứa cồn (trừ bia).

---

(111) **4-0167617**
(210) 4-2010-13638
(181) 24.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

THP SHOES

(151) 13.07.2011
(220) 24.06.2010

(531) 26.1.1; 26.13.25
(731) HỘ KINH DOANH HƯNG PHÚ (VN)
70 Hoàng Xuân Nhị, phường Phú Trung, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Giày dép.

---

(111) **4-0167618**
(210) 4-2010-19991
(181) 22.09.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

VRB
VIETNAM - RUSSIA BANK

(151) 13.07.2011
(220) 22.09.2010

(531) 26.4.2; 26.4.4; 25.5.2
(591) Trắng, đỏ, xanh dương, đen
(731) NGÂN HÀNG LIÊN DOANH VIỆT-NGA (VN)
Số 85 Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Thẻ ATM (được mã hoá hoặc từ tính); thẻ ghi nợ (được mã hoá hoặc từ tính); thẻ tín dụng (được mã hoá hoặc từ tính); phần mềm ngân hàng; phần mềm dùng cho thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ; thẻ đã mã hoá hoặc được từ tính.

Nhóm 36: Hoạt động ngân hàng; đầu tư vốn; tư vấn tài chính; dịch vụ tín dụng; dịch vụ gửi tiền tiết kiệm do ngân hàng thực hiện; dịch vụ đổi tiền; dịch vụ thanh toán đựa trên nền tảng viễn thông; đánh giá tài chính; thông tin về tài chính; dịch vụ làm tài chính, dịch vụ phát hành thẻ tín dụng và trái phiếu có giá trị; dịch vụ gửi két an toàn; dịch vụ bảo lãnh trong lĩnh vực ngân hàng, tín dụng, tài chính; dịch vụ chuyển vốn bằng điện tử; dịch vụ ủy thác trong lĩnh vực tài chính, tín dụng, ngân hàng bảo hiểm; dịch vụ ký gửi những đồ vật quý giá.

---

(111) **4-0167619**
(210) 4-2010-13876
(181) 29.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

AMFALYTIC

(151) 13.07.2011
(220) 29.06.2010

(731) INTERNATIONAL PHARMACEUTICAL DISTRIBUTION CO., LTD. (DBA Ampharco USA) (US)
17751 Mitchell, Irvine, CA 92614, USA.
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167620**
(210) 4-2010-15450
(641) 4-2008-19850
(181) 16.09.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

IMMUNOFORCE

(151) 13.07.2011
(220) 16.09.2008

(731) N.V. NUTRICIA (NL)
Eerste Stationsstraat 186, 2712 HM Zoetermeer, The Netherlands
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Sữa và các sản phẩm từ sữa, sữa bột, sữa cho phụ nữ mang thai và cho con bú.

---

(111) **4-0167621**
(210) 4-2009-10620
(181) 28.05.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

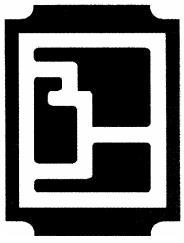

(151) 13.07.2011
(220) 28.05.2009

(531) 7.3.2; A25.1.10; 26.4.2
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ KIM TÚC (VN)
Số 32, Đào Duy Từ, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 43: Kinh doanh khách sạn; kinh doanh nhà hàng ăn uống; kinh doanh nhà nghỉ; dịch vụ ăn uống và giải khát do nhà hàng thực hiện.

---

(111) **4-0167622**
(210) 4-2009-15166
(181) 23.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 13.07.2011
(220) 23.07.2009

(531) 26.11.1; A26.11.8
(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PINCTADALI VIỆT NAM (VN)
Số 180/A10, đường Hoàng Quốc Việt, xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 19: Ván sàn tre.

Nhóm 20: Hàng thủ công mỹ nghệ mây tre đan; giường làm bằng tre, bàn làm bằng tre; ghế ngồi bằng tre; tủ làm bằng tre.

Nhóm 35: Tư vấn xuất nhập khẩu; mua bán ván sàn tre; mua bán hàng thủ công mỹ nghệ mây tre đan; mua bán giường làm bằng tre; mua bán tủ làm bằng tre; mua bán bàn làm bằng tre.

---

(111) **4-0167623**
(210) 4-2009-15186
(181) 23.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 13.07.2011
(220) 23.07.2009

(531) 3.7.11; 5.7.3; 26.1.1; 5.9.21; 5.9.15; 5.9.19
(591) Đỏ, xanh dương, xanh lá cây, vàng, đen, nâu, trắng
(731) CƠ SỞ CHAO PHÚC BÌNH (VN)
12/40/11 ấp 5, Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 30: Chao ớt, tương ớt.

---

(111) **4-0167624**
(210) 4-2010-03113
(181) 11.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 13.07.2011
(220) 11.02.2010

(531) 26.3.1; 26.3.3
(591) Đen, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH ASAP QUỐC TẾ (VN)
Phòng 1404, tầng 14, toà nhà CTM, số 299 đường Cầu Giấy, Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 39: Dịch vụ vận tải, môi giới vận tải, dịch vụ lưu kho, bao gói hàng hóa, dịch vụ dỡ hàng; vận chuyển và giao nhận hàng hoá.

---

(111) **4-0167625**
(210) 4-2010-02311
(181) 02.02.2020
(300) 1329392 04.11.2009 AU
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 13.07.2011
(220) 02.02.2010

(531) 26.1.5; 26.1.6; A25.7.6
(591) Xanh nước biển, đỏ, xanh lá cây, ghi, trắng
(731) ALTICOR INC. (US)
7575 Fulton Street East, Ada, Michigan 49355 USA
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 16: Giấy; ấn phẩm in; ảnh chụp; thẻ giấy; phong bì; danh thiếp; văn phòng phẩm; bút; bút chì; túi giấy; túi bằng chất liệu dẻo; hộp bằng bìa; các mẫu giấy in lẻ; bưu thiếp; giấy viết; giấy ghi nhớ; sách mỏng; tờ rơi; thiếp để ghi nhớ; giấy dính; nhãn bằng giấy; sách hướng dẫn cho người khác sử dụng trong việc bán hàng, quảng cáo và xúc tiến bán hàng; sách danh mục cho người khác sử dụng trong việc bán hàng, quảng cáo và xúc tiến bán hàng; khăn lau bằng giấy dùng trong nhà vệ sinh; tạp chí; tờ tin tức; tạp chí định kỳ; sách giới thiệu trong lĩnh vực mỹ phẩm, vệ sinh, làm sạch gia dụng, xà phòng, các sản phẩm dùng để giặt, thực phẩm bổ sung và/hoặc ăn kiêng, nước tẩy trang mỹ phẩm và hệ thống làm sạch không khí; sách trong lĩnh vực mỹ phẩm, vệ sinh, làm sạch gia dụng, xà phòng, sản phẩm giặt, thực phẩm bổ sung và/hoặc ăn kiêng, hệ thống xử lý không khí và nước trong nhà.

Nhóm 35: Dịch vụ hỗ trợ chuyên môn liên quan đến việc thành lập và/hoặc hoạt động của hệ thống bán lẻ qua internet và giao hàng tận nơi các loại hàng hóa khác nhau, cụ thể, mỹ phẩm và sản phẩm vệ sinh, sản phẩm làm sạch gia dụng, xà phòng, sản phẩm giặt, thực phẩm bổ sung và ăn kiêng, đồ uống dinh dưỡng và thực phẩm dinh dưỡng dùng để ăn nhẹ, sản phẩm giấy gia dụng, dụng cụ nấu ăn, hệ thống xử lý không khí và nước trong nhà; bán lẻ qua internet và giao hàng tận nơi các loại hàng hóa khác nhau, cụ thể, mỹ phẩm và sản phẩm vệ sinh, sản phẩm làm sạch gia dụng, xà phòng, sản phẩm giặt,

thực phẩm bổ sung và ăn kiêng, đồ uống dinh dưỡng và thực phẩm dinh dưỡng dùng để ăn nhẹ, sản phẩm giấy gia dụng, dụng cụ nấu ăn, hệ thống xử lý không khí và nước trong nhà; cung cấp dịch vụ trình diễn sản phẩm nhằm để bán liên quan đến mỹ phẩm và sản phẩm vệ sinh, sản phẩm làm sạch gia dụng, xà phòng, sản phẩm giặt, thực phẩm bổ sung và ăn kiêng, đồ uống dinh dưỡng và thực phẩm dinh dưỡng dùng để ăn nhẹ, sản phẩm giấy gia dụng, dụng cụ nấu ăn, hệ thống xử lý không khí và nước trong nhà; dịch vụ cung cấp thông tin liên quan đến sản phẩm tiêu dùng thông qua mạng máy tính toàn cầu; dịch vụ bán buôn bán lẻ và phân phối trực tuyến qua mạng máy tính đối với các sản phẩm mỹ phẩm và sản phẩm vệ sinh, sản phẩm làm sạch gia dụng, xà phòng, sản phẩm giặt, thực phẩm bổ sung và ăn kiêng, đồ uống dinh dưỡng và thực phẩm dinh dưỡng dùng để ăn nhẹ, sản phẩm giấy gia dụng, dụng cụ nấu ăn, hệ thống xử lý không khí và nước trong nhà; tư vấn kinh doanh với bản chất là cung cấp sự hỗ trợ cho người khác liên quan đến việc thành lập và hoạt động phân phối, bán buôn và bán lẻ, tất cả liên quan đến mỹ phẩm và sản phẩm vệ sinh, sản phẩm làm sạch gia dụng, xà phòng, sản phẩm giặt, thực phẩm bổ sung và ăn kiêng, đồ uống dinh dưỡng và thực phẩm dinh dưỡng dùng để ăn nhẹ, sản phẩm giấy gia dụng, dụng cụ nấu ăn, hệ thống xử lý không khí và nước trong nhà; dịch vụ liệt kê yêu cầu qua thư liên quan đến mỹ phẩm và sản phẩm vệ sinh, sản phẩm làm sạch gia dụng, xà phòng, sản phẩm giặt, thực phẩm bổ sung và ăn kiêng, đồ uống dinh dưỡng và thực phẩm dinh dưỡng dùng để ăn nhẹ, sản phẩm giấy gia dụng, dụng cụ nấu ăn, hệ thống xử lý không khí và nước trong nhà; dịch vụ tổ chức điều hành đoàn thể, cụ thể là cho đoàn thể của những chủ doanh nghiệp độc lập; dịch vụ hỗ trợ, cố vấn và tư vấn liên quan đến lập kế hoạch kinh doanh, phân tích kinh doanh, quản lý kinh doanh và tổ chức kinh doanh.

---

(111) **4-0167626**
(210) 4-2010-03797
(181) 02.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 13.07.2011
(220) 02.03.2010

(531) A17.2.2; 26.2.7
(591) Tím, đỏ, đỏ tươi, xanh nước biển, đen
(731) ĐOÀN THẾ PHONG (VN)
237/8 đường Nguyễn Tiểu La, phường 8, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 11: Thiết bị vệ sinh; vòi chống toé nước; thiết bị tắm; vòi phun tia nước để trang trí; chậu rửa (bộ phận của thiết bị vệ sinh).

---

(111) **4-0167627**
(210) 4-2009-09067
(181) 11.05.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 13.07.2011
(220) 11.05.2009

(531) 26.4.2
(591) Xanh dương nhạt, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN AN PHÚC (VN)
012 cao ốc Thái An 2, Nguyễn Văn Quá, phường Đông Hưng Thuận, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 09: Tủ điện hạ thế, ống luồn dây điện các loại, ống nối và đầu chụp ống dây điện, hệ thống treo đỡ ống luồn dây điện và các thiết bị - phụ tùng dùng cho các sản phẩm nêu trên.

---

(111) **4-0167628**
(210) 4-2010-00090
(181) 04.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Super Sorb

(151) 13.07.2011
(220) 04.01.2010

(531) 26.4.2
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI GIA PHÁT (VN)
1/21A ấp Tiền Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 01: Chất hút ẩm.

---

(111) **4-0167629**
(210) 4-2010-00115
(181) 05.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 13.07.2011
(220) 05.01.2010

(531) 26.4.4; 26.11.3; 25.7.20; 26.3.23; 24.15.1; 24.15.21; 26.13.25
(591) Xanh đậm, đỏ, trắng, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẰNG HỮU (VN)
C22 Lại An, thôn Thắng Thuận, xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 02: Sơn các loại thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0167630**
(210) 4-2010-00236
(181) 06.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

IVOCIP 1%

(151) 13.07.2011
(220) 06.01.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THÚ Y XANH VIỆT NAM (VN)
186 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Thuốc dùng cho thú y; chế phẩm chống ký sinh trùng.

---

(111) **4-0167631**
(210) 4-2010-00238
(181) 06.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

A-TOX PLUS

(151) 13.07.2011
(220) 06.01.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THÚ Y XANH VIỆT NAM (VN)
186 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Chế phẩm sinh học dùng trong thú y.

---

(111) **4-0167632**
(210) 4-2010-00239
(181) 06.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

FEDEX PLUS INJ

(151) 13.07.2011
(220) 06.01.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THÚ Y XANH VIỆT NAM (VN)
186 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Thuốc dùng cho thú y.

---

(111) **4-0167633**
(210) 4-2010-00375
(181) 07.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Kornax

(151) 13.07.2011
(220) 07.01.2010

(731) CÔNG TY ẮC QUY KORNAM (VN)
Khu công nghiệp Phúc Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

(511) Nhóm 09: Bình ắc quy; ắc quy điện; pin các loại.

---

(111) **4-0167634**
(210) 4-2010-00613
(181) 11.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

PALI

(151) 13.07.2011
(220) 11.01.2010

(731) CÔNG TY TNHH HOÁ NÔNG HỢP TRÍ (VN)
Lô B14, khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Chất trừ động vật có hại, thuốc trừ sâu.

---

(111) **4-0167635**
(210) 4-2010-02008
(181) 29.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

GiaMinh
Technical - Solutions

(151) 13.07.2011
(220) 29.01.2010

(531) 26.13.25; 26.15.25
(591) Xanh dương đậm, xanh nước biển, trắng
(731) CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ - KỸ THUẬT - TIN HỌC GIA MINH (VN)
660B1 Bùi Đình Túy, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán máy vi tính, mua bán linh kiện máy vi tính, mua bán mực in, mua bán linh kiện máy in, mua bán máy fax, mua bán máy photocopy.

---

(111) **4-0167636**
(210) 4-2010-03355
(181) 24.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 13.07.2011
(220) 24.02.2010

(531) 24.15.1; A11.3.4; 5.7.1; A24.15.11
(591) Nâu, vàng, đỏ
(731) CƠ SỞ SẢN XUẤT CÀ PHÊ BÌNH PHÁT (VN)
154A ấp Tân Quới Tây, xã Trường An, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

(511) Nhóm 30: Cà phê.

---

(111) **4-0167637**
(210) 4-2009-16122
(181) 04.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

TIẾN THÀNH

(151) 13.07.2011
(220) 04.08.2009

(731) CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ CAO NGUYÊN XANH (VN)
Tổ 2 ấp Phú Lợi, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 32: Bột giải khát hòa tan các loại (đồ uống).

---

(111) **4-0167638**
(210) 4-2010-02896
(181) 10.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Hmedia
KHÔNG CHỈ LÀ TRUYỀN THÔNG
Nâng tầm tư duy, không ngừng sáng tạo

(151) 13.07.2011
(220) 10.02.2010

(531) A26.11.12; 26.1.1; 26.15.1
(591) Xanh dương, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ (VN)
P209, 401 - B11D Nam Trung Yên, Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Dịch vụ nghiên cứu thị trường, tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; quảng cáo thương mại; đại lý quảng cáo.

Nhóm 41: Dịch vụ sản xuất phim giải trí, các chương trình giải trí ca nhạc; dịch vụ tổ chức biểu diễn nghệ thuật, văn hoá thể thao; tổ chức sự kiện văn hoá xã hội; tổ chức hội nghị, hội thảo, vui chơi, giải trí.

---

(111) **4-0167639**
(210) 4-2010-04133
(181) 05.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

GIA HUY

(151) 13.07.2011
(220) 05.03.2010

(731) NGUYỄN VĂN LƯU (VN)
Xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi

(511) Nhóm 30: Cà phê.

---

(111) **4-0167640**
(210) 4-2010-04135
(181) 05.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 13.07.2011
(220) 05.03.2010

(531) 26.1.1
(591) Đỏ, xanh, đen, trắng
(731) NGUYỄN VĂN NHÀN (VN)
Xã Đức Lân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi

(511) Nhóm 30: Cà phê.

---

(111) **4-0167641**
(210) 4-2010-11555
(181) 28.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

VEEFA

(151) 13.07.2011
(220) 28.05.2010

(731) COREX TRADE LINKS INC. (BN)
Rm 51, 5th Floor, Britannia House, Jalan Cator Bandar Seri Begawan BS 8811 Negara Brunei Darussalam
(740) Công ty TNHH một thành viên Trường Luật (CÔNG TY TRUONG LUAT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167642**
(210) 4-2010-11433
(181) 27.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 13.07.2011
(220) 27.05.2010

(531) 26.1.1
(731) NINGBO WT BEARING CO., LTD. (CN)
Industrial Development West Zone, Shengshan Town, Cixi, Zhejiang, P.R. China
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 07: Ổ bi (bộ phận của máy móc); ổ bi tròn (vòng bi); đệm dùng cho trục truyền động; tất cả thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0167643**
(210) 4-2010-10079
(181) 12.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

TOPFISH

(151) 13.07.2011
(220) 12.05.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI LONG VÂN (VN)
Tổ 52, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán cá cảnh; xuất nhập khẩu cá cảnh.

---

(111) **4-0167644**
(210) 4-2010-10113
(181) 13.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

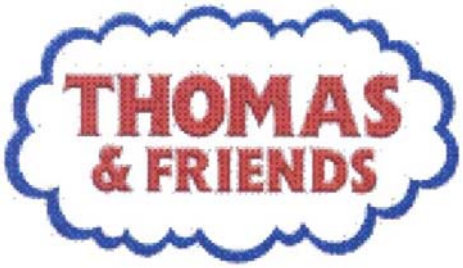

(151) 13.07.2011
(220) 13.05.2010

(531) 1.15.11; 1.15.21
(591) Xanh nước biển, trắng, đỏ
(731) GULLANE (THOMAS) LIMITED (US)
Maple House, 149 Tottenham Court Road, London, W1T 7NF, United Kingdom
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 28: Trò chơi; đồ chơi; đồ chơi bằng vải lông; đồ chơi xếp dạng khối hình; đồ chơi xe cứu hoả; đồ chơi phương tiện giao thông; bộ đồ chơi lắp ghép xây dựng; đồ chơi sáng tạo dạng điện tử, cụ thể là đồ chơi có chứa âm nhạc, âm thanh, ánh sáng và/hoặc chuyển động; đồ chơi dưới dạng học tập dạng điện tử; đồ chơi bằng gỗ, cụ thể là tầu hoả và các linh kiện của tầu hoả; trò chơi điện tử cầm tay không sử dụng với màn hình hoặc màn chiếu ngoài; bộ đồ chơi bao gồm những nhân vật và phụ kiện với đồ chơi toà nhà, phong cảnh, môi trường và/hoặc bộ đồ chơi; đồ chơi nhân vật được đúc khuôn; đồ chơi nhân vật bằng chất dẻo; đồ chơi tầu hoả; đồ chơi để học tập, cụ thể là đồ chơi để dậy ngôn ngữ, bảng chữ cái, con số, mầu sắc, mối quan hệ với không gian, phong tục tập quán, từ vựng, và/hoặc toán học; bảng trò chơi; bài lá, quân bài; trò chơi lắp hình; trò chơi câu đố; thẻ dùng để chơi trò chơi thi đấu; đồ chơi trẻ em nhiều hoạt động, đồ chơi dùng cho cũi trẻ em; đồ chơi di động dùng cho cũi trẻ em; đồ chơi dùng khi tắm; đồ chơi tạo bong bóng; đồ chơi cát; đồ chơi có thể bơm phồng; dụng cụ thể thao, cụ thể là găng tay dùng cho môn bóng chày, gậy dùng cho môn bóng chày, bóng dùng trong các môn thể thao, dây dùng để nhảy; patanh và miếng đệm bảo vệ dùng trong thể thao dùng cho môn patanh; bóng dùng trong sân thể thao liên hợp, đồ chơi bóng đá, nhà chơi của trẻ con, bộ đồ chơi nhà bếp bao gồm dụng cụ đồ chơi nhà bếp bằng chất dẻo, đồ chơi đồ dùng gia đình bằng chất dẻo, đĩa đựng thức ăn đồ chơi bằng chất dẻo; thức ăn đồ chơi bằng chất dẻo; bộ đồ chơi lau nhà bao gồm thiết bị lau nhà đồ chơi bằng chất dẻo và phụ kiện đồ chơi của chúng; trò chơi dùng để cưỡi dùng để giải trí được hoạt động bằng cách bỏ vào đó xu, trò

chơi dùng để cưỡi, trò chơi bằng cách kéo, quả bóng trò chơi, cái lúc lắc, cây cà keo, búp bê, túi để búp bê; con rối; hộp đồ chơi có nhạc; súng bắn nước; bộ đồ chơi bao gồm những bề mặt chơi đã được tạo hình bằng vật liệu cắt trước và miếng dán trang trí có thể thay đổi được cho nhau được đi kèm với bề mặt chơi, những món quà tặng bằng đồ chơi dưới dạng như pháo và đồ chơi tạo ra tiếng động.

---

(111) **4-0167645**
(210) 4-2010-10117
(181) 13.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

NAVITAR

(151) 13.07.2011
(220) 13.05.2010

(731) NAVITAR, Inc. (US)
200 Commerce Drive Rochester, New York 14623, USA
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Thấu kính quang học; hệ thống quang cơ và quang điện bao gồm, cụ thể là máy quay hình, máy chụp ảnh và thấu kính cho sự nhìn bằng máy để cung cấp thông tin hiển thị trong quá trình lắp ráp, thử nghiệm và kiểm tra máy, tự động hóa máy, nghiên cứu người máy, tạo ảnh bằng máy để chụp thông tin nhìn được dưới dạng hiển thị, thử nghiệm bằng máy, đo bằng máy, kiểm tra bằng máy, mô phỏng bằng máy, giám sát bằng máy và sự hiển thị phép chiếu sử dụng trong sản xuất chất bán dẫn, hình ảnh điện tử, viễn thông, sinh trắc học, quang tử học, đo lường không tiếp xúc, công nghệ sinh học và khoa học đời sống.

Nhóm 11: Đèn chiếu sáng dùng đi-ốt phát quang dùng trong việc chiếu sáng một vật thể được quan sát thông qua một thấu kính.

---

(111) **4-0167646**
(210) 4-2010-11471
(181) 28.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

www.pavietnam.vn

(151) 13.07.2011
(220) 28.05.2010

(531) 26.7.25; 26.1.2; 26.3.1
(591) Đỏ
(731) CÔNG TY TNHH P.A VIỆT NAM (VN)
750 Sư Vạn Hạnh (nối dài), phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 42: Lưu trữ trang web trên máy tính (trang web); tạo và duy trì trang web cho người khác; thiết kế hệ thống máy tính.

Nhóm 45: Dịch vụ đăng ký tên miền (dịch vụ pháp lý).

---

(111) **4-0167647**
(210) 4-2010-11536
(181) 28.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BIOCURA

(151) 13.07.2011
(220) 28.05.2010

(731) MAXIM MARKENPRODUKTE GMBH & CO. KG (DE)
Donatusstrabe 112, 50259 Pulheim, Germany
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Chế phẩm để tẩy trắng và các chất khác để giặt; chế phẩm để tẩy rửa, đánh bóng, tẩy dầu mỡ và mài mòn; xà phòng; nước hoa; tinh dầu; mỹ phẩm; nước xức tóc; kem đánh răng.

---

(111) **4-0167648**
(210) 4-2010-11413
(181) 27.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 13.07.2011
(220) 27.05.2010

(531) 3.7.17; A5.5.22; A5.11.17; 8.3.1; 5.5.19
(591) Đen, tím, xanh, trắng
(731) IVY BEAUTY CORPORATION SDN, BHD (MY)
No.1, 1st & 2nd Floor, Jalan 3/108C, Taman Sungai Besi, 57100 Kuala Lumpur, Malaysia
(740) Trung tâm tư vấn phát triển Thương hiệu và Chất lượng (NATUSI)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0167649**
(210) 4-2010-11414
(181) 27.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 13.07.2011
(220) 27.05.2010

(531) 3.7.17; 8.3.1; A5.5.22; 5.7.21; 5.5.19
(591) Đen, đỏ, xanh, trắng
(731) IVY BEAUTY CORPORATION SDN, BHD (MY)
No.1, 1st & 2nd Floor, Jalan 3/108C, Taman Sungai Besi, 57100 Kuala Lumpur, Malaysia
(740) Trung tâm tư vấn phát triển Thương hiệu và Chất lượng (NATUSI)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0167650**
(210) 4-2010-11415
(181) 27.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

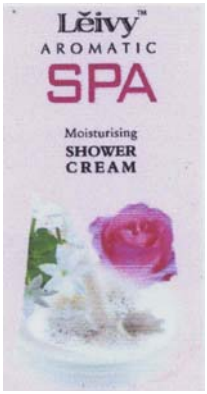

(151) 13.07.2011
(220) 27.05.2010

(531) 3.7.17; 5.5.1; 5.5.19; 8.3.1
(591) Đen, hồng, xanh, trắng
(731) IVY BEAUTY CORPORATION SDN, BHD (MY)
No.1, 1st & 2nd Floor, Jalan 3/108C, Taman Sungai Besi, 57100 Kuala Lumpur, Malaysia
(740) Trung tâm tư vấn phát triển Thương hiệu và Chất lượng (NATUSI)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0167651**
(210) 4-2010-11558
(181) 28.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

WPU

(151) 13.07.2011
(220) 28.05.2010

(731) BEIJING PEKING UNIVERSITY WBL BIOTECH CO.,LTD. (CN)
10th, Beijing Aero Space Cpmiec Building, No 30 Haidian South Road, Haidian District, Beijing 100080, P.R. China
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc dùng cho người; viên bao nang dùng làm thuốc; thực phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế; chất dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế; thuốc viên dùng trong ngành dược; chất dinh dưỡng dùng cho vi sinh vật.

Nhóm 30: Viên bao nang dinh dưỡng được làm từ gạo lên men màu đỏ, không dùng cho mục đích y tế; bột dinh dưỡng được làm từ gạo lên men màu đỏ, không dùng cho mục đích y tế; sữa ong chúa dùng cho người, không dùng cho mục đích y tế; chế phẩm ngũ cốc; bột nở; men thuộc nhóm này.

(111) **4-0167652**
(210) 4-2010-11559
(181) 28.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

XZK

(151) 13.07.2011
(220) 28.05.2010

(731) BEIJING PEKING UNIVERSITY WBL BIOTECH CO.,LTD. (CN)
10th, Beijing Aero Space Cpmiec Building, No 30 Haidian South Road, Haidian District, Beijing 100080, P.R. China
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc dùng cho người; viên bao nang dùng làm thuốc; thực phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế; chất dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế; thuốc viên dùng trong ngành dược; chất dinh dưỡng dùng cho vi sinh vật.

Nhóm 30: Viên bao nang dinh dưỡng được làm từ gạo lên men màu đỏ, không dùng cho mục đích y tế; bột dinh dưỡng được làm từ gạo lên men màu đỏ, không dùng cho mục đích y tế; sữa ong chúa dùng cho người, không dùng cho mục đích y tế; chế phẩm ngũ cốc; bột nở; men thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0167653**
(210) 4-2010-10139
(181) 13.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 13.07.2011
(220) 13.05.2010

(531) 1.15.5; A1.5.3
(591) Đỏ cam, vàng, xanh lá cây non.
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ TÍN TRÍ NHÂN (VN)
702 Tôn Đức Thắng, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 35: Mua bán, ký gửi hàng hoá: sữa, sản phẩm từ sữa, rượu, bia, nước giải khát, thuốc lá.

---

(111) **4-0167654**
(210) 4-2010-11455
(181) 27.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 13.07.2011
(220) 27.05.2010

(531) 2.7.23; A5.5.20
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ VẬN TẢI DẦU KHÍ VINA S.H.I.N (VN)
#2004-2009 tòa nhà Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 12: Tàu; thuyền; xuồng; ghe.

Nhóm 20: Bàn; ghế; giường; tủ (bằng gỗ và tre, nứa).

Nhóm 35: Dịch vụ giới thiệu việc làm; quản lý kinh doanh; mua bán vật tư, thiết bị máy móc phục vụ nhu cầu sản xuất và tiêu dùng; mua bán vật liệu xây dựng; mua bán hàng nông lâm thủy hải sản; mua bán lương thực thực phẩm và đồ uống; mua bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; mua bán sắt thép phế liệu; mua bán kim loại và quặng kim loại; đấu giá.

Nhóm 36: Mua bán nhà; mua bán bất động sản; cho thuê bất động sản; đầu tư vốn.

Nhóm 37: Thi công xây dựng công trình công ích, giao thông, thủy lợi, dân dụng và công nghiệp; chuẩn bị và san lấp mặt bằng; sửa chữa máy móc thiết bị, thiết bị điện tử, thiết bị quang học và phương tiện vận tải; bảo dưỡng phương tiện vận tải; lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, tưới nước, lò sưởi, điều hòa nhiệt độ, máy móc thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng; phá dỡ tàu cũ; dịch vụ thoát nước.

Nhóm 39: Dịch vụ vận tải; vận chuyển hành khách; hoa tiêu hàng hải; đại lý cho thuê tàu biển; môi giới hàng hải; lai dắt tàu biển; cho thuê kho bãi; giao nhận hàng hóa; du lịch lữ hành nội địa và quốc tế.

Nhóm 40: Dịch vụ tái chế phế liệu; dịch vụ cưa xẻ gỗ; dịch vụ xử lý nước thải, xử lý ô nhiễm môi trường.

Nhóm 41: Câu lạc bộ thể dục thể hình, nhịp điệu, bơi lội, thể thao dưới nước, đua thuyền, sân gôn, quần vợt; câu lạc bộ giải trí, trò chơi điện tử, hồ câu cá; đào tạo nghề.

Nhóm 42: Dịch vụ thẩm tra thiết kế kỹ thuật; lập dự án đầu tư.

Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống; khách sạn.

Nhóm 44: Dịch vụ trồng rừng và chăm sóc rừng.

(111) **4-0167655**
(210) 4-2010-10076
(181) 12.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

TCOB

(151) 13.07.2011
(220) 12.05.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI THANH DANH (VN)
749/14/4 Huỳnh Tấn Phát, phường Phú Nhuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167656**
(210) 4-2010-10077
(181) 12.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

TIBOSAM

(151) 13.07.2011
(220) 12.05.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI THANH DANH (VN)
749/14/4 Huỳnh Tấn Phát, phường Phú Nhuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167657**
(210) 4-2010-10078
(181) 12.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 13.07.2011
(220) 12.05.2010

(531) 6.1.2
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐÔNG NAM DƯỢC TRƯỜNG SƠN (VN)
159A-B Lê Đại Hành, phường 13, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, dầu gió, dầu nóng xoa bóp, dầu cù là, thuốc đông y, thuốc y học cổ truyền dân tộc.

(111) **4-0167658**
(210) 4-2010-10155
(181) 13.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 13.07.2011
(220) 13.05.2010

(531) 24.17.17; 24.17.25; 25.5.2
(591) Đỏ, xanh
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI ÁNH MINH (VN)
72 Đào Duy Anh, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 36: Tư vấn đầu tư.

---

(111) **4-0167659**
(210) 4-2010-12152
(181) 04.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

SK-WORLD

(151) 13.07.2011
(220) 04.06.2010

(591) Trắng, xanh dương đậm
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI SỨC KHOẺ VÀNG (VN)
05 Nguyễn Thiện Thuật, phường 14, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 42: Tư vấn và phát triển các dự án cơ chế phát triển sạch; tư vấn về đầu tư các dự án trong lĩnh vực năng lượng và môi trường tại việt nam (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật và tài chính và dịch vụ thiết kế công trình); chuyển giao khoa học và tăng cường năng lực trong lĩnh vực năng lượng và môi trường; dịch vụ đánh giá tác động môi trường; tư vấn về chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực năng lượng và môi trường.

---

(111) **4-0167660**
(210) 4-2010-12153
(181) 04.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

SK-VINA

(151) 13.07.2011
(220) 04.06.2010

(591) Trắng, xanh dương đậm
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI SỨC KHOẺ VÀNG (VN)
05 Nguyễn Thiện Thuật, phường 14, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 44: Dịch vụ tư vấn sức khỏe; dịch vụ chăm sóc sức khỏe; dịch vụ phòng khám bệnh; bệnh viện; dịch vụ vật lý trị liệu.

---

(111) **4-0167661**
(210) 4-2006-20599
(181) 24.11.2016
(450) 25.08.2011 281
(540)

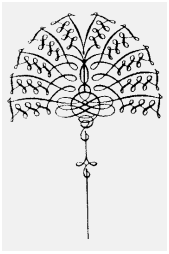

(151) 14.07.2011
(220) 24.11.2006

(531) A5.1.5; A5.1.12
(731) RAFFLES INTERNATIONAL LIMITED (SG)
250 North Bridge Road, 10-00 Raffles City Tower, Singapore 179101
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 16: Ấn phẩm (sản phẩm in); xuất bản phẩm định kỳ; sách; sách nhỏ và tạp chí; văn phòng phẩm và đồ dùng để viết; áp phích quảng cáo; bưu thiếp chức mừng; tờ bướm quảng cáo; túi đựng đồ bằng giấy hoặc bằng chất dẻo, giấy để bao gói, màng mỏng bằng chất dẻo dùng để bao gói (không thuộc các nhóm khác).

Nhóm 35: Dịch vụ điều hành doanh nghiệp; quản lý việc kinh doanh khách sạn, căn hộ cho thuê, đại lý thực phẩm, văn phòng, trung tâm thương mại, cửa hàng bách hoá, trung tâm mua sắm, cửa hàng bán buôn và bán lẻ; tư vấn điều hành kinh doanh; tư vấn điều hành khách sạn, tư vấn quản lý khu căn hộ cho thuê; tư vấn quản lý kinh đoanh trong lĩnh vực thực phẩm và đồ uống; dịch vụ tư vấn kinh doanh trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại (franchising); quản trị kinh doanh; tổ chức triển lãm nhằm phục vụ mục đích kinh doanh và thương mại nhằm giới thiệu các loại sản phẩm cho khách hàng để họ dễ xem và mua các sản phẩm này trong khách sạn, cửa hàng thực phẩm và đồ uống, cửa hàng bách hoá, cửa hàng bán buôn từ một quyển ca-ta-lô mua sắm chung được đặt hàng qua thư hoặc các phương tiện truyền thông khác hoặc từ một website mua sắm trên mạng liên lạc toàn cầu; biên soạn danh mục thư; dịch vụ đặt hàng qua thư, điện thoại hay qua mọi phương tiện liên lạc và truyền thông khác; quảng cáo bằng thư trực tiếp; tham vấn kinh doanh và quản lý doanh nghiệp; dịch vụ quảng cáo; dịch vụ trưng bày để bán hàng; dịch vụ rao bán hàng; dịch vụ marketing và khuyếch trương sản phẩm; dịch vụ đại lý xuất nhập khẩu; mua và bán hàng hoá cho một doanh nghiệp khác; dịch vụ bày hàng trong tủ kính.

Nhóm 41: Tổ chức hội nghị.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn nghỉ mát, dịch vụ khách sạn, dịch vụ cho thuê chỗ ở khách sạn, dịch vụ chỗ ở tạm thời, dịch vụ chỗ ở ngắn hạn, dịch vụ đặt chỗ ở trong khách sạn, dịch vụ đặt chỗ ở tạm thời, cho thuê phòng, cho thuê chỗ ở tạm thời, cho thuê phòng họp, dịch vụ tổ chức tiệc, quầy bar, quán ăn, dịch vụ nhà hàng ăn uống, tiệc cock-tail và quán cà phê; dịch vụ nấu thức ăn, cho thuê phòng để tổ chức hội thảo và triển lãm, dịch vụ cung cấp thực phẩm, dịch vụ cung cấp thực phẩm theo hợp đồng, nhà hàng cung cấp thức ăn và đồ uống; dịch vụ cung cấp thực phẩm cho khách sạn; dịch vụ tổ chức việc cung cấp thực phẩm theo chức năng.

(111) **4-0167662**
(210) 4-2008-17514
(181) 14.08.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 14.07.2011
(220) 14.08.2008

(531) 26.3.1; 7.1.24
(591) Đỏ, trắng, xanh nước biển
(731) BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TIỀN GIANG (VN)
27 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Xây dựng (lập) quy chế phối hợp làm việc với các cơ quan chuyên môn thuộc uỷ ban nhân dân cấp tỉnh hoặc các cơ quan có liên quan để thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo cơ chế một cửa và một cửa liên thông; xây dựng (lập) chương trình, kế hoạch về xúc tiến đầu tư phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế; xây dựng (lập) kế hoạch về phát triển nguồn nhân lực cho khu công nghiệp, khu kinh tế; lập dự toán ngân sách, kinh phí hoạt động sự nghiệp và vốn đầu tư phát triển của ban quản lý; quản lý, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện quy định quy hoạch kế hoạch có liên quan đến khu công nghiệp khu kinh tế đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; lập kế hoạch và tổ chức đưa người lao động đi thực tập ở nước ngoài; đánh giá hiệu quả đầu tư trong khu công nghiệp khu kinh tế thông qua các báo cáo thống kê báo cáo tài chính của doanh nghiệp; lập báo cáo định kỳ bộ kế hoạch và đầu tư các bộ, ngành có liên quan và uỷ ban nhân dân cấp tỉnh về tình hình xây dựng và phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế; giới thiệu việc làm cho công nhân lao động làm việc tại khu công nghiệp, khu kinh tế; quản lý hệ thống thông tin về khu công nghiệp, khu kinh tế.

Nhóm 41: Tổ chức và điều khiển hội nghị; tổ chức và điều khiển hội thảo; đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức của ban quản lý.

Nhóm 42: Kiểm tra thẩm định thiết kế cơ sở đối với các dự án nhóm B, C; tổ chức thực hiện thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của uỷ ban nhân dân cấp tỉnh trong khu công nghiệp, khu kinh tế; kiểm tra, thanh tra, giám sát, việc thực hiện mục tiêu đầu tư quy định tại giấy chứng nhận đầu tư, tiến độ góp vốn và triển khai dự án đầu tư; kiểm tra, thanh tra, việc thực hiện các điều khoản cam kết đối với các dự án được hưởng ưu đãi đầu tư; tổ chức và phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, lãng phí tiêu cực; nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ; cấp các loại giấy chứng nhận hàng hoá sản xuất trong khu công nghiệp, khu kinh tế và các loại giấy phép; chứng chỉ khác có liên quan trong khu công nghiệp, khu kinh tế.

Nhóm 45: Cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy chứng nhận đầu tư với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền; cấp, gia hạn giấy phép xây dựng công trình xây dựng; cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng; cấp, gia hạn thu hồi giấy phép lao động cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài làm việc trong khu công nghiệp, khu kinh tế; xác nhận hợp đồng, văn bản về bất động sản, khu công nghiệp, khu kinh tế cho các tổ chức cá nhân liên quan.

(111) **4-0167663**
(210) 4-2010-08034
(181) 16.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 14.07.2011
(220) 16.04.2010

(531) 3.4.7
(731) HONGKONG ANDRE & ANNE CONSULTING CO., LIMITED (HK)
Unit D, 16/F, Cheuk Nang Plaza, 250 Hennessy Rd, Anchai, Hong Kong China
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 08: Dụng cụ làm vườn; mũi khoan; cờ-lê; kìm; tô-vít; nhíp; dao khắc, dao trổ; dụng cụ tán đinh (tất cả đều là đụng cụ cầm tay).

---

(111) **4-0167664**
(210) 4-2010-08050
(181) 16.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

KIM TIN

(151) 14.07.2011
(220) 16.04.2010

(731) CAO KIM TRỌNG (VN)
106 phố Hàng Trống, phường Hàng Trống, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 14: Đồ trang sức; vàng; bạc; đá quý; nữ trang.

Nhóm 35: Mua bán, xuất nhập khẩu đồ trang sức, vàng, bạc, đá quý, nữ trang.

---

(111) **4-0167665**
(210) 4-2010-08016
(181) 16.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ZIQUIMIT

(151) 14.07.2011
(220) 16.04.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM DO HA (VN)
Số 30, tập thể Trần Phú, ngõ 105, đường Nguyễn Phong Sắc, tổ 16, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167666**
(210) 4-2010-08017
(181) 16.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BAZNEC

(151) 14.07.2011
(220) 16.04.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM DO HA (VN)
Số 30, tập thể Trần Phú, ngõ 105, đường Nguyễn Phong Sắc, tổ 16, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167667**
(210) 4-2010-08018
(181) 16.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BAZBEM

(151) 14.07.2011
(220) 16.04.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM DO HA (VN)
Số 30, tập thể Trần Phú, ngõ 105, đường Nguyễn Phong Sắc, tổ 16, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167668**
(210) 4-2010-08030
(181) 16.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

NEURONORME

(151) 14.07.2011
(220) 16.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐẠI NAM (VN)
T.1 Hồng Lĩnh, cư xá Bắc Hải, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167669**
(210) 4-2010-08137
(181) 19.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 14.07.2011
(220) 19.04.2010

(531) 26.1.1; 6.1.2; A6.1.4; 26.13.25
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIM PHÚ (VN)
Số 403 Đà Nẵng, Đoạn Xá 2, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 07: Máy xay sinh tố; máy ép trái cây; máy hút bụi; máy rửa rau quả; máy xay đậu nành; máy bơm nước, máy giặt, máy rửa bát đĩa.

Nhóm 09: Phích cắm điện; bàn là điện; công tắc điện; ổ cắm điện; dây điện; đầu đọc đĩa DVD; loa; âm-pli; mi-crô; ti vi.

Nhóm 11: Máy hút mùi (dùng cho nhà bếp); máy hút ẩm; máy sấy tóc; lò vi sóng (lò vi ba); lò nướng (dùng điện); nồi cơm điện; ấm đun điện; chảo rán điện; bếp ga; bếp từ; ấm (nồi) sắc thuốc điện; nồi áp suất điện; quạt điện; bóng đèn; tủ lạnh; máy điều hoà không khí; bình nóng lạnh (dùng cho nhà tắm); bình lọc nước dùng điện (thiết bị phân phối nước dùng điện).

Nhóm 21: Nồi không dùng điện; chảo không dùng điện; nồi áp suất không dùng điện.

---

(111) **4-0167670**
(210) 4-2010-07039
(181) 07.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 14.07.2011
(220) 07.04.2010

(531) A26.11.12
(591) Đỏ, đen, trắng
(731) NGUYỄN TIẾN THÀNH (VN)
60 Lê Hồng Phong, khu phố 2, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng

(511) Nhóm 41: Dịch vụ karaoke.

---

(111) **4-0167671**
(210) 4-2010-08033
(181) 16.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ZEPITIN

(151) 14.07.2011
(220) 16.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG (VN)
411 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167672**
(210) 4-2010-08152
(181) 19.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

RUSICORAT

(151) 14.07.2011
(220) 19.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG (VN)
411 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167673**
(210) 4-2010-08153
(181) 19.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

RUSIMAC

(151) 14.07.2011
(220) 19.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG (VN)
411 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167674**
(210) 4-2010-08154
(181) 19.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

RUSILOBA

(151) 14.07.2011
(220) 19.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG (VN)
411 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167675**
(210) 4-2010-08155
(181) 19.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ISOCORAT

(151) 14.07.2011
(220) 19.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG (VN)
411 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167676**
(210) 4-2010-08051
(181) 16.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

NOTRATOX

(151) 14.07.2011
(220) 16.04.2010

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NÔNG TRANG (VN)
431 ấp Vĩnh Qui, xã Vĩnh Trinh, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu; thuốc diệt cỏ; thuốc diệt nấm có hại; thuốc diệt động vật có hại; thuốc trừ ốc bươu vàng có hại.

---

(111) **4-0167677**
(210) 4-2010-20067
(181) 23.09.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 14.07.2011
(220) 23.09.2010

(531) 26.1.2; 26.11.1
(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KHANG LUÂN (VN)
55/18 Lê Thị Hồng Gấm, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 35: Mua bán các thiết bị điện tử, đồ điện gia dụng: lò nướng, lò vi sóng, máy xay sinh tố, máy ép trái cây, bàn là, lẩu điện, nồi cơm điện, nồi tiềm, nồi áp suất, bình thủy điện, ca siêu tốc, máy chế biến sữa đậu nành, quạt điện, máy đánh trứng, máy vắt nước cam, máy xay đa năng, bếp điện, máy sấy tóc, máy nước uống nóng lạnh, ấm sắc thuốc (siêu thuốc), máy pha cà phê, đèn sạc, máy hút bụi.

---

(111) **4-0167678**
(210) 4-2010-08110
(181) 19.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BECACLOVIR

(151) 14.07.2011
(220) 19.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX (VN)
NA6, khu công nghiệp Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên (ANPHAMCO CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0167679**
(210) 4-2010-08111
(181) 19.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

KETOFURAL

(151) 14.07.2011
(220) 19.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX (VN)
NA6, khu công nghiệp Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên (ANPHAMCO CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0167680**
(210) 4-2010-08112
(181) 19.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ZEVOXCINE

(151) 14.07.2011
(220) 19.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX (VN)
NA6, khu công nghiệp Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên (ANPHAMCO CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0167681**
(210) 4-2010-11067
(181) 24.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 14.07.2011
(220) 24.05.2010

(531) 26.1.2; 26.1.6; A11.3.4
(591) Đỏ, nâu, vàng
(731) CÔNG TY TNHH VIỆT THĂNG LONG (VN)
Khu công nghiệp Sông Mây, tỉnh lộ 767, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

(511) Nhóm 30: Cà phê; cà phê nhân; cà phê đã rang xay; cà phê uống liền; cà phê tan; cà phê sữa.

---

(111) **4-0167682**
(210) 4-2010-12051
(181) 04.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 14.07.2011
(220) 04.06.2010

(531) A5.3.15; A7.1.11; 7.1.24; 24.15.1
(591) Xanh lá cây, đỏ đậm, trắng, hồng tươi
(731) CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HỮU HUỆ (TNHH) (VN)
Tổ 30, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0167683**
(210) 4-2010-06358
(181) 30.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 14.07.2011
(220) 30.03.2010

(531) 26.13.25
(591) Xanh lá nhạt, xanh lá đậm, xanh da trời
(731) CÔNG TY TNHH SEN TRA (VN)
177 Nam Hoà, phường Phước Long A, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 01: Phân bón phục vụ cho ngành nông nghiệp.

---

(111) **4-0167684**
(210) 4-2010-06491
(181) 31.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 14.07.2011
(220) 31.03.2010

(531) 26.13.25; 26.1.1; 3.7.14; A3.7.24
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ÁNH TUYẾT (VN)
Số 26 Tô Hiến Thành, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

(511) Nhóm 29: Thịt đà điểu; thịt nai; thịt cá sấu.

---

(111) **4-0167685**
(210) 4-2010-08339
(181) 21.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 14.07.2011
(220) 21.04.2010

(531) 26.3.23; 26.13.25; 26.1.1
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HẠC (VN)
Lô IV, 19 - 20 Tây Thạnh, khu công nghiệp Tân Bình, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Dịch vụ mua bán các sản phẩm: quạt điện, tủ lạnh, máy lạnh, bếp gaz, nồi cơm điện.

---

(111) **4-0167686**
(210) 4-2010-08330
(181) 20.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

FASTER

(151) 14.07.2011
(220) 20.04.2010

(591) Xanh
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỆT Ý (VN)
Số nhà 28, ngách 443/116 đường Nguyễn Trãi, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 11: Thiết bị và dụng cụ để nấu nướng; bếp gas; thiết bị lọc khí gas; cái đánh lửa dùng cho bếp ga; ống dẫn ga dùng cho bếp gas; phụ tùng điều chỉnh và an toàn cho thiết bị dùng gas.

---

(111) **4-0167687**
(210) 4-2010-08156
(181) 19.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ISODAMAX

(151) 14.07.2011
(220) 19.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG (VN)
411 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167688**
(210) 4-2010-08157
(181) 19.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

HOZUTON

(151) 14.07.2011
(220) 19.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG (VN)
411 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167689**
(210) 4-2010-08158
(181) 19.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

RUSIGIKO

(151) 14.07.2011
(220) 19.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG (VN)
411 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167690**
(210) 4-2010-08159
(181) 19.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

NOBENKAN

(151) 14.07.2011
(220) 19.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG (VN)
411 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167691**
(210) 4-2010-08436
(181) 21.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Ezomackit

(151) 14.07.2011
(220) 21.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG (VN)
411 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167692**
(210) 4-2010-08437
(181) 21.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

MadamacKit

(151) 14.07.2011
(220) 21.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG (VN)
411 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167693**
(210) 4-2010-08170
(181) 19.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

EPIROSA

(151) 14.07.2011
(220) 19.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH KỲ (VN)
Số 3, lô C, cư xá Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167694**
(210) 4-2010-08171
(181) 19.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

GASTROCURE

(151) 14.07.2011
(220) 19.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH KỲ (VN)
Số 3, lô C, cư xá Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm

---

(111) **4-0167695**
(210) 4-2010-08172
(181) 19.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

MIKIMAG

(151) 14.07.2011
(220) 19.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH KỲ (VN)
Số 3, lô C, cư xá Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm

---

(111) **4-0167696**
(210) 4-2010-10074
(181) 12.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

GUTFATE

(151) 14.07.2011
(220) 12.05.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI THANH DANH (VN)
749/14/4 Huỳnh Tấn Phát, phường Phú Nhuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167697**
(210) 4-2010-10075
(181) 12.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

TUNCOSUL

(151) 14.07.2011
(220) 12.05.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI THANH DANH (VN)
749/14/4 Huỳnh Tấn Phát, phường Phú Nhuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167698**
(210) 4-2010-10072
(181) 12.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

TAXELO

(151) 14.07.2011
(220) 12.05.2010

(731) PHARMIX CORPORATION (KR)
1304, Garak ID Tower, 99-7, Garak-dong, Songpa-gu, Seoul, Korea.
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167699**
(210) 4-2010-10073
(181) 12.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

SIMVARO

(151) 14.07.2011
(220) 12.05.2010

(731) PHARMIX CORPORATION (KR)
1304, Garak ID Tower, 99-7, Garak-dong, Songpa-gu, Seoul, Korea.
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167700**
(210) 4-2010-10071
(181) 12.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

PANRIN

(151) 14.07.2011
(220) 12.05.2010

(731) PHARMIX CORPORATION (KR)
1304, Garak ID Tower, 99-7, Garak-dong, Songpa-gu, Seoul, Korea.
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167701**
(210) 4-2010-12091
(181) 04.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

VASICANE

(151) 15.07.2011
(220) 04.06.2010

(731) STRIDES ARCOLAB LTD (IN)
"Strides House", Bilekahalli, Bannerghatta Road, Bangalore-560 076, India.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167702**
(210) 4-2010-12094
(181) 04.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

FITBON

(151) 15.07.2011
(220) 04.06.2010

(731) P.T. SOHO INDUSTRI PHARMASI (ID)
Jl Pulo Gadung No.6, Jakarta, Indonesia.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167703**
(210) 4-2010-12095
(181) 04.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Hồng Khang Cung

(151) 15.07.2011
(220) 04.06.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIÊN NAM (VN)
Số 9 Nguyễn Công Trứ, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167704**
(210) 4-2010-12096
(181) 04.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

TIANGASTRO

(151) 15.07.2011
(220) 04.06.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM THIÊN KHÁNH (VN)
Lô D5A Tân Kiên-Bình Lợi, khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167705**
(210) 4-2010-12097
(181) 04.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

LAFEROBIONE

(151) 15.07.2011
(220) 04.06.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐẠI NAM (VN)
T.1 Hồng Lĩnh, cư xá Bắc Hải, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167706**
(210) 4-2010-12098
(181) 04.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

AICOSINSUPER

(151) 15.07.2011
(220) 04.06.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT NÔNG NGHIỆP VÀ CÔNG NGHIỆP AIC (VN)
Số 6, ngõ 219, phố Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu; thuốc diệt nấm mốc; thuốc diệt trừ rầy nâu; thuốc trừ cỏ; thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng; thuốc trừ dịch cho thực vật.

---

(111) **4-0167707**
(210) 4-2010-13593
(181) 24.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Nhân Việt

(151) 15.07.2011
(220) 24.06.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM MINH THÀNH (VN)
234 đường Chiến Thắng, Văn Quán, Văn Mỗ, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167708**
(210) 4-2010-13594
(181) 24.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

NOOTREZYM

(151) 15.07.2011
(220) 24.06.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG (VN)
Số 150 đường 14/9, phường 5, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167709**
(210) 4-2010-13596
(181) 24.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

KIDANTOT'S

(151) 15.07.2011
(220) 24.06.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM O.P.M (VN)
139 Nguyễn Du, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167710**
(210) 4-2010-12114
(181) 04.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 15.07.2011
(220) 04.06.2010

(531) 7.1.24; 26.11.3
(591) Xanh, đỏ, vàng, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT NHÔM HƯNG PHÚ THÀNH (VN)
552 Lê Văn Lương, phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Trung tâm tư vấn phát triển Thương hiệu và Chất lượng (NATUSI)

(511) Nhóm 06: Cửa bằng kim loại.

---

(111) **4-0167711**
(210) 4-2010-12115
(181) 04.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

EASIA

(151) 15.07.2011
(220) 04.06.2010

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI PHÚ HÒA THÀNH (VN)
536/43/8A Âu Cơ, phường 10, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Trung tâm tư vấn phát triển Thương hiệu và Chất lượng (NATUSI)

(511) Nhóm 09: Ống luồn dây điện bằng nhựa.

---

(111) **4-0167712**
(210) 4-2010-12118
(181) 04.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 15.07.2011
(220) 04.06.2010

(591) Đỏ booc đô, hồng phấn
(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ HỒNG PHÁT (VN)
166 Chu Văn An, phường 2, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 25: Quần; áo; đồ đi chân; đồ đội đầu.

---

(111) **4-0167713**
(210) 4-2009-11802
(181) 12.06.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

NOVA

(151) 15.07.2011
(220) 12.06.2009

(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NOVA (VN)
Số 8 Nguyên Hồng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 10: Thiết bị và dụng cụ y tế.

---

(111) **4-0167714**
(210) 4-2010-12841
(181) 15.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

KIDTOOTH

(151) 15.07.2011
(220) 15.06.2010

(731) CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM MINH TÂM (VN)
301/31 KP2, phường Thạnh Xuân, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0167715**
(210) 4-2010-12842
(181) 15.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Potaone

(151) 15.07.2011
(220) 15.06.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM ONE - ONE VIỆT NAM (VN)
Lô 03-10a cụm tiểu thủ công nghiệp Hai Bà Trưng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 29: Khoai tây chiên.

---

(111) **4-0167716**
(210) 4-2010-12843
(181) 15.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Po One

(151) 15.07.2011
(220) 15.06.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM ONE-ONE VIỆT NAM (VN)
Lô 03-10a cụm tiểu thủ công nghiệp Hai Bà Trưng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 29: Khoai tây chiên.

---

(111) **4-0167717**
(210) 4-2010-12844
(181) 15.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Onepota

(151) 15.07.2011
(220) 15.06.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM ONE-ONE VIỆT NAM (VN)
Lô 03-10a cụm tiểu thu công nghiệp Hai Bà Trưng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 29: Khoai tây chiên.

---

(111) **4-0167718**
(210) 4-2010-12845
(181) 15.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Potapota

(151) 15.07.2011
(220) 15.06.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM ONE-ONE VIỆT NAM (VN)
Lô 03-10a cụm tiểu thủ công nghiệp Hai Bà Trưng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 29: Khoai tây chiên.

---

(111) **4-0167719**
(210) 4-2010-13830
(181) 28.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 15.07.2011
(220) 28.06.2010

(731) SHISEIDO COMPANY, LIMITED (JP)
7-5-5 Ginza, Chuo-ku, Tokyo 104-8010, Japan
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 03: Xà phòng, nước hoa, và mỹ phẩm; bao gồm cả các sản phẩm mỹ phẩm chăm sóc da, chăm sóc tóc, chăm sóc cơ thể, và mỹ phẩm trang điểm.

---

(111) **4-0167720**
(210) 4-2010-10096
(181) 13.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

KOVICO

(151) 15.07.2011
(220) 13.05.2010

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH LONG (VN)
Tầng 2, số 61 khu 2 Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 20: Gối, đệm.

Nhóm 24: Chăn, ga trải giường.

---

(111) **4-0167721**
(210) 4-2010-07375
(181) 09.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Ron-Ra

(151) 15.07.2011
(220) 09.04.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THÀNH TRÂN (VN)
999/19 khóm 1, thị trấn Cái Vồn, huyện Bình Minh, thành phố Vĩnh Long
(740) Công ty TNHH một thành viên Trường Luật (CÔNG TY TRUONG LUAT)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0167722**
(210) 4-2010-08690
(181) 26.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

HYRIOZ

(151) 15.07.2011
(220) 26.04.2010

(731) COREX TRADE LINKS INC. (BN)
Rm 51, 5th Floor, Britannia House, Jalan Cator Bandar Seri Begawan BS 8811 Negara Brunei Darussalam
(740) Công ty TNHH một thành viên Trường Luật (CÔNG TY TRUONG LUAT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167723**
(210) 4-2010-08691
(181) 26.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

PROCARTIL

(151) 15.07.2011
(220) 26.04.2010

(731) COREX TRADE LINKS INC. (BN)
Rm 51, 5th Floor, Britannia House, Jalan Cator Bandar Seri Begawan BS 8811 Negara Brunei Darussalam
(740) Công ty TNHH một thành viên Trường Luật (CÔNG TY TRUONG LUAT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167724**
(210) 4-2010-06830
(181) 05.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 15.07.2011
(220) 05.04.2010

(531) 25.5.2; 26.1.1; A26.11.12
(591) Đỏ
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẠN TƯỜNG PHÁT (VN)
Số 27 A20 Nghĩa Tân, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 40: May mặc quần áo, ba lô.

(111) **4-0167725**
(210) 4-2010-06797
(181) 02.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

CARVEROMA

(151) 15.07.2011
(220) 02.04.2010

(731) ANTIBIOTICe SA (RO)
Valea Lupului Street No 1, 707410, Iasi, Romania.
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 05: Thuốc dùng cho người.

---

(111) **4-0167726**
(210) 4-2010-06798
(181) 02.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ROMAPROLOL

(151) 15.07.2011
(220) 02.04.2010

(731) ANTIBIOTICE SA (RO)
Valea Lupului Street No 1, 707410, Iasi, Romania.
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 05: Thuốc dùng cho người.

---

(111) **4-0167727**
(210) 4-2010-06799
(181) 02.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ROMADIPINE

(151) 15.07.2011
(220) 02.04.2010

(731) ANTIBIOTICE SA (RO)
Valea Lupului Street No 1, 707410, Iasi, Romania
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 05: Thuốc dùng cho người.

(111) **4-0167728**
(210) 4-2010-07051
(181) 07.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 15.07.2011
(220) 07.04.2010

(531) 26.4.2; 26.1.1; 26.1.4; 26.11.3
(591) Trắng, đen, xanh nước biển, đỏ, xanh lá cây
(731) FRASER AND NEAVE, LIMITED (SG)
438 Alexandra Road, #21-00 Alexandra Point, Singapore 119958
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 32: Nước khoáng (đồ uống) và nước uống có ga và các đồ uống không cồn khác; đồ uống làm từ đậu nành là đồ uống không cồn; đồ uống isotonic bù đắp nước và muối cho cơ thể (không cồn); nước ép trái cây và đồ uống từ trái cây; chất cô đặc từ trái cây sử dụng khi pha chế nước ngọt chứa cacbonat và nước ngọt không chứa cacbonat; xi rô và các chế phẩm khác để pha đồ uống; tất cả đều là các sản phẩm nằm trong nhóm này.

(111) **4-0167729**
(210) 4-2010-07052
(181) 07.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 15.07.2011
(220) 07.04.2010

(531) 26.4.2; 26.11.3; 26.1.1; 26.1.4
(731) FRASER AND NEAVE, LIMITED (SG)
438 Alexandra Road, #21-00 Alexandra Point, Singapore 119958
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 32: Nước khoáng (đồ uống) và nước uống có ga và các đồ uống không cồn khác; đồ uống làm từ đậu nành là đồ uống không cồn; đồ uống isotonic bù đắp nước và muối cho cơ thể (không cồn); nước ép trái cây và đồ uống từ trái cây; chất cô đặc từ trái cây sử dụng khi pha chế nước ngọt chứa cacbonat và nước ngọt không chứa cacbonat; xi rô và các chế phẩm khác để pha đồ uống; tất cả đều là các sản phẩm nằm trong nhóm này.

(111) **4-0167730**
(210) 4-2010-07159
(181) 08.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

HugoKid

(151) 15.07.2011
(220) 08.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG (VN)
411 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167731**
(210) 4-2010-08438
(181) 21.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

NobemacKit

(151) 15.07.2011
(220) 21.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG (VN)
411 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167732**
(210) 4-2010-08439
(181) 21.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Notiduxi

(151) 15.07.2011
(220) 21.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG (VN)
411 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167733**
(210) 4-2010-07031
(181) 07.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BLUE CAT

(151) 15.07.2011
(220) 07.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ BẮC MỸ (VN)
P516, nhà D2, tập thể Thanh Xuân Bắc, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật (chất diệt động vật có hại; chất diệt nấm; chất diệt cỏ).

---

(111) **4-0167734**
(210) 4-2010-06518
(181) 31.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

NEWRIB

(151) 15.07.2011
(220) 31.03.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM TƯỜNG NGHI (VN)
102C6, Lê Văn Thọ, phường 11, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167735**
(210) 4-2010-15645
(181) 22.07.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

NHA KHOA
HIẾU QUYỀN

(151) 15.07.2011
(220) 22.07.2010

(591) Đỏ
(731) PHẠM THÁI PHƯƠNG (VN)
Thôn Phú Thứ, xã Tam Thanh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định

(511) Nhóm 44: Dịch vụ y tế; khám chữa bệnh chuyên khoa răng hàm mặt.

---

(111) **4-0167736**
(210) 4-2010-07274
(181) 09.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

PAINT
PETROLIMEX

(151) 15.07.2011
(220) 09.04.2010

(531) 25.5.1; 26.4.7; 1.15.15
(591) Cam, xanh dương, xanh lơ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SƠN PETROLIMEX (VN)
Phòng 908 tầng 9, cao ốc Centrepoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi, phường 8, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 02: Sơn, véc ni, ma tít, thuốc màu, sơn phủ ngoài.

Nhóm 35: Mua bán: sơn, véc ni, màu, hóa chất, xăng dầu, cao su, thiết bị và phụ tùng máy công - nông nghiệp, kim loại, quặng kim loại, đồ dùng gia dụng, đại lý ký gửi hàng hóa.

Nhóm 39: Vận tải, môi giới vận tải, giao nhận hàng hóa.

---

(111) **4-0167737**
(210) 4-2010-07393
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

STAR KID

(151) 15.07.2011
(220) 12.04.2010

(531) A1.1.10; A1.1.5
(591) Xanh, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THY LONG (VN)
A69 Bạch Đằng, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 03: Sữa tắm; dầu gội đầu; sữa rửa tay; nước hoa; mỹ phẩm; sữa dưỡng thể.

---

(111) **4-0167738**
(210) 4-2010-13831
(181) 28.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

D-Q
Dermal Quotient

(151) 15.07.2011
(220) 28.06.2010

(731) SHISEIDO COMPANY, LIMITED (JP)
7-5-5 Ginza, Chuo-ku, Tokyo 104-8010, Japan
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 21: Lược và miếng bọt biển để cọ rửa; bàn chải để cọ rửa, bàn chải tóc, cọ thoa son lên môi, cọ thoa mỹ phẩm lên lông mày; hộp đựng mỹ phẩm (không chứa mỹ phẩm bên trong); đồ chứa bằng thuỷ tinh, gốm sứ và đất nung dùng cho mục đích gia đình.

---

(111) **4-0167739**
(210) 4-2010-13834
(181) 28.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Dermal Quotient

(151) 15.07.2011
(220) 28.06.2010

(731) SHISEIDO COMPANY, LIMITED (JP)
7-5-5 Ginza, Chuo-ku, Tokyo 104-8010, Japan
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 03: Xà phòng, nước hoa, và mỹ phẩm; bao gồm cả các sản phẩm mỹ phẩm chăm sóc da, chăm sóc tóc, chăm sóc cơ thể, và mỹ phẩm trang điểm.

---

(111) **4-0167740**
(210) 4-2010-13835
(181) 28.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Dermal Quotient

(151) 15.07.2011
(220) 28.06.2010

(731) SHISEIDO COMPANY, LIMITED (JP)
7-5-5 Ginza, Chuo-ku, Tokyo 104-8010, Japan
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 21: Lược và miếng bọt biển để cọ rửa; bàn chải để cọ rửa, bàn chải tóc, cọ thoa son lên môi, cọ thoa mỹ phẩm lên lông mày; hộp đựng mỹ phẩm (không chứa mỹ phẩm bên trong); đồ chứa bằng thuỷ tinh, gốm sứ và đất nung dùng cho mục đích gia đình.

---

(111) **4-0167741**
(210) 4-2010-07652
(181) 13.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

VietJet Air

(151) 15.07.2011
(220) 13.04.2010

(531) A1.1.10; A1.1.2; 24.15.21
(591) Xanh lam, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG VIETJET (VN)
125 Trúc Bạch, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ mua bán quà tặng, đồ lưu niệm; đại lý mua bán ký gửi hàng hóa; dịch vụ quảng cáo; nghiên cứu thị trường; tổ chức triển lãm với mục đích thương mại hoặc quảng cáo; hãng thông tin thương mại.

Nhóm 37: Xây dựng cơ sở vật chất cho việc bảo dưỡng máy bay và cho nhà ga sân bay; xây dựng các trung tâm điều hành bay; lắp đặt trang thiết bị, phương tiện cho trạm điều hành sân bay; dịch vụ bảo trì và làm sạch máy bay; bảo dưỡng và vệ sinh máy bay; tư vấn giám sát xây dựng hàng không.

Nhóm 39: Vận chuyển hàng hóa và hành khách bằng đường hàng không; cho thuê máy bay; dịch vụ du lịch; vận chuyển hành khách và hàng hóa trong sân bay; dịch vụ đặt chỗ cho các chuyến đi; dịch vụ cho thuê kho hàng; cung cấp thông tin về du lịch, vé máy bay, các chuyến bay; đại lý bán vé máy bay.

Nhóm 41: Đào tạo nhân viên phi hành đoàn; đào tạo về hàng không; dịch vụ giải trí; thông tin về lĩnh vực giải trí.

Nhóm 42: Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật hàng không.

Nhóm 43: Dịch vụ cung cấp thực phẩm và đồ uống (do nhà hàng cung cấp); khách sạn; dịch vụ nhà hàng ăn uống; cung cấp thông tin về khách sạn, nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0167742**
(210) 4-2010-07653
(181) 13.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 15.07.2011
(220) 13.04.2010

(531) A1.1.10; A1.1.2; 24.15.21
(591) Ghi, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG VIETJET (VN)
125 Trúc Bạch, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ mua bán quà tặng, đồ lưu niệm; đại lý mua bán ký gửi hàng hóa; dịch vụ quảng cáo; nghiên cứu thị trường; tổ chức triển lãm với mục đích thương mại hoặc quảng cáo; hãng thông tin thương mại.

Nhóm 37: Xây dựng cơ sở vật chất cho việc bảo dưỡng máy bay và cho nhà ga sân bay; xây dựng các trung tâm điều hành bay; lắp đặt trang thiết bị, phương tiện cho trạm điều hành sân bay; dịch vụ bảo trì và làm sạch máy bay; bảo dưỡng và vệ sinh máy bay; tư vấn giám sát xây dựng hàng không.

Nhóm 39: Vận chuyển hàng hóa và hành khách bằng đường hàng không; cho thuê máy bay; dịch vụ du lịch; vận chuyển hành khách và hàng hóa trong sân bay; dịch vụ đặt chỗ cho các chuyến đi; dịch vụ cho thuê kho hàng; cung cấp thông tin về du lịch, vé máy bay, các chuyến bay; đại lý bán vé máy bay.

Nhóm 41: Đào tạo nhân viên phi hành đoàn; đào tạo về hàng không; dịch vụ giải trí; thông tin về lĩnh vực giải trí.

Nhóm 42: Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật hàng không.

Nhóm 43: Dịch vụ cung cấp thực phẩm và đồ uống (do nhà hàng cung cấp); khách sạn; dịch vụ nhà hàng ăn uống; cung cấp thông tin về khách sạn, nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0167743**
(210) 4-2010-07878
(181) 15.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 15.07.2011
(220) 15.04.2010

(531) 26.1.2; A26.11.12
(591) Trắng, đỏ, hồng
(731) CƠ SỞ NGỌC DUNG (VN)
Số 63, tổ 06, ấp 05, xã Minh Lập, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 29: Trái điều khô (trái điều đã được chế biến và phơi khô); mứt trái điều (mứt ướt); nước màu trái điều.

Nhóm 30: Kẹo trái điều.

Nhóm 32: Nước cốt cam sành (đồ uống không cồn).

Nhóm 33: Rượu trái điều.

---

(111) **4-0167744**
(210) 4-2010-07890
(181) 15.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Topshark-Col

(151) 15.07.2011
(220) 15.04.2010

(731) CÔNG TY TNHH HIỆP PHONG (VN)
Số 42 lô F, tổ 9, tập thể Tạp Chí Văn Hoá Nghệ Thuật, Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế; thực phẩm dùng cho trẻ sơ sinh; sữa dùng cho trẻ sơ sinh; thực phẩm dùng cho bà mẹ đang cho con bú (tác dụng lợi sữa và dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0167745**
(210) 4-2010-08331
(181) 20.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

MANAGEABLE BLACK

(151) 15.07.2011
(220) 20.04.2010

(731) THE PROCTER & GAMBLE COMPANY (US)
One Procter & Gamble Plaza, Cincinnati, Ohio 45202, United States of America
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm, chế phẩm chăm sóc da; xà phòng; nước hoa; tinh dầu; nước xức tóc; kem đánh răng; chế phẩm làm sạch, chăm sóc, xử lý và làm đẹp da, da đầu và tóc.

---

(111) **4-0167746**
(210) 4-2009-28536
(181) 30.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

TAN'S

(151) 15.07.2011
(220) 30.12.2009

(731) HONG KONG CARPENTER TAN CO., LIMITED (HK)
5th Floor, Gloucester Tower, The Landmark, 11 Pedder Street, Central, Hong Kong
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 20: Đồ gỗ văn phòng; đồ gỗ nội thất; giá để đồ đạc (đồ nội thất); tủ treo quần áo (tủ quần áo); tủ trưng bày hàng (đồ đạc); khay, không bằng kim loại; hộp bằng gỗ hoặc chất dẻo; nút chai bằng li-e (xốp); khung chắn lò sưởi; kính tráng bạc (bằng gương); gương soi; đồ làm bằng liễu gai; cây mây/ cây song/ mây bện/song bện; đồ thủ công và mỹ nghệ làm bằng tre hoặc gỗ; sừng động vật; tượng bằng gỗ, bằng sáp, bằng thạch cao hoặc chất dẻo; đồ thủ công và mỹ nghệ sơn mài; tranh cổ động hay áp phích bằng gỗ hoặc chất dẻo; ống hút đồ uống; lồng ấp cho thú nuôi trong nhà; vòng tay nhận dạng, không bằng kim loại, dùng cho bệnh viện; bình đựng tro hỏa táng; đồ đạc trang trí, không bằng kim loại; cửa cho đồ gỗ nội thất; gối; bộ đồ cửa sổ, không bằng kim loại; mành rèm bằng gỗ đan lại (đồ nội thất); gương cầm tay (gương dùng để trang điểm).

Nhóm 21: Lọ; thớt dùng cho bếp, đôi đũa; đồ thủy tinh dùng hàng ngày (bao gồm cốc, đĩa, ấm, bình); đồ gốm dùng trong gia đình; đồ trang trí bằng sứ, bình đựng đồ uống; lư hương; bình (lọ); cái để xỏ giày, lược, lược dùng cho tóc (lược thưa); hộp đựng lược; lược khít hai lưỡi; đồ dùng để chải; lược chải dùng cho động vật; lông cứng động vật (dùng làm bàn chải và bút lông); bàn chải đánh răng; hộp đựng tăm; bàn chải nhà vệ sinh; đồ dùng trong nhà vệ sinh; đồ đựng giữ nhiệt dùng cho thực phẩm; dụng cụ lau chùi bằng tay; đồ pha lê (thủy tinh); chuồng cho vật nuôi trong nhà; cái đuổi ruồi (vỉ đập ruồi).

Nhóm 26: Đồ thêu; cái cặp tóc (có khe trượt); đồ trang trí cho tóc; cái kẹp, trừ đồ trang sức; nơ dùng cho tóc; hộp đựng đồ khâu; kim đan; khuy quần áo; tóc giả; cây cảnh giả; miếng đệm vai dùng cho quần áo; miếng đắp có thể dính bằng nhiệt dùng để trang trí đồ bằng vải (đồ may mặc); chữ hoặc số để đánh dấu đồ vải; ấm ủ nóng trà.

Nhóm 35: Biện pháp đẩy mạnh bán hàng (xúc tiến bán hàng); đại lý xuất nhập khẩu; dịch vụ thu mua hàng hóa cho người khác (mua bán hàng hóa và dịch vụ cho mục đích kinh doanh của người khác); phân phát các hàng hóa/vật quảng cáo; lập kế hoạch quảng cáo; định giá gỗ; quảng cáo; tổ chức triển lãm nhằm mục đích thương mại hoặc quảng cáo; tổ chức triển lãm công nghệ/ kỹ thuật nhằm mục đích thương mại hoặc quảng cáo; tư vấn quản lý nhân sự; kế toán; quản lý việc nhượng quyền thương mại.

Nhóm 40: Gia công gỗ; dịch vụ cưa xẻ (xưởng cưa); xưởng gia công gỗ (xưởng bào gỗ); đốn gỗ và xẻ gỗ; khắc gỗ (trạm trổ); đánh bóng bằng chất mài; cán/ép/tách gỗ (hoặc kim loại); lắp ráp các vật liệu khác như theo đơn đặt hàng của khách hàng; nhuộm vải; nung đồ gốm; may quần áo; làm khung các tác phẩm nghệ thuật.

---

(111) **4-0167747**
(210) 4-2009-28537
(181) 30.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 15.07.2011
(220) 30.12.2009

(531) 2.1.1; A7.1.11; 7.1.24; 25.7.20; 26.13.25
(731) HONG KONG CARPENTER TAN CO., LIMITED (HK)
5th Floor, Gloucester Tower, The Landmark, 11 Pedder Street, Central, Hong Kong
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 20: Đồ gỗ văn phòng; đồ gỗ nội thất; giá để đồ đạc (đồ nội thất); tủ treo quần áo (tủ quần áo); tủ trưng bày hàng (đồ đạc); khay, không bằng kim loại; hộp bằng gỗ hoặc chất dẻo; nút chai bằng li-e (xốp); khung chắn lò sưởi; kính tráng bạc (bằng gương); gương soi; đồ làm bằng liễu gai; cây mây/ cây song/ mây bện/song bện; đồ thủ công và mỹ nghệ làm bằng tre hoặc gỗ; sừng động vật; tượng bằng gỗ, bằng sáp, bằng thạch cao hoặc chất dẻo; đồ thủ công và mỹ nghệ sơn mài; tranh cổ động hay áp phích bằng gỗ hoặc chất dẻo; ống hút đồ uống; lồng ấp cho thú nuôi trong nhà; vòng tay nhận dạng, không bằng kim loại, dùng cho bệnh viện; bình đựng tro hỏa táng; đồ đạc trang trí, không bằng kim loại; cửa cho đồ gỗ nội thất; gối; bộ đồ cửa sổ, không bằng kim loại; mành rèm bằng gỗ đan lại (đồ nội thất); gương cầm tay (gương dùng để trang điểm).

Nhóm 21: Lọ; thớt dùng cho bếp, đôi đũa; đồ thủy tinh dùng hàng ngày (bao gồm cốc, đĩa, ấm, bình); đồ gốm dùng trong gia đình; đồ trang trí bằng sứ, bình đựng đồ uống; lư hương; bình (lọ); cái để xỏ giày, lược, lược dùng cho tóc (lược thưa); hộp đựng lược; lược khít hai lưỡi; đồ dùng để chải; lược chải dùng cho động vật; lông cứng động vật (dùng làm bàn chải và bút lông); bàn chải đánh răng; hộp đựng tăm; bàn chải nhà vệ sinh; đồ dùng trong nhà vệ sinh; đồ đựng giữ nhiệt dùng cho thực phẩm; dụng cụ lau

chùi bằng tay; đồ pha lê (thủy tinh); chuồng cho vật nuôi trong nhà; cái đuổi ruồi (vỉ đập ruồi).

Nhóm 26: Đồ thêu; cái cặp tóc (có khe trượt); đồ trang trí cho tóc; cái kẹp, trừ đồ trang sức; nơ dùng cho tóc; hộp đựng đồ khâu; kim đan; khuy quần áo; tóc giả; cây cảnh giả; miếng đệm vai dùng cho quần áo; miếng đắp có thể dính bằng nhiệt dùng để trang trí đồ bằng vải (đồ may mặc); chữ hoặc số để đánh dấu đồ vải; ấm ủ nóng trà.

Nhóm 35: Biện pháp đẩy mạnh bán hàng (xúc tiến bán hàng); đại lý xuất nhập khẩu; dịch vụ thu mua hàng hóa cho người khác (mua bán hàng hóa và dịch vụ cho mục đích kinh doanh của người khác); phân phát các hàng hóa/vật quảng cáo; lập kế hoạch quảng cáo; định giá gỗ; quảng cáo; tổ chức triển lãm nhằm mục đích thương mại hoặc quảng cáo; tổ chức triển lãm công nghệ/ kỹ thuật nhằm mục đích thương mại hoặc quảng cáo; tư vấn quản lý nhân sự; kế toán; quản lý việc nhượng quyền thương mại.

Nhóm 40: Gia công gỗ; dịch vụ cưa xẻ (xưởng cưa); xưởng gia công gỗ (xưởng bào gỗ); đốn gỗ và xẻ gỗ; khắc gỗ (trạm trổ); đánh bóng bằng chất mài; cán/ép/tách gỗ (hoặc kim loại); lắp ráp các vật liệu khác như theo đơn đặt hàng của khách hàng; nhuộm vải; nung đồ gốm; may quần áo; làm khung các tác phẩm nghệ thuật.

---

(111) **4-0167748**
(210) 4-2010-07658
(181) 14.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 15.07.2011
(220) 14.04.2010

(531) A25.1.10; 26.4.2
(591) Vàng đậm, vàng, xanh nõn chuối, xanh lá cây, trắng, vàng nhạt
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & CÔNG NGHỆ DƯỢC PHẨM CHÂU Á (VN)
3/31/189 Hoàng Hoa Thám, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm chức năng.

---

(111) **4-0167749**
(210) 4-2010-08692
(181) 26.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ESOREST

(151) 15.07.2011
(220) 26.04.2010

(731) COREX TRADE LINKS INC. (BN)
Rm 51, 5th Floor, Britannia House, Jalan Cator Bandar Seri Begawan BS 8811 Negara Brunei Darussalam
(740) Công ty TNHH một thành viên Trường Luật (CÔNG TY TRUONG LUAT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167750**
(210) 4-2010-08699
(181) 26.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 15.07.2011
(220) 26.04.2010

(531) 2.9.1; 4.5.3; A1.1.10; 20.5.7; 4.5.2
(591) Đỏ, xanh dương, trắng
(731) VIỆN TIM MẠCH - BỆNH VIỆN BẠCH MAI (VN)
78 đường Giải Phóng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 44: Dịch vụ khám chữa bệnh; phòng khám đa khoa; bệnh viện.

---

(111) **4-0167751**
(210) 4-2007-21111
(181) 18.10.2017
(450) 25.08.2011 281
(540)

YAHOO! THANH CÔNG CỤ

(151) 15.07.2011
(220) 18.10.2007

(731) YAHOO! INC. (US)
701 First Avenue, Sunnyvale, California 94089, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 09: Phần cứng máy tính; phần mềm máy tính để cho phép người sử dụng định vị được người chơi trò chơi khác và để chơi trò chơi qua hệ thống mạng; phần mềm máy tính để truyền dẫn thư điện tử; phần mềm máy tính cho việc truyền đạt thông tin điện tử; phần mềm máy tính cho việc truyền dẫn điện tử các dữ liệu, hình ảnh và tài liệu thông qua mạng máy tính toàn cầu; phần mềm máy tính để cung cấp các phòng hội thoại trực tuyến và các bảng tin điện tử để truyền đạt thông tin giữa những người sử dụng trong lĩnh vực quan tâm chung; phần mềm máy tính được sử dụng để tìm kiếm, khôi phục, chỉ dẫn và tập hợp dữ liệu; phần mềm máy tính được sử dụng để củng cố việc thực hiện và chức năng của mạng máy tính; phần mềm máy tính để tìm kiếm và khôi phục thông tin, danh bạ các trang web và các thông tin khác trên mạng máy tính, phần mềm máy tính để cung cấp danh bạ thông tin, danh bạ các trang web và các thông tin có sẵn trên mạng máy tính; phần mềm máy tính để cung cấp truy cập cho nhiều người sử dụng vào mạng máy tính nhằm phổ biến về thông tin các loại; phần mềm trình bảo vệ màn hình máy tính; phần mềm máy tính bao gồm các sản phẩm giải trí tương tác, mà cho phép người sử dụng tuỳ chỉnh kinh nghiệm xem, nghe và chơi bằng việc lựa chọn và sắp xếp sự thể hiện và thực hiện của các yếu tố âm thanh, hình ảnh và nghe nhìn trong lĩnh vực âm nhạc, trò chơi điện tử, video và công nghiệp giải trí; trò chơi video tương tác với hiện thực ảo gồm phần cứng và phần mềm máy tính; bản ghi âm thanh và hình ảnh, bản ghi nhạc chủ đề,

bản ghi biểu diễn âm nhạc và bản ghi tài liệu giáo dục có thể tải xuống được; bản ghi âm thanh và hình ảnh, bản ghi nhạc chủ đề, bản ghi biểu diễn âm nhạc và bản ghi tài liệu giáo dục không tải xuống được; bản ghi âm nhạc có thể tải xuống được; phần mềm máy tính có thể tải xuống được để sử dụng như lịch trực tuyến.

Nhóm 35: Dịch vụ xúc tiến và quảng cáo cho người khác, cụ thể, đặt và hiển thị việc xúc tiến và quảng cáo cho người khác trong lĩnh vực điện tử được tiếp cận thông qua mạng máy tính; phổ biến các vấn đề quảng cáo, cụ thể, cung cấp dịch vụ đăng quảng cáo và hình ảnh đồ hoạ, đa truyền thông và tương tác qua mạng máy tính để sử dụng trên trang chủ cá nhân, xúc tiến hàng hoá và dịch vụ của người khác bằng cách vận hành trung tâm mua sắm trực tuyến với các đường dẫn đến trang web riêng của người khác; dịch vụ đấu giá trực tuyến, cung cấp dịch vụ quản lý việc bán lẻ, việc đặt hàng qua thư và kinh doanh đấu giá trực tuyến; cung cấp thông tin thông qua trang internet liên quan đến hàng hoá và dịch vụ của người khác mà có tính chất như sự hướng dẫn cho người mua; dịch vụ mua sắm cạnh tranh trực tuyến; biên soạn và duy trì danh bạ trực tuyến, cung cấp danh bạ thông tin nhà riêng và thương mại trực tuyến trên mạng internet; cung cấp dịch vụ thông tin danh bạ trực tuyến được liên kết tới các trang web khác; thông tin danh bạ điện thoại; cung cấp cơ sở dữ liệu về danh sách quảng cáo và cơ hội việc làm đã được phân loại mà có thể được tìm kiếm trực tuyến, dịch vụ liên kết trong mạng lưới kinh doanh chung, cụ thể, xúc tiến hàng hoá và dịch vụ của người khác bằng cách giới thiệu cho các doanh nghiệp hàng đầu và các doanh nghiệp liên quan; dịch vụ thông tin việc làm; cung cấp thông tin liên quan đến phiếu dự thưởng được cung cấp bởi người khác; cung cấp cho người tiêu dùng về thông tin sản phẩm thông qua mạng internet; dịch vụ câu lạc bộ khách hàng trung thành và câu lạc bộ khách hàng phục vụ mục đích thương mại, xúc tiến thương mại và hoặc quảng cáo.

Nhóm 38: Truyền phát và phân phối nội dung văn bản, âm thanh, video và đa truyền thông thông qua radio, truyền thông di động, truyền thông không dây, mạng internet, mạng truyền thông điện tử và mạng máy tính, dịch vụ thư điện tử; cung cấp truy cập cho nhiều người sử dụng vào mạng máy tính; cung cấp truy cập cho nhiều người sử dụng vào mạng máy tính để truyền và phổ biến đủ loại thông tin; cung cấp truy cập tốc độ cao vào mạng internet; truyền dẫn và tiếp nhận điện tử các dữ liệu, hồ sơ, thông báo, hình ảnh và tài liệu thông qua mạng máy tính; dịch vụ hệ thống điện thoại qua mạng internet; cung cấp dịch vụ truyền thông qua mạng máy tính và thiết bị đầu cuối của máy tính; dịch vụ nhắn tin; dịch vụ truyền thư điện tử (sử dụng kỹ thuật lưu trữ và chuyển tiếp); cung cấp phòng hội thoại trực tuyến và bảng tin điện tử để truyền dẫn thông điệp giữa những người sử dụng máy tính trong lĩnh vực quan tâm chung và để chơi trò chơi; dịch vụ thư giọng nói, dịch vụ truyền tải giọng nói; phân phối thẻ chúc mừng cá nhân đến người khác thông qua thư điện tử; cung cấp đường dẫn truyền thông trực tuyến chuyển từ người sử dụng trang web đến trang web toàn cầu và địa phương khác; truyền phát và phân phối nội dung cá nhân qua phương tiện truyền thông điện tử; phương tiện nhìn; truyền phát trực tiếp chương trình giải trí qua radio, viễn thông di động, viễn thông không dây; mạng internet; mạng viễn thông điện tử và mạng máy tính trong lĩnh vực tin tức, thời tiết, thể thao, du lịch, các sự kiện hiện tại, thông tin tham khảo, thông tin công việc, máy tính, công nghệ, mua sắm, đấu giá, phim truyện, rạp hát, âm nhạc, sức khoẻ, giáo dục, khoa học và tài chính.

Nhóm 42: Tạo ra các bảng liệt kê thông tin, khu vực dữ liệu và các thông tin khác sẵn có trên mạng máy tính cho người khác; tìm kiếm và phục hồi thông tin, khu vực dữ liệu và

các thông tin khác sẵn có trên mạng máy tính cho người khác; cung cấp thông tin trực tuyến trên trang web tuỳ chỉnh theo lựa chọn của người sử dụng với các công cụ tìm kiếm và các đường kết nối trực tuyến tới các trang web khác; dịch vụ máy tính, cụ thể, cung cấp giải pháp kỹ thuật trực tuyến để ngăn chặn thư rác và để làm màn chắn điều khiển luồng lưu thông giữa các mạng (firewall); giám sát hệ thống máy tính để đảm bảo an ninh máy tính; cung cấp thông tin trực tuyến liên quan đến an ninh máy tính.

---

(111) **4-0167752**
(210) 4-2007-21112
(181) 18.10.2017
(450) 25.08.2011 281
(540)

YAHOO! SỔ TAY NET

(151) 15.07.2011
(220) 18.10.2007

(731) YAHOO! INC. (US)
701 First Avenue, Sunnyvale, California 94089, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 09: Phần cứng máy tính; phần mềm máy tính để cho phép người sử dụng định vị được người chơi trò chơi khác và để chơi trò chơi qua hệ thống mạng; phần mềm máy tính để truyền dẫn thư điện tử; phần mềm máy tính cho việc truyền đạt thông tin điện tử; phần mềm máy tính cho việc truyền dẫn điện tử các dữ liệu, hình ảnh và tài liệu thông qua mạng máy tính toàn cầu; phần mềm máy tính để cung cấp các phòng hội thoại trực tuyến và các bảng tin điện tử để truyền đạt thông tin giữa những người sử dụng trong lĩnh vực quan tâm chung; phần mềm máy tính được sử dụng để tìm kiếm, khôi phục, chỉ dẫn và tập hợp dữ liệu; phần mềm máy tính được sử dụng để củng cố việc thực hiện và chức năng của mạng máy tính; phần mềm máy tính để tìm kiếm và khôi phục thông tin, danh bạ các trang web và các thông tin khác trên mạng máy tính, phần mềm máy tính để cung cấp danh bạ thông tin, danh bạ các trang web và các thông tin có sẵn trên mạng máy tính; phần mềm máy tính để cung cấp truy cập cho nhiều người sử dụng vào mạng máy tính nhằm phổ biến về thông tin các loại; phần mềm trình bảo vệ màn hình máy tính; phần mềm máy tính bao gồm các sản phẩm giải trí tương tác, mà cho phép người sử dụng tuỳ chỉnh kinh nghiệm xem, nghe và chơi bằng việc lựa chọn và sắp xếp sự thể hiện và thực hiện của các yếu tố âm thanh, hình ảnh và nghe nhìn trong lĩnh vực âm nhạc, trò chơi điện tử, video và công nghiệp giải trí; trò chơi video tương tác với hiện thực ảo gồm phần cứng và phần mềm máy tính; bản ghi âm thanh và hình ảnh, bản ghi nhạc chủ đề, bản ghi biểu diễn âm nhạc và bản ghi tài liệu giáo dục có thể tải xuống được; bản ghi âm thanh và hình ảnh, bản ghi nhạc chủ đề, bản ghi biểu diễn âm nhạc và bản ghi tài liệu giáo dục không tải xuống được; bản ghi âm nhạc có thể tải xuống được; phần mềm máy tính có thể tải xuống được để sử dụng như lịch trực tuyến.

Nhóm 35: Dịch vụ xúc tiến và quảng cáo cho người khác, cụ thể, đặt và hiển thị việc xúc tiến và quảng cáo cho người khác trong lĩnh vực điện tử được tiếp cận thông qua mạng máy tính; phổ biến các vấn đề quảng cáo, cụ thể, cung cấp dịch vụ đăng quảng cáo và hình ảnh đồ hoạ, đa truyền thông và tương tác qua mạng máy tính để sử dụng trên trang chủ cá nhân, xúc tiến hàng hoá và dịch vụ của người khác bằng cách vận hành trung tâm mua sắm trực tuyến với các đường dẫn đến trang web riêng của người khác; dịch vụ đấu giá trực tuyến, cung cấp dịch vụ quản lý việc bán lẻ, việc đặt hàng qua thư và kinh doanh

đấu giá trực tuyến; cung cấp thông tin thông qua trang internet liên quan đến hàng hoá và dịch vụ của người khác mà có tính chất như sự hướng dẫn cho người mua; dịch vụ mua sắm cạnh tranh trực tuyến; biên soạn và duy trì danh bạ trực tuyến, cung cấp danh bạ thông tin nhà riêng và thương mại trực tuyến trên mạng internet; cung cấp dịch vụ thông tin danh bạ trực tuyến được liên kết tới các trang web khác; thông tin danh bạ điện thoại; cung cấp cơ sở dữ liệu về danh sách quảng cáo và cơ hội việc làm đã được phân loại mà có thể được tìm kiếm trực tuyến, dịch vụ liên kết trong mạng lưới kinh doanh chung, cụ thể, xúc tiến hàng hoá và dịch vụ của người khác bằng cách giới thiệu cho các doanh nghiệp hàng đầu và các doanh nghiệp liên quan; dịch vụ thông tin việc làm; cung cấp thông tin liên quan đến phiếu dự thưởng được cung cấp bởi người khác; cung cấp cho người tiêu dùng về thông tin sản phẩm thông qua mạng internet; dịch vụ câu lạc bộ khách hàng trung thành và câu lạc bộ khách hàng phục vụ mục đích thương mại, xúc tiến thương mại và hoặc quảng cáo.

Nhóm 38: Truyền phát và phân phối nội dung văn bản, âm thanh, video và đa truyền thông thông qua radio, truyền thông di động, truyền thông không dây, mạng internet, mạng truyền thông điện tử và mạng máy tính, dịch vụ thư điện tử; cung cấp truy cập cho nhiều người sử dụng vào mạng máy tính; cung cấp truy cập cho nhiều người sử dụng vào mạng máy tính để truyền và phổ biến đủ loại thông tin; cung cấp truy cập tốc độ cao vào mạng internet; truyền dẫn và tiếp nhận điện tử các dữ liệu, hồ sơ, thông báo, hình ảnh và tài liệu thông qua mạng máy tính; dịch vụ hệ thống điện thoại qua mạng internet; cung cấp dịch vụ truyền thông qua mạng máy tính và thiết bị đầu cuối của máy tính; dịch vụ nhắn tin; dịch vụ truyền thư điện tử (sử dụng kỹ thuật lưu trữ và chuyển tiếp); cung cấp phòng hội thoại trực tuyến và bảng tin điện tử để truyền dẫn thông điệp giữa những người sử dụng máy tính trong lĩnh vực quan tâm chung và để chơi trò chơi; dịch vụ thư giọng nói, dịch vụ truyền tải giọng nói; phân phối thẻ chúc mừng cá nhân đến người khác thông qua thư điện tử; cung cấp đường dẫn truyền thông trực tuyến chuyển từ người sử dụng trang web đến trang web toàn cầu và địa phương khác; truyền phát và phân phối nội dung cá nhân qua phương tiện truyền thông điện tử; phương tiện nhìn; truyền phát trực tiếp chương trình giải trí qua radio, viễn thông di động, viễn thông không dây; mạng internet; mạng viễn thông điện tử và mạng máy tính trong lĩnh vực tin tức, thời tiết, thể thao, du lịch, các sự kiện hiện tại, thông tin tham khảo, thông tin công việc, máy tính, công nghệ, mua sắm, đấu giá, phim truyện, rạp hát, âm nhạc, sức khoẻ, giáo dục, khoa học và tài chính.

Nhóm 42: Tạo ra các bảng liệt kê thông tin, khu vực dữ liệu và các thông tin khác sẵn có trên mạng máy tính cho người khác; tìm kiếm và phục hồi thông tin, khu vực dữ liệu và các thông tin khác sẵn có trên mạng máy tính cho người khác; cung cấp thông tin trực tuyến trên trang web tuỳ chỉnh theo lựa chọn của người sử dụng với cảc công cụ tìm kiếm và các đường kết nối trực tuyến tới các trang web khác; dịch vụ máy tính, cụ thể, cung cấp giải pháp kỹ thuật trực tuyến để ngăn chặn thư rác và để làm màn chắn điều khiển luồng lưu thông giữa các mạng (firewall); giám sát hệ thống máy tính để đảm bảo an ninh máy tính; cung cấp thông tin trực tuyến liên quan đến an ninh máy tính.

(111) **4-0167753**
(210) 4-2007-21113
(181) 18.10.2017
(450) 25.08.2011 281
(540)

YAHOO! Điểm Internet

(151) 15.07.2011
(220) 18.10.2007

(731) YAHOO! INC. (US)
701 First Avenue, Sunnyvale, California 94089, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 09: Phần cứng máy tính; phần mềm máy tính để cho phép người sử dụng định vị được người chơi trò chơi khác và để chơi trò chơi qua hệ thống mạng; phần mềm máy tính để truyền dẫn thư điện tử; phần mềm máy tính cho việc truyền đạt thông tin điện tử; phần mềm máy tính cho việc truyền dẫn điện tử các dữ liệu, hình ảnh và tài liệu thông qua mạng máy tính toàn cầu; phần mềm máy tính để cung cấp các phòng hội thoại trực tuyến và các bảng tin điện tử để truyền đạt thông tin giữa những người sử dụng trong lĩnh vực quan tâm chung; phần mềm máy tính được sử dụng để tìm kiếm, khôi phục, chỉ dẫn và tập hợp dữ liệu; phần mềm máy tính được sử dụng để củng cố việc thực hiện và chức năng của mạng máy tính; phần mềm máy tính để tìm kiếm và khôi phục thông tin, danh bạ các trang web và các thông tin khác trên mạng máy tính, phần mềm máy tính để cung cấp danh bạ thông tin, danh bạ các trang web và các thông tin có sẵn trên mạng máy tính; phần mềm máy tính để cung cấp truy cập cho nhiều người sử dụng vào mạng máy tính nhằm phổ biến về thông tin các loại; phần mềm trình bảo vệ màn hình máy tính; phần mềm máy tính bao gồm các sản phẩm giải trí tương tác, mà cho phép người sử dụng tuỳ chỉnh kinh nghiệm xem, nghe và chơi bằng việc lựa chọn và sắp xếp sự thể hiện và thực hiện của các yếu tố âm thanh, hình ảnh và nghe nhìn trong lĩnh vực âm nhạc, trò chơi điện tử, video và công nghiệp giải trí; trò chơi video tương tác với hiện thực ảo gồm phần cứng và phần mềm máy tính; bản ghi âm thanh và hình ảnh, bản ghi nhạc chủ đề, bản ghi biểu diễn âm nhạc và bản ghi tài liệu giáo dục có thể tải xuống được; bản ghi âm thanh và hình ảnh, bản ghi nhạc chủ đề, bản ghi biểu diễn âm nhạc và bản ghi tài liệu giáo dục không tải xuống được; bản ghi âm nhạc có thể tải xuống được; phần mềm máy tính có thể tải xuống được để sử dụng như lịch trực tuyến.

Nhóm 35: Dịch vụ xúc tiến và quảng cáo cho người khác, cụ thể, đặt và hiển thị việc xúc tiến và quảng cáo cho người khác trong lĩnh vực điện tử được tiếp cận thông qua mạng máy tính; phổ biến các vấn đề quảng cáo, cụ thể, cung cấp dịch vụ đăng quảng cáo và hình ảnh đồ hoạ, đa truyền thông và tương tác qua mạng máy tính để sử dụng trên trang chủ cá nhân, xúc tiến hàng hoá và dịch vụ của người khác bằng cách vận hành trung tâm mua sắm trực tuyến với các đường dẫn đến trang web riêng của người khác; dịch vụ đấu giá trực tuyến, cung cấp dịch vụ quản lý việc bán lẻ, việc đặt hàng qua thư và kinh doanh đấu giá trực tuyến; cung cấp thông tin thông qua trang internet liên quan đến hàng hoá và dịch vụ của người khác mà có tính chất như sự hướng dẫn cho người mua; dịch vụ mua sắm cạnh tranh trực tuyến; biên soạn và duy trì danh bạ trực tuyến, cung cấp danh bạ thông tin nhà riêng và thương mại trực tuyến trên mạng internet; cung cấp dịch vụ thông tin danh bạ trực tuyến được liên kết tới các trang web khác; thông tin danh bạ điện thoại; cung cấp cơ sở dữ liệu về danh sách quảng cáo và cơ hội việc làm đã được phân loại mà có thể được tìm kiếm trực tuyến, dịch vụ liên kết trong mạng lưới kinh doanh chung, cụ thể, xúc tiến hàng hoá và dịch vụ của người khác bằng cách giới thiệu cho các

doanh nghiệp hàng đầu và các doanh nghiệp liên quan; dịch vụ thông tin việc làm; cung cấp thông tin liên quan đến phiếu dự thưởng được cung cấp bởi người khác; cung cấp cho người tiêu dùng về thông tin sản phẩm thông qua mạng internet; dịch vụ câu lạc bộ khách hàng trung thành và câu lạc bộ khách hàng phục vụ mục đích thương mại, xúc tiến thương mại và hoặc quảng cáo.

Nhóm 38: Truyền phát và phân phối nội dung văn bản, âm thanh, video và đa truyền thông thông qua radio, truyền thông di động, truyền thông không dây, mạng internet, mạng truyền thông điện tử và mạng máy tính, dịch vụ thư điện tử; cung cấp truy cập cho nhiều người sử dụng vào mạng máy tính; cung cấp truy cập cho nhiều người sử dụng vào mạng máy tính để truyền và phổ biến đủ loại thông tin; cung cấp truy cập tốc độ cao vào mạng internet; truyền dẫn và tiếp nhận điện tử các dữ liệu, hồ sơ, thông báo, hình ảnh và tài liệu thông qua mạng máy tính; dịch vụ hệ thống điện thoại qua mạng internet; cung cấp dịch vụ truyền thông qua mạng máy tính và thiết bị đầu cuối của máy tính; dịch vụ nhắn tin; dịch vụ truyền thư điện tử (sử dụng kỹ thuật lưu trữ và chuyển tiếp); cung cấp phòng hội thoại trực tuyến và bảng tin điện tử để truyền dẫn thông điệp giữa những người sử dụng máy tính trong lĩnh vực quan tâm chung và để chơi trò chơi; dịch vụ thư giọng nói, dịch vụ truyền tải giọng nói; phân phối thẻ chúc mừng cá nhân đến người khác thông qua thư điện tử; cung cấp đường dẫn truyền thông trực tuyến chuyển từ người sử dụng trang web đến trang web toàn cầu và địa phương khác; truyền phát và phân phối nội dung cá nhân qua phương tiện truyền thông điện tử; phương tiện nhìn; truyền phát trực tiếp chương trình giải trí qua radio, viễn thông di động, viễn thông không dây; mạng internet; mạng viễn thông điện tử và mạng máy tính trong lĩnh vực tin tức, thời tiết, thể thao, du lịch, các sự kiện hiện tại, thông tin tham khảo, thông tin công việc, máy tính, công nghệ, mua sắm, đấu giá, phim truyện, rạp hát, âm nhạc, sức khoẻ, giáo dục, khoa học và tài chính.

Nhóm 42: Tạo ra các bảng liệt kê thông tin, khu vực dữ liệu và các thông tin khác sẵn có trên mạng máy tính cho người khác; tìm kiếm và phục hồi thông tin, khu vực dữ liệu và các thông tin khác sẵn có trên mạng máy tính cho người khác; cung cấp thông tin trực tuyến trên trang web tuỳ chỉnh theo lựa chọn của người sử dụng với các công cụ tìm kiếm và các đường kết nối trực tuyến tới các trang web khác; dịch vụ máy tính, cụ thể, cung cấp giải pháp kỹ thuật trực tuyến để ngăn chặn thư rác và để làm màn chắn điều khiển luồng lưu thông giữa các mạng (firewall); giám sát hệ thống máy tính để đảm bảo an ninh máy tính; cung cấp thông tin trực tuyến liên quan đến an ninh máy tính.

---

(111) **4-0167754**
(210) 4-2010-12056
(181) 04.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

OPEZYDOL

(151) 15.07.2011
(220) 04.06.2010

(731) O.P.V. INTERNATIONAL, INC. (US)
40 Central Park South, Suite 12 H, New York, New York 10019, USA.
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên (ANPHAMCO CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc tân dược dùng để chữa bệnh cho người; dược phẩm; dịch truyền và các chế phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0167755**
(210) 4-2007-15905
(181) 15.08.2017
(450) 25.08.2011 281
(540)

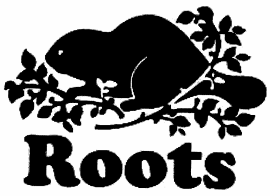

(151) 15.07.2011
(220) 15.08.2007

(531) 3.5.5; 5.3.20
(731) ROOTS CANADA LTD. (CA)
1400 Castlefield Avenue, Toronto, Ontario M6B 4C4, Canada
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 18: Túi đựng hành lý; túi xách tay; ví bằng da để đựng tiền và tài liệu; hộp để chìa khóa bằng da hoặc giả da; túi để chìa khóa bằng da; dây da đeo chìa khóa; ví loại to dùng đựng giấy tờ tài liệu; ví đựng tiền; ví cài danh thiếp bằng da; ví da kẹp giấy tờ; thẻ ghi tên và địa chỉ buộc vào hành lý; túi đeo hông; ba lô đeo vai; ví da đựng hộ chiếu; cặp da để tài liệu; túi sách đi chợ; túi đựng đồ tập yoga; túi đựng máy tính (không đi kèm với máy tính); túi đựng đồ tập thể dục; vali tay kéo; cặp dẹt đựng com lê; hộp đựng bút chì bằng da hoặc giả da; hộp đựng kính đeo mắt (không đi kèm với kính) làm bằng da hoặc giả da; cặp đựng tài liệu; ví da đựng đĩa CD; miếng da lót cốc để bàn; miếng da kẹp lịch để bàn; túi đựng đồ trang điểm (không có đồ trang điểm đi kèm).

Nhóm 25: Đồ đi chân, cụ thể là: giầy, dép lê, giầy cao cổ, giầy chơi gôn; găng tay (trang phục); găng tay hở ngón (trang phục); quần áo dệt kim; khăn quàng cổ; thắt lưng (trang phục); quần áo các loại, cụ thể là: áo thụng, áo sơ mi, áo phông, áo lạnh tay ngắn, tất ngắn, cà vạt, bộ com lê, áo vét, áo choàng ngoài, áo đầm, áo cánh, váy ngắn và quần jean; quần soóc, áo gi-lê, áo len dài tay (áo vệ sinh), áo len chui đầu, áo nịt len (đan tay hoặc dệt kim), áo may ô, quần bơi cho nam giới, quần áo mặc chơi pôlô, quần lót thấm mồ hôi, quần áo ngủ cho nam giới (pyjama), quần lửng chẽn, quần ống rộng có túi hộp dưới chân, áo của bộ quân phục; đồ đội đầu, cụ thể là: mũ có vành và mũ lưỡi trai, mũ vải không vành; cổ tay áo; dải buộc đầu; tất giữ ấm cho cánh tay; tất giữ ấm cho cổ tay.

Nhóm 35: Dịch vụ cửa hàng bán lẻ.

---

(111) **4-0167756**
(210) 4-2010-10053
(181) 12.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 15.07.2011
(220) 12.05.2010

(531) 24.1.1; 2.9.1; 7.1.24; 25.7.20
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (VN)
57 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 35: Mua bán lương thực thực phẩm và công nghệ phẩm, bánh kẹo, nước mắm, nước tương, các loại nước chấm, hàng tươi sống, rượu các loại trên 30 độ, thuốc lá điếu sản xuất trong nước, văn phòng phẩm, sách, văn hóa phẩm, băng viđêô (video), cát-xét (cassette), đĩa nhạc, phim và thẻ nhớ các loại trong ngành ảnh, máy chụp ảnh các loại, máy ghi âm, điện thoại, điện thoại di động, pin các loại, thiết bị sạc pin, bách hóa, đồ dùng gia đình, hàng kim khí điện máy, đồ điện, điện tử, điện lạnh, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng lưu niệm, hàng trang sức - xi mạ, bóp (ví), giày da, đồ chơi trẻ em, hàng may mặc, vải sợi, mỹ phẩm, hóa mỹ phẩm, đồ sành, sứ, thủy tinh, nhựa gia dụng, hương liệu, gia vị, hàng nông lâm thủy hải sản, thức ăn nuôi trồng thủy sản, vật liệu bao bì đóng gói các loại, vật tư, nguyên liệu công nghiệp và nông nghiệp, hóa chất, vật liệu xây dựng, thiết bị vệ sinh, thiết bị và phụ tùng cấp thoát nước, vật liệu trang tri nội thất, sắt thép, phân bón, khí đốt hóa lỏng, xe ô tô, xe gắn máy; đại lý mua bán hàng hóa; ký gửi hàng hóa; siêu thị (dịch vụ mua bán hàng hoá trong siêu thị); cửa hàng dịch vụ bán buôn bán lẻ hàng hoá.

---

(111) **4-0167757**
(210) 4-2010-10054
(181) 12.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

FoodcoMart

(151) 15.07.2011
(220) 12.05.2010

(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (VN)
57 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 35: Mua bán lương thực thực phẩm và công nghệ phẩm, bánh kẹo, nước mắm, nước tương, các loại nước chấm, hàng tươi sống, rượu các loại trên 30 độ, thuốc lá điếu sản xuất trong nước, văn phòng phẩm, sách, văn hóa phẩm, băng viđêô (video), cát-xét (cassette), đĩa nhạc, phim và thẻ nhớ các loại trong ngành ảnh, máy chụp ảnh các loại, máy ghi âm, điện thoại, điện thoại di động, pin các loại, thiết bị sạc pin, bách hóa, đồ dùng gia đình, hàng kim khí điện máy, đồ điện, điện tử, điện lạnh, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng lưu niệm, hàng trang sức - xi mạ, bóp (ví), giày da, đồ chơi trẻ em, hàng may mặc, vải sợi, mỹ phẩm, hóa mỹ phẩm, đồ sành, sứ, thủy tinh, nhựa gia dụng, hương liệu, gia vị, hàng nông lâm thủy hải sản, thức ăn nuôi trồng thủy sản, vật liệu bao bì đóng gói các loại, vật tư, nguyên liệu công nghiệp và nông nghiệp, hóa chất, vật liệu xây dựng, thiết bị vệ sinh, thiết bị và phụ tùng cấp thoát nước, vật liệu trang trí nội thất, sắt thép, phân bón, khí đốt hóa lỏng, xe ô tô, xe gắn máy; đại lý mua bán hàng hóa; ký gửi hàng hóa; siêu thị (dịch vụ mua bán hàng hoá trong siêu thị); cửa hàng dịch vụ bán buôn bán lẻ hàng hoá.

---

(111) **4-0167758**
(210) 4-2010-10055
(181) 12.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 15.07.2011
(220) 12.05.2010

(531) 15.7.1; A17.5.9; A17.5.3
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI CƠ KHÍ PHƯỚC THÀNH (VN)
1271 quốc lộ 1A, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 07: Máy chế biến gỗ cụ thể gồm: máy liên hợp (bào, cưa, khoan, cuốn); máy đánh mộng (tupi); máy lọng (cưa, lọng); máy cắt gỗ; máy tiện gỗ; máy chà nhám.

---

(111) **4-0167759**
(210) 4-2010-10056
(181) 12.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 15.07.2011
(220) 12.05.2010

(531) 25.1.25
(591) Trắng, xanh dương
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DÒNG DI SẢN (VN)
32 Lam Sơn, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 39: Du lịch lữ hành nội địa và quốc tế, vận chuyển hành khách và hàng hoá bằng đường thuỷ; tổ chức các cuộc du lịch.

---

(111) **4-0167760**
(210) 4-2010-10057
(181) 12.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 15.07.2011
(220) 12.05.2010

(531) 26.1.2; A1.1.10; 25.5.2
(591) Trắng, nâu, vàng, kem
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DÒNG DI SẢN (VN)
32 Lam Sơn, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 39: Du lịch lữ hành nội địa và quốc tế, vận chuyển hành khách và hàng hoá bằng đường thuỷ; tổ chức các cuộc du lịch.

---

(111) **4-0167761**
(210) 4-2009-05584
(181) 27.03.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

SUPEROX

(151) 15.07.2011
(220) 27.03.2009

(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CAO HỮU (VN)
Tổ 13, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

(511) Nhóm 03: Chất tẩy rửa.

Nhóm 05: Chất khử trùng (dùng trong chế biến thực phẩm).

---

(111) **4-0167762**
(210) 4-2009-07880
(181) 24.04.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 15.07.2011
(220) 24.04.2009

(531) 1.15.23; A26.11.12; 2.9.4; 6.1.2
(591) Xanh dương, xanh lá cây, đỏ, trắng, vàng
(731) CÔNG TY TNHH KIM HOA (VN)
88/2 Trần Hưng Đạo, khu phố 7, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

(511) Nhóm 35: Mua bán: rượu bia, nước giải khát, thuốc lá.

Nhóm 39: Tổ chức cuộc du lịch, tổ chức chuyến đi bằng tàu thủy trên biển, vận chuyển hành khách, vận tải bằng tàu thủy.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn, nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0167763**
(210) 4-2009-06648
(181) 10.04.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 15.07.2011
(220) 10.04.2009

(531) A7.1.11; 7.1.24
(591) Vàng, đỏ
(731) NGUYỄN VĂN LAM (VN)
Số nhà 58, đường Trần Hưng Đạo, phường Tân Thành, thành phố Ninh Bình

(511) Nhóm 37: Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa bảo dưỡng điện lạnh, đường ống nước, đồ đạc, dụng cụ.

---

(111) **4-0167764**
(210) 4-2009-19542
(181) 15.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 15.07.2011
(220) 15.09.2009

(591) Nâu chocolate, vàng
(731) CÔNG TY TNHH THỜI TRANG VÀ MỸ PHẨM DUY ANH (VN)
Tầng 3 toà nhà Centec, số 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; nước hoa.

Nhóm 09: Mắt kính.

Nhóm 14: Đồng hồ; đồ nữ trang, đồ trang sức.

Nhóm 18: Vali; giả da.

Nhóm 24: Khăn phủ giường; vải; vải lanh.

Nhóm 25: Thắt lưng; quần áo may sẵn; quần áo thể dục; giày.

Nhóm 26: Đồ dùng để thêu.

Nhóm 36: Cho thuê bất động sản.

---

(111) **4-0167765**
(210) 4-2010-08357
(181) 21.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 15.07.2011
(220) 21.04.2010

(531) 8.1.1; 8.1.25; A26.11.12
(591) Vàng nâu, trắng
(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ NGUYỄN THỊ HỒNG HOA (VN)
110 Hoàng Văn Thụ, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 30: Bánh mỳ; bánh ngọt; bánh bao; bánh mỳ mặn; bánh mỳ hamburger.

Nhóm 35: Mua bán bánh mỳ, bánh bao, bánh ngọt, bánh mặn, bánh mỳ hamburger và lương thực thực phẩm.

---

(111) **4-0167766**
(210) 4-2010-08354
(181) 21.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 15.07.2011
(220) 21.04.2010

(531) A25.7.21; 3.7.17; A3.7.24; 1.15.15
(591) Vàng đồng, trắng
(731) CÔNG TY TNHH YẾN NGỌC (VN)
247B Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Luật TNHH Tư vấn Quốc tế (IC)

(511) Nhóm 29: Yến sào (tổ chim yến); yến sào đã qua sơ chế và đóng hộp (tất cả được dùng làm món ăn).

Nhóm 32: Nước yến (đồ uống giải khát, không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0167767**
(210) 4-2010-04450
(181) 10.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

SYTIÊN

(151) 15.07.2011
(220) 10.03.2010

(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHƯỚC THANH (VN)
258/35, tổ 10, KV Thới Long, phường Thới An Đông, quận Bình Thuỷ, thành phố Cần Thơ

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm, cụ thể: kem dưỡng da; sữa tắm; sửa rửa mặt.

---

(111) **4-0167768**
(210) 4-2010-04476
(181) 10.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 15.07.2011
(220) 10.03.2010

(591) Xanh lá cây, đỏ, đen, trắng xám, xanh tím, vàng nhạt, cam nhạt, trắng, hồng nhạt
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH VẬT TƯ VÀ THUỐC THÚ Y (VEMEDIM) (VN)
Số 07, đường 30/4, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

(511) Nhóm 05: Thuốc thú y thủy sản.

Nhóm 31: Thức ăn gia súc.

(111) **4-0167769**
(210) 4-2010-04477
(181) 10.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 15.07.2011
(220) 10.03.2010
(531)
(591) Xanh lá cây, đỏ, đen, trắng xám, xanh tím, vàng nhạt, vàng nâu đậm, vàng cam nhạt, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH VẬT TƯ VÀ THUỐC THÚ Y (VEMEDIM) (VN)
Số 07, đường 30/4, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

(511) Nhóm 05: Thuốc thú y thủy sản.

Nhóm 31: Thức ăn gia súc.

---

(111) **4-0167770**
(210) 4-2010-04652
(181) 11.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

RUBBERCARE

(151) 15.07.2011
(220) 11.03.2010
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - XUẤT NHẬP KHẨU ĐỨC THÀNH (VN)
Số 785-787 Cách Mạng Tháng Tám, phường 3, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật (chất diệt động vật có hại, chất diệt nấm, chất diệt cỏ).

---

(111) **4-0167771**
(210) 4-2010-04653
(181) 11.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

PROCHESS

(151) 15.07.2011
(220) 11.03.2010
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - XUẤT NHẬP KHẨU ĐỨC THÀNH (VN)
Số 785-787 Cách Mạng Tháng Tám, phường 3, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật (chất diệt động vật có hại, chất diệt nấm, chất diệt cỏ).

---

(111) **4-0167772**
(210) 4-2010-04654
(181) 11.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

HOPTRIBORON

(151) 15.07.2011
(220) 11.03.2010

(731) CÔNG TY TNHH HOÁ NÔNG HỢP TRÍ (VN)
Lô B14, khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 01: Phân bón; chế phẩm làm màu mỡ đất.

---

(111) **4-0167773**
(210) 4-2010-04655
(181) 11.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

HOPTRIBON

(151) 15.07.2011
(220) 11.03.2010

(731) CÔNG TY TNHH HOÁ NÔNG HỢP TRÍ (VN)
Lô B14, khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 01: Phân bón; chế phẩm làm màu mỡ đất.

---

(111) **4-0167774**
(210) 4-2010-04656
(181) 11.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

HOP TRI HK

(151) 15.07.2011
(220) 11.03.2010

(731) CÔNG TY TNHH HOÁ NÔNG HỢP TRÍ (VN)
Lô B14, khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 01: Phân bón; chế phẩm làm màu mỡ đất.

(111) **4-0167775**
(210) 4-2010-08375
(181) 21.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 15.07.2011
(220) 21.04.2010

(531) 26.1.1; 26.4.4
(591) Trắng, đỏ, xanh nước biển, xanh nước biển đậm
(731) CÔNG TY TNHH NƯỚC GIẢI KHÁT VẠN XUÂN (VN)
Phú Nhi, Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 30: Đá tinh khiết (để ăn), nước đá, nước trà đóng chai, kem lạnh, cà phê, chè, cacao, đường, gạo, bột sắn, chất thay thế cà phê, sôcôla sữa.

Nhóm 32: Bia, nước uống giải nhiệt đóng chai, nước suối (đồ uống), nước khoáng (đồ uống), nước có ga (đồ uống), nước ép hoa quả, nước trái cây lên men, đồ uống ngọt (không có rượu), xi rô (đồ uống), các chất cô đặc và bột để làm đồ uống, nước tăng lực (không dùng cho mục đích y tế), nước giải khát có hương vị, nước uống dùng cho thể thao và các chế phẩm dùng để sản xuất các loại đồ uống.

Nhóm 33: Rượu vang, rượu mạnh, rượu mùi.

Nhóm 35: Mua bán, xuất nhập khẩu, quảng cáo đá tinh khiết (để ăn), nước đá, nước trà đóng chai, kem, cà phê, chè, cacao, đường, gạo, bột sắn, chất thay thế cà phê, sôcôla sữa, sản phẩm với sôcôla và sữa, bia, nước uống giải nhiệt đóng chai, nước suối, nước khoáng và nước có ga, các loại đồ uống, nước ép hoa quả, nước trái cây lên men, đồ uống ngọt không có rượu, xi rô, các chất cô đặc và bột để làm đồ uống, nước tăng lực, nước giải khát có hương vị, nước dùng cho thể thao và các chế phẩm dùng để sản xuất các loại đồ uống, rượu vang, các loại rượu mạnh, rượu mùi.

Nhóm 39: Vận tải hàng hoá, vận chuyển khách bằng ô tô, cho thuê ô tô.

---

(111) **4-0167776**
(210) 4-2010-12055
(181) 04.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

OPETAMEX

(151) 15.07.2011
(220) 04.06.2010

(731) O.P.V. INTERNATIONAL, INC. (US)
40 Central Park South, Suite 12 H, New York, New York 10019, USA.
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên (ANPHAMCO CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc tân dược dùng để chữa bệnh cho người; dược phẩm; dịch truyền và các chế phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0167777**
(210) 4-2010-11261
(181) 26.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 15.07.2011
(220) 26.05.2010

(531) 3.2.7; 3.2.15
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN QUỲNH LAM (VN)
42/12 Nguyễn Minh Hoàng, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 07: Máy cưa; máy cắt cỏ; máy phun thuốc trừ sâu; máy phát điện; động cơ (không dùng cho các phương tiện giao thông trên bộ).

Nhóm 35: Mua bán, xuất nhập khẩu các sản phẩm: máy cưa, máy cắt cỏ, máy phun thuốc trừ sâu, máy phát điện, động cơ nổ và các phụ tùng của chúng.

Nhóm 37: Lắp đặt, bảo dưỡng và sửa chữa: máy cưa, máy cắt cỏ, máy phun thuốc trừ sâu, máy phát điện, động cơ các loại.

---

(111) **4-0167778**
(210) 4-2010-11262
(181) 26.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 15.07.2011
(220) 26.05.2010

(531) 26.1.5
(591) Trắng, xanh dương, đỏ
(731) SAMKOOK INDUSTRIAL CO., LTD. (KR)
263-5, Gajwa3-Dong, Seo-gu, Incheon, Korea
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 07: Lõi quấn ống mềm; lõi quấn cáp; lõi quấn ống mềm dẫn khí; lõi quấn ống nước; lõi quấn ống xi phông; lõi quấn ống mềm dẫn dầu/dầu nhờn; lõi quấn ống mềm dẫn ga; lõi quấn ống mềm xả khí; lõi quấn ống mềm thuỷ lực; lõi quấn dây hàn; tất cả đều là bộ phận của máy.

(111) **4-0167779**
(210) 4-2006-19384
(181) 10.11.2016
(450) 25.08.2011 281
(540)

KELLY MOORE

(151) 15.07.2011
(220) 10.11.2006

(731) KELLY - MOORE PAINT COMPANY, INC. (US)
987 Commercial Street, San Carlos, California 94070, United States of America
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 02: Sơn nội thất và ngoại thất; dung môi pha loãng sơn; chất tạo màu cho sơn; lớp men sơn latex dùng cho bề mặt: kim loại, gỗ, bê tông dùng cho nội thất và ngoại thất; phẩm màu nội thất dùng cho bề mặt: gỗ, công trình nề, bê tông và kim loại; sơn lót và sơn phủ bịt kín dùng cho bề mặt: tường khô, vữa, công trình nề; sơn không bóng có thành phần axit acrylic và sơn tạo nhũ nhẹ có thành phần axit acrylic dùng cho gỗ, kim loại, ván cứng, vữa, gạch, bê tông và ván xơ ép (dùng trong xây dựng) dùng cho ngoại thất.

---

(111) **4-0167780**
(210) 4-2006-03890
(181) 20.03.2016
(450) 25.08.2011 281
(540)

DITINOL

(151) 15.07.2011
(220) 20.03.2006

(731) BRAWN LABORATORIES LTD. (IN)
4/4B, Asaf Ali Road, IInd Floor, Old Delhi Stock Exchange Bldg., New Delhi - 110002

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167781**
(210) 4-2010-08670
(181) 26.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

KUNG FU PANDA: THE KABOOM OF DOOM

(151) 15.07.2011
(220) 26.04.2010

(731) DREAMWORKS ANIMATION L.L.C. (US)
1000 Flower Street, Glendale, California 91201, United States of America
(740) Công ty Luật TNHH V.N.I.P (V.N.I.P LAW FIRM)

(511) Nhóm 09: Băng trò chơi máy vi tính; băng cát-xét trò chơi máy vi tính; băng trò chơi máy vi tính; băng trò chơi vi-đê-ô; băng cát-xét trò chơi vi-đê-ô; băng cát-xét ghi âm sẵn

để phát nhạc và hình ảnh động; băng cát xét ghi hình sẵn để phát các hình ảnh động; băng trò chơi ghi âm sẵn để phát nhạc và hình ảnh động; băng hình ghi sẵn phát hình ảnh hoạt hình động; đĩa DVD ghi sẵn để phát hình ảnh động; đĩa CD ghi sẵn để phát nhạc và hình ảnh động; phần mềm đa phương tiện ghi âm sẵn trên CD ROM về nhạc, phát nhạc có hình ảnh hoạt hình động; các đĩa DVD ghi âm sẵn để phát nhạc và hình ảnh động; chương trình phần mềm máy vi tính đã ghi sẵn dùng để phát nhạc và hình ảnh động; chương trình phần mềm tương tác đa phương tiện chứa các hình ảnh động dùng cho việc giải trí; phần mềm tương tác đa phương tiện dùng để chơi trò chơi; nam châm, kính râm.

Nhóm 28: Đồ chơi các nhân vật hành động và các bộ phận của chúng; đồ chơi trong bồn tắm; các loại diều; đồ chơi xếp nhà; trò chơi dùng bảng; mặt nạ hóa trang; thiết bị cầm tay dùng chơi trò chơi điện tử (không dùng cho ti vi); các loại xe cộ đồ chơi loại nhỏ được đúc theo khuôn; búp bê; các đồ dùng của búp bê; quần áo cho búp bê; búp bê được nhồi bằng các vật liệu khác nhau; đồ chơi có thể uốn cong được; đĩa bay (đồ chơi); đồ chơi làm bằng nhựa vinyl có thể thổi phồng lên được; trò chơi chắp hình; viên bi nhỏ bằng thủy tinh (đồ chơi); nón lễ hội bằng giấy (đồ chơi); đồ chơi làm bằng vải lông, con rối cầm tay; các đồ chơi có thế cưỡi lên được, ván trượt; bóng bay; pa tanh, các ống tiết kiệm dạng đồ chơi; đồ chơi phun nước; đồ chơi được nhồi bông; đồ chơi xe cộ; đồ trang hoàng cây noel (ngoại trừ đồ vật chiếu sáng và bánh kẹo); máy bắn đạn (đồ chơi), bộ đồ chơi mô hình lắp ráp thủ công; quân bài.

---

(111) **4-0167782**
(210) 4-2010-08598
(181) 22.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

DROTACOLIC

(151) 15.07.2011
(220) 22.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE (VN)
6A3 quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0167783**
(210) 4-2010-08599
(181) 22.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

FOSTERVITA

(151) 15.07.2011
(220) 22.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE (VN)
6A3 quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0167784**
(210) 4-2010-08591
(181) 22.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

MAXXHAIR

(151) 15.07.2011
(220) 22.04.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN Y DƯỢC QUỐC TẾ (VN)
B18-19 khu B Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167785**
(210) 4-2010-08592
(181) 22.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

KUDAZYL

(151) 15.07.2011
(220) 22.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIAN (VN)
Số 4 B3, tập thể Z179, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167786**
(210) 4-2010-08593
(181) 22.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

KENZUDA

(151) 15.07.2011
(220) 22.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIAN (VN)
Số 4 B3, tập thể Z179, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167787**
(210) 4-2010-08594
(181) 22.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

KUDROW

(151) 15.07.2011
(220) 22.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIAN (VN)
Số 4 B3, tập thể Z179, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167788**
(210) 4-2010-08595
(181) 22.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

FACEPTOR

(151) 15.07.2011
(220) 22.04.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHỆ SINH HỌC DƯỢC NA NO GEN (VN)
Lô I - 5C khu Công Nghệ Cao, phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167789**
(210) 4-2010-08596
(181) 22.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

FIBRICIN

(151) 15.07.2011
(220) 22.04.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHỆ SINH HỌC DƯỢC NA NO GEN (VN)
Lô I - 5C khu công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167790**
(210) 4-2010-08651
(181) 26.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ATORFLEX

(151) 15.07.2011
(220) 26.04.2010

(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI ĐẠI NIÊN CÁT (VN)
74/6 Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược; thú y.

---

(111) **4-0167791**
(210) 4-2010-08653
(181) 26.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

PELLCLOP

(151) 15.07.2011
(220) 26.04.2010

(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI ĐẠI NIÊN CÁT (VN)
74/6 Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược; thú y.

(111) **4-0167792**
(210) 4-2010-08656
(181) 26.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

PELLFENA

(151) 15.07.2011
(220) 26.04.2010

(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI ĐẠI NIÊN CÁT (VN)
74/6 Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược; thú y.

---

(111) **4-0167793**
(210) 4-2010-08737
(181) 26.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

NINE WEST

(151) 15.07.2011
(220) 26.04.2010

(731) NINE WEST DEVELOPMENT CORPORATION (US)
1007 Orange Street, Suite 225, Wilmington, Delaware 19801, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 03: Nước hoa, nước hoa có nồng độ nhẹ (eau de toilette), nước hoa côlôn (cologne), nước hoa (nước thơm) dạng xịt, xà phòng, chế phẩm mỹ phẩm làm sạch da, nước thơm xức da và kem thoa da, chế phẩm mỹ phẩm giữ ẩm cho da, nước xức và dầu bôi tạo làn da rám nắng; sản phẩm mỹ phẩm, cụ thể là, phấn thoa mặt và cơ thể, kem nền, sản phẩm bôi (dính) trên da tạo sự lấp lánh trên cơ thể (body glitter), sản phẩm bôi (dính) trên da mặt tạo sự lấp lánh trên mặt (face glitter), son môi, chì kẻ môi, phấn đánh má hồng, mỹ phẩm bôi mí mắt, kem thoa vùng da quanh mắt, chì kẻ mắt, thuốc bôi mi mắt (mascara) và bút chì kẻ lông mày; dung môi, nước xức và kem làm sạch dùng cho giày dép, bao gồm cả các chế phẩm đánh bóng giày và giày bốt.

---

(111) **4-0167794**
(210) 4-2010-08614
(181) 22.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

AKUROSE

(151) 15.07.2011
(220) 22.04.2010

(731) AKUMS DRUGS & PHARMACEUTICALS LTD (IN)
304, Mohan Place, L.S.C Block - C, Saraswati Vihar, New Delhi-110034, India
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167795**
(210) 4-2010-08672
(181) 26.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

NUTRACA

(151) 15.07.2011
(220) 26.04.2010

(731) CÔNG TY PHƯỚC AN (TNHH) (VN)
Quốc lộ 38, phố Ba Huyện, Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

(511) Nhóm 32: Nước (nước uống); nước ép trái cây (nước uống).

---

(111) **4-0167796**
(210) 4-2010-10019
(181) 12.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 15.07.2011
(220) 12.05.2010

(531) 26.4.2
(591) Đỏ, trắng
(731) PHÒNG KHÁM NHA KHOA VIỆT MỸ (VN)
Số 14/2 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 44: Phòng khám nha khoa.

---

(111) **4-0167797**
(210) 4-2010-11260
(181) 26.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 15.07.2011
(220) 26.05.2010

(531) 26.4.4
(731) HJC CORP. (KR)
54-2 Seo-ri, Idong-myeon, Cheoin-gu, Yongin-si, Gyeonggi-do 449-834, Republic of Korea
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Mũ bảo hiểm dùng cho người đi xe máy; mũ bảo hiểm dùng cho người đi xe đạp; và mũ bảo hiểm dùng cho người đi xe chạy bằng máy trên tuyết và băng.

---

(111) **4-0167798**
(210) 4-2010-08640
(181) 22.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

SAMMY

(151) 15.07.2011
(220) 22.04.2010

(731) CÔNG TY TNHH MỸ PHẨM SAMMY (VN)
C21- Trần Văn Ơn, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm, nước hoa, dầu gội đầu, sữa tắm, sữa rửa mặt, xà phòng.

---

(111) **4-0167799**
(210) 4-2010-08641
(181) 22.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

SUPERSILK

(151) 15.07.2011
(220) 22.04.2010

(731) CÔNG TY TNHH MỸ PHẨM SAMMY (VN)
C21-Trần Văn Ơn, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm, nước hoa, dầu gội đầu, sữa tắm, sữa rửa mặt, xà phòng.

---

(111) **4-0167800**
(210) 4-2010-08642
(181) 22.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

OVELEM

(151) 15.07.2011
(220) 22.04.2010

(731) CÔNG TY TNHH MỸ PHẨM SAMMY (VN)
C21-Trần Văn Ơn, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm, nước hoa, dầu gội đầu, sữa tắm, sữa rửa mặt, xà phòng.

---

(111) **4-0167801**
(210) 4-2010-07931
(181) 16.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 15.07.2011
(220) 16.04.2010

(531) 26.1.2; A1.5.3
(591) Xanh lá cây, đỏ.
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CẨM HÀ (VN)
Số 210 bis phố Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 44: Khám chữa chuyên khoa và đa khoa.

---

(111) **4-0167802**
(210) 4-2010-06993
(181) 06.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

SPICUMI

(151) 15.07.2011
(220) 06.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NOVALINH (VN)
Số 103, ngõ 175/5, phố Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ PADEMARK (PADEMARK CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng (dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0167803**
(210) 4-2010-07915
(181) 15.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

VAN NIEN FURNITURE

(151) 15.07.2011
(220) 15.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN NIÊN (VN)
Thôn 5, Đoàn Kết, Kim Lan, Gia Lâm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty cổ phần Tư vấn S&B (S&B CONSULTANT., CORP.)

(511) Nhóm 20: Đồ gỗ gia dụng và văn phòng: bàn, ghế, giường, tủ.

Nhóm 35: Mua bán đồ gỗ gia dụng và văn phòng.

---

(111) **4-0167804**
(210) 4-2010-07916
(181) 15.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 15.07.2011
(220) 15.04.2010

(531) A5.1.5
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN NIÊN (VN)
Thôn 5, Đoàn Kết, Kim Lan, Gia Lâm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty cổ phần Tư vấn S&B (S&B CONSULTANT., CORP.)

(511) Nhóm 20: Đồ gỗ gia dụng và văn phòng: bàn, ghế, giường, tủ.

Nhóm 35: Mua bán đồ gỗ gia dụng và văn phòng.

---

(111) **4-0167805**
(210) 4-2010-07917
(181) 15.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

VAN NIEN JSC

(151) 15.07.2011
(220) 15.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN NIÊN (VN)
Thôn 5, Đoàn Kết, Kim Lan, Gia Lâm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty cổ phần Tư vấn S&B (S&B CONSULTANT., CORP.)

(511) Nhóm 20: Đồ gỗ gia dụng và văn phòng: bàn, ghế, giường, tủ.

Nhóm 35: Mua bán đồ gỗ gia dụng và văn phòng.

---

(111) **4-0167806**
(210) 4-2010-06991
(181) 06.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

CompMist

(151) 15.07.2011
(220) 06.04.2010

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THOẠI PHÁT (VN)
38/2 Sương Nguyệt ánh, phường 4, thành phố Tân An, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Ngôi Sao chuyên nghiệp và liên danh (NOVAPRO & ASSOCIATES CO.,LTD.)

(511) Nhóm 10: Thiết bị phục vụ y tế cụ thể: máy xông khí dung.

Nhóm 35: Buôn bán thiết bị phục vụ y tế.

---

(111) **4-0167807**
(210) 4-2010-08336
(181) 20.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 15.07.2011
(220) 20.04.2010

(531) 26.11.1; A26.11.12; 26.13.25
(731) PALMER LUCK LIMITED (HK)
3/F, One Island East, 18 Westlands Road, Island East, Hong Kong.
(740) Công ty Luật TNHH BIZLINK (BIZLINK LAWYERS & CONSULTANTS)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ cung cấp thực phẩm và đồ uống (do nhà hàng thực hiện); dịch vụ cung cấp chỗ nghỉ tạm thời; dịch vụ khách sạn; dịch vụ nhà hàng; dịch vụ quán rượu (bar).

---

(111) **4-0167808**
(210) 4-2010-08590
(181) 22.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

HOBCEF

(151) 15.07.2011
(220) 22.04.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HỒ BẮC (VN)
Lô số 30, tổ 33, cụm 5, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167809**
(210) 4-2010-08577
(181) 22.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

TOCHA

(151) 15.07.2011
(220) 22.04.2010

(731) MILLIMED COMPANY LIMITED (TH)
197/1 Village No. 1, Suksawat Road, Pak Khlong Bang Pla Kod Sub-District, Phra Samut Prakan Province, Thailand
(740) Công ty TNHH Hợp tác, Đầu tư và Phát triển Chung Việt (CHUNG VIET CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc chữa bệnh dùng cho người.

---

(111) **4-0167810**
(210) 4-2010-06950
(181) 06.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

iLiParafê

(151) 15.07.2011
(220) 06.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG (VN)
411 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167811**
(210) 4-2010-06951
(181) 06.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BoxyCodein

(151) 15.07.2011
(220) 06.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG (VN)
411 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167812**
(210) 4-2010-06952
(181) 06.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

LaziCodein

(151) 15.07.2011
(220) 06.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG (VN)
411 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167813**
(210) 4-2010-07154
(181) 08.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 15.07.2011
(220) 08.04.2010

(531) A16.1.16; 26.1.5; 22.1.6
(731) CÔNG TY TNHH H SAO (VN)
Số 225 bis phố Vọng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty cổ phần Tư vấn S&B (S&B CONSULTANT., CORP.)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ giải trí; dịch vụ tổ chức hội nghị hội thảo nhằm mục đích giải trí.

---

(111) **4-0167814**
(210) 4-2010-08428
(181) 21.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 15.07.2011
(220) 21.04.2010

(591) Đen, trắng, xám
(731) UNILEVER N.V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Xà phòng; chế phẩm làm sạch; mỹ phẩm chăm sóc tóc; thuốc nhuộm tóc; thuốc màu để nhuộm tóc; nước xức tóc; chế phẩm để tạo nếp tóc lượn sóng; dầu gội đầu; dầu xả tóc; keo xịt tóc; phấn xoa tóc (mỹ phẩm); mỹ phẩm tạo kiểu dáng cho tóc; keo xịt màu cho tóc (thuộc nhóm này); bọt dùng cho tóc (mỹ phẩm); nước bóng tóc (mỹ phẩm); dầu tóc (mỹ phẩm); mỹ phẩm dưỡng ẩm cho tóc; chất lỏng dùng để trang điểm tóc; dầu xức tóc (mỹ phẩm); chất làm khỏe tóc (không chứa dược chất); kem bôi tóc; chế phẩm dùng để tắm thường và/hoặc tắm vòi hoa sen (không chứa dược chất); chất khử mùi trên cơ thể (dùng cho cá nhân); chất chống chảy mồ hôi (dùng cho cá nhân).

---

(111) **4-0167815**
(210) 4-2010-08048
(181) 16.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 15.07.2011
(220) 16.04.2010

(531) A5.3.13; A5.3.15
(591) Trắng, đen, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TNHH VIỆT - Ý (VN)
Đường DH409, ấp Ông Đông, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
(740) Văn phòng Luật sư A Hoà (AHOA LAW OFFICE)

(511) Nhóm 17: Dây thun khoanh; mút xốp (dùng để sản xuất giày dép).

---

(111) **4-0167816**
(210) 4-2010-07898
(181) 15.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

REMANTADIN

(151) 15.07.2011
(220) 15.04.2010

(731) JOINT STOCK COMPANY "OLAINFARM" (LV)
5, Rupnicu Street, Olaine LV-2114, Latvia
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0167817**
(210) 4-2010-08043
(181) 16.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 15.07.2011
(220) 16.04.2010

(531) 2.3.1; A2.3.2
(591) Đen, trắng, nâu đỏ, xanh
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI D&D VIỆT NAM (VN)
Số nhà 54, ngã tư Nguyên Khê, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 03: Sữa tắm; dầu gội đầu; kem dưỡng da; nước hoa; xà bông; sữa rửa mặt.

Nhóm 05: Thực phẩm chức năng dùng trong ngành y; chất ăn kiêng dùng trong ngành y.

Nhóm 35: Mua bán mỹ phẩm, thực phẩm chức năng; quảng cáo; tổ chức triển lãm với mục đích thương mại hoặc quảng cáo; xuất nhập khẩu; giới thiệu sản phẩm bán đấu giá.

---

(111) **4-0167818**
(210) 4-2010-08575
(181) 22.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BICAMIDE

(151) 15.07.2011
(220) 22.04.2010

(731) HETERO DRUGS LIMITED (IN)
Hetero House, H.No. 8-3-166/7/1, Erragadda, Hyderabad, 500 018, A.P. India
(740) Trung tâm Tư vấn đầu tư và Công nghệ (VIETBID)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167819**
(210) 4-2010-22815
(181) 29.10.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 15.07.2011
(220) 29.10.2010

(531) 5.7.8; A11.3.3; 5.7.3; A11.3.2; 26.11.3; 25.1.15; 25.5.1
(591) Vàng cam, vàng chanh, đen, nhũ vàng, đỏ
(731) TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT (VN)
84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

(511) Nhóm 32: Bia.

---

(111) **4-0167820**
(210) 4-2010-24142
(181) 16.11.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

GP PETROL

(151) 15.07.2011
(220) 16.11.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KHÍ ĐỐT GIA PHÁT (VN)
Số 5, phố Tây Sơn, phường Yết Kiêu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán: gas, thiết bị phụ tùng gas, khí đốt hóa lỏng, bếp gas và phụ tùng thay thế.

Nhóm 39: Chiết nạp gas, chiết nạp khí, chiết nạp nhiên liệu.

---

(111) **4-0167821**
(210) 4-2009-14631
(181) 17.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

ORANGEMULTIPLUSS

(151) 18.07.2011
(220) 17.07.2009

(731) LÊ TUẤN MINH (VN)
Số 613 , đường Trường Chinh, phường Hạ Long, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Bình Minh (SUNRISE IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0167822**
(210) 4-2009-22106
(181) 15.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Sagonap
APPRAISAL
XỨNG TẦM GIÁ TRỊ

(151) 18.07.2011
(220) 15.10.2009

(531) 26.1.1; A26.11.12; 26.11.2
(591) Xanh dương, đỏ, xám
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH THẨM ĐỊNH SÀI GÒN (VN)
14 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 36: Định giá bất động sản.

Nhóm 42: Dịch vụ giám định hàng hóa nhằm mục đích thương mại.

---

(111) **4-0167823**
(210) 4-2009-27869
(181) 23.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

LONG GÀ

LONG GA

(151) 18.07.2011
(220) 23.12.2009

(731) NGUYỄN VĂN LONG (VN)
Phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ AL Nguyên (ALNGUYEN IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống; dịch vụ khách sạn; quán ăn tự phục vụ; quán rượu nhỏ; dịch vụ cho thuê phòng họp, hội nghị.

---

(111) **4-0167824**
(210) 4-2010-07377
(181) 09.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 18.07.2011
(220) 09.04.2010

(531) 26.5.4; A25.7.7
(591) Trắng, đen, vàng
(731) TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM (VN)
25A Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự (BROSS & PARTNERS., JSC)

(511) Nhóm 16: Các sản phẩm giấy photocopy.

---

(111) **4-0167825**
(210) 4-2007-19722
(181) 03.10.2017
(450) 25.08.2011 281
(540)

PICENZA

(151) 18.07.2011
(220) 03.10.2007

(731) CÔNG TY TNHH HOÀNG TỬ (VN)
20 Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Ống bọc (ghen) dùng cho cáp điện; vật nối ống bọc dùng cho cáp điện; công tắc điện; ổ cắm điện; thiết bị ngắt điện tự động; bảng phân phối cung cấp điện; cầu chì; thiết bị bảo vệ chống rò điện; rơ le nhiệt; máng điện (bộ phận dẫn dây điện đến máng đèn) thuộc nhóm này.

Nhóm 11: Máy lọc nước nóng lạnh.

Nhóm 17: Băng dính điện.

(111) **4-0167826**
(210) 4-2008-13211
(181) 20.06.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

AFA - Architecture

(151) 18.07.2011
(220) 20.06.2008

(531) 26.3.23; 26.13.25; 7.3.11; 3.7.17
(591) Đen, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC VÀ NỘI THẤT VIỆT NAM (VN)
157 Nguyễn Tuân, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 42: Tư vấn kiến trúc; kiến trúc, xác nhận giá trị tác phẩm nghệ thuật; thiết lập các bản vẽ mặt bằng xây dựng; thiết kế (trang trí) nội thất; thiết lập bản vẽ (kiểu dáng) công nghiệp; dịch vụ vẽ nghệ thuật tạo hình.

Nhóm 45: Quản lý quyền tác giả.

---

(111) **4-0167827**
(210) 4-2008-20340
(181) 22.09.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

KAMINDA

(151) 18.07.2011
(220) 22.09.2008

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NHẤT NHẤT (VN)
Số 6, Nguyễn Công Hoan, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Thực phẩm chức năng dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0167828**
(210) 4-2008-21032
(181) 30.09.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

GLICRON

(151) 18.07.2011
(220) 30.09.2008

(731) Boston Pharmaceutical Inc. (US)
12241 Sun Grove St, Garden Grove, CA 92840, United States of America
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167829**
(210) 4-2008-27512
(181) 29.12.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 18.07.2011
(220) 29.12.2008

(531) 22.1.1; 2.7.23; 2.7.14
(591) Đen, trắng, xanh lá cây
(731) VIPHARCO (FR)
4, rue Galvani, 91300 Massy - France
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 01: Hoá chất dùng để chẩn đoán xét nghiệm.

---

(111) **4-0167830**
(210) 4-2008-05521
(181) 19.03.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 18.07.2011
(220) 19.03.2008

(531) 4.5.2; 4.5.3; 4.5.5
(591) Đen, trắng, đỏ, vàng, ghi
(731) KOH AH KUAN (MY)
Plo 81, Jalan Cyber 5, Kawasan Perindustrian Senai III, 81400 Senai, Johor Darul Takzim, Malaysia
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 29: Bột sữa hòa tan (không dành cho em bé); rau câu thạch hương trái cây tổng hợp.

Nhóm 30: Cà phê hòa tan; bột ngũ cốc hòa tan; bột ca cao hòa tan; trà chanh hòa tan.

---

(111) **4-0167831**
(210) 4-2008-16857
(181) 07.08.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 18.07.2011
(220) 07.08.2008

(531) 26.4.1; A26.11.12; 25.5.25
(591) Trắng, vàng, tím, xanh lá cây, ghi đậm
(731) PEGASUS SEWING MACHINE MFG. CO., LTD. (JP)
7-2, Sagisu 5-chome, Fukushima-ku, Osaka 553-0002, Japan
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 07: Máy may.

---

(111) **4-0167832**
(210) 4-2008-23090
(181) 27.10.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 18.07.2011
(220) 27.10.2008

(531) 26.2.7; 26.4.1; 26.4.2; A26.11.10
(591) Xanh tím, tím nhạt, hồng, đỏ, xanh nhạt, ghi, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM BÁCH THẢO (VN)
Nhà số 5, ngách 161, ngõ 438, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167833**
(210) 4-2008-23093
(181) 27.10.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 18.07.2011
(220) 27.10.2008

(531) 26.4.2; 26.1.1; A25.7.7; A26.11.10
(591) Đỏ, vàng, xanh lá cây, ghi, đen, trắng.
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM BÁCH THẢO (VN)
Nhà số 5, ngách 161, ngõ 438, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

(111) **4-0167834**
(210) 4-2008-25953
(181) 05.12.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 18.07.2011
(220) 05.12.2008

(531) 25.3.1; A25.3.3
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BG TAXI (VN)
Số 110, ngõ 158 phố Ngọc Hà, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi.

---

(111) **4-0167835**
(210) 4-2010-22146
(181) 20.10.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 18.07.2011
(220) 20.10.2010

(731) CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI FPT (VN)
Tòa nhà 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 35: Mua bán (kinh doanh) máy tính, phần mềm máy tính, điện thoại, điện thoại di động; mua bán (kinh doanh) thiết bị, máy móc, linh phụ kiện của điện thoại, điện thoại di động và máy tính; mua bán (kinh doanh) thiết bị ghi, truyền, tái tạo âm thanh và hình ảnh.

Nhóm 38: Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng điện thoại di động.

---

(111) **4-0167836**
(210) 4-2010-22147
(181) 20.10.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 18.07.2011
(220) 20.10.2010

(731) CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI FPT (VN)
Tòa nhà 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 35: Mua bán (kinh doanh) máy tính, phần mềm máy tính, điện thoại, điện thoại di động; mua bán (kinh doanh) thiết bị, máy móc, linh phụ kiện của điện thoại, điện thoại di động và máy tính; mua bán (kinh doanh) thiết bị ghi, truyền, tái tạo âm thanh và hình ảnh.

Nhóm 38: Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng điện thoại di động.

---

(111) **4-0167837**
(210) 4-2008-06892
(181) 02.04.2018
(300) 07/3528147 02.10.2007 FR
(450) 25.08.2011 281
(540)

ACCOR ADVANTAGE PLUS

(151) 18.07.2011
(220) 02.04.2008

(731) ACCOR (FR)
2 rue de la Mare Neuve 91000 EVRY France
(740) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(511) Nhóm 16: Giấy và các tông (chưa xử lý, bán xử lý hoặc dùng cho mục đích văn phòng); ấn phẩm; vật liệu đóng sách; ảnh chụp; đồ dùng văn phòng (không kể đồ gỗ); chất dính (dùng cho mục đích văn phòng và gia dụng); các (phiếu, thẻ) dành cho khách hàng trung thành làm từ giấy hoặc các tông, thẻ đăng ký làm từ giấy hoặc các tông liên quan đến dịch vụ khách sạn và cung cấp chỗ ở, bao gồm dịch vụ đặt phòng, sử dụng các dịch vụ ưu đãi và dịch vụ cung cấp thực phẩm và đồ uống.

Nhóm 35: Quảng cáo; điều hành thương mại; biện pháp đẩy mạnh bán hàng (cho bên khác); tổ chức hoạt động quảng cáo để bán hàng; phổ biến các thông báo quảng cáo và các tài liệu quảng cáo; phổ biến thông tin và các thông điệp quảng cáo bằng điện thoại, qua thiết bị đầu cuối máy vi tính, qua báo chí và trên internet; tổ chức và điều hành các hoạt động quảng cáo để bán hàng, và/hoặc các hoạt động quảng cáo để tăng lượng khách hàng trung thành; quản lý các chương trình quà tặng để đẩy mạnh bán hàng; quản lý các chương trình dành cho khách hàng trung thành; dịch vụ thông tin thương mại trực tuyến; quản lý hồ sơ khách hàng; tất cả các dịch vụ kể trên để phục vụ việc quản lý khách sạn và cung cấp chỗ ở, bao gồm dịch vụ đặt phòng, sử dụng các dịch vụ ưu đãi và dịch vụ cung cấp thực phẩm và đồ uống.

Nhóm 36: Phát hành séc cho khách du lịch; phát hành quà tặng bằng phiếu (phiếu đã trả tiền, có thể dùng để đổi lấy hàng hóa ở cửa hàng); quản lý sổ sách kế toán có giá trị trong chương trình khách hàng trung thành; dịch vụ thẻ tín dụng; phát hành và phân phối thẻ, phiếu đã trả tiền hoặc bất kỳ phương tiện thanh toán hoặc trao đổi nào; thông tin và tư vấn liên quan đến các vấn đề tài chính, quản lý việc tính toán quà tặng hoặc giảm giá khác.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn và dịch vụ cung cấp thực phẩm và đồ uống; dịch vụ cung cấp chỗ ở tạm thời; khách sạn cạnh đường cho khách có ôtô, nhà hàng ăn uống, quán cà phê tự phục vụ, phòng trà và quán rượu (ngoại trừ cho các câu lạc bộ); nhà nghỉ, dịch vụ

đặt phòng khách sạn dành cho khách du lịch, tư vấn và hướng dẫn (không liên quan đến quản lý kinh doanh) trong lĩnh vực khách sạn và nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0167838**
(210) 4-2008-18689
(181) 01.09.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

COLLOMACK

(151) 18.07.2011
(220) 01.09.2008

(731) WONG YOKE WAH (SG)
407 Sin Ming Avenue, #03-211 Singapore 570407
(740) Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội (AMBYS HANOI)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; chất hóa học dùng cho mục đích y tế; thuốc để chữa trị vết chai ở chân; miếng dán dùng để chữa vết chai ở chân; bút chì chữa mụn cóc dùng trong y tế; chất tẩy uế; kem bôi da dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167839**
(210) 4-2008-20722
(181) 26.09.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 18.07.2011
(220) 26.09.2008

(531) 25.1.15; A25.1.10; 26.1.2; 1.15.5; 26.3.23
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT - BA LAN (VN)
Thôn Tháp Dương, xã Trung Kênh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Sao Việt (VIPATCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 33: Rượu.

---

(111) **4-0167840**
(210) 4-2010-20477
(181) 29.09.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 18.07.2011
(220) 29.09.2010

(531) 26.1.1; 22.1.1; 3.7.7; A3.7.24; 25.1.25; 25.7.25; A26.11.12
(591) Trắng, vàng, xanh lá cây, xanh lá mạ, đỏ
(731) SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, TỈNH SÓC TRĂNG (VN)
Số 08, đường Hùng Vương, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Gạo thơm.

Nhóm 35: Mua bán gạo; xuất nhập khẩu gạo.

---

(111) **4-0167841**
(210) 4-2010-02599
(181) 05.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

VISTRININ

(151) 18.07.2011
(220) 05.02.2010

(731) PHIL-INTERNATIONAL CO.,LTD. (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167842**
(210) 4-2010-02313
(181) 02.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 18.07.2011
(220) 02.02.2010

(531) A5.5.20; 21.1.16; 26.2.1; 26.2.3; 26.1.2
(591) Trắng, xanh nhạt, xanh thậm, vàng, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TAI SUN VIỆT NAM (VN)
8/5 Minh Mạng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; nước hoa; sữa tắm; dầu gội đầu; keo xịt tóc; kem dưỡng da; thuốc đánh răng; xà phòng; chất khử mùi dành cho cá nhân; thuốc nhuộm tóc; hương liệu (tinh dầu); phấn rôm trẻ em; phấn trang điểm; son môi; sơn móng tay; nước súc miệng không dùng cho ngành y; nước rửa chén; chế phẩm để làm sạch; bột giặt.

Nhóm 05: Dược phẩm; dược thảo; chất ăn kiêng dùng trong ngành y; thực phẩm cho trẻ em (thực phẩm chức năng); thực phẩm chức năng cho ngành y; băng vệ sinh phụ nữ; dung dịch vệ sinh cá nhân chứa thuốc.

Nhóm 11: Thiết bị để chiếu sáng, sưởi nóng, nấu nướng, làm lạnh, sấy khô, thông gió, phân phối nước và thiết bị vệ sinh gồm: máy xử lý nước; thiết bị điều hòa không khí; bếp ga; bồn tắm; bệ xí nhà vệ sinh, bồn tiểu nam; chậu rửa (thiết bị vệ sinh); chảo rán dùng điện; nồi cơm điện; đèn điện; máy hút mùi dùng cho nhà bếp; quạt gió (điều hoà không khí); bình nước nóng cho nhà tắm; lò vi sóng (thiết bị nấu ăn); tủ lạnh; vòi hoa sen.

Nhóm 14: Các sản phẩm làm từ kim loại quí hoặc bọc bằng kim loại này mà không được xếp ở các nhóm khác gồm: đồ trang sức; đồ kim hoàn, đá quý; dụng cụ đo thời gian (đồng hồ); dây đeo đồng hồ.

Nhóm 16: Bỉm (tã lót) trẻ em bằng giấy; khăn lau bằng giấy; tã giấy người già; giấy vệ sinh; đồ dùng văn phòng (không kể đồ gỗ); túi (phong bì, bao nhỏ) bằng giấy hoặc chất dẻo dùng để gói; ấn phẩm.

Nhóm 20: Đồ gỗ gồm: khung ảnh; bàn; ghế; giường; tủ; đồ mỹ nghệ bằng gỗ hoặc bằng sáp, thạch cao hoặc chất dẻo (dùng cho mục đích trang trí).

Nhóm 24: Vải và hàng dệt không xếp vào các nhóm khác gồm: khăn trải bàn; chăn bằng vải; vỏ đệm; vỏ gối; khăn trải giường bằng vải; màn ngủ.

Nhóm 25: Bộ đồ lót; quần dài; áo gi lê (trang phục); cà vạt (trang phục), thắt lưng (trang phục); khăn quàng cổ (trang phục); ủng (trang phục); dép (trang phục); quần áo; bít tất (trang phục); mũ (trang phục); váy (trang phục); áo mưa (trang phục).

Nhóm 30: Cà phê; chè (trà); ca cao; đường; gạo; bánh mì; mứt kẹo; kem lạnh; mật ong; men (bột nở); tương hạt cải; sản phẩm làm từ bột (miến); bột mì; nước sốt dùng cho sa lát; thực phẩm ăn nhanh làm từ ngũ cốc; hạt tiêu; gia vị thập cẩm; tương ớt (gia vị); muối nấu ăn; mì sợi.

Nhóm 32: Bia; nước khoáng (đồ uống); nước uống có ga (đồ uống không có cồn); đồ uống hoa quả không có cồn; xi-rô (đồ uống); nước sô đa.

Nhóm 33: Đồ uống có cồn (trừ bia); đồ uống có cồn chứa hoa quả; nước ép trái cây có cồn; rượu mạnh (đồ uống); rượu khai vị; rượu cốc-tai có chứa cồn.

Nhóm 35: Quảng cáo; mua, bán hàng hoá trong siêu thị (tất cả các sản phẩm trong các nhóm kể trên: 03, 05, 11, 14, 16, 20, 24, 25, 30, 32, 33); xuất nhập khẩu; dịch vụ khảo sát thị trường; bán đấu giá; dịch vụ giới thiệu sản phẩm; dịch vụ thông tin về thương mại; tư vấn trong tổ chức điều hành kinh doanh.

Nhóm 36: Bảo hiểm; hoạt động ngân hàng; dịch vụ cầm đồ; hãng bất động sản; môi giới chứng khoán và kỳ phiếu; dịch vụ bảo lãnh.

Nhóm 39: Vận tải; du lịch (lữ hành nội địa và quốc tế); cho thuê xe cộ; cho thuê kho hàng; cho thuê bãi đỗ xe; bao gói hàng hoá.

Nhóm 40: Dịch vụ in ấn; sản xuất bao bì (theo yêu cầu của người khác).

Nhóm 41: Giáo dục; tổ chức điều khiển hội nghị hội thảo; vũ trường; tổ chức các buổi trình diễn ca nhạc; tổ chức các buổi trình diễn thời trang; dịch vụ karaoke.

Nhóm 43: Dịch vụ nhà nghỉ (chỗ ở tạm thời); dịch vụ nhà hàng ăn uống; quán ăn tự phục vụ; quán rượu nhỏ; dịch vụ khách sạn; quán cà phê tự phục vụ.

Nhóm 44: Thẩm mỹ viện; phòng cắt tóc; dịch vụ xoa bóp (mát-sa); dịch vụ trang điểm; dịch vụ chăm sóc sức khoẻ (bệnh viện); dịch vụ tắm hơi.

---

(111) **4-0167843**
(210) 4-2010-01998
(181) 29.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 18.07.2011
(220) 29.01.2010

(531) 5.7.17
(591) Đỏ , vàng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM HỒNG HẠNH (VN)
Số 25, đường Hưng Thịnh, Chùa Tổng, xã La Phù, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 29: Thạch rau câu; thạch hoa quả.

---

(111) **4-0167844**
(210) 4-2010-02733
(181) 08.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

THÀNH TRƯỜNG LỘC

(151) 18.07.2011
(220) 08.02.2010

(731) CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THÀNH TRƯỜNG LỘC (VN)
387 (lầu 2) Võ Văn Tần, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, máy móc thiết bị phụ tùng cho ngành xây dựng, hàng tiểu thủ công nghiệp; dịch vụ quảng cáo.

Nhóm 36: Cho thuê căn hộ; môi giới bất động sản; đánh giá bất động sản; cho thuê bất động sản; mua bán bất động sản.

Nhóm 37: Xây dựng, xây dựng cầu đường, xây dựng thủy lợi, xây dựng đường ống cấp thoát nước, xây dựng công nghiệp, xây dựng mạng lưới điện dưới 35kv.

Nhóm 39: Du lịch trong nước và ngoài nước.

Nhóm 40: Dịch vụ in ấn.

Nhóm 41: Tư vấn du học; đào tạo dạy nghề, đào tạo quản trị doanh nghiệp.

---

(111) **4-0167845**
(210) 4-2010-02242
(181) 01.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 18.07.2011
(220) 01.02.2010

(531) 5.7.21; A5.5.22
(591) Trắng, xanh dương, xanh lá cây, đỏ.
(731) HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP PHÚ LỘC (VN)
ấp 06, xã Phú Lộc, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 31: Trái măng cầu tươi.

---

(111) **4-0167846**
(210) 4-2010-03420
(181) 24.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

TANGLED

(151) 18.07.2011
(220) 24.02.2010

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 09: Thiết bị ghi, truyền và tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh; vật mang dữ kiện từ tính, đĩa ghi; máy tính, thiết bị xử lý các dữ kiện; máy ghi âm cát xét; đài cát xét; băng cát xét; đĩa ghi âm; máy thu âm và ghi hình; loa; ống nhòm (quang học); máy tính cầm tay; máy quay viđiô xách tay có kèm theo bộ phận ghi hình; máy chụp ảnh; ổ CD-ROMs; ổ đĩa CD-ROM (là một bộ phận của máy vi tính); ổ ghi CD-ROMs (là một bộ phận của máy vi tính); điện thoại cầm tay; phụ tùng của điện thoại cầm tay cụ thể là bộ nạp pin; hộp điện thoại cầm tay; thiết bị ghi âm nhạc có chứa vi mạch điện tử; tấm màn hình của điện thoại cầm tay; đầu đĩa com-pắc; đầu ghi đĩa com-pắc; đĩa com-pắc; chương trình trò chơi trên máy vi tính; đầu máy và đĩa dùng cho trò chơi điện tử trên máy vi tính; máy vi tính; phần cứng máy vi tính; bàn phím máy vi tính; màn hình máy vi tính; chuột máy vi tính; ổ đĩa máy vi tính; phần mềm máy vi tính; điện thoại kéo dài; nam châm dùng cho mục đích trang trí; máy ảnh kỹ thuật số; đầu đĩa và máy ghi âm kỹ thuật số; đĩa DVD; máy chạy đĩa DVD; máy ghi đĩa DVDs; đĩa kỹ thuật số đa chức năng; đĩa viđiô kỹ thuật số; máy điện tử ghi dữ liệu cá nhân; hộp đựng kính mắt; kính mắt; tai nghe; máy hát karaoke; micrô; đầu đĩa MP3; bộ điều biến (là một bộ phận của máy vi tính); miếng đệm lót chuột máy vi tính; phim điện ảnh; thiết bị ghi âm nhạc; máy nhắn tin; máy stereo cá nhân; máy trợ giúp cá nhân dùng kỹ thuật số (máy tính cầm tay); máy in dùng với máy vi tính; máy thu thanh; kính râm; điện thoại; ti vi; máy quay phim; máy ghi hình viđiô; đầu máy viđiô; đầu máy dùng cho trò chơi điện tử bằng viđiô; đĩa dùng cho trò chơi điện tử bằng viđiô; băng từ viđiô; máy điện thoại truyền hình; thiết bị

ghi hình; điện đài xách tay; miếng đệm cổ tay và cánh tay hỗ trợ khi sử dụng máy vi tính.

---

(111) **4-0167847**
(210) 4-2010-03422
(181) 24.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

TANGLED

(151) 18.07.2011
(220) 24.02.2010

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 14: Kim loại quý và các hợp kim của chúng; đồ trang sức (đồ kim hoàn); đá quý; dụng cụ đo thời gian; đồng hồ báo thức; nơ cài cổ gắn ghim trang sức có đầu mút làm bằng kim loại quý; vòng đeo tay (đồ nữ trang); tượng bán thân bằng kim loại quý; đồ nữ trang nhỏ; đồng hồ; hoa tai; đồ nữ trang; hộp đựng nữ trang bằng kim loại quý; dây chuyền (đồ trang sức); vòng đeo chìa khoá bằng kim loại quý; ghim cài ve áo; dây chuyền đeo cổ; chuỗi hạt (đồ trang sức); ghim cài nơ cài cổ; đồng tiền xu; cái kẹp dùng làm đồ trang sức; mặt dây chuyền; nhẫn (đồ trang sức); khoá trượt dùng với các nơ cài cổ (đồ trang sức); đồng hồ bấm giờ; cái kẹp cavát; cài ca vát; mũ ghim (đồ trang sức); đồng hồ treo tường; dây đeo đồng hồ; hộp đồng hồ; dây đồng hồ kiểu xích; dây đồng hồ đeo tay; đồng hồ quả quýt; nhẫn cưới, đồng hồ đeo tay.

---

(111) **4-0167848**
(210) 4-2010-03423
(181) 24.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

TANGLED

(151) 18.07.2011
(220) 24.02.2010

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 18: Da và giả da; da động vật; da sống chưa thuộc; rương (hòm, va li) và túi du lịch; lọng và gậy chống; roi và yên cương; túi xách dùng cho mục đích thể thao; túi xách dành cho vận động viên; ba lô đeo sau lưng trẻ em; ba lô đeo sau lưng; túi đựng đồ đi biển; cặp sách; hộp đựng thẻ điện thoại; ví đựng tiền lẻ; ví đựng tiền xu; túi đựng tã trẻ em làm bằng da và giả da; túi vải buộc dây để mang đồ trang bị cắm trại; túi đựng đồ vệ sinh phụ nữ làm bằng da và giả da; túi đựng đồ tập thể dục; túi xách tay; ba lô; hộp đựng chìa khoá bằng da và giả da; dây đeo chìa khoá bằng da; túi đựng son bằng da hoặc giả

da; túi đựng hành lý; thẻ gắn theo hành lý làm bằng da và giả da; túi dùng cho các cuộc đi chơi ngắn bằng da và giả da; ví đựng tiền; túi đeo vai học sinh; túi đựng đồ đi mua sắm; túi xách đi chợ; ô; túi đeo ở eo; ví.

---

(111) **4-0167849**
(210) 4-2010-03424
(181) 24.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

TANGLED

(151) 18.07.2011
(220) 24.02.2010

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 16: Giấy, các tông; ấn phẩm; vật liệu để đóng sách; keo dán dùng cho văn phòng hoặc dùng cho gia đình; bút lông; máy chữ và đồ dùng văn phòng (không kể đồ gỗ); đồ dùng giảng dạy và học tập (không kể máy móc dùng cho mục đích trên); sổ địa chỉ; quyển niên giám; miếng dính dán dạng đề can; sổ ghi cuộc hẹn; các ấn phẩm nghệ thuật; bộ dụng cụ vẽ nghệ thuật và vẽ thủ công; vở viết; sách dành cho trẻ em; bút bi; danh thiếp có in hình và thông tin về cầu thủ bóng chày; kẹp sách; vật dùng để đỡ sách được đặt ở cuối dãy các cuốn sách và giữ cho chúng thẳng đứng (đồ dùng văn phòng, không phải là đồ gỗ); thẻ đánh dấu trang sách; sách; đề can để dán lên thanh cản xe; lịch; cột truyện tranh trên báo; thiệp chúc mừng giáng sinh; phấn; bảng phấn; sách bài tập dành cho trẻ em; cái lót cốc làm từ giấy; album đựng tiền kim loại; sách tô màu; bút chì màu; cuốn truyện vui; cột truyện vui trên báo; quyển vé; đề can; đồ trang trí làm bằng giấy; sổ nhật ký; tã giấy dùng một lần cho trẻ em; thước kẻ dùng để vẽ; bảng viết có thể xóa khô; phong bì thư; tẩy; bút dạ; tờ phiếu có tranh, chữ để học cho nhanh; thiếp tặng quà; giấy gói quà; quả địa cầu; thiệp chúc mừng; sổ đăng ký khách trọ trong khách sạn; tạp chí; bản đồ; tập viết ghi nhớ; đất sét dùng để nặn; bản tin; báo; giấy ghi nhớ; vở viết; giấy vở; bức tranh; cờ bằng giấy; món quà nhỏ dùng trong bữa tiệc làm bằng giấy; mũ đội trong bữa tiệc làm bằng giấy; đồ trang trí bánh làm bằng giấy; đồ trang trí bữa tiệc làm bằng giấy; khăn giấy; túi giấy dùng trong các bữa tiệc; cái chặn giấy; nơ gói quà làm từ giấy; cờ bằng giấy dùng để trang trí; miếng lót bàn bằng giấy; khăn trải bàn bằng giấy; cái cắm bút hoặc bút chì; bút chì; gọt bút chì; hộp và túi đựng bút và bút chì; bút; bút máy; tạp chí xuất bản định kỳ; album ảnh; ảnh chụp; bản in khắc ảnh; báo ảnh; nguyên liệu chất dẻo dùng để bao gói (không bao gồm sản phẩm này trong các nhóm khác); ảnh chân dung; bưu thiếp; áp phích; bằng khen; giấy chứng nhận; giấy mời; thực đơn; sách dạy nấu ăn; con dấu cao su; túi đựng bánh sandwich bằng chất dẻo hoặc giấy; thẻ ghi điểm; album tem; văn phòng phẩm; dập ghim; giấy dính văn phòng; danh thiếp; thước kẻ chưa chia khoảng cách; giấy viết; các dụng cụ viết; cái mở thư.

---

(111) **4-0167850**
(210) 4-2010-03425
(181) 24.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

TANGLED

(151) 18.07.2011
(220) 24.02.2010

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 20: Đệm không khí dùng khi cắm trại; cái nôi; giường (làm bằng gỗ hoặc các chất dẻo không thuộc các nhóm khác); ghế dài (đồ gỗ); tủ sách; tủ (đồ gỗ); ghế ngồi; kẹp dùng để giữ và trưng bày tranh ảnh (đồ gỗ); giá treo áo; đồ gỗ để máy tính; khay để bàn phím máy tính; giường cũi cho trẻ con; ghế trường kỷ; miếng vật liệu lấp lánh dùng để trang trí trong nhóm này (đồ nội thất); đồ trang trí có thể di chuyển được (đồ nội thất); bàn học sinh; ống hút nước (ống mút); tấm phù điêu làm bằng đá được cắt và trạm trổ treo trên tường dùng để trang trí (đồ nội thất); bức tượng và bức tượng nhỏ làm từ ngà voi, thạch cao, chất dẻo, sáp hoặc gỗ; cột cờ; ghế để chân; đồ gỗ nội thất; đồ trang trí để gói quà làm từ chất dẻo; quạt tay; gương có cán cầm tay; hộp đựng đồ trang sức không làm bằng kim loại; đồ trang trí nhỏ đi kèm chìa khoá làm bằng vật liệu thuộc nhóm này; đồ gỗ đặt trên cỏ hoặc trong vườn; ghế sofa đôi; giá để báo; đệm; gương; đồ trang trí không dùng cho lễ giáng sinh làm từ ngà voi, thạch cao, chất dẻo, sáp hoặc gỗ; ghế dài có đệm; đồ trang trí bữa tiệc làm từ chất dẻo; cái đôn; khung tranh (ảnh); gối; giá để cây cối làm bằng dây và kim loại; bức phù điêu dùng đề trang trí treo trên tường; cờ làm bằng chất dẻo; bảng tên cài áo làm bằng chất dẻo; bảng đăng ký số xe ô tô có gắn đồ trang trí rẻ tiền làm bằng nhựa; cờ trang trí làm bằng chất dẻo; đồ trang trí bánh bằng chất dẻo; vỏ sò dùng để trang trí; túi ngủ; bàn; tủ đồ chơi; giá để ô; rèm che cửa (cái mành) làm bằng vật liệu thuộc nhóm này chuông gió, thanh treo rèm.

---

(111) **4-0167851**
(210) 4-2010-03426
(181) 24.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

TANGLED

(151) 18.07.2011
(220) 24.02.2010

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 21: Lược và bọt biển; bàn chải (không kể bút lông); vật liệu dùng làm bàn chải; đồ thuỷ tinh, sành, sứ dùng cho mục đích gia dụng và không xếp vào các nhóm khác; găng tay hở ngón dùng để nướng đồ ăn; bộ đồ uống dùng trong gia đình và bếp núc thuộc nhóm này; bộ đựng đồ uống bằng thuỷ tinh dùng trong gia đình và bếp núc thuộc nhóm này; lồng chim; bát; chổi; chảo làm bánh; khuôn làm bánh; khay để làm bánh; giá

cắm nến; dụng cụ để tắt nến; bình đựng nước dùng cho gia đình; tượng nhỏ bằng sứ; miếng lót cốc không làm bằng giấy hoặc vải lanh trải bàn; hộp có thể gập lại dùng cho gia đình; lọ đựng bánh; dụng cụ cắt bánh; cái mở nút chai; tách chén; túi đựng đồ trang trí dùng cho người làm bánh kẹo; pha lê hình lăng kính dùng để trang trí; thuỷ tinh để trang trí; đĩa trang trí; đĩa đựng thức ăn; bức tượng nhỏ bằng sứ, pha lê, đất nung, thuỷ tinh hoặc gốm; chậu hoa; bàn chải tóc; lược chải tóc; bình cách nhiệt; vỏ cầm cách nhiệt của hộp đựng đồ uống; hộp đựng cơm; ca; hộp đựng giấy ăn; vòng đánh dấu khăn ăn không làm bằng kim loại quý; găng tay dùng cho lò nướng; cốc bằng giấy; đĩa giấy; chảo nướng bánh; khay nướng bánh; cốc nhựa; chai đựng nước bằng nhựa; đĩa; đĩa đựng xà phòng; ấm trà không chạy điện; bộ cốc chén; đồ đựng cách nhiệt dùng cho thức ăn và đồ uống; bàn chải đánh răng; khay dùng cho gia đình hoặc bếp núc; giá ba chân làm dụng cụ gia đình hoặc bếp núc; phích; thùng rác.

---

(111) **4-0167852**
(210) 4-2010-03427
(181) 24.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

TANGLED

(151) 18.07.2011
(220) 24.02.2010

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 24: Khăn phủ giường bằng len đan; khăn tắm bằng vải lanh; khăn tắm; chăn trải giường; màn treo trước giường; khăn trải giường bằng vải lanh; khăn phủ giường bằng vải; tấm vải phủ che bao chân giường; khăn trải giường; chăn phủ đồ đạc; vải in hoa; chăn dùng cho trẻ em; cái lót cốc bằng vải; khăn lót bàn ăn bằng vải; cờ bằng vải; cờ trang trí bằng vải; khăn phủ giường có hai lớp và nhồi bông ở giữa; vải lót nôi trẻ em; rèm cửa bằng vải; cờ bằng sợi; cờ trang trí bằng nỉ; khăn dùng khi chơi gôn; khăn lau tay và mặt bằng vải; khăn tay bằng vải; khăn tắm có mũ trùm đầu; khăn lau dùng cho mục đích gia đình làm bằng vải lanh; khăn bằng vải; găng tay vệ sinh (làm bằng vải); áo gối; khăn phủ gối; khăn lót để cầm nồi; mền bông; chăn nhẹ để quấn trẻ sơ sinh sau khi tắm; chăn bằng lụa; khăn trải bàn bằng vải lanh; khăn ăn bằng vải; khăn bàn cá nhân bằng vải; khăn trải bàn bằng vải; khăn phủ đồ đạc khăn bông; khăn lau chùi bằng vải; chăn len.

---

(111) **4-0167853**
(210) 4-2010-02688
(181) 08.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 18.07.2011
(220) 08.02.2010

(531) A20.1.3; 20.1.17
(731) CÔNG TY TNHH VĂN PHÒNG PHẨM HỮU KIẾN (VN)
ấp 5, xã Bàu Đồn, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

(511) Nhóm 16: Văn phòng phẩm (bìa hồ sơ; kẹp giấy; thước kẻ; bút viết; sách; bưu thiếp).

---

(111) **4-0167854**
(210) 4-2010-02689
(181) 08.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 18.07.2011
(220) 08.02.2010

(531) 2.5.1; A2.5.23
(591) Đỏ, đen, vàng, hồng, trắng
(731) HOE HIN PAK FAH YEOW MANUFACTORY LIMITED (HK)
11/F, 200 Gloucester Road, Wanchai, Hong Kong
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dầu y tế; thuốc chườm y tế và thuốc mỡ y tế; thuốc nhỏ họng; chế phẩm dược; chế phẩm thú y; chế phẩm thảo mộc dùng cho mục đích y tế; chế phẩm vệ sinh, cụ thể là chế phẩm vệ sinh dùng cho mục đích y tế và chế phẩm vệ sinh (dùng để vệ sinh cá nhân không dùng cho mục đích trang điểm); chất ăn kiêng dùng trong ngành y, thực phẩm cho trẻ sơ sinh; cao dán dùng trong ngành y, vật liệu để băng bó; vật liệu để hàn răng và in dấu răng; chất tẩy uế dùng cho mục đích vệ sinh; chế phẩm diệt động vật có hại; thuốc diệt nấm, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0167855**
(210) 4-2010-03128
(181) 11.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 18.07.2011
(220) 11.02.2010

(531) 2.1.8
(731) THE POLO/LAUREN COMPANY, L.P. (US)
650 Madison Avenue, New York, New York 10022, United States of America
(740) Văn phòng Luật sư MINERVAS (MINERVAS)

(511) Nhóm 25: Quần áo trong nhóm này cho nam giới, phụ nữ, trẻ em; đồ đội đầu trong nhóm này, đồ đi chân trong nhóm này.

---

(111) **4-0167856**
(210) 4-2010-03024
(181) 10.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

PORFIDIO

(151) 18.07.2011
(220) 10.02.2010

(731) CONTROLADORA DE MARCAS INTERNACIONALES, S.A. (PA)
Robles y Robles, Calle 50, Edificio Plaza 2000, 19th floor, Panama City, Republic of Panama
(740) Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu (SAO BẮC ĐẨU IP COM.,LTD.)

(511) Nhóm 33: Rượu mạnh được làm từ cây thùa, đồ uống có cồn trừ bia.

---

(111) **4-0167857**
(210) 4-2010-01128
(181) 19.01.2020
(300) 77/796,802 04.08.2009 US
(450) 25.08.2011 281
(540)

GMAT BUSINESS READY

(151) 18.07.2011
(220) 19.01.2010

(731) GRADUATE MANAGEMENT ADMISSION COUNCIL (US)
Suite 1400 1600 Tysons Blvd., McLean, Virginia 22102, USA
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính có thể tải xuống được, cụ thể là một bộ chương trình đào tạo để hỗ trợ cho học viên có kiến thức về công việc liên quan đến kế toán, tài chính, kỹ năng định lượng, và số liệu thống kê trước khi tham gia vào chương trình cử nhân quản trị kinh doanh.

---

(111) **4-0167858**
(210) 4-2010-01129
(181) 19.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 18.07.2011
(220) 19.01.2010

(531) 26.7.25; 24.5.1; 26.4.3; 26.4.10
(731) GUANGDONG XINRUNCHENG CERAMICS CO., LTD (CN)
Taiping Industrial Estate, Xiqiao, Nanhai DISTRICT, Foshan CITY, Guangdong PROVINCE, 528200, P.R. CHINA
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 19: Gạch; gạch lát tường dùng trong xây dựng không bằng kim loại; gạch lát sàn không bằng kim loại; gạch gốm; gạch kính.

---

(111) **4-0167859**
(210) 4-2010-01463
(181) 21.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 18.07.2011
(220) 21.01.2010

(531) A26.11.9; 26.4.4
(731) CÔNG TY TNHH XUÂN LỘC THỌ (VN)
Xóm 4, thôn Giáp Tứ, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 11: Thiết bị và trang bị đi kèm dùng cho mục đích chiếu sáng; thiết bị và trang bị đi kèm dùng cho mục đích nấu nướng; thiết bị và trang bị đi kèm dùng để làm lạnh; thiết bị và trang bị đi kèm dùng để thông gió (điều hoà không khí); thiết bị để phân phối nước; thiết bị và trang bị vệ sinh.

Nhóm 17: Cao su thô hoặc bán thành phẩm; bán thành phẩm nhựa tổng hợp; ống mềm phi kim loại; đầu nối, không bằng kim loại dùng cho ống; vỏ bọc ống, không bằng kim loại, tất cả thuộc nhóm này.

Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại; ống cứng phi kim loại dùng cho xây dựng; van dùng cho ống nước không bằng nhựa và không bằng kim loại; kính xây dựng; khung cửa không bằng kim loại; cửa không bằng kim loại.

---

(111) **4-0167860**
(210) 4-2010-01464
(181) 21.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 18.07.2011
(220) 21.01.2010

(531) 26.4.4; A26.11.9
(731) CÔNG TY TNHH XUÂN LỘC THỌ (VN)
Xóm 4, thôn Giáp Tứ, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 11: Thiết bị và trang bị đi kèm dùng cho mục đích chiếu sáng; thiết bị và trang bị đi kèm dùng cho mục đích nấu nướng; thiết bị và trang bị đi kèm dùng để làm lạnh; thiết bị và trang bị đi kèm dùng để thông gió (điều hoà không khí); thiết bị để phân phối nước; thiết bị và trang bị vệ sinh.

Nhóm 17: Cao su thô hoặc bán thành phẩm; bán thành phẩm nhựa tổng hợp; ống mềm phi kim loại; đầu nối, không bằng kim loại dùng cho ống; vỏ bọc ống, không bằng kim loại, tất cả thuộc nhóm này.

Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại; ống cứng phi kim loại dùng cho xây dựng; van dùng cho ống nước không bằng nhựa và không bằng kim loại; kính xây dựng; khung cửa không bằng kim loại; cửa không bằng kim loại.

---

(111) **4-0167861**
(210) 4-2010-04092
(181) 04.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 18.07.2011
(220) 04.03.2010

(531) A5.5.20; A5.3.15; 26.1.1
(591) Hồng phấn, tím, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI & HÓA CHẤT PHƯƠNG ĐÔNG (VN)
Lô III 3B - đường số 2, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tân Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ PADEMARK (PADEMARK CO.,LTD.)

(511) Nhóm 44: Dịch vụ làm đẹp (thẩm mỹ viện); dịch vụ chăm sóc sức khỏe; dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ; dịch vụ xoa bóp; dịch vụ tắm hơi; dịch vụ liệu pháp vật lý cho thân thể.

---

(111) **4-0167862**
(210) 4-2010-06818
(181) 02.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BOITHU

(151) 18.07.2011
(220) 02.04.2010

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NÔNG PHÁT (VN)
387 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật: thuốc trừ sâu, thuốc trừ rầy, thuốc trừ ốc bươu vàng, thuốc trừ cỏ, thuốc trừ bệnh trên cây trồng.

---

(111) **4-0167863**
(210) 4-2010-06819
(181) 02.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BISMER

(151) 18.07.2011
(220) 02.04.2010

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NÔNG PHÁT (VN)
387 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật: thuốc trừ sâu, thuốc trừ rầy, thuốc trừ ốc bươu vàng, thuốc trừ cỏ, thuốc trừ bệnh trên cây trồng.

---

(111) **4-0167864**
(210) 4-2010-03898
(181) 03.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

NANOCEFXON

(151) 18.07.2011
(220) 03.03.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG (VN)
411 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167865**
(210) 4-2010-03899
(181) 03.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

NANOFUXIM

(151) 18.07.2011
(220) 03.03.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG (VN)
411 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167866**
(210) 4-2010-06051
(181) 25.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 18.07.2011
(220) 25.03.2010

(531) A3.13.4; A3.13.24; 4.5.15; 4.5.14
(731) CÔNG TY TNHH ESCORD VIỆT NAM (VN)
37/1-37/3 phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Trung tâm tư vấn phát triển Thương hiệu và Chất lượng (NATUSI)

(511) Nhóm 18: Túi đựng hành lý, túi xách tay, ô (dù), ba lô, cặp sách học sinh, vali; túi quần áo dùng để đi du lịch, túi đựng tã lót của em bé, túi đeo em bé (trước ngực bà mẹ).

Nhóm 24: Chăn vải mền, bộ đồ vải cho giường (gồm ga phủ và chăn), vỏ dùng cho nệm, khăn trải bàn (không bằng giấy), vải nệm cho trẻ sơ sinh, khăn lau bằng vải, áo gối, khăn ăn bằng vải, rèm cửa.

Nhóm 25: Quần áo, mũ (nón), giày, dép, bít tất ngắn cổ, khăn quàng cổ; tạp dề (quần áo), quần áo cho trẻ sơ sinh, thắt lưng (trang phục).

---

(111) **4-0167867**
(210) 4-2010-06053
(181) 25.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

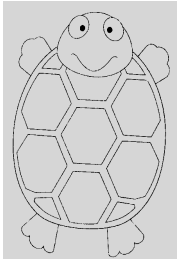

(151) 18.07.2011
(220) 25.03.2010

(531) 3.11.11; A3.11.24
(731) CÔNG TY TNHH ESCORD VIỆT NAM (VN)
37/1-37/3 phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Trung tâm tư vấn phát triển Thương hiệu và Chất lượng (NATUSI)

(511) Nhóm 18: Túi đựng hành lý, túi xách tay, ô (dù), ba lô, cặp sách học sinh, vali; túi quần áo dùng để đi du lịch, túi đựng tã lót của em bé, túi đeo em bé (trước ngực bà mẹ).

Nhóm 24: Chăn vải mền, bộ đồ vải cho giường (gồm ga phủ và chăn), vỏ dùng cho nệm, khăn trải bàn (không bằng giấy), vải nệm cho trẻ sơ sinh, khăn lau bằng vải, áo gối, khăn ăn bằng vải, rèm cửa.

Nhóm 25: Quần áo, mũ (nón), giày, dép, bít tất ngắn cổ, khăn quàng cổ; tạp dề (quần áo), quần áo cho trẻ sơ sinh, thắt lưng (trang phục).

---

(111) **4-0167868**
(210) 4-2010-06503
(181) 31.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 18.07.2011
(220) 31.03.2010

(531) A9.7.21; 2.3.1
(731) NHỮ VĂN VINH (VN)
Số 506 phố Xã Đàn, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua bán mũ bảo hiểm và các phụ kiện như là: quai mũ, lưỡi trai mũ, khoá mũ.

---

(111) **4-0167869**
(210) 4-2010-03428
(181) 24.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

TANGLED

(151) 18.07.2011
(220) 24.02.2010

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 25: Quần áo; giày thể thao; khăn in hoa (trang phục); mũ dùng cho chơi bóng chày; áo choàng dùng đi tắm biển; quần áo tắm biển; thắt lưng (trang phục); yếm (trang phục); áo tắm hai mảnh; áo cộc tay có gắn biểu trưng tổ chức; ủng; nơ cài cổ; áo nịt ngực; mũ lưỡi trai; quần bằng da; yếm bằng vải; áo khoác; áo liền váy; cái che tai giữ ấm; đồ đi chân; găng tay (trang phục); áo sơ mi dùng khi chơi gôn; quần áo mặc trong ngày lễ Ha-lô-oen; mũ nón; dải băng buộc đầu (trang phục); đồ đội đầu (trang phục); hàng dệt kim (cụ thể là quần áo, đồ đi chân, đồ đội đầu); đồ mặc cho trẻ sơ sinh (quần áo, giầy dép mũ nón); áo jắc-két; quần áo bò; áo nịt len; khăn vuông trùm đầu; áo nịt dùng cho diễn viên múa hoặc vận động viên; nịt chân; găng tay hở ngón (trang phục); ca vát; áo ngủ dùng cho nam giới; áo ngủ dùng cho nữ giới; áo khoác mặc ngoài; bộ quần áo pijama; quần dài; quần nịt của phụ nữ; áo cộc tay; áo pon sô; quần áo mưa; áo

choàng; dép săng-đan; khăn quàng cổ; áo sơ mi; giầy; váy ngắn; quần soóc; quần mặc hàng ngày; dép đi trong nhà; trang phục ngủ; tất ngắn; tất dài; áo len dài tay; quần dùng trong khi tập luyện; áo dùng trong khi tập luyện; quần áo bơi; áo sát nách; quần bó, áo phông, quần áo lót; áo gi lê; dải buộc cổ tay (trang phục).

---

(111) **4-0167870**
(210) 4-2010-04057
(181) 04.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 18.07.2011
(220) 04.03.2010

(531) 26.1.2; 26.3.1; 25.1.25
(591) Trắng, xanh.
(731) CÔNG TY TNHH VẬN CHUYỂN KIẾN ĐỎ (VN)
33 Nguyễn Đình Chiểu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 39: Vận chuyển hàng hoá.

---

(111) **4-0167871**
(210) 4-2010-06060
(181) 25.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 18.07.2011
(220) 25.03.2010

(731) MAO BAO INC. (TW)
No.19, Shin Chien Rd., Hu Kou Hsiang, Hsin Chu Hsien, Taiwan
(740) Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội (AMBYS HANOI)

(511) Nhóm 03: Chế phẩm dùng để giặt; chế phẩm tẩy trắng dùng để giặt; chế phẩm làm sạch; nước rửa chén; nước lau sàn nhà; chế phẩm dùng để chăm sóc da (mỹ phẩm); nước xả vải; chất làm sạch bình đựng nước; chất làm sạch máy giặt; nước xịt làm thơm phòng; nước lau kính.

---

(111) **4-0167872**
(210) 4-2010-06061
(181) 25.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Mao Bảo

(151) 18.07.2011
(220) 25.03.2010

(731) MAO BAO INC. (TW)
No.19, Shin Chien Rd., Hu Kou Hsiang, Hsin Chu Hsien, Taiwan
(740) Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội (AMBYS HANOI)

(511) Nhóm 03: Chế phẩm làm sạch máy giặt; nước xịt làm thơm phòng; nước lau kính.

---

(111) **4-0167873**
(210) 4-2010-06684
(181) 02.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

NUCYNTA

(151) 18.07.2011
(220) 02.04.2010

(731) JOHNSON & JOHNSON (US)
One Johnson & Johnson Plaza, New Brunswick, New Jersey, 08933, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược dùng để điều trị rối loạn hệ thống thần kinh trung ương bao gồm cả điều trị chứng đau và chứng mất cảm giác đau.

---

(111) **4-0167874**
(210) 4-2010-05983
(181) 25.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

HO HUYNH KY

(151) 18.07.2011
(220) 25.03.2010

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HỒ HUỲNH KÝ (VN)
270 Tạ Quang Bửu, phường 4, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0167875**
(210) 4-2010-05984
(181) 25.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

HỒ HUỲNH KÝ

(151) 18.07.2011
(220) 25.03.2010

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HỒ HUỲNH KÝ (VN)
270 Tạ Quang Bửu, phường 4, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0167876**
(210) 4-2010-06054
(181) 25.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 18.07.2011
(220) 25.03.2010

(531) 26.3.2; A1.1.10; 1.3.1; 26.1.2
(731) HỘ KINH DOANH PHƯƠNG NAM (VN)
127 Nguyễn Thị Tú, khu phố 3, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Trung tâm tư vấn phát triển Thương hiệu và Chất lượng (NATUSI)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0167877**
(210) 4-2010-06701
(181) 02.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

INNO-ZIDIME

(151) 18.07.2011
(220) 02.04.2010

(731) INNOCIA LIFESCIENCES PVT LTD (IN)
No. 12, Balaji Nagar, Ambattur, Chennai - 600 053. India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0167878**
(210) 4-2010-06702
(181) 02.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

INNO-BACT

(151) 18.07.2011
(220) 02.04.2010

(731) INNOCIA LIFESCIENCES PVT LTD (IN)
No. 12, Balaji Nagar, Ambattur, Chennai - 600 053. India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

(111) **4-0167879**
(210) 4-2010-06703
(181) 02.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

INNO-TAX

(151) 18.07.2011
(220) 02.04.2010

(731) INNOCIA LIFESCIENCES PVT LTD (IN)
No. 12, Balaji Nagar, Ambattur, Chennai - 600 053. India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0167880**
(210) 4-2010-06704
(181) 02.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

INNO-CEFT

(151) 18.07.2011
(220) 02.04.2010

(731) INNOCIA LIFESCIENCES PVT LTD (IN)
No.12, Balaji Nagar, Ambattur, Chennai - 600 053. India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0167881**
(210) 4-2010-00864
(181) 14.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

tania
just for you

(151) 19.07.2011
(220) 14.01.2010

(531) A26.11.12; 5.3.11; A5.3.13; A5.3.15; 26.13.25
(591) Xanh lá cây, da cam
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT MAI NGỌC (VN)
186 Thiên Hộ Dương, phường Hòa Thuận, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

Nhóm 35: Mua bán: mỹ phẩm.

---

(111) **4-0167882**
(210) 4-2010-00928
(181) 15.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

OPTICITE

(151) 19.07.2011
(220) 15.01.2010

(731) THE DOW CHEMICAL COMPANY (US)
Midland, Michigan 48674, United States of America
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 17: Màng nhựa được sử dụng như lớp nền cho nhãn chai và nhãn đồ hộp.

---

(111) **4-0167883**
(210) 4-2010-00860
(181) 14.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Skincap

(151) 19.07.2011
(220) 14.01.2010

(531) A26.11.12; 5.3.11; A5.3.13; A5.3.15
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC NAM THIÊN PHÚC (VN)
Số 64, ngõ Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ PADEMARK (PADEMARK CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167884**
(210) 4-2010-00929
(181) 15.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 19.07.2011
(220) 15.01.2010

(531) 1.15.23; 15.1.13; 21.1.17
(731) JOHNSON & JOHNSON (US)
One Johnson & Johnson Plaza, New Brunswick, New Jersey, 08933 U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm vệ sinh phụ nữ, cụ thể là, băng vệ sinh, băng vệ sinh hàng ngày.

---

(111) **4-0167885**
(210) 4-2010-07255
(181) 09.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

OFOST

(151) 19.07.2011
(220) 09.04.2010

(731) JOINT STOCK COMPANY GRINDEKS (LV)
Krustpils Street 53, Riga, LV-1057, Latvia
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167886**
(210) 4-2010-00964
(181) 15.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BULKY

(151) 19.07.2011
(220) 15.01.2010

(531) 26.1.2; 26.1.5; A5.3.15; A5.3.14
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA NÔNG VIỆT NAM (VN)
Số 8 ngách 1/33 ngõ 1, phố Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc diệt trừ rầy nâu, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ dịch cho thực vật.

---

(111) **4-0167887**
(210) 4-2010-00966
(181) 15.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

PARISA

(151) 19.07.2011
(220) 15.01.2010

(531) 26.1.2; 26.1.5; A5.3.15; A5.3.14
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA NÔNG VIỆT NAM (VN)
Số 8 ngách 1/33 ngõ 1, phố Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc diệt trừ rầy nâu, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ dịch cho thực vật.

---

(111) **4-0167888**
(210) 4-2010-00967
(181) 15.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

NEWDAY

(151) 19.07.2011
(220) 15.01.2010

(531) 26.1.2; 26.1.5; A5.3.15; A5.3.14
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA NÔNG VIỆT NAM (VN)
Số 8 ngách 1/33 ngõ 1, phố Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc diệt trừ rầy nâu, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ dịch cho thực vật.

---

(111) **4-0167889**
(210) 4-2010-00969
(181) 15.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

DIVINE

(151) 19.07.2011
(220) 15.01.2010

(531) 26.1.2; 26.1.5; A5.3.15; A5.3.14
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA NÔNG VIỆT NAM (VN)
Số 8 ngách 1/33 ngõ 1, phố Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ Sâu thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc diệt trừ rầy nâu, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ dịch cho thực vật.

---

(111) **4-0167890**
(210) 4-2010-00888
(181) 14.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

SOPHOCAN

(151) 19.07.2011
(220) 14.01.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC (VN)
1017 Hồng Bàng, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167891**
(210) 4-2010-08174
(181) 19.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

SENSLAC

(151) 19.07.2011
(220) 19.04.2010

(731) PHARMIX CORPORATION (KR)
1304, Garak ID Tower, 99-7, Garak-dong, Songpa-gu, Seoul, Korea.
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm

---

(111) **4-0167892**
(210) 4-2010-09611
(181) 07.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Cảnh Thiền

(151) 19.07.2011
(220) 07.05.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN ĐƯỜNG SINH THÁI VIỆT NAM (VN)
988 Nguyễn Khoái, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 01: Chế phẩm vi khuẩn dùng để gây giấm; chất dính dùng cho gạch bông lát tường; chất tổng hợp để tạo gốm kỹ thuật; phân bón; chất bảo quản xi măng.

Nhóm 02: Sơn.

Nhóm 03: Chất tẩy rửa, xà phòng; kem đánh răng; nước hoa; dầu gội đầu; mỹ phẩm.

Nhóm 35: Mua bán: thực phẩm, thực phẩm chức năng, hóa mỹ phẩm, hàng dệt may, đồ gỗ, mây tre đan, hàng thủ công mỹ nghệ, vật liệu công nghệ cao, hàng nông, lâm, thủy, hải sản, vật liệu xây dựng, vật tư, phụ gia, thiết bị tiết kiệm xăng, tiết kiệm năng lượng, hóa chất, đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa, xuất, nhập khẩu hàng hóa.

Nhóm 37: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, san lấp mặt bằng.

Nhóm 40: Sản xuất, gia công thực phẩm, hóa mỹ phẩm, hàng dệt may, đồ gỗ, mây tre đan, hàng thủ công mỹ nghệ, vật liệu công nghệ cao, hàng nông, lâm, thủy, hải sản, vật liệu xây dựng.

Nhóm 41: Dịch vụ giải trí, tổ chức các trò chơi trên cạn, dưới nước; dịch vụ đào tạo; dịch vụ tổ chức hội thảo chuyên đề.

Nhóm 42: Thiết kế công trình xây dựng; thiết kế nội thất; thiết kế chương trình máy tính; thiết kế trang web.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn, nhà hàng ăn uống (do nhà hàng tự thực hiện), quán rượu, quán ăn nhanh, quán cà phê.

Nhóm 44: Dịch vụ xông hơi, xoa bóp; dịch vụ khám chữa bệnh; dịch vụ chăm sóc sức khỏe; hướng dẫn luyện yôga, khí công nhằm mục đích chữa bệnh; thiết kế tạo dáng vườn hoa và công viên.

---

(111) **4-0167893**
(210) 4-2010-00880
(181) 14.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

SAVIOR

(151) 19.07.2011
(220) 14.01.2010

(731) SYNGENTA PARTICIPATIONS AG (CH)
Schwarzwaldallee 215, CH-4058 Basel, Switzerland
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 31: Hạt, hoa quả tươi, hạt giống, cây và hoa tươi.

---

(111) **4-0167894**
(210) 4-2010-00923
(181) 15.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

SUPVIDAILY

(151) 19.07.2011
(220) 15.01.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG (VN)
102, đường Chi Lăng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc dùng cho con người; thuốc uống dùng trong ngành y; dược phẩm; dược thảo; thực phẩm chức năng dùng trong ngành y; chất ăn kiêng dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0167895**
(210) 4-2010-00924
(181) 15.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 19.07.2011
(220) 15.01.2010

(531) A5.1.5; A5.1.12
(731) ĐÀO THỊ THU HÀ (VN)
Số 10, ngách 42, ngõ 222 Lê Duẩn, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; thuốc nhuộm tóc; hương liệu (tinh dầu); phấn dùng trang điểm; nước thơm (không dùng cho ngành y); chế phẩm để làm sạch.

---

(111) **4-0167896**
(210) 4-2010-00849
(181) 14.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

TABSINO

(151) 19.07.2011
(220) 14.01.2010

(531) A26.11.12; 5.3.11; A5.3.13; A5.3.15
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OSAKA (VN)
Phòng 210, nhà A1, khu tập thể 5 tầng, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167897**
(210) 4-2010-00961
(181) 15.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

SOAZI

(151) 19.07.2011
(220) 15.01.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM DO HA (VN)
Số 30, tập thể Trần Phú, ngõ 105, đường Nguyễn Phong Sắc, tổ 16, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167898**
(210) 4-2010-00962
(181) 15.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

NEUMAXX

(151) 19.07.2011
(220) 15.01.2010

(531) 26.1.2; 26.1.5; A5.3.15; A5.3.14
(731) GeneScience Pharmaceuticals Co., Ltd. (CN)
72 Tianhe Street, Changchun High-Tech Development Zone, Changchun, Jilin 130012, P.R.China
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167899**
(210) 4-2008-27428
(181) 26.12.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

Vuon Pho J.S.C

(151) 19.07.2011
(220) 26.12.2008

(531) 26.1.2; 26.1.5; A5.3.15; A5.3.14
(591) Xanh lá cây; vàng đồng; trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VƯỜN PHỐ (VN)
2 Phổ Quang, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0167900**
(210) 4-2010-09570
(181) 06.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

VĨNH PHƯỚC HƯNG

(151) 19.07.2011
(220) 06.05.2010

(731) HỘ KINH DOANH VĨNH PHƯỚC HƯNG (VN)
39 đường số 26, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Trà; cà phê.

---

(111) **4-0167901**
(210) 4-2010-00214
(181) 06.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

DONG A

(151) 19.07.2011
(220) 06.01.2010

(531) 9.7.1; A26.11.12; 26.13.25; A5.3.15
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN THƯỢNG ĐÌNH (VN)
Ngõ 320 đường Khương Đình, cụm 3, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Dây điện các loại; cáp điện các loại.

---

(111) **4-0167902**
(210) 4-2010-07618
(181) 13.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

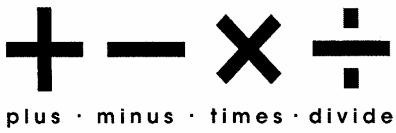

(151) 19.07.2011
(220) 13.04.2010

(531) 24.17.5; A24.17.6
(731) PMTD LIMITED (HK)
1st Floor, Long To Building, 654-656 Castle Peak Road, Lai Chi Kok, Kowloon, Hong Kong
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo thuộc nhóm này; đồ đi chân thuộc nhóm này; mũ đội đầu; thắt lưng thuộc trang phục; găng tay thuộc trang phục; cà vạt.

---

(111) **4-0167903**
(210) 4-2010-07478
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

THÁI SƠN

(151) 19.07.2011
(220) 12.04.2010

(731) ĐỖ VĂN HÙNG (VN)
Đội 4, xã Giao Nhân, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định

(511) Nhóm 25: Quần áo (trang phục); áo sơ mi; quần dài; áo mưa; mũ đội đầu (trang phục).

---

(111) **4-0167904**
(210) 4-2010-00346
(181) 07.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 19.07.2011
(220) 07.01.2010

(591) Trắng, xanh lá cây
(731) NHÀ MÁY CHẾ BIẾN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI (VN)
Xã Trung Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Thịt gà, thịt lợn, thịt bò, xúc xích, lạp xường, giò lụa, đồ hộp, thịt xông khói, thịt lên men, thịt nguội.

Nhóm 35: Mua bán các sản phẩm: thịt gà, thịt lợn, thịt bò, xúc xích, lạp xường, giò lụa, đồ hộp, thịt xông khói, thịt lên men, thịt nguội.

---

(111) **4-0167905**
(210) 4-2010-00347
(181) 07.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 19.07.2011
(220) 07.01.2010

(531) 9.7.1; A26.11.12; 26.13.25
(591) Trắng, xanh lá cây, đen
(731) NHÀ MÁY CHẾ BIẾN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI (VN)
Xã Trung Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Mua bán các sản phẩm: thịt gà, thịt lợn, thịt bò, xúc xích, lạp xường, giò lụa, đồ hộp, thịt xông khói, thịt lên men, thịt nguội.

---

(111) **4-0167906**
(210) 4-2010-07395
(181) 12.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 19.07.2011
(220) 12.04.2010

(531) A26.11.12
(591) Đen, xanh
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THY LONG (VN)
A69 Bạch Đằng, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 03: Sữa tắm; dầu gội đầu; sữa rửa tay; nước hoa; mỹ phẩm; sữa dưỡng thể.

---

(111) **4-0167907**
(210) 4-2010-07576
(181) 13.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BIOCEROMY

(151) 19.07.2011
(220) 13.04.2010

(531) 24.17.5; A24.17.6
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ (VN)
Nhà số 18 (G14), ngách 23, ngõ 34, đường Nguyên Hồng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167908**
(210) 4-2010-00345
(181) 07.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

THANH HOÀN ĐƠN

(151) 19.07.2011
(220) 07.01.2010

(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHĂM SÓC SẮC ĐẸP NGỌC HUỆ (VN)
Số 82 Lê Thị Riêng, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần 2NG và Cộng sự (2NG PARTNERS JSC.)

(511) Nhóm 05: Thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0167909**
(210) 4-2010-13694
(181) 25.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

HOPTHUY®

(151) 19.07.2011
(220) 25.06.2010

(531) A26.11.12
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HỢP THỦY (VN)
Số 2, ngách 41, ngõ Thịnh Quang, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng Luật sư Tân Hà (VPLS TAN HA)

(511) Nhóm 35: Mua bán nguyên vật liệu, vật tư, sản phẩm cơ khí, sơn và các thiết bị ngành sơn, thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, dụng cụ cơ khí, dụng cụ cầm tay, ô tô, mô tô, xe có động cơ, phụ tùng của các loại xe này; đại lý thương mại đối với các sản phẩm sơn; môi giới thương mại; quản lý kinh doanh; quản lý giao dịch thương mại.

Nhóm 36: Kinh doanh bất động sản; kinh doanh dịch vụ bất động sản; cung cấp dịch vụ tài chính liên quan đến bất động sản; ủy thác đầu tư.

Nhóm 37: Lắp đặt thiết bị điện, điện tử, điện lạnh; sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, dụng cụ cơ khí, dụng cụ cầm tay, ô tô, xe máy, xe có động cơ, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của các loại xe này; xây dựng; sửa chữa các công trình dân dụng, công nghiệp hoặc giao thông; sơn nhà, tòa nhà, các công trình xây dựng.

Nhóm 39: Dịch vụ du lịch; dịch vụ lữ hành nội địa và lữ hành quốc tế

Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống; quán ăn; quán cà phê, giải khát; quán bar (quán rượu); dịch vụ cung cấp đồ ăn và thức uống (thực hiện bởi nhà hàng ăn uống) theo hình thức trực tiếp phục vụ tại nhà hàng hoặc giao hàng tại địa điểm khách hàng yêu cầu hoặc qua mạng; dịch vụ khách sạn (dịch vụ cung cấp nơi ăn, chốn ở).

---

(111) **4-0167910**
(210) 4-2010-08176
(181) 19.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

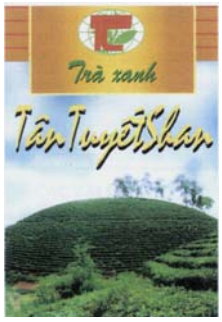

(151) 19.07.2011
(220) 19.04.2010

(531) A1.5.3; A5.1.5; A6.19.9; 26.13.25
(591) Xanh lá cây, đỏ, trắng, vàng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ TÂN TRÀO (VN)
Thôn Tân Phú, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Ngôi Sao chuyên nghiệp và liên danh (NOVAPRO & ASSOCIATES CO.,LTD.)

(511) Nhóm 30: Chè (trà).

---

(111) **4-0167911**
(210) 4-2010-12215
(181) 07.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 19.07.2011
(220) 07.06.2010

(531) A5.3.13; A5.3.15; 3.7.17
(591) Vàng da cam, vàng da cam đậm, xanh lá cây, trắng
(731) ASTRAZENECA UK LIMITED (GB)
15 Stanhope Gate, London W1K 1LN, United Kingdom
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược để điều trị sự đau đớn và chứng viêm.

---

(111) **4-0167912**
(210) 4-2010-12432
(181) 09.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ONETOUCH VERIO

(151) 19.07.2011
(220) 09.06.2010

(731) JOHNSON & JOHNSON (US)
One Johnson & Johnson Plaza, New Brunswick, New Jersey 08933, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 01: Dung dịch để kiểm tra dùng cho thiết bị kiểm tra lượng đường glucoza trong máu.

Nhóm 05: Thuốc thử ở dạng dải băng dùng cho thiết bị kiểm tra lượng đường glucoza trong máu.

Nhóm 10: Thiết bị kiểm tra lượng đường glucoza trong máu.

---

(111) **4-0167913**
(210) 4-2010-12530
(181) 10.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 19.07.2011
(220) 10.06.2010

(531) 25.7.25; A25.7.7
(731) HỘ KINH DOANH MINH NGỌC (VN)
74/A15 Trương Công Định, phường 3, thành phố Vũng Tàu
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Kem ăn lạnh cụ thể gồm: kem que, kem hộp, kem ly, kem ốc quế.

---

(111) **4-0167914**
(210) 4-2010-12816
(641) 4-2009-01090
(181) 19.01.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

TN-TECH
THANH NAM TECH

(151) 19.07.2011
(220) 19.01.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KỸ THUẬT THÀNH NAM (VN)
101 Nguyễn Ngọc Nại, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 07: Dụng cụ cơ khí (bộ phận của máy) dùng để khoan, phay, cắt gọt, đục, tiện.

---

(111) **4-0167915**
(210) 4-2010-13710
(181) 25.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

PLENCLOR

(151) 19.07.2011
(220) 25.06.2010

(731) AKUMS DRUGS & PHARMACEUTICALS LTD (IN)
304, Mohan Place, L.S.C Block - C, Saraswati Vihar, New Delhi - 110034, India
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167916**
(210) 4-2010-13711
(181) 25.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

AKUPRED

(151) 19.07.2011
(220) 25.06.2010

(731) AKUMS DRUGS & PHARMACEUTICALS LTD (IN)
304, Mohan Place, L.S.C Block - C, Saraswati Vihar, New Delhi - 110034, India
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167917**
(210) 4-2010-13712
(181) 25.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

WELRAN

(151) 19.07.2011
(220) 25.06.2010

(731) AKUMS DRUGS & PHARMACEUTICALS LTD (IN)
304, Mohan Place, L.S.C Block - C, Saraswati Vihar, New Delhi - 110034, India
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167918**
(210) 4-2010-13792
(181) 28.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

MAXDINIR

(151) 19.07.2011
(220) 28.06.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NESTA (VN)
F17, 96 Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Thuốc kháng sinh chữa bệnh cho người.

---

(111) **4-0167919**
(210) 4-2010-12175
(181) 04.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

VFM
VIETNAM FOOTBALL MEDIA

(151) 19.07.2011
(220) 04.06.2010

(531) 26.3.23; 26.4.2
(591) Đỏ cam đậm, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG BÓNG ĐÁ VIỆT NAM (VN)
27 Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ quảng cáo; dịch vụ tổ chức hội chợ triển lãm thương mại; dịch vụ xúc tiến thương mại; dịch vụ nghiên cứu thị trường; dịch vụ thăm dò dư luận, dịch vụ quan hệ công chúng; dịch vụ tổ chức sự kiện mục đích quảng cáo.

Nhóm 41: Dịch vụ tổ chức các sự kiện về văn hoá, thể thao, vui chơi giải trí; dịch vụ tổ chức hội nghị, hội thảo; sản xuất phim; dịch vụ tổ chức các chương trình biểu diễn nghệ thuật.

---

(111) **4-0167920**
(210) 4-2010-13715
(181) 25.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

KIDZCHEW

(151) 19.07.2011
(220) 25.06.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN NAM VIỆT (VN)
Nhà số 24, ngõ 282 đường Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167921**
(210) 4-2010-10438
(181) 17.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Miraclav

(151) 19.07.2011
(220) 17.05.2010

(731) AUSTIN PHARMA SPECIALTIES CO (HK)
Unit R 2 U G/F Valiant Ind Ctr 2-12 Au Pai Wan Str., Fo Tan Shatin, NT- Hong Kong
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167922**
(210) 4-2010-10439
(181) 17.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Itramir

(151) 19.07.2011
(220) 17.05.2010

(731) AUSTIN PHARMA SPECIALTIES CO (HK)
Unit R 2 U G/F Valiant Ind Ctr 2-12 Au Pai Wan Str., Fo Tan Shatin, NT- Hong Kong
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167923**
(210) 4-2010-10450
(181) 17.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Rosumir

(151) 19.07.2011
(220) 17.05.2010

(731) AUSTIN PHARMA SPECIALTIES CO (HK)
Unit R 2 U G/F Valiant Ind Ctr 2-12 Au Pai Wan Str., Fo Tan Shatin, NT- Hong Kong
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167924**
(210) 4-2010-10451
(181) 17.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Rabemir

(151) 19.07.2011
(220) 17.05.2010

(531) A26.3.6; 26.3.2; 24.15.21; 26.4.3
(731) AUSTIN PHARMA SPECIALTIES CO (HK)
Unit R 2 U G/F Valiant Ind Ctr 2-12 Au Pai Wan Str., Fo Tan Shatin, NT- Hong Kong
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167925**
(210) 4-2010-10452
(181) 17.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Vitamir

(151) 19.07.2011
(220) 17.05.2010

(731) AUSTIN PHARMA SPECIALTIES CO (HK)
Unit R 2 U G/F Valiant Ind Ctr 2-12 Au Pai Wan Str., Fo Tan Shatin, NT- Hong Kong
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0167926**
(210) 4-2010-10771
(181) 19.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 19.07.2011
(220) 19.05.2010

(531) 24.15.21; 3.7.17
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VIỆT KTV (VN)
865 A, đường Giải Phóng, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Đầu máy hát karaokê tự động; bộ khuếch đại âm thanh; micrô (ống nói); màn hình cảm ứng; đầu đọc dữ liệu kỹ thuật số; máy quay phim (camera).

Nhóm 35: Mua bán: đầu máy hát karaokê tự động, bộ khuếch đại âm thanh, micrô (ống nói), màn hình cảm ứng, đầu đọc dữ liệu kỹ thuật số, máy quay phim (camera), âm li, bộ lưu điện.

---

(111) **4-0167927**
(210) 4-2010-11670
(181) 31.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 19.07.2011
(220) 31.05.2010

(531) 26.1.6; 5.7.6; A26.11.12
(591) Trắng, xám, da cam, đen.
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SAO MAI (VN)
Số G46A Anh Dũng 2, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 42: Dịch vụ đo đạc bản đồ; dịch vụ thăm dò địa chất; dịch vụ nghiên cứu địa chất; dịch vụ thăm dò nguồn nước.

---

(111) **4-0167928**
(210) 4-2010-11671
(181) 31.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ROACH

(151) 19.07.2011
(220) 31.05.2010

(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ÂN PHƯỚC VIỆT NAM (VN)
886/8 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 08: Dao cạo râu; lưỡi dao cạo râu.

Nhóm 35: Mua bán: dao cạo râu, lưỡi dao cạo râu.

---

(111) **4-0167929**
(210) 4-2010-12178
(181) 04.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BURDICK & JACKSON

(151) 19.07.2011
(220) 04.06.2010

(731) HONEYWELL INTERNATIONAL INC. (US)
101 Columbia Road, Morristown, NJ 07962, United States of America
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 01: Dung môi hoá học dùng trong sản xuất thuốc và protein (chất đạm) trong kỹ thuật gen; hoá chất dùng trong khoa học, cụ thể là dung môi hoá học dùng cho sắc ký lỏng hiệu suất cao, đo phổ khối sắc ký lỏng, sắc ký khí, phân tích và đo quang phổ gốc thuốc sâu, hoá tổ hợp; dung môi hoá học khan dùng cho sự tổng hợp hữu cơ, hữu cơ kim loại, oligonucleotit và hoá tổ hợp; dung môi hoá học dùng cho làm sạch tuyệt đối trong công nghiệp điện tử.

Nhóm 09: Cột sắc ký, cụ thể là cột bằng chất dẻo mất hoạt tính dùng trong thử nghiệm hợp chất vì lợi ích môi trường, và cột chiết pha rắn dùng trong phân tích dấu vết.

Nhóm 17: Vỏ chai, cụ thể là vỏ bằng polyetylen (nhựa tổng hợp được dùng dưới dạng lá mềm dẻo, trong suốt chống thấm nước, cách điện) có thể tái sử dụng dùng để bảo vệ chai thuỷ tinh chứa chất lỏng nguy hiểm.

---

(111) **4-0167930**
(210) 4-2010-10930
(181) 21.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

OFFICE SUPPORT

(151) 19.07.2011
(220) 21.05.2010

(731) GFOOT CO., LTD. (JP)
4-10, Imaike 3-chome, Chikusa-ku, Nagoya, Aichi, 464-0850, Japan
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Giầy dép (không gồm giầy ống thể thao), giầy ống dùng trong thể thao (không gồm giầy ống cưỡi ngựa).

---

(111) **4-0167931**
(210) 4-2010-10932
(181) 21.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

femininecafe

(151) 19.07.2011
(220) 21.05.2010

(731) GFOOT CO., LTD. (JP)
4-10, Imaike 3-chome, Chikusa-ku, Nagoya, Aichi, 464-0850, Japan
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Giầy dép (không gồm giầy ống thể thao), giầy ống dùng trong thể thao (không gồm giầy ống cưỡi ngựa).

---

(111) **4-0167932**
(210) 4-2010-10933
(181) 21.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

feminineLove

(151) 19.07.2011
(220) 21.05.2010

(731) GFOOT CO., LTD. (JP)
4-10, Imaike 3-chome, Chikusa-ku, Nagoya, Aichi, 464-0850, Japan
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Giầy dép (không gồm giầy ống thể thao), giầy ống dùng trong thể thao (không gồm giầy ống cưỡi ngựa).

---

(111) **4-0167933**
(210) 4-2010-10934
(181) 21.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

FleshVegetable

(151) 19.07.2011
(220) 21.05.2010

(731) GFOOT CO., LTD. (JP)
4-10, Imaike 3-chome, Chikusa-ku, Nagoya, Aichi, 464-0850, Japan
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Giầy dép (không gồm giầy ống thể thao), giầy ống dùng trong thể thao (không gồm giầy ống cưỡi ngựa).

---

(111) **4-0167934**
(210) 4-2010-11179
(181) 25.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

VISEKO

(151) 19.07.2011
(220) 25.05.2010

(731) LÊ VĂN HIỆP (VN)
Đội 5, thôn Trát Cầu, xã Tiền Phong, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 20: Gối, đệm nằm.

Nhóm 24: Vỏ gối; chăn đắp; vải sợi; ga trải giường bằng vải; khăn vải trải bàn.

---

(111) **4-0167935**
(210) 4-2010-11692
(181) 31.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

FUELMAX

(151) 19.07.2011
(220) 31.05.2010

(731) THE GOODYEAR TIRE & RUBBER COMPANY (US)
1144 East Market Street, Akron, Ohio 44316-0001, United States of America
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 12: Lốp xe.

---

(111) **4-0167936**
(210) 4-2010-12176
(181) 04.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

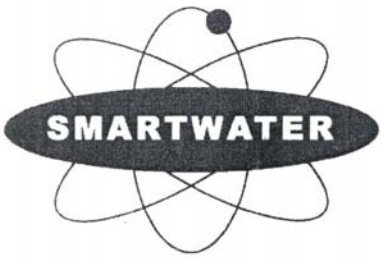

(151) 19.07.2011
(220) 04.06.2010

(531) 1.13.1; A1.13.10
(731) SMARTWATER TECHNOLOGY LIMITED (GB)
Horton House, Exchange Flags, Liverpool, Merseyside, L2 3YL, United Kingdom
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 01: Hoá chất và dung dịch hoá chất dùng cho công nghiệp; hoá chất và dung dịch hoá chất dùng cho khoa học, không dùng cho y tế và thú y; hợp chất hoá học dạng lỏng có chứa một hoặc nhiều nguyên tố và hoặc hợp chất vi lượng, không dùng cho y tế và thú y.

(111) **4-0167937**
(210) 4-2010-12214
(181) 07.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

VIMOVO

(151) 19.07.2011
(220) 07.06.2010

(531) A5.3.13; A5.3.15; 3.7.17
(731) ASTRAZENECA UK LIMITED (GB)
15 Stanhope Gate, London W1K 1LN, United Kingdom
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược để điều trị sự đau đớn và chứng viêm.

---

(111) **4-0167938**
(210) 4-2010-10794
(181) 19.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

CLINIQUE EVEN BETTER

(151) 19.07.2011
(220) 19.05.2010

(731) CLINIQUE LABORATORIES, LLC. (US)
767 Fifth Avenue, New York, New York 10153, United States of America
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 03: Chế phẩm tẩy trắng và các chất khác sử dụng cho mục đích giặt là; chế phẩm làm sạch, đánh bóng, tẩy rửa và mài mòn; xà phòng; nước hoa, tinh dầu, mỹ phẩm, nước xức tóc; thuốc đánh răng; chế phẩm chăm sóc da không chứa thuốc.

---

(111) **4-0167939**
(210) 4-2010-11079
(181) 24.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

GIVINCO

(151) 19.07.2011
(220) 24.05.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ CHÍNH XÁC TÂN HOÀNG CAO (VN)
Thôn Rùa Thượng, xã Thanh Thuỳ, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 06: Bản lề cửa bằng kim loại; móc áo bằng kim loại; dây kim loại; khung nhà bằng kim loại; xích bằng kim loại; then chốt cửa kim loại; cửa bằng kim loại; thang bằng kim loại; khoá (trừ khoá điện) bằng kim loại; đai ốc bằng kim loại; ống bằng kim loại; vật liệu lợp mái nhà bằng kim loại; đinh vít bằng kim loại; tủ dụng cụ bằng kim loại (rỗng).

Nhóm 11: Ấm đun nước dùng điện; vỉ để nướng; dụng cụ nấu nướng dùng điện; bếp nấu ăn (bếp ga); máy hút dùng cho nhà bếp; quạt gió (điều hoà không khí); bình lọc nước uống; bình nước nóng cho nhà tắm; tủ lạnh; đèn; nồi cơm điện; bệ xí; bồn tắm thường (thiết bị vệ sinh); vòi hoa sen trong phòng tắm; chậu vệ sinh (lavabo); xi phông thoát nước của chậu rửa (lavabo).

Nhóm 21: Đồ dùng cho mục đích gia dụng gồm: hộp đựng kẹo; lô đựng giấy; giá để xà phòng; giá để bàn chải; giá để khăn; cái chậu; rổ dùng trong gia đình; thùng rác; bàn chải (không kể bút lông); đồ sứ, sành; bình (lọ để cắm hoa); đĩa ăn; cốc (đồ thuỷ tinh); dụng cụ nhà bếp không dùng điện gồm: chảo rán, xoong, ấm đun nước.

---

(111) **4-0167940**
(210) 4-2010-12174
(181) 04.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

VIMISCO

(151) 19.07.2011
(220) 04.06.2010

(731) CÔNG TY TNHH MINH LONG (VN)
Khu công nghiệp Tiền Hải, xã Đông Cơ, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 11: Bệ xí; bệ xí xổm; bồn tiểu nam; bồn tiểu nữ; chậu rửa.

---

(111) **4-0167941**
(210) 4-2007-00822
(181) 11.01.2017
(450) 25.08.2011 281
(540)

ExcelPro
DIGITAL COLOR PRINTING PAPER

(151) 19.07.2011
(220) 11.01.2007

(731) PT. PURINUSA EKAPERSADA (ID)
Plaza BII, Tower 2, Floor 7th, JL.M.H. Thamrin No. 51, Jakarta - 10350, Indonesia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 16: Giấy mỹ thuật có độ mịn cao.

---

(111) **4-0167942**
(210) 4-2010-04966
(181) 16.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 19.07.2011
(220) 16.03.2010

(531) 6.1.2; 26.4.3
(731) TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM LẠNG SƠN (VN)
Số 9 khối đèo ngang, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ giáo dục, đào tạo.

---

(111) **4-0167943**
(210) 4-2010-05807
(181) 23.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Monimax

(151) 19.07.2011
(220) 23.03.2010

(731) NAUTILUS HYOSUNG INC. (KR)
52, Chungdam-dong, Kangnam-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Máy rút tiền tự động (ATM); máy in sổ tiền gửi ngân hàng (dùng cho máy tính); bộ đọc và bộ ghi thẻ.

---

(111) **4-0167944**
(210) 4-2010-05827
(181) 23.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

CEMROBO

(151) 19.07.2011
(220) 23.03.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM PHYTOSANTÉ VIỆT NAM (VN)
P410, nhà B4, tập thể Bộ Ngoại giao, Nam Thành Công, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0167945**
(210) 4-2010-05821
(181) 23.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

INVENPRAZ

(151) 19.07.2011
(220) 23.03.2010

(731) INVENTIA HEALTHCARE PRIVATE LIMITED (IN)
Unit No.S-4, Khira Industrial Estate, B M Bhargava Road, Santacruz (West), Mumbai - 400 054, Maharashtra, India
(740) Công ty TNHH Tư vấn ALIATLEGAL (ALIATLEGAL CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc và dược phẩm dùng cho người; thuốc có nguồn gốc từ thảo dược dùng cho người; thực phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế; thực phẩm dùng cho trẻ sơ sinh; mỹ phẩm có chứa thuốc sử dụng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0167946**
(210) 4-2007-19895
(181) 04.10.2017
(450) 25.08.2011 281
(540)

STONKOTE

(151) 19.07.2011
(220) 04.10.2007

(731) STONCOR GROUP, INC., (US)
1 Park Avenue, Maple Shade, New Jersey 08052, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 01: Nhựa epoxy thô dùng làm nguyên liệu trong các hợp chất; các chất làm cứng và các phụ gia dùng kết hợp với nhựa epoxy thô.

---

(111) **4-0167947**
(210) 4-2010-03873
(181) 03.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Rakuten

(151) 19.07.2011
(220) 03.03.2010

(731) RAKUTEN, INC. (JP)
4-12-3 Higashishinagawa, Shinagawa-ku, Tokyo 140-002 Japan
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Chương trình máy tính có thể tải xuống được và đã được ghi; phần mềm máy tính có thể tải xuống được và đã được ghi; điện thoại; truyện tranh điện tử và ấn phẩm điện tử khác có thể tải xuống được; âm thanh, âm nhạc, hình ảnh và hình ảnh động có thể tải xuống được; dây đeo cùng với đồ lau màn hình dùng cho điện thoại di động và dây đeo dùng cho điện thoại di động; miếng đệm lót dùng cho chuột máy tính; thiết bị

đầu cuối dùng để thực hiện trả tiền trước bằng thẻ tín dụng; tín hiệu nhạc chờ của các cuộc gọi đến được cung cấp thông qua mạng máy tính và âm nhạc, ảnh nền cho điện thoại di dộng và ảnh nền có thể tải xuống được; điện thoại di động; máy tính chủ.

Nhóm 16: ấn phẩm; lịch; văn phòng phẩm; ảnh chụp; vật kỷ niệm, cụ thể là bút tích của những người nổi tiếng; bảng trắng lưu động có thể sử dụng để cổ vũ trong sân vận động thi đấu thể thao và các buổi hoà nhạc; thiếp chúc mừng.

Nhóm 35: Dịch vụ cửa hàng bán lẻ; cửa hàng bán lẻ những đồ tiện ích; cửa hàng bán lẻ trực tuyến; cửa hàng bán lẻ những đồ tiện ích trực tuyến; dịch vụ đặt hàng hoá và hàng tiêu dùng trực tuyến đã được vi tính hoá; cung cấp thông tin danh mục chào bán hàng trực tuyến; cung cấp cơ sở dữ liệu có thể tra cứu được trong lĩnh vực thông tin kinh doanh có giá trị qua mạng máy tính toàn cầu; quản lý dữ liệu; phổ biến các quảng cáo cho người khác thông qua mạng liên lạc điện tử trực tuyến; cung cấp khoảng không quảng cáo và cung cấp thông tin và tư vấn liên quan đến dịch vụ này; cung cấp khoảng không quảng cáo bằng phương tiện điện tử và các mạng thông tin toàn cầu; cung cấp trực tuyến chỉ dẫn quảng cáo có thể tra cứu được cho các dịch vụ và hàng hoá của người bán hàng trực tuyến; cung cấp chỉ dẫn quảng cáo có thể tra cứu được cho các dịch vụ và hàng hoá của người bán hàng khác; dịch vụ bán đấu giá và cung cấp thông tin liên quan đến dịch vụ này; dịch vụ nghiên cứu thị trường; dịch vụ quảng cáo; dịch vụ hãng quảng cáo; dịch vụ tư vấn, cố vấn và thông tin liên quan tới kinh doanh; văn phòng tuyển dụng lao động; tư vấn nghề nghiệp và tư vấn thay đổi nghề nghiệp và cung cấp thông tin liên quan tới dịch vụ này; lập kế hoạch, tạo và gửi thiếp chúc mừng điện tử kèm với quảng cáo qua Internet; dịch vụ đại lý xuất-nhập khẩu; dịch vụ đặt hàng qua thư và cung cấp thông tin liên quan tới dịch vụ này; dịch vụ cung cấp giải thưởng, cuộc thi đố, rút thăm, câu hỏi, trò chơi để bán và dịch vụ quảng cáo để xúc tiến bán hàng và cung cấp thông tin liên quan đến dịch vụ này; dịch vụ chỉ dẫn cho nhà thầu phụ; dịch vụ trợ giúp danh bạ điện thoại qua Internet; dịch vụ biên soạn và hệ thống hoá thông tin bên trong cơ sở dữ liệu máy tính; cung cấp thông tin về quảng cáo và tư vấn liên quan tới dịch vụ này dịch vụ phát hành phần thưởng và thẻ tích điểm để quảng cáo bán hàng và cung cấp thông tin liên quan tới dịch vụ này; cung cấp thông tin về việc bán sản phẩm theo đơn đặt hàng và thanh toán; cung cấp thông tin về việc bán sản phẩm được sử dụng qua mạng Internet, và thông tin về bán sản phẩm bằng phương tiện khác; dịch vụ cung cấp thông tin về việc xếp hạng phổ biến tại các trang web cộng đồng trên Internet.

Nhóm 36: Dịch vụ ngân hàng; dịch vụ đại lý bảo hiểm và môi giới trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ; dịch vụ đánh giá bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ; dịch vụ đầu tư và tài chính, cụ thể là, quản lý và môi giới trong lĩnh vực vốn, trái phiếu, quyền mua bán cổ phần, hàng hoá, hợp đồng bán giao sau, và chứng khoán khác, và đầu tư tiền của người khác; phát hành thẻ tín dụng; dịch vụ trả tiền hoá đơn; dịch vụ đầu tư vốn; dịch vụ cho vay tài chính; dịch vụ cho vay thế chấp và cung cấp thông tin liên quan tới dịch vụ này; phát hành thẻ quà tặng; dịch vụ hãng bất động sản và cung cấp thông tin liên quan tới dịch vụ này; dịch vụ định giá ô tô đã qua sử dụng; dịch vụ chuyển tiền điện tử; dịch vụ đại lý trả tiền điện tử trước vào thẻ cho người sử dụng; sắp xếp việc phát hành thẻ rút tiền; dịch vụ điều chỉnh, thanh toán và quản lý tiền trả qua thương mại điện tử; dịch vụ thẻ ghi nợ; dịch vụ đại lý trả tiền; cung cấp thông tin liên quan tới tài khoản ngân hàng; dịch vụ đại lý để mở tài khoản ngân hàng; cung cấp thông tin về việc trả tiền bằng thẻ tín dụng; dàn xếp yêu cầu bảo hiểm phi nhân thọ trực tuyến, tính mức phí bảo hiểm trực tuyến, và tính mức phí bảo hiểm khác; cung cấp thông tin và tư vấn liên quan tới bảo

hiểm nhân thọ và phi nhân thọ; dịch vụ bồi thường tử vong, thương tật, viện phí, bồi thường chi phí được bác sĩ thăm khám tại nhà, và các chi phí khám bệnh tại bệnh viện do các tai nạn gây ra; dịch vụ giao dịch trao đổi ngoại tệ.

Nhóm 38: Dịch vụ liên lạc bằng điện thoại; dịch vụ bảng thông báo điện tử (dịch vụ viễn thông) và cung cấp dịch vụ liên quan đến dịch vụ này; dịch vụ thư điện tử; dịch vụ hãng thông tấn và cung cấp dịch vụ liên quan đến dịch vụ này; cung cấp thông tin về chỉ số bưu điện qua Internet; cung cấp thông tin liên quan đến chương trình truyền hình qua Internet; cung cấp thiết bị kết nối thiết bị viễn thông, liên lạc bằng điện thoại di động và các liên lạc khác bằng thiết bị đầu cuối máy tính qua mạng máy tính toàn cầu, và cung cấp thông tin, tư vấn liên quan tới dịch vụ này; dịch vụ truyền thiếp chúc mừng điện tử qua Internet và liên lạc bằng thiết bị đầu cuối máy tính; dịch vụ cho thuê điện thoại di động và cung cấp thông tin liên quan tới dịch vụ này; dịch vụ truyền hình ảnh, âm thanh, dữ liệu qua Internet.

Nhóm 39: Dịch vụ lưu kho, phân phát hàng hoá và cung cấp thông tin liên quan tới dịch vụ này; môi giới vận tải; thông tin về vận chuyển, cụ thể là thông tin về tầu hoả, thông tin về ô tô, thông tin về tầu thuỷ, thông tin về máy bay, thông tin xe buýt; cung cấp thông tin về địa lý, hình ảnh bản đồ và lộ trình chuyến đi; thông tin giao thông; đặt trước chuyến du lịch và cung cấp thông tin liên quan tới dịch vụ này; dịch vụ dọn nhà và cung cấp thông tin liên quan tới dịch vụ này; dịch vụ đặt trước vé máy bay, vé tàu hoả, vé tàu thuỷ, dịch vụ môi giới hoặc đại lý bán vé; thông tin về chuyến đi tới các điểm và các hoạt động tham quan; cung cấp cho khách du lịch (thông tin về thành phố, thông tin về sự di cư và nhập cư, thông tin về cửa hàng bán đồ miễn thuế); dịch vụ đặt trước chỗ thuê phương tiện và cung cấp thông tin liên quan tới dịch vụ này.

Nhóm 41: Dịch vụ tổ chức, quản lý và sắp xếp cuộc thi đấu bóng chày, bóng đá, cuộc đua ngựa hoặc trò giải trí khác, và cung cấp thông tin liên quan tới dịch vụ này; dịch vụ đặt trước những đồ tiện nghi trong môn đánh golf và cung cấp thông tin liên quan tới dịch vụ này; dịch vụ thuê phương tiện ghi âm thanh hoặc hình ảnh và cung cấp thông tin liên quan tới dịch vụ này; dịch vụ giải trí; thông tin về giải trí; dịch vụ tổ chức và hướng dẫn các hội nghị chuyên đề và cung cấp thông tin liên quan tới dịch vụ này; dịch vụ trò chơi được cung cấp trực tuyến (từ mạng máy tính); dịch vụ đặt trước chỗ các buổi biểu diễn; lớp học hàm thụ; buổi biểu diễn trực tiếp; lập kế hoạch buổi tiệc (dịch vụ giải trí); cung cấp xuất bản phẩm điện tử trực tuyến không thể tải xuống được; dàn dựng chương trình phát thanh và truyền hình; đại lý và môi giới bán vé đánh cược các đường đua qua Internet; dịch vụ dịch thuật trực tuyến; cung cấp từ điển điện tử trực tuyến không thể tải xuống được; cung cấp sân bóng chày; sắp xếp, tổ chức và quản lý xổ số; cung cấp vở kịch vui điện tử, xuất bản phẩm điển tử, hình ảnh, âm nhạc hoặc hình ảnh động điện tử qua Internet; dịch vụ giáo dục và đào tạo và cung cấp thông tin liên quan tới dịch vụ này; kiểm tra sự tập luyện của sinh viên đại học; cung cấp thông tin liên quan tới sinh viên nội trú cho các sinh viên đại học.

Nhóm 42: Dịch vụ chương trình máy tính; dịch vụ thiết kế, bảo dưỡng, khai triển, cập nhật và cho thuê phần mềm máy tính; dịch vụ thiết kế, phân tích, tư vấn hệ thống máy tính; dự báo thời tiết; lưu trữ trang web; nghiên cứu kỹ thuật; cung cấp công cụ tìm kiếm trên Internet và cung cấp thông tin liên quan tới dịch vụ này; cung cấp trang web được lưu trữ trên internet để viết nhật ký điện tử; dịch vụ máy tính, cụ thể là, tạo ra trang cộng đồng để cung cấp trực tuyến cho những người sử dụng đã đăng ký để tham gia vào thảo

luận, nhận phản hồi từ nhóm ngang hàng của họ, dưới dạng cộng đồng ảo, và khớp nối với mạng xã hội; cung cấp trang web cho những người sử dụng có thể tải lên, trao đổi hoặc chia sẻ ảnh chụp, hình ảnh động và nhật ký hình ảnh động; dịch vụ cho thuê chỗ trong máy tính chủ; cung cấp chương trình máy tính; bảo dưỡng hệ thống mạng máy tính; cung cấp thông tin về việc cung cấp đồ tiện ích cho khu vui chơi qua Internet; cung cấp hình ảnh động với âm thanh cho thiếp chúc mừng điện tử qua Internet và mạng liên lạc khác; cung cấp hình ảnh, âm nhạc, âm thanh, ảnh động qua Internet và mạng liên lạc khác; tổ chức, quản lý hoặc sắp xếp cách trình bày hoạ đồ máy tính và chương trình trò chơi có hình ảnh động.

Nhóm 43: Dịch vụ đặt trước chỗ ở tạm thời và cung cấp thông tin liên quan tới dịch vụ này, dịch vụ đặt trước chỗ chuồng nhốt trọ súc vật và cung cấp thông tin liên quan tới dịch vụ này; đặt trước chỗ nhà hàng ăn uống; cung cấp thông tin về nhà hàng ăn uống; dịch vụ cung cấp thực phẩm do nhà hàng thực hiện theo đơn đặt hàng qua Internet; dịch vụ cung cấp thông tin về chỗ ở tạm thời; cung cấp thông tin về việc giảm giá liên quan tới chỗ ở tạm thời, thức ăn, đồ uống, và chuồng nhốt trọ súc vật.

Nhóm 44: Dịch vụ cung cấp thông tin về y tế; cung cấp thông tin về súc vật và vật nuôi qua Internet; cung cấp thông tin về làm đẹp; cung cấp thông tin về nhà tắm.

Nhóm 45: Dịch vụ câu lạc bộ gặp gỡ; dịch vụ môi giới hôn nhân; dịch vụ xem bói; cung cấp thông tin về người nổi tiếng; cung cấp thông tin về thời trang; dịch vụ mạng xã hội trực tuyến; cung cấp thông tin về địa điểm tổ chức lễ cưới và phòng tổ chức tiệc lớn; cung cấp thông tin liên quan tới các bài báo trên báo và trên tạp chí; cung cấp thông tin về chính trị, kinh tế và chính sách.

---

(111) **4-0167948**
(210) 4-2007-10710
(181) 11.06.2017
(450) 25.08.2011 281
(540)

Magna

(151) 19.07.2011
(220) 11.06.2007

(731) BERLIN-CHEMIE AG (DE)
Glienicker Weg 125, 12489 Berlin, Germany
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; chất ăn kiêng dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0167949**
(210) 4-2007-17781
(181) 07.09.2017
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 19.07.2011
(220) 07.09.2007

(531) 3.1.1; 24.9.2; A24.9.7; 26.1.1
(591) Đỏ, vàng, đen
(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SHINPOONG DAEWOO (VN)
Số 13, đường 9A, khu công nghiệp Biên Hòa 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167950**
(210) 4-2007-17943
(181) 11.09.2017
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 19.07.2011
(220) 11.09.2007

(591) Xanh dương đậm, cam.
(731) CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THÀNH TRƯỜNG LỘC (VN)
387 (lầu 2) Võ Văn Tần, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán vật liệu xây dựng; mua bán hàng trang trí nội thất; mua bán máy móc thiết bị phụ tùng cho ngành xây dựng; mua bán hàng tiểu thủ công nghiệp.

Nhóm 36: Mua bán nhà; cho thuê bất động sản; mua bán bất động sản.

Nhóm 37: Xây dựng; xây dựng cầu đường; xây dựng thủy lợi; xây dựng đường ống cấp thoát nước; xây dựng công nghiệp; xây dựng mạng lưới điện dưới 35kv.

---

(111) **4-0167951**
(210) 4-2008-00486
(181) 08.01.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

MYBOY

(151) 19.07.2011
(220) 08.01.2008

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA MỸ PHẨM NHẬT MỸ (VN)
Cụm công nghiệp Liên Minh, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm, nước hoa, kem dưỡng da, dầu gội đầu, sữa rửa mặt, sữa tắm.

---

(111) **4-0167952**
(210) 4-2010-05782
(181) 23.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

NEWKOTA

(151) 19.07.2011
(220) 23.03.2010

(731) PHARMIX CORPORATION (KR)
1304, Garak ID Tower, 99-7, Garak-dong, Songpa-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167953**
(210) 4-2010-05788
(181) 23.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

GINAMIN

(151) 19.07.2011
(220) 23.03.2010

(731) PHARMIX CORPORATION (KR)
1304, Garak ID Tower, 99-7, Garak-dong, Songpa-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167954**
(210) 4-2010-05789
(181) 23.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

AMCOL

(151) 19.07.2011
(220) 23.03.2010

(731) PHARMIX CORPORATION (KR)
1304, Garak ID Tower, 99-7, Garak-dong, Songpa-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167955**
(210) 4-2010-05801
(181) 23.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

LACTORUS

(151) 19.07.2011
(220) 23.03.2010

(731) PHARMIX CORPORATION (KR)
1304, Garak ID Tower, 99-7, Garak-dong, Songpa-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167956**
(210) 4-2010-05803
(181) 23.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

LOPMIN PLUS

(151) 19.07.2011
(220) 23.03.2010

(731) PHARMIX CORPORATION (KR)
1304, Garak ID Tower, 99-7, Garak-dong, Songpa-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167957**
(210) 4-2010-05805
(181) 23.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

WONPEZIL

(151) 19.07.2011
(220) 23.03.2010

(731) PHARMIX CORPORATION (KR)
1304, Garak ID Tower, 99-7, Garak-dong, Songpa-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0167958**
(210) 4-2010-05809
(181) 23.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Realsil

(151) 19.07.2011
(220) 23.03.2010

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH TNHH FARMAPEX TRANET (VN)
Số 36 đại lộ Hữu Nghị, khu công nghiệp Việt Nam-Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; chế phẩm hóa học dùng cho mục đích y tế; chế phẩm hóa học dùng trong ngành dược; chất ăn kiêng dùng cho mục đích y tế; thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0167959**
(210) 4-2008-14702
(181) 10.07.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

NIRLIFE

(151) 19.07.2011
(220) 10.07.2008

(731) NIRMA LIMITED (IN)
Nirma House, Ashram Road, Ahmedabad - 380009 (Gujarat), India
(740) Công ty TNHH Tư vấn ALIATLEGAL (ALIATLEGAL CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc và dược phẩm dùng cho người; thuốc có nguồn gốc từ thảo dược dùng cho người; thực phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế; thực phẩm dùng cho trẻ em; mỹ phẩm có chứa thuốc sử dụng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0167960**
(210) 4-2008-14704
(181) 10.07.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

NIR-NS

(151) 19.07.2011
(220) 10.07.2008

(731) NIRMA LIMITED (IN)
Nirma House, Ashram Road, Ahmedabad - 380009 (Gujarat), India
(740) Công ty TNHH Tư vấn ALIATLEGAL (ALIATLEGAL CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc và dược phẩm dùng cho người; thuốc có nguồn gốc từ thảo dược dùng cho người; thực phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế; thực phẩm dùng cho trẻ em; mỹ phẩm có chứa thuốc sử dụng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0167961**
(210) 4-2010-01678
(181) 25.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

ERA

(151) 19.07.2011
(220) 25.01.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM VIỆT HƯNG (VN)
Đường Phan Văn Đối, ấp Tiền Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền; gia vị.

---

(111) **4-0167962**
(210) 4-2010-01122
(181) 19.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 19.07.2011
(220) 19.01.2010

(531) 5.7.21; A5.3.15
(591) Trắng, xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM VIỆT (VN)
Phòng 402, tòa nhà Thiên Bảo, số 49A Lê Văn Hưu, phường Ngô Thì Nhậm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự (BROSS & PARTNERS., JSC)

(511) Nhóm 35: Cửa hàng bán buôn và bán lẻ trái cây tươi và rượu các loại.

---

(111) **4-0167963**
(210) 4-2010-01127
(181) 19.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 19.07.2011
(220) 19.01.2010

(531) 3.11.12; 3.9.1
(591) Xanh lá cây, xanh nước biển, xanh nhạt, xanh đậm, da cam, vàng, đen, trắng.
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHAN SÁCH (VN)
Thôn An Ngãi Tây 2, xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 31: Ếch giống; cá giống.

---

(111) **4-0167964**
(210) 4-2010-01040
(181) 18.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 19.07.2011
(220) 18.01.2010

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH TNHH HẢI HÀ - KOTOBUKI (VN)
25 Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Bánh kẹo.

---

(111) **4-0167965**
(210) 4-2010-01107
(181) 18.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 19.07.2011
(220) 18.01.2010

(531) A5.5.20; 26.13.25; 7.15.1; A25.3.25; 7.15.5
(591) Đỏ, ghi xám, vàng, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẠI HUY (VN)
121A Cộng Hòa, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 37: Xây dựng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, cầu đường thủy lợi.

Nhóm 42: Thiết kế xây dựng, thiết kế trang trí nội ngoại thất.

Nhóm 43: Quán giải khát; quán cà phê; quán rượu (bar); quán ăn uống; nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0167966**
(210) 4-2010-01108
(181) 18.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

L'ABRICOT

(151) 19.07.2011
(220) 18.01.2010

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THIỆN THÀNH (VN)
258/7/22/3 đường Bông Sao, phường 5, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 25: Quần áo, giày dép, mũ nón, tất vớ.

---

(111) **4-0167967**
(210) 4-2010-08058
(181) 16.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

FIVE PENCE

(151) 19.07.2011
(220) 16.04.2010

(731) CINQ CENTIMES CO., LTD. (TW)
3F., No. 29, Lane 121, Sec. 1, Jhongshan Road, Jhongshan District, Taipei City 104, Taiwan.
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 18: Ví tiền; ví nhỏ dẹt gập lại được (để trong túi quần hoặc túi áo); túi du lịch; va ly; ba lô; va ly du lịch, túi đựng hành lý; cái ô.

---

(111) **4-0167968**
(210) 4-2010-08059
(181) 16.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

FIVE PENCE

(151) 19.07.2011
(220) 16.04.2010

(731) CINQ CENTIMES CO., LTD. (TW)
3F., No. 29, Lane 121, Sec. 1, Jhongshan Road, Jhongshan District, Taipei City 104, Taiwan.
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 25: Quần áo; giày ống; giày, đồ đội đầu (trang phục); bít tất ngắn cổ (trang phục); bít tất dài (trang phục); găng tay (trang phục); khăn choàng cổ (của phụ nữ); thắt lưng (trang phục).

---

(111) **4-0167969**
(210) 4-2010-08831
(181) 27.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 19.07.2011
(220) 27.04.2010

(531) 26.3.3; A5.5.21; 26.3.4
(591) Đỏ, xanh lá cây đậm, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SINH HỌC RỪNG HOA ĐÀ LẠT (VN)
7A/1 Mai Anh Đào, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
(740) Công ty TNHH Tư vấn ALIATLEGAL (ALIATLEGAL CO., LTD.)

(511) Nhóm 31: Hoa tươi tự nhiên; giống cây trồng; hoa tươi bảo quản (hoa tươi cắt cành có chất bảo quản); hoa khô; vòng hoa tươi.

---

(111) **4-0167970**
(210) 4-2004-07258
(181) 22.07.2014
(450) 25.08.2011 281
(540)

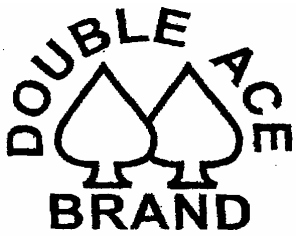

(151) 19.07.2011
(220) 22.07.2004

(531) A21.1.2
(731) CHOP AIK HONG PTE LTD (SG)
30 Kallang Pudding Road, #01-05 Valiant Industrial Building, Singapore 349312
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 06: Dây nhôm; đe; đe (xách tay); đai kim loại dùng để nối; chốt cài; chốt khoá; bánh xe của đồ mộc bằng kim loại; dây xích chó; dây xích bằng kim loại; kẹp kim loại dùng cho ống và cáp; mắc áo bằng kim loại; chốt hãm; chốt cửa; bộ đóng cửa (không dùng điện); các chi tiết bằng kim loại cho cửa; tay nắm cửa bằng kim loại; búa gõ cửa; thiết bị mở cửa không dùng điện; cái chặn cửa bằng kim loại; đồ kim loại dùng cho đồ gỗ; đồ kim loại dùng cho cửa sổ; vòi bơm mỡ; đồ ngũ kim; bản lề bằng kim loại; móc cài (đồ ngũ kim); móc kim loại dùng cho giá quần áo; biển số nhà bằng kim loại, không phát quang; màng chắn côn trùng bằng kim loại; cán dao bằng kim loại; núm (cửa, tủ) bằng kim loại; thang kim loại; then cửa bằng kim loại; dấu cặp chì; chữ cái và chữ số (bằng kim loại thường), trừ loại để in; ổ khoá bằng kim loại (không dùng điện); vòi phun bằng kim loại; biển số xe bằng kim loại; khoá móc; ròng rọc bằng kim loại (không là máy móc); vòng đeo chìa khoá bằng kim loại thường; vòng kim loại; đinh tán bằng kim loại; thanh kim loại để hàn đồng và hàn; vòng đầu dây cáp bằng kim loại; con lăn bằng kim loại cho cửa trượt; xích an toàn bằng kim loại; con lăn cửa sổ cho khung kính trượt; đinh vít bằng kim loại; dây hàn bằng kim loại; khoá lò so; lò so (đồ ngũ kim); dây thép; đinh mũ; hộp dụng cụ bằng kim loại (không có đồ); tủ dụng cụ bằng kim loại (không có đồ); tay cầm dụng cụ bằng kim loại; hộp phân phối khăn lau bằng kim loại, gắn cố định; chốt gắn tường bằng kim loại; vòng đệm bằng kim loại.

Nhóm 21: Bàn chải; bàn chải điện (trừ bộ phận máy); bàn chải để làm sạch bình chứa và đồ chứa; giá phơi quần áo (làm khô); máy xay cà phê, vận hành bằng tay; đĩa đựng xà phòng; hộp phân phối xà phòng; hộp kim loại để phân phối khăn giấy; máy xay dùng trong gia đình, không dùng điện; giá làm khô cho quần áo giặt; bẫy chuột; máy làm mì (vận hành bằng tay); đầu phun cho vòi tưới nước; đầu phun cho bình tưới; bẫy chuột nhắt; hộp xà phòng; giá đựng xà phòng; vòi tưới; vòi tưới hoa và cây; thiết bị phun tưới; cái lọc dùng trong gia đình; cái lọc không bằng kim loại quý; bơm phun để tưới cây và hoa; hộp đựng giấy vệ sinh; bình tưới; thiết bị tưới.

---

(111) **4-0167971**
(210) 4-2008-03132
(181) 20.02.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

GOLD BUFFALO

(151) 19.07.2011
(220) 20.02.2008

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HABADA (VN)
Số 80 Lý Thái Tổ, phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 33: Rượu vôtca.

---

(111) **4-0167972**
(210) 4-2010-01021
(181) 15.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

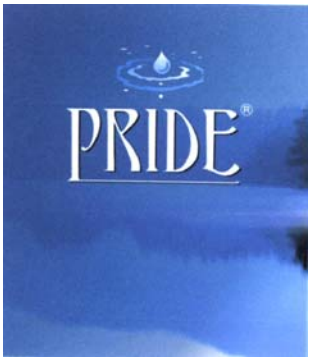

(151) 19.07.2011
(220) 15.01.2010

(531) 1.15.15
(591) Xanh dương đậm, xanh dương nhạt, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH NGUYỄN NGÔ (VN)
247/5, khu phố 7, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 32: Nước uống đóng chai.

---

(111) **4-0167973**
(210) 4-2010-01022
(181) 15.01.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

NGUYEN NGO Co., Ltd.

(151) 19.07.2011
(220) 15.01.2010

(531) 26.1.2; A26.11.12
(591) Xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY TNHH NGUYỄN NGÔ (VN)
247/5, khu phố 7, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 32: Nước uống đóng chai.

---

(111) **4-0167974**
(210) 4-2010-02812
(181) 09.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

PENZOBACT

(151) 19.07.2011
(220) 09.02.2010

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0167975**
(210) 4-2010-02813
(181) 09.02.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

PENSEC

(151) 19.07.2011
(220) 09.02.2010

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0167976**
(210) 4-2010-04055
(181) 04.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 19.07.2011
(220) 04.03.2010

(531) 26.4.2; A26.3.6; 26.13.25
(591) Xanh, đỏ, vàng
(731) CÔNG TY TNHH THẾ HỆ MỚI (NEW GENERATION) (VN)
Khu công nghiệp Đông Xuyên, đường số 11, phường Rạch Dừa, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 25: Khẩu trang che bụi (trang phục); nón (mũ); khăn choàng; áo thun; quần soóc.

---

(111) **4-0167977**
(210) 4-2010-08109
(181) 19.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

MINH THÀNH

(151) 19.07.2011
(220) 19.04.2010

(731) VÕ MINH THÀNH (VN)
1026B, tổ 12, ấp Tân Hoà, xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp
(740) Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh (DAITIN AND ASSOCIATES CO.,LTD)

(511) Nhóm 04: Cồn khô (dùng để đun nấu).

---

(111) **4-0167978**
(210) 4-2010-08237
(181) 20.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 19.07.2011
(220) 20.04.2010

(531) 2.9.4; 18.2.1
(591) Xanh đen, tím, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH ĐỖ KHA (VN)
08, tổ 8, khu 1, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

(511) Nhóm 35: Dịch vụ quảng cáo; nghiên cứu về thị trường, tìm kiếm thị trường; đại lý xuất nhập khẩu; đại lý mua, đại lý bán.

Nhóm 40: Dịch vụ in ấn; đóng khung cho các tác phẩm nghệ thuật.

Nhóm 42: Dịch vụ thiết kế nghệ thuật đồ hoạ.

---

(111) **4-0167979**
(210) 4-2010-04810
(181) 12.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

SEOFARIN

(151) 19.07.2011
(220) 12.03.2010

(731) SEO KYUNG COMPANY (KR)
E-Rea Officetel Room 801, 1574-5 Seocho-Dong, Seocho-Ku, Seoul, Korea (137-070)
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167980**
(210) 4-2010-06717
(181) 02.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

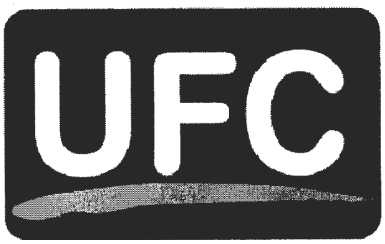

(151) 19.07.2011
(220) 02.04.2010

(531) 26.13.1
(731) UNIVERSAL FOOD PUBLIC COMPANY LIMITED (TH)
60 Soi Bangna-Trad 25, Bangna Subdistrict, Bangna District, Bangkok Metropolis 10260, Thailand
(740) Công ty luật hợp danh YKVN (YKVN)

(511) Nhóm 29: Rau ngâm đóng hộp.

Nhóm 30: Cà phê tan đóng hộp.

Nhóm 32: Nước hoa quả (đồ uống không cồn); sirô hoa quả.

---

(111) **4-0167981**
(210) 4-2010-07717
(181) 14.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

GOODBYGUT

(151) 20.07.2011
(220) 14.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẮCXIN SINH PHẨM SÔNG ĐÔNG PHÚC NHÂN ĐƯỜNG (VN)
Số nhà 22, ngõ 68, tổ 34, đường Quan Nhân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167982**
(210) 4-2010-07718
(181) 14.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

TOPZOLESUPER

(151) 20.07.2011
(220) 14.04.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÓA CHẤT VÀ THƯƠNG MẠI TRẦN VŨ (VN)
Số 15, ngõ 22, phố Nguyễn Ngọc Nại, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0167983**
(210) 4-2010-07719
(181) 14.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

TOPZOLE

(151) 20.07.2011
(220) 14.04.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÓA CHẤT VÀ THƯƠNG MẠI TRẦN VŨ (VN)
Số 15, ngõ 22, phố Nguyễn Ngọc Nại, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0167984**
(210) 4-2010-10370
(181) 14.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BUGATTEE GOLD

(151) 20.07.2011
(220) 14.05.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT VIỆT TRUNG (VN)
G16 làng quốc tế Thăng Long, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ dịch cho thực vật thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0167985**
(210) 4-2010-10371
(181) 14.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

FIJIO

(151) 20.07.2011
(220) 14.05.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT VIỆT TRUNG (VN)
G16 làng quốc tế Thăng Long, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0167986**
(210) 4-2010-05117
(181) 17.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 20.07.2011
(220) 17.03.2010

(531) A26.11.9; A26.11.12; 26.1.2; 2.9.4; 26.4.9
(591) Đen, trắng, đỏ, xám
(731) UỶ BAN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN (VN)
486 Lê Văn Hiến, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 11: Các sản phẩm làm bằng đá mỹ nghệ cụ thể là đèn vườn, bồn tắm bằng đá mỹ nghệ.

Nhóm 19: Các sản phẩm làm bằng đá mỹ nghệ cụ thể là: tượng (tượng người, tượng thú, tượng danh nhân, tượng người và thú cách điệu, tượng tín ngưỡng và tôn giáo), bia, mộ, đồ nghệ thuật bằng đá.

Nhóm 20: Các sản phẩm làm bằng đá mỹ nghệ cụ thể là bàn, ghế.

Nhóm 21: Bình hoa bằng đá mỹ nghệ.

Nhóm 35: Mua bán các sản phẩm làm từ đá mỹ nghệ.

---

(111) **4-0167987**
(210) 4-2010-06791
(181) 02.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

J'PAN REISHI

(151) 20.07.2011
(220) 02.04.2010

(531) 4.3.3; 25.1.6; A1.1.10; 26.1.1
(731) CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG KINH DOANH NHÀ VIỆT KIẾN (VN)
646I Nguyễn Trãi, phường 11, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Thực phẩm chức năng (dùng trong mục đích y tế).

---

(111) **4-0167988**
(210) 4-2010-06792
(181) 02.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

J'PAN CORDYCEPS

(151) 20.07.2011
(220) 02.04.2010

(731) CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG KINH DOANH NHÀ VIỆT KIẾN (VN)
646I Nguyễn Trãi, phường 11, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Thực phẩm chức năng (dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0167989**
(210) 4-2010-07077
(181) 07.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 20.07.2011
(220) 07.04.2010

(531) 4.3.3; 25.1.6; A1.1.10; 26.1.1
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC NAM CƯỜNG (VN)
Số 31 Phan Bội Châu, phường Quang Trung, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 16: Văn phòng phẩm.

Nhóm 35: Mua bán đồ dùng văn phòng, đồ dùng học sinh.

---

(111) **4-0167990**
(210) 4-2010-07699
(181) 14.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 20.07.2011
(220) 14.04.2010

(531) 4.3.9
(591) Vàng, vàng đồng, đỏ, trắng, xanh dương.
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN MỘNG NGỌC (VN)
2/6, tổ 8, ấp Đồng Nai, xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 29: Dầu ăn.

Nhóm 40: Gia công dầu ăn.

---

(111) **4-0167991**
(210) 4-2010-07776
(181) 15.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

LIFESCAN

(151) 20.07.2011
(220) 15.04.2010

(731) JOHNSON & JOHNSON (US)
One Johnson & Johnson Plaza, New Brunswick, New Jersey 08933, U.S.A
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Thuốc thử chẩn đoán dùng cho mục đích y tế, thuốc thử dạng mảnh dùng trong xét nghiệm máu và phương thức chẩn đoán.

---

(111) **4-0167992**
(210) 4-2010-07810
(181) 15.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

FAMPIS

(151) 20.07.2011
(220) 15.04.2010

(731) WOORIDUL PHARMACEUTICAL LTD. (KR)
902-5, Sangsin-ri, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Korea
(740) Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh (DAITIN AND ASSOCIATES CO.,LTD)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167993**
(210) 4-2010-09271
(181) 04.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

BAVIPHAT

(151) 20.07.2011
(220) 04.05.2010

(731) NGUYỄN THỊ PHƯỢNG (VN)
Cụm 1, thôn Trung, Liên Trung, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0167994**
(210) 4-2010-09272
(181) 04.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Văn Hiếu

(151) 20.07.2011
(220) 04.05.2010

(591) Trắng, đỏ
(731) HỘ KINH DOANH NGUYỄN THANH HẢI (VN)
58, đường Ba Cu, phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 40: Dịch vụ cắt may quần áo.

---

(111) **4-0167995**
(210) 4-2010-09275
(181) 04.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 20.07.2011
(220) 04.05.2010

(531) 3.1.14; 3.1.15; A3.1.24
(731) SONG JIEKE (CN)
79 He Bing Bei Str., Ou Hai, Wen Zhou town, Zhe Jiang province, China
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 16: Phấn may.

---

(111) **4-0167996**
(210) 4-2010-09492
(181) 06.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

CLAVMOXWEL

(151) 20.07.2011
(220) 06.05.2010

(731) AKUMS DRUGS & PHARMACEUTICALS LTD (IN)
304, Mohan Place, L.S.C Block - C, Saraswati Vihar, New Delhi - 110034, India
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0167997**
(210) 4-2010-09972
(181) 11.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

VITAZYME

(151) 20.07.2011
(220) 11.05.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT AN GIANG (VN)
23 Hà Hoàng Hổ, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 01: Phân bón.

---

(111) **4-0167998**
(210) 4-2010-07695
(181) 14.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

TURE

(151) 20.07.2011
(220) 14.04.2010

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT THÀNH ĐẠT (VN)
Số 389 Nguyễn Khang, Yên Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 07: Máy bơm, máy bơm cao áp, máy phun áp lực, máy phát điện, máy hút bụi, máy chà sàn.

Nhóm 35: Mua bán: máy bơm, máy bơm cao áp, máy phun áp lực, máy phát điện, máy hút bụi, máy chà sàn.

---

(111) **4-0167999**
(210) 4-2010-10471
(181) 17.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

Prestige Hotel
HANOI
more than precious

(151) 20.07.2011
(220) 17.05.2010

(531) A26.3.6; 26.3.2; 24.15.21; 26.4.3
(591) Da cam, xám, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HSS THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ (VN)
Số 19, ngõ 4, phố Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn; nhà hàng ăn uống; dịch vụ cung cấp đồ ăn thức uống (do nhà hàng thực hiện).

---

(111) **4-0168000**
(210) 4-2010-09250
(181) 04.05.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

KINGSDOWN

(151) 20.07.2011
(220) 04.05.2010

(731) KINGSDOWN, INC. (US)
P.O. Box 388, Mebane, NC 27302, USA
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 20: Đệm và đệm lò xo.

---

(111) **4-0168001**
(210) 4-2009-22470
(181) 20.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

OSACARE-MAMA

(151) 20.07.2011
(220) 20.10.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM OSAKA (VN)
Số 208 Nơ 20 khu đô thị mới Pháp Vân-Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0168002**
(210) 4-2009-22475
(181) 20.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

NERFGIC

(151) 20.07.2011
(220) 20.10.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH (VN)
Đường Hữu Nghị, phường Bắc Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0168003**
(210) 4-2009-21403
(181) 06.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

ENOMI

(151) 20.07.2011
(220) 06.10.2009

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TUYẾT HẠNH (VN)
90/2 Phan Huy ích, phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 18: Ví, túi xách, ba lô, va li, cặp.

---

(111) **4-0168004**
(210) 4-2009-21627
(181) 09.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

ISOBAR

(151) 20.07.2011
(220) 09.10.2009

(531) 26.1.2; 3.7.17; A26.11.12
(731) AEGIS TRADEMARKS BV (NL)
Piet Heinkade 55, 1019 GM, Amsterdam, The Netherlands
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Quảng cáo; quản lý kinh doanh cho người khác; phổ biến tư liệu quảng cáo (cuốn sách nhỏ, tờ quảng cáo, mẫu hàng); cho thuê tư liệu quảng cáo, cập nhật tư liệu quảng cáo, hỗ trợ việc quản lý kinh doanh; giám định hiệu quả công việc; thông tin về thương mại; phố biến các quảng cáo, quảng cáo ngoài trời; tư vấn tổ chức kinh doanh; khảo sát, phân tích và nghiên cứu thị trường, đặc biệt là nghiên cứu và tư vấn trong những thị trường đặc biệt; dịch vụ chuẩn bị danh sách những địa chỉ nhận thông tin thường xuyên; biên soạn và hệ thống hoá dữ liệu trong cơ sở dữ liệu máy tính, tiếp thị hàng hoá trực tiếp và không trực tiếp, cũng như những việc dàn xếp liên quan đến giao dịch thương mại; trợ giúp xử lý dữ liệu thống kê; trợ giúp trong các giao dịch kinh tế của các công ty; nghiên cứu về hiệu quả thuộc toán kinh tế của quảng cáo; nghiên cứu cho mục đích kinh doanh; tư vấn kinh doanh chuyên nghiệp; quản lý tập tin máy tính; tổ chức hội chợ cho mục đích thương mại hoặc quảng cáo; dự báo kinh tế; quảng cáo trên đài phát thanh, quảng cáo trên truyền hình; biên tập số liệu thống kê; dịch vụ đặt mua báo chí; nghiên cứu thị trường sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng và chất lượng.

Nhóm 38: Truyền chương trình truyền hình bằng cáp; liên lạc bằng thiết bị đầu cuối máy tính; liên lạc qua mạng sợi quang; truyền tin nhắn và hình ảnh qua mạng máy tính; liên lạc qua hệ thống hiển thị điện tử (dịch vụ viễn thông); thư điện tử; gửi điện tín; dịch vụ truyền thông tin (dịch vụ viễn thông); cung cấp dịch vụ truy cập và cho thuê thời gian truy cập mạng máy tính toàn cầu; dịch vụ phát và truyền chương trình truyền thanh, truyền âm thanh và hinh ảnh qua vệ tinh; phát chương trình truyền hình.

Nhóm 42: Thiết kế và phát triển hệ thống máy tính, dịch vụ tự động hoá kỹ thuật liên quan đến các ứng dụng cho hệ thống máy tính mạng diện rộng hoặc mạng nội bộ; dịch vụ kỹ thuật liên quan đến chương trình máy tính; quản lý hệ thống máy tính (ngoại trừ việc lắp đặt, sữa chữa và bảo đưỡng); hỗ trợ trong việc sử dụng mạng máy tính; tư vấn kỹ thuật trong lĩnh vực máy tính; phát triển hệ thống máy tính liên quan đến việc thăm dò ý kiến và nghiên cứu thị trường; thiết kế chương trình xử lý dữ liệu; thiết kế, phát triển và nghiên cứu trong việc sử dụng cơ sở dữ liệu máy tính, sách hướng dẫn và trong việc hệ thống hoá thông tin trong các tập tin; tư vấn kỹ thuật trong viễn thông.

(111) **4-0168005**
(210) 4-2009-21644
(181) 09.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 20.07.2011
(220) 09.10.2009

(531) 26.1.2; 3.7.17; A26.11.12
(591) Xanh nước biển, xanh lam, trắng.
(731) CHARTER CROWN INVESTMENT LIMITED (HK)
Room 804, Sino Center, 582-592 Nathan road, Mongkok, Kowloon, Hong Kong
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ mua bán, xuất nhập khẩu các mặt hàng như: thực phẩm chức năng, dược phẩm, thực phẩm ăn kiêng, chế phẩm làm sạch dùng cho mục đích y tế, chất khử trùng, chế phẩm làm sạch không khí.

---

(111) **4-0168006**
(210) 4-2009-21645
(181) 09.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 20.07.2011
(220) 09.10.2009

(531) 26.1.2; 3.7.17
(591) Xanh nước biển, xanh lam, xanh lá cây, trắng
(731) CHARTER CROWN INVESTMENT LIMITED (HK)
Room 804, Sino Center, 582-592 Nathan road, Mongkok, Kowloon, Hong Kong
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; chế phẩm làm sạch không dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0168007**
(210) 4-2009-22202
(181) 16.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

CENCALOMA

(151) 20.07.2011
(220) 16.10.2009

(731) CÔNG TY DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3 (VN)
115 Ngô Gia Tự, thành phố Đà Nẵng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168008**
(210) 4-2009-22203
(181) 16.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

CENBERIN M

(151) 20.07.2011
(220) 16.10.2009

(731) CÔNG TY DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3 (VN)
115 Ngô Gia Tự, thành phố Đà Nẵng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168009**
(210) 4-2009-20701
(181) 28.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Tirodi

(151) 20.07.2011
(220) 28.09.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG (VN)
Số 102, đường Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168010**
(210) 4-2009-20702
(181) 28.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Titimex

(151) 20.07.2011
(220) 28.09.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG (VN)
Số 102, đường Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168011**
(210) 4-2009-20703
(181) 28.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Tibidine

(151) 20.07.2011
(220) 28.09.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG (VN)
Số 102, đường Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168012**
(210) 4-2009-20704
(181) 28.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Tidiline

(151) 20.07.2011
(220) 28.09.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG (VN)
Số 102, đường Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168013**
(210) 4-2009-21746
(181) 12.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 20.07.2011
(220) 12.10.2009

(531) 26.4.2; 26.4.4; 26.3.23
(731) LƯU ĐÌNH XE (VN)
Phú Lâm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ AL Nguyên (ALNGUYEN IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Thiết bị điện tử: tivi, đầu đĩa, đài, loa, amply (bộ khuyếch đại âm thanh), ổn áp.

---

(111) **4-0168014**
(210) 4-2009-21622
(181) 09.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

DIVERSEY

(151) 20.07.2011
(220) 09.10.2009

(731) JOHNSONDIVERSEY, INC. (US)
8310 16th Street, Sturtevant, Wisconsin 53177, United States of America
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Thuốc diệt nấm, thuốc diệt cỏ, thuốc trừ sâu, thuốc diệt động vật gặm nhấm, biôxit dùng trong xử lý nước làm lạnh.

Nhóm 37: Dịch vụ vệ sinh, làm sạch, đánh bóng, khử mùi, tẩy uế và cải thiện điều kiện vệ sinh; dịch vụ bảo dưỡng sàn; dịch vụ vệ sinh, làm sạch bếp và rửa đồ trong phòng bếp; dịch vụ làm sạch và vệ sinh phòng rửa; dịch vụ giặt và là vải lanh; lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng máy rửa bát đĩa, máy rửa kính, máy sấy khô bát đĩa và máy làm khô kính; lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng máy định lượng; sửa chữa và bảo dưỡng máy móc và thiết bị làm sạch, đánh bóng và cải thiện điều kiện vệ sinh, cho thuê thiết bị làm sạch, dịch vụ làm sạch xe cộ, dịch vụ diệt loài gây hại không dùng trong nông nghiệp.

---

(111) **4-0168015**
(210) 4-2009-21623
(181) 09.10.2019
(300) 77/839,895 02.10.2009 US
(450) 25.08.2011 281
(540)

DIVERSEY

(151) 20.07.2011
(220) 09.10.2009

(731) JOHNSONDIVERSEY, INC. (US)
8310 16th Street, Sturtevant, Wisconsin 53177, United States of America
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ giáo dục và tư vấn giáo dục, cụ thể là cung cấp các khoá đào tạo, hội nghị chuyên đề và hội thảo, và xuất bản tài liệu liên quan tới vệ sinh, làm sạch, bảo dưỡng sàn và giặt là và liên quan tới thói quen và phương pháp an toàn vệ sinh thực phẩm đúng cách trong việc làm sạch phòng bếp và thiết bị bảo quản thực phẩm, bảo dưỡng thảm và sàn đúng cách, phương pháp vệ sinh đúng cách cho nhân viên phục vụ thực phẩm, và làm sạch và tẩy uế đúng cách cho khu vực và máy móc thiết bị chế biến thực phẩm.

---

(111) **4-0168016**
(210) 4-2009-22220
(181) 16.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

VNSPIE

(151) 20.07.2011
(220) 16.10.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY (VN)
80 Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0168017**
(210) 4-2009-22221
(181) 16.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

EXIMCEFS

(151) 20.07.2011
(220) 16.10.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ (VN)
P202-D6 khu tập thể Quỳnh Mai, phường Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0168018**
(210) 4-2009-22223
(181) 16.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

PISENKIT

(151) 20.07.2011
(220) 16.10.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ (VN)
P202-D6 khu tập thể Quỳnh Mai, phường Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

(111) **4-0168019**
(210) 4-2009-22224
(181) 16.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

GOLDULING

(151) 20.07.2011
(220) 16.10.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ (VN)
P202-D6 khu tập thể Quỳnh Mai, phường Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0168020**
(210) 4-2009-22227
(181) 16.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

BEEIMIPEM

(151) 20.07.2011
(220) 16.10.2009

(731) BEEKEI CORPORATION (KR)
No.1941 Rose dale building, Suseo, Kangnam, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0168021**
(210) 4-2009-02751
(181) 23.02.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 20.07.2011
(220) 23.02.2009

(531) 26.4.2; A26.4.24
(591) Nâu nhạt, đen
(731) CÔNG TY TNHH ĐẠI NÔNG (VN)
4A54 ấp 4, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ: nhà hàng ăn uống; khách sạn; quán cà phê; quán ăn tự phục vụ.

---

(111) **4-0168022**
(210) 4-2009-00293
(181) 07.01.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

BÉBÉCAREGOLD

(151) 20.07.2011
(220) 07.01.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA SỨC SỐNG VIỆT NAM (VN)
11C7 khu đô thị mới Đại Kim, Định Công, Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 29: Sữa.

---

(111) **4-0168023**
(210) 4-2009-09114
(181) 12.05.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

ANVINH

(151) 20.07.2011
(220) 12.05.2009

(531) 26.1.2; 26.1.6; 26.3.1; A26.3.6
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHỆ ỨNG DỤNG AN VINH (VN)
Tầng 4 số 27 ngõ Thái Thịnh 1, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Khẩu trang lọc bụi (đồ bảo hộ phòng độc hại); khẩu trang lọc không khí ô nhiễm (đồ bảo hộ phòng độc hại).

---

(111) **4-0168024**
(210) 4-2009-00947
(181) 16.01.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 20.07.2011
(220) 16.01.2009

(531) A7.1.11; 7.1.24; A2.1.16; A2.3.16; A2.1.23
(731) NGUYỄN TRƯỜNG GIANG (VN)
569 đường Giải Phóng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 36: Hãng bất động sản; quản lý bất động sản; môi giới bất động sản; mua bán bất động sản; tư vấn mua bán bất động sản; cho thuê bất động sản; tư vấn cho thuê bất động sản; sàn giao dịch mua bán bất động sản; đấu giá bất động sản; tư vấn đấu giá bất động sản; tư vấn định giá bất động sản; quản lý việc vận hành và khai thác bất động sản; tư vấn

tài chính; đánh giá bất động sản; quản trị và đại lý bất động sản; các dịch vụ đầu tư về tài chính liên quan đến bất động sản; quản trị danh mục tài sản vốn đầu tư.

---

(111) **4-0168025**
(210) 4-2009-09842
(181) 20.05.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

SNOWSOFT

(151) 20.07.2011
(220) 20.05.2009

(731) NGÔ VĂN HOÀ (VN)
Thôn Dương ổ, xã Phong Khê, huyện Yên Phong, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 16: Giấy vệ sinh, khăn lau bằng giấy, khăn ăn bằng giấy, giấy lau mặt, giấy in, giấy viết.

---

(111) **4-0168026**
(210) 4-2009-12963
(181) 25.06.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 20.07.2011
(220) 25.06.2009

(531) 26.2.7; 25.12.1; 1.15.15; A5.7.22
(591) Xanh ngọc, đỏ, vàng, trắng
(731) ACAVA LIMITED (MT)
167 Merchants Street, Valletta, VLT 1174, Malta
(740) Công ty TNHH Tư vấn BIZCONSULT (BIZCONSULT CO., LTD.)

(511) Nhóm 32: Nước có ga; đồ uống có ga; nước đóng chai; nước ép hoa quả; nước ngọt không có ga, không có cồn làm từ hoa quả; đồ uống không có cồn; bia.

---

(111) **4-0168027**
(210) 4-2009-03923
(181) 10.03.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 20.07.2011
(220) 10.03.2009

(531) 24.1.1; A26.11.9; 3.1.8; A24.1.9
(731) LOYOLA UNIVERSITY OF CHICAGO (US)
Suite 715, 820 North Michigan, Chicago, IL 60611, USA
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 16: Đồ dùng giảng dạy và hướng dẫn giảng dạy (không kể máy móc dùng cho mục đích này).

Nhóm 25: Áo sơ mi, áo phông, mũ lưỡi trai, áo mặc trong cho thấm mồ hôi và áo sơ mi mặc khi chơi môn bóng pô lô.

Nhóm 41: Dịch vụ giáo dục.

---

(111) **4-0168028**
(210) 4-2009-04602
(181) 17.03.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

NEUROTROPIN

(151) 20.07.2011
(220) 17.03.2009

(731) NIPPON ZOKI PHARMACEUTICAL CO., LTD. (JP)
1-2, Hiranomachi 2-chome, Chuo-ku, Osaka-shi, Osaka-fu, Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thuốc chữa bệnh dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0168029**
(210) 4-2009-02394
(181) 17.02.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

ABA

(151) 20.07.2011
(220) 17.02.2009

(731) ARDEX AUSTRALIA PTY LIMITED. (AU)
20 Powers Road Seven Hills 2147 NSW Australia.
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 01: Chất chống thấm nước; chất kết dính dùng cho xây dựng; chất kết dính dùng cho gạch bông lát tường; chế phẩm hoá học chống thấm nước; hợp chất chống thấm nước (không phải là sơn).

Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại bao gồm: sản phẩm làm phẳng cụ thể là: xi măng hoặc vữa dùng trong xây dựng; lớp phủ bề mặt (không phải là sơn) không bằng kim loại dùng trong xây dựng; màng chống thấm không làm bằng kim loại dùng trong xây dựng; vật liệu chống thấm nước phi kim loại (không có tiín chất của sơn); lớp phủ (không phải là sơn) không bằng kim loại dùng trong xây dựng.

---

(111) **4-0168030**
(210) 4-2009-02395
(181) 17.02.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 20.07.2011
(220) 17.02.2009

(531) 26.4.1; A26.4.24
(731) ARDEX AUSTRALIA PTY LIMITED. (AU)
20 Powers Road Seven Hills 2147 NSW Australia.
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 01: Chất chống thấm nước; chất kết dính dùng cho xây dựng; chất kết dính dùng cho gạch bông lát tường; chế phẩm hoá học chống thấm nước; hợp chất chống thấm nước (không phải là sơn).

Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại bao gồm: sản phẩm làm phẳng cụ thể là: xi măng hoặc vữa dùng trong xây dựng; lớp phủ bề mặt (không phải là sơn) không bằng kim loại dùng trong xây dựng; màng chống thấm không làm bằng kim loại dùng trong xây dựng; vật liệu chống thấm nước phi kim loại (không có tiín chất của sơn); lớp phủ (không phải là sơn) không bằng kim loại dùng trong xây dựng.

---

(111) **4-0168031**
(210) 4-2009-02834
(181) 24.02.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Ngọc Tùng cùng nông dân bảo vệ mùa màng

(151) 20.07.2011
(220) 24.02.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NGỌC TÙNG (VN)
Lô E 21-22-23, KCN Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật, cụ thể là: thuốc trừ sâu, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc diệt cỏ, thuốc diệt chuột, thuốc diệt ốc, thuốc trừ mối.

---

(111) **4-0168032**
(210) 4-2009-03446
(181) 03.03.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 20.07.2011
(220) 03.03.2009

(531) 3.1.8; A3.1.24
(731) CÔNG TY TNHH ĐẠI TÂY DƯƠNG (VN)
Đường số 5, khu công nghiệp Đồng An, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo nam nữ, quần áo trẻ em, âu phục nam nữ, mũ (nón), giày, dép.

---

(111) **4-0168033**
(210) 4-2009-04018
(181) 11.03.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

RHINROS

(151) 20.07.2011
(220) 11.03.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚC ĐẠI HƯNG (VN)
Số 7 Lê Quý Đôn, tổ 111, khu 6, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0168034**
(210) 4-2009-05406
(181) 24.03.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

ĐÔNG Á
DƯỢC PHẨM ĐÔNG Á

(151) 20.07.2011
(220) 24.03.2009

(531) 26.4.2; 26.1.2; 1.15.23
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ĐÔNG Á (VN)
Số 13 lô 13A, phố Trung Hòa - khu đô thị mới Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Buôn bán dược phẩm, dược chất, thuốc đông y, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế, thực phẩm chức năng, trang thiết bị y tế, nước rửa chén.

---

(111) **4-0168035**
(210) 4-2009-03620
(181) 05.03.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 20.07.2011
(220) 05.03.2009

(531) 3.5.15; 3.1.15; 3.1.14; A25.1.10
(591) Tím, đỏ, vàng, xanh dương, xanh lá cây, xám, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÂN VIỆT ÚC (VN)
7/18 Lê Văn Quới, khu phố 16, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 30: Bún; phở; mì sợi; mì hủ tiếu; mì ống (nui).

---

(111) **4-0168036**
(210) 4-2009-05490
(181) 25.03.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 20.07.2011
(220) 25.03.2009

(531) 2.5.6; 26.4.2; A26.11.13
(591) Trắng , đỏ, xanh, vàng, nâu, đen
(731) CÔNG TY TNHH VIỆT HÀN (VN)
Thôn Khôn Thôn, xã Minh Cường, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 16: Giấy; khăn ướt bằng giấy; khăn ăn bằng giấy; khăn tay bỏ túi bằng giấy; khăn giấy để tẩy trang, tã lót trẻ em bằng giấy hoặc xe lu lô.

---

(111) **4-0168037**
(210) 4-2006-03937
(181) 20.03.2016
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 20.07.2011
(220) 20.03.2006

(531) 3.9.1; 26.3.1
(591) Xanh lá cây, trắng, đỏ, đen
(731) CỞ SỞ CÔ GIÁO THẢO "666" (VN)
Tổ 21 ấp Vĩnh Tây 1, phường Núi Sam, thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 29: Mắm cá đồng các loại.

---

(111) **4-0168038**
(210) 4-2007-25204
(181) 10.12.2017
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 20.07.2011
(220) 10.12.2007

(531) 1.15.15; A5.5.22; 2.3.1; 3.4.11; A26.11.12
(591) Đỏ, vàng, vàng cam, nâu, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH VƯƠNG THỊNH (VN)
Phòng 15, số 631 Nguyễn Trãi, phường 11, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; sữa tắm; xà phòng tắm; dầu gội đầu; xà phòng.

---

(111) **4-0168039**
(210) 4-2008-06446
(181) 28.03.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

bizone

(151) 20.07.2011
(220) 28.03.2008

(531) 26.1.1; A1.1.12; A25.7.7; 25.12.1; 1.3.1; A5.5.20
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN MỀM PHÙ ĐỔNG (VN)
Số 5, phố Quốc Tử Giám, phường Văn Chương, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Nhật ký điện tử; hệ điều hành dùng cho máy tính; chương trình máy tính ghi sẵn; chương trình máy vi tính (phần mềm có thể tải xuống được); phần mềm máy tính (ghi sẵn); máy vi tính.

Nhóm 35: Quản lý thương mại điện tử về việc li-xăng sản phẩm và dịch vụ của người khác; quản lý quá trình đặt hàng; thông tin thương mại và tư vấn tiêu dùng; dịch vụ giới thiệu sản phẩm trên các phương tiện truyền thông để bán lẻ; cơ sở dữ liệu trong máy tính (hệ thống hóa thông tin vào máy tính); quản lý tư liệu bằng máy tính.

---

(111) **4-0168040**
(210) 4-2005-03301
(181) 29.03.2015
(450) 25.08.2011 281
(540)

BEAUTÉ de KOSÉ
White Succeed

(151) 20.07.2011
(220) 29.03.2005

(731) KOSÉ CORPORATION (JP)
6-2, Nihonbashi 3-chome, Chuo-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; nước hoa; xà phòng mỹ phẩm; bông dùng cho mỹ phẩm và sản phẩm chăm sóc tóc, cụ thể là thuốc nhuộm tóc, kem dưỡng tóc, gôm xịt tóc, nước dưỡng tóc, dung dịch để nhuộm tóc, chất điều trị cho tóc (không chứa dược phẩm), nước gôm dùng cho tóc, sáp dùng cho tóc, chất gel dùng cho tóc, nước thơm tạo dáng cho tóc.

Nhóm 21: Bàn chải lông mày; bàn chải thoa phấn lên má; bàn chải thoa nhũ lên mí mắt; vật dụng làm từ bọt biển (không dùng cho y tế) dùng để thoa lên mí mắt; lược chải mi mắt; hộp rỗng đựng phấn trang điểm; bàn chải vẽ môi và nùi bông thoa phấn trang điểm.

---

(111) **4-0168041**
(210) 4-2009-19277
(181) 10.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 20.07.2011
(220) 10.09.2009

(591) Cam đậm
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SÔNG HỒNG 9 (VN)
Nhà B10, lô TT13, khu đô thị mới Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 19: Vật liệu xây dựng không bằng kim loại.

Nhóm 20: Đồ nội thất dùng cho văn phòng và gia đình như; bàn; ghế; giường; tủ; kệ.

Nhóm 35: Tư vấn đấu thầu, lập hồ sơ dự thầu; tư vấn quản lý dự án; mua bán trang thiết bị y tế, đồ dùng cá nhân và đồ dùng gia đình, các loại máy móc, thiết bị trong lĩnh vực xây dựng, cấu kiện xây dựng, các thiết bị viễn thông; đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; đại lý ủy thác xuất, nhập khẩu hàng hóa; dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá.

Nhóm 36: Tư vấn đầu tư trong lĩnh vực bất động sản; cho thuê nhà ở, văn phòng; mua bán bất động sản; đầu tư xây dựng nhà ở để bán và cho thuê.

Nhóm 37: Thi công xây lắp hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống âm thanh, ánh sáng, hệ thống điện, điện máy, điện lạnh, hệ thống cấp thoát nước, phòng cháy chữa cháy, hệ thống diệt mối và phòng chống mối mọt; xây dựng các công trình công cộng, dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu đô thị, công trình đường dây và trạm biến áp đến 35 KV; san lấp mặt bằng, xử lý nền móng công trình; khai thác quặng (khai thác mỏ); cho thuê các loại máy móc, thiết bị trong lĩnh vực xây dựng; lắp đặt bảo dưỡng các thiết bị viễn thông.

Nhóm 39: Vận chuyển khách du lịch bằng ô tô; dịch vụ vận tải hành khách và hàng hóa bằng các loại phương tiện giao thông trên bộ, trên biển, trên không.

Nhóm 40: Chế biến quặng; gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí.

Nhóm 42: Thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế nội, ngoại thất công trình; tư vấn chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực xây dựng; kiểm định chất lượng các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật.

Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống; dịch vụ khách sạn.

---

(111) **4-0168042**
(210) 4-2009-18392
(181) 28.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

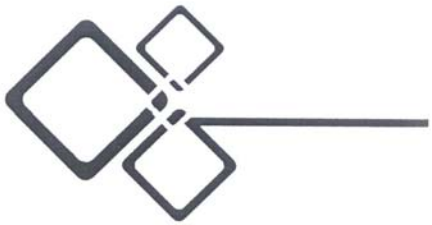

(151) 20.07.2011
(220) 28.08.2009

(531) 26.4.1; 26.4.9; 26.4.3; A25.7.2
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ BẮC THĂNG LONG (VN)
Số 25 Hồ Đắc Di, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Luật TNHH Việt An (VIET AN LAW FIRM)

(511) Nhóm 35: Tổ chức triển lãm với mục đích thương mại hoặc quảng cáo, tổ chức hội nghị hội thảo triển lãm (nhằm mục đích kinh doanh), hỗ trợ điều hành doanh nghiệp thương mại hoặc công nghiệp; dịch vụ giới thiệu sản phẩm trên các phương tiện truyền thông để bán lẻ; hệ thống hoá thông tin vào cơ sở dữ liệu trong máy tính.

Nhóm 39: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế, đại lý du lịch, vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách, dịch vụ du lịch sinh thái.

---

(111) **4-0168043**
(210) 4-2009-18866
(181) 07.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 20.07.2011
(220) 07.09.2009

(591) Đen, da cam.
(731) CÔNG TY TNHH ĐÀO TẠO SUỐI NHẠC (VN)
370 Cách Mạng Tháng Tám, phường 10, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 41: Trường âm nhạc; dịch vụ đào tạo nhạc sĩ, ca sĩ; trường đào tạo (giáo dục); dịch vụ tổ chức biểu diễn, trình diễn âm nhạc; phòng hòa nhạc; dịch vụ dàn dựng các băng vi-đê ô ca nhạc; dịch vụ câu lạc bộ ca múa nhạc; dịch vụ lồng tiếng, lồng nhạc; dịch vụ tổ chức hội nghị, hội thảo; dịch vụ dàn dựng và điều khiển các chương trình giải trí âm nhạc.

---

(111) **4-0168044**
(210) 4-2009-20466
(181) 24.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 20.07.2011
(220) 24.09.2009

(531) A26.11.12; 26.13.25
(731) LINING SPORTS (SHANGHAI) COMPANY LIMITED (CN)
Suite 3201, China Merchants Tower, No. 161 Lujiazui (E) Road, Pudong, Shanghai 200120, PRC
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 18: Ba lô đeo trên vai; túi bằng da dùng để bao gói; túi thể thao thuộc nhóm này; túi dùng cho người cắm trại; túi dùng cho người leo núi; túi dùng để đi du lịch; cặp đựng tài liệu; ví đựng danh thiếp (ví); hòm bằng da hoặc bằng giả da; túi xách tay; túi dết; hộp đựng chìa khoá bằng da; gậy dùng để leo núi; ví bỏ túi; túi nhỏ để đựng tiền; ba lô; túi dùng để mua hàng; cặp sách; va li; rương dùng để đi du lịch; bộ túi dùng để đi du lịch làm bằng da; rương dùng để đựng hành lý; ô.

Nhóm 25: Áo choàng mặc sau khi tắm; giày dép dùng để đi trong nhà tắm; mũ ôm sát đầu dùng khi tắm; quần đùi dùng khi tắm; quần áo tắm; quần áo dùng khi đi biển; giày dùng ở bãi biển; dây lưng thuộc trang phục; mũ bê rê; giày ống thuộc nhóm này; giày ống dùng khi chơi thể thao thuộc nhóm này; mũ lưỡi trai (đồ đội đầu); mũ tắm; quần áo thuộc nhóm này; quần áo thể dục; quần áo da; quần áo dùng cho môn võ juđô; áo khoác; miếng đỡ tay áo thuộc trang phục; mũ che tai (trang phục); giày ống dùng khi đá bóng; giày đá bóng; đồ đi chân thuộc nhóm này; thắt lưng thuộc trang phục; găng tay (quần áo); giày thể dục; giày ống ngắn; mũ có vành; dải băng buộc đầu thuộc trang phục; mũ đội đầu; quần áo dệt kim; áo vét (quần áo); áo nịt len (quần áo); quần áo đan; quần áo giả da; ống quần (xà cạp) thuộc trang phục; găng tay hở ngón thuộc trang phục; ca vát; áo choàng ngoài; áo bành tô dùng để khoác ngoài; quần lót; áo len chui đầu; dép xăng đan; khăn quàng cổ; áo sơ mi; giày thuộc nhóm này; ủng dùng khi trượt tuyết; váy dùng cho phụ nữ; dép đi trong nhà; bít tất ngắn có độ dài đến mắt cá chân hoặc đầu gối; áo nịt len thể thao; giày thể thao; bít tất dài; quần áo may theo bộ; áo len dài tay; quần áo bơi; áo phông; quần; áo gilê; cổ tay áo thuộc trang phục; áo khoác được đệm lông vũ; quần áo dùng khi đi bộ; giày da; giày dùng khi chơi bóng bầu dục.

Nhóm 28: Quả bóng dùng trong các trò chơi; quả bóng dùng trong môn bóng rổ; quả bóng dùng trong môn bóng đá; quả bóng dùng trong môn bóng chuyền; quả bóng dùng trong môn đánh gôn; quả bóng dùng trong môn quần vợt; gậy dùng trong các trò chơi; xe đạp cố định dùng để luyện tập; thiết bị rèn luyện cơ thể; cái bảo vệ khuỷu tay (dụng cụ thể thao); găng tay dùng trong các trò chơi (vật dụng của các trò chơi); túi đựng gậy đánh gôn, có hoặc không có bánh xe; gậy đánh gôn; găng tay dùng trong môn đánh gôn; dụng cụ dùng để tập thể dục; cái bảo vệ đầu gối (dụng cụ thể thao); lưới dùng cho các môn thể thao; miếng lót dùng để ngăn chấn thương (bộ phận của quần áo thể thao); quả bóng dùng làm đồ chơi; vợt dùng trong các trò chơi; pa-tanh có bánh lăn; cái bảo vệ cẳng chân (dụng cụ thể thao); quả cầu lông; dây dùng cho vợt; bàn chuyên dùng cho môn bóng bàn; miếng lót bao cổ tay dùng để ngăn chấn thương khi chơi thể thao; túi được thiết kế chuyên dùng để đựng vợt.

(111) **4-0168045**
(210) 4-2009-21289
(181) 05.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

BEROXIB

(151) 20.07.2011
(220) 05.10.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX (VN)
NA6, khu công nghiệp Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168046**
(210) 4-2009-15400
(181) 24.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 20.07.2011
(220) 24.07.2009

(531) A26.11.12; 1.15.15; 1.15.14
(591) Trắng, đỏ, xanh dương
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT VIỆT NAM (VN)
16/8C Bùi Văn Ba, KP2, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 32: Nước uống đóng chai, bình; nước khoáng; đồ uống không cồn; nước ngọt giải khát; nước ép trái cây; nước giải khát có xô-đa.

---

(111) **4-0168047**
(210) 4-2009-20049
(181) 18.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

MOTOTSC

(151) 20.07.2011
(220) 18.09.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ (VN)
Số 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc diệt cỏ, thuốc diệt trừ sâu bọ, thuốc diệt trừ rầy nâu, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng.

---

(111) **4-0168048**
(210) 4-2009-20581
(181) 25.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

シアのクリバ
Su-a-no-ku-li-ba

(151) 20.07.2011
(220) 25.09.2009

(531) A26.11.12; 26.13.25
(731) TAISHAN YOUSHUN CHEMICAL CO. LTD. (CN)
Peng Sha Keng Industrial District, Tai-Cheng Town, Taishan City, Guangdong Province, P.R.China
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 01: Chất dính dùng trong công nghiệp; keo dùng trong công nghiệp; chất dính dùng để dán quảng cáo; hoá chất dùng để gắn kết dùng trong luyện kim; hoá chất gắn kết cho ủng và giầy (dùng trong công nghiệp sản xuất giầy dép); mát tít dùng cho da thuộc; chất dính không dùng cho văn phòng hoặc gia đình; bột gỗ; chất chịu lửa (hoá chất dùng trong công nghiệp); chất dính dùng cho giấy dán tường.

---

(111) **4-0168049**
(210) 4-2009-15738
(181) 29.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 20.07.2011
(220) 29.07.2009

(531) 3.9.16; 26.4.2
(591) Đỏ, trắng.
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM COLUSA-MILIKET (VN)
1230 Kha Vạn Cân, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền; bún ăn liền; phở ăn liền; miến ăn liền; cháo ăn liền; mì gạo ăn liền.

---

(111) **4-0168050**
(210) 4-2009-20217
(181) 22.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 20.07.2011
(220) 22.09.2009

(531) 2.9.1; A1.1.2; A26.11.12
(731) BÁO VIETNAMNET (VN)
Số 4 Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính có thể tải xuống được; máy tính; thiết bị ghi, truyền, tái tạo âm thanh và hình ảnh; vật mang dữ liệu từ tính, đĩa ghi; báo điện tử, xuất bản phẩm điện tử có thể tải xuống qua mang máy tính.

Nhóm 16: Ấn phẩm; xuất bản phẩm; báo; tạp chí; bản tin.

Nhóm 35: Mua bán thiết bị, máy móc phục vụ ngành truyền thông, viễn thông, công nghiệp thông tin; dịch vụ quảng cáo; hoạt động quan hệ công chúng; dịch vụ nghiên cứu thị trường; xuất khẩu, nhập khẩu các sản phẩm phần mềm và thiết bị, máy móc phục vụ ngành truyền thông, viễn thông, công nghệ thông tin.

Nhóm 38: Dịch vụ truyền thông bao gồm: phát thanh truyền hình, phát thanh radio, thông tin bằng điện thoại, thông tin bằng máy tính điện tử, dịch vụ nhắn tin (bằng vô tuyến, điện thoại hoặc các phương tiện liên lạc điện tử khác), truyền hình cáp, truyền qua vệ tinh, truyền thư tín và hình ảnh bằng máy tính, truyền tin và ảnh có hỗ trợ máy tính.

Nhóm 39: Dịch vụ du lịch.

Nhóm 41: Dịch vụ đào tạo; xuất bản sách báo, tạp chí định kỳ; thông tin về sự giải trí; cung cấp các dịch vụ vui chơi giải trí trên truyền hình, phát thanh và báo chí; dịch vụ tổ chức các cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục và giải trí; tổ chức hội thảo; tổ chức chương trình văn hoá, văn nghệ; dịch vụ sản xuất các chương trình phát thanh (chương trình thời sự, ca nhạc, thông tin giải trí); dịch vụ sản xuất các chương trình truyền hình (chương trình ca nhạc, phim, game show (chương trình trò chơi trên truyền hình), quảng cáo); dịch vụ sản xuất các chương trình nghệ thuật sân khấu (cải lương, chèo, tuồng); đại lý cung cấp và khai thác các dịch vụ gia tăng trên mạng viễn thông internet cụ thể là các dịch vụ tải nhạc chuông, hình ảnh, game, tin tức, lưu trữ thông tin của các thuê bao viễn thông, các trò chơi giải trí trúng thưởng trên mạng viễn thông.

(111) **4-0168051**
(210) 4-2009-20773
(181) 29.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

LINH HOA TÁN PHONG

(151) 20.07.2011
(220) 29.09.2009

(731) CÔNG TY TNHH BẮC ĐÔNG DƯƠNG (VN)
Số 1A35, Nguyễn Thái Sơn, phường 3, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Bình Minh (SUNRISE IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0168052**
(210) 4-2009-15549
(181) 27.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

NAKITTO

(151) 20.07.2011
(220) 27.07.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM NAM AN (VN)
B14, ngách 16, ngõ 61 Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0168053**
(210) 4-2009-16208
(181) 04.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

AVIGLU

(151) 20.07.2011
(220) 04.08.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ÂU VIỆT (VN)
C5, tổ 26, cụm 5, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0168054**
(210) 4-2009-19044
(181) 08.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Vương Não Khang

(151) 20.07.2011
(220) 08.09.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM Á - ÂU (VN)
P205-Y2 tập thể Bộ Y tế, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0168055**
(210) 4-2009-20685
(181) 28.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 20.07.2011
(220) 28.09.2009

(531) 26.1.1; 26.1.2; A26.11.12; 25.1.6
(591) Đỏ, xanh sẫm, xanh lá cây, vàng, vàng nhạt, hồng, nâu, xanh da trời, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÂN KỲ LÂN (VN)
Số 11, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh ngọt, bánh bích quy, bánh kem xốp, kẹo, sôcôla, ca-cao.

---

(111) **4-0168056**
(210) 4-2009-14843
(181) 20.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 20.07.2011
(220) 20.07.2009

(531) 26.1.2; A26.11.12; A5.5.21; A5.5.20
(591) Đỏ, xanh dương, xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY TNHH NHỰA LONG THÀNH (VN)
08 Kim Biên, phường 13, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 21: Thùng đựng rác làm bằng nhựa; thùng nhựa giữ lạnh (thùng đá) không dùng điện; xô nhựa; chậu nhựa; chai lọ; đồ đựng dùng cho nhà bếp làm bằng nhựa.

---

(111) **4-0168057**
(210) 4-2009-15884
(181) 30.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 20.07.2011
(220) 30.07.2009

(531) A1.5.3
(591) Đỏ, xanh da trời, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG THIÊN AN VŨ (VN)
Nhà N15, khu X2A, phường Yên Sở, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 11: Thiết bị vệ sinh dùng trong nhà tắm như: bồn xông khô, bồn tắm đa năng, bồn nằm tạo sóng, bồn xông hơi đứng, chậu rửa, bệt xí vệ sinh (thiết bị vệ sinh bằng sứ).

---

(111) **4-0168058**
(210) 4-2009-17283
(181) 17.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

HAAMINO

(151) 20.07.2011
(220) 17.08.2009

(531) 26.4.1; 26.4.9; 26.4.3; A25.7.2
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BẢO VỆ THỰC VẬT HOÀNG ANH (VN)
P103, V4, tập thể Đại học giao thông vận tải, ngõ 12, ngách 629 phố Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 01: Phân bón, phân bón lá, phân bón hữu cơ vi sinh, phân bón vi lượng đất hiếm, phân bón dùng cho đất, phân bón có chứa ni tơ.

---

(111) **4-0168059**
(210) 4-2009-20640
(181) 28.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 20.07.2011
(220) 28.09.2009

(531) A5.5.21; 26.4.1; 26.4.2; 26.4.4; 26.11.2; 5.7.3; 5.7.24; 5.9.24; 3.4.1; A3.4.2; A3.4.4; 3.4.13
(591) Đỏ, tím, xanh lá cây, xanh dương, vàng, nâu, ghi xám, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT PHƯỚC HƯNG (VN)
D16/8D Nguyễn Cửu Phú, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 01: Phân bón.

---

(111) **4-0168060**
(210) 4-2009-20641
(181) 28.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

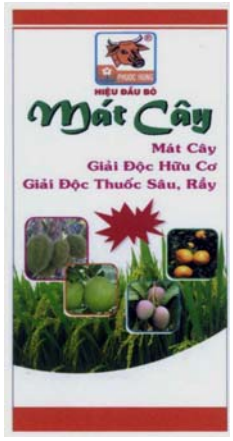

(151) 20.07.2011
(220) 28.09.2009

(531) 26.4.2; 26.4.1; 26.4.4; A26.11.12; A6.19.9; 5.7.3; 5.7.24; 5.9.24; 3.4.1; A3.4.2; A3.4.4; 3.4.13; A5.5.21
(591) Đỏ, xanh lá cây, xanh dương, hồng, vàng, nâu, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT PHƯỚC HƯNG (VN)
D16/8D Nguyễn Cửu Phú, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 01: Phân bón.

(111) **4-0168061**
(210) 4-2009-26065
(181) 01.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 20.07.2011
(220) 01.12.2009

(531) 26.4.1; A25.1.10; 17.2.25; 26.1.1; 22.1.1; 3.9.1
(591) Vàng, vàng da cam nhạt, vàng da cam đạm, đồng, đen, xám, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC (VN)
Khu công nghiệp Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 31: Sản phẩm thức ăn gia súc.

---

(111) **4-0168062**
(210) 4-2009-26800
(181) 10.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

DZAXINH

(151) 20.07.2011
(220) 10.12.2009

(731) CÔNG TY TNHH GIAI CẢNH (VN)
295 Nguyễn Trãi, phường 7, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thuốc đông y; dầu gió; thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế; trà giảm béo dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0168063**
(210) 4-2009-25696
(181) 26.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 20.07.2011
(220) 26.11.2009

(531) 26.1.2; 5.7.3; A26.11.12
(591) Đỏ, vàng, vàng nhũ, trắng
(731) THÁI THỊ HẰNG (VN)
35 dốc Tam Đa, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0168064**
(210) 4-2009-26783
(181) 10.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

chipbon

(151) 20.07.2011
(220) 10.12.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG (VN)
71 Lê Lai, Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 29: Xúc xích.

---

(111) **4-0168065**
(210) 4-2009-26960
(181) 11.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

HARLEY

(151) 20.07.2011
(220) 11.12.2009

(731) H-D MICHIGAN, LLC (US)
315 W. Huron Street, Suite 400, Ann Arbor, Michigan 48103, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu (SAO BẮC ĐẨU IP COM.,LTD.)

(511) Nhóm 12: Xe gắn máy, xe đạp, ô tô, và phụ tùng và linh kiện xe gắn máy, xe đạp và ô tô cụ thể là ghế ngồi, đồ tựa lưng, miếng ốp bình xăng dùng để trang trí, bộ bánh răng truyền động, bình xăng, bánh xích, trục bánh răng, khớp ly hợp, nắp và đai bình điện, chân chống trước, sau và giữa của xe, nắp chụp trục bánh xe, nắp chụp cần số xe hơi, miếng để chân và duỗi chân, kính chắn gió, yếm xe máy, miếng bọc ở đầu vè xe, bàn đạp, vỏ bọc tay cầm ở ghi đông xe, vật chắn an toàn, cụ thể là thanh chắn dùng gắn vào xe máy, bộ giảm sóc cho thiết bị lái, thiết bị giảm sóc, bánh xe dự phòng, đồ đựng bánh xe dự phòng, tem nhãn hiệu dùng ốp vào xe, vật chắn bảo vệ hành lý cụ thể là vật chắn bùn, cái bọc yên xe, giá mang hành lý, khung treo biển số, thanh ngang ghi đông xe đạp, miếng lót cần để chân, tấm đệm bình xăng và vè, kính chiếu hậu, vè xe và miếng chắn bùn, và bộ phận cân vành bánh xe.

Nhóm 18: Yên cương, túi xách, ví, ba lô, túi vải, túi đeo sau yên xe môtô, túi đựng chìa khóa và dây đeo chìa khóa làm bằng da, túi quần áo, ví đựng danh thiếp, túi da đựng mặt nạ che mặt, hộp da đựng đĩa CD, túi da đeo sau ghế ngồi, hộp da đựng chìa khóa, valy, giỏ đi chợ, cặp đựng tài liệu, cặp da, ví đựng sổ séc, túi đựng hành lý, túi du lịch, túi da dùng đựng đồ uống, túi xách tay, túi đeo sau hông, túi dết, cặp sách, balô, ô, túi du lịch, rương, túi nhỏ và túi dùng đựng tập ghi chép bằng da, dây buộc chó, vòng cổ chó, trang phục cho chó và vòng cổ mèo.

Nhóm 25: Quần áo mặc ngoài, áo len dài tay, dây đeo (quần, tất), khăn quàng cổ, khăn rằn, áo vét, áo khoác, áo gilê, găng tay, quần jeans, quần bằng da, áo sơ mi, áo nịt len,

quần soọc, mũ lưỡi trai, mũ có vành, đồ đội đầu, mũ đan len, mũ đi mưa, thắt lưng, bộ áo liền quần, áo dây choàng cổ, cà vạt, áo ngủ của phụ nữ, áo ngủ của đàn ông, quần áo ngủ, quần dài, đồ đi mưa, áo khoác đi mưa, quần áo chống thấm, áo ấm chui đầu, quần ấm dài, áo không tay, áo thun, đồ lót, bộ complê, dải băng buộc đầu, áo lót phụ nữ, quần áo bằng da, quần áo bơi, váy, vạt yếm, đồ đi chân, cụ thể là giày, ủng, và các đồ đi kèm theo giày, cụ thể là đồ gắn vào mũi giầy, miếng lót giày, đồ bảo vệ gót giày.

---

(111) **4-0168066**
(210) 4-2009-25710
(181) 26.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

PEPTIOSE

(151) 20.07.2011
(220) 26.11.2009

(731) SEO KYUNG COMPANY (KR)
E-Rea Officetel Room 801, 1574-5 Seocho-dong, Seocho-Ku, Seoul, Korea (137-070)
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168067**
(210) 4-2009-25711
(181) 26.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

PRESIUREA

(151) 20.07.2011
(220) 26.11.2009

(731) SEO KYUNG COMPANY (KR)
E-Rea Officetel Room 801, 1574-5 Seocho-dong, Seocho-Ku, Seoul, Korea (137-070)
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168068**
(210) 4-2009-25712
(181) 26.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

CERCHISTON

(151) 20.07.2011
(220) 26.11.2009

(731) SEO KYUNG COMPANY (KR)
E-Rea Officetel Room 801, 1574-5 Seocho-dong, Seocho-Ku, Seoul, Korea (137-070)
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168069**
(210) 4-2009-25713
(181) 26.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

CERCURAN

(151) 20.07.2011
(220) 26.11.2009

(731) SEO KYUNG COMPANY (KR)
E-Rea Officetel Room 801, 1574-5 Seocho-dong, Seocho-Ku, Seoul, Korea (137-070)
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168070**
(210) 4-2009-25714
(181) 26.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

MUSLTON

(151) 20.07.2011
(220) 26.11.2009

(731) SEO KYUNG COMPANY (KR)
E-Rea Officetel Room 801, 1574-5 Seocho-dong, Seocho-Ku, Seoul, Korea (137-070)
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168071**
(210) 4-2009-25715
(181) 26.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

BRANTHONG

(151) 20.07.2011
(220) 26.11.2009

(731) SEO KYUNG COMPANY (KR)
E-Rea Officetel Room 801, 1574-5 Seocho-dong, Seocho-Ku, Seoul, Korea (137-070)
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168072**
(210) 4-2009-25716
(181) 26.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

DIGEPOWER

(151) 20.07.2011
(220) 26.11.2009

(731) SEO KYUNG COMPANY (KR)
E-Rea Officetel Room 801, 1574-5 Seocho-dong, Seocho-Ku, Seoul, Korea (137-070)
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168073**
(210) 4-2009-25717
(181) 26.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

ASSIMBLE

(151) 20.07.2011
(220) 26.11.2009

(731) SEO KYUNG COMPANY (KR)
E-Rea Officetel Room 801, 1574-5 Seocho-dong, Seocho-Ku, Seoul, Korea (137-070)
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168074**
(210) 4-2009-25718
(181) 26.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

ASSIMINT

(151) 20.07.2011
(220) 26.11.2009

(731) SEO KYUNG COMPANY (KR)
E-Rea Officetel Room 801, 1574-5 Seocho-dong, Seocho-Ku, Seoul, Korea (137-070)
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168075**
(210) 4-2009-25719
(181) 26.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

DIGESPREE

(151) 20.07.2011
(220) 26.11.2009

(731) SEO KYUNG COMPANY (KR)
E-Rea Officetel Room 801, 1574-5 Seocho-dong, Seocho-Ku, Seoul, Korea (137-070)
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168076**
(210) 4-2009-25983
(181) 01.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

SUNFLEDS

(151) 20.07.2011
(220) 01.12.2009

(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TAI SUN VIỆT NAM (VN)
8/5 Minh Mạng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Băng vệ sinh phụ nữ.

---

(111) **4-0168077**
(210) 4-2009-25689
(181) 26.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

REDMETHO

(151) 20.07.2011
(220) 26.11.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẠI BẮC (VN)
65 phố Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0168078**
(210) 4-2009-26682
(181) 09.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 20.07.2011
(220) 09.12.2009

(531) 3.13.1; A3.13.24; A26.11.12; 26.13.25
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DIANA (VN)
Khu công nghiệp Vĩnh Tuy, đường Lĩnh Nam, phường Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 16: Khăn giấy, khăn giấy ướt, giấy vệ sinh, tã giấy cho người già.

---

(111) **4-0168079**
(210) 4-2009-26789
(181) 10.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

DAVINZIN

(151) 20.07.2011
(220) 10.12.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DAVINCI - PHÁP (VN)
Phòng 1202, nhà 17T9, khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0168080**
(210) 4-2009-19555
(181) 15.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Link
@Sheraton

(151) 20.07.2011
(220) 15.09.2009

(531) 26.11.1; 24.17.17; 24.17.25
(731) SHERATON INTERNATIONAL, INC. (US)
1111 Westchester Avenue, White Plains, New York 10604, USA
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn, cụ thể là cung cấp thông tin về khách sạn thông qua mạng Internet.

---

(111) **4-0168081**
(210) 4-2009-13653
(181) 06.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

VIN GROUP

(151) 20.07.2011
(220) 06.07.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VIỆT NAM (VIN GROUP JSC) (VN)
191 phố Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 36: Quản lý bất động sản; thuê và cho thuê bất động sản (văn phòng, căn hộ); đánh giá bất động sản; môi giới bất động sản; thông tin bất động sản.

---

(111) **4-0168082**
(210) 4-2009-10399
(181) 27.05.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 20.07.2011
(220) 27.05.2009

(531) 26.13.25; 26.4.4; 14.1.13; A14.1.14
(591) Xanh nước biển đậm, xanh lá cây đậm, trắng
(731) FUBON FINANCIAL HOLDING CO., LTD. (TW)
237 Chien Kuo S. Road Sec. 1, Taipei, Taiwan
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 36: Hợp đồng bảo hiểm; bảo hiểm tai nạn; bảo hiểm hoả hoạn; bảo hiểm sức khoẻ; bảo hiểm sinh mạng; bảo hiểm hàng hải; dịch vụ thống kê bảo hiểm; rnôi giới bảo hiểm; tư vấn bảo hiểm; hoạt động ngân hàng; ngân hàng cho vay thế chấp; ngân hàng ký quỹ; phát hành thẻ tín dụng; phát hành thẻ có giá trị tích luỹ; ngân hàng tiết kiệm và cho vay (tài chính); dịch vụ thanh toán (tài chính); ngân hàng hối đoái (tài chính); dịch vụ tín dụng; dịch vụ đổi tiền; dịch vụ trả góp; phát hành séc du lịch; quỹ tương hỗ; dịch vụ gửi két an toàn; hoạt động thế chấp; quản lý tài sản bất động sản; dịch vụ bảo đảm (tài chính); uỷ thác tín dụng (tiền tệ) hoặc tài chính; dịch vụ chuyển vốn; dịch vụ trả lương hưu; dịch vụ tài chính; cho thuê nông trại; cho thuê bất động sản; dịch vụ thanh toán nợ trước khi giải thể (tài chính); môi giới hải quan; dịch vụ mua nợ; dịch vụ thu hồi nợ; đánh giá những đồ có giá trị; môi giới cầm đồ; dịch vụ cầm đồ; môi giới hợp đồng hàng hoá bán giao sau.

(111) **4-0168083**
(210) 4-2009-11611
(181) 10.06.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 20.07.2011
(220) 10.06.2009

(531) 26.7.25; A26.3.5; 26.1.1; A25.3.3; A26.11.9
(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM ĐỨC VIỆT (VN)
Xã Tân Lập, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 29: Xúc xích nướng; xúc xích viên hong khói; xúc xích vườn bia; xúc xích hong khói; xúc xích tỏi; thăn heo hong khói; dọi quế hong khói (thực phẩm); jăm bông hong khói; đùi, chân giò hong khói rút xương; giò.

Nhóm 30: Mù tạt, mù tạt tiêu đen.

---

(111) **4-0168084**
(210) 4-2009-11612
(181) 10.06.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 20.07.2011
(220) 10.06.2009

(531) 26.7.25; 26.1.1; A26.3.5; A26.11.9; A25.3.3
(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM ĐỨC VIỆT (VN)
Xã Tân Lập, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 29: Xúc xích nướng; xúc xích viên hong khói; xúc xích vườn bia; xúc xích hong khói; xúc xích tỏi; thăn heo hong khói; dọi quế hong khói (thực phẩm); jăm bông hong khói; đùi, chân giò hong khói rút xương; giò.

Nhóm 30: Mù tạt, mù tạt tiêu đen.

(111) **4-0168085**
(210) 4-2009-10421
(181) 27.05.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

TRƯỜNG THỊNH PLASTICS

(151) 20.07.2011
(220) 27.05.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TRƯỜNG THỊNH (VN)
365A Nơ Trang Long, phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh (DAITIN AND ASSOCIATES CO.,LTD)

(511) Nhóm 16: Bao bì bằng nhựa; túi dùng để gói (bằng giấy hoặc bằng chất dẻo); túi đựng rác bằng giấy hoặc bằng chất dẻo; hộp bằng các-tông hoặc bằng giấy (thuộc nhóm này); màng mỏng bằng chất dẻo dùng cho việc gói hàng.

Nhóm 20: Thùng (hộp) để đóng hàng (làm bằng chất dẻo); khay đựng hàng thuộc nhóm này (không làm bằng kim loại); kệ (pa-lét) dùng để chất hàng không làm bằng kim loại; kệ (pa-lét) dùng để chuyển hàng không làm bằng kim loại; thùng đựng thuộc nhóm này (không làm bằng kim loại); hộp bằng gỗ hoặc chất dẻo (thuộc nhóm này).

Nhóm 21: Đồ chứa đựng dùng cho mục đích gia dụng hoặc nhà bếp thuộc nhóm này; hộp đựng bằng nhựa (dùng cho mục đích gia dụng hoặc nhà bếp); khay dùng cho mục đích gia dụng; xô nhựa (thuộc nhóm này); chậu nhựa (thuộc nhóm này).

Nhóm 35: Mua bán nguyên vật liệu phục vụ ngành bao bì nhựa, thiết bị máy móc, khuôn mẫu, phụ tùng chuyên dùng cho ngành nhựa; dịch vụ về giới thiệu hàng hóa; dịch vụ thương mại điện tử.

Nhóm 40: Dịch vụ sản xuất bao bì nhựa, chai đựng, lọ đựng, hộp đựng (theo yêu cầu của người khác); dịch vụ sản xuất sản phẩm cao su (theo yêu cầu của người khác); dịch vụ chế biến sản phẩm cao su (theo yêu cầu của người khác); dịch vụ thông tin về lĩnh vực gia công vật liệu.

---

(111) **4-0168086**
(210) 4-2009-11606
(181) 10.06.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

HÀ MINH ANH

(151) 20.07.2011
(220) 10.06.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HÀ MINH ANH (VN)
Số 18 quốc lộ 2, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 36: Mua bán và môi giới bất động sản; đầu tư bất động sản.

Nhóm 37: Xây dựng, san lấp nền móng công trình.

Nhóm 41: Đào tạo và dạy nghề; đại lý phát hành xuất bản phẩm.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn, nhà hàng ăn uống; quán cà phê giải khát; dịch vụ cung cấp thức ăn và đồ uống (do nhà hàng cung cấp).

---

(111) **4-0168087**
(210) 4-2009-11977
(181) 15.06.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 20.07.2011
(220) 15.06.2009

(531) 26.3.23; 26.4.4; 26.13.25
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ HƯNG PHÚ (VN)
C1A đường Trần Phú, phường 3, thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 37: Dịch vụ xây dựng các công trình dân dụng, dịch vụ xây dựng các công trình công nghiệp, dịch vụ san lấp mặt bằng.

---

(111) **4-0168088**
(210) 4-2009-12108
(181) 16.06.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

ZEN

(151) 20.07.2011
(220) 16.06.2009

(731) PT. SARI INCOFOOD CORPORATION (ID)
Desa Tanjung Morawa B, Kabupaten Deli Serdang, Sumatera Utara, Indonesia
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 30: Cà phê, chè, ngũ cốc, bánh quy, sôcôla, ca cao, đường, bánh nướng và bánh kẹo, mật ong, kẹo, bánh mỳ, bánh ngọt, mì sợi.

Nhóm 43: Quán cà phê, quán cà phê tự phục vụ, khách sạn, khách sạn cạnh đường cho khách có ôtô, nhà hàng ăn uống, quán rượu nhỏ, quầy rượu, căng-tin.

---

(111) **4-0168089**
(210) 4-2009-12531
(181) 22.06.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

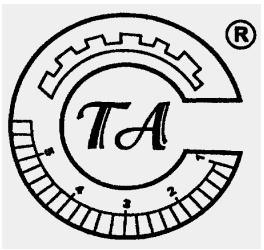

(151) 20.07.2011
(220) 22.06.2009

(531) 15.7.1; 26.1.1; 17.5.1; A17.5.2
(731) CÔNG TY TNHH TUẤN ANH (VN)
Số 144 đường Lê Hồng Phong, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Thước đo (thiết bị đo đạc).

---

(111) **4-0168090**
(210) 4-2009-14020
(181) 09.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

BARIOIL

(151) 20.07.2011
(220) 09.07.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI (VN)
19 Tràng Thi, phường Trần Đăng Ninh, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0168091**
(210) 4-2009-14021
(181) 09.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

BARIHD

(151) 20.07.2011
(220) 09.07.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI (VN)
19 Tràng Thi, phường Trần Đăng Ninh, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0168092**
(210) 4-2009-14583
(181) 17.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

SAMAGOOD

(151) 20.07.2011
(220) 17.07.2009

(731) XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM Á CHÂU (VN)
Do lộ, Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168093**
(210) 4-2009-25566
(181) 25.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

SOULETED

(151) 20.07.2011
(220) 25.11.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MINH HẢI (VN)
322 Lý Văn Lâm, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0168094**
(210) 4-2007-15709
(181) 13.08.2017
(450) 25.08.2011 281
(540)

KORZYM

(151) 20.07.2011
(220) 13.08.2007

(731) KOLON I'NETWORKS.CORP. (KR)
Kolon Tower, Annex 1- 22, Byeolyang - Dong, Kwacheon City, Kyonggi - Do 427- 040, Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168095**
(210) 4-2007-16242
(181) 20.08.2017
(450) 25.08.2011 281
(540)

DOLACO

(151) 20.07.2011
(220) 20.08.2007

(731) CÔNG TY TNHH SỨ ĐÔNG LÂM (VN)
Thôn Đông, xã Tây Giang, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 07: Bi nghiền bằng sứ (là bộ phận của máy, dùng để nghiền sứ).

Nhóm 11: Sứ vệ sinh như: bệ xí nhà vệ sinh; chậu rửa tay (bộ phận của thiết bị vệ sinh); tiểu nam; bồn tắm; giá để gương bằng sứ dùng trong nhà vệ sinh; phụ kiện dùng cho nhà vệ sinh được làm bằng nhựa như: nắp bệ xí; vòi hoa sen.

Nhóm 19: Thạch cao bột (dùng để tạo khuôn sứ, dùng trong xây dựng).

Nhóm 21: Sứ dân dụng như: bát; đĩa; ấm chén; chai lọ.

---

(111) **4-0168096**
(210) 4-2007-21369
(181) 22.10.2017
(450) 25.08.2011 281
(540)

VINALU

(151) 20.07.2011
(220) 22.10.2007

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ VI NA LU (VN)
36 Bành Văn Trân, phường 7, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 21: Dụng cụ nhà bếp; đồ chứa đựng dùng cho gia dụng và nhà bếp; bộ nồi niêu xoong chảo của nhà bếp, không dùng điện; nồi áp suất (không dùng điện); bộ đồ ăn (không kể dao, đĩa và thìa); chảo rán (không dùng điện).

---

(111) **4-0168097**
(210) 4-2007-22648
(181) 07.11.2017
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 20.07.2011
(220) 07.11.2007

(531) 26.1.1; 3.1.1; 24.9.1; 7.1.6
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG KIÊN GIANG (VN)
Số 298, ấp Lò Bom, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 19: Xi măng.

---

(111) **4-0168098**
(210) 4-2008-00909
(181) 14.01.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

PHÚC LỘC TRÀ

(151) 20.07.2011
(220) 14.01.2008

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TÂN CƯƠNG HOÀNG BÌNH (VN)
Tầng 1, trung tâm thương mại Hoàng Bình Plaza, số 3/1 đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 30: Chè (trà).

---

(111) **4-0168099**
(210) 4-2007-17687
(181) 07.09.2017
(450) 25.08.2011 281
(540)

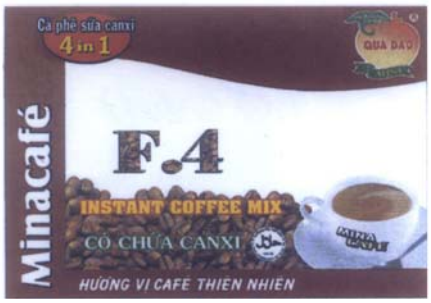

(151) 20.07.2011
(220) 07.09.2007

(531) A1.1.10; 3.7.17; A11.3.4; 5.7.1
(591) Nâu, trắng, đỏ, vàng, xanh lá cây, đen.
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ MINA (VN)
45/1 Bình Tiên, phường 7, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 30: Cà phê sữa.

---

(111) **4-0168100**
(210) 4-2008-26063
(181) 08.12.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

uno
SKINCARE
TANK

(151) 20.07.2011
(220) 08.12.2008

(531) A26.4.24; 26.11.3; A26.11.8
(731) SHISEIDO COMPANY LIMITED (JP)
7-5-5 Ginza, Chuo-ku, Tokyo 104-8010, Japan
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Xà phòng, nước hoa, và mỹ phẩm; bao gồm các chế phẩm và mỹ phẩm chăm sóc da, chăm sóc tóc, chăm sóc cơ thể, và mỹ phẩm trang điểm.

---

(111) **4-0168101**
(210) 4-2009-27666
(181) 21.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

BACLA

(151) 21.07.2011
(220) 21.12.2009

(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT LONG AN (VN)
MB 1-5, khu công nghiệp Đức Hòa 1, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật cụ thể là: chất diệt nấm; thuốc đuổi sâu bọ; thuốc trừ sâu; chế phẩm để diệt cây có hại (chất diệt cỏ); chế phẩm để diệt trừ sâu hại.

---

(111) **4-0168102**
(210) 4-2009-27834
(181) 22.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

GTI

(151) 21.07.2011
(220) 22.12.2009

(531) 26.4.4; A26.11.12; 26.13.25
(731) CÔNG TY TNHH ĐỈNH VÀNG (VN)
Số 1166 Nguyễn Bỉnh Khiêm, phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ PADEMARK (PADEMARK CO.,LTD.)

(511) Nhóm 01: Nhựa tổng hợp ở trạng thái thô; chất dính (dùng cho mục đích công nghiệp); hóa chất dùng trong công nghiệp.

Nhóm 16: Băng keo dán các loại (dùng cho văn phòng phẩm); bao bì giấy carton; bao bì dạng màng mỏng dùng để bao gói (bao tơ dứa).

Nhóm 17: Băng dính dùng trong công nghiệp.

Nhóm 18: Hàng da; giả da.

Nhóm 20: Đồ gỗ mỹ thuật; đồ nghệ thuật bằng gỗ, bằng sáp, thạch cao hoặc bằng chất dẻo; khung tranh; khung ảnh.

Nhóm 21: Bình, chậu hoa bằng gốm và sứ.

Nhóm 24: Vải.

Nhóm 25: Đế giày.

Nhóm 35: Mua bán: hàng tư liệu sản xuất thiết bị điện máy, sản phẩm nhựa plastic; dịch vụ vụ xuất khẩu lao động; mua bán, ký gửi sản phẩm da, phụ liệu ngành giày, vải các loại.

Nhóm 36: Đầu tư tài chính cho việc xây dựng phát triển công nghiệp và nhà ở; mua bán, cho thuê bất động sản; tư vấn đầu tư trong nước.

Nhóm 37: Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng; lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa máy công nghiệp, động cơ xe cộ, thiết bị văn phòng.

Nhóm 39: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận chuyển hàng hóa bằng hàng không.

Nhóm 40: Gia công: cơ khí, da, vải; phun màu, in lụa, chạm khắc, cắt trên các chất liệu da, mica, gỗ, cao su, thủy tinh, nhựa.

Nhóm 41: Khu vui chơi giải trí; khu sinh thái; hoạt động dạy nghề, bổ túc nghề và tư vấn về dạy nghề.

Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống; dịch vụ khách sạn; dịch vụ nhà nghỉ (du lịch).

Nhóm 44: Dịch vụ trồng rừng.

(111) **4-0168103**
(210) 4-2009-28645
(181) 31.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

BIOCATALYS

(151) 21.07.2011
(220) 31.12.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG QUỐC TẾ RAINBOW (VN)
Lô 50, tổ 38, khu đô thị mới Bắc Linh Đàm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 01: Chất xúc tác sinh học, hoá chất sử dụng trong nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật), phân bón.

---

(111) **4-0168104**
(210) 4-2009-27551
(181) 18.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 21.07.2011
(220) 18.12.2009

(531) 26.4.4; A26.4.5; A1.1.2
(591) Xanh đậm, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO (VN)
Số 72 đường 19/4, phường Xuân An, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận
(740) Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh (DAITIN AND ASSOCIATES CO.,LTD)

(511) Nhóm 32: Đồ uống không chứa cồn; nước khoáng (thuộc về đồ uống); nước uống tinh khiết; nước ép trái cây (đồ uống); nước sô đa (thuộc về đồ uống).

Nhóm 35: Dịch vụ mua bán nước khoáng, nước uống tinh khiết, nước ép trái cây, nước sô đa, nước tăng lực, sản phẩm được làm từ tảo; dịch vụ về giới thiệu hàng hoá; dịch vụ quảng cáo; dịch vụ cung cấp thông tin thương mại.

Nhóm 44: Dịch vụ tắm suối nước khoáng; dịch vụ tắm bùn; dịch vụ nhà nghỉ dưỡng bệnh; dịch vụ xoa bóp (mát-xa); dịch vụ nuôi trồng cây nông nghiệp, cây tảo.

---

(111) **4-0168105**
(210) 4-2009-28663
(181) 31.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

QUADO

(151) 21.07.2011
(220) 31.12.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM AN LONG (VN)
Cụm công nghiệp Long Định - Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 29: Dầu ăn.

---

(111) **4-0168106**
(210) 4-2009-27150
(181) 15.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

GIA PHÚC

(151) 21.07.2011
(220) 15.12.2009

(531) A26.11.12; 26.13.25
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT GIA PHÚC (VN)
A32-TT6 khu đô thị mới Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 01: Phân bón dùng cho nông nghiệp.

Nhóm 05: Chất diệt nấm, chất diệt cỏ, chất diệt côn trùng, thuốc trừ sâu, chế phẩm dùng để diệt động vật có hại.

Nhóm 35: Mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất, giống cây trồng, thủy sản; đại lý ký gửi hàng hóa.

Nhóm 42: Chuyển giao công nghệ sinh học phục vụ nông nghiệp.

---

(111) **4-0168107**
(210) 4-2009-27517
(181) 18.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 21.07.2011
(220) 18.12.2009

(531) 26.1.1; A26.11.12; 26.11.3; 25.7.20; 3.13.1; A3.13.24
(591) Hồng, vàng, xanh, xanh nhạt, vàng nâu, hồng, xanh nhạt, xanh
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NGUYÊN THẾ ANH (VN)
1717B tỉnh lộ 10, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 25: Quần; áo; giày; dép; mũ (nón).

---

(111) **4-0168108**
(210) 4-2009-27531
(181) 18.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 21.07.2011
(220) 18.12.2009

(531) 26.1.2; 26.1.1; 5.3.11; A5.3.13; A5.3.15; A26.11.12; 26.13.25
(591) Xanh, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN SINH (VN)
Đường ĐT 744, xã An Tây, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 01: Phân bón.

Nhóm 35: Mua bán: phân bón.

---

(111) **4-0168109**
(210) 4-2009-27741
(181) 21.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 21.07.2011
(220) 21.12.2009

(531) 5.5.19; A5.5.20; A5.5.21; 26.13.25
(731) HSU LI LIN BEAUTY LIMITED (TW)
No. 130, Sec. 1, Chungshan Road, Shulin Town, Taipei Hsien, Taiwan
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 03: Nước thơm làm sạch da (mỹ phẩm); nước thơm dùng để chăm sóc da (mỹ phẩm); kem mỹ phẩm dùng cho da; mặt nạ mỹ phẩm trang điểm; dầu thơm dùng để mát xa; mỹ phẩm tạo làn da rám nắng.

---

(111) **4-0168110**
(210) 4-2009-28626
(181) 31.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

陳光記
CHAN KONG KEI

(151) 21.07.2011
(220) 31.12.2009

(731) CHAN WAI LEUNG (CN)
Est. Cacilhas 27-29, Ed. Baguio Court, Macau
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng căng tin; dịch vụ nhà hàng ăn uống; dịch vụ quán ăn; dịch vụ quầy rượu; dịch vụ khách sạn; dịch vụ cung cấp chỗ ở tạm thời (khách sạn, chỗ nghỉ trọ).

---

(111) **4-0168111**
(210) 4-2009-27466
(181) 17.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

TIABABY

(151) 21.07.2011
(220) 17.12.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM THIÊN KHÁNH (VN)
Lô D5A Tân Kiên-Bình Lợi, khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0168112**
(210) 4-2009-27467
(181) 17.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

TIATHANHS

(151) 21.07.2011
(220) 17.12.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM THIÊN KHÁNH (VN)
Lô D5A Tân Kiên - Bình Lợi, khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0168113**
(210) 4-2009-27468
(181) 17.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

TIAWALAX

(151) 21.07.2011
(220) 17.12.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM THIÊN KHÁNH (VN)
Lô D5A Tân Kiên - Bình Lợi, khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0168114**
(210) 4-2009-27469
(181) 17.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

TIADESTRESS

(151) 21.07.2011
(220) 17.12.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM THIÊN KHÁNH (VN)
Lô D5A Tân Kiên - Bình Lợi, khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0168115**
(210) 4-2009-27524
(181) 18.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

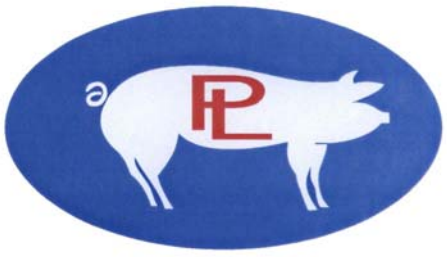

(151) 21.07.2011
(220) 18.12.2009

(531) 26.1.2; 3.7.18; A3.4.24
(591) Xanh dương, đỏ, trắng
(731) TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN (VN)
189 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán giống gia súc, giống gia cầm, giống thủy cầm và thương phẩm chất lượng cao các loại vật nuôi.

---

(111) **4-0168116**
(210) 4-2009-27824
(181) 22.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

DONAVEREN

(151) 21.07.2011
(220) 22.12.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI (VN)
221B quốc lộ 15, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0168117**
(210) 4-2009-28640
(181) 31.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

HADISA

(151) 21.07.2011
(220) 31.12.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VÀ THIẾT BỊ Y TẾ HÀ TĨNH (VN)
Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0168118**
(210) 4-2008-11383
(181) 29.05.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

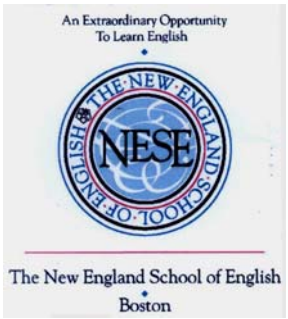

(151) 21.07.2011
(220) 29.05.2008

(531) A26.11.12; 26.1.1; 26.1.5; A5.5.21; 26.11.1
(591) Xanh dương, xanh da trời, đỏ, đen, trắng
(731) THE NEW ENGLAND SCHOOL OF ENGLISH (US)
36 John F. Kennedy Street, Cambridge, MA 02138, United State of America
(740) Công ty TNHH Tư vấn ALIATLEGAL (ALIATLEGAL CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Ấn phẩm điện tử có thể tải về từ mạng máy tính; phần mềm máy tính; báo chí điện tử; tạp chí điện tử; sách điện tử.

Nhóm 16: Sách giáo khoa; tài liệu hướng dẫn học tập; sách giảng dạy; sách học có ảnh minh họa; sách vỡ lòng; sổ tay; sách hướng dẫn; sách tham khảo; ấn phẩm; báo chí; tạp chí; đồ văn phòng dùng cho trường học.

Nhóm 41: Dịch vụ giảng dạy; dịch vụ đào tạo hướng nghiệp; giảng dạy tiếng anh; dịch vụ giáo dục và huấn luyện; xuất bản sách.

---

(111) **4-0168119**
(210) 4-2008-11923
(181) 05.06.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

APBROM

(151) 21.07.2011
(220) 05.06.2008

(731) AJANTA PHARMA LIMITED (IN)
Ajanta House, Charkop, Kandivli (W), Mumbai 400 067, India
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168120**
(210) 4-2007-23096
(181) 13.11.2017
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 21.07.2011
(220) 13.11.2007

(531) A7.5.6; 2.1.8; 2.3.8
(591) Tím, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠNH AN (VN)
137 Nghi Tàm, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 41: Dịch vụ câu lạc bộ khiêu vũ; tổ chức khiêu vũ.

---

(111) **4-0168121**
(210) 4-2009-24529
(181) 12.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 21.07.2011
(220) 12.11.2009

(531) A11.7.7; A26.11.12; 26.11.1; 26.4.2
(591) Đỏ, đen, trắng, da cam, hồng.
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG NGHỆ VIEGRID (VN)
Phòng 1805 tòa nhà 101 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Phần mềm sửa lỗi tự động cho chính tả, ngữ pháp và văn phong tiếng Việt, hỗ trợ việc chuyển mã văn bản sang unicode và tra nghĩa các từ tiếng Việt.

---

(111) **4-0168122**
(210) 4-2009-25396
(181) 23.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 21.07.2011
(220) 23.11.2009

(531) 26.4.2; 24.15.1; 24.15.2
(591) Đỏ, ghi
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ XUẤT NHẬP KHẨU PHÚ THỊNH (VN)
Phòng 201, tòa nhà A1, 229 phố Vọng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 01: Bao gồm: bentonite được chế biến từ khoáng sản dùng trong công nghiệp xây dựng; đất sét (Bentonite) dùng trong công nghệ khoan.

---

(111) **4-0168123**
(210) 4-2009-24922
(181) 17.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

EPERES

(151) 21.07.2011
(220) 17.11.2009

(731) SEO KYUNG COMPANY (KR)
E-Rea Officetel Room 801, 1574-5 Seocho-dong, Seocho-Ku, Seoul, Korea (137-070)
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168124**
(210) 4-2009-24383
(181) 11.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

IB-C

(151) 21.07.2011
(220) 11.11.2009

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM C&G (VN)
Số 9, ngách 100/164, phố Vương Thừa Vũ, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế

---

(111) **4-0168125**
(210) 4-2009-18469
(181) 31.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 21.07.2011
(220) 31.08.2009

(531) A3.9.4; 1.5.1; A3.9.24
(591) Đỏ, xanh dương, đen
(731) CÔNG TY TNHH HOA NAM (VN)
14/21A, Bình Đường, xã An Bình, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

(511) Nhóm 29: Hải sản chế biến các loại cụ thể là: mực, sò, tôm, cá, cua.

---

(111) **4-0168126**
(210) 4-2009-25588
(181) 25.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

KIDSUA 5

(151) 21.07.2011
(220) 25.11.2009

(731) CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯƠNG (VN)
Số 6, ngõ 111 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0168127**
(210) 4-2009-25589
(181) 25.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

KEHOAPHARM

(151) 21.07.2011
(220) 25.11.2009

(731) CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯƠNG (VN)
Số 6, ngõ 111 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0168128**
(210) 4-2009-25489
(181) 24.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

ASFLUTIS

(151) 21.07.2011
(220) 24.11.2009

(731) NOVARTIS AG (CH)
4002 Basel, Switzerland
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0168129**
(210) 4-2009-25666
(181) 26.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 21.07.2011
(220) 26.11.2009

(531) 26.1.1; 1.5.1; 1.17.2; A26.11.12; 26.4.4; A26.4.6; 26.13.25
(591) Vàng, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MAY QUỐC TẾ (VN)
99/1 đường TX14, khu phố 1, phường Thạnh Xuân, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 20: Gối; đệm ngủ; nệm giường.

Nhóm 24: Ga trải giường bằng vải; vỏ gối bằng vải; chăn dùng để đắp; khăn trải giường bằng vải.

Nhóm 25: Quần áo; giày dép; mũ nón.

Nhóm 35: Mua bán: gối, đệm ngủ, nệm giường, ruột gối, ga trải giường, vỏ gối, chăn, khăn trải giường, quần áo, giày dép, mũ nón.

---

(111) **4-0168130**
(210) 4-2009-24483
(181) 11.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

USCHAT

(151) 21.07.2011
(220) 11.11.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HƯNG PHÁT (VN)
Lầu 3, toà nhà Thái Huy, số 307/4 Nguyễn Văn Trỗi, phường 1, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 38: Dịch vụ viễn thông bao gồm: dịch vụ điện thoại, dịch vụ điện thoại qua internet, dịch vụ thông tin liên lạc qua vệ tinh, dịch vụ truyền thông số liệu, dịch vụ thông tin liên lạc bằng máy tính, dịch vụ cung cấp đường truyền để truy cập (kết nối) vào internet.

---

(111) **4-0168131**
(210) 4-2009-24284
(181) 10.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

MAMADHA

(151) 21.07.2011
(220) 10.11.2009

(731) CÔNG TY TNHH HIỆP PHONG (VN)
Số 42 lô F, tổ 9, tập thể tạp chí Văn hoá Nghệ thuật, Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế; thực phẩm dùng cho trẻ sơ sinh; sữa dùng cho trẻ sơ sinh; thực phẩm dùng cho bà mẹ đang cho con bú (tác dụng lợi sữa và dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0168132**
(210) 4-2009-25041
(181) 18.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 21.07.2011
(220) 18.11.2009

(531) 26.3.1; 26.3.2; 26.4.2; 26.3.4; 26.13.25
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHỆ PHẨM BA ĐÌNH (VN)
122 phố Phan Kế Bính, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh ngọt, kẹo, phụ gia thực phẩm, hương liệu dùng cho thực phẩm, sản phẩm có tinh bột dùng làm thực phẩm.

---

(111) **4-0168133**
(210) 4-2009-24928
(181) 17.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

BAGINO

(151) 21.07.2011
(220) 17.11.2009

(731) SEO KYUNG COMPANY (KR)
E-Rea Officetel Room 801, 1574-5 Seocho-dong, Seocho-Ku, Seoul, Korea (137-070)
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168134**
(210) 4-2009-25703
(181) 26.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 21.07.2011
(220) 26.11.2009

(531) 26.1.2
(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN MINH KHÔI (VN)
Số 195, quốc lộ 1A, khu phố Thanh Xuân, phường 5, thành phố Tân An, tỉnh Long An
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 19: Tấm bê tông đúc sẵn; ống bê tông đúc sẵn; cột bê tông; cọc bê tông cốt thép.

---

(111) **4-0168135**
(210) 4-2009-25707
(181) 26.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Jeil-Bra

(151) 21.07.2011
(220) 26.11.2009

(731) TDS PHARM CORPORATION (KR)
437-6, Pyeonggok-ri, Eumseong-eup, Eumseong-gun, Chungcheongbuk-do, Korea
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168136**
(210) 4-2009-25708
(181) 26.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

JeilBracolin

(151) 21.07.2011
(220) 26.11.2009

(731) TDS PHARM CORPORATION (KR)
437-6, Pyeonggok-ri, Eumseong-eup, Eumseong-gun, Chungcheongbuk-do, Korea
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168137**
(210) 4-2009-25709
(181) 26.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

RICHRON

(151) 21.07.2011
(220) 26.11.2009

(731) SEO KYUNG COMPANY (KR)
E-Rea Officetel Room 801, 1574-5 Seocho-dong, Seocho-Ku, Seoul, Korea (137-070)
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168138**
(210) 4-2009-16745
(181) 11.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 21.07.2011
(220) 11.08.2009

(591) Hồng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KINH DOANH THƯƠNG MẠI GIANG ANH (VN)
Chợ ngã tư Phú Thụy, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 20: Gối; đệm.

Nhóm 24: Ga trải giường làm băng vải; chăn.

---

(111) **4-0168139**
(210) 4-2009-18182
(181) 26.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 21.07.2011
(220) 26.08.2009

(531) 24.17.15; 24.17.21; 26.1.4; 26.1.5
(591) Đỏ, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH THIÊN ƯNG (VN)
118/57 Bis Trần Quang Diệu, phường 14, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 30: Cháo ăn liền; bột gạo; bột đậu; bột ngô; bột sắn; bột ngũ cốc.

---

(111) **4-0168140**
(210) 4-2010-12390
(181) 08.06.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

VACRAX

(151) 21.07.2011
(220) 08.06.2010

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM ĐÔNG ĐÔ (VN)
Số 186 Nguyễn Tuân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

(111) **4-0168141**
(210) 4-2009-16981
(181) 13.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 21.07.2011
(220) 13.08.2009

(531) 26.4.9; 26.3.23
(591) Xanh lá cây, đỏ, trắng, đen
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NHỊ QUYÊN (VN)
ấp Bình Thuận, xã Thuận Giao, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

(511) Nhóm 20: Các mặt hàng gia dụng bằng sắt thép bọc nhựa: kệ để chậu hoa, lồng nuôi thú.

Nhóm 21: Các mặt hàng gia dụng bằng sắt thép bọc nhựa: giỏ đựng hàng, rổ sắt nhúng nhựa, giá (đế, khay) để bình, đĩa.

---

(111) **4-0168142**
(210) 4-2009-16230
(181) 04.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 21.07.2011
(220) 04.08.2009

(531) A26.4.6; 26.1.1; A1.1.10
(591) Xanh da trời nhạt, đỏ, đen, trắng
(731) DUNLOPILLO (MALAYSIA) SDN BHD (MY)
19th Floor, Wisma Sime Darby, Jalan RaJa Laut, 50350 Kuala Lumpur, Malaysia
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 20: Giường ngủ; khung giường; dát giường; gối ôm (để đầu giường) (gối ống); quan tài; bình đựng tro hỏa táng; phụ kiện trang trí quan tài (không bằng kim loại); ghế dài và nội thất với nguyên liệu chứa bọt biển hoặc cao su bọt; tấm nệm (đồ được nhồi); bảng niêm yết; ghế đivăng; phụ kiện trang trí cho đồ đạc, không bằng kim loại; đệm cao su tự nhiên, đệm cao su bọt nhân tạo hoặc chất dẻo bọt dạng tấm, thanh, khối, dạng khuôn sẵn; gối; tấm ván ở đầu (thành giường); đệm nằm; đệm lò xo; ghế xôfa (ghế tràng kỷ) có thể sử dụng như giường ngủ; bộ phận được nhồi, bọc của đồ đạc trong nhà; đồ đạc được nhồi, bọc; ghế được nhồi, bọc.

---

(111) **4-0168143**
(210) 4-2009-16161
(181) 04.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 21.07.2011
(220) 04.08.2009

(531) 26.4.3; 25.5.1
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI THÚY VÂN (VN)
Lô 5A CCN-TTCN Phước An, xã Phước An, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

(511) Nhóm 03: Hương thơm để thắp (nhang thơm); bột hương thơm (bột nhang thơm).

---

(111) **4-0168144**
(210) 4-2009-16243
(181) 04.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

AJINOMOTO
CATERSERVE

(151) 21.07.2011
(220) 04.08.2009

(731) AJINOMOTO CO., INC. (JP)
15-1, Kyobashi 1 -Chome, Chuo-Ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 29: Thịt; cá (không còn sống); gia cầm (không còn sống) và thú săn (không còn sống); chất chiết ra từ thịt, rau và quả được bảo quản, ướp lạnh, phơi khô và nấu chín; nước quả nấu đông, mứt ướt, mứt quả ướt; trứng; sữa; sản phẩm sữa, dầu ăn và mỡ ăn; súp; nước thịt hầm để nấu súp; chế phẩm để nấu súp; súp ăn liền dạng hỗn hợp, nước canh thịt; nước canh thịt dạng cô đặc, nước luộc thịt; nước luộc thịt dạng cô đặc; súp có mỳ sợi (súp là chủ yếu); súp ăn liền dạng hỗn hợp với mì sợi (súp là chủ yếu); súp mì ống (súp là chủ yếu), súp ăn liền dạng hỗn hợp với mì ống (súp là chủ yếu); súp ăn liền dạng hỗn hợp với gạo (súp là chủ yếu), thịt sấy khô; thịt ướp lạnh; thịt đã nấu chín, cá đã sấy khô; cá ướp lạnh, cá đã nấu chín; động vật có vỏ (trai, sò, tôm, cua) đã được sấy khô; động vật có vỏ (trai, sò, tôm, cua) ướp lạnh; động vật có vỏ (trai, sò, tôm, cua) nấu chín; hải sản đã được sấy khô, hải sản ướp lạnh; hải sản đã được nấu chín; gia cầm đã được sấy khô, gia cầm ướp lạnh; gia cầm đã được nấu chín; thịt đóng hộp; rau đóng hộp; cá đóng hộp; sữa chua; pho mát; bơ; bơ thực vật; đồ uống chế trên cơ sở sữa có chứa axit lactic (sữa là chủ yếu); rau trộn dầu giấm; quả hạch đã được chế biến, quả hạch ướp gia vị, đậu phụ; thức ăn được làm từ cả; thức ăn được làm từ gia cầm, thức ăn được làm từ thịt; thức ăn được làm từ hải sản; thức ăn được làm từ động vật có vỏ; thức ăn được làm từ rau; thức ăn dạng thanh bổ sung dinh dưỡng được chế biến từ thịt, cả, gia cầm và rau là chủ yếu.

Nhóm 30: Cà phê, chè; ca cao; đường; gạo, bột sắn hột; bột cọ; cà phê nhân tạo (có nguồn gốc thực vật); bột mì và sản phẩm được làm từ bột ngũ cốc (dùng làmthực phẩm cho người); bánh mỳ; bánh ngọt và bánh kẹo; kem trái cây (kem lạnh); kem lạnh (kem ăn); sữa chua đông lạnh; đá để ướp lạnh thực phẩm; thức ăn dạng thanh bổ sung dinh dưỡng được chế biến từ bột, gạo, ngũ cốc là chủ yếu; sô cô la dạng thanh mật ong, nước mật

đường; men (dùng làm thực phẩm cho người); bột nở (dùng làm thực phẩm cho người), muối ăn; tương hạt cải; giấm dùng làm thức ăn; nước xốt (gia vị); gia vị, đá ăn; đồ uống được chế trên cơ sở chè; đồ uống được làm từ cà phê; đồ uống được chế từ cà phê với sữa (cà phê là chủ yếu); chế phẩm dùng cho đồ uống chế từ cà phê; muối ăn đã sấy khô; gia vị đươc pha trộn hỗn hợp; thức ăn được làm từ bột mì; xì dầu (gia vị); gia vị theo mùa; gia vị làm tăng thêm hương vị của thức ăn; gia vị làm tăng thêm vị ngon của thức ăn, hạt tiêu; nước xốt làm gia vị cho món rau trộn; nươc xốt may-ô-ne dùng làm gia vị, nước xốt thịt dùng làm gia vị; viên ngọt tự nhiên (đường); đường có hàm lượng calo thấp; chất đạm đã được thủy phân dùng làm gia vị; mì sợi, mì ăn liên, mì sợi với súp (mì là chủ yếu); cơm rang; mì xào; bột ngũ cốc; mì ống; cháo đặc, cơm kiểu Italia; bột xay thô bao gồm chủ yếu là gạo; món ăn được làm chủ yếu từ mì ống; món ăn được làm chủ yếu từ mì sợi; thực phẩm ướp lạnh bao gồm chủ yếu là gạo; mì sợi, bánh bao và mì ống; gạo đã được chế biến; gạo đã được nấu chín; nước xốt từ thịt giần mềm dùng làm gia vị; bánh mỳ đã sấy khô được sử dụng với thịt, gia cầm, hải sản và rau; bột nhão làm bánh đã được sấy khô được sử dụng với thịt, gia cầm; hải sản và rau; bánh sấy khô được sử dụng với thịt; gia cầm, hải sản và rau; bánh mì được pha trộn sẵn dùng để chiên ngập mỡ; gia vị có bột ngọt là thành phần chủ yếu.

Nhóm 32: Bia; nước khoáng (đồ uống); nước uống có ga (đồ uống); đồ uống không có cồn; đồ uống hoa quả và nước ép trái cây; xi-rô để làm đồ uống và chế phẩm làm đồ uống; đồ uống dùng trong thể thao (không dùng cho mục đích y tế); chế phẩm để làm đồ uống dùng trong thể thao; đồ uống tăng lực cho cơ thể (không dùng cho mục đích y tế); nước uống ngọt không có rượu; chế phẩm làm nước ép hoa quả; đồ uống được làm từ chất lỏng giống nước còn lại sau khi sữa chua đã đông lại; đồ uống có chứa chất isotonic bù nước và muối cho cơ thể (không dùng cho mục đích y tế); chế phẩm để làm đồ uống có chứa chất Isotonic; đồ uống chế trên cơ sở trái cây là chủ yếu có chứa axit lactic.

---

(111) **4-0168145**
(210) 4-2009-16246
(181) 04.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

キユーピー
kewpie

(151) 21.07.2011
(220) 04.08.2009

(731) KEWPIE KABUSHIKI KAISHA (also trading as Q.P. Corporation) (JP)
4-13, Shibuya 1-Chome, Shibuya-Ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 29: Chất phết lên bánh mì chủ yếu làm từ thịt, thịt cá ngừ; trứng, pho mát, khoai tây, trứng cá tuyết, cá hồi và táo đã chế biến.

Nhóm 30: Chất phết lên bánh mì chủ yếu làm từ nước xốt (gia vị), chất phết lên bánh mì chủ yếu làm từ nước sốt thịt (gia vị) và bột cà ri (gia vị), chất phết lên bánh mì chủ yếu làm từ xốt may-ô-ne, chất phết lên bánh mì chủ yếu làm từ sốt cà chua (gia vị), chất phết lên bánh mì chủ yếu làm từ nước tương (xì dầu), chất phết lên bánh mì chủ yếu làm từ nước xốt ớt khô (gia vị).

(111) **4-0168146**
(210) 4-2009-16247
(181) 04.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 21.07.2011
(220) 04.08.2009

(531) A2.5.23; 2.5.2; 2.5.3
(731) KEWPIE KABUSHIKI KAISHA (also trading as Q.P. Corporation) (JP)
4-13, Shibuya 1-Chome, Shibuya-Ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 29: Chất phết lên bánh mì chủ yếu làm từ thịt, thịt cá ngừ; trứng, pho mát, khoai tây, trứng cá tuyết, cá hồi và táo đã chế biến.

Nhóm 30: Chất phết lên bánh mì chủ yếu làm từ nước xốt (gia vị), chất phết lên bánh mì chủ yếu làm từ nước sốt thịt (gia vị) và bột cà ri (gia vị), chất phết lên bánh mì chủ yếu làm từ xốt may-ô-ne, chất phết lên bánh mì chủ yếu làm từ sốt cà chua (gia vị), chất phết lên bánh mì chủ yếu làm từ nước tương (xì dầu), chất phết lên bánh mì chủ yếu làm từ nước xốt ớt khô (gia vị).

---

(111) **4-0168147**
(210) 4-2009-16901
(181) 12.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 21.07.2011
(220) 12.08.2009

(531) 26.4.1; 26.13.25
(591) Xanh dương, đỏ, trắng xám, trắng, vàng, tím
(731) CÔNG TY TNHH MỸ PHẨM THANH BÌNH (VN)
Số 121 đường 53, phường Tân Quy, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 03: Nước hoa các loại; dầu gội đầu các loại; son môi; sơn móng tay; keo xịt tóc; kem bôi mặt (mỹ phẩm).

---

(111) **4-0168148**
(210) 4-2009-17744
(181) 21.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

VIPGOLD

(151) 21.07.2011
(220) 21.08.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TAM NÔNG (VN)
ấp 1, xã Tân Tây, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 29: Nước mắm.

---

(111) **4-0168149**
(210) 4-2009-17745
(181) 21.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

HEEONE

(151) 21.07.2011
(220) 21.08.2009

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT MỸ PHẨM THUẬN PHÁT (VN)
68/743 Lê Đức Thọ, phường 6, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0168150**
(210) 4-2009-16222
(181) 04.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 21.07.2011
(220) 04.08.2009

(531) A2.3.23; 2.3.25; A2.3.16
(731) LI-FANG KUO (TW)
No. 69 Ching Tung St., Tainan, Taiwan
(740) Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội (AMBYS HANOI)

(511) Nhóm 25: Áo lót phụ nữ; thắt lưng; áo ngực; áo nịt ngực; quần áo lót; quần lót; áo gi-lê.

---

(111) **4-0168151**
(210) 4-2009-16201
(181) 04.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

KINGINK

(151) 21.07.2011
(220) 04.08.2009

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VIỆT LỢI (VN)
196/12 Tô Hiệu, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH một thành viên Trường Luật (CÔNG TY TRUONG LUAT)

(511) Nhóm 16: Ruy băng mực cho máy in, máy sao chụp và máy fax.

(111) **4-0168152**
(210) 4-2009-17847
(181) 24.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Atitrime

(151) 21.07.2011
(220) 24.08.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM AN THIÊN (VN)
896D Tạ Quang Bửu, phường 5, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh (DAITIN AND ASSOCIATES CO.,LTD)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế; chế phẩm sinh học dùng cho mục đích y tế; chất dinh dưỡng dùng cho ngành y.

---

(111) **4-0168153**
(210) 4-2009-17868
(181) 24.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

BESTA-EPO

(151) 21.07.2011
(220) 24.08.2009

(731) SUCHIANG CHEMICAL & PHARMACEUTICAL CO., LTD (TW)
10F1, 72, Sung Chiang Road, Taipei, Taiwan
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168154**
(210) 4-2009-17869
(181) 24.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

BESTA-GCSF

(151) 21.07.2011
(220) 24.08.2009

(731) Suchiang Chemical & Pharmaceutical Co., Ltd (TW)
10F1, 72, Sung Chiang Road, Taipei, Taiwan
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168155**
(210) 4-2009-16363
(181) 05.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

COREL

(151) 21.07.2011
(220) 05.08.2009

(731) COREL CORPORATION (CA)
1600 Carling Avenue Ottawa, ON KIZ 8R7, Canada
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Chương trình phần mềm máy tính.

Nhóm 16: Sổ tay liên quan đến chương trình phần mềm máy tính; sách liên quan đến chương trình phần mềm máy tính.

Nhóm 41: Dịch vụ đào tạo sử dụng chương trình phần mềm máy tính.

Nhóm 42: Dịch vụ thiết kế phần mềm máy tính; dịch vụ lập chương trình cho máy tính; dịch vụ tư vấn liên quan đến phần mềm máy tính bao gồm cả dịch vụ tư vấn cách sử dụng và cơ chế hoạt động của chương trình phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0168156**
(210) 4-2009-17304
(181) 17.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

TYDO

(151) 21.07.2011
(220) 17.08.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TY ĐÔ (VN)
686/2/3 quốc lộ 1A, khu phố 6, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 02: Thuốc màu, sơn, vecni; chất chống rỉ và chất bảo quản gỗ; thuốc nhuộm.

---

(111) **4-0168157**
(210) 4-2009-17364
(181) 18.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 21.07.2011
(220) 18.08.2009

(531) 26.4.2; 5.7.11
(591) Trắng, xanh lá cây, xanh lá mạ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUÁN CÂY BƯỞI (VN)
90/2/21, Hùng Vương, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0168158**
(210) 4-2009-16707
(181) 10.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Terena

(151) 21.07.2011
(220) 10.08.2009

(731) KKC CORPORATION CO. LTD (KR)
Rm no. 1294 Rosedale Bldg. 724, SuSeo-Dong, GangNam-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0168159**
(210) 4-2009-18181
(181) 26.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 21.07.2011
(220) 26.08.2009

(531) 24.1.1; 25.5.1; A3.7.24; 3.7.1
(591) Đỏ, xanh dương, vàng, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THIÊN NGÂN PHÁT (VN)
242/44 Nguyễn Thiện Thuật, phường 3, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá.

---

(111) **4-0168160**
(210) 4-2010-04501
(181) 10.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 21.07.2011
(220) 10.03.2010

(531) 26.1.1; 2.9.14; A2.9.15; A2.9.16
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG ĐIỆN TỬ VINACAP (VN)
Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Các loại điện thoại; điện thoại cầm đi được, điện thoại thấy hình; các loại máy tính; máy tính xách tay.

---

(111) **4-0168161**
(210) 4-2009-15161
(181) 23.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

TORPEZIL

(151) 21.07.2011
(220) 23.07.2009

(731) TORRENT PHARMACEUTICALS LTD (IN)
Torrent House, Off Ashram Road, Ahmedabad- 380 009, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0168162**
(210) 4-2009-16087
(181) 03.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

CYTOVIC

(151) 21.07.2011
(220) 03.08.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VICTORIA (VN)
Lô B1 Ô22 khu đô thị mới Đại Kim-Định Công, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ PADEMARK (PADEMARK CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168163**
(210) 4-2009-15944
(181) 31.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

DONG TAY

(151) 21.07.2011
(220) 31.07.2009

(531) 26.3.4; 26.4.3; 26.3.23
(731) PHẠM CÔNG ANH (VN)
Phòng 3, D13b, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty cổ phần Tư vấn S&B (S&B CONSULTANT., CORP.)

(511) Nhóm 25: Quần áo, quần áo may sẵn, quần áo dệt kim, đồng phục (quần áo), đồ đi chân, đồ đội đầu.

---

(111) **4-0168164**
(210) 4-2009-16062
(181) 03.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 21.07.2011
(220) 03.08.2009

(531) 26.1.2; A26.1.18
(591) Vàng nâu
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MẠNH TUẤN (VN)
249A Nguyễn Thái Bình, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán, quảng cáo, xuất nhập khẩu: kim loại màu, thiết bị điện, điện lạnh máy lạnh, ống đồng của máy lạnh.

---

(111) **4-0168165**
(210) 4-2009-16063
(181) 03.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 21.07.2011
(220) 03.08.2009

(531) 26.1.2; A26.1.18
(591) Vàng nâu, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MẠNH TUẤN (VN)
249A Nguyễn Thái Bình, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 06: Kim loại màu; ống đồng.

---

(111) **4-0168166**
(210) 4-2009-15145
(181) 22.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

TOPU

(151) 21.07.2011
(220) 22.07.2009

(731) CÔNG TY TNHH HY THỊNH (VN)
714 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Ngôi Sao chuyên nghiệp và liên danh (NOVAPRO & ASSOCIATES CO.,LTD.)

(511) Nhóm 12: Lốp (vỏ xe); săm (ruột xe); la răng (mâm xe); yếm xe; mặt la răng (mặt mâm); vành la răng (vành mâm); tanh (niền xe) ô tô và các phương tiện giao thông khác.

---

(111) **4-0168167**
(210) 4-2009-15409
(181) 24.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

WORLD LAND

(151) 21.07.2011
(220) 24.07.2009

(531) 2.1.11; 2.5.2; 26.1.2; 8.7.5
(591) Đỏ, xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI ĐẤT (VN)
2K Phạm Hữu Chí, phường 12, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn Sở hữu trí tuệ á Đông (A ĐÔNG IP CONSULTANCY CO.,LTD.)

(511) Nhóm 36: Mua bán bất động sản; môi giới bất động sản; cho thuê bất động sản; sàn giao dịch bất động sản; cho thuê nhà; cho thuê văn phòng.

Nhóm 37: Xây dựng công trình dân dụng; xây dựng công trình công nghiệp; xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư.

---

(111) **4-0168168**
(210) 4-2009-16068
(181) 03.08.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 21.07.2011
(220) 03.08.2009

(531) 1.5.1; A1.5.23; 5.7.1; 3.1.4; A3.1.24
(591) Xanh dương, xanh cốm.
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG PHẨM ATLANTIC VIỆT NAM (VN)
Lộc Sơn, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

(511) Nhóm 30: Cà phê.

---

(111) **4-0168169**
(210) 4-2009-15926
(181) 31.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 21.07.2011
(220) 31.07.2009

(531) A1.1.2; A1.1.10; 26.1.1
(591) Đen, nâu, vàng, đỏ, xanh dương
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KHANG THỊNH PHÁT (VN)
4/9 Lê Lai, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 02: Mực in.

Nhóm 16: Văn phòng phẩm.

---

(111) **4-0168170**
(210) 4-2009-14860
(181) 21.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

MICAFAST

(151) 21.07.2011
(220) 21.07.2009

(731) S.I.A (TENAMYD CANADA) INC (CA)
242, Varry Street, St.Laurent, Quebec, H4N1A3, Canada

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0168171**
(210) 4-2009-14861
(181) 21.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

COVEFAST PLUS

(151) 21.07.2011
(220) 21.07.2009

(731) S.I.A (TENAMYD CANADA) INC (CA)
242, Varry Street, St.Laurent, Quebec, H4N1A3, Canada

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0168172**
(210) 4-2009-14862
(181) 21.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

MICAFAST PLUS

(151) 21.07.2011
(220) 21.07.2009

(731) S.I.A (TENAMYD CANADA) INC (CA)
242, Varry Street, St.Laurent, Quebec, H4N1A3, Canada

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0168173**
(210) 4-2009-14863
(181) 21.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

TENAVASTA

(151) 21.07.2011
(220) 21.07.2009

(731) S.I.A (TENAMYD CANADA) INC (CA)
242, Varry Street, St.Laurent, Quebec, H4N1A3, Canada

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế

---

(111) **4-0168174**
(210) 4-2009-14864
(181) 21.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

TENAVASTA SR

(151) 21.07.2011
(220) 21.07.2009

(731) S.I.A (TENAMYD CANADA) INC (CA)
242, Varry Street, St.Laurent, Quebec, H4N1A3, Canada

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế

---

(111) **4-0168175**
(210) 4-2009-14865
(181) 21.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

MEDOAMLO

(151) 21.07.2011
(220) 21.07.2009

(531) 1.5.1; 26.3.1; 26.1.2; 8.7.5
(731) S.I.A (TENAMYD CANADA) INC (CA)
242, Varry Street, St.Laurent, Quebee, H4N1A3, Canada.

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0168176**
(210) 4-2009-14866
(181) 21.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

MEDOGLUCO

(151) 21.07.2011
(220) 21.07.2009

(531) 1.5.1; 26.3.1; 26.1.2; 8.7.5
(731) S.I.A (TENAMYD CANADA) INC (CA)
242, Varry Street, St.Laurent, Quebee, H4N1A3, Canada.

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0168177**
(210) 4-2009-15401
(181) 24.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

HÏKO

(151) 21.07.2011
(220) 24.07.2009

(531) 26.3.23
(731) NGUYỄN THỊ BẢO KHANH (VN)
109 Trần Đình Xu, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 20: Gối; chuông gió; gối ôm; khung ảnh.

Nhóm 28: Gấu bông; con rối; búp bê; quần áo cho búp bê; nhà cho búp bê; giường cho búp bê.

---

(111) **4-0168178**
(210) 4-2009-15903
(181) 31.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

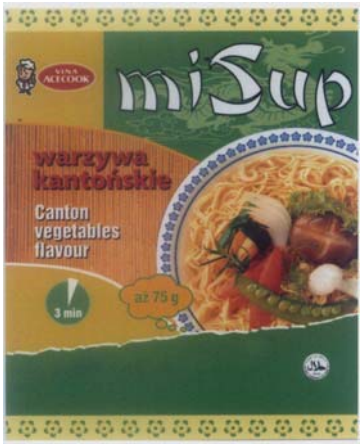

(151) 21.07.2011
(220) 31.07.2009

(531) 2.1.11; 2.5.2; 26.1.2; 8.7.5; A5.13.9
(591) Trắng, đen, vàng đậm, vàng, đỏ, xanh lá cây, xanh dương, nâu
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM (ACECOOK VIETNAM JSC) (VN)
Lô II-3 và II-5 đường số 11, nhóm CN II, khu công nghiệp Tân Bình, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền, hủ tiếu ăn liền, phở ăn liền, bún ăn liền, miến ăn liền, cháo ăn liền.

---

(111) **4-0168179**
(210) 4-2009-15905
(181) 31.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 21.07.2011
(220) 31.07.2009

(531) 26.1.2; 2.1.11; 2.5.2; 8.7.5
(591) Trắng, đen, vàng đậm, vàng, đỏ, xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM (ACECOOK VIETNAM JSC) (VN)
Lô II-3 và II-5 đường số 11, nhóm CN II, khu công nghiệp Tân Bình, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền, hủ tiếu ăn liền, phở ăn liền, bún ăn liền, miến ăn liền, cháo ăn liền.

---

(111) **4-0168180**
(210) 4-2009-15906
(181) 31.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 21.07.2011
(220) 31.07.2009

(531) 26.1.2; 2.1.11; 2.5.2; 8.7.5; A5.13.9
(591) Trắng, đen, vàng, cam, đỏ, xanh lá cây, nâu, xanh dương, hồng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM (ACECOOK VIETNAM JSC) (VN)
Lô II-3 và II-5 đường số 11, nhóm CN II, khu công nghiệp Tân Bình, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền, hủ tiếu ăn liền, phở ăn liền, bún ăn liền, miến ăn liền, cháo ăn liền.

---

(111) **4-0168181**
(210) 4-2009-28153
(181) 25.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 21.07.2011
(220) 25.12.2009

(531) 26.1.1; 26.11.1
(591) Đen, xanh côban, đỏ.
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ANH MINH (VN)
Khu 6, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

(511) Nhóm 21: Đồ gốm sứ dân dụng.

---

(111) **4-0168182**
(210) 4-2009-27385
(181) 17.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

HISHIPIPE

(151) 21.07.2011
(220) 17.12.2009

(731) MITSUBISHI PLASTICS, INC. (JP)
2-2, Nihonbashihongokucho 1-chome, chuo-ku, Tokyo 103-0021 Japan
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 06: Ống dẫn bằng kim loại, khớp nối bằng kim loại dùng cho ống dẫn; ống bao nối (măng sông) ống dẫn bằng kim loại; vòng nối bằng kim loại cho đường ống; ống khuỷu bằng kim loại; vòng kẹp bằng kim loại (cổ dề); ống nhánh bằng kim loại; ống tiêu nước bằng kim loại; ống phân phối bằng kim loại dùng cho hệ thống đường ống; ống dẫn chịu áp bằng kim loại, đường ống bằng kim loại; ống thép; ống kim loại; lớp lót ống bằng kim loại gắn keo tổng hợp; ống nước bằng kim loại.

---

(111) **4-0168183**
(210) 4-2009-27387
(181) 17.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

FOSTER GRANT

(151) 21.07.2011
(220) 17.12.2009

(731) FGX INTERNATIONAL INC. (US)
500 George Washington Highway, Smithfield, Rhode Island 02917 United States of America
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Kính để đọc sách; kính râm; kính bảo hộ mắt; kính lúp (quang học), và các bộ phận và phụ kiện cho các sản phẩm nêu trên, cụ thể là vòng nối bản lề, đệm mũi, đệm gọng kính, dây xích, dây đeo, dây đai đàn hồi.

---

(111) **4-0168184**
(210) 4-2009-27388
(181) 17.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

MAGNIVISION

(151) 21.07.2011
(220) 17.12.2009

(731) FGX INTERNATIONAL INC. (US)
500 George Washington Highway, Smithfield, Rhode Island 02917 United States of America
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Kính để đọc sách; kính râm; kính bảo hộ mắt; kính lúp (quang học), và các bộ phận và phụ kiện cho các sản phẩm nêu trên, cụ thể là vòng nối bản lề, đệm mũi, đệm gọng kính, dây xích, dây đeo, dây đai đàn hồi.

---

(111) **4-0168185**
(210) 4-2009-27301
(181) 16.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 21.07.2011
(220) 16.12.2009

(531) 3.9.1; A26.11.12; 26.13.25
(591) Vàng, da cam nhạt, xám bạc, trắng, đen.
(731) HỘ KINH DOANH HƯƠNG MIỀN TRUNG (VN)
Thôn Lạc Tiến, xã Phước Minh, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 29: Nước mắm.

---

(111) **4-0168186**
(210) 4-2009-15148
(181) 22.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 21.07.2011
(220) 22.07.2009

(531) 1.5.1; 26.3.1
(591) Xanh tím, xanh rêu, xanh da trời, vàng cam, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG E CON (VN)
Số 2, đường 10A, Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn, dịch vụ nhà hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán rượu, phòng hát karaoke, vũ trường).

Nhóm 44: Dịch vụ nghỉ dưỡng bệnh; dịch vụ trồng rừng, chăm sóc vườn hoa, cây cảnh.

---

(111) **4-0168187**
(210) 4-2009-27842
(181) 22.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

GIARETTI

(151) 21.07.2011
(220) 22.12.2009

(731) CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ GIA DỤNG VIỆT PHƯƠNG (VN)
Số 10, phố Hàng Mắm, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 11: Bếp gas; thiết bị nấu nướng (sử dụng điện); thiết bị và trang bị đi kèm dùng cho mục đích nấu nướng; phụ tùng dùng để điều chỉnh và đảm bảo an toàn dùng cho thiết bị gas; máy hút mùi dùng cho nhà bếp; thiết bị và máy làm sạch không khí.

---

(111) **4-0168188**
(210) 4-2009-27300
(181) 16.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

TL-LASER

(151) 21.07.2011
(220) 16.12.2009

(531) 26.4.2; 26.4.4; 26.1.1; 26.3.23
(591) Trắng, xanh dương đậm, xanh dương nhạt, xanh lá cây, vàng, cam, đỏ, hồng, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG (VN)
Lô 6-8-10-12 đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 02: Mực in, mực in cho máy sao chụp, hộp mực in đã có mực dùng cho máy in và máy sao chụp, mực in dạng nhão, chất tổng hợp dùng để in có chức năng như mực in, phẩm màu.

---

(111) **4-0168189**
(210) 4-2009-27682
(181) 21.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

CERA SKIN PACK

(151) 21.07.2011
(220) 21.12.2009

(731) ĐỖ NGỌC QUANG (VN)
229 tổ 40, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm dưỡng da, mặt nạ đắp dưỡng da, mặt nạ dưỡng da dạng lỏng (lọ xịt).

---

(111) **4-0168190**
(210) 4-2009-27766
(181) 22.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 21.07.2011
(220) 22.12.2009

(531) A26.11.12; 25.1.25
(591) Vàng cam, nâu đậm, trắng.
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ I.P.A (VN)
Số 59 Lý Thái Tổ, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống; quán cà phê.

---

(111) **4-0168191**
(210) 4-2009-27767
(181) 22.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 21.07.2011
(220) 22.12.2009

(531) 26.4.2; A26.11.12; 25.1.25
(591) Vàng cam, trắng, nâu đậm
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ I.P.A (VN)
Số 59 Lý Thái Tổ, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống; quán cà phê.

---

(111) **4-0168192**
(210) 4-2009-27768
(181) 22.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 21.07.2011
(220) 22.12.2009

(531) A26.11.12; 25.1.25
(591) Đen, ghi xám, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ I.P.A (VN)
Số 59 Lý Thái Tổ, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống; quán cà phê.

---

(111) **4-0168193**
(210) 4-2009-27806
(181) 22.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

GERVIET

(151) 21.07.2011
(220) 22.12.2009

(731) CÔNG TY TNHH BÌNH VIỆT ĐỨC (VN)
62/36 Trương Công Định, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168194**
(210) 4-2009-27809
(181) 22.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

AXUGETA

(151) 21.07.2011
(220) 22.12.2009

(731) CÔNG TY TNHH BÌNH VIỆT ĐỨC (VN)
62/36 Trương Công Định, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168195**
(210) 4-2009-13523
(181) 03.07.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

NITRO-BOMG

(151) 21.07.2011
(220) 03.07.2009

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT PHƯỚC HƯNG (VN)
D16/8D Nguyễn Cửu Phú, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 01: Phân bón.

---

(111) **4-0168196**
(210) 4-2009-27302
(181) 16.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 21.07.2011
(220) 16.12.2009

(531) 26.4.2; A26.11.12
(591) Ghi xám, vàng, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TI GON (VN)
Tổ 19, ấp Đông Bình, xã Đông Bình, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Kem dưỡng da; sữa dưỡng thể (mỹ phẩm dạng sữa dùng bôi lên da để dưỡng da), nước hoa; sữa tắm; dầu gội đầu; nước xịt tóc (có tác dụng dưỡng tóc, tạo nếp và làm mềm tóc).

---

(111) **4-0168197**
(210) 4-2009-27303
(181) 16.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 21.07.2011
(220) 16.12.2009

(531) 26.4.2; 25.1.6; 3.7.21; 5.5.23; 26.1.2; 2.9.14; A2.9.15; 25.1.25; 1.3.1; 26.3.23; 5.1.3; 7.1.24; 7.1.25; 2.7.25
(591) Xanh lá cây đậm, xanh lá cây, xanh lá cây nhạt, xanh dương, xanh dương đậm, xanh lá mạ, đỏ, đỏ nhạt, da cam, vàng, vàng đậm, vàng nhạt, vàng nhũ, nâu, tím, xanh rêu, đen, trắng
(731) CƠ SỞ HUỲNH ĐỨC PHÁT (VN)
64/6 đường 702 Hồng Bàng, phường 1, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Hương thơm để thắp (nhang thơm).

(111) **4-0168198**
(210) 4-2009-25564
(181) 25.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

TIDALIV

(151) 21.07.2011
(220) 25.11.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ĐÔNG NAM (VN)
Lô số 2A, đường số 1A, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0168199**
(210) 4-2009-25565
(181) 25.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

AMEDLOVIR

(151) 21.07.2011
(220) 25.11.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ĐÔNG NAM (VN)
Lô số 2A, đường số 1A, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0168200**
(210) 4-2009-12686
(181) 23.06.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 21.07.2011
(220) 23.06.2009

(531) A5.5.20; A5.5.21; 26.4.2
(591) Đỏ, trắng, xanh dương.
(731) CÔNG TY TNHH MINH HƯƠNG P.N.D (VN)
Số 2s, đường Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn Nhiệt tâm và Cộng sự (NT & PARTNERS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần, áo, giày, dép, mũ, nón.

---

(111) **4-0168201**
(210) 4-2009-18832
(181) 04.09.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 04.09.2009

(531) A25.7.21; 26.11.3; A26.11.8; 26.4.9
(591) Xanh dương đậm, da cam
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PCB (VN)
Phòng 301-303, tòa nhà 63 Lý Thái Tổ, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 36: Cung cấp thông tin tín dụng.

---

(111) **4-0168202**
(210) 4-2009-21752
(181) 12.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 12.10.2009

(531) 26.4.1; 26.4.2; 26.4.4; A26.11.12; 3.7.17
(731) CÔNG TY TNHH THỜI TRANG NGỌC MINH (VN)
55/9 Bùi Thị Xuân, phường 5, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 25: Quần áo; quần đùi; áo sơ mi; áo t-shirt; quần dài; quần áo lót mặc bên trong.

---

(111) **4-0168203**
(210) 4-2009-21228
(181) 05.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

BIMOSUNAT

(151) 22.07.2011
(220) 05.10.2009

(731) NGUYỄN THỊ CHUNG (VN)
72 phố Hoa Bằng, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0168204**
(210) 4-2009-21222
(181) 02.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Tania

(151) 22.07.2011
(220) 02.10.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIM 2 YOON (VN)
24/40 Trần Văn Ơn, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần; áo.

---

(111) **4-0168205**
(210) 4-2009-21386
(181) 06.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

NICEFTAM

(151) 22.07.2011
(220) 06.10.2009

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HUY CƯỜNG (VN)
37 Trần Nhật Duật, Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168206**
(210) 4-2009-21446
(181) 07.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Asavi

(151) 22.07.2011
(220) 07.10.2009

(531) 26.4.4; A26.4.6; 18.3.21; 26.13.25
(591) Xanh dương, nâu, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ KỸ THUẬT HIỆP THÀNH PHÁT (VN)
201/60/34 Nguyễn Xí, phường 26, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 09: Chấn lưu điện tử; thiết bị điều khiển (Remote).

Nhóm 11: Máng đèn.

---

(111) **4-0168207**
(210) 4-2009-21447
(181) 07.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 07.10.2009

(531) 6.1.2; A6.1.4; 26.3.23; A26.11.12
(591) Xanh dương, nâu đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ KỸ THUẬT HIỆP THÀNH PHÁT (VN)
201/60/34 Nguyễn Xí, phường 26, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 09: Chấn lưu điện tử; thiết bị điều khiển (Remote).

Nhóm 11: Máng đèn.

---

(111) **4-0168208**
(210) 4-2009-21661
(181) 09.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

AUBEIN

(151) 22.07.2011
(220) 09.10.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM DO HA (VN)
Số 30, tập thể Trần Phú, ngõ 105, đường Nguyễn Phong Sắc, tổ 16, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0168209**
(210) 4-2009-21662
(181) 09.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

BICRIC

(151) 22.07.2011
(220) 09.10.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM DO HA (VN)
Số 30, tập thể Trần Phú, ngõ 105, đường Nguyễn Phong Sắc, tổ 16, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0168210**
(210) 4-2009-21664
(181) 09.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

SPOBET

(151) 22.07.2011
(220) 09.10.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM DO HA (VN)
Số 30, tập thể Trần Phú, ngõ 105, đường Nguyễn Phong Sắc, tổ 16, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0168211**
(210) 4-2009-21360
(181) 06.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

TVT-TOMIND

(151) 22.07.2011
(220) 06.10.2009

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRƯỜNG VIỆT TIẾN (VN)
Số 90A/B38 Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Bình Minh (SUNRISE IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0168212**
(210) 4-2009-21265
(181) 05.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 05.10.2009

(531) A26.11.12
(591) Đen, hồng tím, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VƯƠNG TOÀN (VN)
19 đường 11, khu dân cư Bình Hưng, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm, nước hoa.

---

(111) **4-0168213**
(210) 4-2009-21744
(181) 12.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 12.10.2009

(531) 3.13.1; A3.13.24; 26.1.1; 26.13.25
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THỜI TRANG HANOSIMEX (VN)
Số 25/13 đường Lĩnh Nam, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 25: Quần áo may sẵn; quần áo lót; áo nịt nữ; váy lót; bộ quần áo tắm; áo sơ mi.

Nhóm 35: Mua bán: quần áo, quần áo lót, bộ quần áo tắm, áo nịt nữ, váy lót, túi quần áo, khăn choàng, áo sơ mi, áo T-shirt, váy, mũ, ca vát; dịch vụ xuất nhập khẩu.

---

(111) **4-0168214**
(210) 4-2009-28605
(181) 31.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

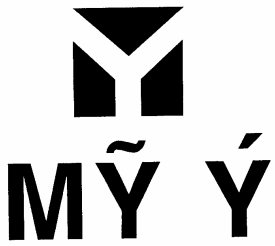

(151) 22.07.2011
(220) 31.12.2009

(531) 26.4.1; 26.4.4; 26.3.1; A26.3.5
(731) CÔNG TY TNHH MỸ Ý (VN)
23-25 C11 Phan Xích Long, phường 2, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn; dịch vụ nhà hàng ăn uống; dịch vụ cho thuê chỗ ở tạm thời; khu du lịch nghỉ dưỡng; dịch vụ đặt chỗ khách sạn; dịch vụ quầy rượu.

---

(111) **4-0168215**
(210) 4-2009-28648
(181) 31.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

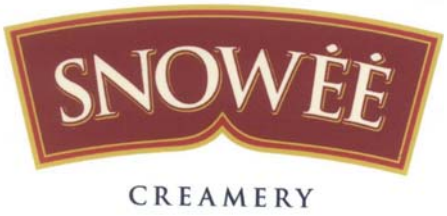

(151) 22.07.2011
(220) 31.12.2009

(531) A25.1.10; A26.4.5; A26.4.6; A25.3.11; A25.3.25; 26.13.25
(591) Đen, vàng, đỏ, nâu đỏ, trắng.
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HIỆP PHÚ (VN)
Lô K 02, đường Long Hậu, khu công nghiệp Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An
(740) Văn phòng Luật sư Tân Hà (VPLS TAN HA)

(511) Nhóm 30: Trà (chè); cà phê; ca cao; sô cô la; chất thay thế cà phê; kem ăn (kem lạnh).

Nhóm 43: Quán kem; quán cà phê, giải khát; dịch vụ nhà hàng ăn uống; quán ăn; quán rượu; dịch vụ cung cấp đồ ăn và thức uống (thực hiện bởi nhà hàng ăn uống) theo hình thức trực tiếp phục vụ tại nhà hàng hoặc giao hàng tại địa điểm khách hàng yêu cầu hoặc qua mạng.

---

(111) **4-0168216**
(210) 4-2009-21788
(181) 12.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Deslornine

(151) 22.07.2011
(220) 12.10.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GLOMED (VN)
Số 35, đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168217**
(210) 4-2009-22083
(181) 15.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

HOÀNG CÚC THUỶ

(151) 22.07.2011
(220) 15.10.2009

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH (VN)
B19, D6 khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Bình Minh (SUNRISE IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; kem (mỹ phẩm); dung dịch vệ sinh mắt, mũi, họng không chứa thuốc.

Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế; thuốc đông y.

---

(111) **4-0168218**
(210) 4-2009-22188
(181) 16.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

UMAX®

(151) 22.07.2011
(220) 16.10.2009

(531) 26.3.23; 26.4.2; 24.15.21; 25.7.20
(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KIM QUỐC MINH (VN)
398/2 Lê Văn Sỹ, phường 14, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 16: Ru băng mực; ru băng mực dùng cho máy in của máy tính.

---

(111) **4-0168219**
(210) 4-2009-21260
(181) 05.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 05.10.2009

(531) 5.7.11; 26.1.1; A5.3.15; A5.3.13
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THỜI TRANG THẢO (VN)
30 đường số 5, khu phố 4, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 25: Quần áo.

Nhóm 40: May quần áo.

---

(111) **4-0168220**
(210) 4-2009-21688
(181) 09.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

RED LEAF
VIÊN NANG HỒNG DIỆP

(151) 22.07.2011
(220) 09.10.2009

(731) KUNMING DIHON PHARMACEUTICAL CO., LTD (CN)
No.45 Keyi Road, Kunming New & High-tech Industrial Development Zone, Yunnan, China
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm chức năng và thực phẩm bổ sung dinh dưỡng dùng trong ngành y.

(111) **4-0168221**
(210) 4-2009-23026
(181) 26.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

望湘园
SOUTH MEMORY

(151) 22.07.2011
(220) 26.10.2009

(731) SOUTH MEMORY (SHANGHAI) FOOD MANAGEMENT CO., LTD. (CN)
Room 302-A, No. 796 Dongfang Road, New Pudong District, Shanghai, China
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Cà phê; trà; cơm cuộn rong biển và hải sản (sushi - món ăn truyền thống của Nhật Bản); bánh mỳ; mỳ sợi; gia vị.

Nhóm 43: Dịch vụ cung cấp thức ăn, đồ uống (do nhà hàng phục vụ); dịch vụ quán cà phê; quán cà phê tự phục vụ; dịch vụ khách sạn; quán rượu nhỏ; dịch vụ quầy rượu.

---

(111) **4-0168222**
(210) 4-2009-22986
(181) 26.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

NATURA

(151) 22.07.2011
(220) 26.10.2009

(731) BENJAMIN MOORE & CO. (US)
101 Paragon Drive Montvale, New Jersey 07645, United States of America
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 02: Thuốc màu; vecni; sơn; chất ngăn ngừa gỉ sắt và chống lại sự xuống màu của gỗ; phẩm màu, chất cắn màu; nhựa cây tự nhiên ở trạng thái thô; lá kim loại và kim loại dạng bột dùng cho họa sỹ, người làm nghề trang trí, nghề in và nghệ sỹ; sơn lót, chất nhuộm màu, chất bịt kín và chất phủ ngoài có tính chất của sơn; chất làm đặc thuốc màu; chất pha loãng dùng cho thuốc màu và sơn.

---

(111) **4-0168223**
(210) 4-2009-23361
(181) 29.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Tyzorin Lozenges

(151) 22.07.2011
(220) 29.10.2009

(731) PACIFIC PHARMACEUTICALS LTD. (PK)
30 KM Multan Road Lahore Pakistan
(740) Công ty TNHH Vĩnh Phát và Liên danh (VIFA & ASSOCIATES CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168224**
(210) 4-2009-23461
(181) 30.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 30.10.2009

(531) 26.4.2; A1.1.2; A26.11.12; 26.11.1; A1.1.10
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THỰC PHẨM KHÁNH HOÀ (VN)
18B Trần Hưng Đạo, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà

(511) Nhóm 30: Cà phê.

---

(111) **4-0168225**
(210) 4-2009-23323
(181) 29.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

YAHOO! DIGU

(151) 22.07.2011
(220) 29.10.2009

(731) YAHOO! INC. (US)
701 First Avenue, Sunnyvale, California 94089, U.S.A
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Cung cấp cơ sở dữ liệu máy tính trực tuyến và cơ sở dữ liệu tìm kiếm trực tuyến trong lĩnh vực mạng xã hội.

Nhóm 42: Dịch vụ máy tính, cụ thể là, tạo các cộng đồng trực tuyến cho người sử dụng tham gia vào các cuộc thảo luận, tương tác với những người sử dụng khác, thiếp lập cộng đồng ảo, và tham gia vào mạng xã hội.

Nhóm 45: Dịch vụ mạng xã hội và giới thiệu trên mạng Internet (tự giới thiệu về bản thân để làm quen, kết bạn với người khác).

---

(111) **4-0168226**
(210) 4-2009-22887
(181) 23.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 23.10.2009

(531) 1.5.1; 26.4.2
(591) Xanh da trời, đỏ, xám, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI LÊ TRÍ (VN)
TK 2/6 bến Chương Dương, phường Cầu Kho, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Ngôi Sao chuyên nghiệp và liên danh (NOVAPRO & ASSOCIATES CO.,LTD.)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ kho vận; dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô; bốc xếp hàng hóa; vận tải hành khách đường bộ; lưu giữ hàng hóa.

---

(111) **4-0168227**
(210) 4-2009-22920
(181) 23.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 23.10.2009

(531) A26.11.12; 26.13.25
(731) ZO Skin Health Inc. (US)
3790 Via de la Valle, #311, Del Mar, CA 92014, USA
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0168228**
(210) 4-2009-23486
(181) 30.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 30.10.2009

(531) 26.5.1; 26.5.2; 26.3.23; 26.11.2
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ QUỐC THÁI (VN)
33 Trần Xuân Hoà, phường 7, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Pin điện thoại, điện thoại, loa, sạc pin điện thoại, chuột máy tính, tai nghe.

Nhóm 35: Mua bán: pin điện thoại, điện thoại, linh kiện điện thoại, loa, sạc pin điện thoại, chuột máy tính, tai nghe.

---

(111) **4-0168229**
(210) 4-2009-23487
(181) 30.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

TAM PHONG - GETO

(151) 22.07.2011
(220) 30.10.2009

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN DŨNG OANH (VN)
Cụm 5, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 19: Ống nhựa cứng; cút đường ống bằng nhựa cứng; cút đường ống nước bằng nhựa cứng.

---

(111) **4-0168230**
(210) 4-2009-22702
(181) 22.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 22.10.2009

(531) 26.4.3; 26.4.4; A26.11.12; 1.15.15; 26.13.25
(591) Đen, trắng, đỏ, xanh dương.
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LONG ĐẠT (VN)
21 Hùng Vương, thành phố Đà Nẵng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 11: Bồn rửa bát đĩa ở bếp; bồn tắm; bồn tiểu; lavabô; bệ xí; vòi tắm hoa sen; thiết bị đun nóng nước.

---

(111) **4-0168231**
(210) 4-2009-23340
(181) 29.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 29.10.2009

(531) 26.1.2; A26.11.12; 26.11.3; 25.7.20
(731) CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MÔI GIỚI PHÚ VẠN NIÊN (VN)
234/1 Nguyễn Tiểu La, phường 8, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 35: Môi giới thương mại; mua bán: nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh.

Nhóm 36: Dịch vụ môi giới bất động sản; mua bán nhà, đất.

Nhóm 37: Xây dựng nhà, xây dựng cầu, xây dựng đường.

---

(111) **4-0168232**
(210) 4-2009-23342
(181) 29.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 29.10.2009

(531) A26.11.12; A1.1.2; A1.1.10
(731) CƠ SỞ SIRO TRINH (VN)
8/43D Tân Hoá , phường 1, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 32: Nước si rô; nước sâm dứa dùng để giải khát.

---

(111) **4-0168233**
(210) 4-2009-23347
(181) 29.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

SAIGONCHAT

(151) 22.07.2011
(220) 29.10.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HƯNG PHÁT (VN)
Lầu 3, toà nhà Thái Huy, số 307/4 Nguyễn Văn Trỗi, phường 1, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 38: Dịch vụ viễn thông bao gồm: dịch vụ điện thoại, dịch vụ điện thoại qua Internet, dịch vụ thông tin liên lạc qua vệ tinh, dịch vụ truyền thông số liệu, dịch vụ thông tin liên lạc bằng máy tính, dịch vụ cung cấp đường truyền để truy cập (kết nối) và Internet.

---

(111) **4-0168234**
(210) 4-2009-22189
(181) 16.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 16.10.2009

(531) 26.4.2; A2.9.16; 1.15.15; 26.13.25
(591) Đỏ, trắng, xanh dương, ghi xám, đen
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KIM QUỐC MINH (VN)
398/2 Lê Văn Sỹ, phường 14, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 16: Ru băng mực; ru băng mực dùng cho máy in của máy tính.

(111) **4-0168235**
(210) 4-2009-22689
(181) 22.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 22.10.2009

(531) 26.1.1; 26.1.2; A26.11.12; 25.7.20; 26.2.1
(591) Đỏ, xám, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX (VN)
Khu phố 4, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng Luật sư A Hoà (AHOA LAW OFFICE)

(511) Nhóm 03: Bột giặt; nước giặt quần áo; nước xả làm mềm vải; nước rửa chén; nước tẩy vết bẩn.

---

(111) **4-0168236**
(210) 4-2009-23523
(181) 30.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

FENTY

(151) 22.07.2011
(220) 30.10.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI MỸ PHẨM HIỆP PHONG (VN)
54-56A Hoàng Lệ Kha, phường 9, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm, nước hoa, kem dưỡng da, dầu gội đầu, sữa rửa mặt, xà phòng.

---

(111) **4-0168237**
(210) 4-2009-23525
(181) 30.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

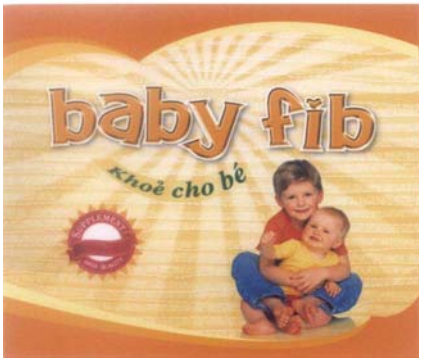

(151) 22.07.2011
(220) 30.10.2009

(531) 26.4.2; A26.11.12; 26.11.3; 25.7.20; 26.1.1; 15.7.1; A2.5.22; A2.5.24; 25.1.6
(591) Xanh dương, vàng sẫm, vàng nhạt, vàng, da cam, đỏ, xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ QUỐC TẾ VIỆT PHÁP (VN)
Số nhà 75, khu liên đoàn Vật lý địa chất, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0168238**
(210) 4-2009-22487
(181) 20.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

ofurni®

(151) 22.07.2011
(220) 20.10.2009

(531) 26.1.1
(591) Xám, đỏ, trắng.
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NỘI THẤT PHÂN PHỐI (VN)
28-30 đường 9A, KDC Trung Sơn, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 20: Bàn; ghế; tủ; ghế sofa; kệ đựng hồ sơ; quần tiếp tân.

---

(111) **4-0168239**
(210) 4-2009-22780
(181) 22.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 22.10.2009

(531) 26.4.2; 26.4.4; 5.7.3; 5.13.4; 9.1.10; 26.1.1; 26.13.25
(591) Trắng, đỏ, vàng, xanh lá cây, đen
(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP CAO SU CHENG TAI (VN)
Khu công nghiệp Sông Mây, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 07: Trục cao su của máy xay lúa.

---

(111) **4-0168240**
(210) 4-2009-23488
(181) 30.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 30.10.2009

(531) A26.11.12; 26.13.25; 5.3.11; A5.3.13; 5.7.14; 5.7.21; 26.4.1
(591) Đỏ, nâu sẫm
(731) PHẠM TÍCH LINH (VN)
21 Hàng Đường, phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 29: Ômai (chế biến từ trái cây): mứt trái cây (mứt ướt); trái cây đã chế biến, trái cây khô, trái cây đóng hộp, quả đông lạnh.

---

(111) **4-0168241**
(210) 4-2009-27174
(181) 15.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 15.12.2009

(531) 5.3.11; A5.3.13; A5.3.14
(591) Xanh lá cây, trắng, xám, xám đậm
(731) CÔNG TY TNHH VINACAPITAL PHƯỚC ĐIỀN (VN)
Phường Phước Long B, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Luật TNHH Tư vấn Quốc tế (IC)

(511) Nhóm 37: Thi công các công trình dân dụng và công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, hạ tầng kỹ thuật; tư vấn thi công xây dựng; giám sát công trình xây dựng; giải phóng mặt bằng; cho thuê máy móc thiết bị xây dựng; dịch vụ dán giấy dán tường.

---

(111) **4-0168242**
(210) 4-2009-23952
(181) 05.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

BEN 10 ULTIMATE ALIEN

(151) 22.07.2011
(220) 05.11.2009

(731) THE CARTOON NETWORK, INC. (US)
1050 Techwood Drive, NW Atlanta, Georgia 30318, United States of America
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Băng cát xét ghi hình đã ghi sẵn (được sản xuất hàng loạt) và đĩa ghi hình DVD đã ghi sẵn với nội dung là phim hoạt hình; băng cát xét ghi âm đã ghi sẵn và đĩa compắc (được sản xuất hàng loạt) với nội dung là các phần nhạc thu, âm nhạc của các bài hát chủ đề cho phim hoạt hình và các bản ghi âm thanh khác; kính mắt; kính râm; kính chống chói; kính và thấu kính bảo vệ và an toàn; khung và hộp cho các loại kính trên; nhạc chuông, hình đồ hoạ và âm nhạc có thể tải xuống qua mạng máy tính toàn cầu và các thiết bị không dây; phụ kiện cho điện thoại di động dùng trong khu vực phủ sóng được chia ô nhỏ, cụ thể là, hộp bao ngoài điện thoại và tấm che mặt trên của điện thoại; chương trình truyền hình có thể tải xuống (được cung cấp qua dịch vụ viđêô theo yêu cầu); máy rađiô; ti vi; máy stereo; điện thoại; nhiệt kế; la bàn; thước (dụng cụ đo); dải băng để đo; ống nhòm; kính lúp; máy tính; máy vi tính; phần mềm máy vi tính (được ghi sẵn hay có thể tải xuống được) và thiết bị ngoại vi cho máy vi tính; bộ phận điều khiển trò chơi trên máy vi tính; chuông báo động; ống thở cho người lặn; mặt nạ dùng khi bơi; kính bơi; máy quay phim; phim đã lộ sáng; máy chiếu trên bản kính (máy chiếu slide); pin; và máy chiếu để chiếu hình ảnh trên tấm vật liệu trong và mỏng; trò chơi điện tử dùng với màn hình hiển thị hay màn hình ngoài (máy chơi trò chơi trên máy vi tính dùng với màn hình hiển thị

hay màn hình ngoài; băng cát xét ghi trò chơi trên máy vi tính; đĩa ghi trò chơi trên máy vi tính; chương trình trò chơi trên máy vi tính (được ghi sẵn hay có thể tải xuống được); phần mềm trò chơi trên máy vi tính (được ghi sẵn hay có thể tải xuống được); đầu máy chơi trò chơi viđêô; đĩa ghi trò chơi viđêô; bộ điều khiển trò chơi viđêô; bộ điều khiển từ xa trò chơi viđêô tương tác; cái điều khiển từ xa cầm tay cho trò chơi viđêô tương tác để chơi trò chơi điện tử; phần mềm trò chơi viđêô (được ghi sẵn hay có thể tải xuống được); băng cát-xét ghi trò chơi viđêô; nam châm; bảng nam châm; tấm đệm di chuyển con chuột máy tính và nam châm trang trí gắn ngoài tủ lạnh.

Nhóm 14: Đồng hồ báo thức; đồng hồ; đồng hồ có kèm rađiô; đồng hồ đeo tay; dây đeo đồng hồ; hộp trang trí làm bằng kim loại quý; mặt dây chuyền hay lắc tay; ghim cài ve áo, trang sức dùng với trang phục; dây chuyền đeo cổ; nhẫn; khuyên tai; vòng đeo tay; vòng đeo chìa khoá làm bằng kim loại quý.

Nhóm 16: ấn phẩm và sản phẩm bằng giấy, cụ thể là, sách có nội dung các nhân vật phim hoạt hình, phim phiêu lưu hành động, phim hài và/hoặc kịch, tạp chí dành cho trẻ em đăng những chuyện kể chủ yếu bằng hình vẽ; sách trẻ em; tạp chí có nội dung về các nhân vật trong phim hoạt hình, phim phiêu lưu hành động, phim hài và/hoặc kịch; sách tô màu; sách về hoạt động cho trẻ em; văn phòng phẩm; giấy viết, phong bì; sổ ghi chép; quyển nhật ký; thẻ ghi chú; thiệp mừng; thiệp giao dịch; tờ in thạch bản và giấy (tấm trong suốt bằng chất dẻo) in hình vẽ; bút; bút chì; hộp bút và hộp bút chì; tẩy; bút màu; bút đánh dấu; bút chì màu; bộ dụng cụ vẽ; phấn (viết, đánh dấu) và bảng viết phấn; đề can; đề can in hình khi dùng lực ấn vào hay tác dụng nhiệt; áp phích; ảnh chụp có khung và/hoặc không có khung; cái bọc sách; cái đánh dấu trang sách; lịch; giấy gói quà; đồ dùng trong bữa tiệc và đồ trang trí bữa tiệc bằng giấy - cụ thể là, khăn ăn giấy; tấm lót tách chén trên bàn ăn bằng giấy; tấm lót đĩa ăn bằng giấy; giấy kếp; mũ giấy; giấy mời; khăn trải bàn bằng giấy; đồ trang trí bánh ngọt bằng giấy; mẫu in hình thêu hay mẫu in để in hình lên vải; mẫu in hình cho trang phục, bộ đồ ngủ pijama, áo bằng vải bông dày hay dệt kim và áo phông.

Nhóm 18: Rương đựng hành lý; va li và túi du lịch; sản phẩm làm bằng da và giả da, cụ thể là, túi; túi đeo lưng; túi đeo hông; túi xách tay; túi đựng mỹ phẩm rỗng; cặp đựng tài liệu; cặp dẹt đựng tài liệu; ví; ví đựng chìa khoá; ví để tiền xu; ô; ví đựng thẻ tín dụng; vỏ bao quyển hộ chiếu và ví đựng đồ mỹ phẩm rỗng.

Nhóm 21: Đồ thủy tinh, gốm sứ và đất nung, cụ thể là, đồ thuỷ tinh đựng đồ uống; cốc vại; bình có tay cầm và vòi; bát; đĩa; lót cốc; cốc; bộ tách cà phê gồm tách và đĩa nhỏ để tách; bộ đựng đường và kem (dùng để cho thêm vào đồ uống); cốc cho trẻ em; lọ đựng bánh quy nhỏ; tượng bằng gốm; thuỷ tinh và đồ sứ; ấm pha cà phê không chạy điện không làm bằng kim loại quý; thùng đựng giấy bỏ đi; thùng (xô) đựng đá; thùng (xô) đựng nước bằng chất dẻo; giá đựng đồ trong phòng tắm có vòi sen; hộp đựng trà; khuôn làm bánh ngọt; cái cào dùng trong bếp; và bay xúc bánh ngọt; bi đông đựng nước; đồ chứa cách nhiệt dùng để đựng thực phẩm hay đồ uống; dụng cụ cắt bánh quy nhỏ; dụng cụ giữ lõi ngô dùng trong nhà bếp; chai đựng nước uống bằng chất dẻo rỗng; bình téc-mốt (giữ nhiệt); găng tay làm vườn; găng tay cao su dùng cho mục đích gia đình; bộ đồ ăn; cụ thể là đĩa giấy và tách giấy; bàn chải, cụ thể là bàn chải tóc; bàn chải răng; vật dụng nhà bếp, cụ thể là trục cán bột; bay xúc thức ăn; cái lật thức ăn; cái đánh trứng không chạy điện dùng cho mục đích gia đình; và đồ chứa dùng trong nhà bếp; cái đựng xà phòng; đồ đựng thực phẩm và hộp đựng đồ ăn trưa; cốc; tách và lót cốc bằng chất dẻo.

Nhóm 24: Đồ vải để tắm, cụ thể là, khăn tắm; rèm che khi tắm vòi hoa sen; và khăn lau; đồ vải trên giường, cụ thể là, chăn; màn che; tấm phủ đặt trên đệm ; khăn trải giường; tấm phủ giường; vỏ gối; chăn bông; vỏ chăn lông vịt; vỏ đệm; vải diềm che bụi; màn che muỗi; vải phủ gối; đồ vải dùng trong bếp, cụ thể là: khăn lót dưới bộ đồ ăn; khăn ăn bằng vải; khăn rửa bát; khăn trải bàn bằng vải; khăn lau bếp; vải lót đĩa bàn ăn; găng dùng khi lau rửa; dải vải diềm bàn; cái bắc nồi và khăn lót cốc; khăn tay bằng vải dệt; mền bông; và khăn lau khi chơi gôn bằng vải dệt.

Nhóm 25: Quần áo cho đàn ông, phụ nữ và trẻ em - cụ thể là, áo sơ mi; áo phông; áo bằng vải bông dày hay dệt kim; bộ đồ mặc khi chạy bộ; quần dài; quần đùi; quần soóc; áo dệt kim không tay; áo mưa; yếm dãi bằng vải cho trẻ sơ sinh; chân váy; áo bờ-lu; váy; dây đeo quần áo hay tất; áo bằng vải bông dày; áo jắckét; áo choàng; áo choàng đi mưa; bộ đồ đi tuyết; cà vạt; áo choàng thụng; mũ; mũ lưỡi trai; vành che nắng (của mũ); thắt lưng cho trang phục; khăn quàng cổ; quần áo ngủ; bộ đồ ngủ pijama; quần áo lót; bộ đồ lót; giầy bốt; giày; giày đế mềm; xăng đan; bít tất; giày mềm cho trẻ sơ sinh; bít tất chống trượt; quần áo bơi và trang phục hoá trang và trang phục mặc trong lễ Halloween và mặt nạ hoá trang bán kèm theo (mặt nạ là bộ phận không tách rời của trang phục) . (44 sản phẩm)

Nhóm 28: Đồ chơi và đồ thể thao, bao gồm đồ chơi và trò chơi - cụ thể là, các nhân vật hành động và phụ kiện đi kèm; đồ chơi bằng vải lông; bóng bay để chơi; bồn tắm đồ chơi; đồ chơi để cưỡi; thiết bị được bán thành bộ chơi trò chơi đánh bài không dùng với màn hình hay màn hiển thị ngoài; xe cộ đồ chơi; búp bê; đĩa bay đồ chơi; bộ trò chơi điện tử cầm tay không dùng với màn hình hay màn hiển thị ngoài; thiết bị chơi trò chơi được bán thành bộ để chơi cờ, chơi bài hay trò chơi với các tấm thẻ; trò chơi thao tác bằng tay; trò chơi trong nhà và trò chơi mục tiêu hành động không dùng với màn hình hay màn hiển thị ngoài; máy chơi trò chơi có màn viđêô hiển thị đứng độc lập không dùng với màn hình hay màn hiển thị ngoài; trò chơi xếp hình và trò chơi đố thao tác bằng tay; mặt nạ đồ chơi đeo mặt bằng giấy; ván trượt; giày trượt băng; đồ chơi phun nước; bóng, cụ thể là, bóng chơi trên sân; bóng đá; bóng chày; bóng rổ; găng tay chơi bóng chày; mảng bè để bơi dùng cho mục đích giải trí; dụng cụ nổi để người bơi bám và đạp chân dùng cho mục đích giải trí; ván lướt sóng; ván nổi dùng khi bơi dùng cho mục đích giải trí; chân nhái để bơi; bộ đồ nướng và nấu ăn đồ chơi; ngân hàng đồ chơi; và đồ trang trí cây thông Nô en, không phải là đồ phát sáng và bánh kẹo.

Nhóm 41: Giáo dục; giải trí; cung cấp dịch vụ thông tin giải trí trên truyền hình, qua băng thông rộng, qua mạng không dây và trực tuyến; cung cấp dịch vụ giải trí, cụ thể là trò chơi máy tính trên truyền hình, qua băng thông rộng, qua mạng không dây và trực tuyến; cung cấp dịch vụ giải trí, cụ thể là chương trình đa phương tiện giải trí trên truyền hình, qua băng thông rộng, qua mạng không dây và trực tuyến; sản xuất, phân phối (phát hành, không phải là bán và vận chuyển), chiếu và cho thuê các chương trình truyền hình, viđêô, phim điện ảnh, băng, băng cát xét, đĩa, đĩa ghi, đĩa CD, đĩa DVD và các vật mang khác ghi sẵn âm thanh và hình ảnh; sản xuất và bố trí các chương trình ra điô và truyền hình; thông tin liên quan đến giải trí hay giáo dục được cung cấp trên truyền hình, qua băng thông rộng, qua mạng không dây và trực tuyến; cung cấp ấn phẩm điện tử trên truyền hình, qua băng thông rộng, qua mạng không dây và trực tuyến (không tải xuống được qua mạng); cung cấp trang web trực tuyến về tin tức và thông tin, sản phẩm, chương trình đa phương tiện và các tài liệu tham khảo trong lĩnh vực giải trí.

(111) **4-0168243**
(210) 4-2009-26602
(181) 08.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Bouché
宝倩
ボーシェ
โบเช่

(151) 22.07.2011
(220) 08.12.2009

(731) U. B. CHEMICAL INDUSTRIES CO., LTD. (TH)
63/9 Moo2, Petchkasem 81 Road, Nongkangploo, Nongkham, Bangkok, 10160, Thailand
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Chất tẩy trang (mỹ phẩm); mỹ phẩm dạng kem; mỹ phẩm dùng cho lông mày; bút kẻ lông mày, mỹ phẩm dùng cho mí mắt; son môi; bút kẻ viền môi; bút kẻ viền mắt; mặt nạ dùng để dưỡng, làm đẹp da mặt (mỹ phẩm); sữa làm sạch dùng cho mục đích vệ sinh; sơn móng tay/móng chân (mỹ phẩm), nước hoa; phấn trang điểm; chế phẩm chăm sóc da (mỹ phẩm); chế phẩm dùng để làm da có màu rám nắng (mỹ phẩm); chất tẩy và các chế phẩm khác dùng cho mục đích giặt; chế phẩm dùng để làm sạch, đánh bóng và mài mòn; xà phòng bánh; tinh dầu (mỹ phẩm); mỹ phẩm; nước dưỡng tóc; thuốc đánh răng.

---

(111) **4-0168244**
(210) 4-2009-27384
(181) 17.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

HISHI

(151) 22.07.2011
(220) 17.12.2009

(731) MITSUBISHI PLASTICS, INC. (JP)
2-2, Nihonbashihongokucho 1-chome, chuo-ku, Tokyo 103-0021 Japan
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 06: Ống dẫn bằng kim loại; khớp nối bằng kim loại dùng cho ống dẫn; ống bao nối (măng sông) ống dẫn bằng kim loại; vòng nối bằng kim loại cho đường ống; ống khuỷu bằng kim loại; vòng kẹp bằng kim loại (cổ dề); ống nhánh bằng kim loại; ống tiêu nước bằng kim loại; ống phân phối bằng kim loại dùng cho hệ thống đường ống; ống dẫn chịu áp bằng kim loại; đường ống bằng kim loại; ống thép; ống kim loại; lớp lót ống bằng kim loại gắn keo tổng hợp; ống nước bằng kim loại; cừ ván bằng kim loại; lá và tấm kim loại; tấm thép; tấm kim loại dùng cho xây dựng; vật liệu xây dựng bằng kim loại; công trình bằng kim loại; đầu nối cáp bằng kim loại, không có điện; kẹp nối cáp hoặc ống (bằng kim loại); kim loại thường, thô hoặc bán thành phẩm; chi tiết bằng kim loại dùng trong xây dựng; khung kim loại dùng cho xây dựng; khung sườn kim loại dùng cho xây dựng; vật liệu gia cường bằng kim loại dùng cho xây dựng; ván chân tường bằng kim loại và ván sàn bằng tấm kim loại nhiều lớp gắn kết với nhau bằng keo tổng hợp dùng cho xây dựng hoặc công trình.

Nhóm 17: Vỏ bọc ống, không bằng kim loại; mối nối ống, không bằng kim loại; vật liệu gia lực không bằng kim loạ dùng cho đường ống; ống và đường ống bằng chất dẻo (loại mềm); nhựa tổng hợp (sản phẩm bán thành phẩm); ống (vòi) cao áp bằng chất dẻo; ống khuỷu bằng chất dẻo (loại mềm); ống khuỷu phi kim loại (loại mềm); ống và ống vòi bằng chất dẻo (loại mềm); màng mỏng bằng chất dẻo, không dùng để bao gói; tấm chất dẻo; chất dẻo bán thành phẩm; màng bằng chất dẻo dùng trong nông nghiệp; đệm lót; mối nối và nắp chụp cho ống phi kim loại; ống vòi, không bằng kim loại; vật liệu nhồi, đệm, lót bằng cao su hoặc chất dẻo để gói hàng; cao su thô hoặc bán thành phẩm; vòng đệm bằng cao su hoặc bằng sợi lưu hoá; lớp phủ cách điện; vải cách điện; giấy cách điện; giấy cách điện dùng cho đồ điện; giấy cách nhiệt; màng cản nhiệt và lọc ánh sáng; băng dính cách điện; mica; bột mica; ống amiăng; tấm cách nhiệt; tấm cách âm; chất dẻo ở dạng đã đúc ép dùng cho sản xuất; cao su mảnh; vòng đệm chặn dầu; vòng đệm; miếng đệm; lớp lót; vòng làm kín và vòng chặn dầu bằng cao su và chất dẻo; dầu cách điện; chất cách điện cho dây và cáp điện; chất bịt kín; keo lỏng chống thấm; hỗn hợp mối nối; găng cách điện; tấm cách điện bằng nhựa tổng hợp (nhựa phenol formandehit); sợi thuỷ tinh để cách điện; bọt (xốp) dùng để trợ giúp việc cắm hoa (bán thành phẩm).

---

(111) **4-0168245**
(210) 4-2007-20003
(181) 05.10.2017
(450) 25.08.2011 281
(540)

VENATICI

(151) 22.07.2011
(220) 05.10.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ (VN)
6/134 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bánh; kẹo; mứt kẹo; chè (trà); cà phê; bột ngũ cốc.

---

(111) **4-0168246**
(210) 4-2009-27153
(181) 15.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 15.12.2009

(531) A26.11.12; 26.11.3; 25.7.20; 26.3.23
(591) Đỏ, xanh dương, xanh lá cây.
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TÂN VIỆT (VN)
Số 20 tập thể Thuỷ Sản, Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 36: Dịch vụ bất động sản, cụ thể là: mua bán, kinh doanh bất động sản; sàn giao dịch bất động sản.

Nhóm 37: Xây dựng.

---

(111) **4-0168247**
(210) 4-2009-27267
(181) 16.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 16.12.2009

(531) A26.11.12; 24.15.1; 24.15.2
(591) Xanh dương, đen, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CỔNG KHÔNG GIAN (VN)
145/24-26 Nguyễn Thiện Thuật, phường 1, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Quảng cáo; cho thuê không gian quảng cáo.

---

(111) **4-0168248**
(210) 4-2009-23842
(181) 04.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

ONECHECK

(151) 22.07.2011
(220) 04.11.2009

(731) CÔNG TY TNHH AN NÔNG (VN)
Lô B06- 1, khu công nghiệp Đức Hoà I - Hạnh Phúc, xã Đức Hoà Đông, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0168249**
(210) 4-2009-23843
(181) 04.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

TOP GUN

(151) 22.07.2011
(220) 04.11.2009

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ XUẤT NHẬP KHẨU THĂNG LONG (VN)
32/44 Võ Thị Sáu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần, áo.

---

(111) **4-0168250**
(210) 4-2009-23529
(181) 30.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

LAHELLA

(151) 22.07.2011
(220) 30.10.2009

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KOREA UNITED PHARM INT'L INC. (VN)
Số 2 đại lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168251**
(210) 4-2009-23787
(181) 04.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

TOÀN ANH
SỰ LỰA CHỌN SÁNG SUỐT CHO MÁY IN VĂN PHÒNG

(151) 22.07.2011
(220) 04.11.2009

(531) 26.3.1; 26.4.4; 26.3.2
(591) Xanh lam, đỏ cờ, xanh lá cây, đen
(731) CÔNG TY TNHH MỰC IN TOÀN ANH (VN)
Phòng 305B, nhà B13 khu tập thể Thanh Xuân Bắc, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 02: Mực in; mực cho máy sao chụp; hộp mực in đã có mực dùng cho máy in và máy sao chụp; hợp phần mực in; sơn.

---

(111) **4-0168252**
(210) 4-2009-26560
(181) 08.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

TRUTONE
TECHNOLOGY

TRUTONE
TECHNOLOGY

(151) 22.07.2011
(220) 08.12.2009

(591) Đen, trắng, xanh dương, đỏ, vàng
(731) PT. PURINUSA EKAPERSADA (ID)
Plaza BII, Tower 2, 7th Floor, Jl. M.H. Thamrin Kav. 51 Jakarta 10350, Indonesia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 16: Giấy, các tông và các sản phẩm làm từ vật liệu này không xếp ở các nhóm khác, cụ thể là: giấy nghệ thuật, giấy bọc, giấy không bọc, hộp các tông, bìa các tông, giấy bao gói; khăn giấy bao gồm: khăn giấy lụa, khăn giấy vệ sinh, khăn giấy lau mặt, khăn ăn bằng giấy và khăn lau bằng giấy; giấy chất lượng cao bao gồm: giấy không làm từ bột gỗ, giấy in ốpxét, giấy in, giấy phôtô và giấy viết, ấn phẩm, vật liệu để đóng sách; ảnh chụp; văn phòng phẩm; keo dán dùng cho văn phòng hoặc dùng cho gia đình; vật liệu dùng cho các nghệ sĩ; bút lông; máy chữ và đồ dùng văn phòng (không kể đồ gỗ); đồ dùng giảng dạy và học tập (không kể máy móc dùng cho mục đích này); chất dẻo để bao gói (không được xếp ở những nhóm khác); chữ in; bản in đúc (clisê); khăn mỏng làm bằng giấy.

---

(111) **4-0168253**
(210) 4-2009-27241
(181) 16.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

Finger Slim

(151) 22.07.2011
(220) 16.12.2009

(731) SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD. (KR)
416 Maetan-dong, Yeongtong-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do, Korea
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Thiết bị thu hình; màn hình máy tính; máy đọc đĩa DVD; máy đọc đĩa quang; bộ khuếch đại âm thanh; loa khuếch đại âm thanh.

---

(111) **4-0168254**
(210) 4-2008-12000
(181) 06.06.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

ATIZAL

(151) 22.07.2011
(220) 06.06.2008

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM AN THIÊN (VN)
896D Tạ Quang Bửu, phường 5, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh (DAITIN AND ASSOCIATES CO.,LTD)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168255**
(210) 4-2008-25491
(181) 01.12.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

Tower

(151) 22.07.2011
(220) 01.12.2008

(731) HỘ KINH DOANH THẾ XUYÊN (VN)
426/5H Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 14: Đồng hồ.

---

(111) **4-0168256**
(210) 4-2008-17313
(181) 12.08.2018
(300) 6553724 14.02.2008 CN
(450) 25.08.2011 281
(540)

ETAM WEEKEND

(151) 22.07.2011
(220) 12.08.2008

(731) ETAM (A FRENCH CORPORATION) (FR)
57-59, rue Henri Barbusse, 92110 Clichy, France
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 18: Túi da, túi xách tay, túi đeo ở lưng, túi xách học sinh, túi du lịch, túi đi biển, túi dụng cụ du lịch bằng da; túi ngựa thồ, hòm du lịch, ví đựng tiền của nam giới, túi xách dành cho phụ nữ, ví đựng danh thiếp (ví), hộp đựng chìa khóa bằng da, ô, lọng và gậy chống.

---

(111) **4-0168257**
(210) 4-2008-25077
(181) 24.11.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 24.11.2008

(531) 26.4.2; 1.15.23; A26.11.12
(591) Trắng, cam, vàng, xanh dương đậm, xanh dương nhạt
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG (VN)
Lô 6-8-10-12 đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 16: Bút viết, tập vở học sinh, mực viết máy, phấn viết bảng, keo dán dùng cho văn phòng hoặc gia đình, đế (hộp) cắm bút, đồ dùng văn phòng (không bao gồm đồ gỗ).

---

(111) **4-0168258**
(210) 4-2008-25078
(181) 24.11.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

TL-SMART

(151) 22.07.2011
(220) 24.11.2008

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG (VN)
Lô 6-8-10-12 đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 16: Bút viết, tập vở học sinh, mực viết máy, phấn viết bảng, keo dán dùng cho văn phòng hoặc gia đình, đế (hộp) cắm bút, đồ dùng văn phòng (không bao gồm đồ gỗ).

---

(111) **4-0168259**
(210) 4-2007-17723
(181) 07.09.2017
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 07.09.2007

(531) 26.1.2; A26.11.12
(591) Xanh dương, đỏ, ghi xám
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SAVINA (VN)
356 quốc lộ 1A, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

(511) Nhóm 12: Xe máy và động cơ xe máy.

---

(111) **4-0168260**
(210) 4-2006-04294
(181) 24.03.2016
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 24.03.2006

(731) ZAGRO SINGAPORE PTE LTD (CO. REG. NO. 198000391G) (SG)
5 Woodlands Terrace #06-00 Zagro Global Hub, Singapore 738430
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 01: Hợp chất phốt phát (phân bón).

Nhóm 05: Phốt phát dùng cho dược phẩm.

---

(111) **4-0168261**
(210) 4-2009-26023
(181) 01.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

TALOCIF

(151) 22.07.2011
(220) 01.12.2009

(731) CÔNG TY TNHH BÌNH VIỆT ĐỨC (VN)
62/36 Trương Công Định, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168262**
(210) 4-2009-23951
(181) 05.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

SYM-BIONIC TITAN

(151) 22.07.2011
(220) 05.11.2009

(731) THE CARTOON NETWORK, INC. (US)
1050 Techwood Drive, NW Atlanta, Georgia 30318, United States of America
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Băng cát xét ghi hình đã ghi sẵn (được sản xuất hàng loạt) và đĩa ghi hình DVD đã ghi sẵn với nội dung là phim hoạt hình; băng cát xét ghi âm đã ghi sẵn và đĩa compắc (được sản xuất hàng loạt) với nội dung là các phần nhạc thu, âm nhạc của các bài hát chủ đề cho phim hoạt hình và các bản ghi âm thanh khác; kính mắt; kính râm; kính chống chói; kính và thấu kính bảo vệ và an toàn; khung và hộp cho các loại kính trên; nhạc chuông, hình đồ hoạ và âm nhạc có thể tải xuống qua mạng máy tính toàn cầu và các thiết bị không dây; phụ kiện cho điện thoại di động dùng trong khu vực phủ sóng được chia ô nhỏ, cụ thể là, hộp bao ngoài điện thoại và tấm che mặt trên của điện thoại; chương trình truyền hình có thể tải xuống (được cung cấp qua dịch vụ viđêô theo yêu cầu); máy rađiô; ti vi; máy stereo; điện thoại; nhiệt kế; la bàn; thước (dụng cụ đo); dải băng để đo; ống nhòm; kính lúp; máy tính; máy vi tính; phần mềm máy vi tính (được ghi sẵn hay có thể tải xuống được) và thiết bị ngoại vi cho máy vi tính; bộ phận điều khiển trò chơi trên máy vi tính; chuông báo động; ống thở cho người lặn; mặt nạ dùng khi bơi; kính bơi; máy quay phim; phim đã lộ sáng; máy chiếu trên bản kính (máy chiếu slide); pin; và máy chiếu để chiếu hình ảnh trên tấm vật liệu trong và mỏng; trò chơi điện tử dùng với màn hình hiển thị hay màn hình ngoài (máy chơi trò chơi trên máy vi tính dùng với màn hình hiển thị hay màn hình ngoài; băng cát xét ghi trò chơi trên máy vi tính; đĩa ghi trò chơi trên máy vi tính; chương trình trò chơi trên máy vi tính (được ghi sẵn hay có thể tải xuống được); phần mềm trò chơi trên máy vi tính (được ghi sẵn hay có thể tải xuống được); đầu máy chơi trò chơi viđêô; đĩa ghi trò chơi viđêô; bộ điều khiển trò chơi viđêô; bộ điều khiển từ xa trò chơi viđêô tương tác; cái điều khiển từ xa cầm tay cho trò chơi viđêô tương tác để chơi trò chơi điện tử; phần mềm trò chơi viđêô (được ghi sẵn hay có thể tải xuống được);

băng cát-xét ghi trò chơi viđêô; nam châm; bảng nam châm; tấm đệm di chuyển con chuột máy tính và nam châm trang trí gắn ngoài tủ lạnh.

Nhóm 28: Đồ chơi và đồ thể thao, bao gồm đồ chơi và trò chơi - cụ thể là, các nhân vật hành động và phụ kiện đi kèm; đồ chơi bằng vải lông; bóng bay để chơi; bồn tắm đồ chơi; đồ chơi để cưỡi; thiết bị được bán thành bộ chơi trò chơi đánh bài không dùng với màn hình hay màn hiển thị ngoài; xe cộ đồ chơi; búp bê; đĩa bay đồ chơi; bộ trò chơi điện tử cầm tay không dùng với màn hình hay màn hiển thị ngoài; thiết bị chơi trò chơi được bán thành bộ để chơi cờ, chơi bài hay trò chơi với các tấm thẻ; trò chơi thao tác bằng tay; trò chơi trong nhà và trò chơi mục tiêu hành động không dùng với màn hình hay màn hiển thị ngoài; máy chơi trò chơi có màn viđêô hiển thị đứng độc lập không dùng với màn hình hay màn hiển thị ngoài; trò chơi xếp hình và trò chơi đố thao tác bằng tay; mặt nạ đồ chơi đeo mặt bằng giấy; ván trượt; giày trượt băng; đồ chơi phun nước; bóng, cụ thể là, bóng chơi trên sân; bóng đá; bóng chày; bóng rổ; găng tay chơi bóng chày; mảng bè để bơi dùng cho mục đích giải trí; dụng cụ nổi để người bơi bám và đạp chân dùng cho mục đích giải trí; ván lướt sóng; ván nổi dùng khi bơi dùng cho mục đích giải trí; chân nhái để bơi; bộ đồ nướng và nấu ăn đồ chơi; ngân hàng đồ chơi; và đồ trang trí cây thông Nô en, không phải là đồ phát sáng và bánh kẹo.

Nhóm 41: Giáo dục; giải trí; cung cấp dịch vụ thông tin giải trí trên truyền hình, qua băng thông rộng, qua mạng không dây và trực tuyến; cung cấp dịch vụ giải trí, cụ thể là trò chơi máy tính trên truyền hình, qua băng thông rộng, qua mạng không dây và trực tuyến; cung cấp dịch vụ giải trí, cụ thể là chương trình đa phương tiện giải trí trên truyền hình, qua băng thông rộng, qua mạng không dây và trực tuyến; sản xuất, phân phối (phát hành, không phải là bán và vận chuyển), chiếu và cho thuê các chương trình truyền hình, viđêô, phim điện ảnh, băng, băng cát xét, đĩa, đĩa ghi, đĩa CD, đĩa DVD và các vật mang khác ghi sẵn âm thanh và hình ảnh; sản xuất và bố trí các chương trình ra đio và truyền hình; thông tin liên quan đến giải trí hay giáo dục được cung cấp trên truyền hình, qua băng thông rộng, qua mạng không dây và trực tuyến; cung cấp ấn phẩm điện tử trên truyền hình, qua băng thông rộng, qua mạng không dây và trực tuyến (không tải xuống được qua mạng); cung cấp trang web trực tuyến về tin tức và thông tin, sản phẩm, chương trình đa phương tiện và các tài liệu tham khảo trong lĩnh vực giải trí.

---

(111) **4-0168263**
(210) 4-2009-25866
(181) 27.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

JINBAO

(151) 22.07.2011
(220) 27.11.2009

(531) 26.11.1
(731) TIANJIN JINBAO MUSICAL INSTRUMENTS CO., LTD (CN)
No. 1-2 of Haitai Road, Baodi District, Tianjin City, P.R. China
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 15: Lưỡi gà (sậy) (âm nhạc); kèn trompet; nhạc cụ; kèn co (nhạc cụ); kèn coóc nê có pít tông (nhạc cụ); sáo; trống định âm; kèn trombon; trống (nhạc cụ); kèn clarinet.

---

(111) **4-0168264**
(210) 4-2009-25945
(181) 30.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 30.11.2009

(531) 26.1.2; A26.11.12; A3.13.4; A3.13.24; 26.13.25
(591) Đỏ, vàng, nâu, trắng, hồng
(731) HỘ KINH DOANH KHÁNH VÂN (VN)
132 đường 28/3, phường B'Lao, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Chè (trà); cà phê.

---

(111) **4-0168265**
(210) 4-2009-26441
(181) 07.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

VIGOFEEL

(151) 22.07.2011
(220) 07.12.2009

(731) SHARON BIO-MEDICINE LTD (IN)
W-34&34/1, MIDC - Taloja, Raigad (Dist.), Maharashtra, India
(740) Công ty TNHH INLES Sở hữu trí tuệ (INLES CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168266**
(210) 4-2009-26443
(181) 07.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

ULEMAC

(151) 22.07.2011
(220) 07.12.2009

(731) SHARON BIO-MEDICINE LTD (IN)
W-34&34/1, MIDC - Taloja, Raigad (Dist.), Maharashtra, India
(740) Công ty TNHH INLES Sở hữu trí tuệ (INLES CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168267**
(210) 4-2009-26444
(181) 07.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

SHAROPRAZ

(151) 22.07.2011
(220) 07.12.2009

(731) SHARON BIO-MEDICINE LTD (IN)
W - 34&34/1, MIDC - Taloja. Raigad (Dist.), Maharashtra, India
(740) Công ty TNHH INLES Sở hữu trí tuệ (INLES CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168268**
(210) 4-2009-26028
(181) 01.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

FRIENDS GROUP

(151) 22.07.2011
(220) 01.12.2009

(531) 26.1.1; 26.13.25
(591) Trắng, đỏ, đen
(731) CÔNG TY TNHH NHÓM BẰNG HỮU (VN)
ấp 3A, xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

(511) Nhóm 30: Tinh bột sắn.

---

(111) **4-0168269**
(210) 4-2009-26027
(181) 01.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

IT'S SKIN CLINICAL SOLUTION
It's skin
잇츠스킨

(151) 22.07.2011
(220) 01.12.2009

(531) 26.1.1; 2.1.1; A2.1.23; 2.3.1; A2.3.23; 2.5.1; A2.5.23; 26.13.25
(591) Nâu
(731) IT'S SKIN CO., LTD. (KR)
249 Nonhyeon-dong, Kangnam-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Nước hoa; phấn mắt (nhũ mắt); bút kẻ lông mày; phấn trắng trang điểm; dưỡng da dạng sữa (mỹ phẩm); son môi; phấn má; sáp thơm dùng trong mỹ phẩm; nước (keo) xịt tóc; phấn trẻ em; kem cạo râu; kem dưỡng da tay; dầu tắm (mỹ phẩm); dầu bôi da dùng cho trẻ em; dầu chống nắng (mỹ phẩm); dầu mát xa; keo giữ nếp tóc; bột tắm (mỹ phẩm); chế phẩm bảo vệ môi (son dưỡng môi); son bóng; kem mát xa (dạng gel); kem dưỡng (mỹ phẩm); kem nền.

(111) **4-0168270**
(210) 4-2009-25871
(181) 27.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 27.11.2009

(531) 26.4.2; 26.1.2
(591) Xanh cửu long, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI FUKA NHẬT BẢN (VN)
Số 20, ngõ 189/2 Giảng Võ, Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 07: Máy phát điện; máy phát điện xoay chiều; thang máy; máy nén khí dùng trong công nghiệp; máy hút bụi dùng trong công nghiệp; máy hút bụi.

Nhóm 11: Thiết bị điều hoà không khí; thiết bị làm lạnh không khí; thiết bị khử mùi không khí; đèn chiếu sáng điện; máy sấy tóc; tủ lạnh.

Nhóm 35: Quảng cáo thương mại; dịch vụ mua bán, xuất nhập khẩu: máy phát điện, máy phát điện xoay chiều, thang máy, máy nén khí dùng trong công nghiệp, máy hút bụi dùng trong công nghiệp, máy hút bụi, thiết bị điều hoà không khí, thiết bị làm lạnh không khí, thiết bị khử mùi không khí, đèn chiếu sáng điện, máy sấy tóc, tủ lạnh.

Nhóm 36: Mua bán bất động sản; môi giới bất động sản; cho thuê bất động sản; quản lý bất động sản.

Nhóm 37: Xây dựng công trình xây dựng; lắp đặt và sửa chữa thiết bị điều hoà không khí; lắp đặt và sửa chữa các thiết bị điện; lắp đặt và sửa chữa thang máy.

Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống; quán rượu nhỏ; dịch vụ khách sạn; quán ăn tự phục vụ; nhà nghỉ du lịch; căng tin.

---

(111) **4-0168271**
(210) 4-2009-26489
(181) 07.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 07.12.2009

(531) 26.1.1; 26.4.2; 26.3.23; 26.11.3; 25.7.20; 26.13.25
(731) CÔNG TY CAO SU THỐNG NHẤT (VN)
322 bến Chương Dương, phường Cầu Kho, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 17: Gioăng (vòng đệm) và phớt bằng cao su.

(111) **4-0168272**
(210) 4-2009-25867
(181) 27.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 27.11.2009

(531) 26.1.1; A26.11.12; 26.11.1; 26.13.25
(591) Đen, xanh dương đậm, xanh dương nhạt.
(731) LG ELECTRONICS INC. (KR)
20, Yeouido-dong, Yeongdeungpo-gu, Seoul, Korea 150-721
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 09: Điện thoại; điện thoại không dây; thiết bị thông tin liên lạc xách tay cụ thể là: máy thu phát cầm tay, máy điện đài xách tay, điện thoại dùng cho vệ tinh nhân tạo, máy tính xách tay loại nhỏ kỹ thuật số trợ giúp cá nhân, điện thoại di động; máy nghe nhạc MP3, bộ thu tín hiệu truyền hình; cái điều khiển từ xa cho tivi; ổ cứng lưu trữ dữ liệu di động (USB), máy nghe nhạc sử dụng công nghệ truyền thông đa phương tiện kỹ thuật số qua vệ tinh; bộ ống nghe dùng cho điện thoại di động; bộ nạp điện xách tay dùng cho pin điện; an-bom điện tử; khung ảnh kỹ thuật số; màn hình của máy tính; máy vi tính xách tay, máy vi tính, đầu máy quay đĩa đa năng kỹ thuật số; ổ đĩa cứng xách tay; thiết bị ghi, truyền hoặc tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh sử dụng trong lĩnh vực viễn thông; thiết bị ghi, truyền hoặc tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh; phần mềm máy tính được ghi ghi sẵn sử dụng cho điện thoại di động; phần mềm máy tính được ghi sẵn sử dụng cho ti vi, phần mềm may tính được ghi sẵn sử dụng cho màn hình máy tính cá nhân; đầu máy quay đĩa đa năng kỹ thuật số dùng cho nhà hát, loa phóng thanh dùng cho nhà hát; máy thu nhận âm thanh hình ảnh dùng cho nhà hát; máy chiếu hình dùng cho nhà hát; mạch tích hợp; máy thu thanh; hệ thống thu phí giao thông cầu đường điện tử bao gồm bảng mạch, thẻ điện tử và thiết bị đầu cuối điện tử, thiết bị đầu cuối điện tử để trang bị cho xe cộ; máy ghi hình giám sát; máy quay phim được kết nối mạng; màn hình tinh thể lỏng được kết nối với hệ thống máy chủ thông qua phần mềm quản lý mạng.

---

(111) **4-0168273**
(210) 4-2009-26044
(181) 01.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 01.12.2009

(531) A26.11.12; 5.13.4; 26.13.25
(591) Đen, trắng, xanh dương
(731) CÔNG TY TNHH SAO MAI ANH (VN)
72 đường 23/10, phường Phương Sơn, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa, ô tô, mô tô, phụ tùng xe các loại.

---

(111) **4-0168274**
(210) 4-2009-25966
(181) 30.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

MIRIBORAN

(151) 22.07.2011
(220) 30.11.2009

(731) KKC CORPORATION CO. LTD. (KR)
Rm no. 1924 Rosedale Bldg.724, SuSeo-Dong, GangNam-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0168275**
(210) 4-2009-26086
(181) 01.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 01.12.2009

(531) 26.4.2; 26.11.2; 26.13.25
(591) Trắng, xanh nước biển, xanh nước biển nhạt, xanh đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN ĐIỆN QUANG (VN)
121-123-125 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn ALIATLEGAL (ALIATLEGAL CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Chấn lưu (ballat); tắc te.

Nhóm 11: Bóng đèn điện các loại; bóng đèn tròn; đèn ống; trang thiết bị chiếu sáng khác như chóa đèn, máng đèn sử dụng cho bóng đèn các loại.

---

(111) **4-0168276**
(210) 4-2009-26448
(181) 07.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

CFURO

(151) 22.07.2011
(220) 07.12.2009

(731) HETERO DRUGS LIMITED (IN)
Hetero House, H.No. 8-3-166/7/1, Erragadda, Hyderabad, 500 018, A.P. India
(740) Trung tâm Tư vấn đầu tư và Công nghệ (VIETBID)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168277**
(210) 4-2010-04811
(181) 12.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

SEOFALI

(151) 22.07.2011
(220) 12.03.2010

(731) SEO KYUNG COMPANY (KR)
E-Rea Officetel Room 801, 1574-5 Seocho-Dong, Seocho-Ku, Seoul, Korea (137-070)
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168278**
(210) 4-2010-04814
(181) 12.03.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

SEOTAMIN

(151) 22.07.2011
(220) 12.03.2010

(731) SEO KYUNG COMPANY (KR)
E-Rea Officetel Room 801, 1574-5 Seocho-Dong, Seocho-Ku, Seoul, Korea (137-070)
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0168279**
(210) 4-2008-26916
(181) 19.12.2018
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 19.12.2008

(531) A1.1.10; A1.1.2; 26.3.23; 26.11.3; 26.1.1
(591) Vàng, xanh dương, xanh đậm, trắng, đỏ.
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PORTSERCO (VN)
Số 24 Phan Bội Châu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 35: Quản lý thương mại về việc Li-xăng sản phẩm và dịch vụ của người khác.

Nhóm 37: Lắp đặt, bảo dưỡng và sửa chữa máy móc, nghề đóng tàu, sửa chữa xe cộ.

Nhóm 39: Dịch vụ vận tải hàng hoá, vận tải hảng hải, môi giới hàng hải, kho lưu giữ hàng hoá.

(111) **4-0168280**
(210) 4-2010-07889
(181) 15.04.2020
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 15.04.2010

(531) 26.3.1
(591) Đen, đỏ.
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI THĂNG UY (VN)
319-D6 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán: vật liệu xây dựng, hàng thủ công mỹ nghệ; mua bán máy móc, trang thiết bị, nguyên liệu, hóa chất, vật tư phục vụ ngành công nghiệp và nông nghiệp.

Nhóm 37: Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì: hệ thống máy nén khí, máy lạnh.

---

(111) **4-0168281**
(210) 4-2009-25488
(181) 24.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 24.11.2009

(531) 26.4.2; A26.11.12; 26.13.25
(591) Đỏ, đen
(731) NGUYỄN HỮU KIÊN (VN)
Thôn Mạnh Tân, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 02: Sơn ô tô; sơn lót; sơn phủ.

Nhóm 35: Dịch vụ mua bán sơn ô tô và sơn công nghiệp; dịch vụ mua bán dung môi pha sơn và các sản phẩm phụ gia dùng cho sơn.

---

(111) **4-0168282**
(210) 4-2009-22688
(181) 22.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 22.10.2009

(531) 26.4.2; 25.7.25; 26.1.2; A26.11.12; 26.1.1; 26.13.1; 13.3.23; 9.3.1
(591) Đỏ, xanh dương, xanh dương nhạt, trắng, xám, cam, vàng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX (VN)
Khu phố 4, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng Luật sư A Hoà (AHOA LAW OFFICE)

(511) Nhóm 03: Bột giặt; nước giặt quần áo; nước xả làm mềm vải; nước rửa chén; nước tẩy vết bẩn.

---

(111) **4-0168283**
(210) 4-2009-24101
(181) 06.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 06.11.2009

(531) 26.4.2; 26.1.1; 1.15.5; A26.11.12
(591) Đỏ, xanh dương
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA HẠ LONG (VN)
Phường Hà Khẩu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 19: Gạch ngói đất sét nung; gạch ngói đất sét nung có tráng men.

---

(111) **4-0168284**
(210) 4-2009-26066
(181) 01.12.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 01.12.2009

(531) 26.1.1; A26.11.12
(731) DADDY S.R.L. (IT)
Via A. Riccheo, 9, I-70051 Barletta (Bari), Italy
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo, cụ thể là, áo phông, áo sơ mi, áo chui đầu, quần dài, quần lót, váy, quần bò, quần áo trong; mũ có vành; mũ lưỡi trai; đồ đi chân thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0168285**
(210) 4-2009-23444
(181) 30.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

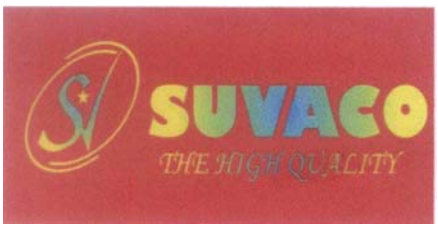

(151) 22.07.2011
(220) 30.10.2009

(531) 26.4.2; 26.1.2; A26.11.12; A1.1.2
(591) Đỏ, vàng, xanh lá cây, xanh da trời.
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẨM PHÚ (VN)
F2 Nguyễn Oanh, phường 17, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán thiết bị điện và điện tử.

---

(111) **4-0168286**
(210) 4-2009-23981
(181) 05.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

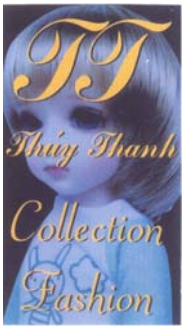

(151) 22.07.2011
(220) 05.11.2009

(531) 26.4.2; A26.11.12; 2.5.3
(591) Vàng, xanh dương đậm, xanh da trời, hồng, hồng nhạt, xanh da trời
(731) NGUYỄN THỊ KIM THÚY (VN)
87/117/36/13 Nguyễn Sĩ Sách, phường 15, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần, áo.

---

(111) **4-0168287**
(210) 4-2009-25848
(181) 27.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 27.11.2009

(531) 26.4.3; 26.4.4; 26.11.3; 25.7.20; A26.4.6; 5.1.3; A5.1.5; A5.1.16; 26.13.25
(591) Xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT PHÂN BÓN HÓA SINH RVAC (VN)
ấp Mỹ Đức, xã Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 01: Phân bón.

Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật.

Nhóm 33: Rượu.

Nhóm 35: Mua bán xuất nhập khẩu phân bón; mua bán xuất nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật; mua bán xuất nhập khẩu hóa chất (trừ hóa chất nằm trong danh mục cấm); mua bán xuất nhập khẩu chế phẩm phục vụ chăn nuôi; mua bán xuất nhập khẩu chế phẩm phục vụ thủy sản; mua bán xuất nhập khẩu nấm; mua bán xuất nhập khẩu rượu; mua bán xuất nhập khẩu nông sản; mua bán xuất nhập khẩu thực phẩm; mua bán xuất nhập khẩu cây giống.

(111) **4-0168288**
(210) 4-2009-23344
(181) 29.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 29.10.2009

(531) 26.1.1; A26.11.12; 9.7.1; A9.7.19
(591) Nâu, trắng, vàng
(731) HỘ KINH DOANH NHÀ HÀNG BA - CA (VN)
Số 54 đường Đinh Công Tráng, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0168289**
(210) 4-2009-23345
(181) 29.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

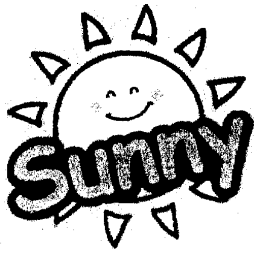

(151) 22.07.2011
(220) 29.10.2009

(531) 1.3.1; A1.3.17; 4.5.2; 4.5.3
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN D.A.T (VN)
29/4 Lê Tấn Quốc, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 20: Sản phẩm bằng vỏ đậu: gối, nệm nằm, nệm ngồi.

---

(111) **4-0168290**
(210) 4-2009-23346
(181) 29.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 29.10.2009

(531) 5.5.19; A5.5.20; A5.5.21
(731) CÔNG TY TNHH MỸ THUẬT ỨNG DỤNG HỮU PHONG (VN)
457 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 21: Nắp nhựa để đậy ly, ly nhựa.

(111) **4-0168291**
(210) 4-2009-25126
(181) 19.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 19.11.2009

(531) 26.1.1; A26.11.12; 5.3.11; A5.3.13; A5.3.15; 26.4.2
(591) Xanh lá cây, trắng, đỏ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHÁT TRIỂN LA NI (VN)
363 Trần Xuân Soạn, phường Tân Kiểng, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Thực phẩm chức năng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0168292**
(210) 4-2009-24160
(181) 09.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 09.11.2009

(531) 26.4.2; 26.1.1; A26.11.12; 2.1.1
(591) Tím, đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VÀ THIẾT BỊ Y TẾ HÀ TĨNH (VN)
Số 167, đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0168293**
(210) 4-2009-25881
(181) 27.11.2019
(300) AM 3191/2009 27.05.2009 AT
(450) 25.08.2011 281
(540)

NUTRIECONOMICS

(151) 22.07.2011
(220) 27.11.2009

(731) ERBER AKTIENGESELLSCHAFT (AT)
Industriestrabe 21, 3130 Herzogenburg, Austria
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 31: Thực phẩm cho động vật; chất bổ sung cho vào thức ăn vật nuôi (không dùng trong ngành y); hạt dùng làm thức ăn cho động vật; thức ăn cho động vật; chất bổ sung khoáng, chanh lá cam cho thức ăn động vật; chế phẩm để vỗ béo động vật; thức ăn vỗ béo dùng cho động vật.

Nhóm 44: Dịch vụ nông nghiệp; dịch vụ tư vấn dinh dưỡng cho động vật.

---

(111) **4-0168294**
(210) 4-2009-22800
(181) 23.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

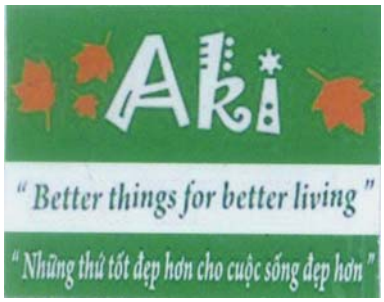

(151) 22.07.2011
(220) 23.10.2009

(531) 26.4.2; 5.3.11; A5.3.15; 26.1.1; A1.1.2; A5.5.20; 14.5.1
(591) Xanh lá cây, trắng, da cam
(731) TRẦN THỊ THU HIỀN (VN)
64 Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 25: Quần áo thời trang.

---

(111) **4-0168295**
(210) 4-2009-23829
(181) 04.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 04.11.2009

(531) 26.4.2; 26.1.1; 26.1.2; 8.1.19; 5.9.3
(591) Vàng, vàng sậm, trắng, nâu, đen
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THIÊN NHIÊN VIỆT (VN)
115 quốc lộ 50, ấp Phong Thuận, xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
(740) Công ty TNHH Tư vấn Sở hữu trí tuệ á Đông (A ĐÔNG IP CONSULTANCY CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm ăn kiêng dùng trong ngành y; kẹo ngậm có chứa thuốc; chè giảm cân dùng trong ngành y; thảo mộc y tế; thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0168296**
(210) 4-2009-24169
(181) 09.11.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 09.11.2009

(531) 26.1.1; 26.1.2; A26.11.12; A11.1.25
(591) Đỏ, vàng
(731) QUÁN TÀI CÓ 2 (VN)
Số 67/16A, đường Phạm Thái Bường, phường 4, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bánh bao; bánh há cảo; bánh ú; bánh hủ tiếu.

Nhóm 43: Dịch vụ ăn uống (quán ăn tự phục vụ).

---

(111) **4-0168297**
(210) 4-2009-23404
(181) 30.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 30.10.2009

(531) 26.4.2; A26.11.12; 26.13.25; 9.7.1
(591) Xanh tím, đỏ, vàng, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THẨM CƯƠNG (VN)
938/2 hương lộ 2, khu phố 6, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán nón (mũ) bảo hiểm, quần áo, giầy dép, nón mũ, tất vớ, các sản phẩm nhựa các loại, hàng may công nghiệp, vật tư phụ liệu ngành nhựa, vật tư phụ liệu ngành may.

---

(111) **4-0168298**
(210) 4-2009-22801
(181) 23.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 23.10.2009

(591) Đen, đỏ
(731) NGUYỄN NGỌC CHIẾN (VN)
Khối 18, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

(511) Nhóm 25: Giày dép; giày dép thể thao; đồ đi chân và đồ đội đầu; áo quần; dây thắt lưng bằng da (trang phục).

---

(111) **4-0168299**
(210) 4-2009-23384
(181) 29.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 29.10.2009

(531) 26.13.1; 26.13.25
(731) CHOONG LAI CHUN (MALAYSIAN CITIZEN) (MY)
16, Jalan Sungai Ara 2 Bayan Lepas, 11900 Penang, Malaysia
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 09: Bộ điều chỉnh ánh sáng (dùng điện); ắc quy điện; thiết bị điện để đốt cháy từ xa; các loại tiếp xúc khác (nối điện) như phích điện và ổ cắm điện; dây điện.

Nhóm 11: Bóng đèn, đèn, đèn điện; đèn tiết kiệm năng lượng; bộ đèn chùm (trang trí) tiết kiệm năng lượng; đèn ống.

---

(111) **4-0168300**
(210) 4-2009-23385
(181) 29.10.2019
(450) 25.08.2011 281
(540)

(151) 22.07.2011
(220) 29.10.2009

(531) 26.13.1; 26.13.25
(731) Choong Lai Chun (Malaysian citizen) (MY)
16, Jalan Sungai Ara 2 Bayan Lepas, 11900 Penang, Malaysia
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 09: Bộ điều chỉnh ánh sáng (dùng điện); ắc quy điện; thiết bị điện để đốt cháy từ xa; các loại tiếp xúc khác (nối điện) như phích điện và ổ cắm điện; dây điện.

Nhóm 11: Bóng đèn, đèn, đèn điện; đèn tiết kiệm năng lượng; bộ đèn chùm (trang trí) tiết kiệm năng lượng; đèn ống.

PHẦN V

NHÃN HIỆU ĐĂNG KÝ QUỐC TẾ ĐƯỢC BẢO HỘ TẠI VIỆT NAM

Phần này chỉ công bố các nhãn hiệu đăng ký theo Thoả ước Madrid và được chấp nhận bảo hộ tại Việt Nam. Trong đó, Danh mục hàng hoá, dịch vụ (mã số (511)) chỉ công bố đến nhóm sản phẩm theo Bảng Phân loại quốc tế về nhãn hiệu hàng hoá và dịch vụ. Mọi thông tin chi tiết hơn về hàng hoá, dịch vụ sẽ được Cục Sở hữu trí tuệ thông báo riêng nếu có yêu cầu của người dùng tin.

I - NHÃN HIỆU MỚI ĐĂNG KÝ

(111) **1000921**

(171) 10 năm

(540)

WONDER

(511) 07.

(151) 25.03.2009
(831) 12.05.2010 VN

(531) 27.05.07

(732) WONDER ELECTRIC CO., LTD.
No. 10, Building 3, Electrical Machinery and Appliances Zone, Fu'an 355017 Fujian

(740) Fuzhou Huaxia Trademark Law Office Ltd.
1901-1903, 19/F, Libao Tianma Plaza, 1 Wuyi North Road, Fuzhou 350001 Fujian

---

(111) **1002460**

(171) 10 năm

(540)

MOYNAT

(511) 18,25,35.

(151) 09.10.2008
(831) 09.03.2010 VN

(732) RENAISSANCE 1849
11A, boulevard du Prince Henri L-1724 Luxembourg

(740) AB INITIO
5 rue Daunou F-75002 PARIS

---

(111) **1002480**
(822) 29.01.2009 1168192 IT
(171) 10 năm

(540)

TRUSSARDI

(511) 03,09,14,16,18,24,25,35,43.

(151) 29.01.2009
(831) 24.03.2010 VN

(732) TRUSSARDI S.P.A.
Piazza Duse, 4 I-20122 MILANO

(740) JACOBACCI & PARTNERS S.P.A.
Via Senato, 8 I-20121 MILANO

---

(111) **1006044**
(822) 22.11.1999 221466 CZ
(171) 10 năm
(540) KOZEL

(511) 16,32,35.

(151) 26.02.2009
(831) 07.01.2010 VN

(732) Plzeňský Prazdroj, a.s.
U Prazdroje 7 CZ-304 97 Plzeň

(111) **1010395**

(171) 10 năm
(540)

NOKIA MONEY

(511) 09,36.

(151) 16.07.2009
(831) 15.01.2010 VN

(732) Nokia Corporation
Keilalahdentie 4 FI-02150 Espoo
(740) Benjon Oy
Fredrikinkatu 55 A 6 FI-00100 Helsinki

---

(111) **1013597**
(822) 17.06.2009 302009012263.6/05 DE
(171) 10 năm
(540)

CIRNEZA

(511) 05.

(151) 15.07.2009
(831) 12.02.2010 VN

(732) Bayer AG
51373 Leverkusen

---

(111) **1013779**
(822) 19.02.2007 005000575 EM
(171) 10 năm
(540)

(511) 28.

(151) 10.07.2009
(831) 21.01.2010 VN

(531) 03.06.03, 27.05.02, 27.05.11, 29.01.12
(732) Gifa Gifts NV
Industriepark 1227 B-3545 Halen
(740) KOB NV
Kennedypark 31c B-8500 Kortrijk

---

(111) **1013915**
(822) 07.08.2009 09 3 634 381 FR
(171) 10 năm
(540)

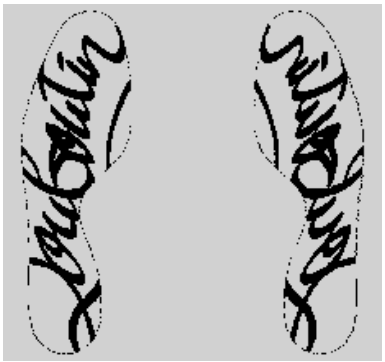

(511) 25.

(151) 07.09.2009
(831) 30.12.2009 VN

(531) 09.09.15, 27.05.13
(732) Christian LOUBOUTIN
1 rue Volney F-75002 PARIS
(740) @MARK
16 rue Milton F-75009 PARIS

---

(111) **1014228**
(822) 23.12.2008 586848 CH
(171) 10 năm
(540)

(511) 09,18,25,28.

(151) 25.05.2009
(831) 25.05.2010 VN

(531) 26.04.18, 27.05.01
(732) IIC-INTERSPORT International Corporation GmbH
Wölflistrasse 2 CH-3006 Bern
(740) TRADAMARCA George W. Humphrey
Avenue de la Gare 10, P.O. Box 1451
CH-1001 Lausanne

---

(111) **1014299**
(822) 11.02.2009 30 2008 074 792.7/02 DE
(171) 10 năm
(540)

marcchem

(511) 01,07,19.

(151) 19.05.2009
(831) 27.01.2010 VN

(531) 27.05.17
(732) Marcchem GmbH
Am Hohweg 5 74426 Bühlerzell
(740) Dipl.-Ing. Dr. Niels Behrmann
Heinrich-Weber-Platz 1 78224 Singen

---

(111) **1014866**
(822) 11.05.2009 305421 CZ
(171) 10 năm
(540)

(511) 29,30,31.

(151) 11.05.2009
(831) 28.01.2010 VN

(531) 27.05.17
(732) GASTON, spol. s r.o.
Hluboká 5254 CZ-760 01 Zlín
(740) Ing. Zdeněk Kučera
Dlouhá 207 (P.O. BOX 92) CZ-763 15 Slušovice

---

(111) **1015870**
(822) 04.09.2009 09 3 641 497 FR
(171) 10 năm
(540)

LIBERTE TOUJOURS
FREEDOM ALWAYS

(151) 04.09.2009
(831) 19.04.2010 VN

(732) SOCIETE NATIONALE D'EXPLOITATION INDUSTRIELLE DES TABACS ET ALLUMETTES (SEITA)
143, boulevard Romain Rolland F-75685 Paris Cedex 14
(740) STEVENS HEWLETT & PERKINS
1 St Augustine's Place Bristol BS1 4UD

(511) 34.

---

(111) **1016534**
(822) 21.07.2009 15420 LI
(171) 10 năm
(540)

(151) 19.08.2009
(831) 13.01.2010 VN

(531) 02.09.01, 05.03.06, 23.01.01, 25.01.06
(732) Lodestar Anstalt
Lova-Center, P.O. Box 1150 FL-9490 Vaduz
(740) Saunders & Dolleymore LLP
9 Rickmansworth Road Watford, Hertfordshire WD18 0JU

(511) 33.

---

(111) **1016535**
(822) 16.07.2009 15419 LI
(171) 10 năm
(540)

UNTAMED

(151) 19.08.2009
(831) 13.01.2010 VN

(732) Lodestar Anstalt
Lova-Center, P.O. Box 1150 FL-9490 Vaduz
(740) Saunders & Dolleymore LLP
9 Rickmansworth Road Watford, Hertfordshire WD18 0JU

(511) 33.

---

(111) **1016596**
(822) 01.06.2007 06 3 471 482 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 09,16,35,37,38,41,42,45.

(151) 09.01.2009
(831) 19.03.2010 VN

(531) 26.01.03, 26.01.19, 29.01.13
(732) APAVE GROUPE (OU GAPAVE)
191 rue de Vaugirard F-75015 PARIS
(740) CABINET WEINSTEIN
56A rue du Faubourg Saint-Honoré F-75008 PARIS

---

(111) **1018925**
(171) 10 năm
(540)

ACTILOX

(511) 01.

(151) 07.09.2009
(831) 23.04.2010 VN

(732) Nabaltec AG
Alustrasse 50-52 92421 Schwandorf
(740) Engemann, Jörg-Berten Rechtsanwälte
Brandstrasse 10 53721 Siegburg

---

(111) **1019120**
(171) 10 năm
(540)

EGON

(511) 18.

(151) 10.07.2009
(831) 15.01.2010 VN

(732) Toni YOUNES
1, rue Rossini F-75009 Paris
(740) T MARK CONSEILS
31, rue Tronchet F-75008 PARIS

---

(111) **1023001**
(822) 16.10.2009 1222029 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 09,14,18,25,35.

(151) 16.10.2009
(831) 18.02.2010 VN

(531) 27.05.01
(732) ARAV HOLDING S.r.l. a Socio Unico
Via Nuova Sarno, 558/A I-80036 PALMA CAMPANIA (NA)
(740) Studio Legale Avv. Laura Turini
Via Lamarmora, 55 I-50121 Firenze (FI)

---

(111) **1028011**
(822) 27.11.2009 09 3660301 FR
(171) 10 năm
(540)

GLUCOMPASS

(511) 10.

(151) 03.12.2009
(831) 13.04.2010 VN

(732) SANOFI-AVENTIS
174 avenue de France F-75013 PARIS

(740) Olivia Gomez - sanofi-aventis, Direction Juridique Marques
82 avenue Raspail F-94255 GENTILLY Cedex

---

(111) **1031196**
(171) 10 năm
(540)

TORAYCA

(511) 01,06,12,17,19,22,23,24,25,28,37.

(151) 18.11.2009
(831) 24.03.2010 VN

(531) 26.11.09, 27.05.01
(732) TORAY KABUSHIKI KAISHA (TORAY INDUSTRIES, INC.)
1-1, 2-chome, Nihonbashi-Muromachi, Chuo-ku Tokyo

(740) TACHIBANA, Tetsuo c/o Tachibana International Patent Office
3F, YKB Ensign Building, 28-4, Yotsuya 4-chome, Shinjuku-ku Tokyo 160-0004

---

(111) **1032318**
(822) 30.01.2009 08 3 588 921 FR
(171) 10 năm
(540)

FIPROLINE

(511) 05.

(151) 27.01.2010
(831) 15.04.2010 VN

(732) VIRBAC
1ère Avenue - 2065 m - L.I.D. F-06516 CARROS

---

(111) **1037903**
(171) 10 năm
(540)

OSIAO

(511) 03,05,30,32,44.

(151) 26.04.2010
(831) 28.05.2010 VN

(732) 1156662 Fragrances, Inc.
P.O. Box 7792 New York, NY 10150

(740) Anna Jakobsson Kelley Drye & Warren LLP
101 Park Avenue New York, NY 10178

---

(111) **1040642**
(171) 10 năm
(540)

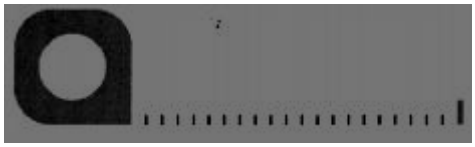

(511) 06,19,20,35.

(151) 11.05.2010

(531) 17.05.02
(732) SOGAL FRANCE
Zone d'Activités F-49120 LA JUMELLIERE
(740) Cabinet GERMAIN & MAUREAU
12 rue Boileau F-69006 LYON

---

(111) **1040643**
(822) 01.10.2009 592617 CH
(171) 10 năm
(540)

(511) 27,35,37.

(151) 25.03.2010

(531) 07.05.09, 26.11.12, 27.05.10
(732) Fédération Internationale de Football Association (FIFA), IP Unit
FIFA-Strasse 20 CH-8044 Zürich

---

(111) **1040688**
(822) 30.03.2010 599411 CH
(171) 10 năm
(540)

.

(151) 06.05.2010

(531) 19.03.03, 26.05.01, 27.05.11, 29.01.13
(591) Màu đỏ, xám, xám tối và trắng
(732) Philip Morris Brands Sàrl
Quai Jeanrenaud 3 CH-2000 Neuchâtel
(740) (511) 34

---

(111) **1040697**
(822) 29.03.2010 459609 PT
(171) 10 năm
(540)

XTLH TECHNOLOGY

(511) 04,40,42.

(151) 04.05.2010

(732) SGC ENERGIA, SGPS, S.A.
Estrada de Alfragide 67, Alfrapark, Edificio SGC P-2614-519 AMADORA

(740) J. PEREIRA DA CRUZ, S.A.
Rua Vitor Cordon, 14 P-1249-103 LISBOA

---

(111) **1040720**
(822) 17.12.1996 96 655 782 FR
(171) 10 năm
(540)

LASH BY LASH

(511) 03.

(151) 27.04.2010

(732) L'OREAL
14 rue Royale F-75008 PARIS

(740) L'OREAL - Département International des Marques
63/65 rue Henri Barbusse F-92585 Clichy Cedex

---

(111) **1040723**
(822) 04.08.2009 2522663 GB
(171) 10 năm
(540)

ART OF THE TRENCH

(511) 25,35,38,40,42.

(151) 03.02.2010

(732) Burberry Limited
Horseferry House, Horseferry Road London SW1P 2AW

(740) Taylor Wessing LLP
5 New Street Square London EC4A 3TW

---

(111) **1040727**
(822) 29.03.2010 459607 PT
(171) 10 năm
(540)

XTLH

(511) 04,40,42.

(151) 04.05.2010

(732) SGC ENERGIA, SGPS, S.A.
Estrada de Alfragide 67, Alfrapark, Edificio SGC P-2614-519 AMADORA

(740) J. PEREIRA DA CRUZ, S.A.
Rua Vitor Cordon, 14 P-1249-103 LISBOA

---

(111) **1040734**
(822) 29.03.2010 459608 PT
(171) 10 năm
(540)

TECNOLOGIA XTLH

(511) 04,40,42.

(151) 04.05.2010

(732) SGC ENERGIA, SGPS, S.A.
Estrada de Alfragide 67, Alfrapark, Edificio SGC P-2614-519 AMADORA

(740) J. PEREIRA DA CRUZ, S.A.
Rua Vitor Cordon, 14 P-1249-103 LISBOA

---

(111) **1040742**
(822) 18.03.2010 598970 CH
(171) 10 năm
(540)

KADCYLA

(511) 05.

(151) 26.05.2010

(732) F. Hoffmann-La Roche AG
Grenzacherstrasse 124 CH-4070 Basel

---

(111) **1040743**
(822) 25.01.2010 600744 CH
(171) 10 năm
(540)

SECURA

(511) 01.

(151) 25.05.2010

(732) Novozymes Switzerland AG
Neumattweg 16 CH-4243 Dittingen

(740) Zimmerli, Wagner & Partner AG
Apollostrasse 2, Postfach 1021 CH-8032 Zürich

---

(111) **1040760**
(171) 10 năm
(540)

DE TOMASO

(511) 03,09,12,14,16,18,25,28.

(151) 09.02.2010

(732) DE TOMASO AUTOMOBILI S.P.A.
d.b.a. DE TOMASO S.P.A.
Via Giovanni Marchi, 14/A I-57121 LIVORNO

(740) IPSO S.R.L.
Via Santa Chiara, 15 I-10122 TORINO

---

(111) **1040826**
(822) 07.05.2010 09 3 695 293 FR
(171) 10 năm
(540)

LOVER DOSE

(511) 03.

(151) 07.05.2010

(732) L'OREAL
14 rue Royale F-75008 PARIS
(740) L'Oreal Departement International des Marques
63/65 rue Henri Barbusse F-92585 Clichy Cedex

---

(111) **1040832**
(822) 19.02.2010 600579 CH
(171) 10 năm
(540)

SANFERM

(511) 01.

(151) 20.05.2010

(732) Novozymes Switzerland AG
Neumattweg 16 CH-4243 Dittingen
(740) Zimmerli, Wagner & Partner AG
Apollostrasse 2, Postfach 1021 CH-8032 Zürich

---

(111) **1040835**
(822) 18.03.2010 600738 CH
(171) 10 năm
(540)

ANTIMUSSOL

(511) 01.

(151) 25.05.2010

(732) Clariant AG
Rothausstrasse 61 CH-4132 Muttenz

---

(111) **1040842**
(822) 12.05.2010 600813 CH
(171) 10 năm
(540)

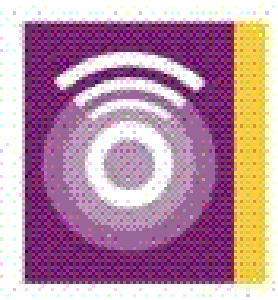

(511) 05.

(151) 26.05.2010

(531) 01.15.24, 01.15.25, 26.04.10, 26.11.12, 29.01.13
(591) Tím, trắng, vàng
(732) SYNGENTA PARTICIPATIONS AG
Schwarzwaldallee 215 CH-4058 Basel

---

(111) **1040844**
(822) 11.05.2010 600846 CH
(171) 10 năm
(540)

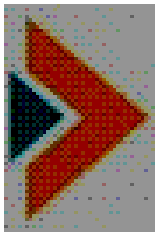

(511) 05.

(151) 27.05.2010

(531) 26.03.01, 26.03.23, 29.01.12
(591) Xanh lá cây, cam
(732) SYNGENTA PARTICIPATIONS AG
Schwarzwaldallee 215 CH-4058 Basel

---

(111) **1040855**
(171) 10 năm
(540)

RENOLIT ALKORGEO

(511) 17,19,22.

(151) 08.01.2010

(732) Renolit AG
Horchheimer Strasse 50 67547 Worms
(740) Patentanwälte Zellentin & Partner
Rubensstrasse 30 67061 Ludwigshafen/Rhein

---

(111) **1040862**
(822) 10.05.2010 600770 CH
(171) 10 năm
(540)

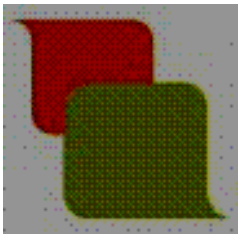

(511) 01,05.

(151) 26.05.2010

(531) 01.15.21, 29.01.12
(591) Cam và kaki
(732) SYNGENTA PARTICIPATIONS AG
Schwarzwaldallee 215 CH-4058 Basel

---

(111) **1040888**
(822) 23.04.2010 09 3 692 076 FR
(171) 10 năm
(540)

GILLARDEAU

(511) 29,31,43.

(151) 12.05.2010

(732) SPECIALES GILLARDEAU
Baie de Sinche F-17560 BOURCEFRANC-LE-CHAPUS
(740) BUREAU CASALONGA & JOSSE
8 avenue Percier F-75008 PARIS

---

(111) **1040895**
(171) 10 năm
(540)

AQUANEXT

(151) 11.05.2010

(732) ICHIGO HOLDINGS Co., Ltd.
2-2-15, Chuo, Aoba-ku, Sendai-shi
Miyagi 980-0021

(740) HIROSE Fumihiko
Brodorie Bld. 6F, 1-9-1 Nishi-shimbashi,
Minato-ku Tokyo 105-0003

(511) 11,12.

---

(111) **1040896**
(822) 07.12.2009 395670 RU
(171) 10 năm
(540)

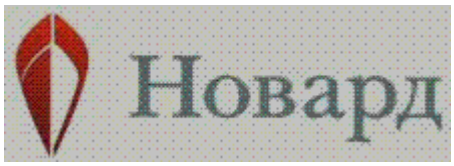

.

(151) 07.12.2009

(531) 20.01.03, 28.05.00, 29.01.12
(591) Màu đỏ, trắng và xám
(732) EGC GLOBAL CO LIMITED
Themistokli Dervi 12, Palais d'Ivoire, 2nd floor CY-1066 Nicosia
(740) (511) 16,35,36,45

---

(111) **1040898**
(822) 15.01.2010 09 3 666 686 FR
(171) 10 năm
(540)

ONCO-ADVANCED

(151) 27.01.2010

(732) PIERRE FABRE DERMO-COSMETIQUE
45 Place Abel Gance F-92100
BOULOGNE BILLANCOURT

(740) ROUSSEAU Pierick PIERRE FABRE S.A. - Direction Propriété Intellectuelle
17 avenue Jean Moulin F-81106 CASTRES CEDEX

(511) 38,41,44.

---

(111) **1040917**
(822) 29.10.2009 30 2009 043 756.4/11 DE
(171) 10 năm
(540)

(511) 06,09,11,17,20.

(151) 23.12.2009

(531) 27.05.21
(732) HUMMEL AG
Lise-Meitner-Strasse 2 79211 Denzlingen
(740) Patent- und Rechtsanwaltssozietät Maucher, Börjes & Kollegen
Urachstraße 23 79102 Freiburg

---

(111) **1040924**
(171) 10 năm
(540)

(511) 18,25,35.

(151) 05.02.2010

(531) 26.01.18
(732) ROSENRUIST - GESTÃO E SERVIÇOS, LDA.
Rua Serpa Pinto Nº 4, 4º Andar P-9000-029 FUNCHAL (MADEIRA)
(740) Ana Maria Gonçalves Fidalgo
Rua Castilho, N°50-9° andar P-1269-163 Lisboa

---

(111) **1040925**
(822) 24.02.1997 3260276 JP
(171) 10 năm
(540)

Shachihata

(511) 16.

(151) 15.02.2010

(732) SHACHIHATA INC.
No. 69, 4-chome, Amazuka-cho, Nishi-ku, Nagoya-shi Aichi-ken 451-0021
(740) TSUJII Koichi c/o NAKAMURA AND PARTNERS PATENT AND LAW OFFICE
No. 3-1, Marunouchi 3-chome, Chiyoda-ku Tokyo 100-8355

---

(111) **1040941**
(822) 04.01.2010 302009058079.0/07 DE
(171) 10 năm
(540)

MAK

(151) 24.03.2010
(732) Caterpillar Motoren GmbH & Co. KG
Falckensteiner Strasse 2 24159 Kiel
(740) Lovells
Avenida Maisonnave, 22 E-03003 Alicante

(511) 07,12,37.

---

(111) **1040994**
(822) 24.03.2009 3596526 US
(171) 10 năm
(540)

BODY GOSPEL

(151) 05.04.2010
(732) Beachbody, LLC
3301 Exposition Boulevard, 3rd Floor Santa Monica, CA 90404
(740) Camille M . Miller Cozen O'Connor, P.C.
1900 Market Street Philadelphia, PA 19103

(511) 09.

---

(111) **1041006**
(822) 14.12.2009 6093714 CN
(171) 10 năm
(540)

Anysew

(151) 12.05.2010
(531) 27.05.01
(732) HANGZHOU MEETLIN IMP.& EXP. CO., LTD.
Rm. 409, 4th floor, Tong fang Fortune Bldg., 334 Feng Qi Rd. 310003 Hangzhou
(740) HangZhou Delong Trademark Agency Service Co., Ltd.
C Zuo, 7/F, Tongfangcaifu Plaza, 334, Fengqilu Road Hangzhou 310003 Zhejiang

(511) 07.

---

(111) **1041011**
(822) 28.04.2006 3981852 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 09,11.

(151) 12.04.2010

(531) 28.03.00
(732) Shaanxi Star Coal Mine Safety Equipment Co.,Ltd.
Haiyang Building, No.17, E&T Developing Zone, Fengcheng Two Street, Xi'an Shaanxi
(740) Xi'an Trademark Office Co.,Ltd.
Room 409, 298 Youyidong Road, Xi'an 710054 Shaanxi

---

(111) **1041013**
(171) 10 năm
(540)

(511) 06,19,20,35.

(151) 11.05.2010

(531) 17.05.02, 27.05.01
(732) SOGAL FRANCE
Zone d'Activités F-49120 LA JUMELLIERE
(740) CABINET GERMAIN & MAUREAU
12 rue Boileau F-69006 LYON

---

(111) **1041024**
(822) 16.11.2009 30 2009 047 908.9/32 DE
(171) 10 năm
(540)

(511) 03,25,32,33.

(151) 22.12.2009

(531) 03.07.16, 03.07.24, 27.07.01
(732) Calidris 28 AG (S.A.)
30, Esplanade de la Moselle L-6637 Wasserbillig
(740) Axer Partnerschaft Rechtsanwalt Wirtschaftsprüfer, Steuerberater,
Dürener Straße 295 50935 Köln

---

(111) **1041025**
(822) 14.10.2002 1912051 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 07.

(151) 02.02.2010

(531) 26.04.03, 28.03.00
(732) ZHEJIANG LITIANHUANG INDUSTRIAL & TRADE CO., LTD.
No. 12, Huaqiang Road, Huzhen, Jinyun Zhejiang
(740) TIANJIN TRIPOWER TRADEMARK AGENCY CO., LTD.
A-20F, FUTURE PLAZA No. 103 Weidi Road, Hexi District Tianjin Tianjin

---

(111) **1041026**
(822) 22.12.2009 3729692 US
(171) 10 năm
(540)

Ambika Botanicals

(511) 03.

(151) 07.02.2010

(732) Menon, Harsha
23201 Sherman Way Unit H West Hills, CA 91307

---

(111) **1041033**
(822) 03.03.2010 310936 CZ
(171) 10 năm
(540)

(511) 32,33.

(151) 03.03.2010

(531) 02.09.22, 18.01.21
(732) EL NIÑO, a.s.
Ovocný trh 572/11 CZ-110 00 Praha 1
(740) Patentservis Praha a.s.
Jívenská 1273/1 CZ-140 21 Praha 4

---

(111) **1041051**
(171) 10 năm
(540)

(511) 03.

(151) 15.04.2010

(531) 02.09.12
(732) Craig Delmo as trustee for The IRS Holdings Trust
c/- 22 Rocklea Drive Port Melbourne VIC 3207
(740) Jennifer Tutty Legal & Artist Services
Attn: Jennifer Tutty
PO Box 164 Prahran VIC 3181

---

(111) **1041052**
(171) 10 năm
(540)

(511) 07.

(151) 29.03.2010

(531) 27.05.22, 29.01.12
(591) Màu xanh (RAL 5002 màu xanh biếc) và màu xám mát mẻ (RAL 7040 cửa sổ màu xám)
(732) Teksan Jenerator Elektrik Sanayi ve Ticaret Anonim Sirketi
Yenidoğan Mah., Ceyhan Cad. No:30 Sancaktepe - Istanbul

---

(111) **1041056**
(171) 10 năm
(540)

(511) 36.

(151) 08.04.2010

(531) 26.04.18, 27.05.01, 29.01.13
(591) Màu đỏ: Pantone 1795 C, màu đen: Pantone đen và trắng
(732) X-Trade Brokers Dom Maklerski S.A.
ul. Ogrodowa 58 PL-00-876 Warszawa

---

(111) **1041057**
(822) 27.02.2008 201693 PL
(171) 10 năm
(540)

(511) 36.

(151) 08.04.2010

(531) 27.05.10, 29.01.12
(591) Màu đen (Pantone đen) và màu đỏ: (Pantone 1795 C)
(732) X-Trade Brokers Dom Maklerski S.A.
ul. Ogrodowa 58 PL-00-876 Warszawa

---

(111) **1041107**
(822) 28.02.2009 4791376 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 17.

(151) 12.04.2010

(531) 01.05.23, 26.11.21, 28.03.00
(732) NINGBO HUAYUAN FRP ELECTRICAL APPLIANCE MANUFACTURE CO., LTD.
Lugang Village, Gaoqiao Town, Yinzhou Dist. Ningbo Zhejiang
(740) NINGBO TIANYI TRADEMARK AGENCY CO., LTD
5th Floor, 34 Changchun Road, Ningbo 315010 Zhejiang

---

(111) **1041108**
(822) 24.11.2009 30 2009 060 921.7/12 DE
(171) 10 năm
(540)

Audi A8L

(511) 12,14,28.

(151) 21.04.2010

(732) AUDI AG
85045 Ingolstadt

---

(111) **1041122**
(822) 21.02.2004 1932159 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 19.

(151) 10.05.2010

(531) 27.05.17
(732) Hangzhou Nabel Group Co., Ltd.
No. 36, XianLin West Road, XianLin Town, YuHang Area, HangZhou City Zhejiang Province
(740) Hangzhou Delong Trademark Agency Service Co., Ltd.
C Zuo, 7/F, Tongfangcaifu Plaza, 334, Fengqilu Road, Hangzhou 310003 Zhejiang

---

(111) **1041143**
(822) 07.04.2004 3324365 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 19.

(151) 01.06.2010

(531) 27.05.01, 28.03.00
(732) SHANDONG SHANSHUI CEMENT GROUP CO., LTD.
Sunnsy Industrial Park, Gushan Town, Changqing District, Jinan City Shandong Province
(740) SHANDONG QIANHUI TRADEMARK OFFICE CO., LTD.
19th Floor, Block A, Huitong Mansion, 516, Jingqi Road, Jinan 250021 Shandong

---

(111) **1041161**
(822) 18.11.2009 254042 AT
(171) 10 năm
(540)

ECOROX

(511) 16,35,39.

(151) 18.11.2009

(732) ROXCEL Handelsges.m.b.H.
Thurngasse 10 A-1090 Wien
(740) Fiebinger, Polak, Leon & Partner Rechtsanwälte GmbH
Am Getreidemarkt 1 A-1060 Wien

---

(111) **1041164**
(171) 10 năm
(540)

(511) 12,37,39.

(151) 07.01.2010

(531) 24.01.03, 24.01.07, 24.01.25
(732) XIAMEN GOLDEN DRAGON BUS CO.,LTD
Huli Street, Huli Industry Zone Xiamen
(740) XIAMEN HUAXIA TRADEMARK LAW OFFICE LIMITED COMPANY
Unit 2, 21A Guomao Bldg., 388# Hubinnan Road, Siming District, Xiamen Fujian

---

(111) **1041168**
(171) 10 năm
(540)

Sorority Life

(511) 41.

(151) 18.02.2010

(732) Playdom, Inc.
100 West Evelyn Avenue, Suite 110
Mountain View, CA 94041

(740) Robert W. Sacoff Pattishall, McAuliffe, Newbury, Hilliard & Geraldson LLP
311 S. Wacker Drive, Suite 5000 Chicago, IL 60606

---

(111) **1041180**
(822) 01.04.2010 1268318 IT
(171) 10 năm
(540)

progeCAD

(511) 09,42.

(151) 01.04.2010

(732) PROGECAD s.r.l.
Via Caniggia, 5 I-22100 Como (CO)

(740) Dr. Ing. Enrico Mittler, Avv. Roberta Caló and Dr ssa. Anna Marias c/o MITTLER & C. s.r.l.
Viale Lombardia, 20 I-20131 MILANO

---

(111) **1041198**
(822) 21.07.2005 3479321 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 07.

(151) 10.05.2010

(531) 27.05.01

(732) ZOU JI HAO
Li-Song GE 17E, Dongjing Street No.1, Dongshan District, Guangzhou City Guangdong

(740) GUANGZHOU SOUTH-CHINA TRADEMARK CO., LTD.
East 3/F, No.110 Tiaheroad GUANZHOU

---

(111) **1041223**
(822) 16.04.2010 09 3 690 942 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 03,14.

(151) 12.05.2010

(531) 27.05.13
(732) LOUBOUTIN Christian
1 rue Volney F-75002 PARIS
(740) @MARK
16 rue Milton F-75009 PARIS

---

(111) **1041244**
(822) 21.04.2008 4450276 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 16.

(151) 04.01.2010

(531) 26.11.02, 26.11.13
(732) Anhui Huishang Imp & Exp Co., LTD
Number 258, Wuhu Road, Hefei City Anhui Province
(740) Anhui Xinda Trademark Service Co., Ltd
Number 394, Meiling road, Hefei city Anhui province

---

(111) **1041247**
(171) 10 năm
(540)

(511) 09,28.

(151) 30.10.2009

(531) 26.04.02, 26.04.04, 26.04.18
(732) Nokia Corporation
Keilalahdentie 4 FI-02150 Espoo
(740) Baker & McKenzie LLP
100 New Bridge Street London EC4V 6JA

---

(111) **1041254**
(822) 18.11.2009 599920 CH
(171) 10 năm
(540)

(511) 01,16,17.

(151) 10.05.2010

(531) 26.03.06, 26.03.18
(732) SAScoat Holding AG
c/o Schoch, Auer & Partner Rechtsanwälte Marktplatz 4 CH-9004 St. Gallen
(740) Schoch, Auer & Partner, Rechtsanwälte Marktplatz 4 CH-9004 St. Gallen

---

(111) **1041275**
(822) 02.07.2005 123873 IR
(171) 10 năm
(540)

(511) 30,39.

(151) 12.12.2009

(531) 05.07.02, 24.09.05, 25.01.19, 28.01.00, 29.01.15
(732) Zar Macaron Industrial Group Co.(p.j.s)
Morghak Ave, 2km after Tavoosieh Gas Station, Karaj-Qazvin Old Road Karaj
(740) Farzaneh Karimi
No. 11, First ALLEY, Banafsheh, Ave. Aryashahr Tehran

---

(111) **1041314**
(822) 18.05.2010 600889 CH
(171) 10 năm
(540)

RADO MASTER

(511) 14.

(151) 31.05.2010

(732) Rado Uhren AG (Rado Watch Co. Ltd.) (Montres Rado S.A.)
Bielstrasse 45 CH-2543 Lengnau
(740) The Swatch Group SA (The Swatch Group AG) (The Swatch Group Ltd.)
Faubourg du Lac 6 CH-2501 Biel/Bienne

(111) **1041325**
(171) 10 năm
(540)

(151) 18.03.2010
(531) 24.11.18, 26.01.06, 27.05.02, 27.07.01
(732) Comité International Olympique
Château de Vidy CH-1007 Lausanne
(740) TRADAMARCA, George W. Humphrey
Av. de la Gare 10, P.O. Box 1451 CH-1001 Lausanne
(511) 01,03,04,05,06,07,09,10,11,12,14,16,17,18,19,25,28,29,30,32,35,36,37,38,39,40,41,42, 43, 44.

---

(111) **1041380**
(822) 23.10.2009 597574 CH
(171) 10 năm
(540)

PASSIONEERING

(151) 20.04.2010
(732) Vestergaard Frandsen SA
Chemin de Messidor 5-7 CH-1006 Lausanne
(740) Patrade A/S
Fredens Torv 3A DK-8000 Åarhus C
(511) 35,41.

---

(111) **1041391**
(171) 10 năm
(540)

VOTO

(151) 10.05.2010
(531) 27.05.01
(732) VOTO COMMUNICATION CO.,LTD
Kebalu, High Technology Development Zone, Heyuan City Guangdong Province
(740) XIAMEN SHI HULI QU JINGXIANG LIANHE SHANGBIAO DAILI SHIWUSUO
Room 401, 42 Nanzutuan, Hongshan Xin Cun, Huli District, Xiamen Fujian Province
(511) 09.

---

(111) **1041461**
(822) 07.05.2010 09 3 695 359 FR
(171) 10 năm
(540)

CHROMATIC

(151) 18.05.2010
(732) CHANEL
135 avenue Charles de Gaulle F-92200 NEUILLY-SUR-SEINE
(511) 14.

---

(111) **1041468**
(171) 10 năm
(540)

(511) 43.

(151) 03.06.2010

(531) 05.01.03, 27.05.08
(732) HLT International IP LLC
9336 Civic Center Drive Beverly Hills, CA 90210

---

(111) **1041543**
(822) 05.03.2010 09 3 680 014 FR
(171) 10 năm
(540)

PHYSIO COSMETOLOGY
RESULTIME

(511) 03.

(151) 30.03.2010

(732) LABORATOIRE COSMETIQUE DE LECOUSSE
19 rue Péclet F-75015 PARIS
(740) Cabinet Sueur & L'Helgoualch
Le Centralis, 63 avenue du Général Leclerc F-92340 Bourg-la-Reine

---

(111) **1041563**
(822) 30.03.2010 30 2010 008 638.6/09 DE
(171) 10 năm
(540)

Solarion

(511) 07,09,35,40.

(151) 31.03.2010

(732) Solarion AG
Ostende 5 04288 Leipzig
(740) Patentanwälte - Rechtsanwälte Manfred Köhler und Kollegen
Kohlgartenstraße 33-35 04315 Leipzig

---

(111) **1041576**
(171) 10 năm
(540)

(151) 07.05.2010

(531) 27.05.01
(732) SHENZHEN SUCCESS TECHNOLOGY INC., LTD.
Rm.10A, Block 1, Dushi Yangguang Mingyuan, Shennan Road, Futian District, Shenzhen 518000 Guangdong
(740) SHENZHEN VIPO INTELLECTUAL PROPERTY OFFICE
Room 1812, South block, Cangsong Bldg., Tairan 6th Rd., Chegongmiao Futian District, Shenzhen 518040 Guangdong

(511) 09.

---

(111) **1041589**
(171) 10 năm
(540)

AGENDIZE

(151) 05.05.2010

(732) AGENDIZE
2 rue Gustave Eiffel - Technopole de l'Aube en Champagne F-10430 ROSIERES PRES TROYES
(740) PONTET ALLANO & ASSOCIES
25 rue Jean Rostand - PARC CLUB UNIVERSITE F-91893 ORSAY CEDEX

(511) 09,35,42.

---

(111) **1041615**
(822) 14.01.2010 2.883.576 ES
(171) 10 năm
(540)

BALLERINA

(151) 10.05.2010

(732) MIGUEL TORRES S.A.
Miquel Torres i Carbó, 6 E-08720 VILAFRANCA DEL PENEDES (Barcelona)
(740) CURELL SUÑOL S.L.P., (MM. M. Curell Suñol, Mireia Curell A., Marcel.li Curell A., Oscar Pírez)
Passeig de Gràcia, 65 bis E-08008 BARCELONA

(511) 33.

---

(111) **1041616**
(822) 12.01.2010 2.892.118 ES
(171) 10 năm
(540)

LAVANDA LAVENDER

(151) 10.05.2010

(732) MIGUEL TORRES S.A.
Miquel Torres i Carbó, 6 E-08720 VILAFRANCA DEL PENEDES (Barcelona)

(740) CURELL SUÑOL S.L.P., (MM. M. Curell Suñol, Mireia Curell A., Marcel.li Curell A., Oscar Pírez)
Passeig de Gràcia, 65 bis E-08008 BARCELONA

(511) 33.

---

(111) **1041636**
(822) 12.04.2010 875917 BX
(171) 10 năm
(540)

VITELLUS

(151) 26.05.2010

(732) Bern Aqua, Naamloze vennootschap
Hagelberg 3 B-2250 Olen

(740) Bureau Gevers S.A.
Holidaystraat 5 B-1831 DIEGEM

(511) 31.

---

(111) **1041644**
(822) 10.02.2010 872530 BX
(171) 10 năm
(540)

(151) 04.03.2010

(531) 01.01.02, 26.04.04, 27.05.08, 29.01.13
(591) Màu xanh lá cây, đỏ, trắng
(732) Heineken Brouwerijen B.V.
Tweede Weteringplantsoen 21 NL-1017 ZD Amsterdam

(740) **Keesom & Hendriks N.V.**
Postbus 85533 NL-2508 CE La Haye (NL)

(511) 18,25,32.

---

(111) **1041650**
(171) 10 năm
(540)

MICRO BOOST

(511) 03.

(151) 19.05.2010

(732) L'OREAL
14 rue Royale F-75008 PARIS

(740) L'OREAL - Département International des Marques
63-65 rue Henri Barbusse F-92585 Clichy

---

(111) **1041676**
(171) 10 năm
(540)

(511) 11.

(151) 13.04.2010

(531) 27.05.17
(732) TANGSHAN DINGRE SOLAR ENERGY EQUIPMENTS CO., LTD.
East to Shuangliushu Village, Bencheng Town, Luannan County Hebei Province
(740) BEIJING PSCU PATENT AND TRADEMARK LAW OFFICE
5-5, No. 1 Block of Sanlihe, Xi Cheng District 100045 Beijing

---

(111) **1041678**
(822) 15.12.2009 599650 CH
(171) 10 năm
(540)

(511) 09,14,25,28,29,30,32,35,41,43.

(151) 19.05.2010

(531) 14.01.13, 24.11.25, 24.17.25, 26.01.06
(732) Comité International Olympique
Château de Vidy CH-1007 Lausanne
(740) TRADAMARCA, George W. Humphrey
Av. de la Gare 10, P.O. Box 1451 CH-1001 Lausanne

---

(111) **1041703**
(822) 12.03.2010 5309038 JP
(171) 10 năm
(540)

SOQS

(511) 25,35.

(151) 08.04.2010

(732) OKAMOTO CORPORATION
150-1, Oaza Otsuka, Koryocho, Kitakatsuragi-gun Nara 635-8550
(740) MIZOGAMI Tetsuya, Mizogami & Co.
10-4, Utsubo-hommachi 1-chome, Nishi-ku, Osaka-shi Osaka 550-0004

---

(111) **1041762**
(171) 10 năm
(540)

(511) 09,36,38,41,42,45.

(151) 22.04.2010

(531) 10.03.01, 29.01.01
(591) Màu đỏ, xám và trắng
(732) Tjark Auerbach
Lindauer Strasse 21 88069 Tettnang
(740) **Anwaltskanzlei Helmut Becker**
Rheinsteig 9 78462 Konstanz (DE)

---

(111) **1041766**
(822) 05.05.2010 1281447 IT
(171) 10 năm
(540)

NOVAREF

(511) 07,11,19.

(151) 05.05.2010

(732) NOVAREF S.P.A.
Viale del Lavoro, 7 I-37030 COLOGNOLA AI COLLI (VR)
(740) MONDIAL MARCHI S.R.L.
Via Malagodi, 1 I-44042 CENTO (FE)

---

(111) **1041795**
(822) 08.10.2003 256740 RU
(171) 10 năm
(540)

Perfecta

(511) 34.

(151) 06.04.2010

(732) Obshchestvo s ogranichennoi otvetstvennostyu "Aleksandrovy pogreba"
str. 25, 79A Altufyevskoye shosse RU-127410 Moscow

---

(111) **1041829**
(822) 06.02.1996 96 609 455 FR
(171) 10 năm
(540)

INTRA FORCE

(511) 03.

(151) 26.05.2010

(732) L'OREAL
14 rue Royale F-75008 PARIS

(740) L'OREAL - Département International des Marques
63-65 rue Henri Barbusse F-92585 Clichy

---

(111) **1041830**
(822) 22.02.1999 000738922 EM
(171) 10 năm
(540)

DECOSPOT

(511) 11.

(151) 08.06.2010

(732) OSRAM Gesellschaft mit beschränkter Haftung
Hellabrunner Str. 1 81543 München

(740) Wildmoser, Ludwig
Hellabrunner Str. 1 81536 München

---

(111) **1041913**
(171) 10 năm
(540)

ZYNGA

(511) 09,25,41,45.

(151) 22.05.2010

(732) Zynga Game Network, Inc.
365 Vermont Avenue San Francisco, CA 94103

(740) John M. Kim IP Legal Advisors PC
1940 Garnet Avenue, Suite 230 San Diego, CA 92109

---

(111) **1041924**
(822) 07.05.2010 09 3 694 748 FR
(171) 10 năm
(540)

LINER DEFINITION

(511) 03.

(151) 26.05.2010

(732) LANCOME PARFUMS ET BEAUTE & CIE
29 rue du Faubourg Saint-Honoré F-75008 PARIS

(740) L'OREAL - Département International des Marques
63/65 rue Henri Barbusse F-92585 Clichy Cedex

---

(111) **1041928**
(822) 04.03.2008 569327 CH
(171) 10 năm
(540)

GYLENIA

(511) 05.

(151) 04.06.2010

(732) Novartis AG
CH-4002 Basel

---

(111) **1041929**
(822) 04.03.2008 569324 CH
(171) 10 năm
(540)

GILENYA

(511) 05.

(151) 04.06.2010

(732) Novartis AG
CH-4002 Basel

---

(111) **1041943**
(822) 24.04.2009 5225012 JP
(171) 10 năm
(540)

(511) 25,30,43.

(151) 23.04.2010

(531) 02.01.01, 05.05.20, 27.05.01
(732) MUGINOHO COMPANY LIMITED
AS Building 2F, 3-13-20 Nishitenma, Kita-ku, Osaka city Osaka 530-0047

---

(111) **1041944**
(822) 11.06.2009 381470 RU
(171) 10 năm
(540)

РУМУС

RUMUS

(511) 09,42.

(151) 26.01.2010

(531) 28.05.00
(732) COMPANY FOREX CLUB LTD.
Apartment Nº 3, Beau Bios, Castle Comfort Roseau
(740) Intellectual Property Law Firm "ARS-PATENT"
Arkhangelsky per., 1, office 506 RU-101000 Moscow

---

(111) **1041968**
(171) 10 năm
(540)

Loctek

(511) 20.

(151) 26.04.2010

(531) 27.05.01
(732) NINGBO LOGITEK STANDARD ELECTRONICS CABLE MANUFACTURING CO., LIMITED
Keji Yuanqu, Jiangshan Zhen, Yinzhou District, Ningbo City 315000 Zhejiang Province
(740) Ningbo Zhongyu Trademark Agency Co., Ltd.
B11, 8F Zhongshan Building, No. 93, Zhongshan East Rd, Ningbo 315000 Zhejiang Province

---

(111) **1041993**
(822) 07.09.2005 3604039 CN
(171) 10 năm
(540)

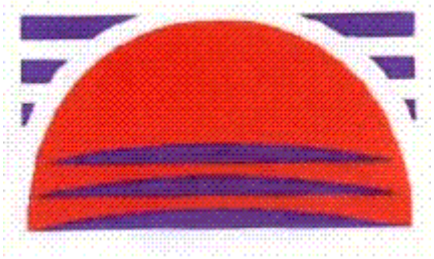

(511) 36,38,42.

(151) 02.02.2010

(531) 01.03.01, 26.11.08, 29.01.12
(591) Màu đỏ và màu xanh
(732) CHINA NATIONAL INVESTMENT & GUARANTY CO., LTD.
9 Floor, Office Building of Jin Yu Plaza, 100 Xisanhuan Beilu, Haidian District 100048 Beijing
(740) BTA INTELLECTUAL PROPERTY AGENCY CO., LTD.
16th Floor, Yuetan Tower, No.2 Yue Tan North Street, Xicheng District 100045 Beijing (CN)

---

(111) **1042037**
(822) 01.09.2004 M-53812 LV
(171) 10 năm
(540)

RIGVIR

(511) 05.

(151) 24.05.2010

(732) LATIMA, SIA
Bērzupes iela 31a-25 LV-1058 Rīga
(740) Nina Dolgicere, Patent aģentūra KDK
Dzērbenes iela 27 LV-1006 Rīga

---

(111) **1042050**
(822) 10.03.2010 873220 BX
(171) 10 năm
(540)

LEDGINE

(511) 09,11.

(151) 20.05.2010

(732) Koninklijke Philips Electronics N.V.
Groenewoudseweg 1 NL-5621 BA Eindhoven
(740) Philips Intellectual Property & Standards
High Tech Campus 44 NL-5656 AE Eindhoven

---

(111) **1042070**
(822) 18.11.2009 599921 CH
(171) 10 năm
(540)

SAScoat

(511) 01,16,17.

(151) 10.05.2010

(732) SAScoat Holding AG
c/o Schoch, Auer & Partner
Rechtsanwälte Marktplatz 4 CH-9004 St. Gallen
(740) Schoch, Auer & Partner, Rechtsanwälte
Marktplatz 4 CH-9004 St. Gallen

---

(111) **1042079**
(822) 18.03.2010 600655 CH
(171) 10 năm
(540)

(511) 09,35,38,41,42,45.

(151) 04.06.2010

(531) 26.11.06, 26.11.08, 27.05.19, 29.01.12
(591) Đen và xanh dương
(732) DVB Project
Ancienne route 17A CH-1218 Le Grand-Saconnex
(740) TRADAMARCA, George W. Humphrey
Av. de la Gare 10, P.O. Box 1451 CH-1001 Lausanne (CH)

---

(111) **1042081**
(822) 26.05.2010 601320 CH
(171) 10 năm
(540)

(511) 05.

(151) 07.06.2010

(531) 01.03.02, 26.11.21, 29.01.12
(591) Màu xanh đậm, xanh trung bình, màu xanh lá cây sáng và màu vàng
(732) SYNGENTA PARTICIPATIONS AG
Schwarzwaldallee 215 CH-4058 Basel

---

(111) **1042119**
(171) 10 năm
(540)

SPORTEL

(511) 14,18,25.

(151) 04.06.2010

(531) 27.05.01
(732) Agnès Andrée Marguerite Marie Troublé
194 rue de Rivoli F-75001 Paris
(740) Nathalie BOKSENBAUM, Avocat
61 avenue Victor Hugo F-75016 PARIS

---

(111) **1042142**
(822) 15.05.1981 106412 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 01.

(151) 22.04.2010

(531) 01.05.02, 28.03.00
(732) Tianjin Shifa Group Co., Ltd.
No. 3, Cuiyuan Villa, 1st avenue, Tianjin Economy & Technology Developing District Tianjin
(740) Tianjin Tinjin Trademark Agency Co. Ltd.
A-1-601, Rome Garden, Yong An Road, He Xi District Tianjin

---

(111) **1042143**
(822) 14.11.2009 5970747 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 10.

(151) 29.04.2010

(531) 26.13.25
(732) TIANJIN TIANSHI GROUP CO., LTD.
Wu Qing Development Zone, Tianjin New Tech Industrial Park Tianjin
(740) KING & WOOD
31st Floor, Tower A, Jianwai SOHO, 39 Dongsanhuan Zhonglu, Chaoyang District 100022 Beijing

---

(111) **1042153**
(171) 10 năm
(540)

Mighty Air Beam

(511) 11.

(151) 21.05.2010

(732) KIMURA KOHKI KABUSHIKI KAISHA (doing business as KIMURA KOHKI CO., LTD.)
A-23, Uemachi, Chuo-ku, Osaka-shi Osaka 540-0005

(740) Tokkyo Gyomu Hojin ARCO TOKKYO JIMUSHO (Patent Corporate Body ARCO PATENT OFFICE)
Bo-eki Bldg., 123-1 Higashi-machi, Chuo-ku, Kobe-shi Hyogo 650-0031

---

(111) **1042180**
(822) 11.05.2010 600850 CH
(171) 10 năm
(540)

(511) 01,05.

(151) 27.05.2010

(531) 26.11.13, 26.11.25, 29.01.15
(591) Màu xanh lá cây, màu xanh lá cây sáng, màu xanh đậm, cam, vàng, trắng
(732) SYNGENTA PARTICIPATIONS AG
Schwarzwaldallee 215 CH-4058 Basel

---

(111) **1042181**
(822) 26.01.2010 1241382 IT
(171) 10 năm
(540)

PINKJUNGLE

(511) 35.

(151) 26.01.2010

(732) Bruel S.p.A.
Via G.B. Verci, 40 I-36061 BASSANO DEL GRAPPA (Vicenza)

(740) STUDIO TECNICO ING. PIETRO BETTELLO
Via Col d'Echele, 25 I-36100 VICENZA

---

(111) **1042184**
(171) 10 năm
(540)

TEDELON

(511) 14,18,20,25,34,35,43.

(151) 09.02.2010

(531) 27.05.17
(591) Màu đen và trắng
(732) TAIZILONG HOLDING GROUP LIMITED COMPANY
Huangshan, Zhuji Zhejiang
(740) HANGZHOU CENTER TRADEMARK AGENCY LIMITED COMPANY
5/F, No.503, Dishang Building,Hushu Road (South), Hangzhou Zhejiang (CN)

---

(111) **1042204**
(822) 03.07.2006 30626166.9/12 DE
(171) 10 năm
(540)

(511) 07,09,11,12,16,17,21.

(151) 18.01.2010

(531) 27.05.17, 29.01.04
(591) Màu xanh
(732) Damiex Import-Export GmbH
Von-Humbold-Weg 12 22846 Norderstedt
(740) Heldt & Zülch, Rechtsanwälte
Kaiser-Wilhelm-Strasse 89 20355 Hamburg (DE)

---

(111) **1042226**
(822) 04.01.2010 7966517 CN
(171) 10 năm
(540)

ENERPURE

(511) 09.

(151) 10.05.2010

(732) ZHAOQING LEOCH BATTERY TECHNOLOGY CO., LTD.
Zhaoqing High-tech Industry Development Area, Zhaoqing 526238 Guangdong
(740) DHC LAW OFFICE
Suite 2201, International Commercial Building, Cross of Fuhua Road and Jintian Road, Futian District 518048 Shenzhen, Guangdong

(111) **1042239**
(822) 15.06.2004 2853244 US
(171) 10 năm
(540)

(511) 05,09,28,41.

(151) 13.04.2010

(531) 26.01.24, 26.11.13
(732) Beachbody, LLC
3301 Exposition Boulevard, 3rd Floor Santa Monica, CA 90404
(740) Camille M. Miller Cozen O'Connor. P.C. 1900 Market Street Philadelphia, PA 19103

---

(111) **1042252**
(171) 10 năm
(540) Stone Blue

(511) 25.

(151) 03.06.2010

(732) Purple Horse LLC
2501 E 28th Street Vernon, CA 90058

---

(111) **1042320**
(822) 20.04.2009 123039 MA
(171) 10 năm
(540)

COOPER PHARMA®

(511) 05.

(151) 29.04.2010

(531) 27.05.17
(732) SOCIETE MAROCAINE DE COOPERATION PHARMACEUTIQUE "COOPER MAROC"
41 rue Mohamed Diouri CASABLANCA
(740) MALIKA MOUMNI
41 Rue Mohamed Diouri CASABLANCA

---

(111) **1042327**
(822) 08.01.2009 4007751690000 KR
(171) 10 năm
(540)

(511) 25.

(151) 29.01.2010

(531) 02.09.10, 26.04.06, 26.11.03
(732) Kang Yeon Seok
160-93, Sangsu-dong, Mapo-gu Seoul
(740) LEE, SEOUNG GILL
2F Bubong Bldg., 735-36, Yeoksam-dong, Gangnam-gu Seoul

---

(111) **1042339**
(822) 14.08.1998 4176294 JP
(171) 10 năm
(540)

(511) 09.

(151) 23.03.2010

(531) 27.05.17, 29.01.12
(732) HORIBA,Ltd
2 Miyanohigashi-cho, Kisshoin, Minami-ku, Kyoto-shi Kyoto 601-8510

---

(111) **1042374**
(171) 10 năm
(540)

(511) 41.

(151) 11.05.2010

(531) 24.17.04, 27.03.01, 27.05.01
(732) Shanda Internet Development Co., Ltd.
Room 402-B, 727 Zhangjiang Road, Pudong 201203 Shanghai
(740) Orient Patent & Trademark Attorneys, LLC.
Room 1911, Shen Xin Building, No. 200 Ning Hai E. Road 200021 Shanghai

---

(111) **1042375**
(171) 10 năm
(540)

(511) 12.

(151) 25.03.2010

(531) 27.05.17
(732) TIANJIN UNITED TIRE & RUBBER INTERNATIONAL CO., LTD.
No. 50, Dongjiangdao Hexiqu 300200 Tianjin
(740) TIANJIN TINJIN TRADEMARK AGENCY CO., LTD.
1-1-601, Rome Garden, Yong An Road He Xi District, Tianjin

---

(111) **1042379**
(822) 07.08.2009 1314223 AU
(171) 10 năm
(540)

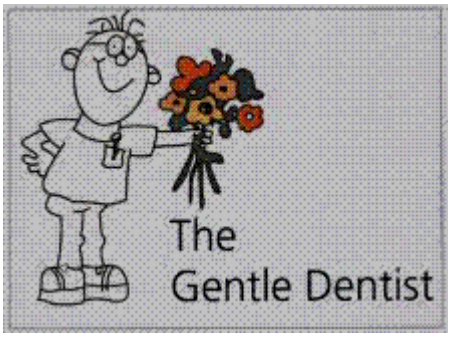

(511) 44.

(151) 13.05.2010

(531) 02.01.15, 05.05.23, 29.01.15
(591) Màu vàng, cam, đỏ, xám và đen
(732) The Gentle Dentist Pty Ltd
1st Floor, 264 Beamish Street Campsie NSW 2194
(740) Denise Zheng Lawyers, Denise Zheng Lawyers
Suite 208, Level 2, 451 Pitt Street Sydney NSW 2000 (AU)

---

(111) **1042390**
(171) 10 năm
(540)

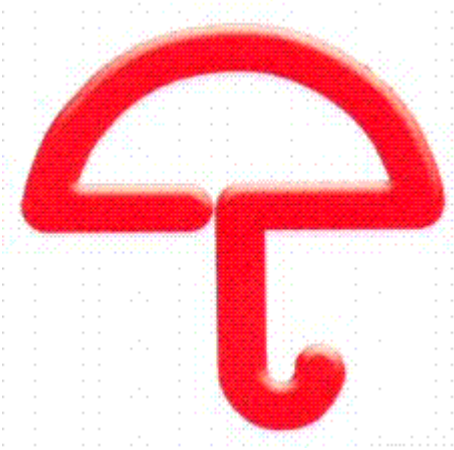

(511) 09,36,42.

(151) 22.04.2010

(531) 10.03.01, 29.01.13
(591) Màu đỏ, xám và trắng
(732) Tjark Auerbach
Lindauer Strasse 21 88069 Tettnang
(740) Anwaltskanzlei Helmut Becker
Rheinsteig 9 78462 Konstanz (DE)

---

(111) **1042410**
(822) 03.05.2010 1280553 IT
(171) 10 năm
(540)

PELLICONI

(511) 06.

(151) 03.05.2010

(732) PELLICONI & C. S.P.A.
Via Emilia, 314 I-40064 Ozzano Dell'Emilia (Bologna)
(740) BUGNION S.P.A.
Via di Corticella, 87 I-40128 BOLOGNA

---

(111) **1042417**
(171) 10 năm
(540)

PTW

(511) 42.

(151) 23.04.2010

(732) Peddle Thorp & Walker Pty. Limited
Level 17, 9 Castlereagh Street
SYDNEY, NSW 2000

(740) Addisons Commercial Lawyers
Level 12 60 Carrington Street SYDNEY
NSW 2000

---

(111) **1042436**
(822) 05.09.2003 303 34 160.2/20 DE
(171) 10 năm
(540)

KARE

(511) 11,20,21.

(151) 15.04.2010

(732) KARE Design GmbH
Zeppelinstraße 16 85748 Garching

(740) von Willich, Werner
Robert-Koch-Strasse 20 80538 München

---

(111) **1042484**
(171) 10 năm
(540)

PETVILLE

(511) 09,41,42.

(151) 05.03.2010

(732) Zynga Game Network, Inc.
365 Vermont Street San Francisco, CA
94103

(740) John M. Kim, IP Legal Advisors, PC
1940 Garnet Avenue, Suite 230 San
Diego, CA 92109

---

(111) **1042531**
(822) 27.05.2010 008699365 EM
(171) 10 năm
(540)

WARING

(511) 07,11,21.

(151) 20.05.2010

(732) Conair Corporation
1 Cummings Point Road Stamford,
Connecticut 06902

(740) ROUSE & CO. INTERNATIONAL
11th Floor, Exchange Tower, 1 Harbour
Exchange Square London E14 9GE

---

(111) **1042538**
(822) 18.05.2010 302010023477.6/05 DE
(171) 10 năm
(540)

(511) 05.

(151) 19.05.2010

(531) 24.11.18, 26.03.07, 26.03.18, 27.05.01, 29.01.13
(591) Vàng PMS 130 C, màu xanh PMS 540 C
(732) Nycomed GmbH
Byk-Gulden-Str. 2 78467 Konstanz

---

(111) **1042539**
(822) 14.05.2001 1570474 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 09.

(151) 01.06.2010

(531) 27.05.01, 28.03.00
(732) Fujian Tianguang Fire-fighting Scie-tech Incorporated Company
Chenggong Technology Industrial Zone, Nanan City 362300 Fujian Province
(740) QuanZhou WenChuang Trademark Agency Co., Ltd
6/F, technolocy building, eastern JinHuai street, QuanZhou FuJian

---

(111) **1042540**
(171) 10 năm
(540)

(511) 18,24,25.

(151) 01.06.2010

(531) 18.03.21, 27.05.11
(732) GUANGZHOU FORTUNE LEATHER & DRESS CO., LTD.
Jinghu Gongye Qu, Xinhua Town, Huadu District, Guangzhou City Guangdong Province
(740) BEIJING NOVA INTELLECTUAL PROPERTY AGENCY LIMITED
14, Building, Yianjiayuan, Beiwaxili, Haidian District Beijing 100089

(111) **1042555**
(822) 14.07.2009 3654744 US
(171) 10 năm
(540)

VI-COR

(151) 14.06.2010

(732) Varied Industries Corporation
905 South Carolina Avenue, P.O. Box 1483 Mason City, IA 50402

(740) Bruce W. McKee McKee, Voorhees & Sease, PLC
801 Grand Avenue, Suite 3200 Des Moines, IA 50309-2721

(511) 05.

---

(111) **1042600**
(171) 10 năm
(540)

BAILIAN

(151) 12.04.2010

(531) 01.01.01, 27.05.01
(732) Zhejiang Bailian Industry and Trade Group Co., Ltd.
No. 89 Hengchang Road, Pujiang 322200 Zhejiang

(740) Zhejiang Guasngyu Trademark Agency Co. Ltd.
551 Shengli Street 321000 Jinhua, Zhejiang

(511) 25.

---

(111) **1042623**
(822) 21.12.2009 253976 NO
(171) 10 năm
(540)

CALLENBERG

(151) 01.02.2010

(732) Wilhelmsen Maritime Services AS
Strandveien 20 N-1366 Lysaker

(740) Onsagers AS
P.O. Box 6963, St. Olavs Plass N-0130 Oslo

(511) 09,11.

---

(111) **1042628**
(822) 07.12.2006 3834984 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 25.

(151) 24.03.2010

(531) 28.03.00, 29.01.12
(591) Hình vuông nhỏ trên cao màu hoa hồng, và các phần khác là màu đen và trắng
(732) SHIATZY INTERNATIONAL COMPANY LIMITED
No. 49-2, Sec. 2, Zhongshan N. RD., Zhongshan Dist. Taipei City, Taiwan
(740) Kelong International Intellectual Property Agent Ltd.
A-1303, Horizon International Tower, No. 6 Zhichun R., Haidian District 100088 Beijing (CN)

---

(111) **1042638**
(822) 21.10.2002 1926744 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 18.

(151) 21.06.2010

(531) 27.05.01, 28.03.00
(732) LIAN JING QIANG
Room 2, No. 1 Jinzilidong Street Haizhu District Guangzhou Guangdong
(740) GUANGZHOU SOUTH-CHINA TRADEMARK CO., LTD.
East 3/F, No.110 Tiaheroad GUANZHOU

---

(111) **1042641**
(822) 21.11.2008 365342 RU
(171) 10 năm
(540)

COMANDANTE

(511) 34.

(151) 06.04.2010

(732) Obshchestvo s ogranichennoi otvetstvennostyu "Aleksandrovy pogreba"
str. 25, 79A Altufyevskoye shosse RU-127410 Moscow

---

(111) **1042657**
(171) 10 năm
(540)

62 GUN SALUTE

(511) 33.

(151) 04.06.2010

(732) CHIVAS HOLDINGS (IP) Limited
111-113 Renfrew Road, Paisley, Renfrewshire PA3 4DY
(740) MARKS & CLERK LLP
90 Long Acre London WC2E 9RA

---

(111) **1042669**
(171) 10 năm
(540)

(511) 16.

(151) 03.06.2010

(531) 03.01.14, 03.01.24, 03.01.25
(732) DELI GROUP CO., LTD (deli jituan youxian gongsi)
No. 128, Bus Stop West Road, Huangtan Town, Ninghai Country 315608 Zhejiang
(740) NINGBO TIANYI TRADEMARK AGENCY CO., LTD
5th Floor, 34 Changchun Road, Ningbo 315010 Zhejiang

---

(111) **1042670**
(171) 10 năm
(540)

(511) 16.

(151) 03.06.2010

(531) 02.09.01, 03.01.14, 03.01.24
(732) DELI GROUP CO., LTD (deli jituan youxian gongsi)
No. 128, Bus Stop West Road, Huangtan Town, Ninghai Country 315608 Zhejiang
(740) NINGBO TIANYI TRADEMARK AGENCY CO., LTD
5th Floor, 34 Changchun Road, Ningbo 315010 Zhejiang

---

(111) **1042682**
(822) 11.12.2009 30 2009 066 280.0/34 DE
(171) 10 năm
(540)

(511) 34.

(151) 10.02.2010

(531) 19.03.03, 26.11.09, 27.05.01
(732) Reemtsma Cigarettenfabriken GmbH
Max-Born-Straße 4 22761 Hamburg
(740) Stevens Hewlett and Perkins
1 St Augustine's Place Bristol BS1 4UD

---

(111) **1042684**
(822) 06.04.2009 376228 RU
(171) 10 năm
(540)

Kukama

(511) 33.

(151) 24.02.2010

(732) Obshchestvo s ogranichennoi otvetstvennostyu "Intel"
k. 1, d. 75, Varshavskoe shosse RU-117556 Moscow

---

(111) **1042693**
(822) 14.11.2009 5874926 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 07.

(151) 10.05.2010

(531) 27.05.01
(732) ZHEJIANG NUODELONG MACHINE & ELECTRIC CO., LTD.
Zhongshan Village, Chumen Town, Yuhuan 317605 Zhejiang
(740) Taizhou Lantian Intellectual Property Agency
25-F, New Taizhou Mansion, Taizhou City Zhejiang Province

---

(111) **1042714**
(171) 10 năm
(540)

LIO ENERGY SYSTEMS

(151) 02.06.2010

(732) Coda Automotive, Inc.
1601 Wilshire Blvd Santa Monica, CA 90403

(740) Peter R. Munson, Wilson Sonsini Goodrich & Rosati
12235 El Camino Real San Diego, CA 92130

(511) 09,40,42.

---

(111) **1042715**
(171) 10 năm
(540)

LIO

(151) 03.06.2010

(732) Coda Automotive, Inc.
1601 Wilshire Blvd Santa Monica, CA 90403

(740) Peter R. Munson, Wilson Sonsini Goodrich & Rosati
12235 El Camino Real San Diego, CA 92130

(511) 09,40,42.

---

(111) **1042760**
(822) 05.02.2007 5886561 CN
(171) 10 năm
(540)

ONLEAD

(151) 11.05.2010

(531) 27.05.01
(732) ZHANG ZHONG WU
Room 504, Block 8, Hongyang Xincheng, Yangqiao Road, Gulou District, Fuzhou City Fujian Province
(740) FUJIAN CHANNEL TRADEMARK AGENCY CO.,LTD.
6/F, Pingdong Building, #128, Hualin Road, Fuzhou 353000 Fujian

(511) 18,24,25.

---

(111) **1042814**
(822) 20.01.2010 M 61 791 LV
(171) 10 năm
(540)

BULBASH

(151) 11.03.2010

(732) BULBASH, SIA
Biezina iela 7-68 LV-1029 Riga

(740) Vladimirs ANOHINS, Aģentūra TRIA ROBIT
Vīlandes iela 5 LV-1010 Rīga

(511) 32,33.

---

(111) **1042816**
(171) 10 năm
(540)

KELLY

(151) 15.04.2010

(732) HERMES INTERNATIONAL
24 rue Faubourg Saint-Honoré F-75008 PARIS

(740) Annick de CHAUNAC - HERMES INTERNATIONAL
24 rue du Faubourg Saint-Honoré F-75008 Paris

(511) 03,14,16,18,24,25.

---

(111) **1042829**
(822) 05.02.2009 595659 CH
(171) 10 năm
(540)

CARNIPURE

(151) 10.05.2010

(732) Lonza AG (Lonza Ltd.)
Lonzastrasse CH-3930 Visp

(740) A.W. Metz & Co. AG
Hottingerstrasse 14 CH-8024 Zürich

(511) 29,30,32.

---

(111) **1042837**
(822) 21.05.2008 4277351 CN
(171) 10 năm
(540)

DONGFENG

(151) 20.05.2010

(531) 27.05.01
(732) Dongfeng Motor Corporation
Special No. 1 Dongfeng Road, Wuhan Economic & Technical Development Zone, Wuhan Hubei Hubei Province

(740) Beijing Findto Attorneys At Law
Room 1412, Ganjiakou Building, No.21 Sanlihe Road, Haidian District Beijing

(511) 36,37.

---

(111) **1042854**
(822) 28.08.2003 3105432 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 07.

(151) 27.04.2010

(531) 26.01.18, 27.05.17
(732) Tongli Mach. MF. Co., Ltd.
West of C, D Building & Floor 1, 2 of West of Arcade Building, #6 Nan Er Street, Wanji Industry Area, Longhu District Shantou, Guangdong Province
(740) CCPIT PATENT & TRADEMARK LAW OFFICE
10/F, Ocean Plaza, 158 Fuxingmennei Street 100031 Beijing

---

(111) **1042884**
(822) 03.12.2009 30 2009 037 952.1/28 DE
(171) 10 năm
(540)

(511) 28.

(151) 18.05.2010

(531) 26.04.07, 26.04.18, 26.15.01, 27.05.01, 29.01.15
(591) Màu xanh đậm, ánh sáng màu xanh, trắng, đen và đỏ
(732) Selecta Spielzeug AG
Römerstrasse 1 83533 Edling
(740) Preu Bohlig & Partner
Leopoldstraße 11a 80802 München (DE)

---

(111) **1042902**
(822) 09.04.2010 09 3 685 120 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 35,41,42.

(151) 13.04.2010

(732) Association SKEMA BUSINESS SCHOOL
Avenue Willy Brandt F-59777 Euralille

---

(111) **1042917**
(171) 10 năm
(540)

(511) 21,33.

(151) 05.05.2010

(531) 19.07.12, 29.01.13
(591) Vàng, màu be nhạt, bạc, vàng, đen và hổ phách
(732) E. REMY MARTIN & C°
20, rue de la Société Vinicole F-16100 Cognac
(740) SANTARELLI
14 avenue de la Grande Armée F-75017 PARIS (FR)

---

(111) **1042998**
(822) 04.03.2010 30 2009 067 854.5/41 DE
(171) 10 năm
(540)

think: act

(511) 09,16,38,41.

(151) 14.05.2010
(831) 23.02.2011 VN

(732) Roland Berger Strategy Consultants Holding GmbH
Mies-van-der-Rohe-Str. 6 80807 München
(740) Hoefer & Partner
Pilgersheimer Strasse 20 81543 München

---

(111) **1043001**
(171) 10 năm
(540)

(511) 09.

(151) 01.06.2010

(531) 21.03.01
(732) Intel Corporation
2200 Mission College Boulevard Santa Clara, CA 95052
(740) Katherine M. Basile Novak Druce + Quigg LLP
555 Mission Street, 34th Floor San Francisco, CA 94105

(111) **1043015**
(822) 14.05.2010 09 3 697 358 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 03.

(151) 04.06.2010

(531) 25.01.09, 25.01.15, 27.05.10
(732) PARFUMS CHRISTIAN DIOR
33 avenue Hoche F-75008 PARIS

---

(111) **1043027**
(822) 07.05.2006 3877313 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 20.

(151) 10.05.2010

(531) 27.05.01
(732) LI HONGMING
RM 507, Guosheng Building 1, Xiaonan Rd., Wenzhou 325000 Zhejiang
(740) WENZHOU XINGYE TRADEMARK SERVICE CO., LTD.
12F Bali Mansion, Xiaonan Road Wenzhou, Zhejiang

---

(111) **1043031**
(822) 19.02.2009 T0901692C SG
(171) 10 năm
(540)

(511) 41.

(151) 04.05.2010

(531) 03.01.01, 22.05.19, 28.03.00, 29.01.12
(732) BEIJING ACADEMY PTE. LTD.
6 Temasek Boulevard, #29-00 Suntec Tower Four Singapore 038986
(740) Kinetica Pte. Ltd.
6 Temasek Boulevard, 29th Floor, Suntec Tower Four Singapore 038986

---

(111) **1043033**
(171) 10 năm
(540)

mlgame

(511) 41.

(151) 23.04.2010

(732) Tovaristvo z obmegenoyou vidpovidalnistu "Gravvit"
prospect Peremogy 136, ap. 34 Kyiv 03115
(740) Maria Ortynska
Post office box 168 Kyiv 54 01054

---

(111) **1043037**
(822) 19.02.2009 T0901691E SG
(171) 10 năm
(540)

CNIS
Chinese International School

(511) 41.

(151) 04.05.2010

(531) 03.01.01, 22.05.19, 26.01.15, 29.01.12
(732) BEIJING ACADEMY PTE. LTD.
6 Temasek Boulevard, #29-00 Suntec Tower Four Singapore 038986
(740) Kinetica Pte. Ltd.
6 Temasek Boulevard, 29th Floor, Suntec Tower Four Singapore 038986

---

(111) **1043074**
(171) 10 năm
(540)

divA professional styling

(511) 08,09,11.

(151) 11.03.2010
(831) 16.03.2011 VN

(732) Salon UK Limited
Unit 5, Mitcham Industrial Estate, Streatham Road Mitcham, Surrey CR4 2AP
(740) Grant Spencer LLP
11-21 Paul Street London EC2A 4JZ

---

(111) **1043079**
(171) 10 năm
(540)

YORKTEST

(511) 05,10,16,42,44.

(151) 08.03.2010

(732) Yorktest Laboratories Limited
Genesis 3, Innovation Way, York Science Park York YO10 5DQ
(740) HARRISON GODDARD FOOTE
Belgrave Hall, Belgrave Street Leeds, West Yorkshire LS2 8DD

---

(111) **1043084**
(822) 30.10.2009 247169 FI
(171) 10 năm
(540) Wehopipe

(511) 17,19.

(151) 11.03.2010

(732) KWH Pipe Ltd.
Kappelinmäentie 240 FI-65370 Vaasa

---

(111) **1043092**
(822) 20.01.2010 600470 CH
(171) 10 năm
(540) E-BODUM

(511) 07,09,11.

(151) 18.05.2010
(831) 16.03.2011 VN

(732) Pi-Design AG
Kantonsstrasse 100 CH-6234 Triengen
(740) Isler & Pedrazzini AG
Postfach 1772 CH-8027 Zürich

---

(111) **1043103**
(822) 27.02.2009 373483 RU
(171) 10 năm
(540)

(511) 09,16,35,39,42.

(151) 20.04.2010

(531) 16.01.16, 24.15.01, 29.01.13
(591) Màu đen, trắng và xanh da trời
(732) ZAKRYTOE AKTSIONERNOE OBSHCHESTVO "SoftLine International"
Gubkina street, 8 RU-119991 Moscow

---

(111) **1043141**
(822) 14.10.2008 4984092 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 09.

(151) 01.06.2010

(531) 27.05.17
(732) New Northeast Electric (Shenyang) High Voltage Switchgear Co., Ltd.
Huahai Rd., Economic and Technology Development Zone Shenyang Liaoning Province
(740) SHEN YANG RONGFENG INTELLECTUAL PROPERTY LTD
No.401 Liaoning Jianshe Building, No.282, Danan Street, Shenhe District, Shenyang 110016 Liaoning Province

---

(111) **1043232**
(822) 15.11.2000 001295823 EM
(171) 10 năm
(540) HYDROPRIME
(511) 07.

(151) 20.05.2010
(732) Linde Aktiengesellschaft
Klosterhofstr. 1 80331 Muenchen

---

(111) **1043238**
(822) 25.11.2009 595759 CH
(171) 10 năm
(540) ECONIMO
(511) 07,11.

(151) 21.05.2010
(732) Triangle Resource Holding (Switzerlang) AG
Alpenstrasse 12 CH-6300 Zug
(740) Patentanwaltsbüro Dr. Urs Falk
Eichholzweg 9A CH-6312 Steinhausen

---

(111) **1043293**
(822) 07.04.2009 3604294 US
(171) 10 năm
(540) EVAULT
(511) 09,42.

(151) 17.06.2010
(732) I365 INC.
6121 HOLLIS STREET, SUITE 2
EMERYVILLE, CA 94608
(740) Diane J. Mason, Bullivant Houser Bailey PC
601 California Street, Suite 1800 San Francisco, CA 94108

---

(111) **1043300**
(822) 15.01.2009 588528 CH
(171) 10 năm
(540) 4BOTH
(511) 05.

(151) 14.06.2010
(732) GINSANA SA
Via Mulini CH-6934 Bioggio

---

(111) **1043301**
(822) 15.01.2009 588531 CH
(171) 10 năm
(540) NewBe
(511) 05.

(151) 14.06.2010
(732) GINSANA SA
Via Mulini CH-6934 Bioggio

---

(111) **1043314**
(822) 10.12.2009 868707 BX
(171) 10 năm
(540)

(511) 17,24,27.

(151) 18.05.2010

(531) 01.15.15, 05.03.11, 26.01.19, 27.05.08, 29.01.13
(591) Các sắc thái của màu xanh lá cây, xám, đen, trắng
(732) BUYZE Pierre
Koningsbaan 79 a B-2560 Nijlen

---

(111) **1043338**
(822) 21.01.2009 4670022 CN
(171) 10 năm
(540)

阿依莲
a·YiLian

(511) 25.

(151) 03.06.2010

(531) 27.05.01, 28.03.00
(732) Guangzhou Jinyu Garments Co., Ltd.
No. 10 Niulutang Industrial Zone, Zhuji Road, Tianhe District Guangzhou, Guangdong Province
(740) CHINA TRADEMARK & PATENT LAW OFFICE CO., LTD
No.14, Yuetan Nanjie, Xichengqu, Yuexin Bldg. 100045 Beijing

---

(111) **1043340**
(822) 10.03.2010 873666 BX
(171) 10 năm
(540)

ARCITONE

(511) 11.

(151) 20.05.2010

(732) Koninklijke Philips Electronics N.V.
Groenewoudseweg 1 NL-5621 BA Eindhoven
(740) Philips Intellectual Property & Standards High Tech Campus 44 NL-5656 AE EINDHOVEN

---

(111) **1043356**
(822) 21.08.2009 5245021 CN
(171) 10 năm
(540)

CPR1000

(151) 13.04.2010

(732) China Guangdong Nuclear Power Group
Science Building, No. 1001 Shangbuzhong Road Shenzhen
(740) Shenzhen Zhongzhi Patent & Trademark Agent Co., Ltd.
1&11/F, Shenzhen Science & Technology Building Shangbu Middle Road 1001 Shenzhen 518031 Guangdong

(511) 04,07,11,40,42.

---

(111) **1043361**
(822) 02.04.2010 093686883 FR
(171) 10 năm
(540)

(151) 14.04.2010

(531) 26.01.18, 26.11.08, 27.05.21
(732) HERMES INTERNATIONAL
24 rue du Faubourg Saint Honoré F-75008 PARIS
(740) Annick de CHAUNAC, HERMES INTERNATIONAL
24 rue du Faubourg Saint Honoré F-75008 PARIS

(511) 16,18,20,24,25,34.

---

(111) **1043365**
(822) 26.02.2010 15600 LI
(171) 10 năm
(540)

(151) 12.04.2010

(531) 03.01.02, 24.01.05, 24.01.18, 24.01.19, 24.09.05, 27.05.02, 29.01.13
(591) Vàng và đỏ
(732) BOSSNER TRADING ESTABLISHMENT
Aeulestrasse 5, P.O. Box 470 FL-9490 Vaduz

(511) 32.

---

(111) **209743**
(822) 15.11.1955 158 871 CH
(171) 10 năm
(540)

ECHINAFORCE

(151) 14.05.1958
(831) 25.05.2010 VN

(732) BIOFORCE AG ROGGWIL TG
Au, CH-9325 ROGGWIL
(740) A.W. Metz & Co. AG
Hottingerstrasse 14, Postfach CH-8024 Zürich

(511) 05.

---

(111) **541716**
(822) 05.06.1986 431 302 IT
(171) 10 năm
(540)

(151) 19.09.1989
(831) 25.11.2009 VN

(531) 15.01.25, 26.01.16, 26.13.25, 27.05.01
(732) PROMATECH S.p.A.
Via Cav. Gianni Radici, 4 I-24020 Colzate (BG)
(740) FUMERO Studio Consulenza Brevetti S.n.c.
Via S. Agnese, 12 I-20123 MILANO

(511) 07.

---

(111) **587102**
(822) 16.12.1991 556 989 IT
(171) 20 năm
(540)

ORising

(151) 16.12.1991
(831) 14.12.2009 VN

(531) 27.05.01, 27.05.22
(732) INTER-O-RISING S.A.
Alte Landstrasse 52 CH-6314 Unterägeri ZG
(740) MARK-PAT MODIANO S.A.
Via Nassa 56 CH-6900 Lugano

(511) 03.

---

(111) **616757**
(822) 27.05.1988 1 122 581 DE
(171) 10 năm
(540)

SEW
EURODRIVE

(151) 12.03.1994
(831) 30.01.2010 VN

(531) 27.05.01
(732) SEW-EURODRIVE GmbH & Co. KG
Ernst-Blickle-Strasse 42 76646 Bruchsal
(740) Meissner, Bolte & Partner
Postfach 86 06 24 81633 München

(511) 07,09.

---

(111) **623862**
(822) 16.12.1993 1 254 836 FR
(171) 20 năm
(540)

STAUB

(511) 11,21.

(151) 07.09.1994
(831) 19.04.2010 VN

(732) Compagnie de la Fecht et du Gout SAS
3 place du Capitaine Dreyfus, Bât. 1 F-68000 Colmar
(740) ZWILLING J.A. Henckles AG Sabine Vischer-Kippenhahn
Grünewalder Str. 14-22 42657 Solingen

---

(111) **679867**
(822) 09.09.1997 722242 IT
(171) 10 năm
(540)

MIRAGE

(511) 19.

(151) 09.09.1997
(831) 04.05.2010 VN

(732) MIRAGE GRANITO CERAMICO S.P.A.
Via Giardini Nord, 225 I-41026 Pavullo nel Frignano (MO)
(740) LUPPI CRUGNOLA & PARTNERS S.R.L.
Viale Corassori, 54 I-41124 Modena

---

(111) **738087**
(822) 12.06.2000 817616 IT
(171) 10 năm
(540)

GAPI

(511) 17.

(151) 12.07.2000
(831) 24.11.2009 VN

(732) GAPI S.P.A.
Via Molinaretti, 2 I-24060 Castelli Calepio (Bergamo)
(740) Ing. Matteo BARONI, c/o BUGNION S.P.A.
Viale Lancetti, 17 I-20158 MILANO

---

(111) **751366**
(822) 28.06.1996 3169375 JP
(171) 10 năm
(540)

(511) 01.

(151) 05.02.2001
(831) 11.03.2010 VN

(531) 26.02.01, 26.02.05
(732) Nippon Seishi Kabushiki Kaisha
4-1, Ohji 1-chome, Kita-ku Tokyo 114-0002
(740) NAKAZATO Kouichi
Kojimachi Duplex B's 5F, 4-4-7, Kojimachi, Chiyoda-ku Tokyo 102-0083

---

(111) **765837**
(822) 23.03.2001 200170490 SI
(171) 10 năm
(540)

ZYLLT

(511) 05.

(151) 21.08.2001
(831) 14.04.2010 VN

(732) KRKA, tovarna zdravil, d.d., NOVO MESTO
Šmarješka cesta 6 SI-8501 Novo Mesto

---

(111) **768057**
(822) 24.12.1998 462622 CH
(171) 10 năm
(540)

ATROSAN

(511) 05.

(151) 16.10.2001
(831) 25.05.2010 VN

(732) Bioforce AG Roggwil TG
Au, CH-9325 Roggwil
(740) A.W. Metz & Co. AG
Hottingerstrasse 14 CH-8024 Zurich

---

(111) **798663**
(822) 26.02.1998 100863 PL
(171) 10 năm
(540)

BOBINI

(511) 03.

(151) 27.01.2003
(831) 22.04.2010 VN

(732) GLOBAL COSMED GROUP Spólka z ograniczona odpowiedzialnością spólka komandytowa
ul. Wielkopolska 3 PL-26-600 Radom

---

(111) **813485**
(171) 10 năm
(540)

aircomfort

(511) 12,17,27.

(151) 07.08.2003
(831) 17.12.2009 VN

(732) AKLAR OTOMOTİV SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ
Kestel Sanayi Bölgesi Karapinar Mevkii No:57 Kestel/Bursa
(740) DESTEK PATENT ANONİM ŞİRKETİ
Ortapazar Caddesi No:7 TOPHANE-BURSA

---

(111) **815417**
(822) 08.03.1999 28358 EE
(171) 10 năm
(540)

(511) 05,35.

(151) 02.10.2003
(831) 22.01.2010 VN

(531) 01.03.02, 26.04.01, 27.05.01
(732) AS CHEMI-PHARM
Põllu 132 EE-10917 Tallinn
(740) Patendibüroo LASVET OÜ
Box 3136 EE-10505 Tallinn

---

(111) **819193**
(822) 02.07.2003 03 3 234 270 FR
(171) 10 năm
(540)

RENAULT MINUTE

(511) 12,37,39.

(151) 28.10.2003
(831) 11.05.2010 VN

(732) RENAULT s.a.s.
F-92100 BOULOGNE-BILLANCOURT

---

(111) **825967**
(822) 06.05.2004 928703 IT
(171) 10 năm
(540)

TERREDORA DI PAOLO

(511) 33.

(151) 06.05.2004
(831) 12.04.2010 VN

(732) TERREDORA DI PAOLO SOCIETA' SEMPLICE AGRICOLA
Localita' Serra I-83030 MONTEFUSCO (AVELLINO)
(740) JACOBACCI & PARTNERS S.P.A.
Via Senato, 8 I-20121 MILANO

---

(111) **838738**
(822) 29.04.2004 304 07 210.9/03 DE
(171) 10 năm
(540)

Cyclodynon

(511) 05.

(151) 09.08.2004
(831) 14.04.2010 VN

(732) Bionorica AG
Kerschensteiner Straße 11-15 92318 Neumarkt
(740) LINDNER BLAUMEIER Patent- und Rechtsanwälte
Dr.-Kurt-Schumacher-Strasse 23 90402 Nürnberg

---

(111) **849120**
(822) 20.01.2005 304 61 269.3/30 DE
(171) 10 năm
(540)

Caramelts

(511) 30.

(151) 24.03.2005
(831) 09.03.2010 VN

(732) August Storck KG
Waldstrasse 27 13403 Berlin
(740) CMS Hasche Sigle
Stadthausbrücke 1-3 20355 Hamburg

---

(111) **862349**
(171) 10 năm
(540)

PLAN B

(511) 28.

(151) 23.03.2005
(831) 22.03.2010 VN

(732) CMDW Inc.
121 Waterworks Way, Suite 100 Irvine California 92618-3110
(740) Dax Alvarez Blakely Sokoloff Taylor & Zafman LLP
12400 Wilshire Blvd. Seventh Floor Los Angeles CA 90025

---

(111) **870102**
(822) 06.11.1998 39831902.2/09 DE
(171) 10 năm
(540)

(511) 09,35,38,42.

(151) 08.03.2005
(831) 28.04.2010 VN

(531) 27.05.01, 29.01.11
(591) Xám, đen
(732) VSX - VOGEL SOFTWARE GMBH
Hofmühlenstr. 4 01187 Dresden
(740) Kailuweit & Uhlemann Patentanwälte
Bamberger Strasse 49 01171 Dresden (DE)

---

(111) **898651**
(822) 03.05.2006 306 14 305.4/21 DE
(171) 10 năm
(540)

LECHUZA

(151) 18.08.2006
(831) 18.03.2010 VN

(732) Geobra Brandstätter GmbH & Co. KG
Brandstätterstrasse 2-10 90513 Zirndorf
(740) RAU, Manfred, Dr., Dipl.-Ing., SCHNECK, Herbert, Dr., Dipl.-Phys., HÜBNER, Gerd, Dipl.-Phys. RAU, Albrecht, Dr., Dipl.-Phys., HOFMANN, Matthias, Dr., Dipl.-Phys., BAUERSCHMIDT, Peter, Dr., Dipl.-Ing., Patentanwälte
Königstrasse 2 90402 Nürnberg

(511) 21.

---

(111) **899872**

(171) 10 năm
(540)

LUFIAN

(151) 14.04.2006
(831) 23.03.2010 VN

(531) 27.05.17
(732) NE-SAÇ TEKSTİL SANAYİ VE TİCARET LİMİTED ŞİRKETİ
Güneşli Evren Mahallesi Bahar Caddesi Şehit Doğan Öztürk Sokak No. 26 Bağcilar-Istanbul
(740) DESTEK PATENT ANONİM ŞİRKETİ
Ortapazar Caddesi No:7 TOPHANE-BURSA

(511) 18,25,35.

---

(111) **902955**
(822) 11.08.2006 06 3 414 903 FR
(171) 10 năm
(540)

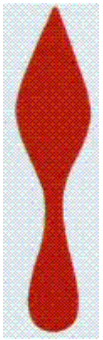

(151) 29.08.2006
(831) 30.12.2009 VN

(531) 26.13.25, 29.01.01
(591) Màu đỏ
(732) Christian LOUBOUTIN
1 rue Volney F-75002 PARIS
(740) **Cabinet @MARK (Jean-Marie ALGOUD)**
16 rue Milton F-75009 PARIS (FR)

(511) 14,18,25.

---

(111) **911532**
(822) 23.10.2006 306 49 685.2/11 DE
(171) 10 năm
(540)

PARATHOM

(511) 11.

(151) 12.12.2006
(831) 16.02.2010 VN

(732) Osram Gesellschaft mit beschränkter Haftung
Hellabrunner Strasse 1 81543 München

---

(111) **912594**
(822) 24.02.1997 3264021 JP
(171) 10 năm
(540)

ÉDIFICE

(511) 25.

(151) 03.07.2006
(831) 30.03.2010 VN

(732) BAYCREW'S CO., LTD.
1-5-6, Jinnan, Shibuya-ku Tokyo 150-0041

---

(111) **913441**
(822) 11.12.2000 2000 26752 TR
(171) 10 năm
(540)

(511) 24,25.

(151) 11.08.2006
(831) 04.09.2009 VN

(531) 29.01.12
(732) SARAR GİYİM TEKSTİL SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ
Organize Sanayi Bölgesi TR-26110 ESKİŞEHİR
(740) DESTEK PATENT ANONİM ŞİRKETİ
Ortapazar Caddesi No:7 TOPHANE-BURSA

---

(111) **914723**
(171) 10 năm
(540)

HUF

(511) 25.

(151) 28.12.2006
(831) 02.06.2010 VN

(732) Hufnagel, Keith
808 Sutter Street San Francisco, CA 94109
(740) Hiaring + Smith
101 Lucas Valley Road, Suite 300 San Rafael, CA 94903

---

(111) **915386**
(822) 20.09.2006 M 56 822 LV
(171) 10 năm
(540)

(511) 05.

(151) 04.12.2006
(831) 21.04.2010 VN

(531) 01.15.09, 02.09.07, 26.01.06, 29.01.13
(591) Màu đỏ, hồng, cam, trắng, đen, xám
(732) GRINDEKS, akciju sabiedrība
Krustpils iela 53 LV-1057 Rīga
(740) Kaspars PUBULIS
Krutspils iela 53 LV-1057 Riga (LV)

---

(111) **916475**
(822) 01.09.2006 1018294 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 07.

(151) 01.09.2006
(831) 07.05.2010 VN

(531) 15.07.15, 26.11.13
(732) BREVINI POWER TRANSMISSION S.P.A.
Via U. Degola, 14 I-42100 REGGIO EMILIA
(740) MODIANO GARDI PATENTS
Via E. Bertoli, 148 I-41100 Modena

---

(111) **916667**
(822) 15.12.2006 06 3 439 742 FR
(171) 10 năm
(540) TWIZY

(511) 12.

(151) 15.12.2006
(831) 11.05.2010 VN

(732) RENAULT s.a.s.
F-92100 BOULOGNE-BILLANCOURT

---

(111) **923206**
(822) 14.12.2006 235 997 AT
(171) 10 năm
(540) FABASOFT FOLIO

(511) 09,35,37,41,42.

(151) 02.02.2007
(831) 22.03.2010 VN

(732) Fabasoft AG
Honauerstraße 4 A-4020 Linz
(740) Dr. Johannes Hochleitner Rechtsanwalt
Kirchenplatz 8 A-4070 Eferding

---

(111) **923375**
(822) 27.09.2005 3000535 US
(171) 10 năm
(540)

(511) 16,35,39.

(151) 11.08.2006
(831) 07.01.2010 VN

(531) 03.07.01, 26.04.04, 27.05.01
(732) United States Postal Service
475 L'Enfant Plaza SW Washington, DC 20260
(740) Jennifer A. Van Kirk, Michael T. Hallam, Sean D. Garrison, Christy L.E. Hubbard, Christopher Law, Emily Bayton, Christopher T. Pierson, Lizzette Zubey, Flavia
40 North Central Avenue, 19th Floor Phoenix, AZ 85004

---

(111) **930468**
(822) 05.04.2007 817173 BX
(171) 10 năm
(540)

ixina

(511) 11,20,21.

(151) 16.04.2007
(831) 28.04.2010 VN

(531) 26.04.19, 26.04.24, 27.05.24
(732) PLUS INTERNATIONAL S.A.S.
Rue du Muguet 13 F-29000 QUIMPER
(740) OFFICE KIRKPATRICK S.A.
Avenue Wolfers 12 B-1310 LA HULPE

---

(111) **942070**
(822) 25.05.2007 06 3 471 375 FR
(171) 10 năm
(540)

MAGILINE

(511) 01,06,07,11,17,19,20,22,37,40.

(151) 18.06.2007
(831) 09.12.2009 VN

(732) ARBATAX
7 rue du Général Sarrail F-10000 TROYES
(740) SCHMIT CHRETIEN SNC
16 rue de la Paix F-75002 PARIS

---

(111) **957246**
(171) 10 năm
(540)

TIROSEGNO

(511) 25.

(151) 24.12.2007

(531) 27.05.03
(732) INTERNATIONAL HEROES BV
Johan van Oldenbarneveltlaan 9D NL-2582 NE DEN HAAG
(740) K.O.B. N.V.
Kennedypark 31c B-8500 Kortrijk

---

(111) **968754**
(822) 20.03.2008 M 58 838 LV
(171) 10 năm
(540)

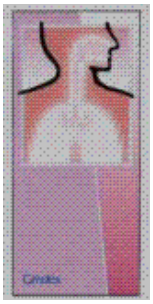

(511) 05.

(151) 14.04.2008
(831) 21.04.2010 VN

(531) 02.09.24, 02.09.25, 25.05.01, 29.01.15
(591) Tím, đỏ, hồng, xanh, xám, đen và trắng
(732) GRINDEKS, akciju sabiedrība
Krustpils iela 53 LV-1057 Rīga
(740) Kaspars Pubulis, GRINDEKS, akciju sabiedrība
Krustpils iela 53 LV-1057 Rīga (LV)

---

(111) **969960**
(822) 06.06.2008 1113831 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 03.

(151) 06.06.2008
(831) 26.04.2010 VN

(531) 27.05.19
(732) SOCIETA' COSMETICI S.P.A.
Via San Francesco d'Assisi, 14 I-10122 TORINO
(740) JACOBACCI & PARTNERS SPA
Corso Emilia, 8 I-10152 TORINO

---

(111) **971598**
(822) 12.02.2008 307 58 336.8/18 DE
(171) 10 năm
(540)

(511) 18,25,32.

(151) 24.04.2008
(831) 23.04.2010 VN

(531) 03.07.16, 03.07.24, 04.03.20
(732) Calidris 28 AG (S.A.)
30, Esplanade de la Moselle L-6637 Wasserbillig
(740) Axer Partnerschaft
Dürener Straße 295 50935 Köln

(111) **980056**

(171) 10 năm
(540)

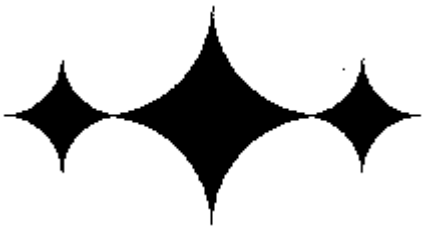

(511) 18,25.

(151) 26.08.2008
(831) 04.02.2010 VN

(531) 01.01.01
(732) Xiamen Chaolong Import and Export Co., Ltd.
1203A Huiteng Building, No. 321 Jiahe Road, Xiamen Fujian
(740) XIAMEN FORTUNE TRADEMARK CO., LTD
Room D, 2nd Floor, 263-265 Hubin South Road, Siming District 361004 Xiamen

---

(111) **985435**
(822) 07.08.2008 2786504 ES
(171) 10 năm
(540)

Ingeteam

(511) 07,09,11,37.

(151) 20.08.2008
(831) 08.04.2010 VN

(531) 27.05.01, 29.01.01
(591) Màu đỏ
(732) INGETEAM CORPORACION, S.A.
Parque Tecnológico de Bizkaia, Edificio 106 E-48170 ZAMUDIO (Bizkaia)
(740) **UNGRIA PATENTES Y MARCAS,S.A.**
Avda. Ramón y Cajal, 78 E-28043 Madrid (ES)

---

(111) **986777**

(171) 10 năm
(540)

COIFF1RST

(511) 03,35,44.

(151) 05.11.2008
(831) 22.10.2009 VN

(732) ERIC PFALZGRAF PARIS (Société à Responsabilité Limitée)
10 rue de Buci F-75006 PARIS
(740) CABINET NUSS
10 rue Jacques Kablé F-67080 STRASBOURG Cedex

---

(111) **988992**

(171) 10 năm

(540)

(511) 11.

(151) 29.09.2008
(831) 08.12.2009 VN

(531) 26.11.12, 27.05.01, 27.05.17, 29.01.12
(591) Màu xám, đỏ
(732) NIHON SPINDLE MFG. CO., LTD.
2-30, Shioe 4-chome, Amagasaki-shi Hyogo 661-8510
(740) **KITAMURA Shuichiro**
3-3, Nakanoshima 3-chome, Kita-ku, Osaka-shi Osaka-fu 530-0005 (JP)

---

(111) **991340**
(822) 21.08.2008 006295877 EM
(171) 10 năm
(540)

BIOREPAIR

(511) 03,05.

(151) 10.12.2008
(831) 01.03.2010 VN

(732) COSWELL S.p.A.
Via P. Gobetti, 4 I-40050 Funo di Argelato
(740) PORTA, CHECCACCI & ASSOCIATI S.p.A.
Via Trebbia, 20 I-20135 MILANO

---

(111) **995295**
(822) 16.07.2008 302008018386.1/35 DE
(171) 10 năm
(540)

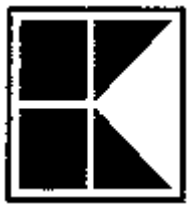

(511) 35,36,37,38,39,40,41,42,43.

(151) 17.09.2008
(831) 19.03.2010 VN

(531) 26.03.24, 26.04.01, 26.04.07, 26.04.11, 26.04.12
(732) Kaufland Warenhandel GmbH & Co. KG
Rötelstr. 35 74172 Neckarsulm
(740) HANSMANN & VOGESER
Albert-Roßhaupter-Str. 65 81369 München

---

(111) **999348**
(822) 09.07.2007 1055317 IT
(171) 10 năm
(540)

ZAGLIANI

(511) 18.

(151) 23.01.2009
(831) 22.03.2010 VN

(732) Zagliani Spa dal 1947
Via Passo Pordoi, 8/a I-20139 MILANO
(740) STUDIO BREVETTI JAUMANN DI JAUMANN P & C. s.a.s.
Via San Giovanni sul Muro, 13 I-20121 Milano

II- NHÃN HIỆU ĐƯỢC ĐĂNG KÝ TỪ TRƯỚC NAY ĐƯỢC GIA HẠN

(116) **146972**
(822) 02.09.1965 108 359 HU
(176) 10 năm
(540)

NITROMINT

(156) 15.05.1950
(831) 09.04.1990 VN

(732) EGIS Gyógyszergyár Nyilvánosan Működő Részvénytársaság
Keresztúri út 30-38 H-1106 Budapest
(740) ADVOPATENT SZABALMI ÉS VÉDJEGY IRODA
POB 80 H-1255 Budapest

(511) 05.

---

(116) **147527**
(822) 13.12.1966 95 777 DT
(176) 10 năm
(540)

(156) 19.06.1950
(831) 02.10.1990 VN

(531) 26.01, 27.05, 26.01.18, 27.05.23, 26.01.12, 26.01.19
(732) C. ED. SCHULTE GMBH ZYLINDERSCHLOSSFABRIK
243, Friedrichstrasse, 42551 VELBERT
(740) RIEDER & PARTNER Anwaltskanzlei Ges. bürgerl. Rechts
Corneliusstr. 45 42329 Wuppertal

(511) 06.

---

(116) **229849**
(822) 29.01.1960 88 782 BX
(176) 10 năm
(540)

VAPORAX

(156) 21.03.1960

(732) DECONINCK N.V.
Legen Heirweg 43 B-9890 Gavere
(740) NOVAGRAAF BELGIUM N.V./S.A.
Boulevard du Souverain 7 B-1170 Bruxelles

(511) 11.

---

(116) **232206**
(822) 05.05.1960 143 029 FR
(176) 10 năm
(540)

FRUBIASE

(156) 27.05.1960

(732) BOEHRINGER INGELHEIM FRANCE
(Société par Actions Simplifiée)
14 rue Jean Antoine de Baïf F-75013 PARIS
(740) CABINET BEAU DE LOMENIE
158 rue de l'Université F-75340 PARIS CEDEX 07

(511) 05.

---

(116) **232597**
(822) 15.03.1960 734 719 DT
(176) 10 năm
(540)

NORDSEE

(156) 11.06.1960

(732) "Nordsee" GmbH
3, Klußmannstrasse, 27570 Bremerhaven
(740) Hogan Lovells International LLP
Alstertor 21 20095 Hamburg

(511) 29.

---

(116) **232678**
(822) 26.11.1955 2578 AT
(176) 10 năm
(540)

SEMPERIT

(156) 16.06.1960

(732) Semperit Reifen Gesellschaft m.b.H.
Wienersdorfer Strasse 20-24 A-2514 Traiskirchen
(740) Florian Schleifer Continental AG, Patente & Lizenzen
Postfach 169 30001 Hannover

(511) 01,05,06,07,08,09,10,11,12,14,16,17,18,19,20,21,22,23,24,25,26,27,28.

---

(116) **232780**
(822) 10.05.1960 144 RO
(176) 10 năm
(540)

(156) 16.06.1960

(531) 26.04, 27.05, 26.04.22, 27.05.01
(732) UNILEVER ROMANIA SA
291, Bd. Republicii, RO-2000 Ploiesti, Prahova

(511) 01,02,03,04,05.

---

(116) **232796**
(822) 18.08.1959 520 964 DT
(176) 10 năm
(540) Simrit
(511) 17.
(156) 17.06.1960
(732) Carl Freudenberg KG
Hoehnerweg 2-4 69469 Weinheim

---

(116) **232870**
(822) 25.05.1958 16 191 AT
(176) 10 năm
(540) ERDAL
(511) 03,04.
(156) 20.06.1960
(732) ERDAL GESELLSCHAFT M.B.H.
Heide 148 A-5400 HALLEIN
(740) Klingseisen & Partner
Postfach 10 15 61 80089 München

---

(116) **232911**
(822) 29.12.1958 514 358 DT
(176) 10 năm
(540)

(511) 09.
(156) 24.06.1960
(531) 27.05, 27.05.02, 27.05.05
(732) MSA Auer GmbH
Thiemannstrasse 1 D-12059 Berlin
(740) Dr. Dr. W. Wablat
Potsdamer Chaussee 48 14129 Berlin

---

(116) **232921**
(822) 05.04.1958 503 768 DT
(176) 10 năm
(540) Reparil
(511) 03,05.
(156) 24.06.1960
(732) MADAUS GmbH
Colonia-Allee 15 51067 Köln

---

(116) **233076**
(822) 27.04.1960 180 329 CH
(176) 10 năm
(540) USTER
(511) 07,09,10,11.
(156) 28.06.1960
(732) Uster Technologies AG
Sonnenbergstrasse 10 CH-8610 Uster

---

(116) **233162**
(822) 20.01.1956 686 641 DT
(176) 10 năm
(540)

Welonda

(511) 03,09,11,20,21.

(156) 30.06.1960

(732) WELLA AKTIENGESELLSCHAFT
Berliner Allee 65 D-64274 DARMSTADT

---

(116) **233221**
(822) 26.04.1960 180 614 CH
(176) 10 năm
(540)

ENICAR
Supertest

(511) 14.

(156) 04.07.1960

(531) 01.05, 27.05, 01.05.24, 27.05.01, 01.05.20
(732) Enicar Watch Co S.A.
Rue du Cernil-Antoine 17 CH-2301 La Chaux-de-Fonds
(740) INFOSUISSE Information Horlogère et Industrielle
Rue du Grenier 18 CH-2300 La Chaux-de-Fonds

---

(116) **233235**
(822) 10.07.1948 435 148 FR
(176) 10 năm
(540)

(511) 33.

(156) 04.07.1960

(531) 25.01, 27.05, 29.01, 25.01.17, 27.05.01, 29.01.02, 29.01.03, 29.01.06, 29.01.13
(591) vàng, xanh lá cây và trắng
(732) CHAMPAGNE PERRIER-JOUËT, Société anonyme
28, avenue de Champagne, F-51200 ÉPERNAY
(740) PERNOD RICARD EUROPE - Direction Juridique Propriété Intellectuelle
2, rue de Solférino F-75007 PARIS (FR)

---

(116) **233244**
(176) 10 năm
(540)
LOCABIOTAL
(511) 05.

(156) 04.07.1960
(831) 29.10.1986 VN
(732) BIOFARMA
22, rue Garnier F-92200 NEUILLY-SUR-SEINE

---

(116) **233425**
(822) 13.02.1960 180 760 CH
(176) 10 năm
(540)
EVERSWISS
(511) 14.

(156) 08.07.1960
(531) 27.05, 27.05.01
(732) EVACO S.A.
Bachstrasse 10 CH-4313 Möhlin
(740) Braunpat Braun Eder AG
Reussstrasse 22 CH-4054 Basel

---

(116) **368462**
(822) 26.01.1970 786 462 FR
(176) 10 năm
(540)
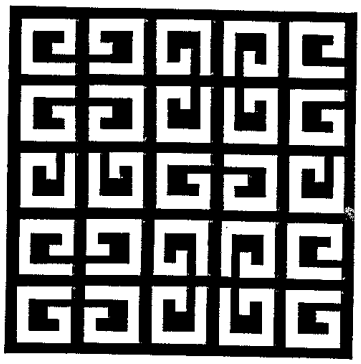
(511) 03,14,18,25,26,27.

(156) 26.05.1970
(531) 25.07, 26.04, 27.01, 27.05, 25.07.27
(732) PARFUMS GIVENCHY, Société anonyme
74, rue Anatole France, F-92300 LEVALLOIS-PERRET, Hauts-de-Seine

---

(116) **368980**
(822) 09.03.1970 866 918 DT
(176) 10 năm
(540)
BASONAT
(511) 01,17.

(156) 08.06.1970
(831) 11.09.1990 VN
(732) BASF SE
Carl-Bosch-Strasse 38 67056 Ludwigshafen

---

(116) **368982**
(822) 09.03.1970 866 920 DT
(176) 10 năm
(540) LUPRAGEN
(511) 01,17.
(156) 08.06.1970
(831) 10.07.1990 VN
(732) Elastogran GmbH
Elastogranstrasse 60 49448 Lemförde

---

(116) **368983**
(822) 09.03.1970 866 921 DT
(176) 10 năm
(540) LUPRANAT
(511) 01,02,17.
(156) 08.06.1970
(831) 10.07.1990 VN
(732) Elastogran GmbH
Elastogranstrasse 60 49448 Lemförde

---

(116) **368984**
(822) 09.03.1970 866 922 DT
(176) 10 năm
(540) LUPRANOL
(511) 01,17.
(156) 08.06.1970
(831) 10.07.1990 VN
(732) Elastogran GmbH
Elastogranstrasse 60 49448 Lemförde

---

(116) **369411**
(822) 20.06.1970 245 575 IT
(176) 10 năm
(540) RINOFLUIMUCIL
(511) 05.
(156) 20.06.1970
(831) 13.04.1995 VN
(732) ZAMBON S.p.A.
Via Lillo Del Duca, 10 I-20091
BRESSO (MI)

---

(116) **369428**
(822) 13.03.1970 245 293 CH
(176) 10 năm
(540) BERNINA
(511) 07.
(156) 08.07.1970
(732) FRITZ GEGAUF
AKTIENGESELLSCHAFT BERNINA-NÄHMASCHINENFABRIK
CH-8266 STECKBORN
(740) E. BLUM & CO. AG Patent- und Markenanwälte VSP
Vorderberg 11 CH-8044 Zürich

---

(116) **370023A**
(822) 01.01.1971 4525 BX
(176) 10 năm
(540)

NOOTROPIL

(511) 05.

(156) 12.06.1970

(732) GlaxoSmithKline Trading Services Limited
6900 Cork Airport Business Park Kinsale Road, Cork

(740) Joanne B. Green, Trade Mark Department, GlaxoSmithKline Services Unlimited
980 Great West Road Brentford, Middlesex TW8 9GS

---

(116) **370220**
(822) 20.06.1969 600 213 DT
(176) 10 năm
(540)

Maxit

(511) 03.

(156) 04.07.1970
(831) 17.01.1992 VN

(732) Ecolab USA Inc.
370 Wabasha Street North Saint Paul, MN 55102

(740) CMS Hasche Sigle
Theodor-Heuss-Ring 19-21 50668 Cologne

---

(116) **370231**
(822) 15.06.1970 870 057 DT
(176) 10 năm
(540)

Babor

(511) 03,05.

(156) 25.06.1970
(831) 11.07.2000 VN

(732) Dr. Babor GmbH & Co.
Neuenhofstrasse 180 52078 Aachen

(740) BAUER WAGNER PRIESMEYER Patent- und Rechtsanwälte
Grüner Weg 1 52070 Aachen

---

(116) **370315**
(822) 16.04.1970 790 544 FR
(176) 10 năm
(540)

EAU JEUNE

(511) 03.

(156) 25.06.1970
(831) 24.08.1990 VN

(732) L'OREAL, Société anonyme
14 rue Royale F-75008 PARIS

(740) Union des Fabricants
16, rue de la Faisanderie F-75782 PARIS Cedex 16

---

(116) **370399**
(822) 08.06.1970 869 834 DT
(176) 10 năm
(540)

Roto Centro

(511) 06,19,20.

(156) 08.06.1970
(831) 01.08.1990 VN

(732) ROTO FRANK AKTIENGESELLSCHAFT
145-147, Stuttgarter Strasse, D-70771 LEINFELDEN-ECHTERDINGEN
(740) Patentanwälte Dipl.-Ing. B. Schmid, Dr.-Ing. G.A. Birn Dipl.-Phys. H. Quarder Falbenhennenstrasse 17 70180 STUTTGART

---

(116) **450290**
(822) 02.07.1976 682 050 ES
(176) 10 năm
(540)

LOVE LICOR

(511) 33.

(156) 03.01.1980

(732) RIVES PITMÁN, S.A.
Calle Aurora 4 E-11500 EL PUERTO DE SANTA MARÍA, Cádiz
(740) RODOLFO DE LA TORRE, S.L.
Hernando Colón, 3 E-41004 Sevilla

---

(116) **452160**
(822) 31.07.1975 929 936 FR
(176) 10 năm
(540)

(511) 32.

(156) 30.04.1980

(531) 03.01, 25.01, 27.05, 29.01, 03.01.01, 03.01.02, 25.01.19, 25.03.01, 25.03.11, 29.01.01, 29.01.02, 29.01.06, 29.01.08, 29.01.14
(591) trắng, vàng, đen và đỏ
(732) BRASSERIES KRONENBOURG
68, route d'Oberhausbergen F-67200 STRASBOURG

---

(116) **452798**
(822) 08.06.1978 878 315 DT
(176) 10 năm
(540)

RECKLI

(511) 02,04,06,08,19,20.

(156) 16.06.1980
(831) 21.08.2008 VN

(732) RECKLI GmbH
Eschstrasse 30 44629 Herne
(740) Patentanwälte Spalthoff und Lelgemann Postfach 340 220 45074 Essen

---

(116) **452965**
(822) 10.09.1979 1 106 459 FR
(176) 10 năm
(540) Symphonie
(511) 12.

(156) 10.06.1980
(531) 27.05, 27.05.01
(732) RENAULT s.a.s. société par actions simplifiée
F-92100 BOULOGNE-BILLANCOURT

---

(116) **452990**
(822) 04.03.1980 1 125 969 FR
(176) 10 năm
(540) HYPERIUM
(511) 05.

(156) 12.06.1980
(732) BIOFARMA
22, rue Garnier F-92200 NEUILLY-SUR-SEINE

---

(116) **453276**
(822) 21.04.1975 926 571 FR
(176) 10 năm
(540) Jalla
(511) 24,25,27.

(156) 16.06.1980
(531) 27.05, 27.05.01
(732) DESCAMPS
20, rue d'Athènes F-75431 PARIS Cedex 09
(740) Murgitroyd & Company
Immeuble Atlantis - 55, allée Pierre Ziller F-06560 Valbonne - Sophia Antipolis

---

(116) **453291**
(822) 15.01.1980 1 120 944 FR
(176) 10 năm
(540) PARVORUVAX
(511) 05.

(156) 27.06.1980
(732) MERIAL (société par actions simplifiée)
29, avenue Tony Garnier F-69007 LYON
(740) CABINET REGIMBEAU
20 rue de Chazelles F-75847 PARIS CEDEX 17

---

(116) **453292**
(822) 15.01.1980 1 120 945 FR
(176) 10 năm
(540)

PARVOVAX

(511) 05.

(156) 27.06.1980

(732) MERIAL (société par actions simplifiée)
29, avenue Tony Garnier F-69007
LYON
(740) CABINET REGIMBEAU
20 rue de Chazelles F-75847 PARIS CEDEX 17

---

(116) **453366**
(822) 15.01.1980 303 787 CH
(176) 10 năm
(540)

GRIESHABER

(511) 10.

(156) 23.06.1980
(831) 03.09.2002 VN

(732) Alcon, Inc.
Bösch 69 CH-6331 Hünenberg
(740) Walder Wyss & Partner
Seefeldstrasse 123, Postfach 1236 CH-8034 Zürich

---

(116) **453369**
(822) 01.04.1980 303 861 CH
(176) 10 năm
(540)

QUANTUM

(511) 09.

(156) 12.05.1980

(531) 27.05, 27.05.01
(732) Abbott AG
Neuhofstrasse 23 CH-6341 Baar
(740) Abbott GmbH & Co. KG, Patents & Trademarks
Knollstraße 67061 Ludwigshafen

---

(116) **453452**
(822) 14.06.1980 322 801 IT
(176) 10 năm
(540)

TECNOMAGNETE

(511) 06,07.

(156) 14.06.1980

(732) TECNOMAGNETE SPA
Via Nerviano, 31 I-20020 LAINATE (Milano)
(740) AVV. A. PETRUZZELLI - CENTRO INT.LE BREVETTI
Corso Italia, 43 I-20122 MILANO

---

(116) **453522**
(822) 09.06.1980 1 003 148 DT
(176) 10 năm
(540)

BEYSCHLAG

(511) 09.

(156) 02.07.1980

(732) Vishay BCcomponents B.V.
Hurksestraat 31 NL-5652 AH EINDHOVEN
(740) Zacco Netherlands B.V.
Nachtwachtlaan 20 NL-1058 EA AMSTERDAM

---

(116) **453545**
(822) 12.03.1980 364 275 BX
(176) 10 năm
(540)

KETOFUNGOL

(511) 05.

(156) 23.06.1980

(732) Janssen Pharmaceutica N.V.
Turnhoutseweg 30 B-2340 Beerse
(740) Novagraaf Nederland B.V.
Hogehilweg 3, Postbus 22722 NL-1100 DE Amsterdam

---

(116) **453547**
(822) 12.03.1980 364 521 BX
(176) 10 năm
(540)

VEKETORAL

(511) 05.

(156) 23.06.1980

(732) Janssen Pharmaceutica N.V.
Turnhoutseweg 30 B-2340 Beerse
(740) Novagraaf Nederland B.V.
Hogehilweg 3, Postbus 22722 NL-1100 DE Amsterdam

---

(116) **453982**
(822) 03.04.1980 1 129 786 FR
(176) 10 năm
(540)

SAINT AMOUR

(511) 29.

(156) 13.06.1980

(732) BONGRAIN S.A. (Société Anonyme)
42, rue Rieussec F-78220 VIROFLAY
(740) SB ALLIANCE - Direction Juridique
42 rue Rieussec F-78220 VIROFLAY

---

(116) **453988**
(822) 15.04.1980 1 131 040 FR
(176) 10 năm
(540)

GRES

(511) 09,14,24.

(156) 13.06.1980

(732) YAGI TSUSHO Ltd, Société japonaise
2-1 Imabashi Sanchome Chuo-ku
OSAKA, 541-0042
(740) CABINET WEINSTEIN
56A, rue du Faubourg Saint-Honoré F-75008 PARIS

---

(116) **454111**
(822) 28.03.1980 999 955 DT
(176) 10 năm
(540)

Kempinski

(511) 42.

(156) 30.06.1980
(831) 13.06.1991 VN

(732) Kempinski AG
Kurfürstendamm 27 10719 Berlin
(740) Bird & Bird LLP
Carl-Theodor-Straße 6 40213 Düsseldorf

---

(116) **454322**
(822) 25.02.1980 304 873 CH
(176) 10 năm
(540)

posidrill

(511) 07,08.

(156) 25.06.1980

(531) 27.05, 27.05.01
(732) ATI STELLRAM SA
Avenue du Mont-Blanc 24, Case postale 339 CH-1196 Gland
(740) MICHELI & CIE SA
Rue de Genève 122, Case postale 61 CH-1226 THÔNEX

---

(116) **454442**
(822) 05.02.1980 997 305 DT
(176) 10 năm
(540)

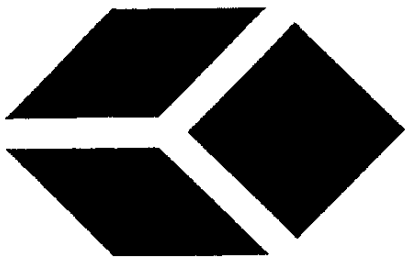

(511) 39.

(156) 07.07.1980

(531) 26.04, 26.15, 26.04.03, 26.04.04, 26.04.09, 26.15.09, 26.05.01.26.0
(732) Lufthansa Cargo AG
Langer Kornweg 34i 65451 Kelsterbach
(740) Patentanwälte von Kreisler Selting Werner
Deichmannhaus am Dom, Bahnhofsvorplatz 1 50667 Koln

---

(116) **454470**
(822) 30.06.1980 322 988 IT
(176) 10 năm
(540)

SEROPHENE

(511) 05.

(156) 30.06.1980

(732) MERCK SERONO S.P.A.
Via Casilina, 125 I-00176 ROMA
(740) Jacobacci & Partners S.A.
Avenue de la Gare des Eaux-Vives 2 CH-1207 Genève

---

(116) **455510**
(822) 16.05.1980 1 002 137 DT
(176) 10 năm
(540)

Continental

(511) 01,07,09,12,16,17,20,24,25.

(156) 01.07.1980
(831) 13.11.1998 VN
(531) 03.03, 27.05, 03.03.01, 03.03.17, 03.03.24, 26.01.01, 26.01.04, 26.01.13, 26.01.22, 27.05.01
(732) Continental Reifen Deutschland GmbH
Vahrenwalder Str. 9 30165 Hannover
(740) Florian Schleifer Continental AG, Patente & Lizenzen
Postfach 169 30001 Hannover

---

(116) **456297**
(822) 30.06.1980 322 967 IT
(176) 10 năm
(540)

MARELLI AUTRONICA

(511) 07,08,09,12.

(156) 30.06.1980
(531) 25.03, 27.05, 25.03.01, 25.03.13, 27.05.21, 27.05.22
(732) MAGNETI MARELLI HOLDING S.p.A.
Viale Aldo Borletti, 61/63 I-20011 CORBETTA (MI)
(740) JACOBACCI & PARTNERS S.P.A.
Corso Regio Parco, 27 I-10152 TORINO

---

(116) **545735**
(822) 19.05.1986 426 553 IT
(176) 10 năm
(540)

VENUS

(156) 21.12.1989

(531) 27.05, 27.05.01
(732) KELEMATA S.R.L.
Corso Re Umberto 20 I-10128 Torino
(740) Avv. Luigi Saglietti
Corso Vittorio Emanuele II, 83 I-10128 Torino

(511) 01,02,03,04,05,06,07,08,09,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21,22,23,24,25,26,27,28, 29,30,31,32,33,34.

---

(116) **550528**
(822) 12.09.1989 1 488 295 FR
(176) 10 năm
(540)

SOFRES

(156) 14.03.1990
(831) 22.05.1995 VN

(732) TAYLOR NELSON SOFRES SA
16, rue Barbès F-92120 MONTROUGE
(740) CABINET HERRBURGER
115, boulevard Haussmann F-75008 PARIS

(511) 35.

---

(116) **552282**
(822) 08.12.1980 142 403 CN
(176) 10 năm
(540)

(156) 14.04.1990

(531) 01.15, 24.17, 26.04, 28.03, 29.01, 24.17.07, 26.04.17, 26.05.17, 26.11.05, 27.07.11
(732) GUANGZHOU TIGER HEAD BATTERY GROUP CO., LTD.
568 Huangpu Road, CN-510655 Guangzhou, Guangdong
(740) CCPIT PATENT AND TRADEMARK LAW OFFICE
10/F, Ocean Plaza, 158 Fuxingmennei Street 100031 Beijing

(511) 09.

---

(116) **552407**
(822) 25.10.1989 1 557 088 FR
(176) 10 năm
(540)

AFNOR

(156) 10.04.1990

(732) ASSOCIATION FRANCAISE DE NORMALISATION AFNOR
11 avenue Francis de Pressensé F-93210 LA PLAINE SAINT-DENIS
(740) ERNEST GUTMANN-YVES PLASSERAUD SAS
3 rue Auber F-75009 PARIS

(511) 09.

---

(116) **553193**
(822) 26.04.1990 526 596 IT
(176) 10 năm
(540)

(156) 26.04.1990
(831) 24.02.1994 VN

(531) 03.07, 17.01, 27.05, 03.07.01, 03.07.16, 26.02.03, 27.05.01, 17.01.03
(732) MORELLATO S.P.A.
Via Roma, 6 I-35013 CITTADELLA (PADOVA)
(740) JACOBACCI & PARTNERS SpA
Via Senato, 8 I-20121 MILANO

(511) 14,16,18,25,34.

---

(116) **553193A**
(822) 26.04.1990 526 596 IT
(176) 10 năm
(540)

SECTOR

(156) 26.04.1990

(531) 03.07, 17.01, 27.05, 03.07.01, 03.07.16, 26.02.03, 27.05.01
(732) MORELLATO S.P.A.
Via Roma, 6 I-35013 CITTADELLA (PADOVA)
(740) Jacobacci & Partners S.P.A.
Via Senato, 8 I-20121 Milano

(511) 14.

---

(116) **553247**
(822) 20.10.1989 470 163 BX
(176) 10 năm
(540)

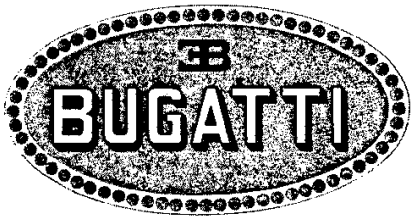

(156) 12.04.1990
(831) 29.12.1993 VN
(531) 25.01, 26.01, 27.05, 15.07.11, 25.01.15, 26.01.04, 27.05.02, 27.05.22, 25.01.10
(732) Bugatti International S.A.
412F, route d'Esch L-1030 Luxembourg
(740) pronovem - Office de Brevets MEYERS & VAN MALDEREN
261, route d'Arlon, B.P. 111 L-8002 STRASSEN

(511) 03,09,12,14,16,18,20,24,25,28,33,34.

---

(116) **554087**
(822) 02.03.1990 1 578 297 FR
(176) 10 năm
(540)

SUBLICREME

(156) 21.06.1990
(732) GUERLAIN SOCIÉTÉ ANONYME, Société anonyme
68, avenue des Champs-Élysées, F-75008 PARIS
(740) GUERLAIN SA - Daniel PONSY - Directeur du Département Propriété Intellectuelle
125 rue du Président Wilson F-92593 LEVALLOIS-PERRET CEDEX

(511) 03.

---

(116) **554088**
(822) 02.03.1990 1 578 298 FR
(176) 10 năm
(540)

SUBLIDERME

(156) 21.06.1990
(732) GUERLAIN SOCIÉTÉ ANONYME, Société anonyme
68, avenue des Champs-Élysées, F-75008 PARIS
(740) GUERLAIN SA - Daniel PONSY - Directeur du Département Propriété Intellectuelle
125 rue du Président Wilson F-92593 LEVALLOIS-PERRET CEDEX

(511) 03.

---

(116) **554139**
(822) 10.01.1989 1 507 869 FR
(176) 10 năm
(540)

PHOTODERM

(156) 10.05.1990
(831) 02.05.1996 VN

(732) LABORATOIRE BIODERMA - Société par Actions Simplifiée
75 cours Albert Thomas F-69003 LYON
(740) Cabinet LAURENT & CHARRAS,
"Le Contemporain" - 50 Chemin de la Bruyère F-69574 Dardilly Cedex

(511) 03.

---

(116) **554264**
(822) 01.12.1966 53 250 CN
(176) 10 năm
(540)

(156) 25.05.1990

(531) 05.05, 26.01, 27.05, 28.03, 05.05.20, 27.01.12, 28.03.00
(732) DALIAN WELLSPRING IMPORT AND EXPORT CO., LTD
No.67, Wuwu Road, Dalian Liaoning
(740) CCPIT PATENT AND TRADEMARK LAW OFFICE
10F Ocean Plaza, No. 158, Fuxingmennei Street 100031 Beijing

(511) 05.

---

(116) **554315**
(822) 11.06.1990 530 227 IT
(176) 10 năm
(540)

(156) 11.06.1990

(531) 26.04, 27.05, 26.04.02, 26.04.05, 26.04.18, 27.05.01, 27.05.11, 27.05.17, 27.05.23
(732) GIANFRANCO FERRE' S.p.A.
Via Pontaccio 21 I-20121 MILANO
(740) SOCIETA' ITALIANA BREVETTI S.p.A.
Corso dei Tintori, 25 I-50122 Firenze

(511) 03.

---

(116) **554772**
(822) 18.06.1990 530 551 IT
(176) 10 năm
(540)

FILA 2 ACTIONS 2 A

(511) 25.

(156) 18.06.1990

(732) FILA LUXEMBOURG Sàrl
13, boulevard du Prince Henri L-1724 Luxembourg

(740) Dr. Robert G. Briner CMS von Erlach Henrici
Dreikönigstrasse 7 CH-8002 Zürich

---

(116) **554814**
(822) 22.12.1989 1 569 791 FR
(176) 10 năm
(540)

HYDRACLAIR

(511) 03,05.

(156) 22.06.1990
(831) 25.05.1993 VN

(732) PIERRE FABRE DERMO-COSMETIQUE, Société anonyme
45, place Abel Gance F-92100 BOULOGNE

(740) Pierick Rousseau/ Direction Propriété Intellectuelle PIERRE FABRE DERMO-COSMETIQUE
17, avenue Jean Moulin F-81106 CASTRES Cedex

---

(116) **555223**
(822) 23.07.1986 1 364 764 FR
(176) 10 năm
(540)

LOVENOX

(511) 05.

(156) 15.06.1990
(831) 01.04.1996 VN

(732) AVENTIS PHARMA SA
20 Avenue Raymond Aron F-92160 ANTONY

(740) Christian GELAIN RHONE-POULENC INTERSERVICES DIRECTION MARQUES
CEDEX 29 F-92097 PARIS LA DEFENSE

---

(116) **555258**
(822) 18.06.1990 530 570 IT
(176) 10 năm
(540)

DAIET

(156) 18.06.1990

(732) HUMANA ITALIA S.p.A.
Viale Liguria, 22/A I-20143 MILANO
(740) DR. PROF. FRANCO CICOGNA
Via Visconti di Modrone, 14/A I-20122 MILANO

(511) 05.

---

(116) **555261**
(822) 20.06.1990 530 600 IT
(176) 10 năm
(540)

NEXUS
LINE

(156) 20.06.1990

(531) 26.03, 27.01, 27.05, 27.01.07, 27.05.01
(732) ELECTROLUX HOME PRODUCTS ITALY S.p.A.
Corso Lino Zanussi, 30 I-33080 Porcia (PN)
(740) AB ELECTROLUX Group Intellectual Property Attn. Ms. Ann Koerner
St Göransgatan 143 SE-105 45 Stockholm

(511) 07.

---

(116) **555262**
(822) 20.06.1990 530 601 IT
(176) 10 năm
(540)

WASHING-SHELL TECHNOLOGY

(156) 20.06.1990

(531) 26.01, 26.04, 26.13, 27.05, 24.17.02, 26.02.03
(732) ELECTROLUX HOME PRODUCTS ITALY S.p.A.
Corso Lino Zanussi, 30 I-33080 Porcia (PN)
(740) AB ELECTROLUX Group Intellectual Property Attn. Ms. Ann Koerner
St Göransgatan 143 SE-105 45 Stockholm

(511) 07.

---

(116) **555329**
(822) 23.06.1990 530 929 IT
(176) 10 năm
(540)

ALFAGAMMA

(511) 05.

(156) 23.06.1990

(732) HUMANA ITALIA S.p.A.
Viale Liguria, 22/A I-20143 MILANO
(740) DR. PROF. FRANCO CICOGNA
Via Visconti di Modrone, 14/A I-20122 MILANO

---

(116) **555336**
(822) 02.07.1990 531 428 IT
(176) 10 năm
(540)

ESTA TONITY

(511) 30,32,33.

(156) 02.07.1990

(732) FERRERO S.P.A.
Piazzale Pietro Ferrero, 1 I-12051 ALBA (CN)
(740) JACOBACCI & PARTNERS SpA
Corso Regio Parco, 27 I-10152 TORINO

---

(116) **555338**
(822) 02.07.1990 531 426 IT
(176) 10 năm
(540)

ESTASÌ

(511) 30,32,33.

(156) 02.07.1990

(732) FERRERO S.P.A.
Piazzale Pietro Ferrero, 1 I-12051 ALBA (CN)
(740) JACOBACCI & PARTNERS SpA
Corso Regio Parco, 27 I-10152 TORINO

---

(116) **555412**
(822) 25.07.1986 1 365 616 FR
(176) 10 năm
(540)

ALAIN AFFLELOU

(511) 05,09,10,14,18,20,24,25,35,38.

(156) 21.06.1990

(732) ALAIN AFFLELOU FRANCHISEUR
45 avenue Victor Hugo F-93300 AUBERVILLIERS
(740) NOVAGRAAF FRANCE
122 rue Edouard Vaillant F-92593 LEVALLOIS-PERRET CEDEX

---

(116) **555412A**
(822) 25.07.1986 1 365 616 FR
(176) 10 năm
(540)

ALAIN AFFLELOU

(511) 09.

(156) 21.06.1990

(732) ALAIN AFFLELOU FRANCHISEUR
45 avenue Victor Hugo F-93300 AUBERVILLIERS

(740) NOVAGRAAF FRANCE
122 rue Edouard Vaillant F-92593 Levallois-Perret Cedex

---

(116) **555432B**
(822) 20.06.1990 530 603 IT
(176) 10 năm
(540)

VIASPIGA

(511) 03,18,21,25.

(156) 20.06.1990

(732) Brown Shoe Company, Inc.
8300 Maryland Avenue, St. Louis, Missouri 63105

(740) BARZANO' & ZANARDO ROMA S.p.A.
Via Piemonte, 26 I-00187 Roma

---

(116) **555643**
(822) 19.03.1990 1 580 946 FR
(176) 10 năm
(540)

ELF MOTO

(511) 04.

(156) 15.06.1990

(732) ELF AQUITAINE
2 place Jean Millier, La Défense 6 F-92400 COURBEVOIE

(740) TOTAL SA, Direction Juridique Holding - Service Marques
2 place Jean Millier F-92078 Paris La Défense Cedex

---

(116) **555650**
(822) 22.01.1990 1 571 371 FR
(176) 10 năm
(540)

SEDAP

(511) 11,17,19,20.

(156) 12.06.1990

(732) ATELIER SEDAP, Société anonyme
3, rue Sanlecque, F-44000 NANTES

(740) CABINET HARLE & PHELIP
7 rue de Madrid F-75008 PARIS

---

(116) **555651**
(822) 12.01.1990 1 569 899 FR
(176) 10 năm
(540)

OXBOW

(156) 11.06.1990
(831) 08.11.2004 VN
(732) OXBOW (Société par Actions Simplifiée)
20 avenue Pythagore F-33700 MERIGNAC
(740) CABINET GERMAIN & MAUREAU
12 rue Boileau F-69006 LYON

(511) 28.

---

(116) **555673**
(822) 23.10.1989 90.12 944 MC
(176) 10 năm
(540)

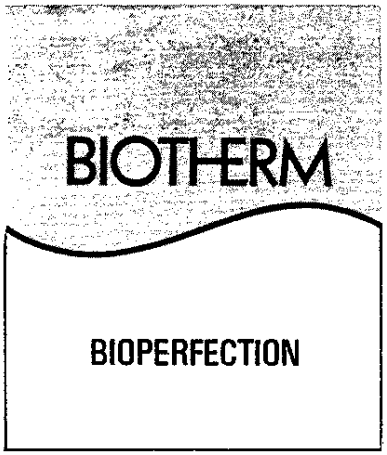

(156) 28.05.1990
(531) 25.05, 26.04, 26.11, 27.05, 26.04.20, 26.11.12, 27.05.01
(732) BIOTHERM, Société anonyme monégasque
Le Neptune, 11 avenue Albert II MC-98000 MONACO
(740) L'OREAL, Département des Marques
63/65 rue Henri Barbusse F-92585 Clichy Cedex

(511) 03.

---

(116) **555793**
(822) 20.03.1990 1 581 046 FR
(176) 10 năm
(540)

(156) 28.06.1990
(531) 03.07, 25.03, 27.05, 03.07.16, 03.07.24, 26.04.02
(732) MARTELL & Co
Place Edouard Martell F-16100 COGNAC
(740) Eve-Marie Wilmann-Courteau Pernod-Ricard Europe
2 rue de Solférino F-75340 Paris Cedex 07

(511) 30,32,33.

---

(116) **555811**
(822) 07.01.1974 116 121 HU
(176) 10 năm
(540)

PERITOL

(511) 05.

(156) 29.06.1990
(831) 22.06.1992 VN

(732) EGIS Gyógyszergyár Nyilvánosan Működő Részvénytársaság
Keresztúri út 30-38 H-1106 Budapest
(740) ADVOPATENT SZABALMI ÉS VÉDJEGY IRODA
POB 80 H-1255 Budapest

---

(116) **555813**
(822) 15.11.1979 121 822 HU
(176) 10 năm
(540)

TISERCIN

(511) 05.

(156) 04.07.1990
(831) 29.08.1994 VN

(732) EGIS Gyógyszergyár Nyilvánosan Működő Részvénytársaság
Keresztúri út 30-38 H-1106 Budapest
(740) ADVOPATENT SZABALMI ÉS VÉDJEGY IRODA
POB 80 H-1255 Budapest

---

(116) **555854**
(822) 08.02.1990 376 762 CH
(176) 10 năm
(540)

COMPAT

(511) 10.

(156) 14.06.1990
(831) 09.11.1994 VN

(732) Société des Produits Nestlé S.A.
CH-1800 Vevey
(740) Nestec S.A.
Av. Nestlé 55 CH-1800 Vevey

---

(116) **555884**
(822) 09.02.1990 472 035 BX
(176) 10 năm
(540)

YOFRESH

(511) 29,30.

(156) 12.06.1990
(831) 07.08.1995 VN

(732) Unilever N.V.
Weena 455 NL-3013 AL Rotterdam
(740) Trade Marks Unit, Baker & McKenzie
100 New Bridge Street London EC4V 6JA

---

(116) **555997**
(822) 07.08.1987 153 968 BX
(176) 10 năm
(540)

BIOTHANE

(511) 40,42.

(156) 15.06.1990

(732) BIOTHANE SYSTEMS INTERNATIONAL B.V.
1, Wateringseweg, NL-2611 XT DELFT
(740) Novagraaf Belgium S.A./N.V.
Boulevard du Souverain 7 B-1170 Bruxelles

---

(116) **555998**
(822) 07.08.1987 153 969 BX
(176) 10 năm
(540)

BIOBED

(511) 40,42.

(156) 15.06.1990

(732) BIOTHANE SYSTEMS INTERNATIONAL B.V.
1, Wateringseweg, NL-2611 XT DELFT
(740) Novagraaf Belgium S.A./N.V.
Boulevard du Souverain 7 B-1170 Bruxelles

---

(116) **556039**
(822) 14.04.1986 415 061 IT
(176) 10 năm
(540)

BVLGARI

(511) 09.

(156) 11.06.1990
(831) 30.07.2007 VN

(732) BULGARI S.P.A.
Lungotevere Marzio, 11 I-00186 Roma
(740) DE SIMONE & PARTNERS S.p.A.
Via Vincenzo Bellini, 20 I-00198 ROMA

---

(116) **556085**
(822) 02.07.1990 531 406 IT
(176) 10 năm
(540)

(511) 11.

(156) 02.07.1990

(531) 01.15, 15.01, 25.07, 26.01, 27.05, 01.15.05, 07.01.14, 26.01.16, 26.04.25
(732) I.T.A.S., S.r.l.
5, via Metauro, I-20052 MONZA
(740) Ufficio Brevetti Riccardi & Co
Via M. Melloni 32 I-20129 MILANO

---

(116) **556086**
(822) 02.07.1990 531 408 IT
(176) 10 năm
(540)

(511) 11.

(156) 02.07.1990

(531) 19.11, 26.07, 27.05, 27.05.21
(732) MALESCI ISTITUTO FARMACOBIOLOGICO S.p.A.
Via Lungo l'Ema, 7 - Loc. Ponte a Ema I-50012 Bagno A Ripoli
(740) Società Italiana Brevetti S.p.A.
Corso dei Tintori, 25 I-50122 FIRENZE

---

(116) **556193**
(822) 02.07.1990 531 425 IT
(176) 10 năm
(540)

(511) 07,11.

(156) 02.07.1990

(531) 01.03, 25.12, 26.01, 27.05, 01.03.02
(732) CHINOOK SPA
Via Volvera, 50/A I-10045 PIOSSASCO (TO)
(740) JACOBACCI & PARTNERS SpA
Corso Regio Parco, 27 I-10152 TORINO

---

(116) **556238**
(822) 12.01.1990 1 580 056 FR
(176) 10 năm
(540)

CHEVIGNON

(511) 03,09,14,16,18,20,21,24,25,34.

(156) 18.06.1990

(732) ETABLISSEMENTS CHARLES CHEVIGNON
6/10, Boulevard Foch, F-93800 EPINAY-SUR-SEINE
(740) NOVAGRAAF FRANCE
122 rue Edouard Vaillant F-92593 LEVALLOIS-PERRET CEDEX

---

(116) **556239**
(822) 12.01.1990 1 580 106 FR
(176) 10 năm
(540)

CHARLES CHEVIGNON

(511) 16,20,21.

(156) 18.06.1990

(732) ETABLISSEMENTS CHARLES CHEVIGNON
6/10, Boulevard Foch, F-93800 EPINAY-SUR-SEINE
(740) NOVAGRAAF FRANCE
122 rue Edouard Vaillant F-92593 LEVALLOIS-PERRET CEDEX

---

(116) **556272**
(822) 06.12.1989 1 586 024 FR
(176) 10 năm
(540)

VICHY
MISSION
ÉCLAT-JEUNESSE

(511) 05.

(156) 15.06.1990

(531) 07.05, 26.01, 26.11, 27.05, 25.01.11, 26.01.18, 26.11.01, 26.11.02, 27.05.21
(732) L'OREAL, Société anonyme
14, rue Royale F-75008 PARIS
(740) L'OREAL, Département des Marques
63/65 rue Henri Barbusse F-92585 CLICHY CEDEX

---

(116) **556274**
(822) 05.01.1990 1 568 534 FR
(176) 10 năm
(540)

EQUITE

(511) 03.

(156) 12.06.1990

(732) Procter & Gamble Manufacturing Cologne GmbH
Wilhelm-Mauser-Straße 40 50827 Köln

---

(116) **556295**
(822) 22.05.1990 1 159 252 DT
(176) 10 năm
(540)

MOVICHROM

(511) 07.

(156) 09.06.1990
(831) 20.03.2007 VN

(732) KSB Aktiengesellschaft
Johann-Klein-Strasse 9 67227 Frankenthal

(116) **556421**
(822) 28.02.1990 376 769 CH
(176) 10 năm
(540)

EXXTRAL

(511) 01,17.

(156) 14.06.1990

(732) Esso Schweiz GmbH
Uraniastrasse 40 CH-8001 Zürich
(740) E. BLUM & CO. AG Patent- und Markenanwälte VSP
Vorderberg 11 CH-8044 Zürich

---

(116) **556434**
(822) 02.07.1990 531 407 IT
(176) 10 năm
(540)

TORCAT

(511) 11.

(156) 02.07.1990

(732) I.T.A.S., S.r.l.
5, via Metauro, I-20052 MONZA
(740) Ufficio Brevetti Riccardi & Co
Via Macedonio Melloni 32 I-20129 MILANO

---

(116) **556737**
(822) 17.01.1990 473 625 BX
(176) 10 năm
(540)

DDAVP

(511) 05.

(156) 28.06.1990
(831) 21.03.1994 VN

(732) Ferring B.V.
Polarisavenue 144 NL-2132 JX Hoofddorp
(740) Novagraaf Nederland B.V.
Hogehilweg 3, Postbus 22722 NL-1100 DE Amsterdam

---

(116) **556748**
(822) 02.02.1990 473 670 BX
(176) 10 năm
(540)

FENDUR

(511) 05.

(156) 29.06.1990

(732) Janssen Pharmaceutica N.V.
Turnhoutseweg 30 B-2340 Beerse
(740) Novagraaf Nederland B.V.
Hogehilweg 3, Postbus 22722 NL-1100 DE Amsterdam

---

(116) **556749**
(822) 02.02.1990 473 671 BX
(176) 10 năm
(540)

DUROGESIC

(156) 29.06.1990
(732) Janssen Pharmaceutica N.V.
Turnhoutseweg 30 B-2340 Beerse
(740) Novagraaf Nederland B.V.
Hogehilweg 3 NL-1101 CA AMSTERDAM ZUIDOOST

(511) 05.

---

(116) **556751**
(822) 02.02.1990 473 673 BX
(176) 10 năm
(540)

TRANSFENTA

(156) 29.06.1990
(732) Janssen Pharmaceutica N.V.
Turnhoutseweg 30 B-2340 Beerse
(740) Novagraaf Nederland B.V.
Hogehilweg 3, Postbus 22722 NL-1100 DE Amsterdam

(511) 05.

---

(116) **556753**
(822) 22.02.1990 473 736 BX
(176) 10 năm
(540)

SAPROXAL

(156) 29.06.1990
(732) Janssen Pharmaceutica N.V.
Turnhoutseweg 30 B-2340 Beerse
(740) Novagraaf Nederland B.V.
Hogehilweg 3, Postbus 22722 NL-1100 DE Amsterdam

(511) 05.

---

(116) **556754**
(822) 22.02.1990 473 737 BX
(176) 10 năm
(540)

SAPERNOX

(156) 29.06.1990
(732) Janssen Pharmaceutica N.V.
Turnhoutseweg 30 B-2340 Beerse
(740) Novagraaf Nederland B.V.
Hogehilweg 3, Postbus 22722 NL-1100 DE Amsterdam

(511) 05.

---

(116) **556755**
(822) 22.02.1990 473 738 BX
(176) 10 năm
(540)

SAPERID

(156) 29.06.1990

(732) Janssen Pharmaceutica N.V.
Turnhoutseweg 30 B-2340 Beerse
(740) Novagraaf Nederland B.V.
Hogehilweg 3, Postbus 22722 NL-1100 DE Amsterdam

(511) 05.

---

(116) **556791**
(822) 09.01.1990 1 569 002 FR
(176) 10 năm
(540)

(156) 28.06.1990

(531) 19.07, 19.08, 29.01, 19.07.07, 29.01.00
(591) Kim loại màu xanh đậm, ánh sáng màu xanh lá cây và trắng kim loại
(732) L'OREAL, Société anonyme
14, rue Royale F-75008 PARIS
(740) Union des Fabricants
16, rue de la Faisanderie F-75782 PARIS Cedex 16 (FR)

(511) 03.

---

(116) **556792**
(822) 09.01.1990 1 569 003 FR
(176) 10 năm
(540)

(156) 28.06.1990

(531) 19.07, 29.01, 19.07.07, 29.01.00
(591) màu xanh đậm, đỏ, xanh lá cây và màu vàng
(732) L'OREAL, Société anonyme
14, rue Royale F-75008 PARIS
(740) Union des Fabricants
16, rue de la Faisanderie F-75782 PARIS Cedex 16 (FR)

(511) 03.

---

(116) **556793**
(822) 09.01.1990 1 569 004 FR
(176) 10 năm
(540)

(156) 28.06.1990

(531) 19.07, 29.01, 19.07.07, 29.01.00
(591) màu trắng, xám, xanh dương, hồng và xanh lá cây
(732) L'OREAL, Société anonyme
14, rue Royale F-75008 PARIS
(740) Union des Fabricants
16, rue de la Faisanderie F-75782 PARIS Cedex 16 (FR)

(511) 03.

---

(116) **556794**
(822) 09.01.1990 1 569 005 FR
(176) 10 năm
(540)

(156) 28.06.1990

(531) 19.07, 29.01, 19.07.07, 29.01.00
(591) nâu, vàng, đen và trắng
(732) L'OREAL, Société anonyme
14, rue Royale F-75008 PARIS
(740) Union des Fabricants
16, rue de la Faisanderie F-75782 PARIS Cedex 16 (FR)

(511) 03.

---

(116) **556804**
(822) 20.10.1989 1 264 151 ES
(176) 10 năm
(540)

(156) 02.07.1990

(531) 26.04, 27.05, 26.11.02, 27.01.07
(732) MATMA, S.A.
54-64, calle Sant Lluc, E-08912 BADALONA, Barcelona
(740) Luis-Alfonso DURÁN MOYA
Córsega, 329 (P° de Gracia/Diagonal) E-08037 BARCELONA

(511) 03,14,18.

---

(116) **556811**
(822) 06.03.1990 1 514 172 ES
(176) 10 năm
(540)

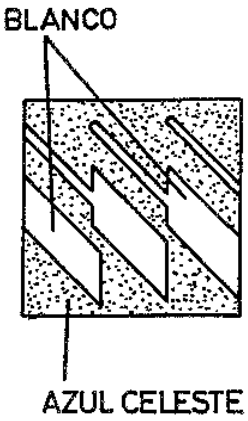

(156) 15.06.1990

(531) 25.07, 26.04, 27.05, 29.01, 14.09.02, 25.07.26, 26.04.16, 29.01.04, 29.01.06
(591) màu trắng và màu xanh
(732) PHARMA MAR, S.A.
Polígono Industrial la Mina Norte, Avenida de los Reyes 1 Colmenar Viejo E-28770 MADRID
(740) GARRIGUES AGENCIA DE PROPIEDAD INDUSTRIAL E INTELECTUAL, S.L.
Hermosilla, 3 E-28001 MADRID (ES)

(511) 01,05,42.

---

(116) **557008**
(822) 18.11.1986 341 645 BX
(176) 10 năm
(540)

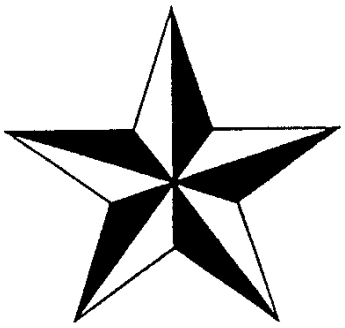

(156) 05.07.1990

(531) 01.01, 01.01.02
(732) deSter Holding B.V.
Duivendrechtsekade 85 NL-1096 AJ AMSTERDAM
(740) BUREAU M.F.J. BOCKSTAEL NV
Arenbergstraat 13 B-2000 Antwerpen

(511) 03,08,16,17,21,24,29,30.

---

(116) **557098**
(822) 13.03.1989 1 136 083 DT
(176) 10 năm
(540)

SEKU

(156) 27.06.1990

(732) Ecolab USA Inc.
370 Wabasha Street North Saint Paul, MN 55102
(740) CMS Hasche Sigle
Theodor-Heuss-Ring 19-21 50668 Cologne

(511) 03,05.

---

(116) **557133**
(822) 09.01.1990 1 593 164 FR
(176) 10 năm
(540)

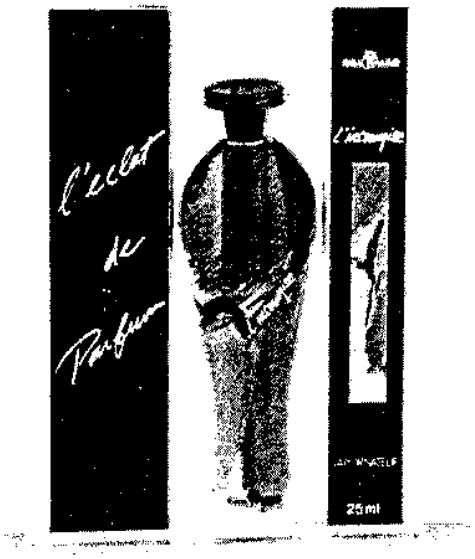

(156) 28.06.1990

(531) 19.03, 19.07, 25.01, 27.05, 29.01, 19.03.15, 19.07.07, 25.01.19, 29.01.00
(591) trắng, đen, xanh, cam, hồng và xanh đậm
(732) L'OREAL, Société anonyme
14, rue Royale F-75008 PARIS
(740) Union des Fabricants
16, rue de la Faisanderie F-75782 PARIS Cedex 16 (FR)

(511) 03.

---

(116) **557351**
(822) 23.01.1981 891 757 DT
(176) 10 năm
(540)

Shirt Master

(156) 29.06.1990
(831) 17.01.1991 VN

(732) Quelle Aktiengesellschaft
Nürnberger Strasse 91-95 90762 Fürth
(740) LINDNER BLAUMEIER Patent- und Rechtsanwälte
Dr.-Kurt-Schumacher-Strasse 23 90402 Nürnberg

(511) 25.

---

(116) **557377**
(822) 12.06.1990 1 530 440 ES
(176) 10 năm
(540)

(511) 25.

(156) 15.06.1990

(531) 27.03, 27.05, 27.03.01, 27.03.15, 27.05.01, 27.05.08, 27.05.22
(732) MATMA, S.A.
54-64, calle Sant Lluc, E-08912 BADALONA, Barcelona
(740) Luis-Alfonso DURÁN MOYA
Córsega, 329 (P° de Gracia/Diagonal) E-08037 BARCELONA

---

(116) **557380**
(822) 04.03.1988 1 175 598 ES
(176) 10 năm
(540)

KIDDY'S CLASS TOGGS

(511) 25.

(156) 26.06.1990

(732) INDUSTRIA DE DISEÑO TEXTIL, S.A. (INDITEX, S.A.)
Avda. de la Diputación, "Edificio Inditex", E-15142 Arteixo (A CORUÑA)
(740) CLARKE, MODET Y COMPAÑIA, S.L.
C/ Goya, 11 E-28001 MADRID

---

(116) **557466**
(822) 16.03.1990 1 580 679 FR
(176) 10 năm
(540)

(511) 32,33.

(156) 04.07.1990

(531) 19.07, 29.01, 19.07.01, 25.01.15
(732) G.H. MUMM & Cie, SOCIÉTÉ VINICOLE DE CHAMPAGNE, SUCCESSEUR, Société anonyme
29, rue du Champ de Mars, F-51100 REIMS
(740) PERNOD RICARD EUROPE Direction Juridique Propriété Intellectuelle
2, rue de Solférino F-75007 PARIS

---

(116) **560982**
(822) 11.06.1990 1 536 047 ES
(176) 10 năm
(540)

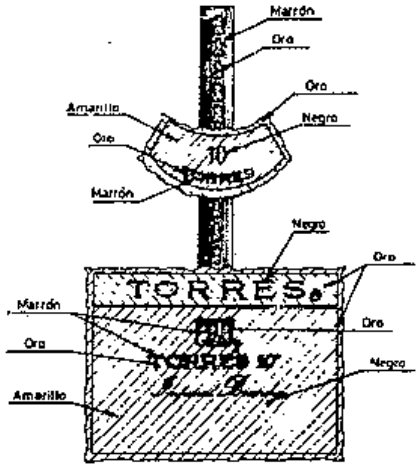

(156) 11.06.1990

(531) 07.01, 24.01, 25.01, 27.05, 29.01, 25.01.15, 29.01.00
(591) nâu, vàng, màu vàng và đen
(732) MIGUEL TORRES, S.A.
Comercio, 22 E-08720 VILAFRANCA DEL PENEDÉS, Barcelona
(740) Dr.Ing. M. Curell Suñol I.I. S.L. (MM. M. Curell Suñol, Mireia Curell A., Marcel.li Curell A., Oscar Pírez)
Passeig de Gràcia, 65bis E-08008 BARCELONA (ES)

(511) 33.

---

(116) **563469**
(822) 30.04.1990 1 158 197 DT
(176) 10 năm
(540)

BRAUN

(156) 09.06.1990

(531) 27.05, 27.05.01
(732) Braun GmbH c/o Wella Aktiengesellschaft
Berliner Allee 65 64274 Darmstadt

(511) 03,07,08,09,11,14,16,20,21,26,35,37.

---

(116) **564489**
(822) 06.06.1990 1 159 750 DT
(176) 10 năm
(540)

ESTA

(156) 25.06.1990

(531) 27.05, 27.05.01
(732) ESTA APPARATEBAU GMBH & Co KG
2-4, Gotenstrasse, 89250 SENDEN-AY
(740) Rechtsanwälte Dr. E. Körner, C. Lichtenstein Janssen & Partner
9, Heidshofstrasse 7000 STUTTGART 1

(511) 07,09,11.

---

(116) **725434**
(822) 10.07.1998 33657 BG
(176) 10 năm
(540)

(511) 03,05.

(156) 10.12.1999
(831) 11.07.2002 VN

(531) 20.05, 26.13, 27.05, 20.05.15, 26.13.25, 27.05.01
(732) DIMITAR HRISTOV BALEV
kv. Vladislavovo, bl. 224, vh. 2, ap. 50 BG-9000 VARNA
(740) Dr. EMIL BENATOV & Dr. SAMUIL BENATOV
Bl. 36B, "Liuliakova gradina" Str. BG-1113 SOFIA

---

(116) **730645**
(822) 12.10.1999 99816722 FR
(176) 10 năm
(540)

VASOTHELIUM

(511) 05.

(156) 24.03.2000

(732) BIOFARMA
22, rue Garnier F-92200 NEUILLY-SUR-SEINE

---

(116) **732275**
(822) 18.02.2000 659946 BX
(176) 10 năm
(540)

EADS

(511) 07,09,12,13,37,38,42.

(156) 22.02.2000

(732) European Aeronautic Defence and Space Company, EADS N.V.
Beechavenue 130-132 NL-1119 PR Schiphol-Rijk
(740) Volker Willems/ EADS DEUTSCHLAND GmbH
Willy-Messerschmitt-Strasse 85521 Ottobrunn

---

(116) **732745**
(822) 24.11.1999 99/825061 FR
(176) 10 năm
(540)

ALTER EGO

(156) 05.04.2000

(732) SCI CHATEAU PALMER
F-33460 CANTENAC MARGAUX
(740) NOVAGRAAF FRANCE
122, rue Edouard Vaillant F-92300 LEVALLOIS PERRET

(511) 33.

---

(116) **733823**
(822) 15.10.1999 659963 BX
(176) 10 năm
(540)

JAIS

(156) 31.03.2000

(732) Morris Profumi S.p.A.
Via Maretto, 13 I-43100 Roncopascolo (PR)
(740) CALVANI, SALVI & VERONELLI SRL
Piazza Luigi di Savoia, 2 I-20124 MILANO

(511) 03,04.

---

(116) **735052**
(822) 05.06.2000 38 208 BG
(176) 10 năm
(540)

FELORAN

(156) 05.06.2000

(732) "Actavis" EAD
"Atanas Dukov" Str. 29 BG-1407 Sofia

(511) 05.

---

(116) **735298**
(822) 03.03.2000 00.21364 MC
(176) 10 năm
(540)

AQUASPORT

(156) 14.06.2000

(732) BIOTHERM S.A.M.
Immeuble Le Neptune, avenue Prince Héréditaire Albert, MC-98 000 MONACO
(740) L'OREAL
62, rue d'Alsace F-92583 CLICHY Cedex

(511) 03.

---

(116) **735372**
(822) 23.03.2000 399 68 600.2/20 DE
(176) 10 năm
(540) hularo

(511) 20,22,42.

(156) 02.05.2000
(831) 08.07.2004 VN

(531) 27.05, 27.05.01
(732) Bobby Dekeyser
Am Waldesrand, 6 21397 Vastorf
(740) Walther Meuschel, Rechtsanwalt
Sendlinger tur Platz 11 80336 München

---

(116) **735496**
(822) 14.01.2000 00/3.001.367 FR
(176) 10 năm
(540)

(511) 30.

(156) 13.06.2000

(531) 02.07, 05.07, 08.01, 27.05, 29.01, 02.07.11, 05.07.02, 08.01.09, 27.05.01, 29.01.01, 29.01.02, 29.01.07
(732) GENERALE BISCUIT
3 rue Saarinen, Bâtiment Saarinen F-94150 RUNGIS
(740) TMARK CONSEILS
31 rue Tronchet F-75008 PARIS

---

(116) **735588**
(822) 21.12.1999 99 830 237 FR
(176) 10 năm
(540) J 12

(511) 14.

(156) 15.06.2000

(732) CHANEL, société par actions simplifiée
135, avenue Charles de Gaulle, F-92200 NEUILLY-SUR-SEINE

---

(116) **735693**
(822) 24.05.2000 473175 CH
(176) 10 năm
(540) SHELFPLUS

(511) 01.

(156) 08.06.2000

(732) Ciba Holding Inc.
Klybeckstrasse 141 CH-4057 Basel

---

(116) **735835**
(822) 22.12.1999 99 830 597 FR
(176) 10 năm
(540)

KENZO

(511) 35,38,42.

(156) 21.06.2000

(732) KENZO
18 rue Vivienne F-75002 PARIS
(740) LVMH Fashion Group, Département Propriété Intellectuelle
2 rue du Pont-Neuf F-75001 Paris

---

(116) **735878**
(822) 13.04.2000 471734 CH
(176) 10 năm
(540)

HELVECO

(511) 14.

(156) 02.05.2000
(831) 30.09.2004 VN

(531) 27.05, 27.05.01
(732) Rabih Aljord
Steubenstr. 33 75172 Pforzheim
(740) INFOSUISSE Information Horlogère et Industrielle
Rue du Grenier 18 CH-2302 La Chaux-de-Fonds

---

(116) **735948**
(822) 30.12.1999 473210 CH
(176) 10 năm
(540)

(511) 30.

(156) 08.06.2000
(831) 07.05.2004 VN

(531) 26.01, 26.04, 27.05, 29.01, 26.01.02, 26.04.02, 26.04.10, 27.05.01, 29.01.01, 29.01.06
(591) Màu đỏ, trắng, xám
(732) Société des Produits Nestlé S.A.
CH-1800 Vevey

---

(116) **735951**
(822) 30.12.1999 473222 CH
(176) 10 năm
(540)

HAVE A BREAK, HAVE A KIT KAT

(511) 30.

(156) 08.06.2000
(831) 09.04.2008 VN

(732) Société des Produits Nestlé S.A.
CH-1800 Vevey
(740) Nestec S.A.
Avenue Nestlé 55 CH-1800 Vevey

---

(116) **736008**
(822) 30.12.1999 99 832624 FR
(176) 10 năm
(540)

KELUAZOL

(156) 20.06.2000

(732) PIERRE FABRE DERMO-COSMETIQUE
45, place Abel Gance, F-92100 BOULOGNE

(740) Pierick Rousseau/ Direction Propriété Intellectuelle PIERRE FABRE DERMO-COSMETIQUE
17, avenue Jean Moulin F-81106 CASTRES Cedex

(511) 03.

---

(116) **736024**
(822) 25.01.2000 00 3003 001 FR
(176) 10 năm
(540)

DIRECTVIEW

(156) 15.05.2000

(732) Carestream Health, Inc.
150 Verona Street Rochester, New York 14608

(740) Kristen M. Walsh, Nixon Peabody LLP
1100 Clinton Square Rochester, New York 14604

(511) 10.

---

(116) **736302**
(822) 10.11.1999 99 822 804 FR
(176) 10 năm
(540)

KENZO KI

(156) 10.05.2000

(732) KENZO S.A
18 rue Vivienne F-75002 PARIS

(740) DANIEL PONSY Direction Juridique/ Département Propriété Intellectuelle
125, Rue du Président Wilson F-92593 LEVALLOIS PERRET

(511) 03,18,25.

---

(116) **736575**
(822) 22.12.1999 473477 CH
(176) 10 năm
(540)

IRONY

(511) 03,14,16,18,25,26.

(156) 20.06.2000

(732) Swatch AG (Swatch SA) (Swatch Ltd.)
Jakob-Stämpfli-Strasse 94 CH-2502 Biel/Bienne

(740) THE SWATCH GROUP SA (THE SWATCH GROUP AG) (THE SWATCH GROUP LTD.)
Faubourg du Lac 6 CH-2502 BIENNE

---

(116) **736769**
(822) 25.01.2000 00 3 003 247 FR
(176) 10 năm
(540)

ALLOWIN

(511) 01,05.

(156) 03.07.2000

(732) DE SANGOSSE société par actions simplifiée
Bonnel F-47480 PONT DU CASSE

(740) CABINET BEAU DE LOMENIE
158 rue de l'Université F-75340 PARIS CEDEX 7

---

(116) **736775**
(822) 21.01.2000 003002598 FR
(176) 10 năm
(540)

MAGISEM

(511) 01,05,.

(156) 03.07.2000

(732) DE SANGOSSE société par actions simplifiée
Bonnel F-47480 PONT DU CASSE

(740) CABINET BEAU DE LOMENIE
158 rue de l'Université F-75340 PARIS CEDEX 7

---

(116) **736782**
(822) 30.12.1999 99 832 193 FR
(176) 10 năm
(540)

Alcatel OmniVista

(511) 09.

(156) 26.06.2000

(732) ALCATEL LUCENT
54 rue La Boétie F-75008 PARIS

(740) Stéphane THIERRY - COMPAGNIE FINANCIERE ALCATEL-LUCENT, Trademark Department
32 avenue kléber F-92700 Colombes

---

(116) **736878**
(822) 25.05.2001 2219527B GB
(176) 10 năm
(540)

GSK

(511) 01,03,05,09,16,21,29,30,32,41,42.

(156) 08.06.2000
(831) 17.10.2008 VN
(732) SmithKline Beecham Limited
980 Great West Road, Brentford, Middlesex TW8 9GS
(740) Joanne B. Green, Trade Mark Department GlaxoSmithKline
980 Great West Road Brentford, Middlesex TW8 9GS

---

(116) **736958**
(822) 09.05.2000 300 19 714.4/03 DE
(176) 10 năm
(540)

NAOMAGIC

(511) 03.

(156) 23.06.2000
(732) Procter & Gamble Manufacturing Cologne GmbH
Wilhelm-Mauser-Straße 40 50827 Köln

---

(116) **736965**
(822) 21.12.1999 99 830 211 FR
(176) 10 năm
(540)

SECONDE PEAU

(511) 03.

(156) 19.06.2000
(732) LANCOME PARFUMS ET BEAUTE & CIE
29, rue du Faubourg Saint-Honoré, F-75008 PARIS
(740) L'OREAL Département International des Marques
63-65 rue Henri Barbusse F-92585 Clichy

---

(116) **736987**
(822) 14.01.2000 00/3 001 365 FR
(176) 10 năm
(540)

(511) 30.

(156) 14.06.2000
(531) 08.01, 11.03, 25.01, 27.05, 29.01, 08.01.09, 11.03.01, 25.01.15, 27.05.01, 29.01.02, 29.01.04, 29.01.07
(732) LU FRANCE
Bâtiment Saarinen, 3, rue Saarinen F-94150 Rungis
(740) TMARK CONSEILS
31 rue Tronchet F-75008 PARIS

---

(116) **737134**
(822) 14.06.2000 818649 IT
(176) 10 năm
(540)

DISTINCTIVE

(511) 12.

(156) 14.06.2000

(732) FIAT GROUP AUTOMOBILES S.P.A.
Corso Giovanni Agnelli, 200 I-10135 TORINO

(740) ING. BARZANO' & ZANARDO MILANO S.p.A.
Corso Vittorio Emanuele II, 61 I-10128 TORINO

---

(116) **737209**
(822) 30.12.1999 99 832 194 FR
(176) 10 năm
(540)

Alcatel OmniTouch

(511) 09.

(156) 26.06.2000

(732) ALCATEL LUCENT
54 rue La Boétie F-75008 PARIS

(740) Stéphane THIERRY - COMPAGNIE FINANCIERE ALCATEL-LUCENT, Trademark Department
32 avenue kléber F-92700 Colombes

---

(116) **737261**
(822) 14.06.2000 818658 IT
(176) 10 năm
(540)

DAYGUM
MICROCLEANER

(511) 30.

(156) 14.06.2000

(732) PERFETTI VAN MELLE S.P.A.
Via XXV Aprile, 7 I-20020 LAINATE

(740) Perani Mezzanotte & Partners s.r.l.
Piazza San Babila 5 I-20122 Milano

---

(116) **737285**
(822) 14.06.2000 818657 IT
(176) 10 năm
(540)

MAGIE DI BIGNE'

(511) 29,30.

(156) 14.06.2000

(732) Barilla G. e R. Fratelli - Società per Azioni
Via Mantova, 166 I-43100 Parma (PR)

(740) PORTA CHECCACCI & ASSOCIATI SPA
Via Trebbia, 20 I-20135 MILANO

---

(116) **737339**
(822) 22.01.1991 1 171 240 DE
(176) 10 năm
(540)

Clausthaler

(511) 32.

(156) 08.06.2000

(732) Radeberger Gruppe Holding GmbH
Darmstädter Landstrasse 185 60598 Frankfurt/Main
(740) MAI Rechtsanwälte
Lutterstr. 14 33617 Bielefeld

---

(116) **737411**
(822) 17.05.2000 399 80 737.3/06 DE
(176) 10 năm
(540)

(511) 06,07,09,19.

(156) 15.06.2000
(831) 05.06.2009 VN

(531) 26.03, 27.05, 29.01, 26.03.23, 27.05.01, 29.01.01, 29.01.02
(591) Vàng, đỏ
(732) PERI GmbH
Rudolf-Diesel-Strasse 89264 Weissenhorn
(740) Kohler Schmid + Partner, Patentanwälte GbR
Ruppmannstrasse 27, 70565 Stuttgart (DE)

---

(116) **737488**
(822) 16.03.2000 187 386 AT
(176) 10 năm
(540)

AIRPORTPHARM

(511) 03,05,29.

(156) 21.06.2000

(732) Vital Nutrition Vertriebs GmbH
4, Köllnerhofgasse A-1010 WIEN
(740) Dr. Andreas A. LINTL Rechtsanwalt
7/11, Lugeck A-1010 WIEN

---

(116) **737504**
(822) 14.06.2000 818652 IT
(176) 10 năm
(540)

(511) 16.

(156) 14.06.2000

(531) 27.05, 27.05.01
(732) UNIVERSAL S.P.A.
Via de Nicola 26, I-10036 SETTIMO TORINESE (TO)
(740) Buzzi, Notaro & Antonielli d'Oulx srl
Via Maria Vittoria, 18 I-10123 Torino

---

(116) **737550**
(822) 26.04.2000 300 20 223.7/34 DE
(176) 10 năm
(540)

(511) 34.

(156) 15.06.2000

(531) 26.01, 27.05, 26.01.01, 27.05.01
(732) Alois Pöschl GmbH & Co KG
Dieselstrasse 1 84144 Geisenhausen

---

(116) **737715**
(822) 22.12.1999 661535 BX
(176) 10 năm
(540)

WILD GEESE

(511) 25,32,33.

(156) 21.06.2000

(732) Lodestar Anstalt
Lova-Center, P.O. Box 1150 FL-9490 Vaduz
(740) Saunders & Dolleymore LLP
9 Rickmansworth Road, Watford Hertfordshire WD18 0JU

---

(116) **737836**
(822) 12.06.1969 121 509 HU
(176) 10 năm
(540)

ONGROVIL

(511) 01.

(156) 22.06.2000

(732) BorsodChem Zrt.
Bólyai tér 1 H-3702 Kazincbarcika
(740) DANUBIA Patent and Trademark Attorneys
Bajcsy-Zsilinszky út 16 H-1051 Budapest

---

(116) **737918**
(822) 09.09.1999 399 37 418.3/05 DE
(176) 10 năm
(540)

ZAXES

(511) 05.

(156) 07.07.2000

(732) Nycomed GmbH
Byk-Gulden-Str. 2 78467 Konstanz

---

(116) **737930**
(822) 10.12.1999 99 828 800 FR
(176) 10 năm
(540)

(511) 32,41,42.

(156) 18.05.2000

(531) 03.01, 24.01, 25.01, 27.07, 29.01, 03.01.01, 24.01.03, 24.01.17, 25.01.05, 25.01.15, 27.07.01, 29.01.01, 29.01.04, 29.01.15
(591) Màu xanh, đỏ, vàng
(732) BRASSERIES KRONENBOURG
68, route d'Oberhausbergen F-67200 STRASBOURG

---

(116) **738016**
(822) 30.10.1997 397 51 791.2/05 DE
(176) 10 năm
(540)

AGGRENOX

(511) 05.

(156) 28.06.2000
(831) 26.09.2000 VN

(732) Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG
55218 Ingelheim

---

(116) **738057**
(822) 12.06.2000 817625 IT
(176) 10 năm
(540)

(511) 20,22,24,25.

(156) 12.06.2000

(531) 27.05, 27.05.01
(732) FISI-FIBRE SINTETICHE S.P.A.
Via Santa Lucia, 1 I-23848 OGGIONO (LC)
(740) DR. PROF. FRANCO CICOGNA
Via Visconti di Modrone, 14/A I-20122 MILANO

---

(116) **738068**
(822) 14.06.2000 818635 IT
(176) 10 năm
(540)

(511) 07,11.

(156) 14.06.2000
(831) 17.08.2004 VN
(531) 26.04, 27.05, 26.04.02, 27.05.01
(732) DWT HOLDING S.P.A.
Via Marco Polo, 14 I-35035 MESTRINO (PD)
(740) Dr. MODIANO & ASSOCIATI S.p.A.
Via Meravigli, 16 I-20123 MILANO

---

(116) **738102**
(822) 15.06.2000 818788 IT
(176) 10 năm
(540)

FOLLOW ME HOME

(511) 11,12.

(156) 15.06.2000
(732) FIAT GROUP AUTOMOBILES S.P.A.
Corso Giovanni Agnelli, 200 I-10135 TORINO
(740) ING. BARZANO' & ZANARDO MILANO S.p.A.
Corso Vittorio Emanuele II, 61 I-10128 TORINO

---

(116) **738210**
(822) 13.06.2000 818530 IT
(176) 10 năm
(540)

TECTOR

(511) 07,12.

(156) 13.06.2000
(732) IVECO S.P.A.
Via Puglia 35, I-10156 TORINO
(740) Buzzi, Notaro & Antonielli d'Oulx
Via Maria Vittoria, 18 I-10123 Torino

---

(116) **738238**
(822) 14.06.2000 818647 IT
(176) 10 năm
(540)

ENERGY POINT BAR & SHOP

(511) 35,37,39,42.

(156) 14.06.2000
(732) ERG S.P.A.
Via Nicola Piccinni, 2 I-20131 MILANO
(740) JACOBACCI & PARTNERS SpA
Corso Regio Parco, 27 I-10152 TORINO

---

(116) **738257**
(822) 16.06.1994 623886 IT
(176) 10 năm
(540)

(511) 11.

(156) 15.06.2000
(831) 19.09.2003 VN

(531) 26.07, 27.05, 26.07.01, 27.05.01
(732) FIR ITALIA S.P.A.
Via G. Keplero, 5 I-20124 Milano
(740) DR. FRANCO CICOGNA
Via Visconti di Modrone, 14/A I-20122 MILANO

---

(116) **738410**
(822) 22.06.2000 819038 IT
(176) 10 năm
(540)

(511) 16,18,25.

(156) 22.06.2000

(531) 26.04, 27.05, 27.07, 29.01, 26.04.02, 26.04.08, 26.04.09, 27.05.01, 27.07.01, 29.01.01, 29.01.06
(591) Trắng, xám và đỏ tía
(732) Super Rifle S.p.A.
Viale G. Matteotti I-50031 BARBERINO DI MUGELLO (FI)
(740) Dr. Ing. Gianfranco MANNUCCI e/o Dr. Luisa BACCARO MANNUCCI e/o Dr. Ing. Michele MANNUCCI, Ufficio Tecnico Ing. A. MANNUCCI
Via della Scala, 4, I-50123 FIRENZE (IT)

---

(116) **738418**
(822) 12.06.2000 817607 IT
(176) 10 năm
(540)

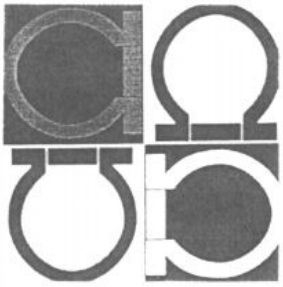

(511) 18,24,25.

(156) 12.06.2000

(531) 25.01, 26.04, 26.07, 25.01.25, 26.04.01, 26.04.09, 26.04.10, 26.07.11
(732) SALVATORE FERRAGAMO ITALIA S.p.A.
Via dei Tornabuoni, 2, I-50123 Firenze
(740) Società Italiana Brevetti S.p.A.
Corso dei Tintori, 25 I-50122 Firenze

---

(116) **738462A**
(822) 12.05.2000 665030 BX
(176) 10 năm
(540)

FERMIPAN

(511) 01,29,30.

(156) 20.06.2000

(732) GBI Holding B.V.
Burgemeestersrand 59 NL-2625 NV Delft
(740) Vereenigde
Postbus 87930 NL-2508 DH La Haye

---

(116) **738466**
(822) 17.04.2000 300 18 443.3/03 DE
(176) 10 năm
(540)

Sil Spray & Wash

(511) 03.

(156) 01.07.2000

(732) Henkel AG & Co. KGaA
Henkelstraße 67 40589 Düsseldorf

---

(116) **738551**
(822) 22.03.2000 11623 LI
(176) 10 năm
(540)

WORLD-CAP

(511) 05,10.

(156) 05.07.2000

(732) Ivoclar Vivadent AG
FL-9494 Schaan

---

(116) **738642**
(822) 25.01.2000 399 39 199.1/12 DE
(176) 10 năm
(540)

California Coach

(511) 12,28,37.

(156) 06.07.2000

(732) Volkswagen Aktiengesellschaft
38436 Wolfsburg

---

(116) **738663**
(822) 21.01.2000 473274 CH
(176) 10 năm
(540)

FIREFLY

(511) 09,14,18,25,28.

(156) 13.06.2000

(732) IIC-INTERSPORT International Corporation GmbH
Wölflistrasse 2 CH-3006 Bern
(740) TRADAMARCA, George W. Humphrey
Av. de la Gare 10, CP 1451 CH-1001 Lausanne

---

(116) **738846**
(822) 10.03.1988 1589726 FR
(176) 10 năm
(540)

CALORSTAT

(511) 07,09,11,12.

(156) 22.06.2000

(732) VERNET
21/27 route d'Arpajon F-91340 OLLAINVILLE
(740) Cabinet LAVOIX LYON
62, rue de Bonnel F-69003 LYON

---

(116) **738855**
(822) 10.03.1988 1589727 FR
(176) 10 năm
(540)

(511) 07,09,11,12.

(156) 22.06.2000

(531) 03.01, 17.05, 25.03, 27.05, 03.01.01, 17.05.01, 25.03.01, 27.05.01
(732) VERNET
21/27 route d'Arpajon F-91340 OLLAINVILLE
(740) Cabinet LAVOIX LYON
62, rue de Bonnel F-69003 LYON

---

(116) **738891**
(822) 19.04.2000 300 20 086.2/05 DE
(176) 10 năm
(540)

ACTICRIT

(511) 05.

(156) 07.07.2000

(732) Hoechst GmbH
Brüningstr. 50 65926 Frankfurt am Main
(740) AVENTIS PHARMA S.A.
20, avenue Raymond Aron F-92160 ANTONY

---

(116) **738971**
(822) 27.01.2000 665020 BX
(176) 10 năm
(540)

(511) 05.

(156) 26.06.2000

(531) 07.01, 25.07, 27.05, 07.01.13, 25.07.01, 27.05.01
(732) Dutch Farm International B.V.
Nieuw Walden 112 NL-1394 PE Nederhorst den Berg
(740) VEREENIGDE
P.O. Box 87930 NL-2508 DH The Hague

(116) **738972**
(822) 02.05.2000 473228 CH
(176) 10 năm
(540)

RELAX

(511) 34.

(156) 08.06.2000

(732) Davidoff & Cie SA
Rue de Rive 2 CH-1200 Genève
(740) Meisser & Partners
Bahnhofstrasse 8 CH-7250 Klosters

---

(116) **739145A**
(822) 16.07.1998 640092 BX
(176) 10 năm
(540)

TRINITY

(511) 16.

(156) 03.07.2000

(732) CARTIER INTERNATIONAL AG
Hinterbergstrasse 22 Postfach 61 CH-6312 Steinhausen

---

(116) **739174**
(822) 25.08.1999 471809 CH
(176) 10 năm
(540)

EDUCATIS

(511) 16,41,42.

(156) 27.06.2000
(831) 06.04.2004 VN

(732) Educatis Stiftung
Herrengasse 12 CH-6460 Altdorf

---

(116) **739245**
(822) 26.04.2000 473659 CH
(176) 10 năm
(540)

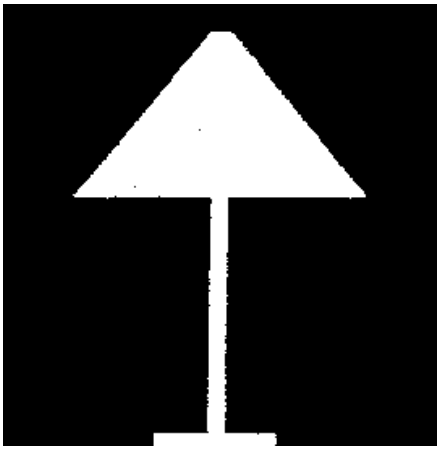

(511) 03,04,08,11,14,16,18,20,21,24,25,26,27,28,34,35.

(156) 26.06.2000

(531) 12.01, 24.15, 26.04, 12.01.01, 24.15.01, 26.04.01, 26.04.11
(732) Giorgio ARMANI S.P.A., Milan, Swiss Branch Mendrisio
Via Penate 4 CH-6850 Mendrisio
(740) STUDIO RAPISARDI S.A.
Via Ariosto 6 CH-6901 Lugano

---

(116) **739267A**
(822) 21.01.2000 664417 BX
(176) 10 năm
(540)

DECLARATION

(511) 14.

(156) 06.07.2000

(732) CARTIER INTERNATIONAL AG
Hinterbergstrasse 22 Postfach 61 CH-6312 Steinhausen

---

(116) **739282**
(822) 26.04.2000 473632 CH
(176) 10 năm
(540)

ARMANI CASA

(511) 03,04,08,11,14,16,18,20,21,24,25,26,27,28,34,35.

(156) 26.06.2000

(732) Giorgio ARMANI S.P.A., Milan, Swiss Branch Mendrisio
Via Penate 4 CH-6850 Mendrisio
(740) STUDIO RAPISARDI S.A.
Via Ariosto 6 CH-6901 Lugano

---

(116) **739286**
(822) 03.01.2000 00 3 000 034 FR
(176) 10 năm
(540)

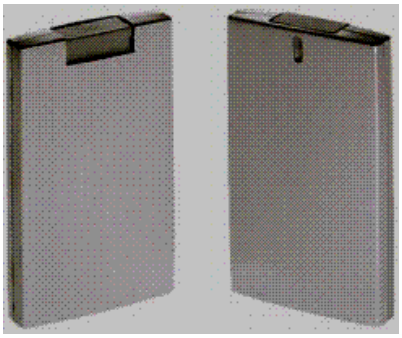

(511) 03,21.

(156) 30.06.2000

(531) 19.03, 29.01, 19.03.03, 29.01.11
(591) Màu xám ánh kim loại
(732) BEAUTE PRESTIGE INTERNATIONAL
28-32, avenue Victor Hugo F-75116 PARIS
(740) CABINET MARC SABATIER
83 avenue Foch F-75116 PARIS (FR)

---

(116) **739354**
(822) 20.06.2000 2.288.488 ES
(176) 10 năm
(540)

merak

(511) 06,09,11,37,42.

(156) 27.06.2000

(531) 14.03, 26.11, 27.05, 14.03.01, 26.11.03, 27.05.01
(732) KNORR-BREMSE AG
Moosacher Str. 80 80809 München
(740) Gundula Mattusch c/o KNORR-BREMSE AG
Moosacher Str. 80 80809 München

---

(116) **739364**
(822) 14.04.2000 473122 CH
(176) 10 năm
(540)

OPTREL

(511) 09,35,42.

(156) 08.06.2000

(732) Optrel AG
Industriestrasse 2, CH-9630 Wattwil
(740) Rottmann, Zimmermann + Partner AG
Glattalstrasse 37 CH-8052 Zürich

---

(116) **739498**
(822) 29.02.2000 473988 CH
(176) 10 năm
(540)

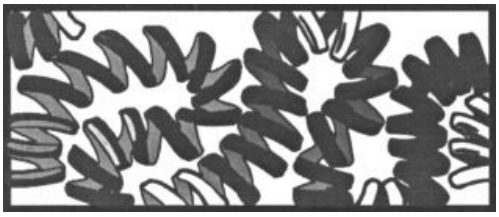

(511) 01,05.

(156) 05.07.2000

(531) 14.01, 26.04, 14.01.01, 26.04.02
(732) HELSINN HEALTHCARE SA
Via Pian Scairolo 9 CH-6912 Lugano
(740) P&TS Marques SA
Rue des Terreaux 7, CP 2848 CH-2001 Neuchâtel

---

(116) **739499**
(822) 29.02.2000 473989 CH
(176) 10 năm
(540)

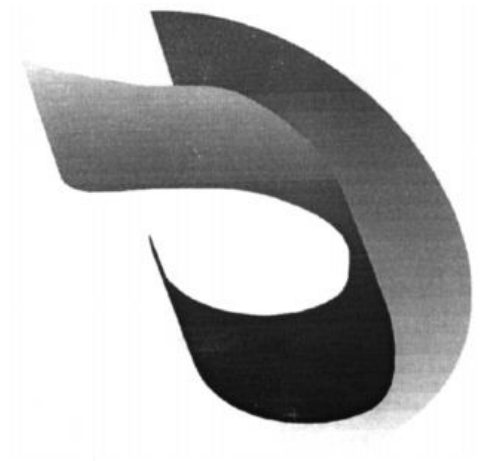

(511) 01,05.

(156) 05.07.2000

(531) 26.11, 26.13, 26.11.02, 26.13.25
(732) HELSINN HEALTHCARE SA
Via Pian Scairolo 9 CH-6912 Lugano
(740) P&TS Marques SA
Rue des Terreaux 7, CP 2848 CH-2001 Neuchâtel

---

(116) **739506**
(822) 26.04.2000 473658 CH
(176) 10 năm
(540) 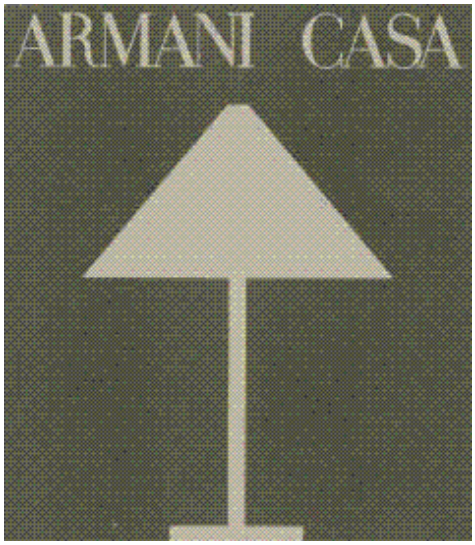

(156) 26.06.2000

(531) 13.01, 24.15, 26.04, 27.05, 29.01, 13.01.06, 24.15.01, 26.04.01, 26.04.11, 27.05.01, 29.01.03, 29.01.06
(591) Màu xanh lá cây già, màu be
(732) Giorgio ARMANI S.P.A., Milan, Swiss Branch Mendrisio
Via Penate 4 CH-6850 Mendrisio
(740) STUDIO RAPISARDI S.A.
Via Ariosto 6, CH-6901 Lugano (CH)

(511) 03,04,08,11,14,16,18,20,21,24,25,26,27,28,34,35.

---

(116) **739582**
(822) 18.05.2000 399 82 319.0/03 DE
(176) 10 năm
(540)

Gabriele Strehle

(156) 23.06.2000

(732) Strenesse AG
Eichendorffplatz 3 86720 Nördlingen
(740) Klaka Rechtsanwälte
Delpstrasse 4 81679 München

(511) 03,09,14,18,21,24,25.

---

(116) **739648**
(822) 16.03.2000 399 81 774.3/07 DE
(176) 10 năm
(540)

HELIX-HYDRO-JET

(156) 22.06.2000

(732) Andreas Pein Medizintechnik GmbH
Wilhelm-Hennemann-Str. 09 D-19061 Schwerin
(740) JAPP, Reinhard Patentanwalt
Buchholzallee 32 19370 Parchim

(511) 07,10.

---

(116) **739670**
(822) 21.06.2000 818953 IT
(176) 10 năm
(540)

(511) 09.

(156) 21.06.2000

(531) 24.17, 26.01, 27.05, 24.17.25, 26.01.02, 27.05.01
(732) BTICINO S.P.A.
Via Messina 38 I-20154 MILANO
(740) Ing. Barzanò & Zanardo Milano S.p.A.
Via Borgonuovo, 10 I-20121 MILANO

---

(116) **739833**
(822) 30.04.1991 550532 CN
(176) 10 năm
(540) 南孚

NANFU

(511) 09.

(156) 07.07.2000

(531) 28.03, 28.03.00
(732) FUJIAN NANPING NANFU BATTERY CO., LTD. (Fujian Nanping Nanfu Dianchi Youxian Gongsi)
#109, Industry Rd., CN-353000 Nanping, Fujian Province
(740) FUJIAN TRADEMARK OFFICE
6/F., Pingdong Building, No. 128 Hualin Rd. CN-350003 Fuzhou, Fujian

---

(116) **740338D**
(822) 25.04.2000 664159 BX
(176) 10 năm
(540)

MOSKOVSKAYA
OSOBAYA RUSSIAN

(511) 32,33,35.

(156) 09.06.2000

(531) 01.05, 24.11, 25.01, 27.05, 28.05, 01.05.02, 24.11.14, 25.01.06, 25.01.15, 27.05.01, 28.05.00
(732) Spirits International B.V.
7, rue Nicolas Bové L-1253 Luxembourg
(740) Spirits International B.V. Geneva Branch
Chemin Louis-Dunant 17 CH-1202 Geneva

(116) **740679**
(822) 29.12.1999 99 832 459 FR
(176) 10 năm
(540)

TeSys

(511) 07,09.

(156) 28.06.2000

(732) SCHNEIDER ELECTRIC INDUSTRIES SAS
35 rue Joseph Monier F-92500 RUEIL-MALMAISON
(740) SCHNEIDER ELECTRIC SA
35 rue Joseph Monier F-92500 RUEIL-MALMAISON

---

(116) **740935**
(822) 24.02.2000 399 77 827.6/38 DE
(176) 10 năm
(540)

DeTeAsia

(511) 09,16,25,28,35,36,37,38,39,41,42.

(156) 09.06.2000

(732) Deutsche Telekom AG
Friedrich-Ebert-Allee 140 53113 Bonn
(740) Hogan Lovells International LLP
Alstertor 21 20095 Hamburg

---

(116) **741001**
(822) 06.07.2000 819929 IT
(176) 10 năm
(540)

(511) 16,39,42.

(156) 06.07.2000

(531) 24.11, 27.05, 29.01, 24.11.18, 27.05.01, 29.01.01, 29.01.08
(591) Màu đỏ, đen
(732) LAST MINUTE TOUR S.P.A.
Corso Tassoni, 19 I-20124 Torino (TO)
(740) STUDIO CIONI & PIPPARELLI
Via Quadronno, 6, I-20122 MILANO (IT)

---

(116) **741331**
(822) 17.04.2000 398 72 858.5/29 DE
(176) 10 năm
(540)

(511) 29,30,31.

(156) 09.06.2000

(531) 25.01, 27.05, 29.01, 25.01.15, 27.05.01, 29.01.01, 29.01.06, 29.01.08
(591) Đỏ, đen, trắng
(732) MIP METRO Group Intellectual Property GmbH & Co. KG
Metro-Strasse 1 40235 Düsseldorf
(740) Harmsen Utescher, Rechtsanwälte, Patentanwälte
Alter Wall 55, 20457 Hamburg (DE)

---

(116) **741690**
(822) 28.09.1994 00631062 IT
(176) 10 năm
(540)

audison

(511) 09.

(156) 16.06.2000

(732) ELETTROMEDIA S.R.L.
SCN, Contrada Marignano I-62018
POTENZA PICENA (MC)
(740) ISEA S.r.l.
Via G. Carducci, 6 I-62012
CIVITANOVA MARCHE (MC)

---

(116) **742229**
(822) 04.07.2000 189 474 AT
(176) 10 năm
(540)

HAI-SOCIETY

(511) 25,32,33.

(156) 04.07.2000

(732) Distribution & Marketing GmbH
Fuschler Strasse 67 A-5303 Thalgau
(740) Schönherr Rechtsanwälte GmbH
Tuchlauben 17 A-1014 Wien

---

(116) **742353**
(822) 10.12.1999 99 828 181 FR
(176) 10 năm
(540)

(511) 05,29,30,31,32.

(156) 23.05.2000

(531) 26.04, 26.11, 27.05, 29.01, 26.04.04, 26.11.01, 27.05.01, 29.01.02, 29.01.03, 29.01.06
(591) Xanh lá cây: màu lục lam 100%, 25% màu đỏ tươi, màu vàng 100%, đen 0%, màu vàng: màu lục lam 0%, 0% màu đỏ tươi, màu vàng 100%, đen 0%
(732) BLEDINA
383 rue Philippe Héron F-69400 Villefranche-sur-Saône
(740) TMARK CONSEILS
31 rue Tronchet , F-75008 PARIS (FR)

---

(116) **742898**
(822) 14.06.2000 818650 IT
(176) 10 năm
(540)

PROGRESSION

(511) 12.

(156) 14.06.2000

(732) FIAT GROUP AUTOMOBILES S.P.A.
Corso Giovanni Agnelli, 200 I-10135 TORINO
(740) ING. BARZANO' & ZANARDO MILANO S.p.A.
Corso Vittorio Emanuele II, 61 I-10128 TORINO

---

(116) **742962**
(822) 26.06.2000 399 74 915.2/29 DE
(176) 10 năm
(540)

(511) 01,29,31,32.

(156) 26.06.2000

(531) 05.03, 27.05, 05.03.11, 27.05.01
(732) Herbstreith & Fox KG, Pektin-Fabriken
Turnstrasse 37 75305 Neuenbürg
(740) Frank Wacker Schön Patentanwälte
Schwarzwaldstraße 1A 75173 Pforzheim

---

(116) **743336**
(822) 16.12.1999 99/829483 FR
(176) 10 năm
(540)

Snecma Moteurs

(156) 15.06.2000

(531) 26.01, 26.07, 27.05, 29.01, 26.01.01, 26.07.09, 27.05.01, 29.01.01, 29.01.04
(591) Màu đồng đỏ, màu xanh
(732) SAFRAN
2 boulevard du Général Martial Valin F-75015 PARIS
(740) DUMAND Bernard, SNECMA, Dpt Propriété Intellectuelle
WRS/DJIM - Etablissement de Villaroche SUD - Rond-Point René RAVAUD-REAU F-77550 MOISSY CRAMAYEL (FR)

(511) 01,06,07,09,11,12,13,17,37,38,40,41,42.

---

(116) **743733**
(822) 23.11.1994 82266 PL
(176) 10 năm
(540)

ALPINUS

(156) 14.06.2000

(732) EUROMARK POLSKA S.A.
ul. Modlinska 244 A PL-03-152 Warszawa
(740) Julita Ucińska
ul. Strzelecka 8/15 PL-97-200 Tomaszów Mazowiecki

(511) 06,08,12,18,20,22,25.

---

(116) **744594**
(822) 10.02.2000 399 80 943.0/25 DE
(176) 10 năm
(540)

(156) 15.06.2000

(531) 27.05, 27.05.01
(732) s.Oliver Bernd Freier GmbH & Co. KG
s.Oliver-Straße 1 97228 Rottendorf
(740) Weber & Sauberschwarz
Königsallee 1 40212 Düsseldorf

(511) 03,06,09,14,18,20,25,26.

---

(116) **744782**
(822) 10.05.2000 300 09 435.3/25 DE
(176) 10 năm
(540)
(511) 03,06,09,14,18,20,25,26.

(156) 15.06.2000

(531) 27.05, 27.05.01
(732) s.Oliver Bernd Freier GmbH & Co. KG
s.Oliver-Straße 1 97228 Rottendorf
(740) Weber & Sauberschwarz
Königsallee 1 40212 Düsseldorf

---

(116) **744902**
(822) 13.06.2000 818536 IT
(176) 10 năm
(540)
(511) 09,16,35,38,41.

(156) 13.06.2000

(531) 27.05, 27.05.01
(732) R.C.S. PERIODICI S.P.A.
Via A. Rizzoli, 2, I-20132 Milano
(740) JACOBACCI & PARTNERS SpA
Via Senato, 8 I-20121 MILANO

---

(116) **745644**
(822) 08.05.2000 300 12 787.1/20 DE
(176) 10 năm
(540) combiLift
(511) 20.

(156) 30.06.2000

(732) SIG Combibloc GmbH & Co. KG
58, Rurstrasse D-52441 Linnich
(740) COHAUSZ & FLORACK, Patent- und Rechtsanwälte
Bleichstraße 14 40211 Düsseldorf

---

(116) **745794**
(822) 02.06.2000 300 02 007.4/03 DE
(176) 10 năm
(540) C:EHKO
(511) 03,42.

(156) 05.07.2000
(831) 11.11.2005 VN

(732) Robert Ewald
Nordstraße 37 98711 Frauenwald
(740) Christoph K. Engel - engel patentanwaltskanzlei
Marktplatz 6 98527 Suhl

PHẦN VI

SỬA ĐỔI, GIA HẠN, ĐÌNH CHỈ, HUỶ BỎ VĂN BẰNG BẢO HỘ

I - SỬA ĐỔI VĂN BẰNG BẢO HỘ

1 - Sửa đổi Bằng độc quyền sáng chế

Quyết định sửa đổi số: 21396/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011
(11) Số Văn bằng: 1-0009004 (24) Ngày cấp: 18.01.2011
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(73) LIXIL CORPORATION (JP)
1-1, Ojima 2-chome, Koto-ku, Tokyo 136-8535, Japan

---

2 - Sửa đổi Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp

Quyết định sửa đổi số: 19330/QĐ-SHTT, ngày: 07.07.2011
(11) Số Văn bằng: 3-0010596 (15) Ngày cấp: 11.06.2007
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(73) LVMH FRAGRANCE BRANDS, a French "Société Anonyme" (FR)
77 Rue Anatole France, 92300 LEVALLOIS PERRET, FRANCE

Quyết định sửa đổi số: 21724/QĐ-SHTT, ngày: 19.07.2011

(11) Số Văn bằng	(15) Ngày cấp
3-0009031	13.02.2006
3-0014962	17.11.2010

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(73) CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG (VN)
69-71-73 đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

---

Quyết định sửa đổi số: 21748/QĐ-SHTT, ngày: 20.07.2011

(11) Số Văn bằng	(15) Ngày cấp
3-0011971	19.06.2008
3-0012181	11.08.2008

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(73) The Nutro Company (US)
1550 W. McEwen Drive, Franklin, Tennessee 37067, United States of America

---

Quyết định sửa đổi số: 22594/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011
(11) Số Văn bằng: 3-0007044 (15) Ngày cấp: 14.03.2003
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(73) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HÒA THÁI (VN)
1132/16 tỉnh lộ 10, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

---

3- Sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu

Quyết định sửa đổi số: 16943/QĐ-SHTT, ngày: 27.06.2011

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0066323	31.08.2005
4-0066325	31.08.2005
4-0066326	31.08.2005
4-0074439	15.08.2006

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) Maruman & Co., Ltd. (JP)
1-15-10, Uchikanda, Chiyoda-ku, Tokyo 101-0047, Japan

Quyết định sửa đổi số: 18556/QĐ-SHTT, ngày: 01.07.2011

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0046136	14.04.2003
4-0051147	04.12.2003
4-0054458	27.05.2004

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH HARRIS FREEMAN VIỆT NAM (VN)

Số 31 VSIP II, đường số 02, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, khu liên hợp công nghiệp - dịch vụ - đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

---

Quyết định sửa đổi số: 18558/QĐ-SHTT, ngày: 01.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0048778 (151) Ngày cấp: 20.06.2003

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ HẢI HOÀNG GIA (VN)

70 Ngô Thì Nhậm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Quyết định sửa đổi số: 18560/QĐ-SHTT, ngày: 01.07.2011

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0074219	08.08.2006
4-0102608	06.06.2008

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN BV PHARMA (VN)

Xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định sửa đổi số: 18561/QĐ-SHTT, ngày: 01.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0041107 (151) Ngày cấp: 15.05.2002

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) KABUSHIKI KAISHA SONY COMPUTER ENTERTAINMENT (ALSO TRADING AS SONY COMPUTER ENTERTAINMENT INC.) (JP)

2-6-21 Minami-Aoyama, Minato-ku, Tokyo, Japan

Quyết định sửa đổi số: 18562/QĐ-SHTT, ngày: 01.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0017123 (151) Ngày cấp: 23.06.1995

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) Tata Global Beverages GB Limited (GB)

Parkview, 82 Oxford Road, Uxbridge, Middlesex UB8 1UX, United Kingdom

---

Quyết định sửa đổi số: 18563/QĐ-SHTT, ngày: 01.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0160727 (151) Ngày cấp: 29.03.2011

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH NHẤT NÔNG (VN)

Số 42, đường số 12, khu dân cư An Dương Vương, phường 16, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 18564/QĐ-SHTT, ngày: 01.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0158925 (151) Ngày cấp: 02.03.2011

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN TID (VN)

Số 4 Liễu Giai, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 18856/QĐ-SHTT, ngày: 04.07.2011

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0060460	23.02.2005
4-0126862	10.06.2009
4-0158581	23.02.2011

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ - XĂNG DẦU DẦU KHÍ THÁI BÌNH (VN)

Phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Quyết định sửa đổi số: 19025/QĐ-SHTT, ngày: 05.07.2011

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0026371	02.02.1998
4-0032510	03.11.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY TNHH DASO (VN)
Xã Thuận Giao, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

Quyết định sửa đổi số: 19026/QĐ-SHTT, ngày: 05.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0042717 (151) Ngày cấp: 12.08.2002
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN PHÚ HÀ (VN)
Số 121 đường 30/4, khu phố 1 - thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

---

Quyết định sửa đổi số: 19128/QĐ-SHTT, ngày: 05.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0045930 (151) Ngày cấp: 02.04.2003
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY TNHH LỘC THÀNH (VN)
ấp 5, xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Quyết định sửa đổi số: 19129/QĐ-SHTT, ngày: 05.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0127116 (151) Ngày cấp: 12.06.2009
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DU LỊCH KIM PHONG (VN)
50/17 Nguyễn Quí Yêm, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 19132/QĐ-SHTT, ngày: 05.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0019084 (151) Ngày cấp: 18.11.1995
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CARREFOUR (FR)
26 Quai Michelet F-92300 LEVALLOIS PERRET, France

Quyết định sửa đổi số: 19133/QĐ-SHTT, ngày: 05.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0044006 (151) Ngày cấp: 14.11.2002
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) MR. JOHN CHARLES GRAY (TH)
124 Soi 1 Yaowaraj Road, Phuket, Thailand

Quyết định sửa đổi số: 19134/QĐ-SHTT, ngày: 05.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0045702 (151) Ngày cấp: 25.03.2003
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT ĐẦU TƯ ĐIỆN TỬ HIỆP HƯNG (VN)
46A Hàng Khoai, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 19138/QĐ-SHTT, ngày: 05.07.2011

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0069143	29.12.2005
4-0072240	23.05.2006
4-0073477	06.07.2006
4-0075081	11.09.2006
4-0082180	18.05.2007
4-0083141	14.06.2007
4-0091721	15.11.2007
4-0093785	26.12.2007
4-0093786	26.12.2007
4-0093787	26.12.2007
4-0093813	26.12.2007
4-0094651	15.01.2008
4-0105152	16.07.2008
4-0147398	08.06.2010
4-0147399	08.06.2010
4-0148300	28.06.2010

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY TNHH BIA VINAKEN (VN)
Cụm công nghiệp Trung Đồng, Đức Thắng, Hiệp Hòa, Bắc Giang

Quyết định sửa đổi số: 19139/QĐ-SHTT, ngày: 05.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0046004 (151) Ngày cấp: 09.04.2003
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) TỔNG CÔNG TY CHÈ VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN (VN)
92 Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 19325/QĐ-SHTT, ngày: 06.07.2011

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0101675	22.05.2008
4-0101676	22.05.2008

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) Scan Global Logistics A/S (DK)
Fuglebaekvej5-9, DK-2770 Kastrup, Denmark

Quyết định sửa đổi số: 19326/QĐ-SHTT, ngày: 06.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0048336 (151) Ngày cấp: 20.06.2003
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) HỘ KINH DOANH PHƯỚC TÀI (VN)
208/21 Bà Hom, phường 13, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định sửa đổi số: 19328/QĐ-SHTT, ngày: 06.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0020991 (151) Ngày cấp: 10.06.1996
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DU LỊCH THANH THANH (VN)
212B Pasteur, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định sửa đổi số: 19329/QĐ-SHTT, ngày: 06.07.2011

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0025535	15.11.1997
4-0027899	10.08.1998

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) Philip Morris (Pakistan) Limited (PK)
Bahria Complex III, 4th Floor, M.T. Khan Road, Karachi-74000, Pakistan

---

Quyết định sửa đổi số: 19557/QĐ-SHTT, ngày: 07.07.2011

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0000115	10.09.1985
4-0004901	11.05.1992
4-0008014	05.04.1993
4-0014434	02.12.1994
4-0017513	09.08.1995
4-0020751	11.05.1996
4-0020753	11.05.1996
4-0025344	24.10.1997
4-0025494	15.11.1997
4-0025496	15.11.1997
4-0025508	15.11.1997
4-0025516	15.11.1997
4-0025595	19.11.1997
4-0025732	27.11.1997
4-0028753	09.11.1998
4-0030155	15.03.1999
4-0031016	18.05.1999
4-0032059	10.09.1999
4-0047357	11.06.2003
4-0047739	18.06.2003
4-0047740	18.06.2003
4-0047741	18.06.2003
4-0047742	18.06.2003
4-0049997	20.06.2003
4-0068895	20.12.2005
4-0073339	29.06.2006
4-0078136	03.01.2007
4-0085496	06.08.2007
4-0085614	07.08.2007
4-0091933	20.11.2007
4-0097649	14.03.2008
4-0100842	12.05.2008
4-0154557	15.11.2010

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) Imperial Chemical Industries Ltd. (GB)
26th Floor, Portland House, Bressenden Place, London SW1E 5BG, United Kingdom

---

Quyết định sửa đổi số: 19898/QĐ-SHTT, ngày: 08.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0046561 (151) Ngày cấp: 06.05.2003
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CƠ SỞ KIM HẰNG (VN)
348D1 khu phố Mỹ Tân, phường 7, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

---

Quyết định sửa đổi số: 19900/QĐ-SHTT, ngày: 08.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0099915 (151) Ngày cấp: 21.04.2008
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) HỘ KINH DOANH CỬA HÀNG HOÀNG SƠN (VN)
Số 93B đường Phạm Hùng, phường 9, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

---

Quyết định sửa đổi số: 19901/QĐ-SHTT, ngày: 08.07.2011

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0044349	05.12.2002
4-0044647	26.12.2002
4-0045209	17.02.2003
4-0045696	25.03.2003
4-0045786	28.03.2003
4-0045787	28.03.2003

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ (MEBIPHAR) (VN)
31 Ngô Thời Nhiệm, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định sửa đổi số: 19903/QĐ-SHTT, ngày: 08.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0130234 (151) Ngày cấp: 23.07.2009
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU NGUỒN SỐNG VIỆT (VN)
237 đường số 9A, khu dân cư Trung Sơn, ấp 4, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 19904/QĐ-SHTT, ngày: 08.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0045929 (151) Ngày cấp: 02.04.2003
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1 (VN)
108 Cao Thắng, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định sửa đổi số: 19906/QĐ-SHTT, ngày: 08.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0045522 (151) Ngày cấp: 14.03.2003
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ TOÀN HÓA (VN)
62/6 Bàu Cát, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 19908/QĐ-SHTT, ngày: 08.07.2011

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0001023	30.11.1988
4-0013452	27.09.1994

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) UD TRUCKS CORPORATION (JP)
No. 1, 1-chome, Oaza, Ageo-shi, Saitama-ken, Japan

Quyết định sửa đổi số: 19909/QĐ-SHTT, ngày: 08.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0163008 (151) Ngày cấp: 05.05.2011
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VIỆT PHÁP (VN)
Lô A44 cụm công nghiệp Diên Phú, xã Diên Phú, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hoà

Quyết định sửa đổi số: 19910/QĐ-SHTT, ngày: 08.07.2011

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0100238	25.04.2008
4-0100239	25.04.2008

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) Tine SA (NO)
Dronning Eufemias gate 6, 0191 Oslo, Norway

Quyết định sửa đổi số: 19911/QĐ-SHTT, ngày: 08.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0046336 (151) Ngày cấp: 24.04.2003
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN Ô TÔ SAO AN LẠC (VN)
84A-86 đường Vành Đai Trong, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 19913/QĐ-SHTT, ngày: 08.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0154722 (151) Ngày cấp: 17.11.2010
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỊCH VỤ BẢO VỆ HOÀNG PHI HỔ (VN)
68 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 19915/QĐ-SHTT, ngày: 11.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0009820 (151) Ngày cấp: 06.12.1993
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) Pan Pacific Hotels Group Limited (SG)
101 Thomson Road #33-00, United Square S'pore 307591

Quyết định sửa đổi số: 19916/QĐ-SHTT, ngày: 11.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0044169 (151) Ngày cấp: 25.11.2002
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) Guangdong Vatti Economy & Trade Develop Co., Ltd. (CN)
No.68 Nanti Street, Xiaolan, Zhongshan, Guangdong, P.R.China

Quyết định sửa đổi số: 20338/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0046612 (151) Ngày cấp: 12.05.2003
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) Heatcraft Refrigeration Asia Pte Ltd. (SG)
10 Toh Guan Road, #02-05, TT International Tradepark, Singapore 608838

Quyết định sửa đổi số: 20411/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0160944 (151) Ngày cấp: 31.03.2011
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG NIÊN (VN)
63 đường 24A, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 20414/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0091187 (151) Ngày cấp: 07.11.2007
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỊA ỐC VIỄN ĐÔNG (VN)
Tầng 6, tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 20444/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0150671 (151) Ngày cấp: 04.08.2010
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN VÀ DỊCH VỤ VINCHARM (VN)
Tầng 6, tháp C, toà nhà Vincom Center Hà Nội, 114 Mai Hắc Đế, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 20458/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0008984	21.08.1993
4-0008985	21.08.1993
4-0008986	21.08.1993

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CALPIS CO., LTD. (JP)
4-1, Ebisu-minami 2-chome, Shibuya-ku, Tokyo, Japan

Quyết định sửa đổi số: 20459/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0135091 (151) Ngày cấp: 15.10.2009
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY CỔ PHẦN NGUỒN QUÝ (VN)
199 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 20460/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0047095 (151) Ngày cấp: 30.05.2003
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY TNHH SONG NGƯ (VN)
70-72 Sương Nguyệt ánh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 20462/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0057945 (151) Ngày cấp: 18.10.2004
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT ÁNH BÌNH (VN)
24 Phan Thúc Duyện, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 20464/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0046329 (151) Ngày cấp: 24.04.2003
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CƠ SỞ NƯỚC CHẤM Y PHỤNG (VN)
237A Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

---

Quyết định sửa đổi số: 20466/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0062861 (151) Ngày cấp: 19.05.2005
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DẦU KHÍ AN PHA - TÂY NGUYÊN (VN)
Thôn 8, xã Hoà Phú, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk

Quyết định sửa đổi số: 20467/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0054380	20.05.2004
4-0145657	29.04.2010
4-0145658	29.04.2010
4-0145659	29.04.2010
4-0147396	08.06.2010

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI KIM LONG (VN)
Số nhà 120, phố Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 20489/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0043262 (151) Ngày cấp: 18.09.2002

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) Wyeth LLC (US)
Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940-0874, U.S.A

Quyết định sửa đổi số: 20491/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0035701 (151) Ngày cấp: 14.12.2000

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU SÁCH BÁO VIỆT NAM - XUNHASABA (VN)
32 Hai Bà Trưng, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 20492/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0110484	06.10.2008
4-0110485	06.10.2008

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) SF (IP) Limited (HK)
8th Floor, CNT Commercial Building, 302 Queen's Road Central, Hong Kong

---

Quyết định sửa đổi số: 20493/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0045264	21.02.2003
4-0045265	21.02.2003

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY TNHH BẢO VỆ THỰC VẬT AN HƯNG PHÁT (VN)
374 Hồng Bàng, phường 16, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định sửa đổi số: 20495/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0045399 (151) Ngày cấp: 03.03.2003
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) DNTN NHÀ HÀNG DI BỬU (VN)
1 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 20497/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0077216 (151) Ngày cấp: 22.11.2006
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÍCH CHÂU (VN)
792 Sư Vạn Hạnh (nối dài), phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 20498/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0043809	28.10.2002
4-0044173	26.11.2002
4-0045210	17.02.2003
4-0046427	29.04.2003
4-0048288	20.06.2003
4-0048542	20.06.2003
4-0049510	20.06.2003
4-0050023	22.10.2003
4-0050114	23.10.2003
4-0050130	23.10.2003
4-0065575	09.08.2005
4-0069322	06.01.2006

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY TNHH ENCO (VN)
70G Nguyên Hồng, phường 1, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 20691/QĐ-SHTT, ngày: 15.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0080906 (151) Ngày cấp: 11.04.2007
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN VIỆT (VN)
Số 12-14 Trần Phú, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

---

Quyết định sửa đổi số: 21102/QĐ-SHTT, ngày: 15.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0042079 (151) Ngày cấp: 12.07.2002
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY CỔ PHẦN UNIVERSAL PETROLEUM VIỆT NAM (VN)
Lô N, đường 26, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

---

Quyết định sửa đổi số: 21123/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0049687 (151) Ngày cấp: 20.06.2003
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY TNHH VIỆT NHẬT MOTOR (VN)
P101 tập thể công ty tư vấn công trình thuỷ I, xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 21126/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0131173	10.08.2009
4-0131174	10.08.2009
4-0131175	10.08.2009
4-0137764	25.11.2009
4-0141679	29.01.2010
4-0141854	02.02.2010

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY CỔ PHẦN ANVY (VN)
Thôn Bá Khê, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên

Quyết định sửa đổi số: 21127/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0126563	05.06.2009
4-0135593	22.10.2009

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) PHARMIX CORPORATION (KR)
1304, Garak ID Tower, 99-7, Garak-dong, Songpa-gu, Seoul, Korea

---

Quyết định sửa đổi số: 21128/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0129344 (151) Ngày cấp: 13.07.2009
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NƯỚC ĐẠI VIỆT (VN)
611/57 Điện Biên Phủ, phường 01, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 21129/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0116142	15.12.2008
4-0116143	15.12.2008
4-0116144	15.12.2008
4-0116145	15.12.2008
4-0117180	31.12.2008
4-0117381	06.01.2009
4-0118650	04.02.2009

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) The Nutro Company (US)
1550 W. McEwen Drive, Franklin, Tennessee 37067, United States of America

---

Quyết định sửa đổi số: 21261/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0042919 (151) Ngày cấp: 19.08.2002

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM (VN)

25A Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Quyết định sửa đổi số: 21284/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0049028 (151) Ngày cấp: 20.06.2003

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI VĂN LANG (VN)

Số 19 ngõ 79 Lý Nam Đế, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 21340/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0050002 (151) Ngày cấp: 20.06.2003

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ THÁI TÍN ĐỨC (VN)

229A Tùng Thiện Vương, phường 11, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 21385/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0101107	14.05.2008
4-0115631	08.12.2008
4-0115632	08.12.2008

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯETV VIỆT NAM (VN)

Nhà B6, ngõ 23, phố Đỗ Quang, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 21390/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0046269	22.04.2003
4-0048051	19.06.2003
4-0057003	08.09.2004
4-0057004	08.09.2004
4-0057005	08.09.2004
4-0109410	18.09.2008
4-0121425	20.03.2009
4-0121426	20.03.2009
4-0121427	20.03.2009

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY TẬP LỆ HOA (VN)

152A Hồ Học Lãm, khu phố 2, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 21392/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0044567 (151) Ngày cấp: 20.12.2002

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) ZALMAN TECH CO., LTD. (KR)

#1007 Daeryung Techno Town III 448 Gasan-dong, Gumchun-gu, Seoul, Republic of Korea

---

Quyết định sửa đổi số: 21395/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0129222 (151) Ngày cấp: 10.07.2009

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU QUỐC TẾ SARA (VN)

274 Trưng Nữ Vương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Quyết định sửa đổi số: 21398/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0060278	17.02.2005
4-0063149	30.05.2005

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI Á ĐÔNG (VN)
37 Hàng Chiếu, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 21659/QĐ-SHTT, ngày: 19.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0084672 (151) Ngày cấp: 20.07.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG U&I (VN)
Tòa nhà U&I, số 9 Ngô Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

---

Quyết định sửa đổi số: 21720/QĐ-SHTT, ngày: 19.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0046454 (151) Ngày cấp: 02.05.2003

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI TÂN ANH THỂ (VN)
Lô 6 đường 4, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 21722/QĐ-SHTT, ngày: 19.07.2011

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0079103	02.02.2007
4-0091698	14.11.2007
4-0101637	22.05.2008
4-0103459	20.06.2008
4-0115090	02.12.2008
4-0130071	22.07.2009
4-0132957	09.09.2009
4-0140259	07.01.2010
4-0147152	01.06.2010
4-0148990	07.07.2010
4-0161426	07.04.2011
4-0161427	07.04.2011

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN QUỐC TẾ TÂN ĐẠT DƯƠNG (VN)
89/975 Q1 Lê Đức Thọ, phường 6, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 21723/QĐ-SHTT, ngày: 19.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0060000 (151) Ngày cấp: 24.01.2005
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG (VN)
69-71-73 đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

---

Quyết định sửa đổi số: 21750/QĐ-SHTT, ngày: 20.07.2011

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0085499	06.08.2007
4-0085517	06.08.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) LaCrosse Footwear, Inc. (US)
17634 NE Airport Way Portland, Oregon 97230 United States of America

---

Quyết định sửa đổi số: 21751/QĐ-SHTT, ngày: 20.07.2011

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0056553	23.08.2004
4-0123455	21.04.2009

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIM ANH (VN)
Số 592 quốc lộ 1, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

---

Quyết định sửa đổi số: 21752/QĐ-SHTT, ngày: 20.07.2011

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0035607	06.12.2000
4-0053688	08.04.2004
4-0055343	05.07.2004
4-0055344	05.07.2004
4-0055670	15.07.2004
4-0056532	20.08.2004
4-0056781	01.09.2004
4-0057056	09.09.2004
4-0061444	31.03.2005
4-0061502	01.04.2005
4-0064380	04.07.2005
4-0066295	30.08.2005
4-0068549	05.12.2005
4-0069627	18.01.2006
4-0069628	18.01.2006
4-0070945	28.03.2006
4-0071625	27.04.2006
4-0080239	20.03.2007
4-0086423	17.08.2007
4-0088099	10.09.2007
4-0090751	25.10.2007
4-0092072	26.11.2007
4-0094501	14.01.2008
4-0096747	28.02.2008
4-0102609	06.06.2008
4-0102610	06.06.2008
4-0103477	20.06.2008
4-0109770	24.09.2008
4-0109771	24.09.2008
4-0118105	19.01.2009
4-0118419	22.01.2009

4-0133341	18.09.2009
4-0138484	07.12.2009
4-0140713	15.01.2010
4-0144507	08.04.2010
4-0148450	30.06.2010
4-0148451	30.06.2010
4-0151892	14.09.2010
4-0159831	15.03.2011
4-0160085	18.03.2011
4-0160086	18.03.2011

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MA SAN (VN)

Tầng 12, toà nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 21753/QĐ-SHTT, ngày: 20.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0160503 (151) Ngày cấp: 25.03.2011

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MA SAN (VN)

Tầng 12, tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 21754/QĐ-SHTT, ngày: 20.07.2011

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0004144	25.01.1992
4-0004152	25.01.1992

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) GULF INTERNATIONAL LUBRICANTS, LTD. (BM)

Canon's Court, 22 Victoria Street Hamilton, Bermuda HM 12

Quyết định sửa đổi số: 21756/QĐ-SHTT, ngày: 20.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0152034 (151) Ngày cấp: 17.09.2010
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) Eastman Specialties Holdings Corporation (US)
200 South Wilcox Drive, Kingsport, Tennessee 37660, United States of America

---

Quyết định sửa đổi số: 21757/QĐ-SHTT, ngày: 20.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0108285 (151) Ngày cấp: 28.08.2008
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU MINH ANH (VN)
349/21 Tân Sơn Nhì, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 21758/QĐ-SHTT, ngày: 20.07.2011

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0164132	23.05.2011
4-0164133	23.05.2011
4-0164226	24.05.2011

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MA SAN (VN)
Tầng 12, tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 21759/QĐ-SHTT, ngày: 20.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0109182 (151) Ngày cấp: 16.09.2008
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) Kunming Fangda-Chunying Plate Spring Co., Ltd. (CN)
No.200, Puji Road, Wuhua District, Kunming City, Yunnan Province, China

---

Quyết định sửa đổi số: 22593/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0016282 (151) Ngày cấp: 06.04.1995
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HOÀ THÁI (VN)
1132/16 tỉnh lộ 10, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 22615/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0154597 (151) Ngày cấp: 15.11.2010

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÂM HOÀN CHÂU (VN)

27A Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 22616/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0003545 (151) Ngày cấp: 21.10.1991

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) FULLMARK PRIVATE LIMITED (SG)

10 Soon Lee Road, Fullmark Industrial Building, Jurong Town, Singapore 628074

Quyết định sửa đổi số: 22618/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0043244	18.09.2002
4-0043245	30.08.2002

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) Kracie Home Products, Ltd. (JP)

20-20, Kaigan 3-chome, Minato-ku, Tokyo, Japan

Quyết định sửa đổi số: 22620/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0077055 (151) Ngày cấp: 20.11.2006

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH TƯVẤN VÀ ĐÀO TẠO NETPRO (VN)

Số 38, phố Nguyên Hồng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 22621/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0049445	20.06.2003
4-0049446	20.06.2003

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU ĐẠI DƯƠNG V.N (VN)

92 khu phố 1, Hồ Học Lãm, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 22622/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0138089 (151) Ngày cấp: 01.12.2009

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG (VN)

45 Ngô Gia Tự, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Quyết định sửa đổi số: 22623/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0047909 (151) Ngày cấp: 19.06.2003

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH GIAI PHÁT (VN)

TK21/17 Nguyễn Cảnh Chân, phường Cầu Kho, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 22625/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0046804	20.05.2003
4-0049884	20.06.2003

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LIÊN HIỆP (VN)

Lô số 2-4 đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 22627/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0079749 (151) Ngày cấp: 02.03.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN SMILEVIET (VN)

P2306, tòa nhà 34T, khu đô thị mới Trung Hòa Nhân Chính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 22628/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0147411 (151) Ngày cấp: 08.06.2010

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯVÀ TƯVẤN DU LỊCH Á CHÂU (VN)

Số 36, đường 2, khu tập thể F361 An Dương, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 22629/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0115335 (151) Ngày cấp: 03.12.2008

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THIÊN MINH (VN)

Số 9B Hàng Muối, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 22630/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0004869	05.05.1992
4-0004870	05.05.1992
4-0009213	22.09.1993

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CATHAY PACIFIC AIRWAYS LIMITED (HK)

8/F, North Tower, Cathay Pacific City, 8 Scenic Road, Hong Kong International Airport, Lantau, Hong Kong

---

Quyết định sửa đổi số: 22632/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0093302 (151) Ngày cấp: 18.12.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG THỊNH (VN)
50 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Hải Đình, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

---

Quyết định sửa đổi số: 22633/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0056981 (151) Ngày cấp: 08.09.2004

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY HỮU HẠN ỐC VÍT LÂM VIỄN (LAM VIEN BOLT & SCREW CO., LTD) (VN)
Khu công nghiệp Hố Nai, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Quyết định sửa đổi số: 22634/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0076094 (151) Ngày cấp: 13.10.2006

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) MIRACA HOLDINGS INC. (JP)
62-5, Nihonbashi Hamacho 2-chome, Chuo-ku, Tokyo, Japan

II - GIA HẠN HIỆU LỰC VĂN BẰNG BẢO HỘ

1 - Gia hạn Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp

Quyết định gia hạn số: 17544/QĐ-SHTT, ngày: 29.06.2011

(11) Số Văn bằng	(18) Gia hạn đến ngày
3-0010895	01.11.2016
3-0010898	25.12.2016
3-0012881	09.02.2017

(73) Chủ Văn bằng:
TRẦN PHƯỚC AN (VN)
550/7 Lê Hồng Phong, phường 10, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định gia hạn số: 17545/QĐ-SHTT, ngày: 29.06.2011

(11) Số Văn bằng: 3-0010699 (18) Gia hạn đến ngày: 13.09.2016
(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NHỰA DUY TÂN (VN)
298 Hồ Học Lãm, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định gia hạn số: 19312/QĐ-SHTT, ngày: 06.07.2011

(11) Số Văn bằng: 3-0010572 (18) Gia hạn đến ngày: 29.08.2016
(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC HẢI DƯƠNG (VN)
Số 27 phố Minh Khai, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

---

Quyết định gia hạn số: 19315/QĐ-SHTT, ngày: 06.07.2011

(11) Số Văn bằng: 3-0010544 (18) Gia hạn đến ngày: 17.07.2016
(73) Chủ Văn bằng:
Kwang Yang Motor Co., Ltd. (TW)
No.35, Wan - Hsing St., Sanmin Dist., Kaohsiung City, Taiwan

Quyết định gia hạn số: 19316/QĐ-SHTT, ngày: 06.07.2011

(11) Số Văn bằng: 3-0011431 (18) Gia hạn đến ngày: 09.04.2017
(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÍN HÀO (VN)
49 đường số 2, cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định gia hạn số: 19331/QĐ-SHTT, ngày: 07.07.2011

(11) Số Văn bằng: 3-0010596 (18) Gia hạn đến ngày: 10.07.2016
(73) Chủ Văn bằng:
LVMH FRAGRANCE BRANDS, a French "Société Anonyme" (FR)
77 Rue Anatole France, 92300 LEVALLOIS PERRET, FRANCE

Quyết định gia hạn số: 19332/QĐ-SHTT, ngày: 07.07.2011

(11) Số Văn bằng: 3-0011960 (18) Gia hạn đến ngày: 30.05.2017
(73) Chủ Văn bằng:
VÕ THỊ BÉ NĂM (VN)
72 khu phố 6, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

Quyết định gia hạn số: 19333/QĐ-SHTT, ngày: 07.07.2011

(11) Số Văn bằng	(18) Gia hạn đến ngày
3-0011041	14.12.2016
3-0011042	14.12.2016
3-0011043	14.12.2016
3-0011044	14.12.2016
3-0011045	15.12.2016

(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI ĐÀO TRUNG HƯNG (VN)
259 Võ Văn Tần, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định gia hạn số: 19334/QĐ-SHTT, ngày: 07.07.2011

(11) Số Văn bằng	(18) Gia hạn đến ngày
3-0011007	20.06.2016
3-0011008	20.06.2016

(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SÀI GÒN - KYMDAN (VN)
28 Bình Thới, phường 14, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định gia hạn số: 19335/QĐ-SHTT, ngày: 07.07.2011

(11) Số Văn bằng: 3-0010415 (18) Gia hạn đến ngày: 23.06.2016
(73) Chủ Văn bằng:
Bose Corporation (US)
The Mountain, Framingham, Massachusetts 01701-9168, United States of America

---

Quyết định gia hạn số: 20235/QĐ-SHTT, ngày: 12.07.2011

(11) Số Văn bằng	(18) Gia hạn đến ngày
3-0010436	29.06.2016
3-0010437	29.06.2016
3-0010800	29.06.2016
3-0010801	29.06.2016

(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG (VN)
Lô 6-8-10-12, đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định gia hạn số: 20520/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011

(11) Số Văn bằng: 3-0011271 (18) Gia hạn đến ngày: 26.07.2016
(73) Chủ Văn bằng:
DACSEV, Hriszto Atanaszov (HU)
Telepes u. 64/A, H-1147 Budapest, Hungary

Quyết định gia hạn số: 21387/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(11) Số Văn bằng	(18) Gia hạn đến ngày
3-0011081	03.11.2016
3-0011148	03.11.2016
3-0011476	23.10.2016

(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH CHẾ TẠO MÁY DƯỢC PHẨM TIẾN TUẤN (VN)
Lô IV - 19 (Khu công nghiệp Tân Bình) Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định gia hạn số: 21388/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(11) Số Văn bằng	(18) Gia hạn đến ngày
3-0010718	20.10.2016
3-0010719	20.10.2016
3-0010720	20.10.2016
3-0010721	20.10.2016
3-0010722	20.10.2016
3-0010723	20.10.2016
3-0010724	20.10.2016

(73) Chủ Văn bằng:
LA Bicycle (Thailand) Co., Ltd. (TH)
58 Moo 2, Tambol Oam-Yai, Amphur Sampran, Nakornpathom Province 73160, Thailand

---

Quyết định gia hạn số: 21399/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(11) Số Văn bằng	(18) Gia hạn đến ngày
3-0011039	28.08.2016
3-0011040	28.08.2016

(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI LONG THUỶ A.L.T.COM (VN)
Số 2 phố Hàng Giầy, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Quyết định gia hạn số: 21400/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(11) Số Văn bằng: 3-0006869 (18) Gia hạn đến ngày: 02.03.2016
(73) Chủ Văn bằng:
HÀNG QUẢY (VN)
165/79 Trần Phú, phường 4, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định gia hạn số: 21749/QĐ-SHTT, ngày: 20.07.2011

(11) Số Văn bằng: 3-0012181 (18) Gia hạn đến ngày: 21.12.2016
(73) Chủ Văn bằng:
The Nutro Company (US)
1550 W. McEwen Drive, Franklin, Tennessee 37067, United States of America

---

Quyết định gia hạn số: 22595/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011

(11) Số Văn bằng: 3-0007044 (18) Gia hạn đến ngày: 22.11.2016
(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HÒA THÁI (VN)
1132/16 tỉnh lộ 10, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định gia hạn số: 22639/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011

(11) Số Văn bằng: 3-0010639 (18) Gia hạn đến ngày: 10.07.2016
(73) Chủ Văn bằng:
Bajaj Auto Limited (IN)
Akurdi, Pune 411 035, Maharashtra, India

Quyết định gia hạn số: 22640/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011

(11) Số Văn bằng: 3-0010668 (18) Gia hạn đến ngày: 17.08.2016
(73) Chủ Văn bằng:
HISAMITSU PHARMACEUTICAL CO., INC. (JP)
408, Tashirodaikan-machi, Tosu-shi, Saga 841-0017 Japan

Quyết định gia hạn số: 22641/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011

(11) Số Văn bằng	(18) Gia hạn đến ngày
3-0010627	07.08.2016
3-0010628	07.08.2016
3-0010629	07.08.2016
3-0010630	07.08.2016

(73) Chủ Văn bằng:
Honda Motor Co., Ltd. (JP)
1-1, Minami-Aoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo, Japan

Quyết định gia hạn số: 22663/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011

(11) Số Văn bằng: 3-0010727 (18) Gia hạn đến ngày: 18.07.2016
(73) Chủ Văn bằng:
Koninklijke Philips Electronics N.V. (NL)
Groenewoudseweg 1, 5621 BA Eindhoven, The Netherlands

Quyết định gia hạn số: 22664/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011

(11) Số Văn bằng	(18) Gia hạn đến ngày
3-0010553	24.07.2016
3-0010945	24.07.2016
3-0011134	24.07.2016
3-0011139	24.07.2016
3-0011140	24.07.2016
3-0012059	24.07.2016

(73) Chủ Văn bằng:
Yamaha Hatsudoki Kabushiki Kaisha (JP)
2500 Shingai, Iwata-shi, Shizuoka-ken, Japan

Quyết định gia hạn số: 22665/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011

(11) Số Văn bằng	(18) Gia hạn đến ngày
3-0007186	20.07.2016
3-0007187	20.07.2016
3-0010506	20.07.2016

(73) Chủ Văn bằng:
UNILEVER N.V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam The Netherlands

Quyết định gia hạn số: 22666/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011

(11) Số Văn bằng: 3-0010594 (18) Gia hạn đến ngày: 12.07.2016
(73) Chủ Văn bằng:
CROCS, INC. (US)
6328 Monarch Park Place, Niwot, Colorado 80503, United States of America

---

Quyết định gia hạn số: 22667/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011

(11) Số Văn bằng: 3-0011032 (18) Gia hạn đến ngày: 12.07.2016
(73) Chủ Văn bằng:
CROCS, INC. (US)
6328 Monarch Park Place, Niwot, Colorado 80503, United States of America

---

Quyết định gia hạn số: 22668/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011

(11) Số Văn bằng	(18) Gia hạn đến ngày
3-0010872	04.07.2016
3-0010873	04.07.2016
3-0010886	04.07.2016
3-0010887	04.07.2016

(73) Chủ Văn bằng:
Electrolux Home Products Corporation N.V. (BE)
Belgicastraat 17, B-1930 Zaventem, Belgium

2- Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu

Quyết định gia hạn số: 17279/QĐ-SHTT, ngày: 27.06.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0042302 (186) Gia hạn đến ngày: 25.06.2021
(732) Chủ Văn bằng:
MR. PAIROJE KULMONGKOLRAT (TH)
103 Moo2, Teparak Rd. Tumbol. Bangsaothong King-Amphur Bangsaothong, Samutr-Prakarn 10540, Thailand
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 11

Quyết định gia hạn số: 17546/QĐ-SHTT, ngày: 29.06.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0045336 (186) Gia hạn đến ngày: 30.01.2022
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI LONG QUANG (VN)
68 Kim Ngưu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 07

Quyết định gia hạn số: 17547/QĐ-SHTT, ngày: 29.06.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0003196 (186) Gia hạn đến ngày: 30.05.2021
(732) Chủ Văn bằng:
SLAZENGERS LIMITED (GB)
Unit A, Brook Park East, Shirebrook, Nottingham NG20 8RY United Kingdom
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 18, 25, 28

Quyết định gia hạn số: 17548/QĐ-SHTT, ngày: 29.06.2011

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0044007	15.08.2021	06
4-0044008	15.08.2021	06

(732) Chủ Văn bằng:
BLUESCOPE STEEL LIMITED (AU)
Level 11, 120 Collins Street, Melbourne, Victoria, Australia

Quyết định gia hạn số: 17549/QĐ-SHTT, ngày: 29.06.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0043279 (186) Gia hạn đến ngày: 06.07.2021
(732) Chủ Văn bằng:
PPG INDUSTRIES OHIO, INC (US)
3800 West 143rd Street, Cleveland, State of Ohio 44111, United States of America.
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 02

Quyết định gia hạn số: 17550/QĐ-SHTT, ngày: 29.06.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0044090 (186) Gia hạn đến ngày: 31.10.2021
(732) Chủ Văn bằng:
BLUESCOPE STEEL LIMITED (AU)
Level 11, 120 Collins Street, Melbourne, Victoria, Australia
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 06, 09

Quyết định gia hạn số: 17551/QĐ-SHTT, ngày: 29.06.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0043202 (186) Gia hạn đến ngày: 11.07.2021
(732) Chủ Văn bằng:
BAYSTATE CO., LTD. (TW)
12F-1, No.76, Sec.4, Chung Hsiao E. Rd., Taipei, Taiwan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 04

Quyết định gia hạn số: 17552/QĐ-SHTT, ngày: 29.06.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0043201 (186) Gia hạn đến ngày: 11.07.2021
(732) Chủ Văn bằng:
BAYSTATE CO., LTD. (TW)
12F-1, No.76, Sec.4, Chung Hsiao E. Rd., Taipei, Taiwan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 01

Quyết định gia hạn số: 17553/QĐ-SHTT, ngày: 29.06.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0044342 (186) Gia hạn đến ngày: 16.08.2021
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH TOP CHEMICAL TECH (VN)
Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp A, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 01

Quyết định gia hạn số: 17554/QĐ-SHTT, ngày: 29.06.2011

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0003116	29.01.2021	29
4-0003117	29.01.2021	03
4-0003149	29.01.2021	29
4-0003164	29.01.2021	03
4-0003177	29.01.2021	29

(732) Chủ Văn bằng:
LAM SOON SINGAPORE PTE. LTD. (SG)
15 Scotts Road #05-01, Thong Teck Building, Singapore 0922

Quyết định gia hạn số: 18557/QĐ-SHTT, ngày: 01.07.2011

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0046136	05.11.2021	30
4-0051147	07.10.2022	30
4-0054458	05.11.2021	30

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH HARRIS FREEMAN VIỆT NAM (VN)
Số 31 VSIP II, đường số 02, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, khu liên hợp công nghiệp - dịch vụ - đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

---

Quyết định gia hạn số: 18559/QĐ-SHTT, ngày: 01.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0048778 (186) Gia hạn đến ngày: 08.05.2022
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ HẢI HOÀNG GIA (VN)
70 Ngô Thì Nhậm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 14, 20, 35

Quyết định gia hạn số: 18585/QĐ-SHTT, ngày: 01.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0041107 (186) Gia hạn đến ngày: 15.02.2021
(732) Chủ Văn bằng:
KABUSHIKI KAISHA SONY COMPUTER ENTERTAINMENT (ALSO TRADING AS SONY COMPUTER ENTERTAINMENT INC.) (JP)
2-6-21 Minami-Aoyama, Minato-ku, Tokyo, Japan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 09

Quyết định gia hạn số: 18984/QĐ-SHTT, ngày: 05.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0041837 (186) Gia hạn đến ngày: 22.02.2021
(732) Chủ Văn bằng:
EAST HOPE INVESTMENTS CO., LTD. (CN)
3/F 1225 Shang Cheng Rd., Pudong, Shanghai 200120, P.R. China
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 01, 05, 29, 30, 31

Quyết định gia hạn số: 19027/QĐ-SHTT, ngày: 05.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0042717 (186) Gia hạn đến ngày: 07.06.2021
(732) Chủ Văn bằng:
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN PHÚ HÀ (VN)
Số 121 đường 30/4, khu phố 1 - thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 29

Quyết định gia hạn số: 19131/QĐ-SHTT, ngày: 05.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0004047 (186) Gia hạn đến ngày: 16.11.2021
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH ĐÔNG NAM DƯỢC BẢO LONG (VN)
26/4 ấp 3, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 19135/QĐ-SHTT, ngày: 05.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0045702 (186) Gia hạn đến ngày: 13.12.2021
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT ĐẦU TƯ ĐIỆN TỬ HIỆP HƯNG (VN)
46A Hàng Khoai, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 11

Quyết định gia hạn số: 19136/QĐ-SHTT, ngày: 05.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0043028 (186) Gia hạn đến ngày: 29.05.2021
(732) Chủ Văn bằng:
Merck Sharp & Dohme Corp. (US)
One Merck Drive, Whitehouse Station, New Jersey 08889-0100, U.S.A.
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 19137/QĐ-SHTT, ngày: 05.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0041963 (186) Gia hạn đến ngày: 11.05.2021
(732) Chủ Văn bằng:
ACCENTURE GLOBAL SERVICES LIMITED (IE)
3 Grand Canal Plaza, Upper Grande Canal Street, Dublin 4, Ireland
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 09, 16, 35, 36, 37, 41, 42

Quyết định gia hạn số: 19140/QĐ-SHTT, ngày: 05.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0046004 (186) Gia hạn đến ngày: 10.01.2022
(732) Chủ Văn bằng:
TỔNG CÔNG TY CHÈ VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN (VN)
92 Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 30, 35, 36, 37, 39, 42, 43

Quyết định gia hạn số: 19310/QĐ-SHTT, ngày: 06.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0061785 (186) Gia hạn đến ngày: 11.07.2020
(732) Chủ Văn bằng:
NORD INTERNATIONAL SCHOOLS LIMITED (GB)
Nord House, Third Avenue, Centrum 100, Burton Upon Trent, Staffordshire DE14 2WD
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 41

Quyết định gia hạn số: 19317/QĐ-SHTT, ngày: 06.07.2011

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0046541	15.01.2022	35
4-0047622	19.03.2022	35

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH GIA HUY (VN)
Km 07 đường 23/10, thôn Võ Cạnh, xã Vĩnh Trung, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

---

Quyết định gia hạn số: 19318/QĐ-SHTT, ngày: 06.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0004614 (186) Gia hạn đến ngày: 18.09.2021
(732) Chủ Văn bằng:
TOA PAINT (THAILAND) CO., LTD (TH)
104 Soi Pookmitr, Poochaosamingprai Rd., Samrong Tai, Phrapradaeng, Samutprakarn, Thailand
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 02

Quyết định gia hạn số: 19319/QĐ-SHTT, ngày: 06.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0004615 (186) Gia hạn đến ngày: 18.09.2021
(732) Chủ Văn bằng:
TOA PAINT (THAILAND) CO., LTD (TH)
104 Soi Pookmitr, Poochaosamingprai Rd., Samrong Tai, Phrapradaeng, Samutprakarn, Thailand
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 02

Quyết định gia hạn số: 19320/QĐ-SHTT, ngày: 06.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0044505 (186) Gia hạn đến ngày: 05.09.2021
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH SCT GAS VIỆT NAM (VN)
Phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 35

Quyết định gia hạn số: 19321/QĐ-SHTT, ngày: 06.07.2011

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0041769	31.05.2021	09, 35, 42
4-0041770	31.05.2021	09, 35, 42

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HOÁ PHƯƠNG NAM (VN)
940 đường 3-2, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định gia hạn số: 19322/QĐ-SHTT, ngày: 06.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0044838 (186) Gia hạn đến ngày: 24.09.2021
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỊNH PHÁT (VN)
Tổ 2, đường 30/4, khu phố I, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 29

Quyết định gia hạn số: 19323/QĐ-SHTT, ngày: 06.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0045559 (186) Gia hạn đến ngày: 16.11.2021
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI (VN)
Số 39, phố Đoàn Như Hài, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 16, 20, 35, 39

Quyết định gia hạn số: 19324/QĐ-SHTT, ngày: 06.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0052258 (186) Gia hạn đến ngày: 05.03.2022
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH (VN)
24C Phan Đăng Lưu, phường 6, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 18

Quyết định gia hạn số: 19327/QĐ-SHTT, ngày: 06.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0048336 (186) Gia hạn đến ngày: 20.05.2022
(732) Chủ Văn bằng:
HỘ KINH DOANH PHƯỚC TÀI (VN)
208/21 Bà Hom, phường 13, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 29

Quyết định gia hạn số: 19336/QĐ-SHTT, ngày: 07.07.2011

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0046254	20.12.2021	29
4-0055122	16.10.2021	30

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THÁI HOÀ (VN)
48 Hoàng Sĩ Khải, phường 14, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định gia hạn số: 19337/QĐ-SHTT, ngày: 07.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0049797 (186) Gia hạn đến ngày: 20.07.2021
(732) Chủ Văn bằng:
ROTTAPHARM LTD. (IE)
Damastown Industrial Park Mulhuddart, Dublin 15 , Ireland.
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 19338/QĐ-SHTT, ngày: 07.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0047251 (186) Gia hạn đến ngày: 18.06.2021
(732) Chủ Văn bằng:
BAYER CROPSCIENCE S.A. (FR)
55 Avenue René Cassin, 69009 Lyon, France
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 19339/QĐ-SHTT, ngày: 07.07.2011

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0046678	08.02.2022	05
4-0046682	08.02.2022	05

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MINH TẤN (VN)
Số 487 Sư Vạn Hạnh, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định gia hạn số: 19340/QĐ-SHTT, ngày: 07.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0043843 (186) Gia hạn đến ngày: 28.09.2021
(732) Chủ Văn bằng:
HANAQUA TECH INC. (TW)
7FL-2, No.6-3, Ching Cheng St., Sung-Shan Dist., Taipei, Taiwan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 29, 31

Quyết định gia hạn số: 19341/QĐ-SHTT, ngày: 07.07.2011

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0045048	29.11.2021	05
4-0045269	29.11.2021	05
4-0046040	29.11.2021	05
4-0046041	29.11.2021	05

(732) Chủ Văn bằng:
AUM IMPEX (PVT.) LTD. (IN)
F5, Hauzkhas Enclave, New Delhi, 110016, India.

Quyết định gia hạn số: 19342/QĐ-SHTT, ngày: 07.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0049363 (186) Gia hạn đến ngày: 06.05.2022
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT - DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI HIẾU GIANG (VN)
22-24 khu phố 4, đường số 9, phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 01, 05

Quyết định gia hạn số: 19343/QĐ-SHTT, ngày: 07.07.2011

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0042808	26.07.2021	32
4-0066720	26.07.2021	32

(732) Chủ Văn bằng:
THE COCA-COLA COMPANY (US)
One Coca-Cola Plaza, Atlanta, Georgia 30313, U.S.A

Quyết định gia hạn số: 19344/QĐ-SHTT, ngày: 07.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0045287 (186) Gia hạn đến ngày: 26.11.2021
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG (VN)
145 Hồ Đắc Di, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 19345/QĐ-SHTT, ngày: 07.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0045320 (186) Gia hạn đến ngày: 26.11.2021
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG (VN)
145 Hồ Đắc Di, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 19346/QĐ-SHTT, ngày: 07.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0046174 (186) Gia hạn đến ngày: 22.11.2021
(732) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ BÒ KHÔ THU BA (VN)
187 Nguyễn Nghiêm, phường Nguyễn Nghiêm, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 29

Quyết định gia hạn số: 19897/QĐ-SHTT, ngày: 08.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0042561 (186) Gia hạn đến ngày: 19.06.2021
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI VINH PHÁT (VN)
Số 101, A1, Lạc Chính, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 21

Quyết định gia hạn số: 19899/QĐ-SHTT, ngày: 08.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0046561 (186) Gia hạn đến ngày: 10.12.2021
(732) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ KIM HẰNG (VN)
348D1 khu phố Mỹ Tân, phường 7, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 30

Quyết định gia hạn số: 19902/QĐ-SHTT, ngày: 08.07.2011

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0044349	22.10.2021	05
4-0044647	22.10.2021	05
4-0045209	28.11.2021	05
4-0045696	28.11.2021	05
4-0045786	11.12.2021	05
4-0045787	11.12.2021	05

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ (MEBIPHAR) (VN)
31 Ngô Thời Nhiệm, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định gia hạn số: 19905/QĐ-SHTT, ngày: 08.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0045929 (186) Gia hạn đến ngày: 17.12.2021
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1 (VN)
108 Cao Thắng, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 35, 36, 37, 42

Quyết định gia hạn số: 19907/QĐ-SHTT, ngày: 08.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0045522 (186) Gia hạn đến ngày: 19.11.2021
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ TOÀN HÓA (VN)
62/6 Bàu Cát, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 35

Quyết định gia hạn số: 19912/QĐ-SHTT, ngày: 08.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0046336 (186) Gia hạn đến ngày: 02.11.2021
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN Ô TÔ SAO AN LẠC (VN)
84A-86 đường Vành Đai Trong, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 35, 37

Quyết định gia hạn số: 20115/QĐ-SHTT, ngày: 11.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0044006 (186) Gia hạn đến ngày: 15.08.2021
(732) Chủ Văn bằng:
MR. JOHN CHARLES GRAY (TH)
124 Soi 1 Yaowaraj Road, Phuket, Thailand
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 41

Quyết định gia hạn số: 19914/QĐ-SHTT, ngày: 11.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0043434 (186) Gia hạn đến ngày: 02.07.2021
(732) Chủ Văn bằng:
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ - XÂY DỰNG STC (VN)
01 Nguyễn Văn Lịch, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 08

Quyết định gia hạn số: 19917/QĐ-SHTT, ngày: 11.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0044169 (186) Gia hạn đến ngày: 10.10.2021
(732) Chủ Văn bằng:
Guangdong Vatti Economy & Trade Develop Co., Ltd. (CN)
No.68 Nanti Street, Xiaolan, Zhongshan, Guangdong, P.R.China
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 11

Quyết định gia hạn số: 20336/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0063621 (186) Gia hạn đến ngày: 16.07.2021
(732) Chủ Văn bằng:
DIAGEO IRELAND (IE)
St James's Gate, Dublin 8, lreland
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 16, 18, 21, 28

Quyết định gia hạn số: 20337/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0043348 (186) Gia hạn đến ngày: 31.07.2021
(732) Chủ Văn bằng:
HYUNDAI MOTOR COMPANY (KR)
231, Yangjae-Dong, Seocho-Gu, Seoul, Korea
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 12

Quyết định gia hạn số: 20339/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0154115 (186) Gia hạn đến ngày: 19.07.2021
(732) Chủ Văn bằng:
Diageo North America, Inc. (US)
801 Main Avenue, Norwalk, Connecticut 06851, USA
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 16, 21, 42

Quyết định gia hạn số: 20340/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0059579 (186) Gia hạn đến ngày: 16.07.2021
(732) Chủ Văn bằng:
DIAGEO IRELAND (IE)
St. James's Gate, Dublin 8, Ireland
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 25

Quyết định gia hạn số: 20341/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0003614 (186) Gia hạn đến ngày: 04.09.2021
(732) Chủ Văn bằng:
J&P COATS LIMITED (GB)
155 st Vintcent Street Glasgow G2 5PA Scotland
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 23

Quyết định gia hạn số: 20342/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0046659 (186) Gia hạn đến ngày: 18.12.2021
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀ BÌNH (VN)
346-350 đường số 7, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 35

Quyết định gia hạn số: 20343/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0043228 (186) Gia hạn đến ngày: 16.07.2021
(732) Chủ Văn bằng:
HUNTSMAN INTERNATIONAL, LLC (A DELAWARE CORPORATION) (US)
500 Huntsman Way, Salt Lake City, Utah 84108, U.S.A.
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 25

Quyết định gia hạn số: 20344/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0004140 (186) Gia hạn đến ngày: 20.07.2021
(732) Chủ Văn bằng:
NEXEN TIRE CORPORATION (KR)
30, Yusan-Dong, Yangsan-city, Kyongsangnam-Do, Korea
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 12

Quyết định gia hạn số: 20352/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0041322	12.02.2021	06
4-0041323	12.02.2021	06

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA (VN)
Đường số 27, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

---

Quyết định gia hạn số: 20361/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0046558 (186) Gia hạn đến ngày: 11.03.2022
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN LONG THỌ (VN)
423 Bùi Thị Xuân, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 19

Quyết định gia hạn số: 20363/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0049192 (186) Gia hạn đến ngày: 27.05.2022
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH TÍN PHONG (VN)
89 đường số 1A, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 12

Quyết định gia hạn số: 20368/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0049183	20.05.2022	30
4-0049819	20.05.2022	30
4-0049859	20.03.2022	30

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ BỘT MÌ (VN)
Lô 32C/I, đường số 2G, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định gia hạn số: 20380/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0048617	22.03.2022	05
4-0048666	18.04.2022	05
4-0048667	18.04.2022	05

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI (VN)
221B, quốc lộ 15, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

---

Quyết định gia hạn số: 20461/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0047095 (186) Gia hạn đến ngày: 19.02.2022
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH SONG NGƯ (VN)
70-72 Sương Nguyệt ánh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 43

Quyết định gia hạn số: 20463/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0057945 (186) Gia hạn đến ngày: 20.12.2021
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT ÁNH BÌNH (VN)
24 Phan Thúc Duyện, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 06, 35, 37

Quyết định gia hạn số: 20465/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0046329 (186) Gia hạn đến ngày: 28.02.2022
(732) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ NƯỚC CHẤM Y PHỤNG (VN)
237A Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 29

Quyết định gia hạn số: 20468/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0054380 (186) Gia hạn đến ngày: 10.01.2022
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI KIM LONG (VN)
Số nhà 120, phố Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 06

Quyết định gia hạn số: 20490/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0043262 (186) Gia hạn đến ngày: 12.07.2021
(732) Chủ Văn bằng:
Wyeth LLC (US)
Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940-0874, U.S.A
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 20494/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0045264	01.11.2021	05
4-0045265	01.11.2021	05

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH BẢO VỆ THỰC VẬT AN HƯNG PHÁT (VN)
374 Hồng Bàng, phường 16, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định gia hạn số: 20496/QĐ-SHTT, ngày: 13.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0045399 (186) Gia hạn đến ngày: 01.11.2021
(732) Chủ Văn bằng:
DNTN NHÀ HÀNG DI BỬU (VN)
1 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 42

Quyết định gia hạn số: 21124/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0049687 (186) Gia hạn đến ngày: 07.09.2021
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH VIỆT NHẬT MOTOR (VN)
P101 tập thể công ty tư vấn công trình thuỷ I, xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 37

Quyết định gia hạn số: 21125/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0043941	13.08.2021	39
4-0043942	13.08.2021	39

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH (VN)
64-68 Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định gia hạn số: 21130/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0045641	13.11.2021	35, 37
4-0045642	13.11.2021	35, 37

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH KINH DOANH XE MÁY KƯỜNG NGÂN (VN)
Số 18 Nguyễn Bỉnh Khiêm, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

---

Quyết định gia hạn số: 21131/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0047194 (186) Gia hạn đến ngày: 23.11.2021
(732) Chủ Văn bằng:
SANYANG INDUSTRY CO., LTD (TW)
No.3 Chung Hua Road, Hukou, Hsinchu, Taiwan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 12

Quyết định gia hạn số: 21132/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0048119	03.12.2021	12
4-0052431	03.12.2021	12
4-0053221	03.12.2021	12
4-0053680	03.12.2021	12

(732) Chủ Văn bằng:
SANYANG INDUSTRY CO., LTD (TW)
No.3 Chung Hua Road, Hukou, Hsinchu, Taiwan

Quyết định gia hạn số: 21133/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0049786	13.06.2022	31
4-0052302	06.06.2021	31
4-0052915	13.12.2021	31

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI THÁI DƯƠNG (VN)
Khu công nghiệp Phố Nối A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Quyết định gia hạn số: 21134/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0045490 (186) Gia hạn đến ngày: 24.12.2021
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬT TƯNAM HẢI (VN)
Số 14 Bùi Thị Xuân, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 35

Quyết định gia hạn số: 21135/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0043943 (186) Gia hạn đến ngày: 21.08.2021
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ HOÁ SINH VÀ CÁC SẢN PHẨM TỰ NHIÊN (VN)
Số 68, Vân Hồ 3, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 03

Quyết định gia hạn số: 21136/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0003771 (186) Gia hạn đến ngày: 21.10.2021
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ BẢY HỒNG HẠNH (VN)
35 ấp 8, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 29

Quyết định gia hạn số: 21225/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0043867 (186) Gia hạn đến ngày: 09.08.2021
(732) Chủ Văn bằng:
TA HSUAN ENTERPRISE CO. (TW)
1F, No.17, Alley 141, Lane 56, Guor - An Street, Tainan, Taiwan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 07

Quyết định gia hạn số: 21226/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0047074 (186) Gia hạn đến ngày: 19.12.2021
(732) Chủ Văn bằng:
SUMITOMO CHEMICAL COMPANY, LIMITED (JP)
27-1, Shinkawa 2-chome, Chuo-ku, Tokyo 104-8260, Japan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 21239/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0042079 (186) Gia hạn đến ngày: 16.05.2021
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN UNIVERSAL PETROLEUM VIỆT NAM (VN)
Lô N, đường 26, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 04

Quyết định gia hạn số: 21262/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0042919 (186) Gia hạn đến ngày: 20.06.2021
(732) Chủ Văn bằng:
TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM (VN)
25A Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 16

Quyết định gia hạn số: 21316/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0049028 (186) Gia hạn đến ngày: 25.06.2022
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI VĂN LANG (VN)
Số 19 ngõ 79 Lý Nam Đế, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 16

Quyết định gia hạn số: 21341/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0050002 (186) Gia hạn đến ngày: 07.06.2022
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ THÁI TÍN ĐỨC (VN)
229A Tùng Thiện Vương, phường 11, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 35

Quyết định gia hạn số: 21386/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011
(111) Số Văn bằng: 4-0039821 (186) Gia hạn đến ngày: 22.08.2020
(732) Chủ Văn bằng:
J.B.CHEMICALS AND PHARMACEUTICALS LTD (IN)
Neelam Centre, 'B' Wing, 4th Flr, Hind Cycle Road, Worli, Mumbai-400 025 India
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 21389/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0046994	18.01.2022	05
4-0046995	18.01.2022	05
4-0047013	18.01.2022	05
4-0047014	18.01.2022	05

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT AN GIANG (VN)
23 Hà Hoàng Hổ, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Quyết định gia hạn số: 21391/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0046269	27.02.2022	16
4-0048051	31.10.2021	16

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY TẬP LỆ HOA (VN)
152A Hồ Học Lãm, khu phố 2, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định gia hạn số: 21394/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0044567 (186) Gia hạn đến ngày: 21.09.2021
(732) Chủ Văn bằng:
ZALMAN TECH CO., LTD. (KR)
#1007 Daeryung Techno Town III 448 Gasan-dong, Gumchun-gu, Seoul, Republic of Korea
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 09

Quyết định gia hạn số: 21397/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0044621	07.06.2021	16, 35
4-0045198	07.05.2021	16

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH NAM NHẬT TIÊN (VN)
69 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định gia hạn số: 21401/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0047007	19.03.2022	32
4-0047008	19.03.2022	32
4-0047485	19.03.2022	32
4-0047842	08.04.2022	32
4-0047906	08.04.2022	32

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA (VN)
Xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hoà

Quyết định gia hạn số: 21402/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0046743	12.03.2022	04
4-0046744	12.03.2022	04
4-0046745	12.03.2022	04
4-0046746	12.03.2022	04
4-0046747	12.03.2022	04

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DẦU MEKONG (VN)
166/3B đường Phạm Hùng, phường 9, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

---

Quyết định gia hạn số: 21403/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0043800 (186) Gia hạn đến ngày: 14.09.2021
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN L.Q JOTON (VN)
188C Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 02, 19

Quyết định gia hạn số: 21404/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0048325 (186) Gia hạn đến ngày: 13.06.2021
(732) Chủ Văn bằng:
THE PROCTER & GAMBLE COMPANY (US)
One Procter & Gamble Plaza, Cincinnati, Ohio 45202-3315, U.S.A.
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 01

Quyết định gia hạn số: 21405/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0005037 (186) Gia hạn đến ngày: 26.07.2021
(732) Chủ Văn bằng:
AstraZeneca AB (SE)
Vastra Malarehamnen 9, S-151 85 Sodertalje, Sweden
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 21406/QĐ-SHTT, ngày: 18.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0044226 (186) Gia hạn đến ngày: 06.08.2021
(732) Chủ Văn bằng:
FORD MOTOR COMPANY (US)
The American Road, Dearborn, Michigan 48121, USA
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 01, 02, 03, 04, 06, 07, 08, 09, 11, 12, 16, 17, 27

Quyết định gia hạn số: 21647/QĐ-SHTT, ngày: 19.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0047012 (186) Gia hạn đến ngày: 08.01.2022
(732) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ VY NGHĨA (VN)
114A/10 khu Phước Thuận, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 25

Quyết định gia hạn số: 21648/QĐ-SHTT, ngày: 19.07.2011

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0047519	03.04.2022	09
4-0048480	01.04.2022	09
4-0048484	28.11.2021	09, 29, 30, 35, 36, 39, 42

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN (VN)
78A Nguyễn Văn Trỗi, phường 8, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định gia hạn số: 21649/QĐ-SHTT, ngày: 19.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0048430 (186) Gia hạn đến ngày: 16.01.2022
(732) Chủ Văn bằng:
HỢP TÁC XÃ XE DU LỊCH VẬN TẢI THI CÔNG CƠ GIỚI HIỆP PHÁT (VN)
Số 276 Minh Phụng, phường 2, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 39

Quyết định gia hạn số: 21650/QĐ-SHTT, ngày: 19.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0042668 (186) Gia hạn đến ngày: 09.07.2021
(732) Chủ Văn bằng:
LOCK & LOCK CO., LTD. (KR)
Lock & Lock Bldg., 1556-1 Seocho-3 Dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 21

Quyết định gia hạn số: 21651/QĐ-SHTT, ngày: 19.07.2011

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0045165	12.10.2021	05
4-0045959	03.10.2021	05

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUANG MINH (VN)
Số 4A Lò Lu, phường Trường Thạnh, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định gia hạn số: 21652/QĐ-SHTT, ngày: 19.07.2011

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0042620	12.06.2021	30, 32
4-0044508	24.09.2021	30, 32
4-0044509	24.09.2021	30, 32

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN KINH DOANH LƯƠNG THỰC - THỰC PHẨM HÀ NỘI (VN)
67A đường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Quyết định gia hạn số: 21653/QĐ-SHTT, ngày: 19.07.2011

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0045663	16.11.2021	30
4-0066698	16.11.2021	30

(732) Chủ Văn bằng:
I LAN FOODS INDUSTRIAL CO.,LTD. (TW)
No. 19-13, Shin Cheng N. Road, Shin Cheng Li, Su-Aou, I Lan, Taiwan

---

Quyết định gia hạn số: 21654/QĐ-SHTT, ngày: 19.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0005007 (186) Gia hạn đến ngày: 21.11.2021
(732) Chủ Văn bằng:
FRASER NEAVE LTD. (SG)
21-00 Alexandra Point, 438 Alexandra Road, Singapore 0511
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 32

Quyết định gia hạn số: 21655/QĐ-SHTT, ngày: 19.07.2011

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0005180	27.12.2021	32
4-0005181	27.12.2021	32

(732) Chủ Văn bằng:
ASIA PACIFIC BREWERIES LIMITED (SG)
#21-00 Alexandra Point, 438 Alexandra Road, Singapore 119958

Quyết định gia hạn số: 21656/QĐ-SHTT, ngày: 19.07.2011

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0044517	27.08.2021	35
4-0044518	27.08.2021	35
4-0044566	27.08.2021	35
4-0050019	18.03.2022	35
4-0051501	19.11.2022	35
4-0081265	27.08.2021	35

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI NÔNG PHÁT (NONGPHAT TRADING AND SERVICE CO.,LTD) (VN)
387 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định gia hạn số: 21657/QĐ-SHTT, ngày: 19.07.2011

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0043167	07.08.2021	05
4-0043307	08.08.2021	05
4-0043365	08.08.2021	05
4-0044713	07.09.2021	05
4-0044714	07.09.2021	05
4-0044850	02.11.2021	05
4-0045046	22.11.2021	05
4-0045047	22.11.2021	05
4-0045648	14.12.2021	05
4-0045712	07.08.2021	05
4-0045860	28.11.2021	05
4-0045922	26.09.2021	05
4-0045923	26.09.2021	05
4-0046156	17.12.2021	05

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN TRAPHACO (VN)
75 Yên Ninh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Quyết định gia hạn số: 21658/QĐ-SHTT, ngày: 19.07.2011

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0045316	19.11.2021	35
4-0045317	19.11.2021	35

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VIỆT BA (VN)
Số 56, ngõ 236, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

---

Quyết định gia hạn số: 21721/QĐ-SHTT, ngày: 19.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0046454 (186) Gia hạn đến ngày: 16.11.2021
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI TÂN ANH THỂ (VN)
Lô 6 đường 4, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 06

Quyết định gia hạn số: 21725/QĐ-SHTT, ngày: 19.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0011036 (186) Gia hạn đến ngày: 18.09.2021
(732) Chủ Văn bằng:
TOA PAINT (THAILAND) CO., LTD. (TH)
104 Soi Pookmitr, Poochaosamingprai Rd., Sammrongtai, Phrapradaeng, Samutprakarn, Thailand
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 02

Quyết định gia hạn số: 21746/QĐ-SHTT, ngày: 20.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0042856 (186) Gia hạn đến ngày: 13.06.2021
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NHÀ HÀNG NGỰA HOÀNG (VN)
8A/1D1 - 8A/2D1 Thái Văn Lung, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 42

Quyết định gia hạn số: 21747/QĐ-SHTT, ngày: 20.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0044183 (186) Gia hạn đến ngày: 21.09.2021
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VĨNH XUÂN (VN)
178/4/10A Phan Đăng Lưu, phường 3, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 21755/QĐ-SHTT, ngày: 20.07.2011

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0004144	26.07.2021	04
4-0004152	26.07.2021	04

(732) Chủ Văn bằng:
GULF INTERNATIONAL LUBRICANTS, LTD. (BM)
Canon's Court, 22 Victoria Street Hamilton, Bermuda HM 12

Quyết định gia hạn số: 22350/QĐ-SHTT, ngày: 21.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0040311 (186) Gia hạn đến ngày: 19.01.2021
(732) Chủ Văn bằng:
THAI PLASTIC AND CHEMICALS PUBLIC COMPANY LIMITED (TH)
No. 183, 14-15th Floors, Rajanakarn Building, South Sathorn Road, Yannawa Sub-District, Sathorn District, Bangkok, Metropolis, Thailand
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 01

Quyết định gia hạn số: 22451/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0043163	11.06.2021	09
4-0043742	11.06.2021	11

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN AC (VN)
G7, khu biệt thự ghép làng Quốc tế Thăng Long, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

---

Quyết định gia hạn số: 22452/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0045512	19.06.2021	35
4-0045513	19.06.2021	25

(732) Chủ Văn bằng:
ESQUEL ENTERPRISES LIMITED (HK)
12/F., Harbour Centre 25 Harbour Road Wanchai, Hong Kong

Quyết định gia hạn số: 22453/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0002847	04.04.2021	03
4-0005112	01.04.2022	03
4-0046696	23.01.2022	03
4-0046800	21.02.2022	03

(732) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ DƯ KIM BẢO (VN)
241/25/52 Tân Hòa Đông, phường 14, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định gia hạn số: 22454/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0054681 (186) Gia hạn đến ngày: 31.10.2021
(732) Chủ Văn bằng:
SANOFI-AVENTIS (FR)
174, Avenue de France, 75013 Paris, France
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 22617/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0003545 (186) Gia hạn đến ngày: 29.07.2021
(732) Chủ Văn bằng:
FULLMARK PRIVATE LIMITED (SG)
10 Soon Lee Road, Fullmark Industrial Building, Jurong Town, Singapore 628074
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 16

Quyết định gia hạn số: 22619/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0043244	23.07.2021	03
4-0043245	23.07.2021	03

(732) Chủ Văn bằng:
Kracie Home Products, Ltd. (JP)
20-20, Kaigan 3-chome, Minato-ku, Tokyo, Japan

Quyết định gia hạn số: 22624/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0047909 (186) Gia hạn đến ngày: 29.03.2022
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH GIAI PHÁT (VN)
TK21/17 Nguyễn Cảnh Chân, phường Cầu Kho, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 16

Quyết định gia hạn số: 22626/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0046804	18.03.2022	11
4-0049884	17.05.2022	11

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LIÊN HIỆP (VN)
Lô số 2-4 đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định gia hạn số: 22631/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0004869	14.11.2021	16
4-0004870	14.11.2021	39
4-0009213	14.11.2021	16

(732) Chủ Văn bằng:
CATHAY PACIFIC AIRWAYS LIMITED (HK)
8/F, North Tower, Cathay Pacific City, 8 Scenic Road, Hong Kong International Airport, Lantau, Hong Kong

---

Quyết định gia hạn số: 22635/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0045029 (186) Gia hạn đến ngày: 26.11.2021
(732) Chủ Văn bằng:
THERMPHOS INTERNATIONAL B.V. (NL)
Harbour 9890, 4389 PD Vlissingen-Oost, The Netherlands
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 01

Quyết định gia hạn số: 22636/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0054283 (186) Gia hạn đến ngày: 26.11.2021
(732) Chủ Văn bằng:
THERMPHOS INTERNATIONAL B.V. (NL)
Harbour 9890, 4389 PD Vlissingen-Oost, The Netherlands
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 01, 30

Quyết định gia hạn số: 22637/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0044741 (186) Gia hạn đến ngày: 25.09.2021
(732) Chủ Văn bằng:
YELOWCARE LIMITED (TH)
125/21 Moo 6, Soi Prompong, Ekachai Road, Bangbon, Bangbon, Bangkok, Thailand
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 10, 21

Quyết định gia hạn số: 22638/QĐ-SHTT, ngày: 22.07.2011

(111) Số Văn bằng: 4-0043005 (186) Gia hạn đến ngày: 28.03.2021
(732) Chủ Văn bằng:
WUHAN GAOKE STATE - OWNED SHARE - CONTROLLED GROUP CO., LTD. (CN)
GuanDong Science Industry Estate, Hong Shan District, Wuhan, Hubei Province, P.R. China
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 09

III- CHẤM DỨT HIỆU LỰC VĂN BẰNG BẢO HỘ

Theo Quyết định số 1728/ QĐ-SHTT, ngày 03 tháng 08 năm 2011

Chấm dứt toàn bộ hiệu lực các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 61479 cấp ngày 31/03/2005, số 75301 cấp ngày 20/09/2006 kể từ ngày 19/07/2011

IV- THU HỒI QUYẾT ĐỊNH TỪ CHỐI CẤP VĂN BẰNG BẢO HỘ

Theo Quyết định số 1482/QĐ-SHTT, ngày 11/07/2011

- Thu hồi Quyết định số 5625/QĐ-SHTT ngày 01.04.2010 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu .
- Thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu thuộc đơn 4-2005-03301 theo Quyết định giải quyết khiếu nại số 472/QĐ-SHTT ngày 15.03.2011

Theo Quyết định số 1483/QĐ-SHTT, ngày 11/07/2011

- Thu hồi Quyết định số 20035/QĐ-SHTT ngày 08.11.2010 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu .
- Thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo đơn 4-2006-01082.

Theo Quyết định số 1578/QĐ-SHTT, ngày 21/07/2011

- Thu hồi Quyết định số 19481/QĐ-SHTT ngày 08.11.2010 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu .
- Thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo đơn 4-2006-04294.

Theo Quyết định số 1579/QĐ-SHTT, ngày 21/07/2011

- Thu hồi Quyết định số 9801/QĐ-SHTT ngày 13.05.2011 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu .
- Thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo đơn 4-2007-17723.

Theo Quyết định số 1580/QĐ-SHTT, ngày 21/07/2011

- Thu hồi Quyết định số 9170/QĐ-SHTT ngày 13.05.2011 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu .
- Thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo đơn 4-2007-20003.

Theo Quyết định số 1719/QĐ-SHTT, ngày 02/08/2011

- Thu hồi Quyết định số 9141/QĐ-SHTT ngày 13.05.2011 về việc từ chối cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp.
- Thực hiện việc cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp theo đơn 3-2008-01100.

Theo Quyết định số 1720/QĐ-SHTT, ngày 02/08/2011

- Thu hồi Quyết định số 9149/QĐ-SHTT ngày 13.05.2011 về việc từ chối cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp.
- Thực hiện việc cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp theo đơn 3-2008-01428.

Theo Quyết định số 1721/QĐ-SHTT, ngày 02/08/2011

- Thu hồi Quyết định số 9183/QĐ-SHTT ngày 13.05.2011 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu .
- Thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo đơn 4-2008-16732.

Theo Quyết định số 1722/QĐ-SHTT, ngày 02/08/2011

- Thu hồi Quyết định số 9406/QĐ-SHTT ngày 13.05.2011 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu .
- Thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo đơn 4-2007-18103.

Theo Quyết định số 1723/QĐ-SHTT, ngày 02/08/2011

- Thu hồi Quyết định số 10423/QĐ-SHTT ngày 13.05.2011 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu .
- Thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo đơn 4-2008-15256.

Theo Quyết định số 1724/QĐ-SHTT, ngày 02/08/2011

- Thu hồi Quyết định số 9587/QĐ-SHTT ngày 13.05.2011 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu .
- Thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo đơn 4-2008-18139.

Theo Quyết định số 1725/QĐ-SHTT, ngày 02/08/2011

- Thu hồi Quyết định số 9470/QĐ-SHTT ngày 13.05.2011 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu .
- Thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo đơn 4-2008-21575.

PHẦN VII

CHUYỂN GIAO QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

1- CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 5162/ĐKHĐSH Cấp theo Quyết định số 981/QĐ-SHTT, ngày 20 tháng 05 năm 2011.

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 14/03/2011.

Bên chuyển nhượng: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI HÙNG PHONG (VN)
105B Ngô Quyền, phường 11, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: CÔNG TY TNHH HẬU PHONG (VN)
Số 82, đường 1011, khu nhà Hiệp Ân 1, phường 5, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	Startlighting, hình	45913	02/04/2003	24/08/2011
2	N HOME TREND DESIGN AND MANUFACTURE, hình	82998	12/06/2007	15/08/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 5258/ĐKHĐSH Cấp theo Quyết định số 1512/QĐ-SHTT, ngày 14 tháng 07 năm 2011.

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 10/03/2011.

Bên chuyển nhượng: CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SHINPOONG DAEWOO (VN) (TRƯỚC LÀ CÔNG TY DƯỢC PHẨM SHINPOONG DAEWOO VIỆT NAM TNHH)
Khu công nghiệp Biên Hòa II, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. (Trước ở Lô 12 khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai hoặc Số 13, đường 9A, khu công nghiệp Biên Hòa 2, tỉnh Đồng Nai.)

Bên được chuyển nhượng: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TÂN PHONG (VN)
07 Bis Tăng Bạt Hổ, phường 12, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	BECZIN	72891	15/06/2006	06/10/2014
2	CENICID	74982	07/09/2006	03/12/2014
3	BIPROLOL	105647	23/07/2008	25/04/2017
4	ORNILOC	120402	26/02/2009	15/06/2017

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 5259/ĐKHĐSH Cấp theo Quyết định số 1513/QĐ-SHTT, ngày 14 tháng 07 năm 2011.

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 28/04/2011.

Bên chuyển nhượng: **NHÀ HÀNG THIÊN NAM (VN)**
53 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **HỘ KINH DOANH NHÀ HÀNG THIÊN NAM (VN)**
53 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	THIÊN NAM	1392	27/03/1990	02/10/2019

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 5260/ĐKHĐSH Cấp theo Quyết định số 1514/QĐ-SHTT, ngày 14 tháng 07 năm 2011.

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hóa.

Ngày ký: 07/04/2011.

Bên chuyển nhượng: **TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG - TNHH MỘT THÀNH VIÊN (VN)**
A128 Đông Nhì, khu phố Đông Tư, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHĂN NUÔI VIFACO (VN)**
Khu phố Hòa Long, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	VIFACO	3456	01/10/1991	07/05/2021

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 5261/ĐKHĐSH
Cấp theo Quyết định số 1515/QĐ-SHTT, ngày 14 tháng 07 năm 2011.

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 04/05/2011.

Bên chuyển nhượng: ASIATIC AGRICULTURAL INDUSTRIES PTE.,LTD (SG)
11 Joo Koon Road, Singapore 628974.

Bên được chuyển nhượng: CÔNG TY TNHH HÓA NÔNG LÚA VÀNG (VN)
lô M8, đường N8, khu công nghiệp Nam Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	CYNITE	119291	11/02/2009	27/11/2017

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 5262/ĐKHĐSH
Cấp theo Quyết định số 1516/QĐ-SHTT, ngày 14 tháng 07 năm 2011.

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 09/11/2010.

Bên chuyển nhượng: LANDESK SOFTWARE, LTD. (US)
Avocent House, Shannon Free Zone, County Clare, Ireland

Bên được chuyển nhượng: CRIMSON HOLDING CORP. (US)
698 West 10000 South, Suite 500, South Jordan, Utah 84095, USA

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	LANDESK	10282	17/12/1993	23/03/2013

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 5263/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1517/QĐ-SHTT, ngày 14 tháng 07 năm 2011.

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 09/11/2010.

Bên chuyển nhượng: **CRIMSON HOLDING CORP. (US)**
698 West 10000 South, Suite 500, South Jordan, Utah 84095, USA

Bên được chuyển nhượng: **LANDESK GROUP LIMITED (IE)**
Avocent House, Shannon Free Zone, County Clare, Ireland

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	LANDESK	10282	17/12/1993	23/03/2013

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 5264/ĐKHĐSH
Cấp theo Quyết định số 1518/QĐ-SHTT, ngày 14 tháng 07 năm 2011.

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 09/11/2010.

Bên chuyển nhượng: **LANDESK GROUP LIMITED (IE)**
Avocent House, Shannon Free Zone, County Clare, Ireland

Bên được chuyển nhượng: **CRIMSON CORPORATION (US)**
698 West 10000 South, Suite 500, South Jordan, Utah 84095, USA

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	LANDESK	10282	17/12/1993	23/03/2013

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 5265/ĐKHĐSH Cấp theo Quyết định số 1519/QĐ-SHTT, ngày 14 tháng 07 năm 2011.

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 06/06/2011.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHƯƠNG GIA (VN)**
54 Lâm Hoành, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(*trước đây là:* 659 tỉnh lộ 10, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh)

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI TIN HỌC NAM PHƯƠNG (VN)**
246/1 Đồng Đen, phường 10, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	SUTECH, hình	125928	27/05/2009	10/10/2017

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 5266/ĐKHĐSH Cấp theo Quyết định số 1520/QĐ-SHTT, ngày 14 tháng 07 năm 2011.

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 19/05/2011.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH DƯỢC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NGÂN HÀ (VN)**
Số 45 phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **TRẦN THỊ ĐẠT (VN)**
Số 45 phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	FLORGYNAL Gélule vaginale	104315	02/07/2008	18/01/2016

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 5267/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1521/QĐ-SHTT, ngày 14 tháng 07 năm 2011.

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 16/05/2011.

Bên chuyển nhượng: **HUỲNH DANH DỰ (VN)**
Số 229/61/11 Tân Kỳ Tân Quý, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẠI TƯỜNG PHÁT (VN)**
Số 113 Tân Sơn Nhì, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	INMAX	159909	16/03/2011	21/10/2019

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 5268/ĐKHĐSH
Cấp theo Quyết định số 1522/QĐ-SHTT, ngày 14 tháng 07 năm 2011.

Tên hợp đồng:	Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp.
Ngày ký:	02/06/2011.
Bên chuyển nhượng:	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI CƠ KHÍ NAM TOÀN CẦU (VN) 264 A Lê Hồng Phong, phường 4, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
Bên được chuyển nhượng:	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VŨ KHẢI (VN) 266/11 Tôn Đản, phường 4, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu kiểu dáng công nghiệp đang được bảo hộ theo Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	Giá đèo hàng	15473	18/04/2011	22/06/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 5269/ĐKHĐSH
Cấp theo Quyết định số 1523/QĐ-SHTT, ngày 14 tháng 07 năm 2011.

Tên hợp đồng:	Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.
Ngày ký:	06/07/2011.
Bên chuyển nhượng:	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SƠN THỦY (VN) Số 79 phố Hàng Bồ, phường Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Bên được chuyển nhượng:	CÔNG TY TNHH KINH DOANH THƯƠNG MẠI THANH HUYỀN (VN) Số nhà 114B, thôn Phùng Khoang, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu tương ứng dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	UFO	116492	18/12/2008	18/07/2017
2	PDC	131028	04/08/2009	21/01/2018

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 5270/ĐKHĐSH Cấp theo Quyết định số 1524/QĐ-SHTT, ngày 14 tháng 07 năm 2011.

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 15/06/2011.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH C.M.T (VN)**
Số 14 Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CMT (VN)**
391 Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá tương ứng dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	KUDU, hình	136542	05/11/2009	17/03/2016
2	BongJuice	137564	20/11/2009	27/08/2018
3	BONG, hình	162475	25/04/2011	21/08/2019

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 5271/ĐKHĐSH Cấp theo Quyết định số 1525/QĐ-SHTT, ngày 14 tháng 07 năm 2011

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 22/06/2011.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH C.M.T (VN)**
14 Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CMT (VN)**
391 Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	BONG MILK	163589	16/05/2011	23/01/2018

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 5272/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1529/QĐ-SHTT, ngày 18 tháng 07 năm 2011

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu.

Ngày ký: 10/05/2011.

Bên chuyển nhượng: **NGUYỄN ĐẠI DƯƠNG (VN)**
347 đường Giải Phóng, thị trấn Phước An, KRông Pắc, tỉnh Đắc Lắc.

Bên được chuyển nhượng: **TĂNG THANH THÀNH (VN)**
Số 146 Tân Hòa Đông, phường 14, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	AP AN PHAT COFFEE, hình	85080	30/07/2007	07/09/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 5273/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1530/QĐ-SHTT, ngày 18 tháng 07 năm 2011

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 11/04/2011.

Bên chuyển nhượng: **AIRWALK INTERNATIONAL, LLC (US) (DELAWARE, LIMITED LIABILITY COMPANY) (US)**
603 Park Point Drive Golden, CO 80401 United States of America.

Bên được chuyển nhượng: **COLLECTIVE LICENSING INTERNATIONAL, LLC (US)**
800 Englewood Parkway, Suite C-200, Englewood, Colorado 80110, U.S.A.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	Hình	42630	06/08/2002	09/03/2021
2	GENETIC	42632	06/08/2002	09/03/2021

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 5274/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1531/QĐ-SHTT, ngày 18 tháng 07 năm 2011

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 31/03/2011.

Bên chuyển nhượng: CHISSO CORPORATION (JP)
3-23, Nakanoshima 3-chome, Kita-ku, Osaka-shi, Osaka, Japan.

Bên được chuyển nhượng: JNC CORPORATION (JP)
2-1, Otemachi 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu sáng chế đang được bảo hộ theo Bằng độc quyền sáng chế dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số BĐQ*	Ngày cấp
1	Chủng sản xuất một lượng đáng kể e- Poly- L - Lysin và qui trình sản xuất e- Poly - L - Lysin bằng cách sử dụng chủng này	3028	12/09/2002

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 5275/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1649/QĐ-SHTT, ngày 29 tháng 07 năm 2011

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hóa.

Ngày ký: 18/09/2010.

Bên chuyển nhượng: BANGKOK POLYETHYLENE PUBLIC COMPANY LIMITED (TH)
555/1 Energy Complex, Building A, 15th Flr., Vibhavadi Rangsit Rd., Chatuchak, Bangkok 10900, Thailand.

Bên được chuyển nhượng: MITSUI CHEMICALS, INC. (JP)
5-2, Higashi-Shimbashi 1-chome, Minato-ku, Tokyo, Japan.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	Hi -zex, hình	16220	03/04/1995	24/08/2014

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 5276/ĐKHĐSH Cấp theo Quyết định số 1650/QĐ-SHTT, ngày 29 tháng 07 năm 2011

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 27/06/2011.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THƯƠNG MẠI QUẢNG CÁO HÀ VIỆT (VN)**
Số 186 đường Trường Chinh, phường Khương Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢNG CÁO HÀ VIỆT (VN)**
Số 42 phố Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	HAVICO QUẢNG CÁO HÀ VIỆT, hình	46761	16/05/2003	19/03/2012

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 5277/ĐKHĐSH Cấp theo Quyết định số 1651/QĐ-SHTT, ngày 29 tháng 07 năm 2011

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 16/05/2011.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH ĐỒNG HỒ B & B (VN)**
551/212/31 khu phố 5 Lê Văn Khương, phường Hiệp Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH QUÀ TẶNG HUY HOÀNG (VN)**
269/16 Cư xá Lữ Gia, đường Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	SANTAZ, hình	25162	19/09/1997	12/07/2016
2	Kasai	63933	21/06/2005	11/03/2014

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 5278/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1652/QĐ-SHTT, ngày 29 tháng 07 năm 2011

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng đơn và đăng ký nhãn hiệu.

Ngày ký: 15/04/2011.

Bên chuyển nhượng: ZHENG ZHONGDIAN (CN)
Số 94 Lu Jia, bang Yin Cun, Shui Tou Zhen, Nam An Shi, Fu Jian Sheng, China.

Bên được chuyển nhượng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỰC PHẨM GIAI GIAI VIỆT NAM (VN)
Thị trấn Tà Lùng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	Giai Giai Kẹo sô cô la (3 tầng), hình	115598	08/12/2008	18/05/2017
2	CHOCOLATE Giai Giai, hình	116137	12/12/2008	18/05/2017
3	Giai Giai + Hương vị trái cây, 100%, hình	116138	12/12/2008	18/05/2017
4	Giai Giai, chữ Hán và hình	116489	18/12/2008	18/05/2017

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 5279/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1653/QĐ-SHTT, ngày 29 tháng 07 năm 2011

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 05/05/2011.

Bên chuyển nhượng: **HỘ KINH DOANH CÁ THỂ LAN ANH (VN)**
Số 57/12 đường Phạm Thái Bường, phường 4, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Bên được chuyển nhượng: **NGUYỄN VĂN NGOAN (VN)**
6/11 Nguyễn Văn Lâu, phường 8, tỉnh Vĩnh Long.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	FILEL	146887	25/05/2010	08/12/2018

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 5280/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1654/QĐ-SHTT, ngày 29 tháng 07 năm 2011

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 11/04/2011.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI PHÚ MINH KHÁNH (VN)**
33 Nguyễn Bỉnh Khiêm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN KAMIN PHARMA (VN)**
267 đường Bờ Sông, tổ 44, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	VITASKIN Mỹ phẩm của cảm xúc và tri thức	150938	10/08/2010	02/02/2017

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 5281/ĐKHĐSH
Cấp theo Quyết định số 1655/QĐ-SHTT, ngày 29 tháng 07 năm 2011

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp đối với kiểu dáng công nghiệp.

Ngày ký: 18/05/2011.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH A CA (VN)**
34 đường 3/2, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH TO RI NO (VN)**
Số 10 đường 16, cư xá Lữ Gia, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu kiểu dáng công nghiệp đang được bảo hộ theo Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số BĐQ*	Ngày cấp
1	Bình đun nước nóng	9557	01/08/2006

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 5282/ĐKHĐSH
Cấp theo Quyết định số 1656/QĐ-SHTT, ngày 29 tháng 07 năm 2011

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 02/05/2011.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ PHƯƠNG VY (VN)**
432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY (VN)**
432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá tương ứng dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	P.V PHƯƠNG VY, hình	25050	06/09/1997	17/07/2016
2	PHƯƠNG VY	37819	23/07/2001	25/04/2020

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 5283/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1317/QĐ-SHTT, ngày 29 tháng 07 năm 2011

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 02/05/2011.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ PHƯƠNG VY (VN)**
432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY (VN)**
432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	NAM VIỆT, hình	72033	15/05/2006	08/11/2014

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 5284/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1658/QĐ-SHTT, ngày 29 tháng 07 năm 2011

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 18/05/2011.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH LẬP PHƯƠNG PHONG (VN)**
354 Võ Văn Tần, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BÁCH VỊ GIA (VN)**
Số 400, Võ Văn Tần, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	GÀ NƯỚNG Bếp trưởng Huỳnh Lập, hình	79245	06/02/2007	04/08/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 5285/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1659/QĐ-SHTT, ngày 29 tháng 07 năm 2011

Tên hợp đồng:	Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.
Ngày ký:	20/05/2011.
Bên chuyển nhượng:	**CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG ĐẤT VIỆT (VN)** 87C Trần Hưng Đạo, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.
Bên được chuyển nhượng:	**CÔNG TY TNHH BZT U.S.A (VN)** 87C Trần Hưng Đạo, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các kiểu dáng công nghiệp đang được bảo hộ theo các Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số BĐQ*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	Bình	15475	18/04/2011	03/08/2015
2	Bình	15476	18/04/2011	03/08/2015
3	Bình	15477	18/04/2011	03/08/2015
4	Bình	15478	18/04/2011	03/08/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 5286/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1660/QĐ-SHTT, ngày 29 tháng 07 năm 2011

Tên hợp đồng:	Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.
Ngày ký:	20/05/2011.
Bên chuyển nhượng:	**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔ HỢP TRUYỀN THÔNG HOÀNG GIA (VN)** Số 6 Nguyễn Văn Ngọc (B27-28, C14), phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Bên được chuyển nhượng:	**TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM (VN)** Số 25A Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	CLEVERUP	163842	18/05/2011	31/03/2020

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 5287/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1661/QĐ-SHTT, ngày 29 tháng 07 năm 2011

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 24/06/2011.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ RÔBỐT (VN)**
304B Điện Biên Phủ, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN RO GEN (VN)**
306 Điện Biên Phủ, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	3M, hình	54351	20/05/2004	04/11/2012

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 5288/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1662/QĐ-SHTT, ngày 29 tháng 07 năm 2011

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 28/02/2011.

Bên chuyển nhượng: **KABUSHIKI KAISHA KANEBO KESHOHIN (KANEBO COSMETICS INC.) (JP)**
11-2, Toranomon 5-chome, Minato-ku, Tokyo, Japan.
(Trước ở 20-20, Kaigan 3-chome, Minato-ku, Tokyo, Japan.)

Bên được chuyển nhượng: **KAO KABUSHIKI KAISHA (ALSO TRADING AS KAO CORPORATION) (JP)**
14-10, Nihonbashi Kayabacho 1-chome, Chuo-ku, Tokyo, Japan.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhậnd đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	LUNASOL	62678	12/05/2005	30/01/2014

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 5289/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1663/QĐ-SHTT, ngày 29 tháng 07 năm 2011

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hóa.

Ngày ký: 18/05/2011.

Bên chuyển nhượng: **HỘ KINH DOANH THUẬN ANH (VN)**
Số 1B ngách 515/30 Hoàng Hoa Thám, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.
(Trước ở 474 Hoàng Hoa Thám, phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.)

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN ANH (VN)**
Số 1B ngách 515/30 Hoàng Hoa Thám, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	TA.KU.ZA	139085	17/12/2009	15/05/2018

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 5290/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1664/QĐ-SHTT, ngày 29 tháng 07 năm 2011

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 14/01/2011.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ LÂM TÂY NGUYÊN (VN)**
Tầng 11 khách sạn Hoàng Anh Gia Lai, số 01 Phù Đổng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI (VN)**
15 Trường Chinh, phường Phù Đổng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	HOANG ANH PLEIKU, hình	55547	09/07/2004	01/04/2013
2	HOÀNG ANH PLEIKU, hình	55564	09/07/2004	09/04/2013
3	HOÀNG ANH GIA LAI, hình	75549	28/09/2006	28/06/2014

II- CHUYỂN GIAO QUYỀN SỬ DỤNG ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP (HỢP ĐỒNG LI-XĂNG)

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 2175/ ĐKHĐSD cấp theo Quyết định số 1353/ QĐ-SHTT, ngày 24 tháng 06 năm 2011.

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu

Ngày ký: 22/04/2011

Dạng hợp đồng: Độc quyền.

Bên chuyển giao: CÔNG TY TNHH ĐIỆN CƠ AN PHÁT (VN)
Số 9-A26, ngõ 367 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Bên nhận chuyển giao: CÔNG TY TNHH AN PHÁT (VN)
Số 207 Tô Hiệu, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu tương ứng dưới đây:

TT **(1)**	**Tên đối tượng** **(2)**	*Số GCN* *(3)*	**Ngày cấp** **(4)**	**Thời hạn chuyển giao** **(5)**
1	LINGXIAO Lăng Tiêu, hình	41996	10/07/2002	26/03/2021
2	AP AN PHÁT, hình	53860	22/04/2004	26/03/2013
3	LUCKYPRO, hình	58658	23/11/2004	18/08/2013
4	SACREDELEPHAN Thánh Tượng , hình	64865	18/07/2005	17/02/2014
5	GoldSun	75039	08/09/2006	12/11/2014

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày ký Quyết định đến các ngày tương ứng nêu tại cột (5) trên đây.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 2184/ ĐKHĐSD cấp theo Quyết định số 1474/ QĐ-SHTT, ngày 08 tháng 07 năm 2011.

Tên hợp đồng:	Hợp đồng li xăng nhãn hiệu hàng hóa.
Ngày ký:	15/06/2011.
Dạng hợp đồng:	Không độc quyền.
Bên chuyển giao:	CƠ SỞ NGUYÊN NINH (VN) 11 Phố Hàng Than, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.
Bên nhận chuyển giao:	NGUYỄN THỊ NHUNG (VN) Số nhà 23, ngách 6/31 Đặng Văn Ngữ, tổ 30, phường Phương Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "NGUYÊN NINH, hình" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 14308, cấp ngày 17/11/1994.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày ký Quyết định này đến ngày 12/04/2014.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 2185/ ĐKHĐSD cấp theo Quyết định số 1475/ QĐ-SHTT, ngày 08 tháng 07 năm 2011.

Tên hợp đồng:	Hợp đồng li xăng nhãn hiệu hàng hóa.
Ngày ký:	15/06/2011.
Dạng hợp đồng:	Không độc quyền.
Bên chuyển giao:	CƠ SỞ NGUYÊN NINH (VN) 11 phố Hàng Than, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.
Bên nhận chuyển giao:	NGUYỄN THỊ YẾN (VN) Số 25 phố Thuốc Bắc, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "NGUYÊN NINH, hình" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 14308, cấp ngày 17/11/1994.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày ký Quyết định này đến ngày 12/04/2014.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 2186/ ĐKHĐSD cấp theo Quyết định số 1476/ QĐ-SHTT, ngày 08 tháng 07 năm 2011.

Tên hợp đồng:	Hợp đồng li xăng nhãn hiệu hàng hóa.
Ngày ký:	15/06/2011.
Dạng hợp đồng:	Không độc quyền.
Bên chuyển giao:	CƠ SỞ NGUYÊN NINH (VN) 11 phố Hàng Than, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Bên nhận chuyển giao:	NGUYỄN THỊ PHỤNG (VN) Số 106 phố Yết Kiêu, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "NGUYÊN NINH, hình" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 14308, cấp ngày 17/11/1994.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày ký Quyết định này đến ngày 12/04/2014.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 2187/ ĐKHĐSD cấp theo Quyết định số 1477/ QĐ-SHTT, ngày 08 tháng 07 năm 2011.

Tên hợp đồng:	Hợp đồng li xăng nhãn hiệu hàng hóa.
Ngày ký:	15/06/2011.
Dạng hợp đồng:	Không độc quyền.
Bên chuyển giao:	CƠ SỞ NGUYÊN NINH (VN) 11 phố Hàng Than, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.
Bên nhận chuyển giao:	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN (VN) Số 61 phố Hàng Than, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "NGUYÊN NINH, hình" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 14308, cấp ngày 17/11/1994.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày ký Quyết định này đến ngày 12/04/2014.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 2188/ ĐKHĐSD cấp theo Quyết định số 1532/ QĐ-SHTT, ngày 18 tháng 07 năm 2011.

Tên hợp đồng: Hợp đồng li-xăng nhãn hiệu mẫu ngắn.

Ngày ký: 21/01/2010.

Dạng hợp đồng: Độc quyền.

Bên chuyển giao: HEARST COMMUNICATIONS, INC. (US)
300 West 57th Street, New York, New York 10019, U.S.A.

Bên nhận chuyển giao: CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG HOA MẶT TRỜI (VN)
11 Đoàn Văn Bơ, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "PHỤ NỮ MỚI NEW WOMEN" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 159243 cấp ngày 08/03/2011 để xuất bản, phân phối và bán các ấn bản bằng tiếng Việt dưới dạng tạp chí.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: theo quy định tại Điều 11 của hợp đồng nhưng không vượt quá ngày 30/04/2015.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 2189/ ĐKHĐSD cấp theo Quyết định số 1577/ QĐ-SHTT, ngày 20 tháng 07 năm 2011.

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 10/06/2011.

Dạng hợp đồng: Không độc quyền.

Bên chuyển giao: CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG ICALL - LAO BẢO (VN)
Khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị.

Bên nhận chuyển giao: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN TỬ GIANG THỦY (VN)
18K91 Trần Hưng Đạo, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "iCALL, hình" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 135569 cấp ngày 22/10/2009.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 15/06/2011 đến ngày 11/09/2018.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 2190/ ĐKHĐSD cấp theo Quyết định số 1665/ QĐ-SHTT, ngày 29 tháng 07 năm 2011.

Tên hợp đồng:	Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.
Ngày ký:	03/01/2011.
Dạng hợp đồng:	Không độc quyền.
Bên chuyển giao:	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ LONG AN (VN) 08A quốc lộ 1A, xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.
Bên nhận chuyển giao:	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ BẾN TRE (VN) 90A3 đại lộ Đồng Khởi, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "B BASTION, hình" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 41429 cấp ngày 03/06/2002.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 03/01/2011 đến ngày 31/12/2011.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 2191/ ĐKHĐSD cấp theo Quyết định số 1666/ QĐ-SHTT, ngày 29 tháng 07 năm 2011.

Tên hợp đồng:	Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.
Ngày ký:	03/01/2011.
Dạng hợp đồng:	Không độc quyền.
Bên chuyển giao:	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ LONG AN (VN) 08A quốc lộ 1A, xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.
Bên nhận chuyển giao:	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ CỬU LONG (VN) 4D Nguyễn Trung Trực, phường 8, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "B BASTION, hình" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 41429 cấp ngày 03/06/2002.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 03/01/2011 đến ngày 31/12/2011.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 2192/ ĐKHĐSD cấp theo Quyết định số 1667/ QĐ-SHTT, ngày 29 tháng 07 năm 2011.

Tên hợp đồng:	Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.
Ngày ký:	03/01/2011.
Dạng hợp đồng:	Không độc quyền.
Bên chuyển giao:	**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ LONG AN (VN)** 08A quốc lộ 1A, xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.
Bên nhận chuyển giao:	**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ AN GIANG (VN)** 23/2A Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "B BASTION, hình" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 41429 cấp ngày 03/06/2002.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 03/01/2011 đến ngày 31/12/2011.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 2193/ ĐKHĐSD cấp theo Quyết định số 1668/ QĐ-SHTT, ngày 29 tháng 07 năm 2011.

Tên hợp đồng:	Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.
Ngày ký:	03/01/2011.
Dạng hợp đồng:	Không độc quyền.
Bên chuyển giao:	**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ LONG AN (VN)** 08A quốc lộ 1A, xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.
Bên nhận chuyển giao:	**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ ĐỒNG THÁP (VN)** 59/4 quốc lộ 80, xã Tân Phú Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "B BASTION, hình" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 41429 cấp ngày 03/06/2002.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 03/01/2011 đến ngày 31/12/2011.

3- GIA HẠN HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Theo Quyết định số 1478/ QĐ-SHTT, ngày 08 tháng 07 năm 2011

Gia hạn thời hạn chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu "RISPERDAL CONSTA" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 46092 cấp ngày 11/04/2003 đã được đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1897/ĐKHĐSD cấp ngày 06/07/2009, đến ngày **16/10/2021**

Theo Quyết định số 1669/ QĐ-SHTT, ngày 29 tháng 07 năm 2011

Gia hạn thời hạn chuyển giao quyền sử dụng các nhãn hiệu "SHISEIDO REVITAL", "SHISEIDO" đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 41441 và số 43810 đã được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 2060/ĐKHĐSD cấp ngày 06/08/2010, đến ngày **24/12/2012**

Theo Quyết định số 1670/ QĐ-SHTT, ngày 29 tháng 07 năm 2011

Gia hạn thời hạn chuyển giao quyền sử dụng các nhãn hiệu "SHISEIDO REVITAL", "SHISEIDO" đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 41441 và số 43810 đã được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 2061/ĐKHĐSD cấp ngày 06/08/2010, đến ngày **24/12/2012.**

Theo Quyết định số 1671/ QĐ-SHTT, ngày 29 tháng 07 năm 2011

Gia hạn thời hạn chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu **"CILEST"** đang được bảo hộ theo Đăng ký quốc tế nhãn hiệu số 462588 đã được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1906/ĐKHĐSD, cấp ngày 28/07/2009 đến ngày **25/06/2021**.

Theo Quyết định số 1672/ QĐ-SHTT, ngày 29 tháng 07 năm 2011

Gia hạn hiệu lực của Hợp đồng đã được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 2027/ĐKHĐSD cấp ngày 28/05/2010, đến ngày **31/12/2015.**

Theo Quyết định số 1673/ QĐ-SHTT, ngày 29 tháng 07 năm 2011

Gia hạn hiệu lực của Hợp đồng đã được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1918/ĐKHĐSD, cấp ngày 28/08/2009, đến ngày **27/07/2013.**

ĐÍNH CHÍNH

Văn bằng bảo hộ: Bằng độc quyền Kiểu dáng CN số 10572, cấp ngày 14.05.2007.
Nội dung đính chính: Tên Chủ Bằng độc quyền được sửa thành :
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC HẢI DƯƠNG (VN)

Văn bằng bảo hộ: Bằng độc quyền Kiểu dáng CN số 11796, cấp lại ngày 31.05.2011.
Đơn số: 3-2007-00540
Nội dung đính chính: Hình số 07 được sửa thành :

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 43228 cấp ngày 16.07.2001

Tên và địa chỉ của Chủ giấy chứng nhận là:

HUNTSMAN LNTERNATIONAL, LLC (A DELAWARE CORPORATION)

500 Huntsman Way, Salt Lake City, Utah 84108, U.S.A.

Nội dung đính chính: Tên đúng của Chủ giấy chứng nhận là:

HUNTSMAN INTERNATIONAL, LLC (A DELAWARE CORPORATION)

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 95810 cấp ngày 14.02.2008
Nội dung đính chính: Tên và địa chỉ đúng là:
CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀ BÌNH
Số 5, ngõ 20, phố Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

---

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 115829 cấp ngày 10.12.2008
Tên và địa chỉ của Chủ giấy chứng nhận là:
NGUYỄN THÁI SƠN (VN)
788/23A Nguyễn Kiệm**, phường 3, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh**
Nội dung đính chính: Địa chỉ đúng của Chủ giấy chứng nhận là:
561/23/19 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 26, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

---

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 143023 cấp ngày 03.03.2010
Nội dung đính chính: Danh mục sản phẩm đúng là:
Nhóm 01: Phân hữu cơ.
Nhóm 19: Gạch xi măng.
Nhóm 35: Mua bán cây xanh hoa kiểng; mua bán xăng dầu; mua bán hàng trang trí nội thất, tổ chức triển lãm hoa cây cảnh (mục đích quảng cáo và thương mại).
Nhóm 37: Lắp đặt hệ thống điện và điện chiếu sáng công viên.
Nhóm 42: Tư vấn lập dự án; khảo sát thiết kế các công trình công cộng.
Nhóm 44: Dịch vụ trồng hoa, cây cảnh, thảm cỏ; dịch vụ chăm sóc hoa, cây cảnh, thảm cỏ.

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 156664 cấp ngày 10.01.2011
Nội dung đính chính: Ngày nộp đơn đúng là:
13/06/2006

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 162323 cấp ngày 21.04.2011
Nội dung đính chính: Địa chỉ Công ty đúng là:
Số 9 M5-TT6, khu đô thị Bắc Linh Đàm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

---

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 162942 cấp ngày 04.05.2011
Nội dung đính chính: Tên công ty đúng là:
Công ty cổ phần Xuân Thành Group

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 163581 cấp ngày 16.05.2011
Nội dung đính chính: Danh mục sản phẩm đúng là:
Nhóm 29: Sữa; các sản phẩm sữa; các sản phẩm bơ sữa; đồ uống được làm từ các sản phẩm bơ sữa (sữa là chủ yếu); đồ uống được chế biến trên cơ sở sữa (sữa là chủ yếu); sữa có hương vị; sữa đậu nành; sữa đặc; sữa đặc không đường; các chế phẩm bơ sữa có chứa lactose dùng như chất thay thế cho kem; các chế phẩm bơ sữa có chứa lactose dùng như chất thay thế cho sữa; pho mát; món ăn nguội làm bằng sữa có vị mặn; món tráng miệng từ sữa có nhiều lớp mỏng và lớp phủ ở trên cùng có vị nước xốt; món tráng miệng lạnh được làm từ bơ sữa; sữa chua, đồ uống sữa chua.
Nhóm 30: Đá ăn, các sản phẩm kem lạnh; bánh kẹo lạnh; kẹo sữa chua đông lạnh; nước xốt (gia vị); mật ong; bánh sữa trứng; chất làm ngọt tự nhiên; đường; bánh ăn nhẹ được chế biến sẵn từ những nguyên liệu thuộc nhóm này; bánh putđing; bánh nướng (hay hấp) có dạng tròn; cà phê; chè (trà); đồ uống từ cà phê; chất tạo hương cà phê; đồ uống cà phê có sữa; đồ uống được chế biến trên cơ sở sô cô la hay ca cao; bánh bích quy; chế phẩm làm từ ngũ cốc; bánh ngọt; bánh mỳ; sô cô la; món tráng miệng được đông lạnh từ nước có hương vị; kem ăn và trái cây nghiền; kem hoa quả lạnh; món tráng miệng từ kem ăn; món tráng miệng làm từ kem lạnh; món bánh nướng làm từ yến mạch, quả hạch, hoa quả và mày lúa mỳ để điểm tâm sáng; món tráng miệng được đông lạnh từ nước có hương vị, kem ăn và trái cây, không chứa sữa; chế phẩm làm món tráng miệng thuộc nhóm này như kem ăn, đường, sô côla; món tráng miệng được chế biến sẵn (được làm chủ yếu từ sô cô la, mứt kẹo hoặc bột nhão); món tráng miệng được làm từ bánh pút đinh; món tráng miệng từ sữa chua đông lạnh; kem ăn sô cô la; bánh kem; các sản phẩm bánh mỳ; bánh bột nhão; bánh bao; chế phẩm làm từ mạch nha dùng cho người.
Nhóm 32: Nước khoáng (đồ uống) và nước uống có ga và đồ uống không cồn khác; nước ngọt để uống làm từ đậu nành (không chứa cồn); đồ uống cung cấp muối và khoáng cho cơ thể (không dùng cho mục đích y tế); nước ép trái cây và đồ uống từ trái cây; trái cây cô đặc sử dụng để pha chế đồ uống chứa cacbonat và đồ uống không chứa cacbonat; xi rô và chế phẩm khác để pha đồ uống.

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 163713 cấp ngày 17.05.2011
Nội dung đính chính: Địa chỉ Công ty đúng là:
Số 9 M5-TT6, khu đô thị Bắc Linh Đàm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

---

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 163714 cấp ngày 17.05.2011
Nội dung đính chính: Địa chỉ Công ty đúng là:
Số 9 M5-TT6, khu đô thị Bắc Linh Đàm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

---

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 163715 cấp ngày 17.05.2011
Nội dung đính chính: Địa chỉ Công ty đúng là:
Số 9 M5-TT6, khu đô thị Bắc Linh Đàm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

---

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 163716 cấp ngày 17.05.2011
Nội dung đính chính: Địa chỉ Công ty đúng là:
Số 9 M5-TT6, khu đô thị Bắc Linh Đàm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

---

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 163994 cấp ngày 20.05.2011
Nội dung đính chính: Danh mục sản phẩm đúng là:
Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống đặc biệt là nhà hàng có phục vụ kem; dịch vụ quản lý nhượng quyền nhà hàng ăn uống cho một chuỗi các hiệu ăn uống đặc biệt là các hiệu ăn uống có phục vụ kem; nhà hàng ăn uống đặc biệt là nhà hàng có phục vụ bánh; dịch vụ quản lý nhượng quyền nhà hàng ăn uống cho chuỗi các hiệu ăn uống đặc biệt là các hiệu ăn uống có phục vụ bánh; căng tin; dịch vụ quán rượu nhỏ; nhà hàng ăn uống cho khách du lịch; quán rượu kiểu rạp hát; phòng trà; nhà hàng ăn uống; dịch vụ quán rượu; nhà hàng ăn uống tự phục vụ; quán rượu nhỏ; dịch vụ (nhượng quyền nhãn hiệu) nhà hàng ăn uống; trưng bày (giới thiệu) đồ ăn; đại lý nấu ăn; phục vụ đồ ăn và thức uống; hiệu bánh mỳ; quán cà phê; quán cà phê tự phục vụ; dịch vụ quán bán đồ uống cốc tai; nhà hàng ăn uống phục vụ đồ ăn nhanh; nhà hàng ăn uống kiểu Hàn Quốc; khu nghỉ ngơi.

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 164490 cấp ngày 27.05.2011

Nội dung đính chính: Địa chỉ Công ty đúng là:

Số 68 Quan Nhân, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

---

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 164491 cấp ngày 27.05.2011
Nội dung đính chính: Địa chỉ Công ty đúng là:
Số 68 Quan Nhân, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

---

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 164834 cấp ngày 02.06.2011
Nội dung đính chính: Tên và địa chỉ Công ty đúng là:
AQUATHIN CORP. (FLORIDA CORPORATION) (US)
Aquathin Business Centre, 950 South Andrews Avenue, Pompano Beach, Florida 33069

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 165343 cấp ngày 09.06.2011
Nội dung đính chính: Địa chỉ Công ty đúng là:
29 Nguyễn Thiện Thuật, phường 14, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

---

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 165710 cấp ngày 15.06.2011
Nội dung đính chính: Danh mục sản phẩm đúng là:
Nhóm 25: áo vét; quần; quần áo đi mưa; áo gi-lê; áo len dài tay; áo sơ mi cổ lọ; áo phông cộc tay; bít tất ngắn và bít tất dài; găng tay và găng tay hở ngón (trang phục); đồ đội đầu; thắt lưng (quần áo); quần áo mặc ở nhà; giầy cho người câu cá; giầy ủng.

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 166589 cấp ngày 28.06.2011
Nội dung đính chính: Danh mục sản phẩm đúng là:
Nhóm 35: Kinh doanh mua bán dược phẩm, thực phẩm chức năng dùng trong ngành y.
Nhóm 44: Dịch vụ khám chữa bệnh bằng phương pháp y học cổ truyền.

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 166977 cấp ngày 05.07.2011
Nội dung đính chính: Tên Công ty đúng là:
CÔNG TY TNHH GIẦY HỒNG PHÚC